

**Đại Phương Đẳng Đại
Tập Hiền Hộ Kinh
giảng ký 1**

大方等大集賢護經

講記

Chủ giảng: Pháp sư Từ Pháp

Địa điểm: Hằng Dương Am núi Kê Túc, tỉnh Vân Nam

Thời gian: Từ 08 tháng Tám đến 04 tháng Chín năm 2006

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Đức Phong và Huệ Trang

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

(Trang trống)

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh
giảng ký 1**

大方等大集賢護經講記

慈法法師

Chủ giảng: Pháp sư Từ Pháp

Địa điểm: Hằng Dương Am núi Kê Túc, tỉnh Vân Nam

Thời gian: Từ 08 tháng Tám đến 04 tháng Chín năm 2006

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Đức Phong và Huệ Trang

1. Đôi nét về pháp sư Từ Pháp

Pháp sư Từ Pháp, pháp danh Quả Trung, pháp hiệu Từ Pháp, là người huyện Tây Bình, tỉnh Hà Nam, sinh năm 1960. Xuất gia năm 1992 tại chùa Phổ Đồng thuộc huyện Nam Cung tỉnh Hà Bắc, thọ giới Sa Di với luật sư Hoàng Xuyên. Năm sau, Sư được đặc cách thọ Cụ Túc Giới tại chùa Bạch Mã, Lạc Dương. Sau đó, Sư xin phép thầy đi tham học tại các đạo tràng Linh Nham, Quảng Hóa (tỉnh Phước Kiến), Bình Sơn, Đại Phật Tự (tỉnh Cam Túc), chùa Đa Bảo (tại Chiết Giang), chùa Song Lâm (tỉnh Giang Tây) v.v... Kể từ năm 1997, Sư trụ tích ở chùa Hoa Thủ Phóng Quang (Hằng Dương Am là ni viện thuộc chùa này) tại núi Kê Túc, huyện Đại Lý, tỉnh Vân Nam cho đến nay. Tuy học rộng kinh tạng, siêng năng tham lễ các vị tôn túc để cầu học các pháp Đại Thừa, Sư đặc biệt quy túc nơi pháp môn Tịnh Độ. Tuy học rộng và giảng nhiều pháp khác nhau để rộng kết thiện duyên độ chúng, Sư lập thế trì giới tinh nghiêm, chuyên tu Tịnh Độ, cầu bất thoái chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề.

2. Duyên khởi

Hôm nay, chúng tôi từ trong mười hai bộ kinh giáo thuộc Tam Tạng của Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật được lưu truyền rộng rãi trong Hiền Kiếp, chọn lấy một bộ kinh là kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ, còn gọi là kinh Ban Châu Tam Muội, ứng theo nhu cầu của mười phương tín chúng, ứng với nhu cầu về pháp môn tu hành. Mười

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

phương chư Phật, Bồ Tát gia bị cho chúng ta tụ tập tại tòa điện đường mới vừa bắt đầu sử dụng của Hằng Dương Am để học tập, tu tập, nhận biết giáo ngôn thanh tịnh này, hồng khiến cho chúng ta đạt được căn cơ chẳng thoái thất Vô Thượng Bồ Đề, đắc pháp bất thoái, tu tập bất thoái, cho đến thành tựu bất thoái.

Hôm nay là ngày Rằm tháng Bảy âm lịch, chính là Phật Hoan Hỷ Nhật trong Tự Tứ Tăng pháp của đức Phật Thích Ca, cũng là ngày Tự Tứ, mà cũng là ngày đại chúng hoàn tất gìn giữ chín mươi ngày thanh tịnh trong mùa An Cư Kết Hạ, là ngày tu tập giới pháp viên mãn. Trong nước, có rất nhiều chùa miếu, đạo tràng đều cử hành pháp hội Vu Lan Bồn. Pháp hội này lấy nhân duyên tôn giả Đại Mục Kiền Liên cứu độ mẹ làm duyên khởi, giải trừ sự treo ngược cho hết thảy chúng sanh, độ thoát các vong linh hữu tình, cha, mẹ, thầy, trò, từ vô thủy tới nay, khiến cho họ được tăng trưởng phước đức, tăng trưởng thiện căn, tăng trưởng pháp duyên, cho tới thành tựu Bồ Đề.

Ngày Rằm tháng Bảy là ngày Phật Hoan Hỷ, do được oai thần chẳng thể nghĩ bàn của Phật Thích Ca cho đến mười phương chư Phật, và hết thảy Bồ Tát, do mọi người cầu thỉnh, mong mỏi và tích cực chuẩn bị, Tăng chúng chùa Phóng Quang¹ và chúng thường trụ cùng nhau phát khởi pháp hội học tập này. Các duyên hòa hợp, đúng là phước đức, nhân duyên thù thắng chẳng thể nghĩ bàn chín mươi, cũng do oai thần thiện xảo của chư Phật hiển lộ, thật sự là khó có, khó gặp! Nhất là mọi người do nghe giảng, hướng theo hành pháp Ban Châu, từ các nơi trong nước mong đắc chẳng thoái chuyển Vô Thượng Bồ Đề trong một đời, sẽ liễu giải và nhận biết rành rẽ pháp tắc, tu tập, nương theo biển giáo pháp của đức Thế Tôn để y giáo phụng hành. Nếu không, sẽ gặp rất nhiều mê lầm trong quá trình hành trì, khó thể thành tựu.

¹ Chùa này có tên gọi đầy đủ là Hoa Thủ Phóng Quang Tự, ở núi Kê Túc, thành phố Đại Lý, tỉnh Vân Nam. Chùa Phóng Quang ở ngay dưới chân Hoa Thủ Môn (nơi tương truyền là cửa vào hang ngòi Thiên của tôn giả Ma Ha Ca Diếp. Trước khi đức Phật nhập Niết Bàn, đã trao y ca-sa cho ngài Ma Ha Ca Diếp lưu giữ để giao lại cho Phật Di Lặc. Sau khi trà-tỳ di thể của đức Phật và kết tập Tam Tạng xong, ngài Ca Diếp đã phó pháp cho tôn giả A Nan rồi vào hang đá tại núi Kê Túc nhập Định). Chùa này do thiên sư Vô Cùng khai sơn trong niên hiệu Gia Tĩnh nhà Minh, sau đó, cư sĩ Lý Nguyên Dương xuất tiền xây dựng thành một đạo tràng lớn. Tới cuối đời Thanh, do chiến tranh loạn lạc, chùa hoang tàn đổ nát thành vùng đất cỏ tranh gai góc. Năm 1997, pháp sư Từ Pháp dẫn năm vị Tăng đến đây dọn dẹp gai góc trên nền cũ, dựng lều tranh, trùng kiến chùa Phóng Quang, biến thành một đạo tràng chuyên tu Tịnh Độ.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Tại Trung Hoa, kinh Ban Châu Tam Muội có bảy loại bản dịch, nay còn ba loại:

1) Phật Thuyết Ban Châu Tam Muội Kinh (佛說般舟三昧經, Pratyutpanna Buddha Sammukhāvasthita Samādhi Sūtra), gồm một quyển, chia thành tám phẩm.

2) Ban Châu Tam Muội Kinh (般舟三昧經), gồm ba quyển, mười sáu phẩm.

3) Bản còn lại là bộ Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh (大方等大集賢護經) mà chúng ta đang học tập. Bản này dịch trễ nhất trong bảy loại bản dịch. Khối lượng văn tự lớn nhất, gồm năm quyển, mười bảy phẩm, nhưng văn tự khá rõ ràng, giản dị, khiến cho người học như chúng ta trong hiện thời dễ lý giải và thực hành².

Do thời gian hạn chế, chúng tôi tính bỏ ra năm mươi tiếng đồng hồ để học tập một lượt trong hai mươi lăm ngày, khiến cho mọi người do được Tam Bảo gia trì, đức Thế Tôn khai phát, sẽ có thể nhận biết rõ ràng, hoàn chỉnh, rốt ráo về pháp Ban Châu. Sau đó, khi tu tập, pháp tắc này sẽ trở thành mười phần đơn giản, sáng sủa, nhẹ nhàng. Tuy nói là giảng một lượt, nhưng quả thật chẳng có gì để giảng, chúng tôi chỉ noi theo văn tự để khuyên chỉ, hướng dẫn quý vị mổ xẻ tự tâm. Bởi lẽ, văn tự không gì chẳng từ trong Như Lai Tạng lưu xuất, là lời chân thật của

² Tuy có bảy bản dịch, nhưng chỉ có hai bản dịch hoàn chỉnh và một bản dịch thất truyền. Theo mục lục kinh điển hiện thời, hãy còn giữ lại được các bản như sau:

1. Phật Thuyết Ban Châu Tam Muội Kinh (còn gọi là Thập Phương Hiền Tại Phật Tắt Tại Tiền Lập Định Kinh), do các vị Trúc Sóc Phật và Chi Lô Ca Sám dịch vào năm Quang Hòa thứ hai (179) thời Hán Linh Đế, thị giả Mạnh Phước và Trương Liên làm bút thọ.

2. Đại Tập Hiền Hộ Phần (còn gọi là Hiền Hộ Bồ Tát Kinh) do ngài Xà Na Quật Đa và Cấp Đa dịch vào Khai Hoàng thứ tư (594) nhà Tùy tại chùa Đại Hưng Thiện, các vị như sa-môn Minh Phân v.v... làm bút thọ.

3. Ban Châu Tam Muội Kinh gồm một quyển, cũng do ngài Chi Lô Ca Sám dịch (theo Khai Nguyên Thích Giáo Lục), nhưng có thuyết nói là do ngài Trúc Pháp Hộ dịch. Bản này là bản dịch khác của bản đầu tiên, nhưng tàn khuyết.

4. Bạt Bà Bồ Tát Kinh (còn gọi là Bạt Bà Đa Bồ Tát Kinh), không rõ tên người dịch, chỉ gồm bốn phẩm đầu của kinh Ban Châu Tam Muội.

5. Ban Châu Tam Muội Kinh do Trúc Pháp Hộ dịch, bị tàn khuyết.

6. Ban Châu Tam Muội Niệm Phật Chương Kinh một quyển, chỉ là bản dịch khác của phẩm Hành trong kinh Ban Châu Tam Muội, không rõ tên người dịch.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Như Lai, mà cũng là bản chất của tâm trí chúng ta, chớ chẳng phải là điều chi khác!

Dưới đây, chúng ta sẽ phân tích tâm địa của chính mình, hòng nhận biết pháp tắc này để ấn khế tự tâm, tức là “*dùng kinh ấn chứng, hứa khả tự tâm*”, khơi gợi, phát khởi tâm trí của chính mình, chứng thực “*hết thấy chúng sanh vốn sẵn là Phật*”.

Đây là nguyện vọng xuất thế duy nhất của chư Phật, là giáo ngôn thanh tịnh do hết thấy chư Phật truyền đạt, khiến cho chúng sanh trở về đúng với vị trí vốn có, vượt thoát biển khổ sanh tử luân hồi, chẳng còn bị luân hồi oan uổng.

3. Tựa đề kinh

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ kinh.

大方等大集賢護經。

3.1. Hiền Hộ Bồ Tát

Nay chúng ta đang học kinh Hiền Hộ (賢護), tức là dùng tên người để đặt tên kinh. Do vậy, đối với [danh xưng] Hiền Hộ, cũng phải nên liễu giải nhất định. Đối với ngài Hiền Hộ, phần nhiều Ngài được gọi bằng danh xưng Bồ Tát, hoặc Khai Sĩ, hay Đại Sĩ. Trong mười hai bộ loại kinh điển của Tam Tạng do đức Thế Tôn giảng giải, Ngài (Hiền Hộ Bồ Tát) xuất hiện khá nhiều lần. Tên của Hiền Hộ Bồ Tát (Bhadra-pāla) được dịch theo rất nhiều cách, như Bạt Đà Hòa, Bạt Đà Bà La, Bạt Đà La Ba Lê v.v... Như trong phẩm Bát Tư Nghị của kinh Lăng Nghiêm và trong Phật Thuyết Ban Châu Tam Muội Kinh, đều dùng danh tự Bạt Đà Hòa. Danh xưng có khác biệt, nhưng chỉ là một vị.

Trong Phật Thuyết Đại Thừa Bồ Tát Tạng Chánh Pháp Kinh, có chép Hiền Hộ Bồ Tát là vị cầm đầu của mười sáu vị Chánh Sĩ, là bậc tại gia Bồ Tát làm nhân vật đại biểu hộ trì giáo pháp thù thắng. Trong rất nhiều kinh điển, có nhắc đến mười sáu vị Khai Sĩ, hoặc mười sáu vị Chánh Sĩ, như kinh Vô Lượng Thọ có nói nhóm mười sáu vị Chánh Sĩ do ngài Hiền Hộ làm Thượng Thủ, từ chỗ ngồi đứng lên, đến lễ dưới chân đức Phật. Trong kinh Ban Châu Tam Muội, bậc thượng thủ thành tựu của hàng xuất gia là Ma Ha Ca Diếp, còn vị đứng đầu truyền bá, thủ hộ trong hàng tại gia là Hiền Hộ Bồ Tát, mà kinh Ban Châu Tam Muội

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

là do Hiền Hộ Bồ Tát khai vấn, cũng như do đức Thế Tôn trả lời mà triển khai thành một cơ chế giáo ngôn, và cũng là một cơ chế tu hành hoàn chỉnh. Ngài Hiền Hộ chính là bậc đương cơ, người khai phát, người thủ hộ, và truyền bá pháp Ban Châu Tam Muội.

3.2. Đại Phương Đăng

Chúng ta biết Trung Hoa có rất nhiều tạng kinh, như Tích Sa Tạng, Long Tạng, Tần Già Tạng, Tự Tạng, Đại Chánh Tạng, Trung Hoa Tạng³ v.v... không dưới mấy chục loại. Trong quá trình kết tập các tạng

³ Tích Sa Tạng là Đại Tạng Kinh được khắc vào cuối đời Nam Tống tại Diên Thánh Viện thuộc Tích Sa châu, phủ Bình Giang (nay là khu Ngô Trung thuộc tỉnh Giang Tô). Các nhà nghiên cứu ước đoán tạng kinh này được bắt đầu khắc ván trong niên hiệu Bảo Khánh (1225-1227) thời Tống Lý Tông, nhưng mãi cho đến năm Chí Trị (1322) đời Nguyên Anh Tông mới hoàn tất, gồm 1.532 bản kinh.

Long Tạng là Càn Long Đại Tạng Kinh, còn gọi là Thanh Tạng, do triều đình nhà Thanh chủ trì khắc in vào năm Ung Chánh 13 (1735). Tạng kinh này do các vị Hòa Thạc Trang Thân Vương Doãn Lộc, Hòa Thạc Hòa Thân Vương Hoằng Thu, và trụ trì chùa Hiền Lương là pháp sư Siêu Thịnh chủ trì biên tập, giáo chánh. Mãi cho đến năm Càn Long thứ ba (1738) mới xong, gồm 1.669 bộ kinh, chia thành 7.168 quyển. Tạng kinh này chủ yếu dựa theo Vĩnh Lạc Bắc Tạng đời Minh. Hiện thời, tạng kinh này được sử dụng phổ biến tại Trung Hoa hơn Đại Chánh Tạng. Đại Tạng Kinh do hòa thượng Tịnh Không ấn hành và biếu tặng các trường đại học, viện nghiên cứu, và tự viện các nơi trên thế giới đều là Long Tạng.

Tần Già Tạng là Đại Tạng Kinh được in vào cuối đời Thanh đầu thời Dân Quốc do Tần Già Tinh Xá ấn hành, xuất bản vào năm Tuyên Thống nguyên niên (1919), gồm 1.916 bộ kinh, chia thành 413 tập. Tạng kinh này dựa theo bản in của Hoằng Giáo Tạng của Nhật Bản, đối chiếu với các bản Tư Phước Tạng, Phổ Ninh Tạng, Gia Hưng Tạng, Long Tạng, và Cao Ly Tạng, nhưng lược bỏ các trước tác của người Nhật. Tạng kinh này có khuyết điểm giáo chánh không tinh tường, bị sai ngoa nhiều chỗ, cho nên chỉ có giá trị tham khảo, không được phổ biến rộng rãi.

Tự Tạng chính là Vạn Chánh Tạng Kinh (tên gọi đầy đủ là Đại Nhật Bản Giáo Đỉnh Huấn Điểm Đại Tạng Kinh), còn gọi là Nhật Bản Tạng Kinh Thư Viện Đại Tạng Kinh, hay Vạn Đại Tạng Kinh, do Đông Đô Tạng Kinh Thư Viện biên tập và ấn hành từ năm 1902-1905, gồm 1.625 bộ kinh được tuyển chọn trên cơ sở Cao Ly Tạng và Vĩnh Lạc Bắc Tạng. Về sau, các vị chủ biên của tạng kinh này như Tiền Điền Huệ Vân (Maeda Eun) và Trung Dã Đạt Huệ (Nakano Tatsue) lại sưu tập các bộ kinh sách và trước tác chưa được thu nhập vào Vạn Chánh Tạng, tạo thành bộ Vạn Tự Tục Tạng Kinh.

Đại Chánh Tạng có tên gọi đầy đủ là Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh do Cao Nam Thuận Thứ Lang (Takakusu Junjiro) và Độ Biên Hải Húc (Watanabe Kaikyoku) chủ

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

ấy, đối với chuyện phán định bộ loại, chia khoa mục, mỗi tạng đều có cách phán định khác nhau. Như trong nước (Trung Quốc) thì so ra Long Tạng lưu thông rộng hơn. Trong tạng ấy, có cách phán định [chia các kinh luận thành] Đại Tập, Bảo Tích, Mật Bộ, Tiêu Thừa, Luật Bộ, Tạp Dịch, trước tác nghị luận của cõi này và cõi khác. Trên thực tế, Đại Phương Đẳng (大方等) là danh từ chung để gọi các giáo điển Đại Thừa, còn gọi là Đại Phương Quảng (大方廣, Mahāvaiṣṭya), như Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, Đại Phương Quảng Viên Giác Kinh, Đại Phương Quảng Như Lai Tạng Kinh đều là các kinh điển thuộc loại này. Bộ kinh nay chúng ta đang học có tên là Đại Phương Đẳng; vì thế, chúng ta biết giáo pháp này là liễu nghĩa giáo ngôn (những lời dạy về pháp liễu nghĩa), khai Quyền hiển Thật (chỉ ra phương tiện quyền biến nhằm hiển thị thật pháp), là giáo ngôn chân thật dành cho chúng sanh, lợi ích chân thật, cho nên là lời giảng về Đại Thừa. “Đẳng” là bình đẳng ban bố an lạc cho chúng sanh, là lời dạy đúng lý, hiển thị pháp giới chân thật bình đẳng an trụ.

Chúng ta muốn thật sự thành tựu Ban Châu Tam Muội, mà nếu chẳng thuận theo kinh điển để tu trì, sẽ rất khó thành thực. Hiện thời, trong ngoài nước, người tu tập hành pháp Ban Châu rất nhiều; nhưng chúng sanh đòi mạt giải đãi, buông lung, chẳng có đủ sức để tu tập liên tục các pháp, cho nên chẳng thể thâm nhập tu tập hai pháp Bi và Trí, phần nhiều khó thể thành tựu, đối với rất nhiều hành pháp, đâm ra chỉ đạt được lợi ích hạn hẹp, ngoài rìa. Trong khá nhiều kinh điển, đức Thế Tôn đã thọ ký rành rành: Trong thời đại này, chẳng hạn như trong thời đại của chúng ta, ít ai có sức thần thông thiện xảo. Người đắc Tam Minh, Tứ Trí, Ngũ Nhãn, Lục Thông càng khó thấy trên cõi đời. Nếu có bậc thành tựu, họ phần nhiều ở trong chốn phước địa nơi núi non thù thắng, chẳng thể ở trong cõi đời, vì có sao vậy? Như trong kinh Vô Lượng Thọ,

biên, Tiểu Dã Huyền Diệu (Ono Genmyō) giáo khám từ năm 1924 đến năm 1934 mới hoàn thành. Tạng kinh này được coi là Đại Tạng Kinh đầy đủ nhất vì đã dựa trên nhiều bản Đại Tạng trước đó như Thục Tạng, Cao Ly Tạng, Liêu Tạng, Khiết Đan Tạng, Hồ Châu Tạng, Phổ Ninh Tạng, Kính Sơn Tạng v.v... chia thành 100 tập, bao gồm 5.320 bộ kinh sách, cũng như có nhiều trước tác của Nhật Bản mà các tạng kinh khác không có. Tuy thế, các vị giảng sư Trung Hoa thường chê cách chấm câu trong tạng kinh này không hợp lý, cũng như có một số bản kinh bị lược bớt một số chi tiết, và nhất là Đại Chánh Tạng có khá nhiều trước tác của người Nhật chứa đựng quan điểm thiên kiến, đả kích các tông phái khác nặng nề của Nhật Liên Tông. Chúng tôi không tìm được thông tin về Trung Hoa Tạng.

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

đức Phật Thích Ca đã nói: Trong đời ác ngũ trược này, ngũ ác, ngũ thông, ngũ thiêu hết sức lừng lẫy. Đó là một cơ chế chủ yếu trong nghiệp lực của chúng sanh thuộc thời đại này!

Tựa đề kinh có chữ Đại Phương Đăng, biểu thị chúng ta đang học liễu nghĩa giáo ngôn, khiến cho các hữu tình thiện căn mỏng ít trong thời mạt này sẽ có thể thành tựu đại thiện xảo. Trong thời đại Mạt Pháp này, gặp được giáo ngôn rốt ráo, liễu nghĩa, triệt để thì mới có thể thành tựu. Nếu tuân theo thứ tự, pháp tắc nhân quả tiếp nối, sẽ rất khó thành tựu⁴. Vì thế, trong thời đại này, các giáo ngôn thuộc về quả địa, cũng tức là giáo ngôn liễu nghĩa, phần nhiều được truyền bá trong cõi đời. Như thế thì mới có thể lợi lạc thế gian, có thể cứu tế các hữu tình thiện căn hiếm hoi, tự kiêu mạn, có thể độ thoát, thành tựu các hữu tình kiêu mạn, ương ngạnh, khó giáo hóa trong đời mạt. Nếu một thí dụ, nếu một người rơi xuống hầm hố rất nông, sẽ rất dễ tự thoát ra; nhưng nếu rơi xuống hang sâu, hoặc giếng sâu, muốn cứu vớt các loại hữu tình ấy, sẽ cần đến sức lực to lớn, cần đến phương tiện đại thiện xảo. Do đó, thuở đức Thế Tôn tại thế, pháp cơ bản của đại chúng xuất gia là quy y, cho tới khi thọ giới Sa Di, sẽ có thể chứng đắc từ Sơ Quả cho đến Tứ Quả A La Hán. Thế nhưng trong thời đại này, hữu tình đấu tranh kiên cố, Ngã Chấp kiên cố, coi phi pháp là chánh pháp, coi tri kiến bất chánh là chánh kiến. Kết quả là họ phần nhiều tu tập tri kiến chẳng chánh đáng, chẳng buồn nói đến Tam Quy Y! Dẫu hằng ngày tụng cả đồng kinh điển, lễ sám, tâm trí chúng ta rất khó có cơ chế tương ứng được, làm sao có thể thật sự tương ứng với pháp cho được? Vì thế, trong thời đại Mạt Pháp, điều rõ ràng triệt để là giáo ngôn về quả địa sẽ khiến cho chúng sanh rốt ráo quy y, rốt ráo nương nhờ, rốt ráo tùy thuận. Vì lẽ nào? Nó bình đẳng bố thí, chẳng bỏ sót bất cứ một kẻ hữu duyên nào, thí giáo rộng khắp các căn cơ, tức là thí giáo bình đẳng. Bộ kinh Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ này cũng giống như thế, ban bố cơ hội ngộ nhập bình đẳng cho hết thảy chúng sanh.

Giảng kinh Ban Châu Tam Muội quả thật là một đại nhân duyên, vì đã nhiều năm ngàn ấy, tuy có khá nhiều vị xuất gia và tại gia Bồ Tát tu tập hành pháp Ban Châu, nhưng mọi người đối với pháp Ban Châu liễu giải rất ít. Thường có người nói: Hành pháp Ban Châu là hành pháp để bậc hiền thánh, hoặc người đại lực, người thành tựu thủ hộ, tu tập; chứ kẻ phàm phu, hoặc cũng có thể nói là “tôi” có thể tu tập được sao?

⁴ Ý nói theo thứ tự tu tập các pháp môn tự lực.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Hoặc “các vị là người như vậy thì mới tu tập được”. Đúng không? Ở đây, bộ kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ sẽ cung cấp cho quý vị sự nhận thức, giáo huấn và hướng dẫn cặn kẽ, rõ ràng cho mỗi người chúng ta. Nếu kinh điển chẳng thể thật sự lưu thông trong xã hội, khiến cho mọi người đối với hành pháp này có cách nhìn chánh xác, nhận thức sâu đậm, hoặc nói cách khác là có sự liễu giải chánh xác đối với Ban Châu Tam Muội, sẽ rất khó tu tập tương ứng, sẽ rất khó thể thành tựu được!

Hiện thời, người hành Ban Châu càng ngày càng nhiều, trong cơ duyên như thế, mọi người đề xuất học tập kinh Ban Châu Tam Muội. Trước kia, cũng có rất nhiều thiện tri thức đề nghị học tập kinh điển này, tôi đề nghị mọi người hãy cùng nhau đọc tụng thì sẽ rất tốt. Vì đức Thế Tôn đã thọ ký: Trong thời Mạt Pháp, pháp sư giảng kinh phạm nhiều lầm lỗi, còn pháp sư tụng kinh thì giống như Phật tuyên dương, giáo hóa, có nhiều công đức. Vì sao vậy? Hữu tình thời Mạt Pháp cho đến những vị thuộc vào địa vị thiện tri thức, cũng có rất nhiều vị tâm thức bị ô nhiễm, khiến cho các tri kiến chẳng tương ứng với Phật pháp được lưu hành trong thế gian, nhuốm bản thế gian, khiến cho hữu tình mờ mịt, khiến cho các hữu tình vốn đã nghi hoặc Phật pháp càng thêm mê mờ, càng chẳng tương ứng với Phật pháp. Đó là điều đại kỵ trong giảng kinh thời Mạt Pháp, mà cũng là lỗi lầm dễ phạm nhất trong khi giảng kinh vào thời Mạt Pháp. Do vậy, đích xác là trong thời Mạt Pháp, người giảng kinh chẳng đạt được thiện xảo, chẳng thể trực tiếp đạt được công đức và lợi ích như người tụng kinh! Vì thế, trước khi chúng ta học tập kinh Ban Châu, đại khái dùng thời gian một tháng để đọc tụng. Nay giảng bộ kinh này, thật ra cũng là vì để nhiều người đọc tụng hơn, liễu giải nguyên văn của bộ kinh điển này, liễu giải ý nghĩa chân thật và như thật của đức Thế Tôn, cũng như để trực tiếp cúng dường bộ kinh này, hồi thí cho kẻ hữu duyên, khiến cho chúng ta nương theo kinh này mà tu tập pháp tắc, nương theo kinh mà thành tựu pháp tắc. Như thế thì mới sẽ chẳng có bất cứ chuyện ủy khuất hay đi đường vòng. Đó cũng là duyên khởi và mục đích học tập của chúng ta, mong cho càng nhiều hữu tình đạt được bất thoái chuyển đối với Vô Thượng Bồ Đề ngay trong một đời!

Trong pháp Ban Châu, hiện thời, mọi người chưa bàn đến cơ chế để đích thân chúng nhập môn tam-muội này, phần lớn là trong khi tu tập, quan sát, trong khi tu hành, sẽ không ngừng thâm nhập liễu giải. Nếu muốn thật sự liễu giải hoàn chỉnh pháp này, cần phải học tập kinh điển,

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

học tập sự nhận thức đối với pháp này của lịch đại tổ sư và các vị thiện xảo trái các đời. Cũng như thông qua sự tu tập của chúng ta, khiến cho Ban Châu Tam Muội được truyền bá rộng khắp trong cõi đời, lợi ích rộng khắp trời, người. Dựa trên nguyện vọng tốt đẹp như vậy, chúng ta học tập kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ. Do ngôn ngữ trong kinh này khá đơn giản, rõ ràng, chúng ta có thể trực tiếp hồi thí [công đức ấy], cho đến giao lưu rộng rãi, cổ vũ, khích lệ mọi người trực tiếp thâm nhập kinh tạng và pháp tắc tu tập. Do vậy, nói giảng kinh chẳng qua chỉ là sự học tập, cổ vũ, khích lệ, mang tâm trí tùy hỷ mà thực hiện vậy!

Vì sao học tập tại Hằng Dương Am⁵? Quả thật là một cơ hội thù thắng, khó có, cũng là vì chúng thường trụ ở đây tuy hiện thân nữ, thật sự là Bồ Tát. Vì sao vậy? Một năm rưỡi qua, họ niệm Phật, kinh hành chẳng gián đoạn, dùng hình thức đoàn thể liên tục thay phiên để hành trì pháp tắc Ban Châu, mười phần cảm động lòng người, mười phần khó có! Nhưng cũng xuất hiện khá nhiều vấn đề; do vậy, cơ hội học tập ở nơi đây càng thêm chín muồi! Hiện thời, Hằng Dương Am có số người thường trụ nhất định, mười mấy người, hai mươi mấy người, hoặc ba mươi mấy người, nhưng một năm trước vẫn chưa phải là như thế. Đây là một pháp duyên khởi, vì có nhóm các bà ấy tập thể tu tập Ban Châu, có cơ chế luân phiên tu tập Ban Châu suốt ngày đêm, khiến cho người khác rất cảm động. Họ tu tập suốt một năm rưỡi, thật sự kéo dài đến nay. Mọi người đối với đạo tràng “khăng khăng chẳng mệt, thường hằng, tập thể thủ hộ pháp tắc” này, đều rất cảm động, hoặc thật sự ngưỡng mộ. Khá nhiều người được hành vi của các bà gia trì, cảm động, cũng tu tập pháp tắc Ban Châu. Chúng thường trụ tại chùa Phóng Quang, cũng như các vị thuộc các đạo tràng khác cũng đều đề nghị có thể học tập kinh Ban Châu Tam Muội hay không, nhưng do nhân duyên thuộc các phương diện khác chẳng chín muồi, mãi cho đến nay vẫn chưa học tập. Lần này, chúng thường trụ tại Hằng Dương Am đề xướng là vì có tòa điện đường mới được đưa vào sử dụng, cũng như do nhu cầu hành pháp của đạo

⁵ Hằng Dương Am là hạ viện của chùa Hoa Thủ Phóng Quang tại núi Kê Túc, tỉnh Vân Nam. Hiện thời, Hằng Dương Am thường được gọi là Hoa Thủ Phóng Quang Tự Tịnh Độ Viện. Vị trí ở trên núi Kê Túc cao hơn mặt biển khoảng 2.400 m. Hằng Dương Am là đạo tràng Ban Châu, chúng thường trụ luân phiên hành pháp Ban Châu suốt ngày đêm, thủ hộ suốt năm liên tục chẳng đoạn. Cho tới thời gian giảng kinh lần này, tức tháng Tám năm 2006, chúng thường trụ trong đạo tràng đã tu hành pháp này một năm rưỡi chẳng gián đoạn (chú thích của người biên tập lời giảng).

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

tràng mà học tập kinh Ban Châu Tam Muội. Các duyên hòa hợp, cho nên chúng ta tới học tập tại đây. Trên đây cũng là duyên khởi và mục đích chúng ta tới nơi này để học tập kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ; ở đây, tôi cũng thưa trình luôn cùng mọi người.

3.3. Đại Tập

Chúng ta hãy xem hai chữ Đại Tập (大集). Trong tạng kinh có Đại Tập Bộ⁶, bộ phận kinh điển này là do đức Thế Tôn đối trước các vị đại Bồ Tát trong Dục Giới và Sắc Giới, tuyên thuyết rộng khắp giáo ngôn liễu nghĩa Đại Thừa. Các giáo pháp ấy được tụ tập lại, gọi chung là Đại Tập Kinh⁷. Nay chúng ta học tập kinh này, trên thực tế cũng là do được chư Phật Như Lai gia trì, [cũng như vì] cơ hội của các vị đại Bồ Tát chúng ta, tức là cơ duyên đại giác ngộ, cơ duyên dụng công đã chín muồi. Bởi lẽ, Bồ Tát, [hay nói đầy đủ là] Bồ Đề Tát Đỏa, tức là những vị gặp pháp bền vững mạnh, tu tập thanh tịnh. Người hiện thời buông lung,

⁶ Đại Tập Bộ là danh xưng được đặt ra bởi sách Khai Nguyên Thích Giáo Lục để chỉ các kinh không thuộc hệ thống A Hàm, Hoa Nghiêm, Bát Nhã, và Pháp Hoa. Trong bộ Duyệt Tạng Tri Tân, ngài Ngẫu Ích đổi thành danh xưng Phương Đẳng Bộ. Đại Tập Bộ bao gồm hai bộ kinh lớn là Đại Tập Kinh và kinh Đại Bảo Tích, cũng như các kinh nhỏ khác như kinh Đại Ai, kinh Bảo Nữ Sở Vấn, kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên, kinh Bảo Tinh Đà La Ni, kinh Đại Tập Đại Hư Không Tạng Bồ Tát Sở Vấn, kinh Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân... Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh lại tách các kinh thuộc loại này thành ra hai bộ là Bảo Tích Bộ và Đại Tập Bộ.

⁷ Đại Tập Kinh (Mahāsaṃnipāta Sūtra) còn gọi là Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh, bao gồm nhiều bộ kinh nhỏ. Mỗi bộ kinh ấy được gọi là Phần, như bản kinh chúng ta đang học được gọi là Hiền Hộ Phần. Nội dung của kinh Đại Tập rất rộng, lấy Trung Quán và Thật Tướng làm tông chỉ. Kinh này gồm sáu mươi quyển. Theo ngài Xà Na Quật Đa, nguyên bản tiếng Phạn có đến mười vạn bài kệ (một kệ là bốn câu không phân biệt dài ngắn), nếu dịch ra toàn bộ, sẽ thành ba trăm quyển. Bản đầu tiên của Đại Tập Kinh là ngài Đàm Vô Sám (Dharmarasksha) mang đến Tây Kinh Châu dưới thời Tấn An Đế, được Hà Tây Vương là Thư Cừ Mông Tôn dịch sang tiếng Hán, gồm hai mươi chín quyển. Sau đó, ngài Na Liên Đề Da Xá (Narendrayāśas) dịch thêm hai bộ Nguyệt Tạng Kinh (mười hai quyển) và Nhật Tạng Kinh (mười lăm quyển). Sau đó, lại có các vị Đạt Ma Cấp Đa dịch thêm Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh Bồ Tát Niệm Phật Tam Muội Phần, ngài Xà Na Quật Đa dịch Hiền Hộ Phần, Ban Châu Tam Muội Kinh, Đại Tập Thí Dụ Vương Kinh, Hư Không Dựng Bồ Tát Kinh, ngài Huyền Trang dịch Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh, ngài Bất Không dịch Bách Thiên Tụng Đại Tập Kinh Địa Tạng Bồ Tát Thịnh Vấn Pháp Thân Tán v.v...

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

dầu gắp pháp, phần nhiều chẳng hành, dầu gắp pháp chẳng sanh lòng tôn trọng, vượt mất cơ hội ngay trong tầm tay, [trôi lẩn] trong dòng sanh tử, chẳng thể tự thoát ra được, đúng là khiến cho chư Phật thương xót!

“*Đại Tập*” còn có thể nói cách khác, tức là [kinh pháp được] đức Phật nói trước đại chúng. Nói tới “*đại chúng*” thì không chỉ là bậc đại Bồ Tát, mà còn là nói tổng quát các hữu tình trong chín pháp giới, cũng đều được gọi là Đại Tập. Nay chúng ta tiếp xúc, học tập kinh Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ, đúng là chuyện chẳng thể nghĩ bàn, vì kinh Ban Châu được truyền bá rất rộng tại Trung Hoa, nhưng người thật sự học tập, tu tập kinh điển này, tuy hiện thời dần dần nhiều hơn, nhưng nếu so với khá nhiều bộ kinh điển khác như kinh A Di Đà, kinh Kim Cang, và kinh Diệu Pháp Liên Hoa thì người liễu giải kinh này vẫn là rất ít. Nhưng chúng ta có cơ duyên như thế này để liễu giải, nhận biết kinh này, quả thật là đời trước chúng ta đã có nhân duyên rất sâu với pháp Ban Châu. Nếu chẳng có nhân duyên như vậy, dầu một kiếp, hai kiếp, ba kiếp, bốn kiếp muốn nghe pháp này, cũng chẳng thể có cơ duyên chín muồi được! Đối với nhân duyên như thế nào thì mới có thể học tập hành pháp Ban Châu này, trong kinh này, đức Phật đã bình đẳng rộng rãi tuyên nói, trong phần sau, chúng tôi sẽ nói đến.

3.4. Kinh

Chữ Kinh có nghĩa là “*xuyên suốt*”, hoặc “*tiếp nối*”, ví như đường nẻo có thể khiến chúng sanh noi theo mà đi. Chúng ta học tập kinh điển này, cũng là cậy nhờ Tam Bảo gia trì, Phật Thích Ca gia trì, Hiền Hộ Bồ Tát khơi gợi mà có thể thâm nhập kinh tạng, liễu giải Ban Châu, liễu giải Ban Châu tam-muội, liễu giải cách tu nơi nhân địa và cách tu nơi quả địa của Ban Châu tam-muội, liễu giải nội dung thành tựu chân thật, cội nguồn và điều kiện cần thiết của Ban Châu tam-muội. Nếu chẳng liễu giải những điều ấy, nói Ban Châu thì chẳng đắc tam-muội, nói tam-muội sẽ chẳng thể tương ứng với Ban Châu, nói Ban Châu tam-muội, chẳng thể liên quan đến bản thân chúng ta. Nếu là như vậy, dầu pháp tắc tốt đẹp, đối với chúng ta có lợi ích chi đâu? Vì vậy, nói theo phía chúng ta, chuyện học tập đâm ra mười phần quan trọng. Bất luận các vị Bồ Tát từ bên ngoài tới, hay vốn ở đây từ trước, chúng ta có cơ hội học tập, nhận biết pháp tắc này, lại còn đặc biệt ấn định ngày Phật Hoan Hỷ làm ngày khởi đầu học kinh Ban Châu Tam Muội, cũng tức là kinh Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ, đúng là thiện căn, phước đức,

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

nhân duyên chẳng thể nghĩ bàn! Cơ hội như vậy thật sự là do oai thần và phước đức của Tam Bảo, chư Phật, Bồ Tát gia trì, ban bố, cũng như do cơ chế thiện căn chín muồi của bản thân chúng ta cùng hòa hợp thành. Chúng ta thấy chúng thường trụ trong đạo tràng này vận dụng tâm tư rất lớn, mua rất nhiều hoa tươi, biểu thị pháp này nhất định sẽ tạo ra kết quả chẳng thể nghĩ bàn, giống như hoa thơm ngát thế gian, tịnh hóa thế gian. Chúng ta học tập kinh Ban Châu Tam Muội cũng phải như thế, khẳng định là có một duyên khởi rất tốt đẹp và thanh tịnh.

3.5. Dịch giả

Tùy Thiên Trúc Tam Tạng Xà Na Quật Đa cập Cấp Đa đẳng dịch.

隋天竺三藏闍那崛多及笈多等譯。

(Đời Tùy, Tam Tạng pháp sư xứ Thiên Trúc là Xà Na Quật Đa và các vị như Cấp Đa v.v... dịch).

“Tùy” tức là nhà Tùy⁸.

Thiên Trúc (Sindhu) tức là Ấn Độ. Cổ nhân gọi là Ngũ Thiên Trúc, tức Ngũ Ấn Độ, [tức là Ấn Độ thuở ấy] được chia thành năm phần Nam, Bắc, Đông, Tây, Trung Ương. Vùng Đại Lý hiện thời từ đời

⁸ Tùy là triều đại tiếp sau thời Nam Bắc Triều, do Tùy Văn Đế (Dương Kiên) sáng lập, tồn tại từ năm 581-605, truyền được hai đời vua, kinh đô là Trường An. Danh xưng của triều đại là do cha của Dương Kiên là Dương Trung từng được nhà Bắc Châu phong là Tùy Quốc Công. Dương Kiên được tập ấm, về sau, được sắc phong thành Tùy Vương, cai quản mười hai quận. Tuy tồn tại không lâu, nhà Tùy đã có công thống nhất Trung Hoa sau một thời gian dài bị phân hóa do Ngũ Hồ (năm sắc dân du mục ở phía Bắc và phía Tây Trung Hoa) xâm lấn Trung Nguyên, lập ra nhiều triều đại (tức thời Nam Bắc Triều), liên tục gây chiến, tiêu diệt lẫn nhau. Nhà Tùy đã có những cải cách nâng cao sản lượng nông nghiệp, hoàn thành hệ thống quản trị, thống nhất đúc tiền, tích cực hộ pháp cho Phật pháp, phát triển hệ thống kênh đào khiến cho giao thông thuận tiện hơn. Tuy vậy, do tách hiếu chiến, Tùy Dương Đế đã liên tục mở các chiến dịch tốn kém để tấn công Cao Câu Ly (Goguryeo) khiến quốc khố trống rỗng, thuế má nặng nề, dẫn đến các cuộc bạo loạn, tướng lãnh quân phiệt cát cứ, gây nên sự sụp đổ của nhà Tùy. Tùy Dương Đế bị quyền thần Vũ Văn Hóa Cập bức tử, lập ra nhà Bắc Châu, mở ra một thời kỳ loạn lạc mãi cho đến khi Lý Thế Dân dẹp tan các phe phái, thống nhất Trung Hoa vào năm 626, mở ra thời thịnh trị của nhà Đường.

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Nguyên trở về trước vẫn là nước Đại Lý, tức nước Nam Chiếu⁹. Cương giới rất lớn, đại khái là gần như cương vực của Trung Quốc hiện thời. Phía Tây đến Việt Nam, phía Bắc đến tận cùng Khang Tạng của Tứ Xuyên, Tây giáp ranh Ấn Độ. Xét theo ghi chép thì cũng từng là xứ Ma Yết Đà của Ấn Độ¹⁰.

“*Tam Tạng*” ở đây là “*Tam Tạng pháp sư*”. Tam Tạng bao gồm Kinh Tạng, Luật Tạng, Luận Tạng. Tại Trung Hoa, xưa nay những vị có thể gọi là Tam Tạng pháp sư rất ít. Mọi người quen thuộc Đường Tam Tạng pháp sư, tức pháp sư Huyền Trang đời Đường, là một nhân vật vĩ đại, là nhân vật có tánh chất lịch sử chẳng thể nghĩ bàn, cũng là một nhân vật mang tánh chất thế giới. Tại Ấn Độ, tiếng tăm của Ngài còn vang dội hơn so với tất cả những người khác tại Trung Hoa, gần như không ai chẳng biết tới Ngài. Hiện thời, rất nhiều di tích cổ được khai quật đều dựa theo [các ghi chép] trong Đại Đường Tây Vực Ký của ngài Đường Tam Tạng như một bản hướng dẫn khảo chứng.

⁹ Nam Chiếu là một vương quốc cổ tồn tại từ năm 738 đến năm 902, gồm hai sắc dân chủ yếu là Ô Man (người Di, hoặc còn gọi là Lolo, hay Nuosuo. Sắc dân này có một số sống tại miền thượng du Bắc Việt, tự xưng là người Lô Lô) và Bạch Man (Baipho). Vương quốc này do thủ lĩnh của chiêu Mông Xá là Bì La Các (Khun Borom Rachathirath) sáng lập (Chiếu là danh xưng của một bộ tộc. Thời ấy, họ bao gồm các bộ tộc Mông Xá, Mông Huệ, Lãng Khung, Thi Lãng, Việt Tích v.v...), kinh đô là thành Thái Hòa (tức thành phố Đại Lý hiện thời). Thời cực thịnh vương quốc này bao gồm toàn bộ tỉnh Vân Nam, miền Nam Tứ Xuyên, khu vực Tây Nam của Quý Châu, vùng Đông Nam của Tây Tạng, miền Bắc Miến Điện, Bắc Lào, và một phần Bắc Thái Lan cũng như một số vùng đất thuộc biên giới Việt Nam. Tới năm 902, Trịnh Mãi Tự xưng đế, diệt Nam Chiếu, lập ra nước Đại Trường Hòa. Sau đó, Đại Trường Hòa lại bị Đông Châu Tiết Độ Sứ Dương Can Trinh (có sách viết là Dương Can Chân) diệt quốc, tôn Triệu Thiện Chánh làm hoàng đế, lập ra nước Đại Thiên Hưng. Năm sau, Dương Can Trinh phế Triệu Thiện Chánh, tự xưng đế, đổi quốc hiệu là Đại Nghĩa Ninh. Năm 937, Thông Hải Tiết Độ Sứ Đoàn Tư Bình soán ngôi, đổi quốc hiệu là Đại Lý (Dablit Guaiif). Đại Lý rất cường thịnh cho đến đời Đoàn Hưng Trí thì Đại Lý diệt vong sau khi tướng Mông Cổ là Ngột Lương Cáp Đài (Uriyanqadai, có khi phiên âm là Ngột Lương Hợp Thai) bắt sống Đoàn Hưng Trí. Dân Nam Chiếu thiện chiến, đã ba lần gây chiến tranh có quy mô lớn với nhà Đường.

¹⁰ Ở đây, pháp sư Từ Pháp nhằm lẫn, Ma Yết Đà (Maghada, Ma Kiệt Đà, Ma Già Đà) là một trong mười sáu đại quốc thời đức Phật, nằm ở Bắc Ấn (vùng Bihar ngày nay) bao gồm các khu Patna, Jehanabad, Nalanda, Aurangabad, Arwal, Nawada và Gaya của Bihar, hoàn toàn không liên quan gì đến địa bàn của Nam Chiếu.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

“*Xà Na Quật Đa cập Cấp Đa*” là tên của [các vị dịch sư] người Ấn Độ. Chúng ta biết người Ấn Độ có hai đại ngữ hệ, ngữ hệ tiếng Phạn (Sankrit, Saṃskṛta) và ngữ hệ Ba Ly (Pāli), gần giống như thể loại Văn Ngôn và Bạch Thoại trong kết cấu ngôn ngữ của Trung Hoa. Tiếng Ba Ly chỉ có ngôn ngữ, không có văn tự. Văn bản tiếng Ba Ly được ghi chép như thế nào? Có khi dùng Anh văn (tức là dùng mẫu tự Latin) để ghi chép, có khi dùng tiếng Dai (傣, Thái)¹¹ vùng Bản Nạp (thuộc khu tự trị Tây Song (Sibsongbanna) tỉnh Vân Nam) để ghi chép, có khi dùng văn tự Thái Lan để ghi chép. Sử dụng rất nhiều văn tự địa phương trong từng quốc gia để ghi chép cách đọc trong tiếng Ba Ly, gọi là “*ngữ hệ Ba Ly*”.

“*Xà Na Quật Đa cập Cấp Đa*”, danh tự này rất dài, thông thường chúng ta không phiên dịch. Nếu dịch ra, sẽ nói đơn giản là Đức Chí (Jñānagupta). Vị này thuộc chủng tánh Sát-lợi, trong nhà có năm anh em, ngài Quật Đa nhỏ nhất. Ngài xuất gia từ bé, là một vị Tam Tạng pháp sư giỏi về du hóa (đi khắp nơi thuyết pháp giáo hóa). Theo [sử liệu] ghi chép, thoát đầu cùng xuất phát sang Trung Hoa, Ngài có mười người làm đồng bạn. Hành trình rất gian khổ, sáu người mất mạng, chỉ còn lại bốn người. Thoạt đầu, họ tới Trường An, tới chùa Thảo Đường. Hiện thời, tại Tây An còn có chùa Thảo Đường, cũng là nơi dịch kinh sớm nhất của La Thập đại sư. Tùy Văn Đế khá ưu đãi ngài Quật Đa Tam Tạng, thỉnh Ngài phiên dịch kinh Phật. Trong quá khứ, các vị Tam Tạng pháp sư đến Trung Hoa, đều do được đế vương thỉnh mà kiến lập đạo tràng dịch kinh. Do vậy, nay chúng ta đọc các bản dịch này, cũng là do hoàng quyền của Tùy Văn Đế gia trì, chấp thuận, mới được phiên dịch. Quật Đa Tam Tạng suốt đời phiên dịch ba mươi bộ kinh, gồm một trăm bảy mươi sáu cuốn. Nay chúng ta học tập năm quyển Đại Tập Hiền Hộ trong số đó. Ngài viên tịch vào năm Khai Hoàng 20 (600), thọ bảy mươi tám tuổi.

4. Phẩm thứ nhất: Tư Duy

¹¹ Người Dai (còn gọi là Thái Tộc) là sắc dân thiểu số, chủ yếu sống tại tỉnh Vân Nam, có liên hệ huyết thống rất gần với người Thái tại Lào và Thái Lan, bao gồm nhiều sắc dân như Thái Lặc (Tây Song Bản Nạp, Sibsongpanna), Thái Na (Tai Nua), Thái Đằm (Tai Dam), Thái Bằng (Tay Pong), Thái Đoan (Tai Khao), Thái Nhã (Tai Ya), và Thái Hữu (Tai Yo). Họ theo đạo Phật Nam truyền và chia sẻ rất nhiều đặc điểm văn hóa và ngôn ngữ với người Thái tại Thái Lan và Lào.

*(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh quyển đệ nhất.
Hiền Hộ Phần Tư Duy phẩm đệ nhất.*

(經)大方等大集賢護經卷第一。

賢護分思惟品第一。

*(Kinh: Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ, quyển thứ nhất.
Hiền Hộ phần. Phẩm thứ nhất: Tư Duy).*

Mỗi bộ kinh đều có ba bộ phận lớn là Tự Phần, Chánh Tông Phần, và Lưu Thông Phần. Nay chúng ta học tập Tự Phần.

(Kinh) Như thị ngã văn. Nhất thời, Phật tại Vương Xá thành, Ca Lan Đà Trúc Viên Tinh xá, dữ đại tỳ-kheo chúng ngũ bách nhân câu.

**(經)如是我聞。一時，佛在王舍城迦蘭陀竹園精舍，
與大比丘眾五百人俱。**

(Kinh: Tôi nghe như thế này. Một thời, đức Phật ngự tại Trúc Viên Tinh xá Ca Lan Đà thành Vương Xá, cùng với năm trăm vị tỳ-kheo nhóm họp).

Kinh điển vừa mở đầu, đã bao gồm sáu loại thành tựu:

“*Như thị ngã văn*” biểu thị Chánh Tín Thành Tựu và Văn Thành Tựu. Thuở đó, trong khi kết tập kinh điển với năm trăm vị A La Hán, tôn giả A Nan thăng tòa tuyên thuyết, hiện quang minh và tướng hảo giống như đức Thế Tôn, âm thanh mỹ diệu giống như đức Thế Tôn, nội dung ngôn từ giống như đức Thế Tôn, có người sanh nghi nói “chẳng phải là A Nan đã thành Phật ư?” Vì thế, Ngài dùng câu “*như thị ngã văn*” để trừ bỏ nghi vấn ấy, nêu rõ [những điều tôi đang nói] là do nghe đức Thế Tôn nói. Do đó, “*như thị ngã văn*” bao gồm Tín Thành Tựu và Văn Thành Tựu.

“*Nhất thời*” là Thời Thành Tựu.

“*Phật*” là Chủ Thành Tựu.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

“*Vương Xá thành, Ca Lan Đà Trúc Viên Tinh xá*”¹² là Xứ Thành Tụ.

“*Dĩ đại tỳ-kheo chúng ngũ bách nhân câu*” là Chúng Thành Tụ. Phần sau có nói năm trăm vị ấy “*giai thị A La Hán*” (đều là bậc A La Hán), biểu thị quyền thuộc trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn. Trong sự thành tựu của hết thầy các pháp hành trì, nếu chẳng biểu đạt quyền thuộc, pháp tắc ấy sẽ trở trời, sẽ chẳng có sức, chẳng thể tiến nhập được, sẽ chẳng thể truyền bá rộng rãi được!

Sáu loại thành tựu này chính là cách thức cơ bản của kinh điển. Trong lời dạy về cơ cấu truyền pháp của Long Thọ Bồ Tát, Ngài cũng đề ra năm loại thành tựu. Nói chung, dùng các loại thành tựu ấy để chứng thực kinh điển này vốn là chân thật, khiến cho chúng sanh lìa nghi ngờ, lo ngại. Giảng giải kinh điển thì cần phải nêu bày như thế, chứng tỏ kinh điển này chân thật chẳng dối, chẳng phải do người đời sau bịa đặt. Vì nếu một bộ kinh điển có nguồn gốc chẳng rõ ràng, nhận thức của chúng ta đối với căn cứ của bộ kinh điển sẽ trở thành ngờ vực, băn khoăn, rất khó y pháp phụng hành, rất khó thâm nhập tu tập thành tựu được!

(Kinh) *Giai thị A La Hán.*

(經)皆是阿羅漢。

(Kinh: *Đều là A La Hán.*)

La Hán là “*sở tác dĩ biện, phạm hạnh dĩ lập*” (việc làm đã hoàn tất, phạm hạnh đã lập), là bậc Ứng Cúng (đáng tiếp nhận sự cúng dường) trong tam giới, tức là hết thầy trời, người trong Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới đều nên cúng dường Ngài, đều nên đánh lễ, đều nên tôn trọng. Vì thế, A La Hán còn được gọi là Ứng Cúng (應供). Chúng ta đều biết trong mười tôn hiệu của Như Lai, cũng có danh hiệu Ứng Cúng này.

(Kinh) *Chư lậu dĩ tận.*

¹² Ca Lan Đà Trúc Viên Tinh xá (Kalaṇḍaka Veṇu-vana, Kāraṇḍa-veṇūvana), còn dịch là Trúc Lâm Tinh xá, hoặc Đại Lâm Tinh xá, chính là khu rừng trúc do trưởng giả Ca Lan Đà nước Vương Xá (Rājagṛiha) hiến cúng. Đây là tinh xá đầu tiên được dâng cúng cho Tăng đoàn của đức Phật. Vương Xá là kinh đô của nước Ma Kiệt Đà (Ma Yết Đà, Ma Già Đà, Magadha), nay là thành phố Rajgir. Thời cổ, đại tự viện Nalanda đặt ở đây.

(經)諸漏已盡。

(Kinh: Các lậu đã hết).

“Sở tác dĩ biện, phạm hạnh dĩ lập, bất vi hậu hữu” (việc làm (tức việc tu học hữu lậu) đã hoàn tất, phạm hạnh đã lập, chẳng còn tạo nghiệp cho thân sau); đó là tiêu chuẩn của bậc A La Hán.

(Kinh) Vô phục phiền não, hàm đắc tự tại.

(經)無復煩惱，咸得自在。

(Kinh: Chẳng còn phiền não, đều được tự tại).

Trong phiền não của hữu tình, “tham, sân, si, mạn, nghi” là năm món Tư Hoặc phiền não thô nặng, là các phiền não khá tri độn (năm Độn Sử). Ngoài ra, còn có Thân Kiến, Biên Kiến, Tà Kiến, Kiến Thủ Kiến, và Giới Cấm Thủ Kiến là năm món Kiến Hoặc phiền não, được gọi là năm Lợi Sử, tổng cộng là mười căn bản phiền não. Ngoài ra, còn có Tùy phiền não, trong đó lại có thượng phẩm Tùy phiền não, trung phẩm Tùy phiền não, và hạ phẩm Tùy phiền não.

“Vô phục phiền não” (Chẳng còn phiền não), tức là các phiền não trên đây đều đã hết. A La Hán chưa hết tập khí, nhưng đã hết phiền não. Trong kinh điển của đức Thế Tôn, rất nhiều vị A La Hán vẫn còn biểu hiện tập khí rất lớn, nhưng đã hết phiền não. Cũng có nghĩa là nói theo sự đích thân chứng đắc trong tâm trí thì nhân duyên phiền não đã bị đoạn trừ, nghiệp duyên tập khí tái sanh cũng đã đoạn trừ, giống như cội cây to đã bị nhổ bật gốc rễ, đặt trên một tảng đá lớn, vĩnh viễn chẳng thể mọc lại. Nhưng trong khi ấy, chính nó vẫn có thể do lượng nước trong bản thân mà trở một số mầm non. Do đó, A La Hán chưa hết tập khí, nhưng cội rễ sanh tử, cội rễ phiền não đã đoạn trừ, được gọi là “vô phục phiền não, hàm đắc tự tại” (chẳng còn phiền não, đều được tự tại). Gánh nặng đã buông xuống, vĩnh viễn giã biệt luân hồi, đó là bậc A La Hán. Nhưng bọn phàm phu hữu tình chúng ta vẫn đeo gánh nặng luân hồi, gánh nặng phiền não, chẳng thể tự chế ngự được!

(Kinh) Tâm thiện giải thoát, huệ thiện giải thoát.

(經)心善解脫，慧善解脫。

(Kinh: Tâm khéo giải thoát, huệ khéo giải thoát).

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Từ ngữ “*giải thoát*” có nghĩa là đối với ác duyên và các thứ nhân duyên nghịch cảnh đều chẳng vướng mắc, liễu đạt nguồn cội. Đó là nói đến tướng trạng của giải thoát. Chúng ta thấy có kẻ sau khi phạm pháp, sẽ bị xiềng xích, còng tay. Đó gọi là “*triền phược*” (纏縛, trói buộc), nhưng “*tâm thiện giải thoát*” tức là vĩnh viễn giã biệt hết thảy trói buộc. “*Huệ thiện giải thoát*” cho thấy không chỉ tâm chẳng vướng mắc, mà huệ cũng chẳng vướng mắc, chẳng vướng mắc trong các thứ pháp, cũng chẳng đắm nhiễm, mà cũng chẳng dính mắc các loại điều dụng. Thường là trong các hành pháp, đã phá Ngã Chấp thì Pháp Chấp lại xuất hiện.

(Kinh) Điều phục nhất thiết, do như đại long.

(經)調伏一切，猶如大龍。

(Kinh: Điều phục hết thảy giống như rồng lớn).

Người Hoa tự xưng là “*truyền nhân của rồng*”, hoàng đế lại xưng là “*chân long thiên tử*”. Trong Phật giáo, Long là mạnh mẽ, đại oai đức, là kẻ thủ hộ của kho tàng to lớn.

(Kinh) Sở tác dĩ biện, chúng hạnh cụ bị, khí xả trọng đảm, bất thọ hậu sanh.

(經)所作已辦，眾行具備，棄舍重擔，不受後生。

(Kinh: Việc làm đã xong, trọn đủ các hạnh, buông bỏ gánh nặng, chẳng nhận lấy đời sau).

Thông thường, khi A La Hán đã chứng quả, tự nhiên sẽ nói ra bốn câu kệ. Cũng có thể nói bốn câu ấy là tiêu chí (logo) của A La Hán, nhưng mỗi kinh điển đều có cách nói khác nhau, như “*bất thọ hậu sanh*” thì có kinh ghi là “*bất vi hậu hữu*”. Chúng ta có thể quan sát cử tâm động niệm của chính mình trong hiện tiền có “*hậu hữu*” (後有, thân trong đời sau) hay không? Các vị đại thiện tri thức, A La Hán, cùng với các vị Bồ Tát đã chứng đắc từ Bát Địa trở lên, tâm trí hậu hữu rất khó sanh khởi. Bởi lẽ, các vị ấy đã cắt đứt phiền não, đạt tới địa vị vô công dụng, hết thảy hành vi đều chẳng cạy vào tạo tác, chẳng nhờ vào tư duy, chỉ dựa vào phương tiện quyết trạch (抉擇, chọn lựa), cũng có nghĩa là hết thảy các hành vi đều là phương tiện, chẳng phải dùng đến sức lực,

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

chẳng giống như chúng ta [do phải luôn vận dụng thể lực và tâm lực] thường có cảm giác mệt mỏi, nhọc nhằn!

Tâm lực giữa phàm và thánh sai biệt rất lớn; đây chẳng phải là lời lẽ hư giả. Năm nay, tôn giả Hồ Ba Ôn Trung (Khruba Bonchum)¹³ của Nam truyền Phật giáo tới chỗ chúng ta. Có một lần, tôi dùng thời gian nửa ngày để so sánh khối lượng công việc của chính mình với Ngài. Sau đó, tôi nói: “Ngài Hồ Ba, Ngài là Bồ Tát, còn tôi tuyệt đối là phàm phu!” Vì sao tôi có thể phán định địa vị của chính mình? Mật độ hoạt động của Ngài hết sức lớn, cơ bản là chẳng gián đoạn. Tất cả các hành động đều có tánh chất liên tục, chẳng cần phải suy nghĩ! Nếu quý vị phải suy nghĩ, sẽ mệt mỏi rất nhanh, cần phải nghỉ ngơi, còn mật độ xử lý công việc trong tâm Ngài chẳng phải do tư duy mà có được! Quý vị có thể trực tiếp cảm nhận, có thể lãnh hội, quan sát, so sánh [mà nhận biết]. Hễ so sánh, liền biết chính mình thuộc phàm hay thánh, chẳng cần phải nói chi nữa! Quý vị chẳng cần phải khoe chính mình như thế nào! Ngài làm rất nhiều chuyện, tâm lực của quý vị chẳng thể theo kịp nổi! Do vậy, tôi vẫn cố vũ, khích lệ mọi người hãy khéo tu tập Phật pháp, hòng đạt được niềm vui thù thắng nơi pháp, tức là niềm vui thuộc về địa vị thánh nhân. Dầu chẳng nhập quả vị, [chỉ là] địa vị tương tự, vẫn là chẳng thể nghĩ bàn. Quý vị sẽ có đại thiện xảo, đại phương tiện, đại oai đức, sự liên tục to lớn, tức là dầu phải liên tục lo liệu mọi việc mà ít tổn sức, đỡ tổn sức mà khởi tác dụng, an ủi thế gian mà đỡ tổn sức!

Từ sự so sánh ấy, nhìn vào mỗi chuyện tôn giả thực hiện, tôi bèn suy xét chính mình sẽ làm như thế nào, Ngài làm một chuyện, tôi suy nghĩ đôi chút. Khoảng hai mươi chuyện, tâm tôi đã có chút mệt mỏi. Từ năm mươi chuyện trở đi, tôi có cảm giác nhọc nhằn. Tới một trăm lẻ tám chuyện, tôi làm không nổi nữa, nhưng Ngài vẫn tiếp tục, vẫn trước sau như một đối đãi mỗi nhân duyên trong hiện tiền. Tôi kiểm lại các chuyện, xét theo con số khởi tâm động niệm thì tuy cũng được, nhưng quan sát, bèn thấy sức tác dụng sai khác quá lớn! Thông thường, chúng ta làm chuyện đầu tiên rất nghiêm túc, chuyện thứ hai còn tạm được,

¹³ Đây là một vị trưởng lão rất được tôn trọng của Nam truyền Phật giáo, Ngài có pháp danh là Nāṇasaṃvara, thường được người Thái Lan gọi là Khruba Bonchum, hay Phra Khuva Boonchum. Ngài theo truyền thống Tăng lữ hành Thiền trong rừng (Kammaṭṭhāna, thường gọi là Thai Forest Tradition, sáng lập bởi trưởng lão Ajahn Mun Bdhuridatto vào năm 1900). Ngài thuộc sắc tộc Shan, sanh năm 1965 tại Mae Kham thuộc tỉnh Chiang Rai. Ngài từng được mời tới thuyết pháp cho người Dai tại Vân Nam, nên pháp sư Từ Pháp có dịp gặp gỡ.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

chuyện thứ ba còn găng gượng. Chuyện thứ tư, thứ năm, cơ bản là đã bớt chú ý, sự nhạy bén, nhanh nhẹn bị giảm thấp, tri kiến lui sụt, nguyện vọng giảm bớt, sự yêu thích hạ thấp, sự chuyên chú hạ thấp. Kể từ hai mươi chuyện trở đi, sẽ chẳng muốn làm, sẽ bắt đầu phải cổ vũ chính mình: “Hãy làm đi! Như thế sẽ có lợi ích cho thế gian. Hãy làm đi, đây là thiện sự. Hãy làm đi, như thế sẽ khiến cho Phật pháp trụ thế”, cũng có nghĩa là bắt đầu mệt mỏi. Đợi cho tới khi [phải làm] năm mươi chuyện, đã bắt đầu mệt mỏi, chán ngán. “Ôi trời! Chuyện này có thể lợi ích mọi người, nhưng chẳng lợi ích gì cho ta hết, chẳng cần làm nữa!” Nảy sanh ý niệm ấy, bắt đầu chán ngán, dần dần bắt đầu buông bỏ. Sức liên tục của tâm trí chúng ta là do tạo tác, do chọn lựa, tức là từ so sánh được mất mà ra. Vì thế, tánh [quyết tâm thực hiện] liên tục chẳng dễ dàng đâu nhé, rất dễ chán chường! “Phàm” là tầm thường, chẳng có sức, chán ngán, so với sự hiểu biết của bậc thánh, bậc trí, bậc thành tựu. Vì thế, mỗi địa vị trước chẳng bằng địa vị sau. Các vị thiện tri thức vẫn phải cổ vũ, khích lệ mọi người thâm nhập, tu tập Phật pháp, thành tựu các loại đức thù thắng, quả thù thắng, lợi ích thù thắng nơi pháp, đó là chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, học tập pháp Ban Châu thì ắt phải hành, lại còn cần phải nghiêm túc tu tập, quan sát pháp tắc này.

(Kinh) Hành u bình đẳng, hoạch chân lợi, an trụ chánh giáo, đắc đáo bỉ ngạn, duy trừ trưởng lão A Nan nhất nhân.

(經)行於平等，獲真己利，安住正教，得到彼岸，唯除長老阿難一人。

(Kinh: Hành bình đẳng, đạt được lợi ích chân thật cho chính mình, an trụ trong chánh giáo, đã đạt tới bờ kia, chỉ trừ một mình trưởng lão A Nan).

Trong năm trăm vị ấy, chỉ có trưởng lão A Nan chưa chứng Tứ Quả, hãy còn lẫn quần nơi Sơ Quả. Chúng ta đều biết, khi đức Phật Thích Ca nhập diệt, ngài A Nan còn thuộc Sơ Quả, tôn giả Ca Diếp thấy tám lầm lỗi của ngài A Nan¹⁴, không chấp thuận Ngài kết tập kinh điển.

¹⁴ Trước khi kết tập kinh điển lần thứ nhất, tôn giả Ma Ha Ca Diếp quở ngài A Nan đã phạm tám điều lầm lỗi:

1. Thịnh Phật cho phép nữ chúng xuất gia, khiến thời kỳ Chánh Pháp bị giảm mất năm trăm năm.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Kinh này nhắc đến năm trăm vị tỳ-kheo, cũng có thể là năm trăm vị A La Hán tỳ-kheo kết tập kinh điển.

(Kinh) Nhữ thời, phục hữu ngũ bách chư tỳ-kheo, u thần triêu thời, các tùng trụ xứ, nghệ Thế Tôn sở, cung kính hiệp chưởng, đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện.

(經)爾時，復有五百諸比丘，於晨朝時，各從住處，詣世尊所，恭敬合掌，頂禮佛足，退坐一面。

(Kinh: Lúc bấy giờ, lại có năm trăm vị tỳ-kheo, vào lúc sáng sớm, mỗi vị từ chỗ ở, đến chỗ đức Thế Tôn, cung kính chấp tay, đánh lễ dưới chân Phật, lui qua ngòai một phía).

Người xưa khi giải thích “*thoái tọa nhất diện*”, nói có sáu điều nên tránh: Một là đừng quá xa; hai là đừng quá gần; ba là chẳng ở nơi đầu gió¹⁵; bốn là chẳng ở chỗ cao; năm là chẳng nên ở ngay trước mặt; sáu là chẳng ở phía sau. Trước kia, khi chúng tôi theo hầu thầy, chẳng hạn như đeo dây của ân sư, đã có yêu cầu không thể dẫm lên bóng của thầy (tức là không đi quá gần thầy), không thể đứng trước đầu gió, chẳng thể đứng hay đi nơi vị trí tốt hơn thầy. Đây là yêu cầu trong việc phụng sự thầy. Quý vị chớ nên gây khó khăn cho thầy, phải tạo sự thoải mái và

2. Dẫu đức Thế Tôn đã nói bậc tinh tấn có bốn thân túc sẽ có thể trụ thế từ một kiếp đến nhiều kiếp, A Nan chưa hề thỉnh Phật trụ thế, đừng nhập Niết Bàn.

3. Được Phật sai làm thị giả mà thoát đầu từ chối.

4. A Nan đã từng vô ý đập lên pháp y của đức Phật (có bản như Thập tụng Luật chép là khi may y cho đức Phật, Ngài đã đập lên y để dùng dao xén mép y cho dễ, có bản chép là khi giặt y).

5. Trên đường đến rừng Sa La Song Thọ, đức Phật sanh bệnh, muốn uống nước, A Nan thoái thác chẳng múc nước (có bản chép là Ngài múc nước đục vì không tìm được nguồn nước trong).

6. Khi đức Thế Tôn giảng về các giới vụn vặt, A Nan chẳng thưa hỏi cận kề để người đời sau biết rõ chi tiết khai, giá, trì, phạm như thế nào.

8 A Nan đã cho nữ chúng thấy thân tử kim của đức Phật sau khi Ngài nhập diệt, khiến họ khóc lóc, nước mắt, nước mũi rơi xuống làm bẩn chân đức Phật.

8. Vẫn còn có phiền não, chưa chứng quả A La Hán.

Vì phạm tám lỗi ấy, và chưa phải là A La Hán, A Nan không đủ tư cách kết tập kinh điển, nhưng kết tập lại không thể thiếu ngài A Nan. Vì thế, ngài A Nan đã cực lực sám hối và dốc sức chứng quả A La Hán ngay đêm trước ngày kết tập.

¹⁵ Do sợ thân thể có mùi hôi sẽ khiến cho thầy khó chịu.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

thuận tiện cho thầy. “*Thoái tọa nhất diện*” ở đây cũng giống như thế, nhằm thuận tiện cho sự tuyên dương giáo hóa của đức Thế Tôn, thuận tiện cho việc tiếp đãi người đến sau. Do thời gian hạn chế, chúng tôi chẳng thể giảng kinh cặn kẽ được. Nếu nói cặn kẽ, chắc là một trang này phải dùng cả hai mươi lăm ngày mới nói xong! Vì vậy, chỉ đành nêu ra sơ sài, đại lược mà thôi!

(Kinh) Nhĩ thời, tôn giả Xá Lợi Phất, tôn giả Đại Mục Liên.

(經)爾時，尊者舍利弗，尊者大目連。

(Kinh: Lúc bảy giờ, tôn giả Xá Lợi Phất, tôn giả Đại Mục Liên).

Chúng ta mười phần quen thuộc các vị Xá Lợi Phất và Mục Liên. Đây là hai vị đại đệ tử thân cận đức Phật, một vị trí huệ bậc nhất, vị kia thân thông bậc nhất.

(Kinh) Tại Xá Vệ thành, Hạ an cư dĩ.

(經)在舍衛城，夏安居已。

(Kinh: Ở thành Xá Vệ, an cư kết hạ đã xong).

Dựa theo cách nói trong quá khứ, hôm nay là ngày Tụ Tứ trong mùa An Cư kết hạ, ngày mai khi minh tướng (tướng hừng đông) xuất hiện, mùa An Cư đã kết thúc. Thông thường, tối nay mọi người sẽ niệm Phật thâu đêm, hoặc tu hành để mong chứng quả. Có người nói: “Tôi vẫn chưa được, ba tháng chín mươi ngày dụng công chẳng đủ, tôi vẫn muốn thêm một tháng”. Tức là tu hành suốt một trăm hai mươi ngày! Thêm một tháng, đó là “*công đức nguyệt*” (tháng công đức), [nhằm mục đích] nếu chẳng chứng quả, sẽ không ra khỏi An Cư. Do lấy bốn tháng làm một thời, được gọi là “*mãn phần tu pháp*”. Đức Thế Tôn đã xếp đặt cho chúng ta một cách tu thông dong hơn, tức là trong một thời, lấy ra ba phần để tu pháp, phần còn lại để chúng ta tự lựa chọn. Nay thêm vào tháng Bảy, tức là công đức nguyệt (tháng công đức), chẳng cho “*mãn phần tu trì*”, do sợ có hữu tình chẳng thể gánh nổi “*mãn phần tu trì*” vì tâm lực chẳng đủ, phước đức chẳng đủ! Do vậy, Ngài lập thêm tháng Bảy, tạo phương tiện cho mọi người. Thuở đức Thế Tôn tại thế, bậc “*thiện lai tỳ-kheo*” (tỳ-kheo khéo đến) vừa nghe giảng liền chứng A La Hán, râu tóc tự rụng; còn kẻ độn căn hơn thì có vị bảy ngày sau sẽ chứng

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

quả. Nếu chúng ta hiện thời mà có thể chứng quả trong vòng bảy ngày, mọi người sẽ sốt sắng kính hành ở đây bảy tháng cũng được! Có thể chứng quả hay không? Giáo pháp của đức Phật Thích Ca đã trụ thế năm ngàn năm, luôn luôn có cơ hội chứng thánh quả, mọi người hãy yên lòng. “*Hạ an cư dĩ*” (Kết hạ an cư đã xong) cũng có nghĩa là khi minh tướng đã xuất hiện trong ngày Mười Sáu. Minh tướng chưa xuất hiện, chẳng thể nói là “*Hạ an cư dĩ*”. Minh tướng xuất hiện (trời vừa tảng sáng), có thể thấy rõ đường chỉ trong lòng bàn tay, An Cư mùa Hạ bèn viên mãn. Khi đó, hết thầy công khóa và pháp tắc trong mùa An Cư kết hạ đều có thể kết thúc. Mùa An Cư năm nay tại chùa Phóng Quang kéo dài thành một trăm hai mươi ngày, chúng ta hãy còn một tháng nữa. Nếu chẳng phải là tháng nhuận thì gọi là thêm tháng Bảy, tức là “*công đức nguyệt*”.

(Kinh) Diệt dĩ ngũ bách chư tỳ-kheo câu, thứ đệ du hành thành ấp, tụ lạc.

(經)亦與五百諸比丘俱，次第遊行城邑、聚落。

(Kinh: Cũng cùng với năm trăm vị tỳ-kheo, theo thứ tự du hành các thành ấp, làng xóm).

Theo thứ tự du hành, tức là từ chỗ này sang chỗ khác, tùy duyên mà đi.

(Kinh) Chí Vương Xá thành, nhập Ca Lan Đà Trúc Viên tinh xá, nghệ Thế Tôn sở. Đáo dĩ, cung kính đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện. Nhĩ thời, Thế Tôn dĩ thần thông lực.

(經)至王舍城，入迦蘭陀竹園精舍，詣世尊所。到已，恭敬頂禮佛足，退坐一面。爾時，世尊以神通力。

(Kinh: Tới thành Vương Xá, vào Ca Lan Đà Trúc Viên Tinh Xá, tới chỗ đức Thế Tôn. Đã đến nơi, cung kính đánh lễ dưới chân đức Phật, lui sang ngòai một bên. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn dùng sức thần thông).

Các vị thiện tri thức! Chớ nên coi thần thông là thứ quái lạ chi cả, nó thật sự do phước đức mà thành tựu. Chớ nên coi thần thông là thứ vốn có của yêu ma, quỷ quái. Thật ra, nó là do đại hùng, đại lực, đại từ

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

bi, đại thiện xảo trọn đủ, sử dụng thiện xảo chẳng có dấu vết. Hễ có dấu vết thì cũng là phương tiện tự tại!

(Kinh) Phóng đại oai quang.

(經)放大威光。

(Kinh: Phóng quang minh oai đức to lớn).

“Oai quang” là do sức tự tại hiển hiện. Khi tâm trí của một người thanh tịnh, khi tu trì khá tốt đẹp, tức là một khi quý vị đã đủ sức, sẽ tỏa ra quang minh năm màu. Lại như rất nhiều tượng Phật đều có quang tướng, cũng như trong các ghi chép về các bậc tiền hiền của các đại tôn giáo từ xưa thì họ đều có vòng hào quang. Gia Tô Cơ Đốc (Jesus Christ), Mặc Hãn Mục Đức (Mohammed, Muhammad), hoặc Lão Tử của Trung Hoa v.v... Đây là lời chân thật, là lời thành thật. Rất nhiều đứa bé có quang tướng trên thân rất tốt, nhưng quang minh của lũ bình phàm chúng ta đã chìm ngập trong nghiệp lực phiền não, bị chính mình tiêu hao mất, sức tự tại chẳng đủ! Có những người niệm một câu chân ngôn riêng biệt, phát ra những lời thề riêng biệt, vận dụng bí tâm riêng biệt, hoặc là khi có các pháp tắc riêng biệt, cũng có thể phóng ra quang tướng. Trong tâm trí và nhân duyên thông thường của chúng ta, những điều ấy là bình thường. Do vậy, nói đức Thế Tôn dùng sức thần thông phóng đại oai quang, đúng là lời thành thật, chớ nên nói: “Đó có phải là thần thoại hay không?” Người có trí lực, thẳng lực, công đức lực thành tựu sẽ biết ngay. Nếu ai có công phu Thiên Định, cũng rất dễ thấy thân thể người khác phóng quang. Nếu chúng ta có thể lìa bỏ các triền phược thô nặng nơi thân thể, nhìn lại sắc thân này, trên cơ bản, sẽ có thể trông thấy quang tướng. Khi đã thấy được, cơ bản là quý vị biết người ấy mắc bệnh gì, thân thể như thế nào, tánh tình như thế nào? Chúng ta chẳng có Thiên Định, chẳng có thần thông thiện xảo, cho nên mắt chúng ta là nhục nhãn, mắt chẳng nhìn xuyên qua các vật được, chẳng có sức mạnh ấy. Phật giáo nói tới nhục nhãn, thiên nhãn, pháp nhãn, huệ nhãn, và Phật nhãn. Nhục nhãn của chúng ta chẳng chánh xác, chẳng sáng tỏ, nhanh nhạy, thiên nhãn chẳng thông đạt, huệ nhãn chẳng trọn đủ, pháp nhãn chẳng thanh tịnh, chúng ta chẳng thể thấy thế gian viên mãn được! Do vậy, chẳng phải là Phật nhãn. Thiện Đạo đại sư dạy chúng ta phải nên “*từ tâm tương hướng, Phật nhãn tương kiến*” (dùng từ tâm để hướng về

nhau, dùng Phật nhãn để thấy nhau), hãy mở toang Phật nhãn của chúng ta!

(Kinh) Linh bử chư quốc, thành ấp, tụ lạc, nhất thiết chư hữu chư tỳ-kheo chúng, hàm các lai nghệ Vương Xá đại thành.

(經)令彼諸國，城邑聚落，一切諸有諸比丘衆，咸各來詣王舍大城。

(Kinh: Khiến cho các vị tỳ-kheo trong các thành ấp, thôn xóm của các nước, và hết thảy các cõi, đều đến thành lớn Vương Xá).

Hiện thời, chúng ta còn có “lệnh”: Sáng sớm thức dậy bèn khua chuông, gióng trống. Đó là một thứ lệnh. Đánh mõc bản vang ra tiếng, đó là lệnh. Kèn hiệu xung phong của bộ đội, chính là Lệnh. Ở đây, đức Thế Tôn dùng sức thần thông, dùng đại oai quang chiếu vào trọn khắp tâm trí của chúng sanh, lay tỉnh tâm trí họ, khiến cho họ đều đi đến đại thành Vương Xá.

Có kẻ thắc mắc: “Thế Tôn có sức mạnh như thế, có phải là thần thoại hay không?” Họ còn cho đó là văn chương do các vị Bồ Tát trong Phật giáo viết ra, [cho rằng] thần thông thiện xảo như trong Phật giáo đã nói thật ra là mê tín, là chẳng thật sự có, do con người đặt ra để ca tụng, thần thoại hóa Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn đó thôi! Nếu nói như thế, cõi trời sẽ quá nhỏ! Sắc Giới lẫn Dục Giới, cho tới mười pháp giới như chúng ta đã nói đều trở thành hý luận. Mười phương pháp giới vốn chẳng khác biệt, nương vào tâm mà hiện, nhưng sự khác biệt trong những cái được hiện quá lớn. Tôi nêu một thí dụ đơn giản nhất, so sánh giữa một người và một con kiến. Sức con người so với sức con kiến đúng là chẳng thể nghĩ bàn, nhưng quý vị chẳng thể dùng tư tưởng của con kiến để phán đoán hành vi của con người! So với Phật Đà Thế Tôn, sanh mạng lực của bọn phàm phu chúng ta giống như con kiến, đừng nên dùng tâm lực ấy để tư duy tâm lượng của Phật Đà Thế Tôn! Nếu cho rằng chính mình chẳng có trí huệ rộng lớn, chẳng có sức nhìn thấu suốt rộng lớn, chẳng có sức thần thông thiện xảo, [rời kết luận xằng bậy] “chắc là Phật cũng chẳng có!” Chính mình chẳng có sự cảm nhận, hiểu biết thiện xảo rộng lớn rốt ráo, chẳng có oai đức thiện xảo dường ấy, [bèn đoán quyết] “chắc là Phật cũng chẳng thể có”. Đó là đọa lạc trong tri kiến và sự cảm nhận của chính mình! Trên thực tế, chúng ta dùng

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

khóa học kỹ thuật hiện đại có thể biểu đạt [chuyện này]. Những ai từ bốn mươi lăm tuổi trở lên, đối với Cách Mạng Văn Hóa¹⁶ rất quen thuộc. Khi đó, người lãnh đạo quốc gia vừa nói, các loa phóng thanh trên toàn quốc đồng loạt phát ra tiếng, tức là tâm quang của một cá nhân thông qua luồng điện và loa phát thanh truyền đi, người trong cả nước đều biết các chỉ thị mới nhất từ tầng lớp tối cao. Ngay trong ngày hôm ấy, [các chỉ thị đó] lan truyền đi khắp cả nước; các cấp thực hiện tuyệt đối đồng bộ! Đây chẳng phải là “*tâm quang riêng chiếu*” đó ư? Chẳng qua là thông qua chánh trị, qua các máy móc do con người tạo ra mà truyền bá. Thế

¹⁶ Cách Mạng Văn Hóa, gọi tắt là Văn Cách, là một phong trào chánh trị do chính quyền Hoa Lục phát động từ ngày 16 tháng Năm 1966 cho đến ngày 6 tháng 10 năm 1976 mới chấm dứt. Nhằm đập tan những thế lực và tư tưởng chống đối Mao Trạch Đông cai trị Trung Hoa theo đường lối sắt máu và điên rồ của Stalin, nhất là sau các kế hoạch ngũ niên và “đại nhảy vọt” liên tiếp thất bại của họ Mao, khiến cho kinh tế Hoa Lục trì trệ, dân chúng mất niềm tin, ngay cả các cộng sự thân tín của Mao như Lưu Thiểu Kỳ, Bành Đức Hoài, Đặng Tiểu Bình... đều bất đồng ý kiến với họ Mao. Mao Trạch Đông đã kết tội các thế lực chống đối là tuân theo đường lối xét lại của Khrushchev, có âm mưu khôi phục chủ nghĩa tư bản. Dựa vào các cáo buộc ấy, Mao Trạch Đông phát động cuộc cách mạng này. Dùng tuyên tập Sách Đỏ (Hồng Bảo Thư) của Mao như một loại kinh thánh, bẻ lũ tay chân của Mao đảo ngược tư tưởng truyền thống, sách động những kẻ cơ hội kết đoàn thành Hồng Vệ Binh tấn công vào hàng ngũ trí thức. Toàn thể nhân dân Hoa Lục mỗi ngày nghe kêng đều vội vã lao ra khỏi nhà, cầm sách đỏ lớn tiếng đọc liên thanh để khỏi bị kết tội là phản động. Các trường trung học và đại học bị đóng cửa, các nhà máy trì trệ và công nhân chia thành phe phái đấu tố lẫn nhau. Các bác sĩ, dược sĩ, nha sĩ, y tá, kỹ sư, giáo viên, giáo sư, văn nghệ sĩ, các tầng lớp trí thức bị bắt đi lao động khổ sai, lăng nhục, đấu tố, đập phá chùa chiền, miếu mạo, các cơ sở tôn giáo, các di tích lịch sử, Tăng lữ, tu sĩ bị đi tù, hay đuổi khỏi chùa, miếu, đạo quán, giáo đường. Hàng triệu người bị kết tội thuộc phe cánh hữu, theo phe xét lại đã chết vì bị hành hạ, tra tấn, hay chịu không nổi phải tự tử. Các lãnh tụ như Lưu Thiểu Kỳ, Bành Đức Hoài, nguyên soái La Thụy Anh, Đặng Tiểu Bình, Bành Chân, Lục Định Nhất... đều bị tù đầy, lăng nhục. Trong cách mạng Văn Hóa, Diêu Văn Nguyên, Lâm Bưu, Giang Thanh (vợ Mao Trạch Đông), Trương Xuân Kiêu là những tên tay sai đắc lực trong việc đàn áp phe đối lập. Lợi dụng sự nhiệt tình của các tầng lớp nghèo khổ và bọn thanh niên mới lớn, họ Mao đã xúi giục họ mở các cuộc vũ đấu (đấu tranh bằng bạo lực) để nghiền nát những ai bị quy kết là phản cách mạng hay có tư tưởng tiêu tư sản, dẫn đến các vụ tàn sát trên quy mô lớn đẫm máu như tháng Tám đỏ tại Bắc Kinh, vụ tàn sát tại Quảng Tây, Quảng Đông, Vân Nam và Hồ Nam. Không có con số chính xác về các nạn nhân, nhưng các nhà sử học ước tính, số người chết có thể lên đến 20 triệu người, kinh tế Hoa Lục bị thiệt hại nặng nề, nhiều người bị tù đầy, thương tật, rất nhiều vật phẩm di tích văn hóa bị hủy hoại không thể khôi phục.

nhưng, Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng dùng loa lớn, cũng chẳng dùng chánh sách, Ngài an vị trong đại quang minh tạng, dùng sức thần thông thiện xảo to lớn, khiến cho hết thảy các chúng sanh hữu duyên đều có thể cảm nhận. Máy móc hiện thời có thể tạo ra năng lực như thế, đức Thế Tôn nhất định có năng lực như thế. Nếu chẳng có niềm vui do oai đức thù thắng nơi pháp để hướng về, chúng ta sẽ chẳng tiến nhập tu pháp, sẽ đọa lạc trong nỗi kiêu mạn tầm thường, chôn vùi cơ chế giáo ngôn rộng lớn của Phật pháp, cũng có nghĩa là chẳng thể nào cố vũ, khích lệ quý vị được! Rất nhiều người học Phật chẳng thể tiến nhập lợi ích chân thật trong Phật pháp, là vì đọa lạc trong tri kiến hạn lượng của chính mình, chìm đắm trong sự sanh tồn thuộc phạm trù Sở Tri Chương của chính mình, dẫu tu tập Phật pháp mà chẳng thể vượt thoát. Do đó, đức Thế Tôn gọi hạng người không thể vượt ra ngoài cảm nhận và tri kiến của chính mình là “*kẻ đáng thương xót*”, vì họ chẳng thể thành tựu tâm trí Vô Thượng Bồ Đề.

(Kinh) Nhập Ca Lan Đà Trúc Viên Tinh xá, chí Thế Tôn sở, cung kính hiệp chưởng, đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện. Nhĩ thời, Ca Lan Đà Trúc Viên Tinh xá hữu bách thiên số chư tỳ-kheo đẳng, thừa Phật oai quang, giai dĩ vân tập chí Thế Tôn sở, cung kính hiệp chưởng, đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện. Nhĩ thời, phục hữu bỉ Ma Ha Ba Xà Ba Đề tỳ-kheo-ni, diệc thừa Thế Tôn oai thần lực cố, diệc dĩ nhị vạn tỳ-kheo-ni câu, tất giai đại tập, nhập Ca Lan Đà Trúc Viên Tinh xá, nghệ Thế Tôn sở, cung kính hiệp chưởng, đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện.

(經)入迦蘭陀竹園精舍，至世尊所，恭敬合掌，頂禮佛足，退坐一面。爾時，迦蘭陀竹園精舍有百千數諸比丘等，承佛威光，皆已雲集至世尊所，恭敬合掌，頂禮佛足，退坐一面。爾時，復有彼摩訶波闍波提比丘尼，亦承世尊威神力故，亦與二萬比丘尼俱，悉皆大集，入迦蘭陀竹園精舍，詣世尊所，恭敬合掌，頂禮佛足，退坐一面。

(Kinh: Vào Ca Lan Đà Trúc Viên Tinh xá, tới chỗ đức Thế Tôn, cung kính chấp tay, đánh lễ dưới chân đức Phật, lui qua ngòai một phía. Lúc bấy giờ, Ca Lan Đà Trúc Viên Tinh xá có đến trăm ngàn vị tỳ-kheo

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

nuơng theo oai quang của đức Phật, đều đã như mây nhóm đến chỗ đức Thế Tôn, cung kính chấp tay, đánh lễ dưới chân đức Phật, lui qua ngòai một phía. Lúc đó, lại có tỳ-kheo-ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề cũng nuơng theo sức oai thần của đức Thế Tôn, cũng cùng với hai vạn tỳ-kheo-ni thấy đều tụ tập đông đảo, vào Ca Lan Đà Trúc Viên Tinh xá, tới chỗ đức Phật, cung kính chấp tay, đánh lễ dưới chân đức Phật, lui qua ngòai một phía).

Tỳ-kheo-ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề (Mahāprajāpatī Gautamī) cũng là dì của đức Thế Tôn. Chúng ta biết: Đức Thế Tôn sanh ra không lâu, mẹ Ngài liền sanh lên trời Đao Lợi. Đức Thế Tôn được bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề nuôi nấng. Sau khi bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề xuất gia, được gọi là Đại Ái Đạo tỳ-kheo-ni, là thủ lãnh của các vị tỳ-kheo-ni. Trong cơ chế giáo ngôn của đức Phật Thích Ca, nữ chúng phải vượt qua các chướng duyên nhất định thì mới được xuất gia.

(Kinh) Nhĩ thời, Vương Xá đại thành hữu Ưu-bà-tắc.

(經)爾時，王舍大城有優婆塞。

(Kinh: Lúc bấy giờ, thành lớn Vương Xá có một vị Ưu-bà-tắc).

Ưu-bà-tắc (Upāsaka) là người nam tại gia học Phật. Người Hoa gọi người tại gia tu tập Phật pháp là cư sĩ, nhưng trong thời đức Thế Tôn, “cư sĩ” (grhapati) là bậc tại gia tu hành đã chứng đắc Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả.

(Kinh) Danh viết Hiền Hộ, vi chúng thượng thủ.

(經)名曰賢護，為眾上首。

(Kinh: Tên là Hiền Hộ, là thượng thủ của đại chúng).

Hiền Hộ Bồ Tát là vị khai phát chủ yếu trong bộ kinh này. Kinh này dùng danh tự của Ngài để đặt tên, vì Ngài khiến cho chúng ta sau khi có được pháp này, sẽ học tập, thực hành pháp Ban Châu, cho đến có thể thành tựu tam-muội, có thể thấy mười phương chư Phật thấy đều đứng trước mặt. Pháp tắc như thế đó.

(Kinh) Diệc dĩ ngũ bách Ưu-bà-tắc câu, thọ trì Ngũ Giới, cụ túc oai nghi, thị đại Bồ Tát, cửu dĩ trụ u A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ

Đề hạnh. Bốn nguyện lực cố, thường tùy Thế Tôn, nhạo văn chánh pháp, hằng cần tinh tấn, vị mãn nhất thiết trợ đạo pháp cố.

(經)亦與五百優婆塞俱，受持五戒，具足威儀，是大菩薩，久已住於阿耨多羅三藐三菩提行。本願力故，常隨世尊，樂聞正法，恆勤精進，為滿一切助道法故。

(Kinh: Cũng cùng với năm trăm vị Ưu-bà-tắc thọ trì Ngũ Giới tụ tập, trọn đủ oai nghi, là bậc đại Bồ Tát, trụ trong hạnh Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác từ lâu. Do sức bốn nguyện, họ thường theo đức Thế Tôn, thích nghe chánh pháp, luôn siêng năng tinh tấn hòng viên mãn hết thảy các pháp trợ đạo).

Hiền Hộ Bồ Tát đã đích thân chứng Vô Thượng Bồ Đề từ lâu, Ngài thường thủ hộ chánh hạnh, chỉ là chưa chứng Phật quả. Do vì nguyện lực, Ngài “*thường tùy Thế Tôn, nhạo văn chánh pháp, hằng cần tinh tấn, vị mãn nhất thiết trợ đạo pháp cố*” (thường theo đức Thế Tôn, thích nghe chánh pháp, luôn siêng năng tinh tấn hòng viên mãn hết thảy các pháp trợ đạo), tức là Hiền Hộ Bồ Tát phát ra thệ nguyện khiến cho hết thảy chúng sanh tinh tấn nơi pháp, khơi mở các pháp tu làm trợ duyên hòng thành tựu Vô Thượng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề cho hết thảy chúng sanh.

(Kinh) Ư triều đán thời, thừa Phật oai thần, tùng bốn trụ xứ, nhập Ca Lan Đà Trúc Viên Tinh xá, chí Thế Tôn sở, cung kính hiệp chưởng, đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện.

(經)於朝旦時，承佛威神，從本住處，入迦蘭陀竹園精舍，至世尊所，恭敬合掌，頂禮佛足，退坐一面。

(Kinh: Vào lúc sáng sớm, nương theo oai thần của đức Phật, từ chỗ ở của chính mình, vào Ca Lan Đà Trúc Viên Tinh xá, tới chỗ đức Thế Tôn, cung kính chấp tay, đánh lễ dưới chân đức Phật, lui qua ngồi một bên).

Bất luận là tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, hay Ưu-bà-tắc, đều lui qua ngồi một bên.

(Kinh) Nhĩ thời, Tỳ Da Ly đại thành hữu nhất Ly Xa tử, danh viết Bảo Sanh, vì chúng thượng thủ, diệc dữ nhị vạn bát thiên chư Ly Xa câu, ư thần triêu thời, thừa Phật thần lực, giai tự bỉ thành phát lai, nhập thử Ca Lan Đà viên, chí Như Lai sở, cung kính hiệp chưởng, đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện.

(經)爾時，毗耶離大城有一離車子，名曰寶生，爲衆上首，亦與二萬八千諸離車俱，於晨朝時，承佛神力，皆自彼城發來，入此迦蘭陀園，至如來所，恭敬合掌，頂禮佛足，退坐一面。

(Kinh: Lúc bấy giờ, nơi thành lớn Tỳ Da Ly (Vaisālī)¹⁷ có một vị thuộc tộc Ly Xa, tên là Bảo Sanh, là thượng thủ của đại chúng, cũng cùng với hai vạn tám ngàn các vị Ly Xa, vào lúc sáng sớm, nương thân lực của đức Phật, đều phát xuất từ thành ấy ra đi, vào vườn Ca Lan Đà này, đến chỗ Như Lai, cung kính chấp tay, đánh lễ dưới chân đức Phật, lui qua ngòai một phía).

Ly Xa là một tộc thuộc dòng Sát-lợi.

(Kinh) Nhĩ thời, Chiêm Bà thành hữu nhất trưởng giả tử, danh viết Tinh Tạng, vì chúng thượng thủ, diệc dữ nhị vạn bát thiên trưởng giả tử câu. Ứ thần triêu thời, thừa Phật thần lực, tự Chiêm Bà thành phát lai, nhập thử Ca Lan Đà viên, chí Thế Tôn sở, cung kính hiệp chưởng, đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện.

¹⁷ Tỳ Da Ly còn được phiên âm là Tỳ Xá Ly, Phệ Xá Ly, hoặc dịch nghĩa là Quảng Nghiêm Thành, ở phía Bắc thành phố Patna hiện thời. Đây là kinh đô của nước Bạt Kỳ (Vajji) thuộc bộ tộc Licchavi (Ly Xa). Nơi này ghi dấu nhiều sự kiện quan trọng trong Phật giáo: Sau khi vượt hoàng cung xuất gia, đức Phật tìm đến đây học đạo với Uất Đầu Lam Phát (Udraka Ramaputra). Sau khi đắc đạo, Ngài thường giảng kinh tại đây, chẳng hạn kinh Dược Sư được nói thành Quảng Nghiêm tức là nơi này. Bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề cũng được đức Phật chấp thuận cho xuất gia tại đây. Mùa An Cư kết hạ cuối cùng cũng tại thành Tỳ Xá Ly trước khi đức Phật tuyên bố Ngài sẽ nhập Niết Bàn. Các Ly Xa tử theo Ngài mãi đến rừng Câu Thi Na, đức Phật bèn lưu lại bình bát khát thực cho dân chúng thành này. Đây cũng là trụ xứ của một vị tại gia Bồ Tát nổi danh là ngài Duy Ma Cật. Tại đây còn có trụ đá của vua A Dục và cũng là nơi các vị đại A La Hán nhóm họp để kết tập kinh tạng lần thứ hai vào năm 383 trước Công Nguyên.

(經)爾時，瞻婆城有一長者子，名曰星藏，爲衆上首，亦與二萬八千長者子俱。於晨朝時，承佛神力，自瞻婆城發來，入此迦蘭陀園，至世尊所，恭敬合掌，頂禮佛足，退坐一面。

(Kinh: Lúc bấy giờ, nơi thành Chiêm Bà¹⁸ có một vị trưởng giả¹⁹, tên là Tinh Tạng, là thượng thủ của đại chúng, cũng cùng với hai vạn tám ngàn các vị trưởng giả, vào lúc sáng sớm, nương thần lực của đức Phật, đều phát xuất từ thành Chiêm Bà ra đi, vào vườn Ca Lan Đà này, đến chỗ đức Thế Tôn, cung kính chấp tay, đánh lễ dưới chân đức Phật, lui qua ngòai một phía).

Từ văn tự, chúng ta có thể thấy từ tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, chủng tánh Sát-lợi, các vị trưởng giả v.v... không ai chẳng nương vào oai thần của đức Phật. Do nương vào sức oai thần của đức Phật, cho nên tụ tập nơi đây.

(Kinh) Nhĩ thời, phục hữu nhất Ma Na Bà (Tùy ngôn Tinh Trì, diệc vân Thiểu Niên, diệc vân Nhân Đồng Tử đẳng), danh Na La Đạt Đa, vi chúng thượng thủ, diệc dĩ nhị vạn bát thiên nhân câu, u thần triêu thời, tự bốn trụ xứ phát lai, nhập thử Ca Lan Đà viên, nghê Thế Tôn sở, cung kính hiệp chưởng, đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện.

(經)爾時，復有一摩那婆(隋言淨持，亦云少年，亦云仁童子等)，名那羅達多，爲衆上首，亦與二萬八千人俱，於晨朝時，自本住處發來，入此迦蘭陀園，詣世尊所，恭敬合掌，頂禮佛足，退坐一面。

¹⁸ Chiêm Bà (Campa, Champapuri) là kinh đô của nước Ương Già (Aṅga), một trong mười sáu đại quốc thời ấy, hiện thời thuộc quận Bhagalpur của tiểu bang Bihar, Ấn Độ.

¹⁹ Ở đây, chúng tôi dịch từ ngữ “trưởng giả tử” tuân theo cách giải thích của ngài Linh Thừa trong Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Khoa Chú. Theo đó, ngài Linh Thừa nói chữ Tử sau “trưởng giả” chỉ có ý nghĩa tôn trọng như ta nói Khổng Tử, Lão Tử v.v...

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

(Kinh: Lúc bấy giờ, lại có một Ma Na Bà (tiếng đời Tùy (tiếng Hán) dịch là Tịnh Trì, cũng dịch là Thiếu Niên, còn dịch là Nhân Đồng Tử (bé trai có lòng nhân) v.v...) tên là Na La Đạt Đa làm thượng thủ của đại chúng, cũng cùng với hai vạn tám ngàn người, vào lúc sáng sớm, từ chỗ mình ở ra đi, vào vườn Ca Lan Đà này, đến chỗ đức Thế Tôn, cung kính chấp tay, đánh lễ dưới chân đức Phật, lui qua ngòi một phía).

Ma Na Bà (Mānavaka) tức là thiếu niên học đạo.

(Kinh) Nhĩ thời, Xá Vệ quốc, phục hữu trưởng giả, danh Đại Thiện Thương Chủ, tịnh bĩ Cấp Cô Độc trưởng giả, vi chúng thượng thủ, diệc dĩ nhị vạn bát thiên nhân câu, tự bĩ Xá Vệ quốc, nghệ Vương Xá thành, nhập Ca Lan Đà viên, chí Thế Tôn sở, cung kính hiệp chưởng, đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện. Nhĩ thời, Vương Xá đại thành, phục hữu trưởng giả, danh viết Thủy Thiên, vi tối thượng thủ, diệc dĩ nhị vạn bát thiên nhân câu, tòng bản trụ xứ phát lai, nhập thử Ca Lan Đà viên, nghệ Thế Tôn sở, cung kính hiệp chưởng, đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện. Nhĩ thời, Ma Già Đà quốc chủ Vi Đề Hy tử, A Xà Thế vương, diệc dĩ bách thiên chư quyến thuộc câu, ư thân triều thời, diệc lai nhập thử Ca Lan Đà viên, nghệ Thế Tôn sở, đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện.

(經)爾時，舍衛國，復有長者，名大善商主，並彼給孤獨長者，為衆上首，亦與二萬八千人俱，自彼舍衛國，詣王舍城，入迦蘭陀園，至世尊所，恭敬合掌，頂禮佛足，退坐一面。爾時，王舍大城，復有長者，名曰水天，為最上首，亦與二萬八千人俱，從本住處發來，入此迦蘭陀園，詣世尊所，恭敬合掌，頂禮佛足，退坐一面。爾時，摩伽陀國主韋提希子，阿闍世王，亦與百千諸眷屬俱，於晨朝時，亦來入此迦蘭陀園，詣世尊所，頂禮佛足，退坐一面。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

(Kinh: Lúc bấy giờ, nước Xá Vệ lại có trưởng giả tên là Đại Thiện Thương Chủ và trưởng giả Cấp Cô Độc là thượng thủ của đại chúng, cũng cùng với hai vạn tám ngàn người từ nước Xá Vệ đến thành Vương Xá, vào vườn Ca Lan Đà, tới chỗ đức Thế Tôn, cung kính chấp tay, đánh lễ dưới chân đức Phật, lui qua ngòi một phía. Lúc bấy giờ, thành lớn Vương Xá lại có trưởng giả, tên là Thủy Thiên, là thượng thủ cao nhất, từ chỗ mình ở, cũng cùng với hai vạn tám ngàn người, phát xuất từ chỗ mình ở ra đi, vào vườn Ca Lan Đà, tới chỗ đức Thế Tôn, cung kính chấp tay, đánh lễ dưới chân đức Phật, lui qua ngòi một phía. Lúc bấy giờ, chúa nước Ma Già Đà là vua A Xà Thế, tức là con của bà Vi Đề Hy, cũng cùng với trăm ngàn quyến thuộc, vào lúc sáng sớm, cũng vào trong vườn Ca Lan Đà này, tới chỗ đức Thế Tôn, đánh lễ dưới chân đức Phật, lui qua ngòi một phía).

Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, đức Thế Tôn lấy vua A Xà Thế (Ajātasātru) làm chủ thể để giảng bộ kinh ấy. Đó cũng là kinh điển y chỉ chủ yếu của Tịnh Độ. Phụ vương của A Xà Thế là vua Tần Bà Sa La (Bimbisāra), mẹ là Vi Đề Hy (Vaidehi). Do vua Tần Bà Sa La tuổi đã rất cao mà chưa có con trai, ngòi vua không có người kế thừa, bèn cầu xin tiên nhân chuyển thế. Tiên nhân nói ba năm sau mới có thể xả báo. Vì thế, vua Tần Bà Sa La dùng các phương pháp ép ông ta đầu thai. Do vậy, lúc chưa sanh ra, tiên nhân đã kết oán với vua Tần Bà Sa La, cho nên gọi là Vị Sanh Oán (未生怨, oán thù từ lúc chưa sanh ra). Sau đó, tiên nhân xả thân đầu thai, do oán hận mà sanh làm A Xà Thế: “Người bắt bớ, giết hại ta; ta cũng bắt bớ, giết hại người”. Do vậy, sau đó, bèn giam cầm vua Tần Bà Sa La trong bảy tầng lao ngục, tạo tội giết cha. A Xà Thế bị Đề Bà Đạt Đa cổ vũ, mê hoặc, bèn giết cha để làm tân vương, còn Đề Bà Đạt Đa thì hại Phật để làm tân Phật. Do nghịch hạnh, họ gặp rất nhiều quả báo ác khổ. Sau đó, A Xà Thế chân thành sám hối, vâng giữ lời dạy của đức Thế Tôn, trở thành người hộ pháp cho cuộc kết tập kinh điển của năm trăm vị A La Hán.

Trong phần trên, [kinh văn] đã nhắc tới tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni v.v... Vì sao chẳng nói tới Ưu-bà-di? Đây là phong tục tập quán của Ấn Độ, có khi nói tới Ưu-bà-tắc, sẽ tỉnh lược chẳng nhắc tới Ưu-bà-di. Từ kinh văn, chúng ta có thể thấy, tánh chất phân chia chủng tộc của Ấn Độ mười phần rõ ràng, họ theo thứ tự, từ các nơi tụ tập, đến chỗ đức Thế Tôn. Tới đây, các loại hữu tình nhân loại đã nhóm họp xong.

(Kinh) Nhĩ thời, phục hữu Tứ Đại Thiên Vương, cập Thiên Đế Thích, nãi chí Dục Giới nhất thiết thiên chúng, các dữ vô lượng bách thiên ức na-do-tha quyển thuộc thiên chúng câu, diệc u thân triều, tất lai nhập Ca Lan Đà viên, chí Như Lai sở, đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện.

(經)爾時，復有四大天王，及天帝釋，乃至欲界一切天衆，各與無量百千億那由他眷屬天衆俱，亦於晨朝，悉來入迦蘭陀園，至如來所，頂禮佛足，退坐一面。

(Kinh: Lúc bấy giờ, lại có Tứ Đại Thiên Vương và Thiên Đế Thích, cho đến hết thủy thiên chúng trong Dục Giới, mỗi vị cùng với vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha quyển thuộc thiên chúng, cũng vào lúc sáng sớm, đều đi vào vườn Ca Lan Đà, tới chỗ Như Lai, đánh lễ dưới chân đức Phật, lui qua ngòai một bên).

“*Nãi chí Dục Giới nhất thiết thiên chúng*” (Cho đến hết thủy thiên chúng thuộc Dục Giới): Trong phần trước là nhân loại hữu tình, sau đó là chư thiên. Vì kinh Đại Tập bao gồm các vị đại Bồ Tát thuộc Sắc Giới và Dục Giới, đối với loại hữu tình ấy mà tuyên nói kinh điển. Từ Tứ Đại Thiên Vương cho đến Tha Hóa Tự Tại Thiên, hữu tình trong một tiểu thiên thế giới đều vân tập một chỗ. Tứ Đại Thiên Vương và Thiên Đế Thích thuộc loại Địa Cư Thiên, Ma Tây La thiên cung là Đâu Suất Thiên, cho đến Tha Hóa Tự Tại Thiên, đều là Dục Giới Thiên, từng tầng lên cao hơn, là các tầng trời thuộc về Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên.

“*Vô lượng bách thiên ức na-do-tha quyển thuộc thiên chúng*”: Con số này chẳng phải là số lượng nhân loại [tới tham dự pháp hội].

“*Chí Như Lai sở, đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện*” (Đến chỗ Như Lai, đánh lễ dưới chân Phật, lui qua ngòai một phía): Chư thiên lui qua ngòai một phía và xếp đặt tòa ngòai, có thể là khác biệt rất lớn với nhân loại chúng ta. Vì chư thiên là sắc thân vi tế, màu nhiệm, mỗi vị đều có quang tướng. Sắc thân của chúng ta là cái thân Tứ Đại do ăn uống tạo thành, còn gọi là thân Ngũ Uẩn, là thân thô nặng. Thân thô trọng bèn có tòa ngòai thô nặng.

(Kinh) Nhĩ thời, phục hữu Sa Bà thế giới chủ Đại Phạm thiên vương, diệc dữ vô lượng bách thiên ức na-do-tha quyền thuộc thiên chúng câu, u thần triêu thời, tất nhập Ca Lan Đà viên, chí Như Lai sở, đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện.

(經)爾時，復有娑婆世界主大梵天王，亦與無量百千億那由他眷屬天衆俱，於晨朝時，悉入迦蘭陀園，至如來所，頂禮佛足，退坐一面。

(Kinh: Lúc bấy giờ, lại có chủ của thế giới Sa Bà là Đại Phạm thiên vương, cùng với vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha quyền thuộc thiên chúng, vào lúc sáng sớm, đều vào vườn Ca Lan Đà, tới chỗ đức Như Lai, đánh lễ dưới chân đức Phật, lui qua ngồi một phía).

Thế giới Sa Bà là một tam thiên đại thiên thế giới ứng hóa của Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Chủ của thế giới Sa Bà là Đại Phạm thiên vương, khác biệt với địa vị Trụ Trì Pháp Vương của Phật Thích Ca. Đối với các danh từ ấy, chúng tôi thật sự rất khó có thời gian đầy đủ để trình bày, chúng ta học tập kinh Ban Châu Tam Muội không nhằm giải thích danh từ. Do vậy, đối với danh từ, danh tướng thông thường, sẽ chẳng giải thích quá nhiều, mọi người có thể tìm các tài liệu tương ứng để tiếp tục học tập. Chúng tôi muốn trình bày tư tưởng chủ thể của kinh Ban Châu Tam Muội để mọi người học tập, khiến cho mọi người trong khi tu tập pháp Ban Châu sẽ có sự gia trì tăng thượng và hướng dẫn rõ ràng hơn. Như thế thì sẽ chẳng đánh mất mục đích học tập kinh Ban Châu Tam Muội của chúng ta. Giải thích danh từ quá nhiều sẽ tốn thời gian. Do vậy, ở đây, tôi chỉ nói lướt qua.

(Kinh) Nhĩ thời, phục hữu Đại Tự Tại thiên vương, diệc dữ vô lượng bách thiên Tịnh Cư chư thiên chúng câu, u thần triêu thời, tất nhập Ca Lan Đà viên, đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện. Nhĩ thời, phục hữu tứ A Tu La vương, các dữ vô lượng bách thiên quyền thuộc A Tu La chúng câu, diệc u thần triêu, nhập Ca Lan Đà viên, nghệ Như Lai sở, đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện. Nhĩ thời, phục hữu Nan Đà long vương, cập Bạt Nan Đà long vương, các dữ vô lượng bách thiên quyền thuộc chư long chúng câu, diệc u thần triêu, nhập Ca Lan Đà viên, nghệ Như Lai sở, đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện.

(經)爾時，復有大自然在天王，亦與無量百千淨居諸天衆俱，於晨朝時，悉入迦蘭陀園，頂禮佛足，退坐一面。爾時，復有四阿修羅王，各與無量百千眷屬阿修羅衆俱，亦於晨朝，入迦蘭陀園，詣如來所，頂禮佛足，退坐一面。爾時，復有難陀龍王，及跋難陀龍王，各與無量百千眷屬諸龍衆俱，亦於晨朝，入迦蘭陀園，詣如來所，頂禮佛足，退坐一面。

(Kinh: Lúc bảy giờ, lại có Đại Tự Tại thiên vương, cũng cùng với vô lượng trăm ngàn các Tịnh Cư thiên chúng, vào lúc sáng sớm, đều vào vườn Ca Lan Đà, đánh lễ dưới chân đức Phật, lui qua ngòai một bên. Lúc bảy giờ, lại có bốn A Tu La vương, mỗi vị cùng với vô lượng trăm ngàn quyến thuộc A Tu La chúng, cũng vào sáng sớm, vào vườn Ca Lan Đà, tới chỗ Như Lai, đánh lễ dưới chân đức Phật, lui qua ngòai một phía. Lúc bảy giờ, lại có Nan Đà (Nanda) long vương, và Bạt Nan Đà (Upananda) long vương, mỗi vị cùng với vô lượng bách thiên quyến thuộc các long chúng cũng vào sáng sớm, vào vườn Ca Lan Đà, tới chỗ Như Lai, đánh lễ dưới chân đức Phật, lui qua ngòai một phía).

Đây là một quang cảnh gì vậy? Phàm phu hữu tình phần nhiều chẳng thể thấy được! Chúng ta đều biết khi đức Thế Tôn giảng một số bộ kinh lớn, các vị A La Hán đều như điếc, như đui, như kinh Diệu Pháp Liên Hoa đã nói. Trong rất nhiều kinh điển Đại Thừa khác cũng giống như thế.

(Kinh) Nhĩ thời, phục hữu Sa Già La long vương, A Na Bà Đạt Đa long vương, cập Ma Na Tư long vương, Y Bạt La long vương đẳng, các dĩ vô lượng bách thiên quyến thuộc chư long chúng câu, diệt u thần triêu, nhập Ca Lan Đà viên, nghệ Như Lai sở, đánh lễ Phật túc, thoái tọa nhất diện. Nhĩ thời, thử tam thiên đại thiên thế giới, nhất thiết chư tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, cập dĩ nhất thiết thiên, long, dạ-xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nãi chí nhân phi nhân, cập chư vương

đăng, tín Như Lai giả, vị thính pháp cố, nhất thiết giai tập Ca Lan Đà viên, nghệ Như Lai sở, đánh lễ Phật túc, các tọa nhất diện.

(經)爾時，復有娑伽羅龍王，阿那婆達多龍王，及摩那斯龍王，伊跋羅龍王等，各與無量百千眷屬諸龍衆俱，亦於晨朝，入迦蘭陀園，詣如來所，頂禮佛足，退坐一面。爾時，此三千大千世界，一切諸比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷，及以一切天、龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽，乃至人非人，及諸王等，信如來者，爲聽法故，一切皆集迦蘭陀園，詣如來所，頂禮佛足，各坐一面。

(Kinh: Lúc bấy giờ, lại có Sa Già La (Sāgara) long vương, A Na Bà Đạt Đa (Anavatapta) long vương, và Ma Na Tư (Manasa) long vương, Y Bạt La (Erāpattra) long vương v.v... mỗi vị đều cùng với vô lượng trăm ngàn quyến thuộc các long chúng, cũng vào sáng sớm, vào vườn Ca Lan Đà, tới chỗ đức Như Lai, đánh lễ dưới chân đức Phật, lui qua ngòai một phía. Lúc bấy giờ, trong tam thiên đại thiên thế giới này, hết thấy các tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, cùng với hết thấy trời, rồng, dạ-xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lôu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, cho đến hàng nhân phi nhân và các vị vua, là những kẻ tin Như Lai, vì nghe pháp mà hết thấy đều tu tập nơi vườn Ca Lan Đà, tới chỗ Như Lai, đánh lễ dưới chân đức Phật, mỗi người ngòai một phía).

Giới thiệu mười phần rõ ràng, thứ tự cũng mười phần rõ rệt, hết thấy đều là “tín Như Lai giả, vị thính pháp cố” (người tin Như Lai vì nghe pháp) mà vân tập ở nơi đây.

(Kinh) Nhĩ thời, Ca Lan Đà viên, kỳ địa hoàng quảng.

(經)爾時，迦蘭陀園，其地弘廣。

(Kinh: Khi ấy, cuộc đất trong vườn Ca Lan Đà rộng lớn).

Giống như cái thớt vuông vức một trượng của ngài Duy Ma Cật có thể chứa đựng vô lượng hữu tình.

(Kinh) Như thớt tam thiên đại thiên thế giới, sở hữu địa phương, đại chúng sung mãn, vô không khuyết xứ.

(經)如此三千大千世界，所有地方，大眾充滿，無空缺處。

(Kinh: Tất cả mọi nơi trong tam thiên đại thiên thế giới như thế, tràn ngập đại chúng, chẳng có chỗ nào hở trống).

Đây đều là do oai đức của Thế Tôn biến hiện. Do sức phước đức và sức oai thần của đức Thế Tôn trọn đủ, tràn trề, Tự Thọ Dụng và Tha Thọ Dụng đều chân thật, chẳng dối. Cho nên chẳng có chỗ nào hở trống!

(Kinh) Nhược trượng đầu hứa, nhi bất biến giả.

(經)若杖頭許，而不遍者。

(Kinh: Như bằng đầu gậy mà chẳng trọn khắp).

Cũng có nghĩa là ngay cả chỗ để cắm một cây gậy cũng chẳng có. Do quang minh oai đức thiện xảo, công đức oai thần thiện xảo, và phước huệ trọn đủ thiện xảo của đức Thế Tôn có thể khiến cho chúng sanh hướng tới, khát vọng vân tập về nơi đây!

(Kinh) Như thị thượng chí Hữu Đảnh, hạ đãi Phạm cung, sở hữu nhất thiết đại oai đức thần thông chư thiên đại chúng, nãi chí nhất thiết chư long, dạ-xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân đẳng, giai lai tập hội.

(經)如是上至有頂，下逮梵宮，所有一切大威德神通諸天大眾，乃至一切諸龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽、人非人等，皆來集會。

(Kinh: Như thế thì từ trên là tới trời Hữu Đảnh²⁰, dưới tới cung Phạm Thiên, tất cả hết thảy các đại chúng chư thiên có oai đức thần

²⁰ Hữu Đảnh là tên gọi khác của Sắc Cứu Cánh Thiên (Akaniṣṭha, A Ca Ni Trá Thiên), tức tầng trời cao nhất trong Sắc Giới.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

thông, cho đến hết thấy các rồng, dạ-xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân v.v... đều tới tụ tập).

Trên đây là bộ phận Tụ Phần của kinh này, đều nhằm cho chúng ta thấy sự vân tập của đại hội: Đẳng thuyết pháp chủ là Thích Ca Mâu Ni Phật đã dùng oai quang nhiếp thọ trọn khắp mười phương hữu tình, từ tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, cho đến các vua Sát-lợi, các vị trưởng giả, vua rồng, thiên long bát bộ, cho đến Tứ Thiên, Đạo Lợi Thiên, Phạm Thiên v.v... hết thấy những vị có oai đức thiện xảo, hết thấy những ai được cảm ứng, tin pháp, hướng về pháp, đều cùng đến tụ tập.

(Kinh) Nhĩ thời, Hiền Hộ Bồ Tát Ma Ha Tát tức tùng tòa khởi, thiên dẫn hữu kiên, hữu tất trước địa, hiệp chưởng hướng Phật, bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã ư kim giả, dục đắc tư vấn Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, tâm trung sở nghi, bất thẩm Thế Tôn, kiến thùy thính phủ?” Nhĩ thời, Thế Tôn phục cáo Hiền Hộ Bồ Tát ngôn: “Hiền Hộ! Như Lai Thế Tôn tùy nhữ sở nghi, tứ nhữ sở vấn, vị nhữ tuyên thích, linh nhữ hoan hỷ”. Thời, bĩ Hiền Hộ Bồ Tát, ký mông thính hứa, phục bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Bồ Tát Ma Ha Tát cụ túc thành tựu hà đẳng tam-muội, nhi năng đắc bĩ đại công đức tụ?”

(經)爾時，賢護菩薩摩訶薩即從座起，偏袒右肩，右膝著地，合掌向佛，白佛言：「世尊！我於今者，欲得諮問如來，應供，等正覺，心中所疑，不審世尊，見垂聽不？」爾時，世尊復告賢護菩薩言：「賢護！如來世尊隨汝所疑，恣汝所問，為汝宣釋，令汝歡喜」。時，彼賢護菩薩，既蒙聽許，復白佛言：「世尊！菩薩摩訶薩具足成就何等三昧，而能得彼大功德聚？」

(Kinh: Lúc bấy giờ, Hiền Hộ Bồ Tát Ma Ha Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trật vai áo phải, gối phải đặt sát đất, chắp tay hướng về đức Phật, bạch cùng Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Con nay muốn thưa hỏi đức Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác điều nghi trong tâm, chẳng rõ đức Thế Tôn có rủ lòng chấp thuận hay không?” Lúc bấy giờ, đức Thế

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Tôn lại bảo Hiền Hộ Bồ Tát rằng: “Này Hiền Hộ! Như Lai Thế Tôn thuận theo lòng nghi của ông mà cho phép ông hỏi, ta sẽ vì ông tuyên nói, giải thích, khiến cho ông hoan hỷ”. Lúc đó, Hiền Hộ Bồ Tát đã được chấp thuận, lại bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu đầy đủ các môn tam-muội như thế nào mà đạt được khỏi công đức to lớn?”)

Sau đây, Hiền Hộ Bồ Tát sẽ nêu ra một trăm hai mươi hai điều “vân hà” (như thế nào) để hỏi. Một trăm hai mươi hai câu hỏi ấy đều là các thắc mắc chi tiết về tác dụng của hết thảy các pháp thuộc về thiện xảo, thần thông, công đức, trí huệ và phương tiện v.v... trong Phật pháp, nhằm chỉ dạy chúng ta theo từng góc độ: Hành Ban Châu sẽ có thể đạt được lợi ích như thế nào? Tam-muội Thập Phương Châu Phật Tắt Giai Hiền Tiên (Ban Châu tam-muội) vì sao lại gọi là “vua của hết thảy các tam-muội?” Vì sao có công đức và lợi ích thù thắng nhiều ngàn ấy? Hiền Hộ Bồ Tát thay mặt cho hết thảy các chúng sanh muốn tu tập Phật pháp, muốn thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề mà khởi vấn, vì muốn cho các hữu tình thiện căn đã chín muồi do nghe pháp sẽ siêng năng tu hành, chứng đạo mà khởi vấn, vì tạo cơ sở khơi gợi cho các hữu tình thiện căn chưa chín muồi sẽ hướng tới thiện căn chín muồi, mà nêu ra một trăm hai mươi hai tướng công đức ấy. Trong bản dịch kinh Phật Thuyết Ban Châu Tam Muội chỉ gồm một quyển [trong ba loại bản dịch của kinh này] có nhắc đến hai mươi một công đức và lợi ích chẳng thể nghĩ bàn, cũng chính là từ hai mươi một khía cạnh mà nêu ra câu hỏi. Ở đây, kinh này nêu ra một trăm hai mươi hai vấn đề, cũng chính là từ một trăm hai mươi hai khía cạnh để nêu bày thực chất của công đức và lợi ích do hành pháp Ban Châu quả thật chẳng thể nghĩ bàn!

“Nhĩ thời, Hiền Hộ Bồ Tát Ma Ha Tát, tức tùng tòa khởi, thiên đản hữu kiên” (Lúc bấy giờ, Hiền Hộ Bồ Tát Ma Ha Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trật vai áo phải), đây là phong tục tập quán của người Ấn Độ. Người xuất gia lần tại gia đều khoác một tấm khăn choàng to. Trang phục dân tộc hiện tại của người Ấn Độ vẫn còn sử dụng khăn choàng, rất thực dụng, có thể sử dụng làm mền, làm vải bạt căng lều, có thể ngăn gió lạnh, tro bụi, sâu bọ v.v... rất nhiều tác dụng! *“Thiên đản hữu kiên”* (Trật vai áo phải) cũng là một phong tục tập quán nhằm biểu đạt lòng tôn trọng. *“Hữu tất trước địa”* (Gối phải chằm đất) chính là quỳ một gối xuống. Tức là trong lúc hỏi pháp, bèn trật vai áo phải, quỳ xuống, hai đầu gối hoặc một đầu gối ép sát đất, thưa hỏi đức Phật. Thông thường, chúng ta hỏi pháp bèn hai đầu gối đều đặt sát đất, vì Ngài là bậc đại Bồ

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Tát, hiện phương tiện để kết duyên. Phương thức lễ kính của chúng ta trong hiện thời phần nhiều từ Ấn Độ truyền qua, tức là phương thức lễ [đầu diện] tiếp túc.

“Hiệp chương hướng Phật, bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã ư kim giả, dục đắc tư vấn Như Lai, Ứng Cúng, Đăng Chánh Giác, tâm trung sở nghi, bất thãm Thế Tôn, kiến thùy thính phủ?” (Chấp tay hướng về đức Phật, bạch cùng Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Con nay muốn thưa hỏi đức Như Lai, Ứng Cúng, Đăng Chánh Giác điều nghi trong tâm, chẳng rõ đức Thế Tôn có rủ lòng chấp thuận hay không?”): Con muốn nêu câu hỏi, đức Thế Tôn có chấp thuận trả lời cho con hay không?

“Nhĩ thời, Thế Tôn phục cáo Hiền Hộ Bồ Tát ngôn: - Hiền Hộ! Như Lai Thế Tôn tùy nhữ sở nghi, tứ nhữ sở vấn, vị nhữ tuyên thích, linh nhữ hoan hỷ” (Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn lại bảo Hiền Hộ Bồ Tát rằng: - Này Hiền Hộ! Như Lai Thế Tôn thuận theo lòng nghi của ông mà cho phép ông hỏi, ta sẽ vì ông tuyên nói, giải thích, khiến cho ông hoan hỷ): Chẳng phải là đức Thế Tôn không cho bọn phàm phu hữu tình chúng ta sanh nghi. Tham, sân, si, mạn, nghi là chuyện thuộc bốn phần của phàm phu. Chư Phật Như Lai hiểu biết, có thể biết, đã biết, nhưng chúng sanh vẫn kéo dài sanh mạng trong tham, sân, si, mạn, nghi. Một trăm hai mươi hai câu hỏi thật ra nhằm giải đáp về nội hàm thực chất của công đức trong hành pháp này, trực tiếp tuyên nói, giải thích, khiến cho chúng ta phải nên chú ý tới khía cạnh nào, hãy nên đạt được lợi ích như thế nào?

“Thời, bỉ Hiền Hộ Bồ Tát ký mộng thính hứa” (Lúc đó, Hiền Hộ Bồ Tát đã được chấp thuận): Đức Thế Tôn đã cho phép Bồ Tát thưa hỏi. *“Phục bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Bồ Tát Ma Ha Tát cụ túc thành tựu hà đẳng tam-muội, nhi năng đắc bỉ đại công đức tụ?”* (Lại bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu đầy đủ các môn tam-muội như thế nào mà đạt được khối công đức to lớn?): Do vậy có thể biết, hành pháp Ban Châu, tức Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiện Tiền tam-muội là khối công đức to lớn. Trước kia, chúng tôi chuẩn bị tạo một cái ao phóng sanh ở trước sơn môn, đặt tên là Đức Tụ (德聚), tức là lấy ý từ kinh này, có nghĩa là *“đạo đức tụ tập, công đức tụ tập, phước đức tụ tập, pháp tắc chân thật tụ tập, khiến cho hữu tình trong thế gian có thể thọ dụng”*.

Phần sau bắt đầu bằng một trăm hai mươi hai câu hỏi chính là Phát Khởi Tự Phần. Kinh này thông qua Chánh Tự Phần trong phần

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

trước và Phát Khởi Tự Phần trong phần này, dẫn đến nội dung lời đáp của đức Thế Tôn trong Chánh Tông Phần, sẽ khiến cho chúng ta thật sự liễu giải nội dung của Ban Châu và công đức chân thật của hành pháp Ban Châu, hồng khích lệ những kẻ thiện căn chưa chín muồi được nghe pháp tắc này, [cũng như] khích lệ người thiện căn đã chín muồi đích thân tu tập pháp tắc này, khích lệ những người thiện căn đã chín muồi đích thân chứng đắc pháp tắc này, khích lệ những người thiện căn đã chín muồi sau khi đã đích thân chứng đắc sẽ truyền bá pháp này, khích lệ những người thiện căn chín muồi do biết rõ pháp tắc này, sẽ cùng nhau trao đổi, thủ hộ, an trụ trong pháp tắc này. Những người ấy đều chẳng lìa khỏi lời dạy của đức Thế Tôn, chẳng lìa khỏi sự khai giáo đúng như lý của Hiền Hộ Bồ Tát. Hữu tình thời Mạt Pháp khó thể khai giáo đúng lý, vì lẽ nào? Do chẳng biết phương tiện để khai giáo (khai thỉnh đức Thế Tôn truyền dạy giáo pháp), do chẳng có thiện xảo để khai giáo. Vì thế, trong Trúc Lâm Tinh xá (Ca Lan Đà Trúc Viên Tinh xá), Hiền Hộ Bồ Tát thay cho chúng ta nêu ra nghi vấn về một trăm hai mươi hai phương diện, để đức Thế Tôn sẽ giải đáp viên mãn, đối với nội dung của khối công đức to lớn đều nhất nhất nêu bày. Đọc một lượt một trăm hai mươi hai câu hỏi này, chúng ta biết tâm trí Bồ Tát chu đáo, cẩn mật, tường tận, cẩn trọng cỡ nào, hồng tiêu trừ các nghi hoặc và giải trừ nỗi mơ hồ đối với pháp nghĩa trong tâm chúng ta.

(Kinh) Vân hà đắc nhập đa văn đại hải, hoạch trí huệ tạng, vân vô nghi hoặc cố?

(經)云何得入多聞大海，獲智慧藏，問無疑惑故？

(Kinh: Làm thế nào để vào biển cả đa văn, đạt được kho trí huệ, hỏi han chẳng nghi hoặc?)

Đại trí huệ rốt ráo lấy mãi chẳng tận, dùng chẳng cạn. Nếu gặp lúc kẻ khác có nghi vấn, sẽ có thể giải đáp, khéo léo trừ nghi, cho nên nói “*đa văn đại hải*” trọn đủ phương tiện trí huệ, khiến cho hữu tình có nghi hoặc sẽ tiêu trừ hết thảy nghi hoặc, nhập Vô Ngại Trí. Câu hỏi thứ nhất chính là làm theo cách nào thì mới có thể vào trong biển đại trí huệ, tức là biển cả đa văn? Cũng là hỏi hành pháp như thế nào thì mới có thể sanh khởi đại trí huệ, trừ nghi hoặc cho hết thảy chúng sanh, đạt được phương tiện vô thượng đối với hết thảy chúng sanh?

(Kinh) Vân hà phục đắc vô ý giới tu, bất thất thành tựu, u A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vô thoái giảm cố?

(經)云何復得無意戒聚，不失成就，於阿耨多羅三藐三菩提，無退減故？

(Kinh: Như thế nào để lại đắc vô ý giới tu, chẳng mất thành tựu, chẳng thoái chuyển hay giảm bớt đối với Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác?)

“Đắc vô ý giới tu”: Giới có sức phòng hộ (防護, ngăn ngừa, bảo vệ), khiến cho chúng ta thủ hộ pháp tắc đạt tới an ổn. Nói là “vô ý” vì giới luật chẳng phải do chúng ta tạo ra, mà đều do đức Thế Tôn chế định. Bất luận tại gia hay xuất gia, giới luật mà hiện thời chúng ta đang học đều do Như Lai Thế Tôn chế định, chẳng phải do ý niệm của chúng ta tạo ra. Đó là một cơ chế tư tưởng rất quan trọng, chư vị thiện tri thức nhất định phải khéo quan sát, khéo liễu giải. Khi chúng ta tư duy về Tứ Chánh Cần, đối với chuyện nên làm và chẳng nên làm, vẫn là có tác ý, nhưng đối với giới pháp thì vô tác ý [mà hành trì]. Vì sao? Chỉ tùy thuận thủ hộ là được rồi! Khi chúng ta giữ giới, chẳng có gì là đúng, chẳng có gì là sai, tức “*tâm vô quá phi*” (tâm chẳng có lỗi lầm, sai trái), xa lìa đúng sai, giới đức tự nhiên tụ tập nơi thân, tỏ rõ trong thế gian, tự lợi, lợi tha như thế mãi cho tới khi thành tựu Vô Thượng Bồ Đề chẳng bị thoái chuyển. Nếu thật sự giữ giới, người ấy sẽ chẳng thoái chuyển Vô Thượng Bồ Đề. Đây là điều chắc chắn chẳng thể nghi ngờ. Vì sao vậy? Hết thấy giới pháp đều từ tâm trí vô lậu của Như Lai mà chín muồi, lưu xuất, ứng với nhu cầu của hết thấy chúng sanh mà đặt bày!

(Kinh) Phục vân hà đắc bất sanh ngu si, tà kiến không xú cố?

(經)復云何得不生愚癡，邪見空處故？

(Kinh: Lại như thế nào để chẳng sanh vào chỗ ngu si, tà kiến, ngoan không?)

Điều “*làm thế nào*” thứ ba là thực hiện khối công đức bằng cách nào để chẳng sanh ngu si, chẳng còn đọa vào tà kiến ngoan không?

(Kinh) Vân hà đương đắc宿命智，遍知去來故？

(經)云何當得宿命智，遍知去來故？

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

(Kinh: Làm thế nào để sẽ đạt được Túc Mạng Trí, biết trọn khắp quá khứ và vị lai?)

Túc Mạng Trí là biết rõ quá khứ, đối với chính mình và người khác đều đạt được phương tiện vô ngại, như năm nào, tháng nào, do vì lẽ nào mà sanh, vì đâu mà mất? Là người thì là người như thế nào? Là súc sanh thì là súc sanh như thế nào? Chúng sanh trong lục đạo do đâu mà an lập? An lập trong thế giới nào? Thọ mạng dài hay ngắn? Trí huệ cao hay thấp? Có hình dạng nam hay nữ? Những thứ như vậy đều biết rõ ràng, đó là Túc Mạng Trí thiện xảo. Túc Mạng Minh (Pūrva-nivāsānumrṭi-jñāna-sāksāt-kriya-vidyā) chính là có thể thông đạt vô ngại hết thảy hữu tình, tức là liễu giải quá khứ một đời, trăm đời, ngàn đời, vạn đời, hoặc một kiếp, hai kiếp, nhiều kiếp, nhiều đại kiếp, vô cùng đại kiếp của hết thảy hữu tình, thảy đều có thể biết rõ!

Rất nhiều vị Bồ Tát do hành Ban Châu mà có thể thấu hiểu như thế này: Họ cảm thấy [tới một nơi nào đó trước kia chưa hề tới] nhưng rất quen thuộc hoàn cảnh [của nơi ấy], có cảm nhận trước kia đã từng đi qua, rất thông thuộc đối với tướng trạng hoàn cảnh ấy, tợ hồ đã từng thấy qua v.v... Có loại cảm thọ như vậy đó. Điều này có thể gọi là Tương Tự thông đạt túc mạng, nhưng chẳng thể gọi là Túc Mạng Trí, mà cũng chẳng thể gọi là Túc Mạng Minh. Nếu đã chứng đắc tự nhiên trí, sẽ có phương tiện trí, trí vận dụng thiện xảo, trí vô ngại thiện xảo chiếu quán. Cái trí ấy chẳng phải là do chúng ta tự khoa trương, nó có thể sanh ra lực dụng thật sự!

(Kinh) Vân hà đương đắc bất ly phụng kiến chư Phật Thế Tôn, thính văn chánh pháp, nãi chí mộng trung cố?

(經)云何當得不離奉見諸佛世尊，聽聞正法，乃至夢

中故?

(Kinh: Làm thế nào thì sẽ được chẳng lìa gặp gỡ chư Phật Thế Tôn để nghe nhận chánh pháp, thậm chí trong mộng?)

Đây là một yêu cầu đặc biệt, riêng biệt của hành pháp Ban Châu, muốn khiến cho mọi người đều có thể thấy Phật, nghe pháp. Chẳng phải là thấy một vị Phật, hai vị Phật, mà là thấy vô lượng chư Phật, nghe giảng chánh giáo, xa lìa tri kiến bất chánh, thậm chí ở trong mộng [vẫn

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiện Hộ Kinh giảng ký 1

thấy Phật, nghe pháp]. Mọi người trong quá trình tu hành Ban Châu, sẽ có rất nhiều cảm nhận và sự thật bất đồng. Ngay trong quá trình tu tập niệm Phật, nghiệp lực biểu hiện cũng sai biệt hết sức to lớn. Do vậy, tuy có công đức và lợi ích như thế, nhưng đối với mỗi hành nhân, đều có sự biểu hiện riêng. Trong Ban Châu, tức môn tam-muội Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền này, mục đích thấy Phật là để nghe pháp. Nghe pháp chính là một thứ thiện xảo để tiêu quy tự tánh²¹, nhận biết tự tánh, là phương tiện để nhận thức, là sự chọn lựa để thành tựu Vô Thượng Bồ Đề. Chúng ta phải nên thâm nhập quan sát pháp ích (lợi ích nơi pháp) này. Nói thông thường, “*thấy Phật*” có thể luận bàn theo bốn phương diện:

1) Hiện tiền thấy Phật: Ban Châu tam-muội chính là môn tam-muội Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền Lập. Trước kia, tôi đã niệm thánh hiệu Dược Sư Phật, niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, niệm chân ngôn của Văn Thù Bồ Tát, khi tu trì hơi dụng công đôi chút, sẽ được thấy hình tượng [của các vị tôn thánh ấy], hoàn toàn chẳng phức tạp. Nhưng nếu muốn có thể hỏi pháp, thì vẫn cần phải có mức độ tiến nhập nhất định. Thông thường, nói “*thấy Phật*” đã là một cơ chế tăng thượng rất lớn rồi, tức là quá trình thiện căn chín muồi. Vì tâm tịnh, cảnh tướng (tướng cảnh giới) sẽ tịnh; tâm thiện, cảnh tướng sẽ thiện. Trong tâm giác ngộ bèn có tướng cảnh giới kỳ diệu của chư Phật Như Lai; nhưng nếu chẳng thể nghe pháp, phần nhiều là do thiện căn chẳng thể thật sự chín muồi. Trước kia, có một vị sư phụ xuất gia bảo tôi: “Ôi chao! Tôi niệm Phật, niệm chân ngôn, niệm tới mức hết sức mệt mỏi, sẽ thường xuyên thấy tượng Phật bằng đá, tượng Phật bằng đất sét, tượng Phật vẽ, đều là Phật chẳng thể nói năng!” Đó là do thiện căn chưa chín muồi. Khi tu tập thâm nhập bi, trí và phương tiện của Phật và cơ chế quan sát chưa chín muồi, sẽ có thể thấy Phật như thế. Không chỉ là chẳng thể nghe pháp, vẫn chỉ là trông thấy rồi thôi! Nếu chúng ta tu tập cẩn thận, tu tập đúng như lý, tu tập không đắm nhiễm, tu tập với khát vọng được nghe pháp, sẽ có thể thấy Phật. Nếu chúng ta thấy A Di Đà Phật hoặc chư Phật ở phương khác, nhất định phải có pháp để có thể hỏi. Nhưng nếu chúng ta bình thời chẳng tư duy đúng như pháp, chẳng có khát vọng nghe pháp, chẳng có nguyện vọng hỏi đáp, thì làm sao có thể hỏi pháp cho được? [Nếu là như vậy] thì dầu thấy Phật, vẫn có thể mê

²¹ Có thể tạm hiểu “*tiêu quy tự tánh*” là vượt khỏi các chấp trước, thấy rõ các pháp hư huyền, tìm ra được bản chất của chúng (thấy được tự tánh).

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

mất tự tâm, cũng có thể đánh mất nguyện vọng thừa hồi, đánh mất tánh cách chủ động thừa hồi. Vậy thì cũng có thể là Phật sẽ nhanh chóng biến mất.

Ngày hôm qua, có một vị Bồ Tát hỏi tôi: “Hành Ban Châu, đi tới, đi lui, đi lui, đi tới, dấu thấy Phật, Phật vẫn phải ra đi, hãy nên làm như thế nào?” Thật ra, nếu chẳng đi, sẽ xảy ra chuyện, hoặc là quý vị diệt độ, hoặc Ngài nhập diệt. Tối thiểu là quý vị xả báo, sẽ chẳng tiếp tục ở trong cõi này. Nếu chẳng như vậy, đức Phật ấy nhất định sẽ buông xả quý vị, vì sao vậy? Trong hành pháp, Ngài trợ duyên nhất thời, oai đức chiếu soi, niệm Phật chiếu kiến, do sức thiện xảo của Phật chiếu kiến, [hành nhân] đã thấy Phật rồi bèn hỏi. Hễ hỏi liền đáp, đáp xong thì biến mất, Ngài chẳng thể ở lại chỗ của quý vị. Chúng ta phải liễu giải rõ ràng thứ tự sử dụng của pháp này, chớ nên mê mất ở chỗ này. Có vị Bồ Tát đến đây thực hành Ban Châu vừa bắt đầu, đã hỏi: “Nếu tôi thấy Phật, Phật vẫn rời khỏi, tôi còn chịu đựng vất vả ngàn ấy để thấy Ngài làm gì chớ?” Chủ yếu là do quý vị chẳng thấy! Nếu đã được thấy, quý vị sẽ biết là chẳng nhọc nhằn!

“*Hiện tiền thấy Phật*” là chẳng sanh về cõi của Ngài, chẳng xả báo, Phật cũng chẳng đến, ta cũng chẳng đi. Vì có sao? Do nương vào sức niệm Phật, nương vào sức thần thông gia bị của Phật, nương vào nguyện lực nhiếp hóa của Phật, nương vào sự tương ứng với công đức của bốn hạnh, mà trong hiện tiền có thể thấy Phật. Đối với chuyện này, chúng ta chớ nên chần chừ, ngờ vực. Hết thấy những ai hướng về pháp, vui thích pháp, bằng lòng tu tập, sẽ đều có cơ hội như vậy, cũng sẽ đều có thành tựu như vậy.

2) Thấy Phật trong Định: Nếu ai có các thứ Thiên Định thiện xảo, đối với Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, và Tứ Thiên xuất nhập tự tại, kiến lập đủ thứ phương tiện thiện xảo du hý thần thông, như thế thì sẽ thấy Phật trong Định chẳng khó. Người có công phu Thiên Định khá tốt, đối với chuyện thấy Phật trọn chẳng bận tâm cho lắm. Vì một khi có Thiên Định, đối với chánh kiến và trí huệ, sẽ có thể chọn lựa khá rõ ràng. Đó gọi là “*do Định sanh Huệ*”. Huệ ấy sẽ chẳng sanh nghi, sẽ chẳng bị chao đảo, sẽ chẳng bị ngoại cảnh làm cho mê loạn. Bởi lẽ, người ấy có rất nhiều thiện xảo, chẳng bị tướng cảnh giới che lấp. Cho nên đối với chuyện có thấy Phật hay không, đâm ra còn lập bày rất nhiều phương tiện.

3) Thấy Phật trong mộng: Kẻ bình phàm dễ có chuyện này. Trước kia, tôi ở một ngôi điện đường, do [các hành nhân] mấy chục năm niệm

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Phật tại đó như một ngày; cho nên hễ ai tiến vào niệm Phật, rất dễ dung nhập vào đó. Cứ khoảng ba ngày, lại có rất nhiều mộng cảnh. Chẳng hạn như mộng thấy thế giới Cực Lạc trang nghiêm, quốc độ trang nghiêm, hoặc thiên cung trang nghiêm, hoặc là thấy Bồ Tát, chư thiên, rất nhiều cảnh giới thù thắng. Đương nhiên cũng mộng thấy người chết, hoặc ác mộng có cảnh tượng rất hắc ám, rất tàn khốc. Tuy là như vậy, nhân duyên như nhau, đều do được sức công đức chẳng thể nghĩ bàn của niệm Phật gia trì mà chiếu soi, nhận biết chúng đều là hết thấy các nghiệp tướng.

Thiện Đạo đại sư có một đoạn văn tự nói về phương pháp rất tốt để tu Tịnh Độ trong mộng. Nếu có Bồ Tát khéo tu trì, phương pháp này mười phần thuận tiện: Thông thường là buổi tối, trước khi ngủ, hãy chấp tay niệm Phật. Khi cảm nhận thân thể đã mệt mỏi, chẳng thể gắng gượng được nữa, bèn chấp tay nằm theo tư thế cát tường, niệm mấy câu như sau: *“Đệ tử tên là... đang là phàm phu sanh tử, tội chướng sâu nặng, nay nghe thiện tri thức dạy bảo, nghe nói bốn nguyện và công đức chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật, xưng niệm Phật hiệu. Do con bị nghiệp chướng ngu si che lấp, chẳng thể thấy quốc độ trang nghiêm của chư Phật, Bồ Tát, nguyện Phật, Bồ Tát gia bị cho con, khiến cho con thấy thế giới Cực Lạc, A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí và quốc độ thanh tịnh trang nghiêm, khiến cho được thấy diệu tướng như thế. A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật...”* Thông thả niệm cho đến khi chìm vào giấc ngủ, [trong mộng sẽ] rất dễ xuất hiện diệu tướng cát tường, trọn đủ, thanh tịnh. Đây là trong mộng thấy Phật. Phương pháp tu trì này rất hay, xưa nay những người tu hành pháp môn Tịnh Độ đã lâu, ban ngày niệm Phật, trước khi ngủ, nhất định sẽ làm như thế. Như chúng tôi trước kia niệm Phật trong chùa, buổi tối vào lúc đại hồi hương, sẽ quỳ trước Phật, niệm đoạn văn tự ấy. Sau đó, quay về nghỉ ngơi.

Trên thực tế, đây là một loại niệm Phật liên tục, vì trong lúc hôn mê, vô ký, nghiệp lực chín muồi, chúng ta không thuận theo nghiệp lực, đã đem nguyện vọng niệm Phật du nhập vào thời gian chính mình sắp nghỉ ngơi, điều chỉnh thời gian của chính mình, chẳng bỏ lỡ. Đó gọi là *“dạ mạc không quá, tổn niệm Tam Bảo”* (chẳng bỏ lỡ ban đêm, luôn nhớ đến Tam Bảo). Tức là trong mộng chúng ta cũng có thể tu tập, thực hành pháp tắc niệm Phật. Đó là một phương thức tu hành mười phần có ý nghĩa. Từ xưa tới nay, nhất là sau khi Thiện Đạo đại sư truyền bá pháp môn này, có rất nhiều người tu theo, đạt được diệu tướng, cảm ứng khó thể thuật trọn. Điều cơ bản là pháp này có tánh chất khá phổ biến; cũng

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

có nghĩa là chỉ cần dựa theo cách tu như vậy, hoặc một ngày, hai ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày, tu tập chẳng giải đãi, chẳng gián đoạn, trong mộng sẽ rất dễ thấy Phật, Bồ Tát, cho đến thấy được các cảnh tượng trong thế giới Cực Lạc.

4) Trì niệm danh hiệu A Di Đà Phật, khi lâm chung, ắt sanh về trước Phật. Do vậy mới có “*mạng chung, xả báo thấy Phật*”.

Bốn loại thấy Phật này đều là chân thật, chẳng giả. Vì có sao vậy? Do thật sự có tướng phàm phu, mà cũng có tướng chư Phật. Do thật sự có nghiệp của phàm phu, mà cũng có nghiệp của chư Phật. Thật sự có cõi ô trược, mà cũng có Tịnh Độ của chư Phật. Thật sự có nghiệp lực của chúng sanh, mà cũng có công đức thù thắng trang nghiêm của chư Phật. Bởi lẽ, cái này có thì cái kia có, cái này không thì cái kia chẳng thể hiển hiện. Chúng ta nhất định phải khéo quan sát: “*Chư Phật do nhân duyên sanh*”. Do duyên theo pháp tắc của các Ngài, Tu Đức có sai biệt, nhưng đối với công dụng và lợi ích của việc niệm Phật, mọi người đều có thể sử dụng được.

Pháp tu Ban Châu Tam Muội khiến cho bốn loại thấy Phật ấy đều dễ phát lộ trong hiện tiền. Tác dụng chủ yếu của pháp tu này là hiện tiền thấy Phật. Nếu cơ chế “*hiện tiền thấy Phật*” của chúng ta chẳng chín muồi, thì cũng có thể thấy Phật trong Định, hoặc trong mộng thấy Phật, cho đến kết quả rốt ráo là lâm chung thấy Phật. Do vậy mới nói pháp môn Niệm Phật này đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Rất nhiều người hỏi: “Tôi hành trì pháp này thì thiện căn có chín muồi hay không?” Tôi cảm thấy hoặc là một ngày một đêm, hoặc một ngày hai đêm, chúng ta có thể tu hành siêng ròng, cẩn thận, thâm nhập, sẽ chẳng một ai bị tổn thương! Trong nhiều năm qua, tôi mười phần cẩn thận đối với điều này. Đại khái là bắt đầu từ năm 1995, hễ tôi có thời gian, bèn tu tập đi nhiều niệm Phật [theo phương pháp Ban Châu], chẳng dám tổn hại [thân thể của] chính mình. Nếu phước đức, nhân duyên chẳng đủ thì hành trì thông thả. Đủ nhân duyên bèn kinh hành niệm Phật. Cơ bản là một ngày kinh hành niệm Phật khoảng mười lăm tiếng đồng hồ. Nếu lúc ấy có thời gian, bèn dành ra bảy ngày, hoặc dành thời gian một tháng, hoặc là nửa năm, hễ có cơ hội bèn đi kinh hành mỗi ngày mười lăm tiếng đồng hồ. Chẳng coi là tu Ban Châu, mà gọi là “*kinh hành niệm Phật*”. Có khá nhiều khi hoặc là ba ngày, bảy ngày, cho đến rất nhiều ngày đi kinh hành cũng đều có cảm nhận nhân duyên trong khi ấy. Có lần vào dịp cuối năm của một năm nọ, kể từ ngày Rằm tháng Mười Một, tại chùa Phóng Quang núi Kê Túc, chúng tôi tổ chức Phật thất kéo dài một trăm ngày. Sau khi hoàn tất,

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

có mấy vị Sa-di bèn đi kinh hành Ban Châu bảy ngày. Trong thời gian ấy, cũng có tỳ-kheo hành Ban Châu, nhưng đều là hai ngày, ba ngày, bốn ngày. Trong quá trình ấy, mọi người tu hành cảm nhận khác biệt rất lớn. Trên thực tế, Ban Châu vốn là một hành pháp rất thông thường, đương nhiên là vẫn cần tới thiện căn chín muồi. Gặp được pháp này rất khó, trọn chẳng phải là khoa trương, bản chất và nội dung thực chất của nó là như thế!

(Kinh) Vân hà đương đắc thù đặc đoan chánh thượng diệu sắc thân, cụ túc oai nghi, chúng sanh nhạo kiến cố?

(經)云何當得殊特端正上妙色身，具足威儀，衆生樂見故？

(Kinh: Làm thế nào thì sẽ đạt được sắc thân thượng diệu đặc biệt đoan chánh, trọn đủ oai nghi, chúng sanh thích thấy?)

“Thượng diệu sắc thân”: Thân chúng ta thô kệch, nặng nề. Có lúc người niệm Phật sắc thân đích xác là trọn đủ quang tướng, trọn đủ tác dụng tự tại. Ở đây, đâm ra chẳng nói nhiều thì tốt hơn. Chúng ta hãy tự mình tu tập, cho đến khi thật sự đạt được quả báo thì cũng sẽ giống như thế.

(Kinh) Vân hà đương đắc thường sanh đại tánh chi gia, tôn quý chi vị, kiến giả cung kính cố?

(經)云何當得常生大姓之家，尊貴之位見者恭敬故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ thường được sanh trong thế gia vọng tộc, địa vị tôn quý, người khác trông thấy sẽ cung kính?)

Phần lớn mọi người ở đây đã đều hành Ban Châu. Do hành pháp mà sắc thân và tâm lý đều thay đổi, mọi người đều cùng nhận biết. Đối với quả báo trong vị lai, nếu chẳng cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ sanh vào gia đình thế gia vọng tộc là chuyện chắc chắn, chẳng thể nghi ngờ. Vì lẽ nào vậy? Do hành vi đơn giản nhất, tôn trọng, đầy đủ phước đức và nhân duyên.

(Kinh) Vân hà phục đắc phụ mẫu, huynh đệ, tông thân, quyến thuộc, cập dĩ tri thức, tả hữu vi nhiều, hằng vô biệt ly cố?

(經)云何復得父母兄弟，宗親眷屬，及以知識，左右圍繞，恆無別離故？

(Kinh: Như thế nào để lại được cha mẹ, anh em, dòng họ, quyến thuộc, cùng với tri thức quây quần vây quanh, thường chẳng chia lìa?)

Đại gia tộc trước kia là “ngũ thế đồng đường” (năm thế hệ sống cùng một nhà), hoặc “tứ thế đồng đường” rất nhiều. Một nhà có đến hai ba chục người, hoặc ba bốn chục người rất bình thường. Hiện thời, mười phần khó thấy, dẫu nhà có ba người cũng rất khó gìn giữ, do vì lẽ nào? Sự tín nhiệm và đạo đức của con người sai khác quá lớn. Hiện thời, dẫu giữa người thân với nhau, cũng chẳng bằng lòng, hoặc rất khó hòa hợp rành rẽ; dần dần chẳng đủ tín nhiệm lẫn nhau, chẳng đủ bảo vệ và tôn trọng lẫn nhau!

“Tả hữu vi nhiều” ý nói quyến thuộc quyến luyến và che chở lẫn nhau. Thiếu thốn quyến thuộc thì thân tâm cô quạnh, yếu ớt, trên thực tế là tướng trạng cô quạnh. Do vậy, khi Thích Ca Mâu Ni Phật vừa chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, có một ngàn hai trăm năm mươi vị tỳ-kheo thường theo Ngài. Vua Tịnh Phạn bèn nói: “Vì sao lại hiện tướng trạng nghèo xơ xác ấy? Sao những người theo Phật lại vừa đen vừa còm cõi như thế này?” Do đó, vua yêu cầu mỗi gia đình trong dòng họ Thích Ca phải chọn ra một nam tử đẹp đẽ nhất theo Phật xuất gia, để làm quyến thuộc trang nghiêm của đức Phật, cũng nhằm khích lệ mọi người để họ biết tới lợi ích nơi y báo và chánh báo, tự lợi và lợi tha rộng lớn, liên tục chân thật trong Phật pháp.

(Kinh) Vân hà đương đắc quảng đạt bác thông, sở vi thù dị, diệc chung vô khuyết giảm ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm cố?

(經)云何當得廣達博通，所爲殊異，亦終無缺減於阿耨多羅三藐三菩提心故？

(Kinh: Làm như thế nào để sẽ thông đạt rộng lớn, việc làm đặc biệt khác lạ, và cũng trọn chẳng khuyết giảm tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề?)

Nội hàm thực chất của pháp Ban Châu là có thể khiến cho người ta thông đạt rộng lớn. Có người vặn hỏi: “Một câu Phật hiệu sao có thể

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

khiến cho con người thông đạt rộng lớn cho được?” Chúng ta cứ thật sự tu tập sẽ biết. Nếu thật sự tu tập tới mức rõ ràng, thông hiểu, xem lại hết thấy các kinh điển, [sẽ nhận biết các kinh ấy] vốn xuất phát từ cái tâm của chính mình. Nếu chúng ta có thể thật sự chứng đắc tam-muội, xem lại hết thấy các giáo ngôn, [sẽ thấy] vốn là giáo ngôn của chính mình! Nhìn lại hết thấy các pháp tắc, [sẽ biết] vốn là pháp tắc ta sẵn trọn đủ! Tuyệt đối là chẳng hai, như thế thì chúng ta sẽ chẳng bài xích. Do vậy, giáo ngôn Tịnh Độ có cơ chế thành tựu, tức là nó ngầm gồm thâm tam thừa, ngầm bảo vệ tam thừa, [tu Tịnh Độ] là ngầm hành cả ba thừa.

Trước kia, tôi là một kẻ tiếp xúc phiến diện giáo ngôn của A Di Đà Phật, là kẻ niệm Phật thọ giới theo hình thức, cũng có nghĩa là niệm Phật thì phải nên gìn giữ giới đức, ắt cần phải niệm Phật. Trong đó, có ba điều thuộc về tam-muội-da giới. Giới ấy có hai cách truyền trao: Một là truyền trao trong cảnh giới. Cách kia là truyền trao nơi Mạn Đà La, tức là truyền giới trong đàn tràng Mạn Đà La. Sau khi được nghe ba điều tam-muội-da giới ấy, tức là ba điều thệ nguyện, tôi vẫn một mực niệm Phật, nhưng tâm trạng niệm Phật đã khác hẳn. Chẳng phải là vì mong đạt tới một trạng thái chi đó, hoặc chứng đắc kết quả chi đó mới niệm Phật, nhưng do ba điều thệ nguyện ấy mà niệm Phật, chẳng hạn như dùng cái tâm chẳng tranh chấp để niệm Phật, chẳng tranh chấp chính là thệ nguyện. Lại như vì hộ trì hết thấy các hành nhân tu pháp mà niệm Phật, cũng tức là rất nhiều người đang tu hành các loại pháp, Mật pháp, Hiền pháp, Thiên Tông, Giáo Hạ, Tông Hạ, vì hộ trì các hành pháp thiện xảo cho tới khích lệ người tu hành thành tựu mà niệm Phật. Đây gọi là “*bình đẳng cùng đường mà niệm Phật*”. Chẳng vì cầu cho chính mình mà niệm Phật. Từ căn bản là chẳng vì cầu cho chính mình. Hiện thời, rất nhiều người cơ bản đều là vì chính mình được vãng sanh mà niệm Phật, vì công phu của chính mình mà niệm Phật, vì bản thân mà niệm Phật, vì miễn trừ tai nạn cho chính mình mà niệm Phật, vì ta sẽ chứng đắc thánh đạo, thoát khỏi phiền não mà niệm Phật. Các kiểu niệm Phật ấy chẳng có cùng một duyên khởi!

Chúng ta thật sự niệm Phật, có thể thông đạt ba thừa, rất ráo vô ngại, từ trong hết thấy các nghĩa, sanh ra sức phương tiện tự tại, có thể thấy thông suốt hết thấy các pháp chẳng vướng mắc, chẳng sợ hãi. Đó là điều chắc chắn chẳng thể nghi ngờ. Vì thế nói là thông đạt rộng lớn nội điển và các sách vở ngoài Phật giáo. Hành vi chẳng giống kẻ phạm ngu, tất nhiên là thành tựu nhất vị, đạt được phương tiện thoát lìa các phiền hoặc đối đãi sanh tử và phiền hoặc phạm thánh đối đãi, phiền hoặc đối

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

đài cao, thấp, lớn, nhỏ, vì cơ chế niệm Phật chính là cái Vô Thượng Bồ Đề. Hễ đã đọc kinh Vô Lượng Thọ, sẽ biết: Ba bậc vãng sanh đều lấy tâm Vô Thượng Bồ Đề làm duyên khởi, dùng phương thức “*một mực chuyên niệm*”, rốt cục quy kết hết thảy công đức thiện xảo vào thể giới Cực Lạc của A Di Đà Phật để đạt thành tựu. Lời dạy ấy mười phần rõ rệt!

(Kinh) Vân hà đương đắc chánh niệm, chánh hạnh, tiết độ bất di, tâm tri túc cố?

(經)云何當得正念正行, 節度不移, 心知足故?

(Kinh: Làm thế nào để sẽ đạt được chánh niệm, chánh hạnh, chừng mực chẳng dời, tâm biết đủ?)

Chánh kiến, chánh niệm, chánh hạnh, tâm hạnh chẳng tà. Nếu chúng ta nương theo thệ nguyện, nương vào giới để thủ hộ mà tu tập Phật pháp, sẽ chẳng có tà nghiệp. Cái được gọi là “*ý thức, nghiệp lực, tập quán*” tức là có tri kiến chẳng chánh đáng, còn được gọi là tà niệm, tạp niệm, ác niệm. Nhưng nếu chúng ta nương vào giới luật, chẳng có tri kiến bất chánh, nếu chúng ta niệm Phật, dùng Nam-mô A Di Đà Phật làm tri kiến thuần chánh để gìn giữ giới đức chính mình, sẽ chẳng nảy sanh tà kiến. Đó cũng là điều tất nhiên! Tâm không có tà niệm, nghiệp chẳng có tà hạnh, sẽ biết chừng mực, xử sự sẽ đạt tới thích đáng!

Trong khoảng thời gian này, tôi có chút nghi ngờ đối với khả năng làm việc của chính mình. Trưa hôm nay, tôi chẳng gắng gượng nổi nữa. Buổi sáng thức dậy, đã tính tìm pháp sư duy-na xin nghỉ, nói “tôi không lên giảng buổi này được. Tôi xin nghỉ”. Sau đấy vẫn không xin nghỉ, vẫn cứ lên giảng. Giảng xong quay về, vẫn nghỉ, buổi chiều sẽ chẳng giảng, vì thân thể không ổn. Thật ra là do ý thức không theo kịp, nhưng cho tới khi lên đại diện thì lại cảm thấy có thể được. Sự nhận biết ấy chính là do căn cứ theo cảm giác của chính mình mà nảy sanh [ý niệm] chẳng liên tục. Thường là tri kiến và cảm nhận của chúng ta không ngừng biến hóa, không ngừng biến đổi cao hay thấp, rất khó duy trì. Như chúng tôi đã nói, bất luận như thế nào, ta đều phải gìn giữ pháp tắc này, nó sẽ chẳng đổi khác. Do vậy, ở đây là “*tiết độ bất di, tâm tri túc cố*” (vì chừng mực chẳng dời, tâm biết đủ), thiện xảo vận dụng cái tâm thanh thản, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm trí huệ, khéo vận dụng các tâm ấy, cho nên tâm chẳng rong ruổi theo bên ngoài, chẳng bị ngoại cảnh xâm đoạt.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Mỗi người chúng ta hãy nên chú ý cảm giác, sự nhận biết, và hành vi của chính mình, hãy ít ham muốn, hãy biết đủ, hồng tránh khỏi bị tà tri tà kiến ăn mòn!

(Kinh) Vân hà đương đắc thường sanh tâm quý, viễn ly sỉ nhục cố?

(經)云何當得常生慚愧，遠離恥辱故？

(Kinh: Làm thế nào để sẽ được thường sanh lòng hổ thẹn, xa lìa sỉ nhục?)

Chẳng hổ, chẳng thẹn là thượng phẩm Tùy phiền não. Nếu ai cảm thấy “ta làm rất tốt”, đó là lời lẽ của kẻ chẳng hổ thẹn. Người ấy phần nhiều có trạng thái gì? Vô ký, buông lung, hai thứ ấy cũng là biểu hiện của thượng phẩm Tùy phiền não. Tham đắm vô ký, hôn trầm, kẻ ấy chẳng biết tâm quý thiện xảo, tâm phần nhiều chẳng hổ thẹn, chẳng thể tinh tấn đối với pháp tắc, tu hành phần nhiều chẳng thể đắc lực, phần nhiều chẳng thể tăng thượng. Nay chúng ta có cơ hội tu tập pháp tắc như thế, hãy nên quý trọng. Có thể thâm nhập tu tập thì mới thật sự có thành tựu!

Trong tu tập Phật pháp, do pháp hổ thẹn, xa lìa tử nhục. Xa lìa tử nhục nhả là điều đặc biệt quan trọng. Xa lìa là vì trong khi hổ thẹn, cảm thấy đối với người khác ta làm chẳng đủ, đối với chính mình cũng chẳng thực hiện trọn đủ, thường sanh lòng hổ thẹn, thường xuyên sám hối, thường xuyên tự mình phản tỉnh, tự tâm sẽ đứng như thật quan sát hiện nghiệp (nghiệp trong hiện tại) của chính mình. Biết hổ thẹn, sẽ chẳng hứng chịu sự vũ nhục. Nếu là kẻ chẳng biết hổ thẹn, luông tuồng, chẳng kiêng dè, cũng là kẻ tự nghĩ mình rất tốt, kiêu mạn, tà kiến, chẳng hổ, chẳng thẹn, phần nhiều là vô ký, kẻ như vậy ham ngủ, ham ăn uống, Tùy Phiền Não thô nặng, dần dần sẽ rơi vào căn bản phiền não. Những cái được gọi là “*tri kiến bất chánh*”, tức “*tham, sân, si, mạn, nghi*” sẽ tự nhiên biểu lộ!

Vì thế, đối với những lời giảng dạy của đức Thế Tôn về phiền não, Tùy phiền não, vi tế Tùy phiền não, chúng ta hãy nên xem xét. Chúng ta đều biết học Phật nhằm đoạn phiền não, trừ khử sanh tử, vận dụng bi trí để lợi ích thế gian rộng lớn, thành tựu Bồ Đề. Đoạn phiền não mười phần trọng yếu, nhưng nếu chẳng biết phiền não là gì, đoạn như thế nào đây? Rất nhiều người cứ ở mãi trong sân tâm, mạn tâm, nghi

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

tâm, chẳng hổ thẹn, ở trong hôn trầm, kiêu mạn, tà kiến, mà mong tu pháp, sẽ chẳng thể có cách nào thành tựu, luôn bị phiền não chìm lấp, làm sao tu tập Phật pháp cho nổi? Các vị thiện tri thức hãy nên chú ý chỗ này!

Chẳng biết tự xấu hổ là “*vô tà*”, đùn đẩy lỗi lầm của chính mình sang người khác, nói người này sai trái, quả kẻ kia sai trái, cuối cùng người chung quanh ta đều bất hảo, xã hội bất hảo, gia đình bất hảo, toàn bộ đều bất hảo, chỉ mình ta tốt đẹp! Kẻ chỉ thấy “một mình ta tốt đẹp” như thế sẽ chẳng thể sửa lỗi, thường nảy sanh những chuyện nhục nhã, tự mình cũng ô nhục chính mình, tức là dùng sự thống khổ để làm nhục chính mình. Trong pháp tắc của tỳ-kheo, hổ thẹn là điều trọng yếu nhất. Đối với sự tu trì của tại gia cư sĩ, cũng là như thế.

Chẳng xấu hổ đối với người khác là “*vô quý*”, thường nói là “*vô quý u nhân*” (chẳng xấu hổ đối với người khác). Cổ nhân nói “*ngã ngưỡng chi vô quý*” (ta ngẩng lên chẳng thẹn) là nói đã thật sự thực hiện được pháp tắc ấy. Có người như vậy hay không? Đó là các vị thánh nhân, bậc trí giả, hoặc các hữu tình đã xa lìa tập khí và nghiệp lực. [Người như vậy sẽ] có thể nói là “*ngưỡng phủ vô quý*” (ngửa lên hay cúi xuống đều chẳng hổ thẹn), còn kẻ bình phàm, trong khi cúi ngửa, đều phải nên biết hổ, biết thẹn!

Kẻ chẳng hổ, chẳng thẹn, tự chuốc lấy nhục. Làm người mà nếu kiêu mạn, cho rằng chính mình là chánh xác, chẳng hổ, chẳng thẹn, ưa chỉ trích kẻ khác, người như thế ắt gặp phải tai nhục, đó là bị Tùy phiền não tổn hại! Loại người này thường tự cảm thấy mình rất tốt đẹp, nói chính mình cũng chẳng tham, mà cũng chẳng mạn, cũng chẳng sân, cũng chẳng si, cũng chẳng ngu. Thật ra, chẳng phải vậy! Thông qua không hổ, không thẹn, kẻ đó đã biểu lộ tham, sân, si, mạn, ngu, các căn bản phiền não ấy được nối tiếp, cho đến nảy sanh tà kiến, chẳng thể thâm nhập Phật pháp. Do vậy nói, “*thường sanh hổ thẹn, sẽ xa lìa hai loại si nhục đối với chính mình và người khác*”. Cũng có nghĩa là tâm ta chẳng hứng chịu si nhục, mà người khác cũng sẽ chẳng si nhục ta, vì sao? Chính mình biết tự phản tỉnh. Trong tư tưởng Nho gia Trung Hoa có câu: “*Ngô nhật tam tỉnh ngô thân*” (Mỗi ngày, ta ba lượt tự xét bản thân), “*tam nhân đồng hành, tất hữu ngã sư*” (ba người cùng đi, ắt có người là thầy ta), cũng có nghĩa là coi người khác đều là thiện tri thức. Chúng ta phải thường tự phản tỉnh.

Nhưng người thời Mạt Pháp toàn là điên đảo, thường phản tỉnh người khác, gây phiền não cho người khác, bôi mốt lỗi lầm của kẻ

khác, chứ ta luôn đúng! Kẻ khác sai be bét! Ương bướng, khó giáo hóa như thế đó, gặp nhiều nổi sĩ nhục. Sĩ nhục là do chẳng thể tự phản tỉnh chính mình, chẳng thể nắm vững tự tâm. Chúng ta đều biết: Nếu gây phiền toái cho kẻ khác, cưỡng chế kẻ khác, có mấy ai chịu thuận phục kẻ khác? Cần phải hao tổn tâm huyết cỡ nào? Lãng phí tinh lực nhiều cỡ nào? Chẳng bằng đúng như thật liễu giải tự tâm. Do vậy, đúng như thật liễu giải tự tâm, tu pháp thật thuận tiện, sửa đổi lỗi lầm rất thuận tiện, liễu giải cội nguồn của lỗi lầm cũng rất thuận tiện. Hãy mau quay đầu, chủ động mạnh mẽ, chúng ta cũng sẽ chẳng bị các nhân duyên khác gây sĩ nhục.

(Kinh) Vân hà đương đắc chánh trí khiêm cung, hàng phục ngã mạn cố?

(經)云何當得正智謙恭，降伏我慢故？

(Kinh: Làm thế nào để sẽ đạt được chánh trí khiêm nhường, cung kính, hàng phục ngã mạn?)

Đôi với điều này, mọi người đều khá thông hiểu. “Chánh trí” là đúng như thật biết tự tâm. “Khiêm cung” là một pháp tắc người Hoa ưa thích nhất. Trong kinh điển được tuyên chọn đứng đầu truyền thống văn hóa Trung Hoa, tức kinh Dịch, có quẻ Khiêm, sáu hào đều tốt lành²². Dấu quẻ tốt nhất là quẻ Càn và quẻ Thái, cũng như rất nhiều quẻ cát tường khác, cũng đều chẳng được như thế. Quẻ Khiêm cả sáu hào đều tốt lành, cũng chính là như người Hoa hay nói: “Mãn tao tổn, Khiêm thọ ích” (Tự mãn thì bị hao tổn, Khiêm thì được lợi ích). Nhưng người thời Mạt Pháp tự đại cuồng vọng, phần nhiều bị tâm trí của chính mình bức bách, tức là chính mình bức bách cái tâm của chính mình, chịu đủ mọi nổi khổ nơi tâm trí. Người trong thời đại này, kẻ điều phục, nhu thuận càng ít, kẻ hợm mình kiêu ngạo càng nhiều. Do vậy, đức Thế Tôn đã thọ

²² Quẻ Địa Sơn Khiêm bao gồm quẻ Khôn (ba vạch đứt) chồng lên quẻ Cấn (một vạch liền trên hai vạch đứt). Trong lời giải thích của kinh Dịch đối với mỗi Hào (mỗi vạch của quẻ này) đều là ý nghĩa tốt lành, nên nói là “lục hào giai kỳ” (sáu hào đều tốt lành). Lời giảng chung là: “*Khiêm, hanh, quân tử hữu chung. Tượng viết: Địa trung hữu sơn, khiêm, quân tử dĩ biểu đa ích quả, xứng vật bình thí*”. Câu này được chú giải như sau: “*Quẻ Khiêm, thông thuận, tốt lành, gieo được quẻ này, bậc quân tử sẽ có thành tựu. Lời Tượng Từ giảng: Quẻ này biểu thị trong đất có núi, trong cao ngoài thấp, ở địa vị cao mà chẳng kiêu ngạo. Bậc quân tử nhìn vào quẻ tượng này, luôn giữ đức khiêm cung, lấy chỗ dư dật bù đắp chỗ thiếu sót, cân nhắc tài vật nhiều ít để ban bố công bằng*”.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

ký người thời đại này là “ít trí, ít phước, ương bướng, khó giáo hóa, chuộng đấu tranh”.

Vì sao giáo ngôn Tịnh Độ được truyền bá rộng rãi trong thời đại này? Vì giáo ngôn ấy là duyên khởi thanh tịnh bình đẳng. “Hết thấy chúng sanh đều có thể vãng sanh” là thanh tịnh, bình đẳng. Duyên khởi thanh tịnh, bình đẳng là duyên khởi yêu thương, từ bi trí huệ thật sự, mà cũng là duyên khởi thanh tịnh của tôn giáo. Lợi ích của tôn giáo là an ủi thế gian; thanh tịnh bình đẳng thì mới có thể an ủi thế gian. Quý vị có nói chính mình cao cả cỡ nào đi nữa, chẳng thể an ủi thế gian. Hạ thấp mình cỡ nào đi nữa, cũng chẳng thể an ủi thế gian. Phàm hay thánh, bất luận chúng ta đứng ở góc độ nào, đều chẳng thể an ủi thế gian. Chỉ có bình đẳng thanh tịnh, hết thấy chúng sanh đều có thể thành Phật, đều có thể vãng sanh, như thế thì mới có thể đúng như thật an ủi thế gian, mang lại lợi ích chân thật cho hữu tình trong thế gian. Đối với điều này, chúng ta có thể tư duy, và cũng có thể quan sát được!

“Hàng phục ngã mạn cố” (Do hàng phục ngã mạn): Chúng ta nếu hơi chẳng chú ý, sẽ sanh khởi cái tâm ngạo mạn, tức là tự đề cao chính mình, khinh rẻ kẻ khác. Đó là tướng trạng trong đời mạt. Hữu tình trong thưở chánh pháp và thời mạt, phần nhiều ương ngạnh. Trong kinh điển, đức Phật đã nhiều lượt thọ ký như thế. Tuy cái tâm của chúng ta vĩnh viễn giống như tâm Phật, nhưng do biểu hiện của nghiệp lực, bèn có Chánh Pháp và Mạt Pháp.

(Kinh) Vân hà đương đắc sách cần tinh tấn, viễn ly giải đãi cố?

(經)云何當得策勤精進，遠離懈怠故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ siêng gắng, tinh tấn, xa lìa giải đãi?)

Đọc đến câu “sách cần tinh tấn”, thấy dễ dàng; thật ra, chẳng dễ thực hiện! Thiện Đạo đại sư dạy: Nếu có kẻ ngày đêm sáu thời gấp rút tu trì, như cứu đầu cháy, nhưng do tạp niệm lòng lầy, chẳng thể thành tựu chánh nhân vãng sanh. “Tinh tấn” được nói ở đây là gì? Chư Phật Như Lai đã dạy: Sức trí huệ chẳng đắm nhiễm, sức phương tiện lợi ích hữu tình, thường xuyên thủ hộ, chẳng hề gián đoạn; đó là “tinh cần” (精勤, siêng năng chuyên ròng). Đối với chánh niệm, thệ nguyện chẳng có lúc nào đánh mất chánh niệm, thường liên tục siêng năng, thường siêng thủ hộ. Đó là thiện xảo tinh tấn thật sự. Nếu chúng ta hằng ngày chẳng ngủ nghê, cứ đứng tại đó mà phát sanh cái tâm kiêu mạn, tự mình tăng

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

trường cái Tôi, cưỡng chấp cái Ta, tốt nhất là đừng nên tu trì! [Bỏ lẽ], tu trì như vậy sẽ càng tu càng khổ, càng tu càng xa, càng tu càng khó! Chuyện này chúng ta đều có thể trông thấy, đều nhận biết!

“*Viễn ly giải đãi*”: Sự tinh tấn này ứng với chánh tinh tấn. Kẻ tà tinh tấn phần nhiều có cái tâm tăng thượng mạn, lừa dối, si nhục chính mình lẫn người, cho mình là tôn quý, lẩn hiếp, si nhục kẻ chưa hành. Như thế thì không chỉ chẳng đạt được lợi ích nơi Phật pháp, mà còn nảy sanh đại kiêu mạn. Do cái tâm tăng thượng mạn, bèn “chưa đắc mà nói đã đắc”, phần nhiều lẩn hiếp, si nhục thế gian, rơi vào quyền thuộc của ma, dầu niệm Phật cũng đánh mất cam lộ vị. Dầu hằng ngày niệm Phật, nhưng do dùng cái tâm tăng thượng mạn để tu trì, sẽ chẳng đạt được lợi ích nơi Phật pháp. Nhất định phải chú ý chỗ này!

(Kinh) Vân hà đương đắc đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, bình đẳng dĩ lạc cố?

(經)云何當得大慈大悲，大喜大舍平等與樂故？

(Kinh: Làm thế nào để sẽ đắc đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, bình đẳng ban vui?)

Đúng là chúng ta phải nên đặc biệt chú ý tu trì Tứ Vô Lượng Tâm. “Từ, bi, hỷ, xả” Tứ Vô Lượng Tâm đều duyên theo chúng sanh, bình đẳng hóa độ. Cái gọi là Từ chính là ban vui cho chúng sanh. Ở đây, “*ban vui cho chúng sanh*” chẳng thể nói là quý vị đối với tôi thân thiết, tốt đẹp, tôi sẽ ban vui cho quý vị; đấy chẳng phải là từ bi. Phải nên là ban vui cho hết thảy chúng sanh, bất luận kẻ đối nghịch với quý vị, làm hại, hủy báng, tán dương, báng bổ, làm nhục quý vị, đều ban vui cho các chúng sanh như vậy, khiến cho hạng hữu tình ấy đạt được pháp lạc, đạt được niềm vui do lìa khổ, tâm trí an lạc, niềm vui Bồ Đề, niềm vui chánh pháp, niềm vui do xa lìa tập khí nặng nề. Đó là thật sự thủ hộ Phật pháp. Nếu không, chúng ta chọn lựa để ban vui cho chúng sanh: Kẻ nào đối xử tốt với ta, cung kính ta, tán thán ta, ta liền thuyết pháp cho hắn, độ hắn. Trong rất nhiều kinh điển, đức Phật đã phê phán loại người như thế đã dùng cái tâm quyền thuộc của ma, tăng trưởng nghiệp lừng lẫy, tức là nghiệp luân hồi. Như thế gọi là “*lôi kéo quyền thuộc*”.

Quý vị đối xử với tôi rất tốt, chúng ta sẽ tụ họp. Sau đó, tôi sẽ hóa độ quý vị, thuyết pháp cho quý vị. Quý vị đối xử với tôi chẳng tốt, tôi liền bài xích, thương tổn quý vị. Đấy chẳng phải là Từ tâm. Từ tâm trọn

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

khấp, chân thật nhất như, ban bố rộng rãi, khiến cho chúng sanh đạt được yên vui, khiến cho hết thảy hữu tình dù thiện hay ác, đều có thể bình đẳng an lạc. Đây là đại Từ tâm thật sự. Khiến cho cừu nhân của chính mình, kẻ tánh tình độc ác, kẻ tổn hại ta đều được sống ở nơi như ý, tốt lành, đạt được thiện báo. Đó là vun bồi cái tâm Từ. Nếu nói “ngươi đối xử với ta tệ bạc, ngươi rơi vào chỗ xấu ác, hãy hứng chịu quả báo đi, vào địa ngục đi!” Đó là sân tâm, hại tâm, nghịch tâm! Chư vị thiện tri thức hãy rất khéo quan sát!

Cái gọi là “*đại bi*” chính là sức tự tại và nghiệp duyên tự tại dẹp trừ nỗi khổ trầm luân của chúng sanh, khiến cho chúng sanh an trụ nơi vui sướng, thoát khỏi khổ duyên.

Nói tới Hỷ thì là cái tâm làm cho chúng sanh vui mừng. Trong giáo ngôn của đức Phật, khiến cho chúng sanh vui sướng, khiến cho chúng sanh an lạc, chính là khiến cho chư Phật an lạc, tức là nói “*chúng sanh an lạc, chư Phật an lạc. Chúng sanh hoan hỷ, chư Phật hoan hỷ*”. Vì lẽ nào vậy? Hết thảy sự bố thí và giữ gìn Bồ Đề tâm của chư Phật Như Lai đều do chúng sanh làm nhân duyên mà hiển lộ. Nếu không, chúng ta học tập Phật pháp sẽ trở thành đi ngược đường!

Nói tới Xả thì là dùng cái tâm bình đẳng, lìa bỏ hết thảy đối đãi khác biệt, lìa bỏ oán đối, lìa bỏ cao thấp, lìa bỏ phàm thánh. Xả biểu lộ triệt để tâm trí bình đẳng tạo lợi ích. Xả khác biệt, xả đối đãi, xả nghi ngờ, xả thiện ác, như thế thì sẽ có các thứ thiện xảo, có thể bình đẳng tạo lợi ích rộng lớn cho hết thảy chúng sanh. Điều này được vận dụng nhiều nhất trong pháp môn Tịnh Độ.

(Kinh) Vân hà đương đắc văn thuyết thậm thâm chân không, vô tướng, vô nguyện pháp thời, nhất thiết vô hữu kinh bố, thoái một cố?

(經)云何當得聞說甚深真空無相，無願法時，一切無有驚怖，退沒故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được khi nghe nói pháp rất sâu như chân không, vô tướng, vô nguyện, hết thảy sẽ chẳng bị kinh sợ, lui sụt?)

Đối với hết thảy phàm phu hữu tình, đây là một sự cảm nhận chân thật. “*Không, vô tướng, vô nguyện*” chính là ba pháp môn giải thoát, là pháp môn giải thoát mà hết thảy người học Phật đều phải nên hành trì. Chúng ta đều biết đến sự nhiếp hóa của ngũ phần Pháp Thân, tức là Giới,

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Định, Huệ, Giải Thoát, và Giải Thoát Tri Kiến. “*Không, vô tướng, vô nguyên*” là thiện xảo giải thoát. Khi nghe pháp môn như thế, “*nhất thiết vô hữu kinh bố, thoái một*” (hết thấy chẳng có kinh sợ, lui sụt). Tu pháp gì thì sẽ có thể đạt được lợi ích như thế? Hành pháp Ban Châu đích xác là một trăm hai mươi hai câu hỏi, tức là lợi ích có thể đạt được từ một trăm hai mươi hai góc độ.

Ba môn tam-muội Không, Vô Tướng, Vô Nguyên là các môn tam-muội riêng biệt, đặc thù của Phật giáo, giống như Niệm Phật tam-muội, Ban Châu tam-muội, Pháp Hoa tam-muội. Đó là một pháp tu trì trong vô lượng vô biên môn tam-muội. Tu trì tam-muội chính là công đức Chánh Thọ trong Phật pháp. Nếu chẳng vận dụng tam-muội, công đức và lợi ích hiện tiền đều là hư giả, tương tự, chẳng chọn lựa. Nhập Hoan Hỷ Địa Bồ Tát, sẽ có vô lượng tam-muội cùng lúc hiện tiền, tự đạt được, tự trọn đủ, đạt được oai đức tự tại, vượt xa kẻ bình phàm. Chúng ta từ trong hành vi bình phàm, từ trong tư duy và ý thức bình phàm mà nảy sinh sự hay biết. Sức mạnh hiểu biết thông qua khả năng hiểu biết và đối tượng nhận biết mà nảy sinh tác dụng nối tiếp. Thế nhưng sức tam-muội chẳng phải là sức tướng tượng, mà là sức cảnh giới, sức phước đức, sức thiện xảo, sức công đức, sức trí huệ, sức từ bi, sức phương tiện, sức lợi ích hữu tình chẳng thể nghĩ bàn, sanh ra một thứ hiện thực. Chỉ có người đắc tam-muội mới nhận biết hiện thực ấy. Chư Phật Như Lai cũng có thể phương tiện lập bày giáo pháp, chỉ bảo, hướng dẫn, nêu ra các thí dụ, bao gồm nhân dụ và pháp dụ để dẫn dắt chúng sanh khế nhập pháp tắc ấy. Nay chúng ta học tập Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiện Tiền Lập tam-muội thì cũng là như thế.

Nghe “*không, vô tướng, vô nguyên*”, hết thấy phàm phu đều sanh tâm sợ hãi. Nếu chẳng sợ hãi, là do chẳng tư duy rất sâu. Nếu đã tư duy mà chẳng sợ hãi, thì đều là người có thiện căn đã chín muồi. Vì sao? Đã an trụ nơi giải thoát. Nếu là kẻ chẳng an trụ, ắt sẽ sanh lòng sợ hãi. Đối với điều này, chúng ta thường có thể suy xét kỹ càng. Đối với ba môn tam-muội Không, Vô Tướng, Vô Nguyên, nếu là tương tự tùy thuận, sẽ chẳng sanh sợ hãi, người ấy đạt được phương tiện giải thoát. Vì hết thấy các pháp hữu vi, hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian rốt ráo như huyền, chẳng có thực chất, loạn khởi, loạn diệt (rối loạn dấy lên, rối loạn diệt mất), do nhân duyên mà sanh. Tánh của chúng vốn là Không, ắt sẽ chẳng có gì để đạt được. Hết thấy bậc thiện tri thức chọn lựa từ chỗ này, đích thân chứng đắc ba môn tam-muội ấy, đạt được giải thoát an lạc. Đó gọi là “*chân thật tánh Không*”, chẳng phải là Đoạn Diệt Không, cho nên

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

nó có thể dung nạp trọn vẹn vạn pháp, chẳng nhiễm mảy trần. Do trong vạn pháp chẳng có mảy trần, người ấy đạt được giải thoát rốt ráo. Nếu từ trong ba môn tam-muội ấy, đích thân chứng pháp tánh không nhiễm trần, sẽ đạt được giải thoát rốt ráo. Cho nên nói “*đắc nhập tam-muội nghĩa*” chính là tâm trí chẳng nhiễm trần an trụ trong hết thảy các pháp, đạt được giải thoát rốt ráo. Sự giải thoát chính là khi sự việc hiện tiền, sẽ hiểu rõ pháp tánh, có thể chọn lựa. Sự chọn lựa ấy chân thật, chẳng hư dối, trọn chẳng phải là giả thiết, chẳng phải là lý luận, chẳng phải là tư duy, chẳng phải là điều trông thấy, được gọi là “*tam muội lực*”, tức là sức Đẳng Thọ.

Chư vị thiện tri thức cùng tu tập Ban Châu tam-muội như nhau, chúng ta phải nên thâm nhập tu tập. Không, Vô Tướng, Vô Nguyên chẳng phải là nói suông, chẳng lý giải. Thật ra, nó là chứng đắc như thế, tâm trí như thế, cảm nhận như thế, nghiệp tướng như thế, liên tục tiếp nối như thế! “*Chẳng sanh sợ hãi*” đối với chuyện này thì chỉ có hành giả đang tu tập Ban Châu mới có thể chọn lựa tâm trí ấy. Trong quá trình chúng ta tu hành pháp Ban Châu, sẽ có thể lãnh hội. Nếu chẳng lãnh hội được điểm này, thì hoặc một ngày một đêm, hoặc bảy ngày bảy đêm, hoặc chín mươi ngày chín mươi đêm, cho tới thời gian lâu hơn, thậm chí kéo dài đến tận tương lai, khó thể thành lập, khó thể tiếp tục duy trì, khó thể gìn giữ. Vì sao? Do quý vị chìm đắm nặng nề, mang nhiều gánh nặng, bị đủ loại vọng tưởng lừa gạt, khinh nhục, cho nên chẳng thể đạt được tam-muội. Tam-muội là trong tâm phát sanh sự khinh an (nhẹ nhàng, an lạc), thật sự tương ứng, thật sự đạt được công đức như thế. Đối với Không và Vô Tướng chẳng mong cầu, đối với Không và Vô Tướng chẳng đạt được gì. Do đó, nhập Vô Nguyên tam-muội. Môn tam-muội ấy được gọi là giải thoát tam-muội chân thật, chẳng lui sụt, chẳng đắm nhiễm, chẳng sợ hãi!

Đây là điều “*vân hà*” thứ mười lăm. Một trăm hai mươi hai câu hỏi được đặt ra trong kinh này đều nhằm nói về công đức lợi ích của [môn tam-muội] Thập Phương Chư Phật Hiện Tiền. Hỏi các vị thiện tri thức! [Hiền Hộ Bồ Tát] lập ra các câu hỏi là vì công đức và lợi ích [của pháp Ban Châu] mà đặt bày, vì hết thảy các pháp vốn “không có gì để đạt được”, hết thảy các pháp vốn “không có gì để lập bày”, nhưng nương vào sự đặt bày để khiến cho chúng sanh được thấy, được nghe! Giống như chúng ta vốn chẳng có căn nhà này, bèn tụ tập một đồng gỗ đá, qua sự lắp ghép, sơn phết của thợ thuyền mà hình thành một căn nhà như thế đó. Do vậy, hư không vốn chẳng có gì, mà tạo lập đủ mọi thứ pháp ích

thiện xảo, bản chất của chúng cũng là Không. Nếu là có, làm sao kiến lập cái Không cho được?

(Kinh) Vân hà đương đắc bất nhạo lãn nọa, nhiếp thọ chánh pháp cố?

(經)云何當得不樂懶惰，攝受正法故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được chẳng ưa thích lười nhác, nhiếp thọ chánh pháp?)

Chúng ta đều biết: Công đức chân thật của hết thầy chánh pháp là an lập, tiêu trừ hết thầy các phiền não, vi tế phiền não, và Tùy phiền não. Trong hết thầy các phiền não, vi tế phiền não và Tùy phiền não bị tiêu trừ triệt để. Hữu tình phạm phu vận dụng sanh mạng của chính mình như thế nào? An trụ chẳng nghi ngờ trong phiền não, vi tế phiền não, và Tùy phiền não, như tham, sân, si, mạn, nghi, chẳng chánh kiến. Chúng sanh như thế là chúng sanh thô ác. Lại như [các phiền não] vô ký, giải đãi, buông lung, chẳng hổ, chẳng thẹn. Đó là hạng hữu tình bị thâm nhiếp bởi Tùy phiền não thô nặng, chẳng thể tăng trưởng thiện pháp, chẳng thể đạt được oai đức lợi ích thế gian rộng lớn. Hữu tình thuộc loại trước là hữu tình ác nặng nề, hữu tình thuộc loại sau là hữu tình giải đãi, hữu tình vô ký, phần nhiều chuyển theo dòng nghiệp, an trụ trong dòng nghiệp. Thoạt nhìn nghiệp lưu ấy thông dong, nhưng thật ra, nó cũng là nghiệp luân hồi.

Như thế nào thì sẽ chẳng ưa thích giải đãi? Do được Chánh Thọ cổ vũ, khích lệ, do Chánh Thọ tiếp nối, do tiến hướng Chánh Thọ. Ví như đối với nguyện vọng mong cầu Ban Châu tam-muội của chúng ta, nếu chẳng có nguyện vọng như thế, chúng ta sẽ rất dễ đọa vào giải đãi. Trong kinh Phạm Võng, đức Phật đã nêu dạy: *“Hết thầy chư Phật Như Lai đều dùng tinh tấn để thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Hết thầy phạm ngu hữu tình đều do giải đãi, buông lung mà trầm luân!”* Hành pháp Ban Châu cũng lại như thế, có thể khiến cho hết thầy chúng sanh từ trong sự an lạc của Chánh Thọ mà gạt bỏ lười nhác. Về cơ bản, lười nhác thuộc về thượng phẩm Tùy phiền não. Món Tùy phiền não này khá phổ biến trong các Tăng chúng và những người chuyên môn tu trì, còn hữu tình tại gia thì phần nhiều là ác tánh phiền não thô nặng, tức tham, sân, si, mạn, nghi, tri kiến bất chánh. Hàng xuất gia thì phần đông lười nhác, vô ký, hôn trầm, không hổ thẹn. Lại còn có thói tự mãn, chẳng

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

thể siêng ròng tu tập Phật pháp, chẳng thể thâm nhập sự thiện xảo rộng lớn.

Chúng ta nói “*Như Lai Chí Chân đấng Chánh Giác*” thì “*Đẳng*” quả thật là do Nhất Chân hiện ra, do bản chất của pháp giới hiện ra. Hết thấy các tam-muội sẽ tự bình đẳng lãnh nhận công đức, tức là công đức thuộc về bản chất. Tôi nhớ ông Đại Hùng trong khóa tu pháp Ban Châu chín mươi ngày, đã viết cho tôi vài chữ: “*Hôn trầm trụ ám xứ*” (Hề hôn trầm bèn trụ trong chỗ tối tăm). Trong thực tế, đó chính là Đẳng, đã có lãnh hội đôi chút đối với “*chư pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ*” (các pháp trụ nơi địa vị vốn có của nó, tướng thế gian thường trụ). Nếu tiếp tục, sẽ có thể nhập thiện xảo Đẳng Thọ. Nếu chẳng thể tiếp tục, sẽ lui sụt thành tập khí, lui sụt thành phương tiện thiện xảo. Đây là sự nhận biết tương tự, nhưng sự nhận biết ấy cũng rất có ý nghĩa. Khi tu tập hành pháp Ban Châu, rất dễ dàng nhận biết Đẳng Chánh Giác. Do Như Lai là bậc Chí Chân đấng Chánh Giác, cho nên “*chư pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ*”. “*Thường trụ*” chính là các pháp ở đúng nơi pháp vị của chúng, hết thấy thiện tri thức đích thân chứng pháp “*dứt bật đối đãi*”, dựa vào địa vị Thập Trụ Bồ Tát, quyết định có thể nhận biết “*hết thấy đều dứt bật đối đãi*”. Vì đối với sự đích thân chứng đắc và nhận biết pháp, chúng ta nghe nói thì nhiều, chứ tu tập thì ít, cho nên chẳng thể hưởng thụ pháp vị của chư Phật, chẳng thể yêu thích pháp vị của Phật. Nếu có thể thật sự thâm nhập pháp vị của Phật, pháp vị ấy cũng vô cùng. Thiện xảo cũng là vô cùng, bi trí cũng vô cùng, phương tiện thiện xảo vô cùng, sẽ đem lại cho chúng ta phước đức, thiện xảo, phương tiện và oai đức vô cùng. Oai đức là gì vậy? Chính là trong lúc bình thời, chúng ta sẽ vận dụng không vướng mắc, không trở ngại, chẳng sợ hãi!

(Kinh) Vân hà đương đắc trí huệ thông đạt, minh liễu nhất thiết vô dử đẳng giả cố?

(經)云何當得智慧通達，明了一切無與等者故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được trí huệ thông đạt, hiểu rõ hết thấy, không ai sánh bằng?)

Đây là vấn đề thứ mười bảy, cũng là nói về lợi ích do trạch pháp (擇法, chọn lựa pháp), mà cũng là hiệu quả tất nhiên sanh khởi bởi sức tam-muội Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền. Hiệu quả gì vậy?

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Tức là “*trí huệ thông đạt, minh liễu nhất thiết vô dử đẵng giả*” (trí huệ thông đạt, hiểu rõ hết thấy, không ai sánh bằng). Phần này nhằm tiếp nối phần trước: Nếu là người chẳng thích lười nhác, nhiếp thọ chánh pháp, tất nhiên sẽ tiến nhập trí huệ thông đạt, tất nhiên sẽ tiến nhập “*hết thấy chẳng có gì sánh bằng*”. Nếu chẳng trừ khử giải đãi, Đẳng sẽ chẳng thể thành lập được, chỉ là tướng hôn trầm, tướng vô ký, tướng buông lung, tướng chẳng thẹn, chẳng hổ, là tướng tầm thường chết lặng. Tướng ấy sẽ chẳng thể lợi ích thế gian, chẳng thể lợi ích bản thân, chẳng thể lợi ích hữu tình. “*Trí huệ thông đạt, minh liễu nhất thiết vô dử đẵng*” (trí huệ thông đạt, hiểu rõ hết thấy chẳng thể sánh bằng) chính là tâm trí nguồn cội của A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Do hết thấy đều chẳng sánh bằng, cho nên chư Phật Như Lai có thể liễu đạt “*hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, không cần nhờ vào tạo tác, trực tiếp thấu đạt cội nguồn. Khi chúng ta đọc Đại Phương Đăng Như Lai Tạng Kinh, sẽ có thể nhận biết điểm này. Trong đó, có chín loại tỷ dụ²³. Mỗi tỷ dụ đều nói đến thực chất và tướng trạng biểu lộ: Tướng được biểu lộ là vô nhiễm, còn thực chất thì chẳng thể nghĩ bàn, bằng với chư Phật. Chỉ có Phật và Phật mới đích thân chứng chữ Đẳng này; chỉ có người thiện xảo là nhận biết, còn kẻ hủ bại sẽ mờ mịt. Nếu nhận biết điều này, sẽ đắc trí huệ thông đạt, hiểu rõ tâm Vô Thượng Bồ Đề ở chỗ nào, hiểu rõ Vô Thượng Bồ Đề ở nơi đâu. Kẻ giải đãi sẽ chẳng thể vận dụng Vô Thượng Bồ Đề. Kẻ buông lung, kẻ vô ký, kẻ vô minh, kẻ tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, sẽ chẳng thể vận dụng. Vì sao vậy? Họ bị tà kiến tham, sân, si, mạn, nghi, cho đến các loại Tùy phiền não che lấp, cho nên cũng bị biến dạng, giống như tấm gương biến dạng [ở khu vui chơi]. Tuy Như Lai Chí Chân đẳng Chánh Giác thiện xảo, tuy được quang minh của tự tánh chiếu sáng rực, nhưng bị cái gương biến dạng soi bóng mà trở thành vụn vẹo, diện mạo sẵn có ngay lập tức bị vụn vẹo, chẳng thể trông thấy, tâm sanh sợ hãi, điên đảo.

(Kinh) Vân hà đương đắc w nhất thiết Phật sát tùy ý đắc sanh cố?

²³ Chín loại tỷ dụ về Như Lai Tạng như sau: Tỷ dụ trong hoa héo có Phật, tỷ dụ về mật ong nơi cây mọc trên vách đá, tỷ dụ về chất cốt lõi trong vỏ bọc cứng chắc, tỷ dụ về vàng ròng ẩn trong thứ bất tịnh, tỷ dụ về kho báu giấu trong nhà nghèo cùng, tỷ dụ về hạt quả Am Ma La, tỷ dụ về tượng vàng ẩn trong đồ vật tầm thường, tỷ dụ người con gái nghèo mang thai đứa con quý hiếm, tỷ dụ về tượng vàng còn nằm trong khuôn.

(經)云何當得於一切佛刹隨意得生故?

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được tùy ý sanh vào hết thấy các cõi Phật?)

Lập ra một trăm hai mươi hai câu hỏi này, toàn bộ đều [nhằm phơi bày] lợi ích và hiệu quả của Ban Châu tam-muội, tức là công đức chân thật do tu hành pháp Ban Châu là ở chỗ nào; cũng tức là một trăm hai mươi hai công đức đều do tu trì tam-muội Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiên Lập mà đạt được. Điều thứ mười tám chính là tùy ý đối với mười phương cõi Phật, hoặc là thấy trong mộng, hoặc thấy trong Định, hoặc do sức tam-muội mà trông thấy, hoặc do xả báo mà thấy, sẽ đều trông thấy. “*Thấy*” có nghĩa là “*sanh vào hết thấy các cõi Phật*”. Trong cõi này, chúng ta thấy Phật, chẳng hạn như hiện tiền thấy Phật, sẽ là công đức vãng sanh. Tức là chẳng lìa khỏi chỗ ngồi, chẳng xả bỏ nguyện, mà được sanh trong mười phương cõi nước. Vì lẽ nào? Chúng ta vốn cùng mười phương cõi nước cũng chẳng có chướng ngại. Nay chúng ta không thể biết, không thể hiểu, không thể thấy, đều là do bản thân chấp trước mạnh mẽ và nghiệp duyên dị thực nhất thời che lấp.

(Kinh) Vân hà đương đắc bất vị nhất thiết ngoại đạo sở tồi hoại cố?

(經)云何當得不爲一切外道所催壞故?

(Kinh: Như thế nào sẽ được chẳng bị hết thấy ngoại đạo hủy hoại?)

Chúng ta đều biết, ngoại đạo đều dựa trên sự tướng để an lập. Họ dùng Ngã, bất luận hành xử nơi Tiểu Ngã, Chân Ngã, Giả Ngã, Bồn Tế Ngã, Vô Trước Ngã, Trí Huệ Ngã, cho tới Diệu Dụng Thiện Xảo Ngã, đều là chấp trước. “*Chấp*” có nghĩa là tìm kiếm nơi sự tướng, cho là ngoài tâm có pháp. Chẳng hạn như truy ngược về Bồn Tế, bèn cho rằng có một cái Thần Ngã²⁴, cho rằng tất cả tâm tánh biến dạng của chúng ta

²⁴ Thần Ngã (Puruṣa) là quan điểm phát xuất từ kinh Vệ Đà, cho rằng trong vũ trụ có một cái Tự Ngã trọn khắp, là bản thể của vũ trụ, là nguyên lý phổ quát. Phái Số Luận cho rằng Thần Ngã bất động, thanh tịnh, bất biến, vĩnh hằng, khi nó kết nối với vật chất, sẽ sanh ra sự sống. Nó còn được gọi là Đại Ngã. Từ Đại Ngã mà sanh ra các tiểu ngã, tức linh hồn của mỗi cá nhân. Quan điểm này khá giống như quan điểm

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

trong hiện tại là Giả Ngã, dùng Giả Ngã để chứng Chân Ngã. Đó là quan điểm lập luận của ngoại đạo, chẳng liên quan gì với Phật pháp. Lại như Vô Trước Ngã, tức là tướng cái tâm chẳng vương mắc là Ngã. Đây cũng là quan điểm của ngoại đạo. Kinh Lăng Nghiêm đến cuối cùng bác bỏ vô trước ngoại đạo. Trong chín mươi sáu loại ngoại đạo, nếu chúng ta chẳng thật sự chọn lấy chánh tri chánh kiến của Phật pháp, [các tri kiến khác] đều là đắm nhiễm. Do vậy, Phật giáo nói “*tánh Không duyên khởi*”, dạy vô ngã, vô thường, khổ, tịch tĩnh Niết Bàn. Nếu không thể chọn lựa bốn pháp ấn, chúng ta sẽ chẳng thể nhận thức Phật pháp, thường bị đánh lừa bởi tri kiến của ngoại đạo. Tri kiến của ngoại đạo đều có chỗ y cứ, có chỗ thuận theo, đều có chỗ nắm giữ, đều có chỗ dính mắc, chỉ có giáo ngôn thanh tịnh “*vô ngã, không, khổ, vô thường, tịch tĩnh Niết Bàn*” của chư Phật là chân thật thủ hộ, phơi bày thấu triệt vô tự tánh, gột sạch hết thảy trần cấu. Nơi Thật Tế Lý Địa, chẳng thể lập một pháp nào. Do vậy, hóa độ hết thảy chúng sanh. Đối với điều này, nếu chẳng dùng cái tâm oai đức, tâm trí huệ, tâm thiện xảo thành thực, sẽ thường bị mê mất tự tâm, phần nhiều tương ứng với tâm ngoại đạo, phần nhiều thích đắm nhiễm. Nếu chúng ta thật sự hành trì Phật pháp, chẳng hạn như ngay lập tức tu pháp Ban Châu, hành ngay lập tức, sẽ có thể cắt đứt, vượt thoát hết thảy đắm nhiễm, cho nên chẳng bị lay động bởi ngoại đạo.

(Kinh) Vân hà đương đắc như hải, năng thọ nạp chúng vân nghi thích nạn vô giảm, vô tận cố?

(經)云何當得如海，能受納衆問疑釋難無減無盡故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được như biển, có thể nhận lãnh, dung nạp các nghi vấn, giải quyết các vấn nạn chẳng giảm, chẳng tận?)

Chúng ta hành Ban Châu, đích xác là từ Tổng Trì mà giải quyết, là pháp môn Tổng Trì. Trí Nghiễm đại sư²⁵ đề ra thuyết Lục Tướng Viên

trong Đạo Giáo và các nhóm tôn giáo theo quan điểm tam giáo đồng nguyên, cho rằng Thần Ngã là chân tánh của Thượng Đế, mỗi cá nhân là một điểm linh quang của Thượng Đế, phải tu tập để trở về với cái nguồn linh quang.

²⁵ Trí Nghiễm đại sư (602-668) là tổ thứ hai của tông Hoa Nghiêm, sống vào thời Tùy - Đường. Ngài họ Triệu, quê ở huyện Tần An, Thiên Thủy. Năm Đại Nghiệp thứ chín (613), do pháp sư Pháp Thuận thỉnh cầu, cha mẹ Ngài đồng ý cho Sư theo ngài Pháp Thuận xuất gia. Ngài thọ Cụ Túc Giới năm hai mươi tuổi, đi khắp nơi tham

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Dung²⁶, từ tổng tướng mà giải quyết hết thảy các vấn đề, tức là Tổng Trì Đà La Ni giáo có thể giải thích hết thảy. Vì sao là Tổng Trì? Nói theo tâm duyên, nói theo tâm địa, nói theo pháp giới duyên khởi, sẽ có thể giải quyết hết thảy nghi hoặc, cũng là như chúng ta nương vào một niệm hiện tiền để chọn lựa pháp giới, chẳng phải là nương theo nhiệm duyên của pháp giới để chọn lựa pháp giới. Đó là tế tướng, cũng rất phức tạp. Như vậy thì sẽ có thể đạt được trí huệ như biển, hết thảy các nghi vấn sẽ đều gột sạch. Vì sao? Vốn chẳng có một pháp nào an lập mà có thể giải quyết hết thảy vấn đề, hết thảy các duyên vấn nạn. Thông thường, chúng ta bị một sự tướng gây khó khăn, bị nghi vấn gây khó dễ, vì lẽ nào? Do tâm có trần cấu. Hễ người khác tạo duyên gây khó dễ, chúng ta tự nhiên bị mờ mịt. Nếu trong tâm sạch lầu, chẳng có một vấn đề nào để đạt được, chẳng có một pháp nào để có thể nhiệm, như thế thì vấn đề đưa đến, tự nhiên sẽ có thể giải quyết, tự nhiên có sự thiện xảo giải trừ nó, có thể phương tiện giải trừ nghi hoặc, chẳng tăng giảm nơi pháp tắc, cho nên là “*vô giảm, vô tận cố*”. Chẳng tăng, chẳng giảm tâm trí, khiến cho chúng sanh trụ trong an lạc.

(Kinh) Vân hà đương đắc như nguyệt mãn, bạch tịnh pháp cụ túc cố?

(經)云何當得如月滿，白淨法具足故？

học, nghe giảng luật Tứ Phần, Thành Thật Luận, Thập Địa, Địa Trì, Niết Bàn v.v... Tổ học kinh Hoa Nghiêm từ ngài Tĩnh Lâm, bèn quyết chí nghiên cứu kinh Hoa Nghiêm. Sau đó, Ngài theo học với pháp sư Đệ Tâm Đễ Thuận (sơ tổ tông Hoa Nghiêm), dung thông giáo nghĩa Lục Tướng để giải thích kinh Hoa Nghiêm và dạy Nhiếp Đại Thừa Luận. Ngài trụ tích tại chùa Vân Hoa, chuyên hoằng dương kinh Hoa Nghiêm, tông phong cực thịnh. Ngài Pháp Tạng (tức ngài Hiền Thủ) nghe danh xin làm môn hạ, trở thành tổ thứ ba của tông Hoa Nghiêm. Người đương thời tôn xưng ngài Trí Nghiễm là Vân Hoa tôn giả, hoặc Chí Tướng đại sư. Trước tác của Ngài rất nhiều, nhưng hiện thời chỉ còn giữ được Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Suu Huyền Phần Tế Thông Trí Phương Quỹ (thường gọi tắt là Hoa Nghiêm Kinh Suu Huyền Ký), Hoa Nghiêm Nhất Thừa Thập Huyền Môn, Hoa Nghiêm Ngũ Thập Yếu Vấn Đáp, Hoa Nghiêm Kinh Nội Chương Môn Đẳng Tạt Không Mục, Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh Lược Sớ, Vô Tánh Nhiếp Luận Sớ. Các đệ tử xuất sắc của Ngài là Nghĩa Tương, Pháp Tạng, Huệ Hiểu, Đạo Thành, Bạc Trần, Hoài Tế...

²⁶ Lục Tướng là tổng tướng, biệt tướng, đồng tướng, dị tướng, thành tướng, hoại tướng.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

(Kinh: Như thế nào để sẽ được như trăng tròn, đầy đủ pháp trắng sạch?)

Có người nói: “Niệm một câu Nam-mô A Di Đà Phật có phải là trọn đủ hết thảy công đức hay không?” Bạc thiện xảo nói “*vạn đức hoành danh*” (万德宏名, danh hiệu to lớn có vạn đức), tức là trọn đủ, vừa nêu ra pháp giới, sẽ toàn thể đảm đương, chẳng hề thiếu sót! Do vậy, đức Thế Tôn dạy: “*A Dật Đa! Nhữ văn Vô Lượng Thọ Phật danh, ngô trợ nhĩ hỷ*” (Này A Dật Đa! Ông được nghe danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật, ta mừng cho ông). Vì lẽ nào? Do nghe danh hiệu Phật, sẽ trọn đủ công đức vô thượng. Kinh A Di Đà dạy: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể do ít thiện căn, phước đức và nhân duyên mà được sanh về nước ấy). Chúng ta nghe danh hiệu Phật, niệm danh hiệu Phật, trọn đủ công đức, trọn đủ nhiều thiện căn, phước đức, nhân duyên.

(Kinh) Vân hà đương đắc như nhật sơ xuất, phá chư ám minh cố?

(經)云何當得如日初出，破諸闇冥故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được như mặt trời mới mọc, phá tan các tối tăm?)

Trải qua suốt đêm tối tăm, mặt trời vừa mọc lên ở phương Đông, chúng ta sẽ cảm thấy một sức mạnh sôi nổi, gạt bỏ trần lao của cả đêm, tràn ngập hỷ duyệt và an lạc. Trong Ban Châu Nhất Nhật Nhất Dạ Hành Pháp Nghi Quỹ (nghi thức hành trì Ban Châu một ngày một đêm), có đề nghị khi mặt trời vừa mới mọc bèn xuất quan, sẽ có tướng trạng hưng phấn, tướng tăng thượng, tướng quang minh chiếu rọi, dùng những điều ấy để khích lệ quang minh nơi tự tâm được tiếp nối, tăng cao quang minh. Hành pháp Ban Châu có câu “*như nguyệt sơ xuất, phá chư ám minh*” (như mặt trời mới mọc, phá tan các tối tăm), công đức và lợi ích chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy, hãy lập tức tu, tu ngay trong mỗi niệm, trong một niệm đều là một vàng mặt trời trọn đủ ánh sáng thanh tịnh, thanh tịnh chiếu soi thế gian, có thể phá trừ hết thảy tối tăm, tức là sự tối tăm do bị Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng che lấp từ vô thủy tới nay!

(Kinh) Vân hà đương đắc như đăng cự, quang minh chiếu liễu cố?

(經)云何當得如燈炬，光明照了故。

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được như đèn đuốc, quang minh chiếu tỏ?)

Hết thấy pháp tắc là chủ động, tự do. Trong Phật pháp gọi là Vô Tận Đẳng, dùng đèn để thắp đèn, ánh sáng được truyền từ ngọn đèn này sang đèn khác. Chư Phật Như Lai dùng tâm để ấn tâm; do ấn bị nát mà nét khắc thành hình. Tuy thật sự không có gì để có thể thành, vẫn cần phải dùng pháp để ấn pháp, dùng tâm để ấn tâm. Đó là giáo ngôn đúng như thật!

(Kinh) Vân hà đương đắc như hư không tánh, vô hữu quái ngại cố?

(經)云何當得如虛空性，無有掛礙故？

(Kinh: Làm thế nào để sẽ được như tánh hư không, chẳng có vướng mắc?)

Đức Thế Tôn từ đầu đến cuối đều tuyên thuyết quang minh thiện xảo và phương tiện trí huệ chẳng tạp nhiễm, chẳng có trần cấu. Ở đây nói “*hư không tánh*”, tức là nói tâm trí như không, dung nạp vạn vật, chẳng bị nhuộm bản bởi vạn vật. Đây là tu trì tâm trí, mà cũng là sự quan sát trọng yếu nhất khi tu hành Ban Châu. Nếu quý vị hơi có chút đắm nhiễm, sẽ có chướng ngại. Chẳng hạn như quý vị đi tới, đi lui (kinh hành niệm Phật), người khác nói “đi ngủ”, quý vị suy tưởng: “Người ta đang ngủ mà mình còn đang kinh hành Ban Châu”. Kết quả là vướng mắc lên chướng nổi, bắt đầu sanh phiền não. Hoặc là đi tới, đi lui, nghe người khác nói nhà Trương Tam như thế này, nhà Lý Tứ như thế kia, quý vị lại bắt đầu nghĩ tới nhà mình, trong tâm bồn chồn: “Ta khi nào thì sẽ được ra ngoài, hãy mau xuất quan thôi!” Hoặc vừa nghe đánh mộc bản báo giờ cơm, bèn nghĩ: “Ái chà! Ta ăn bữa sáng không nổi!” Đó là vướng mắc! Tâm trí chẳng thể như hư không, điều gì chúng ta chấp trước sẽ ngay lập tức vọt ra, nảy sanh chướng ngại, tức là đắm nhiễm. Hễ đắm nhiễm, sẽ câu nệ nghiệp tướng, đi tới, đi lui chẳng nổi! Nếu tâm trí như hư không, dung nạp hết thấy nghiệp tạo tác của hết thấy hữu tình, chẳng nhuộm bản, bị lực và trí lực sẽ tự nhiên sanh khởi. Vì thế, Ban Châu dễ kích

phát hai phương tiện Bi và Trí của con người. Nếu có kẻ khác nói gì, làm gì, quý vị chẳng bận lòng, trước hết hãy bao dung, sau đó bèn hỏi thí, khiến cho họ được lợi ích, sẽ thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Nói “trước” và “sau” thật ra là nói miễn cưỡng! Pháp chẳng có trước hay sau, chỉ là sử dụng cách nói miễn cưỡng này!

(Kinh) Vân hà đương đắc vô sở trụ trước, tâm như hư không cố?

(經)云何當得無所住著，心如虛空故？

(Kinh: Như thế nào sẽ được chẳng chấp trụ, tâm như hư không?)

Điều này nối tiếp điều trước. “*Như hư không*” là nói về đặc tánh bản chất, còn “*vô sở trụ*” là nói theo đặc tánh hiện duyên. Nay chúng ta trong tánh hiện duyên, chẳng hạn như đụng phải tường, chúng ta phải tìm cửa thì mới có thể đi ra ngoài; đó chính là thứ bị chấp trụ. Quý vị hãy nói xem, tâm trí của quý vị như hư không, tôi muốn bay qua, nhưng chẳng bay được, bị bức tường ấy ngăn trở. Như thế thì phải nên làm như thế nào? Tâm chẳng trụ! Tâm quý vị có chẳng trụ hay không? Nếu tâm có thể chẳng trụ, tôi thiếu là nói theo Lý, theo Pháp, quý vị bắt đầu có thiện xảo. Do vậy, phần trước nói về bốn tánh, còn phần này giảng về sự tướng: Tâm như hư không, dần dần tu tập pháp tác. Nếu chẳng tu tập, những lợi ích sau đó sẽ chẳng thể tiếp nối được!

(Kinh) Vân hà đương đắc như kim cang, xuyên triệt, thông đạt nhất thiết pháp cố?

(經)云何當得如金剛穿徹，通達一切法故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được như kim cang, xuyên thấu, thông đạt hết thảy các pháp?)

Nếu tâm địa có thể như hư không, đúng như lý, chân thật lựa chọn để hành trì, người ấy sẽ đi vào đá mà chẳng bị ngăn ngại, vào lửa chẳng bị đốt, vào nước chẳng chìm, vào không trung chẳng rỗng rang, có thể dùng sức tự tại mà tùy ý vận dụng Tứ Đại. Cho nên “*đương đắc như kim cang*” (sẽ được như kim cang). Tôi nghe người hành Ban Châu trước kia đã nói: “Trong một trạng thái nào đó, thân thể người ấy có thể tự do, hoặc di động tự do, hoặc tự do vượt qua các chướng ngại”. Đương nhiên

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

những lời ấy có đôi chút lạ lùng, chẳng thích hợp lắm, nhưng quả thật là có những bậc thiện xảo như thế đó!

“*Đương đắc như kim cang, xuyên triệt, thông đạt nhất thiết pháp cố*” (Sẽ được như kim cang, xuyên thấu, thông đạt hết thảy các pháp), tức là đối với hết thảy thức xứ và vô thức xứ, đều có sức tự tại. Đây là dần dần thành tựu, nói theo bản tánh, nói theo sự tướng, nói theo sự chứng đạo nơi đạo nghiệp. Thoạt đầu, các vị cư sĩ tại chùa Bảo An (tại Hải Thành, tỉnh Liêu Ninh) hành Ban Châu, lúc ấy, tôi nảy sinh lòng băn khoăn, sợ họ sẽ hoảng hốt vượt tường chạy mất, cho nên kết giới. Trước kia, trong số các vị thiện tri thức trì giới siêng ròng, tỉ mỉ khác, khi tu hành pháp này, đã từng phát sanh chuyện ấy. Một ý niệm có thể vượt ra ngoài mấy trăm dặm, mấy ngàn dặm, vượt ra khỏi quốc độ, vượt ra ngoài thế giới. Chuyện này chẳng phải là dọa người đâu nhé, quý vị phải cẩn thận. Phật pháp cách biệt chúng ta chẳng xa, nhưng cũng lại cách biệt chẳng gần. Vì sao vậy? Nếu chẳng thanh tịnh, chẳng tế nhị, chẳng chân thật, chúng ta sẽ chẳng làm được.

Rất nhiều người hành Ban Châu, như các vị đại thiện xảo từ xưa, đều đã đích thân chứng đắc pháp tắc như vậy. Như Trí Giả đại sư là vị thật sự thành tựu Ban Châu tam-muội, lại như Viễn Công đại sư (sơ tổ Huệ Viễn), lịch sử đều có ghi chép. Lại như Thừa Viễn đại sư, Thiện Đạo đại sư đều thành tựu thâm nhập pháp Ban Châu. Lại như Đạo Tuyên luật sư, khi Ngài hành Ban Châu, có vị trời đến trực tiếp cúng dường, đến tán thán, đến cúng rường Phật cho Ngài. Vậy thì chúng ta có xa cách pháp này hay không? Nếu chẳng thật sự phát thệ nguyện, vẫn bị tập khí nghiệp chướng, thế tục, tham, sân, si, mạn, nghi lôi kéo, không chế, vậy thì chúng ta vẫn đúng là chẳng có duyên! Nếu chúng ta tự mình buông xuống những thứ ấy, thì mới là có duyên với pháp này. Nếu chẳng buông xuống, tức là chẳng có cơ duyên và cơ chế này. Chư vị thiện tri thức! Đây chẳng phải là lời nói tùy tiện, pháp tắc này nói như thế đó, được ghi chép như thế đó, truyền đạt như thế đó!

(Kinh) Vân hà đương đắc như Tu Di sơn, bất khả động dao cố?

(經)云何當得如須彌山，不可動搖故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được như núi Tu Di, chẳng thể lay động?)

Núi Tu Di là chỉ dấu của một tiểu thế giới. Hai vầng nhật nguyệt là tướng sáng của một tiểu thế giới. Núi Tu Di là tướng an trụ. Bốn biển nước thơm lớn là tướng của sự sống. Các tướng ấy đại diện cho một thế giới. Núi Tu Di là rốt ráo an ổn. Nếu núi Tu Di lay động, thế giới sẽ bị hư hoại. “*Vân hà đương đắc như Tu Di sơn, bất khả động dao*” (Như thế nào thì sẽ được như núi Tu Di, chẳng thể lay động) chính là nói tới đạo đức, trí huệ, thiện xảo, phương tiện, và chọn lựa đều giống như núi Tu Di. Nếu chúng ta lựa chọn dựa trên chánh tri kiến, tâm trí quyết định như núi Tu Di; đạo đức và pháp ích cũng như núi Tu Di, thì sẽ lợi ích thế gian, làm chỗ nương tựa cho thế gian cũng như núi Tu Di, khiến cho hữu tình trong một thế giới được an lạc, khiến cho hữu tình trong nhiều thế giới được an lạc, được nương cậy. Cho nên chẳng thể nghiêng ngã, lay động. Người trong thế gian hiện thời khổ sở vì bị bức bách bởi dao động, thay đổi, chọn lựa, được mất!

(Kinh) Vân hà đương đắc như môn khốn, nhất thiết chánh trụ cố?

(經)云何當得如門闥，一切正住故？

(Kinh: Làm thế nào để sẽ được như gạch cửa, hết thấy chánh trụ?)

Trong thứ tự hành trì của một pháp tắc, luôn có những tiêu chí, giống như tiến vào một cánh cửa sẽ có bảng chỉ dẫn cho biết sẽ tiến vào một gian phòng nào. Hành Ban Châu cũng có các dấu hiệu, có nhân tam-muội, có quả tam-muội, có thứ tự tam-muội. Như trong Phật Thuyết Ban Châu Tam Muội Kinh đã có thứ tự rất rõ ràng: Âm cảnh hiện tiền, chẳng nhiễm đắm mà lướt qua. Cảnh quang minh hiện tiền, không đắm nhiễm mà lướt qua. Cảnh trang nghiêm hiện tiền, chẳng đắm nhiễm mà lướt qua. Chư Phật đã hiện tiền, bèn thanh tịnh hồi pháp; sau đó không đắm nhiễm mà lướt qua. Tự tánh lưu lộ, chẳng đến, chẳng đi. Tự tánh rốt ráo thanh tịnh chiếu kiến, hiểu rõ tự tánh để chọn lựa. Pháp tắc ấy “*như môn khốn*”, [vượt qua] một tầng cửa, hai tầng cửa, ba tầng cửa, bốn tầng cửa, quý vị tiến vào nhà trong rồi tới hậu viện. Mỗi chỗ đều biết. Vì sao nói như vậy? Vì khiến cho quý vị chánh an trụ, chẳng bị mê hoặc, phiền loạn. Chẳng hạn như một ngôi chùa chia ra rất nhiều chỗ, quý vị đi qua một cửa, sẽ tới một điện đường. Lại vượt qua một cửa nữa, vào trong một tòa viện. Quý vị sẽ hiểu rất rõ ràng, có thể an trụ trong pháp tắc ấy!

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Lại chẳng hạn như quý vị tiến vào cái cửa này, sẽ đến nhà tôi; tiến vào cái cửa kia, sẽ là nhà của người khác. Đó là “*môn khỏn*”, khiến cho hữu tình cảm nhận phân biệt rõ ràng họ đã tiến nhập pháp tắc nào.

Trong Tứ Hướng Tứ Quả của Thanh Văn Thừa, hướng vị và quả vị có sai biệt. Hướng vị là còn chưa chọn lựa, giống như chẳng bước vào cửa. Quả vị là đã vào trong cửa, an trụ trên pháp tòa, chân thật chẳng dối, chẳng lay, chẳng động! Hành Ban Châu cũng giống như thế, thứ tự rất rõ ràng. Có người nói chính họ đã hành Ban Châu đến mức độ nào; thật ra, chẳng cần phải nói, biểu hiện của quý vị đã dọn sẵn ra đó! Tôi thấy có mấy vị cư sĩ hành Ban Châu, tôi rất tán thán họ, tán thán điều gì? Bọn họ đã hành Ban Châu, hành một lần bèn có một lượt biến hóa, người nhẹ nhàng, thông dong. Hành một lần Ban Châu, lời ác bớt đi! Hành Ban Châu một lần, cái tâm phiền bức nóng nẩy ít đi. Kinh hành Ban Châu một lần, trạng thái thân tâm đổi khác. Chúng ta không cần phải nói, cũng chẳng cần quan sát, họ biểu hiện ra như thế đó, rất an trụ, rất sáng suốt. Họ chẳng cần phải nói năng gì, người khác vẫn bị ảnh hưởng. Có người nói “ta như thế này, như thế nọ”; dẫu quý vị nói kiểu nào đi nữa, nhưng người khác nhìn vào sẽ thấy chẳng phải là như thế, sẽ cảm nhận chẳng phải là như thế, [biết ngay] nội dung thực chất của quý vị hoàn toàn chẳng phải là như vậy! Như thế thì chẳng có ý nghĩa chi hết, chỉ có tánh chất cưỡng chấp, hư giả, chẳng tương ứng với pháp. Do vậy, hãy đứng như thật mà tự thọ dụng chân thật, chẳng hư dối. Chẳng cần phải kể lể, phô phang trong thế gian. Ví như mặt trời vừa mới mọc, tự nhiên có thể chiếu tỏ, có thể phá trừ tối tăm. Nhưng nếu chẳng có lợi ích chân thật, phải cậy vào lời lẽ [khoe khoang], sẽ hết sức bất tiện! Phần nhiều sẽ đọa vào vô ký, gây khó khăn, bức bách lẫn nhau. Trong lần tu hành pháp Ban Châu tại Thái Sơn, các vị cư sĩ sau khi trở về nhà đều có biến hóa rất lớn. Biến hóa như thế nào? Chính họ nhận biết, mà người chung quanh cũng đều trông thấy. Sự biến hóa ấy chính là vui sướng, nhẹ nhàng, thông dong, an lạc, Ngã Chấp dần dần mỏng ít. Hãy nên chú ý điểm này!

(Kinh) Vân hà đương đắc như miêu, cẩu, thú đẳng, tâm nghiệp thành tựu cố?

(經)云何當得如貓狗獸等，心業成就故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ như mèo, chó, các loài thú, tâm nghiệp thành tựu?)

Đừng nên hiểu lầm điều này! Quý vị nói “con người làm sao có thể giống như chó, mèo cho được?” Chẳng phải vậy, [chánh kinh] có ý nói: Tâm nghiệp của chúng nó đã điều phục. Chúng ta nói mèo có tác dụng của mèo, chó có tác dụng của chó, tức là nghiệp của chúng nó đã thành thực, đã điều phục nhu thuận, ôn hòa, thuận thảo, có bản chất từng phục, dịu hiền như thế. Đây là nói tỷ dụ. “*Tâm nghiệp thành tựu cố*” (Do tâm nghiệp đã thành tựu). Tâm nghiệp của những người đã [thật sự] hành Ban Châu cũng điều phục, mềm mỏng, ai nấy làm đúng bổn phận, thật sự là một nhân duyên chẳng thể nghĩ bàn!

(Kinh) Vân hà đương đắc vô vi, nhất thiết chư pháp trung cố?

(經)云何當得無爲，一切諸法中故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được vô vi trong hết thảy các pháp?)

Chúng ta đều biết: Hết thảy các hữu tình đắm nhiễm thế gian đều coi trọng hữu vi, cũng tức là [luôn coi trọng] “hiệu quả là gì? Quý vị đạt được điều gì?” Chẳng coi vô vi là pháp tắc. Ở đây nói “*đương đắc vô vi*” (sẽ đắc vô vi), tức là vô sở đắc, diệu dụng vô cùng. Vô sở đắc lợi ích thế gian rộng lớn. Vô sở đắc tự lợi, lợi tha. Vô sở đắc, đích thân chứng các thứ pháp ích. Vô sở đắc trong hiện duyên. Vô sở đắc tức là trong hết thảy các pháp đều nên thủ hộ, thực hiện. Hành pháp Ban Châu Tam Muội mà nếu tâm có sở đắc, người ấy sẽ đọa lạc trong trạng thái kiêu mạn, giải đãi, buông lung, trầm luân; bất luận trong trạng thái nào, người ấy đều đã đọa vào giải đãi. Thật sự phải nên chú ý, phải nên quan sát điều này!

(Kinh) Vân hà đương đắc như phi điều, tùy ý nhi khứ cố?

(經)云何當得如飛鳥，隨意而去故？

(Kinh: Như thế nào sẽ được như chim bay, tùy ý mà đi?)

Tùy ý đến quốc độ ở phương khác. Tâm nghiệp, ý nghiệp, và thân nghiệp cũng đều như thế, giống như ngài Mục Kiền Liên. Các câu hỏi này đều nói theo thứ tự. Khởi đầu là nói theo tánh Không, các hiện duyên của tánh Không, cùng với các thành tựu do tu tập hiện duyên, tức là “*xuyên triệt, thông đạt*”. Tiếp đó là như núi Tu Di an trụ. Lại còn điều

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

phục, mềm mỏng, tùy thuận như chó, mèo, kiên lập vô vi, được tự tại trong hết thấy các pháp. Tiếp đó là “*đương đắc như phi điều, tùy ý nhi khứ*” (sẽ được như chim bay, tùy ý mà đi), tức là được như ý thông đạt thiện xảo, đến phương khác, xứ khác vô ngại, còn nhanh chóng hơn máy bay. Máy bay còn phải có phi trường, còn phải ấn định mấy giờ, mấy phút mới được cất cánh. Ở đây chẳng cần, hễ tiến nhập thiện xảo liền được thành tựu. Ban Châu Tam Muội chân thật đã thành lập, bèn có thể kiên lập sự thiện xảo này. Trong Hán truyền Phật giáo, từ xưa tới nay, các vị đại thiện tri thức dùng đủ mọi phương tiện, diệu dụng hiện duyên, nhưng chẳng tỏ lộ. Nếu tỏ lộ, sợ thế gian sẽ kinh hãi, [chê trách] là những điều quái dị, mê hoặc cõi đời. Trong Tạng truyền Phật giáo, có một số nơi ắt cần phải dùng [đến thần thông], tức là sử dụng thần thông nhiếp hóa trong Tứ Nhiếp Pháp.

(Kinh) Vân hà đương đắc thôi chiết kiêu mạn, như Chiên Đà La tử cố?

(經)云何當得摧折驕慢，如旃陀羅子故？

(Kinh: Làm thế nào để dẹp tan kiêu mạn như con của kẻ Chiên Đà La?)

Trong bốn chủng tánh tại Ấn Độ, Chiên Đà La (Caṇḍāla) là chủng tánh thấp nhất, là chủng tánh hạ tiện nhất. Các đứa trẻ thuộc chủng tánh này sanh ra đều rất tự ti. Vì sao? Do chủng tánh thấp hèn, sanh ra đã là như thế, vốn phải biết thân biết phận. Chúng ta có thể dẹp tan, chế ngự cái tâm kiêu mạn của chính mình như đứa trẻ thuộc chủng tánh Chiên Đà La gìn giữ tâm trí khiêm hạ của chính mình hay không? Hành Ban Châu, sẽ nhất định có thể dẹp tan, chế ngự cái tâm kiêu mạn của quý vị. Người thật sự hành Ban Châu mới biết hết thấy chấp trước, hết thấy ngã mạn, hết thấy ngã tướng, ngã kiến của chính mình chắc chắn là ti tiện, đáng nên vứt bỏ, chẳng nên có, sẽ bị chiết phục. Do vậy, hữu tình ngã mạn ở nơi ấy chắc chắn sẽ bị chiết phục. Nếu chẳng bị chiết phục, sẽ xuất hiện vấn đề to lớn. Hiện thời, có người nói: “Quý vị có thấy quý vị là những người đang hành Ban Châu đều rất kiêu mạn”. Tôi nói chẳng phải vậy, kẻ đó chẳng phải là do hành Ban Châu mà kiêu mạn, khẳng định là do nghiệp tập của chính kẻ đó hiện ra, chứ không phải là do tu Ban Châu mà biểu lộ. Vì người hành Ban Châu, công đức điều phục nhu thuận, tâm trí điều hòa, nhu thuận, thiện xảo điều hòa, nhu thuận, hành vi tạo tác

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

đều có tướng điều phục nhu thuận. Người càng có công đức, càng chẳng dám xằng bậy, ăn nói lớn lối. Kẻ ăn nói lớn lối sẽ phá hoại thế gian, gây thương tổn rất lớn!

(Kinh) Vân hà đương đắc trụ A Lan Nhã, như chư thú, di hầu đặng, bất nhạo thành ấp, tỵ lạc, nhất thiết xuất gia, tại gia bất tương tham loạn cố?

(經)云何當得住阿蘭若，如諸獸獼猴等，不樂城邑聚落，一切出家在家不相參亂故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được trụ trong A Lan Nhã như các loài thú, khi vườn v.v... chẳng thích thành ấp, xóm làng, hết thầy xuất gia và tại gia chẳng thể tạp loạn?)

Vì sao nói “khi vườn chẳng thích thành ấp?” Chúng ta đều biết, nếu đem khi vườn bỏ vào thành ấp, nhốt trong vườn bách thú (sở thú), chắc chắn sẽ có trời buộc. Khi chúng tôi đến Tân Đức Lý (New Delhi), thấy chung quanh thành phố Tân Đức Lý, kẻ cả trong thành thị đều có khi, vì nơi ấy chúng quá tự do. Nhưng xét theo tình huống thông thường, loài khi, vườn sẽ chẳng thích vào trong thành ấp. Động vật và người chẳng tạp loạn. “*Xuất gia, tại gia bất tương tham loạn*” (Xuất gia và tại gia chẳng xen tạp) rất thuận tiện. Nếu xen lẫn quá mức, như kẻ xuất gia thích la cà với hàng bạch y, phần nhiều sẽ bị trầm luân, đọa lạc, bụng lung, thậm chí ăn nói nhảm nhí. Lại như kẻ tại gia, nếu chẳng kính ngưỡng pháp tắc của người xuất gia, chẳng thật sự thành thực nhân duyên xuất gia, cứ trà trộn với người xuất gia, phần nhiều sẽ sanh ra ngờ vực đối với người xuất gia, nghi ngờ pháp. Đó là chẳng tương ứng.

Người thật sự hành Ban Châu chẳng thấy lỗi của kẻ khác, chẳng xen tạp bừa bãi, bởi pháp ấy là pháp tịch tĩnh, phần nhiều trụ trong chốn A Lan Nhã, lìa khỏi hai chúng tự và tha. Vì sao trong đạo Ban Châu, [tốt nhất] là một người hành? Nếu mọi người cùng đi kinh hành, thì phải niệm Phật tập thể, sẽ có sai biệt nhất định với pháp Ban Châu. Có người viết lách cho rằng: “Người đang hành Ban Châu hiện thời đều chẳng phải là tu pháp Ban Châu, chẳng qua là kinh hành niệm Phật đó thôi!” Nói theo kiểu như vậy thì cũng được, nhưng có một điểm là nếu chúng ta chẳng sử dụng cái tâm phóng dật, mà dùng tâm tịch tĩnh, tâm hướng vọng mười phương chư Phật hiện tiền để thỉnh giáo, tâm muốn liễu sanh

tử, đi kinh hành chẳng nghỉ ngơi, hành theo lời kinh dạy, thì đó là Ban Châu. Chúng hay không chúng tam-muội là hai chuyện, hễ hành đúng như lời dạy thì là người tu tập Ban Châu tam-muội. Nay chúng ta cực lực hành trì pháp Ban Châu trong một ngày một đêm, một ngày hai đêm, hoặc bảy ngày tám đêm, nhưng chẳng nói là “*hành pháp Ban Châu tam-muội*”, vì hai chữ “*tam-muội*” là chúng hay không chúng, tương ứng hay chẳng tương ứng, chẳng thể bịa đặt được, chẳng thể nói xằng được, mà cũng chẳng thể cưỡng chấp chính mình được! Có lúc có kẻ dối gạt người khác mà nói như thế, sẽ có thể gây ra thương tổn.

“*Bất nhạo thành áp*” (Chẳng ưa thích thành áp): Vốn hành pháp Ban Châu là phải buông bỏ hết thấy thì mới có thể thâm nhập. Trước kia, có mấy vị cư sĩ đến hành Ban Châu, tôi hay nói đùa: “*Chẳng chúng tam-muội thì đừng xuống núi*”. Thật ra, chẳng phải là nói đùa! Vì đây là sự chọn lựa rất trịnh trọng. Nếu không, quý vị cứ đi kinh hành lung tung, tâm trí chẳng tương ứng, cho nên chẳng thể thâm nhập pháp tắc. Người hiện thời vì sao chẳng thể chứng đắc tam-muội? Do tâm trí chẳng thể chọn lựa. Nói chung là vẫn chưa cái đuôi lại! Cái đuôi gì vậy? Có thể hành, có thể chẳng hành! Hoặc là hành, hoặc chẳng hành. Vậy là chẳng tương ứng với pháp tắc này, đó là tạp loạn. Pháp thành áp và pháp A Lan Nhã chẳng thể xen tạp lẫn lộn được, pháp xuất gia và pháp tại gia chẳng thể tạp loạn được, cũng có nghĩa là nhất định phải lựa chọn rõ ràng!

(Kinh) Vân hà đương đắc thống lãnh đại chúng, giáo chiếu đạo thị cố?

(經)云何當得統領大眾，教詔導示故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được thống lãnh đại chúng, dạy dỗ, hướng dẫn, chỉ bày?)

“*Thống lãnh đại chúng*” là như các vị xuất gia nơi chùa miếu, hoặc các vị hữu tình duy trì và truyền bá Phật pháp. Nay chúng ta là kẻ phàm phu, chẳng thể thống lãnh đại chúng, nhưng có thể học Tứ Nhiếp Pháp. Tứ Nhiếp Pháp là [pháp môn mà] hết thấy chúng sanh đều có thể tu tập. Khi chúng ta hành Ban Châu, pháp này vốn thống lãnh đại chúng. Một câu Phật hiệu rõ ràng, rành rẽ, chẳng được, chẳng mất mà niệm, quý vị chẳng cần chào hỏi người khác mà đã là chào đón, đã là thống lãnh đại chúng, đích xác là có thể khiến cho các hữu tình chung quanh yêu thích, hướng về, chân thật nương cậy.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Sự tu hành của chúng thường trụ tại Hằng Dương Am ảnh hưởng tới các công nhân đang xây cất tại tự viện. Có cư sĩ tới nói: “Công nhân Hằng Dương Am muốn quy y, có được hay không?” Tôi nói: “Được chứ! Nhất định là chuyện tốt! Chuyện này so ra có công đức, có ý nghĩa hơn xây dựng Hằng Dương Am, có ý nghĩa hơn xây dựng phòng ốc nhiều! Dầu tốn một ngàn vạn đồng chẳng mua được, hãy để cho toàn thể họ đều quy y!” Ngày các công nhân ấy đến quy y, trời đổ mưa to, tuy thân họ toàn mùi mồ hôi và mùi thuốc lá nồng nặc, nhưng họ đúng là rất tuyệt diệu, phước đức và nhân duyên rất lớn, rất chẳng thể nghĩ bàn! Ngay lúc đó, tôi có cảm giác vui sướng hơn kiến thiết mấy gian nhà, thật sự là vượt xa hơn xây dựng rất nhiều thứ, có ý nghĩa rất nhiều. Vì sao vậy? Quy y khiến cho thiện căn của các hữu tình thô kệch ấy được chín muồi! Chính là vì các vị nữ cư sĩ thường ngày luôn niệm Phật, hành Ban Châu, cứ đi tới đi lui như thế đã cảm động, ảnh hưởng họ. Đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Khi họ tới quy y, tôi nói: “Kiến lập đạo tràng này đáng giá lắm, vì sao? Cảm động các hữu tình thô thấp hết sức khó khăn. Chúng ta do một câu Phật pháp, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật đã cảm động họ!”

(Kinh) Vân hà đương đắc bất nhạo sanh nhất thiết chúng sanh trung, bất động u nhất thiết chúng sanh cố?

(經)云何當得不樂生一切衆生中，不動於一切衆生故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được chẳng ưa thích sanh trong hết thảy chúng sanh, bất động đối với hết thảy chúng sanh?)

Nếu có các thiện tri thức phát ra thệ nguyện “vĩnh viễn chẳng luân hồi”, sẽ vì hết thảy chúng sanh đang luân hồi mà mở ra một vùng đất rộng lớn, khiến cho hết thảy chúng sanh có sức tự tại mà chẳng xâm đoạt thế gian. Quý vị nói “ta chẳng muốn luân hồi nữa”, bèn giống như đưa chúng sanh tới một không gian khác. Tức là giống như quý vị nói “ta chẳng cần thứ này”, sẽ chẳng chiếm hữu thứ ấy nữa, giống như bỏ thí vậy. Không sát sanh giống như phóng sanh. Chúng ta chẳng muốn sanh trong chúng sanh nữa, vậy thì chẳng thể khuấy động chúng sanh, nhất định sẽ an lập thế gian này. Người hành Ban Châu hãy nên lập thệ nguyện như thế, chẳng đến, chẳng đi, thủ hộ thanh tịnh, chẳng tăng, chẳng giảm, chân thật thủ hộ, tâm trụ trong pháp giới, dùng công dụng

của pháp giới để lợi ích các hữu tình trong pháp giới. Như thế thì quý vị sẽ có thiện xảo.

(Kinh) Vân hà đương đắc bất vị nhất thiết ngoại đạo hàng phục, thiên ma hoặc loạn cố?

(經)云何當得不爲一切外道降伏，天魔惑亂故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ chẳng bị hết thầy ngoại đạo hàng phục, thiên ma mê hoặc?)

Trong hành pháp Ban Châu, đã tiến nhập thanh tịnh thì thiên ma chẳng thể lừa dối, mê hoặc, ngoại đạo chẳng thể xâm phạm. Nếu chẳng như thế, chúng ta rất khó vượt thoát ngoại đạo và thiên ma. Khi chúng tôi đã Phật thất, đã có một lần gặp phải thiên ma quấy nhiễu. Trước kia, đối với các cơ chế truyền thừa, tôi chẳng hiểu rõ lắm. Chẳng hạn như nói “các chỗ điện đường, thiền đường, nơi bệ quan đều phải có ba tầng màn. Khi đã thất, cũng phải kéo màn xuống để bảo vệ, che chắn, sợ trong tâm mọi người có điều bận lòng”, nhưng để che chắn điều gì, tôi cũng chẳng hiểu cho lắm! Có một ngày, niệm Phật miết, mà mọi người đều chẳng thể niệm, tôi nhìn xem vì sao đại chúng ở phía dưới đều chẳng niệm? Chính tôi muốn niệm mà cũng chẳng thể niệm được! Một bầu thỉnh lặng, là chuyện gì thế? Tôi nhìn thì ra lớp màn ngoài cùng không kéo xuống. Vì sao một tầng màn không kéo xuống mà bị trở ngại như thế? Vì “*thiên chúng bất quá tam*”, [tức là] có một tầng trở ngại, họ còn có thể lướt qua; đến tầng trở ngại thứ ba, họ sẽ chẳng vượt qua. Đây là do phước báo của họ, họ chẳng phải đón nhận khó khăn. Kề đón nhận khó khăn thì chẳng phải là phước báo, mà là khổ báo. Vì lúc đó chỉ có hai lớp màn, họ vượt qua lớp thứ nhất rồi lại vượt qua lớp thứ hai, thấy chúng tôi đang niệm rồi lại niệm, thân họ có quang tướng quá lớn, khiến cho mọi người bị soi trúng, tâm nín hết. Cho đến khi buông màn ngoài rồi, mọi người lại bắt đầu niệm được. Đó là bị thiên ma gây khó dễ. Vị trời ấy chưa chắc là ma, nhưng sức mạnh của vị ấy lớn hơn chúng ta, chúng ta chẳng thể vượt thắng vị ấy, vị ấy sẽ giống như ma. Lúc đó, chủ yếu là sức mạnh ngoài ý muốn, mọi người đều khá mệt mỏi. Trong tình huống chí nguyện chẳng rõ ràng, bị họ làm khó, buông màn xuống là được rồi. Do vậy, nhất định phải biết: Lịch đại tổ sư, thiện tri thức chế định nghi quỹ, đều có nội hàm riêng, chân thật chẳng dối. Đối với người thật sự hành Ban Châu, những thứ đó sẽ chẳng

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

gây khó khăn hay quấy nhiễu họ được! Vì một câu Nam-mô A Di Đà Phật là vạn đức hoành danh (萬德宏名, danh hiệu rộng lớn có vạn đức), là danh hiệu trọn đủ công đức lợi ích hữu tình trong chín pháp giới, lợi ích chúng sanh trong mười phương, bao gồm chư thiên, ngoại đạo, bao gồm hết thầy Thanh Văn, Bồ Tát, hết thầy người có trí. Đương nhiên là hết thầy phàm ngu hữu tình cũng được bao gồm trong ấy. Vì thế nói là “*lợi ích trọn khắp hữu tình trong chín pháp giới mười phương*”, do một câu danh hiệu đều hồi thí viên mãn, an ủi thanh tịnh, lợi ích chân thật, quý vị chẳng có gì phải sợ hãi!

(Kinh) Vân hà đương đắc đại biện tài, u nhất thiết pháp quyết liễu tri cố?

(經)云何當得大辯才，於一切法決了知故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ đắc đại biện tài, quyết định biết rõ hết thầy các pháp?)

Người hiện thời niệm Phật đều niệm rất trọn tru, nhưng điều đó và biện tài chẳng ăn nhập gì với nhau! Biện tài có thể tiêu trừ lo ngại cho chúng sanh, trừ nghi hoặc cho chúng sanh, kiến lập pháp ích, ban thiện xảo cho chúng sanh. Hành pháp Ban Châu quyết định là như thế, đối với hết thầy các pháp, sẽ quyết đoán, sẽ có thể chọn lựa, có thể biết rõ, có thể ban cấp sự thiện xảo cho chúng sanh.

(Kinh) Vân hà đương đắc nhất thiết Phật pháp, bất tùy tha hành cố?

(經)云何當得一切佛法，不隨他行故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được trong hết thầy Phật pháp, chẳng ngã theo người khác?)

Trong sự chọn lựa để học Phật của chúng ta, chẳng xuôi theo ý của người khác. Người niệm Phật có thể bị kẻ khác dao động hay chẳng? Người tu hành các pháp môn khác cũng có thể chẳng bị người niệm Phật lay động, nhưng có một điều: Thâm nhập một môn hết sức trọng yếu! Thay đổi hạnh tu là nghiệp chướng của chúng sanh, là tướng trạng thiện căn chẳng chín muồi, là tướng do dự, băn khoăn, là tướng chọn lựa

chẳng dứt khoát, phước đức chẳng trọn đủ. Do vậy, thâm nhập một pháp là thiện căn đã chín muồi!

(Kinh) Vân hà đương đắc đại kiên cố tín, vô khả thôi hoại cố?

(經)云何當得大堅固信，無可摧壞故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được niềm tin vững chắc to lớn, chẳng thể phá hoại?)

Đối với hành pháp Ban Châu, công đức và lợi ích ấy là chuyện tất nhiên.

(Kinh) Vân hà đương đắc đại từ lực tín, bất khả động cố?

(經)云何當得大慈力信，不可動故？

(Kinh: Như thế nào sẽ đạt được niềm tin đại từ lực chẳng thể động?)

Vì hành pháp Ban Châu “lập một niệm, đoạn các tướng”, trong tu trì Định Ý tam-muội, “bất khả động” (chẳng thể lay động) là chuyện tất nhiên trong loại tín lực chẳng thể hủy hoại này, trong pháp tắc chẳng thể dao động này.

“Bất khả động” có khá nhiều phương tiện: Phương tiện tri kiến, phương tiện hành pháp, phương tiện lợi ích, phương tiện chọn lựa pháp môn, phương tiện vận dụng Bi và Trí v.v... đều có sức chẳng thể nghĩ bàn.

(Kinh) Vân hà đương đắc thâm nhập tín, vô sở hành cố?

(經)云何當得深入信，無所行故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được niềm tin thâm nhập, chẳng có sở hành?)

Ở đây là nói về pháp tùy thuận, thực hiện mà chẳng có dấu vết.

(Kinh) Vân hà đương đắc nhuận trạch tín, ư nhất thiết pháp trung, đa hoan hỷ cố?

(經)云何當得潤澤信，於一切法中，多歡喜故？

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được niềm tin nhuần thấm, nhiều hoan hỷ trong hết thảy các pháp?)

Nhuận trạch chúng sanh là pháp phương tiện, hành pháp tuyệt đối là lợi ích thế gian. Tôi hỏi rất nhiều người: “Vì sao hành Ban Châu?” Có người nói: “Ồi chao! Chân tôi bị phong thấp. Tôi mong hết bệnh phong thấp”. Có được hay không? Được chứ! Trong hai loại lợi ích tự lợi và lợi tha đều có thể đạt được, đích xác là tôi cũng thấy chân người ấy khỏi bệnh phong thấp, nhưng như thế thì cũng quá đáng thương, sẽ giống như thí dụ “*năng mậu ngư u hồ*” (có thể đổi lấy trâu hay không) trong kinh Ban Châu, tức là thắc mắc có thể đổi báu ma-ni lấy một con trâu hay không? Nếu ai chỉ vì mong thân thể khỏe mạnh hơn mà hành pháp [Ban Châu], sẽ giống như dùng báu ma-ni để đổi lấy trâu, chẳng cần báu ma-ni nữa!

Trong khi chúng ta tu pháp, Tín rất trọng yếu, lợi ích thế gian rất trọng yếu. Sanh hoan hỷ đối với hết thảy các pháp rất trọng yếu. Bất luận hành pháp Ban Châu, hay hành hết thảy các pháp khác, vui sướng, hoan hỷ rất quan trọng. Rất nhiều người nói vì chính mình rất khổ, cho nên mới đến hành pháp. Có được hay không? Điểm xuất phát của cái tâm có vấn đề! Do chính mình đau khổ, buồn thương mà hành pháp, như vậy thì sẽ khá khổ sở. Nếu biết “*chẳng có khổ để tìm được, chẳng có lạc để có thể đạt được*”, do hành pháp sẽ có thể đạt được tâm trí Vô Thượng Bồ Đề thanh tịnh, có thể đổi trị khổ, có thể sanh khởi các thứ lạc. “*Lạc*” ở đây chẳng phải là lạc trong “*tham lạc*” (niềm vui sướng vì thỏa mãn lòng tham), mà là niềm vui chẳng đắm nhiễm, là niềm vui chẳng đối đãi, dầu trong khổ cũng được vui.

Thọ giác (受覺, sự nhận biết, cảm nhận) chẳng có thực chất, quý vị coi nó như một loại lạc thì sẽ là lạc, coi nó là khổ thì sẽ thành khổ. Quý vị kêu: “Rành rành là khổ mà!” Chẳng phải vậy! “Rành rành là khổ” là một thứ nhận biết của quý vị. Nếu nói “ta sợ nỗi khổ này”, sẽ là khổ càng thêm khổ, tức là bị Khổ Khổ bức bách. Nói “tôi mong cho nỗi khổ này chấm dứt”, cũng là bị Khổ Khổ bức bách. Khổ đã hiện tiền, quý vị nhận biết nó, đó là lạc trong khổ, là sự thọ dụng trong khổ, là thiện xảo trong khổ. Trong khổ bèn có thiện xảo, nhưng mọi người thường chẳng biết. Chẳng hạn như kẻ đặc biệt khổ, từ trong khổ có thể sanh ra đại thiện xảo, vì khổ cũng là của cải chẳng thể thay thế được! Trước kia, có người nói với tôi: “Pháp sư ơi! Tôi thấy thầy quá khổ”. Tôi nói: - Tôi cũng biết khổ, nhưng người khác chẳng thể thay thế được. Quý vị đã

chẳng thay cho tôi được, mà tôi cũng chẳng thay cho quý vị được. Mỗi người có “của cải” riêng, có của cải khổ, mà cũng có của cải lạc. Chớ nên đánh mất “của cải” của chính mình!

(Kinh) Vân hà đương đắc tối thắng tín, cúng dường, thừa sự nhất thiết chư Phật vô yếm túc cố?

(經)云何當得最勝信，供養承事一切諸佛無厭足故？

(Kinh: Làm thế nào để đạt được niềm tin tối thắng, cúng dường, phụng sự hết thảy chư Phật chẳng chán đủ?)

Hành Ban Châu rất dễ kích phát điều này. Nếu không, chúng ta vẫn chưa tu đạo, chẳng có sức tam-muội chân thật! Thật sự thành tựu, quý vị sẽ ưa thích hết thảy cơ hội cúng Phật, hết thảy cơ hội lợi ích chúng sanh; đây là điều chân thật, chẳng dối. Nếu vẫn còn ở trong buông lung, giải đãi, hoặc còn vướng trong phân biệt, lầy bở, quý vị chẳng phải là hành giả của pháp Ban Châu, chẳng phải là người thật sự chứng pháp ích, chẳng phải là người bình đẳng an trụ.

(Kinh) Vân hà đương đắc chủng chủng nhập tín, chủng chủng thiện căn cố?

(經)云何當得種種入信，種諸善根故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được các thứ nhập tín, gieo các thiện căn?)

“Chủng chủng nhập tín” (Các thứ nhập tín): Trong các thứ tín, có sự sai biệt quá lớn. Chúng ta ở trong tham, sân, si, mạn, nghi, trong vô ký, khi Tam Độc sanh khởi, lúc ba nghiệp thân, khẩu, ý sanh khởi, nếu nhận biết tự tánh, tín lực sẽ nhanh chóng sanh khởi. Nếu chẳng nhận biết tự tánh, trôi nổi theo dòng nghiệp, sẽ nhanh chóng bị vô minh bức bách. Chẳng hạn như sân tâm sanh khởi, hễ nhận biết tự tánh của sân tâm, sẽ lập tức sanh lòng tin đối với Phật, chánh tín hiện tiền, tự biết “sân chẳng có tự tánh”, liền đạt được phương tiện. Trong giáo ngôn của Mật giáo, từ trong tham, sân, si, mạn, nghi, sẽ ngay lập tức chọn lựa năm loại trí²⁷.

²⁷ Ngũ Trí trong Mật giáo:

1. Pháp Giới Bình Đẳng Tánh Trí, được biểu thị bằng Tỳ Lô Giá Na Phật (Vairocana), tức là chuyên biến Si thành trí. Cũng có thể hiểu là trí này do chuyên biến Sắc Uẩn mà thành tựu.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Ở đây là sự chọn lựa nơi tự tánh, tức là sự chọn lựa nơi tổng tướng, tốt bậc thuận tiện. Một khi tiến vào phân tích tỉ mỉ, người ta sẽ dễ hỗn loạn. Tham sanh khởi, [nhận biết nó] chẳng có tự tánh, chánh tín sẽ sanh khởi. Lúc các thứ sân, mạn, nghi, tà kiến sanh khởi, quý vị chớ lưu chuyển theo chúng nó, sẽ lập tức sanh khởi chánh tín. Chẳng cần trừ khử tham, sân, si, mạn, nghi, chúng ta nói “*gieo các thiện căn*”, các thiện căn ấy ở nơi đâu? Sanh khởi từ ngay trong sát-na tham, sân, si, mạn, nghi, tri kiến chẳng chánh đáng. Đó là thiện căn, thiện căn gì vậy? Hiểu rõ tự tánh, hiểu rõ tự tánh của tham, sân, si, mạn, nghi, thiện căn sẽ chín muồi! Vì sao? Lập tức tu. Hành Ban Châu chính là tu ngay lập tức trong hiện tiền. Tu gì vậy? Hiểu rõ tự tánh! Ở đây là chân thật chẳng dối, cho nên nói “*chủng chủng nhập tín*”. Vì các thứ nhân duyên hiện tiền, tất nhiên sẽ sanh khởi chánh tín. Chánh tín gì vậy? Ngay trong lúc tham, sân, si, mạn, nghi, cho tới buông lung, vô ký, chẳng hổ, chẳng thẹn, hôn trầm sanh khởi, do các duyên ấy mà hiểu rõ các pháp chẳng có tự tánh, tức là khi thiện căn đã chín muồi. Đó là thiện căn thật sự. Chúng ta nói “*hoa sen mọc từ bùn lầy mà chẳng nhuốm bẩn*”. Nếu quý vị gạt bỏ bùn lầy, hoa sen sẽ sanh từ đâu? Từ tham, sân, si, mạn, nghi, sanh trưởng hoa sen thanh tịnh. Hoa sen tồn tại nơi bùn nhơ nước đục “*tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến*”, bản chất của nó là thanh tịnh vô nhiễm! Các vị thiện tri thức hãy khéo quan sát nhé!

(Kinh) Vân hà đương đắc chân diệu tín, tăng trưởng vô hư ngụy hạnh cố?

(經)云何當得真妙信，增長無虛僞行故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được niềm tin chân thật, mau nhiệm, tăng trưởng hạnh chẳng hư ngụy?)

-
2. Thành Sở Tác Trí, được biểu thị bằng Bát Không Thành Tụ Phật (Amoghasiddhi), chuyển biến ghen tỵ thành trí, hoặc chuyển Hành Uẩn thành trí.
 3. Diệu Quán Sát Trí, được biểu thị bằng A Di Đà Phật (Amitabha), do chuyển biến chấp trước thành trí, hoặc chuyển Tướng Uẩn thành trí.
 4. Bình Đẳng Tánh Trí được biểu thị bằng Bảo Sanh Phật (Ratnasambhava), do chuyển biến tham thành trí, hoặc chuyển Thọ Uẩn thành trí.
 5. Đại Viên Kính Trí, được biểu thị bằng A Súc Bệ Phật (Akṣobhya), do chuyển sân thành trí, hoặc chuyển Thức Uẩn thành trí.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Thông thường, đối với hư ngụy và chân thật, chúng ta có nghi ngờ. Thật ra, mười phương hết thấy hữu tình, không ai chẳng phải là liên tục hư ngụy! Hết thấy người thủ hộ công đức Tam Bảo, không ai chẳng an lập trong nghiệp chân thật. Đối với chuyện này, chúng ta phải xác định vị trí của chính mình. Nếu chẳng xác định vị trí [của chính mình], sẽ nảy sinh vấn đề. Do vậy, người học Phật chúng ta khuyên hết thấy chúng sanh: “Muốn hành Phật pháp, trước hết phải thọ Tam Quy Y”. Tam Quy Y là duyên khởi của nghiệp chân thật, là thủ hộ nghiệp chân thật, là an trụ trong nghiệp chân thật. Trong Lục Niệm Trụ²⁸, đều phải niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Đó là đối tượng được niệm của nghiệp chân thật, nhất định chớ nên hàm hồ! Trong tình huống hàm hồ, chúng ta có thể tưởng là trong tâm của chính mình vẫn có thể sanh khởi nghiệp chân thật, nhưng thật ra, nếu chẳng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, chúng ta sẽ chẳng đạt tới, chẳng thể thành tựu nghiệp chân thật được!

“*Vân hà đương đắc chân diệu tín*” (Như thế nào để đạt được diệu tín thật sự): Cũng là chọn lựa diệu tín. Chọn lựa gì vậy? Thân, khẩu, ý tam nghiệp của hết thấy phàm phu không gì chẳng phải là nghiệp hư ngụy! Quý vị phải vứt bỏ [các nghiệp hư ngụy ấy]! Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng là sanh khởi nghiệp chân thật, an lập nghiệp chân thật, tùy thuận nghiệp chân thật. Đây là “*tăng trưởng vô hư ngụy hạnh*”. Nhất định phải chọn lựa [nghiệp hạnh chân thật]. Nếu chẳng chọn lựa, chân diệu tín sẽ chẳng thể sanh khởi.

Rất nhiều kẻ trẻ tuổi hay nói: “Tôi học Phật chẳng tin vào hình thức, chỉ tin tưởng tâm địa”. Tôi nói: “Quý vị lấy tâm địa ra cho tôi xem là gì đi? Là màu vàng, màu trắng, hay là màu lam?” Họ chẳng nói rõ được, rất mơ hồ. Một khi chọn lựa Tam Quy Y, sẽ rõ ràng, Phật, Pháp, Tăng, chân thật chẳng dối. Tăng là “*lợi ích thế gian rộng lớn, hòa hợp hữu tình*”. Pháp là gột sạch thế gian, nhuần thấm thế gian, khiến cho chúng sanh trụ trong an lạc. Phật là từ bi lợi ích rộng lớn, làm chỗ nương cậy chân thật cho chúng sanh. Nhất Chân pháp giới cũng thế, chân thật chẳng tăng giảm cũng thế, tâm địa viên mãn cũng thế, cũng đều giống như vậy. Đó là hạnh nghiệp chân thật. Bồ Tát nhất định phải xem xét kỹ ở chỗ này, chớ nên chân chờ. Có khi chúng ta vẫn giả thiết chính mình có thể có chút bản lãnh, vậy thì nhất định sẽ đi làm đường, đọa lạc trong

²⁸ Lục Niệm Trụ (sad anusmrtayah) chính là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Thí, niệm Giới, và niệm Thiên.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

ngã mạn, ngã kiến, ngã chấp. Chẳng tin thì hãy tự phân tích chính mình thử xem! Ngoài các nghiệp hư ngụy, sẽ là ngã nghiệp. Ngoài ngã nghiệp ra thì ương ngành chấp chặt, giữ gìn nghiệp vô thường. Như thế là khổ đầy các vị Bồ Tát và thiện tri thức ạ!

(Kinh) Vân hà đương đắc tịnh hỷ tín, trừ diệt nhất thiết kỳ đồ cầu cố?

(經)云何當得淨喜信，除滅一切忌妒垢故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được niềm tin hoan hỷ thanh tịnh, trừ diệt hết thảy cầu uế ghen ghét?)

Tâm đồ kỳ tức là phạm phu chẳng có cái tâm tùy hỷ, chính là tâm trí đấu tranh Ngã Chấp, Ngã Kiến. Trong thời Mật Pháp, tâm trí ấy mạnh mẽ nhất. Cái tâm Tu La chính là tuyệt đối chẳng cho phép kẻ khác mạnh mẽ hơn ta. Người mạnh hơn ta, ta vĩnh viễn chẳng chịu thua! Đó là cái tâm đồ kỳ, cho nên Tu La tranh chấp, giết chóc vô cùng, mãi cho tới khi sanh mạng kết thúc, chẳng hề nghỉ ngơi! Còn nhân loại chúng ta thì sao? Trong mười đại nguyện vương, phải “*tùy hỷ công đức*”. Đức Phật dạy “*hôi hương công đức*”, “*hôi thí công đức*”. Tu trì cái tâm tùy hỷ mười phần quan trọng đối với hữu tình.

Trong khi hành trì Ban Châu, cái tâm tùy hỷ cũng thường sanh khởi, sẽ xa lìa đồ kỳ, cho nên đạt được niềm tin hoan hỷ thanh tịnh. Nếu có cái tâm tùy hỷ, tâm sẽ rất an lạc, rất sạch lâu, rất đơn giản, quý vị chẳng cần phải dụng công! Hễ người khác có chuyện tốt lành, chuyện vui sướng, quý vị tự nhiên sanh hoan hỷ, tự nhiên sanh khởi trợ duyên, sẽ chẳng do dự, lại càng chẳng muốn khiến cho họ đau khổ. Nếu muốn tạo duyên gây khó khăn cho họ, đó là chẳng tương ứng. Vì thế, tâm trí tùy hỷ sanh khởi vui sướng, trụ trong an lạc. Nhân duyên như thế được gọi là “*tịnh hỷ tín*”, trừ diệt hết thảy cầu uế đồ kỳ.

(Kinh) Vân hà đương đắc thanh tịnh tín, đắc Nhất Thiết Chủng Trí quang minh cố?

(經)云何當得清淨信，得一切種智光明故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được niềm tin thanh tịnh, đạt được quang minh Nhất Thiết Chủng Trí?)

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Nhất Thiết Chung Trí là một danh từ riêng trong Phật giáo. Người thành tựu Tứ Quả A La Hán là người thành tựu Nhất Thiết Trí, Bồ Tát thì có Đạo Chung Trí. Chư Phật Như Lai thì có quang minh Nhất Thiết Chung Trí (Sarvathājñāna). Nhất Thiết Trí là tổng tướng trí, Đạo Chung Trí là phân biệt trí. Hai loại này được gọi là hai đại trí tướng trong Phật giáo, tức là nói theo hai phương diện Tổng và Biệt. Chư Phật Như Lai trọn đủ Nhất Thiết Chung Trí, tức là hết thảy tổng tướng trí và biệt tướng trí đều trọn đủ. Hành Ban Châu sẽ có thể đạt được thiện xảo như vậy. Từ tự tánh thanh tịnh lưu xuất cái được gọi là “*thanh tịnh tín*”, cũng là quang minh Nhất Thiết Trí lưu xuất từ tự tánh. Quang minh lưu xuất từ tự tánh là chẳng thể nghĩ bàn. Hành Ban Châu có thể khơi gợi, phát khởi loại quang minh tâm trí này, tổng tướng lẫn biệt tướng đồng thời đều trọn đủ. Hành pháp Ban Châu đồng hành với sự thiện xảo của Bát Địa [Bồ Tát], thuộc về Bát Địa Bồ Tát, cho nên đạt được chẳng thoái chuyển. Rất nhiều người xem nhẹ Ban Châu. Sau khi chúng ta học bộ kinh Ban Châu này, sẽ có thể thấy pháp Ban Châu vì sao khó có, khó nghe, khó gặp. [Được nghe pháp này], quả thật là đại phước đức chín muôi! Thoạt nhìn, tưởng chừng đơn giản, nhưng học tập, thực hiện pháp tắc này rất khó, hết sức chẳng dễ. Trong phần sau, chúng tôi sẽ nói, như khi đức Phật còn tu nhân, muốn nghe pháp này, phải trải qua bao nhiêu ngàn năm cúng dường Phật, vẫn là mong được nghe mà chẳng thể nghe, muốn hành trì mà chẳng thể hành trì được!

(Kinh) Vân hà đương đắc hỷ lạc hạnh tín, trừ diệt chư cái chướng ác cố?

(經)云何當得喜樂行信，除滅諸蓋障惡故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được hỷ lạc hạnh tín vì trừ diệt các Cái chướng ác?)

Lợi ích thật sự của hành pháp Ban Châu là tiêu trừ cái chướng. Bản thân hành pháp hỷ lạc có sức chẳng thể nghĩ bàn, bản thân nó có sự thiện xảo trừ khử cái chướng. Nếu quý vị chẳng ưa thích pháp, chẳng ưa thích hành pháp, tất nhiên sẽ ưa thích thế tục. Đối với chuyện này, chẳng cần phê phán, vì tâm nghiệp tiếp nối, quý vị chẳng thể phủ định. Đối với điều này, chúng ta hãy nên khéo quan sát: Quý vị chẳng ưa thích Phật pháp, tất nhiên sẽ ưa chuộng thế tục. Quý vị nói: “Ta không ưa thích Phật pháp, mà cũng chẳng ưa thích thế tục”, vậy thì tất nhiên là quý vị

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

ưa thích vô ký, giải đãi, buông lung, vẫn là thế tục, khó thoát khỏi lưới rập! Ưa thích hành trì giáo ngôn của chư Phật, ưa thích hành trì pháp, hết thấy ác duyên tự nhiên tán hoại, hữu ý hay vô ý tức duyên của chúng ta tiếp nối, chẳng thể cắt đứt, phá tan sự liên tục của Dị Thục Quả²⁹. Đương nhiên, chúng tử ác vẫn thúc đẩy quý vị, nhưng trong khi hành pháp Ban Châu, niệm Phật và tu tập Phật pháp đã phá tan rất nhiều ngoại duyên có tánh ác. Đồng thời, tuy ngoại duyên có tánh chất ác bị phá hoại, vẫn còn có rất nhiều nhân duyên của Dị Thục Quả có tánh chất ác đã chín muồi, nhưng chỉ cần quý vị chẳng thuận theo chúng, trong khi niệm Phật, trong khi tu pháp, trong yêu mến pháp, trong ưa thích pháp, sẽ phá tan nghiệp duyên của Dị Thục Quả. Thế nhưng nghiệp duyên của Dị Thục Quả vẫn tiếp nối, chúng ta gọi chúng là “*hành khổ tương tục*” (hành khổ tiếp nối), Bồ Tát đều chẳng thể trốn khỏi, đừng mong chúng ta có thể trốn thoát được!

Đối với những cái gọi là “*tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, là năm cái rễ của địa ngục*”, hành trì Ban Châu sẽ khiến cho quý vị giảm bớt ăn uống, [vì pháp Ban Châu] chẳng cho phép quý vị ngủ nghỉ, cứ đi tới, đi lui (kinh hành) như thế, danh gì cũng chẳng có, lợi gì cũng chẳng có, sắc gì cũng chẳng có, chân thật, chẳng dối, trọn đủ viên mãn. Do vậy, có thể phá trừ các chướng, các Cái; [hay nói cách khác] Cái lẫn Chướng đều trừ. “*Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ*” được gọi là Ngũ Cái. Chướng thì Thân Chướng (chướng ngại nơi thân), Sở Tri Chướng, Phiền Não Chướng v.v... quá nhiều! Quý vị thấy một người khi phiền não vừa mới dậy lên, chuyện gì cũng đều chẳng quản. Tình tự vừa dậy lên, chuyện gì cũng đều chẳng hỏi tới. Vừa xoa mặt, chuyện gì cũng đều chẳng thấy, chẳng phải là chướng ư? Chướng ngại ai vậy? Chẳng có gì có thể gây chướng ngại thì sẽ chẳng chướng. Hễ có thứ gì có thể gây chướng ngại, thì sẽ là Kế Tục Chướng (chướng ngại liên tục, tiếp nối).

(Kinh) Vân hà đương đắc trí hỷ tín, nhiếp thọ chư Phật cảnh giới cố?

²⁹ Dị Thục Quả (Vipāka) là danh từ để chỉ quả báo do nương vào thiện hay ác trong quá khứ mà thành. Theo Thành Duy Thức Luận Thuật Ký, Dị Thục có ba nghĩa:

1. Dị Thục Thời (chín muồi khác thời): Quả chín muồi ắt sẽ cách một đời so với nhân.
2. Biến Dị Thục: Quả chín muồi khác với nhân.
3. Dị Loại Thục: Quả và nhân khác loại, nhưng quả do nhân mà chín muồi.

(經)云何當得智喜信，攝受諸佛境界故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ đắc trí hỷ tín để nhiếp thọ cảnh giới của chư Phật?)

Trong mười phương pháp giới, cảnh giới của chư Phật là Nhất Chân bình đẳng, viên mãn, Nhất Chân rộng lớn, Nhất Chân thanh tịnh, Nhất Chân như thật. Cho nên trong Nhất Chân pháp giới, chúng ta nói là Phật pháp trí. Chúng ta đọc phẩm Nhập Bát Tư Nghị Cảnh Giới của Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, đó là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật. Nếu thật sự thường xuyên đọc, chẳng cầu cảnh giới của chư Phật mà quý vị thường có cảnh giới của chư Phật. Do vậy, năm nay chùa Phóng Quang tụng kinh Hoa Nghiêm, tôi cảm thấy mười phần vui mừng, an ủi, vì đã gia bị khiến cho sơn thần, thổ địa, long thiên, hộ pháp cả một vùng này, cũng như các vị thiện tri thức đến và đi đều được hưởng sự gia trì từ cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật.

Trước kia, tôi đã gặp một số vị thiện xảo sau khi đã hành pháp, có chứng ngộ, ắt đều đọc Hoa Nghiêm. Vì sao? Họ đã tiến nhập cảnh giới tam-muội rất sâu, rõ ràng, an lạc, rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn. Khi đó, họ sẽ sợ nhận sai đường lối, cho nên bèn tiến nhập cảnh giới chư Phật để xem xét: “Ồ! Hết thấy chứng ngộ vốn chẳng qua là tướng sai biệt nơi cảnh giới đó thôi! Thật ra, chẳng có cảnh giới rộng lớn, rốt ráo, trang nghiêm của chư Phật”. Do vậy, chính họ sẽ sanh khởi cái tâm khiêm hạ và tâm điều phục, nhu hòa niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, sẽ giống như Long Thọ Bồ Tát. Chúng ta đều biết Long Thọ Bồ Tát dùng chín mươi ngày để đọc tụng trọn hết văn tự trong Diêm Phù Đề, cảm thấy trong thiên hạ chẳng có gì lỗi lạc! [Tự cho rằng] “đức Thế Tôn cũng bất quá chỉ là như thế, chính mình cũng có thể lập giáo, có thể chế giới, sửa đổi”. Khi đó, Long Vương Bồ Tát bèn mời Ngài đến long cung. Ngài vừa tụng thượng, trung, hạ phẩm của Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh bèn trở thành kẻ thật thà. Vì sao vậy? Vì cảnh giới của chư Phật thật sự chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể nói năng, chẳng thể trái nghịch, chẳng thể giữ lấy, rộng lớn rốt ráo. “*Bát tư nghị, bất khả ngôn*” (Chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể nói), trong kinh Hoa Nghiêm, các ngôn từ như vậy rất nhiều. Chẳng có hạn lượng, sẽ đạt được đại phương tiện. Đối với cảnh giới có thể nghĩ bàn, cảnh giới hữu lượng, người đã hiểu “không có hạn lượng” sẽ chẳng nghĩ các cảnh giới ấy là đúng. Nhưng

đôi với người chỉ biết hữu lượng, sẽ câu nệ trong sự hạn lượng ấy. Câu nệ ở chỗ nào vậy? Câu nệ là vì tự cho mình là đúng!

(Kinh) Vân hà đương đắc trang nghiêm hạnh tín, thắng nhất thiết thế gian anh lạc trang nghiêm, Phật quốc thanh tịnh thành tựu cố?

(經)云何當得莊嚴行信，勝一切世間瓔珞莊嚴，佛國清淨成就故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt niềm tin được trang nghiêm bởi các hạnh, hơn hẳn hết thảy các sự trang nghiêm bởi các chuỗi anh lạc trong thế gian, thành tựu sự thanh tịnh nơi cõi Phật?)

Chúng ta đều biết: Hành Ban Châu có thể khiến cho mười phương chư Phật thấy đều hiện tiền. Những điều được nói ở đây đều là nội hàm thực chất của tam-muội “mười phương chư Phật thấy đều hiện tiền”. “Thắng nhất thiết thế gian anh lạc trang nghiêm” (Hơn hẳn sự trang nghiêm bởi hết thảy các chuỗi anh lạc trong thế gian): Trong pháp của chư Phật, anh lạc (các chuỗi đeo kết bằng châu báu) biểu thị sự sám hối. Trong quá khứ, người giảng kinh ngực đeo chuỗi anh lạc, tay cầm anh lạc hoặc như ý³⁰, nhằm biểu thị Phật pháp trang nghiêm, tôn quý, khiến cho tâm trí của chúng sanh chiếu kiến. Anh lạc chẳng phải để trang nghiêm tự thân, tự thân dùng gì để trang nghiêm? Cái thân xú uế, thân vô thường, thân Tứ Đại tụ tập, thân suy bại trong mỗi lúc, do vì trang nghiêm Phật pháp hồng biểu thị pháp, cho nên phải đeo chuỗi anh lạc. Thật ra, trước khi giảng kinh, sẽ có các thứ vật trang nghiêm để cúng dường. Các thứ vật trang nghiêm cúng dường ấy nhằm biểu thị lòng

³⁰ Như Ý ở đây là một vật phẩm trang trí được làm bằng ngọc, ngà, sừng tê, hay đá quý, có nhiều kích cỡ khác nhau. Đôi khi chúng được làm bằng gỗ quý, sơn mài, chạm trổ tinh xảo, nhưng thường có hình dáng gần như chữ S, phần đầu cong lên thường chạm trổ thành hình đám mây, hoặc nắm linh chi, chạm trổ các chữ mang ý nghĩa tốt lành. Giải thích nguồn gốc của Như Ý, có hai thuyết: Đây là một loại pháp trượng (có tên gọi là Anuruddha) của Ấn Độ được sử dụng bởi các nhà sư Ấn Độ. Thuyết khác nói là biến thể của dụng cụ gãi lưng vì Như Ý hàm nghĩa có thể giúp người ngửa lưng chạm đến các chỗ mà tay không chạm tới sau lưng. Thoạt đầu, Như Ý được sử dụng như biểu tượng thể hiện người cầm nắm nó đóng vai trò chủ đạo trong các cuộc thảo luận, nhất là khi các pháp sư đăng đàn thuyết pháp. Về sau, Như Ý thường dùng như vật phẩm biểu thị sự tốt lành, thuận lợi, mang ý nghĩa chúc phúc.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

mong cầu pháp như thật, thủ hộ pháp như thật, nhận thức, vâng giữ pháp như thật, chẳng nhằm trang nghiêm một người nào, mà là [để biểu lộ] lòng kính ngưỡng, lễ kính, tán thán, thuận tòng của mọi người. Chẳng hạn như trong Tạng truyền Phật giáo, hễ mở một pháp hội lớn, sẽ phải xếp đặt rất nhiều thứ vật cúng dường trang nghiêm, để làm gì? Muốn cho bậc thiện xảo, bậc thiện tri thức sẽ ban bố sự hoan hỷ, ban bố Tất Địa (Siddhi, thành tựu) cho chúng ta, khiến cho mọi người được trụ trong an lạc. Do vậy, trên thực tế, [trang nghiêm bằng vật phẩm cúng dường] chẳng phải là vì mọi người coi trọng một người hay không, mà là để biểu thị mọi người nhận biết pháp ấy có trọng yếu hay không.

“*Phật quốc thanh tịnh cố*” (Vì thanh tịnh cõi Phật): Chúng ta hành Ban Châu, thấy quốc độ trang nghiêm, mười phần như ý, hoặc là trong hiện tiền, hoặc là trong Định cảnh, hoặc trong mộng, hoặc lúc xả báo, chẳng khó! Đích xác là chẳng khó. Người nói tới cảnh giới rất nhiều, nhất là người niệm Phật; chớ nên vì cái tâm tăng thượng mạn mà kể lễ cảnh giới này nọ! Nếu do nương vào sức thanh tịnh mà được thấy [các cảnh giới ấy] thì hữu dụng. Đó là do sức thiện xảo và sức phước đức nhân duyên chín muồi!

(Kinh) Vân hà đương đắc thanh tịnh giới hạnh, vĩnh diệt nhất thiết Thanh Văn, Bích Chi Phật tâm cố?

(經)云何當得清淨戒行，永滅一切聲聞、辟支佛心故?

(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được giới hạnh thanh tịnh, vĩnh viễn diệt hết thầy cái tâm Thanh Văn và Bích Chi Phật?)

“*Thanh tịnh giới hạnh*”: Đức Phật tán thán quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật, quả trách tâm Thanh Văn và tâm Bích Chi Phật. Quả trách là để ngăn chặn. Chúng ta hành Ban Châu cũng nhằm ngăn trở cái tâm Thanh Văn, tâm Bích Chi Phật như thế, tán thán lợi ích chẳng thể nghĩ bàn của quả đức. Trong giáo ngôn Đại Thừa, nếu [hành nhân đã chứng quả địa Thanh Văn, tức là] chứng Thật Tế Lý Địa, bị chư Phật quả trách chính là quả trách cái tâm [chấp trước an trụ trong quả địa ấy, chẳng phát nguyện rộng độ chúng sanh] như vậy, chứ chẳng phải là quả trách cái quả như thế. Vì quả Thanh Văn hay Bích Chi Phật thật sự là tự lợi viên mãn chẳng thể nghĩ bàn. Tuy đức Phật nói theo sự so sánh, thì

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

[các quả vị ấy] chẳng có thiện xảo lợi tha, nhưng đã tự lợi viên mãn. Chúng ta nhất định chẳng dám khinh rẻ, chê trách quả Thanh Văn, chỉ có thể chê trách tâm Thanh Văn. Nếu chính mình đã phát tâm Thanh Văn, sẽ phải quở trách. Vì sao? Tâm Thanh Văn hạn hẹp, đắm chìm trong tự lợi, sa vào chấp giữ Diệt Độ, sa vào chấp trước Thật Tế, đáng nên bị quở trách.

“*Vĩnh diệt Bích Chi Phật tâm*” (Vĩnh viễn diệt trừ cái tâm Bích Chi Phật): Trước kia, tôi đã đọc thấy Long Thọ Bồ Tát có nói: “*Thà đọa địa ngục một kiếp, hai kiếp, ba kiếp, chẳng sanh một niệm tâm Thanh Văn*”, tôi cảm thấy rất khiếp sợ! May mắn là tôi chẳng phát tâm Thanh Văn. Thuở ấy, tôi thật sự nghĩ: Chính mình có thể chứng đôi chút lợi ích là đã tuyệt diệu lắm rồi, còn mong tưởng chi nữa? Do vậy, sanh cái tâm kém cỏi, vì lợi ích của chính mình, vì tránh né sanh tử mà cầu Niết Bàn. Thuở đó, [cái tâm hèn kém ấy] rất mạnh mẽ. Về sau, bị thiện tri thức quở trách, lại do xem các kinh điển, biết cái tâm đó thật sự là lợi ích hẹp hòi. Quả thật cảm kích tâm trí rộng lớn của Long Thọ Bồ Tát đã khích lệ tôi thành thực [cái tâm Đại Thừa]. Vì nếu quý vị thật sự có cái tâm Thanh Văn, Ngài sẽ khích lệ quý vị [dũng mãnh tiến cao hơn]. Nếu quý vị chẳng có cái tâm Thanh Văn, Ngài sẽ khiến cho quý vị thấy thấu suốt cái tâm Thanh Văn.

(Kinh) Vân hà đương đắc trang nghiêm đại thệ, nhất thiết sở tác giai cứu cánh cố.

(經)云何當得莊嚴大誓，一切所作皆究竟故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được đại thệ trang nghiêm, hết thấy việc làm đều rốt ráo?)

Chúng ta thường nói Thanh Văn Bồ Đề tâm, Bồ Tát Bồ Đề tâm, và Vô Thượng Bồ Đề tâm. “*Trang nghiêm đại thệ*” được nói ở đây chính là Vô Thượng Bồ Đề tâm, vì “*nhất thiết sở tác giai cứu cánh cố*” (hết thấy việc làm đều rốt ráo) cũng chính là huân tập Vô Thượng Bồ Đề. Vô Thượng Bồ Đề tâm chẳng nhờ vào đến, đi, chẳng nhờ vào tu chứng, biểu đạt bằng cách nào? Vì thế nói “*quả địa giác, nhân địa tâm*”, có thể vận dụng thích đáng Vô Thượng Bồ Đề tâm. Do nương vào nguyện lực của chư Phật nơi quả địa, chúng ta có thể tùy thuận Vô Thượng Bồ Đề tâm, có thể thanh tịnh thành tựu, cho nên nói là “*trang nghiêm đại thệ*”. Thệ nguyện của chư Phật Như Lai không gì chẳng phải

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

là đại thệ nguyện, “*độ tận chúng sanh, phương thành Phật đạo*” (độ hết sạch chúng sanh thì mới thành Phật đạo), rộng lợi ích hữu tình, chân thật chẳng dối, như “*văn ngã danh hiệu, cầu lai ngã sát*” (nghe danh hiệu của ta, đều sanh về cõi ta). Đây đều là lời chân thật, lời thành thật. Nếu nói A Di Đà Phật phát nguyện là “*văn ngã danh hiệu, nhược lai ngã quốc, nhược bất lai ngã quốc*” (nghe danh hiệu của ta mà có thể sanh về cõi ta, hay chẳng sanh về cõi ta), ta sẽ chẳng tin tưởng. Đây chẳng phải là lời thành thật, chẳng phải là lời chân thật, chẳng phải là lời dứt bật đối đãi. Vì thế, đức Phật dùng lời chân thật để nhiếp thọ rộng khắp hữu tình.

(Kinh) Vân hà đương đắc vi nhất thiết chúng sanh trung thượng thủ, dục hành chư thiện pháp cố?

(經)云何當得爲一切衆生中上首，欲行諸善法故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được là bậc thượng thủ trong hết thầy đại chúng vì muốn hành các thiện pháp?)

Trong Phật giáo, “*thượng thủ giáo ngôn*” tức là lời dạy của bậc Bồ Tát trụ thế. Trong cơ chế của giáo ngôn ấy, thường là dùng các vị thị giả thân cận chư Phật Thế Tôn làm đại biểu cho thượng thủ của chúng sanh. Như trong kinh Hoa Nghiêm, Văn Thù và Phổ Hiền làm thượng thủ trong đại chúng. Hoặc trong thế giới Cực Lạc, Quán Âm và Thế Chí làm thượng thủ của đại chúng. Dược Sư Như Lai thì có Nhật Quang Bồ Tát và Nguyệt Quang Bồ Tát làm thượng thủ của đại chúng. Bậc thượng thủ như thế hướng dẫn hữu tình tiến hướng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, phụ trợ đức Thế Tôn, tạo thành cơ chế giáo ngôn không khiếm khuyết, ban bố sự thanh tịnh rộng lớn. “*Chúng trung thượng thủ*” (Bậc thượng thủ trong đại chúng) là vì muốn hành các thiện pháp. “*Thiện*” ở đây chẳng phải là điều thiện tương đối trong thế gian, mà bao hàm điều thiện do đối ứng với ác trong thế gian, khiến cho hết thầy chúng sanh tán nhập, hoàn thiện rốt ráo A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Do vậy, nói hai thiện pháp xuất thế gian và thế gian cùng lúc trọn đủ, làm bậc thượng thủ dẫn dắt, mong thực hiện. Muốn hành cái pháp ấy, bậc Bồ Tát làm thượng thủ của đại chúng dùng bi, hoặc dùng trí, hoặc dùng oai đức, hoặc dùng thệ nguyện để lập các thứ thiết chế, khiến cho hết thầy kẻ hữu duyên do thiết chế thanh tịnh ấy bền được hướng dẫn tăng thượng sự thành tựu.

(Kinh) Vân hà đưong đắc vô hữu bì quyệן, vị dục giáo thọ nhất thiết Bồ Tát sở học chư Ba La Mật cố?

(經)云何當得無有疲倦，爲欲教授一切菩薩所學諸波羅蜜故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được chẳng mệt mỏi vì muốn dạy bảo các môn Ba La Mật mà hết thầy Bồ Tát đã học?)

Vì thành tựu Ban Châu tam-muội sẽ gồm thâu hết thầy các chuyện thuộc Bát Địa, đối với vô công dụng, sẽ đạt được thiện xảo rộng lớn, chọn lựa tâm trí của hết thầy Bồ Tát, không sợ hãi gì. Do đó, chẳng chán ngán, mệt mỏi đối với pháp. Chúng ta có thể thấy sự sai biệt trong tạo tác nghiệp giữa phàm và thánh: Phàm phu hữu tình vì tâm lượng hữu hạn, rất dễ dàng mệt mỏi, chán ngán. Thoạt đầu thì nảy sanh cảm giác hiếu kỳ, mới mẻ, hấp dẫn, bị lôi cuốn, sẽ tiến nhập pháp tắc. Nhưng thường là đã quen thuộc rồi, sẽ nảy sanh cảm giác mỏi mệt, chán chường, buông bỏ, chán lia. Các vị Bồ Tát dùng đủ mọi thiện xảo để lợi ích thế gian trọn khắp, do mong mọi nhiếp hóa nên chẳng có mệt chán. Cho nên nói “*chúng sanh vô tận, phiền não vô tận*”, tạo tác các nghiệp để ban bố lợi ích cho hữu tình trong thế gian, dạy bảo các hữu tình trong thế gian chẳng hề chán mệt. Tâm trí như thế, tác dụng như thế, hành pháp như thế, lợi ích thế gian như thế, công đức chân thật ấy chẳng phải là nói suông, mà thật sự là hành vi chân thật, tương ứng với cái tâm.

“*Dục giáo thọ nhất thiết Bồ Tát sở học chư Ba La Mật*” (Muốn dạy bảo các môn Ba La Mật mà hết thầy các Bồ Tát đã học): Tại đất Hán, chúng ta thường nói tới Thập Ba La Mật³¹, Nam truyền Phật giáo có ba mươi môn Ba La Mật. Vô lượng vô biên Ba La Mật đều thuộc vào môn trí huệ thiện xảo, có thể tiếp độ chúng sanh thành tựu tâm trí Vô Thượng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Tại đất Hán, chúng ta phần nhiều dùng Ba La Mật môn làm thiện xảo để nhiếp hóa chúng sanh, trong hết thầy mọi lúc, hết thầy mọi nơi, đều như huyền quán sát, như huyền liễu tri, như huyền đích thân chứng đắc. Ví như làm việc trong mộng chẳng vướng mắc, thiết lập phương tiện, do chẳng có được mắt, cho nên khéo léo cân nhắc, thủ hộ tự tâm. Đó là đại oai đức thiện xảo tự nhiên chiêu cảm thành thực, cho nên “*giáo thọ nhất thiết Bồ Tát sở học*

³¹ Thập Ba La Mật là Bồ Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Bát Nhã, Phương Tiện, Nguyện, Lực và Trí.

chư Ba La Mật” (dạy bảo các môn Ba La Mật mà hết thầy các Bồ Tát đã học) chẳng hề chán mệt.

Trong hai pháp mật và chán của hữu tình, hai pháp giải đãi và buông lung, hai pháp hôn trầm và vô ký là tùy phiền não, tất nhiên chúng sẽ tiếp tục chín muồi. Tuy xa lìa tham, sân, si, mạn, nghi, tri kiến chẳng chánh đáng, nhưng vì chán mệt, hôn trầm, vô ký, vô lực, cho nên [hành giả] chẳng đắc lực nơi các tam-muội, chẳng thể thủ hộ thanh tịnh, do tác dụng trí huệ thần thông thiện xảo rộng lớn chẳng thể trọn đủ, đã tiến nhập thì sẽ phần nhiều sanh chán mệt. Đó là chuyện chẳng ngờ chi nữa! Mang thân phận phàm phu hữu tình, chúng ta đều nhận biết và quan sát sâu đậm chuyện này!

(Kinh) Vân hà đương đắc bất thoái chuyển, đa cầu nhất thiết Phật pháp cố?

(經)云何當得不退轉，多求一切佛法故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được bất thoái chuyển, cầu nhiều hết thầy Phật pháp?)

Bất luận chúng ta đã tiếp xúc rất nhiều tài liệu về Ban Châu cũng thế, hoặc trong các cách nói theo sự truyền thừa trong lịch sử cũng thế, hoặc người cận đại quan sát thực tiễn cũng thế. Nói chung, nội hàm được thâm nhiếp trong hành pháp Ban Châu là “*bất thoái ngay trong một đời*”, cũng có nghĩa là công đức của bậc Bát Địa Bồ Tát. Do các địa vị thấp hơn Bát Địa Bồ Tát vẫn còn có khả năng bị thoái chuyển. Nói theo giáo ngôn Tịnh Độ là pháp môn tu nơi quả địa, nếu hết thầy chúng sanh duyên theo pháp này, trong một đời, chắc chắn đắc bất thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề! Đối với chuyện này, đức Thế Tôn đã từng chuyên biệt thọ ký, thọ ký rộng khắp, thọ ký đúng như thật. Đối với hết thầy các vị Bồ Tát có thể thật sự liễu giải, tiếp xúc, tu tập, thủ hộ pháp môn Tịnh Độ, sự thọ ký ấy là thọ ký như thật. Nếu là [cái nhân] như thế, ắt sẽ đắc cái quả như thế, nguyện như thế, thành tựu như thế!

“*Vân hà đương đắc bất thoái chuyển*” (Như thế nào thì sẽ đạt được chẳng thoái chuyển) ư? Nếu chúng ta nương vào tự lực để kiên trì mà hành trì, thì từ ngữ “*bất thoái chuyển*” sẽ rất khó tuyên nói, càng chẳng cần nói tới sự thành tựu nơi pháp ích. Nhưng nếu dựa theo sức phước đức thù thắng của Phật, khi hiện duyên chín muồi, sẽ thấy chư Phật, Bồ Tát, cho tới được chư Phật đích thân đến dạy bảo. Như thế thì “*bất thoái chuyển ngay trong một đời*” chẳng phải là chuyện khó! Vì cơ

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

duyên và pháp chẳng đồng nhất, giáo pháp bèn thiết lập Quyền và Thật. Do vậy, trong pháp Vô Thượng Thừa, căn cơ to lớn, tác dụng to lớn, thành tựu ngay trong một đời, đúng là chẳng thể nghĩ bàn! “*Đa cầu nhất thiết Phật pháp cố*” (Vì cầu nhiều hết thầy Phật pháp): Ở đây, trong việc thủ hộ tông tướng của pháp môn, tức là trong giáo ngôn về quả địa, đã bao hàm, dung nạp hết thầy các pháp, ngầm hộ trì hết thầy các pháp, duyên theo, thành tựu hết thầy các pháp. Đó là vạn đức trọn đủ.

(Kinh) Vân hà đương đắc bất khả hoại, bất vị nhất thiết ngoại đạo, tà sư sở phá cố?

(經)云何當得不可壞，不爲一切外道，邪師所破故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được chẳng thể hoại, chẳng bị hết thầy ngoại đạo và tà sư phá hoại?)

Nói theo hành pháp Ban Châu, tất cả các cầu nguyện và hành pháp của chúng ta, chỉ có Phật và Phật là có thể biết, chỉ có Phật và Phật là có thể thấy. Chỉ dựa vào thấy Phật làm phương tiện tăng thượng, vứt bỏ hết thầy các tạp duyên, cho nên hết thầy ngoại đạo, tà sư chẳng thể đụng chạm, chẳng thể hủy hoại được! Vì có sao? Do chẳng có cái duyên ấy! Khi chúng ta tu pháp Ban Châu, lập một niệm, đoạn các tướng, niệm một phương, do nguyện lực và công đức thù thắng của A Di Đà Phật gia trì, do sức thần thông gia trì, do sức nguyện lực nhiếp hóa, khiến cho sức công đức sẵn có của chúng sanh được thành tựu, được đích thân chứng đắc Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền, nghe giáo pháp thù thắng, chọn lựa giáo huấn tối thượng của chư Phật Như Lai, quán tự tánh của các pháp “chẳng đến, chẳng đi”, đích thân chứng tự tánh chân thật, xa lìa hết thầy sự quần quanh trong sanh tử và nghi lự đắm nhiễm!

“*Tà sư*” là kẻ chẳng nói giáo pháp rốt ráo, chẳng rộng ban cho chúng sanh lợi ích chân thật, chẳng thể khiến cho hữu tình đạt được bất thoái chuyển ngay trong một đời. Trong các pháp đối đãi, phần nhiều thuộc về tà sư. Nói là “*tà*” tức là chẳng thể khiến cho chúng sanh nhập chánh tri, chánh kiến, chánh nghiệp, chánh mạng, thành tựu chánh trí, chánh định, cho đến rốt ráo thành tựu Bồ Đề. Thậm chí rơi vào sự tướng, quần quanh nơi nhân địa. Trong kiếp giảm, các hữu tình phần nhiều chẳng thể sanh vui thích nơi pháp, chẳng thể sanh lòng tin đối với pháp, cho nên phần nhiều bị tri kiến bất chánh xúi giục, sai khiến, rơi vào tà lưu ác kiến, trầm luân trong thế gian, chẳng thể tự thoát ra được, nhưng

công đức của hành pháp Ban Châu tam-muội tuyệt đối chẳng thể phá hoại, dẫu ngoại đạo lẫn tà sư cũng đều chẳng thể phá được!

(Kinh) Vân hà đương đắc thâm tín nhất thiết chư Phật, bất xả thủ niệm, thường kiến chư Phật cố?

(經)云何當得深信一切諸佛，不捨此念常見諸佛故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ tin sâu hết thấy chư Phật, chẳng bỏ niệm ấy, thường thấy chư Phật?)

Tam-muội Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền Lập được gọi là tu trì Định Ý tam-muội, tức là thủ hộ và tiếp nối ý niệm “*định ý*” do sự gia trì và thuận thực của Phật lực, Phật nguyện, sức thần thông, sức công đức, mà có thể chẳng bỏ thân hạnh này, được thấy chư Phật. Tu hành pháp Ban Châu mà nếu chẳng bỏ tạp duyên, tức là tri kiến của ngoại đạo, tri kiến của tà sư, hoặc các thứ tri kiến chẳng như thật, sẽ bị các thứ tri kiến và các thứ tư tưởng nhiễu loạn, như thế thì Định Ý tam-muội sẽ khó thể thành tựu được!

Mấy năm qua, rất nhiều người tu tập hành pháp Ban Châu hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày, bảy ngày, hoặc thời gian lâu hơn, đối với chuyện này đều có quan sát, nhưng người có thể giữ nhất quán Định Ý tam-muội từ đầu đến cuối rất ít. Thậm chí người có thể nhất quán trong một ngày một đêm rất hiếm hoi, tột bậc hiếm hoi! Có người thiện căn đã chín muồi, có thể nhất quán trong một ngày một đêm như thế, thân tâm biến hóa khó thể diễn tả, thí dụ được, phước đức và nhân duyên chín muồi khó thể diễn đạt được! Nếu trong một ngày một đêm giữ được định ý nhất quán từ đầu đến cuối, người ấy chẳng thể nghĩ bàn, được mười phương chư Phật thủ hộ, tán thán, hứa khả, được hết thấy Bồ Tát yêu mến, tôn trọng, cúng dường. Thật đấy, chẳng giả! Trong pháp tắc này, chúng ta hãy nên như thật quan sát tâm trí của chính mình, trọn chớ nên có cái tâm viển có che đậy, hư ngụy, dối lừa. Nếu thật sự trong một ngày một đêm chẳng đánh mất niệm, chẳng đánh mất chánh niệm, không có ý niệm sai lầm, hành trì pháp tắc như thế, sẽ sanh ra tâm trí thiện xảo cực lớn, khó thể thí dụ và diễn nói được.

Do Định Ý tam-muội thì có thấy Phật hay không? Nếu là “*tin sâu hết thấy chư Phật, chẳng bỏ niệm này*”, tức là chúng ta là người thật sự tin Phật, nhất quán từ đầu đến cuối, giữ gìn định ý, đoạn trừ các tướng, nhưng do niệm một phương, do được gia trì bởi nguyện lực, sức thần

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

thông, súc vô ngại của Phật và do công đức vốn có của chúng ta chín muồi, sẽ nhất định có thể thấy Phật, nghe lời dạy thù thắng của chư Phật, giải trừ hết thảy nghi ngờ lo lắng, giải trừ những thứ phòng ngự và gánh nặng trầm trọng. Đó gọi là thật sự đặc đại tự tại, đích thân chứng quang minh nơi tự tánh, hiểu tách bạch bản chất của tự tánh, lìa hết thảy che đậy, lấp liếm, tỏ lộ diện mục chân thật, nhập Thật Tế Lý Địa, an trụ trong pháp tắc chân thật.

Đối với điều này, chúng ta hãy nên quan sát; hiện thời, pháp tắc này được tu tập rất rộng, rất phổ cập trong nước. “*Phổ cập*” ở đây chẳng thể nói là phổ cập như các hành pháp niệm Phật đơn giản khác, nhưng người hành trì cũng đông, đã được hữu tình tiếp nhận trong thực tế. Thoạt đầu, mọi người không chấp nhận hành trì pháp Ban Châu, nhiều kẻ phỉ báng, nghi ngờ, hủy báng; nhưng qua sự tu tập và quan sát của mọi người trong mấy năm qua, nhất là do nương theo giáo pháp, nương theo kinh điển để tu tập đúng như thật, đã dần dần có thể quan sát thấy: Căn tánh của hữu tình trong hiện thời là kém cỏi; điều xuyên suốt từ đầu đến cuối là thiện xảo chẳng thể thành thực. Do vậy, không ngừng tu tập pháp này. Như các vị cư sĩ thường trụ tại Hằng Dương Am đã hành trì liên tục pháp tắc này hơn một năm qua, một ngày một đêm, hoặc một ngày hai đêm, hoặc thời gian dài hơn đôi chút, nhưng có thể trong một ngày một đêm “*lập một niệm, đoạn các tướng*” nhất quán từ đầu đến cuối, chẳng thất niệm, chẳng đánh mất ý niệm, người thủ hộ thanh tịnh như thế có được mấy người? Đối với điều này, những người tu tập ai nấy tự có thiện căn chín muồi, tự vận dụng, tự được chư Phật Như Lai thủ hộ.

(Kinh) Vân hà đương đắc như phụ tướng, thiệu long nhất thiết Phật pháp cố?

(經)云何當得如父想，紹隆一切佛法故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ tướng như cha, để tiếp nối hưng thịnh hết thảy Phật pháp?)

“*Phụ*” (Cha) có nghĩa là “người thúc đẩy sanh khởi hết thảy công đức”. Vì thế, trong trước tác của Long Thọ Bồ Tát, Ngài đã tán thán hành pháp Ban Châu là “*cha của hết thảy chư Phật*”, Bát Nhã là mẹ của hết thảy chư Phật. Hành pháp Ban Châu là cha của hết thảy chư Phật, vì có thể thúc đẩy sanh khởi công đức “*nhập thế gian, rộng độ hết thảy*

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

hữu tình” của hết thầy chư Phật. Bát Nhã là mẹ ấp ủ, nuôi nấng hết thầy công đức, dưỡng dục pháp tắc của hết thầy chư Phật, chứa đựng thế gian rộng khắp.

“*Thiệu long nhất thiết hành pháp*” (Tiếp nối hưng thịnh hết thầy các hành pháp): Hành pháp Ban Châu thật sự trọn đủ oai đức này, trọn đủ thiện xảo này, trọn đủ nội hàm chân thật này. Nếu có người thành tựu biết, nếu người thiện xảo biết, nếu người tu tập như thật biết, nếu là người chọn lựa như thế thì sẽ quyết định thủ hộ, thủ hộ không ngờ vực. Vì hữu tình trong thời đại này mê hoặc, lẫn lộn trong sự cảm nhận dựa trên tri kiến của chính mình. Từ trong ngoại duyên hư vọng, tức sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ mà họ đã cảm nhận, họ chẳng thể chọn lựa một pháp tắc, chẳng thể tu tập thanh tịnh, chẳng thể bỏ lìa hết thầy tạp duyên để tu tập một pháp tắc, cho nên cơ hội thành thực thiện căn như thế lại càng ít ỏi. Do vậy, chúng tôi không ngừng dựa theo pháp tắc để cổ vũ, khích lệ, khuyến hóa, hướng dẫn, tăng thượng, xúc tiến thành lập một cơ chế ngoại vi, nhưng cơ chế nội tại thì vẫn đích xác là mỗi hữu tình cần phải phát tâm.

(Kinh) Vân hà đương đắc Phật lực gia trì, u nhất thiết Phật pháp quang minh trung sanh cố?

(經)云何當得佛力加持，於一切佛法光明中生故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được Phật lực gia trì để sanh trong hết thầy quang minh của Phật pháp?)

Đây là một cơ chế riêng biệt của hành pháp Ban Châu. Trong giáo ngôn về quả địa của pháp môn niệm Phật, nương theo nguyện lực của Phật để trực tiếp tiến nhập quang minh tạng, thanh tịnh bình đẳng, hết thầy chúng sanh đều được vãng sanh trong tâm trí quang minh bình đẳng, đạt được sự thủ hộ thanh tịnh. Do duyên khởi niệm Phật, cho nên hễ khởi lên, đều là quang minh. Quang minh bình đẳng, chẳng hề vương mắc, đều được vãng sanh, chẳng có đối đãi. Chọn lựa mười hai thứ quang minh [của A Di Đà Phật], tức là Vô Lượng Quang, Vô Biên Quang, Vô Ngại Quang, Vô Đối Quang, Diễm Vương Quang, Thanh Tịnh Quang, Hoan Hỷ Quang, Trí Huệ Quang, Bát Đoạn Quang, Nan Tư Quang, Vô Xung Quang, Siêu Nhật Nguyệt Quang. Dùng hết thầy các loại quang minh chẳng thể diễn nói chiếu rạng thế gian để tiêu trừ hết thầy tình chấp đối đãi, tình chấp thánh phàm. Hành pháp Ban Châu cũng

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

giống như thế, do được Phật lực chẳng thể nghĩ bàn gia trì, tức là do được Phật quả đức lực gia trì, sẽ diệt trừ tâm trí sai biệt của hết thảy chúng sanh, nhập quang minh tạng bình đẳng, quang minh tạng chẳng thể nghĩ bàn, miễn trừ hết thảy quang minh tạng đối đãi. Ở trong quang minh tạng như thế, có thể thúc đẩy sanh khởi hết thảy công đức, tức là các thứ trang nghiêm quốc độ, các thứ trang nghiêm cho bậc đương cơ trong hiện tại, cho nên nói là “*ban bố cho chúng sanh lợi ích tối thượng thừa*”, khiến cho hết thảy các chúng sanh đều bình đẳng giác ngộ.

Hành pháp Ban Châu đích xác là chẳng thể nghĩ bàn như thế. Khi ám cảnh hiện tiền, đúng là dịp bố thí sự thủ hộ bình đẳng. Trong hành pháp Ban Châu, đa số hữu tình chẳng thể tự thoát khỏi ám cảnh, cũng có nghĩa là đọa lạc, trầm luân trong sự tướng, chẳng thể giác ngộ. Từ kinh nghiệm bản thân, tôi đã biết rất nhiều người tu hành, hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày trong khi thực hành pháp này, có nhiều ám cảnh, nhiều người bị ám cảnh vây hãm, chiết phục, lôi kéo, khống chế, chẳng thể tự thoát ra được, bèn chấp giữ ám cảnh. Vì có sao? Do chưa thoát khỏi mộng, chưa thoát khỏi tri kiến và giác thọ của chính mình, chưa cậy nhờ trí bình đẳng, trí quang minh, trí vô ngại, và sự gia trì và hồi thí thanh tịnh viên mãn của đức Phật, chỉ dựa trên sự cảm nhận về sự tướng của chính mình, tức là do trần nhiễm đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, sanh ra giác, thọ, tưởng, hành, thức, quán quanh mơ màng trong ám cảnh, nhận biết sai lầm tâm trí của chính mình, nhận biết sai lầm pháp tắc, chẳng có sức để nhất quán từ đầu đến cuối đối với “*lập một niệm, đoạn các tướng*”, chẳng niệm, chẳng chấp, không vướng, không mắc, trực tiếp chọn lựa thấy Phật, cho nên phần nhiều rơi vào ám cảnh, chẳng đạt được quang minh. Vì nếu thật sự được Phật lực gia trì, sẽ có thể khiến cho hết thảy ngăn chướng nơi hết thảy ám cảnh bị tiêu trừ.

Các vị thiện tri thức! Nếu dùng tâm trí chẳng đối đãi làm bước khởi đầu để tu tập hành pháp này, tức là thủ hộ Định Ý tam-muội, nương theo tâm trí nơi vô ngại quả đức của Phật, tâm trí Vô Thượng Bồ Đề, tâm trí chẳng mong mỏi, chỉ cầu thấy Phật, lập một niệm ấy, tất nhiên sẽ tiến nhập quang minh tạng. Ở trong biển quang minh tạng ấy mà gột rửa vô minh, hắc ám, trần cấu vốn là những thứ chẳng thể đạt được, hồng được thấy chư Phật Như Lai. Hãy nên biết Phật lực! Hãy nên niệm phương ấy (phương vị của đức Phật được chọn làm bản tôn trong hành pháp Ban Châu)! Hãy nên biết nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn của Phật! Sự hồi thí nơi quả địa của Phật chẳng thể nghĩ bàn! Nhân duyên giáo hóa

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

rất sâu của chư Phật chẳng thể nghĩ bàn! Ở đây, giải thích mười phần rõ ràng. “*Tại Phật pháp quang minh trung sanh*” (Sinh trong quang minh của Phật pháp), thúc đẩy sanh khởi các công đức. Nhưng phàm phu hữu tình phần nhiều tăng ích đạo đức và thiện căn nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp qua sự cảm nhận của chính mình, cho nên đâm ra phần nhiều chẳng tương ứng khít khao với pháp tắc này, chẳng có duyên tương ứng. Quả thật hãy nên nhờ vào sự gia trì của Phật lực, từ trong quang minh của Phật mà xúc tiến sanh khởi Pháp Thân huệ mạng và các thứ thiện xảo của chính mình. Phải mười phần chú ý điều này!

Do thứ tự đặt câu hỏi ở đây là “*đương như phụ tướng*” (hãy nên nghĩ như cha), tức là tiếp tục thúc đẩy công đức sanh khởi. “*Phật pháp quang minh*” cũng là hiển thị “*trí Bát Nhã là mẹ của công đức, là mẹ của chư Phật*”. Đừng coi thường những lời này! Nếu quý vị nhận biết đúng mực, sẽ biết chọn lựa chân thật trong hết thảy các nghiệp duyên như huyền, sẽ trụ trong phương tiện thiện xảo rộng lớn. Nếu chúng ta thật sự nhận biết hết thảy các pháp hữu vi như mộng, như huyền, ở trong huyền duyên, trong mộng duyên, chúng ta sẽ làm gì? Ai nấy đều có thể chọn lựa; trong cái nhân duyên mộng huyền hiện thời, chọn lựa cái tâm, nghiệp, và duyên của chính mình như thế nào? Chúng ta còn cần tô son, trát phấn, cần trang điểm chi nữa? Còn cần những thứ hư giả, chướng gì, thành tựu gì nữa ư? Như thế thì chúng ta sẽ thật sự đối diện tâm địa của chính mình để chọn lựa, an bài sanh mạng và khát vọng của chính mình.

(Kinh) Vân hà đương đắc vô chướng ngại, nhất thiết Phật pháp tất hiện tại tiền cố?

(經)云何當得無障礙，一切佛法悉現在前故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được chẳng chướng ngại, hết thảy Phật pháp đều hiện ra trước?)

“*Đương đắc vô ngại*” (Sẽ được vô ngại): Trong quá trình học tập Phật pháp, sẽ có những gì chướng ngại chúng ta? Không gì chẳng ngoài được hay mất. Thứ gì sẽ chướng ngại chúng ta? Không gì chẳng ngoài thánh hay phàm. Điều gì có thể trở ngại chúng ta? Không gì chẳng ngoài hết thảy đôi đũa lấy hay bỏ. Ngã Chấp, Ngã Kiến chướng ngại hữu tình. Có nghĩa là Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng khiến cho chúng sanh mê mất tự tâm, do mỗi thứ chướng pháp ấy mà chẳng đạt được thiện xảo, chẳng đắc lực. Như thế thì pháp của chư Phật chẳng thể hiện tiền!

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Nhưng hành Ban Châu chính là tu ngay trong mỗi niệm hiện tại, tu ngay trong mỗi niệm hiện tiền, tức là khi các chuyện, các nhân, các duyên hiện tiền, sẽ nương vào sức vô ngại, nương vào sức báo đức chẳng thể nghĩ bàn của Phật để quan sát, cũng tức là nương theo tự tánh vô nhiễm, tự tánh không chấp trước, sức vô tự tánh [mà chính mình] vốn sẵn có để quan sát ngay trong mỗi niệm, cho đến nương vào sức công đức của danh hiệu Phật để nhanh chóng thành tựu quang minh của tự tánh, chiếu rõ, nhận biết hết thấy các pháp vốn đã trọn đủ, hết thấy các pháp vốn sẵn trang nghiêm, hết thấy chư Phật vốn sẵn an lập, hết thấy sự trang nghiêm trong biển pháp giới thanh tịnh an lập vốn chẳng rời lìa trong khoảng sát-na, thành tựu vô lượng pháp tác thiện xảo!

(Kinh) Vân hà đương đắc như huyễn nhân, ư nhất thiết pháp vô tư niệm cố?

(經)云何當得如幻人，於一切法無思念故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được như kẻ huyễn hóa, trong hết thấy các pháp, chẳng suy nghĩ?)

Tại Ấn Độ, có các huyễn sư có thể dùng các thủ đoạn như chú thuật, phù lục (bùa phép) v.v... khiến cho các chúng sanh tiến nhập huyễn cảnh, sanh ra đủ loại mừng sợ, [trông thấy] đủ loại trang nghiêm. Hiện thời, chúng ta là huyễn nhân, hay là người như thật? Nếu hiểu rõ “*pháp chẳng có tự tánh*”, có nhân duyên của hữu tình nào chẳng phải là nhân duyên nhất thời hòa hợp biến hiện? Có thực chất gì vậy? Quý vị từ vô thị đến nay, thiện ác, lớn nhỏ, đúng sai, có thứ gì để có thể đạt được? Đều là các thứ nhân duyên tụ hợp, quả thật chẳng sanh, mà cũng chẳng hiện, chỉ là do cưỡng chấp duy trì, sẽ nảy sanh các thứ lực và tác dụng. Lực và dụng ấy không gì chẳng phải là tác dụng của pháp tánh, nhưng khi mê mất, chấp trước, sẽ nảy sanh tướng nghiệp lưu hư vọng. Nếu từ trong hết thấy được, mất, chúng ta thấy thấu suốt bản chất của chúng, há còn đắm nhiễm nơi được, mất ư? Vì thế, huyễn nhân chẳng cầu được, mất, chẳng sợ được, mất; có ai chẳng phải là huyễn nhân? Có gì là biết như thật? Chúng ta tu hành pháp Ban Châu, nhất định sẽ có sự quan sát như thế.

Có các vị xuất gia và cư sĩ tu hành pháp Ban Châu, sanh ra cảm nhận được gọi là “*hư huyễn*”. Nếu trong tình huống thông thường, sẽ bị tổn thương rất lớn; nhưng khi hành trì Ban Châu, nó chẳng gây tổn giảm

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

cho người ấy. Hễ khôi phục thái độ bình thường thì chẳng sao cả! Tôi nhớ khi mọi người hành trì pháp này ở vùng Đông Bắc³², do nhân duyên khác, tôi bèn rút lui, muốn đến Bản Nạp (Sipsong Panna)³³. Khi ở trạm xe và phi trường, cảm thấy rất yếu ớt, chẳng phải là không biết rõ, nhưng chẳng có cách nào dùng ý niệm để điều khiển nhân duyên của chính mình, vì bất cứ tâm niệm nào cũng đều chẳng đắc lực. Khi đó, nếu nói là bị thất niệm thì quả thật chẳng thất niệm, chỉ là chẳng thể dùng sức. Thông thường, sau khi hành Ban Châu ba ngày, tư duy muốn dùng sức sẽ rất khó. Thật sự tu tập, sẽ rất khó thể dùng những cái gọi là “ý nghĩ, ý niệm” của chính mình. Ý nghĩ và ý niệm đều là hư vọng tạo tác, cơ bản là đã tiến nhập một trạng thái nghỉ ngơi đặc biệt; đó là một hiện tượng khá phổ biến. Đương nhiên là nếu “*niệm trong một kỳ hạn, niệm một phương*”, chẳng mê muội cái tâm đã phát ban đầu của chính mình, nhất quán từ đầu đến cuối, người như vậy nếu có thể hành một ngày, hai ngày, ba ngày, nhân duyên ấy cũng khó thể diễn tả, chỉ có hành giả biết, theo đúng pháp mà ẩn khổ.

Giữa nhiều người tu tập như vậy, vì sao có người tương ứng, có người chẳng tương ứng, kết quả sai lệch bất đồng? Đó là do nguyện vọng và tâm trí của mỗi cá nhân [khác biệt]. Rất nhiều người hành pháp trong khi kinh hành, cũng như trong quá trình kinh hành, phần nhiều nảy sanh tâm lý muốn nghỉ ngơi, tránh né, chẳng muốn đi nữa, hoặc là cuồng vọng, tự đại, cho nên tinh thần sa sút, chẳng mong hành trì nữa, bèn hôn trầm, nghỉ ngơi. Loại người ấy là kẻ tránh né, chẳng thể tương ứng với pháp, mà kẻ tâm trí cuồng vọng, hợm mình, sôi nổi cực độ giống như mắc chứng cuồng tưởng cũng chẳng thể tương ứng. Do vậy, nếu tri kiến có thể đúng như thật nhất quán từ đầu đến cuối, liền gặp Phật, nghe pháp, tin sâu Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, tin sâu công đức gột rửa của danh hiệu Phật thanh tịnh và quang minh thanh tịnh, người ấy sẽ có thể trong một ngày, hai ngày, ba ngày, bảy ngày đạt được lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Có lợi ích như vậy hay không? Thật sự là người tu tập thì sẽ biết. Nội hàm thực chất của hành pháp Ban Châu thật sự chẳng thể nghĩ

³² Đây là chuyện trong tháng Giêng năm 2003, tại chùa Bảo An thuộc Hải Thành, tỉnh Liêu Ninh. Từ cuối năm 2002, pháp sư Từ Pháp bắt đầu vì các vị cư sĩ các nơi thỉnh cầu mà mở năm lần khóa tu Ban Châu bảy ngày tám đêm (chú thích của người ghi lại lời giảng).

³³ Đây là khu tự trị của người Dai (Thái) tại tỉnh Vân Nam, giáp ranh biên giới Lào và Miến Điện, có thủ phủ là thành phố Cảnh Hoàng. Tên gọi Sipsong Panna (còn viết là Sibsongbanna) trong tiếng Thái có nghĩa là “*một vạn hai ngàn thửa ruộng*”.

bàn! Có người nói: “Chúng ta chẳng sanh ra lợi ích trong hiện thời, vậy thì lợi ích trong vị lai rốt cuộc là như thế nào?” Lợi ích của hành pháp Ban Châu trong vị lai đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta chẳng thể dùng lợi ích đề dụ dỗ hữu tình, nhưng trong hơn một trăm hai mươi hai câu hỏi được đặt ra ở đây, quả thật [đã diễn tả] nội dung thực chất của lợi ích do hành trì Ban Châu. Nội dung ấy chính là lời thành thật, lời chân thật của đức Phật ban bố cho chúng sanh.

(Kinh) Vân hà đương đắc như hóa giả, quán nhất thiết pháp vô sanh diệt cố?

(經)云何當得如化者，觀一切法無生滅故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được như hóa, quán hết thấy các pháp chẳng sanh diệt?)

Trong hành trì Ban Châu, có thể là có các hữu tình hành pháp đối với cảm giác “như hóa” đã có sự nhận biết sâu sắc. “*Quán nhất thiết pháp vô sanh diệt cố*” (Vì quán hết thấy các pháp chẳng sanh diệt): Pháp vốn chẳng sanh diệt, nhưng nương vào các thứ hiện duyên và các thứ nhân duyên tiếp nối mà hiện lộ rành rành các thứ vật chất như huyễn, cho nên là “không, vô sở hữu”. Các loại hữu tình trong các loại pháp giới cho rằng pháp giới là có thật, nhưng thật ra, chẳng có pháp nào để có thể đạt được! Trong pháp chẳng thể được, chúng sanh vẫn tiếp tục duy trì các thứ cảm nhận, các thứ tri kiến, các thứ sanh mạng, và các thứ thiện ác của chính mình, sáng lập Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, cho tới mười pháp giới. Mỗi giới đều phô bày công đức, đều hiện lộ tác dụng của pháp tánh. Vì thế, đức Phật nói “*pháp giới duy tâm*”, thật sự chẳng sanh diệt, nhưng do nương theo tâm trí tạo tác, tâm trí mạnh động, tâm trí nhân duyên mà liên tục xuất hiện các chọn lựa và các thứ tác dụng.

Hết thấy các pháp thật sự chẳng sanh diệt. Trong khi hành trì Ban Châu, chúng ta có thể quan sát rõ ràng: Khi lập một niệm, các thứ âm cảnh, các thứ cảm giác, đau, ngứa, ấm cảnh, cho đến cảnh quang minh, cho đến cảnh thấy Phật, cảnh hỏi pháp cũng đều là chẳng thể được, cũng là chẳng có sanh diệt, nhưng do tâm trí trói buộc, nguyện lực nêu bày, hành pháp sẽ hiện hiện tương ứng. Sự hiện hiện ấy như huyễn, như hóa, chẳng có thực chất. Hành giả sẽ đạt được diệu dụng, còn người nhiễm đắc sẽ trầm trọng, sẽ vương mắc hệ lụy.

(Kinh) Vân hà đương đắc như mộng, quán sát tam thế vô lai khứ cố?

(經)云何當得如夢，觀察三世無來去故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được như mộng, quan sát ba đời chẳng đến, đi?)

Đối với loại cảm nhận này, có lẽ rất nhiều người đã tu hành pháp này, đọc tới đây, sẽ cảm thấy rất thân thiết. Thông thường, đối với người đã hành [Ban Châu] từ bảy ngày trở lên, đối với hết thấy hiện duyên và hiện cảnh, phần nhiều chẳng sanh sợ hãi. Tôi đã thấy khá nhiều người tu hành pháp này từ bảy ngày trở lên, nếu chẳng mê mất trong ám cảnh của chính mình, có thể dựa theo giáo lý để thanh tịnh quan sát cận kề, đối với những ngôn từ như “*ba đời như mộng*”, “*ba đời như huyễn*”, “*tam thế nhất niệm*”, “*ba đời bình đẳng*”, đều có thể cảm nhận. Thoạt đầu, trong khi tu hành pháp này, nhất là ở vùng Đông Bắc, có rất nhiều người hành Ban Châu, sau khi xuất quan đều nói: “Cảnh giới ấy tôi đã sớm từng thấy. Rất lâu trước kia, tôi đều đã biết quang cảnh ấy, đều đã thể nghiệm tinh thần ấy” v.v... Quả thật là nhất niệm chuyển dùng lẫn nhau!

“*Ba đời*” là do chúng sanh hư vọng tự ấn định, trọn chẳng phải là như thật. Vì vậy, người có trí huệ, do có Thiên Nhân Minh, Túc Mạng Minh, và Lưu Tận Minh, sẽ có thể chuyển đổi giữa ba đời, hoán chuyển diệp dụng, nương vào lúc sức công đức thành tựu để chuyển hoán tới lúc túc duyên của chính mình chưa thành tựu, hồng lợi ích các hữu tình trong thế gian thưở chưa thành tựu, khiến cho họ được an lạc. Hoặc trước hết tiến nhập công đức thành Phật hồng bố thí cho thế gian đang trầm luân, khiến cho những kẻ trầm luân trong hiện duyên của đời quá khứ nơi thế gian đều được độ thoát. Ba đời dùng lẫn cho nhau, vốn chẳng có chướng ngại. Trong sự tu chứng của Phật pháp, nếu đối với cái gọi là Bản Tôn³⁴ Quán, hoặc Bản Tôn Thí Giáo mà đích thân chứng đắc

³⁴ Bản Tôn (Iṣṭa-devatā) tức là vị Phật, Bồ Tát, hay các vị thánh nhân chánh yếu trong một pháp môn nào đó. Chẳng hạn đối với người tu Tịnh Độ thì A Di Đà Phật là Bản Tôn, người tu Đâu Suất Tịnh Độ thì Di Lặc Bồ Tát là Bản Tôn, đối với người trì chú Đại Bi thì Quán Thế Âm Bồ Tát là Bản Tôn, người tu chú Chuẩn Đề thì Chuẩn Đề Bồ Tát là Bản Tôn. Nhưng trong truyền thống Phật giáo Nhật Bản thì Bản Tôn còn có nghĩa là bức tượng hay tranh vẽ của vị Phật hay Bồ Tát được thờ chánh yếu trong một ngôi chùa. Khái niệm này được mở rộng thành Gohonzon (ngự bản tôn) để

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

giáo nghĩa, sẽ có thể nương theo tâm trí của Bản Tôn, giáo ngôn của Bản Tôn, và pháp tắc của Bản Tôn để lợi ích trời, người rộng lớn, nhưng Bản Tôn thật sự chẳng có lúc trước hay lúc sau. Do vậy, “*tam thế vô lai khứ*” (ba đời chẳng đến đi), đến hay đi là do chúng sanh sử dụng, cũng như để cho bậc thiện xảo sử dụng. Bậc thiện xảo vào trong ba đời, “*một niệm nhập ba đời, ba đời làm một niệm*”, ai nấy đều đạt được phương tiện. Chúng ta đọc kinh Hoa Nghiêm, trong cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, quả thật chẳng có pháp nào để có thể đạt được, đúng là như huyền, như hóa, thật sự là đạt được sức tự tại trong huyền hóa. Thật sự là kẻ trí thì sử dụng, còn kẻ ngu thì mê muội!

(Kinh) Vân hà đương đắc như kính tượng, nhất thiết thế giới tu hiện thân trung cổ?

(經)云何當得如鏡像，一切世界斯現身中故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được như hình tượng trong gương, để hiện thân trong hết thảy các thế giới?)

Trong việc tu trì môn tam-muội Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiên này, chiếu soi, nhận biết hết thảy thế gian, hiện ra các thứ phương tiện trong sát độ thế giới, đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Đây chẳng phải là sở chứng của bậc thánh, mà cũng chẳng phải là pháp tắc nào khác, mà là sở chứng của người có mong muốn thanh tịnh, do được chư Phật, Bồ Tát gia trì, sanh ra sự thiện xảo nơi tâm trí giống như tấm gương có thể chiếu soi thế gian.

Trước kia, trong quá trình trì chân ngôn Dược Sư, tôi đối với chuyện này có cảm xúc mười phần to lớn. Muốn vào địa ngục giới, muốn vào súc sanh giới, muốn vào quỷ pháp giới, nhân pháp giới, thiên pháp giới, Thanh Văn, Duyên Giác pháp giới, đều có thể đạt được sức tự tại. Sức tự tại ấy chính là nương nhờ sức của chân ngôn Dược Sư, có thể chuyên vận cảm giác từ tâm trí vào trong các loại thế giới, thấy các phương tiện. Nếu thủ hộ đầu gối (chú tâm quán chủng tử của chân ngôn hiện ra nơi đầu gối), sẽ có thể khéo vào súc sanh pháp giới. Trong quá trình trì chân ngôn Dược Sư, nhanh chóng tiến nhập súc sanh pháp giới,

chỉ vị được thờ chủ yếu trong một nhóm các tượng Phật, Bồ Tát trên cùng một bàn thờ. Đặc biệt trong Nhật Liên Tông (Nichiren Shu) của Nhật Bản, Gohonzon được dùng để chỉ các bức vẽ mô phỏng bản viết tay đề mục (o-daimoku) Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh do sư Nhật Liên viết.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

trông thấy đủ loại súc sanh, đủ loại luân hồi, đủ loại sanh mạng tiếp nối, đủ loại nguồn cội, cho đến đủ loại mong cầu, đủ loại khát vọng, đủ loại khổ nạn. Trong nhất thời, muốn biết sự thủ hộ của quý thần, bèn quán nơi rốn, dùng chân ngôn Dược Sư gia trì, sẽ tiến nhập tâm giới của các loại quý thần, trông thấy nhu cầu, tác dụng, thành tựu, sự đến đi, khát vọng, nỗi sợ hãi, và tránh né của đủ loại quý thần. Đó là then chốt, là đàn tràng, và máu chốt của quý thần. Nếu muốn quán nhân pháp giới, bèn quán nơi ngực, phần nhiều là quán sát thanh tịnh nơi ức, dùng sức chân ngôn để gia trì, sẽ có thể tiến nhập các thứ nhân loại, các thứ tâm trí, khát vọng, nhu cầu, bản khoãn, chọn lựa, sanh đây chết kia, chết đây sanh kia của con người. Đó là phương tiện. Nếu quán nơi lông mày, có thể trông thấy các thứ thiện xảo, vui chơi, hưởng đến, trở về, trầm luân của chư thiên. Điều này chẳng khó, cũng có nhiều phương tiện. Nếu quán cảnh tướng địa ngục, hãy quán sát nơi bàn chân cho nhiều, nương theo chân ngôn thúc đẩy, sẽ thấy các thứ lửa, các thứ băng, các thứ gió, các thứ nạn, các thứ hành hình tàn khốc, các thứ gào khóc áo não, các thứ nạn duyên chẳng thể nghĩ bàn cùng lúc hiện tiền. Các thứ chẳng thể nghĩ bàn ấy chỉ nương vào sức thúc đẩy của chân ngôn mà đều có thể cảm nhận, biết rõ!

Thật sự là hết thảy thế gian rớt ráo như huyễn, đủ loại gương, cùng với điều then chốt và thực tiễn, đã được truyền thừa lâu đời từ xưa, cũng có vị thí giáo, cũng có người tu tập. Trong hành pháp Ban Châu, chúng ta muốn đạt được phương tiện thiện xảo này, cũng có thể khéo nhập để tu trì trong một luân ấy (tức các chỗ vừa nói trong phần trên, như ngực, bụng, đầu gối v.v...) để làm thiện xảo. Quý vị nói: “Tôi tu pháp trong sự vui chơi, tôi chẳng thấy Phật”. Cũng có thể tu trì như thế, bất quá như thế thì là đắm đầu vào ngõ rẽ, khiến cho người ấy sợ hãi mà đọa lạc, hoặc nói “*chẳng thể [chứng đắc] ngay trong một đời*”, cho đến sân hận, hoặc nảy sanh kiêu mạn. Nếu đã đạt được sức tự tại thì có thể hành trì pháp này.

“*Vân hà đương đắc như kính tượng, nhất thiết thế giới tư hiện thân trung có*” (Như thế nào thì sẽ được như hình tượng trong gương để hết thảy thế giới đều hiện thân trong ấy): Đối với chuyện này, mọi người có thể tự chứng thực. Tôi chẳng cần phải giới thiệu phương pháp cho mọi người, chỉ nêu ra với mọi người, mỗi chỗ trong thân luân đều có phương tiện, đều có thể tiến nhập. Chẳng hạn như muốn thấy chư thiên, hãy quán nơi lông mày, sẽ rất dễ trông thấy. Nhưng nơi ấy cũng rất dễ gây ra thương tổn chẳng thể nghĩ bàn đối với sanh mạng, vì nếu đối với

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

các thứ tu trì mà đắm nhiễm, sẽ có thể thậm chí đánh mất sanh mạng, hoặc sanh ra bệnh tật. Do đó, đối với các pháp tắc như thế, hãy hết sức chớ nên coi thường, dễ dãi vận dụng. Ở đây, tôi chỉ nhằm thuyết minh câu kinh văn này mà thôi!

(Kinh) Vân hà đương đắc như hưởng thanh, nhất thiết pháp vô tác, vô vi, nhân duyên sanh cổ?

(經)云何當得如響聲，一切法無作無爲，因緣生故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được như tiếng vọng, hết thảy các pháp vô tác, vô vi, do nhân duyên sanh?)

Chúng ta chọn lựa như thế nào? Giáo ngôn của tam thừa đều công nhận các pháp nhân duyên. Vì sao vậy? Do nó hiển hiện trong thế gian mà chẳng hoại Tục Đế, có thể tạo lợi ích và lợi lạc cho chúng sanh, có thể khiến cho chúng sanh trông thấy và sử dụng. Vì thế, “*chư pháp nhân duyên sanh, duyên tạ pháp hoàn diệt, ngã sư đại sa-môn, thường tác như thị thuyết*” (các pháp nhân duyên sanh, duyên hết, pháp cũng diệt, thầy ta đại sa-môn, thường nói như thế đó), điều này được các hữu tình tiếp nhận. Nói “*pháp sanh bởi nhân duyên*”, có thể trừ sạch hai pháp Đoạn và Thường, cũng có nghĩa là Thường Kiến và Đoạn Kiến có thể cùng lúc tiêu mất!

Bởi lẽ, hết thảy các pháp vô tác, vô vi, do nhân duyên mà hiển hiện, đó gọi là “*từ trong cái vốn chẳng sanh diệt, do nhân duyên mà hiển hiện*”. Nhân duyên ấy từ đâu đến? Đi về đâu? Thật sự chẳng có nhân duyên để có thể được! Chúng sanh do đắm nhiễm, chúng sanh do nhất niệm mê muội chân tánh xúc động mà tướng động hiện tiền, Năng và Sở được kiến lập, kiến lập thế giới hải³⁵. Cho nên các thứ sát-độ (các

³⁵ “*Thế giới hải*” là một khái niệm trong kinh Hoa Nghiêm nhằm chỉ chung các quốc độ để các vị Bồ Tát nương vào an trụ, hoặc là từ ngữ để chỉ khu vực giáo hóa của một đức Phật. Thế giới hải được chia thành ba loại:

1. Liên Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải, còn gọi là Liên Hoa Tạng Thế Giới, hay Hoa Tạng Giới. Tuy nơi quả vị Phật, chẳng còn phân chia cảnh giới, giống như lưới trời của Đế Thích, các quốc độ trong ấy trùng trùng vô tận, có vô hạn chủ và bạn. Đây là cảnh giới của địa vị Chứng Nhập Sanh.

2. Thập Trùng Thế Giới Hải, tức là ngoài tam thiên đại thiên thế giới, lại có mười loại thế giới, tức là thế giới tánh, thế giới hải, thế giới luân, thế giới viên mãn, thế giới phân biệt, thế giới toàn (xoay tròn), thế giới chuyển, thế giới liên hoa, thế giới

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

cõi Phật) do vậy mà sanh, tức là do chân tánh mạnh động, bèn liên tục xuất hiện các thứ sát-độ. Các sát-độ ấy là vô tác, vô khởi, tất nhiên là loạn khởi, loạn diệt, chẳng có thực chất, vì đều là do nhân duyên mà sanh.

Hành Ban Châu sẽ nhất định có cơ chế thiện xảo như vậy. Chư vị thiện tri thức nếu có thể khéo quan sát, sẽ có thể chọn lựa pháp nhân duyên. Nhị Đế (Chân Đế và Tục Đế) dung thông, từ trong pháp Thắng Nghĩa Đế chẳng có tự tánh mà có thể chọn lựa an trụ, có thể an lập, trụ trong hết thấy các pháp nhân duyên thuộc Tục Đế, quan sát rất sâu, thật sự là vô sanh, vô diệt. Các loại nhân duyên sanh ra các loại pháp, từ trong các loại pháp mà hư huyễn dấy lên hay tiêu diệt, chẳng có thực chất, trở lại quy nạp trong Thắng Nghĩa Đế chân thật.

(Kinh) Vân hà đương đắc như hình ảnh, ư nhất thiết sanh pháp, tự vô tâm thủ xả cố?

(經)云何當得如形影，於一切生法，自無心取捨故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được như hình ảnh, trong hết thấy các pháp sanh khởi, tự chẳng có tâm lấy bỏ?)

“*Như hình ảnh*”: Chúng ta sẽ chẳng nắm bắt sự được mất nơi hình bóng, nhưng có nhiều hữu tình ngu si từ trong hết thấy các pháp tác huyễn duyên như hình bóng, lại hư vọng chấp giữ thiện ác, hư vọng chấp giữ được mất, hư vọng chấp giữ ta người, trầm luân trong thế gian. Nếu thật sự biết “*hết thấy các pháp ví như hình bóng, chẳng mất, chẳng được*”, há có đắm nhiễm? Hữu tình tất nhiên không lấy bỏ, từ “*không lấy bỏ*” mà đạt được Bình Đẳng Trí, Diệu Quán Sát Trí, Đại Viên Mãn Trí, Pháp Giới Thế Tánh Trí. Bốn loại trí bản sanh ấy cùng lúc chín muồi, quan sát thế gian chẳng hề sợ hãi!

(Kinh) Vân hà đương đắc không, vô sở hữu, viễn ly nhất thiết chư vật tướng cố?

Tu Di, thế giới tướng. Đây chính là các quốc độ tương ứng với mỗi địa vị trong Thập Địa Bồ Tát mà hiển thị. Đây là cảnh giới của địa vị Giải Hạnh Sanh.

3. Vô Lượng Tạp Loại Thế Giới Hải, còn gọi là Tạp Loại Thế Giới, tức các thế giới có hình dạng như núi Tu Di, như con sông, có hình dạng như một vật đang xoay chuyển, có hình xoắn vòng, hình bánh xe, hình như cây cối, hình như lầu gác, hình như đám mây, cho đến có hình dạng như chúng sanh trọn khắp pháp giới. Đây là cảnh giới của địa vị Kiến Văn Sanh.

(經)云何當得空，無所有，遠離一切諸物想故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được “không, vô sở hữu”, xa lìa hết thảy các ý tưởng về mọi vật?)

Đối với mỗi vật chất trong thế gian, chúng ta đều nhận biết. Nếu dùng Thất Tướng ấn để nhận biết, giữ lấy, sẽ mười phần thuận tiện. Đó gọi là “*sự nhận biết và chọn lựa đối với pháp vô tự tánh*”, nhưng chúng ta thường dễ mê mất điều này. Quan sát như thế nào? Có thể thấy sắc tướng và nhân duyên của vật chất. Chẳng hạn như tấm vải là do các sợi bông vải (cotton) dệt thành. Nay treo tại đó, nếu bỏ nó vào lửa, vải sẽ chẳng còn. Đối với vạn sự, vạn vật, chúng ta đều có thể quán như thế. Lại như bức tượng bằng đồng này, sau khi bỏ vào lò nung chảy, sẽ chẳng gọi là tượng nữa! Lúc Kiếp Hỏa thiêu đốt, đại thiên thế giới nhất loạt bị lửa đốt trụi. Khi Thủy Đại thành thực, tức là lúc Thủy Kiếp, lại nhất loạt bị nước nhấn chìm, mênh mông không bờ mé! Vạn sự, vạn vật đều không ngừng nghỉ, do vô tự tánh mà biểu hiện thành các thứ nhân duyên. Vì thế, các pháp đều do sức nhân duyên mà hiển hiện.

Vì sao nói “*không, vô sở hữu, viễn ly nhất thiết chư vật tưởng*” (không, vô sở hữu, xa lìa suy tưởng về hết thảy các vật): Bản dịch này ghi là “*chư vật*” (các vật), tôi thấy có bản dịch khác ghi là “*viễn ly nhất thiết chư Phật tưởng*” (xa lìa ý tưởng về hết thảy chư Phật). Trên thực tế, chư vật và chư Phật vốn chẳng khác biệt! Tuy là du hí nơi văn tự, nhưng nói về thực chất, chư Phật Như Lai xuất hiện trong cõi đời, và các vật ứng hiện trong thế gian, đều do nhân duyên mà hiện. Thật sự là pháp nhất như! Hoàn toàn chẳng có một vật tồn tại trong thế gian, đều là do các thứ pháp tác, các thứ nhu cầu mà tạo tác các thứ biểu đạt đó thôi! Ở đây, các thứ ấy rất khéo léo xuất hiện sự sai biệt, một bản kinh mà có hai cách dịch [khác nhau], chúng tôi bèn dựa theo “*chư vật*” để nói. Chúng ta có thể quan sát trong lúc chính mình giơ tay, giở chân, đụng chạm các vật, xem xét các vật, cảm nhận các vật, quả thật chẳng có tự tánh. Nếu quan sát cận kề, chẳng có một vật thật sự nào có thể thường tồn tại, cho nên nói “*về bản chất cũng là không, chẳng có gì*”, do nhân duyên tụ hợp mà hư vọng biểu hiện, tạm thời biểu hiện. Đối với sự biểu hiện ấy, người khéo dùng sẽ đạt được thiện xảo, đạt được an lạc, đắc lực. Kẻ một mực chấp trước, sẽ trở thành trầm trọng, bị bức bách, bị khổ nạn. Các thứ pháp không gì chẳng là như thế!

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Nói “*viễn ly nhất thiết chư vật tướng*” (xa lìa ý tưởng về hết thấy các vật), trong phần trước là quan sát cận kề các pháp tắc “*như huyễn, như hóa, như mộng, như hình bóng trong gương*”, chúng ta có thể thấy thấu suốt “*vạn sự, vạn vật chẳng có tự tánh*”, có thể chọn lựa tánh “*vô tự tánh*”. Như thế thì sẽ có thể đúng như thật mà ẩn khế vạn sự, vạn pháp trong thế gian, đương nhiên là kể cả chư Phật! Quý vị đừng sợ hãi! Mùi hương uế độ như mộng, như huyễn, mùi hương Tịnh Độ cũng lại như mộng, như huyễn. Nói như vậy chẳng phải là khiến cho chúng sanh chẳng có chỗ nương cậy ư? Chẳng phải vậy! Nếu chúng ta chẳng quán kỹ càng triệt để như mộng, như huyễn, sẽ chẳng đạt được trí huệ thiện xảo, chẳng có xuất ly thiện xảo, chẳng có hữu lực thiện xảo, chẳng có thiện xảo triệt để vượt thoát sự lấy bỏ, tức là chẳng thể thúc đẩy sanh khởi các thứ công đức, chẳng thể nhập Ba La Mật môn. Đối với “*viễn ly nhất thiết chư vật tướng*” (xa lìa ý tưởng về hết thấy các vật), do hành pháp Ban Châu, chúng ta sẽ có thể đạt được thiện xảo và phương tiện như thế.

(Kinh) Vân hà đương đắc vô tướng, quán nhất thiết pháp vô hữu nhị cố?

(經)云何當得無相，觀一切法無有二故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được vô tướng, quán hết thấy các pháp chẳng có hai?)

Pháp tắc này thẳng thừng đoạt hết tâm trí đối đãi của chúng sanh, [khiến cho họ] nhập pháp môn Bất Nhị. Các tướng thật sự chẳng có tướng, chỉ do nhân duyên mà hiển hiện các tướng. Như căn nhà này của chúng ta là do gỗ thông chất chứa lại, thông qua người thợ dẫn chặt, cưa xẻ, ghép mộng mà thành. Trước khi dẫn chặt thì nó là một cây thông. Cây được xẻ thành tám ván; sau đấy, trở thành hình dạng như hiện thời. Cho đến khi nhân duyên đã tận, cũng có thể biến thành một nhúm lửa, hoặc một nhúm tro, chẳng có thực chất. Chỉ có thể nói theo nhân duyên mà mọi người hiện thời đang sử dụng, nó hiển hiện thành một căn nhà để chúng ta tránh nắng, đụt mưa, khiến cho mọi người an trụ trong ấy mà tu hành.

“*Vân hà đương đắc vô tướng, quán nhất thiết pháp vô hữu nhị cố*” (Như thế nào để được vô tướng, quán hết thấy các pháp chẳng có hai): Hết thấy các pháp chẳng có đối đãi, chẳng có tánh chất tồn tại liên tục. Chúng là bất sanh, bất diệt. Từ trong cái chẳng sanh diệt ấy, do nhân

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

duyên mà hiện. Căn nhà này là như thế, cái đệm chúng ta đang ngồi cũng lại giống như thế, cái y chúng ta đang đắp cũng là như thế. Cái y này đắp lên thân, thị hiện màu đỏ, màu vàng, nhằm biểu hiện tướng trạng của pháp. Nhưng nếu quăng nó vào đồng lửa, nó sẽ hóa thành một nắm tro, chẳng phải là màu đỏ, màu vàng chi hết, thật sự chẳng có thực chất, thật sự chẳng có tướng để có thể đạt được, do nhân duyên mà có, do nhân duyên mà hiện. Cho nên bản chất của nó là bất nhị.

Đối với sự chọn lựa tâm trí vô nhị, hành Ban Châu sẽ dễ nảy sanh [tâm trí] ấy nhất. Vì lẽ nào? Nếu có đối đãi, sẽ dễ bị nặng nề, mệt chán, khó thể hành trì! Chúng ta đi tới đi lui, đi lui đi tới, hễ hơi có [ý niệm so đo] được mát, hễ hơi có đối đãi, [sẽ cảm thấy] nặng nề, khó thể chịu nổi, khó thể duy trì hành vi đơn giản suốt một ngày một đêm. Suốt một ngày một đêm lập một niệm gì vậy? Ý niệm chẳng đối đãi, ý niệm như huyền, ý niệm vô tướng.

(Kinh) Vân hà đương đắc pháp giới biên tế, Bồ Đề tâm vô hạn lượng cố?

(經)云何當得法界邊際，菩提心無限量故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được bờ mé của pháp giới, do tâm Bồ Đề chẳng có hạn lượng?)

Cái tâm Bồ Đề ở nơi đây là cái tâm Bồ Đề chẳng tạo tác, chẳng đối đãi, chẳng đến, chẳng đi, chẳng có đầu, chẳng có cuối, chẳng phải phạm, chẳng phải thánh. Chọn lựa tâm tánh rộng lớn như thế thì Vô Thượng Bồ Đề tâm chẳng có hạn lượng, là vô lượng trong vô lượng, chẳng thể nói năng, chẳng thể đề cập, chẳng thể biểu đạt. Nương vào các thứ nhân duyên để biểu đạt chính là tạo tác Bồ Đề tâm phần, như cổ nhân đã nói năm phần Pháp Thân, tức Giới, Định, Huệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến có thể biểu đạt Bồ Đề tâm phần. Lại như cổ nhân nói “phát Bồ Đề tâm, hiểu rõ Bồ Đề tâm, quy phục Bồ Đề tâm, cho đến chứng Bồ Đề tâm, trọn đủ Bồ Đề tâm, các thứ Bồ Đề tâm”, thì vẫn là các phần của Bồ Đề tâm. Có người nói Bồ Đề tâm thuộc vào đại nguyện, đại bi, đại trí, hễ trọn đủ sẽ là Vô Thượng Bồ Đề tâm. Đây chính là tướng của Bồ Đề tâm. Tướng ấy vô tướng, cưỡng lập một tướng, khiến cho chúng sanh được thấy công đức đại lực, đại trí, đại bi vô hạn. Thông qua ngôn thuyết để biểu đạt nội dung ấy [để chúng sanh] có thể tiến nhập. Do đó, pháp giới chẳng có ngăn mé, chẳng có hiện lượng. Bồ Đề tâm

chẳng có ngăn mé, mà cũng chẳng có hiện lượng. Cái tâm ấy chẳng phải là tâm tạo tác, mà cũng chẳng phải là tâm lìa tạo tác. Trong tâm phân của tâm tạo tác, nếu chẳng cưỡng chấp, cũng khó thể dùng ngôn ngữ để suy lường, khó thể nói trọn!

(Kinh) Vân hà đương đắc bất khởi trước, nhất thiết thế giới tánh vô sai biệt cố?

(經)云何當得不起著，一切世界性無差別故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ chẳng dấy lên chấp trước, do tánh của hết thảy các thế giới chẳng sai biệt?)

“*Đương đắc bất khởi trước*” (Sẽ chẳng dấy lên chấp trước): Điều này lại dung nhập về chuyện tự tánh chẳng khởi tác dụng, tự tánh chẳng tạo tác. Tự tánh là cội nguồn sáng suốt, tự tánh an lạc, tự tánh vốn trọn đủ tánh chất liễu đạt, liễu thoát hết thảy nỗi khổ sanh tử, kiến lập thiện xảo trong hết thảy các thế giới hải. “*Bất khởi*” ở đây chính là pháp giới chân tế³⁶, là tướng mạo của Thật Địa (Thật Tế Lý Địa), là sự chân thật của tâm trí bất động, là sự trang nghiêm nơi Nhất Chân pháp giới. Nhưng trong các thứ cơ chế, tâm trí của phàm phu hữu tình sẽ mạnh động đối với các nhân duyên, đó gọi là “*tướng động hiện tiền*”, tâm sẽ thường xuyên lay động. Động như thế nào? Bị gió nghiệp thổi lay động, vọng duyên thổi rung động, bị cảm giác thổi lay động, mà thổi bùng lên ý niệm đờc mắt, thổi lên ý niệm thiện ác, thổi lên ý niệm về công đức lợi ích. Hễ động thì Năng và Sở bèn được kiến lập. Năng và Sở đã được kiến lập, sẽ có các thứ sai biệt trong thế giới lượng nhiều như biển. Tuy là hư vọng, nhưng mỗi chúng sanh đều chấp lấy để sử dụng, lưu chuyển, an trụ, đều cho có thật. “*Bất khởi trước*” (Chẳng dấy chấp trước) thật ra chính là tiêu quy về Thật Tế, là tướng mạo vốn sẵn có. Ở đây, có sự lưu xuất và tác dụng của tự tánh quang minh. Tác dụng ấy là vô công dụng mà có thể rộng lợi ích thế gian, chẳng đờc, chẳng mất.

Do “*chẳng chấp trước*” nên “*nhất thiết thế gian tánh vô sai biệt*” (tánh của hết thảy thế gian chẳng khác biệt). Đối với bản chất của hết thảy thế gian cho đến bản chất của mười pháp giới, nương theo thế tánh

³⁶ Chân Tế (真際) có thể hiểu theo hai cách:

1. Bản chất thật sự của vũ trụ, của pháp giới, là cảnh giới của Phật.
2. Chân nghĩa, hoặc Chân Đế.

trí của pháp giới để quan sát sâu xa, chúng sẽ hiện tiền rạng ngời, nhưng chẳng có một vật nào để có thể đạt được. Do vậy, tâm trí Nhất Chân chân thật đã được chư Phật đích thân chứng rõ ráo, có thể hiện hiện biến các chủng tử trong mười phương, biến các cõi nước trong các thế gian khắp mười phương, [những điều ấy được] gồm thâu trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta có thể khéo quan sát. Tuy nhập thế, thật sự chẳng có thế gian sai biệt nào để có thể đạt được, hoặc có thực chất tồn tại. Nếu nương theo pháp nhân duyên, có thể diễn đạt bằng vãng sanh thế giới Cực Lạc, đạt được các an vui. Nếu nương theo pháp nhân duyên, có thể hiện tạo các thứ nghiệp, chìm đắm, tiêm nhiễm trong các loại thế gian trược ác, chịu đủ mọi nỗi khổ. “Hữu” ấy là cái ắt có, chân thật chẳng dối, chẳng phải là cái Hữu thường hằng, mà cũng chẳng phải là cái Vô đoạn diệt. Vì thế, nói “*nhân duyên sanh*” thì sẽ xa lìa đoạn diệt và thường kiến.

Nhất định phải nhận biết rõ ràng pháp nhân duyên, xa lìa tri kiến của ngoại đạo. Nếu là người trong Phật pháp, xa lìa phương tiện của ngoại đạo, sanh khởi sự chọn lựa đối với pháp nhân duyên, dung thông Nhị Đế, trừ bỏ hai thứ Biên Kiến, tức Đoạn Kiến và Thường Kiến. Chúng ta đều biết, tứ cú bách phi chẳng thâu nhiếp Phật pháp; nhưng Phật pháp tuyệt đối thâu nhiếp tứ cú bách phi, thành tựu trọn khắp thế gian, rộng lợi ích hữu tình.

“*Bát khởi trước*” (Chẳng dấy lên chấp trước) ở đây chính là nơi Thật Tế Lý Địa chẳng có mây trần, chẳng nhiễm trước, chẳng tạo tác. Vô sắc, vô tướng, chẳng đến, chẳng đi như thế, quang minh trong cái tâm chân thật chiếu sáng rực thế gian!

(Kinh) Vân hà đương đắc vô ngại hạnh, biến du nhất thiết chư Phật sát trung cố?

(經)云何當得無礙行，遍遊一切諸佛刹中故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ đắc vô ngại hạnh, dạo chơi trọn khắp hết thấy các cõi Phật?)

“*Vô ngại hạnh*”: Người hành Ban Châu hết sức dễ biết hai chữ Vô Ngại này, vì pháp Thường Hành Đạo niệm nào cũng đều là như thế, niệm nào cũng chẳng nhiễm, niệm nào cũng chẳng chấp. Do chẳng chấp mà đạt được sự vô ngại này. Vì thế, từ trong “*bát khởi trước*” (chẳng dấy lên chấp trước) mà đạt được thiện xảo chẳng dụng công, xa lìa hết thấy tạo tác sanh diệt và đối đãi, an trụ trong Thật Tế Lý Địa chân thật,

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

tức là được chiếu rạng ngời bởi tâm trí Vô Thượng Bồ Đề, xa lìa hết thảy sự xâm đoạt của sanh diệt, xâm đoạt của phàm thánh, xâm đoạt của được mất. Chẳng dấy lên chấp trước chính là cơ sở của hạnh vô ngại. Đạo chơi trọn khắp các cõi Phật, chính là diệu dụng tánh chẳng sai biệt của hết thảy thế giới. Quán thấu triệt một trăm hai mươi hai điều “*vân hà*” (như thế nào) này, sẽ thấy mỗi điều đều được sử dụng hỗ trợ, nhằm nêu tỏ trọn đủ hết thảy các pháp công đức và lợi ích rất sâu chẳng thể nghĩ bàn của pháp Ban Châu, trọn đủ Nhất Thiết Trí, trọn đủ hết thảy Đạo Chung Trí, và rốt ráo thành tựu an trụ trong Nhất Thiết Đạo Chung Trí.

Vì tánh của biển “*hết thảy các cõi nước của chư Phật*” là vô sai biệt, cho nên có thể dạo chơi tự tại. Bậc A La Hán trong Thanh Văn Thừa như tôn giả Mục Kiền Liên đạt được phương tiện dạo khắp một đại thiên thế giới, nhưng chưa có phương tiện dạo chơi trong biển vô tận tam thiên đại thiên thế giới khắp mười phương. Đó gọi là quả Thanh Văn có phương tiện để chọn lựa trong một đại thiên thế giới. Nếu dùng sức thần thông để lìa bỏ tam thiên đại thiên thế giới này, đều phải dựa theo sức nhiếp thọ từ công đức nơi danh hiệu đức Bổn Sư để quay về [thế giới Sa Bà]. Nếu không như thế, họ sẽ bị lạc lối trong vô tận cõi nước, chẳng thể quay về. Nếu chúng ta lấy quốc độ của A Di Đà Phật làm quốc độ của bổn sư, làm bổn quốc của chính mình, xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật, sẽ tất nhiên vãng sanh quốc độ ấy. Vì lẽ nào? Như con nhớ mẹ, như mẹ nhớ con, mẹ con chẳng trái nghịch nhau, như trở về quê nhà, chẳng còn mê mất, chọn lựa chẳng nghi, tâm trí an trụ, xa lìa sợ hãi. Kẻ bị lạc đường sẽ sợ hãi. Vì sao lại lạc mất quê nhà, lạc mất nước mình, sao không sợ hãi cho được? Do vậy, nếu trì danh hiệu có công đức thù thắng của từ phụ A Di Đà Phật nơi thế giới Cực Lạc, khi xưng niệm chính là lúc chọn lựa vãng sanh, chẳng sợ hãi. Vì sao vậy? Đã nhận biết quê nhà, nước mình. Do đã nhận biết, sẽ như chúng ta trở về nhà của chính mình, chẳng có gì mê mất nữa, chẳng có gì nghi hoặc, chẳng có gì bàng hoàng, băn khoăn, cũng chẳng có điều kiện gì, đã trọn đủ rồi! Bất luận nhà của quý vị xa xôi cách nào đi nữa, dầu ngàn dặm, vạn dặm, quý vị luôn nhận biết nhà mình, chẳng có nỗi sợ hãi “không có nhà!” Thế giới Cực Lạc là quê nhà, là bổn quốc của hết thảy chúng sanh. Nếu nhận biết, nguyện vãng sanh, sẽ nhất định vãng sanh. Vãng sanh thế giới Cực Lạc sẽ rất thuận tiện sanh vào các cõi nước trong mười phương. Do vậy nói: “*Xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật có thể dạo chơi các cõi nước trong mười phương, chẳng ngăn ngại gì!*”

(Kinh) Vân hà đương đắc chư Đà-la-ni, văn nhất tri vạn, thiện đạt nhất thiết văn tự phân biệt thuyết cố?

(經)云何當得諸陀羅尼，聞一知萬，善達一切文字分別說故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ đắc các Đà-la-ni, nghe một, biết vạn, khéo thông đạt hết thấy văn tự để nói phân biệt?)

Thành tựu Đà-la-ni, có thể trọn đủ giáo ngôn thiện xảo của hết thấy các tông trì, phân biệt ngôn từ thiện xảo, ngôn từ sai biệt thiện xảo, tông tướng ngôn từ thiện xảo, vô dụng công văn tự thiện xảo, hữu dụng công văn tự thiện xảo. Đà-la-ni như thế tông trì hết thấy các pháp, an ủi chúng sanh, thuần thực chúng sanh, thiện xảo bố thí chúng sanh.

Đối với cái gọi là “*thiện đạt nhất thiết văn tự phân biệt thuyết*” (khéo thông đạt hết thấy văn tự để nói phân biệt), hết thấy văn tự thật sự chẳng nói phân biệt. Kiến lập “*nói phân biệt*” chỉ nhằm tạo thuận tiện cho chúng sanh. Vì lẽ nào? Hết thấy các pháp vốn chẳng phân biệt, do thiện xảo mà kiến lập phân biệt. Được kiến lập là do thiện xảo mà kiến lập, chẳng phải là chấp trước cái được kiến lập. Hễ chấp trước thì sẽ chẳng có gì để kiến lập, phần nhiều bị mê mờ bởi sự tướng. Cho nên chẳng thể nào tự tại kiến lập được!

Hành pháp Ban Châu, đối với hết thấy các giáo ngôn Đà-la-ni, chắc chắn sẽ sanh khởi sự chọn lựa, như trong các thệ nguyện của A Di Đà Phật có nguyện: “*Hữu tình ở phương khác được nghe danh hiệu của Ngài, đều nhập Đà-la-ni môn, cũng là đắc Tổng Trì Môn*”. Trong bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật có nói đến nguyện này. Chư Phật là đấng nói lời thành thật, nói đúng sự thật, đích thân chứng đắc công đức và lợi ích, đạt được lợi ích như thật. Cho nên chúng sanh nghe danh hiệu của các Ngài, đều nhập hết thấy Đà-la-ni môn, đạt được thiện xảo, ngoại trừ kẻ ngờ vực, bần khoản, báng pháp, nghi pháp. “*Ngoại*” có nghĩa là trừ lợi ích ra, trừ chẳng được hồi thí công đức ra. Tuy là [chư Phật] bình đẳng bố thí công đức, nhưng quý vị chẳng dùng được. Tuy chẳng dùng được, Phật vẫn nhiếp thọ kẻ nghi pháp, báng pháp, khiến cho họ cũng được lợi ích.

(Kinh) Vân hà đương đắc như chư pháp sư, thiện tri nhất thiết Phật pháp cố?

(經)云何當得如諸法師，善知一切佛法故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được như các pháp sư khéo biết hết thầy Phật pháp?)

Chư Phật Như Lai thành tựu viên mãn Tam Minh, Tứ Trí, Ngũ Nhân, Lục Thông, mười tám pháp Bất Cộng, Thập Lực, Tứ Vô Úy, các thứ chọn lựa thiện xảo, là bậc pháp sư. Pháp sư trong thế gian hiện thời phần nhiều là pháp sư dựa hơi, hoặc là danh tự pháp sư! Pháp sư đúng thực chất chỉ có Phật Thế Tôn mới xứng danh, [do Phật] trọn đủ hết thầy đại thiện xảo, tự tại trong hết thầy các pháp, đạt được phương tiện, rộng truyền dạy hết thầy các pháp, lợi ích hết thầy chúng sanh, không sợ hãi, chẳng bỏ sót thời cơ để khiến cho chúng sanh đều được giải thoát, thành tựu. Nếu chúng ta muốn thành pháp sư giống như chư Phật Như Lai, trọn đủ phương tiện thiện xảo, biết hết thầy các pháp, sử dụng hết thầy các pháp, thành tựu hết thầy các pháp, truyền bá hết thầy các pháp, chân thật an trụ trong hết thầy các pháp, chẳng đắm nhiễm các pháp ích, lợi ích trời, người rộng khắp, thì hành Ban Châu sẽ đạt được lợi ích và thiện xảo chẳng thể nghĩ bàn như thế!

(Kinh) Vân hà đương đắc nhất thiết chư Phật sở hộ niệm, nhất thiết Phật oai đức gia trì cố?

(經)云何當得一切諸佛所護念，一切佛威德加持故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được hết thầy chư Phật hộ niệm, oai đức của hết thầy chư Phật gia trì?)

Hành pháp Ban Châu cũng giống như thế, được hết thầy chư Phật khéo hộ niệm. Hết thầy chư Phật dùng thần quang, dùng hào quang chiếu nhiếp người ấy, khiến cho người ấy tăng trưởng thiện căn, thành tựu phước đức, nhanh chóng thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, thành tựu viên mãn ngay trong một đời. Pháp Tịnh Độ chọn lựa như thế, trong một đời, chắc chắn các thứ thiện căn sẽ chín muồi, công đức và lợi ích chẳng thể nghĩ bàn đều được oai thần của chư Phật gia bị mà chín muồi, đều do tự tâm chân thật ẩn khế mà chín muồi, tức là công đức trong bốn tánh sẽ chín muồi. Nếu chẳng chọn lựa pháp thích hợp căn cơ to lớn, có tác dụng to lớn, mà muốn thành thực Vô Thượng Bồ Đề ngay trong một đời, đúng là rất khó thành công. Vì sao vậy? Căn cơ nhỏ, pháp nhỏ, sẽ khó thể thành tựu! Phát khởi cái tâm Thanh Văn, Duyên Giác,

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

cho đến cái tâm cầu phước báo nhân thiên, sẽ khó thể thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, vì tâm trí chẳng tương ứng, vì chẳng ấn khế chư Phật. Do đó, ai nấy đều nên phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, dùng cái quả của Vô Thượng Bồ Đề tâm để đích thân chứng, ấn chứng chư Phật Như Lai trong khoảng sát-na, sẽ biết các pháp thật sự chẳng đến, chẳng đi, thật sự chẳng có người chứng, mà cũng chẳng có được hay mất, hết thảy chúng sanh vốn sẵn đủ. Như khi chúng ngộ, đức Phật Thích Ca đã nói: “*Lành thay! Chúng sanh trong đại địa đều sẵn có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, ấn khế cái tâm Vô Thượng Bồ Đề của hết thảy chúng sanh như thế đó!

Chúng sanh do vọng tưởng, chấp trước mà mê muội tự tâm, chẳng thể ấn chứng, chẳng thể nhận biết, chẳng thể sanh khởi hết thảy diệu dụng chẳng thể nghĩ bàn. Chư Phật Như Lai phát khởi Tu Đức rộng lớn để chứng thực cho loại hữu tình ấy, khiến cho loại hữu tình ấy có chỗ nương cậy, có tác dụng. Chư Phật nói tám vạn bốn ngàn pháp, hành đủ loại công đức lợi ích, dùng Tu Đức và Tánh Đức để nhiếp hóa hữu tình, đều là thuận theo chúng sanh. Quả thật, chẳng có một pháp nào có thể kiến lập. Do đó, hết thảy chư Phật hộ niệm hết thảy chúng sanh niệm Phật, nhiếp thọ chẳng bỏ, ấn chứng, hứa khả hết thảy chúng sanh niệm Phật. Đối với kẻ báng Phật, nghi Phật, Ngài vẫn nhiếp thọ. Kẻ phỉ báng là do chẳng biết, giống như kẻ đang ngủ mê, dầu vàng mặt trời chiếu trọn khắp, vẫn chẳng thấy quang minh. Do kẻ đó ở trong hôn ám, chẳng thể sử dụng được, nhưng quang minh [của vàng mặt trời] vẫn chiếu thấu thân người ấy.

Do vậy, “*nhất thiết Phật oai thân gia bị*” (oai thân của hết thảy chư Phật gia bị). Khi chúng ta niệm danh hiệu A Di Đà Phật, [đó là danh hiệu] có công đức thù thắng, A Di Đà Phật là vua trong các vị Phật, quang minh tôn quý nhất, có oai đức thiện xảo, sẽ đồng thời tập trung công đức của chư Phật nơi một thân, chiếu trọn khắp hết thảy chúng sanh, khiến cho hết thảy chúng sanh được thấy công đức của chư Phật. Vì thế, mười phương chư Như Lai nhiều như cát sông Hằng đều cùng tán thán oai thân và công đức thiện xảo chẳng thể nghĩ bàn của Vô Lượng Thọ Phật. Oai thân và công đức thiện xảo ấy quả thật trọn đủ oai thân và thiện xảo của hết thảy chư Phật. Do vậy, khi chúng ta lập một niệm, đoạn các tướng, xưng niệm danh hiệu quý báu ma-ni công đức thanh tịnh của A Di Đà Phật, sẽ được trọn khắp oai thân của hết thảy chư Phật gia bị, được hết thảy chư Phật thủ hộ, nhiếp thọ, có thể khiến cho thiện căn chín muồi, thấy rõ tự tâm.

(Kinh) Vân hà đương đắc hùng mãnh, bất khiếp nọa, xuất thanh như đại ngưu vương, đại sư tử vương bộ cổ?

(經)云何當得雄猛，不怯懦，出聲如大牛王，大獅子王步故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được hùng mãnh, chẳng hèn nhát, phát ra tiếng như trâu chúa, hay sư tử chúa bước đi?)

Trong pháp Ban Châu, hễ hơi sợ hãi, người ấy sẽ khó hành trì, sẽ khó thực hiện. Do vậy, đích xác là người có tâm trí ôm ấp chí nguyện “đại hùng, đại lực, đại từ, đại bi”. Người khâm ngưỡng, người quy y, người tùy thuận thì mới có thể hành pháp này! Người thiện căn chín muồi nghe pháp này, bèn có thể siêng năng hành trì, chẳng báng bỏ, chẳng ngờ vực, người như vậy rất hy hữu, được chư Phật hộ niệm, gia trì. Cho nên sẽ oai mãnh, chẳng nhát sợ. Kẻ chẳng nhát sợ là do tự tâm đã an lập, vì nhát sợ đều là do [tâm trạng] được mất, đối đãi, chọn lựa lầy bở của chúng sanh tạo thành.

“*Như đại ngưu vương*” (Như trâu chúa lớn): Trâu chúa lớn là tướng sức mạnh to lớn, có sức mạnh, thiện xảo, oai mãnh. Người Ấn Độ coi trâu là thần ngưu, mọi người đều kính ngưỡng, tránh né, chẳng thể xâm phạm.

“*Như đại sư tử vương bộ*” (Như sư tử chúa to lớn bước đi): Sư tử chúa ra khỏi hang, chắc chắn chẳng có bầu bạn. Người hành Ban Châu không nương dựa, không nhờ vào phương tiện mà chỉ thẳng A Di Đà Phật trong tâm mình! Hành công đức to lớn, đúng là trọn đủ. Chẳng nhờ vào gia trì mà được chân thật gia trì, Chẳng nương cậy mà quyết định được nương cậy, chẳng phải là dựa hơi, quyết định trở về [quê nhà Cực Lạc sẵn có], như sư tử chúa chẳng có bầu bạn, tâm trí chọn lựa dứt khoát, phá tan hết thầy các trói buộc khiếp sợ, nhút nhát, kiến lập thành tựu sự tu trì vô thượng chẳng thể nghĩ bàn!

(Kinh) Vân hà đương đắc vô úy, linh nhất thiết thế giới hoan hỷ cố?

(經)云何當得無畏，令一切世界歡喜故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được vô úy, khiến cho hết thầy thế giới hoan hỷ?)

Trong khi hành pháp này, đã khiến cho hết thầy thế gian được an ủi, an ủi hết thầy hữu tình. Nếu tu ngay, hành ngay, thường hành đạo này, chẳng bỏ lỡ thời cơ, ví như chư Phật Như Lai, hoặc ví như hết thầy bậc hiền thánh, hay bậc trọn đủ công đức lợi ích thế gian rộng khắp, chẳng sợ hãi, vì lẽ nào? Tâm thanh thản, tâm an nghỉ, chẳng phải dụng tâm. Cái tâm ấy do trọn đủ, chẳng phải là tạo tác, chẳng phải là tu hay không tu. Do vậy, lợi ích trời, người rộng khắp, chẳng sợ hãi, khiến cho hết thầy chúng sanh được hoan hỷ, khiến cho hết thầy thế gian được hoan hỷ. Đây là tu ngay trong mỗi niệm hiện tại, thường xuyên tu, tu cho đến hết thọ mạng, chân thật như ý mà tu. Sự tu tập ấy trong hết thầy nhân duyên chẳng bỏ lỡ thời cơ, chẳng sợ hãi, chẳng vướng mắc, chẳng đón ý nói hòa, chẳng siểm khúc, như thế thì hết thầy hữu tình chắc chắn sanh hoan hỷ. Vì có sao? Đây là người bố thí, người nương cậy cho thế gian, là người tạo lợi ích rộng rãi, là người thiện xảo thành tựu, là người bố thí pháp ích, là trông mắt của chúng sanh.

Hành pháp Ban Châu thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Các thứ công đức, các thứ phương tiện, các thứ nhân duyên trong một trăm hai mươi hai câu hỏi này, đều đề cập tới tâm trí của chúng ta, khiến cho chúng ta thấy rõ, chọn lựa tâm trí, hành pháp thành tựu. Công đức và lợi ích nhiều ngàn ấy, nếu chẳng hành, pháp ích sẽ chẳng hiện tiền, giống như bày một bữa ăn ngon trước mặt, nếu chẳng ăn, sẽ chẳng thể biết vị ngon được! Đức Thế Tôn nói các phương tiện thiện xảo nhiều ngàn ấy, muốn khiến cho hết thầy hữu tình hữu duyên thâm nhập, tu tập pháp này, khiến cho họ thành tựu Ban Châu tam-muội, có thể an trụ trong các thứ lợi ích chẳng thể nghĩ bàn, đúng như thật mà an trụ. Nếu chẳng phải là người tu tập, sẽ chẳng thể dùng được!

(Kinh) Vân hà đương đắc vô nghi hoặc, u nhất thiết Phật bình đẳng vô nhị cố?

(經)云何當得無疑惑，於一切佛平等無二故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được chẳng nghi hoặc, đối với hết thầy chư Phật bình đẳng chẳng hai?)

Trong phần trước đã nói tới “vô nhị”, vì sao ở đây lại nói “vô nhị”? Có khi thoát nhìn dường như trùng lặp vấn đề; thật ra, chẳng lặp lại! Trong hết thầy các Phật pháp, chọn lựa Vô Nhị là để khiến cho

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

chúng sanh xa lìa đối đãi, tâm trí chẳng đối đãi rốt ráo bình đẳng, tâm trí chẳng đối đãi rốt ráo an lạc, tâm trí chẳng đối đãi rốt ráo giải thoát. Tâm trí chẳng đối đãi tất nhiên là trọn đủ hai pháp Bi và Trí.

“*Vô nghi hoặc*”: Chúng ta đều biết có Kiến Tư Hoặc, có Trần Sa Hoặc, có Vô Minh Hoặc. Trong ba loại mê hoặc ấy, Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc chúng sanh chẳng có phần, hai loại Hoặc ấy hàng Bồ Tát hoặc thánh giả phải thủ hộ, nhận biết, quan sát, chứ phàm phu hữu tình chỉ nghe danh. Kiến Hoặc và Tư Hoặc là thứ chúng sanh chấp giữ, không lúc nào chẳng dùng tới. Như tham, sân, si, mạn, nghi, tri kiến bất chánh chính là các danh tướng thuộc vào Kiến Tư Hoặc. Trong hai pháp Kiến Hoặc và Tư Hoặc, chúng sanh phần nhiều sợ hãi. Để đoạn Kiến Tư Hoặc thì thuận tiện nhất chính là trí bình đẳng, thuận tiện nhất là Diệu Quan Sát Trí, thuận tiện nhất là Pháp Giới Thể Tánh Trí, thuận tiện nhất là Đại Viên Mãn Kính Trí, thuận tiện nhất là A Di Đà Phật, thuận tiện nhất là lập một niệm, thuận tiện nhất là chẳng đến đi, thuận tiện nhất là đúng như pháp mà hành, thuận tiện nhất là lập tức chọn lựa, thuận tiện nhất là thường kinh hành, thuận tiện nhất là Ban Châu!

(Kinh) Vân hà đương đắc thông đạt Như Như, diệt trừ nghi hoặc, bất trước chư pháp cố?

(經)云何當得通達如如，滅除疑惑，不著諸法故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được thông đạt Như Như, diệt trừ nghi hoặc, chẳng chấp các pháp?)

Hết thấy các pháp vốn chẳng chấp trước. Do các thứ đắm nhiễm của các loại chúng sanh tạo thành cái gọi là “*nghi hoặc*”. Vì thế nghi hoặc là do chấp tướng. Chúng ta dùng cái tâm Như Như³⁷, tâm bình đẳng, tâm bất nhị, đúng như các cách nói trong phần trước, chẳng dấy lên cái tâm chấp trước, tâm thông đạt hết thấy các pháp chẳng có tự tánh, chẳng sợ hãi, sẽ thấu đạt sâu xa thiện xảo “*chẳng chấp các pháp*” này. Hành pháp Ban Châu sẽ tiếp tục quyết định là như thế, thâm nhập, tu tập, quan sát từng điều một.

³⁷ Như Như là một trong năm pháp của kinh Lăng Già. Lý Thể của pháp tánh bình đẳng bất nhị, cho nên gọi là Như. Các pháp đều là Như, cho nên nói là Như Như. Tịnh Nguyên Sớ giảng: “*Do cùng là Không nên nói là Như, thông hiểu hết thấy vạn pháp đều Như, nên gọi là giải Như Như*”.

(Kinh) Vân hà đương đắc chứng thâm pháp giới, thiện năng giải thích sở vấn nghĩa cố?

(經)云何當得證深法界，善能解釋所問義故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ chứng pháp giới sâu xa, có thể khéo giải thích các nghĩa được hỏi?)

Pháp giới khác biệt rành rành trước mắt, chúng sanh mỗi người tự chấp giữ. Như chúng ta tuy cùng ở trong căn nhà này, nhưng sự nhận biết đối với pháp tắc, đối với sự nhận biết về cảm giác, nhận biết về tri kiến, quan điểm về sanh mạng, mỗi người mỗi khác. Sự sai khác ấy khó thể nói năng, thí dụ được! Chư Phật Như Lai dùng pháp tắc thanh tịnh để soi tỏ, thấu hiểu các thứ sai biệt. Do vậy, khéo nói phương tiện, khéo nói pháp sai biệt mà vô sai biệt cho chúng sanh, khiến cho chúng sanh tiến nhập trí bình đẳng, trí thanh tịnh, trí chẳng thể nghĩ bàn! “Thâm pháp giới” là pháp giới rộng lớn, hết thảy các pháp giới. Các thứ nghi vấn, các loại đặt bày, hết thảy các pháp giới đều thuộc về trần nhiễm, chấp trước, hư vọng chấp giữ của chúng sanh, mà cũng chính là do những cái được gọi là Kiến Tư Hoặc, Trần Sa Hoặc, và Vô Minh Hoặc tạo nên. “Hoặc” (惑) có nghĩa là sanh khởi. “Hoặc” có nghĩa là ngưng trệ, “Hoặc” có nghĩa là “tưởng nó là thật”.

(Kinh) Vân hà đương đắc sư lợi ích tha, cụ túc đại từ cố?

(經)云何當得師利益他，具足大慈故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được làm thầy lợi ích người khác, trọn đủ lòng đại từ?)

Trong pháp Tịnh Độ, nếu có thể thật sự đúng như pháp thực hành một ngày, hai ngày, chín mươi ngày, cho đến thường hành pháp này mãi cho rốt ráo thuở vị lai, đều nương vào pháp lợi ích người khác để thành tựu. Vì sao? Do thật sự chẳng có pháp nào để đạt được, do chẳng đảm nhiệm, do chẳng thể chấp giữ, cho nên nói “đại từ cố” (do đại từ). Chúng ta nói “đồng thể đại bi, vô duyên đại từ”, “vô duyên” có nghĩa là thật sự chẳng có pháp nào để có thể đạt được, không có duyên nào có thể sanh. Pháp nhân duyên thuộc về Thế Tục Đé, bởi trong Thắng Nghĩa Đé chẳng có một pháp nào để có thể được, chẳng có duyên nào để có thể sanh, chẳng có duyên nào để có thể diệt. Trong trần duyên, hư vọng sanh

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

ra nhân quả. Trong Tục Đệ, mỗi thứ đều hiển lộ “được, mất”. Muốn lợi ích loại hữu tình này, cho nên dùng “đại từ” để lợi ích hữu tình rộng lớn. Trong Tạng truyền Phật giáo, có cách tu “hoán vị từ tâm”, tức là tự thân gánh lấy tội ác của hết thảy chúng sanh, hồi thí sự thọ dụng thanh tịnh vô nhiễm của chính mình cho hết thảy hữu tình trước ác, khổ nạn, khiến cho họ trụ trong an lạc, trụ trong trí huệ, trụ trong trang nghiêm, trụ trong niềm vui sướng rộng lớn.

(Kinh) Vân hà đương đắc diệt trừ lãn nọa, hằng nhạo thuyết pháp cố?

(經)云何當得滅除懶惰，恆樂說法故？

(Kinh: Như thế nào để diệt trừ lười biếng, luôn thích thuyết pháp?)

“Diệt trừ lãn nọa” (Diệt trừ lười biếng): Chẳng hạn như lần này, cùng với mọi người học tập kinh Ban Châu, quả thật là nhờ vào phước đức của mọi người, nhờ chư Phật gia trì, nhờ các cư sĩ ở Hằng Dương Am hành trì đúng pháp, nhờ vào đại chúng hành trì an lạc tăng thượng hướng dẫn, cho nên chúng ta có pháp hội lần này. Đương nhiên là cũng nhờ vào Tăng chúng an cư tại Phóng Quang Tự ban bỏ từ bi, ban bỏ pháp, mọi người cùng góp sức, bằng lòng tới đây nghe pháp. Quả thật là nhân duyên chẳng thể nghĩ bàn, vì chúng tôi khiến cho đại chúng nhọc nhằn, tới lui lên xuống³⁸, đúng là vất vả. Nhưng nói theo pháp, quả thật là đáng nên làm, thật sự là cơ hội để cúng dường pháp, mà cũng là trao đổi³⁹ để cúng dường pháp, là thiện xảo để thực hành pháp, chúng ta cũng chỉ nên coi chuyện lên xuống ấy đều là đang hành Ban Châu. Vậy thì lười nhác chỉ là nhân duyên của cá nhân tôi, một mực thoái thác, đối với kinh điển một mực rất ít xem, mà cũng rất ít đọc, rất ít tu tập. Chúng thường trụ một mực đọc kinh điển này, do thầy Đức Viên đã cho in văn tự [trong bộ kinh này ra], tôi mới quyết định cùng mọi người học tập phẩm Hiền Hộ của kinh Đại Tập.

³⁸ Hằng Dương Am là hạ viện của chùa Phóng Quang. Vì thế, Tăng chúng chùa Phóng Quang và các cư sĩ mỗi ngày phải lên xuống núi để nghe pháp (chú thích của người ghi lại lời giảng).

³⁹ Do pháp sư Từ Pháp khiêm tốn, không coi mình là đang giảng kinh, mà chỉ là thảo luận sự hiểu biết về kinh văn của chính mình với đại chúng, nên nói là “trao đổi”.

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Trước kia, tôi cứ một mục bản khoản giữa mấy loại bản dịch, hoặc là một quyển, hay ba quyển, để so sánh coi giảng bản nào sẽ tiện lợi hơn. Các bậc thiện xảo, các vị đại thiện tri thức từ xưa như Viễn công đại sư, Trí Giả đại sư, Đạo Tuyên luật sư, phần nhiều y chỉ kinh Ban Châu Tam Muội bản ba quyển. Bản năm quyển này phân lượng khá lớn, các vị thiện tri thức từ xưa đến nay phần nhiều chẳng nghiên cứu kinh này, do [bản dịch này] ngôn từ giản dị, thông dong, vừa đọc liền biết ngay, chẳng cần phải nghiên cứu, cầm lấy đã có thể sử dụng rồi. Do nỗi bản khoản ấy, chẳng biết học tập bản nào sẽ thuận tiện hơn. Vì thế, cứ một mục bất định. Pháp sư Đức Viên đã tạo thiện xảo cho tôi, trực tiếp đem bản năm quyển in ra, phân phát. Tôi bèn thuận duyên. Một là [bản dịch này] văn tự khá suông sẻ, ngôn từ khá lưu loát, mọi người có thể đọc tụng. Hơn nữa, tôi không có sức để giảng, không có sức để tuyên thuyết, phần nhiều ôm lòng lười nhác. Vì sắc thân do nhiều ác nghiệp từ vô thỉ tới nay đã chín muối, thân thể mệt chán, niềm vui nơi pháp thù thắng chẳng thể hiện tiền, không chuộng thuyết pháp. Vì thế, thường sanh lòng hổ thẹn. Người thật sự hành Ban Châu sẽ tiêu trừ loại lười nhác này, vì lẽ nào? Do ngày đêm đi kinh hành. Đối với các vị Bồ Tát ngày đêm kinh hành tại Hàng Dương Am, tôi thật sự muốn quỳ sụp xuống đất đánh lễ các bà, vì trong khi tôi ngủ, các bà vẫn đi kinh hành. Mỗi lần xuống đây, tôi đều ôm lòng kính ngưỡng, mới có thể bước xuống đây. Nếu chẳng có tâm kính ngưỡng, tôi tuyệt đối chẳng dám xuống. Vì sao? Người kinh hành, người niệm Phật chính là đang thuyết pháp, là đang trừ khử lười nhác, ở ngay trong thế gian thay Phật tuyên nói cho hết thảy hữu tình, khiến cho pháp trụ thế lợi ích rộng khắp trời, người, hữu tình trong chín pháp giới do vậy mà đạt được lợi ích to lớn! Quý vị chẳng kính ngưỡng, tôi kính ngưỡng. Tôi hy vọng mọi người ai nấy đều kính ngưỡng, yêu mến, tôn trọng những người thật sự tu tập Phật pháp. Họ chẳng phải là những kẻ thủ hộ Phật pháp bằng cách nói suông, thủ hộ bằng cái tâm hư vọng, tự cao tự đại, tự lợi.

“*Hàng nhạo thuyết pháp*” (Luôn ưa thích thuyết pháp): Ngay trong khi niệm Phật là đã tuyên nói giáo ngôn tổng trì, lợi lạc rộng khắp hết thảy hữu tình trong thế gian dù phàm hay thánh, mười pháp giới đều được bình đẳng nhiếp thọ. Trì bảo hiệu quang minh oai đức A Di Đà Phật, đúng là trông mắt của trời, người, là sứ giả của chư Phật, chớ nên coi thường! “*Hàng nhạo thuyết pháp*” (Thường thích thuyết pháp): Pháp ấy là pháp như thật, pháp chân thật, pháp chẳng tăng, chẳng giảm, có thể lợi lạc hữu tình, chẳng đả nhiễm. “*Nam-mô A Di Đà Phật*” thanh tịnh

chân thật, oai đức tự tại, lợi ích rộng khắp trời, người. Do vậy, hành pháp Ban Châu sẽ đạt được công đức và lợi ích như thế đó!

(Kinh) Vân hà đương đắc như pháp trụ, bất xả nhất thiết chúng sanh cố?

(經)云何當得如法住，不捨一切衆生故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được đứng pháp mà trụ, chẳng bỏ hết thầy chúng sanh?)

Hành giả như thế, ngày này qua ngày khác, năm này sang năm khác, đi tới, đi lui (kinh hành), tán thán Phật đức, hồi thí chúng sanh, tán thán sanh mạng trọn đủ đức tướng của Như Lai. Đó là trụ trong Như Như, trụ trong như pháp, chẳng xả hết thầy chúng sanh. Người niệm Phật chẳng xả hết thầy hữu tình, chẳng xả Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, quyết định nhiếp thọ, hộ trì thánh đạo tam thừa, khiến cho họ đạt tới rất ráo Bồ Đề. Đối với ba thiện đạo, tức nhân, thiên, Tu La, quyết định khiến cho kẻ buông lung tránh khỏi tai ương do buông lung, kẻ đấu tranh tránh khỏi hoạn nạn do đấu tranh, người chọn lựa sẽ tránh khỏi nỗi khổ bản khoãn. Vì sao vậy? Do chẳng xả chúng sanh, siêng gắng, tích cực niệm Phật, khiến cho hết thầy chúng sanh có thể trụ trong an lạc bình đẳng. Các vị Bồ Tát ơi! Niệm Phật đứng là chẳng thể nghĩ bàn! Đối với thánh đạo, thiện đạo còn có công đức này, mà đối với tam ác đạo, tam đồ hữu tình, đứng là công đức to lớn, đại quang minh an ủi! Do vậy, người niệm Phật nhiếp trọn khắp chín giới, lợi lạc trọn khắp hết thầy hữu tình. Người hành Ban Châu cũng có công đức này, đại bi huân tập, oai đức huân tập, chân thật trọn đủ.

(Kinh) Vân hà đương đắc bất siểm khúc, tánh thuần trực cố?

(經)云何當得不諂曲，性淳直故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được chẳng siểm khúc, tánh thuần thẳng thẳng?)

Người niệm Phật tâm địa thuần hậu, lợi ích khắp thế gian, chân thật chẳng dối, xa lìa tạo tác, chúng ta lúc nào cũng có thể trông thấy. Quý vị nói xem, người ấy hiện thời đang hành đạo Ban Châu mà buồn ngủ là do nghiệp tập hiện ra, chẳng phải là quang minh nơi tâm tánh hiển hiện, chẳng phải do công đức của A Di Đà Phật hiển hiện. Nếu do bản

chất Nhất Như hiển hiện, hiển hiện như thế, sẽ thấy Phật. Vì thế, chúng ta phải thật sự thấy Phật, đừng thấy huyễn tướng nghiệp lực của chúng sanh, đừng nghĩ nghiệp duyên của chúng sanh là điều chính mình trông thấy. [Nếu chấp nghiệp duyên của chúng sanh chính là điều chính mình trông thấy], kiến giải kiêu đó sẽ bị rơi vào tà kiến.

(Kinh) Vân hà đương đắc như nhãn mục, vi nhất thiết thế gian đặng minh cố?

(經)云何當得如眼目，爲一切世間燈明故？

(Kinh: Như thế nào để sẽ được như mắt, là đèn sáng của hết thảy thế gian?)

Người niệm Phật nương vào pháp để chọn lựa, giống như con mắt của hết thảy chúng sanh. Vì sao? Vì mở to mắt trí huệ, do chẳng lấy, chẳng bỏ. Các thứ được tuyên nói, các thứ ngôn thuyết trong phần trước đều như con mắt, lợi ích thế gian. Vì sao chúng sanh hôn ám, mê muội trụ trong chỗ tối tăm? Những cái được gọi là “tối tăm” trong thế gian đều do nương theo Kiến Tư Hoặc, Trần Sa Hoặc, và Vô Minh Hoặc. Trong Vãng Sanh Luận có nói: “Hóa Phật, Bồ Tát nhật, trừ thế si ám minh” (Vàng mặt trời hóa Phật và hóa Bồ Tát trừ tối tăm do ngu si trong cõi đời). Ai đến làm hóa Phật? Ai đến trừ tối tăm do ngu si cho cõi đời? Kẻ tối tăm vì ngu si chỉ bao gồm [chúng sanh trong] chín pháp giới, chẳng phải là vàng mặt trời hóa Phật, Bồ Tát. Vì sao bao gồm chín pháp giới? Chẳng có Phật nhật luân, dùng gì để chiếu soi hồng trần bỏ tối tăm do ngu si trong chín pháp giới? Do vậy, khi chúng ta niệm bảo hiệu vạn đức quang minh “*Nam-mô A Di Đà Phật*”, sẽ soi tỏ pháp giới, ban tròng mắt cho chúng sanh.

Nếu có mắt mà chẳng có ánh sáng, dùng gì để thấy? Vì thế nói “*tác dĩ thế gian đặng minh*” (làm đèn sáng cho thế gian). Trong tối tăm, mắt có tác dụng gì? Do đó, hữu tình trong chín pháp giới đều dựa vào quang minh nơi vàng mặt trời của chư Phật để chiếu rọi, hướng dẫn mà thành tựu Bồ Đề. Từ địa vị Sơ Tín Bồ Tát mãi cho đến Đẳng Giác, đều nương vào niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng để tăng thượng mà thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Các vị Bồ Tát ơi! Đừng coi rẻ niệm Phật!

Vì vậy, hành Ban Châu có lợi ích chẳng thể nghĩ bàn như thế, làm đèn sáng cho thế gian, rộng lợi ích hữu tình. “*Đèn sáng*” là nói tỷ dụ,

thật sự là vàng mặt trời. Vàng mặt trời vẫn là nói tỷ dụ! Pháp quang minh oai đức của chư Phật chiếu khắp thế gian, vàng mặt trời sao có thể sánh ví cho được? Chỉ đều là nói tỷ dụ đó thôi.

(Kinh) Vân hà đương đắc bất khả khinh miệt, thắng xuất nhất thiết tam giới cố?

(經)云何當得不可輕蔑，勝出一切三界故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được chẳng thể khinh miệt do thù thắng vượt khỏi hết thảy tam giới?)

Trong cõi này (thế giới Sa Bà) có tam giới, thế gian ở phương khác cũng có tam giới, tức Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới. Cõi này là một tiểu thế giới, trung thế giới, đại thế giới, đại thiên thế giới, là quốc độ tồn tại các loại thế giới. Trong các loại tam giới, làm thế nào để “thắng xuất nhất thiết tam giới” (thù thắng vượt khỏi hết thảy tam giới). “Bất khinh miệt” (Chẳng khinh miệt) thù thắng hơn hẳn, đúng là chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, đối với hết thảy chúng sanh, chớ nên khinh miệt, hủy báng, chớ nên chửi bới. Đối với hết thảy pháp thế gian, chớ nên khinh mạn, chớ nên coi rẻ, hãy nên tôn trọng hết thảy. Cái tâm “tôn trọng hết thảy” là tâm bình đẳng. Cái tâm tôn trọng hết thảy là tâm vui sướng thù thắng. Cái tâm tôn trọng hết thảy là tâm chân thật. Cái tâm tôn trọng hết thảy là tâm tri ân. Cái tâm tôn trọng hết thảy là Phật tâm! Thắng thùng vượt thoát tam giới, không nhờ vào phương tiện, tự tâm hiện tiền diệu dụng. Chúng ta tu ngay trong hiện tiền, vận dụng trong hiện tiền, ngay trong lúc tu hành, đã thù thắng vượt thoát tam giới, tức là ngay trong một niệm phương tiện hiện tiền, liền có thể chọn lựa. Nếu mở rộng đến vị lai, sẽ thành tựu an trụ, lợi ích thế giới rộng khắp, tự lợi lẫn lợi tha.

“Bất khả khinh miệt” (Chẳng thể khinh miệt) hết sức quan trọng. Có nhiều vị hành pháp do kiêu mạn mà lấn hiếp người khác. Có nhiều vị hành pháp do kiêu mạn mà rơi vào tà kiến. Có nhiều vị hành pháp do tự cho là chẳng đúng pháp, nầy sanh cái tâm ti tiện, khinh miệt mình lẫn người. Có nhiều người hành pháp do chẳng biết “*pháp chẳng có tự tánh*”, bèn vọng nhiễm, vọng chấp, vọng thức, cho rằng có được, có mất, làm lạc sanh lòng lấn hiếp. Từ trong pháp vô sở đắc, hư vọng cho là có cái để đắc, phần nhiều trở thành kẻ tăng thượng mạn, dầu có thái độ siêng khổ [tu hành], vẫn chẳng thể thân cận pháp ích, chẳng có bi trí

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

thiện xảo, diệt mất phương tiện, chấp trước mạnh mẽ đối với thế giới, bị các nỗi khổ của chính mình lẫn người khác bức bách. Những kẻ đọa lạc như thế là các chúng sanh đọa chur Phật, Bồ Tát thương xót, [bởi họ đã] đánh mất cam lộ vị trong niệm Phật. Do vậy, họ đều là những người đáng nên gấp rút cứu vớt, vì họ chẳng thuận theo pháp, phá hoại pháp. Chúng ta phải khéo tư duy, khéo quan sát điều này, chớ nên hủy nhục người khác. Các vị thiện tri thức ơi! Khi chúng ta hành pháp, nhất định phải tôn trọng hết thầy hữu tình, hết thầy cơ chế, hết thầy nhân duyên. Tôn trọng như thế, sẽ có thể vượt thoát tam giới, lợi ích tam giới!

(Kinh) Vân hà đương đắc vô tránh luận, như giáo thuyết hành cố?

(經)云何當得無諍論，如教說行故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được không tranh cãi, đúng như lời dạy mà hành?)

“Vô tránh luận” là căn bản của pháp Tịnh Độ, là cội rễ của giáo ngôn chur Phật, là căn bản để lợi ích trọn khắp hữu tình. Căn bản ấy chính là tướng trọn đức, chẳng tạo tác, là trí bình đẳng bất nhị, vốn như thế đó. Vốn chẳng thể tranh chấp, do chúng sanh phân biệt, chấp trước, mà tạo lập đủ loại kiến giải tranh chấp, nghị luận tranh chấp, các pháp tranh chấp, [những thứ hư vọng ấy đều] do thế gian sốt sắng tạo nên. Khi A Di Đà Phật tu nhân địa, đã lập ba thế nguyện. Điều được thế nguyện căn bản gìn giữ duy trì chính là “vô tránh nguyện”, được Vô Tránh tam-muội nhiếp trì, thủ hộ, ban bố “không tranh chấp” cho hết thầy chúng sanh, khiến cho hết thầy chúng sanh đạt được trí thanh tịnh, bình đẳng. Thanh tịnh bình đẳng giác cũng là nơi an trụ của Vô Lượng Thọ Phật. Đây chính là bố thí thuốc để cứu chữa chúng sanh, cứu chữa cái tâm vô thường sanh diệt và cái tâm tạo tác sanh tử đối đãi của chúng sanh. Do vậy, vô tránh là cội rễ của pháp Tịnh Độ, mà cũng là chỗ quy kết của các thiện xảo trong hết thầy Phật pháp. Nếu nầy sanh đối đãi, tất nhiên sẽ dấy lên tranh chấp. Nếu dấy lên tranh chấp, tất nhiên là bói rối vì sanh tử hiện tiền, [khi đó], dầu nương theo giáo pháp để tu hành, sẽ không có chỗ để nương cậy. Do vậy, trong ba thế nguyện bí mật do A Di Đà Phật đã lập ra, lợi ích căn bản là “chẳng tranh chấp”. Nếu nhận biết căn bản “chẳng tranh luận”, sẽ thấy trí thanh tịnh bình đẳng của A Di Đà Phật, sẽ thấy sự liên tục của Vô Lượng Thọ và Vô Lượng Quang.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Trong thời đại này, có thể là mọi người khá khốn đốn vì thói xấu “*thuyết pháp nhiều, hành pháp ít*” như thế đó! Pháp tắc được thực hiện trong một đạo tràng, phần nhiều là chẳng thể đạt đến mười phần đúng mức thật sự tương ứng, thường sẽ nảy sinh các tranh luận do chấp trước nơi tình kiến. Nhưng nếu y theo giáo pháp để hành, sẽ có thể tiêu trừ các so đo tình chấp của chính mình, đạt được sự thực hiện đúng như pháp, thành tựu mình lẫn người, lợi ích thế gian. Nói theo giáo ngôn Tịnh Độ, dùng “*diệt tránh*” (diệt trừ tranh chấp, cãi cọ) làm phương tiện tối thắng. Người đời do tạo tác tranh luận, nảy sinh thói quen tạo nghiệp trái nghịch, tàn hại, thậm chí còn khá hào hứng làm chuyện đó. Trong một đạo tràng, hoặc trong quá trình tu pháp, nếu mỗi người đều nói chuyện thị phi, sẽ dễ sanh lòng vui thích; nhưng nếu bàn tới các nhu cầu để đạt tới vô sự, an tịnh, thì người ta thường chẳng cảm thấy yên vui cho lắm. Đó là cái tâm của phàm phu, mà cũng là tâm phân biệt, tâm chấp trước. Trong khi hành Ban Châu, tức là pháp Thường Hành đạo, đích xác là hãy nên đối trước mỗi chuyện, mỗi thời khắc quan trọng, mỗi nhân duyên xảy đến với chúng ta, tâm trí đều biết rõ như thật, chẳng tranh chấp, tâm trí bình đẳng, tiêu trừ kiến giải luôn phân biệt những thứ vốn chẳng cần thiết phải phân biệt mà lại dấy lên phân biệt, xa lìa các nỗi khổ vô ích. Người đời đã quen tranh luận và tranh chấp, nhất là trong thời đại này, [lắm kẻ] coi đấu tranh như một thứ lạc thú. Đấu với trời, đấu với đất, đấu với người, nói chung là vui thú khôn cùng! Trên thực tế, chẳng phải là như thế, [nếu ưa thích tranh chấp] như vậy thì đủ loại nghiệp khổ trong hiện tại, nghiệp khổ trong vị lai, nghiệp rôt ráo cũng là khổ. Nếu nghiệp hiện tại của chúng ta thanh tịnh, mỗi khi đấu tranh, ngờ vực, lo ngại, phiền não vừa sanh khởi, bèn tiêu trừ lập tức, giải quyết lập tức, nhận biết lập tức, thì quả báo trong hiện tại, quả báo trong vị lai, quả báo rôt ráo tất nhiên là thanh tịnh, bình đẳng, chân thật chẳng thể nghĩ bàn!

Tu hành pháp Ban Châu ngay trong hiện tiền, đừng quên đằng sau các danh từ ấy chính là các chuyện, các tướng, các nhân duyên mà chúng ta đã gặp. Ngay trong sát-na gặp gỡ những chuyện ấy, phải kịp thời giải quyết ngay, đừng để cách một niệm, một thời, hay để cách ngày! Nếu quý vị có thể giải quyết chẳng chậm một ngày nào, dẫu hành pháp Ban Châu phát triển chậm chạp, trúc trắc đôi chút, vẫn đạt được lợi ích do hành pháp Ban Châu. Như thế thì “*chẳng cách thời*” (giải quyết mọi phiền não ngay khi chúng vừa khởi lên ngay lập tức, đừng chần chừ), có thể nói là sẽ có lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Nếu thật sự chẳng để cách

niệm, niệm niệm nối tiếp, người ấy đối với sức tam-muội sẽ chẳng cần nhờ tới ngôn thuyết, mà đã có thiện xảo cùng công đức chẳng thể nghĩ bàn!

(Kinh) Vân hà đương đắc vô gian nan hạnh, vô trụ trước cố?

(經)云何當得無艱難行，無住著故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được hạnh chẳng khó khăn, vì chẳng chấp trước?)

“Vô gian nan hạnh” thật ra là sự khinh an, thiện xảo trong hành pháp. Người thật sự học Phật chẳng cảm thấy có gánh nặng, chẳng cảm thấy nặng nề, chẳng cảm thấy đau khổ. Nặng nề, đau khổ tức là biểu hiện của sự chẳng đạt được lợi ích từ Phật pháp ngay trong hiện tiền. Người thật sự có hai pháp Bi và Trí, chẳng đắm nhiễm pháp, có gì là gian nan, trức trặc? Nếu tâm trí bị nhiều sự tương che lấp, các nạn duyên kích phát lẫn nhau, tức là sai mất rồi, sẽ nảy sinh các nỗi khổ chẳng cần thiết! Chẳng hạn như hiện thời học tập pháp này, mọi người sẽ dần dần tiến đến giai đoạn bình ổn, chúng ta cũng chẳng cần phải hưng sư động chúng. Trong quá trình này, mỗi người chúng ta trong hiện tiền đều chẳng được khích lệ, vẫn chẳng thoái thác trách nhiệm học tập Phật pháp, thực hành Phật pháp nhằm tự lợi. Tại chúng ta thường nghe đặc nghệt [những lời lẽ phê phán] kẻ khác như thế nào, đạo tràng như thế nào, kẻ nọ như thế nào, những kẻ phục vụ như thế nào... Nếu nói “chính mình phải nên làm như thế nào” thì [những lời phê phán] ấy sẽ ít đi. Có các vị Bồ Tát chẳng nói nhiều cho mấy, như thế thì sẽ đơn giản hơn. Trên thực tế, mỗi khi chúng ta gặp chuyện khó khăn phát sanh, trức trặc, hãy quan sát nó sanh khởi từ tự tâm của chính mình, nó sẽ ngay lập tức chẳng gây trở ngại nữa. Như thế là đích xác tu pháp Ban Châu, đó là đạo thường hành. Nếu có chuyện nào dẫn đến trức trặc, gian nan, tức là chúng ta chẳng hành đạo, là phi đạo (trái đạo, nghịch đạo), ác đạo. Nếu đích xác là chẳng thể hướng dẫn hữu tình tiến nhập Bồ Đề, vận dụng pháp tắc, vậy thì pháp tắc mà chúng ta đang học tập còn có tác dụng chi nữa? Chẳng phải là rơi vào hình thức rỗng tuếch ư?

Trong mỗi thời khắc chúng ta học tập, đích xác là phải tôn trọng cái tâm và duyên của chính mình, tôn trọng nghiệp tương ngoại tại của chính mình. Sự tôn trọng ấy khiến cho tâm trí người khác khinh an, chẳng đắm nhiễm, thường hành đạo nghiệp trong hiện tiền, trọn chẳng

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

có nghĩa là chúng ta học thuần thực rồi mới “*thường hành đạo*”. Cái gọi là “*tu Ban Châu*”, tức là trong khi chúng ta nghe pháp, lúc nghỉ ngơi, lúc giao tiếp, lúc gặp phải nạn duyên (các duyên gây khó khăn), lúc gặp phải khốn khó, lúc nảy sanh nhân ngã thị phi, sẽ đều “*vô trước trụ*” (không chấp trước). “*Vô trước trụ*” là gì? Chớ nên coi sự tình là thật, chớ nên quá quan trọng hóa sự tình. Đối trước nghiệp duyên như huyễn, nghiệp duyên hiện tiền, chúng ta cần phải xử lý chúng, hãy đừng khẳng khẳng chấp đó là sự thật. Nếu cưỡng chấp là sự thật, sau đó phải sám hối, lại còn phải trừ sạch, lại còn phải sửa đổi, như thế thì sẽ rất tốn công sức! Giống như đã dựng xong một căn nhà rồi phá sập nó. Cưỡng chế chấp trước, chấp trước những trúc trắc, sẽ cưỡng chế kiến lập nghiệp tướng của ác nghiệp, sau đó toan lay động nó, sẽ mười phần tốn sức. Nếu trong sát-na khó khăn, nghiệp duyên và mâu thuẫn sanh khởi, chúng ta hãy lập tức tu, lập tức hành pháp Ban Châu để quan sát cẩn thận, đó cũng là “*hành vô gian nan*”.

Mỗi người chúng ta trong khoảnh khắc gặp chuyện, chuyện đó có thể là nguồn gây ô nhiễm, mà cũng có thể là nguồn thanh tịnh. Nếu đúng pháp duy trì, nó sẽ là nguồn thanh tịnh. Nếu truyền bá sự ô nhiễm của nó thì sẽ là ngọn nguồn ô nhiễm, là thứ gây họa. Các vị Bồ Tát ơi! Chuyện này chẳng cần phải nói, mỗi người chúng ta đều có thể trông thấy, mà cũng đều có thể lý giải. Do vậy, chúng ta đối với cơ chế và khái niệm học pháp, vận dụng pháp, nhất định phải thuần thực ngay trong mỗi niệm hiện tiền, ngay nơi mỗi sự, ngay nơi mỗi người! Các vị Bồ Tát ơi! Đó là duyên khởi tốt nhất của hạnh Ban Châu, là duyên khởi bình thường nhất, là duyên khởi chân thật nhất, mà cũng là hành pháp Ban Châu dễ hành nhất. Trong Phật giáo, như tông Thiên Thai đã phán định: “*Trong hết thảy tam-muội, có bốn loại tam-muội*”. Tùy Ý tam-muội tu trì từ chỗ này, tức là trong hết thảy ý niệm, lúc sự tướng hiện tiền, lúc mất chánh niệm, sẽ lập tức nhận biết, khiến cho tự tánh lưu lộ, hoặc là tự tánh được tiếp nối, sanh khởi tác dụng. Như thế thì sẽ chẳng mê mất nơi sự tướng thiện, ác, đúng, sai, có thể do Phổ Đẳng tam-muội, hoặc là Tùy Ý tam-muội mà tùy lúc tu hành. Thường hành đạo của Ban Châu cũng cần phải tu chúng ngay trong mỗi niệm.

(Kinh) Vân hà đương đắc tri u Thật Tế, bất phân biệt chư pháp cố?

(經)云何當得知於實際，不分別諸法故？

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

(*Kinh: Như thế nào thì sẽ biết Thật Tế, chẳng phân biệt các pháp?*)

Một trăm hai mươi hai điều “*vân hà*” đã bao gồm các lợi ích thực tế do hành pháp Ban Châu dẫn xuất, do Hiền Hộ Bồ Tát thay chúng ta khai vấn đức Thế Tôn, và do đức Thế Tôn tuyên nói cho đại chúng, khiến chúng ta có thể trụ trong an lạc, trụ trong chân thật, trụ trong quan sát lợi ích nơi pháp tu này. “*Vân hà đương đắc tri ư Thật Tế*” (Như thế nào thì sẽ biết Thật Tế). Thật Tế là gì? Trong nhân duyên hiện thực thì có hai loại Thật Tế: Một là cứu cánh Thật Tế, hai là hiện tiền sự tướng Thật Tế. Chúng ta thường nghe người khác nói: “Trên thực tế, có phải là tình huống ấy hay không?”, hoặc “đấy là tình huống thực tế ư?” Các sự tình phát sanh, nhân duyên đã hiện tiền, được gọi là hiện tướng thực tế (hiện tiền sự tướng Thật Tế), tức là thực tế trong hiện tại. Đương nhiên cũng có cứu cánh thực tế (thực tế rốt ráo), tức là thực tế do nương theo Lý để quan sát cẩn thận. Nếu dựa trên hai pháp Lý Quán và Sự Quán để quán Thật Tế, sẽ có thể đạt được thiện xảo. Chẳng hạn như chúng ta dùng tâm trí “chẳng phân biệt các pháp”, thì đó cũng là tâm trí của Ban Châu hạnh, mà cũng là tâm trí thường hành đạo. “*Đạo*” chính là chẳng phân biệt các pháp trong thực tế hiện tiền, mà “*các pháp*” chính là “*các tâm*”. “*Các tâm*” là các loại cảm giác, các loại nghiệp tướng. Nếu trong các nghiệp tướng, sẽ có các thứ sự tướng. Nếu dựa theo rốt ráo để nói, y theo Lý để nói, quả thật chẳng có gì để phân biệt, chẳng có gì để tạo tác, chẳng có gì để sanh diệt.

Các vị thiện tri thức ơi! Nhất định phải dung nhập Phật pháp vào trong chỗ sâu thẳm nơi tâm linh của chính mình, dung nhập thực tế hiện tiền của chính mình, thật sự làm một vị trí giả, người có lòng bi, bậc tạo phương tiện, bậc đạt được Bồ Đề tâm, làm một hành giả trọn đủ đại bi, đại trí, đại nguyện trong Phật pháp, chẳng cô phụ chính mình! Đừng cho rằng điều này cách biệt chúng ta rất xa xôi. Nếu đúng như pháp thực hiện, nó sẽ chẳng xa xôi. Nếu đùn đẩy cho người khác, gán cho Phật, gán cho bậc hiền giả, gán cho thánh nhân, như thế thì sẽ chẳng liên can gì đến chúng ta. Điều này rất rõ ràng, “*tri ư Thật Tế*” (biết Thật Tế) có hai pháp Lý và Sự. Nói theo Lý, quả thật chẳng có phân biệt. Nói theo sự tướng, đối với chỗ phân biệt bèn vừa khéo dùng thiện xảo “chẳng phân biệt” để quan sát và vận dụng, thì sẽ là người hành pháp thanh tịnh, lợi ích chân thật. Chúng ta thấy nhất quán từ đầu đến cuối trong mấy chục câu hỏi, toàn bộ đều là nói đến hành pháp như lý, tâm trí như lý, thủ hộ

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

như lý, xa lìa đắm nhiễm và tranh cãi, kiêu cao, xa lìa trúc trắc, xa lìa thị phi, xa lìa chấp trước [vạn pháp] là thật, biết [vạn pháp] là huyền hóa, biết chúng chẳng thể đạt được. Các vị Bồ Tát ơi! Chúng ta vứt bỏ nhân duyên gia đình, vứt bỏ hoàn cảnh sống quen thuộc của chính mình, đến nơi núi cao như thế này, phải nên có một mục đích duy nhất: “*Tới đây để tu tập Phật pháp, học tập Phật pháp*”. Chúng ta phải nhận thức rõ ràng, phải vứt bỏ các tạp niệm và tạp duyên chẳng liên can, vô ý nghĩa, chẳng cô phụ cơ chế và cơ duyên của công đức thù thắng nơi các hiện duyên của chính mình, cũng như các pháp tắc có công đức thù thắng mà ta đã được nghe. Nếu chẳng như thế, sẽ là khinh mạn chính mình, khinh mạn pháp tắc, khinh mạn hiện tại, khinh mạn sanh mạng được mười phương dưỡng dục của chính mình, làm sao có thể đạt được lợi ích như thế cho được?

Trong Phật giáo, mọi người đều đề ra “*sống với lòng biết ơn*”, nói “*hết thầy chúng sanh đều là Phật, Bồ Tát, chỉ có ta là phàm phu*”, phải dùng tâm thái cảm ơn để đối đãi các hữu tình, phải đối đãi với hiện duyên bằng lòng cảm ơn, phải đối đãi với hữu tình có tánh chất xấu ác bằng lòng cảm ơn, phải đối đãi với các nhân duyên khổ nạn bằng lòng cảm ơn, do vì lẽ nào? [Các thứ ấy] đều là sự gia trì khiến cho đạo nghiệp tăng thượng và là các bậc thầy tốt lành hướng dẫn tạo lợi ích. Chúng ta há có thời gian để tạo tác các pháp tắc chẳng tương ứng nữa ư? Tôi nói những điều này, cũng vẫn là hy vọng mọi người hãy vận dụng giáo pháp, vận dụng kinh điển để xem xét kỹ càng khởi tâm động niệm của chính mình. Phải thấy rõ khởi tâm động niệm, nhận biết chuẩn xác, nhất định đừng bỏ qua. Đừng cho rằng ngoại trừ khởi tâm động niệm, còn có vật gì khác. Nếu có thể nắm giữ rõ ràng pháp tắc này, vận dụng thành thực, sẽ đúng là tròng mắt của thế gian, là bậc thiện xảo trong thế gian, là lìa khổ, là được vui, ban an lạc cho chúng sanh.

Do vậy, “*đắc tri ư Thật Tế, bất phân biệt chư pháp cố*” (được biết Thật Tế, chẳng phân biệt các pháp). Trong Thật Tế Lý Địa, đối với giá trị, chẳng nhiễm mảy trần, nương theo pháp mà quan sát. Như thế thì sẽ có các sự biến hóa trong sự tướng, các thứ đắm nhiễm, các loại thiện, các loại ác, thật sự đúng là chúng ta đang hành đạo, biết tâm, biết cơ hội thiện xảo của pháp và duyên tăng thượng, chẳng tạo duyên đọa lạc, chẳng tạo duyên buông lung, đừng đắm chìm trong sự hưng phấn và nghiệp lực của chính mình. “*Hưng phấn*” là gì vậy? Chúng ta đều biết, rất nhiều kẻ hút ma túy, biết rõ là độc hại, nhưng vẫn hút, vì nó khiến họ hưng phấn. Kẻ hút thuốc lá biết rõ thuốc lá độc hại, nguy hại cho sức

khỏe, nhưng vẫn cứ hút vì nó khiến cho họ hưng phấn. Kẻ uống rượu biết rượu không tốt cho con người, gây loạn tánh, vẫn cứ uống. Có kẻ đánh nhau, ẩu đả, biết là không tốt, vẫn cứ đánh nhau, ẩu đả, vì hưng phấn! Vì sao có rất nhiều người biết rõ là chuyện không tốt mà vẫn cứ làm? Đã bị trúng độc, tức là đánh mất sự thủ hộ đối với tâm trí ngay trong lúc ấy, đánh mất duyên khởi thanh tịnh ngay trong lúc đó. Duyên khởi đã chẳng thanh tịnh, các loại nghiệp tướng sẽ tiếp nối.

(Kinh) Vân hà đương đắc thuyết nhất thiết ngữ ngôn trí, linh chư chúng sanh trụ u Đại Thừa cố?

(經)云何當得說一切語言智，令諸衆生住於大乘故？

(Kinh: Như thế nào thì đạt được trí nói hết thảy các ngôn ngữ, khiến cho các chúng sanh trụ trong Đại Thừa?)

“*Nhất thiết ngữ ngôn trí*” (Trí biết hết thảy ngôn ngữ): Chúng ta đều biết, trong trí tổng tướng, Đà-la-ni giáo biểu đạt trí biết hết thảy ngôn ngữ. Đà-la-ni là trọn hết thảy các nghĩa, trọn hết thảy công đức, có đủ hết thảy thiện xảo, đủ hết thảy phương tiện, đủ hết thảy các pháp. Đà-la-ni còn gọi là Tổng Trì, nhưng thường là [từ ngữ này và nội dung của các Đà-la-ni đều] chẳng phiên dịch. Chẳng hạn như trong công khóa [sáng sớm] nơi đất Hán, chú Lăng Nghiêm là Đà-la-ni, mười tiểu chú là Đà-la-ni, chú Đại Bi là Đà-la-ni. Lại như chúng ta đọc kinh Viên Giác, trong ấy nói “*thử thị đại Đà-la-ni giáo*” (đây là đại Đà-la-ni giáo), tức là giáo pháp Tổng Trì.

Nay chúng ta niệm Nam-mô A Di Đà Phật, hành Ban Châu, có phải là Đà-la-ni giáo hay không? Có phải là trí hết thảy ngôn ngữ sẽ khiến cho chúng sanh ai nấy đều có thể sử dụng hay không? Chắc chắn là như thế. Các vị thiện tri thức ơi! Chúng ta niệm Nam-mô A Di Đà Phật, hồi thí thanh tịnh bình đẳng giác, có thể khiến cho chúng sanh nhập Đại Thừa, an trụ trong Đại Thừa, tức là bình đẳng gánh vác. Lại còn như lạy Vãng Sanh Lễ Tán, trong ấy, cuối cùng có một câu: “*Nguyện cộng chư chúng sanh, vãng sanh An Lạc quốc*” (Nguyện cùng các chúng sanh, vãng sanh cõi An Lạc). Đó là tâm trí Đại Thừa, pháp tắc Đại Thừa, hiệu ứng Đại Thừa, lợi ích chân thật của Đại Thừa được hiển hiện, tức là nguyện cho pháp giới chúng sanh cùng lúc đều đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Nguyện cho hết thảy chúng sanh đều cùng sanh về cõi Vô Lượng Quang Phật. Cõi của A Di Đà Phật là cõi Phật Vô

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Lượng Quang, nguyện vãng sanh liền vãng sanh, tâm làm Phật, tâm là Phật. Do công đức của A Di Đà Phật mà thành tựu Vô Biên Quang, Vô Ngại Quang, Vô Đẳng Quang, Trí Huệ Quang, đó là tướng quả đức trong công đức, chiếu trọn khắp pháp giới. Nếu ai tín thuận, sẽ liền được vãng sanh. Đó gọi là “*thập vạn ức sát độ, nhất niệm tín tức thị*” (mười vạn ức cõi nước, một niệm tin là được). Tín là tri kiến hiện thời của chính mình ngay lập tức dung nhập cõi Phật Vô Lượng Quang, chẳng nhiễm, chẳng đắm, nhất thời dùng quả đức trí huệ quang minh của Phật để dung nhập tự tâm, tự tâm ẩn khế, chẳng hai, chẳng khác, sẽ ẩn chứng và chứng thực lợi ích vãng sanh ngay trong hiện tiền. Nếu tiếp nói như thế, người ấy sẽ đắc trí quang minh, vô ngại, và giải thoát, trọn đủ hết thảy các thiện xảo, gánh vác và lợi ích hết thảy chúng sanh.

“*Trụ u Đại Thừa*” (Trụ trong Đại Thừa): Tất cả ngôn thuyết của chúng ta chẳng đều lợi ích trọn khắp hữu tình ư? Sự thuyết giáo của Thanh Văn là có đối đãi. Chẳng hạn như nói hàng xuất gia và tại gia nếu phạm năm giới, tám giới, mười giới, hành bất tịnh pháp, sẽ đọa trong các loại khổ báo của ác nghiệp. Đó là cách nói đối ứng căn cơ, chẳng phải là giáo ngôn rốt ráo, rộng lớn của Đại Thừa. Nhưng giáo ngôn đối ứng căn cơ ấy là sự quở trách và khuyến hóa dành cho các loại hữu tình chẳng trì giới, phạm giới. Chúng ta nói “*Nam-mô A Di Đà Phật*” chiếu khắp hết thảy hữu tình thiện ác trong mười phương. Đây là sự hồi thí bình đẳng của Đại Thừa, bình đẳng lợi ích rộng khắp hết thảy hiện duyên hữu tình, khiến cho hết thảy hữu tình nghe xong, sẽ đều được lợi ích bình đẳng, giống như chiếc thuyền lớn chuyên chở. Giống như một căn nhà lớn này của chúng ta, giả sử hiện thời biến thành chiếc thuyền “*A Di Đà Phật số Một*” để mọi người đều vãng sanh thế giới Cực Lạc. Nhưng nếu chúng ta nói “người xuất gia thì đi, còn hàng tại gia lui ra” thì sẽ trở thành đối đãi căn cơ. Hoặc “đàn ông đứng lại, đàn bà lui ra ngoài”, đó là đối ứng căn cơ. Hoặc “thiện nhân đứng một bên, ác nhân đứng một bên”, lại thành có căn cơ, chủng loại khác biệt! Giáo pháp dựa theo căn cơ, có thể nói là nhập Đại Thừa, có thể nói là Thanh Văn Thừa, cũng có thể nói là phán định theo nhân thiên, hoặc phán định theo thiện ác, cũng có thể chẳng phải là Phật pháp. Chẳng hạn như nhân ngã thị phi có thể chẳng phải là Phật pháp. Do vậy, ở đây hy vọng mọi người đều có thể thiện xảo tu tập pháp tắc Đại Thừa, sẽ có phương tiện để tiến nhập.

(Kinh) Vân hà đương đắc chí vô úy xứ, viễn ly khủng bố, vĩnh vô nhất thiết ma thú đẳng sự cố?

(經)云何當得至無畏處，遠離恐怖，永無一切毛豎等事故？

(*Kinh*: Như thế nào thì sẽ đạt tới chỗ không sợ hãi, xa lìa sợ hãi, vĩnh viễn chẳng có hết thảy chuyện rồn lông tóc?)

Người khác nhau sẽ có cảm nhận khác nhau. Có người hành Ban Châu, buổi tối trông thấy bóng tối cũng sợ rồn cả lông tóc, sanh khởi sợ hãi. Có người ở nơi đồng trống sẽ sanh khởi sợ hãi. Có người đọc kinh sợ rồn da gà, run rẩy. Có người thấy tướng ác bèn rồn cả lông tóc. Có người thấy tượng Phật sẽ rồn cả lông tóc, run rẩy. Có người nghe một câu nói sẽ rồn cả lông tóc, run rẩy. Đây đều là do nghiệp quả chín muồi của mỗi người, do Dị Thục Quả tiếp tục kích phát biểu hiện ra.

“*Mao thụ tướng*” (毛豎相, tướng rồn lông tóc), trên thực tế là do sợ hãi. Một số vị cư sĩ trẻ tuổi tại gia thích xem phim kinh dị, tức là mong được sợ hãi rồn da gà. Đó là một nhân duyên. Ở đây, [chánh kinh] bảo chúng ta như thế nào thì sẽ có thể xa lìa nhân duyên như thế đó? “*Đắc chí vô úy xứ*” (Đạt tới chỗ không sợ hãi): Nếu chúng ta thường hành pháp Ban Châu, sẽ ngay lập tức xử lý sạch sẽ, chẳng đắm nhiễm, tâm chẳng vương mắc, không đầu, không cuối, chẳng thiện, chẳng ác, các đối đãi tan hoại, há có sợ hãi gì nữa ư? Do vậy, chỗ lợi ích công đức chân thật của hành pháp Ban Châu là chắc chắn xa lìa hết thảy sợ hãi. Nếu chúng ta đích thân chứng tam-muội, đích thân chứng tự tánh, còn sợ hãi chi nữa? Vì đối đãi còn chẳng sanh khởi, há có nỗi sợ hãi và kẻ sợ hãi ư? Há còn có cái người bị sợ hãi và chuyện đáng để sợ hãi nữa ư? Do đó, hành pháp Ban Châu chắc chắn có lợi ích chẳng thể nghĩ bàn như thế, có thể khiến cho hữu tình đạt tới chỗ chẳng sợ hãi.

Đây là một câu hỏi rất hay! Hiền Hộ Bồ Tát đến giúp chúng ta là những kẻ học Phật trong thời Mạt Pháp, tức là các hữu tình luôn suy nghĩ vô ích, quan sát vô ích, hoặc chẳng có sức để suy xét, hoặc chẳng có sức để quan sát. Người hiện thời nếu có vấn đề phải suy xét, thường là rất tạp loạn! Rất nhiều vị Bồ Tát hể mở miệng ra toàn là ác tri ác kiến của chính mình, chẳng liên quan gì tới Phật pháp! Các hữu tình khéo tu duy niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Khổ, Tập, Diệt, Đạo, niệm tịch tĩnh Niết Bàn, niệm “vô ngã, vô thường”, tức là đã nương theo pháp để tư duy, nương theo pháp để trao đổi, nương theo pháp để tu tập. Từ điều “*vân hà*” thứ nhất cho đến điều “*vân hà*” chín mươi, mỗi điều đều

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

nhằm bảo chúng ta hãy tư duy đúng như lý, thực tập đúng như lý, quan sát đúng như lý, khái giáo (khải thỉnh giáo pháp) đúng như lý. Nhất định chớ nên xem thường những văn tự ấy. Chớ nên xem nhẹ kinh điển! Chúng ta quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, đây cũng là chỗ quy y của chúng ta, giống hệt như đức Phật trụ thế chẳng nghi, an ủi chúng ta. Nếu có thể y giáo phụng hành, nhất định có thể đạt được công đức và lợi ích chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta thường nói “*quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”, nhưng chỉ là nói ngoài miệng, hay là trong tâm nghiệp hành xử thật sự quy y? Khi chúng ta nói chuyện thị phi, khi đánh lộn, khi gây chuyện ồn náo, niệm nào cũng đều là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, sau đó mới cùng người khác đấu tranh. Khi trong tâm chúng ta phiền não, khi chẳng có cách nào giải quyết vấn đề, khi tư duy chẳng đúng pháp, niệm nào cũng đều là “*Khổ, Vô Thường, Vô Ngã, tịch tĩnh Niết Bàn*”, sau đó sẽ cùng người khác biện luận đúng, sai, nói hay, nói dở. Như thế thì nhất định sẽ có ý nghĩa. Đây là tư duy đúng lý, phê phán đúng lý, trao đổi đúng lý, như thế thì chúng ta sẽ đều có thể lìa khổ, được vui. Nếu không, sẽ đều là thành chẳng đúng pháp, nói chẳng đúng pháp, trao đổi chẳng đúng pháp, lãng phí thời gian của chính mình, lãng phí tinh lực của kẻ khác, kết quả là còn rơi vào quả báo có tánh chất xấu ác, thật sự chẳng tương ứng. Đó là chỗ đáng sợ hãi.

Các vị thiện tri thức ơi! Chúng ta thật sự phải nên suy xét chỗ chúng ta sợ hãi là gì? Nếu thật sự tư duy, hãy xét xem trong tâm ta có phải là có điều sợ hãi hay không? Có chỗ hoảng sợ hay không? Có người sợ cái này, có người sợ cái kia. Nỗi sợ hãi đúng là khác nhau! Tôi đã thấy có người sợ gia đình chẳng duy trì nổi, sợ chính mình chẳng có người yêu, sợ xuất gia... Thế nhưng, kẻ sợ đọa lạc rất ít, kẻ sợ chẳng có tham, sân, si đặc biệt nhiều! Dường như nếu chẳng có “*tham, sân, si, mạn, nghi*”, tợ hồ là chuyện rợn da gà! Tôi chẳng dám cười chuyện này, hy vọng mọi người thật sự tư duy đúng như lý để suy nghĩ xem chính mình sợ nhất điều gì? Người sợ đọa lạc đúng là rất ít; đây là chuyện rất đáng sợ. Người sợ xuất gia quá nhiều! Sợ xuất gia, sợ thoát khỏi tam giới, sợ chẳng đảm nhiệm! Đúng là chẳng thể khiến cho mọi người phải nghĩ lại, vì đảm nhiệm chính là mạng căn của chúng ta, mọi người đã quá quen thuộc, quen nét mất rồi, [luôn luôn] coi đó cũng là chuyện bình thường. Nhưng cái bình thường ấy lại đặc biệt bất thường, vì nó là cội rễ của luân hồi, có thể ngăn lấp đạo nghiệp thành tựu, là một thứ trần cấu đặc biệt sâu đậm!

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

“*Đương đắc chí vô úy xứ*” (Sẽ đạt tới chỗ không sợ hãi): Rất ráo trong pháp ích, có thể nói Tứ Chánh Cần là chỗ không sợ hãi, tức là chúng ta an trụ trong thiện pháp cũng là chỗ không sợ hãi. Người xuất gia thủ hộ giới luật là chỗ không sợ hãi, mà phạm giới là chỗ sợ hãi. Hữu tình trong thế gian thủ hộ thiện pháp là chỗ không sợ hãi. Sợ có ác danh trong ác pháp, cũng sẽ sanh ra sợ hãi. Trong pháp xuất thế gian, có các thứ Thiên Định thiện xảo, thần thông tự tại, là một chỗ không sợ hãi. Có các thứ tán mạn, buông lung, không có sức tự khống chế, cũng là chỗ sợ hãi. Từ Bát Địa Bồ Tát trở xuống, thoái chuyển là chỗ sợ hãi. Bồ Tát từ Bát Địa trở lên, bất thoái chuyển là chỗ không sợ hãi. Hữu tình mà chưa đạt đến địa vị Phật thì đều có Kiến Tư Hoặc, Trần Sa Hoặc, và Vô Minh Hoặc, đó là chỗ sợ hãi. Chư Phật Như Lai chứng thấu triệt A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, pháp tánh trọn khắp, chẳng sợ hãi gì. Đó là chỗ không sợ hãi. Các vị đại Bồ Tát vẫn có điều sợ hãi! Nói tương đối, ai nấy đều sợ hãi, chỉ có chư Phật xa lìa hết thảy sợ hãi. Chúng ta có thể vĩnh viễn chẳng sợ hãi hay không? Vậy thì phải thành tựu Bồ Đề rất ráo, thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, nương theo giáo ngôn trong tối thượng thừa để tu trì, cho đến tiến nhập Vô Thượng Bồ Đề, thật sự vĩnh viễn lìa khỏi hết thảy sợ hãi.

(Kinh) Vân hà đương đắc tri Phật phương tiện thuyết, thiện đạt nhất thiết Tu Đa La đẳng cố?

(經)云何當得知佛方便說，善達一切修多羅等故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ biết Phật nói phương tiện, khéo thông đạt hết thảy Tu Đa La bình đẳng?)

Đức Phật thuyết pháp, đích xác là có Quyền Giáo và Thật Giáo, có liễu nghĩa và bất liễu nghĩa. Đời Mạt Pháp có bốn ngọn đèn chiếu sáng thế gian, tức là pháp tắc Tứ Y. Đó là bốn cách nói quyết định để làm chỗ nương cậy cho thế gian, an ủi thế gian. Đó chính là “*y pháp, bất y nhân. Y liễu nghĩa, bất y bất liễu nghĩa. Y trí, bất y thức. Y nghĩa, bất y ngữ*”. Bốn cách nói ấy là lời căn dặn của đức Thế Tôn dành cho hữu tình học Phật trong thời Mạt Pháp, tức là dạy chúng ta biết pháp tắc như thế nào để phán định sự học tập của chính mình? Phải nên dựa theo pháp, đừng dựa theo một cá nhân nào. Nương theo pháp liễu nghĩa, chẳng nương theo pháp bất liễu nghĩa. Nương theo trí, chẳng thuận theo thức. Nương

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

theo ý nghĩa, đừng nương theo từ ngữ. Dùng những điều này để khiến cho chúng ta thâm nhập, đạt được phương tiện hồi thí cho hữu tình.

Chúng ta hành pháp Ban Châu, có thể biết đức Phật nói phương tiện hay không?

Nói phương tiện thì có hai cơ chế để kiến lập:

1) Một là thuận duyên kiến lập.

2) Hai là nhằm thỏa thích bốn hoài của đức Phật, chiếu khắp, nhiếp trọn, rộng độ hữu tình mà kiến lập.

Tức là đối ứng căn cơ để thí giáo, khiến cho hết thảy các loại căn cơ sẽ do pháp tác tương ứng với căn cơ mà được độ thoát. [Đó là thuận duyên kiến lập]. Còn pháp kia nhằm thỏa thích bốn hoài của Phật, [tức hoài bảo vốn có của Phật là] phổ độ chúng sanh. Hai loại phương tiện này, loại sau là đại phương tiện, loại trước là phương tiện để tiến nhập căn cơ thích hợp, tức là đối với mỗi loại căn cơ, bèn nói một pháp nào đó. Nếu là vì tạo thiện xảo cho kẻ nương theo phước báo nhân thiên, bèn nói phước báo nhân thiên. Nếu là vì kẻ nương theo giáo pháp Thanh Văn đắc độ, bèn nói pháp Thanh Văn. Nếu là để người nương theo Bồ Tát Thừa đắc độ, bèn nói pháp Bồ Tát. [Đối với người] nương theo Đại Thừa đắc độ, bèn nói giáo ngôn Đại Thừa. Để độ người nương theo giáo ngôn về tự tánh rất sâu, bèn nói giáo ngôn Kim Cang Thừa về tự tánh, khiến cho chúng sanh đắc độ. Đây gọi là “*phương tiện nhiếp thọ, chế phục, tùy theo căn cơ mà thí giáo*”, nhưng đức Phật thuyết pháp bèn tự tại trong hết thảy các pháp. Chúng ta niệm Nam-mô A Di Đà Phật thì sao? Thật sự là đại phương tiện! Cái được gọi là “*đại phương tiện*” chính là nhiếp thọ trọn khắp, lợi ích rộng khắp, chẳng bỏ sót. Một câu Nam-mô A Di Đà Phật dù phàm hay thánh, đều cùng được vãng sanh, được bình đẳng nhiếp thọ, chẳng bị bỏ sót. Đó chính là đại phương tiện giáo, là lời chân thật, là lời thành thật, là tướng công đức thỏa thích bốn hoài rộng lớn của Phật. Do đó nói: Phương tiện ở đây có hai loại xếp đặt, chúng ta niệm Nam-mô A Di Đà Phật chính là đại phương tiện trong hai loại xếp đặt ấy. Đó là có xuất xứ.

“*Thiện đạt nhất thiết Tu Đa La*” tức là khéo thông đạt hết thảy giáo ngôn Đại Thừa, giáo ngôn liễu nghĩa, chọn lựa cho chúng sanh, chẳng khiến cho hữu tình bị mộng muội! Vì giáo ngôn bất liễu nghĩa có thể khiến cho hữu tình mê mờ, như nói “*hóa thành*” (tỷ dụ về cái thành được biến hóa ra [trong kinh Pháp Hoa], tức các pháp quyền biến), nói thiện và ác, lại như chúng ta nay nương theo các thứ giới pháp mà dui dặt, yêu thương, che chở hữu tình. Đối với chuyện này, đều có thể sử

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

dụng cả ba thừa để phán định. Nếu là đối với kẻ đắm nhiễm sự được mất trong thế gian, hoặc đối với người có công đức, thì đây là phương tiện để nhiếp thọ, thủ hộ, là cách nói chẳng rốt ráo, do nói theo công đức và lợi ích, là nói tăng thượng, nhưng giới luật cũng có thể nói vô lậu, nói rốt ráo chân thật, trì giới có thể thành tựu Vô Thượng Bồ Đề. Đây là nói theo Tu Đa La, nói theo liễu nghĩa!

“*Thiện đạt nhất thiết Tu Đa La đẳng cố*” (Do khéo thông đạt Khế Kinh bình đẳng): Chử Đẳng này [hàm ý] hết thấy các pháp do đức Phật đã nói chẳng có cao hay thấp, đều là tâm trí cội nguồn của hết thấy chúng sanh, khiến cho họ ngộ nhập tri kiến của Phật, thành tựu Vô Thượng Bồ Đề. Do đó nói là “*pháp bình đẳng, chẳng có cao thấp*”, xa lìa tranh chấp, kiện tụng. Pháp ví như chiếc bè, độ thoát chúng sanh, thật sự chẳng có gì để đắc. Nếu Bồ Tát đã dựa vào Sơ Địa, sẽ biết hết thấy các pháp giống như ngón tay chỉ mặt trăng, ví như chiếc bè, chỉ là thiện xảo để tiếp dẫn, là phương tiện để tiếp dẫn, thật sự chẳng có pháp nào để có thể đạt được! Nhưng hữu tình ngu si đắm nhiễm trong cao, thấp, đắm nhiễm trong lớn, nhỏ, cho nên bươn bả trong cao thấp. Hiện thời, “*Giang Nam, Giang Bắc tìm kiếm Bồ Đề, quốc nội, quốc ngoại tìm kiếm Bồ Đề. Đất Hán, đất Tây Tạng tìm kiếm Bồ Đề*”, mọi nơi đều là như thế. Người như thế trong tâm chẳng công chánh, đối với pháp chẳng bình đẳng, nghe người khác nói pháp này to lớn bèn tu pháp này, người khác nói pháp kia mạnh mẽ, lại tu pháp kia. Dùng cái tâm tăng thượng bất bình đẳng, cái tâm tham lợi để cầu pháp, sẽ chẳng được yên vui. Vì sao? Chẳng biết nguồn cội của pháp và căn bản của tâm trí, mê mất mà phát tâm, cầu nơi cao, thấp, chạy ngược, chạy xuôi, chạy đến nổi thân thể mệt nhòai, chạy đến nổi một thân đầy phiền não, chạy thành một thân phỉ báng, chẳng đạt được lợi ích nơi Phật pháp. Do đó, nếu tâm trí nương theo liễu nghĩa, nương theo tâm Vô Thượng Bồ Đề để quan sát hết thấy các pháp, [sẽ thấy] hết thấy các pháp bình đẳng một vị. Điều này chân thật, chẳng dối. Trong hết thấy mọi lúc, mọi thời, đều sanh khởi cái tâm cung kính to lớn, tôn trọng to lớn, yêu thích to lớn, cho nên “*thiện đạt nhất thiết Tu Đa La*” (khéo thông đạt hết thấy Khế Kinh). “*Hết thấy Tu Đa La*” chính là mỗi niệm hiện tiền, là nhân duyên trong hiện tiền của chúng ta. Đừng nên xem thường mỗi niệm hiện tiền trong hiện tại và cơ duyên trong hiện tại. Nếu không, sẽ thật sự đáng thương lắm! Chúng ta hằng ngày nghe những lời như thế, lại ngược ngạo nghĩ rằng rất xa xôi. Thật ra, chẳng phải vậy, nó giống như hư không dung nạp, gánh vác, dưỡng dục quý vị. Đừng nên bỏ mất pháp ích này!

(Kinh) Vân hà đương đắc bất không sanh thế gian, hằng nhập nhất thiết chúng sanh hoạch lợi cố?

(經)云何當得不空生世間，恆入一切衆生獲利故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được chẳng lường lường sanh trong thế gian, luôn vào trong hết thấy chúng sanh mà đạt được lợi ích?)

Nếu chúng ta nương theo Tứ Chánh Cần, nương theo tâm trí “*niệm A Di Đà Phật để lợi lạc trọn khắp hết thấy*” mà quan sát thế gian này, sẽ sanh trong thế gian mà chẳng rơi vào hư giả, chẳng rơi vào luân hồi, có lợi cho thế gian, mà thế gian cũng có lợi cho đời này. Chúng ta làm như thế nào để biến sanh mạng của chính mình trở thành có ý nghĩa đối với xã hội, đối với Phật pháp, đối với hữu tình? Tu trì vô ngã, chọn lựa vô ngã, phát tâm vô ngã, hết sức trọng yếu! Niệm Nam-mô A Di Đà Phật, hành Ban Châu, lập tức hành trì, thì có gì để được hay mất? Có gì để có thể thấy? Có gì để đảm nhiệm? Có gì là cao hay thấp? Do vậy, Không ở đây chính là Bất Không. Cái Không ấy chính là diệu dụng. Không là “*chẳng có tự tánh*”. Có thể sanh trong thế gian mà khéo lợi ích thế gian. Vào trong chúng sanh, hành các loại tự lợi và lợi tha. Vì trong lúc lợi tha, ắt có thể tự lợi; trong lúc tự lợi, ắt có thể lợi tha. Chẳng hạn như không sát sanh, không ăn thịt chúng sanh. Do vì chẳng sát sanh, xét theo nhân quả, quý vị có thể đạt được trường thọ. Do không sát sanh, quý vị yêu mến các sanh mạng khác, các sanh mạng khác sẽ được yên vui. Như thế thì đối với chính mình lẫn kẻ khác đều có lợi ích, đều có thể đạt được lợi ích. Chẳng sát sanh, về bản chất là chẳng có gì để có thể đạt được. Dẫu trường thọ, cũng chẳng thể đạt được. Tuy sanh ra các loại an ủi, cũng chẳng thể được. Thế nhưng, an ủi chúng sanh thì chính mình sẽ được an ủi, trường thọ thì tự được trường thọ, có sức thì chính mình tự được khỏe mạnh. Ở đây, đừng rơi vào sự trống rỗng, phù phiếm để rồi tự gạt mình, do nhân quả tiếp nối, do nghiệp duyên tiếp nối.

Các vị thiện tri thức ơi! Nói theo phía người học Phật chúng ta, dung thông Nhị Đế (Chân Đế và Tục Đế) rất quan trọng, nhất định phải khéo suy nghĩ, suy nghĩ không ngừng, suy nghĩ chân thật. Một khi dung thông chỗ này, người ấy sẽ tâm khai ý giải, khéo quan sát pháp tắc thế gian và pháp tắc xuất thế gian. Đối với xuất thế và nhập thế, đều chẳng nầy sanh mâu thuẫn; đối với thế gian và xuất thế gian, đều đạt được phương tiện.

(Kinh) Vân hà đương đắc vi Nhất Thiết Trí giả, u nhất thiết thế gian ưng thọ cúng dường đại danh văn cổ?

(經)云何當得爲一切智者，於一切世間應受供養大名聞故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được là bậc Nhất Thiết Trí, trong hết thảy thế gian đáng nhận cúng dường và tiếng tăm to lớn?)

Đức Thế Tôn nói hết thảy hành nhân Ban Châu sẽ được hết thảy chư Phật thủ hộ, hết thảy Bồ Tát cung kính, hết thảy trời, người đáng nên cúng dường. Chúng ta đọc thấy trong phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên của kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm có nói: “*Nhược nhân tụng thử thập đại nguyện vương, ưng thọ nhất thiết nhân thiên chi cúng dường*” (Nếu ai đọc tụng mười đại nguyện vương này, đáng nên được hết thảy trời, người cúng dường). Trong kinh Vô Lượng Thọ có nói: “*Nhược nhân văn đắc Vô Lượng Thọ chi danh, chấp trì giả, ưng thọ nhất thiết nhân thiên cúng dường, thường sanh tôn quý gia, cụ đại danh văn*” (Nếu ai được nghe danh hiệu Vô Lượng Thọ mà chấp trì, đáng nên được hết thảy trời, người cúng dường, thường sanh trong nhà tôn quý, có tiếng tăm to lớn). “*Danh văn*” ở đây và danh vọng trong thế tục khác biệt như thế nào? Danh vọng trong thế tục là do tích lũy mà đạt được, còn danh văn ở đây là do Phật gia bị, hồi thí mà đạt được. Trong hai thứ đạt được ấy, thứ sau là đạt được hết thảy thiện xảo mà chẳng có gì để đắc, còn thứ trước là do tích lũy mà đạt được. Do chấp trước mà đạt được tiếng tăm, lợi dưỡng, sẽ khiến cho kẻ đó bị đọa lạc, trầm luân! Vì thế, “*đại danh văn*” và lợi dưỡng ở đây thật sự được chư Phật chấp thuận, do chư Phật ban tặng.

Chúng ta hành Ban Châu, đáng nên được hết thảy trời, người cúng dường, là bạn bè của chư Phật, Bồ Tát; trong phần sau sẽ nói. Đối với điều này, quý vị chớ nên ủy khuất. Ở đây, chư Phật Như Lai cũng phụng sự, cúng dường người hành pháp, trọn chẳng ủy khuất. Vì sao? Vì chư Phật nghĩ đến nhau, vì niệm Phật ắt thành Phật. Các vị thiện tri thức ơi! Duyên gì sẽ thành quả đó, quý vị đừng nên sợ hãi! Trước kia, tôi đã nghe kể một câu chuyện cười, đúng là đối với chuyện “*duyên gì thành quả đó*” có thể giúp chúng ta quan sát đôi chút:

Có một người thợ rèn, kỹ thuật mười phần nổi tiếng xa gần. Mọi người hễ có chuyện gì cần đến sự tinh tế, đều tìm tới ông ta. Ông ta có một đứa đồ đệ, mười phần hiếu thuận. Mục đích duy nhất của sự hiếu

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

thuận là mong học được tài khéo tuyệt học của thầy. Vị sư phụ ấy nói: “Tuyệt học có một khẩu quyết, nhưng chẳng thể dễ dàng dạy cho con!” Vì thế, đưa học trò vẫn đi theo thầy, chờ mãi đến khi thầy đã già, không được rồi! Cuối cùng, đồ đệ xin thầy: “Ôi trời ơi! Thầy ơi! Thầy chớ nên đem tuyệt học xuống mồ, thầy phải nói cho con biết!” Thầy bảo: “Đúng lúc rồi! Thầy phải nên nói cho con biết”. Sư phụ liền nói: “Trong nghề thợ rèn của chúng ta, có một câu khẩu quyết là sắt nung đỏ chẳng thể dùng tay cầm!” Đây thật sự là khẩu quyết! Chúng ta “*học Phật, duyên Phật*”, “*duyên Phật thành Phật*” cũng là khẩu quyết. Vì sắt nung đỏ, nếu lấy tay cầm, tay sẽ bị thiêu cháy, chẳng thể rèn sắt được nữa! Đây là khẩu quyết thật sự, đừng cho là lời của kẻ ngu si nói ra. Quả thật là kinh nghiệm giáo huấn từ suốt một đời rèn sắt của thợ rèn, là cảm nhận chân thật, rất trí huệ từ sự thể nghiệm mà ra! Vậy thì “*duyên Phật thành Phật*” có phải là rất trí huệ hay không? Các vị Bồ Tát ơi! “*Duyên Phật*” có phải là danh lợi to lớn hay không? Có phải là cúng dường to lớn hay không? Người niệm Phật có phải là đáng nên được hết thầy trời, người cúng dường hay không? Đối với chuyện này, quý vị chớ nên sanh tâm kiêu mạn, vì công đức niệm Phật là do chư Phật Như Lai hỏi thí cho quý vị. Quý vị tiếp nhận cúng dường dù hữu ý hay vô ý, trời, người đều hộ trì quý vị, long thiên đều hộ trì quý vị, hữu tình đều hộ trì quý vị.

Ở đây nói “*vi Nhất Thiết Trí giả*” (là bậc Nhất Thiết Trí). Vì sao? Vứt bỏ hý luận, chỉ phan duyên theo Phật. Trong phẩm Thập Hồi Hương của kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, có một đoạn văn tự chuyên nói về chuyện phan duyên Phật: “*Các vị Bồ Tát và các hữu tình vứt bỏ các hý luận, phan duyên Phật mà thành Phật*”. Nghe danh hiệu của chư Phật, xa lìa hý luận, chân thật thủ hộ; đây là phương tiện trong hết thầy Phật pháp. Kẻ muốn thành Phật thì hãy niệm Phật thành Phật, đó là trực tiếp nhất, chẳng nhờ vào bất cứ phương tiện gì, xa lìa hết thầy ủy khuất! Ở đây chính là thiện xảo tự thọ dụng.

Khi chúng ta hành Ban Châu, niệm Nam-mô A Di Đà Phật nhất quán từ đầu đến cuối, dù đã chứng, hay chưa chứng tam-muội, hoặc sơ phát tâm, hoặc chưa phát tâm, hoặc liễu giải, hay chưa liễu giải, hành giả như thế, đáng nên cúng dường, đáng nên được hết thầy trời, người cúng dường. Quý vị hãy an lòng ăn cơm của quý vị là được rồi! Vì sao? Người niệm Phật thật sự có thể lợi ích rộng khắp hữu tình trong chín pháp giới thuộc mười phương. Do nương vào danh hiệu Phật mà lợi lạc khắp mười phương, không sợ, không hãi. Ở chỗ này, quý vị sợ hãi sẽ vô dụng, giống như một người chẳng thể phát ra điện, nhưng tay bật đèn pin

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

thì sẽ có thể chiếu sáng, có thể phát ra quang minh y hệt! Quý vị chẳng thể nói chính mình không có năng lực, chiếc đèn pin này chẳng thể tự tỏa sáng! Tuy nó chẳng liên can gì với quý vị, nhưng quý vị có thể bật đèn. Chúng ta trì danh hiệu quang minh oai đức của chư Phật, là danh hiệu lợi ích trọn khắp thế gian, là ma-ni bảo hiệu, nhuần thấm hết thầy chúng sanh, là danh hiệu tuôn xuống hết thầy các báu công đức, có thể phát xuất vô tận quang minh phước đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy, người xưng niệm có thể ứng cúng, tiêu hóa được [các phẩm vật cúng dường], đạt được danh và lợi to lớn, thiện xảo to lớn, liền “*ư nhất thiết thế gian ưng thọ cúng dường, đại danh văn cố*” (trong hết thầy thế gian, đáng nên nhận cúng dường và danh tiếng to lớn).

Niệm Nam-mô A Di Đà Phật, quyết định danh rền mười phương, vì lẽ nào? Do pháp hiệu, danh hiệu ấy lưu truyền rộng khắp mười phương, chẳng bị ngăn chướng hay che lấp, thanh tịnh viên mãn. Chúng ta nói một câu tạp ngữ, một lời chẳng tương ứng, hoặc lời tham, sân, si, mạn, nghi, nếu lời ấy truyền khắp mười phương, sẽ rất khó tiêu trừ được. Nhưng chúng ta niệm một câu Nam-mô A Di Đà Phật là danh hiệu vô úy, lưu truyền rộng khắp thế gian không sợ hãi, truyền bá trong bất cứ sát-độ nào cũng chắc chắn là viên mãn, thanh tịnh, lợi ích, tịnh hóa! Chúng ta nói bất cứ câu nào, phát ra cái tâm nào, dù tương ứng, hoặc chẳng tương ứng, dù truyền bá nương theo pháp, hay chẳng nương theo pháp, dù có thể chọn lựa, hay chẳng thể chọn lựa, không gì chẳng phải là viên mãn, rõ ràng, chẳng sợ hãi. Do vậy, người niệm Phật rất khó có. Người niệm Phật rất chẳng thể nghĩ bàn, người hành Ban Châu rất chẳng thể nghĩ bàn!

(Kinh) Vô hà đương đắc vô biên tán thán công đức, vi nhất thiết chúng sanh phước điền cố?

(經)云何當得無邊讚歎功德，爲一切衆生福田故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được tán thán công đức vô biên, là ruộng phước của hết thầy chúng sanh?)

Ở đây, trực tiếp chọn lựa cho chúng ta ngay lập tức tu hành hạnh Ban Châu, Giáo ngôn của Phật Di Đà xưa lẫn nay đều là an lập thanh tịnh. “*Vô biên tán thán công đức*” (Tán thán công đức vô biên), chúng ta biết: Trong tu nhân thuộc về Ngũ Niệm Môn của Tịnh Độ [được nêu ra trong Vãng Sanh Luận], môn tu trì thứ hai là Tán Thán Môn, [tức là] tán

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

dương quang minh và danh hiệu A Di Đà Phật, tán thán đúng như thật. Vì có sao? Khi chúng ta xưng niệm Nam-mô A Di Đà Phật, tức là quang minh chiếu rạng thế gian, chiếu rạng pháp giới, chiếu rạng hết thảy phàm thánh hữu tình, tức hữu tình trong chín pháp giới, chân thật chẳng dối. Do đại quang minh chiếu trọn khắp, cho nên đây thật sự là tán thán công đức của Phật. Một mực xưng niệm, đạt được thiện xảo do công đức tán thán Phật. Vì danh hiệu ấy có lợi ích, có thể nhiếp trọn khắp chín pháp giới trong mười phương đều tiến nhập Vô Thượng Bồ Đề. Đây là chỗ công đức chân thật, mà cũng có nghĩa là quang minh và danh hiệu của A Di Đà Phật trọn đủ vô lượng quang minh, vô lượng thiện xảo, vô lượng công đức và trí huệ. Phàm phu chẳng thể tán thán như thế, phải cậy vào Phật lực và Phật nguyện để thuận theo mà tán thán. Chư Phật Như Lai, Phật và Phật cùng tán thán, phàm phu thuận theo công đức của Phật, nương theo danh tướng để tán thán.

Khi chúng ta xưng tán bảo hiệu công đức thù thắng của A Di Đà Phật, sẽ có thể làm phước điền xuất thế và nhập thế thật sự cho hết thảy chúng sanh. Thường có kẻ nói: “Ôi chao! Phước điền nhập thế tôi không tin! Xuất thế phước điền chắc cũng có cơ hội gặp gỡ”. Chẳng hạn như tôi gặp một vị lão nhân gia, vì người khác nói “niệm Phật có thể phát tài”, khẳng định đây là phước điền nhập thế, ông ta rất tin tưởng. Do vậy, bèn mua một quyển vở, rất nghiêm túc, cứ niệm một câu bèn ghi một vạch. Niệm đến mười vạn tiếng, vạch được mười vạn dấu. Sau khi đã đánh dấu xong, chờ phát tài sẽ xảy ra. Kết quả, chẳng thấy phát tài đưa tới, tìm tôi, hung hăng nói: “Phật pháp gạt người! Ông X... nói niệm Phật có đại phước báo. Tôi niệm mười vạn tiếng, một xu cũng chẳng thấy!” Người ấy có đại phước báo, vì sao? Nói thành thật, quả báo trong đời vị lai sẽ chẳng thể nghĩ bàn! Do nhân duyên vô minh, ông ta niệm mười vạn câu danh hiệu A Di Đà Phật, có công đức thù thắng. Tuy là cầu phước; trong vị lai, phước báo chắc chắn chín muồi. Cho nên nói phước đức và nhân duyên của người ấy trong vị lai sẽ là chẳng thể nghĩ bàn, nhưng hiện thời, Dị Thục Quả chưa thể chín muồi. Tôi rất tán thán ông ta, nói: “Ông tuyệt lắm. Ông đã tích cóp mười vạn đồng khéo lắm, kẻ khác chẳng lấy được! Bỏ trong ngân hàng, có khi còn có thể xảy ra chuyện! Bỏ trong ấy (trong tạng thức), sẽ chẳng lấy ra được. Món của cải ấy đời đời kiếp kiếp đều theo sát ông”.

Các vị thiện tri thức ơi! Quý vị nhất định phải thực hiện. Lời ấy chính là lời nói thành thật về nhân quả, nhân quả chẳng lừa dối. Nhân quả sanh khởi từ trong cái tâm của chính mình. Kẻ nào chỉ hướng tới

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

phát tài, tuy hiện tại chẳng có nhân quả như vậy, nhưng Phật là Đấng Nhất Thiết Trí, là Đấng có đại bi thiện xảo, là Đấng thỏa mãn nhu cầu của hết thảy chúng sanh, đều là Dị Thục Quả sẽ chín muồi đó thôi! Đời này chưa đạt được. Nếu đời này mà đạt được, kẻ đó sẽ trở thành cường đạo. A Di Đà Phật trở thành lưỡi đao của kẻ cường đạo! Đó là chẳng tương ứng với Phật pháp, làm lạc nhân quả. Do đó, trong nhập thế, nhập thế thiện xảo có nhân quả tuần hoàn, có quá trình chín muồi, chẳng phải là nhân quả đồng thời. Thiện xảo xuất thế gian là nhân quả đồng thời, chẳng hạn như nói: “Chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật có thể tiêu trừ phiền não”. Quý vị lập tức nhận biết, có thể tiêu trừ phiền não, chân thật chẳng dối! Nói “*lập tức trọn đủ*”, quý vị có thể lập tức trọn đủ, chân thật chẳng dối! Nói “*ta niệm một câu A Di Đà Phật, trong tương lai, nhất định thành Bồ Đề*”, liền niệm một câu; quý vị hãy an tâm, có bảo đảm, đừng nên sợ hãi. Sợ hãi chỉ là vì quý vị có lo ngại. Nhân quả ấy nhất định chín muồi, như chúng tử kim cang Bồ Đề, vĩnh viễn chẳng bị tan hoại!

“*Vi nhất thiết chúng sanh phước điền cố*” (Làm ruộng phước cho hết thảy chúng sanh): “*Hết thảy chúng sanh*” bao gồm thánh đạo chúng sanh, thiện đạo chúng sanh, và ác đạo chúng sanh. Một câu Phật hiệu đối với họ đều là phước điền. Trong hành trì Ban Châu, chúng ta trọn đủ thiện xảo như vậy. Tôi còn chưa từng nghe nói có ai hành Ban Châu mà bị tổn hại, kẻ hối hận [bỏ cuộc] thì có, nhưng kẻ chịu thua thiệt [do hành trì Ban Châu] thì chẳng có; vì đó là phước điền của xuất thế và nhập thế. Vì sao có kẻ sau đó hối hận? Có kẻ đâm ra hối hận vì đi rết đau chân, đau lưng, [bèn nghĩ ngợi] “*hãy nên nghỉ sớm hơn một chút cho rồi!*” Người như thế trong vạn người chẳng có một. Phần lớn mọi người đều sanh khởi ý tưởng phước điền, sanh ý lạc tướng, có ý tưởng mong tiếp tục hành trì. Tôi đã gặp rất nhiều người chưa học Phật sau khi hành Ban Châu, quả thật đã rất nhanh chóng học Phật, thật sự thâm nhập Phật pháp! Đã tu hành hay không, rốt ráo đều thành tựu, nhưng điều then chốt là phải dẫn mình tu tập. Có kẻ vận dụng tri kiến chẳng tốt đẹp, như lão nhân gia [niệm Phật cầu phát tài] tôi vừa mới nêu. Ông ta chẳng đạt được lợi ích trong hiện tại, sanh khởi các phiền não. Nếu ông ta biết đạo lý này, thiện xảo và lợi ích tất nhiên sẽ hiện tiền.

(Kinh) Vân hà đương đắc đại hoan hỷ, dũng được vô lượng, thường tại chư Như Lai sư tử tòa hạ cố?

(經)云何當得大歡喜，踊躍無量，常在諸如來獅子座

下故？

(*Kinh*: Như thế nào thì sẽ được vô lượng hoan hỷ, hơn hờ to lớn, do thường ở dưới tòa sư tử của Như Lai?)

“*Hoan hỷ dững dưng*” (Vui mừng, hơn hờ): Mừng rỡ tràn ngập trong tâm. Chắc là các Bồ Tát có thể hành pháp Ban Châu đều nhận biết loại cảm thọ này. Tuy cảm thọ là vô thường, thay đổi, nhưng dẫu sao nó mang đến cho người ta sự hoan hỷ, mang lại niềm vui sướng chẳng thể nghĩ bàn, mang lại niềm vui sướng chẳng thể thay thế được, mang đến niềm vui sướng tăng thượng. “*Dững dưng vô lượng*” (Hơn hờ vô lượng): Hành Ban Châu đích xác là có thể khiến cho chúng ta buông xuống gánh nặng từ vô thủy tới nay, đích xác là có lợi ích như thế đó.

“*Thường tại chư Như Lai sư tử tòa hạ*” (Thường ở dưới tòa sư tử của các đức Như Lai): Nếu là chứng đắc Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền Lập tam-muội, đó sẽ là nói như thật. Nếu chưa chứng đắc, đấy cũng là nói như thật. Thực tế là hết thấy chư Phật chưa hề lìa bỏ bọn chúng ta, thường chiếu rạng chúng ta, nhiếp thọ chúng ta trọn khắp. Vì sao chúng ta chẳng thể thấy nghe? Chính là vì tham, sân, si, mạn, nghi che lấp tự tâm, che lấp nhục nhãn của chính mình, che lấp thiên nhãn của chính mình, che lấp pháp nhãn của chính mình, che lấp Phật nhãn của chính mình, cho nên chỉ thấy tham, sân, si, mạn, nghi trước mắt, bị chiếc lá che mắt.

Nói theo pháp ích, “*chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai*” (các tướng chẳng phải là tướng, liền thấy Như Lai), trông thấy Pháp Thân Như Lai chẳng thể nghĩ bàn! Quý vị nói xem, ta muốn thấy Báo Thân của Như Lai, Ứng Hóa Thân của Như Lai, thấy tướng quang minh, thấy sắc thân trọn đủ của Như Lai, có được hay không? Pháp Ban Châu giải quyết vấn đề ấy. Công đức rất sâu của kinh Ban Châu Tam Muội là ở ngay chỗ này, khác biệt với các kinh điển khác cũng ở ngay chỗ này. Rất ít kinh điển đề ra pháp tắc như thế, khiến cho hữu tình thấy trong hiện tiền, thấy trong Định, thấy trong mộng, thấy rớt ráo trong vị lai, đủ loại trông thấy, nhất định thấy Phật. Công đức ấy rộng lớn trọn khắp, chân thật chẳng dối.

Trong Thiện Đạo Đại Sư Toàn Tập, có một câu chuyện như thế này: Thuở đức Phật tại thế, có tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni nghiệp duyên sâu

nặng, có ưu-bà-tắc, ưu-bà-di nghiệp duyên sâu nặng, có những kẻ phá giới, phạm giới nghiệp duyên sâu nặng, khi họ thấy đức Thế Tôn, có người thấy Ngài là một vị tỳ-kheo cao năm thước, mặt vàng, có người thấy hình dạng Ngài như than đen, nhưng A La Hán thấy đức Thế Tôn là kim thân cao trượng sáu, chư đại Bồ Tát thấy Phật là thân vi tế diệu sắc cao ngàn trượng, Pháp Thân đại sĩ có thể thấy thân Phật thù thắng trang nghiêm vô biên quang. Chúng ta thấy thân gì?

(Kinh) Vân hà đương đắc thắng thượng biện tài, năng vấn nhất thiết Phật pháp cố?

(經)云何當得勝上辯才，能問一切佛法故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được biện tài thù thắng bậc thượng, có thể hỏi hết thấy Phật pháp?)

“Thắng thượng biện tài”: Nếu hành pháp có thể thâm nhập, thì sẽ có ý nghĩa. Nếu hành pháp chẳng thể thâm nhập, chỉ là nói suông, cũng dẫn đến phiền toái. Chúng ta vốn là người đất Hán, có thể nói là “hiếu đạo”. Cho nên biện tài rất khéo, có thể phá trừ nghi hoặc cho người khác, thì là thiện xảo. Nếu tăng thêm tri kiến [chấp trước] cho người khác, sẽ là làm lỗi. Nếu có thể tăng thêm chánh tri kiến cho người khác, thì là thiện xảo. Nếu tăng thêm vốn liếng cho người ta tranh cãi thì sẽ là làm lỗi. Nếu chúng ta khéo biện định, nhận biết, sẽ “năng vấn nhất thiết Phật pháp” (có thể hỏi hết thấy Phật pháp). Trong hành trì Ban Châu, người tâm căn nhạy bén, thân căn nhạy bén, nhận biết nhạy bén, cho nên có thể hỏi rất nhiều câu nhạy bén. Đương nhiên hành Ban Châu thì vẫn thật sự mong mỗi mọi người hành nhiều, nói ít!

(Kinh) Vân hà đương đắc ý bất khiếp nọa biện tài, ư nhất thiết đại chúng trung vô bố úy cố?

(經)云何當得意不怯懦辯才，於一切大眾中無怖畏故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được biện tài, ý chẳng hèn nhất, ở trong hết thấy đại chúng chẳng sợ hãi?)

Chẳng hạn như giảng pháp ở đây, sợ hãi là không được, hèn nhất cũng chẳng được, vì có người sẽ chất vấn [những điều pháp sư hay giảng

sur vừa nói]. Nếu đối với pháp mà có chướng ngại, chẳng thể tiếp tục duy trì, điều họ chất vấn sẽ trở thành sự thật, quý vị sẽ sợ hãi. Như thế nào thì chúng ta mới có thể ở trong đại chúng biện tài chẳng sợ hãi, khiến cho chúng sanh trừ nghi hoặc, chẳng sợ hãi, trao đổi Phật pháp chẳng sợ hãi? Hành Ban Châu là phương pháp tốt nhất, trực tiếp nhất.

(Kinh) Vân hà đương đắc nhất thiết luận nghị biện, như sư tử vương, hàng phục nhất thiết ngoại đạo, nhiếp thọ chư đệ luận sư cố?

(經)云何當得一切論議辯，如獅子王，降伏一切外道，攝受諸異論師故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được hết thảy luận nghị biện tài như sư tử chúa, hàng phục hết thảy ngoại đạo, nhiếp thọ các đệ luận sư?)

Đây là đề cao hành pháp Ban Châu đến tột cùng trong pháp môn Tịnh Độ. Sau khi đã kinh hành Ban Châu một khoảng thời gian, khi tâm trí thanh lương, cùng người khác biện luận, sẽ chẳng có chướng ngại. Trừ phi nêu ra tri kiến của chính mình, chứ nếu bàn về tri kiến của chư Phật, sẽ chẳng chướng ngại tí nào! “*Đắc nhất thiết luận nghị biện, như sư tử vương, hàng phục nhất thiết ngoại đạo, nhiếp thọ chư đệ luận sư cố*” (Đạt được hết thảy luận nghị biện tài như sư tử chúa hàng phục hết thảy ngoại đạo, nhiếp thọ các đệ luận sư): “*Đệ luận sư*” có thể rất nhiều, đối với sự nhận thức về nội giáo và ngoại giáo, chúng ta đều có thể biết. “*Biện*” ở đây chẳng phải là phi báng pháp ấy, mà là nhiếp thọ loài hữu tình ấy, khiến cho họ tin phục pháp tắc.

Trước kia, Thiện Đạo đại sư thường đến tự viện của Tam Giai Giáo⁴⁰ để biện luận, vì giáo lý của Tam Giai Giáo phản đối niệm Phật.

⁴⁰ Tam Giai Giáo (三階教) còn gọi là Tam Giai Tông, Đệ Tam Giai Tông, hay Tam Giai Phật Pháp, do nhà sư Pháp Tạng Tín Hạnh sáng lập từ đời Bắc Tề. Tới thời Tùy - Đường, do triều đình coi chủ thuyết này là dị đoan, nên cấm chỉ hoạt động. Sư Tín Hạnh cho rằng Phật pháp có ba thời (Chánh, Tượng, Mạt), cho nên căn cơ của chúng sanh bất đồng. Từ đó, đề ra ba khái niệm thời, xứ, nhân. Thời tức là ba thời của Phật pháp (Chánh, Tượng, Mạt), Xứ thì thế gian được chia làm ba giới, tức tịnh giới là nơi thánh nhân cư ngụ, hai giới còn lại là uế giới, gồm chỗ Tăng nhân cư ngụ và tục nhân cư ngụ. Nhân thì chia thành ba bậc: Trì giới trì kiến (giữ đúng chánh kiến), trì giới phá kiến, phá giới phá kiến. Sư chủ trương tu nhẫn nhục khổ hạnh, mỗi ngày chỉ ăn một bữa. Lại phỏng theo hạnh của Thường Bất Khinh Bồ Tát, gặp ai cũng lễ bái, tán thán, gọi đó là Phổ Kính (kính trọng trọn khắp). Sư kiệt lực đề xướng bố thí, chét ròi cứ quẳng xác vào rừng hoang, chẳng cần phải ma chay làm chi. Sư lại chủ trương

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Tam Giai Giáo rất hưng thịnh vào đời Tùy - Đường, nó yêu cầu chịu khổ, có những yêu cầu riêng biệt như mặc xiêm không dài quá đầu gối, không ăn hơn một bữa v.v... Về sau, bị quốc gia ngăn cấm, nhưng giáo nghĩa của họ rất kiên cố, ảnh hưởng kéo dài cho đến hiện thời. Chẳng thể nói Tam Giai Giáo là tốt hay xấu, chỉ có thể nói là một thứ giáo nghĩa. Giáo nghĩa ấy được truyền bá sớm nhất tại chùa Bạch Tháp ở Tây An (Trường An), cực thịnh một thời, cũng có oai đức rất lớn, nhưng họ phản đối niệm Phật, Thiện Đạo đại sư phải đến biện luận. Khi Thiện Đạo đại sư biện luận cùng kẻ khác, miệng phóng quang minh, chúng ta nhả ra thứ gì? Chẳng phun ra lời thô ác là được rồi! Chẳng phun lời trái pháp, chẳng tổn thương người khác là đã rất tốt rồi! Vì sao Thiện Đạo đại sư có vô ngại biện tài như vậy? Do Ngài niệm Phật! Sách sử đã ghi chép rất nhiều về Thiện Đạo đại sư. Ngài không chỉ hành Ban Châu, mà còn trong lúc bình thường, hễ đến chánh điện, bèn quỳ trước Phật, chấp tay, niệm đến tâm kiệt lực suy mới chịu nghỉ ngơi. Bọn hậu nhân chúng ta làm sao sánh bằng Ngài cho được? Ngài là bậc đã chứng tam-muội, mà còn hành xử như thế, còn chúng ta lìa tam-muội quá xa. Nếu chẳng có cái tâm hướng vọng, tôn trọng, lại còn có cái tâm chẳng tinh tấn, cái tâm khen ngợi điều tốt lành, lại còn nói thị phi, lãng phí thời gian, sẽ lìa Phật pháp quá xa!

Hiện thời, các dị luận sư đang phá diệt Tịnh Độ. Người thủ hộ giáo ngôn Tịnh Độ lại phá diệt các pháp tắc khác. Phá diệt lẫn nhau càng nhiều hơn, lợi ích lẫn nhau thật sự ít ỏi! Trên thực tế, chúng ta hãy nên làm cho đối phương tin phục chân thật, ban cho lợi ích chân thật rõ ràng, đừng khiến cho kẻ khác nghi hoặc, điên đảo, đó là chẳng tương ứng. Thật sự khiến cho người khác đạt được sự chọn lựa chân thật trong Phật pháp, thành tựu Vô Thượng Bồ Đề ngay trong một đời, không nghi ngờ, chẳng lo lắng. Đó là thật sự có ý nghĩa!

(Kinh) Vân hà đương đắc bất hoại bốn thế trang nghiêm, dục thôi nhất thiết tà dị bằng đẳng cố?

(經)云何當得不壞本誓莊嚴，欲催一切邪異朋黨故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được bốn thế trang nghiêm bất hoại, muốn dẹp tan bè lũ tà dị?)

ai nấy đều có Như Lai Tạng tánh, cực lực phản đối Niệm Phật tam-muội, chủ trương chỉ niệm Địa Tạng Bồ Tát. Điều bị công kích nhất là những người theo thuyết của sư Tín Hạnh chẳng tôn trọng hình tượng Phật, coi đó là gỗ, đá, bùn, đất mà thôi.

“*Bất hoại bốn thế trang nghiêm*”: Lành thay! Điều này quá trọng yếu! Các cư sĩ và pháp sư xuất gia đàm luận về pháp tắc, nhiều người có ý muốn thay đổi, tôi rất đau lòng. Đau gì vậy? Vì chẳng có thế nguyện, chẳng có tín ngưỡng, chẳng có trang nghiêm, thường xuyên là trạng thái “*sanh non*”, cũng có nghĩa là chuyện vừa sắp hình thành, nó đã bị phá hoại!

Ngày hôm qua, từ rất sớm, một vị cư sĩ gọi điện thoại tới, nói ông ta chẳng tu Tịnh Độ nữa, muốn tu Mật Tông. Tôi nói: “Được chứ! Chỉ là ông không có tín ngưỡng. Tu Mật cũng chẳng có gì là không đúng! Nhưng trong quá khứ, ông đã siêng khổ tu tập pháp tắc này, vì sao lại phản bội thế nguyện của chính mình?” Ông ta nói: “Con chẳng phản bội thế nguyện, chỉ là do Tịnh Độ chẳng có lợi ích!” Tôi nói: “Ông chớ nên phủ định pháp tắc! Chỉ vì ông chẳng tu tập thâm nhập, cho nên Tịnh Độ như ông đã nhận định chẳng phải là Tịnh Độ!”

Thế nguyện mười phần trọng yếu! Nó có thể khiến cho tín ngưỡng kiên cố, hành pháp kiên cố, đạo đức và thiện xảo được nhanh chóng chín muồi. Hiện thời, người học pháp lung lay quá mức! Cứ dựa theo tình tự, cảm giác, [so đo] được mất, dựa theo sự đánh giá của người khác đối với chính mình, nương theo “*gió thổi, cỏ động*” để tu tập pháp, kết quả là chẳng thể thâm nhập một môn, chẳng thể thật sự “*dầu trăm điều thử thách, vẫn hành trì chẳng bị nhiễu loạn*”, chẳng thể thủ hộ một pháp tắc từ đầu đến cuối, trước sau vẹn toàn hoàn thành thủ hộ và truyền bá một giáo nghĩa. Do vậy, chẳng thể trang nghiêm công đức, mà cũng chẳng đạt được lợi ích chân thật.

Vừa nghe nói người khác tán thán, hay hủy báng ta, nói tốt, nói xấu, nói hành pháp này đúng hay sai, bèn dao động. Phần lớn các vị Bồ Tát ấy chẳng thủ hộ thế nguyện, tâm trí chẳng có tín ngưỡng, phần nhiều dựa theo tình tự của chính mình, cảm nhận hư vọng tự nảy sanh, tự hư vọng phan duyên, nổi khổ ấy cũng chẳng có bờ bến! Vì luôn có đôi chút tương tự thành tựu bèn phá hoại, không ngừng nắm nín những thứ cao, lớn, mạnh mẽ, chẳng biết chọn lựa tâm trí thanh tịnh, chân thật, bình đẳng. Hiện thời, rất nhiều vị ác tri thức thuộc Tạng truyền Phật giáo có ác ý truyền bá những thứ kỳ quái tại đất Hán để mê hoặc hữu tình. Tôi đã nói chuyện với rất nhiều vị lạt-ma, cái được gọi là “*ác ý*” chính là dùng các thứ quái dị để mê hoặc, rối loạn thế gian, hồng chuốc danh lợi, chẳng phải là cái tâm lợi ích thế gian, rất có tội ác. Bọn họ đã phá hoại toàn thể cơ chế của Tạng truyền Phật giáo để đổi lấy một chút lợi ích hư

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

giả trong hiện tiền cho chính mình. Chuyện này khiến cho người khác đau lòng. Những kẻ đó, miệng toàn rêu rao “pháp của ta vĩ đại cỡ nào, lạ-ma của ta vĩ đại cỡ nào”. Thật ra là cần người khác cúng dường, cần quyền thuộc, cần danh lợi, chẳng phải là tạo lợi ích chân thật cho người khác, tịnh hóa lòng người, cho nên làm nhiều chuyện lừa dối, si nhục! Đó là một mặt đen tối của Tạng truyền Phật giáo, là một phương diện chẳng đúng pháp, chẳng phải là nội dung chân thật của Tạng truyền Phật giáo, lại giống như nước lũ nhấn chìm thiện căn của rất nhiều người, rất tội tệ!

Do vậy, chúng ta học tập Phật pháp, nếu đi theo con đường chẳng chuẩn xác, nhận thức chẳng rõ ràng, sẽ không ngừng quẩn quanh trên đường. Tôi quen biết một vị Bồ Tát sống ở đất Tây Tạng mười một năm, cuối cùng chẳng ở đó nữa. Tôi hỏi lý do, ông ta nói: “Các vị lạ-ma ở đất Tạng tôi đã đều từng bái kiến, tôi mười phần kính ngưỡng, nhưng chẳng có pháp nào để có thể thật sự tu được!” Vì sao? Càng ngày càng cảm thấy chính mình có tâm so đo, tâm phân biệt, vọng tâm nặng nề. Ông ta thật sự đã lừa mình, hoàn toàn chẳng phải là khuyết điểm của Tạng truyền Phật giáo! Nếu là người thật sự hoằng pháp, họ đều nói pháp ấy (pháp họ đang hoằng truyền) là “to lớn” để cổ vũ, khích lệ, ban cho quý vị một con đường để rốt cuộc đạt đến thiện xảo; nhưng nếu vì cướp đoạt cách tu theo pháp hệ của người khác mà nói như thế, sẽ là phá pháp, chẳng tương ứng. Bọn họ cũng có giới luật không cho phép làm như vậy, cũng có nghĩa cơ chế của mỗi pháp hệ đều có sự thủ hộ, yêu thương và trang trọng của chính mình.

“*Bốn thế trang nghiêm*” rất quan trọng. Cả một đời này, chúng ta học Phật, niệm Phật, hành Ban Châu, nếu chẳng có thế nguyện, kể cả thế nguyện tùy thuận Phật, hoặc kiến lập thế nguyện của chính mình, chắc chắn là quý vị khó thể thành tựu. Chẳng hạn như nói “*nguyện vãng sanh*” cũng là một thế nguyện. “*Nguyện hết thấy chúng sanh đều vãng sanh*” là nguyện giống như nguyện của Phật. Nói chung, quý vị phải có thế nguyện. Nếu chẳng có thế nguyện, quý vị mong dẹp tan, chế phục bè đảng tà dị, sẽ tuyệt đối chẳng thể được! Đối phương tùy tiện lôi kéo, sẽ lôi quý vị theo. Tôi cũng thường gặp những kẻ tới lôi kéo đoàn đội của tôi: “Hãy đến chỗ chúng tôi, thượng sư của tôi tuyệt vời lắm, là vị Phật lớn nhất sẽ quán đánh cho quý vị”. Tôi nói: “Vị Phật lớn nhất tôi chưa từng thấy. Tôi học tập vị Phật bình đẳng nhất. Quý vị tu theo vị Phật lớn nhất của quý vị là được rồi, vì sao còn bàn đến chuyện này?” Do ảnh hưởng của Tạng truyền Phật giáo, tại đất Hán cũng xuất hiện rất nhiều

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

nhân duyên chẳng tương ứng. Chúng ta không thể nói sự truyền giáo ấy là nguy hiểm. Tạng truyền Phật giáo có rất nhiều điểm tốt lành, rất nhiều cơ chế rất thuận tiện, Hán truyền Phật giáo cũng như thế. Nam truyền Phật giáo cũng như thế, nhưng đồng thời [trong mỗi truyền thống] cũng có bùn nhơ, nước đục [xen tạp vào]!

Chúng ta biện định, nhận biết như thế nào? Quý vị nhất định phải lập một thệ nguyện. Trong hành trì Ban Châu, thệ nguyện mười phần trọng yếu, hành pháp như vậy thì mới có thể thành thực. Chẳng có thệ nguyện, sẽ chẳng thể thực hiện được! Làm gì cũng đều cần có thệ nguyện. Bài văn phát nguyện chính là muốn cho chúng ta hiểu rõ thệ nguyện của chính mình, thủ hộ sự trang nghiêm của chính mình. Sự trang nghiêm ấy chẳng phải là so đo thành hay bại, chẳng phải là so đo được hay mất, chẳng phải là so đo thánh hay phàm, chẳng phải là so đo thời gian dài hay ngắn, mà là gì? Quý vị có thệ nguyện hay không? Quý vị có nương theo thệ nguyện mà hành hay không? Điều này mười phần trọng yếu! Nếu chẳng chuyển được chỗ này, chúng ta sẽ so đo cao, thấp, nói lớn, nhỏ, nắm níu ưu, khuyết, so đo phàm, thánh, như thế là chẳng khéo hành trì pháp môn Tịnh Độ, sẽ chẳng thể thành tựu, chỉ biết có tướng quái dị! Do đó, nay chúng ta hành Ban Châu, chẳng phải vì kết bè kéo đảng, mà vì thành tựu Bồ Đề, vì tiêu trừ ngờ lo!

Rất nhiều người đã hành Ban Châu, lại đi học Tạng truyền Phật giáo. Tôi cũng cổ vũ họ học, nhưng có một điều: Bất luận Tạng truyền Phật giáo cũng thế, hay học bất luận truyền thống Phật giáo nào cũng thế, quý vị phát nguyện gì? Quý vị đừng nên dùng cái tâm ngạo nghễ để học là được rồi, đừng nên dùng cái tâm so đo lớn nhỏ để học, càng chớ nên dùng cái tâm thích chuyện quái lạ để học, [nếu dùng những cái tâm như thế để học] sẽ nảy sanh chuyện lớn! Rất nhiều kẻ dùng chuyện quái lạ để kéo bè kết đảng, đó là lỗi lầm rất lớn. Hiện thời, rất nhiều vị Kham Bồ⁴¹ tại các nơi như Ngũ Minh Phật Học Viện⁴² v.v... quan sát các nhân

⁴¹ Kham Bồ (Khenpo) có nghĩa là tiến sĩ Phật học. Đây là danh xưng để dịch từ ngữ Upādhyāya (hòa thượng). Nhưng để đạt được danh hiệu này, vị tăng sĩ xuất gia ấy phải hoàn tất một chương trình giáo dục đặc biệt (tối thiểu là mười ba năm) tại các học viện nổi tiếng của Tây Tạng. Danh hiệu này chỉ được công nhận khi vị Tăng ấy đã được các vị giáo thọ nổi tiếng chứng nhận đã thông đạt năm môn Bát Nhã, Trung Quán, Hiện Lượng, A Tỳ Đạt Ma, và Luật Tạng.

⁴² Ngũ Minh Phật Học Viện (Serta Larung Ngarik Nangten Loping) là một Phật học viện của phái Nyingmapa (Cổ Mật) tại huyện Serta (Sắc Đạt) thuộc khu tự trị Garze (Cam Tư), tỉnh Tứ Xuyên, do Kham Bồ Tấn Mỹ Bành Thổ (Khenpo Jigme

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

duyên ấy, bền thực hiện rất nhiều công tác chủ động tích cực. Chẳng hạn như học tập [Bồ Đề Đạo Thứ Đệ] Quảng Luận, mọi người tự chủ động học tập, thảo luận, học tập chánh kiến, chẳng nương theo chuyện thần quái. Cho nên tôi cảm thấy dần dần sẽ có những thứ tốt đẹp du nhập đất Hán, nhưng rất nhiều nơi vẫn rất hỗn loạn, rất nhiều kẻ gây tổn hại cái tâm. Không ít kẻ truyền pháp ở đất Tạng, hề thấy người khác bèn nói: “Người hãy làm đồ đệ của ta”. Trong ấy, tồn tại một vấn đề: Nếu thật sự là bậc thành tựu, người ấy đúng là một vị đại từ bi lỗi lạc. Nhưng nếu vì tiếng tăm, lợi dưỡng, chỉ có thể nói quý vị có nhiều bầu bạn luân hồi mà thôi! Giáo ngôn của Hán truyền Phật giáo là “*y pháp, bất y nhân*”, còn Tạng truyền Phật giáo là “*y pháp, y nhân*”. Họ dạy trước hết là y nhân, sau đó y pháp, cho nên còn có các điểm mù mờ, đôi lạp ở chỗ này!

(Kinh) Vân hà đương đắc thiện xảo thuyết pháp, thường xử sự tử tòa, nhất thiết chư Phật ấn khả cố?

(經)云何當得善巧說法，常處獅子座，一切諸佛印可故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được thiện xảo thuyết pháp, thường ở trên tòa sư tử, được hết thầy chư Phật ấn khả?)

Như thế nào để thuyết pháp thiện xảo, như thế nào sẽ khiến cho hữu tình trong thế gian tâm khai ý giải, thường ngự trên tòa sư tử, dùng Phật ngữ để truyền bá Phật ngữ, dùng Phật tâm để truyền bá Phật tâm, dùng Phật giáo để truyền bá Phật giáo, dùng công đức của Phật để truyền bá công đức của Phật, chẳng tăng giảm Phật pháp, thủ hộ như thế nào? Đây thật sự là nguyện vọng của chúng ta. Hết thầy kẻ giảng pháp, nghe pháp chúng ta đều phải nên thủ hộ, đều phải nên xem xét kỹ càng nguyện vọng ấy!

(Kinh) Vân hà đương đắc viễn ly nhất thiết thế gian vô nghĩa ngữ ngôn, dĩ thông đạt nhất thiết chánh giáo cố?

Phuntsok) sáng lập vào năm 1980 với mục đích đào tạo Tăng tài để phục hồi Phật giáo Tây Tạng đã bị tổn thương nguyên khí nặng nề bởi cách mạng văn hóa và những cuộc thanh trừng, đàn áp của chính quyền Hoa Lục.

(經)云何當得遠離一切世間無義語言，以通達一切正

教故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được xa lìa hết thảy ngôn ngữ vô nghĩa của thế gian, do thông đạt hết thảy chánh giáo?)

Nói theo phía phàm phu hữu tình tu hành Phật pháp, xa lìa ngôn ngữ vô nghĩa của thế gian mười phần quan trọng! Nay chúng ta không nghe lời ác rất khó, chẳng nghe lời điên đảo, lời hắc ám, lời nặng nề, lời phiền não càng khó hơn nữa! “Vô nghĩa ngữ” là gì vậy? Chẳng hạn như là hý luận chẳng tương ứng, khi pháp sư giảng kinh trao đổi Phật pháp sợ nhất là như thế. Tuy nói lời tương tự, nhưng là thuyết pháp vô ích, chẳng thể lợi ích hữu tình.

Trong niệm Phật, khi lập một niệm, đoạn các tướng, “*Nam-mô A Di Đà Phật*”, tự nhiên sẽ phá tan lời lẽ vô nghĩa. Trong khi kinh hành, chúng ta chẳng có lời lẽ vô nghĩa gì, có lẽ là trong tâm điên đảo, nhưng khi niệm A Di Đà Phật, tự nhiên sẽ xa lìa khẩu nghiệp. Do vậy, câu hỏi đặt ra ở đây đã thật sự tương ứng. “*Viễn ly nhất thiết thế gian vô nghĩa ngữ ngôn, dĩ thông đạt nhất thiết chánh giáo cố*” (Xa lìa hết thảy ngôn ngữ vô nghĩa của thế gian, do thông đạt hết thảy chánh giáo): Chúng ta thường muốn nói lời có nghĩa lý, lời như pháp, lời từ ái, lời thiện xảo, lời tăng thượng, đối với hết thảy chúng sanh nói lời chọn lựa, lời tiêu trừ nghi hoặc cho chúng sanh, như thế thì là “*có ý nghĩa*”. Đừng nên nói lời chẳng chứa đựng thiện ý, lời hướng dẫn con người tiến nhập khổ nạn. Đó là tạo ác. Hành pháp Ban Châu, trực tiếp tránh né vấn đề này! Trong một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, chúng ta không được phép nói năng, nhiều nhất cũng chỉ là trao đổi bằng văn tự. Như vậy thì trong vị lai, khẩu nghiệp tự nhiên được thuần thiện, mà người thật sự niệm Phật một thời gian, ác khẩu tự nhiên sẽ ít đi.

(Kinh) Vân hà đương đắc thâm ái nhất thiết chư Phật pháp, ư chư Như Lai sanh xứ hành cố?

(經)云何當得深愛一切諸佛法，於諸如來生處行故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được yêu mến sâu xa hết thảy các Phật pháp, sẽ đi nơi chỗ sanh của các Như Lai?)

“*Thâm ái nhất thiết chư Phật pháp*” (Yêu mến sâu xa hết thấy các Phật pháp): Trong kinh điển có ghi chép, một vị Bồ Tát nói thế gian này có đủ loại thuốc, một vị Bồ Tát khác nói: “Ông hãy đến thế gian tìm một thứ gì đó chẳng phải là thuốc”. Vị Bồ Tát ấy bèn tìm tới, tìm lui, tìm trọn khắp, kết quả chẳng tìm được vật nào không phải là thuốc. Ở trong thế gian này, nếu chúng ta dùng tâm trí giác ngộ, tâm trí thanh tịnh để quan sát, [sẽ thấy] vạn sự, vạn vật, không gì chẳng phải là Phật. Quý vị sẽ yêu thích sâu xa hết thấy Phật pháp, yêu thương, bảo vệ hết thấy hữu tình trong thế gian, lợi ích hữu tình trong thế gian.

“*Ư chư Như Lai sanh xứ hành cố*” (Đi nơi chỗ sanh của các đức Như Lai): Sanh vào nhà Như Lai, làm bè bạn của các đức Như Lai. Người niệm Phật là hoa Phân Đà Lợi (Punḍarīka, hoa sen trắng) trong loài người, sanh trong nhà Như Lai, chuyên diệu pháp luân, làm bạn lữ với Quán Âm, Thế Chí. Đây là một quả báo riêng biệt của người niệm Phật, những người hành trì các pháp môn đơn giản khác sẽ rất khó có tổng trì thiện xảo như vậy.

(Kinh) Vân hà đương đắc nhạo dục chân pháp, tri chư Như Lai bất sanh cố?

(經)云何當得樂欲真法，知諸如來不生故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được ưa muốn chân pháp, biết các đức Như Lai bất sanh?)

Chư Phật Như Lai quả thật chẳng có thành hay chẳng thành. Vì thế, các Ngài chuyên tịnh diệu pháp luân, rộng độ hữu tình. Hữu tình do căn cơ khác biệt, mà có sanh, có diệt, có kiến lập. “*Đương đắc nhạo dục chân pháp*” (Sẽ đạt được ưa muốn chân pháp): Chử Chân này [hàm nghĩa] “có lợi ích thực tế”, ban cho chúng sanh công đức chân thật. Nếu chúng ta dùng cái tâm siểm khúc, tâm hư giả để trao đổi, sẽ khó thể ban công đức chân thật cho người khác, sẽ chẳng thể thật sự vui thích Phật pháp.

(Kinh) Vân hà đương đắc bất giải mạn, thiện thừa sự tri thức cố?

(經)云何當得不解慢，善承事知識故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ chẳng giải đãi, kính mạn, khéo thừa sự tri thức?)

“*Bất giải mạn*” (Chẳng giải đãi, kiêu mạn) là một lời dạy rất quan trọng. Hiện thời, người học Phật chúng ta cực dễ sanh khởi tâm kiêu mạn. Hễ đạt được một chút lợi ích, liền coi thường thiên hạ, coi thường sư trưởng, coi thường hữu tình; đây là một lỗi lầm lớn nhất. Phật pháp tu trong cung kính, hành trong cung kính, thành tựu trong cung kính. Sự cung kính ấy thật sự là thiện xảo để xa lìa giải đãi, kiêu mạn. “*Cung kính*” là coi hết thầy chúng sanh đều là thiện tri thức, xa lìa kiêu căng, ngạo mạn, nhưng kiêu căng là vì tự cho mình là thiện tri thức, người khác đều nên hướng theo ta học tập. Người như vậy rất khổ, khổ chẳng có bờ bến, rất dễ dàng chán chường, mệt ngán, rất dễ nảy sanh trần lao, rất dễ chịu khổ báo!

“*Bất giải mạn*” (Chẳng giải đãi, kiêu mạn), điều chủ yếu nhất là “*thiện thừa sự tri thức*” (khéo thừa sự thiện tri thức). Tôi gặp gỡ không chỉ một hai vị được mọi người công nhận là có thành tựu, trong khi cùng nhau trao đổi, qua lại, họ sốt sắng phục vụ tôi một số việc, hoặc nói là “*thừa sự*”. Chẳng hạn như khi các lạ-ma thừa sự tôi, tôi rất cảm động. Chẳng phải là cảm động vì họ làm gì, mà do nhìn từ pháp tắc, họ đã tiêu trừ sự kiêu mạn của chính mình. Tôi cũng gặp các vị sư phụ xuất gia thuộc Nam truyền, chẳng hạn như nói “tôi y chỉ sư trưởng”, họ thừa sự ngược lại, dùng Tăng pháp, hoặc đối đãi với quý vị giống hệt như họ là thị giả của quý vị. Khi đó chỉ khiến cho người ta có một loại cảm nhận, cảm nhận gì vậy? Chúng ta được tiếp nhận giáo huấn thanh tịnh. Giáo huấn gì vậy? Xa lìa kiêu mạn và giải đãi!

Những người ở đất Hán chúng ta, hễ tu được đôi chút pháp, tâm ngạo mạn nảy sanh tràn trề, coi thường người khác, coi rẻ sư trưởng, coi rẻ pháp tắc, nảy sanh nhiều sự siểm khúc. Tôi đã gặp chuyện như thế này: Một vị cư sĩ tiếp xúc tôi vài ngày. Ngày đầu tiên bèn đánh lễ trịnh trọng, dập đầu xuống đất côm cốp. Tôi nói: “Bồ Tát! Xin hãy khoan đã, có gì hãy thông thả nói!” Ông ta thưa: “Sư phụ ời! Con ở nơi rất xa được nghe đại danh của thầy”. Tới ngày thứ hai, chẳng còn dập đầu lễ nữa, nói: “Sư phụ! Tôi ngồi được chứ?” Tôi nói: “Cứ ngồi!” Tới ngày thứ ba, nói: “Pháp sư! Kể như tôi quen biết thầy”. Tôi đáp: “Chắc chắn là quen biết! Vì tai nghe chẳng bằng mắt thấy mà!” Chuyện như vậy đâm ra rất có phổ biến! Chung quanh tôi thường có pháp sư như vậy, theo quý vị học tập đôi chút, thoạt đầu, rất tôn trọng, do vì có pháp để có thể học, nhưng dần dần cảm thấy quý vị có đáng kể chi đâu? Vừa yếu đuối, vừa lảm bẻm, phiền não lại to ngằn ấy: Hôm nay nổi nóng, ngày mai chửi

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

người khác. Dẫu đánh lễ, vẫn chẳng có cách nào, cái tâm siểm khúc, chẳng phải là cung kính!

Cung kính là gì? Sư trưởng thì vĩnh viễn là sư trưởng. Gì là sư trưởng? Kiên thành. Hoàn toàn chẳng phải là nói “người ấy là sư trưởng của quý vị”. Các vị thiện tri thức ơi! Kiên thành là chỗ công đức chân thật tồn tại. Thừa sự thiện tri thức, chẳng phải người nào đó là thiện tri thức, mà cái tâm cung kính là thiện tri thức. Y báo nghiệp duyên bên ngoài chỉ là sự tô đậm thêm mà thôi! Tạng truyền Phật giáo nói Tứ Quy Y⁴³, mãi cho đến khi thành Phật, đều là Tứ Quy Y, nơi đất Hán chẳng phải là như vậy. Tôi cũng đã từng gặp người vừa học nửa ngày, đã đến dạy tôi: “Thầy phải nên làm như thế này, như thế nọ”. Tôi nói: “Quý vị chẳng đủ tư cách! Vì sao? Cái tâm kiên thành chẳng đủ! Những thứ khác đều đủ. Tôi có thể hướng theo hết thầy mọi người để học tập, nhưng khi quý vị chẳng đủ tâm kiên thành, tôi sẽ không hướng theo quý vị học tập, vì quý vị là nguồn ô nhiễm”. Hy vọng mọi người có thể tư duy. Hành pháp Ban Châu có thể miễn trừ các lỗi làm như thế đó.

(Kinh) Vân hà đương đắc bất nhiễm trước, du hành nhất thiết thế gian cố?

(經)云何當得不染著，遊行一切世間故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được chẳng đắm nhiễm, du hành trong hết thầy các thế gian?)

Trong Phật pháp, chẳng đắm nhiễm là một pháp tắc thanh tịnh duyên khởi, cũng là chỗ y chỉ cho khởi tâm động niệm, cũng là một pháp tắc để thủ hộ đức tướng. Phật pháp vốn chẳng rườm rà, nó ở ngay trong khởi tâm động niệm của chúng ta trong hiện tại. Trong giáo ngôn Đại Thừa, điều này được vận dụng mười phân thuận thực, mà hành pháp Ban

⁴³ Tức là ngoài Quy Y Tam Bảo, còn quy y Thượng Sư (tức là vị thầy dạy Mật Pháp cho mình, hay nói chung là các vị tổ sư, thánh nhân hoằng truyền Mật giáo). Thậm chí, trong một số công khóa của họ, thường đánh lễ Thượng Sư trước khi đánh lễ Tam Bảo. Họ đề cao vai trò thượng sư đến nỗi trong chánh điện thường để tòa ngồi và ảnh của sư trưởng chính giữa đại điện, trước tượng Phật chính. Chẳng hạn như trong các tự viện của phái Gelugpa, luôn bày một tòa ngồi rất to để ảnh của Đại Lai Lạt Ma trước bàn Phật. Có nơi còn để luôn ảnh của Đại Lai Lạt Ma chính giữa, tượng Phật và Bồ Tát xếp hai bên. Trong một số tự viện của dòng Kargyupa, thậm chí ảnh của Karmapa còn treo phía trên tượng Phật.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Châu lại càng trực tiếp hơn, nêu rõ ràng cái gọi là “*tu ngay trong hiện tiền*”. Thường hành đạo, tu ngay trong hiện tiền, cũng là nội hàm phiên dịch của danh từ Ban Châu. Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội là nội dung thực chất và tướng công đức chín muội của nó. Do vậy, “*bất nhiễm trước, du hành nhất thiết thế gian*” (chẳng đắm nhiễm, du hành trong hết thảy các thế gian), thật sự là duyên khởi trong mỗi thời khắc của hành pháp Ban Châu, nhưng trong mỗi thế gian, không gì chẳng nương theo vô tự tánh chẳng nhiễm đắm! Thế gian được kiến lập từ tánh Không, cũng có nghĩa là thuận theo duyên mà được thấy vô lượng sát-độ, thuận theo cơ nghi mà du hóa trong mười phương cõi Phật. Trong hết thảy hiện duyên, nếu nhận biết bản chất ấy, sẽ đều chẳng lìa cõi nước trang nghiêm màu nhiệm thù thắng của chư Phật. Vì bị tham, sân, si, mạn, nghi che lấp mà các thứ cõi đời ô trược và xấu ác được liên tục tồn tại. Do vậy nói “*vạn pháp chẳng rời nhất tâm*”. Đừng coi đó là một kiểu thuyết giáo, hãy nên coi nó như một pháp tắc thực tiễn để tham chiếu, y chỉ, cũng như là giáo ngôn thật sự để ẩn khế tự tâm nơi khởi tâm động niệm. Chuyện như thế sẽ biến thành đơn giản hơn!

(Kinh) Vân hà đương đắc nguyện hạnh cụ túc, vị giáo hóa nhất thiết chúng sanh cố?

(經)云何當得願行具足，為教化一切衆生故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được nguyện hạnh trọn đủ vì giáo hóa hết thảy chúng sanh?)

Truyền bá hành pháp Ban Châu tại đất Hán có cội nguồn rất sâu xa. Bất luận Giáo Hạ, Luật Tông, Thiền Tông, Tịnh Độ Tông, cho đến các vị thiện tri thức các phương, sau khi đã chứng lượng nhất định, ắt sẽ hành trì pháp Ban Châu. Chuyện này đã có một số lớn tài liệu văn hiển ghi lại, chúng ta có thể thâm nhập khảo cứu. Đương nhiên, pháp này cũng là một pháp tắc mà hết thảy hữu tình bình phàm, ngu muội, dù thiện hay ác đều có thể hành trì, vì chúng ta học tập bản kinh Ban Châu Tam Muội này, ngay từ đầu đã biểu lộ: Chẳng phải là hành pháp của riêng một loại hữu tình nào!

Hạnh nguyện trọn đủ là tiền đề để giáo hóa chúng sanh. Chúng ta hành Ban Châu, nếu hạnh nguyện chẳng trọn đủ, chắc chắn là lợi ích thế gian cũng chẳng có sức, chẳng có ý nghĩa! Hành pháp Ban Châu này “*lập một niệm, đoạn các tướng*”, bản thân trọn đủ hết thảy các hạnh nguyện, vì “*nguyện hạnh trọn đủ*” là nội hàm thực chất nơi quả đức của

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

A Di Đà Phật, mà cũng là nội hàm hồi thí nơi nguyện lực của A Di Đà Phật, cũng như là nội hàm thực chất của pháp tắc để thành tựu pháp môn này. Thường là chúng ta đối với một pháp môn, vì chẳng thể chọn lựa hoàn chỉnh, chân thật, rốt ráo, cho nên chẳng thể bình đẳng quan sát đối với pháp ấy, chẳng thể thâm nhập một pháp. Đây là một khó khăn khá lớn trong sự tu tập của người hiện thời. Do mê mờ trong đủ loại pháp tắc, bèn tạo đủ loại xem xét, mong ngóng bản khoản, thường là chẳng thể tu tập thâm nhập một pháp, phần nhiều là lo được, lo mất. Cái tâm lo ngờ ấy đã tiêu hao một lượng lớn sanh mạng, thời gian và trí huệ của chúng ta!

Trọn đủ nguyện hạnh lợi ích thế gian, cũng là vì khiến cho chúng sanh đạt được an lạc, tức gọi là “*đản vị chúng sanh đắc an lạc, bất vị tự cầu*” (chỉ vì chúng sanh đạt được an lạc, chẳng vì cầu cho chính mình). Chẳng vì cầu cho chính mình chính là một yêu cầu rõ ràng trong Phật pháp. Nói theo tâm trí của phàm phu trong thế gian, cầu cho chính mình chính là trạng thái thông thường, cũng tức là chuyện thường tình của con người, khiến cho vô lượng chúng sanh sanh tử luân hồi, chẳng ngừng, chẳng tận! Do vậy, vì giáo hóa hữu tình, hạnh nguyện trọn đủ. Như vậy thì mới có thể thật sự dính kết với pháp Ban Châu, tu tập pháp Ban Châu. Người thiện căn chín muồi như thế mới có thể thâm nhập pháp Ban Châu. Nếu thiện căn chẳng chín muồi, đối với pháp này, rất khó thể thật sự thiết thực sanh khởi nguyện vọng tu tập, nguyện vọng học tập, cho đến cơ hội được nghe còn chưa thể đạt được! Hoàn toàn chẳng phải là pháp này hữu duyên với chúng ta, chúng ta liền nói nó rất tôn quý. Thật ra, nương theo trí huệ của Phật pháp, nương theo lợi ích trong Phật pháp, nương vào hiện duyên để xem xét, cơ hội của chúng ta đích xác là rất trân quý, rất khó có, rất hy hữu, nhất là cơ hội gặp gỡ Phật pháp. Vì trong đồng hoang sanh tử luân hồi, gặp được các thứ nhân duyên chẳng phải là việc khó, nhưng trên con đường sanh tử, được gặp gỡ Phật pháp, gặp cơ hội tu trì, học tập Phật pháp, đúng là chẳng dễ, đúng là do đại thiện căn, đại nhân duyên xui khiến!

Hành trì pháp Ban Châu nếu vô nguyện, sẽ không có sức để khích lệ, thành tựu, hạnh và nguyện mười phần thiết thực cùng hành. Nếu chẳng phối hợp kiểu ấy, nguyện chẳng hướng dẫn hạnh, hạnh chẳng có nguyện dẫn đường, rất khó thâm nhập tu tập! Hiện thời, trong hành pháp Ban Châu, mọi người dần dần có nhận thức: Chúng ta phải thật sự vì hóa độ hết thảy chúng sanh mà lập thế nguyện rộng lớn. Đó gọi là “*chẳng chứng tam-muội, chẳng đích thân thấy Phật*” thì chẳng thể buông tay!

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Đó là một thế nguyện. Nếu có thiện căn chín muồi như thế, sẽ thấy Phật, nghe pháp. Thật ra, chúng ta vãng sanh thế giới Cực Lạc, vãng sanh cõi Phật ở phương khác, mục đích cũng chẳng ngoài “*thấy Phật, nghe pháp, đích thân chứng Bồ Đề, dùng các thứ thiện xảo chứng Vô Sanh Pháp Nhân, rộng lợi ích thế gian, chẳng bị thoái đọa*”.

Vì chúng ta thuộc địa vị phàm tình, cho nên rất khó thật sự lợi ích hữu tình. Do vậy, từ địa vị này tiến lên địa vị khác, người thật sự lợi ích hữu tình chỉ có Phật và Phật có thể gọi là “*bậc lợi tha*”. Hạnh của hết thảy các vị Bồ Tát, hết thảy Thanh Văn, Duyên Giác, cũng như những gì hết thảy hữu tình dù phàm hay thánh đã làm, đều là tự lợi tăng thượng. Chẳng cần phải hoài nghi điều này! Chỉ có Phật Thế Tôn là giác rốt ráo viên mãn, có thể lợi tha, sanh ra công đức chân thật. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát tiến nhập viên mãn. Cho nên nói là “*tu trì tự lợi*”. Trong cơ chế tu trì lợi tha, kiến lập tự lợi dần dần hoàn thiện, thật sự hoàn thiện, mãi cho đến khi thành tựu Bồ Đề. Nhưng các loại phàm phu tự hại mình thì có thừa, tự lợi lẫn lợi tha vẫn chưa thể nghe, vẫn chưa thể đạt được. Nếu không phải là như thế, sẽ chẳng thể gọi là Phàm. Phàm thánh khác biệt ở chỗ “*tự lợi và lợi tha có đặc lực hay là không*”, chẳng phải là ăn nói hư giả! Ở đây, thật sự có lợi, thật sự có hại. Do vậy, nơi phàm phu hữu tình, có nhiều thứ khổ não, điên đảo, nhiều thứ Kiến Tư Hoặc. Nơi các bậc thánh, bậc trí, phần nhiều là bị Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc mê hoặc. Tuy là như thế, các vị ấy đã thoát ly các loại phiền não bức bách, chỉ là giác ngộ viên mãn thuần tịnh, thuần thực, hướng đến hoàn thiện, thậm chí rốt ráo. Chúng ta chớ nên không biết sự khác biệt giữa phàm và thánh, chớ nên không suy nghĩ, chớ nên không quan sát. Nếu chẳng phải là như thế, cứ dùng tâm trí bình phàm, kiêu mạn, tự phụ, tự cho là đúng, sẽ chẳng thể thành tựu thiện xảo chân thật rộng lớn. Có lúc, chúng ta sẽ nảy sanh những thứ tương tự thiện xảo, tương tự cảm nhận, nhưng thật sự giáo hóa và lợi ích chúng sanh thì vẫn chẳng đặc lực.

Trong pháp môn Tịnh Độ, khi hành trì và truyền bá một câu bảo hiệu Nam-mô A Di Đà Phật, có thể hữu ý hay vô ý tự lợi và lợi tha, hai điều lợi đầy đủ. Có những kẻ nói suông, chẳng thật tâm có thể lợi ích mười phương hữu tình, cho nên chẳng đạt được tự lợi. Khi các hữu tình truyền bá bảo hiệu thù thắng Nam-mô A Di Đà Phật, thủ hộ nguyện tự lợi và lợi tha, sẽ có thể trong khi lợi tha mà đạt được tự lợi chân thật, đích thân chứng được tự lợi và lợi tha. Chư Phật Như Lai viên mãn chân thật tự lợi và lợi tha, cho nên chỉ có thiện xảo lợi tha, chẳng cầu tự lợi, vì vốn đã trọn đủ. Đã đích thân chứng như thế, chẳng có bất cứ lo ngại nào,

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

chẳng có bất cứ cái Ngã nào, Ngã Chấp, Pháp Chấp, hết thấy các thứ gây mê loạn đã gột trừ hết sạch. Khi chúng ta niệm Nam-mô A Di Đà Phật, có thể vô tình hay hữu ý đạt được tự lợi và lợi tha, lợi ích hữu tình. Nếu trong tác ý, nếu dùng Phật nguyện làm bản mạng của chính mình, như pháp sư Đàm Loan đã tuyên nói, thì trong hết thấy các hành pháp, sẽ hết sức đắc lực, có thể nhanh chóng đạt được lợi ích và thiện xảo chẳng thể nghĩ bàn. Trong pháp môn Niệm Phật, xác thực là rất dễ dàng thấu hiểu pháp ích hiện tiền vượt xa lẽ thường, chẳng thể nghĩ bàn! Cái gọi là “vượt xa lẽ thường” là vượt qua các sở hành thông thường, tức là hành công đức của ngài Phổ Hiền, nương vào công đức lợi tha chân thật để an trụ trong tự lợi chân thật. Người niệm Phật chắc chắn sẽ có thể lợi tha, vì lẽ nào? Làm sứ giả của Phật, hồi thí Phật đức, rộng lợi ích nhân thiên. Chúng ta có thể cảm nhận và quan sát điều này.

Tại Trung Quốc, Phật giáo thật sự được [nhà nước] nói lỏng quản chế hơn hai mươi năm qua. Do vì Phật giáo [chân chánh] có một khoảng thời gian bị gián đoạn, trong thế gian đã xuất hiện rất nhiều hữu tình ngoại đạo ăn bám Phật giáo, nhiễu loạn hữu tình. Vì sao như thế? Chẳng huân tập may mắn Bồ Đề tâm, chỉ dựa vào các kỹ xảo thế gian để thực hành Phật pháp. Chẳng hạn trị bệnh⁴⁴ cho người khác, xem Phong Thủy, tiên đoán chuyện chi đó, hoành hành trong thế gian, khiến cho hữu tình mông muội, mê hoặc hữu tình, áp chế hữu tình, thậm chí khiến cho họ điên cuồng. Nhiều năm qua, trong Phật giáo Trung Hoa [hiện tượng đáng buồn ấy] đã mười phần rộng khắp. Là một người học Phật, chúng ta chớ nên mê mất Bồ Đề tâm của chính mình, hãy nên duy trì Pháp Thân huệ mạng của chính mình. Nếu không, rất dễ bị các mảnh khước mê hoặc, bị các thứ ngôn từ, bị những thứ quý vị tưởng là hay khéo trôi buộc, đến nỗi mê mất nguyện vọng của chính mình, mê mất chánh hạnh Phật pháp. Lúc tôi mới đến vùng Đông Bắc, đã gặp các vị sư phụ xuất gia phần nhiều dọa dẫm các hữu tình, cứ mở miệng ra là “quá khứ của quý vị như thế nào, hiện tại như thế nào, vị lai sẽ là như thế nào?” Do họ có thủ đoạn ấy, quý vị chẳng có mảnh khước ấy, Bồ Đề tâm của quý vị chẳng kiên cố, sẽ bị dao động. Dao động như thế nào? Sanh khởi tâm sợ hãi, đánh mất sự tiến nhập của chính mình đối với Phật pháp.

⁴⁴ “Trị bệnh” ở đây là dùng bùa chú của ngoại đạo, thậm chí các kỹ xảo ảo thuật để lường gạt, thường mượn mỹ danh là “pháp Mật Tông” để bắt ma, đuổi quỷ, trục vong, giải thần trùng, độ người âm, cắt kết giải oan, trả nợ âm tào v.v...

Hành trì pháp Ban Châu cũng rất dễ bị những thứ như âm cảnh lôi kéo, chế ngự, bị các thứ thô, tế, lớn, nhỏ, nóng, lạnh v.v... cho đến thấy hư huyền, nghe hư huyền, cảm nhận hư huyền, và các thứ tướng cảnh giới lừa gạt. Hành Ban Châu là để “*thấy Phật, nghe pháp*”. Nếu gặp loại hữu tình như thế, chúng ta hãy dùng công đức của Phật để hồi thí, độ thoát hết thấy chúng sanh, giáo hóa hết thấy chúng sanh đừng sợ hãi! Nếu chẳng như vậy, đối với đạo nghiệp Bồ Đề chúng ta sẽ chẳng có cách nào thật sự tiến nhập, sẽ bị tạp duyên xâm đoạt rất nhanh chóng. Bao nhiêu năm qua, cách đây mười ngày hay nửa tháng vẫn còn có người, nhất là thầy lang, nói với tôi: “Ồ chà! Thầy có vấn đề này nọ?” Tôi nói: “Tôi không biết! Sắc thân này chẳng thuộc về thầy thuốc như ông, mà cũng chẳng thuộc về tôi. Nó chiếu theo một pháp tắc, một nhân duyên, chẳng liên quan gì đến lời ông nói!” Vì nếu dễ dãi khư khư noi theo nó, tâm trí của quý vị sẽ mê mât trong cảnh giới hiện duyên, trong hiện duyên lượng, vô ích đối với sự tiến nhập Phật pháp. Vì thường xuyên nghe người khác nói này, nói nọ, tôi cũng quen rồi! Nhưng đối với người học Phật trong hiện thời, nếu như tâm trí Bồ Đề, tâm trí hành pháp chẳng rõ ràng, chỉ qua đôi ba câu nói, họ sẽ trói buộc quý vị. Tôi gặp không ít vị sư phụ xuất gia bị người khác nói mấy câu liền rơi vào tròng, suốt đời cũng chẳng thoát ra được!

Thật sự là một người học Phật, chúng ta nhận thức con đường của chính mình như thế nào? Phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, chẳng sợ hãi điều này. Nếu chẳng như vậy, sẽ rơi vào tình cảnh đáng thương, mà cũng bị âm cảnh hiện tiền, ngôn từ, sự tướng, khó khăn, thậm chí bị một nghiệp tướng bức bách, che lấp. Như thế thì quý vị chẳng có phần với Vô Thượng Bồ Đề, rơi vào đầm lầy hiện duyên. Trong ấy, chỗ nào cũng đều là hầm hố lớn, hầm hố ấy sâu cỡ nào? Chỉ cần tùy thuận nó, quý vị sẽ vĩnh viễn chẳng có thuở thoát khỏi! Chúng ta là người học Phật, hãy nên đối diện chuyện này như thế nào? Tôi cảm thấy phát tâm là quan trọng nhất, phát tâm quan trọng hàng đầu. Nhận biết cái gọi là “*tâm xuất ly*” quan trọng nhất. Tâm xuất ly là trong hết thấy ngôn từ, cảnh sắc, trong đối đãi, đều một đường thoát ra, quyết định chẳng nhiễm. Cho nên nói “*đương đắc bất nhiễm trước, du hành nhất thiết thế gian*” (sẽ được chẳng đắm nhiễm, du hành hết thấy thế gian). Nếu chẳng phải vậy, nó sẽ xếp đặt quý vị trong một thế giới, chẳng để quý vị thoát ra, sẽ xếp đặt quý vị trong một pháp giới, khiến cho quý vị hoang mang. Như thế thì quý vị dạo chơi trong mười phương cõi nước sẽ chẳng được tự tại.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Năm trước, cũng có một thầy lang có sức thần thông đến bảo tôi: “Ôi trời! Thân thể thầy thế này, thế nọ. Thầy sẽ như thế này, sẽ như thế nọ...” Tốt lẫn xấu đều có! Tôi nói: “Như thế nào” là trong mắt của ông, là chuyện trong tâm lượng của ông! Sự tướng trong mắt của ông xét theo lời dạy “*vạn pháp duy thức*”, sẽ như cá thấy nước sông là nhà cửa, người thấy nước sông là thứ để giặt giũ, nước uống, hoặc để sử dụng, Tu La thấy nước có thể dùng làm vũ khí, chư thiên thấy nước là đất báu lưu ly, ngạ quỷ thấy nước là lửa cháy rực. Do vậy, đó là Từ Pháp trong mắt ông. Nếu tôi duyên theo điều đó, sẽ là duyên theo nghiệp lực của ông, sẽ chẳng gọi là Từ Pháp, mà là Từ Pháp nói theo dòng nghiệp! Như thế mà thôi!

Bởi lẽ, chúng ta là người học Phật, chớ nên mê muội bởi ngôn thuyết, chớ nên mê muội nơi hiện lượng, đừng mê muội bởi nhân duyên, chớ nên mê muội bởi tướng cảnh giới, chớ nên mê muội bởi các thứ nhiễm duyên hiện tiền, mà hãy nên như thế nào? Phát Vô Thượng Bồ Đề tâm. Tối thiểu là phải có tâm xuất ly, tức là trong hết thảy đối đãi, tâm trí đều chẳng đắm nhiễm, bình đẳng quan sát, đừng nên chấp giữ nó, mà cũng đừng nên xả nó. Nó chẳng liên quan gì đến quý vị. Đó chỉ là Kiến Phân của chúng sanh đầy thôi! Những kẻ có tiếng tăm sẽ nói: “Người thấy đó! Nói với người mà người vẫn chẳng chịu nghe theo”. Tôi nói: “Trước nay, tôi chẳng từng phục thứ đó. Nếu thuận theo những thứ đó, tôi đã chẳng xuất gia! Tôi chẳng nghe theo khuôn sáo của quý vị. Nghe theo khuôn sáo đó, tôi sẽ là thứ bỏ đi! Vì tôi là người học Phật, tôi là kẻ tự biết mình, tôi là người vâng theo lời dạy của đức Phật mà hành trì”. Đối với điều này, chư vị thiện tri thức nhất định phải có sự liễu giải và nhận biết rõ ràng.

(Kinh) Vân hà đương đắc san hô chi tướng, đắc chư tướng cố?

(經)云何當得珊瑚之相，得諸相故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được tướng san hô, do đạt được các tướng?)

“*San hô chi tướng*” (Tướng san hô): San hô là một món báu trong bảy báu. Có bạch san hô, hoàng san hô, hồng san hô, tử san hô (san hô màu tím)... Tướng mạo của san hô thật sự là so le, không đồng đều, nhưng phần lớn là bạch san hô. Vì san hô ở dưới đáy biển sâu, thời cổ rất khó thu thập [cho nên được coi là quý]. Hiện thời có tàu ngầm, có thể

thu hoạch một lượng lớn san hô, nhưng san hô có màu sắc rực rỡ như hồng san hô thì vẫn rất ít.

Nói “*đắc chư tướng*” (đạt được các tướng) là nói về của báu tâm trí. Ở đây là nói tỷ dụ. Vì nó vốn là pháp bảo, vốn là thiện xảo, vốn vô sở đắc, vốn có thể lấy dùng trong các thứ tướng. Tuy lấy mà chẳng đảm nhiệm, tự đạt được phương tiện. Kẻ đảm nhiệm tất nhiên có gánh nặng; “gánh nặng” là sẽ tạo thành dòng nghiệp mới. Cái gọi là “*dòng nghiệp*” tức là dòng nghiệp đảm nhiệm. Dùng mà chẳng nhiệm, đạt được phương tiện; giống như chúng ta cầm đèn pin soi đường, buổi tối mang theo thì được. Nếu có đèn điện thì có thể chẳng cần tới nó. Nếu mặt trời mọc thì cũng không cần mang theo đèn pin, nhưng kẻ đảm nhiệm cho rằng “ta cần mang theo đèn pin”. Vì thế, thời thời khắc khắc đều cầm theo món vật ấy. Nếu thứ gì cũng đều mang theo, đồ vật này, đồ vật kia đều giắt trên người, mang theo lâu ngày, kẻ đó sẽ bị đồ vật này nọ trì kéo, nghiệp lực cũng lại như thế.

(Kinh) Vân hà đương đắc như hư không, nhất thiết pháp vô đắc tướng cố?

(經)云何當得如虛空，一切法無得相故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được như hư không, đối với hết thảy các pháp đều chẳng có tướng?)

Trong phần trước đã nói “*đắc chư tướng*” (đạt được các tướng), dùng báu san hô để tỷ dụ, khiến cho các hữu tình hành pháp Ban Châu có thể tiếp tục an trụ trong sự ổn định liên tục và nghiệp tiếp nối. Ở đây, nói “*vô đắc tướng*”, “*như hư không*” là đối với các loại ổn định liên tục, chẳng bị vướng mắc, chẳng có gì để đạt được, vì dẫn phát sự khinh an liên tục, cho đến đủ loại pháp ích hiện tiền. Nếu đảm nhiệm khinh an, người ấy ắt đọa lạc. Do đó, chẳng đảm nhiệm trong việc tiến thú đại lợi vô thượng, tức là chẳng đảm nhiệm các pháp.

Khi chúng ta hành Ban Châu, nếu đảm nhiệm tướng khinh an, người ấy sẽ đọa lạc. Nếu đảm nhiệm tướng quang minh, tướng trang nghiêm, sẽ xuất hiện vấn đề. Cho đến đảm nhiệm Phật tướng, cũng sẽ xuất hiện vấn đề. Quý vị nói: “Niệm Nam-mô A Di Đà Phật, đi tới, đi lui (kinh hành) để cầu thấy Phật, đó chẳng phải là đảm nhiệm tướng ư?” Chẳng phải vậy! Vì chẳng thấy tướng thì sẽ chẳng có gì để đảm nhiệm! Quý vị chẳng có tướng để thấy, lấy gì để đảm nhiệm? Đừng nên tự dối

mình! Giống như người đối trước hư không nói: “Ta chẳng mê tiền tài!” Tài sản chất đống trước mặt quý vị, thuộc về quý vị, nhưng quý vị chẳng đắm nhiễm, thì mới thật sự là chẳng mê tiền tài. Hành pháp cũng giống như thế. Thật sự đạt được lợi ích nơi pháp mà quý vị chẳng đắm nhiễm, thì mới là thật sự chẳng đắm nhiễm. Sự tỉnh hiện tiền mà chẳng đắm nhiễm thì mới là công đức chân thật. Khi chúng ta nghèo rớt mòng toai, khi chẳng có vật gì hết, quý vị nói “ta chẳng yêu mến thứ này, chẳng tham đắm thứ kia”. Đó là lời lẽ tự dối gạt mình!

Do vậy, kinh văn ở đây là câu sau tiếp nói ý nghĩa của câu trước. Trong phần trước là “*đắc như san hô, đắc chư tướng cố*” (được như san hô, vì đắc các tướng), tức là trong các pháp trân bảo, hưởng thụ các thứ thọ dụng rõ ràng, thọ dụng khinh an, thọ dụng trang nghiêm, cho đến thọ dụng đoạn trừ phiền não. Sự thọ dụng ấy thật sự chẳng thể nhiễm, thật sự chẳng thể đạt được, tức là nói “*đương đắc như hư không, nhất thiết pháp vô đắc tướng cố*” (sẽ được như hư không, do chẳng đạt được tướng của hết thảy các pháp) trong phần sau. Các pháp sanh bởi nhân duyên, pháp tánh vốn là Không; hết thảy chúng sanh đều phải nên hiểu rõ chỗ này. Nếu chẳng biết pháp không, tánh không, các nhân duyên tất nhiên bị ngăn trở. Do vậy, “*tánh Không duyên khởi*” là quan sát thiện xảo. Biết các pháp, nhất định biết tánh Không. Người biết tánh Không, nhất định được thọ dụng nơi tướng bản chất của các pháp. Do vậy, pháp là không có gì để có thể đạt được, pháp tánh vốn Không, sanh ra các pháp, pháp thật sự vô sanh. Nếu chẳng thiện xảo quan sát pháp tác thế gian và xuất thế gian như thế, chúng ta sẽ mê mất trong cái được gọi là vô pháp và hữu pháp. “*Vô pháp*” là không có gì để nương theo. “*Hữu pháp*” là cho rằng thật sự có cái để đạt được, [chấp trước vào hai điều ấy], sẽ đều chôn vùi công đức lợi ích rộng lớn.

(Kinh) Vân hà đương đắc như Bồ Tát, bất đoạn Phật chủng cố?

(經)云何當得如菩薩，不斷佛種故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được như Bồ Tát, chẳng đoạn Phật chủng?)

“*Bất đoạn Phật chủng*” (Chẳng đoạn Phật chủng) tức là nhập chủng tánh Phật, tín thuận lời dạy của Phật. Khi đạt được hay hiển lộ Tín Nhân và Thuận Nhân, thành tựu chủng tánh Như Lai. Trong khi chúng ta

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

học tập Phật pháp, nếu chẳng thuộc vào chủng tánh Như Lai, thì sẽ là ngoại đạo, gọi là “*danh tự học Phật*”.

Trong giáo ngôn thù thắng của A Di Đà Phật, hữu tình độn căn nghe danh hiệu Nam-mô A Di Đà Phật có công đức thù thắng, đều đắc hai loại Nhân, tức là Pháp Nhân của Bồ Tát, cũng thuộc vào chủng tánh Như Lai. Điều này quả thật chẳng thể nghĩ bàn! Tại đất Hán, bất luận nội hay ngoại đạo, người học Phật rất nhiều, khá nhiều hữu tình chẳng tự giác mà học Phật, chẳng cần phải đeo danh xưng là “*Phật giáo đồ*”! Vì sao? Do chủng tánh Như Lai gia trì. Nay chúng ta niệm Nam-mô A Di Đà Phật, tức là không ngừng thúc giục tâm trí của chúng sanh, khiến cho họ có thể thành tựu hai môn Nhân ấy. Thông thường, nghe một hai lần, chủng tử đã gieo xuống, nhưng chưa thành thực, cho nên hành trì Ban Châu có thể khiến cho Phật chủng chẳng đoạn.

Tu hành trong Phật giáo, tiếp nối huệ mạng của Phật mười phần quan trọng. Chúng ta niệm Nam-mô A Di Đà Phật, hành Ban Châu, có thể khiến cho Phật chủng chẳng đoạn, vì công đức của danh hiệu là ở đây, nội hàm thực chất ở đây, quý vị chẳng cần phải lo lắng! Rất nhiều người bận tâm vì sao vị Bồ Tát này chẳng khéo học Phật? Vì sao người kia chẳng khéo học Phật? Quý vị cứ chăm chú niệm Nam-mô A Di Đà Phật, thanh tịnh, bình đẳng hồi hướng, chẳng cần phải băn khoăn! Hãy yên lòng về chúng sanh, yên lòng đối với Phật, hãy yên lòng đối với nguyện lực của Phật, hồi thí pháp mà quý vị đã hành trì, hãy yên tâm triệt để hồi thí, chẳng lưu giữ gì!

(Kinh) Vân hà đương đắc bất hưu tức, hành chư Bồ Tát đạo, vị tàng viễn ly Đại Thừa cố?

(經)云何當得不休息，行諸菩薩道，未曾遠離大乘故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được chẳng ngưng nghỉ, hành các đạo Bồ Tát, chưa từng xa lìa Đại Thừa?)

Pháp Ban Châu đích xác là chuyên chở rộng lớn, chuyên chở bình đẳng, chuyên chở không ngăn ngại! Chuyện khá khó thực hiện trong học tập Tịnh Độ là gì? Chẳng có oán đối. Điều khá khó thực hiện hơn nữa là gì? Chẳng có lây hay bỏ. Điều khó thực hiện hơn nữa là gì? Chẳng bỏ hết thấy hữu tình khổ não, tội ác. Điều khá khó thực hiện hơn nữa là gì? Bình đẳng gánh vác hết thấy. Điều khó thực hiện hơn nữa là gì? Nói như

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

thế nào, cũng làm đúng như thế ấy. Điều này khó khăn hơn. Vì sao? Cái tâm của chúng sanh lấy hay bỏ, yêu ghét, phân biệt mười phần rõ ràng, mười phần mạnh mẽ, mười phần thuần thực, mà tâm bình đẳng, tâm chẳng lấy bỏ, tâm lợi ích người khác rộng lớn, tâm yêu thích tạo lợi lạc cho hữu tình khổ nạn, ngược lại khá lợt lạt, xa cách, thậm chí chẳng đặc lực. Dẫu siêng khổ vun bồi, chẳng thể sanh lòng tin! Thường là đã vun bồi được một khoảng thời gian, hễ gặp cái duyên trái nghịch, liền muốn bỏ pháp ấy, cảm thấy chẳng thể chịu đựng nổi. Nhất là đối với chuyện “*chẳng xả hết thảy hữu tình khổ nạn, bình đẳng bố thí, an trụ vô nghi*”. Đó là chỗ khó nhận biết nhất của pháp này.

Giống như khi chúng ta hành trì Ban Châu, khôn đốn đưa đến, khổ sở đưa đến, duyên gây khó khăn đưa đến, duyên trái nghịch đưa đến, tức là tướng cảnh giới ác đưa đến, đều là các thứ huyễn hiện của hết thảy hữu tình khổ não, đều là các tướng cảnh giới hư huyễn diễn ra, nhân duyên duy nhất của quý vị là thật sự hồi thí lợi ích cho họ, khiến cho họ an lạc. Làm như thế nào? Tức là chẳng bài xích, mà cũng chẳng thuận theo, cứ thanh tịnh niệm Phật, cứ một đường mà đi. Hành trì như vậy, chưa từng xa lìa Đại Thừa. Nói “*bát hưu tức*” (chẳng ngưng nghỉ) tức là trong khi đối diện các thứ nhân duyên và khó khăn, đều chẳng sợ hãi. Khi tôi xuất gia, tiếp xúc pháp môn Tịnh Độ trong vòng mười năm qua, [đã nhận thấy] đây là chỗ khiến cho người ta bị thoái đọa nhiều nhất. Đối với kẻ thương tổn quý vị, kẻ không ngừng thương tổn quý vị, kẻ ô nhục quý vị, kẻ chửi bới nhân cách của quý vị, quý vị cảm thấy phải lợi lạc kẻ đó, phải có tâm chẳng xả niệm Phật hồi thí cho người ấy. Thoạt đầu, sẽ rất khó sanh khởi [cái tâm ấy]. Thường là sẽ tránh né chuyện tạo lợi lạc cho kẻ đó, tâm mong cho đối phương chẳng bị ác báo là được rồi, đã cảm thấy mình chúc phước cho đối phương. Còn như mong mọi đối phương thiện xảo, thành tựu, thậm chí thành tựu còn sớm hơn ta, có lợi ích công đức còn to hơn ta, thù thắng, chân thật, nhanh chóng đều hơn ta, các nguyện vọng như vậy rất khó vun bồi! Vì chúng tách trong cái tâm của phàm phu là như thế đó! Tức là yêu ghét phân minh, đúng sai phân minh, lấy bỏ phân minh, nhưng sự phân minh ấy chỉ mang lại các thứ khôn khó, khôn khó gì vậy? Hẹp hòi, tự lợi, cái tâm Tiểu Thừa, hoặc nói là cái tâm tịch diệt, hoặc là một thứ tâm chán lìa.

Đoạn văn tự này đã cho chúng ta biết: Giống như Bồ Tát chẳng nghỉ ngơi, tâm phàm phu luôn cần nghỉ ngơi. Nhất là khi có tâm trí đối đãi sanh khởi, nghiệp tướng đối đãi sanh khởi, bèn mong lảng tránh, chẳng mong tiếp xúc nữa; cảm thấy quá mệt mỏi, quá khổ sở, quá vô ý

nghĩa! Thật ra, chẳng phải vậy! Chư Phật Như Lai siêng gắng chẳng bỏ ở chỗ này, thường hành chẳng bỏ. Từ bao kiếp lâu xa đến nay, các Ngài chẳng bỏ chúng ta. Chúng ta đích xác đều là hữu tình báng pháp, hữu tình nghi pháp. Hoặc có thể nói là các hữu tình sợ hãi Phật pháp, hoặc có thể nói là hữu tình phá diệt, chôn vùi Phật pháp. Nếu không, chúng ta đã không sanh trước Phật, hay sau Phật, lọt vào tám nạn. Ở đây, quý vị chớ nên quá mức tự tôn. Nhưng trong pháp môn Niệm Phật, nhất là hành pháp Ban Châu, chẳng có ngưng nghỉ, chẳng lìa Đại Thừa. Nói đến “*Bồ Tát đạo*”, chẳng thể lìa đạo ấy trong phút chốc, mà cũng không có gì để lìa. Do không có gì để lìa, tức là hành Bồ Tát đạo. Do chẳng ngưng nghỉ thì chính là hành Bồ Tát đạo. Do thường hành đạo, cho nên “*chẳng bỏ hết thấy chúng sanh, chẳng xả hết thấy các hạnh nguyện*”. Những lời này mười phần dễ nói, nhưng thực hiện nếu tùy thuận Phật nguyện, tùy thuận Phật trí, tùy thuận Phật hạnh, sẽ rất hoan hỷ, rất vui sướng, sẽ là lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Nếu tùy thuận nghiệp lực của chính mình, tùy thuận tâm trí phân biệt, chấp trước của chính mình, sẽ mười phần đau khổ, mười phần khó chịu đựng, mười phần chẳng tương ứng! Chúng ta nói: “*Chẳng xả hết thấy chúng sanh khổ não, hồi hướng công đức rất sâu của chư Phật, khiến cho chúng sanh nhanh chóng thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, đạt được bất thoái chuyển*”. Quý vị đem lợi ích do pháp tác của chính mình hồi thí cho hết thấy những kẻ hữu duyên trong hiện tiền, dù là thuận duyên, hay ác duyên, đều bình đẳng hồi thí như thế, sẽ thật sự là bậc thường hành đạo, chẳng xả đạo nghiệp, hành Bồ Tát đạo. Lời này hết sức dễ nói, nhưng tâm trí phàm phu cần phải có một lượng chịu đựng nhất định, cần phải có sự nỗ lực nhất định của chính mình, kiên trì và cố vũ, hoặc có thể nói là “*tùy thuận*”.

Chúng ta đều biết, giáo ngôn Đại Thừa muốn độ hết thấy chúng sanh thành tựu Bồ Đề. Nếu nguyện “*hết thấy chúng sanh sẽ thành Phật trước tôi*”, đó là một thệ nguyện mạnh mẽ trong Đại Thừa. Nếu nguyện “*cùng với hết thấy chúng sanh cùng thành Phật*”, đó là một tâm nguyện tùy thuận. Nếu nguyện “*ta thành Phật trước rồi mới độ chúng sanh*”, đó là tâm nguyện của bậc Đại Thừa Bồ Tát nhuyển tâm. Trong ba loại tâm nguyện ấy, [tâm nguyện] “*khiến cho hết thấy chúng sanh thành Phật trước ta*” là do cái tâm mạnh mẽ tạo thành. Như vậy thì quý vị sẽ yêu thích, tôn trọng hết thấy thân duyên, sơ duyên, và các thứ nhân duyên trong phần trước. Quý vị sẽ thật sự tôn trọng, bảo vệ nó. Vì lẽ nào? Do hết thấy chúng sanh đều thành Phật trước quý vị, cũng có nghĩa là hết thấy chúng sanh đều là Phật, Bồ Tát, chỉ có ta là phàm phu. Ngày hôm

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

qua, có một đứa bé, khi gặp mặt chúng tôi, nó đã khóc âm lên, trào nước mắt. Nó nói: “Hôm nay con thật sự biết hết thấy chúng sanh là Phật, Bồ Tát. Thật sự là một cơ hội đáng nên tôn trọng hết thấy”. Ngay khi ấy, quả thật mọi người đều rất cảm động, rất nhiều người ứa nước mắt, vì đứa bé ấy chưa hề học Phật, vừa mới tiếp xúc Phật giáo, đã nảy sanh trạng thái tâm lý ấy, khiến cho mọi người rất cảm động. Lời nó nói là lời lẽ thành khẩn, cảm kích. Khi nó cảm nhận được điều ấy, tâm linh thoải mái và an lạc. Niềm xúc động rộng lớn, bình hòa và chân thật ấy đã cảm động chính mình, mà cũng cảm động người khác. Đó thật sự là tâm Đại Thừa mạnh mẽ, nhạy bén, mọi người đều thị hiện cho ta các thứ ác tướng, thiện tướng, tướng thù thắng, tướng yếu ớt, để làm gì? Mong cho ta sẽ xuất ly!

Chúng ta niệm “*nguyện cộng chư chúng sanh, vãng sanh An Lạc quốc*” (nguyện cùng các chúng sanh, vãng sanh cõi An Lạc). Đó là giáo ngôn về Đại Thừa Ba La Mật Môn, quán thấu triệt hết thấy chúng sanh như huyễn, hết thấy chúng sanh thiện ác như huyễn, hết thấy phàm thánh như huyễn, hết thấy các pháp là rốt ráo không, không có gì để được hay mất, rốt ráo vãng sanh quốc độ của A Di Đà Phật, ngay lập tức thành tựu! Đây gọi là “*đồng sanh đồng Tây*” (cùng sanh về Tây Phương), dùng trí Văn Thù để nhìn thấu triệt, quan sát hết thấy huyễn duyên là rốt ráo chẳng thể được. Ở đây là “*độ tận chúng sanh, phương thành Phật đạo*” (độ hết chúng sanh rồi mới thành Phật đạo), tức là “*tâm Đại Thừa độ trọn hết chúng sanh chẳng ngưng nghỉ*”. Trong khi hành pháp Ban Châu, cũng giống như thế. “*Chẳng ngưng nghỉ*” là một pháp tắc hành pháp, tự mình nhắc nhở “*chẳng thể nghỉ ngơi*”. Thông thường, tâm người hành Ban Châu sợ hãi chỗ này, nói [tu pháp Ban Châu] vốn mệt nhọc lắm. Nếu chẳng nghỉ ngơi, còn tu tập nổi ư? Thật ra, hành pháp chính là thật sự nghỉ ngơi! Trong chẳng nghỉ ngơi mà thật sự nghỉ ngơi. Vì sao vậy? Đạt được tự tại nơi pháp, đạt được tự chủ chẳng đắm nhiễm sự nghỉ ngơi chân thật, cùng lúc vứt bỏ sự đắm nhiễm nghỉ ngơi và [ý niệm] đối đãi [cần phải] nghỉ ngơi của chúng sanh, thường luôn hành đạo nghiệp!

(Kinh) Vân hà đương đắc trước đại khả giáp, chư Phật quảng đại giới trung quyết định trụ cố?

(經)云何當得著大鎧甲，諸佛廣大戒中決定住故？

(Kinh: Như thế nào sẽ được mặc giáp trụ lớn, quyết định trụ trong giới rộng lớn của chư Phật?)

“*Quảng đại giới*” (Giới rộng lớn): Vì trong hành pháp Ban Châu, thế nguyện thuộc địa vị bậc nhất. Niệm Phật trong một kỳ hạn mong thấy Phật, hoặc lợi ích hữu tình v.v... đều do nương vào đại thế nguyện mà kiến lập. Đại thế nguyện là đại giới, là đại hiếu thuận. “*Đại hiếu thuận*” là chí đạo hiếu thuận, là giới. Do vậy, tùy thuận là giới. Đại tùy thuận là giới! Giới ấy là giới rộng lớn, giới thanh tịnh, giới chân thật. Tuy là vô ngôn thuyết, nhưng là “*lược giới*”. “*Lược*” là nhờ vào ngôn thuyết đơn giản, bao gồm hết thảy thiện xảo lợi tha, tâm trí lợi tha, chọn lựa lợi tha, quyết định trụ trong giới, tức là dùng chuyện lợi lạc chúng sanh để quyết định trụ, dùng tùy thuận công đức thù thắng trong các pháp để quyết định trụ, dùng tán thuận (tán thán và tùy thuận), dùng hiếu thuận chư Phật, Bồ Tát, thánh nhân, và hết thảy hữu tình để quyết định trụ. Đó cũng gọi là “*thượng báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ*” (trên đền bốn ân nặng, dưới cứu khổ tam đồ). Mọi người rất quen thuộc kiểu nói này, nhưng trong pháp tắc thực tiễn, chúng ta hãy nên quan sát cận kề chính mình có tương ứng với cách nói ấy hay không? Trên thực tế, thủ hộ thế nguyện sẽ có thể bảo vệ chúng ta chẳng hứng chịu những tổn thương do biến đổi trong khi hành pháp, chẳng bị các nhân duyên đổi khác xâm đoạt. Nếu chúng ta học tập, tu tập pháp Ban Châu, sẽ có thể chân thật sanh khởi cái tâm “*chẳng bị thoái đọa*”, rốt ráo an trụ, chẳng bị tổn thương, tùy thuận lợi ích thế gian, tùy thuận công đức rất sâu của chư Phật, thuận theo thế nguyện rộng lớn của A Di Đà Phật, tùy thuận chọn lựa an trụ trong thế nguyện lợi ích chúng sanh rộng lớn. Đó là một động lực lớn nhất để hành pháp, cũng là bi trí song tu, mà cũng là nơi công đức chân thật hiện diện.

Cơ chế tâm lý của người hành pháp muôn ngàn sai khác. Tôi đã thấy mấy trăm bài văn phát nguyện, khác biệt hết sức to lớn. Có người viết ngắn gọn, có người phức tạp, có người tự lợi, có người nói về lợi tha, có người nghi pháp, có người là pháp thù thắng, cho đến có người cầu cảm ứng, có người cầu xuất ly, người thì cầu của cải, có người cầu oai đức to lớn, có người cầu thiện xảo, có người cầu chế ngự, ước thúc kẻ khác, có người cầu lợi ích người khác, có người cầu tăng thêm phước báo cho xã hội. Hạng người nào cũng đều có, lời nguyện gì cũng đều có; nhưng có một điều: Một trăm hai mươi hai điều “*vân hà*” thật sự là công đức và lợi ích chân thật của Ban Châu!

Pháp Ban Châu là do Thích Ca Mâu Ni Phật tuyên nói ở Trúc Lâm Tinh xá tại thành Vương xá trong thế giới Sa Bà. Sau khi kinh

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

điển được kết tập, bản kinh này được phiên dịch, truyền bá sang Trung Hoa trong thời Tùy - Đường, một mực truyền bá đến tận bây giờ. Đương nhiên là có rất nhiều kẻ nghi ngờ, phỉ báng pháp này. Đức Thế Tôn vì che chở hạng người ấy, trước tiên đã nói: “Đừng báng pháp này, kẻ phải hứng chịu khổ báo to lớn, hứng chịu luân hồi xấu ác”. Trong đoàn thể này của chúng ta, cũng có kẻ phỉ báng pháp này, nói pháp này là giả, là pháp bất chánh, là tà pháp: “Ngồi ở chỗ này nghe giảng thì là chuyện chẳng tương ứng. Tôi cảm thấy chẳng thích hợp, là chẳng công bằng, là chẳng có ý nghĩa chi hết!” Nói theo phía quý vị, sở dĩ [quý vị chê trách] pháp này chẳng công bằng là vì chúng ta thuộc vào tình huống ngờ vực pháp tắc này, phỉ báng pháp tắc này. Cho nên [nhận thấy pháp tắc này] chẳng công bằng đối với chính mình. [Hãy nên có tâm thái] *“thà nguyện chính mình bị vứt bỏ, cũng chẳng bằng lòng nghi ngờ, phỉ báng”*. Nghi ngờ, phỉ báng sẽ khiến cho chính mình bị rất nhiều thương tổn, giống như dùng trứng gà phang đá cuội, kết quả cứ nghĩ liền biết. Đối với chuyện này, trong kinh điển, đức Thế Tôn đã có thọ ký, trong phần sau sẽ nói tới.

Nhưng trong xã hội, kẻ trực tiếp quả mắng, chửi bới kinh điển này, chửi bới hành pháp này rất hung hăng thì giống như trong kinh điển đã ghi chép. Trong chúng thường trụ hiện tiền, tôi cảm thấy làm như thế đối với bản thân quý vị, sẽ là bất công, chẳng thích hợp. Nếu có kẻ như thế, hãy nên lập tức sám hối. Nếu không, hãy nên lia bỏ nơi này, có thể hành trì pháp tắc khác, sẽ chẳng đến nỗi báng pháp, mà cũng chẳng đến nỗi bị thương tổn. Vì đây là một đạo tràng Ban Châu, nếu quý vị ngờ vực, hủy báng pháp tắc này, thì hãy nhanh chóng sám hối, hoặc mau chóng rời đi. Cả hai cách ấy đều được, sẽ có lợi, công bằng, tương ứng. Pháp tắc mà chúng ta hành trì trong đạo tràng này có ý nghĩa. Tán thán một pháp tắc là có ý nghĩa, còn ngờ vực, hủy báng pháp tắc là do tâm ngờ vực, tâm hủy báng của quý vị sanh khởi! Không chỉ chẳng đạt được lợi ích trong Phật pháp, mà còn có thể tổn thương chính mình. Nhất là vẫn ở lý trong đạo tràng này thì sẽ là chẳng thích hợp, phạm lỗi gây rối loạn đại chúng và hủy diệt đạo tràng. Đừng nói là ai có thể cứu độ, chính mình cũng chẳng thể tha thứ cho chính mình! Vì sao nói như vậy? Đó cũng là chẳng xả hết thảy hữu tình, chẳng tổn hại hết thảy hữu tình, vì quý vị có thể nói là chính mình vô duyên đối với pháp này. Như thế thì cơ bản là chẳng báng pháp, chẳng ngờ vực, hủy hoại pháp, cho nên chẳng sanh ra lầm lỗi, mà cũng chẳng khiến cho hữu tình bị tổn thương. Ở đây, thừa dịp học Phật, học pháp này, tôi trình trọng nêu ra [những

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

điều cảnh tỉnh ấy], hy vọng mọi người hãy khéo tư duy nhân duyên của chính mình để chẳng đến nỗi bị tổn thương không cần thiết!

“*Quảng đại giới trung quyết định trụ*” (Trụ quyết định trong giới rộng lớn): Trong thực tế, hiếu thuận là chí đạo. Nếu kiến lập thế nguyện, nếu tùy thuận thế nguyện, chúng ta đều nên tùy thuận pháp. Trong tùy thuận, sẽ có giới, giới đức, hộ trì pháp tắc mà chúng ta đã hành. Trong kinh điển, đức Thế Tôn đã nói giới ở chỗ nào? Ở nơi hiếu. Hiếu là chí đạo. Hiếu là gì? Hiếu là giới. Hiếu thuận là giới. Đây chẳng phải là nô dịch chúng ta. Bản thân của giới có thể bảo vệ chúng ta, mang lại lợi ích không chi lớn bằng cho chúng ta. Nhưng trong thời đại này, lòng người dễ phản nghịch, thường nói là hay rối loạn “*tánh giới*”, dĩ hạ phạm thượng. “*Thượng*” ở đây chẳng phải là thượng trong “*thượng hạ*” (trên dưới), mà [thượng] là chỗ đáng nên cung kính, chỗ đáng nên thủ hộ, chỗ đáng nên yêu thích. Nếu như chửi bới, lay động, va chạm những nơi ấy, sẽ sanh ra thương tổn. Vì thế, hiếu thuận là chí đạo (đạo cùng tốt). Người Hoa đặc biệt nói tới hiếu, nhưng hữu tình trong thế gian hiện thời phần nhiều chẳng chuộng hiếu đạo, phần nhiều thích làm các hạnh ngang ngược, trái nghịch, nói lời chẳng dễ nghe, làm các chuyện chẳng thuận thảo, thỏa đáng, kết quả là khổ sở. Vì vậy, do niềm vui tùy thuận, từ niềm vui do giữ giới, có thể đạt được niềm an lạc nơi pháp, niềm vui hiếu kính, có thể đạt được niềm vui được che chở.

Hành Ban Châu cũng giống như thế. Nếu dùng cái tâm đối kháng, tâm chẳng tùy thuận để hành pháp Ban Châu, sẽ rất khó hành. Thông thường, người thật sự hành pháp Ban Châu sẽ rất điều phục, mềm mỏng. Phàm là kẻ chẳng điều phục, mềm mỏng, đều là do tập khí chẳng điều phục, mềm mỏng. Tất cả các thứ chẳng điều phục, mềm mỏng nơi thân người hành Ban Châu đều là do sau khi đã hành Ban Châu, sức mạnh của việc hành trì Ban Châu chèn ép tập khí, cho nên sự chẳng điều phục, chẳng nhu thuận mới nảy sanh sức mạnh to lớn như thế. Trong thực tế, luôn có những trường hợp như vậy. Nhưng nếu là người một mực tùy thuận hành pháp Ban Châu, sẽ rất điều phục, nhu hòa, sẽ đạt được an lạc nơi “*quảng đại giới*” như đang nói ở đây. Tức là lợi lạc trọn khắp thế gian, tùy thuận Phật nguyện, tùy thuận bi trí, tùy thuận phương tiện, tùy thuận hữu tình, ban bố an lạc. Tâm trí ấy tất nhiên được kiến lập, vì được nguyện lực của Phật gia bị, được sức công đức chẳng thể nghĩ bàn của Phật gia bị, được sức thần thông chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật Như Lai gia bị, dưỡng dục tâm linh và đạo đức của chúng ta. Khi chúng ta niệm Nam-mô A Di Đà Phật, âm thanh công đức ấy và thế nguyện của

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

đức Phật sẽ dưỡng dục cảm giác của chúng ta, gia bị quá trình tự tánh biểu hiện chín muồi của chúng ta. Những kẻ tự đại kiêu mạn cũng sẽ dần dần được mài giũa trong ấy, khiến cho sự kiêu mạn và tự đại của chính họ bị tiêu trừ. Vì lẽ nào? Hành Ban Châu một thời gian, sẽ biết sự tự đại của chính mình là vô ích, chẳng có ý nghĩa gì hết! Kẻ càng tự đại, trong khi kinh hành Ban Châu, sẽ rất nhanh chóng điều chỉnh. Nhưng chủ yếu là kẻ tự đại sẽ chẳng bằng lòng kinh hành Ban Châu, vì lẽ nào? Do khinh thường! Một là ta chẳng chịu khổ, hai là ta chẳng thể chịu khổ. Chẳng chịu khổ là mạn tâm, chẳng thể chịu khổ là cái tâm sợ hãi. Kẻ như vậy tất nhiên là tự đại, cho nên trong phần sau, đức Thế Tôn có nói về những kẻ tuy nghe mà chẳng thể hành pháp này!

(Kinh) Vân hà đương đắc nhất thiết chư Phật sở tán quán đánh, trụ w chư Như Lai Thập Lực địa trung cố?

(經)云何當得一切諸佛所贊灌頂，住於諸如來十力地中故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ đạt được chư Phật khen ngợi, quán đánh, trụ trong địa vị Thập Lực của chư Như Lai?)

Chư Phật Như Lai có Thập Lực, mười tám pháp Bất Cộng, Tứ Vô Úy, chính là các pháp mà chư Phật Như Lai chẳng có chung với chúng sanh. “*Quán đánh vị*” (Địa vị quán đánh): [Quán đánh] là một pháp tác riêng ở Ấn Độ. Trong quá khứ, khi ban vương vị, dùng nước của bốn đại dương để làm nghi thức rưới nước lên đỉnh đầu (quán đánh), nhằm tượng trưng cho sự tôn quý. Hiện thời, tại một số quốc gia ở Đông Nam Á, trong quá trình tiếp nhận vương vị, vẫn dùng cách quán đánh này. Như khi Tây Cáp Nỗ Khắc (Sihanouk) truyền ngôi vua cho vương tử [Tây Cáp Mạc Ni (Sihamoni)], cũng cầm một vò nước rưới lên đầu vương tử. Quán đánh là trụ trong pháp vị. “*Vị*” nghĩa là có thành tựu, có sức nhiếp hóa.

Trong hành pháp Ban Châu, đích xác là có thể khiến cho chúng sanh tiến nhập tâm trí chẳng sợ hãi, an ủi thế gian, chẳng vương mắc, đạt được các loại sức thiện xảo chẳng thể nghĩ bàn, chẳng phải là do tự lực trong các hành pháp thông thường mà có thể thành thực được! Pháp Ban Châu có giáo ngôn mười phần bất cộng, tức là Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền Lập. “*Lập*” có nghĩa là thuyết pháp, người nghe bèn nghe pháp. Sau khi nghe pháp, sẽ tiến nhập, đích thân chứng tự tánh,

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

chẳng có gì sợ hãi, chọn lựa Vô Sanh Pháp Nhân. Đây thật sự là một pháp tắc rất khó có trong các hành pháp hiện thời. Pháp tắc như vậy vẫn là nói với các phàm phu chưa đoạn dục, cũng có nghĩa là phàm phu có phần trong pháp tu tam-muội này. Nói theo quy củ thông thường, người trong hiện thời tuy có thể thấy mười phương chư Phật, nhưng phàm phu chẳng thể thấy. Vì lẽ nào? Chưa thanh tịnh lòng dục! Chúng ta có thể tra duyệt rất nhiều kinh điển, [sẽ thấy] trong rất nhiều pháp, nếu muốn thấy Bốn Tôn, sẽ rất khó, phải cần rất nhiều gia hạnh tu trì thì mới có thể thành thực. Nhưng trong pháp Tịnh Độ, chẳng phải là như vậy. Tiễn nhập thẳng thừng ngay trong hiện tại, thiện xảo đích thân chứng tam-muội đều là ngay trong hiện tiền. Cái “*hiện tiền*” này dù thấy hay không thấy, đều thanh tịnh thủ hộ. Do vậy, người thấy sẽ hỏi, hỏi thì sẽ được đáp ngay. Đáp rồi liền biết, biết gì vậy? Giống như được quán đánh, tức là Phật đích thân tự quán đánh, [hành nhân] đích thân tới trước chư Phật nhận quán đánh. Đó là “*đắc nhất thiết chư Phật sở tán quán đánh*” (Được hết thấy chư Phật khen ngợi, quán đánh). Nói “*sở tán quán đánh*” là đích thân ban cho pháp chân thật, khiến cho quý vị trụ trong bất thoái chuyển. Sự gia trì của pháp này đúng là chẳng thể nghĩ bàn!

Nay trong đại chúng hiện tiền, có ai được chư Phật quán đánh như thế hay chẳng? Thật ra, chuyện này chẳng phải là chuyện khó, tùy thuộc chúng ta có siêng năng hành trì pháp tắc này hay không? Có thật sự tin tưởng quyết định hay chẳng? Có thật sự yêu thích, chẳng ngờ vực mà tu tập hay không? Khó hay dễ chẳng ở nơi pháp tắc! Khó hay dễ căn bản ở nơi [hành nhân] phát tâm. Nếu phát tâm khó khăn, hành pháp sẽ khó khăn. Nếu phát tâm dễ dàng, hành pháp bèn dễ dàng. Quý vị nói xem, có phải chính mình cảm thấy dễ dàng là được rồi hay không? Chẳng phải! Quý vị phát tâm càng rốt ráo, càng triệt để, càng thuần tịnh, càng đơn nhất, sẽ đạt được dễ dàng. “Dễ” là càng trực tiếp, càng liễu đạt, càng triệt để, càng chân thật. Do đó, pháp chẳng có khó hay dễ. Phán định phàm hay thánh cũng chẳng nói gì đến khó hay dễ, chỉ là chúng ta tự xếp đặt quá nhiều chướng ngại cho chính mình.

“*Trụ u chư Như Lai Thập Lực địa trung cố*” (Do trụ trong địa vị Thập Lực của các đức Như Lai): Pháp Ban Châu này là cha của mười phương chư Phật, sanh ra tướng công đức oai lực to lớn, hàm nhiếp các chuyện thuộc địa vị Bát Địa Bồ Tát, tức là quyết định đạt được bất thoái chuyển ngay trong một đời. Do đó, pháp như vậy chẳng cho phép ai phỉ báng. Thật ra, chẳng phải là không cho phép, mà là sợ quý vị bị thương tổn. [Bởi lẽ], trên thực tế cũng chẳng có gì để sợ, quý vị cũng chẳng có

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

gì để có thể phỉ báng. Chỉ là chính mình [hễ phỉ báng], sẽ tự mình bị thương tổn đó thôi! Nhất định phải chú ý điều này! Đối với loại pháp tắc này, thường là những kẻ chẳng hành trì thành tựu, chẳng có tiền nhập, bèn dựa vào nghiệp lực của chính mình, dùng tâm lượng của chính mình để đánh giá rồi phỉ báng. “*Báng*” thì sẽ mê mờ, che lấp thiện căn của chính mình, tán hoại thiện nghiệp của chính mình, thậm chí mê loạn người hành pháp thanh tịnh hoặc người phát tâm. Lỗi lầm này rất khó thấy thấu suốt! Người ở đất Hán hiện thời báng pháp, hủy pháp chẳng hề sợ hãi; chứ trong Tạng truyền Phật giáo, rất nhiều người chẳng dám. Ngay cả tội xả pháp cũng đều chẳng dám phạm. Họ nhận biết pháp, trao đổi rất cẩn thận, nhất là đối với pháp tắc tu hành được truyền bá rõ ràng. Chúng ta phải nên chú ý sâu xa điều này. Có những kẻ nhiệt não, phiền não, thốt ra những lời chính mình chẳng chịu trách nhiệm. Đối với người khác thật sự là chẳng có gì, quý vị cũng chẳng tổn hại người khác, nhưng rất dễ tạo thành nghi hoặc nhất thời cho kẻ khác, lung lạc nhân duyên hành pháp của người khác trong một lúc. Tức là nói theo căn bản thì chẳng thể thương tổn người khác, nhưng trong hiện duyên, quý vị có thể làm khổ chính mình, nhất định sẽ rất khổ. Tôi nêu ra ở đây, vẫn mong mọi người hãy tự yêu thương, bảo vệ chính mình.

(Kinh) Vân hà đương nhất thiết sở tưởng, thông đạt nhất thiết chư pháp hạnh cố?

(經)云何當一切所想，通達一切諸法行故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ trong hết thấy suy tưởng, thông đạt hết thấy các pháp hạnh?)

Chư vị thiện tri thức! Khi hành pháp, chúng ta sẽ thấy cách nghĩ của chính mình rất rõ ràng. Trước kia, khi tôi ở một nơi, trong cơ chế “*hết thấy suy tưởng tương ứng với pháp*”, đã nói ra bốn chuyện. Tôi nói đó là chuyện trong tưởng tượng của tôi, kết quả là tôi chẳng nói, mọi người đều thấy là đúng! Thật ra, các chuyện ấy đều đã sớm có kết quả, vì lẽ nào? Trước khi làm, đã suy nghĩ một phen. Sau khi suy tưởng, bèn xếp đặt, vẫn lệch về một bên. Kết quả là sau khi đã đi đường vòng, bốn chuyện ấy mỗi chuyện đều thành thực. Vì sao cách suy tưởng và sự thật có thể tương ứng? Điều quan trọng nhất ở đây chính là chữ *Tưởng* trong “*nhất thiết sở tưởng*”, nó là gì vậy? Nếu đúng như thật thấu đạt trước

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

sau chẳng khác biệt, sẽ có thể hình thành sức mạnh “*hết thấy các pháp hạnh*” và tướng ngang hàng!

Như vậy thì quý vị có thể làm cho tướng và pháp hành tương ứng hay không? Chẳng cần phải sợ hãi. Nếu muốn tương ứng, quý vị nhất định phải có sức nhìn thấu suốt, tức là thấy thấu suốt tiền tế và hậu tế chẳng tách rời. Đó gọi là “*một niệm làm ba đời*”, “*ba đời làm một niệm*”, “*một niệm là tam tế*” (quá khứ, hiện tại, vị lai). “*Tế*” (際, bờ mé, giai đoạn) thật sự chẳng có ngăn mé. Thường là chúng ta do nầy sanh sự chọn lựa chẳng chân thật ở nơi đây, bèn nói “đó là chuyện thuộc về vị lai”. Chuyện vị lai là như thế nào? Quý vị nói: “Nay quý vị có thể tướng chỗ này thành thứ gì đó hay không?” Chẳng phải vậy, tôi chẳng cần tướng. Tám năm trước, nếu tôi nói với mọi người về năm chỗ đang xây dựng⁴⁵ trong hiện thời tại chùa Phóng Quang, chẳng có ai không cười nhạo, quở tôi bị bệnh thần kinh ư? Vì trước kia Phóng Quang Tự chừng bằng bàn tay, khắp nơi đều là gai góc. Năm chỗ trong hiện thời chẳng phải do tôi xây dựng. Đây chẳng phải là một thứ cô ý khoa trương, những người thường trụ sớm nhất tại chùa Phóng Quang đều biết: Đã bàn đến chuyện này, nhưng mọi người chẳng sanh lòng tin, cho rằng chẳng tương ứng: “Đó là cách suy nghĩ chẳng có ý nghĩa”. Nếu muốn cách suy nghĩ và pháp hành tương ứng, phải tướng như thế nào? Đây là một cơ chế tu pháp của phàm phu rất có ý nghĩa. Đầu óc của phàm phu đều là ái tướng (suy tướng về những điều yêu thích), suy tướng không ngừng, nhưng phần lớn là vọng tướng, chẳng tương ứng với pháp, chẳng tương ứng với pháp hành. Có người suy tướng đen tối, suy tướng điên đảo, suy tướng ngu si, suy tướng tự đại, suy tướng lừa dối người khác, suy tướng kiêu mạn, cuối cùng khẳng định là chẳng có ý nghĩa. Có Bồ Tát còn đoán cho tôi một quẻ, bảo: “Ái chà! Sáu tháng cuối năm thầy sẽ bị thế này, thế nọ?” Tôi nói: “Nếu quý vị đoán chuẩn xác, chiều hôm nay tôi sẽ quẩy ba lô về nhà, Phật pháp chẳng liên quan gì đến tôi! Vì sao? Nếu quý vị có thể đoán chuẩn xác cho tôi, tính ra lúc nào tôi sẽ chết. Quý vị có thể tính xem chính mình lúc nào sẽ chết hay không?” Lời ấy trên thực tế là lời tương ứng, tương ứng với gì vậy? Hy vọng mọi người đối với pháp và tướng, phải có cơ chế tương ứng. Sau đó, nửa năm sau, tôi gặp lại vị Bồ Tát ấy, liền hỏi: “Quẻ bói của quý vị có chuẩn hay không?” Ông ta nói: “Ồi giờ ơi! Phật pháp có thể thay đổi vận mạng của

⁴⁵ Năm chỗ ấy là Phóng Quang Tự, Bàn Đà Thạch, tháp viện, Hằng Dương Am, Liên Hoa Tự (chú thích của người ghi lại lời giảng).

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

con người”. Tôi nói: “Phật pháp chẳng thể thay đổi vận mạng của con người. Con người đích xác là có vận mạng, nhưng nếu có thể hành trì đúng pháp, sẽ thật sự là không có pháp nào để có thể đắc, không mấy trần nào để có thể nhiễm!” Các vị thiện tri thức ơi! Phật pháp cách chúng ta chẳng xa, ở ngay trong mỗi niệm hiện tiền, đích xác là trong mỗi nhân duyên hiện tiền thật sự trọn đủ hết thảy công đức, lợi ích, mà cũng là trọn đủ tham, sân, si, mạn, nghi, tri kiến bất chánh, quý vị có thể vận dụng hay không?

“*Vân hà đương đắc chư pháp sở tướng, thông đạt nhất thiết chư pháp hạnh cố*” (Như thế nào để trong suy tưởng các pháp, thông đạt hết thảy các pháp hạnh): Đối với chuyện này, tôi có kinh nghiệm thực tiễn. Trước kia, tôi gặp một vị Bồ Tát bảo tôi: “Su phụ! Vào năm nào đó, thầy sẽ như thế này, như thế nọ. Thầy cứ xem đi!” Tôi suy nghĩ, cân nhắc đôi chút, sau đó nói: “Rất xin lỗi Bồ Tát! Trong tâm tôi chẳng có chủng tử ấy!” Nếu có chủng tử ấy, tôi nhất định giống như lời người ấy nói. Nhưng do chẳng có chủng tử ấy, nó chẳng chín muồi. Cũng có nghĩa là chúng ta có thể quan sát kỹ chủng tử nhân duyên nơi chỗ sâu thẳm trong tâm của chính mình, tức là đối với chỗ ấy, quý vị có sợ hay không? Có hoảng hốt hay không? Là nhiễm hay chẳng nhiễm? Là đạt được hay không? Nếu quý vị có thể cảm nhận, biết rõ; sau đó, hành pháp sẽ rất rõ ràng. Do vậy, hiện thời rất nhiều người sợ thầy tướng số, sợ những người có sức thần thông nói cho họ biết những thứ này nọ. Vì sao sợ hãi? Do có chủng tử. Hễ có chủng tử, khi người khác xếp đặt cho quý vị các chủng tử ấy, chúng sẽ tương ứng, sẽ chín muồi, như thế thì sẽ bị trời chặt. Đó là trong hành pháp Ban Châu, hoàn toàn có thể thuận thực cơ chế “*tướng và pháp hạnh tương ứng*”.

(Kinh) Vân hà đương đắc nhất thiết toán số, xảo phương tiện tri cố?

(經)云何當得一切算數，巧方便知故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ biết hết thảy toán số, phương tiện hay khéo?)

“*Toán số*” phải nhận biết như thế nào? Chính là [các pháp] có tánh chất trật tự, chân thật, liên tục theo thứ tự. Nếu trong năm môn theo thứ tự của hành pháp Ban Châu, chúng ta có thể phá trừ âm cảnh, có thể thấy tướng quang minh, có xuất hiện tướng trang nghiêm của các cõi

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Phật, có thể đích thân thấy tướng chư Phật thuyết diệu pháp, có thể đích thân chứng pháp tánh chân thật chẳng nhiễm, chẳng chấp trước tướng “chẳng đến, chẳng đi”. Trong các thứ tướng ấy, chúng có thứ tự rõ ràng, tự do xuất nhập trong thứ tự sai, thứ tự đúng, thứ tự thuận, thứ tự đảo. Đó là thật sự thành tựu nơi pháp ấy. Như có người hành Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên, xuất nhập tự tại, nhập mỗi pháp Thiên bèn đạt được phương tiện tự tại, nhập mỗi môn Định bèn đạt được phương tiện tự tại, có nghĩa là người ấy đã thuần thục pháp tắc như thế. Trong hành pháp Ban Châu, nếu có thể thiết lập như thế, sẽ có thể đạt được phương tiện tự tại giống như thế, đạt được sức tự tại Xảo Tri Nhất Thiết Pháp (khéo biết hết thấy các pháp). Đối với loại bói toán này, tức là lại xét kỹ các tướng thế gian, tức các tướng quá khứ, hiện tại, vị lai, tướng “ta, người, kẻ khác”, tướng Phật giáo, tướng tự viện, mỗi tướng đều vận dụng thuận tiện.

Tôi đặc biệt tán thán những người có sức thần thông, đặc biệt phản đối những kẻ giả vờ có sức thần thông. Tôi cũng đã từng gặp các vị Bồ Tát có sức thần thông khá tốt, “tốt” hiểu theo nghĩa nào vậy? Họ thuần túy thiện lương, cái tâm trong sáng, có thể thấy một pháp mười phần rõ ràng, bảo cho quý vị biết trình tự, nhân duyên để tiếp tục duy trì pháp ấy mười phần thiện xảo. “Toán” (Bói toán, dự đoán) của họ là “toán” gì vậy? Dùng sức thần thông để thấy. Có người dùng thuật số để tính toán, dùng bấm đốt ngón tay, [đếm] Giáp, Ất, Bính, Đinh, Tý, Sửu, Dần, Mão... Có người dùng bốc phệ⁴⁶ [để tính quẻ bói]. Các thứ bói toán kiểu đó cũng là phương tiện thế gian, có thể thấy phương tiện xuất thế gian hay không? [Những thứ đó] cũng có thể làm trợ duyên; nhưng nếu đắm nhiễm vào đó, kiêu mạn nơi đó, tà kiến nơi đó, chú trọng kiếm lợi nơi đó, sẽ bị đọa lạc! Cho nên nói phương tiện để “bói toán” thì có khi dựa vào sức thần thông, cũng có thể dựa vào đồ hình, quẻ tượng, có khi bói bằng âm thanh, tức là do dựa vào âm thanh nghe được mà bói, cũng có khi dùng bốc phệ để bói, cũng có thể là điều động quỷ thần để

⁴⁶ Bốc phệ (卜筮) là từ ngữ dùng để chỉ các cách bói toán để dự đoán cát hung. Trong nghĩa gốc, Bốc là các cách bói toán dựa vào mu rùa, vết nứt trên xương thú khi hơ qua lửa, xem chân gà, xem bộ đồ lòng của gà đã luộc v.v... Hoặc như Đông Phương Sóc dùng các con cờ để tiên đoán, viết ra bộ Linh Kỳ Kinh, cũng như các cách gieo quẻ bằng đồng tiền hay rút quân bài v.v... đều có thể gọi là Bốc. Còn Phệ là cách bói bằng cỏ Thi. Thi là một loại cỏ, có tên khoa học là *Achillea Wilsoniana*, thuộc họ Cúc Vạn Diệp. Từ Bốc Phệ mà hình thành những học thuyết bói toán như Hồng Phạm Cửu Trù, Châu Dịch v.v...

bói. Các phép bói toán đó thật sự đều nhằm vào một mục đích: Phương tiện nhằm lợi ích hữu tình. Nếu dùng nó vì kiêu mạn, tà kiến, tự đại, sẽ có nguy hại, tuy là cùng một sức mạnh. “*Vân hà đương đắc nhất thiết toán số, xảo phương tiện tri cố*” (Như thế nào thì sẽ được trong hết thầy toán số, biết phương tiện khéo): Trong khi hành Ban Châu, sẽ có cảm giác rõ ràng và sự thiện xảo. Hành trì pháp Ban Châu tất nhiên sẽ trọn đủ thiện xảo như vậy. Thật ra, đối với người thật sự hành pháp [Ban Châu] này, đâm ra những kỹ xảo ấy chẳng phải là chuyện khó.

(Kinh) Vân hà đương đắc thiện tri nhất thiết thành hoại, viễn ly nhất thiết chướng ngại cố?

(經)云何當得善知一切成壞，遠離一切障礙故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được khéo biết hết thầy thành hoại, xa lìa hết thầy chướng ngại?)

Nếu người nào khi đã đạt được phương tiện do sức thần thông, phương tiện tính toán, cho đến phương tiện quan sát, phương tiện trí huệ, có thể dùng toán số, và sức hay khéo để biết chuyện quá khứ, hiện tại, và vị lai. “*Quá khứ, hiện tại, vị lai*” thật ra là một thứ xếp đặt hư giả, trong một niệm có thể biết thấu triệt. Chỉ là chúng ta đối với một niệm nhận biết ấy, thường câu nệ nơi nhân duyên hiện tại, chẳng dám triển khai, chẳng dám tiếp nối, chẳng dám suy diễn đến quá khứ và vị lai. Vì sao vậy? Do chẳng có sức thiện xảo và thấy thấu suốt như thế! Trong khi chúng ta hành Ban Châu, nhất định sẽ có thể dẫn phát loại sức mạnh chẳng thể nghĩ bàn này. “*Thiện tri nhất thiết thành hoại*” (Khéo biết hết thầy các thành hoại), tức là có thể quan sát duyên khởi, quá trình và kết quả của hết thầy mọi chuyện, thấy thấu triệt hết thầy nhân duyên quá khứ, hết thầy nhân duyên hiện tại, hết thầy nhân duyên vị lai, cũng như quá trình và kết quả của chúng.

Thật ra, nói “*quá, hiện, vị lai*” đúng là rất miễn cưỡng; nhưng đối với tâm trí phàm phu, nếu chẳng nói “*quá khứ, hiện tại, vị lai*”, họ sẽ bị mê mất, sẽ mê ngay trong hiện tiền, chẳng biết an trụ trong một niệm hiện tiền như thế nào. Do vậy nói “*vị đắc Lậu Tận Minh, bất tri đương hạ trụ*” (chưa đắc Lậu Tận Minh, chẳng biết an trụ trong một niệm hiện tiền), quý vị sẽ lập tức một mực mê muội, thảng thốt, chẳng biết làm gì, quan sát gì, vận dụng gì, hướng đến gì, thủ hộ điều gì! Nếu chúng ta có thể khéo vận dụng “*nhất thiết tướng, thông đạt nhất thiết pháp hành*”

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

(hết thấy các tướng, thông đạt hết thấy các pháp hành), vậy thì sẽ đối với những cái gọi là mộng thiện xảo, hiện duyên thiện xảo, ác thiện xảo, thiện thiện xảo, cảnh tướng thiện xảo, pháp tác thiện xảo, đều có thể dần dần thuần thực, vận dụng rõ ràng. Vận dụng điều gì? Biết hết thấy các pháp, hết thấy thành hoại, xa lìa hết thấy các hạnh chướng ngại.

Trong chướng ngại mà vô ngại, thật sự là vô ngại hạnh, thật sự là giải thoát hạnh, thật sự là thành tựu hạnh, thật sự là chọn lựa hạnh. Hạnh của phàm phu hễ hành trì sẽ có chướng ngại, gây trở ngại cho sự hành trì. Trong chướng ngại, chúng ta có thể tiến nhập vô ngại hạnh hay không? Trong Tịnh Độ Thập Yếu, có nêu ra mười loại vô ngại hạnh⁴⁷, nhập cảnh vô ngại. Phàm phu trong chướng ngại mà hành vô ngại, đúng là rất hy hữu! Hành pháp Ban Châu cũng giống như thế, vì “*lập một niệm, đoạn các tướng*”, trong các thứ tướng ấy đều là ngăn ngại: Chướng ngại vì mệt mỏi, chướng ngại vì khốn khó, chướng ngại vì buồn ngủ, chướng ngại vì đói, chướng ngại vì lạnh, chướng ngại vì nóng, chướng ngại vì đau, chướng ngại vì phiền bức, chướng ngại vì nhàm chán... Trong đủ loại chướng ngại, sẽ đều hành vô ngại, cứ thẳng thừng mà tiến! Cho nên trong chướng ngại mà hành vô ngại, sẽ tự đạt được phương tiện, tự được giải thoát, tự đạt được thành tựu!

Các vị thiện tri thức ơi! Hành pháp này đích xác là rất có ý nghĩa. Khéo quán các chướng ngại, chẳng chấp trước nơi hạnh, tức là đạt được vô ngại hạnh. Hết thấy các chướng ngại vốn vô ngại, cho nên xa lìa chướng ngại. Chúng ta thường coi chướng ngại như một thứ đáng nên tránh né, coi khó khăn như một thứ có thể tránh né. [Nếu có thái độ như vậy], quả thật chẳng phải là hành giả Ban Châu, chẳng phải là hành nhân niệm Phật. Như thế thì trong khi chúng ta hành pháp, pháp tác để thấy thấu suốt “*trong chướng ngại mà hành vô ngại*” là như thế nào? Thật ra, câu này rất thuận tiện, vì trong mười loại vô ngại hạnh, đề ra cho bọn phàm phu hữu tình chúng ta sự chọn lựa “*trong chướng ngại mà hành vô ngại*”. Nếu từ trong chướng ngại mà quý vị nảy sanh trở ngại, trốn tránh

⁴⁷ 1) Nghĩ đến thân, chẳng cầu không bệnh. 2) Ở trong cõi đời, chẳng cầu không có hoạn nạn. 3) Xét cái tâm, chẳng cầu vô chướng. 4) Lập hạnh, chẳng cầu không bị ma chướng. 5) Mưu sự, chẳng cầu thành công dễ dàng. 6) Giao thiệp với người khác, chẳng cầu họ lợi ích mình. 7) Chẳng cầu người khác thuận thảo, tốt đẹp với mình. 8) Thi ân, chẳng cầu báo đáp. 9) Thấy lợi, chẳng cầu có phần. 10) Bị chèn ép, chẳng cầu được giải bày nỗi oan. Đó là mười hạnh vô ngại trong tác phẩm Bảo Vương Tam Muội Niệm Phật Trực Chỉ của Diệu Hiệp đại sư. Tác phẩm này được ngài Ngẫu Ích xếp vào Tịnh Độ Thập Yếu (mười tác phẩm trọng yếu của Tịnh Độ).

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

chươngng ngại, chươngng ngại ấy sẽ trở thành sự thật, thật sự là chươngng ngại, hoặc chươngng ngại trong hiện tại, hoặc chươngng ngại trong vị lai, ắt đều là chươngng ngại, sẽ thật sự ngăn ngại quý vị! Phạm phu hữu tình phần nhiều sanh tâm chươngng ngại, cũng như đối diện chươngng ngại, sẽ lui sụt, sẽ tránh né. Hành pháp Ban Châu khiến cho chúng ta trong chươngng ngại mà hành vô ngại, trong chươngng ngại mà hành giải thoát, trong chươngng ngại mà hành thành tựu, trong chươngng ngại mà hành chân thật, hành gì vậy? Hành niệm Phật.

Chư vị thiện tri thức ơi! Đừng bỏ lỡ duyên thù thắng của chính mình khi chươngng ngại hiện tiền. Chư vị thiện tri thức ơi! Đừng bỏ qua trân bảo của mình khi chươngng ngại hiện tiền. [Hễ có quyết tâm như thế], chươngng ngại ấy thật sự vô ngại. Ngay trong lúc đang hành pháp, ngay nơi chỗ đắc lực, chính là chỗ “*biết hết thấy thành hoại*”. Thành và hoại đều là tướng sai biệt, thật sự chẳng có tự tánh, hãy chọn lựa để sử dụng. Do vậy, ngại và vô ngại là do người hành pháp chọn lựa. Nếu chẳng thoái, nếu chẳng đọa, thẳng thừng tiến lên, “*ngại*” sẽ thật sự là vô ngại! Hành pháp Ban Châu có biểu hiện đặc biệt đột xuất do pháp tác này, công đức này, lợi ích này, sự thiện xảo chẳng thể nghĩ bàn này. Tức là trân quý một niệm hiện tiền của chính mình, dù là thuận duyên, hay nghịch duyên, ác duyên, duyên chống trái, duyên đau đớn, duyên ngứa ngáy, duyên tổn thương, duyên lợi ích, thậm chí lúc tám gió gột rửa, đều là duyên thù thắng. Duyên thù thắng là gì? Cái duyên vô ngại! Trong “*thành hoại*”, “*thành*” là thành tựu Bồ Đề; còn “*hoại*” là phá tan các chươngng ngại ngăn chươngng, như vậy thì sẽ có thể tự nhiên đạt được giải thoát.

Hành pháp Ban Châu được chúng ta tu tập khá nhiều, nhưng đối với chỉ đạo nơi lý luận cơ sở và kỹ thuật vận dụng vào thực tế, qua một trăm hai mươi hai câu hỏi này, đích xác là chúng ta quen thuộc với nó, đáng nên liễu giải rõ ràng nó, đáng nên thận trọng thực hiện nó, nhận thức nó. Như thế thì sẽ có thể thật sự nhanh chóng thành tựu sức tam-muội, hoặc thành tựu các thiện xảo để tiến nhập hành pháp này.

(Kinh) Vân hà đương đắc nhất thiết, bất trụ hành, bất thủ, bất xả cố.

(經)云何當得一切，不住行不取不捨故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ đối với hết thấy, đạt được các hạnh chẳng trụ, chẳng lấy, chẳng bỏ?)

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

“Ngại trung vô ngại hành” (Trong chướng ngại mà hành vô ngại) như trong phần trước cũng chẳng thể đạt được, cũng chẳng thể lấy, mà cũng chẳng thể bỏ! Ở đây, nếu lấy hay bỏ, sẽ đều là chướng ngại. Do vậy, trong “chướng ngại mà hành vô ngại”, [nếu chấp trước chính mình “ở trong chướng ngại mà hành vô ngại”] sẽ dễ nảy sanh kiêu mạn và đắm nhiễm, cho là có cái để đạt được. Như thế thì sẽ chẳng thể tiến nhập thiện xảo rộng lớn, đích thân chứng tam-muội, đích thân thấy chư Phật. Nhất định phải thấy thấu suốt rõ ràng ở chỗ này! Thông thường, chúng ta vượt qua tầng chướng ngại thứ nhất là Ngã Chấp. Sau đó, sẽ nảy sanh Pháp Chấp. Nếu chúng ta có thể trừ bỏ Ngã Chấp, trừ bỏ Pháp Chấp, thẳng thừng tiến lên, quang minh chiếu rọi, sẽ thấy chư Phật, không vướng mắc gì, chẳng có được hay mất gì! Đó gọi là “*nhất thiết bất trụ hạnh*” (hạnh chẳng trụ trong hết thảy), là thiện xảo để tu trì hồng thâm nhập Nhất Tướng tam-muội, là sự thủ hộ có công đức rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn để tiến nhập Nhất Hạnh. Trong hành trì Ban Châu, cũng giống như thế, sự thiện xảo này trọn đủ; đó gọi là “*bất thủ, bất xả*” (chẳng lấy, chẳng bỏ). Chẳng lấy, chẳng bỏ rất trọng yếu. Đại thủ, đại xả rất trọng yếu. Chẳng lấy, chẳng bỏ chính là đại thủ, đại xả! Xả là xả triệt để, thủ (取, giữ lấy) là thủ triệt để. Xả lìa đối đãi, nhập thiện xảo “chẳng lấy, chẳng bỏ” chẳng thể nghĩ bàn!

(*Kinh*) *Vân hà đương đắc nhất thiết đại thí chủ, năng thí vô hồi cố?*

(經)云何當得一切大施主，能施無悔故？

(*Kinh*: *Như thế nào thì sẽ được hết thảy đại thí chủ bố thí chẳng hối tiếc?*)

Hành pháp Ban Châu chẳng có hồi hận. Đây là pháp tắc được mười phương chư Phật trân quý, là pháp tắc trân quý, là pháp tắc được hết thảy Bồ Tát tốt bậc cung kính lãnh thọ, là pháp tắc đáng được hết thảy trời, người cúng dường. Trước kia, có một vị sư phụ xuất gia từ bên ngoài đến quả đơn⁴⁸ tại đây, đã chất vấn tôi: “Cả đồng cư sĩ và người

⁴⁸ Đơn tức là một tấm ván dài sáu thước, rộng ba thước, vừa đúng một người nằm, kê trong Tăng phòng tập thể cho chúng Tăng trong một tòng lâm. Đó là chỗ ngủ hoặc ngồi thiền cho các vị Tăng. Khi một vị vân thủy Tăng (Tăng đi hành cước tham học) xin ngủ nhờ, hoặc nhập chúng tu học. Nếu được chấp thuận, vị Tăng ấy sẽ đem y bát treo vào chỗ đơn nào chưa có người để đồ, nên gọi là Quả Đơn. Khi số người đã đủ,

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

xuất gia kinh hành Ban Châu như thế, cần phải có chúng thường trụ phục vụ họ. Họ có công đức gì, dựa vào đâu mà phải phục vụ họ chứ?” Tôi hỏi thầy ấy: “Đây là thầy chất vấn, hay là thảo luận?” Thầy ấy nói thầy ấy nhìn như thế có chút không quen! Trong quá khứ, bể quan đều là có yêu cầu. Chẳng hạn như người bể quan muốn chúng thường trụ phục vụ trong bao lâu, vì tín thí của mười phương khó thể tiêu hóa. Có sao ai đến đây cũng có thể hành Ban Châu, lại còn được mọi người chăm sóc? Tôi nói: “Nếu thầy xem kinh Ban Châu, nhất định sẽ chẳng nói như vậy!” Chủ yếu là rất nhiều người chẳng tiếp xúc lời dạy của đức Phật, cứ dựa theo ý nghĩ của chính mình để phán đoán, dựa vào cách suy nghĩ của chính mình để lượng định, dựa vào pháp mình đã biết để đánh giá. Trước kia, cũng có sư phụ xuất gia tại chùa Phóng Quang đã hỏi về chuyện này, nói “những thứ cúng dường dành cho người xuất gia và Tăng chúng, làm sao cư sĩ có thể sử dụng được?” Tôi nói: “Người xuất gia hay cư sĩ, không cần biết họ là gì, họ làm gì mới là quan trọng nhất!” Trong cơ chế hành pháp này, gì là Tăng, gì là cư sĩ, ai đáng nhận cúng dường, ai chẳng đáng nhận công đức, chúng ta dùng góc độ nào để cân nhắc? Đối với chuyện này, hãy khéo quan sát, khéo nhìn thấu suốt. Đây thật sự là một vấn đề lớn. Nếu chúng ta chẳng khéo chọn lựa ở chỗ này, cũng chẳng dám dễ dãi tạo ra nhân quả chẳng tương ứng cho mọi người. Sau khi đã học xong bản kinh này, mọi người nhất định có thể nhận biết: Người hành pháp Ban Châu quả thật được hết thầy chư Phật cúng dường, là người quyết định được hết thầy các vị Bồ Tát cúng dường, là người được hết thầy trời, người nhất định cúng dường.

“*Vân hà đương đắc đại thí chủ*” (Như thế nào thì sẽ được đại thí chủ): Đại thí chủ là nói theo kiểu nào? [Kinh Vô Lượng Thọ đã chép] “*ngã u vô lượng kiếp, bất vi đại thí chủ, phổ tế chư quần khổ, thế bất thành Chánh Giác*” (ta trong vô lượng kiếp, nếu chẳng làm đại thí chủ, giúp khắp chúng sanh khổ, thế chẳng thành Chánh Giác). A Di Đà Phật là đại thí chủ, đại thí chủ theo kiểu nào? Bồ thí pháp, bồ thí vô úy, tài bồ thí, hết thầy đều bồ thí, muốn gì bồ thí nấy. Trong hành pháp Ban Châu, thực tế là thân, tâm, thế giới đều cúng dường đức Thế Tôn, cúng dường Tam Bảo, cúng dường pháp giới hữu tình, thì mới có thể tiếp tục hành trì

không thể tiếp nhận hành cước Tăng ở lại thì gọi là Chi Đơn. Khi từ biệt ra đi thì gọi là Khởi Đơn hoặc Trừ Đơn (rút đơn). Nếu một vị Tăng xin quai đơn lâu ngày, mà tư cách, oai nghi, giới hạnh, phẩm đức không có vấn đề gì, có thể xin nhập chúng thường trụ thì gọi là An Đơn. Nếu vi phạm quy củ hay giới đức có vấn đề, bị trục xuất thì gọi là Thiên Đơn (dời đơn).

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

được. Do đó, hành pháp này quả thật là hạnh của bậc đại thí chủ, là hạnh không vướng mắc, hạnh triệt để hồi thí, hạnh không giữ lại bất cứ gì. Hành Ban Châu đã lâu, đích xác là có thể cảm “khéo thí vô úy, khéo thí pháp tắc vô úy”, cùng lúc chọn lấy tài bố thí, pháp bố thí, vô úy bố thí. Người thật sự hành pháp này, tâm sẽ chẳng vướng mắc, tâm không đắm nhiễm. Người thật sự tùy thuận, an trụ trong pháp tắc này, sẽ khéo bố thí, sẽ biết chọn lựa. Đó là một công đức thực tế của hành pháp Ban Châu, giống đại thệ nguyện “*phổ vi đại thí chủ, phổ tế chư quần khổ*” của A Di Đà, tạo sự thù hộ rộng lớn như thế. Do đó, khi hành Ban Châu cũng là tài bố thí, vô úy bố thí, mà cũng là pháp bố thí, tam đàn (ba sự bố thí) đều trọn đủ, lợi lạc trọn khắp hữu tình, không có gì sợ hãi!

(Kinh) Vân hà đương đắc nhập chư pháp hải, năng thí thắng thượng pháp bảo tạng cố?

(經)云何當得入諸法海，能施勝上法寶藏故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được vào trong các biển pháp, có thể bố thí kho báu pháp thù thắng, thượng diệu?)

“*Vị chúng khai pháp tạng, quảng thí công đức bảo*” (Vị đại chúng mà mở kho pháp, rộng thí báu công đức): Đây là tâm trí xuất thế của hết thầy chư Phật, là tâm nguyện thù hộ hết thầy giáo ngôn thù thắng. Ở đây, “*nhập chư pháp hải, năng thí thắng thượng pháp bảo tạng*” (vào trong các biển pháp, có thể thí tạng pháp bảo thù thắng, bậc thượng). Hồi thí một câu Nam-mô A Di Đà Phật quả thật chẳng thể nghĩ bàn, vì có thể làm cho hết thầy chúng sanh đích thân thấy chư Phật, nghe pháp, mở kho pháp cho đại chúng. Nghe pháp nhập pháp tạng, nghe pháp nhập pháp hải. Phật là đáng tự tại thù hộ hết thầy các pháp, là đáng tự tại thành tựu hết thầy các pháp, là đáng tự tại hồi thí hết thầy các pháp, là đáng giáo ngôn tự tại nơi hết thầy các pháp, có thể khiến cho hết thầy chúng sanh được tự tại nơi pháp. Nếu chúng ta có thể thấy Phật, nghe pháp, sẽ quyết định có thể vào trong các biển pháp, rộng tu tập hết thầy các pháp, vào hết thầy các pháp tạng, tự tánh tạng, công đức tạng, cho đến hết thầy hạnh nguyện tạng, cùng lúc nhìn thấy hết thầy các pháp tạng. Tức là khi hành Ban Châu, sẽ thấy nhân duyên thành thực hiện tiên của Thập Phương Chư Phật Hiện Tiền Lập.

“*Năng thí thắng thượng pháp bảo tạng cố*” (Có thể thí kho pháp bảo thù thắng bậc thượng): Hành trì pháp môn Tịnh Độ, kể cả hành trì

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

hành pháp Ban Châu, đều là chẳng thể nghĩ bàn. Hiện thời, hành pháp Ban Châu bị quy kết thành một pháp thuộc vào Đường Mật Tịnh Độ, [cho rằng] hành pháp Ban Châu chẳng thể là hành pháp đại biểu cho Tịnh Độ, mà là một pháp môn kèm theo của hành pháp Tịnh Độ, tức chỉ là một pháp tu nhánh rẽ, chẳng phải là toàn thể của hành pháp Tịnh Độ, nhưng nó có công đức thiện xảo to lớn chẳng thể nghĩ bàn, có sức gia trì to lớn chẳng thể nghĩ bàn, có sức và pháp thành thực thiện căn chẳng thể nghĩ bàn! Phàm phu hữu tình thật sự khó thể suy lường được, vẫn chỉ có hành giả [Ban Châu] thấu hiểu [công đức ấy] mà thôi, chứ người nói suông sẽ chẳng biết. Vẫn hy vọng mọi người hành pháp, thâm nhập một pháp, chân thật thực hiện, thì mới có thể thật sự đạt được an lạc. A Di Đà Phật nói: “*Vì chúng khai pháp tạng, quảng thí công đức bảo*” (Vì đại chúng mở kho pháp, rộng thí báu công đức). Người niệm Phật chúng ta nương cậy nguyện lực của A Di Đà Phật gia trì, lúc thấy chư Phật, thấy A Di Đà Phật cũng là thiện xảo thật sự thực hiện “*vì chúng khai pháp tạng, quảng thí công đức bảo*”. Đó là lợi ích chân thật chẳng dối sẽ hiện tiền.

(Kinh) Vân hà năng đắc nhất thiết thế gian hành, năng xả thế gian chư tướng cố?

(經)云何能得一切世間行，能捨世間諸相故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được đi trong hết thấy thế gian mà có thể bỏ các tướng thế gian?)

“*Đắc nhất thiết thế gian hành*” (Đi trong hết thấy thế gian) và “*xả thế gian chư tướng*” (bỏ các tướng thế gian), hai câu này có phải là mâu thuẫn hay không? Thật ra, chúng là lời tiếp nối. Đi trong hết thấy thế gian, mà có thể bỏ hết thấy các tướng thế gian. Đây thật sự là công đức lợi ích thế gian to lớn, là thiện xảo tịnh hóa thế gian. Người thường hành đạo tất nhiên là như thế. Người thường hành đạo tất nhiên chọn lựa như thế. Người thường hành đạo tất nhiên thủ hộ như thế. Người thường hành đạo tất nhiên giáo hóa như thế. Như vậy thì sẽ có thể đi trong hết thấy thế gian, có thể xả hết thấy các tướng thế gian, vì chẳng đắm nhiễm hết thấy thế gian. Chẳng nhiễm như thế nào? Vì hóa độ các hữu tình trong thế gian mà xếp đặt đủ loại phương tiện, thực hiện đủ loại pháp, chẳng bị đắm nhiễm thế gian mà độ thoát hữu tình trong thế gian, cho nên sẽ sanh ra sự hóa độ thiện xảo. Nếu chúng ta biết hết thấy các pháp

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

thế gian và xuất thế gian đều nương theo nhân duyên huyễn hóa mà sanh, chẳng có thực chất. Như thế thì chúng ta quyết định lợi ích thế gian, chẳng đảm nhiệm, chẳng chấp trước, cho nên nói “*năng xả thế gian chư tướng*” (có thể xả các tướng thế gian) vì hóa độ thế gian, chẳng yêu đắm thế gian. Người thật sự chẳng yêu đắm thế gian sẽ thật sự chẳng có gì để có thể yêu đắm. Dầu quý vị truy cầu một món gì, ắt nó sẽ chẳng có tự tánh, đó chỉ là chuyện do vọng tưởng, chấp trước nầy sanh kích phát đó thôi. Chuyện ấy thật sự là khổ và hư vọng! Trong bộ kinh đầu tiên, tức kinh Sơ Chuyển Pháp Luân của đức Thế Tôn, tôi vẫn đề xướng mọi người có cơ hội hãy đọc, [đã dạy] hết thấy hữu tình đều nên biết “*nhãn, thức, trí, ngộ, quang đều là khổ*”. Lời giáo huấn ấy của đức Thế Tôn rất sâu chẳng thể nghĩ bàn. Nếu chẳng biết điều ấy, luôn cho rằng có một thứ tốt đẹp đang chờ đợi quý vị, quý vị sẽ không ngừng dấy lên vọng tưởng. Vọng tưởng ấy sẽ chẳng ngừng kiềm chế quý vị, đúng là lãng phí, hao tổn sanh mạng trí huệ của quý vị. Đó cũng là sanh mạng vô nhiễm!

(Kinh) Vân hà đương đắc quảng đại thần thông, tùy thuận chư Phật thần thông mãn túc hoan hỷ cố?

(經)云何當得廣大神通，隨順諸佛神通滿足歡喜故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được thần thông rộng lớn, tùy thuận thần thông của chư Phật, trọn đủ hoan hỷ?)

Đối với “*thần thông*”, chúng tôi chẳng dám tùy tiện nói, vì chẳng có sức thần thông, chẳng dám nói tới thần thông, nhưng chúng tôi giải thích đôi chút về danh từ, danh tướng “*Thông*”. Phật giáo thường nói tới Lục Thông, người thế gian nói Ngũ Thông. Lục Thông tức là Thiên Nhân Thông, Thiên Nhĩ Thông, Tha Tâm Thông, Túc Mạng Thông, Thân Như Ý Thông (Thần Túc Thông), và Lưu Tận Thông. Đó là chỗ căn bản để xét đoán giữa Phật giáo và hết thấy các pháp khác. Có kẻ nói: “*Lưu Tận Thông* trong Phật giáo của bọn người tức là chẳng có năng lực sanh dục!”, chẳng phải là nực cười ư? Thậm chí có khá nhiều Phật giáo đồ cũng cho là như thế: Nam nhân lưu tận là như thế này, như thế nọ, nữ nhân lưu tận là như thế này, như thế nọ. Nhưng thật ra [những kiểu hiểu lầm ấy] chẳng liên quan gì đến Phật giáo. Đó là hiện tượng sanh lý, chẳng liên quan gì với Phật giáo! Trong Luật Tạng, đã ghi chép về phương diện ấy rất nhiều. [Dựa theo lời dạy trong Luật Tạng], những

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

kiểu nói ấy (những kiểu hiểu lầm vừa nói trên đây) quyết định chẳng thể thành lập được, vì chẳng có mảy may quan hệ nào với Phật pháp. Đó là dùng tri kiến thế tục để nhận thức Phật pháp, sanh ra rất nhiều truy cầu và chấp trước nực cười, cách nghĩ và vọng tưởng nực cười, sanh ra sự cảm giác và mê mât đáng cười. Lậu Tận Minh, Lậu Tận Trí, và Lậu Tận Thông đều chẳng phải là như thế. Nói như thế chỉ là một thứ thăng hoa về mặt sanh lý, đối khác về mặt sanh lý, chư thiên chẳng có các thứ như bản [nơi thân tâm] như nhân loại chúng ta. Lên trời Đạo Lợi, nghe tiếng, sắc, thanh, hương, vị, xúc, bèn trọn đủ cái tâm ái nhiễm. Quý vị nói xem, họ có phải là Lậu Tận hay không? Quý vị nói xem, họ đã thoát luân hồi hay chưa? Họ vẫn thuộc trong Dục Giới Thiên.

Rất nhiều người đối với Lục Thông của Phật giáo, hoặc đối với Lậu Tận, nẩy sanh hiểu lầm cực lớn. Loại hiểu lầm này thậm chí khiến cho rất nhiều hữu tình lầm lạc. Nếu chính mình đã hiểu lầm thì đã sai mất rồi, lại còn hướng dẫn người khác sai lầm, rất đáng thương, vì không thoát khỏi nỗi khổ trong tam giới, chẳng có mảy may quan hệ với Phật pháp. Đó là hiện tượng tăng thượng về thiện duyên sanh lý mà thôi. Nếu coi đó là Phật pháp, quả thật là sai lầm to lớn. Trong Lục Thông, Lậu Tận Thông quan trọng nhất, năm món thần thông trước đó là phương tiện. Lậu Tận Thông là Thể, là chỗ căn bản, là chỗ tu chứng cần thiết căn bản xác định sự khác biệt giữa Phật pháp và các ngoại đạo.

Người thế gian nói “*thông lục*” là như thế nào? Ai có thể đạt được thông lục (sức thần thông). Ai có thể đạt được phương tiện đại thông lục? Thực hiện thông lục như thế nào? Đây là nêu ra một vấn đề cho mọi người đó thôi! “*Vân hà đương đắc quảng đại thần thông, tùy thuận chư Phật thần thông mãn túc hoan hỷ*” (Như thế nào thì sẽ đạt được thần thông rộng lớn, tùy thuận thần thông của chư Phật, trọn đủ hoan hỷ). Hành Ban Châu có thể đạt được lợi ích chẳng thể nghĩ bàn như thế hay không? Môn tam-muội Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiện Tiền Lập này thỏa mãn hữu tình phàm phu, mà cũng thỏa mãn hữu tình thánh nhân, thật sự là trọn đủ hạnh. Cho nên “*tùy thuận chư Phật thần thông, mãn túc hoan hỷ*”, quả thật là lợi ích chẳng thể nghĩ bàn! Phàm phu hành pháp này, dầu dục chưa thanh tịnh, vẫn có thể biết Thập Phương Chư Phật Hiện Tiền Lập, do được ba lực cùng gia trì, tương ứng với công đức nơi bốn hạnh, bèn sanh ra sự thật. Do đó, mỗi hữu tình hiện tiền đều có cơ hội như thế!

(Kinh) Vân hà đương đắc nhất sát-na thời gian hành, tức năng biến chí nhất thiết chư Phật tiền cố?

(經)云何當得一剎那時間行，即能遍至一切諸佛前故？

(Kinh: Như thế nào thì sẽ được đi trong khoảng thời gian một sát-na mà có thể đến trước khắp hết thấy chư Phật?)

Trong hơn một trăm hai mươi câu hỏi ở đây, dần dần thâm nhập đến các cõi Phật. “*Biến chí nhất thiết chư Phật tiền*” (Đến trước khắp hết thấy chư Phật): Những gì chúng ta thấy trong Nam Diêm Phù Đề là tướng trược ác trong ngũ trược ác thế. Nhất là trong lúc kiếp giảm, ngũ ác, ngũ thông, ngũ thiêu hừng hực trong thế gian, hữu tình khô não suy hoại trong thế gian. Chúng ta thấy di ảnh của đức Phật Thích Ca và đức tướng của A Di Đà Phật, cho đến các thứ đức tướng của quá khứ, hiện tại, vị lai chư Phật đều là hình vẽ, hoặc tượng đúc bằng kim loại, tượng gỗ, tượng thêu. Các loại tượng ấy tuy cũng “*ứng giáo thí hóa*” (thuận theo giáo pháp thích hợp mà ban bố sự hóa độ) trong thế gian, nhưng chẳng có ngôn từ thuyết pháp, chỉ có hình tượng lặng thinh. Im lặng thí giáo, khiến cho chúng sanh đắc ngộ. Nay chúng ta đối với các vị Phật bằng đồng, bằng gỗ, hoặc các bức “*đường kha*” (thangka)⁴⁹ vẽ tượng Phật để thừa hỏi pháp, các Ngài cũng đích xác nói các thứ pháp cho chúng ta, nhưng sự thuyết pháp ấy thật sự là vô ngôn thuyết. Tuy triệt để hiển lộ giáo huấn của chư Phật, nhưng phàm ngu hữu tình chẳng đạt được phương tiện thiện xảo, sẽ khó thể triệt để liễu giải. Cho nên vẫn phải nhờ vào [các thân Phật] báo thân, thân ứng hóa của đức Thế Tôn, thuận theo căn tánh và nhu cầu của chúng sanh, diễn nói đủ loại pháp

⁴⁹ Thangka (còn viết là tangka, thanka, hoặc tanka) là các hình vẽ tôn giáo trên vải, miêu tả các vị Phật, Bồ Tát, hộ pháp, các vị bôn tôn, các vị thánh giả, tổ sư các tông phái, hoặc hệ thống truyền thừa trong một tông phái (loại này thường gọi là Refuge Tree). Thậm chí thangka dùng như hình minh họa các huyệt vị hoặc được thảo để dạy học trong y học cô truyền Tây Tạng. Thông thường, thangka được vẽ trên vải bố. Màu vẽ thường là năm màu, đôi khi có pha bột vàng. Sau khi hoàn tất, các bức vẽ ấy sẽ được khâu viền bằng các loại lụa hay gấm nhiều màu, gắn trục, và có một lớp lụa hay vải mỏng che trước mặt để bảo vệ. Thangka được sử dụng phổ biến tại các nước theo truyền thống Phật giáo Tây Tạng như Tây Tạng, Mông Cổ, Nepal, Bhutan, Tuva, Buryatia, Kalmykia... Trong các truyền thống vẽ Thangka, truyền thống vẽ tranh của Newari tại Nepal được đánh giá là sắc sảo, đẹp đẽ, và hoàn thiện nhất.

tắc, khiến cho họ tâm khai ý giải. Do vậy, chúng ta cần tới công đức và lợi ích “trong khoảng một sát-na, có thể đi đến trước chư Phật” này. Hành pháp Ban Châu cũng giống như thế, khiến cho chúng sanh có cơ hội nghe pháp, liền trông thấy chư Phật. Được thấy chư Phật, nhất định phải tiến đến trước Phật. Rất nhiều vị Bồ Tát đã hành trì Ban Châu có thể trông thấy diệu tướng vi tế, diệu tướng trang nghiêm, diệu tướng quang minh, thân trọn đủ diệu tướng, cho đến diệu tướng vi tế của chư Phật, có nghe pháp hay không? Đó là nói tới vấn đề tiến nhập.

(Kinh) Phục vân hà đương đắc trụ thử Phật sát, biến kiến nhất thiết thập phương chư Phật, thính văn chánh pháp, cúng dường chúng Tăng. Phi dẫn vị đắc xuất thế Lục Thông, nhi thật vị đắc thế gian Ngũ Thông, nhi diệc vị xả thử thế gian thân, diệc vô sanh bỉ chư Phật quốc độ, duy trụ thử độ, kiến dư thế giới chư Phật Thế Tôn, tất văn chư Phật sở tuyên chánh pháp, nhất thiết thính thọ, như thuyết tu hành?

(經)復云何當得住此佛刹，遍見一切十方諸佛，聽聞正法，供養衆僧。非但未得出世六通，而實未得世間五通，而亦未舍此世間身，亦無生彼諸佛國土，惟住此土，見餘世界諸佛世尊，悉聞諸佛所宣正法，一切聽受，如說修行？

(Kinh: Lại như thế nào thì sẽ được trụ trong cõi Phật này, thấy khắp hết thấy mười phương chư Phật, lắng nghe chánh pháp, cúng dường chúng Tăng. Không chỉ là chưa đắc Lục Thông xuất thế gian, mà thật sự chưa đắc Ngũ Thông của thế gian, cũng chưa xả thân trong thế gian này, mà cũng chẳng sanh trong quốc độ kia của chư Phật, chỉ trụ trong quốc độ này mà thấy chư Phật Thế Tôn trong các thế giới ở phương khác, đều nghe chư Phật tuyên nói chánh pháp, hết thấy đều nghe nhận, tu hành đúng như lời dạy?)

Do phần trên là “vân hà biến chí nhất thiết chư Phật tiền cố” (như thế nào thì sẽ đến trước khắp hết thấy chư Phật), cho nên câu hỏi cuối cùng là xếp đặt “phục vân hà đương đắc trụ thử Phật sát, biến kiến nhất thiết thập phương chư Phật, thính văn chánh pháp, cúng dường chúng

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Tăng, phi đản vị đắc xuất thế Lục Thông, nhi thật vị đắc thế gian Ngũ Thông, nhi diệc vị xả thủ thế gian thân, diệc vô sanh bỉ chư Phật quốc độ, duy trụ thủ độ, kiến dư thế giới chư Phật Thế Tôn, tất văn chư Phật sở tuyên chánh pháp, nhất thiết thính thọ, như thuyết tu hành” (Lại như thế nào thì sẽ được trụ trong cõi Phật này, thấy khắp hết thầy mười phương chư Phật, lắng nghe chánh pháp, cúng dường chúng Tăng. Không chỉ là chưa đắc Lục Thông xuất thế gian, mà thật sự chưa đắc Ngũ Thông của thế gian, cũng chưa xả thân trong thế gian này mà cũng chẳng sanh trong quốc độ kia của chư Phật, chỉ trụ trong quốc độ này mà thấy chư Phật Thế Tôn trong các thế giới ở phương khác, đều nghe chư Phật tuyên nói chánh pháp, hết thầy đều nghe nhận, tu hành đúng như lời dạy). Điều “*vân hà*” này chính là quy kết lợi ích thực tế của một trăm hai mươi một câu hỏi trước đó, cũng nhằm mục đích cuối cùng là tổng kết công đức của một trăm hai mươi một tướng công đức trước đó, tức là “*thấy Phật, nghe pháp, như thật tu hành, thấy hết thầy chư Phật, nghe hết thầy chư Phật tuyên dương chánh pháp nhãn tàng, khiến cho tâm khai ý giải*”. Đó gọi là “*như thuyết tu hành*”.

Do một trăm hai mươi hai câu hỏi về Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiện Tiền Lập tam-muội cho tới chỗ này đã biểu hiện triệt để lợi ích thực tế của hành pháp Ban Châu. Từ một trăm hai mươi hai góc độ mà xiển thuật, khiến cho chúng sanh nghe nói sẽ sanh ra yêu mến, hướng tới, chọn lựa chân thật, chọn lựa lợi ích, chọn lựa niềm hoan hỷ do nghe pháp, thật sự là nội dung rộng lớn của sự chọn lựa sự nhiếp hóa, cho đến nói lợi ích rất ráo nhằm lay tỉnh tự tâm. Nếu đối với lợi ích rộng lớn, rất ráo, chân thật của một pháp mà chẳng thể dính líu chút nào thì phàm phu hữu tình rất khó có cơ hội và nguyện vọng nghiêm túc tiến nhập.

“*Xuất thế Lục Thông*” tức Thiên Nhãn Thông, Thiên Nhĩ Thông, Tha Tâm Thông, Túc Mạng Thông, Thân Như Ý Thông (Thần Túc Thông), và Lưu Tận Thông, đều có hai loại pháp tác biểu hiện là xuất thế và nhập thế. Trong Phật pháp, chỉ có A La Hán hiện chứng Lưu Tận Thông, mà cũng chỉ Phật pháp mới có món thần thông này. Xuất thế Lục Thông thì là thập quả thánh nhân, thuộc địa vị Ứng Cúng, đã phá Kiến Tư Hoặc, đã hết sạch Phần Đoạn Sanh Tử mới có. Trong nghiệp sanh tử, có hai loại Tử lớn:

1) Nương vào Kiến Tư Hoặc, sanh ra cái gọi là Phần Đoạn Sanh Tử.

2) Nương vào Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc, thúc đẩy sanh khởi Biến Dịch Sanh Tử.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Trong hai thứ Tử ấy, một thứ thì hữu tình luân hồi trong sanh tử bèn có. Thứ kia thì các vị Bồ Tát, hiền thánh có. Nếu hết sạch hai món Tử ấy, sẽ thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, thật sự trông thấy. Trong Thanh Văn Giáo, A La Hán đích thân chứng Lưu Tận Thông; đó chính là cực quả trong xuất thế thánh nhân. Trước hết, chúng ta chẳng bàn đến giáo ngôn về Bồ Tát, chỉ nói tới cực quả của Thanh Văn. Loại thánh nhân này vĩnh biệt sanh tử luân hồi, vĩnh viễn đoạn dứt Phần Đoạn Sanh Tử. Phần Đoạn sanh tử là biểu hiện của lục đạo luân hồi, chứa đủ Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới hữu tình. “*Thế gian Ngũ Thông*” chính là Thiên Nhân Thông, Thiên Nhĩ Thông, Tha Tâm Thông, Túc Mạng Thông, và Thân Như Ý Thông, hết thấy người hành đạo trong thế gian đều có thể thành tựu. Không phải là chỉ riêng Phật pháp mới có, cho nên gọi là Thế Gian Ngũ Thông Nhân, Ngũ Thông Tiên Nhân, Ngũ Thông Tự Tại Giả. Loại hữu tình này vẫn còn Phần Đoạn Sanh Tử.

Chúng ta niệm A Di Đà Phật, hành theo pháp Ban Châu, đối với xuất thế Lục Thông và thế gian Ngũ Thông đều chưa đắc, như thế nào thì sẽ có thể thấy A Di Đà Phật và mười phương chư Phật? Đây là điều được khải vấn trong đoạn kinh văn này. Lời khải vấn ở đây mười phần rõ rệt, tức là loại hữu tình này chưa lìa khỏi cõi này, cũng chẳng sanh về cõi kia, nhưng ở ngay trong thế gian này mà thấy chư Phật Thế Tôn, nghe pháp, như pháp tu hành. Điều này đúng là tướng công đức to lớn chẳng thể nghĩ bàn! Lợi ích của hành pháp Ban Châu tam-muội rộng nhất. Nội dung chẳng thể nghĩ bàn là: Đối với người đã tịnh dục hay chẳng tịnh dục, có sức thần thông hay không, đều do được oai đức và nguyện vọng của đức Thế Tôn gia trì, cùng với sức công đức vốn có tương ứng, sẽ được thấy mười phương chư Phật, nghe chư Phật tuyên nói chánh pháp, khiến cho họ như thật tu hành. Đây là một pháp tác đặc biệt chẳng thể nghĩ bàn!

Trong các kinh điển khác, ít tuyên nói pháp tác này. Do đó, trong Hán truyền Phật giáo, bộ kinh này rất hy hữu, trân quý, khó có! Trước khi Quán Kinh được truyền vào Trung Hoa, pháp kinh hành Ban Châu đúng là mười phần trọng yếu. Nó chỉ dẫn, thành tựu rất nhiều vị đại thiện tri thức chọn lựa lợi ích và công đức chân thật trong Phật pháp, không chỉ về phương tiện ngôn thuyết, mà còn là phương tiện tâm trí huệ. Cũng có nghĩa là trong sự thành tựu do hành trì pháp Ban Châu, không chỉ ban cho chúng sanh phương tiện văn tự, phương tiện ngôn ngữ tâm trí, mà còn ban cho chúng sanh sức thiện xảo thần thông to lớn, và đại phương tiện vượt xa sự thiện xảo của sức thần thông, liền được thấy chư Phật,

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

đích thân nghe lời dạy, tu hành như thế đó. Thật ra, thực chất của lợi ích siêu thắng là ở chỗ “*phàm và thánh đều có thể cùng tu, cùng chứng*”. Chỉ có trong pháp Tịnh Độ mới tuyên nói pháp “*phàm thánh đồng tu*” như thế. Nếu chẳng có kinh Ban Châu Tam Muội chứng thực, và do oai thần của chư Phật Như Lai gia bị khiến cho hết thấy chúng sanh đều có thể thấy Phật, thì cái thuyết “*phàm thánh đồng tu*” sẽ trở thành lập bày rỗng tuếch, chẳng lợi ích gì cho cõi đời, hữu tình trong thế gian sẽ phân nhiều sanh ra mê muội nơi ngôn ngữ, chẳng thể sanh khởi niềm tin quyết định đối với pháp, nhất là bọn hữu tình phàm ngu!

Văn tự trong đoạn “*vân hà*” cuối cùng này quả thật là chỗ lợi ích căn bản của hành pháp Ban Châu tam-muội, là chỗ thù thắng riêng biệt chẳng giống các hành pháp khác, là chỗ trông mắt chân thật, là khích lệ chân thật đối với hữu tình, là chỗ gia trì hữu tình sanh khởi tín tâm quyết định đối với hành pháp. Nếu chẳng có điều lợi ích hồi thí và tuyên nói này, bản thân chúng ta sẽ chẳng có sức mạnh và tín tâm để chọn lựa tu tập pháp Ban Châu tam-muội. Vì sao? Phàm phu há có tín tâm để có thể bàn bạc ư? Nếu có tín tâm để có thể bàn, sẽ là Bồ Tát, sẽ là bậc trí, sẽ là bậc thật sự đại thành tựu. Nếu phàm phu do nương vào công đức lợi ích như thật để hồi thí, khiến cho họ được thấy, được nghe, sẽ có tâm trí chọn lựa, chọn lựa thệ nguyện thì mới có thể thâm nhập, tu tập pháp tắc, cảm nhận pháp tắc, chứng thực pháp tắc. Vì thế, một trăm hai mươi hai câu hỏi này thật sự là vị đạo sư dẫn đường cho chúng sanh, là pháp ích thực chất của bậc đại thiện xảo dẫn dắt [chúng sanh] quy nhập hành pháp Ban Châu tam-muội. Nếu chẳng có một trăm hai mươi hai điều “*vân hà*” hỏi về công đức và lợi ích, tất cả tín tâm của chúng ta trong hiện tiền đều thành sự lập bày hư giả! Nếu chẳng thật sự liễu giải hoàn thiện, quý vị làm sao có thể xác định, chẳng ngờ vực mà tu tập pháp tắc này? Nhất là đối với các hữu tình trọn đủ tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, làm thế nào để thúc đẩy họ bỏ tham, sân, si, mạn, nghi, kiến giải bất chánh để tiến nhập pháp tắc này, đạt tới thấy Phật, nghe pháp? Do vậy, một trăm hai mươi hai câu hỏi “*vân hà*”, nhờ Hiền Hộ Bồ Tát thưa hỏi để khai giáo, khiến cho bọn hữu tình chúng ta tâm khai ý giải, liễu giải đúng như thật tạng công đức chân thật của hành pháp Ban Châu tam-muội, nhập công đức tạng này, mở ra công đức tạng, khiến cho mọi người nhìn vào, sẽ được nhận biết, sẽ có ý nguyện và lòng ưa thích tiến nhập.

Hiền Hộ Bồ Tát nương vào sức oai thần của đức Thế Tôn gia bị, khai vấn nội hàm công đức chân thật của Ban Châu tam-muội, khiến cho các hữu tình chưa chứng tam-muội được thấy, được nghe, khiến cho

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

người chẳng biết Ban Châu tam-muội được thấy, được nghe, khiến cho kẻ chẳng liễu giải mà muốn liễu giải Ban Châu tam-muội được thấy, được nghe, thật sự có phước đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn để hỏi thí. Vì lẽ nào? Nếu chẳng có Hiền Hộ Bồ Tát thay cho các hữu tình thời Mạt Pháp phát khởi các câu hỏi đúng lý ấy, sẽ chẳng có lời giải đáp súc tích của đức Thế Tôn về một trăm hai mươi hai lợi ích của hành pháp Ban Châu, hữu tình trong thời Mạt sẽ rất khó dính dáng đến Ban Châu tam-muội, sẽ rất khó liễu giải toàn bộ, cụ thể pháp này. Dầu đạt được lợi ích tương tự, cũng rất khó từ văn tự và ngôn giáo mà tiến nhập hoàn chỉnh và rõ ràng thực chất của lợi ích chân thật. Vì thế, Hiền Hộ Bồ Tát thật sự là một vị đại Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn, do muốn lợi ích chúng ta mà phát khởi cơ hội nêu ra thắc mắc thù thắng, khó có như thế cho pháp hội. Chúng ta là bọn phàm phu lè tè sát đất, muốn liễu giải hành pháp Ban Châu, cho đến đích thân chứng nội dung thực chất của Ban Châu tam-muội, khoảng cách ấy rất xa! Nếu chẳng có giáo ngôn hướng dẫn, pháp tắc để hướng dẫn, thật sự chẳng dễ gì bén mảng liễu giải nổi! Thông qua việc học tập, nhận thức một trăm hai mươi hai câu hỏi này, chúng ta sẽ có cơ hội dần dần tiến nhập, liễu giải, tu tập pháp này, quả thật là thiện xảo hỏi thí công đức rất sâu chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật! Nói theo phía bọn phàm phu sát đất chúng ta, nếu chẳng có sự hỏi thí thiện xảo rộng lớn của chư Phật Như Lai, danh tự Ban Châu còn chẳng được nghe, huống hồ đích thân chứng nhập ư? Do vậy, chư Phật Như Lai lập giáo truyền dạy trong cõi đời, rộng lợi ích trời, người, khiến cho kẻ chẳng có duyên sẽ dần dần đạt được nhân duyên chín muồi; kẻ hữu duyên sẽ có thể thành tựu trong pháp này, [các Ngài đã] kết duyên thù thắng chẳng thể nghĩ bàn với hết thầy kẻ hữu duyên.

(Kinh) Thế Tôn! Thí như kim thời thánh giả A Nan.

(經)世尊! 譬如今時聖者阿難。

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Ví như thánh giả A Nan trong hiện thời).

“Thánh giả A Nan” là thánh nhân Sơ Quả. Trong giáo ngôn Thanh Văn, Tứ Quả và Tứ Hướng là tám bậc thánh nhân. Địa vị Sơ Quả là bậc thiện xảo chứng đắc thánh quả đầu tiên.

(Kinh) Ư Thế Tôn tiền, thân văn pháp dĩ, giai tất thọ trì, như thuyết phụng hành.

(經)於世尊前，親聞法已，皆悉受持，如說奉行。

(Kinh: Đối trước đức Thế Tôn, đích thân nghe pháp xong, thấy đều thọ trì, phụng hành đúng như lời dạy).

Ở đây, nêu thí dụ ngài A Nan là bậc đa văn bậc nhất. Khi chúng ta hành pháp Ban Châu, nếu đạt được tam-muội Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiện Tiền Lập như thế, sẽ có thể đạt được lợi ích như thế nào? Có thể là nghe điều này, quên mất điều kia hay không? Ở đây, [ngài Hiền Hộ] nêu ra một điều lợi ích để an ủi, khiến cho chúng ta sanh lòng tin quyết định, tức là [người chứng đắc Ban Châu] sẽ giống như ngài A Nan, nghe rồi chẳng quên, nghe xong bèn hành trì chánh đáng, nghe rồi bèn thọ trì.

(Kinh) Bĩ chư Bồ Tát, thân cư thử độ, bất chí bỉ giới, nhi năng biến đồ chư Phật Thế Tôn, thính văn pháp dĩ, tất năng thọ trì, như thuyết tu hành, diệc phục như thị. Nãi chí mộng trung, hàm nhuợc tư dã.

(經)彼諸菩薩，身居此土，不至彼界，而能遍睹諸佛世尊，聽聞法已，悉能受持，如說修行，亦復如是。乃至夢中，咸若斯也」。

(Kinh: Các vị Bồ Tát áy thân ở trong cõi này, chẳng đến cõi kia, mà có thể thấy trọn khắp chư Phật Thế Tôn, được nghe pháp xong, đều có thể thọ trì, tu hành đúng như lời dạy, cũng giống như vậy. Thậm chí trong mộng, cũng đều như thế).

Đây là nêu câu hỏi về lợi ích cũng giống như thế. Pháp như thế nào thì sẽ có thể đạt được lợi ích như thế nào? Trong phần sau, đức Thế Tôn sẽ bố thí quyết định, thật sự ban bố sự an ủi không chi lớn bằng cho hết thấy hữu tình dù thánh hay phàm. Nhất là đối với phàm phu hữu tình chưa chứng công đức Lục Thông xuất thế, chưa chứng Ngũ Thông thế gian thiện xảo, cho đến những kẻ thuộc địa vị phàm ngu muốn hành pháp, Phật đều ban sự an ủi tội bậc to lớn, khiến cho họ tiến nhập pháp này. Đối với lợi ích và công đức của pháp tắc này, dù là liễu nghĩa hay bất liễu nghĩa, dù là chân thật hay chẳng chân thật, dù là rộng lớn hay chẳng rộng lớn, cho đến thù thắng hay không thù thắng, tâm trí phàm

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

phu chẳng thể liễu giải. Tôi đa là suy đoán, [tức là] nhờ vào sự tri kiến mà chính mình có thể thấy biết để suy đoán pháp tắc này, rất khó liễu giải hoàn thiện, hoàn chỉnh được, khó thể thấy toàn thể. Trong lời giải đáp của đức Thế Tôn đối với một trăm hai mươi hai điều “vân hà” (như thế nào) ấy, hoặc có thể nói là một trăm hai mươi hai câu hỏi của Hiền Hộ Bồ Tát đã hoàn toàn tỏ lộ lợi ích và công đức chân thật của pháp tắc này, tỏ rõ pháp này được phạm thánh đồng tu. Dầu là kẻ hữu tình còn chưa đạt được công đức xuất thế, hay công đức nhập thế, hễ tiến nhập pháp này, cũng đều có thể thấy Phật, cũng đều có thể nghe pháp, cũng đều có thể tu hành đúng như thật. Đây chính là mở cho chúng ta một con đường rộng rãi để tiến thẳng vào Niết Bàn. Nếu một trăm hai mươi hai câu hỏi này chẳng được tuyên nói, chúng ta làm sao có thể hiểu biết thực chất của công đức Ban Châu tam-muội cho được? Do vậy, Hiền Hộ Bồ Tát đúng là đại sư của chúng ta, đúng là bậc ban ân huệ cho chúng ta, có ơn dưỡng dục chúng ta, ban cho chúng ta tư lương hành pháp Ban Châu, ban cho oai đức, ban cho cơ duyên!

Dưới đây, đức Thế Tôn sẽ trả lời một trăm hai mươi hai điều “vân hà” của Hiền Hộ Bồ Tát về công đức, lợi ích, thiện xảo, tức là đối với pháp tắc như thế nào, thì sẽ có thể đạt được công đức và lợi ích thù thắng, khó thể diễn nói như thế ấy? Đức Thế Tôn đều giải đáp.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn cáo Hiền Hộ Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn:
- Thiện tai! Thiện tai! Hiền Hộ! Nhữ kim nãi năng thỉnh vấn Như Lai như thị diệu nghĩa. Nhữ vị lợi ích nhất thiết thế gian chư chúng sanh cố, diệt vị an lạc chư chúng sanh cố. Phục vị lân mãn chư thiên nhân cố. Phục vị nhiếp thọ vị lai thế trung chư Bồ Tát cố. Hiền Hộ! Nhi nhữ vãng tích dĩ tàng cúng dường vô lượng chư Phật, chủng chư thiện căn, thính văn chánh pháp, thọ trì chánh pháp, ái nhạo chánh pháp, kính trọng chánh pháp. Nhữ kim dẫn dĩ Ma Ha Ca Diếp giáo hóa hạnh cố, thiếu dục, tri túc, hằng nhạo nhàn tịnh A Lan Nhã xứ, hoặc cư trung gian, hoặc tại thụ hạ, diệt lộ địa tọa, thường tọa bất ngọa. Nhất phu bất di, thọ khát thực pháp, nhất thực bất tái, hoặc nhất tọa thực, hoặc duy nhất đoàn, duy súc tam y, cập phần tảo y, tán thán Đầu Đà, khuyến thỉnh chư Bồ Tát, giáo Bồ Tát hành pháp, linh chư Bồ Tát hỷ, ha trách chư Bồ Tát, giáo thị chư Bồ Tát, thành tựu chư Bồ Tát, năng vi lợi ích hành đại từ bi. Ư chư chúng sanh, sanh bình đẳng tâm, hàm đắc tự tại đáo ư bỉ ngạn, tùy ý đắc kiến nhất thiết chư Phật, phát quang đại nguyện, hành thâm diệu hạnh, nhạo Nhất

Thiết Trí Bồ Đề lương trụ, thiện năng tùy thuận Như Lai chủng tánh. Phát Bồ Đề tâm, do như kim cang. Thông đạt thể gian chúng sanh sở niệm. Quảng đại diệu hạnh bất khả giáo toán, bất khả xưng lượng, thường tại nhất thiết chư Phật mục tiền. Hiền Hộ! Ư như công đức trung, vị thuyết thiếu phần dã!

(經)爾時，世尊告賢護菩薩摩訶薩言：「善哉！善哉！賢護！汝今乃能請問如來如是妙義。汝為利益一切世間諸衆生故，亦為安樂諸衆生故。復為憐愍諸天人故。復為攝受未來世中諸菩薩故。賢護！而汝往昔已曾供養無量諸佛，種諸善根，聽聞正法，受持正法，愛樂正法，敬重正法。汝今但以摩訶迦葉教化行故，少欲知足。恆樂閒靜阿蘭若處，或居家間，或在樹下，亦露地坐，常坐不臥。一敷不移，受乞食法，一食不再，或一坐食，或唯一搏，唯畜三衣，及糞掃衣，讚歎頭陀，勸請諸菩薩，教菩薩行法，令諸菩薩喜，訶責諸菩薩，教示諸菩薩，成就諸菩薩，能為利益行大慈悲。於諸衆生，生平等心，咸得自在到於彼岸，隨意得見一切諸佛，發廣大願，行深妙行，樂一切智菩提樑柱，善能隨順如來種性。發菩提心，猶如金剛。通達世間衆生所念。廣大妙行不可校算，不可稱量，常在一一切諸佛目前。賢護！於汝功德中，未說少分也！」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Hiền Hộ Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: - Lành thay! Lành thay! Nay Hiền Hộ! Ông nay có thể thưa hỏi Như Lai diệu nghĩa như thế. Ông vì lợi ích hết thảy các chúng sanh trong thế gian, cũng vì khiến cho các chúng sanh yên vui. Lại vì thương xót các vị trời. Lại vì nhiếp thọ các vị Bồ Tát trong đời vị lai. Nay Hiền Hộ! Trong quá khứ, ông đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, gieo các thiện căn, lắng nghe chánh pháp, thọ trì chánh pháp, yêu thích

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

chánh pháp, kính trọng chánh pháp. Ông nay chỉ hành theo sự giáo hóa của Ma Ha Ca Diếp, ít ham muốn, biết đủ, thường thích chốn A Lan Nhã thanh vắng, hoặc ở nơi mồ mả, hoặc ở dưới gốc cây, cũng ngồi nơi đất trống, thường ngồi chẳng nằm. Hễ trái tọa cụ ra, sẽ chẳng dòi chỗ, lãnh nhận pháp khát thực chỉ xin một bữa, hoặc chỉ ăn một bữa, ăn duy nhất một nắm cơm, chỉ chứa ba y và y phẩn tảo, tán thán hạnh Đầu Đà, khuyến thỉnh các Bồ Tát, dạy Bồ Tát hành pháp, khiến cho các Bồ Tát vui mừng, quở trách các Bồ Tát, chỉ dạy các Bồ Tát, thành tựu các Bồ Tát, có thể vì lợi ích mà hành đại từ bi. Đối với các chúng sanh, sanh tâm bình đẳng, [khiến cho họ] đều được tự tại, đạt tới bờ kia, tùy ý được thấy hết thấy chư Phật, phát nguyện rộng lớn, hành hạnh sâu mâu, vui thích nơi rường cột của Nhất Thiết Trí Bồ Đề, khéo có thể tùy thuận chủng tánh của Như Lai. Phát Bồ Đề tâm ví như kim cương. Thông đạt ý niệm của chúng sanh trong thế gian. Diệu hạnh rộng lớn chẳng thể so lường, chẳng thể đếm kể, thường ở trước mắt hết thấy chư Phật. Nay Hiền Hộ! Trong công đức của ông, chưa thể nói chút phần được!

Vì sao gọi là Hiền Hộ Bồ Tát Ma Ha Tát? Hiền Hộ Bồ Tát thật sự là bậc đại Bồ Tát. Vì lẽ nào? Ngài lợi ích thế gian rộng khắp, nhiếp thọ thế gian rộng khắp, nhuần thấm chúng sanh hữu duyên trong thế gian rộng khắp, khiến cho họ đạt được lợi ích chân thật. Đức Thế Tôn tán thán rằng: “Thiện tai! Thiện tai! Hiền Hộ! Nhữ kim nãi năng thỉnh vấn Như Lai như thị diệu nghĩa. Nhữ vị lợi ích nhất thiết thế gian chư chúng sanh cố, diệt vị an lạc chư chúng sanh cố. Phục vị lân mãn chư thiên nhân cố. Phục vị nhiếp thọ vị lai thế trung chư Bồ Tát cố” (Lành thay! Lành thay! Nay Hiền Hộ! Ông nay có thể thưa hỏi Như Lai diệu nghĩa như thế. Ông vì lợi ích hết thấy các chúng sanh trong thế gian, cũng vì khiến cho các chúng sanh được yên vui. Lại vì thương xót các vị trời. Lại vì nhiếp thọ các vị Bồ Tát trong đời vị lai). Lời dạy này mười phần trọng yếu. Hết thấy các lời khái thỉnh về giáo pháp của Hiền Hộ Bồ Tát cũng như hết thấy các vị Bồ Tát Ma Ha Tát, đều là nương vào oai thần của chư Phật gia bị, khiến cho các Ngài từ chỗ ngồi đứng lên, vì phát khởi lợi ích cho hết thấy chúng sanh mà khái vấn. Nếu chẳng như thế, ngài Hiền Hộ cũng khó thể khái vấn. Vì sao? Công đức và lợi ích do chư Phật đã chứng, tạc công đức của chư Phật, chỉ có Phật và Phật có thể biết, hết thấy các Bồ Tát chẳng thể hiểu biết!

“Vị lợi ích nhất thiết thế gian chư chúng sanh cố” (Vì lợi ích hết thấy các chúng sanh trong thế gian): [“Chúng sanh” ở đây] là hết thấy

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

phàm thánh hữu tình. Pháp Tịnh Độ rất sâu chẳng thể nghĩ bàn, hoàn toàn là ở chỗ này: “*Phàm thánh đồng tu*” là một giáo ngôn đặc biệt của pháp Tịnh Độ. Tuy hành pháp Ban Châu là một pháp tắc phụ thuộc của pháp Tịnh Độ, nhưng nó có thể hiển lộ rõ rệt chỗ quy kết của tâm tủy và tâm trí trong pháp tắc Tịnh Độ, tức là [phô bày] chỗ then chốt và trọng yếu ở nơi nào! Dựa theo sự chỉ dạy của kinh Vô Lượng Thọ đối với chúng sanh, chúng ta học tập giáo ngôn của A Di Đà Phật, nương theo nguyện lực của Phật mà được độ thoát. Ở đây, do nương theo hành pháp Ban Châu tam-muội mà được thành tựu, tuy sở hành và sở nhiếp⁵⁰ vẫn có khác biệt, nhưng thật ra, tướng công đức và lợi ích [của pháp Ban Châu so với pháp Trì Danh trong hai kinh Vô Lượng Thọ và kinh Di Đà] vẫn là chân thật y hệt. Hiền Hộ Bồ Tát nêu ra một trăm hai mươi hai câu hỏi, [nội dung của] mỗi câu hỏi đều là lợi ích thực chất của hành pháp [Ban Châu], đều là nội hàm chân thật mà mỗi hành giả thật sự tu tập sẽ có thể đạt được. Vì thương xót hữu tình dù phàm hay thánh, kể cả trời, người chưa được tiếp xúc công đức và lợi ích chân thật của Ban Châu tam-muội mà chân thật bố thí, khiến cho họ sanh khởi sự lựa chọn lợi ích. Do đó, Ngài tuyên thuyết như thế. Hễ tuyên thuyết thì không chỉ nhiếp hóa (nhiếp thọ, hóa độ) các hữu tình phàm phu ngu muội, mà còn nhiếp hóa các vị Bồ Tát trong đời vị lai. “*Phàm thánh đều cùng tu*” được hiển hiện toàn vẹn ở nơi đây. Trong các hành pháp, có pháp chỉ thâm nhiếp phàm phu, có pháp nhiếp thọ thánh nhân, nhưng hành pháp Tịnh Độ, thậm chí hành pháp Ban Châu, nhiếp trọn phàm và thánh, đúng là đại công đức tạng! Pháp này là pháp tạng, là công đức tạng của Như Lai. Trong đoạn kinh văn này, đã biểu đạt mười phần rõ rệt cái được gọi là “*lợi ích nhất thiết thế gian chư chúng sanh*” (lợi ích các chúng sanh trong hết thảy các thế gian), bất luận là phàm phu hay thánh nhân, bất luận là nhân loại hay thiên chúng.

“*Đản y Ma Ha Ca Diếp tôn giả giáo hóa hạnh cố*” (Chỉ nương theo hạnh giáo hóa của tôn giả Ma Ha Ca Diếp): Mọi người hãy quan sát. [Đức Phật] căn dặn Hiền Hộ Bồ Tát ở đây, thật sự là căn dặn hết thảy đại chúng hiện tiền. Hiền Hộ Bồ Tát là tại gia Bồ Tát. Dù tại gia, hay xuất gia, đều dùng thân Bồ Tát để biểu đạt. Cũng có nghĩa là phàm thánh cùng tu, xuất gia hay tại gia, xuất thế hay nhập thế, nội dung thiện xảo chân thật chẳng thể nghĩ bàn, nhiếp thọ trọn khắp, bình đẳng trọn

⁵⁰ Có thể tạm hiểu là cách hành trì và đối tượng thích hợp cho một pháp tu.

khắp. Vì sao chúng ta có thể học tập kinh điển này ở dưới cửa Hoa Thủ⁵¹ của núi Kê Túc, là nơi tôn giả Ma Ha Ca Diếp gìn giữ y [ca-sa của đức Phật], nhập Định [chờ Phật Di Lặc xuất thế]? Nhất định là có cơ chế phước đức và nhân duyên thù thắng chẳng thể nghĩ bàn gia bị. Cũng có người hỏi chúng tôi vì sao hành Ban Châu ở đây? Tôi đáp: “Tôi cũng không hiểu cho lắm! Phải nên hỏi tôn giả Ma Ha Ca Diếp. Phải nên thỉnh Ngài xuất Định [để thừa hỏi] do cái duyên mạnh mẽ nào mà nhiếp hóa chúng ta hành trì Ban Châu? Vì sao mọi người tới nơi này để hành Ban Châu?” Vì trong các đệ tử của đức Thế Tôn, tôn giả Ma Ha Ca Diếp đã thành tựu pháp này. Trong đời Mạt Pháp này, Ngài dùng công đức Thiên Định chẳng thể nghĩ bàn để gìn giữ áo ca-sa kim sắc của đức Thế Tôn, giữ gìn y bát để truyền lại cho Di Lặc Phật là vị sẽ chứng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề vào năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm trong vị lai, hồng lợi ích rộng khắp nhân thiên trong ba hội Long Hoa. Cơ chế truyền bá như thế do tôn giả Ma Ha Ca Diếp thủ hộ.

Nay chúng ta đến dưới chân tôn giả Ca Diếp, đến tu hành pháp này, dường như là lẽ đương nhiên, dường như là nhân duyên chín muồi, dường như là dấu hiệu trọng yếu chứng tỏ thiện căn và thiện duyên đã chín muồi. Có phải là như thế hay không? Các vị thiện tri thức hãy khéo quan sát, khéo suy nghĩ. Vì một pháp tác chẳng thể một mình tự đáy lên được, phải đều là do các duyên hòa hợp mà triển hiện trong hiện duyên của chúng ta, hoặc chẳng chín muồi! Chúng ta tới dưới cửa Hoa Thủ là nơi tôn giả Ca Diếp gìn giữ y, nhập Định. Phóng Quang Tự và Hằng Dương Am đều được oai đức của tôn giả Ca Diếp che chở, nhiếp thọ. Ngài gia bị chúng ta, thúc giục chúng ta tu hành để thiện căn chín muồi. Nếu không như vậy, tôi cảm thấy sẽ rất khó được nghe danh tự “*hành pháp Ban Châu*”, nội hàm công đức và lợi ích của pháp ấy càng khó được nghe hơn. Đối với công đức và lợi ích hoàn thiện, trọn đủ, sâu đậm, rộng

⁵¹ Hoa Thủ (華首) là một vách đá hiểm trở ở phía Tây Nam ngọn Thiên Trụ trong rừng Kê Túc. Vách đá thẳng đứng như dao cắt, chính giữa vách đá ấy, các gờ đá lõm vào có hình dáng như một khung cửa lớn. “*Khung cửa*” ấy có chiều cao 40 mét, rộng 20 mét, chính giữa “*khung cửa*” lại có vết cắt thẳng đứng trông như hai cánh cửa đá khép chặt. Núi Kê Túc thuộc huyện Tân Xuyên, thành phố Đại Lý tỉnh Vân Nam. Do rừng núi này gồm bốn quả núi, ba ngọn núi phía trước chia ra thành ba nhánh, một nhánh núi kéo dài về phía sau, khiến cho toàn thể rừng núi có hình dáng giống như chân gà, cho nên người Hán thời cổ cho rằng đây chính là núi Kê Túc (Kukkatapadagiri) trong kinh Phật. Núi Kê Túc ở Vân Nam được coi là thánh địa của Phật giáo Tây Tạng, Phật giáo Bắc Tông, và Phật giáo Nam Truyền.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

lớn, chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể diễn tả như thế, đúng là chẳng dám léo hánh, mà cũng chẳng dám tưởng tượng. Nhưng chúng ta có phước đức và nhân duyên thù thắng như thế, đến cuộc đất thù thắng của Phật giáo là núi Kê Túc này, ở ngay dưới ánh mắt từ ái của tôn giả Ca Diếp để hành Ban Châu, chẳng phải là có đại nhân duyên ư? Chư vị thiện tri thức ơi! Hãy tự khéo suy nghĩ tinh tế, quan sát tinh tế, đừng để luống qua!

“*Thiếu dục tri túc*” (Ít ham muốn, biết đủ): Dưới đây là tham chiếu hành pháp của tôn giả Ma Ha Ca Diếp để phô bày nội hàm của pháp Ban Châu. “*Hằng nhạo nhàn tĩnh A Lan Nhã xứ*” (Luôn ưa thích chỗ A Lan Nhã thanh vắng): Xa lìa các ồn náo đối với thân tâm, xa lìa ồn náo đối với chính mình và kẻ khác, đến A Lan Nhã (Aranya), tức là chỗ tịch tĩnh để giữ gìn sự an lạc. Người học Phật hiện thời chuộng ồn ào, náo nhiệt, đúng là đáng thương! Quý vị nói xem, [ham chuộng ồn ào, náo nhiệt như thế], ta ở trong pháp tắc Đại Thừa, hoặc trong các công đức thù thắng, dùng ý nhạo để tu pháp có được hay không? Như thế thì sẽ có chỗ chẳng tương ứng hành pháp Ban Châu tam-muội. Đối với hành pháp này, trụ nơi tịch tĩnh nhất định là phương tiện tăng thượng. Chúng ta vào rừng rậm nguyên thủy, hoặc đến các cuộc đất khá rộng rãi, thông thoáng, nguyên sơ, mộc mạc, có hoàn cảnh tương đối tịch tĩnh, tức là hoàn cảnh y báo [thanh vắng] như thế. Sau đó, quý vị điều chỉnh tâm trí của chính mình, khiến cho nó tịch tĩnh, xa lìa các ồn náo do tham, sân, si, mạn, nghi, và tri kiến chẳng chánh đáng từ vô thủy đến nay đem lại. Các thứ ấy quấy nhiễu chúng ta, khiến cho tâm trí ta phiền bức. Đó là một loại thiện xảo để tiến nhập tịch tĩnh và an lạc, được thấy chư Phật.

“*Hoặc cư trủng gian, hoặc tại thụ hạ, diệc lộ địa tọa, thường tọa bất ngọa. Nhất phu bất di, thọ khát thực pháp nhất thực bất tái, hoặc nhất tọa thực, hoặc duy nhất đoàn. Duy súc tam y, cập phần tảo y, tán thán Đầu Đà*” (Hoặc ở trong nơi mồ mả, hoặc dưới gốc cây, cũng ngồi nơi đất trống, thường ngồi chẳng nằm. Hễ trải ngọa cụ ra, bèn chẳng dời chỗ. Nhận lãnh pháp khát thực chỉ đi khát thực một bữa, hoặc chỉ ăn một bữa, hoặc chỉ ăn một vắt cơm. Chỉ chứa ba y và y phần tảo. Tán thán hạnh Đầu Đà): Ở đây, nêu ra mười hai pháp tắc thuộc về hạnh Đầu Đà. Chúng ta biết tôn giả Ca Diếp là vị hành giả Đầu Đà bậc nhất. Trong giáo hóa của đức Thế Tôn về pháp Đầu Đà, chữ Đầu Đà (Dhūta) có thể phiên dịch thành rất nhiều danh từ. Đầu Tẩu (抖擻) là một danh từ [phiên âm của Dhūta] được biết đến khá nhiều. Chẳng hạn như khi chúng ta

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

giữa trưa hôn trầm, bèn vực dậy tinh thần, phấn chấn thể xác, mở to mắt, chà xát tai, cũng là để tỉnh táo, chẳng ngủ gục. Nếu chúng ta thêm vào một ý niệm như: “Ôi chao! Sao lại chóng mặt thế này?” Vừa cúi đầu xuống, sẽ ngủ ngay. Hai chữ **Đầu Tầu** hàm nghĩa trên thân chúng ta có tro bụi thì phải giữ, lắc đôi chút, [hàm nghĩa] phải phấn chấn lên. Từ ngữ **Đầu Đà** còn được phiên âm là **Đỗ Đa**, thường là rất ít dịch nghĩa trực tiếp, cơ bản đều là phiên âm thành hai chữ **Đầu Đà**, dùng như một danh từ chuyên biệt trong Phật giáo. Có mười hai hạnh **Đầu Đà**, chúng tôi nêu ra đôi chút, hy vọng mọi người sẽ có tri kiến lý giải:

1) **Trụ A Lan Nhã**: [A Lan Nhã (Araṇya)] dịch là **Nhàn Tĩnh Xứ** (閒靜處), hàm nghĩa “*thân lià ồn náo, tâm lià Dục Cái*”. Chúng ta đều biết: **Dục** gồm có năm món **Dục**, tức là đắm nhiễm đối với **Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc**, Pháp, được gọi là “*niềm vui ngũ dục*”. “**Cái**” có năm món **Cái**, tức là tài, sắc, danh vọng, ăn uống, và ngủ nghỉ.

2) **Thường khát thực**: Nghĩa là lià các tham cầu. Chẳng nhận lời thỉnh [tới nhà thọ trai, hay cúng dường riêng] của người khác. Chẳng phân biệt thức ăn ngon dở, chẳng ngại đói khát, thiếu thốn. Ôm bát khát thực là một phương pháp thù thắng để xa lià tham cầu. Người học Phật nếu lãng phí quá nhiều thời gian đối với chuyện ăn uống thì chẳng thích đáng. Nhưng nếu chẳng ăn uống theo lẽ thường thì cũng chẳng thích đáng. Khát thực, dẫu xin được hay không, được bổ thí đầy đủ hay không, do nhân duyên mà có sai biệt rất lớn. Tức là do túc duyên chín muồi, dị duyên chín muồi, [mà có] các thứ sai khác như trong kinh điển nhà Phật đã ghi chép: Có vị **A La Hán** đi khát thực thường được cúng dường phong phú. Có vị **A La Hán** chẳng xin được, thường xuyên là bụng rỗng, bát không! Ở đây, [đối với người trì hạnh **Đầu Đà**], dù đủ hay chẳng đủ, đều chẳng sao hết, đều dùng đó để tăng thượng đạo nghiệp!

3) **Khất thực theo thứ tự**: Tức là chẳng đắm chấp mùi vị, chẳng chọn lựa nhà giàu hay nghèo, bình đẳng theo thứ tự mà khát thực. Khất thực thì chớ nên chọn lựa [nhà thí chủ] giàu hay nghèo. Nếu nói “người vùng này giàu có, ta đến chỗ này khát thực. Vùng kia nghèo mạt rệp, ta tránh xa”; đó là chẳng tương ứng.

4) **Ăn một bữa**: Tỳ-kheo vì tu đạo, dứt hẳn thói quen ăn nhiều lần, tuân theo quy định ăn một bữa. Trước kia, đã có người hỏi tôi vì sao chẳng thể ăn hai bữa? Tôi đáp: “Ăn hai bữa rất cực nhọc!” Do vậy, trước đó đã phát nguyện: Ăn một bữa để báo ân dưỡng dục của cha mẹ, học theo cách làm của các vị lão hòa thượng thuở trước, mà cũng học đòi các

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

vị tỳ-kheo trong bốn mươi chín năm giáo hóa của đức Thế Tôn đều dùng cách “ăn một bữa” để tăng thượng, xa lìa cách ăn nhiều lần. Vì ăn nhiều bữa sẽ lãng phí tinh lực của con người rất lớn.

5) ***Ăn có chừng mực***: Tỳ-kheo có được thức ăn, chia thành ba phần: Một phần thí cho người đói kém, lại giảm một phần thí cho chim thú, còn một phần để tự ăn. Dầu không thấy người đói thiếu thì chỉ ăn hai phần ba thức ăn trong bát. Trong quá khứ, nếu xin được ba vắt cơm, trước hết sẽ thí một vắt cho “*đại bàng kim xí điều, khoáng dã quý thân, chúng La Sát, Quỷ Tử Mẫu, cam lộ hỷ sung mãn*” (chim đại bàng cánh vàng, quý thân trong chôn đồng trống, các La Sát, Quỷ Tử Mẫu đều được hưởng cam lộ, ngập tràn niềm vui). Đương nhiên là chuyện này có xuất xứ. Như Đại Bàng Kim Xí Điều (大鵬金翅鳥, Garuda, Ca Lô La) thân thể rất lớn. Nó sải cánh ra, có thể tách nước biển làm đôi để bắt rồng ăn thịt, giống như gà nuốt giun đất vậy. Long vương phải đến chỗ đức Thế Tôn, thưa: “Con cháu ngày càng giảm ít, khẩn thỉnh đức Thế Tôn bảo vệ sanh mạng chúng nó, kéo dài sanh mạng chúng nó”. Đức Thế Tôn liền bảo các vị tỳ-kheo: “Các thầy từ nay về sau, khát thực xong, hãy dùng một vắt cơm thí cho Kim Xí Điều v.v... để chúng nó xa lìa sát nghiệp”. Và [đức Phật] cũng truyền trao giới “*chăng sát sanh*” cho Đại Bàng Kim Xí Điều. Vì thế, người xuất gia trước khi ăn, nhất định phải thí một miếng cơm, dầu chỉ là một miếng thức ăn to bằng cái móng tay cũng phải bỏ thí, để Đại Bàng Kim Xí Điều có thức ăn, xa lìa cái duyên sát nghiệp⁵². Lại vì thân thể của chúng nó to lớn, phải niệm chân ngôn để chúng nó được ăn uống no đủ.

⁵² Đây là nói về nghi thức Quá Đường (tức nghi thức cúng dường thập phương Tam Bảo trước khi dùng cơm trưa). Trong khi thọ trai, thường là vị trụ trì, hoặc vị đương gia, hoặc vị đứng đầu trường hạ, sẽ sót cơm trong chén, thềm chú nguyện: “*Pháp lực bất tư nghị, từ bi vô chướng ngại. Thất lạc biến thập phương, phổ thí châu sa giới. Quỷ tử mẫu khoáng dã, thân kim xí điều vương, tất giai linh bảo mãn, Ân độ lợi ích tóa ha*” (Pháp lực không nghĩ bàn, từ bi chẳng chướng ngại. Bảy hạt khắp mười phương, cho khắp vô lượng cõi. Mẹ con quý đồng nội, cánh vàng vua thần điều, hết thấy đều no đủ) rồi trao cho vị thí giả. Vị thí giả bưng chén cơm ấy ra nơi đất trống (có nơi bày một cái bàn riêng để cúng, gọi là bàn Xuất Sanh), đọc bài kệ: “*Đại bàng kim xí điều....*” để thí thực. Trong các đạo tràng Trung Hoa, dù thọ trai hay không, dù có pháp sư hay không, mỗi ngày đều phải xuất thực ba lần: Công khóa sáng, giữa trưa, và trước công khóa tối. Thời sáng khóa và trưa dùng cơm hay thực phẩm cúng Phật để thí xuất sanh (thường gọi là nghi thức xuất thực), sử dụng bài kệ giống nhau. Buổi tối thì dùng một bài kệ khác, chỉ dùng bảy hạt gạo và nước để cúng thí.

Lại như mẹ của quý La Sát, Quý Tử Mẫu (Hārītī) đều ăn máu thịt của loài có sanh mạng. Trong Phật giáo, có câu chuyện về bà mẹ của các quý. Bà ta hằng ngày ăn thịt con nít của các hữu tình trong thế gian. Mỗi ngày ăn một đũa. Đức Thế Tôn bèn dùng sức thần thông, đem giấu đũa con bà ta yêu thích nhất ở một nơi. Bà ta liền giống như điên cuồng, tìm kiếm con mình khắp nơi. Tìm cách nào cũng chẳng thấy, liền quỳ tại đó, khẩn cầu: “Ai có thể tìm được con ta, bảo ta làm gì cũng đều được!” Lúc đó, đức Thế Tôn hiện ra, bảo: “Từ nay về sau, người phải giữ giới chẳng sát sanh, bảo vệ sanh mạng của hữu tình trong thế gian”. Bà ta thưa: “Con sống sót bằng cách nào đây? Chẳng sát sanh thì con ăn gì? Những đũa con này chẳng phải sẽ chết sạch ư?” Đức Thế Tôn lại bảo các tỳ-kheo: “Các thầy từ nay về sau, khi khát thực, phải nên chia một vắt cơm cho La Sát quý tử mẫu, khiến họ xa lìa sát nghiệp”. Do vậy, Tăng chúng xuất gia ở đâu cũng thường hành nghiệp từ bi, lợi ích trời, người rộng khắp, nhất định đừng khinh rẻ thân phận của chúng. Thông thường, khi niệm bài kệ cúng dường, rất nhiều người chẳng để tâm, không được rồi!

6) **Sau giữa trưa, không được “uống các chất tương”**: “*Tương*” (漿) chính các thứ nước ép trái cây, mật ong v.v... Trong giáo pháp tỳ-kheo có yêu cầu như thế. Như trong tự viện Thiên Tông Trung Hoa cho phép ăn dược thực⁵³, thật sự là vì có bối cảnh lịch sử đặc biệt!

7) **Mặc “tệ nạp y”**: (弊納衣, áo ca-sa chằm các mảnh vải rách nát): Chẳng tham phục sức, chính là y phẩn tảo. Người đời rất ít ai biết y phẩn tảo (糞掃) là gì? Đó chính là những thứ y phục bằng chất vải bị người đời vứt đi, như vải bọc thi thể, là những thứ vải mười phần dơ bẩn. Sau khi nhặt lấy, bèn giặt sạch, đập thẳng ra, chằm kết thành y.

8) **Chỉ có ba y**: Tỳ-kheo thiếu dục tri túc, ngoài ba y ca-sa ra, chẳng chứa y dư.

9) **Ngồi nơi mồ mả**: Thường quán các phép Vô Thường, Khô, Không v.v... vì cầu xuất ly.

10) **Ngồi dưới cội cây**: Như đức Phật đắc đạo cũng ngồi dưới cội cây.

⁵³ Dược thực (藥食, thức ăn như thuốc để chữa con đói). Từ ngữ này bắt nguồn từ chữ Dược Thạch, tức là theo truyền thống, các tỳ-kheo thường dùng một viên đá hấp nóng, đặt lên bụng cho khỏi sôi bụng vì đói. Về sau, do khí hậu lạnh, tại Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn, bữa chiều là những thứ còn sót lại của buổi trưa, hay cháo loãng, một món mì trộn đơn giản, hay súp loãng cho khỏi đói dành cho người chưa quen chỉ ăn ngô.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

11) **Ngồi nơi đất trống**: Ngồi dưới cội cây gần giống như có nhà, sợ sanh lòng tham ái, cho nên ngồi nơi đất trống.

12) **Thường ngồi chẳng nằm**: Sợ tham ngủ nghỉ. Vì thế, hông chẳng chạm chiếu (chẳng nằm xuống).

Trên đây là mười hai hạnh Đầu Đà. Người thiếu dục tri túc sẽ hành Đầu Đà. Trong quá khứ, những người có trí, thánh nhân, người có oai đức, và người trọn đủ phương tiện thiện xảo sẽ gìn giữ hạnh Đầu Đà. Hiện thời, người hành như vậy rất ít. Mười hai pháp Đầu Đà thành tựu lẫn nhau, chẳng thể bại hoại, cũng có nghĩa là chẳng thể chăm chú điều này mà đánh mất điều khác. Hãy nên thủ hộ thanh tịnh.

“*Khuyến thỉnh chư Bồ Tát, giáo Bồ Tát hành pháp, linh chư Bồ Tát hỷ, ha trách chư Bồ Tát, giáo thị chư Bồ Tát, thành tựu chư Bồ Tát*” (Khuyến thỉnh các Bồ Tát, dạy Bồ Tát hành pháp, khiến cho các Bồ Tát vui mừng, quở trách các Bồ Tát, chỉ dạy các Bồ Tát, thành tựu các Bồ Tát): “*Ha trách chư Bồ Tát*” (Quở trách các Bồ Tát), vì sao lại nói đến chuyện quở trách? Nhằm cổ vũ, thúc giục. “*Giáo thị chư Bồ Tát*” (Chỉ dạy các Bồ Tát): Như hiện thời, chúng ta được nghe nội dung của một trăm hai mươi hai món lợi ích của Ban Châu, đó gọi là “*giáo thị phạm thánh hữu tình*”, [tức là] chỉ dạy chúng ta, khiến cho chúng ta được thấy, được nghe. Nếu chúng ta chẳng đích thân nghe nội hàm chân thật của giáo ngôn này, làm sao có thể suy nghĩ, quan sát công đức và lợi ích chân thật rộng lớn của hành pháp Ban Châu cho được? Đây là “*giáo thị*” (教示, chỉ dạy). “*Thành tựu chư Bồ Tát*” tức là nương theo pháp, khiến cho các Bồ Tát có thể thành tựu.

“*Năng vị lợi ích, hành đại từ bi. Ư chư chúng sanh, sanh bình đẳng tâm*” (Có thể vì lợi ích mà hành đại từ bi. Đối với các chúng sanh, sanh tâm bình đẳng): Trong tu trì Phật pháp, tâm từ bi và tâm bình đẳng rất quan trọng, là chỗ tốt bậc của Phật pháp.

“*Hàm đắc tự tại, đáo u bỉ ngạn. Tùy ý đắc kiến nhất thiết chư Phật*” (Đều được tự tại đạt tới bờ kia. Tùy ý được thấy hết thấy chư Phật): Tùy ý được thấy, hoặc là thấy trong mộng, thấy trong hiện tại, hoặc thấy trong cảnh giới, hoặc thấy khi xả báo, lúc nào, chỗ nào cũng đều được thấy. Bốn loại thấy Phật thật sự là thấy trọn khắp, tùy ý được thấy. Nếu chúng ta có thể tập luyện thuần thực, thường hành pháp tác như thế, sẽ chẳng có tâm trí buông lung, giải đãi, nầy sanh hối hận sau khi đã hành trì, và lãng phí thời gian oan uổng, sẽ tôn trọng sanh mạng và pháp tác của chính mình

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

“*Phát quang đại nguyện, hành thâm diệu hạnh, nhạo Nhất Thiết Trí Bồ Đề lương trụ*” (Phát nguyện rộng lớn, hành hạnh sâu màu, ưa thích rường cột Nhất Thiết Trí Bồ Đề): “*Bồ Đề lương trụ*” (Rường cột Bồ Đề) [là nói tỷ dụ], giống như một căn nhà phải có kèo cột.

“*Thiện năng tùy thuận Như Lai chủng tánh. Phát Bồ Đề tâm do như kim cang*” (Khéo có thể tùy thuận chủng tánh của Như Lai. Phát Bồ Đề tâm ví như kim cang): Bồ Đề tâm giống như kim cang. Bồ Đề tâm đã phát, chẳng ngại phát lân nữa, chân thật nhận biết. Độ chúng sanh, thành Bồ Đề, hễ phát tâm, sẽ thật sự thủ hộ cho đến hết đời vị lai, chẳng nhờ vào tăng giảm. Trong tâm nguyện như thế, hành hết thấy các pháp, tiêu hết thấy các nghiệp, hành hết thấy các duyên, lợi lạc hết thấy chúng sanh, như thế thì ắt sẽ đạt tới Bồ Đề, chẳng bị thoái chuyển. Thành tựu tâm trí như thế, sẽ là tâm trí kim cang, tâm nguyện như thế sẽ là tâm nguyện Bồ Đề.

“*Thông đạt thể gian chúng sanh sở niệm. Quang đại diệu hạnh bất khả giáo toán, bất khả xưng lượng, thường tại nhất thiết chư Phật mục tiền. Hiền Hộ! Ư nhữ công đức trung, vị thuyết thiểu phần dã*” (Thông đạt tâm niệm của chúng sanh trong thể gian. Diệu hạnh rộng lớn chẳng thể so lường, chẳng thể đếm kể, thường ở trước mắt của hết thấy chư Phật. Này Hiền Hộ! Trong công đức của ông, chưa thể nói chút phần được): Một trăm hai mươi hai câu hỏi ấy, tuy Hiền Hộ Bồ Tát đã mở mắt cho chúng ta, khiến cho chúng ta đều biết, đều nghe lợi ích rộng lớn rất sâu chẳng thể nghĩ bàn của hành pháp Ban Châu. Nhưng đức Thế Tôn nói: Trong biển hạnh nguyện rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn ấy, những điều lợi ích như ông đã hỏi chỉ là chút phần, thậm chí còn chưa nói được chút phần, chỉ là nói được một phần bé như giọt nước vậy!

(Kinh) “Hiền Hộ! Kim hữu Bồ Tát tam-muội danh viết Tư Duy Chư Phật Hiện Tiền tam-muội. Nhược hữu Bồ Tát, cụ túc tu tập như thị tam-muội, đương đắc thành tựu như thượng sở vấn chư công đức đẳng. Hiền Hộ đương tri! Cánh hữu vô lượng vô biên thắng thượng công đức, thuyết bất khả tận”. Nhĩ thời, Hiền Hộ Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: “Thiện tai Thế Tôn! Duy nguyện thuyết thử Bồ Tát Niệm Nhất Thiết Phật Hiện Tiền tam-muội, linh thử thể gian thiên, nhân, Phạm, Ma, sa-môn, Bà La Môn, chư long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lôu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân đẳng, đa hoạch lợi ích, đa thọ an lạc cố. Diệc linh đương lai vô lượng chúng sanh đa đắc lợi ích, thọ an lạc cố. Hựu vị vị lai chư Bồ Tát bối,

tác đại quang minh, thừa Phật oai lực cố. Hựu nguyện hiện tại, vị lai chư Bồ Tát đẳng, phổ đắc văn thữ Niệm Nhất Thiết Phật Hiện Tiền tam-muội. Bĩ ký văn dĩ, giai tất thọ trì. Ký thọ trì dĩ, nhất thiết giai đương như thật tu học, như giáo phụng hành. Ký học hành dĩ, đương linh đắc bất thoái chuyển u A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Hiện tiền tức năng cụ túc thành tựu như thị công đức, cập dư thắng thượng công đức đẳng”. Nhĩ thời, Thế Tôn phục cáo Hiền Hộ Bồ Tát ngôn: “Hiền Hộ! Như nhữ ngôn giả, nhữ đương đế thính, thiện tư niệm chi, ngô kim vị nhữ phân biệt giải thoát”. Hiền Hộ phục ngôn: “Thiện tai, Thế Tôn! Ngã thâm nhạo văn Như Lai sở thuyết”.

(經)賢護! 今有菩薩三昧名曰思惟諸佛現前三昧。若有菩薩，具足修習如是三昧，當得成就如上所問諸功德等。賢護當知! 更有無量無邊勝上功德，說不可盡」。爾時，賢護菩薩復白佛言：「善哉世尊! 唯願說此菩薩念一切佛現前三昧，令此世間天、人、梵、魔、沙門、婆羅門、諸龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽、人非人等，多獲利益，多受安樂故。亦令當來無量衆生多得利益，受安樂故。又爲未來諸菩薩輩，作大光明，承佛威力故。又願現在未來諸菩薩等，普得聞此念一切佛現前三昧。彼既聞已，皆悉受持。既受持已，一切皆當如實修學，如教奉行。既學行已，當令得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。現前即能具足成就如是功德，及餘勝上功德等」。爾時，世尊復告賢護菩薩言：「賢護! 如汝言者，汝當諦聽，善思念之，吾今爲汝分別解脫」。賢護復言：「善哉世尊! 我深樂聞如來所說」。

(Kinh: Nay Hiền Hộ! Nay có tam-muội của hàng Bồ Tát tên là Tư Duy Chư Phật Hiện Tiền tam-muội. Nếu có Bồ Tát tu tập trọn đủ tam-

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

muội như thế, sẽ được thành tựu các công đức như đã hỏi trên đây. Hiền Hộ hãy nên biết, lại có vô lượng vô biên công đức thắng thượng, chẳng thể nói hết được”. Lúc bấy giờ, Hiền Hộ Bồ Tát lại bạch cùng đức Phật rằng: “Lành thay Thế Tôn! Xin hãy nói môn tam-muội Bồ Tát Niệm Nhất Thiết Phật Hiện Tiền ấy, khiến cho trời, người, Phạm vương, Ma, sa-môn, Bà La Môn, các loài rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân v.v... trong thế gian này đạt được nhiều lợi ích, hưởng nhiều an vui. Cũng khiến cho vô lượng chúng sanh trong đời vị lai được nhiều lợi ích, hưởng an lạc. Lại làm đại quang minh cho các hàng Bồ Tát trong vị lai, do nương vào oai lực của Phật. Lại nguyện các vị Bồ Tát trong hiện tại và vị lai đều được nghe môn Niệm Nhất Thiết Phật Hiện Tiền tam-muội này, đã nghe xong, thấy đều thọ trì. Đã thọ trì rồi, hết thấy đều sẽ như thật tu học, phụng hành đúng như lời dạy. Đã học và hành rồi, sẽ khiến cho họ được chẳng thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Hiện tiền liền có thể thành tựu đầy đủ các công đức như thế và các công đức thắng thượng khác”. Lúc đó, đức Thế Tôn lại bảo Hiền Hộ Bồ Tát rằng: “Này Hiền Hộ! Như ông đã nói, hãy nên lắng nghe, khéo suy nghĩ lấy, ta nay sẽ vì ông phân biệt giải thoát”. Hiền Hộ lại thưa: “Lành thay! Bạch Thế Tôn! Con ưa thích sâu xa được nghe lời dạy của đức Như Lai”).

Lành thay! Thuận theo văn tự, chúng ta có thể thâm nhập, phân tích tâm trí hiện tiền của chính mình, ấn khế pháp tắc Thập Phương Chư Phật Hiện Tiền, mở mang cái đạo nơi tâm địa của chúng ta, mở kho pháp tạng trong tâm địa của chúng ta, khai phát tâm trí Như Lai, cũng là tâm trí cội nguồn của hết thấy chúng sanh, khiến cho công đức tạng của hết thấy chúng sanh có thể thật sự nương cậy vào oai đức trong giáo ngôn của đức Phật mà chín muồi.

“Kim hữu Bồ Tát tam-muội, danh viết Tư Duy Chư Phật Hiện Tiền tam-muội” (Nay có môn tam-muội của hàng Bồ Tát, tên là Tư Duy Chư Phật Hiện Tiền tam-muội). Hai chữ Tư Duy hết sức trọng yếu! Hành pháp Ban Châu cũng có khi được phiên dịch là Định Ý tam-muội. Chữ Tư Duy này khiến cho chúng ta có thể khá linh động cảm nhận chỗ y chỉ trong cách tu môn tam-muội này.

“Nhược hữu Bồ Tát cụ túc tu tập như thị tam-muội, đương đắc thành tựu như thượng sở vấn chư công đức đẳng” (Nếu có Bồ Tát tu tập trọn đủ tam-muội như thế, sẽ được thành tựu các công đức như đã hỏi trong phần trước), cũng có nghĩa là tam-muội như thế có thể trọn vẹn tất

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

cả các công đức được đề cập trong một trăm hai mươi hai câu hỏi do Hiền Hộ Bồ Tát đã nêu ra.

“*Hiền Hộ đương tri! Cánh hữu vô lượng vô biên thắng thượng công đức, thuyết bất khả tận*” (Hiền Hộ hãy nên biết! Cũng có vô lượng vô biên công đức thắng thượng, chẳng thể nói trọn hết được). Ở đây, đức Thế Tôn trả lời rõ ràng: Hiền Hộ! Ông nêu ra một trăm hai mươi hai câu hỏi về công đức thù thắng. Thật ra, đó chỉ là chút phần công đức của Ban Châu tam-muội, hoặc nói cách khác là Tư Duy Phật Hiền Tiền tam-muội, thậm chí chưa được một chút phần nữa! Pháp Ban Châu tam-muội quả thật có công đức chẳng thể diễn tả được, có ý nghĩa rộng lớn rất ráo, chỉ có Phật đích thân hay biết. Kinh này tuyên nói chút phần của một ít phần lợi ích rất ráo ấy để chúng ta được nghe, được biết.

“*Nhĩ thời, Hiền Hộ Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: - Thiện tai Thế Tôn! Duy nguyện thuyết thử Bồ Tát Niệm Nhất Thiết Phật Hiền Tiền tam-muội*” (Lúc bấy giờ, Hiền Hộ Bồ Tát lại bạch cùng đức Phật rằng: - Lành thay, bạch Thế Tôn! Xin Ngài hãy nói tam-muội Bồ Tát Niệm Nhất Thiết Phật Hiền Tiền ấy): Có công đức và lợi ích rộng lớn như thế, xin đức Thế Tôn hãy tuyên nói cho chúng con.

“*Linh thử thế gian thiên, nhân, Phạm, Ma, Sa-môn, Bà La Môn, chư long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân đẳng, đa hoạch lợi ích, đa thọ an lạc cố*” (Khiến cho trời, người, Phạm vương, Ma, Sa-môn Bà La Môn, các rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân v.v... trong thế gian này, được hưởng nhiều lợi ích, hưởng nhiều yên vui): Đồng thời ban lợi ích chân thật rất ráo rộng khắp cho đủ loại sanh mạng khác biệt. Chư Phật, Bồ Tát xuất hiện trong cõi đời, chỉ do một đại sự nhân duyên: “Muốn khiến cho chúng sanh ngộ nhập tri kiến của Phật, thành tựu đạo nghiệp thanh tịnh”. Điều đó được diễn tả là “*viên thành Bồ Đề, lìa khổ, được vui*”. Thành tựu lợi ích chân thật, khiến cho lợi ích của sanh mạng được tiếp tục vận dụng nơi pháp tánh, pháp tánh tác dụng vào sanh mạng, xa lìa sự mờ mịt vì vô minh, khiến cho hết thảy chúng sanh đắc Vô Ngại Trí.

“*Diệc linh đương lai vô lượng chúng sanh đa đắc lợi ích, thọ an lạc cố*” (Vì cũng khiến cho vô lượng chúng sanh trong tương lai đạt được nhiều lợi ích, hưởng an lạc): Không chỉ hữu ích cho hữu tình hiện tại, tức hữu tình trong đời này, mà còn khiến cho hữu tình trong đời vị lai, trong đời mai sau, đều đạt được các sự yên vui.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

“*Hưu vị vị lai chư Bồ Tát bối, tác đại quang minh, thừa Phật oai lực cố*” (Lại làm quang minh to lớn cho các hàng Bồ Tát trong đời mai sau, do nương vào oai lực của Phật): Tức là tạo duyên khởi thanh tịnh. Trong pháp Niệm Phật, bước khởi đầu là đại quang minh tạng bố thí như thế, đại trang nghiêm an trụ như thế, trọn đủ công đức thủ hộ, thuận tòng như thế. Tức là do duyên khởi đại quang minh tạng, xa lìa các nghiệp tướng sai biệt của hết thảy chúng sanh, trực tiếp tiến nhập quang minh tạng! Quang minh tạng ấy chính là trong sát-na khởi tâm động niệm, trong sát-na động tướng của pháp giới thể tánh vốn trọn đủ, động tướng ấy còn chưa bị nhuốm bần, cũng có nghĩa là duyên khởi ấy chính là duyên khởi thanh tịnh, chẳng phải là duyên khởi đấm nhiễm. Đối với tâm niệm của bọn phàm phu chúng ta trong hiện tiền, toàn thể khởi tâm động niệm nối tiếp trong dòng nghiệp, tiếp nối trong tri kiến mông muội, tiếp nối trong nghiệp tập (nghiệp chướng, tập khí) “tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến”, chẳng biết pháp tánh từ vô thủy tới nay chưa hề bị ô nhiễm, chẳng tạo, chẳng tác, nhưng tất cả tạo tác quả thật là hư giả, thật sự là vô thường, vô ngã. Trong các nghiệp vô thường, vô ngã hư giả ấy, oan uổng húng chịu luân hồi, cưỡng chấp luân hồi, đúng là oan uổng! Chư Phật Như Lai thương xót hữu tình, ban cho lợi ích chân thật từ Phật pháp, khiến cho họ thấy tự tâm, lựa chọn sự an lạc rốt ráo. Vì thế, “*hưu vị vị lai chư Bồ Tát bối, tác đại quang minh, thừa Phật oai lực cố*” (lại làm quang minh to lớn cho các hàng Bồ Tát trong đời vị lai, do nương vào oai lực của Phật). Công đức nhân duyên thù thắng nhất của hết thảy Phật pháp chính là “*duyên Phật thành Phật*”. Đây là chỗ quy kết của công đức chủng tánh chân thật chẳng thể nghĩ bàn!

Có nhiều chúng sanh hư vọng, kiêu ngạo, điên cuồng, tà kiến, cho rằng chính mình có pháp để có thể tu, có Phật để có thể thành, có lợi ích để tự đạt được, chẳng biết hết thảy công đức và lợi ích xuất phát từ sự bố thí chiếu kiến do chính chư Phật, Bồ Tát đã đích thân chúng đắc, khiến cho chúng tánh thành thực. Nếu chẳng như thế, sẽ mê mất trong sự đặt bày giả dối hư vọng của chính mình, chẳng thành tựu đạo nghiệp Bồ Đề. Trong Hán truyền Phật giáo, có nhiều hữu tình tự phụ, tự cho là đúng, chẳng nhận lãnh công đức. Vì có sao? Chẳng tùy thuận sự gia bị từ oai lực của chư Phật Như Lai, chẳng tiếp nhận sự hồi thí từ chúng tánh của chư Phật, chẳng tiếp nhận sự nhiếp hóa thanh tịnh của chư Phật. Đối với pháp chưa đạt được mà lại tự phụ là đã đạt được, cho nên đau khổ húng chịu luân hồi. Trong nỗi khổ luân hồi, lại đeo thêm một nỗi khổ vì có

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

pháp để có thể đạt được, cưỡng chấp là tự đạt được. Đây quả thật là một vấn đề khá lớn mà chúng ta cần phải cảnh giác trong học Phật.

“Hưu nguyện hiện tại, vị lai chư Bồ Tát đẳng, phổ đắc văn thử Niệm Nhất Thiết Phật Hiền Tiền tam-muội” (Lại nguyện trọn khắp các Bồ Tát trong hiện tại và vị lai đều được nghe môn tam-muội Niệm Nhất Thiết Phật Hiền Tiền này): Được nghe trọn khắp là vì môn tam-muội này bình đẳng hồi thí cho phàm lẫn thánh, hết thảy hữu tình đều được hành trì, chẳng chọn lựa căn tánh. Quý vị nói người thân thể không khỏe làm sao có thể hành trì hành pháp Ban Châu ư? Vừa khéo là tôi có thấy một số tài liệu nói ở Đài Loan, thường là những người thực tập kinh hành Ban Châu, phần lớn đều là những bệnh nhân nan y. Họ chẳng còn con đường nào khác, bèn hành trì pháp này. Vì thế, pháp này đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Bệnh nhân vẫn có thể hành trì, bệnh nan y mà vẫn có thể hành trì, chúng ta thuộc loại khỏe mạnh thì sao? Chúng ta là những người hướng đến Phật pháp thì sao? Chúng ta là những người đang còn trẻ tuổi, thân thể tráng kiện thì sao?

“Bỉ ký văn dĩ, giai tất thọ trì. Ký thọ trì dĩ, nhất thiết giai đương như thật tu học, như giáo phụng hành. Ký học hành dĩ, đương linh đắc bất thoái chuyển ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Hiền tiền tức năng cụ túc thành tựu như thị công đức, cập dư thắng thượng công đức đẳng” (Họ đã nghe, thấy đều thọ trì. Đã thọ trì rồi, hết thảy đều sẽ được tu học như thật, phụng hành đúng như lời dạy. Đã học và hành rồi, sẽ được bất thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Hiền tiền liền có thể thành tựu trọn đủ công đức như thế, và các công đức thắng thượng khác). Hành pháp Ban Châu cho đến hành pháp Tịnh Độ, chính là pháp thành tựu hoàn tất trong một đời, quả thật là giáo pháp rộng lớn rốt ráo thỏa thích bốn hoài xuất thế của chư Phật. Do vậy, chúng ta hãy nói đến Tịnh Độ, sẽ nói *“phổ độ chúng sanh là bốn hoài xuất thế của chư Phật, thỏa thích bốn hoài của Phật chỉ được hiển lộ qua pháp Tịnh Độ”*. Vì sao? Sự giáo hóa trọn khắp rộng lớn như thế, các pháp môn khác chẳng thể thấu nhiếp. Chẳng phải là tán thán thiên vị, ai nấy đều thủ hộ giáo pháp này.

“Nhữ thời, Thế Tôn phục cáo Hiền Hộ Bồ Tát: - Như nhữ ngôn giả, nhữ đương đế thính, thiện tư niệm chi. Ngô kim vị nhữ phân biệt giải thoát” (Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn lại bảo Hiền Hộ Bồ Tát: - Như lời ông đã nói, ông hãy nên lắng nghe, khéo suy nghĩ lấy. Ta nay sẽ vì ông phân biệt giải thoát): *“Nhữ”* ở đây là đại chúng hiền tiền. Đừng nên bỏ lỡ nhân duyên, ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ. *“Nhữ”* được nói ở đây có

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

phải là các vị Bồ Tát và thiện tri thức nhóm họp về Trúc Lâm Tinh xá thuở đức Thế Tôn tại thế hay chăng? Chẳng phải! Chính là đại chúng hiện tiền chúng ta!

“*Hiền Hộ phục ngôn: - Thiện tai Thế Tôn! Ngã thâm nhạo vãn Như Lai sở thuyết*” (Hiền Hộ lại thưa: - Lành thay, bạch Thế Tôn! Con ưa thích sâu xa nghe lời Như Lai dạy): Hiện tiền đại chúng nghe giáo pháp thù thắng, rất quan trọng!

(Kinh) Phật phục cáo ngôn: - Hiền Hộ! Vân hà danh vi Bồ Tát Tư Duy Nhất Thiết Chư Phật Hiện Tiền tam-muội?

(經)佛復告言：「賢護！云何名爲菩薩思惟一切諸佛現前三昧？」

(Kinh: Đức Phật lại bảo rằng: - Này Hiền Hộ! Thế nào là Bồ Tát Tư Duy Nhất Thiết Chư Phật Hiện Tiền tam-muội?)

Vì sao nói “chúng ta học tập kinh Ban Châu Tam Muội là phân tích tâm địa”? Vì hết thấy các ngôn thuyết đều từ tâm địa của chư Phật, mà cũng là từ tâm địa của chúng sanh. Biện hết thấy các nghiệp phiền não do tâm địa của chúng sanh hiển hiện, do biện Chánh Biện Tri và tâm trí của hết thấy chư Phật hiển hiện, mà cũng là tự tánh tâm trí của chúng ta hiển hiện. Trong pháp môn tâm địa này, kinh giáo mà chúng ta đọc cũng phát xuất từ tâm địa, phân tích tâm địa, khiến cho tự được thọ dụng.

“*Phật phục cáo ngôn: - Hiền Hộ! Vân hà danh vi Bồ Tát Tư Duy Nhất Thiết Chư Phật Hiện Tiền tam-muội*” (Đức Phật lại bảo rằng: - Này Hiền Hộ! Như thế nào là Bồ Tát Tư Duy Nhất Thiết Chư Phật Hiện Tiền tam-muội): Nay chúng ta đang học phẩm Tư Duy. Hai chữ Tư Duy được đặt vào vị trí rất quan trọng, vì bước khởi đầu của hành pháp Ban Châu là do được oai thần của chư Phật gia bị, khiến cho chúng ta khéo tư duy, quan sát. “*Thiện*” là nương theo lời dạy của đức Phật, nương theo công đức từ oai thần của đức Phật, nương theo sự gia bị của Phật Như Lai để khéo quan sát, khéo tư duy, chẳng phải do nghiệp tập và sự suy lường vọng tưởng của chính mình mà quan sát, tư duy. Do vậy, hãy nên niệm Phật tư duy như thế. Nương theo công đức thù thắng của Phật để tư duy. Nương vào sự gia bị của công đức chẳng thể nghĩ bàn từ lời dạy của đức

Phật đề tư duy. Buông bỏ tâm niệm tạp nhiễm và bất bình đẳng của chính mình đề tư duy.

(Kinh) Nhược hữu Bồ Tát cụ túc thành tựu thử tam-muội giả, tức hoạch như tiền chư công đức sự, diệc đắc kỳ dư thù dị công đức.

(經)若有菩薩具足成就此三昧者，即獲如前諸功德事，亦得其餘殊異功德。

(Kinh: Nếu có Bồ Tát thành tựu trọn đủ tam-muội này, sẽ liền đạt được các chuyện công đức như trên, và cũng đạt được các công đức thù thắng, lạ lùng khác).

Do vậy, công đức và lợi ích được nêu trong một trăm hai mươi hai câu hỏi trên đây là chân thật, chẳng dối. “Kỳ dư thù dị công đức” (Các công đức thù thắng, lạ lùng khác): Chẳng phải chỉ bao gồm một trăm hai mươi hai công đức, mà là trong công đức rộng lớn vô tận, một trăm hai mươi hai công đức [như ngài Hiền Hộ đã hỏi] chỉ là chút phần, thậm chí còn chưa xứng là chút phần nữa!

(Kinh) Sở vị tâm niệm chư Phật giai hiện tại tiền. Kỳ tâm bất loạn, bất xả tác nghiệp, cầu thắng thượng trí, dũng mãnh tinh cần, hà phụ trọng đảm, độ thoát chúng sanh.

(經)所謂心念諸佛皆現在前。其心不亂，不捨作業，求勝上智，勇猛精勤，荷負重擔，度脫衆生。

(Kinh: Có nghĩa là tâm nghĩ chư Phật đều đang ở trước mặt, tâm chẳng loạn, chẳng xả nghiệp đang tạo, cầu trí tối thượng thù thắng, dũng mãnh, siêng ròng, gánh vác gánh nặng độ thoát chúng sanh).

Hết thấy các pháp tắc trong lời dạy của đức Phật, không gì chẳng nhằm độ thoát chúng sanh, gánh vác gia nghiệp thật sự của Như Lai.

(Kinh) Thừa sự, cung cấp chư thiện tri thức. Thường tu không tịch quảng đại tư duy.

(經)承事，供給諸善知識。常修空寂廣大思惟。

(Kinh: Thừa sự, cung cấp các vị thiện tri thức. Thường tu tư duy không tịch rộng lớn).

“Không tịch quảng đại tư duy” và “thừa sự, cung cấp thiện tri thức” có mối nhân duyên gì? “Thừa sự thiện tri thức” là đối với hết thầy chúng sanh bèn sanh ý tưởng cung kính, sanh ý tưởng họ là thiện tri thức, sanh ý tưởng khó gặp gỡ. Đối với hết thầy các cơ duyên, sanh ý tưởng tôn quý, tức là thừa sự thiện xảo. Thường là chúng ta chọn lựa điều lành khi có cơ hội, chẳng biết điều lành ngay trong một niệm hiện tiền. Do vậy “điều thiện trong thiện tâm là hoàn thiện, là điều thiện chân thật của chúng ta”. Nếu phát khởi cái tâm cung kính, tôn trọng, thừa sự hết thầy thiện tri thức, tức là hết thầy đại chúng hiện tiền đều nên thừa sự. Sự thừa sự ấy chẳng phải là làm, hoặc chẳng làm, mà chỉ là dùng tấm lòng chân thành để nêu bày Phật pháp cho nhau, yêu mến, tôn trọng lẫn nhau. Sự thừa sự này mười phần trọng yếu. Đương nhiên cũng có thừa sự về mặt vật chất, thừa sự hình tượng, thừa sự bằng cách cung kính, lễ bái, nhưng các chuyện thừa sự ấy chỉ giả đặt ra, là một thứ phương tiện! Hãy như thật thừa sự; đó là lợi ích chân thật trong Phật pháp, là công đức tự lợi và lợi tha chân thật.

(Kinh) Thân thiện tri thức, diệt trừ chư Cái.

(經)親善知識，滅除諸蓋。

(Kinh: Thân cận thiện tri thức, diệt trừ các Cái).

Điều này mười phần trọng yếu. Trong hành pháp tại đất Hán, chuyện này bị bỏ mất khá nhiều. Chúng ta thường coi nó như một câu nói suông, chẳng biết đây chính là pháp tắc! Khi chúng ta nghĩ đến ân đức của cha mẹ đối với chúng ta lúc chính mình còn là trẻ thơ, sẽ thường đau lòng rơi lệ. Đau lòng rơi nước mắt có thể tiêu trừ khá nhiều chướng ngại nơi tâm lý. Thậm chí khi nghĩ nhớ sự gia bị của đức Phật đối với chúng ta, chúng ta sẽ đau lòng trào lệ, sẽ cảm ơn đội đức. Do vậy, cũng có thể tiêu trừ các Cái như hôn trầm, vô ký, cùng với tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, nhất thời [các món Cái bị] gột rửa hết sạch. Từ trong nỗi niềm cảm kích ấy, từ trong cái tâm thanh tịnh, có thể gột rửa Cái Chướng của chúng ta. Nếu nhờ vào các pháp khác [để gột rửa], sẽ rất khó khăn!

Vì lẽ đó mà nói “*thân cận thiện tri thức có thể trừ Cái Chướng*”. Đây là một kỹ xảo trong tu hành đã có từ xưa. Nói “*kỹ xảo*” thì có phải là chỉ chăm chú đạt được lợi ích, bất cần hậu quả hay chẳng? Chẳng

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

phải! Ất cần phải hành như vậy thì mới có thể trừ các Cái. Chẳng hạn như có kẻ do tâm kiêu mạn mà nhiều hôn trầm, hoặc do Tùy phiền não⁵⁴ lừng lẫy mà nhiều hôn trầm; hoặc do chẳng hổ thẹn mà nhiều hôn trầm; hay do chẳng đạt được lợi ích trong Phật pháp mà nhiều hôn trầm. Nếu chúng ta dùng phương pháp để trừ khử hôn trầm, ngăn chặn sự hôn trầm, sẽ rất khó trừ, rất khó ngăn chặn. Nhưng nếu chúng ta sanh khởi một niệm tâm cung kính thật sự mạnh mẽ, sanh tâm khó được, khó gặp gỡ, thì sẽ có thể trừ [các Cái Chướng]. Giống như khi chúng ta mất công tốn sức rất lớn để xin gặp một ai đó, sẽ chẳng hôn trầm, cũng sẽ chẳng lao chao, cũng sẽ chẳng vô ký. Vì sao? Do tôn trọng, do yêu mến, do ngưỡng mộ, do quý trọng, do thủ hộ như thế, sẽ chẳng bị Hôn Cái (cái chướng hôn trầm) che lấp.

Trong tu pháp hiện tiền, nhất là trong Tăng chúng, dễ bị hôn trầm nhất! Vì sao? Đã lâu ngày, thiện tâm, tức cái tâm cung kính thiện tri thức, tâm cung kính thiện duyên, tâm tôn trọng sẽ dần dần đều bị tiêu mất. Kết quả, đa số trở thành hôn trầm, vô ký! Chẳng phải là người ấy không muốn tiến nhập pháp tắc, nhưng do có chỗ tiêu mất, cho nên Tùy phiền não sẽ bùng bùng! Hôn trầm là một món Cái. Ngũ nghệ trong “*tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghệ*” biểu hiện thành hôn trầm hiện tiền trong cái chướng, nhưng nếu quý vị sanh khởi cái tâm tôn trọng, khó gặp gỡ, hy hữu, sẽ chẳng hôn trầm. Giống như quý vị chuẩn bị suốt ba ngày, mong gặp mặt một người đã nhiều năm khát vọng gặp gỡ, dù là thiện tri thức cũng thế, mà thân nhân cũng thế, quý vị sẽ chẳng hôn trầm, buồn ngủ, mà cũng chẳng mê mất tự tâm.

Trong Tùy phiền não, lười nhác và câu thả chính là cái tâm giải đãi. Tướng phiền não này dễ sanh khởi nhất. Thường là khó khắc phục nhất vào mùa Hạ. Trong mùa Hạ, nó dễ biểu hiện nhất: Đầu gục xuống, mắt nhòa đi, ngủ tít luôn. Ngày này qua ngày nọ, cứ thế mà qua đi. Đây là một hiện tượng rất phổ biến, bị cái chướng che lấp rồi! Tiêu trừ bằng cách nào? Hãy thân cận thiện tri thức, [sanh tâm] khó được, khó gặp,

⁵⁴ Tùy phiền não (Upakleśa) là các phiền não phụ thuộc so với căn bản phiền não (tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến). Tùy phiền não bao gồm hai mươi món phiền não, tức phẫn, hận, phú (giấu giếm), não (làm kẻ khác khó chịu, khổ sở, quấy rối kẻ khác), tật (ghen ghét), xan (keo kiệt), cuồng (lừa dối), siểm (nịnh bợ), kiêu (kiêu căng), hại (làm hại, gây tổn hại cho kẻ khác), vô tầm (chẳng hổ), vô quý (chẳng thẹn), hôn trầm, điều cử (lao chao, xáo động), bất tín (chẳng tin tưởng), giải đãi, phóng dật (buông lung), thất niệm (đánh mất chánh niệm), tán loạn, bất chánh tri (tri kiến chẳng chánh đáng).

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

sanh lòng tôn trọng, quý vị sẽ chẳng bị [hôn trầm] như vậy! Giả thiết là vào thời đại đế vương trong quá khứ, vì các thứ nhân duyên, quý vị muốn gặp đế vương, vì chuyện ấy, phải chuẩn bị rất lớn, thông qua rất nhiều phương pháp thì mới có thể gặp. Nếu gặp đế vương mà quý vị bỏ toài ra đất rồi ngủ khì, chẳng thể nào có chuyện như thế được! Lại chẳng hạn như chúng ta đến chỗ rất xa xôi để cầu thiện tri thức, cầu pháp, [trải qua] ngàn vạn nỗi cay đắng, nhọc nhằn, trải qua lắm phen gian nan, [khi được gặp gỡ], quý vị sẽ chẳng ngủ. Vì sao? Do cái tâm cung kính thúc giục, cái tâm cảm nhận khó có thôi thúc, quý vị sẽ chẳng thể hôn trầm được!

Vì vậy, khi chúng ta hành pháp Ban Châu, phải thật sự sanh khởi ý tưởng như đối trước chư Phật, tưởng như Phật đang hiện tiền. Quý vị ngủ khì trước Phật là vì chẳng muốn gặp Phật! Một vị Bồ Tát đã bảo tôi: “Trời ơi! Tôi muốn hành Ban Châu, chuẩn bị kinh hành ba ngày ba đêm. Nay tôi đã ngủ suốt bốn ngày”. Tôi hỏi: “Vì sao?” Người ấy nói: “Ngủ đây giấc, ngủ đây đủ rồi”. Tôi nói: “Quý vị có ngủ tám trăm năm cũng chẳng ngủ đủ! Cứ nghĩ ngủ đây giấc ở nhà để đủ sức tới đây hành Ban Châu ư? Nếu nói ngủ đủ giấc sẽ bù đắp được thì là chẳng tương ứng!”

(Kinh) Viễn ly ác hữu, tức thế ngữ ngôn.

(經)遠離惡友，息世語言。

(Kinh: Xa lìa bạn ác, dứt bật các ngôn từ thế gian).

“*Ác hữu*” (Bạn ác) là kẻ dùng ngôn ngữ thế tục để bầu bạn, xâm hại lẫn nhau, ai nấy đều mê hoặc. Kẻ ăn nói thao thao, nhưng tâm trí phiền não, bộp chộp, thì chính là “*ác hữu*”; nhất định phải khéo xa lìa. Đó cũng là yêu thương, che chở đối phương, vì mọi người tụ lại, nói các chuyện thế tục, sẽ xâm đoạt lẫn nhau, khiến cho tâm trí mê hoặc. Tâm trí càng ngày càng khổ. Đó là bầu bạn với ác hữu!

Các vị thiện tri thức ơi! Phải nên thật sự hành trì pháp tắc! Hành pháp trong quá khứ, “*chỉ ngữ*” (止語, không nói chuyện) là quy định nhất định. Tới đạo tràng, ít nói năng, niệm Phật nhiều, có thể trao đổi về pháp tắc, đừng nói các ngôn luận thế tục, để khỏi chịu nhiều đau khổ, bị nhiều thương tổn! Càng nói nhiều, sẽ tạo ác càng nhiều, thương tổn càng to! Mai sau quý vị sám hối, quả thật khó thể sám trừ. Chẳng hạn như thốt ra một lời ác trước mặt mười người, dẫu đã sám hối trước chín người, khi chẳng sám hối đối với một người còn lại, ác nghiệp của quý vị vẫn

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

còn đó! Ác ngữ dễ tổn thương kẻ khác, dễ khiến cho kẻ khác xa cách, sợ sệt, do ác nghiệp sẽ tự phải hứng chịu [quả báo]. Một mình quý vị tạo ác nghiệp, làm thì đã làm rồi, quý vị tự làm, tự chịu, nhưng ác ngữ lưu truyền rộng khắp. Đó gọi là “*ác ngữ huân nhiễm*”, thương tổn mọi người, khó thể sám hối! Thốt ra một câu ác ngữ, nó sẽ được lan truyền rất rộng. Quý vị nói [câu ấy] rất khoái trá, nhưng sám trừ rất khó, vì kẻ nghe nói, kẻ truyền đạt, quý vị chẳng thể sám trừ với từng người được. Kẻ truyền đạt ác ngữ đông lắm, kẻ truyền đạt sự sám hối của quý vị ít ỏi, các Bồ Tát ơi! Vì thế, nhất định phải chú ý điều này!

(Kinh) Tắc chư căn môn, sơ, trung, hậu dạ, giảm tổn thụy miên, bất tham y phục, ẩm thực, thang dược, đường, phòng, ốc vũ, sàng, tòa chúng cụ, hằng nhạo không nhân, trụ A Lan Nhã, bất ái kỷ thân, bất trọng ngã mạng, bất trước hình sắc, bất túng kỳ tâm.

(經)塞諸根門，初中後夜，減損睡眠，不貪衣服，飲食湯藥，堂房屋宇，牀座衆具，恆樂空閒，住阿蘭若，不愛己身，不重我命，不着形色，不縱其心。

(Kinh: Đóng lấp các căn, đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm, giảm bớt ngủ nghỉ, chẳng tham đắm y phục, thức ăn, thuốc men, tòa viện, nhà cửa, giường, tòa các vật, luôn thích thanh vắng, trụ trong A Lan Nhã, chẳng yêu mến thân mình, chẳng coi trọng mạng mình, chẳng chấp trước hình sắc, chẳng buông lung cái tâm).

“*Bất trước hình sắc*” (Chẳng chấp trước hình sắc): Đừng nên tham đắm hình sắc của chính mình. Hình sắc của chúng ta rốt cuộc sẽ bị sanh, lão, bệnh, tử, rốt cuộc sẽ tan hoại, rốt cuộc là bất tịnh. Nhiều hữu tình tham đắm sắc tướng và sắc thân của chính mình. Hành pháp cũng thế, làm chuyện gì cũng thế, đều xoay chuyển quanh nó, xoay tới, xoay lui, chỉ rơi vào tà mạn, ngã chấp, khổ chẳng thể nói nổi. Đó gọi là “*dục đắc kỳ dung, phản thọ kỳ hại*” (muốn được hình dung đẹp đẽ, đâm ra mắc hại).

“*Bất túng kỳ tâm*” (Chẳng buông lung cái tâm): Đừng dung túng nghiệp tập (nghiệp chướng và tập khí) của chính mình. Hãy nên vâng theo pháp đề hành, đừng đắm nhiễm!

(Kinh) Tu dĩ Từ tâm, huân dĩ bi hạnh.

(經)修以慈心，薰以悲行。

(Kinh: Dùng Từ tâm để tu, dùng bi hạnh để huân tập).

Đừng coi các giáo ngôn ấy như lời nói suông, hãy biến chúng thành quang minh nơi tâm địa, thành âm thanh nơi tâm địa, thành cảm nhận nơi tâm địa, thành sự thuần thực nơi tâm địa, thủ hộ tâm địa của chính mình! Các vị thiện tri thức ơi! Chúng ta có thể y giáo mà hành như thế. Lời ấy chẳng phải do đức Phật nói, mà là tâm địa nói. Chẳng phải do đức Phật dạy, mà là do tâm địa nầy mầm, tâm địa thành thực. Các vị thiện tri thức ơi! Đừng coi đó là Phật nói. Nếu coi là Phật nói, đùn đẩy cho Phật, quý vị độ thoát sao được? Có liên quan gì đến quý vị đâu chứ? Nếu chẳng liên can gì đến quý vị, vậy thì quý vị ngồi ở đây để làm gì? Có ý nghĩa thực tế chi đâu? Do vậy, lời của chư Phật không gì chẳng phải là tiếng lòng của chúng sanh. Lời Phật dạy, không gì chẳng phải là quang minh chân thật trong tâm địa!

(Kinh) Nhất thiết thời hỷ, thường hành xả tâm.

(經)一切時喜，常行舍心。

(Kinh: Vui mừng trong hết thấy mọi lúc, thường hành tâm xả).

Hữu tình thời Mạt Pháp tham cầu các dục, ít chú trọng tịnh hạnh. Đây là sự hiển hiện do công nghiệp của chúng ta trong thời đại này, chẳng phải là lỗi của một ai. Quý vị cũng chẳng cần phải sợ hãi, vì hữu tình thời Mạt Pháp phước đức mỏng ít. Do đó, phải cậy vào vật tư, phải cậy vào hoàn cảnh, để khiến cho tự tâm được an lạc. Quả thật, [những thứ đó] chẳng đáng tin cậy, chẳng tương ứng! Trong quá khứ, hành pháp của tỳ-kheo là “ba y, một bát”, ít so đo những chuyện vật vãnh, an trụ trong pháp ích, trong các thứ tự tại thiện xảo, dùng các sức thần thông để rạng rỡ thế gian. Nhưng hiện thời, dùng đủ loại vật chất để “trang nghiêm chói lòa” thế gian: Hãy coi ta có bao nhiêu món đồ, có bao nhiêu của cải, có bao nhiêu căn nhà, bao nhiêu chiếc xe, có sự nghiệp gì, có thân thể trẻ trung chi đó, tướng mạo đẹp đẽ. Những thứ ấy vô dụng, chẳng có lợi ích thực tế, rốt cuộc chúng sẽ tan hoại, là vô thường, là nhân duyên tụ tập nhất thời, trọn chẳng phải là công đức an lạc to tát!

(Kinh) Phá hoại phiền não, thành tựu chư Thiên.

(經)破壞煩惱，成就諸禪。

(Kinh: Phá hoại phiền não, thành tựu các môn Thiền).

Thiện tri thức ơi! Chúng ta muốn đạt được công đức và lợi ích chân thật trong Phật pháp, nhưng các Thiền Định chẳng hiện tiền, đừng nên nói suông! Dầu chúng ta nói nhiều cách mấy, vẫn là ngày này qua ngày nọ như thế, luống uổng của tín thí, chẳng thể thâm nhập pháp tắc thiện xảo rộng lớn! Như thế thì có được hay chẳng? Được chứ! Nhưng sau đó, quý vị phải trả nợ! Trả nợ trong đời này, hoặc trả nợ trong đời khác. Đời đời kiếp kiếp nợ nần vô tận, khó sạch nợ được! Nay chúng ta thấy trâu, ngựa, lạc đà, lừa chở nặng; cát, đá, vôi vữa chúng nó đều phải chở. Ai chuyên chở? Cái tâm mắc nợ, tất nhiên phải trả nợ. Vì lẽ nào vậy? Mười phương tín thí mong cho chúng ta thành tựu đạo nghiệp, chọn lựa pháp tắc xuất thế, tạo thành phước điền thật sự thanh tịnh. Nguyện vọng tốt đẹp và công đức của tín thí đặt vào đấy, nếu chúng ta nhờ vào tín thí của kẻ khác để dưỡng dục tham, sân, si, mạn, nghi, và nghiệp lực của chính mình, tất nhiên sẽ là kẻ mắc nợ. Món nợ ấy là vì chẳng đảm đương cái nghiệp của tín thí vậy.

(Kinh) U' trung tư duy, bất trước tư vị, quan sát sắc tướng, duy đắc không tâm, bất loạn chánh niệm.

(經)於中思惟，不着滋味，觀察色想，唯得空心，不亂正念。

(Kinh: Tư duy trong ấy, chẳng chấp trước mùi vị, quan sát sắc tướng, tâm chỉ là rỗng rang, chánh niệm chẳng loạn).

Nếu chẳng nương theo các môn Thiền Định hoặc Niệm Phật để nhất tâm tu trì, các điều tư duy sẽ chẳng tương ứng. Có kẻ tư duy phiền não, có kẻ tư duy cố chấp, tức là cưỡng chấp cách nghĩ “ta luôn đúng”, “ta luôn chánh xác”. Có kẻ tư duy kiêu mạn, cho là chính mình có công đức. Do vậy, sẽ thuận theo công đức của chính mình mà quần quanh, lần quần, giống như con lừa đi lòng vòng kéo cối xay. Tuy đi rất đúng, bước nào cũng đều đúng, nhưng vĩnh viễn chẳng thoát khỏi cái vòng lần quần! Càng tự bào chữa, càng chịu khổ, chịu hại, chẳng thể sanh khởi lợi ích rộng lớn, tự xâm đoạt cái tâm của chính mình. Vì thế, chẳng thể chánh quán, chẳng thể như thật quán, chẳng thể như thật tư duy. Có các Bồ Tát tư duy hỗn loạn, tư duy cứng ngắc, tư duy hẹp hòi, tư duy tự phụ, rất

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

đáng thương, giống như hữu tình mười phần ương bướng, ngu độn, ngồi xồm nơi góc tường, tự tung hô chính mình: “Ta luôn đúng”. Kẻ đó đối trước bức tường nói một vạn vạn năm, vẫn là “ta luôn đúng”, nhưng bất cứ hữu tình nào trong thế gian cũng đều chẳng đạt được lợi ích, đối với chính mình cũng chẳng có lợi ích!

Đối với những người hữu duyên hành pháp trong hiện tiền, hạng Bồ Tát như thế đặc biệt nhiều! Làm một tí sự tướng, liền tự cho là có công đức to đùng. Sau đây, đối trước góc tường, cũng là đối trước cái tâm của chính mình, tự mình mê muội, nói: “Ta luôn đúng! Ta làm chẳng ít chuyện”. Hằng ngày nghĩ tới chuyện ấy, nói ta làm được nhiều thứ lắm, hồi thí [công đức, phước đức cho người khác] ít ỏi, hoặc tự phụ về những thứ chết cứng! “Thứ chết cứng” là gì vậy? Vô ký, hôn trầm! Chẳng thể có thiện xảo tiến nhập Phật pháp, phần nhiều giữ lấy những thứ “*thiện xảo*” nhỏ nhặt! Còn Thường Tinh Tấn Bồ Tát từ các kiếp nhiều như cát sông Hằng đến nay thường tinh tấn, chẳng nghỉ ngơi! Ngài chẳng cho đó là công đức của chính mình, chỉ tán thán chư Phật gia bị. Nay chúng ta là bọn hữu tình căn cơ mỏng tanh, ít phước, đạt được một tí đã sướng ron, làm một tí đã nghĩ là được rồi, tự phụ chính mình đã chứng đắc. Kết quả là nhọc nhằn, bất an, hẹp hòi, yếu kém, chẳng thể phát khởi lợi ích rộng lớn. Đối với chuyện này, các vị thiện tri thức nhất định phải sốt sắng trừ khử tự ngã. Nếu chẳng trừ khử tự ngã, quý vị sẽ đối trước góc tường, tự phạt mình trong cái góc chết ấy! “Góc chết” gì vậy? Chính là giống như con lừa kéo cối xay vậy! Quý vị tự bịt mắt mình mà nói: “Ta đi đúng chóc, ta đi chánh xác”. Quý vị vĩnh viễn đi đúng lắm, nhưng vĩnh viễn chẳng đi ra khỏi cái vòng luân quần ấy! Vòng luân quần gì thế? Tự ngã! Tức cái vòng “tự cho chính mình là đúng”. Vòng càng tròn, quý vị càng chẳng thoát ra được! Đúng là rất đáng thương xót. Vì thế, người có mắt thanh tịnh trông thấy, hiểu biết, thương xót hạng hữu tình ấy. Loại hữu tình ấy thường là hai mắt bị bịt kín, chẳng thể tự thấy. Vì lẽ nào? Chẳng có con mắt trí huệ, chẳng có từ bi, chỉ vì mắt đã bị bịt kín bởi thói tự đại. Quả thật phải nên cảnh giác! Hiện thời, rất nhiều người hành pháp đã bị hạn chế, ước thúc ở chỗ này, đình trệ chẳng thể tiến lên được, hôn trầm, điều cử, vô ký, vô lực, chẳng còn tiến lên được nữa, chẳng có sức mạnh và nguyện vọng tăng tấn!

(Kinh) Bất thủ chư Âm.

(經)不取諸陰。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

(Kinh: Chẳng giữ lấy các Ám).

Chẳng hạn như có người có thọ giác, cho đến có thần biến, có thiện xảo, mà cũng chấp lấy các cái nhân. Thật sự là chẳng có pháp nào để có thể đạt được, chỉ thẳng thừng tiến nhập, hành các pháp đạt được niềm vui, nhưng chẳng đắm nhiễm, chẳng vướng bận, chớ nên quay lại! Hễ quay đầu lại, nói chung sẽ chẳng đạt được pháp ích. Những kẻ hành pháp mà lo trước ngại sau, sẽ giậm chân tại chỗ, hãy nên quở trách chính mình nặng nề, phải thoát khỏi chỗ ấy, muốn thoát khỏi chỗ ấy! Nếu chẳng thoát ra được, sẽ hãm nhập trong trạng thái nào đó. Năm này qua năm khác, ngày này qua ngày nọ như thế, thực tế là đọa trong giải đãi, chẳng hề hổ thẹn! Hiện thời, trong cơ chế chung quanh chúng ta, trạng thái như vậy khá phổ biến. Vì thế, siêng ròng, khích lệ sẽ là mười phần trọng yếu.

(Kinh) Bất trước chư Nhập.

(經)不着諸入。

(Kinh: Chẳng chấp các Nhập).

“Chư nhập”: Có mười hai Nhập pháp, hoặc có sáu Nhập pháp, đều có xuất xứ.

(Kinh) Bất tư chư giới, bất tham sanh xứ.

(經)不思諸界，不貪生處。

(Kinh: Chẳng nghĩ các giới, chẳng tham chỗ sanh).

Đối với tam hữu giới (tam giới), dù là trong Thiên Định, hay trong các pháp thiện ác, hoặc trong Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, chớ nên tham đắm các chỗ ấy. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng còn chớ nên tham đắm, các món Thiên Định mà còn chẳng thể tham đắm, huống hồ tham, sân, si, mạn, nghi ư? Huống hồ tri kiến bất chánh ư? Quý vị đắm chấp nơi đó, khổ và chẳng khổ, chính mình tự biết ngay!

(Kinh) Điều phục mạn cao, bất đố tha tài.

(經)調伏慢高，不妒他財。

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

(Kinh: Điều phục tâm ngạo mạn, kiêu căng, không ghen ghét tài sản của kẻ khác).

Quả thật, đây là chỗ người hành pháp trong thời đại này phải nên quan sát cận kề. Tôi đã gặp một vị Bồ Tát, là phụ nữ, sau ba mươi ngày hành pháp, rất mạnh mẽ. Từ ngàn dặm xa xôi tới đây, mười phần khiêm cung, lễ kính, thưa: “Bạch pháp sư! Con nghe đại danh của thầy đã lâu. Thầy tu pháp Ban Châu, chúng con từ chỗ X... đến tham bái thầy. Thầy có thể khai thị cho chúng con hay không?” Tôi thấy vị Bồ Tát ấy ăn nói khiêm nhường, trong tâm kiêu căng, bèn nói: “Thưa Bồ Tát! Quả thật tôi chẳng tu pháp Ban Châu, tôi niệm Phật một ngày một đêm thôi”. Vị Bồ Tát ấy đổi sắc mặt ngay lập tức, nói: “Ừ! Thầy chưa tu Ban Châu à?” Tôi đáp: “Quý vị cứ thông thả uống nước, chờ đôi chút. Ở đây chúng tôi có vị Bồ Tát Y... đã hành Ban Châu. Các vị có thể trao đổi với nhau”. Bà ta ngay lập tức lộ mặt liền, tâm trí gặp bậc tri thức và gặp phạm phu sai khác quá to! Vừa mới gặp thì thấy rất cung kính, thật ra, chẳng phải vậy! Trong tâm tràn ngập kiêu mạn. Sự kiêu mạn ấy được biểu hiện như thế nào? Do tri kiến tăng thượng của chính mình, trọn chẳng phải là thật sự đến cầu pháp, hoặc đến tiêu trừ ngạo mạn. Cuối cùng, tôi bảo bà ta: “Trước hết, bà hãy rót nước uống đi!” Vị Bồ Tát ấy nói: “Ừ! Thầy chẳng tu Ban Châu thì ngồi ở đây làm gì chớ?” Tôi đáp: “Mọi người cùng nhau học tập, cùng nhau thực hành Phật pháp!” Bà ta bắt đầu giáo huấn tôi, bảo thầy phải làm thế này thế nọ. Một là, hai là, ba là, bốn là... Chẳng thể nói bà ta kiêu căng, cao ngạo, bà ta cảm thấy gì? “Ta mạnh hơn người! Vì nhà người mới niệm một ngày một đêm, còn ta đã niệm ba mươi ngày rồi!” Nhưng lúc rời đi, bà ta bảo tôi: “Ồi trời ơi! Ban Châu khổ quá, tàn nhẫn quá!” Vì sao lọt vào tình trạng thân tâm bị bức bách, chẳng tăng trưởng pháp ích như thế? Do kiêu mạn!

Trong phòng tôi, có giữ một tấm hình lão hòa thượng Diệu Liên ở Đài Loan do người khác tặng. Chẳng biết Ngài bao nhiêu tuổi, hẳn là phải bảy tám mươi tuổi rồi, nhưng hề ai trông thấy bức hình ấy đều nói: “Đây là vị pháp sư nào vậy? Chắc ba bốn mươi tuổi?” Là vì trong suốt mười mấy năm, Ngài đều như một ngày mà hành Ban Châu, đạt được lợi ích và thiện xảo của hành pháp. Gần đây, tôi biết các vị hành Ban Châu, kể cả các vị lão nhân thường trụ trong các tự viện ở phương Nam, sau khi họ kinh hành Ban Châu, tuy đều đã bảy tám mươi tuổi, chín mươi tuổi, vẫn còn rất phong nhã, hào hoa, rất trẻ trung. Có các vị thiện tri thức, chúng tôi không dám nhắc đến, sợ thế tục kinh hãi. Có các vị thiện

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

tri thức đích xác là trụ thế chẳng đời! Trước kia, tôi đã ở chung với một vị thiện tri thức. Có người từ nơi rất xa đến lễ kính vị ấy. Tôi nói: “Nếu mọi người yêu mến vị thiện tri thức này, hãy hỏi pháp với vị ấy cho nhiều, giảm bớt lễ kính. Lễ kính vị ấy nhiều quá, sợ rằng sẽ xui khiến vị ấy nảy sanh kiêu mạn. Xui khiến gì vậy? Tự cầu tăng thượng mạn, chẳng cầu pháp tắc”. Tăng thượng mạn là gì? Chẳng giải quyết vấn đề của chính mình thì gọi là tăng thượng mạn, chỉ tăng thêm kiến thức của chính mình, chẳng tăng thêm lợi ích cho chính mình. Lợi ích gì vậy? Lợi ích nơi pháp tắc, tức là tiêu trừ phiền não của chính mình, tiêu trừ nghi hoặc và chướng ngại nơi pháp tắc, chẳng phải là mong tăng thêm sự quen biết, khoe: “Tôi đã gặp vị nào đó”, “tôi đã lễ bái vị thầy nào đó”, chỉ tỏ tăng thêm kiêu mạn!

Có người hỏi: “Thầy đã gặp những vị thiện tri thức nào?” Tôi đáp: “Ai nấy đều là thiện tri thức”. Có những vị thật sự là bậc hành pháp thiện xảo rất chẳng thể nghĩ bàn trong thế gian, chúng tôi quả thật chẳng dám dễ dãi nói với người đời. Vì sao? Sẽ quấy nhiễu, xâm hại họ. Vì tâm địa của chúng ta hiện thời đã tự vun bồi sự kiêu mạn của chính mình quá nhiều, vun bồi danh phận của chính mình thì nhiều, mà giải quyết phiền não, nghiệp tập của chính mình thì ít, mười phần ít ỏi! Như thế đâm ra chẳng tương ứng. Rất nhiều vị Bồ Tát hành pháp đạt được lợi ích chẳng thể nghĩ bàn, nhưng mười người thì có tới tám người do được kẻ khác đến cúng dường, tán thán, đề cao họ, kết quả là xong luôn! Bị chết tươi trong sự tán thán, ca ngợi ấy! Cũng có rất nhiều vị hành pháp có công đức và lợi ích đúng là rất chẳng thể nghĩ bàn, nhưng họ rất bình phàm. Cho nên tôi đặc biệt kính ngưỡng và quý mến loại thiện tri thức ấy!

Do đó, ở đây, [đức Thế Tôn] nêu ra “*điều phục cao mạn, bắt đổ tha tài*” (điều phục kiêu căng, ngạo mạn, chẳng ghen ghét của cải của người khác). Cái tâm đổ kỹ và tâm kiêu mạn là công nghiệp hiển hiện trong thời đại này. Các vị thiện tri thức ơi! Hành trì Ban Châu mà nếu chẳng sanh khởi sự chọn lựa và tùy thuận đối với pháp tắc tùy hỷ, sẽ khó thể hành trì Ban Châu! Vì cái tâm chẳng tịch tĩnh. Như thế thì quý vị sẽ ganh ghét hữu tình. Do cái tâm kiêu mạn, sẽ khiến cho chính mình nhiệt não, tâm trí chẳng đạt được cân bằng, chẳng thể thanh lương, chẳng tĩnh được, chẳng an ổn được. Chúng ta khéo tư duy, khéo quan sát, hãy nên khéo điều chỉnh, khéo xuất ly đối với công nghiệp trong thời đại này!

(Kinh) Vị chư thế gian, đa tác nhiều ích.

(經) 爲諸世間，多作饒益。

(Kinh: Vì các thế gian, tạo nhiều lợi ích).

Học tập kinh điển, thật sự là phân tích tự tâm, chẳng lìa ý niệm hiện tiền, chuyện trong hiện tại, người trong hiện tại. Chúng ta hãy như thật ẩn khế tự tâm có tương ứng với pháp tắc hay không? Có khế cơ, khế lý với Phật pháp hay chẳng? Có thể thật sự vận dụng mỗi niệm hiện tại của chính mình hay chẳng, khiến cho Phật pháp ẩn khế cuộc sống, cuộc sống ẩn khế tự tâm, tự tâm sẽ như Phật pháp tiếp nối trong thế gian, tiêu trừ lo ngại, lợi ích rộng rãi hữu tình hay không? Lợi ích và nội hàm thực chất của pháp Ban Châu đã được trần thuật khá nhiều trong một trăm hai mươi hai câu “*vân hà*”, ở đây, [đức Phật] lại chỉ dạy tổng quát, nhằm khiến cho hữu tình phát khởi ý nguyện ưa thích tu trì đối với hành pháp Ban Châu, tức Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền Lập tam-muội, cũng như nhận thức công đức này.

(Kinh) Ư chư chúng sanh, khởi bình đẳng tâm.

(經) 於諸衆生，起平等心。

(Kinh: Khởi tâm bình đẳng đối với chúng sanh).

Công đức sanh khởi từ cái tâm bình đẳng ắt có thể lợi ích rộng rãi các thế gian. Hết thấy hữu tình đều do mê muội tâm trí bình đẳng, cho nên dấy lên sự phân biệt cao, thấp, lầy, bỏ, tri kiến phàm thánh khác biệt, nhuôm bản tự tâm, khuất lấp tự tâm, phần nhiều đánh mất sự an trụ trong an lạc thanh tịnh, tạo thành sự nguy hại lẫn nhau, tức là bị phân biệt và chấp trước não loạn, mê hoặc. Sanh khởi tâm trí bình đẳng, tức là đối trước hết thấy các tướng sai biệt của hết thấy chúng sanh, bèn thủ hộ bình đẳng như thật, ban cho chúng sanh công đức thiện xảo chân thật. Tiếp đó, đức Thế Tôn nêu ra các thí dụ.

(Kinh) Hựu ư chúng sanh, sanh phụ mẫu tưởng.

(經) 又於衆生，生父母想。

(Kinh: Lại sanh ý tưởng coi chúng sanh như cha mẹ).

Hết thấy chư Phật Như Lai tưởng hết thấy hữu tình như cha mẹ, cảm ơn cuộc sống, cảm ơn mỗi niệm hiện tiền, cảm ơn hết thấy hữu

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

duyên; điều này chân thật, chẳng giả. Vì sao? Do thấu triệt cội nguồn, liễu giải tự tâm chẳng khác. Trong cuộc sống bình phàm, trong sự cảm nhận của chúng ta, nếu dựa theo phàm tình, nếu dựa theo nghiệp tập, nếu dựa theo tri kiến phân biệt, thường là chẳng thể sanh khởi tâm trí cảm ơn hết thầy chúng sanh, nhưng ở đây chư Phật Như Lai lựa chọn, đối với hết thầy hữu tình, “*sanh phụ mẫu tướng*” (sanh ý tướng coi như cha mẹ). “*Sanh tướng*” tức là khởi ý niệm nghĩ như thế, hay là như thật mà tướng? Nếu dựa theo sự kiện từ vô lượng kiếp tới nay, đời đời kiếp kiếp luân hồi; như thế thì “*hết thầy hữu tình đều là cha mẹ lẫn nhau*” chính là lời thành thật. Nếu xét theo đời này, đời kia, nhiều đời, thì ở đây sẽ là nói theo sự tướng tượng, nói thí dụ, nói giả thiết, có thể khiến cho chúng sanh rất ráo an lạc. Thiết lập như thế sẽ có thể khiến cho chúng sanh đạt được an lạc rất ráo và thủ hộ tâm trí bình đẳng, báo đáp ân đức của hết thầy hữu tình như cha mẹ.

Do vậy, chư Phật Như Lai là người tri ân, người báo ân, thực hành ân đức, cho nên nói “*trọn đủ ân đức*”. Tam đức⁵⁵ trong công đức thù thắng trụ thế của chư Phật Như Lai, ân đức trọn đủ nhất. Khi tiếp xúc hết thầy hữu tình, đều chẳng bỏ lỡ thời cơ ban bố lợi ích chân thật cho chúng sanh, hồng báo ân chúng sanh. Vì sao vậy? Chư Phật Như Lai coi hết thầy chúng sanh như cha mẹ từ vô thủy đến nay, dùng nhân duyên ấy để báo đáp ân dưỡng dục lẫn nhau.

(Kinh) Diệc ư chúng sanh, sở tác nhất tử tâm.

(經)亦於衆生，所作一子心。

(Kinh: Tâm cũng coi chúng sanh như con một).

Trong nhất tâm như thế, tôn trọng hết thầy, lợi lạc rộng rãi hết thầy hữu tình. Trong tâm trí phàm phu, do thường dùng sức biện định, nhận biết từ nghiệp tập để xem xét, sẽ cho chuyện này là lời lẽ quá lớn, hoặc ăn nói lớn lối, hoặc lời lẽ chẳng tương ứng, là lời lẽ khoa trương sự cao mình. Thật ra, chẳng phải vậy! Chư Phật Như Lai Thế Tôn đã chọn lựa như thế. Chúng ta là hạng phàm phu lè tè sát đất, nếu thuận theo cách suy nghĩ và nhìn nhận của chư Phật Như Lai để tư duy, nhìn nhận, thuận theo tri kiến của chư Phật để hiểu biết, thuận theo nhận thức của chư

⁵⁵ Tam đức là ân đức, trí đức, và đoạn đức.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Phật để nhận thức, dẫu tùy thuận trong khoảng sát-na, sẽ đạt được sự gia trì chẳng thể nghĩ bàn và sự biến đổi nơi tâm trí, ấn khế tâm trí.

Ở đây, cũng có thể coi là sự giả thiết, quý vị chẳng ngại thử xem, chẳng ngại quan sát, chẳng ngại vận dụng. Chỗ “chẳng ngại” tức là chỗ ấn tâm. Do đó, tiếp xúc, va chạm, in vào, quý vị sẽ liễu đạt “*tự tâm, Phật tâm, chúng sanh tâm, cả ba chẳng sai biệt*”.

Vì lẽ nào? Tự tâm, Phật tâm, chúng sanh tâm, tâm nào cũng đều vốn là nhất tâm, nhưng sử dụng hư vọng, sử dụng chánh đáng, sử dụng phân biệt, sử dụng viên mãn, sử dụng sai biệt, sử dụng tà vạy, sử dụng chân thật, sử dụng rốt ráo, mỗi cách dùng khác biệt. “*Khác biệt*” là vì chấp trước. Chư Phật Như Lai đã sớm nhận biết diệu dụng chân thật vô sai biệt, cho nên dùng cái tâm bình đẳng để lợi ích rộng khắp hết thảy chúng sanh.

(Kinh) Nhất thiết pháp trung, vô hữu tranh tương.

(經)一切法中，無有爭想。

(Kinh: Trong hết thảy các pháp, chẳng có ý tưởng tranh chấp).

Trong kinh điển, đức Thế Tôn đã dạy “*pháp này bình đẳng, pháp chẳng cao thấp*”. Chư Phật Như Lai ban bố các lời dạy, khiến cho hết thảy chúng sanh thấy thấu suốt hiện duyên như mộng, như huyễn, chẳng có thực chất, nhưng tự tánh trọn đủ các loại tác nghiệp có diệu dụng duy trì liên tục. Chúng sanh do nhận thức hư vọng, ngõ tưởng của nghiệp lưu là Ngã. Chư Phật Như Lai dùng các thứ tác dụng duy trì tiếp nối của bi trí và nguyện lực để lợi ích chúng sanh rộng rãi, nhưng chẳng có Ngã để có thể đạt được. Do đó, đạt được tự tại vô tránh, nhập Vô Tránh tam-muội để rộng lợi ích thế gian.

(Kinh) Tuy niệm trì giới, nhi bất chấp trước.

(經)雖念持戒，而不執着。

(Kinh: Tuy nghĩ đến trì giới, nhưng chẳng chấp trước).

Tâm trí của chư Phật Như Lai rộng lớn viên mãn rốt ráo. Hết thảy những người hành pháp cũng nên như thế, tức là trì giới mà chẳng chấp trước, tạo lợi ích cho hữu tình trọn khắp, nhưng thật sự chẳng có chúng sanh để tạo lợi ích. Đấy chính là khuôn phép và lợi ích của tâm trí bình

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

đăng trong cái tâm chẳng đắm nhiễm. Nếu người trì giới cho rằng chính mình thật sự trì giới, thì sẽ là phạm giới. Vì sao? Do tâm trí bị ô nhiễm, do tâm trí có cao, thấp, do có tướng ta, tướng người, kẻ đó sẽ trầm luân trong sanh tử mê muội, trong Ngã Kiến và Ngã Chấp.

(Kinh) Thường tại Thiên Định, diệt vô đam nhiễm.

(經)常在禪定，亦無耽染。

(Kinh: Thường ở trong Thiên Định mà cũng chẳng đắm nhiễm).

Phần văn tự dưới đây diễn tả sự thủ hộ vi tế và vô tạo tác đối với pháp tắc này. Nếu hơi có tạo tác, chắc chắn sẽ đắm nhiễm.

(Kinh) Hảo nhạo đa văn, bất khởi phân biệt.

(經)好樂多聞，不起分別。

(Kinh: Ưa thích đa văn, chẳng dấy lên phân biệt).

Tức là thanh tịnh vui sướng tiếp nhận đa văn, rộng tu tập các pháp, chẳng sanh tâm ngạo mạn. Hữu tình thời Mạt Pháp phân nhiều trái nghịch đạo. Do vậy, chúng ta dùng kinh điển để gột rửa trần cấu nơi thân tâm của chính mình, ưa thích đa văn, nhưng chẳng kiêu mạn. Điều này rất trọng yếu. Nếu chẳng như thế, chúng ta sẽ sanh đắm nhiễm. Đối với các văn tự ấy, chúng ta có thể dùng để đối chiếu với tâm niệm hiện tiền của chính mình, đối chiếu với nghiệp do chính mình tạo tác trong hiện tiền. Đừng nghĩ tưởng chi khác. Chúng ta chớ đếm của báu giùm kẻ khác, cũng chẳng đem Phật pháp đùn đẩy cho người khác. Nếu đùn đẩy cho họ, nói chung là chẳng thể khế nhập, nói chung là chẳng khởi tác dụng, nói chung là chẳng liên can! Bánh vẽ nói chung chẳng thể no lòng, chẳng có cơ hội dung nhập.

(Kinh) Giới tụ bất khuyết.

(經)戒聚不缺。

(Kinh: Giới tụ chẳng khuyết).

“Giới tụ” là ba tụ giới, tức là Oai Nghi Giới, Thiện Pháp Giới, và Nhiêu Ích Hữu Tình Giới. “Giới tụ bất khuyết” tức là trong ba giới tụ, chẳng hề bỏ sót giới nào. Trong nhận thức thông thường của chúng ta đối với giới pháp, ai nấy có cách gìn giữ khác biệt. Nếu là Thanh Văn

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

giới tụ thì chú trọng oai nghi. Nếu là Bồ Tát giới tụ thì chú trọng thiện pháp. Nếu đối với giáo ngôn vô thượng thừa thì chú trọng nhiều hơn nơi Nhiêu Ích Hữu Tình. Chọn lựa như thế, trong ba giới tụ, chẳng có khiếm khuyết, chẳng phạm, chẳng nghi ngờ, chẳng báng bỏ lẫn nhau! “*Khuyết phạm*” là sanh khởi lăm nghi báng, vì tam tụ tịnh giới đều có chỗ dung thông. Kẻ phạm phụ xứng bậy chê trách. Có kẻ khi trì giới Thanh Văn thì bèn phạm giới Bồ Tát, khi trì giới Bồ Tát lại phạm giới Thanh Văn. Ở đây, [*“bất khuyết”*] là chẳng có chỗ nào sai phạm; nhưng vì lợi ích hữu tình, chỉ vì dùng oai nghi trụ thế, [cho nên] đều có thể trì giới, chẳng phạm. Hễ phạm bèn sám, [hễ đã sám trừ thanh tịnh thì] cũng là chẳng phạm, cũng có lợi ích, cũng thanh tịnh!

(Kinh) Định tụ bất động.

(經)定聚不動。

(Kinh: Định tụ bất động).

Trong các thứ pháp tắc Thiên Định thuộc về Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, và Tứ Thiên, hữu tình thâm nhập pháp vị của Thiên pháp, vượt khỏi tất cả các đắm nhiễm của bọn hữu tình chúng ta trong Dục Giới, có sức tự tại đối với Sắc Giới. Tức là đối với thế gian thuộc Sắc Giới, phần nhiều được du hý tự tại, trang nghiêm tự tâm. “*Định tụ bất động*” có nghĩa là trong các môn Định cũng chẳng bị đắm nhiễm. Nói “*bất động*” tức là chẳng ra ngoài giới này, chẳng vào giới kia, chỉ trụ trong niềm vui sướng của pháp vị.

(Kinh) Trí tụ bất vọng.

(經)智聚不妄。

(Kinh: Trí tụ chẳng vọng).

Thông thường, Trí được quy nạp theo ba cách nói: Chư Phật đích thân chứng Nhất Thiết Chứng Trí, chư đại A La Hán đích thân chứng Nhất Thiết Trí, chư Bồ Tát phương tiện vận dụng Đạo Chứng Trí. Trong ba trí ấy, chớ nên làm loạn. Chẳng hạn như trong Nhất Thiết Trí, dùng Tổng Tướng để thấy, nhưng chẳng diệt mất trí phân biệt, [trí phân biệt] tức là Đạo Chứng Trí. Tâm trí an lạc như thế. Có kẻ dễ mê mất tự tâm nơi sự tướng, hư vọng sanh phân biệt, nói cao, nói thấp. Thật ra, Tổng

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Tướng và Biệt Tướng nói chung đều là tướng danh tự, chứ tâm trí chẳng khác, đều lưu xuất từ Như Lai Tạng Tánh, đều trọn đủ trang nghiêm. Mỗi trí đều là nói phương tiện.

(Kinh) Chư pháp vô nghi.

(經)諸法無疑。

(Kinh: Chẳng nghi ngờ các pháp).

Chúng ta tu tập Phật pháp, có ngờ vực hay không? Có chướng ngại hay không?

(Kinh) Bất bối chư Phật.

(經)不背諸佛。

(Kinh: Chẳng trái nghịch chư Phật).

Chư Phật Như Lai ban bố giáo ngôn rộng lớn, tám vạn bốn ngàn pháp tắc để đối ứng tám vạn bốn ngàn tâm trí của chúng sanh, mà cũng là đối trị tám vạn bốn ngàn loại chấp trước. Những điều này đều là danh từ, danh tướng. Các danh từ ấy nói thật ra, đều chẳng phải là thật sự có, cũng chẳng phải là cụ thể, nhưng nói thí dụ giả thiết. “Tám vạn bốn ngàn” nhằm biểu thị vô cùng, mà cũng có thể biểu đạt một niệm hiện tiền của chúng ta.

(Kinh) Bất báng chánh pháp.

(經)不謗正法。

(Kinh: Chẳng phỉ báng chánh pháp).

Thời đại Mạt Pháp, lắm kẻ báng pháp, vì sao? Do tâm trí ô nhiễm, xằng bậy tự phân biệt, lấy bỏ, xằng bậy tự cho là “đúng, sai”, diệt mất chánh kiến!

(Kinh) Bất hoại chúng Tăng.

(經)不壞衆僧。

(Kinh: Chẳng phá hoại chư Tăng).

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

“*Bất hoại chúng Tăng*” là hòa hợp với thế gian, chẳng cho chính mình là đúng, chẳng chê người khác sai bét. Vì sao phải thủ hộ như thế? Hòa hợp với thế gian, gánh vác cái nghiệp của chúng sanh. Dành chuyện tốt cho người khác, tự mình nhận lấy chuyện tệ ác, khen ngợi thiện đức của kẻ khác, sám hối làm lỗi của kẻ khác. Do vậy, chánh hạnh của Bồ Tát có thể khiến cho Tăng chúng hưng thịnh trong đạo tràng của thế gian.

(Kinh) Bất háo quai ly.

(經)不好乖離。

(Kinh: Chẳng thích chống trái).

“*Chống trái*” thì sẽ ruồng bỏ thiện duyên, phần nhiều sẽ trái nghịch đạo, buông lung pháp tắc.

(Kinh) Thân cận chúng thánh, viễn ly ngu si.

(經)親近衆聖，遠離愚癡。

(Kinh: Thân cận chư thánh, xa lìa ngu si).

Thường thân cận thiện tri thức, sẽ đạt được nhiều diệu dụng. Thường ở chung với kẻ ngu, sẽ mê mất tự tâm. Vì sao? Kẻ mê hướng dẫn kẻ mê, kẻ mù dắt dẫn người mù, ai nấy ví như kẻ mù sờ voi, tranh cãi với nhau, nhưng chẳng chính mắt trông thấy! Bậc trí, bậc thánh có thể hướng dẫn chúng ta, mở mang mắt ta, xa lìa ngu si, mở con mắt trí huệ, khiến cho chúng ta trông thấy toàn bộ con voi, ngay lập tức trọn đủ. Người đời tham cầu Phật pháp, cũng giống như kẻ mù sờ voi, chạm được một tí ti đã tự phụ, cứ nghĩ mình đúng. Kết quả, đánh mất toàn thể, chẳng đạt được công đức chân thật trong Phật pháp.

(Kinh) Bất chí cầu xuất thế. Tuy văn ngữ ngôn, ý bất nhạo thính, diệc bất đả trước thế gian lục vị.

(經)不志求出世。雖聞語言，意不樂聽，亦不耽著世間六味。

(Kinh: Chí chẳng mong cầu xuất thế. Tuy nghe ngôn ngữ, ý chẳng chuộng nghe, cũng chẳng đắm nhiễm sáu vị của thế gian).

Chẳng cầu xuất thế, mà chẳng nhập thế. Đó là phương tiện của định tâm, là phương tiện chẳng đắm nhiễm. Đó gọi là sức công đức trí huệ chân thật chẳng đắm nhiễm. Chẳng xuất thế, chẳng nhập thế, chẳng vào sanh tử, cũng chẳng chấp Niết Bàn, chẳng nhập phiền não, cũng chẳng chứng Bồ Đề, chân thật an trụ, trí huệ quang minh. Đây là thiện xảo để huân tập pháp ngũ giải thoát⁵⁶.

(Kinh) Tập cận huân tu, ngũ giải thoát pháp.

(經) 習近薰修, 五解脫法。

(Kinh: Tu tập thân cận, huân tu năm pháp giải thoát).

Giải thoát và giải thoát tri kiến là do dùng Giới, Định, Huệ để thanh tịnh an lập. Chúng ta học tập Phật pháp, nếu chẳng tùy thuận năm pháp giải thoát, cũng như ba môn tam-muội Không, Vô Tướng, Vô Nguyện, sẽ khó thể tiên nhập.

(Kinh) Trừ diệt Thập Ác, niệm tu Thập Thiện.

(經) 除滅十惡, 念修十善。

(Kinh: Trừ diệt Thập Ác, niệm tu Thập Thiện).

Cái gọi là Thập Ác chính là giết, trộm, tà dâm, ác khẩu, nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, tham, sân, si. Thập Thiện thì tương phản, không giết, không trộm, không tà dâm, không ác khẩu, không nói dối, không nói thêu dệt, không nói đôi chiều, không tham, không sân, không si. Những điều này thật sự là chỗ an ổn vui sướng cho cả thế gian lẫn xuất thế gian. Vì sao có thể nói thiện pháp là chỗ vui sướng? Xuất thế gian có thể vui với thiện pháp bằng cách nào? Chúng ta đều biết, trong Tục Đế có nói “do Ngũ Giới, Thập Thiện, sẽ sanh trong thiện đạo”. Nhìn từ đó, Thập Thiện và Thập Ác có thiện xảo xuất thế như thế nào? Chính là nói bốn tướng của hai Đế (Chân Đế và Tục Đế) dung thông, chỉ

⁵⁶ Ngũ giải thoát còn gọi là Ngũ Phần Pháp Thân (Pañca-dharma-skandhāḥ). Đó là năm pháp công đức (Guṇa-dharma) để thành tựu Pháp Thân của chư Phật, gồm Giới (Śīla), Định (Samadhi), Huệ (Prajñā, Bát Nhã), Giải Thoát (Vimukti), và Giải Thoát Tri Kiến (Vimukti-jñāna-darsana, tức là khéo thông đạt giải thoát, đúng như thật liễu tri phiền não, đoạn trừ phiền não).

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

là nói hư giả. Trong các thứ khổ, kẻ ngu hứng chịu, thánh nhân cũng hứng chịu, nhưng thánh nhân từ trong khổ mà đắc lạc. Lạc gì vậy? Ở trong khổ mà được giải thoát, ở trong khổ mà thành tựu Bồ Đề, nhưng chúng sanh khổ nạn bị Khổ Khổ bức bách, Khổ Khổ tiếp nối, mê muội trong khổ. Vì thế, chẳng được giải thoát. Do đó, khổ cũng là thiện xảo để xuất thế. Trong mười thiện pháp, cũng giống như thế. Pháp tắc Thập Thiện và Thập Ác chính là cơ sở an ổn trong cuộc đời. Khi nào mất đi cơ sở ấy, sẽ bị nhiều nỗi khổ sở bức bách, tăng thêm nhiều nguồn khổ. Bậc trí nương vào Khổ Khổ mà xuất ly, kẻ ngu nương theo Khổ Khổ mà trầm luân. Do vậy, trong khổ tất nhiên là khổ tướng, trong lạc tất nhiên là lạc tướng. Đó là chuyện tất nhiên, tức là Thọ thì chẳng thể thay thế. Các vị đại thánh, bậc trí, và bậc thiện xảo dạo chơi tự tại trong các khổ và lạc, diệu dụng ở chỗ này. Phàm nhân sẽ trầm luân ở nơi đây chẳng nghĩ, chẳng thể tự thoát ra được, như thế mà thôi!

(Kinh) Đoạn diệt chúng sanh cứu chúng nã xứ.

(經)斷滅衆生九種惱處。

(Kinh: Đoạn diệt chín chỗ nã hại cho chúng sanh).

Chín chỗ khổ nã là nhân duyên trong quá khứ của đức Thế Tôn. Đức Thích Ca Mâu Ni Phật do nương vào sự nhiếp thọ của năm trăm lời nguyện, mới có thể thành Phật trong đời ác ngũ trược này, nhưng vẫn thị hiện chín loại nã hại.

1) Sáu năm khổ hạnh: Đức Thế Tôn bỏ trời Đâu Suất, giáng sanh trong vương cung, bỏ ngôi vị xuất gia, sáu năm khổ hạnh. Sáu năm khổ hạnh thật sự là khổ sở; đó là sự khổ nã thứ nhất. Vì sao có sự khổ nã này? Đức Phật nói: - Xưa kia, có hai thiếu niên, một người tên là Hỏa Man thuộc dòng Bà La Môn. Người kia tên là Hộ Hỷ, là con của thợ ngõa, tức con trai của thợ nề. Hộ Hỷ rủ Hỏa Man cùng đến gặp Ca Diếp Như Lai. Chúng ta đều biết Ca Diếp Như Lai (Kāśyapa) là đức Thế Tôn thứ ba trong Hiền Kiếp. Bốn vị Phật trong Hiền Kiếp lần lượt là Câu Lưu Tôn (Krakucchanda), Câu Na Hàm Mâu Ni (Kanakamuni), Ca Diếp, và Thích Ca Văn (Shakyamuni, Thích Ca Mâu Ni Phật). Khi Ca Diếp Phật xuất thế, con người thọ hai vạn tuổi. “Hỏa Man viết: - Hà dụng kiến thử thốc đầu đạo nhân? Hộ Hỷ cưỡng chi tái tam, thử cộng kiến Ca Diếp Như Lai. Hỏa Man kiến Phật tướng hảo, tâm sanh hoan hỷ, xuất gia học đạo. Phật ngôn: - Thời Hỏa Man giả ngã thân thị. Dĩ

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

báng Phật nhân duyên, thọ khổ vô lượng. Kim lâm thành Phật, dư ương vị tận, phục thọ lục niên khổ hạnh” (Hỏa Man nói: “Đến gặp đạo nhân trợ cầu ấy để làm gì?” Hộ Hỷ cưỡng ép đòi ba lượt, [Hỏa Man] mới cùng [Hộ Hỷ] đến gặp Ca Diếp Như Lai. Hỏa Man thấy tướng hảo của Phật, tâm sanh hoan hỷ, xuất gia học đạo. Đức Phật nói: “Hỏa Man khi ấy chính là thân ta. Do nhân duyên báng Phật, chịu khổ vô lượng. Nay sắp thành Phật, dư ương chưa hết, lại chịu sáu năm khổ hạnh”). Đó là nguyên do của sáu năm khổ hạnh, là điều khổ não thứ nhất.

Đức Thế Tôn tu hành, muốn khiến cho tất cả các Phật tử hữu duyên miễn trừ chín điều khổ não. Hiện thời có các hữu tình nói: “Thích Ca Mâu Ni Phật hứng chịu bao nhiêu khổ sở, chúng ta cũng hứng chịu bao nhiêu khổ sở!” Đây chẳng phải là nguyện lực xuất thế của Thích Ca Mâu Ni Phật, mà cũng chẳng phải là công đức xuất thế thực tế của Thích Ca Mâu Ni Phật. Vì sao? Nêu một tỷ dụ dễ hiểu. Ví như cha mẹ trong thế gian sanh nở con cái, muốn cho đứa con của chính mình tránh khỏi những nỗi khổ mà chính mình đã hứng chịu, bèn siêng năng, nhọc nhằn làm việc, kiến lập gia nghiệp. Chư Phật Như Lai cũng giống như thế, coi hết thấy hữu tình hữu duyên như con một, dùng tất cả phước đức, công đức, nhân duyên của chính mình để nhiếp thọ, thủ hộ đứa con một ấy, khiến cho nó lìa khỏi nỗi khổ ấy. Do đó, chư Phật Như Lai vì diệt trừ hết thấy khổ não cho chúng sanh nên xuất thế, tức là [diệt trừ] khổ não luân hồi, khổ não “sanh, lão, bệnh, tử”, khổ não vì Phần Đoạn Tử và Biến Dịch Tử, để rốt cuộc tiến nhập A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Hỏa Man do một lời báng bỏ Ca Diếp Phật mà chịu vất vả sáu năm. Đức Phật Thích Ca nói ra duyên khởi ấy, đúng là muốn khiến cho các hữu tình hữu duyên tránh khỏi nỗi khổ sáu năm ấy.

Tôi tới một tùng lâm, có người bảo tôi: “Thế Tôn làm gương cho chúng ta để chúng ta khổ tu”. Tôi đáp: “Đức Thế Tôn bố thí giải thoát cho chúng ta, bố thí Giới, Định, Huệ, bố thí trí huệ và từ bi để chúng ta xa lìa khổ não”. Rốt cuộc giáo ngôn ấy có phải là như thế hay không? Chúng ta hãy xem sự liên tục trong giáo ngôn của đức Thế Tôn, sẽ thấy: Thật ra, sáu năm khổ hạnh chính là do đức Phật phương tiện thị hiện, chẳng phải là Ngài thật sự thọ báo. Tuy là như thế, khó tránh khỏi báo ấy, nhưng các vị đại Bồ Tát do nương vào công đức rất sâu bèn thấy đức Phật nhập định suốt sáu năm, chẳng có chuyện khổ. Thích Ca Mâu Ni Phật đã thành Phật từ bao kiếp lâu xa, đã ở trong thế gian này tám ngàn lần, qua lại thế gian này độ thoát hữu tình hữu duyên, độ thoát hữu tình có phước đức nhân duyên chín muôi. Nếu [hữu tình nào] phước đức

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

nhân duyên chưa chín muồi, đức Thế Tôn chẳng thể độ thoát, chỉ tạo các thứ phương tiện gia trì cho tới thành thực thiện căn.

2) Hai là dâm nữ Tôn Đà Lợi (Sundarī) báng Phật. Đây là loại khổ não thứ hai. Đức Phật nói: - Xưa kia có người cờ bạc tên là Tịnh Nhãn, có dâm nữ tên là Lộc Tướng. Tịnh Nhãn dụ Lộc Tướng ra ngoài thành vui chơi. Khi đó, có vị Bích Chi Phật tu đạo trong rừng. Tịnh Nhãn giết chết Lộc Tướng, vu cáo Bích Chi Phật, đến nổi Bích Chi Phật [bị bắt và bị tra khảo] gần chết. Sau đó, lương tâm của Tịnh Nhãn nổi dậy, liền tự nhận tội. Quốc vương giết chết Tịnh Nhãn. Đức Phật nói: “Tịnh Nhãn khi ấy chính là thân ta, còn Lộc Tướng là Tôn Đà Lợi. Ta do nhân duyên ấy, chịu vô lượng khổ. Nay tuy thành Phật, do dư ương ấy, vẫn bị kẻ nữ phỉ báng”. Đó là nói do từ vô lượng kiếp tới nay, do giết Lộc Tướng và vu báng Bích Chi Phật, do hai pháp ấy mà chịu vô lượng khổ. Khi đã thành Phật, vẫn thị hiện hứng chịu dư ương “bị nữ nhân phỉ báng”. Chư Phật Như Lai do mười tám pháp Bất Cộng, biết hết thấy chuyện quá khứ, vị lai, thấu suốt triệt để. Do vậy, trong Tam Minh và Tứ Trí có Lưu Tận Minh, Thiên Nhãn Minh, Túc Mạng Minh, có thể biết thấu đáo hết thấy, nhìn thấy hết thấy rõ ràng chẳng chướng ngại.

3) Bị cái giáo gỗ đâm vào chân. Đức Phật nói: - Xưa kia có hai người thủ lãnh các lái buôn vào trong biển thu nhật chất báu. Về sau, do nước lụt, tranh giành thuyền, chiến đấu với nhau. Người thủ lãnh thứ hai cầm mâu đâm người thứ nhất bị thương, người ấy liền mạng chung. Đức Phật bảo: “Người thủ lãnh lái buôn thứ hai khi đó chính là thân ta, còn người thủ lãnh lái buôn thứ nhất là Đề Bà Đạt Đa. Do nhân duyên ấy, hứng chịu các khổ báo. Nay tuy được thành Phật, nhưng do tàn duyên ấy, vẫn bị cái giáo gỗ đâm vào chân”. Đây là nhân duyên khiến cho đức Thế Tôn bị thương ở chân tại núi Linh Thứu (Gr̥dhrakūṭa, núi Kỳ Xà Quật). Chúng ta đều biết Thích Ca Mâu Ni Phật chứng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề trong thế giới Sa Bà, tuy thị hiện ứng hóa thân, vẫn đạt được sức vô ngại, vì có gì mà hứng chịu sự suy não này? Thật ra là khiến cho dư ương hiển nhiên trong thế gian, ngõ hầu chúng sanh được thấy, được nghe, cho đến biết chư Phật cũng có nhân quả tiếp nối. Do đó, có thể yêu mến Tu Đức, xa lìa nổi kiêu mạn tầm thường. Nếu không, hết thấy phàm phu hữu tình sẽ đều chửi bới Như Lai: “Chư Phật Như Lai các ông là kẻ hóa hiện, là người biến hóa, chẳng phải là người thật sự, không cha, không mẹ”. Do vậy, họ sẽ đọa địa ngục, oan uổng hứng chịu nổi khổ ấy, chẳng có cơ hội thân cận [Phật]!

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Đây là điều khổ não thứ ba trong chín loại khổ não. Vì sao ở đây nói tới chín điều khổ não ấy? Đoạn chín điều khổ não cho chúng ta chính là nhân duyên xuất thế của đức Phật Thích Ca. Nếu chẳng như vậy, đức Phật Thích Ca xuất thế đúng là chẳng từ bi, đúng là chẳng có trí huệ. Nếu là bậc có trí, biết nghiệp của chúng sanh từ vô thủy tới nay, tuy có đủ loại khổ nghiệp, nhưng nương theo sự hồi thí của pháp tánh thanh tịnh, sẽ khiến cho chúng sanh trông thấy, trực tiếp thoát khỏi sự xâm hại của nghiệp lực. Như thế là cái tâm có trí huệ. Khiến cho chúng sanh chẳng hề lặp lại nỗi khổ hứng chịu nghiệp báo; điều đó được gọi là “*bi tâm*”. Nếu chẳng trọn đủ hai pháp Bi và Trí, Phật sẽ chẳng thể gọi là Phật. Chúng ta chớ nên dùng tâm trí của chính mình để suy lường Phật. Nếu Phật có thể suy lường được, sẽ chẳng gọi là Phật nữa!

4) Ba tháng ăn lúa mạch dành cho ngựa. Đức Phật nói: “Xưa kia trong thời Tỷ Bà Diệp Như Lai cùng với các tỳ-kheo nhóm họp tại thành Bàn Đầu Ma Bạt. Vua Bàn Đầu cúng dường to lớn. Khi ấy, trong thành có Bà La Môn dẫn dắt năm trăm đứa bé trai, thấy Phật ứng cúng, đầy lòng ghen tỵ, nói: ‘Bọn sa-môn trọc đầu đáng phải nên ăn lúa mạch dành cho ngựa, chẳng nên ăn các món ngon lành’. Bà La Môn thườ đó chính là thân ta. Năm trăm đứa bé trai tức là năm trăm vị La Hán. Do nhân duyên ấy, chịu các khổ báo. Nay tuy đã thành Phật, do tàn duyên ấy, trong ba tháng An Cư, chẳng được cúng dường, chỉ ăn lúa mạch dành cho ngựa”. Bà Diệp Như Lai chẳng phải là vị Như Lai trong Hiền Kiếp, mà là vị Thế Tôn cuối cùng trong Trang Nghiêm Kiếp. Thích Ca Thế Tôn có quả báo ba tháng ăn lúa mạch dành cho ngựa là vì có quốc vương nói: “Bạch Thế Tôn! Con sẽ dâng thực phẩm cúng dường trong ba tháng An Cư mùa Hạ”. Đức Thế Tôn im lặng [chấp thuận lời thỉnh]. Nhà vua ấy biết đức Thế Tôn đã đáp ứng tiếp nhận cúng dường trong ba tháng. Sau khi về cung, quên bẵng lời hứa ấy. Do đã chấp thuận [được nhà vua] cúng dường trong ba tháng ấy, [Tăng đoàn] chẳng có nhân duyên ứng cúng khác. Có kẻ lái buôn ngựa thấy đức Thế Tôn chẳng có ai cúng dường, bèn dùng lúa mạch dành cho ngựa ăn dâng cúng. Ngài A Nan sanh nghi, nói: “Đức Thế Tôn đã có thể thành thực, có thể thành tựu, có thể an trụ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Vì có gì lại chẳng có phước đức viên mãn?” Đức Thế Tôn bảo: “Đến đây!” Ngài A Nan bèn tiến đến. Đức Thế Tôn bảo: “Hãy lấy lúa mạch dành cho ngựa ăn”. Ngài A Nan liền bỏ lúa mạch dành cho ngựa ăn vào bát của đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn bảo A Nan ăn. A Nan liền ăn, suốt một tháng chẳng biết đói

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

khát, giống như uống cam lộ. Đây thật sự là công đức bí mật của chư Phật Như Lai.

Do đó, ba tháng ăn lúa mạch dành cho ngựa, tuy là tướng khổ báo, nhưng thật ra là để khiến cho chúng sanh tăng thêm hiểu biết. Nếu chẳng hiểu biết, hữu tình trong thế gian sẽ cho rằng chẳng có nhân quả, mê mất cái tâm nhân quả, cho rằng chẳng có tự tánh, xằng bậy sanh Đoạn Diệt Kiến, hủy diệt pháp tắc thế gian, nầy sanh đại tà kiến, chịu khổ luân hồi. Vì tránh cho chúng sanh nầy sanh tà kiến, cho nên đức Thế Tôn vẫn giữ dư tập, dư báo, để khiến cho chúng sanh được trụ trong an lạc. Chúng ta thấy đức Thế Tôn còn có báo, tâm được an ổn. Quý vị đừng cho đó là hư giả. Nếu đức Thế Tôn chẳng thọ báo, quý vị sẽ chẳng có duyên để nắm nín, chẳng có pháp để thâm nhiếp, chẳng có gì để trao đổi, cho nên chín thứ khổ não này thật sự là do đức Phật đại bi trí huệ, thuận theo căn cơ mà thị hiện.

5) Vua Lưu Ly (Virūdhaka)⁵⁷ sát hại dòng họ Thích Ca. Đức Phật nói: - Xưa kia, tại thành La Duyệt (Rājagriha, Vương Xá), có thôn đánh cá. Nhằm lúc đói kém, trong thôn có cái ao nhiều cá, mọi người đều bắt cá ăn. Trong ao, có hai con cá [thủ lãnh], một tên là Phu, hai tên là Đa Thiệt, đều ôm lòng báo oán. Khi đó, có một đứa trẻ ở trên bờ, thấy cá nhảy lên, bèn dùng gậy đập đầu cá. Người ở La Duyệt thuở ấy nay là những người họ Thích. Con cá tên Phu nay là vua Lưu Ly. Cá Đa Thiệt nay là Phạm Chí Háo Khổ (ông ta xúi vua Lưu Ly giết dòng họ Thích Ca). Đứa nhỏ là thân ta. Do nhân duyên ấy, vua Lưu Ly giết họ Thích Ca, ta bị đau đầu. Đức Thế Tôn đập đầu cá ba lượt, về sau bị đau đầu ba

⁵⁷ Vua Lưu Ly gọi đầy đủ là Tỳ Lưu Ly, hoặc phiên âm là Tỳ Lô Trá Ca, là con trai của vua Ba Tư Nặc (Prasenajit) nước Kiều Tát La (Kosala, nay là vùng Awadh của tiểu bang Uttar Pradesh). Vua Ba Tư Nặc muốn cưới một công chúa của dòng họ Thích Ca. Nhưng dòng họ Thích Ca cao ngạo, cho là Ba Tư Nặc không xứng lấy công chúa của họ, bèn chọn một tỳ nữ xinh đẹp, nói dối cô ta là con gái của vương tử Ma Ha Nam, đặt tên là Phục Sa Bà Sát Ly (Vāsabhakhatiyā). Bà này trở thành vương phi, sanh hạ hoàng tử Tỳ Lưu Ly. Khi còn bé, Tỳ Lưu Ly về thăm quê ngoại ở thành Ca Tỳ La Vệ, bị người hầu của vương tộc Thích Ca khinh rẻ là con của kẻ hạ tiện. Tỳ Lưu Ly phẫn hận, thề sẽ báo thù. Lúc tròn hai mươi tuổi, Tỳ Lưu Ly đảo chánh, khiến vua cha phải lưu vong rồi chết nơi quê người. Ông ta giết chết anh ruột là thái tử Kỳ Đà (Jeta), tự lên ngôi vua. Sau khi ổn định tình hình trong nước, Tỳ Lưu Ly xua quân tấn công Ca Tỳ La Vệ, đức Phật ba lần xuất hiện ngăn trở, khiến Tỳ Lưu Ly phải rút quân. Lần cuối cùng, vẫn tiếp tục tấn công, tàn sát thành Ca Tỳ La Vệ. Sau đó, vua hoang dâm tử sắc, say rượu ngủ vùi bên sông, bị nước lụt cuốn trôi. Nước Kiều Tát La bị vua A Xà Thế nước Ma Kiệt Đà thôn tính, xóa tên trên bản đồ.

ngày. Vua Lưu Ly diệt dòng họ Thích Ca, đức Thế Tôn ngăn trở ba lần chẳng được. Đây là chỗ khổ não thứ năm. Chúng ta đừng cho rằng thật sự có quả báo này. Nếu đức Thế Tôn chẳng thị hiện như thế, dùng đại oai đức che chở dòng họ Thích Ca, khiến cho nhân quả ấy chẳng tiếp nối, tuy ai nấy đều được thoát lìa, nhưng Phật pháp sẽ bị diệt mất trong thế gian! Do vậy, tuy ngài Đại Mục Kiền Liên chẳng nở lòng thấy tội Thích Ca nhất thời bị diệt chủng, bèn chứa năm trăm người thuộc họ Thích Ca trong bát, ngõ hầu vua Lưu Ly chẳng thể sát hại họ. Sau khi vua Lưu Ly tàn sát thành trì, ngài Mục Kiền Liên đổ những người ấy từ bát ra. Kết quả là họ đều hóa thành máu loãng! Vì sao nhân quả tiếp nối như thế? Muốn cho hữu tình chưa thoát khỏi đời đời, sẽ sanh tri kiến quyết định. Tri kiến quyết định ấy hoàn toàn chẳng phải là nhân quả quyết định, mà là “*tin sâu nhân quả, chẳng làm lạc nhân quả*”. Chẳng làm lạc nhân quả, tiến hướng pháp tánh, trực tiếp thoát khỏi sanh tử. Nhưng nếu chẳng tin nhân quả, chúng sanh sẽ sanh tử không nơi nương tựa! Thậm chí thuyết pháp cũng chẳng có chỗ y cứ. Do vậy, đây là mấu chốt trong việc diệt trừ chín điều khổ não.

6) Khất thực, bát trống rỗng: Đức Phật từng vào làng xóm Bà La Môn khất thực mà chẳng được gì, ôm bát trống trở về. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn đi khất thực trong một thôn xóm Bà La Môn. Một ngày, hai ngày, ba ngày chẳng xin được thức ăn, ôm bát trống trở về. Có một tỳ-kheo tự bán cái bát, nói: “Đức Thế Tôn là đáng Nhất Thiết Trí, do lẽ nào mà chẳng có thức ăn? Tôi thà nguyện bán y bát để đổi lấy thức ăn, khiến cho đức Thế Tôn chẳng bị suy yếu, khổ não vì thức ăn!” Do đó, thầy ấy dâng một bát cơm cúng dường đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn nói: “Này tỳ-kheo! Ta chẳng tiêu nổi thức ăn này. Thầy hãy nên cúng dường thức ăn này lên cha mẹ thầy. Vì sao? Do cha mẹ sanh dưỡng thân thầy”. Vị tỳ-kheo ấy nói: “Đức Thế Tôn là đáng Nhất Thiết Trí, là đáng thủ hộ hết thảy các công đức, là trông mắt của trời, người, là đạo sư của trời, người, đầy đủ hết thảy các phước đức, lẽ nào chẳng thể tiêu nổi thức ăn này?” Đức Thế Tôn bảo: “Ta thúc đẩy sự sanh thành Pháp Thân huệ mạng của hết thảy chúng sanh, chẳng xuất sanh sắc thân của thầy như thế. Cho nên hãy nên dâng cúng cha mẹ. Nếu sau khi đã khiến cho cha mẹ thầy thọ Tam Quy thì có thể dùng thức ăn này”. Đây là nỗi khổ não ba ngày bát trống không của đức Thế Tôn. Các tỳ-kheo chúng ta trong hiện thời, trong nhân duyên thông thường, sẽ chẳng bị cái ăn bức bách. Đức Thế Tôn sức trí đức đã viên mãn, là đạo sư của trời, người, là trông mắt của thế gian, là đáng đáng được trời, người cúng dường, vì sao có ba ngày

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

bát rỗng như thế? Thật ra, chẳng phải là như thế. Ngài thật sự vì muốn khiến cho hữu tình thật sự trông thấy nhân quả có tác dụng tiếp nối như thế, cho nên dùng phương tiện để chỉ dạy.

7) Cô Chiên Trà (Ciñca Mānavika)⁵⁸ báng Phật. Khi đức Phật đang thuyết pháp cho đại chúng, có Đa Thiệt đồng nữ buộc cái bát vào bụng, báng Phật rằng: “Sa-môn vì sao chẳng nói đến chuyện nhà, mà cứ nói chuyện khác? Ông trước đã ăn nằm với ta, nay cần phải lo liệu bơ, dầu để nuôi con thơ chứ!” Đức Phật tự thuật chuyện bốn sanh như sau: - Xưa kia có đức Phật tên là Tận Thắng. Có hai tỳ-kheo, một vị tên là Vô Thắng, vị kia tên là Thường Hoan. Khi ấy, tại thành Ba La Nại có vợ của ông trưởng giả Đại Ái tên là Thiện Huyền. Hai tỳ-kheo cùng đến nhà ông ta để nhận cúng dường. Tỳ-kheo Vô Thắng do đã đoạn hữu lậu, cho nên được cúng dường chẳng thiếu khuyết. Tỳ-kheo Thường Hoan chưa đoạn kết sử, cúng dường có thiếu sót. Thường Hoan dấy lòng ganh tỵ, vu báng Vô Thắng lẹo tẹo với Thiện Huyền. Thường Hoan khi đó là thân ta, còn bà Thiện Huyền nay là Chiên Trà. Do nhân duyên ấy, chịu các khổ báo. Do dư ương ấy, bị đồng nữ phi báng”.

8) Điều Đạt (Đề Bà Đạt Đa) đả đá. Đức Phật nói: - Xưa kia tại thành La Duyệt, có trưởng giả tên Tu Đàn, có con tên là Tu Ma Đề. Sau khi cha chết, Tu Ma Đề có đứa em cùng cha khác mẹ tên là Tu Da Xá. Tu Ma Đề sợ phải chia tài sản cho em, lừa em lên núi Kỳ Xà Quạt, đẩy cho rơi xuống vách đá, lấy đá phang chết. Trưởng giả Tu Đàn [hiện thời] là phụ vương ta. Tu Ma Đề là thân ta. Tu Da Xá là Đề Bà Đạt Đa. Do tàn duyên ấy, Đề Bà Đạt Đa dùng đá gieo xuống đầu ta, sơn thần dùng tay đón lấy đá, có mảnh đá nhỏ làm ngón chân ta bị thương”.

9) Gió lạnh đập y. Đức Thế Tôn ở trong rừng A La Bà Già, đêm lạnh, từng phải đập ba y chống lạnh. Đối với tỳ-kheo thì dùng cái y nào để chống lạnh? Đầu đêm thì dùng y năm điều sẽ có thể chống lạnh. Giữa đêm dùng y bảy điều. Cuối đêm có cảm giác rét mướt thì dùng đại y (y tăng-già-lê). Ba loại y để chống lạnh. Do vậy, đức Thế Tôn nói ba y của

⁵⁸ Cô này còn được phiên âm là Chiên Giá Ma Na, hoặc Chiên Xà, hoặc Giá Ma Na, dịch nghĩa là Đa Thiệt (lắm lưỡi). Theo Hưng Khởi Hạnh Kinh, cô ta nhét một cái bát sắt vào bụng buộc lại, giả vờ có mang. Khi đến vu cáo đức Phật, đức Phật trả lời: “Chuyện này chỉ có ta biết và cô biết rõ, chẳng cần phải nhiều lời!” Đại chúng xôn xao, Đề Thích đang đứng hầu quạt cho Phật, bèn hóa ra hai con chuột chui vào áo cô ta, cắn đứt dây buộc, bát sắt rơi đánh choang xuống đất, khiến cô ta xấu hổ, phải tháo chạy trong nhục nhã.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

tỳ-kheo đủ để tránh giá lạnh, đủ để hành đạo. Cho nên hành trì pháp “ba y, một bát”.

Chín chỗ khổ não ấy là sở chứng của đức Thế Tôn, do nhân quả hiển hiện, tức là tướng nhân quả hiển hiện sau khi chứng đắc Bồ Đề. Nếu phạm phu hữu tình chúng ta chẳng tin nhân quả, sẽ chẳng thể siêng năng hành các pháp. Như đối với pháp Ban Châu, sẽ nói “biết đạo lý là được rồi, chẳng thể hành trì”, nhưng nhân quả chẳng sai mảy may. Do đó, chúng ta thường hành một đạo, tâm niệm chư Phật, đích thân chứng Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội, được nghe chư Phật dạy bảo, hiện tiền sẽ chẳng thoái chuyển đối với Vô Thượng Bồ Đề. Vì sao? Do đích thân thấy tự tánh, chọn lựa pháp tắc, do thấy Phật ngộ Vô Sanh, do được Phật đích thân thọ ký.

(Kinh) Tâm thường bất ly Cửu Tướng Quán Môn.

(經)心常不離九想觀門。

(Kinh: Tâm thường chẳng lìa Cửu Tướng Quán Môn).

Cửu Tướng chính là một thứ thiện xảo trong pháp tu của tỳ-kheo, là một loại thiện xảo để quán Bất Tịnh, muốn trừ cái tâm tham dục của hết thảy chúng sanh, tiêu trừ các nghiệp. Nghiệp gì vậy? Nghiệp đắm nhiễm, nghiệp tham dục. Vì tham dục mà sanh ra hai nghiệp sân và ngu. Trong Cửu Tướng, một là tướng trương phình, hai là tướng xanh bầm, ba là tướng hư nát, bốn là tướng máu tóe tràn lan, năm là tướng rửa nát, sáu là tướng giòi trùng đục khoét, bảy là tướng tan nát, tám là tướng [thịt đã rửa hết, chỉ còn] xương, chín là tướng bị đốt cháy. Đây là chín loại phép quán bất tịnh, người xuất gia trong Phật giáo Nam truyền tất nhiên sẽ tu pháp như thế. Các hành giả Du Già tại Tây Tạng cho đến các hành giả thật sự, phần nhiều tu pháp này ở chỗ rét mướt để cái tâm xuất ly có thể thật sự thành tựu, nhưng Tăng nhân nơi đất Hán ít hành trì pháp này, hư vọng xưng là Đại Thừa, ai nấy đều trưng ra giáo ngôn Đại Thừa, nhưng trong tâm chẳng có sự thiện xảo của Đại Thừa. Lợi ích trong Thanh Văn Thừa còn chưa thể đạt được, hư giả lập bày Đại Thừa. Đây chính là biểu hiện của nghiệp tướng phần nào rộng tuếch nơi đất Hán!

(Kinh) Thường tư khí quyên bát chủng giải đãi.

(經)常思棄捐八種懈怠。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

(Kinh: Thường nghĩ vớt bỏ tám thứ giải đãi).

Trong Phật pháp có Bát Chánh Đạo, tức Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Niệm, Chánh Định, Chánh Trí. Có thể nói Bát Chánh Đạo là một pháp siêng ròng. Chẳng thủ hộ pháp này, tức là chẳng thích tu trì Bát Chánh Đạo, sẽ sanh ra tám thứ giải đãi.

(Kinh) Nhất tâm tu tập bát đại nhân giác.

(經)一心修習八大人覺。

(Kinh: Nhất tâm tu tập tám điều giác ngộ của bậc đại nhân).

Có một bản kinh là kinh Bát Đại Nhân Giác, kinh rất ngắn. Tám điều giác ngộ của bậc đại nhân: Một là thiếu dục, hai là biết đủ, ba là xa lìa, bốn là tinh tấn, năm là chánh ức niệm, sáu là định tâm, bảy là trí huệ, tám là chẳng hý luận. Thiếu dục và tri túc có gì khác biệt? Vì sao nói như thế? Người thiếu dục tự có pháp dụng thiếu dục, người tri túc tự có pháp dụng tri túc. Thường là bọn phàm phu hữu tình chúng ta do có phiền não thô trọng, Kiến Tư Hoặc thô trọng nhiều loạn, phần nhiều chẳng biết chỗ vi tế! Nói theo chỗ vi tế thì là sự giác ngộ của bậc đại nhân, là sự giác ngộ của người trí, Bồ Tát phải nên thủ hộ, phàm phu thường mê mất ở chỗ này!

(Kinh) Bất trước Thiền vị.

(經)不著禪味。

(Kinh: Chẳng chấp trước Thiền vị).

Nếu là người có các Thiền Định thiện xảo, chớ nên đắm chấp Thiền vị. Trong thực tế, pháp vị dễ khiến người hành trì mê đắm nhất. Trong giáo ngôn của đức Thế Tôn, theo các kinh điển ghi chép, vì điều này mà các tỷ-kheo đọa lạc trong sự vui sướng, hoan lạc của thế tục rất nhiều. Cận đại, có một câu chuyện rằng có một sa-di theo Nam truyền. Vị sa-di ấy có thần thông thiện xảo rộng lớn, do Thiền Định mà đạt được. Về sau, do nhiễm đắm mà đọa lạc vào thế tục, thậm chí khi đủ tuổi bèn xả giới hoàn tục. Vị sa-di ấy đại khái là người Thái Lan, rất nổi tiếng. Sức thần thông của ông ta to cỡ nào? Có lần, sư phụ của ông ta

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

nói: “Ngày mai là thánh đàn của đức Thế Tôn, chúng ta nên cúng dường”. Ông ta bèn dùng sức thần thông đến một hang núi bên Ấn Độ hái rất nhiều hoa, khiến cho đạo tràng khắp nơi tràn ngập các lẵng hoa. Sức thần thông rất lớn, tự tại trong không gian. Sư phụ chẳng có thần thông, nhưng tin sâu nhân quả, có sức quan sát rất khéo léo. Hòa thượng nói: “Sa-di oi! Chỉ thủ hộ tự tâm, đừng đắm nhiễm Thiên vị”. Ông ta chẳng nghe lời thầy dạy, đại khái là vào lúc hai mươi tuổi, vì đắm nhiễm Thiên vị, thậm chí do sức thần thông, tham đắm đủ loại vui sướng Tự Thọ Dụng, có cái tâm đắm nhiễm. Trong sát-na tâm đắm nhiễm sanh khởi, nghiệp duyên Dị Thục Quả chín muồi, người nữ hữu duyên trong đời trước bèn xuất hiện trước mặt ông ta, thoáng đến, thoáng đi, ông ta chẳng thể kiềm chế chính mình bèn xả giới hoàn tục. Đây là một câu chuyện rất nổi tiếng!

(Kinh) Bất thị đa văn.

(經)不恃多聞。

(Kinh: Chẳng cậy đa văn).

Có nhiều kẻ kiêu mạn, do tu hành mà kiêu mạn, do đa văn mà kiêu mạn, do có các thứ thiện xảo mà kiêu mạn, lừa dối tự tâm, khinh rẻ người khác.

(Kinh) Tồi phục ngã mạn.

(經)摧伏我慢。

(Kinh: Dẹp tan ngã mạn).

Có kẻ do đa văn mà sanh tâm kiêu mạn, có người do tu hành nhiều mà sanh tâm kiêu mạn, có kẻ do có nhiều tài sản mà sanh tâm kiêu mạn, có kẻ do có quyền thế mà sanh tâm kiêu mạn. Do có chủng tánh ngã mạn, cho nên phải đập tan ngã mạn.

(Kinh) Nhất tâm thính thọ, cầu pháp ân trọng, tu đạo chứng tri, lân mẫn chúng sanh, ly ngã phân biệt, cầu thọ mạng trường, tất cánh nan đắc.

(經)一心聽受，求法殷重，修道證知，憐愍衆生，離我分別，求壽命想，畢竟難得。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

(Kinh: Nhất tâm nghe nhận, ân cần, trân trọng cầu pháp, tu đạo chứng biết, thương xót chúng sanh, lia sự phân biệt vì chấp ngã, có ý tưởng mong cầu thọ mạng, rốt cuộc khó được).

Thọ mạng khó được vì vô thường, vô ngã. Trong kiến địa quy y, vô thường, vô ngã, khổ, không là các pháp ắt phải tu, mà cũng là các pháp ắt phải hành đối với hết thảy mọi người trong Phật pháp. Ấn khế tự tâm như thế thì là Tam Quy Y, mà cũng là kiến địa quy y, hoặc nói là trí địa quy y, giải địa quy y, thuận địa quy y. Sự quy y ấy là bất hoại quy y. Danh tự quy y là như cầm lấy một tờ điệp quy y chi đó. Ta xuất gia làm sa-môn v.v... thì có phải là quy y hay không? Nếu chẳng dùng bốn pháp ấn⁵⁹ để ấn khế tự tâm, chẳng thể coi là quy y. Do đó nói: Trong kiến địa, phải nên quy y. “*Cầu thọ mạng tưởng, tất cánh nan đắc*” (Tưởng cầu thọ mạng, rất ráo khó được). Điều này rất quan trọng, do chúng ta phần nhiều vì trường thọ, hy vọng sống lâu, cứ ngỡ sắc thân bất hoại, hoặc muốn cho sắc thân này bất hoại, nào có biết hết thảy chúng sanh chẳng ai tránh khỏi sanh, lão, bệnh, tử; rất công bằng!

(Kinh) Quán sát chư Ám, vô hữu vật tưởng, bất trụ Niết Bàn, bất trước sanh tử.

(經) 觀察諸陰，無有物想，不住涅槃，不著生死。

(Kinh: Quán sát các Ám, chẳng có ý tưởng là “có sự vật”, chẳng trụ trong Niết Bàn, chẳng chấp sanh tử).

Chẳng trụ Niết Bàn, chẳng chấp trước sanh tử, hành nhân Đại Thừa phải nên thủ hộ điều này.

(Kinh) Chư hành phiền não, luân phát đại khủng bố tưởng.

(經) 諸行煩惱輪，發大恐怖想。

(Kinh: Phát khởi ý tưởng sợ hãi to lớn đối với các hành phiền não luân).

Đối với phiền não luân, sanh sợ hãi to lớn; đối với sanh tử luân, sanh lòng sợ hãi to lớn. Hiện thời, rất nhiều phàm phu hữu tình, phiền

⁵⁹ Tứ pháp ấn là các hành vô thường, các lậu là khổ, các pháp vô ngã, và Niết Bàn tịch tĩnh.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

não hữu tình chẳng sợ phiền não, chẳng sợ sanh tử, đúng là kẻ lỗ mãng! Khi sanh tử bức bách, đúng là chẳng thể tự dẹp trừ được. Lúc phiền não bức bách, quả thật không thể xuất ly. Do vậy, trong lúc bình thời, trọn đủ các nhân duyên, hãy nên đoạn phiền não, trừ sanh tử. Đó là nhiệm vụ trọng yếu, tức nhiệm vụ trọng yếu của hết thảy người học Phật. Quý vị nói: “Tôi cầu phước báo nhân thiên, chuyện ấy chẳng trở thành nhiệm vụ trọng yếu!” Nhưng chúng ta là người học Phật thì phải khéo chọn lựa lợi ích trong Phật pháp.

(Kinh) Chư Âm oán gia tưởng.

(經)諸陰怨家想。

(Kinh: Tưởng các Âm như oán gia).

Âm (陰), dịch theo lối cũ (cách phiên dịch trước thời ngài Huyền Trang) là Âm, dịch theo lối mới là Uẩn (蘊). Nói “Ngũ Uẩn giai Không” (năm uẩn đều là không), bao gồm Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức [đều là Không]. “Chư Âm oán gia tưởng” tức là tưởng Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức đều là oán gia. Hết thảy phàm phu không ai chẳng mê muội trong ấy. Đối với các Âm hay các Uẩn, đều chẳng thể tự kiềm chế được!

(Kinh) Chư Nhập không trạch tưởng, chư Giới độc xà tưởng.

(經)諸入空宅想，諸界毒蛇想。

(Kinh: Tưởng các Nhập như nhà trống, tưởng các Giới như rắn độc).

“Chư giới”: Giới là gì? Nếu thuộc vào một địa vị mà cho đó là thật, thì sẽ có giới (giới hạn). Giới bao gồm mười tám giới, tức là sáu căn, sáu trần, sáu thức diễn bày, huyền hóa thành mười tám giới. Hãy nên coi mười tám giới như rắn độc, đừng nên đắm chấp!

(Kinh) Tam giới suy não tưởng.

(經)三界衰惱想。

(Kinh: Tưởng tam giới là suy bại, khổ não).

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Có hữu tình nói: “Ta chẳng trụ trong Dục Giới”, tức là nói phải dùng Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên, cho đến Phi Tướng Phi Phi Tướng để nhập Vô Sắc Giới. Trong thế gian có cách tu tập như thế. Tôi đã gặp một số pháp môn [tuyên truyền] kết ấn chi đó, niệm một chân ngôn đặc biệt chi đó, vào Mạn Đà La thọ quán đánh, sẽ rất nhanh chóng tiến nhập cái được gọi là “*Thiên Định thiện xảo*”, thậm chí nói là sẽ đạt được đại phương tiện. Đối với những điều ấy, chớ nên chấp trước. Hễ chấp trước, vẫn bị tam giới suy bại, khô não bức bách y hết. Chúng ta ở trong Dục Giới, còn chưa thoát lìa thiện ác, vẫn còn nhiễm thị phi, cho nên chẳng thể đắc Thiên Định, cũng có nghĩa là chưa thể tiến nhập Sắc Giới! Vì Sắc Giới là nương vào các tầng trời Thiên Định mà kiến lập. Các loài hữu tình thiện ác, các loài hữu tình trì giới hay phạm giới sẽ chẳng thể nhập. Hữu tình chấp trước thị phi, tâm sanh phân biệt, khó thể nhập được! Hiện thời, có rất nhiều người học Phật, đối với Thiên Thiên (các tầng trời thuộc Tứ Thiên Thiên) còn chẳng ưa thích, đắm nhiễm thị phi, chấp trước đối đãi, cho nên chẳng đắc Thiên Định. Do đó, người tu pháp trong hiện thời khá đáng thương, khá khổ sở, khá hẹp hòi!

(Kinh) Niết Bàn lợi an tưởng.

(經)涅槃利安想。

(Kinh: Tưởng Niết Bàn là lợi ích, an ổn).

Chư Phật Như Lai đích thân chứng các thứ thiện xảo. Trong các thứ thiện xảo ấy, giải thoát, trí huệ, và Niết Bàn là ba pháp tồn tại theo thể chân vạc. “*Thể chân vạc*” là gì? Chính là toàn thể Phật pháp. Nếu thiếu một pháp [trong ba pháp trên đây], sẽ là Niết Bàn của ngoại đạo. Nếu thiếu một pháp, sẽ là trí huệ của ngoại đạo. Nếu thiếu một pháp, sẽ là giải thoát của ngoại đạo. Các thứ ngoại đạo ấy, tức là trong chín mươi sáu loại ngoại đạo tại Ấn Độ đều có [các pháp ấy, nhưng chẳng đồng thời trọn đủ ba pháp]. Trọn đủ ba pháp (trí huệ, giải thoát, và Niết Bàn) chính là chánh hạnh của Phật pháp. Đối với ba điều ấy, chẳng thể phé bỏ điều nào, giống như ba chân của cái đỉnh; bỏ một, sẽ hoàn toàn hỏng. Do đó, trong kinh Đại Bát Niết Bàn, đức Thế Tôn đã bảo: Giải thoát, trí huệ, Niết Bàn, như ba chân của cái đỉnh, chống đỡ Phật pháp.

(Kinh) Quán chư dục ác, do như thóa thế, thâm nhạo xuất gia, bất vi Phật giáo. Ư chúng sanh sở, khuyến hành công đức. Ư chư thế giới, vô phục nhiệm tâm, kiến nhất thiết Phật, giai tất hiện tiền.

(經) 觀諸欲惡，猶如唾涕，深樂出家，不違佛教。於衆生所，勸行功德。於諸世界，無復染心，見一切佛，皆悉現前。

(Kinh: Quán các dục ác ví như đờm rãi, rất thích xuất gia, chẳng trái lời Phật dạy. Đối với các chúng sanh, khuyên hành công đức. Trong các thế giới, chẳng còn tâm đắm nhiễm, thấy hết thấy Phật thấy đều hiện tiền).

Đối với chuyện hành trì Ban Châu tam-muội, các thứ hướng dẫn này đều quy kết về công đức to lớn Kiến Nhất Thiết Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền (thấy hết thấy chư Phật thấy đều hiện tiền) nhằm thành thực thiện căn.

(Kinh) Thọ nhất thiết thân, giai nhược huyễn mộng. Nhất thiết chư tướng, quán sát diệt trừ.

(經) 受一切身，皆若幻夢。一切諸相，觀察滅除。

(Kinh: Thọ hết thấy các thân đều như huyễn mộng. Quan sát, diệt trừ hết thấy các tướng).

[Nếu thấy] các tướng chẳng phải là tướng, sẽ thấy diệu dụng của trí huệ, sẽ thấy diệu dụng của Như Lai. Biết hết thấy các nghiệp đều là huyễn hóa, biết hết thấy các thân đều là huyễn hóa, chẳng có thực chất. Chúng ta hiện thời có phải là huyễn tướng hay không? Do huyễn duyên như thế sanh ra huyễn tướng, kết cục hư huyễn, chẳng có thực chất.

(Kinh) Tư duy vãng lai, bất kiến tam thế.

(經) 思惟往來，不見三世。

(Kinh: Tư duy qua lại, chẳng thấy tam thế).

Do một niệm ba đời, một niệm chân tâm chớm nảy, chẳng mê mất

tướng cảnh giới nơi pháp giới, chính là “*hồi quy*”. Khi mê mất, Năng và Sở kiến lập, sanh ra các thứ thế giới, các cảm giác thô nặng đều kiến lập, tam hữu, tam giới cùng lúc sanh khởi.

(Kinh) U' tín thanh tịnh, thâm tín chân diệu, niệm nhất thiết Phật, tam thế bình đẳng.

(經)於信清淨，深信真妙，念一切佛，三世平等。

(Kinh: Tín tâm thanh tịnh, tin sâu lẽ chân diệu, niệm hết thấy chư Phật, ba đời bình đẳng).

Quá khứ, hiện tại, vị lai, một niệm có thể tỏ lộ. “*Tam thế vi nhất niệm, nhất niệm vi tam thế*” (Một niệm là ba đời, ba đời là một niệm), chẳng cần nói cặn kẽ, chỉ nên quan sát.

(Kinh) Vô hữu động chuyển, nhi năng trì chư thiện căn, nhất thiết chư Phật tam-muội tự tại, chung bất nhiễm trước chư Phật tướng thân.

(經)無有動轉，而能持諸善根，一切諸佛三昧自在，終不染著諸佛相身。

(Kinh: Chẳng có động chuyển mà có thể trì các thiện căn, hết thấy chư Phật tam-muội tự tại, trọn chẳng đắm nhiễm thân tướng của chư Phật).

Vì trong sự tu trì hết thấy các tam-muội, thấy các tướng hết sức thiện xảo, hết sức an lạc. Sự thiện xảo an lạc ấy có thể khiến cho hết thấy chúng sanh thấy chư Phật, muốn thấy bèn thấy. Do sức tam-muội. muốn xuất bèn xuất, [tức là] xuất các Thiên Định. Chớ nên đắm nhiễm chỗ này, mà cũng chớ nên hủy hoại. Vì sao? Chẳng có đến, đi, chẳng có pháp thật sự, chẳng có Thật Tướng, do nhân duyên mà tu, tâm tịnh bèn thấy. Người hiện thời dùng các loại thuốc gây huyền tưởng (hallucinogen) rất mạnh mẽ, có kẻ đắm nhiễm Thiên vị cũng bị trúng độc giống như dùng thuốc gây huyền tưởng vậy. Hễ dùng thuốc gây huyền tưởng, tưởng gì bèn thấy đó. Những người thiện xảo trong Thiên Định tam-muội cũng giống như thế, muốn thấy gì bèn thấy điều đó, do sức Chánh Thọ, sức bình đẳng, sức vô ngại cùng gia trì, sẽ nảy sanh

thành sự thật. Nếu đắm nhiễm các duyên ấy, người ta sẽ trúng độc, đọa vào niềm vui thế tục.

(Kinh) U nhất thiết pháp, giai tất bình đẳng, bất dữ nhất thiết thế gian cộng tránh. Sở khả ưng tác, bất tương vi bội, thông đạt thậm thâm Thập Nhị Nhân Duyên.

(經)於一切法，皆悉平等，不與一切世間共諍。所可應作，不相違背，通達甚深十二因緣。

(Kinh: Trong hết thấy các pháp thấy đều bình đẳng, chẳng tranh chấp cùng hết thấy thế gian. Chẳng chống trái các chuyện đáng nên làm, thông đạt rất sâu mười hai nhân duyên).

Do trong hết thấy các tam-muội, nói theo quả thì quả là tướng thành thực, hễ động tâm bèn thấy. Nói theo nhân, cái nhân là siêng năng, phán chán tư duy. Chẳng có nhân, sẽ chẳng thấy quả. Khéo lập thì nhân quả đồng thời, thiện căn chín muồi, nhanh chóng đạt được diệu dụng. Kẻ thiện căn mỏng ít, nhân quả sai khác rất lớn, sức tiếp nối sẽ kéo dài. Nói là “kéo dài” thật ra là một huyễn giác (cảm nhận hư huyễn), thật sự chẳng phải là thật, do huyễn hóa nối tiếp như thế, tiếp nối liên tục như thế.

“*U nhất thiết pháp, giai tất bình đẳng, bất dữ nhất thiết thế gian cộng tránh. Sở khả ưng tác, bất tương vi bội, thông đạt thậm thâm thập nhị nhân duyên*” (Trong hết thấy các pháp thấy đều bình đẳng, chẳng tranh chấp cùng hết thấy thế gian. Chẳng chống trái các chuyện đáng nên làm, thông đạt rất sâu mười hai nhân duyên): Mười hai nhân duyên được tu trì rộng khắp trong Phật pháp, nhưng tại đất Hán, chúng ta khá ít bén mảng tới.

Nhiều người cho rằng: “Đó là pháp đề riêng hàng Duyên Giác ngộ, chẳng phải dành cho người có tâm Đại Thừa như chúng ta”. Thật ra, đó là hiểu lầm! Nếu muốn trừ phiền não, ngoại trừ dùng tâm trí hiện tiền, thì mười hai nhân duyên rất thuận tiện. Tuy nói Nam truyền Phật giáo là Thanh Văn Phật giáo, hoặc Tiểu Thừa Phật giáo, nhưng họ có rất nhiều thiện xảo, chúng ta tuyệt đối có thể suy xét để nương cậy, có thể vận dụng, đừng nên tự xưng xằng bậy [ta là kẻ tu học] Đại Thừa, [không cần biết đến pháp Tiểu Thừa].

Do vậy, nếu có nhân duyên, mọi người cần phải nên học tập pháp Mười Hai Nhân Duyên. Nếu quý vị nói, ta hành pháp Ban Châu, sẽ

chẳng học pháp ấy, có được hay không? Nếu nghe nhiều pháp này, chẳng đắm chấp, chẳng sanh kiêu mạn, đa văn cũng là phương tiện, đa văn cũng là thiện căn chín muồi!

(Kinh) Cùng tận nhất thiết Như Lai đạo địa, đắc thắng thượng nhân, nhập chân pháp giới, kiến chúng sanh giới.

(經)窮盡一切如來道地，得勝上忍，入真法界，見衆生界。

(Kinh: Cùng tận hết thấy các địa vị thuộc đạo Như Lai, đắc nhân thắng thượng, nhập pháp giới chân thật, thấy chúng sanh giới).

“*Nhập chân pháp giới, kiến chúng sanh giới*” (Nhập pháp giới chân thật, thấy chúng sanh giới). Vì lẽ nào? Do chư Phật Như Lai nhập Pháp Giới Thể Tánh Trí, mười pháp giới rạng ngời. Nay chúng ta nhìn vào thế giới này, do mỗi giới cách biệt với các giới khác, chúng ta nhìn vào thế giới của loài người, chín giới kia sẽ mất đi. Quý vị nói: “Ta có thể thấy súc sanh giới”, nhưng quý vị thật sự chẳng thấy súc sanh giới, chỉ thấy sanh mạng của súc sanh, chẳng biết tâm của súc sanh, cho nên nói “chẳng thấy giới ấy”. Có người nói: “Tôi có thể biết quý giới, thiên giới”. Quý vị chỉ nghe danh tự, chẳng thấy hình sắc của họ. Do vậy, một pháp giới hiển, chín pháp giới mất, mất trong điều gì? Mất trong vô trí. Chư Phật Như Lai hiển lộ triệt đề nơi bốn đức (thường, lạc, ngã, tịnh) mà hết thấy chúng sanh đều cùng có, chúng ta cũng trọn đủ trí câu sanh (trí bảm sanh, trí sẵn có) ấy, nơi thánh chẳng tăng, nơi phàm chẳng giảm. Pháp giới đã có sẵn trong trí câu sanh của chúng ta, nhưng phàm phu chẳng dùng được. “*Nhập chân pháp giới, kiến chúng sanh giới*” (Vào chân pháp giới, thấy chúng sanh giới): Vì mười pháp giới chỉ do tâm sanh. Nếu câu sanh trí hiện tiền, sẽ có thể liễu đạt, giác tri cái tâm ấy. Nếu không, ắt là một giới hiển, chín giới mất. Nếu quý vị nói: “Nhập Thanh Văn giới, có thể thấy người, trời, A Tu La, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh”, do Thanh Văn đã vượt thoát tam giới, có thể thấy tam giới như huyễn, biết tam giới như huyễn, cho nên chẳng bị xâm nhiễu. Nhập Niết Bàn, hữu dư lẫn vô dư đồng thời tiến nhập. Người ấy sẽ có thể lìa bỏ thế gian, nhưng vẫn là một pháp giới hiển lộ, chín pháp giới mất đi.

(Kinh) Tánh vô sanh diệt, kiến Niết Bàn giới.

(經)性無生滅，見涅槃界。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

(Kinh: Tánh chẳng sanh diệt, thấy Niết Bàn giới).

“Tánh vô sanh diệt”, nhất tâm tịch tĩnh. Thủ hộ như thế, tịch diệt hiện tiền.

(Kinh) Bốn lai hiện tiền, huệ nhãn thanh tịnh, quán pháp vô nhị.

(經)本來現前，慧眼清淨，觀法無二。

(Kinh: Vốn sẵn hiện tiền, huệ nhãn thanh tịnh, quán pháp chẳng hai).

“Huệ nhãn thanh tịnh, quán pháp vô nhị”: Trong thế giới này, nỗi khổ lớn nhất của bọn phàm phu chúng ta là “nhị nguyên đối đãi”, nhất là nhân loại hữu tình, vì Tu La lo đấu tranh, chẳng quản được họ. Chư thiên buông lung, cũng chẳng quản được họ. Chúng sanh trong địa ngục, ngạ quỷ, [súc sanh] đang chịu khổ, đang ở trong tối tăm, không có sức tự thoát. Như chúng sanh trong địa ngục đang chịu hình phạt, súc sanh đạo đang bị xua đuổi, bị giết chóc, ngạ quỷ đang bị đói khát bức não, bọn họ chẳng có thời gian nào khác. Chỉ có nhân đạo vốn nhiều tinh lực để làm gì vậy? Đối đãi nhị nguyên, lẫn quẩn trong ấy, được, mất, thiện, ác, đúng, sai, trì giới, phạm giới, nam, nữ, lớn, nhỏ, vô lượng vô biên nhị nguyên như thế đó! Đó là chỗ lẫn quẩn, khổ não, loanh quanh của nhân loại hữu tình, siêng khổ trong đó. Nhưng huệ nhãn thanh tịnh, quán các pháp chẳng hai, thì sẽ vĩnh viễn đoạn dứt mệt nhọc, xuất ly đối đãi nhị nguyên ấy. Ở trong đối đãi mà chẳng thấy có đối đãi để có thể đạt được, liền ngay lập tức thanh lương, ngay lập tức an trụ!

(Kinh) Bỉ Bồ Đề tâm, vô trung, vô biên.

(經)彼菩提心，無中無邊。

(Kinh: Tâm Bồ Đề ấy chẳng ở chính giữa, chẳng ở bờ mé).

Tâm Bồ Đề rộng lớn, chẳng tạo tác, quả thật là bản tâm sáng suốt lâu lâu, do bản tâm ấy chẳng lay động, chẳng tăng giảm.

(Kinh) Nhất thiết chư Phật thể vô sai dị, nhập u vô ngại thanh tịnh trí môn, minh kiến Bồ Đề tự nhiên giác trí. Ư thiện tri thức, khởi chư Phật tướng.

(經)一切諸佛體無差異，入於無礙清淨智門，明見菩提自然覺智。於善知識，起諸佛想。

(Kinh: Thể của hết thầy chư Phật chẳng sai khác, nhập vào trí môn thanh tịnh vô ngại, thấy rõ giác trí Bồ Đề tự nhiên. Đối với thiện tri thức, dậy lên ý tưởng coi họ như là Phật).

Hết thầy thiện tri thức và chư Phật khác biệt ở chỗ nào? Chẳng có sai khác! Do thiện tri thức có thể hướng dẫn tâm trí của chúng sanh, nên gọi là “*thiện tri thức*”. Thiện tri thức vô danh, vô tướng, dùng danh tướng để an lập. Chúng ta nói người nào đó là “*đại thiện tri thức*”, [là vì người ấy] có chứng ngộ, đích thân chứng pháp tắc, có các thiện xảo, có các bi tâm, lợi ích hữu tình rộng khắp. Nếu chúng sanh được gặp gỡ, sẽ tạo thành sự hướng dẫn tăng thượng nơi Vô Thượng Bồ Đề, có thể an trụ trong pháp. Vậy thì hết thầy hữu tình thì sao? Cũng là thiện tri thức. Nói “*thiện tri thức*” là [nói theo phương diện] thấu triệt bản chất, thiện tri thức trông thấy [bản chất của các pháp]. Chẳng thấu triệt bản chất, chúng ta nói có ác hữu tình, thiện hữu tình, có ác tri thức, có thiện tri thức. Nếu nhìn từ cái tâm bình đẳng, sẽ thấy hết thầy chúng sanh đều là thiện tri thức.

(Kinh) Ư Bồ Tát sở, bất niệm quai ly, dĩ u sanh tử, phá hoại ma quân. Nhất thiết chúng sự, giai tất như hóa.

(經)於菩薩所，不念乖離，已於生死，破壞魔軍。一切衆事，皆悉如化。

(Kinh: Đối với Bồ Tát, chẳng nghĩ chống trái, do trong sanh tử, phá hoại ma quân. Đối với hết thầy các sự, thấy đều như hóa).

Trong tu pháp ở đất Hán, tư tưởng chủ thể để mọi người y chỉ là tư tưởng Bát Nhã, tức là tu trì như huyền. Trong hành pháp Ban Châu, nếu siêng năng, sốt sắng tu trì, chẳng nghĩ ngại, sẽ rất dễ đạt được như huyền. Điểm cốt lõi, trọng yếu trong hành pháp Ban Châu là “*chẳng ngưng nghỉ*”, cho nên chẳng để cho bản thân mong mỏi ngại nghỉ. Nếu nghĩ ngại, tức là chúng ta tránh né hiện duyên, chẳng thể xuất ly. Trong chướng ngại mà hành vô ngại, sẽ thấy chư Phật. Chướng ngại gì vậy? Bị mệt mỏi chính là chướng ngại. Đau đớn là chướng ngại. Đói bụng là chướng ngại. Bị lạnh là chướng ngại. Khổ sở là chướng ngại. Từ trong

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

các chướng ngại ấy mà hành vô ngại. Chẳng có ý niệm nghỉ ngơi! Vì hề có ý niệm nghỉ ngơi, hành nhân sẽ ngay lập tức ngưng nghỉ. Nếu là như thế, khó lòng dẹp tan ma quân, khó thể tiến nhập như huyễn, như hóa.

Nói thông thường, nếu thật sự nghiêm khắc, chẳng nghỉ ngơi hành Ban Châu ba ngày, tri kiến đều chẳng dấy lên, sẽ có đôi chút giống như si, như say. Vì độc sức nhẫn nại vào đó, chỉ cần hành trì như thế, ngày hôm sau, ý thức sẽ lập tức trống rỗng, vô lực. Hiện thời, người hành pháp sợ hãi điều này, chẳng thể buông xuống chuyện nghỉ ngơi, cho nên ma quân sẽ quấy nhiễu, [dấy lên tâm niệm] mong được an nhàn. An nhàn chính là chất dinh dưỡng ma quân ban cho quý vị. Chân đã mỏi rồi, đứng lại, mệt thì ngủ một giấc, đói thì bỏ sung chất gì đó, lạnh thì mặc thêm áo. Hãy đừng nghĩ tới những điều đó, [nếu nghĩ tới], sẽ chẳng đánh bại mỗi tên ma quân được! Trong chướng ngại bèn có chướng ngại, chướng ngại sẽ liên tục tiếp nối. Vì sao? Quý vị không chỉ có chướng ngại, mà còn khiến cho chướng ngại chín muồi. Đã mệt bèn ngủ, đói thì ăn thứ gì đó, lạnh thì mặc thêm áo; đó chính là trong chướng ngại bèn sanh thêm chướng ngại. Như thế thì sẽ khó phá ma quân, khó nhập như huyễn. Đói có phải là như huyễn hay không? Chúng ta thường nghe nói: “Đói quá sức, chẳng thể ăn nổi”, còn nói: “Vì sao chẳng ngủ được? Ôi chao! Buồn ngủ quá!” Dẫu bình thường chẳng hành Ban Châu, chúng ta luôn có cảm giác như thế. Cảm giác như huyễn, cảm giác như hóa. Nếu chúng ta đói bụng, sẽ ăn; mệt nhọc sẽ ngủ. Đó là chướng ngại trong chướng ngại. Nếu trong chướng ngại mà sợ chướng ngại thì vẫn là cái tâm phàm phu. Trong chướng ngại mà chẳng bị ngăn ngại, tự đạt được giải thoát. Trong chướng ngại mà chẳng ngăn ngại, tự đạt được pháp lạc. Pháp lạc chẳng thể chọn lựa từ đâu khác, phải từ ngay trong chướng ngại. Vì thế, chúng tôi nói “*vô ngại trong chướng ngại*” rất quan trọng!

(Kinh) Kiến chư Như Lai, như kính trung tượng. Ứng đương cầu bỉ Bồ Đề chi tâm.

(經)見諸如來，如鏡中像。應當求彼菩提之心。

(Kinh: Thấy các Như Lai như hình bóng trong gương. Hãy nên cầu cái tâm Bồ Đề ấy).

Thấy Như Lai để làm gì? Chẳng vì sắc tướng trang nghiêm mà cầu, chẳng vì diệu dụng mà cầu, chẳng cầu thần thông, chỉ cầu Bồ Đề tâm, cho nên có thể hỏi pháp. Điều này rất quan trọng. Chúng ta thấy

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

chư Phật, mà nếu chẳng hỏi pháp, đúng là đáng tiếc! Có người hành Ban Châu, thấy Phật liền hoan hỷ, chỉ lo cười, chẳng biết hỏi pháp! Như thế là đã mê mất chánh nhân hành pháp của chính mình. Thiện căn chín muồi là do hỏi pháp. Thiện căn chín muồi là do tu pháp. Thiện căn chín muồi là do ấn khế tự tâm, đó chính là quán đảnh. Quý vị có thể nói như thế này: “Đức Thế Tôn ơi! Hãy quán đảnh cho con, truyền dạy pháp cho con, thọ ký con khi nào sẽ xả báo, khi nào thành tựu?” Quý vị phải yêu cầu. Nếu chẳng yêu cầu, thiện căn của quý vị sẽ chẳng chín muồi. Có người thấy Phật, chỉ lo mừng, chỉ lo khóc, chỉ lo cười, có kẻ đến nổi trợn mắt, cứng họng, kết quả là đã đánh mất pháp ích.

Trước kia, khi niệm chân ngôn Dược Sư, tôi đã nảy sinh sự sợ hãi to lớn. Lúc ấy, tôi niệm Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, kết quả là bảy đức Thế Tôn⁶⁰ theo thứ tự xuất hiện. Tôi sợ rợn cả lông tóc, sợ hãi, trốn

⁶⁰ Theo Dược Sư Lưu Ly Quang Thất Phật Bản nguyện Công Đức Kinh (do ngài Nghĩa Tịnh dịch vào đời Đường), phương Đông lần lượt có bảy vị Phật cũng vì chúng sanh mà phát nguyện tiêu tai, diệt thọ, trừ bệnh khổ, nên gọi chung là Dược Sư Thất Phật. Danh xưng của các vị ấy như sau:

1. Thiện Danh Xung Cát Tường Vương Như Lai trong thế giới Vô Thắng, cách thế giới Sa Bà bốn Hằng hà sa quốc độ, phát ra tám đại nguyện.
2. Bảo Nguyệt Trí Nghiêm Quang Âm Tự Tại Vương Như Lai ở thế giới Diệu Bảo, cách thế giới Sa Bà năm Hằng Hà sa quốc độ, cũng phát tám đại nguyện.
3. Kim Sắc Bảo Quang Diệu Hạnh Thành Tựu Như Lai ở thế giới Viên Mãn Hương Tích, cách thế giới Sa Bà sáu Hằng hà sa quốc độ, phát ra bốn đại nguyện.
4. Vô Ưu Tối Thắng Cát Tường Như Lai ở thế giới Vô Ưu, cách thế giới Sa Bà bảy Hằng hà sa quốc độ, phát ra bốn đại nguyện.
5. Pháp Hải Lô Âm Như Lai trong thế giới Pháp Tràng cách thế giới Sa Bà tám Hằng hà sa quốc độ, phát ra bốn đại nguyện.
6. Pháp Hải Thắng Huệ Du Hỷ Thân Thông Như Lai trong thế giới Thiện Trụ Bảo Hải, cách thế giới Sa Bà chín Hằng hà sa quốc độ, phát bốn đại nguyện.
7. Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai (Bhaiṣajya-guru-vaidūrya-prabhā-rāja), trong thế giới Tịnh Lưu Ly (Vaiḍūryanirbhāsa), cách thế giới Sa Bà mười Hằng hà sa quốc độ, phát ra mười hai đại nguyện.

Xét ra, phần cuối quyển thượng và quyển hạ của Dược Sư Lưu Ly Quang Thất Phật Bản nguyện Công Đức Kinh đại đồng tiểu dị so với bản kinh Dược Sư do ngài Huyền Trang dịch.

Trong các bức vẽ thangka của Phật giáo Tây Tạng, thường là vẽ Dược Sư Phật ở trung tâm, màu xanh dương đậm (màu ngọc lưu ly, tay cầm bát, trong bát có quả Ha Lê Lạc (Harītaki), và nhánh cỏ thuốc chiêu liêu (Myrobalan, ha tử), vây quanh là sáu vị Phật trên đây. Đôi khi, phía trên Phật Dược Sư, vẽ thêm Thích Ca Mâu Ni Phật, gọi là Bát Dược Sư Phật. Đôi khi họ chỉ vẽ Dược Sư Phật đơn lẻ, hay vẽ Dược Sư Phật có hai vị Nhật Quang và Nguyệt Quang Bồ Tát đứng hầu hai bên.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

vào phòng đi ngủ, chẳng dám niệm nữa. Vì niệm một vị Phật Dược Sư, có sao bảy vị Phật xuất hiện? Sanh khởi lòng sợ hãi. Thật ra là do phước đức và nhân duyên chẳng chín muồi. Đã chín muồi, sẽ vui thích đức Thế Tôn, thấy Phật, nghe pháp. Chẳng thành thực thì sao? Sẽ ngay lập tức sanh tâm sợ hãi! Khi ác tánh của tôi chín muồi, có lần niệm A Di Đà Phật, thấy tướng sắc thân màu nhiệm của Dược Sư Phật, tâm sanh phiền não. Tôi nói: “Con chẳng cầu thấy Ngài, vì sao con lại thấy?” Tuy có nhân duyên thấy Phật, nhưng chẳng có thiện căn thấy Phật, cũng chẳng có ước muốn thấy Phật. Lúc ấy, tôi đang tưởng niệm A Di Đà Phật, vì sao Dược Sư Phật đến làm gì? Đấy quả thật là trong tâm trí có lẩn tri kiến mờ muội. Do vậy, lúc bình thời, chúng ta phải làm sao cho tri kiến rõ ràng. Nếu không, quý vị tu pháp, sẽ nẩy sanh nhiều chướng ngại. Chẳng hạn như có một lần tôi ở trong tòa nhà hiện thời tôi đang dùng, đi tới, đi lui (kinh hành), bỗng dưng thế giới xuất hiện tướng quang minh. Quang minh ấy khó thể diễn tả, thí dụ được. Tầng tầng lớp lớp đều là quang minh. Lúc đó, tâm sanh sợ hãi, sợ mất đi, sợ tiến vào, ngay lập tức đứng đờ ra đó, chẳng dám động đây! Tâm niệm chẳng dám động, thân thể chẳng dám động, thậm chí thế giới đều ngưng lặng trong trạng thái ấy. Đó là sự sợ hãi cực lớn, vì tri kiến bất chánh. Nếu nương theo cái tâm chẳng đắm nhiễm, tâm cảm ơn, tâm niệm Phật, há có gì đáng kể đâu? Do đó, tri kiến rất quan trọng. Thông qua thực tiễn của một số pháp, tôi mới biết tri kiến là quan trọng nhất, là sự dẫn đường. Các vị Bồ Tát ơi! Gặp chuyện mà hoảng hốt, gặp chuyện mà mê muội, gặp chuyện mà điên đảo. Thật ra, chuyện này và chuyện bình thường giống nhau, quả thật chẳng sai biệt. Chẳng có chút sai biệt nào! Do vậy, “*ưng đương cầu bi Bồ Đề tâm*” (hãy nên cầu Bồ Đề tâm ấy), cầu Bồ Đề tâm của ai? Cầu Bồ Đề tâm của Phật!

(Kinh) Chư Ba La Mật mạc bất bình đẳng, Thật Tế vô tận, tập Phật công đức. Hiền Hộ! Thị vi Bồ Tát Tư Duy Chư Phật Hiện Tiền tam-muội.

(經)諸波羅蜜莫不平等，實際無盡，集佛功德。賢護！是為菩薩思維諸佛現前三昧。

(Kinh: Các Ba La Mật không gì chẳng bình đẳng, Thật Tế vô tận, tu tập công đức của Phật. Nay Hiền Hộ! Đó là Bồ Tát Tư Duy Chư Phật Hiện Tiền tam-muội).

Tư Duy tam-muội hết sức trọng yếu. Nay chúng ta đang học phẩm Tư Duy. Nếu chúng ta chẳng siêng năng tư duy, chẳng thể nào thấy được cái quả tam-muội. Vì trước đó, chẳng có nhân duyên tư duy đúng lý, tôi đã bị mấy lần chấn động to lớn, thiếu chút nữa là điên rồi! Mấy lần bé quan, vừa thấy cảnh giới to lớn, thần kinh gằn đứt luôn, tâm trí sẽ trở thành điên mất. Do đó, sau đây chẳng chú trọng siêng ròng tu trì, mà chú tâm huân tu tri kiến, đặc biệt coi trọng tri kiến. Vì sao? Chẳng nắm vững tri kiến, hễ gặp phải đại cảnh giới, con người sẽ trở thành điên cuồng, tiến vào trạng thái điên cuồng. Nguy hiểm quá! Trong lúc ấy, có một chiêu cứu mạng là ngưng dứt nhân duyên đó. Nếu không, người ấy sẽ thật sự bị điên, thậm chí giết chết sanh mạng của chính mình. Trước kia, thầy đương gia chùa Kim Đảnh [tại núi Kê Túc] có kể với tôi. Họ có một vị xuất gia sư phụ, siêng năng tọa Thiền, xuất hiện cảnh giới rất lớn. Sau đó, [thầy ấy] từ Hoa Thủ Môn nhảy xuống. Tôi cảm thấy thầy ấy thấy tướng cảnh giới diệu sắc. Nhảy xuống thì kết quả là gì? Người khác cho là thầy ấy tự gieo mình xuống vách đá. Thật ra, thầy ấy chuộng ngòi Thiền, thấy tướng cảnh giới xuất hiện, bèn theo tướng cảnh giới mà đi! Trong hành pháp Ban Châu, [những trường hợp] bị chuyển theo âm cảnh, chúng tôi đã thấy quá nhiều. Chẳng hạn như một lần, có vị cư sĩ hành pháp ở Lư Sơn, hộ pháp quả thật chẳng thể ngăn trở âm cảnh của người hành pháp. Nói như thế nào cũng đều chẳng được, quý vị nói với kẻ đó một đặng, kẻ đó trả lời quý vị một nẻo. Bởi lẽ, một đặng nói theo âm cảnh, một đặng nói theo hiện thực. Hai đặng chẳng thể trao đổi với nhau! Tôi đọc kinh ở đó, tôi nói hai người ấy đang diễn tuồng, tuồng gì vậy? Một người diễn tuồng âm cảnh. Người kia diễn cảnh hiện duyên, chẳng thể trao đổi với nhau, ai nấy giữ riết cái lý của chính mình! Các cảnh ấy thật ra đều là như thật. Gọi là “*như thật*” vì mỗi đặng đều trọn đủ nhân quả báo ứng. Kẻ kia là âm cảnh báo ứng, còn quý vị là hiện duyên báo ứng. Nếu cho là có thật, sẽ chẳng thể trao đổi. Do vậy, nếu có chánh kiến, sẽ lập tức có thể trao đổi, lựa chọn.

Trong pháp tắc Ban Châu, huân tập chánh kiến rất quan trọng! Trong phần trước, chúng ta đã học một trăm hai mươi hai điều “*vân hà*”, đều là huân tập chánh tri kiến. Nay học tập tất cả các giáo ngôn trong phẩm Tư Duy, [những giáo ngôn ấy] đều nhằm sanh khởi tư duy chánh tri kiến, tư duy chánh quán sát, đừng lọt vào trong âm cảnh, thấy chư Phật, gặp Phật nghe pháp, thiện căn chín muồi! Nhất định phải nhớ kỹ khẩu quyết này: “*Thấy Phật, nghe pháp*”. Đừng nên thấy Phật mà sanh

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

ý tưởng khác, đừng sanh ý tưởng tội ác giống như tôi, sanh ý tưởng sợ hãi. Ở đây, tôi chẳng dám gạt găm mọi người.

Trước kia, tôi niệm A Di Đà Phật, thấy Dược Sư Phật, liền sanh sân tâm, nói: “Chẳng mong thấy Ngài. Ngài tới làm gì?” Có nghĩa là: Tôi mong thấy A Di Đà Phật, Ngài (Phật Dược Sư) tới làm chi? Đây là tà kiến. Do vậy, ngày Ba Mươi tháng Chín là thánh đản của Phật Dược Sư. Có người đưa tôi đến chùa Long Hưng tại huyện Chánh Định, tỉnh Hà Bắc để triệu yết Phật Dược Sư, vì tượng Dược Sư Phật và A Di Đà Phật cùng một thân thể, cùng hiện hai tướng. Vì thế, tôi biết khi đó là báng Phật, trực tiếp báng Phật, phá hoại thiện căn nhiều kiếp của tôi. Vì sao? Chẳng có chánh kiến. Gặp Phật chẳng khó, chánh kiến khó lập! Thiện căn thành thực cũng rất dễ dàng, nhưng nếu quý vị chẳng vận dụng thiện căn, cũng sanh ra tà kiến. Đối với chỗ này, nhất định phải chánh tư duy, chánh quán sát, chánh kiến, Bồ Đề tâm, tư duy tỉ mỉ, quan sát tỉ mỉ, tư duy chọn lựa, quan sát chọn lựa! Như thế thì chúng ta do tam-muội thành thực, sẽ thấy chư Phật rất thuận tiện. Khi rất nhiều người nói “khó gặp Phật”, tôi cảm thấy đích xác là người như vậy rất ngu si, hư vọng tự đặt ra chướng ngại. Các vị thiện tri thức ơi! Chúng ta cách Phật chẳng xa, vì lẽ nào? Do Phật nhiếp trọn hữu tình trong pháp giới, hết thấy chúng sanh đều trụ trong quang minh của Phật. Hết thấy chư Phật Như Lai đều hàm nhiếp hết thấy chúng sanh, phóng đại quang minh trong tâm trí của hết thấy chúng sanh.

Chúng ta dựa theo văn tự để ẩn khế tự tâm, phân tích pháp tắc, tùy thuận nhân duyên để thâm nhập quan sát A Di Đà Phật, cho đến pháp tắc Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền Lập như thế. Kinh điển cũng chẳng phải là lời lẽ ngoài tâm. Sở chứng của chư Phật đều chẳng phải là lời nói ngoài tâm. Các vị thiện tri thức ơi! Chúng ta có nhân duyên học tập, nhận biết kinh điển này, hoặc nói tới pháp tắc này, đều là do thiện căn trong tâm địa chín muồi. Do chín muồi, cho nên chiêu cảm tướng cảnh giới hiện tiền. Cảnh ấy và tâm trí nơi bỗ tâm của chúng ta chẳng hai, chẳng khác. Đừng nhận sai nhân duyên. Mỗi ngôn từ đều có vô lượng ý, tùy theo tâm duyên của chính mình mà chọn dùng, tức là dùng kinh Ban Châu Tam Muội, hay kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ để nói, những điều được khai hiển [trong các kinh ấy] không gì chẳng ngoài “*khiến cho hiện tiền hữu tình nhập tri kiến của Phật*”, hoặc có thể đích thân chứng Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội như thế. Nói là “*tam-muội*” thì đó chính là tên gọi khác của Chánh Thọ. Đó cũng là “*giác thọ*” (nhận biết, cảm nhận) như thật chân chánh trong

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

tâm địa của chúng ta, chẳng bị che lấp, là giác thọ như ý chẳng bị lừa dối, hoặc là giác thọ được thuần thực bởi sức tự tại, nguyện thấy Phật sẽ thấy Phật, nguyện thấy mười phương Phật sẽ thấy mười phương Phật, nguyện nghe pháp thì sẽ được nghe pháp. Vì sao? Nương vào pháp tắc này để tu trì, thâm nhập thực tiễn!

Có người sẽ nêu ra nghi vấn như thế này: “Chúng tôi tu tập hành pháp Ban Châu đã có một thời gian nhất định rồi, vì sao chưa thấy Phật?” Đây quả thật là một vấn đề cần phải xem xét kỹ càng! Hoặc có thể nói là một vấn đề cần phải xem xét thẳng thừng. Nhân duyên và thiện căn nghe pháp chín muồi thì chẳng thể nghĩ bàn, nhưng nghe pháp có tương ứng với thiện căn đã chín muồi hay không, quả thật vẫn phải do các vị thiện tri thức tự mình thông qua hành pháp để nghiệm chứng, người khác chẳng thể làm thay được! Nếu chúng ta chẳng thể như thật quan sát pháp tắc mà chính mình được tiếp xúc, tu tập thâm nhập, sẽ khó thể thật sự nhanh chóng tương ứng. Vì tự tánh tuy bình đẳng nhất vị, tức là như chúng ta thường nói: “*Nơi Phật chẳng tăng, nơi phàm chẳng giảm*”. Nhưng nói theo Tu Đức, nói theo sự vận dụng, sẽ là muôn ngàn sai khác! Trong ngàn vạn sai biệt ấy, tuy không có một vật để có thể đạt được, nhưng do đã huân tập từ vô thủy đến nay, chúng ta thường cho là thật sự có sai biệt. Khi thật sự có ý thức sai biệt ấy, sẽ khó vượt qua, nó sẽ hạn chế mức độ cảm nhận, hay biết của chúng ta trong hiện tại, khiến cho chúng ta thường lẫn lộn trong nhân duyên của sự hay biết, chẳng thể tự dẹp trừ được, thường cho nó là có thật, thường cho là nó chân thật. Thông qua học tập và tu tập kinh Ban Châu, chúng ta có thể lột bỏ sự mê muội ấy, [có thể trừ khử] sự mê muội của chính mình lẫn người khác!

(Kinh) Nhược hữu Bồ Tát Ma Ha Tát, dục cụ thành tựu như thị tam-muội, đương tiên thành tựu như thị công đức.

(經)若有菩薩摩訶薩，欲具成就如是三昧，當先成就如是功德。

(Kinh: Nếu có Bồ Tát Ma Ha Tát muốn thành tựu trọn đủ tam-muội như thế, hãy nên trước hết thành tựu công đức như thế).

Công đức như thế, tức là thủ hộ một trăm hai mươi hai công đức như đã tuyên thuyết trong phần trước, cũng tức là như đức Thế Tôn đã

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

tuyên nói: Công đức và lợi ích được nêu ra trong một trăm hai mươi hai câu hỏi về Ban Châu tam-muội, hay gọi cách khác là Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiện Tiền, vẫn chưa nêu được chút phần thật sự, chỉ là nêu ra chút phần cho mọi người được thấy, được nghe.

(Kinh) Hiền Hộ! Đương tri cánh hữu vô lượng công đức, nhiên diệt duyên tử tam-muội nhi sanh.

(經)賢護! 當知更有無量功德, 然亦緣此三昧而生。

(Kinh: Nay Hiền Hộ! Hãy nên biết còn có vô lượng công đức cũng do tam-muội này mà sanh).

Chúng ta học Phật, đều biết câu nói: “*Các pháp do nhân duyên sanh*”. “*Các pháp do nhân duyên sanh*” có thể khiến cho hết thảy hữu tình đều có pháp để duyên theo, nương tựa. Đã do nhân duyên sanh, hễ duyên mất, pháp sẽ diệt. Cho nên chẳng đắm nhiễm, tự tánh vốn là không. Trong pháp tắc duyên khởi tánh Không, hữu tình có thể thật sự sanh khởi diệu dụng nhưng vô nhiễm, trong vô nhiễm thường sanh diệu dụng, chẳng sợ hãi nhân duyên vị lai, hiện tiền, chẳng sợ hãi nhân duyên quá khứ, đối với nhân duyên giải thoát sạch lậu, tâm chẳng vướng mắc. Do vậy, “*diệt duyên tử tam-muội nhi sanh*” (cũng do tam-muội này mà sanh), sanh ra gì vậy? Như dưới đây [sẽ nói].

(Kinh) Phật phục cáo Hiền Hộ ngôn.

(經)佛復告賢護言。

(Kinh: Đức Phật lại bảo Hiền Hộ rằng).

[Nghe đức Phật dặn dò] Hiền Hộ, đừng đùn đẩy cho Bồ Tát. Thật ra, Ngài tượng trưng cho mỗi người nghe pháp và tu tập pháp trong hiện tiền!

(Kinh) Thị trung, hà đẳng tam-muội năng sanh như thị chư công đức hạnh? Sở vi Bồ Tát Tư Duy Chư Phật Hiện Tiền tam-muội, năng sanh như thị chư công đức pháp. Phục thứ, Hiền Hộ! Vân hà danh vi Bồ Tát Tư Duy Chư Phật Hiện Tiền tam-muội dã? Hiền Hộ! Nhược hữu tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di thanh tịnh trì giới, cụ túc chư hạnh, độc xử không nhân, như thị tư duy: Ư nhất thiết xứ, tùy hà phương sở, tức nhược Tây Phương A Di Đà Như Lai,

Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Thị nhân nhĩ thời, như sở văn dĩ, tức ưng tự tác như thị tưởng niệm: Như ngã sở văn, bỉ A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, kim tại Tây phương, kinh đồ khứ thử quá bách thiên ức chư Phật quốc độ, bỉ hữu thế giới, danh viết An Lạc. Như thị Như Lai, kim hiện tại bỉ, vị chư Bồ Tát châu tấp vi nhiều, xử đại chúng trung, thuyết pháp giáo hóa. Nhiên nhi thị nhân y sở văn cố, hệ niệm tư duy, quán sát bất dĩ, liễu liễu phân minh, chung hoạch kiến bỉ A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác dã.

(經) 「是中，何等三昧能生如是諸功德行？所謂菩薩思惟諸佛現前三昧，能生如是諸功德法。復次，賢護！云何名為菩薩思惟諸佛現前三昧也？賢護！若有比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷清淨持戒，具足諸行，獨處空閒，如是思惟：於一切處，隨何方所，即若西方阿彌陀如來、應供、等正覺。是人爾時，如所聞已，即應自作如是想念：如我所聞，彼阿彌陀如來、應供、等正覺，今在西方，經途去此過百千億諸佛國土，彼有世界，名曰安樂。如是如來，今現在彼，為諸菩薩周匝圍繞，處大眾中，說法教化。然而是人依所聞故，繫念思惟，觀察不已，了了分明，終獲見彼阿彌陀如來、應供、等正覺也。」

(Kinh: Trong ấy, tam-muội như thế nào thì sẽ có thể sanh ra hạnh công đức như thế? Đó là nói Bồ Tát Tư Duy Chư Phật Hiện Tiền tam-muội có thể sanh ra các pháp công đức như thế. Lại này, Hiền Hộ! Thế nào là Bồ Tát Tư Duy Chư Phật Hiện Tiền tam-muội? Này Hiền Hộ! Nếu có tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di trì giới thanh tịnh, trọn đủ các hạnh, ở một mình nơi thanh vắng, tư duy như thế này: Trong hết thảy các chốn, ở bất cứ phương nào, đều như [đối trước] Tây Phương A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Lúc đó, người ấy đứng như những điều đã được nghe, liền tự tưởng niệm như thế này: Như con được nghe A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác nay đang ở Tây phương, cách nơi đây trăm ngàn ức các cõi Phật. Nơi đó có thế giới

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

tên là An Lạc. Đức Như Lai như thế, nay đang ở đó, được các vị Bồ Tát vây quanh, ở trong đại chúng, thuyết pháp giáo hóa. Người ấy nương theo điều đã được nghe mà hệ niệm, tư duy, quán sát chẳng thôi, rành rẽ, phân minh, rốt cuộc được thấy A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đăng Chánh Giác).

Đoạn văn tự này chỉ dạy chúng ta, pháp tắc trong ấy có tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, tức là một pháp dành cho tứ chúng tu tập, chẳng riêng hiền thánh, chẳng riêng tại gia hay xuất gia, mà là dù tại gia hay xuất gia, mọi loài phàm thánh đều có thể an trụ, hành theo, đều có thể hành trì như thế, nhưng có một phương tiện tiền đề⁶¹! Đó chính là “*thanh tịnh trì giới, cụ túc chư hạnh, độc xử không nhân, như thị tư duy*” (trì giới thanh tịnh, đầy đủ các hạnh, ở một mình chỗ thanh vắng, tư duy như thế). Ở nơi tư duy như thế, lúc ở một mình như thế, trên thực tế là xa lìa tâm địa ồn náo, cũng như sự ồn náo nơi y báo và chánh báo.

Xa lìa ồn náo mười phần quan trọng đối với hành pháp tam-muội. Dầu cho chúng ta tĩnh lặng, xa lìa ồn náo dù chỉ một phút, tịch tĩnh đọc đoạn kinh văn này, quán sát chỉ trong một phút đồng hồ, quý vị đã gieo chủng tử chẳng thể nghĩ bàn. “*Xa lìa ồn náo*” tức là lìa hết thảy cái tâm nắm níu, tâm xả duyên, tâm ở trong tịch tĩnh. “*Tâm xử tịch tĩnh*” (Tâm trụ trong tịch tĩnh) là ở trong chỗ ồn náo mà chẳng có ồn náo để có thể thấy, ở chỗ tịch tĩnh mà chẳng có tịch tĩnh để có thể thấy. Nếu ở chỗ tịch tĩnh mà thấy có tịch tĩnh thì chẳng gọi là [người trụ trong] A Lan Nhã, mà là kẻ buông lung. Vì lẽ nào? Chúng ta thường thấy có người đến rừng sâu núi thẳm để tu trì. Nếu tham tịch tĩnh, sẽ chẳng phải là người tu trì trụ trong A Lan Nhã, dầu hành pháp mà chẳng đạt được lợi ích to lớn. Quý vị hãy khéo quan sát! Nếu người sống trong đời hiện tại mà tâm nhàn tĩnh, thủ hộ pháp tắc, dầu ở trong chỗ ồn náo mà chẳng nhiệt náo, ở trong chỗ nhàn tĩnh mà chẳng nắm níu, sẽ là người thật sự đạt được tịch tĩnh, thâm nhập và quán sát pháp, ắt sẽ đạt được lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Đây là tư tưởng Trung Quán trong tu hành Phật pháp, hoặc có thể nói là tư tưởng chánh quán!

Người tu hành hiện thời thích hướng đến ồn náo. Vì lẽ nào? Do chẳng đạt được lợi ích nơi pháp tắc tịch tĩnh. Hoặc là hướng tới tịch tĩnh để xa lìa ồn náo, tham cầu tịch tĩnh. Kẻ tham cầu nhiệt náo, kẻ tham cầu nhiệt náo phần nhiều là hạng người sợ hãi tịch tĩnh, sợ đọa vào đoạn diệt

⁶¹ Có thể hiểu như điều kiện cần phải có để tu tập thành công pháp này.

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

tịch tĩnh. Còn kẻ hướng đến cuộc sống tịch tĩnh, là do hy vọng xa lìa ồn náo, tham cầu cảnh tĩnh lặng. Những hạng người ấy đều bị ma biến đổi, chẳng thuộc vào [hạng người được hưởng] lợi ích trong Phật pháp. Nếu chẳng quan sát như thế, phần nhiều sẽ sanh ra tự ngã phiền não. Rất nhiều người tìm cầu khắp nơi một đạo tràng tịch tĩnh, thần thánh, hy hữu, nhưng do tâm địa chẳng tương ứng, cho nên tới một đạo tràng như thế, cũng sẽ thường nảy sanh ý kiến, cho rằng đạo tràng ấy chẳng phải như người ta nói, vì chẳng tương ứng. Nếu tâm địa chẳng tương ứng, tâm địa ồn náo, sẽ ở nơi tịch tĩnh mà chẳng tịch tĩnh. Nếu tâm địa tịch tĩnh, sạch lâu, chẳng có một chuyện gì, dấu ở trong ồn náo, nhưng chẳng bị ồn náo hay nhiệt não bức bách. Các vị thiện tri thức ơi! Hãy tự khéo quan sát.

Một mình ta có thể ngồi lặng lẽ nơi thanh vắng. Chỗ thanh vắng ấy xa lìa hết thấy nắm níu, xa lìa hết thấy các duyên tụ tập. Chỗ thanh vắng ấy chẳng có dấu vết, chẳng có gì để đạt được, có phải là yêu cầu quá cao hay không? Chỗ ấy không cao! Nếu làm như thế, sẽ đạt được phương tiện. Quan sát như thế liền đạt được thanh tịnh. Tùy thuận như thế liền được an lạc. Thực tập như thế, tất nhiên thành tựu. Có nhiều vị tri thức tìm Bồ Đề khắp Giang Nam, Giang Bắc, truy tìm đạo tràng, tìm kiếm tri thức, nào có biết đã đánh mất tri thức thật sự, đạo tràng thật sự, pháp tắc thật sự, tịch tĩnh thật sự ngay trong hiện tiền! Tìm nhiều nơi chốn, nắm níu nơi chốn khá nhiều, có nhiều điều lấy bỏ, kết quả là tu pháp càng ngày càng xa, chẳng đạt được lợi ích, sanh khởi hoạn nạn phiền não, do chẳng lập chánh kiến, hư vọng vun đắp tâm trí phân biệt, chấp trước. Muốn đạt được pháp tắc thanh tịnh an lạc, pháp tắc bình đẳng, pháp tắc thiện xảo trong tâm trí chấp trước, cũng giống như nấu cát mong thành cơm hay cháo vậy! Chúng ta học giáo ngôn Bát Nhã Ba La Mật, sự tịch tĩnh trong núi rừng chẳng phải là tịch tĩnh thật sự. Có thể coi sự tịch tĩnh nơi núi rừng là tịch tĩnh, [cũng như quán] các thứ ồn náo chẳng phải là ồn náo. Có thể gây nên ồn náo là vì chúng chẳng có tự tánh. Thấy “chẳng có tự tánh” chính là thủ hộ tịch tĩnh, xa lìa nắm níu, xa lìa duyên sợ hãi, chẳng sợ hãi nhân duyên cũng chính là “*trụ trong an lạc tịch tĩnh*”. Thoạt nhìn lời này dường như rất cao, thật ra là yêu cầu rất bình thường. Hãy khéo tư duy, khéo quan sát!

“U nhất thiết xứ, tùy hà phương sở, tức nhược Tây Phương A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đăng Chánh Giác. Thị nhân nhĩ thời, như sở văn dĩ, tức ưng tự tác như thị tướng niệm” (Trong hết thấy mọi nơi, ở bất cứ phương nào, đều như đối trước Tây Phương A Di Đà Như Lai,

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Khi đó, người ấy đúng như những gì đã được nghe, hãy nên tưởng niệm như thế này). Chúng ta thấy văn tự trong phẩm này toàn là hướng dẫn mọi người vận dụng tư duy chánh đáng, quan sát bình thường, chẳng có gì là “pháp tắc đặc thù, chẳng thể nghĩ bàn, huyền diệu”, mà toàn là tốt bậc bình thường, chánh quán tư duy thật thà, chánh quán quan sát.

“Nhu ngã sở văn, bỉ A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, kim tại Tây Phương” (Như con được nghe, đức A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác nay ở phương Tây): Đối với phương Tây, Quán Kinh đã chép mười phần cụ thể, đó là phương hướng mặt trời lặn. Chúng tôi đến núi Linh Thứu, nơi đức Thế Tôn giảng kinh Vô Lượng Thọ, nơi giảng đài Linh Thứu, phương hướng đối trước đại chúng chính là phương hướng mặt trời lặn. Đức Thế Tôn đối diện phương Đông. Thiện Đạo đại sư miêu tả phương Tây càng tiêu chuẩn hơn! Chẳng hạn như Ngài nói: Trong hai mùa Đông và Hè, mặt trời chên về hướng Nam hay hướng Bắc, chẳng thể coi là hướng chánh Đông hay chánh Tây. Nhưng tại Trung Hoa vào hai mùa Xuân và Thu, quỹ tích quỹ đạo của mặt trời cũng khá đúng tiêu chuẩn. Lúc đó, coi phương vị của mặt trời lặn chính là phương Tây. Đấy thật sự vẫn là vì khiến cho mọi người đặt ý niệm nơi đó. Vì thế, các vị thiện tri thức và người niệm Phật trong quá khứ, chẳng xoay lưng về phía Tây.

Giữ ý niệm đối diện như thế, dùng làm phương tiện để tư duy tu hành, dù đắc tam-muội hay chẳng đắc tam-muội. Ví như người xuất gia chúng ta lúc từ biệt thân nhân, sắp xuống tóc, thọ giới sa-di, hãy nên lễ kính cha mẹ. Nếu cha mẹ hiện tiền, bèn lễ kính ngay trong hiện tiền. Nếu [cha mẹ] chẳng hiện tiền, liền hướng về phương hướng nơi cha mẹ đang ở mà lễ kính từ biệt. Sự từ biệt ấy rất có ý nghĩa. Lễ kính hướng vọng về phương hướng ấy cũng là mười phần có ý nghĩa. Vì lễ nào? Do là nơi nghiệp báo. Do cái này có mà cái kia có, chân thật chẳng dối. Nếu quý vị tưởng là hư vọng, sẽ chẳng được tương ứng. Nếu tưởng là hư vô, tưởng là đoạn diệt, sẽ chẳng có công đức chân thật. Giống như hiện thời chúng ta thấy Dược Sư Phật, hay thấy A Di Đà Phật, quý vị phải có cái gọi là “*phương hướng, đối tượng để quan sát*” thì mới có thể khiến cho quý vị được thấy, được biết, chẳng phải là sử dụng tâm trí vọng tưởng. Như vậy thì khi quý vị thấy, sẽ chẳng phải là vọng tưởng, sẽ có thể như thật được thấy, được nghe nơi hiện duyên. Tuy bản chất [của các cảnh giới được thấy] là vô tự tánh, nhưng khi quan sát, liền sanh diệu dụng. Khi tương ứng, chắc chắn nghe pháp. Khi được gia trì, chắc chắn sẽ đạt được

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

phương tiện vô úy, và sức thần thông tự tại rộng lớn. Ở đây, trọn chẳng thể lường tuồng, qua quít, chẳng có mảy may nào mê mờ. Có nhiều kẻ dùng “*tánh Không*” để phê phán giáo ngôn Tịnh Độ, thật sự là [những ngôn luận] vô ý nghĩa! Vì sao? Chúng sanh trong thế gian, báo đức có sai khác.

Tịnh độ và trược độ (ué độ) rốt cuộc là do các nghiệp [sai khác] mà hiện hiện sai biệt. Sự sai biệt ấy tuy xét theo bản chất thì chẳng khác, nhưng khởi dụng (dấy lên tác dụng), ắt cũng có khác biệt. Do vậy, khiến cho chúng sanh ai nấy đều xả trừ nghiệp khổ não, tiến hướng pháp tắc thanh tịnh an lạc, quốc độ an lạc, chọn lựa pháp như thế, thành tựu Bồ Đề, đắc bất thoái chuyển ngay trong một đời. Các vị thiện tri thức ơi! Phải như thật tư duy, như thật quan sát, nương theo lời dạy của đức Thế Tôn, đừng nương theo vọng tưởng, đừng vâng theo lời của ai khác! Nếu chúng ta chẳng tùy thuận kinh điển để chánh tư duy, quan sát, sẽ nương theo cách nghĩ của chính mình mà tư duy, quan sát. Nhưng chúng ta từ vô thủy đến nay, tư duy phần nhiều là bị tham, sân, si, mạn, nghi, và tri kiến chẳng chánh đáng sai khiến, bị che lấp bởi tập khí của chính mình, tức là tư duy trong nghiệp tướng của Ngũ Cái, Nhị Chương, và Tam Chương⁶², chẳng thể sanh khởi lợi ích thật sự thanh tịnh trong học Phật.

“Kinh đồ khừ thử quá bách thiên ức chư Phật quốc độ. Bỉ hữu thế giới, danh viết An Lạc. Như thị Như Lai, kim hiện tại bỉ, vị chư Bồ Tát châu tấp vi nhiều, xử đại chúng trung, thuyết pháp giáo hóa” (Cách đây trăm ngàn ức các cõi Phật, nơi đó có thế giới tên là An Lạc. Đức Như Lai như thế nay đang ở đó, được các vị Bồ Tát vây quanh, ở trong đại chúng, thuyết pháp giáo hóa). Đây đều là nội dung quan sát thực tế. Quán Kinh mô tả càng cụ thể hơn. Ở đây là đức Thế Tôn nói kinh giáo để chúng ta tư duy. Chúng ta tùy thuận lời dạy của đức Phật để chánh tư

⁶² Nhị Chương là Sở Tri Chương và Phiền Não Chương. Tam Chương là Phiền Não Chương, Nghiệp Chương và Báo Chương (đây là giáo nghĩa được nói trong kinh Đại Bát Niết Bàn). Tuy vậy, sách Hoa Nghiêm Khổng Mục (tức sách Hoa Nghiêm Kinh Nội Chương Môn Đăng Táp Khổng Mục Chương của ngài Trí Nghiễm) lại phán định ba loại Phiền Não Chương như sau, và cũng gọi chúng là Tam Chương:

1. Bỉ Phiền Não Chương (phiền não chương ngoài da), tức là Tư Hoặc trong tam giới như tham, sân, si... do đối ứng với lục trần mà sanh khởi phiền não.
2. Nhục Phiền Não Chương (phiền não chương trong thịt), tức Kiến Hoặc, như các kiến chấp đoạn, thường v.v... đều do nội tâm sanh khởi phân biệt.
3. Tâm Phiền Não Chương tức là căn bản vô minh. Do mê chân tâm mà có loại phiền não này, nên gọi là Tâm Phiền Não Chương.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

duy. Tư duy như thế rất trọng yếu. Trong việc tu trì tam-muội, do tu trì tam-muội, dấu chưa thấy Phật, nhưng đã gieo chủng tử thấy Phật, đã an lập thanh tịnh, chẳng khác gì thấy Phật. Người quán như thế thì sẽ được an lạc.

“*Nhiên nhi thị nhân y sở văn cố, hệ niệm tư duy*” (Nhưng người ấy do nương theo điều đã được nghe mà hệ niệm, tư duy): Đây là từng bước hướng dẫn chúng ta tư duy đúng như lời dạy. Hiện thời, thiện tri thức tư duy đúng như giáo pháp càng ngày càng ít. Vọng tưởng toi bời! Nói cái gì mà “tôi niệm Phật, nhưng tôi không tin thế giới Cực Lạc, cũng chẳng hướng đến thế giới Cực Lạc”. Chẳng biết nỗi khổ luân hồi trong thế giới Sa Bà, chẳng biết nỗi khổ khăn đien đảo trong thế giới Sa Bà này. Giống như tòa điện đường này, chúng ta không ngừng trang nghiêm nó, nhưng bất luận trang nghiêm như thế nào đi nữa, sử dụng một khoảng thời gian, tất nhiên nó sẽ bị suy hoại, tất nhiên sẽ mất đi. Cũng giống như vậy, sanh mạng của chúng ta có thể là rất trẻ trung, khỏe mạnh, nhưng sẽ già đi rất nhanh, chết đi. Tướng vô thường ấy trong cuộc sống của ai cũng đều luôn luôn biểu hiện, đừng nghĩ là có cái thường hằng. Nếu người nào chẳng cho là thường hằng, tất nhiên sẽ hướng đến một pháp tắc, pháp tắc gì vậy? Liễu giải pháp tắc bản chất của hết thảy vạn sự vạn vật, tức là tiên hướng đạo nghiệp Bồ Đề. Đối với đạo nghiệp, sẽ phần nhiều chọn lựa. Như thế thì sẽ trọn chẳng tham nhiễm thế giới Sa Bà, hoặc là sẽ sợ hãi thế giới Sa Bà này mà sanh về Cực Lạc. Vì lẽ nào? Do có thể độ thoát hữu tình trầm luân trong thế giới Sa Bà. Chúng ta cầu vãng sanh cũng thế, chính mình và người khác cùng vãng sanh cũng thế, hoặc khiến cho chúng sanh vãng sanh trước, còn bản thân sẽ vãng sanh cuối cùng cũng thế, hoặc khiến cho hết thảy chúng sanh vãng sanh thành Phật trước, bản thân ta thành Phật cuối cùng cũng thế, trong các thứ pháp tắc, đều là lợi ích chân thật, lợi ích như thật, như đức Thế Tôn đã tuyên nói trong khắp các kinh.

Trong đoạn văn tự này, đức Thế Tôn đã đối trước Hiền Hộ Bồ Tát tuyên nói một phương pháp chánh tư duy quan sát, cũng là một pháp tắc để mong đạt được Tư Duy Chư Phật Hiện Tiền tam-muội. Pháp tắc này mười phần đơn giản, giống như pháp tắc để tu trì hồng thân thấy Phật trong mộng do Thiện Đạo đại sư đã dạy. Tôi gặp rất nhiều vị xuất gia và tại gia học tập Tịnh Độ, nhưng coi thường pháp tắc ấy! Khéo sao, pháp tắc ấy lại là một pháp tắc rất then chốt! Tư duy như thế, quán sát cận kề như thế, mười phần trọng yếu! Thông thường, các vị Bồ Tát học Phật ở đất Hán đa số tôn sùng tri kiến cao thượng, tức là cái được gọi là Không

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Kiến, hay giải thoát tri kiến v.v... Thật ra, chính mình chẳng thể thiết lập một pháp tắc cao thượng, lại chẳng thể có một pháp tắc như thật để rành rẽ quan sát kỹ càng, chẳng thể như thật thâm nhập để quán sát chánh đáng, vi tế, thuần thực!

“*Quán sát bất dĩ, liễu liễu phân minh, chung hoạch kiến bỉ A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đăng Chánh Giác dã*” (Quán sát chẳng ngại, rành rẽ phân minh, rốt cuộc thấy A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đăng Chánh Giác): Trong đoạn văn tự này, đức Thế Tôn ân cần dặn dò đại chúng, tức hiện tiền đại chúng, quý vị hãy nên chọn lựa như thế nào? Vẫn là phải nên từ bỏ lối tư duy tạp loạn, chẳng rõ ràng của chính mình. Đừng tư duy về chuyện huyền diệu hay chẳng huyền diệu, tư duy cao thấp, tư duy thiện ác, tư duy tương ứng hay chẳng tương ứng. Hãy nương theo giáo ngôn của đức Thế Tôn mà tư duy, sẽ rất thuận tiện, trực tiếp. Đó gọi là do y giáo mà đạt được lợi ích nơi Phật pháp. Do tín thuận giáo, cho nên công đức chẳng thể nghĩ bàn. Do tùy thuận Phật lực nên trừ khử các chướng hiện tiền. Hiện thời, chúng ta có chướng gì vậy? Sở Tri Chướng và Phiền Não Chướng.

Hơn nữa, người Hán có chấp trước Sở Tri Chướng tốt bậc sâu dày, ngoan cố, rất nặng nề! Vì nhân duyên giao thiệp của người Hán mười phần rộng khắp, nhất là trong tình trạng hiện thời, Nam Bắc xuyên suốt, tùy ý di chuyển, tham học chẳng trở ngại, học pháp chẳng trở ngại. Tuy là chẳng trở ngại, nhưng khắp nơi chẳng hiển hiện công đức và lợi ích! Chỉ là học tạp, học cho có vào, chẳng thể thâm nhập, tâm trí rã rời, giống như nước lũ, chẳng thể đắc lực trong ấy. Vì thế, tham học càng rộng mà nếu chẳng thể tập trung vào một pháp môn, tức là có vấn đề về sự thâm nhập, tu tập, quan sát. Kết quả là tự tâm rời rã, lãng phí nhân duyên sanh mạng. Các vị thiện tri thức ơi! Nhất định phải tư duy sâu xa, tinh tế điều này!

(Kinh) Phục thứ, Hiền Hộ! Thí như thế gian, nhược nam, nhược nữ, u thuy mộng trung, kiến chủng chủng sự. Sở vị kim, ngân chúng bảo, trân tài, thương khổ, hoặc kiến bằng hữu, chư tri thức bối, hoặc kiến giác thời, tâm bất lạc giả. Thị nhân mộng trung, sở đối cảnh giới, hoặc vi, hoặc thuận, hoặc ưu, hoặc hỷ. Hữu thời ngữ ngôn, hoan hân Cực Lạc. Hữu thời thăm thích, tận ý bi ai. Thị nhân ngu dĩ, tư duy ức niệm, như mộng sở kiến, vị tha quảng tuyên, truy niệm mộng trung, tiện sanh ưu hỷ. Như thị Hiền Hộ! Bỉ thiện nam tử, thiện nữ nhân, đoan tọa hệ niệm, chuyên tâm tưởng bỉ A Di Đà Như Lai, Ứng

Cúng, Đẳng Chánh Giác, như thị tướng hảo, như thị oai nghi, như thị đại chúng, như thị thuyết pháp.

(經)復次, 賢護! 譬如世間, 若男若女, 於睡夢中, 見種種事。所謂金銀衆寶, 珍財倉庫, 或見朋友, 諸知識輩, 或見覺時, 心不樂者。是人夢中, 所對境界, 或違, 或順, 或憂, 或喜。有時語言, 歡欣極樂。有時慘感, 盡意悲哀。是人寤已, 思惟憶念, 如夢所見, 爲他廣宣, 追念夢中, 便生憂喜。如是賢護! 彼善男子善女人, 端坐繫念, 專心想彼阿彌陀如來、應供、等正覺, 如是相好, 如是威儀, 如是大衆, 如是說法。

(Kinh: Lại này, Hiền Hộ! Ví như trong thế gian, dù nam hay nữ, trong khi mơ ngủ, thấy đủ mọi chuyện, như là vàng, bạc, các thứ báu, của cải quý báu, kho lẫm, hoặc thấy bạn bè, những kẻ quen biết, hoặc khi gặp họ trong lúc tỉnh thức, tâm chẳng vui vẻ, thì người ấy trong mộng đối với cảnh giới, hoặc trái nghịch, hoặc thuận theo, hoặc lo, hoặc mừng. Có lúc nói năng, vui thích tốt bậc. Có lúc buồn thảm, tốt bậc bị ai. Người ấy thức giấc, suy nghĩ, nhớ lại những gì đã thấy trong mộng, nói cặn kẽ với người khác, tưởng nhớ chuyện trong mộng, bèn sanh buồn, vui. Đây Hiền Hộ! Như thế đó, thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy ngồi ngay ngắn, chăm chú, chuyên tâm tưởng A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, tướng hảo như thế, oai nghi như thế, đại chúng như thế, thuyết pháp như thế).

Đoạn văn tự này mười phần rõ ràng, xác đáng, dùng giấc mộng làm tỷ dụ để nói. Trong mộng, dù vui hay buồn, dù thuận duyên hay nghịch duyên, sau khi tỉnh giấc, lúc kể nói, sẽ sanh lòng vui hay buồn. Lúc nói tới duyên gây buồn, bèn sanh lòng buồn. Lúc nói tới duyên gây vui vẻ, bèn sanh lòng hoan hỷ. Quán Phật cũng giống như thế.

(Kinh) Như văn hệ niệm, nhất tâm tương tục, thứ đệ bất loạn, hoặc kinh nhất nhật, hoặc phục nhất dạ. Như thị hoặc chí thất nhật, thất dạ, như tiên sở văn, cụ túc niệm cố. Thị nhân tất đố A Di Đà Như

Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đã. Nhược w trú thời, bất năng kiến giả, nhược w dạ phần, hoặc thụy mộng trung, A Di Đà Phật tất đương hiện đã.

(經)如聞繫念，一心相續，次第不亂，或經一日，或復一夜。如是或至七日七夜，如先所聞，具足念故。是人必睹阿彌陀如來、應供、等正覺也。若於晝時，不能見者，若於夜分，或睡夢中，阿彌陀佛必當現也。

(Kinh: Hệ niệm đúng như những gì đã được nghe, nhất tâm tiếp nối, theo thứ tự chẳng loạn, hoặc trải qua một ngày, hoặc là một đêm. Như thế cho đến bảy ngày, bảy đêm, đúng như đã nghe từ trước, do niệm đầy đủ, người ấy ắt thấy A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Nếu vào lúc ban ngày chẳng thể thấy, thì hoặc là trong ban đêm, hoặc khi nằm mộng, A Di Đà Phật ắt sẽ hiện ra).

“*Thứ đệ bất loạn*” là liên tục chẳng loạn, tư duy theo thứ tự, hoặc là liên tục nhất tâm. Lời dạy “*thứ đệ bất loạn*” mười phần quan trọng. Trong pháp môn Tịnh Độ, như kinh Xung Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ do pháp sư Huyền Trang dịch. Đó là bản kinh “*trực dịch*” (dịch sát từng chữ một), nhất định có sai biệt với bản kinh A Di Đà do La Thập đại sư dịch ý. Tuy cùng một bản tiếng Phạn, nhưng lượng chữ sai khác cũng khá lớn. Vì là bản kinh trực dịch, cho nên bản tiếng Phạn có bao nhiêu câu, liền dịch ra tương ứng [bấy nhiêu câu], chẳng tăng, chẳng giảm, nhưng dịch ý thì chẳng phải vậy. Như La Thập đại sư do “*Tần nhân háo giản*” (người đất Tần chuộng đơn giản), có nghĩa là người Trung Hoa thích đơn giản. Ngài từ nước Quy Tư (Kutsi, Kucina, Kuche) vào đất Trung Hoa nhằm triều đại Diêu Tần, cho nên Ngài gọi người Trung Hoa là “*Tần nhân*”. Do người đất Tần chuộng đơn giản, cho nên Ngài phần nhiều dịch ý. Rõ rệt nhất là khi Ngài dịch bộ Đại Trí Độ Luận của Long Thọ Bồ Tát, đã tóm gọn [nguyên tác] bộ Đại Trí Độ Luận gồm một ngàn quyển thành một trăm quyển. Nay chúng ta thấy Đại Trí Độ Luận là năm bộ; nếu trực dịch cả một ngàn quyển của Đại Trí Độ Luận, sẽ thành năm mươi bộ. Cũng có nghĩa là đối với tác phẩm Đại Trí Độ Luận, La Thập đại sư đã giản lược chín phần mười, chừa lại một phần mười thí cho đại chúng chúng ta, nhưng Ngài có thể tuyên nói [ý chỉ chú giải kinh Đại Bát Nhã của Long Thọ Bồ Tát] rõ ràng, đúng là chẳng thể nghĩ bàn!

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Tâm lực chẳng thể nghĩ bàn! Văn tự của La Thập đại sư rất ngắn gọn, thuận tiện, chẳng tăng giảm nội dung, nhưng đã rút gọn một lượng lớn văn tự. Vì thế, đa số người có trí khen ngợi, nhưng kẻ tâm trí tầm thường, hoặc tâm lực chẳng đủ, nhìn vào sẽ sanh ra lầm loạn, hoặc thốt ra các cách suy nghĩ chẳng tương ứng! Pháp sư Huyền Trang là một vị Tam Tạng pháp sư theo lối tân dịch lỗi lạc thời ấy, một lần nữa lại sang Ấn Độ thỉnh kinh bằng tiếng Phạn để dịch sát theo nguyên văn, nhằm tránh khuyết điểm trong lối dịch ý.

Trong bản kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ theo lối trực dịch của pháp sư Huyền Trang có nói: *“Nhược nhất nhật dạ, hoặc nhị, hoặc tam, hoặc tứ, hoặc ngũ, hoặc lục, hoặc thất, hệ niệm bất loạn”* (Nếu một ngày đêm, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn, hoặc năm, hoặc sáu, hoặc bảy, hệ niệm bất loạn). Trong kinh A Di Đà được dịch theo lối dịch ý, La Thập đại sư viết: *“Nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật, nhược tứ nhật, nhược ngũ nhật, nhược lục nhật, nhược thất nhật, nhất tâm bất loạn”* (Hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, nhất tâm bất loạn). Bốn chữ *“nhất tâm bất loạn”* ấy xưa nay đã khiến cho nhân duyên của bao nhiêu người bị ngắc ngứ. Bởi lẽ, nhất tâm bất loạn, bất luận là Lý nhất tâm, hay Sự nhất tâm bất loạn, quả thật bọn phàm phu tầm thường chẳng dễ gì léo hánh được! Do đó, đối với vấn đề pháp tắc ấy, pháp sư Huyền Trang đã thấy khuyết điểm ấy, bèn dịch lại một bản mới theo lối trực dịch, tức Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh. Vừa mở đầu, đã khiến cho mọi người có cảm giác mới mẻ. Trong ấy có nói: Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, hoặc là một ngày đêm, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày, hệ niệm chẳng loạn. Khi người ấy lâm chung, A Di Đà Phật và các thánh chúng sẽ hiện ra trước mặt. Sự sai biệt giữa *“nhất tâm bất loạn”* và *“hệ niệm bất loạn”* là nhìn theo văn tự. Dùng tâm địa để án khế thì *“hệ niệm bất loạn”* thuộc vào phạm thánh, *“nhất tâm bất loạn”* là nói riêng biệt, đặc biệt. Nói theo kiểu riêng biệt, đặc biệt, thì kẻ tương ứng sẽ hoan hỷ, kẻ chẳng tương ứng sẽ vứt bỏ pháp ấy. Nếu là người siêng gắng nơi pháp này, một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày, hệ niệm bất loạn, sẽ thuận tiện lắm! Đối với phàm hay thánh, đối với kẻ tương ứng, hay chẳng tương ứng, cách nói ấy đều có pháp tắc để tư duy và hệ niệm, hoặc nói cách khác là có một cơ chế dung dị hơn.

Ở đây, lại càng nổi bật là đức Thế Tôn nêu ra cho chúng ta thấy sự tư duy và tu trì trong Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

muội. Toàn bộ phẩm này và phẩm sau đều nhằm làm cho chúng ta tu duy đúng như lý. Phẩm này có tên là Hiền Hộ Phần Tu Duy phẩm đệ nhất (phần Hiền Hộ [của kinh Đại Tập], phẩm thứ nhất Tu Duy). Cũng có nghĩa là đối với Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội, chỗ thực hiện đầu tiên là hướng dẫn chúng ta về thứ tự của chánh tu duy. Trong Phật giáo, Tu Duy mười phần quan trọng. Đạt Ma tổ sư của nhà Thiên từ phương Tây sang, truyền bá phương tiện “*bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền*” (chẳng lập văn tự, truyền riêng ngoài giáo) tại nước Chấn Đán (Trung Hoa) để ngăn trở, bảo vệ giới Phật giáo Trung Hoa phần nhiều mê mải trong văn tự, ngôn thuyết, chẳng thể trực tiếp thấu đạt lòng người, đối ứng với trạng huống như thế mà sư tử hồng. Đây là nhân duyên trong thuở đó.

Nếu chúng ta chấp vào một phương diện nào đó, chẳng khéo tu duy, hư vọng lập ra một cái gọi là Tâm, tâm địa, hoặc là pháp tắc thuộc về Không, sẽ chẳng thể thâm nhập, thọ dụng an lạc, hoặc nói tới các cảnh giới diệu dụng được. Trong sức tu trì của các thứ pháp tắc, như trong các pháp tắc do cổ nhân đề ra, thì có Tứ Lực Thuyết, hoặc Ngũ Lực Thuyết. Trong Tứ Lực Thuyết, có tâm lực, duyên lực, cảnh giới lực, và quán tập lực. Chúng ta phải vận dụng thỏa đáng quán tập lực, cảnh giới lực, và duyên lực. Nếu chẳng vận dụng thỏa đáng, tự tâm sẽ chẳng thể tương ứng, tức là chẳng thể lìa khổ, được vui, tiêu trừ Phiền Nã Chướng, tiêu trừ Sở Tri Chướng, chẳng thể thúc đẩy xuất sanh công đức như thế. Do vậy, nhiều người hành pháp tắc “*nước lạnh ngâm tảng đá*”⁶³, thoát nhìn dường như tu trì, nhưng chẳng thể tăng trưởng công đức. Thoạt nhìn dường như tu trì, nhưng chẳng có thực chất thọ dụng của việc theo thứ tự thâm nhập các pháp tắc, tức là [chẳng thâm nhập] công đức tạng, an lập trong sự xếp đặt hư giả của chính mình, hoặc có thể nói là sự xếp đặt ấy rỗng tuếch. Chính là như chúng ta từ các nơi tìm đến nơi đây, đối với phong cảnh trên đường, nếu quý vị lưu luyến chẳng dứt được một chỗ nào, sẽ chẳng thể thấy mục đích cuối cùng. Nếu chúng

⁶³ “*Lãnh thủy phao thạch đầu*” (冷水泡石頭, nước lạnh ngâm tảng đá) là thuật ngữ của Thiên Tông nhằm đả phá cách tu hành sai lầm, chấp trước. Thiên sư Thánh Nghiêm đã giải thích như sau: “*Thiên Tông có một thuật ngữ gọi là ‘nước lạnh ngâm tảng đá’. Nếu dùng nước lạnh ngâm đậu, đậu sẽ có thể dấy lên biến hóa, nhưng dùng nước lạnh ngâm tảng đá cả trăm năm, cả ngàn năm, cả vạn năm, nước lạnh vẫn là nước lạnh, đá vẫn là đá. Do vậy, dùng Thiên pháp Khán Thoại Đầu để tu hành, chẳng phải là giữ cho tâm không có gì, mà là trong tâm chỉ có một câu thoại đầu*” (trích từ ngữ tắc 123 trong bộ Thánh Nghiêm Pháp Sư Giáo Thoại Đầu Thiên).

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

ta chẳng nhìn phong cảnh chung quanh, tức là cứ mò mịt mà đi, có thể đạt tới mục đích hay không? Cũng có thể đạt tới mục đích. Nhưng nếu [có thể nhìn ngắm] phong cảnh trên đường, lại có thể đạt tới mục đích, người ấy [đi đường] rất thuận tiện, đã chẳng đánh mất phong cảnh trên đường đi, lại còn chẳng ngưng lại, vẫn đạt tới mục đích. Chúng ta thấy Phật, tức là đạt tới mục đích. “*Quang cảnh trên đường*” hàm ý: Chánh tư duy mười phần trọng yếu. Vì thế, “*nhược kiến bất kiến, giai thị chánh kiến*” (nếu thấy mà giống như chẳng thấy, sẽ đều là chánh kiến), “*nhược nhiệm bất nhiệm, giai thị tán thú*” (nếu đối với nhiệm ô mà chẳng bị nhiệm ô, sẽ đều là tiến nhập). Nói tới “*tán thú*” thì thấy Phật là mục đích, thấy Phật là thành thực. [Pháp tắc đang được nói] ở đây là một pháp tắc rất thuận tiện.

Chúng ta học tập phẩm Tư Duy, trong đoạn văn tự này, đức Thế Tôn không ngừng hướng dẫn, đốc thúc chúng ta “*nhất tâm tương tục, thứ đệ bất loạn, hoặc kinh nhất nhật, hoặc phục nhất dạ. Như thị hoặc chí thất nhật, thất dạ, như tiên sở văn, cụ túc niệm cố, thị nhân tất đắc A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác dã*” (nhất tâm liên tục, chẳng loạn thứ tự, hoặc trải qua một ngày, hoặc lại một đêm. Như thế cho đến bảy ngày, bảy đêm, đúng như những điều đã nghe trước đó. Do niệm trọn đủ, người ấy ắt thấy A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác). Ở đây, đức Thế Tôn đã dùng các kinh để ấn chứng lẫn nhau. Những điều được nói ở đây hoàn toàn phù hợp với Quán Kinh, kinh A Di Đà, và kinh Vô Lượng Thọ. Các giáo ngôn ấy đều tuyên nói đúng thật như thế!

Trong Tạng truyền Phật giáo, chúng ta thấy họ bố trí đàn tràng mười phần nghiêm cẩn. Vì sao? Họ lấy đàn tràng ấy làm mục tiêu, dùng làm chỗ để quan sát thuần thực tâm địa, làm chỗ để tư duy, cúng dường, thủ hộ, ngày đêm siêng gắng. Tôi đã đến một nơi gọi là Thiên Phật Động, trong ấy, có một đàn tràng của A Di Đà Phật. Một bức tượng A Di Đà Phật đứng rất cao, trọn đủ diệu tướng. Đàn tràng mười phần trang nghiêm, cụ thể. Hoa văn và màu sắc miêu tả các thứ trang nghiêm trong quốc độ của A Di Đà Phật rất đẹp đẽ. Vì sao phải bố trí một đàn tràng? Để khiến cho tâm trí của ta dần dần đạt đến an lạc, thâm nhập, đạt tới tinh tế, trang nghiêm, thành thực. Đó là một quá trình mười phần quan trọng. Quá trình ấy cũng là ngoại duyên để sanh khởi pháp ích. Nhiều lượt tập luyện trong ấy, ắt sẽ có thể khiến cho người tu tập có thể đạt được sự an lạc trong pháp tắc. Chư vị thiện tri thức ơi! Đừng khinh mạn tướng ấy, do tướng ấy vô tướng. Đừng coi rẻ tướng ấy, tướng ấy chính là

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

cơ chế giáo ngôn trọng yếu hàng đầu trong bốn pháp độ chúng sanh của đức Thế Tôn. Tức là “*nuông theo thân tướng diệu sắc để cảm hóa thế gian, độ thoát chúng sanh, tiêu trừ nghiệp chướng cho chúng sanh, thuận thực thiện căn của chúng sanh*”.

Do tại Trung Hoa, giáo ngôn của Thiên Tông được truyền bá rất mạnh, dần dần khiến cho mọi người hiểu lầm đối với tướng và tướng giáo, sanh ra rất nhiều điều chẳng tương ứng! Tướng ấy chứng minh sự thiện xảo của oai đức vô tướng. Do đó, dùng đủ loại tướng trang nghiêm và oai đức để lợi ích thế gian, thành thực thế giới, đừng nên sợ hãi! Các tướng vô tướng, nào ngại các tướng có tướng, hoặc tướng nào cũng là vô tướng ư? Đừng nên sợ hãi chỗ này! Đó gọi là hành pháp của Bồ Tát chẳng phá hoại Sắc, nhưng chẳng nhiễm Sắc, chẳng sợ Sắc, dùng các thứ sắc pháp để lợi ích thế gian. Do chẳng nhiễm cho nên đắc lực nơi pháp này. Nếu đắm nhiễm, sẽ mờ mịt, mê mất tự tâm.

Đoạn văn tự này mười phần rõ ràng, cùng một mạch truyền thừa với kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, và kinh Quán Vô Lượng Thọ, đều do Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật đứng như lý tuyên nói, khiến cho hữu tình đang ở trong phiền não và vọng tưởng sẽ có chỗ nương cậy để chánh tư duy và chánh quan sát. Đoạn văn tự này cũng đề cập “*như văn hệ niệm, nhất tâm tương tục, thứ đệ bất loạn, hoặc kinh nhất nhật, hoặc phục nhất dạ, như thị hoặc chí thất nhật, thất dạ*” (hệ niệm đúng như đã được nghe, nhất tâm liên tục, chẳng rời loạn thứ tự, hoặc trải qua một ngày, hoặc lại qua một đêm. Như thế cho đến bảy ngày, bảy đêm). Kinh điển thường nói “*một ngày một đêm, bảy ngày bảy đêm*”, rốt cuộc là cách nói như thế nào? Đại chúng nhất định đừng dễ dãi đọc lướt qua nhé!

“*Như tiên sở văn, cụ túc niệm cố, thị nhân tất đố A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác dã. Nhược ư trú thời, bất năng kiến giả. Nhược ư dạ phần, hoặc thụy mộng trung, A Di Đà Phật tất đương hiện dã*” (Do đúng như những điều đã được nghe trước đó mà niệm đầy đủ, người ấy ắt thấy A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Nếu lúc ban ngày, chẳng thể trông thấy, thì hoặc là vào ban đêm, hoặc trong giấc mộng, A Di Đà Phật ắt sẽ hiện ra). Đó là đối trước hữu tình tư duy, quán sát như thế, quán tưởng như thế mà thốt lời an ủi. Đây cũng là lời như thật. Nếu là như thế mà ban ngày chẳng thấy, trong mộng nhất định sẽ thấy. Do Phật lực chẳng thể nghĩ bàn gia trì, sẽ như chúng ta ở trong đêm đen, bỗng trông thấy ngọn đèn chiếu sáng vậy, [khiến cho] chúng ta được thấy, sẽ có cảm nhận. Vì thế, tâm trí mê mất của chúng ta

sẽ được hướng dẫn. Lúc đang đi trong đêm tối đen kịt, nếu bỗng dung có vầng thái dương mọc lên, hoặc là có một thứ gì đó chiếu sáng tỏ, trong tâm chúng ta sẽ dấy lên niềm hy vọng và cảm kích. Trong đêm đen luân hồi mờ mịt, trong thế giới đen kịt vì bị Phiền Nã Chướng và Sở Tri Chướng phủ lấp, bỗng dung nhìn thấy vầng nhật luân quang minh vô ngại là A Di Đà Phật, tâm trí chúng ta nhất định sẽ dâng lên niềm vui sướng và hướng về. Chúng ta có thể xem xét kỹ càng đúng như thật hay không?

Tiếp đó, Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn còn hướng dẫn chúng ta.

(Kinh) Phục thứ, Hiền Hộ! Thí như thế gian, nhược nam, nhược nữ, viễn hành tha quốc, u thụy mộng trung, kiến bản cư gia thất thời, thật bất tri vi trú, vi dạ, nhi diệc bất tri vi nội, vi ngoại. Thị nhân nhĩ thời, sở hữu nhân căn tường, bích, thạch, sơn, chung bất năng chướng, nãi chí u minh, hắc ám, diệc bất vi ngại dã. Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát tâm vô chướng ngại, diệc phục như thị.

(經)復次，賢護！譬如世間，若男若女，遠行他國，於睡夢中，見本居家室時，實不知爲晝爲夜，而亦不知爲內爲外。是人爾時，所有眼根牆壁石山，終不能障，乃至幽冥黑暗，亦不爲礙也。賢護！菩薩摩訶薩心無障礙，亦復如是。

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Ví như dù nam hay nữ trong thế gian, đi xa sang nước khác, trong khi mơ ngủ, thấy nhà cửa mà mình đang ở, quả thật chẳng biết là ngày hay đêm, cũng chẳng biết là trong hay ngoài. Khi đó, nhân căn của người đó tất cả tường, vách, núi, đá trọn chẳng thể chướng ngại, cho đến u minh, tối tăm cũng chẳng trở ngại được. Này Hiền Hộ! Tâm Bồ Tát Ma Ha Tát chẳng chướng ngại cũng giống như thế).

Chúng ta tư duy, quan sát thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật như quê nhà, hoặc nhà cửa của chính mình, giống như vật quen dùng của chính mình, thuần thực như thế, quan sát như thế, tư duy như thế, vậy thì hết thảy cũng vô ngại. Đó gọi là “mười vạn ức Phật độ chẳng bị trở ngại”. Một niệm tín quyết định là được, sẽ liền vượt qua. Núi, sông, đại

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

địa, hết thấy vật chướng ngại trọn chẳng thể ngăn trở. Vì sao? Tâm chẳng tồn tại chướng ngại. Giống như thí dụ do đức Thế Tôn nêu ra ở chỗ này: Hàng tại gia cư sĩ chúng ta, bất luận tới nơi nào, cũng đều có gia đình. Hễ quý vị nghĩ tới nhà của chính mình, hết thấy các chướng ngại đều chẳng tồn tại. Vì lẽ nào? Quý vị có cảm giác thân thuộc đối với nhà của mình. Nhà của quý vị ở Bắc Kinh cũng thế, ở Thượng Hải cũng thế, ở nơi nào cũng thế. Hễ quý vị nghĩ ngợi, tất cả nhân duyên trong gia đình đều rành rành trước mắt, núi, sông, đại địa chẳng thể chướng ngại. Chúng ta nghĩ tới thế giới Cực Lạc cũng giống như thế. Nếu thuận thực, sẽ nhìn thấy. Nếu quyết định, sẽ nhìn thấy. Chẳng vướng mắc, sẽ nhìn thấy! Hết thấy khoảng cách, hết thấy núi, sông, đại địa, hết thấy các loại chướng ngại đều cùng lúc vô ngại!

Quý vị tư duy như thế, nương theo các trường hợp thiện xảo về nhân duyên trong thế tục để tư duy. Đức Thế Tôn không chỉ nêu thí dụ như thế, trong phần trước là nói về mộng; ở đây, nói về nhà ở. Đối với tất cả các gia cụ (vật dụng trong nhà), dụng cụ, màu sắc của dụng cụ, người nhà, phương vị trong nhà mình ở, quý vị nhắm mắt, sẽ ngay lập tức nghĩ thấy, cảm giác thấy. Dẫu cách xa ngàn núi vạn sông, nhưng quý vị nhắm mắt liền thấy. Hết thấy núi, sông, đại địa, các thứ xa xôi chẳng hề cách ngăn. Vì sao? Do thuận thực, do trong tâm chẳng có ngăn ngại, chỉ tồn tại những thứ có trong nhà, chẳng thấy hết thấy ngăn ngại là ngăn ngại. Quốc độ Cực Lạc của A Di Đà Phật cũng giống như thế, công đức của mười phương chư Phật cũng giống như thế. Nếu tâm địa mạnh mẽ, gìn giữ ý niệm thuận thực, khiến cho chúng ta đối với các tướng cảnh giới quen thuộc, trong hết thấy chướng ngại sẽ quyết định chẳng ngăn ngại! Chư vị thiện tri thức ơi! Nhất định phải tư duy thuận thực, khéo quan sát chỗ này, chớ nên qua quít!

Phần nhiều kẻ chẳng đạt được lợi ích trong pháp môn Tịnh Độ là vì lảng tránh chỗ này! Rất nhiều người nói “thấy tướng chẳng có ý nghĩa gì hết”. Chẳng phải vậy! Nêu một thí dụ đơn giản nhất, thời xưa có cách nói “*vọng mai chỉ khát*” (望梅止渴, nhìn quả mơ đỡ khát)⁶⁴. Vì sao nhìn

⁶⁴ Thành ngữ này phát xuất từ một câu chuyện trong sách Thế Thuyết Tân Ngữ, chương Giả Duật: “*Ngụy Vũ hành dịch, thất cấp đạo, quân giai khát, nãi lệnh viết: ‘Tiền hữu đại mai lâm, nhiêu tử, cam toan, khả dĩ giải khát’. Sĩ tốt văn chi, khẩu giai xuất thủy, thừa thử đắc cấp tiền nguyên*” (Ngụy Vũ Đế (Tào Tháo) hành quân gấp rút, quân sĩ đều khát nước, liền truyền lệnh: ‘Phía trước có rừng mai to, lắm trái, vừa chua vừa ngọt có thể giải khát’. Quân lính nghe nói đều chảy nước miếng, nhờ đó [đỡ khát] mà đến được chỗ có nguồn nước). Về sau, từ ngữ lại có một ý nghĩa mở

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

quả mơ mà có thể đỡ khát? Trong thế gian này, không pháp tắc nào chẳng do nhân duyên xuất sanh. Khổ hay lạc không gì chẳng phải do ngoại duyên giúp thành. Loài phàm phu hữu tình chắc chắn là như thế! Chúng ta gặp gỡ giáo ngôn của kinh Ban Châu có công đức rất sâu chẳng thể nghĩ bàn như thế này, đúng là do phước đức hồi thí, khiến cho chúng ta có được phương tiện vận dụng thuần thực để thấy quê nhà thế giới Cực Lạc sẵn có. Vì vậy, đức Thế Tôn khổ tâm ban bố, hướng dẫn đi, hướng dẫn lại, dùng đủ mọi ngôn thuyết khuyến hóa chúng ta chánh tư duy, chánh quan sát, như lý tư duy, như lý quan sát, đừng nên dùng vọng tưởng của chính mình để quan sát. Nếu [quan sát bằng vọng tưởng của chính mình] như thế, sẽ chẳng ngừng mê mất tự tâm, lãng phí tinh lực của chúng ta!

(Kinh) Đương chánh niệm thời, u bỉ sở hữu Phật sát trung gian, phàm thị nhất thiết Tu Di sơn vương, cập Thiết Vi sơn, Đại Thiết Vi sơn, nãi chí tự dư hắc sơn đẳng, bất năng dĩ thủ nhãn căn vi chương, nhi diệc bất năng phú tế thủ tâm. Nhiên thị nhân giả, kỳ thật vị đắc Thiên Nhãn, năng kiến bỉ Phật, diệc vô Thiên Nhĩ, văn bỉ pháp âm. Phục phi thần thông, vãng bỉ thế giới. Hựu diệc bất u thủ thế giới một, sanh bỉ Phật tiền, nhi thật đản tại thủ thế giới trung.

(經)當正念時，於彼所有佛剎中間，凡是一切須彌山王，及鐵圍山，大鐵圍山，乃至自餘諸黑山等，不能與此眼根爲障，而亦不能覆蔽此心。然是人者，其實未得天眼，能見彼佛，亦無天耳，聞彼法音。復非神通，往彼世界。又亦不於此世界沒，生彼佛前，而實但在此世界中。

(Kinh: Ngay trong lúc chánh niệm, trong tất cả các cõi Phật ấy, phàm là hết thảy núi chúa Tu Di, và núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi, cho đến các hắc sơn khác v.v... chẳng thể chương ngại nhãn căn ấy, mà cũng chẳng thể che lấp tâm này. Nhưng người ấy thật sự chưa đắc Thiên Nhãn mà có thể thấy đức Phật ấy. Cũng chẳng có Thiên Nhĩ mà nghe pháp âm của Ngài. Lại chẳng có thần thông để tới thế giới ấy, lại cũng

rộng mang dụng ý phê phán những kẻ mơ tưởng dùng giải pháp viển vông để giải quyết vấn đề cấp bách trước mắt.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

chẳng mất đi nơi thế giới này, sanh về trước đức Phật ấy, mà thật sự chỉ ở trong thế giới này).

Đoạn văn tự này có thể nói thật sự là sự tử hống trong pháp môn Tịnh Độ, tiêu trừ hết thấy chướng ngại nơi tâm trí và cảm giác của chúng ta! Có cảm giác chướng ngại là do chẳng thuần thực, do tạp duyên quá nhiều. Chẳng thuần thực là do tự đặt ra chướng ngại, chẳng phải là thật sự có chướng ngại hay không chướng ngại. Chướng ngại và không chướng ngại là sự lựa chọn của chúng ta, do lựa chọn mà hiển hiện. Chư vị thiện tri thức ơi! Hãy khéo quan sát, khéo thể nghiệm, khéo biến thành thực tiễn!

Ở đây, đức Thế Tôn đã trực tiếp kéo phàm phu vào trong pháp tắc Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền Lập tam-muội. Cũng có nghĩa là quý vị chẳng đắc Thiên Nhân, mà cũng chẳng có Thiên Nhĩ, nhưng có thể thấy đức Phật ấy, [mà cũng có thể nghe đức Phật ấy]. Như chúng ta đã quá quen thuộc với căn nhà mình cư ngụ, hễ nhắm mắt lại, nghĩ đến nhà của chính mình. Hễ nhắm mắt lại, nghĩ tới hoàn cảnh sống quen thuộc nhất của chính mình, chướng ngại gì cũng chẳng thể chướng ngại được. Do quý vị chẳng có chướng ngại gì, do quý vị tiến thẳng đến mục đích quen thuộc. Do vậy, hết thấy chướng ngại vốn chẳng có chướng ngại, chẳng bận tâm vướng mắc, chẳng thành lập, chẳng xếp đặt! Vậy mà có lúc chúng ta tự xếp đặt chướng ngại.

“Diệc bất ư thử thế giới một, sanh bỉ Phật tiền, nhi thật đản tại thử thế giới trung” (Cũng chẳng mất trong thế giới này, sanh trước đức Phật kia, nhưng thật sự ở trong thế giới này): Chúng ta có thể thân chẳng rời bỏ vị (vị trí sẵn có) mà thấy chư Phật, đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Chẳng rời thế giới Sa Bà này mà thấy mười phương chư Phật. Chẳng tới mười phương cõi nước, mà trông thấy mười phương cõi nước. Đó chính là nội dung và lợi ích thù thắng nhất trong giáo ngôn bất cộng của pháp Niệm Phật [nói chung] và pháp Ban Châu [nói riêng].

Kế đó, đức Thế Tôn còn hướng dẫn chúng ta về pháp tắc để tiến nhập.

(Kinh) Tích niệm huân tu, cứu quán mình lợi cố, chung đắc đồ bỉ A Di Đà Như Lai, Ứng Đẳng Chánh Giác, Tăng chúng vi nhiều, Bồ Tát hội trung, hoặc kiến tự thân tại bỉ thính pháp, văn dĩ ức niệm, thọ trì, tu hành, hoặc thời phục đắc cung kính, lễ bái, tôn thừa, cúng

dường bĩ A Di Đà Như Lai, Ứng Đẳng Chánh Giác dĩ. Thị nhân nhiên hậu khởi thủ tam-muội,

(經)積念薰修，久觀明利故，終得睹彼阿彌陀如來、應等正覺，僧衆圍繞，菩薩會中，或見自身在彼聽法，聞已憶念，受持修行，或時復得恭敬，禮拜尊承，供養彼阿彌陀如來、應等正覺已。是人然後起此三昧。

(Kinh: Đã tích lũy ý niệm huân tu, đã quán sáng suốt, nhảy bèn lâu ngày, rốt cuộc được thấy A Di Đà Như Lai, Ứng Đẳng Chánh Giác, Tăng chúng vây quanh, ở trong hội của Bồ Tát, hoặc thấy thân mình ở đó nghe pháp. Nghe xong, nghĩ nhớ, thọ trì, tu hành, hoặc có lúc lại cung kính, lễ bái, tôn trọng, thừa sự, cúng dường đức A Di Đà Như Lai Ứng Đẳng Chánh Giác xong. Sau đấy người đó mới khởi tam-muội này).

Trong đoạn văn tự này, thông qua phương thức chánh tư duy, từng bước hướng dẫn chúng ta thâm nhập cách quan sát thiện xảo như thế: Hoặc là lễ bái, hoặc cúng dường, hoặc thừa sự A Di Đà Thế Tôn. Nếu gặp Thanh Văn, Bồ Tát trước sau vây quanh A Di Đà Như Lai, thấy Phật, nghe pháp, thấy Phật, bèn cúng dường, thủ hộ, cũng đạt được lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Vì lẽ nào? Do đúng như lời dạy: “*Tích niệm huân tu, cứu quán minh lợi cố, chung đắc đố bĩ A Di Đà Như Lai, Ứng Đẳng Chánh Giác*” (Đã tích lũy ý niệm huân tu, đã quán sáng suốt, nhảy bèn lâu ngày, rốt cuộc được thấy A Di Đà Như Lai, Ứng Đẳng Chánh Giác).

Đoạn văn tự này nhằm khiến cho chúng ta thuận thực tư duy và quán sát. Chúng ta đều biết, Thiện Đạo đại sư là bậc đại thiện xảo thật sự lập tông, lập phái của pháp môn Tịnh Độ. Viễn công đại sư (sơ tổ Huệ Viễn) và một trăm hai mươi ba người nguyện vãng sanh cõi ấy, ảnh hưởng rất rộng. Đàm Loan đại sư hoằng truyền Tịnh Độ ở phương Bắc; thậm chí cảm vờn quốc chúa thuận theo. Do có chim loan thần diệu châu về chỗ Ngài lễ kính, cho nên có nhiều người ngã theo giáo pháp ấy, tu tập pháp môn Tịnh Độ. Tuy là như thế, giáo nghĩa chưa lập. Thiện Đạo đại sư xuất thế, đã thật sự triệt để hiển lộ cơ chế giáo ngôn của pháp môn Tịnh Độ. Xưa nay, chẳng ai không chọn lựa như thế, thừa nhận Thiện Đạo đại sư là vị thiện tri thức thật sự kiến lập tông nghĩa của pháp môn

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Tịnh Độ. Đương nhiên, Ngài chẳng lia kinh giáo, chẳng lia các giáo ngôn và giáo căn (căn bản để lập giáo) được chư tổ sư các đời dần dần hoàn thiện và kế tục các pháp tắc. Thiện Đạo đại sư mười phần coi trọng chuyện tư duy và quán tưởng. Suốt đời, Ngài đã vẽ khá nhiều bức Cực Lạc Thế Giới Thần Biến Đồ (tranh vẽ về sự trang nghiêm, mô tả Phật và thánh chúng trong thế giới Cực Lạc). Chẳng thể nói là [những bức vẽ ấy đúng] như thật biểu hiện thế giới Cực Lạc được, nhưng chúng ta có thể cảm nhận thế giới Cực Lạc qua sự miêu tả [trong các bức họa ấy]. Ngài dùng nhân duyên như vậy để khích lệ mọi người thâm nhập tu tập, quan sát như lý, tức là “*đồ quán thành thực*” (nhìn, quán thành thực), hoặc nói là “*cửu quán minh lợi*” (quan sát sáng suốt, nhạy bén đã lâu), hoặc nói là “*cửu huân tập*” (huân tập đã lâu), khiến cho chúng ta khế nhập pháp tắc này. Thiện Đạo đại sư cũng thường tự mình tạc tượng, vẽ tượng. Vì sao? Để thuần thực pháp tắc cho chính mình, chân thật duy trì pháp tắc này. Người nơi đất Hán phải nên chánh tư duy chỗ “tư duy, hệ niệm” ấy, thường phải nên đổ công dốc sức vào đó. Quý vị chẳng đổ công dốc sức nơi ấy, lại đổ công dốc sức nơi những chuyện rỗng tuếch, nhọc nhằn tạo vọng tưởng, hết sức đau khổ. Nếu chúng ta tư duy và quán sát Phật cho nhiều, thủ hộ Phật, ắt sẽ sanh lòng vui sướng, an lạc to lớn. Quý vị đừng nên chấp trước điều này, chỉ nên siêng gắng ở chỗ này. Quả thật là chẳng thể nghĩ bàn!

Đoạn văn tự này bảo chúng ta: “Thấy Phật thì phải nên nghe pháp. Thấy Phật thì phải nên cúng dường, thừa sự”. Như thế thì thiện căn sẽ nhanh chóng chín muồi! Do trong công án của Thiền Tông Trung Hoa thường có thuyết “*Phật đến bèn chém Phật. Ma đến bèn chém ma*”, cho nên người học Phật tại đất Hán cứ hờ ra là “*Phật đến bèn chém Phật. Ma đến bèn chém ma*”. Ở đây, quý vị chẳng trăm Phật được, mà nhất định phải thấy Phật! Đó có phải là mâu thuẫn với giáo ngôn của đức Phật hay không? Chẳng phải. Trong giáo pháp của đức Thế Tôn, đích xác là có lời dạy dùng tướng hảo để hóa độ chúng sanh. Đức Phật dùng thân tướng kim sắc, thân tướng diệp sắc, thân tướng quang minh, thân tướng oai đức, thân tướng trọn đủ các đức, khiến cho chúng sanh trông thấy bèn đắc độ. Chẳng hạn như tôn giả A Nan vì sao xuất gia? Khi tôn giả A Nan thấy Thích Ca Mâu Ni Phật, đã hỏi: “Vị này do đâu mà được diệp tướng như thế? Vị này vì lẽ nào mà trọn đủ thân chẳng cấu uế? Ta phải nên theo Ngài, nên xuất gia, nên làm Sa-môn”. Tôn giả A Nan do thấy thân tướng diệp sắc của đức Thế Tôn mà xuất gia. Tôn giả La Hầu La cũng vì cảm xúc vi diệu từ cánh tay Đa La Miên của đức Thế Tôn mà

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

xuất gia. Khi đó, La Hầu La được gặp đức Thế Tôn, đã thắc mắc vì sao cánh tay đức Thế Tôn thon dài, bèn dùng tay sờ. Vừa chạm vào, cảm thấy giống như nắm lấy một thứ tốt bậc mềm mịn, chẳng nở buông! Đức Thế Tôn nói: “Sao không cho đứa bé này xuất gia?” Tăng thượng duyên như thế đó, chúng ta chẳng thể phủ nhận. Trước kia, đôi với cách nói như thế, tôi nảy sinh nhiều nỗi ngờ vực, nhưng mấy năm trước, tôi đã gặp hai vị lão nhân gia, chân tay mềm mại, khiến cho kẻ khác vĩnh viễn chẳng thể quên được! Chớ nên tham đắm những thứ ấy, nhưng nếu đã chạm vào, quý vị sẽ chẳng thể quên được! Nó sẽ tạo thành một phương cách kêu gọi tâm linh của quý vị yêu thích và ngưỡng vọng rất lâu. Vì sao vậy? Vì sao người ấy mềm mỏng đến thế? Vì sao khiến cho người khác vui sướng đến thế? Vì chạm vào một chút, quý vị sẽ cảm thấy mười phần hoan hỷ. Vì sao? Mềm mại như không xương! Thật đấy, chẳng phải là chuyện giả. Chúng ta đừng nên cố chấp vào chuyện này, nhưng chuyện này quả thật đã cảnh tỉnh tâm trí của chúng tôi về sức mạnh lôi cuốn chẳng thể nghĩ bàn [của thân tướng vi diệu].

Vì thế, đức Thế Tôn dùng sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp để rộng lợi ích hữu tình trong thế gian. Chúng sanh do sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà trầm luân trong ấy, chẳng thể tự thoát ra được! Đức Thế Tôn dùng diệu tướng để lợi ích rộng khắp thế gian. Đó là pháp “*dùng thân tướng diệu sắc để rộng độ hữu tình*” trong bốn pháp độ chúng sanh, chớ nên mê mất. Vì đức Thế Tôn thuyết pháp, tám vạn bốn ngàn pháp, pháp nào cũng để độ chúng sanh, pháp nào cũng đều vô ngại. Chớ nên nương theo pháp mà chướng ngại pháp. Nương theo pháp mà báng pháp, nương theo pháp mà nghi pháp. Như thế thì quý vị sẽ phá pháp, phá hoại pháp, chẳng thể đạt được lợi ích nơi Phật pháp. Đôi với chuyện này, trong phần sau, chúng ta sẽ thông thả xem kỹ. Đôi với đoạn văn tự này, hy vọng mọi người thật sự có thể đọc nhiều lượt, tư duy cho nhiều!

(Kinh) Kỳ xuất quán dĩ, thứ đệ tư duy, như sở kiến văn, vị tha quảng thuyết. Phục thứ, Hiền Hộ! Như thử Ma Già Đà quốc, hữu tam trượng phu. Kỳ đệ nhất giả, văn Tỳ Da Ly thành, hữu nhất dâm nữ, danh Tu Ma Na. Bĩ đệ nhị nhân, văn hữu dâm nữ, danh Am La Ba Ly. Bĩ đệ tam nhân, văn hữu dâm nữ, danh Liên Hoa Sắc. Bĩ ký văn dĩ, các thiết phương tiện, hệ ý cần cầu, vô thời tạm phế. Nhiên bĩ tam nhân, thật vị tăng đồ như thị chư nữ. Trục dĩ dao văn, tức hưng dục tâm, chuyên niệm bất tức. Hậu nhân mộng dĩ tại Vương Xá thành, dĩ bĩ nữ nhân, cộng hành dục sự. Dục sự ký thành, cầu tâm diệt tức, hy

vọng ký mãn, toại tiện giác ngu. Ngu dĩ, truy niệm mộng trung sở hành, như sở văn kiến, như sở chứng tri, như thị ức niệm.

(經)其出觀已，次第思惟，如所見聞，爲他廣說。復次，賢護！如此摩伽陀國，有三丈夫。其第一者，聞毗耶離城，有一淫女，名須摩那。彼第二人，聞有淫女，名庵羅波離。彼第三人，聞有淫女，名蓮華色。彼既聞已，各設方便，系意勤求，無時暫廢。然彼三人，實未曾睹如是諸女。直以遙聞，即興欲心，專念不息。後因夢已在王舍城，與彼女人，共行欲事。欲事既成，求心亦息，希望既滿，遂便覺寤。寤已，追念夢中所行，如所聞見，如所證知，如是憶念。

(Kinh: Đã xuất quán (ra khỏi phép quán), bèn theo thứ tự tư duy, đúng như những gì thấy nghe mà kể rộng khắp với người khác. Lại này, Hiền Hộ! Như trong nước Ma Già Đà này có ba trượng phu. Người thứ nhất nghe thành Tỳ Da Ly có dâm nữ (gái làng chơi) tên là Tu Ma Na. Người thứ hai nghe có dâm nữ tên là Am La Ba Ly. Người thứ ba nghe có dâm nữ tên là Liên Hoa Sắc. Họ đã nghe xong, mỗi người lập phương tiện, chú tâm siêng cầu, không lúc nào tạm bỏ. Nhưng ba người ấy thật sự chưa từng gặp các cô gái như thế. Chỉ là nghe đồn, bèn dấy lòng dục, chuyên nghĩ đến chẳng ngơi. Về sau, do họ mộng thấy đã ở thành Vương Xá cùng với các nữ nhân đó cùng làm chuyện dâm dục. Dục sự đã thành, cái tâm mong cầu cũng dứt, niềm mong mỏi đã được thỏa, bèn tỉnh giấc. Tỉnh giấc, bèn nhớ lại chuyện đã làm trong mộng, đúng như thấy nghe, đúng như chứng biết, đúng như nghĩ nhớ).

Trong đoạn văn tự này, đức Thế Tôn đã nêu một thí dụ. Vì hữu tình trong Dục Giới, dục nhiễm nam nữ là một điểm đặc sắc nổi bật, chúng ta khá dễ cảm nhận được!

(Kinh) Lai nghệ nữ sở, cụ vị nữ thuyết giả.

(經)來詣汝所，具爲汝說者。

(Kinh: Tới chỗ ông, kể cận kề với ông).

“*Lai nghệ như sở*” (Tới chỗ ông): “*Nhữ sở*” (Chỗ của ông) là tới chỗ của Hiền Hộ Bồ Tát để nêu bày. Ba người bọn họ tìm đến Hiền Hộ Bồ Tát, đến hỏi phương tiện như vậy, hỏi rốt cuộc là chuyện gì mà có nhân duyên như thế? Trên thực tế, [thí dụ này] nhằm hướng dẫn phàm phu hữu tình trong Dục Giới, dùng phương cách nói về chuyện rõ thấy nhất là dục tình nam nữ, khiến cho tâm trí chúng ta sẽ thuận theo kinh văn mà nhập quán.

(Kinh) Nhữ ưng vị bỉ phương tiện thuyết pháp, tùy thuận giáo hóa, linh kỳ trụ bất thoái chuyển địa, cứu cánh thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Bỉ u đương lai, tất đắc thành Phật, hiệu viết Thiện Giác Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

(經)汝應爲彼方便說法，隨順教化，令其住不退轉地，究竟成就阿耨多羅三藐三菩提。彼於當來，必得成佛，號曰善覺如來、應供、等正覺、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊。

(Kinh: Ông hãy nên vì họ phương tiện thuyết pháp, tùy thuận giáo hóa, khiến cho họ trụ nơi địa vị bất thoái chuyển, rốt ráo thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Họ trong tương lai, ắt được thành Phật, hiệu là Thiện Giác Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn).

Ba người như thế, do hệ niệm, cho nên thành tựu điều ham muốn của chính mình. Còn người niệm Phật chúng ta thì sao? Do hệ niệm A Di Đà Phật, cũng có thể thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề! Cùng là thủ hộ ý niệm mong muốn và hướng tới. Dục niệm trong nhân gian mà còn có thể thành tựu, do niệm niệm tiếp nối. Vậy thì chúng ta vì liễu sanh tử, vì độ thoát các thứ nghiệp duyên và nghiệp chướng phiền não từ vô thủy tới nay mà ức niệm Phật, chắc chắn có thể thành tựu. Tỷ dụ như thế, thiện xảo như thế đó!

(Kinh) Ký đắc nhẫn dĩ, hoàn phục ức niệm vãng tích chư sự, liễu liễu phân minh dã.

(經)既得忍已，還復憶念往昔諸事，了了分明也。

(Kinh: Đã đạt được môn Nhẫn ấy, lại nghĩ nhớ các chuyện xưa kia, rành rẽ, phân minh).

Nói cách khác, dẫu thành Phật, người ấy nghĩ nhớ chuyện cũ cũng sẽ rành rẽ, phân minh. Do vậy, chỗ vô nhiễm này chỉ do túc duyên hiển hiện, do tướng cảnh giới kiến lập, chẳng phải là thật sự có. Chẳng có một pháp để có thể thật sự đạt được, chẳng có một thực chất để có thể kiến lập, nhưng có chuyện cảnh tướng ấy! Chúng ta thấy Phật cũng như thế. Vì vậy, tu hành chân chánh, siêng năng thấy Phật, siêng năng tu pháp mười phần trọng yếu, mười phần có ý nghĩa!

(Kinh) Hiền Hộ! Bỉ thiện nam tử, thiện nữ nhân đẳng, nhược dục thành tựu Bồ Tát Ma Ha Tát Tư Duy Nhất Thiết Chư Phật Hiện Tiền tam-muội, diệc phục như thị.

(經)賢護！彼善男子善女人等，若欲成就菩薩摩訶薩思惟一切諸佛現前三昧，亦復如是。

(Kinh: Này Hiền Hộ! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy nếu muốn thành tựu Bồ Tát Ma Ha Tát Tư Duy Nhất Thiết Chư Phật Hiện Tiền tam-muội thì cũng lại như thế).

Trong phần trước là thí dụ, phần sau là dẫn dắt, phát khởi hết thấy thiện nam tử, thiện nữ nhân hãy tư duy đúng như lý, tư duy như trong thí dụ, tức là cổ vũ, khích lệ sự tư duy ý nhạo của chính mình, đừng bỏ phí sức lực dục mà chúng ta sẵn có ấy, tức là sức hướng tới [mong cầu đạt được mục đích]. Nếu dùng sức ấy vào sự nhiễm dục của thế tục, sẽ có thể đạt được mục đích. Còn nếu dùng [sức mạnh ấy] để thấy Phật, nghe pháp, cũng có thể đạt được mục đích giống hệt. Trong hai pháp [thế gian và xuất thế gian], quý vị chọn lựa pháp gì? Trong phần trước, đức Thế Tôn đã nêu một thí dụ; sau đó, Ngài hướng dẫn chúng ta thấy Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội. “Dục” như vậy mười phần quan trọng. Trong phần trước là “ham muốn gặp dâm nữ như thế” chính là [ham muốn] của kẻ thế tục, vận dụng cái tâm thế tục, dùng phương pháp thế tục. Chúng ta là người học Phật, muốn thấy chư Phật,

muốn chúng Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội thì cũng như thế. Vì lẽ nào? Vận dụng pháp tắc Dục, giữ ý niệm tiếp nối, tư duy chẳng ngừng, thuần thực, ắt có thể trông thấy, mà cũng chẳng có chướng ngại!

(Kinh) Kỳ thân thường trụ thử thế giới trung, tạm đắc văn bỉ A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác danh hiệu, nhi năng hệ tâm.

(經)其身常住此世界中，暫得聞彼阿彌陀如來、應供、等正覺名號，而能繫心。

(Kinh: Thân ấy thường trụ trong thế giới này, tạm được nghe danh hiệu của A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác mà có thể chú tâm).

Tâm buộc chặt vào danh hiệu (chuyên chú nghĩ tưởng danh hiệu), do A Di Đà Phật dùng danh hiệu để nhiếp hóa mười phương chúng sanh, tức là như Quán Kinh đã nói: “A Di Đà Phật dùng quang minh vô ngại chiếu sáng mười phương cõi nước, nhiếp thọ chúng sanh niệm Phật chẳng bỏ”. Chúng sanh niệm Phật tức là người xưng danh hiệu, nhớ tưởng quang minh thanh tịnh trang nghiêm của đức Phật. Pháp tắc niệm Phật trong Quán Kinh là quan sát, trước hết là tư duy quán thuần thực. Nếu dùng một chỗ, một điểm [để tu tập quán tưởng niệm Phật], như quán tướng bạch hào: Chỉ quán tướng bạch hào uyển chuyển như năm quả núi Tu Di. Nương theo pháp Bạch Hào Quán mà khế nhập hết thấy các pháp tắc, trọn đủ hết thấy Đà-la-ni, hết thấy thiện xảo, hết thấy công đức, hết thấy thần biến, hết thấy trí huệ chẳng thể nghĩ bàn. Dùng một pháp khế nhập, chỉ cần buộc tâm thuần thực, ai nấy đều đạt được phương tiện.

Ở đây, buộc chặt cái tâm vào danh hiệu của A Di Đà Phật Như Lai, liên tục tư duy, tức là lúc tư duy do không ngừng niệm danh hiệu. Khi kinh hành Ban Châu, đi tới, đi lui, đi lui, đi tới, để làm gì? Lập một niệm, đoạn các tướng, niệm một phương, tư duy quốc độ ấy, khiến cho các tư duy tạp loạn bị đoạn trừ. Đó gọi là “*tinh thuần nhất niệm, chuyên tâm chú trọng một niệm, ắt thấy đức Phật đó*”.

Trước kia, trong tự viện, do đại chúng niệm Phật từ năm này sang năm khác chẳng gián đoạn, cho nên niệm Phật trong đại diện đặc biệt

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

thuận tiện. Kẻ bình phàm tiến vào đó ba ngày, bèn thấy quốc độ của Phật trang nghiêm, những thứ như đất báu lưu ly, hoa sen nở rộ, hình tướng Bồ Tát, Phật chi đó, đều là chuyện rất đơn giản. Nhưng trong xã hội hiện thời, mọi người cảm thấy đó là chuyện rất khó khăn, cách biệt quá lớn! Nếu được gặp gỡ, được sử dụng một ngôi chùa chuyên môn tu trì thì rất dễ dàng, chứ gặp một nơi tu trì tản mạn, sẽ mười phần khó khăn. Đích xác là như thế đó! Tôi có cảm xúc đối với chuyện này càng ngày càng lớn. Nhất là khi hoàn cảnh chung quanh rã rời, tâm trí của mọi người chẳng thể chuyên nhất. Do vậy, trong đường đi kinh hành Ban Châu mà đặt các thứ [biểu thị sự] trang nghiêm và các thứ công đức hy hữu của Cực Lạc, hoặc các tranh vẽ, đàn tràng, sẽ có thể là một phương pháp rất tốt. Hoàn cảnh như thế sẽ rất đơn thuần!

“*Diệu tướng độ chúng sanh*”, tức là dùng tướng để hướng dẫn mọi người, rất thuận tiện. Điều chủ yếu là đừng đắm nhiễm vào đó, nhất định phải tùy thuận nhân duyên như thế. Thấy Phật, nghe pháp, chớ nên cố chấp vào đó, cũng có nghĩa là quý vị chớ nên cưỡng chế tự tâm. Nếu làm như vậy (cưỡng chế tự tâm), sẽ rất đau khổ. Hãy nên tùy niệm phân tích, tỉ mỉ tư duy, tùy niệm quán sát. Đó là điều có thể làm được. Cưỡng chế quán sát sẽ rất khổ! Chúng ta đã tư duy thành thực, sẽ chẳng cưỡng chế tự tâm, giống như trong gia đình của quý vị có mấy người, cha mẹ quý vị có bộ dáng như thế nào? Con cái của quý vị có hình dạng ra sao? [Khi suy tưởng những điều đó], quý vị sẽ chẳng tổn tâm lực, rất thuần thực; nhưng nếu suy nghĩ nhà người khác, chuyện của người khác, gia đình của người khác, sẽ rất nhọc lòng, do chẳng liên quan cho mấy, rất khổ!

Nếu chúng ta coi chuyện “thấy Phật”, thấy thế giới Cực Lạc trang nghiêm [thân thiết] giống như thấy gia quyến của chính mình, chính là như chúng ta thường nói “*vãng sanh quê nhà thế giới Cực Lạc*”, tất nhiên là sẽ chẳng có chướng ngại! Vì sao vậy? Là quê nhà của chính mình. Thế giới Cực Lạc trang nghiêm được tạo lập ở ngay quê nhà! A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Hải Chúng, các vị Bồ Tát hải hội vây quanh, là sự trang nghiêm nơi nước mình, là anh em, đồng bạn! Như thế thì tâm trí của quý vị rất hoan hỷ. Đó là một pháp tắc rất trực tiếp, nhưng nếu quý vị coi đó là vật trong nhà kẻ khác, khởi tư duy sẽ rất mệt mỏi, quá khó khăn!

(Kinh) Tương tục tư duy, thứ đệ bất loạn, phân minh đồ bử A Di Đà Phật, thị vi Bồ Tát tư duy cụ túc, thành tựu Chư Phật Hiện Tiền

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

tam-muội. Nhân thử tam-muội, đắc kiến Phật cố, toại thỉnh vấn bỉ A Di Đà Phật ngôn.

(經)相續思惟，次第不亂，分明睹彼阿彌陀佛，是爲菩薩思惟具足，成就諸佛現前三昧。因此三昧，得見佛故，遂請問彼阿彌陀佛言。

(Kinh: Tư duy liên tục theo thứ tự chẳng loạn, trông thấy A Di Đà Phật phân minh. Đó là Bồ Tát tư duy trọn đủ, thành tựu Chư Phật Hiện Tiền tam-muội. Do tam-muội ấy, được thấy Phật, bèn thưa hỏi A Di Đà Phật rằng).

Ở đây thiết lập cho chúng ta chuyện “*thấy Phật, hỏi pháp*”. Nếu chẳng dạy chúng ta thì ngay cả phương tiện “*hỏi pháp*”, chúng ta cũng chẳng đạt được. Ở đây, trước hết khiến cho chúng ta thuận thực: Tới khi thấy Phật, sẽ làm như thế nào? Phải thưa hỏi Thế Tôn!

(Kinh) Thế Tôn! Chư Bồ Tát đặng, thành tựu hà pháp, nhi đắc sanh thử Phật sát trung da?

(經)「世尊！諸菩薩等，成就何法，而得生此佛剎中耶？」

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Các vị Bồ Tát thành tựu pháp gì mà được sanh trong cõi Phật này?)

Khi gặp Phật, chẳng nhất định phải hỏi như thế. Ở đây chỉ là tạo thuận tiện cho quý vị.

(Kinh) Nhĩ thời, A Di Đà Phật ngữ thị Bồ Tát ngôn: - Nhược nhân phát tâm cầu sanh thử giả, thường đương hộ tâm, chánh niệm tương tục A Di Đà Phật, tiện đắc sanh dã. Ký đắc sanh dĩ, Thế Tôn ư thị tri bỉ tâm cố, diệc tức niệm bỉ. Bỉ phương đắc kiến Phật Thế Tôn nhĩ.

(經)爾時，阿彌陀佛語是菩薩言：「若人發心求生此者，常當繫心，正念相續阿彌陀佛，便得生也。既得生已，世尊於是知彼心故，亦即念彼。彼方得見佛世尊耳」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, A Di Đà Phật bảo vị Bồ Tát ấy: - Nếu có ai phát tâm cầu sanh trong cõi này, hãy thường nên buộc tâm chánh niệm A Di Đà Phật liên tục, sẽ được sanh về. Đã được sanh rồi, khi ấy, do đức Thế Tôn biết tâm người đó, cũng nghĩ đến người đó. Người đó mới được thấy Phật Thế Tôn).

“*Thế Tôn ư thị tri bỉ tâm cố*” (Ngay khi ấy, do đức Thế Tôn biết tâm người đó): Quý vị thường niệm Phật, Phật ắt biết! Phật có Tha Tâm vô ngại, Thiên Nhãn vô ngại, sức thần thông vô ngại, thấy thấu suốt những vật vi tế. Hết thấy chúng sanh trong mười phương cõi nước cùng lúc đây động ý niệm, chư Phật đều biết rõ, chẳng sót kẻ nào! Quý vị chớ nên nghĩ: “Ta niệm A Di Đà Phật, A Di Đà Phật có thể chẳng thấy ta hay không? Chẳng nghĩ đến ta hay không? Chẳng nhận biết ta hay không?” Chắc chắn là chẳng có chuyện như thế. Nếu hết thấy chúng sanh khởi tâm động niệm, chư Phật đều đích thân thấy biết. Đây là quyết định như thật. Vậy thì quý vị nói: “Mười phương chư Phật biết tâm chúng ta, vì sao chúng ta niệm Phật chẳng tương ứng?” Quý vị hãy cẩn thận quan sát cái tâm của chính mình là đang niệm Phật, hay niệm chuyện khác? Chẳng tin, quý vị hãy xem xét cái tâm niệm Phật bình thường của chính mình, xem xét cẩn thận, chớ nên tự dối mình: Quý vị có thật sự niệm Phật hay không? Niệm Phật tương ứng ư? Niệm Phật liên tục ư? Niệm Phật thâm nhập ư? Niệm Phật chẳng gián đoạn ư? Thật sự như nhìn vào thứ chính mình sẵn có, nhìn vào nhà ở của chính mình, để xét xem chính mình có niệm vị Phật ấy hay không? Đối với đức Phật Thế Tôn mà niệm Phật trang nghiêm, thân thiết, như thật dường ấy, nếu quý vị niệm Phật thật sự như thế mà chẳng thấy Phật, vậy thì Phật toàn nói lời quái lạ, thốt lời hư vọng, mà tôi cũng là kẻ nói lời quái lạ, hư dối vậy!

“*Diệc tức niệm bỉ, bỉ phương đắc kiến Phật Thế Tôn nhĩ*” (Cũng liền nghĩ tới người đó, người đó mới được thấy Phật Thế Tôn): Vì lẽ nào vậy? Chúng ta niệm Phật, Phật biết chúng ta, phóng quang chiếu rọi chúng ta. Chúng ta do thấy quang minh mà có thể biết đến Phật. Nay chúng ta chẳng biết Phật Thế Tôn. Chúng ta ở trong thế giới Sa Bà, biết gì vậy? Tham, sân, si, mạn, nghi, tri kiến chẳng chánh đáng! Biết gì vậy? Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Biết gì vậy? Sở Tri Chương và

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Phiền Não Chướng phủ lấp. Nếu nay chúng ta đã thật sự biết Phật Thế Tôn, cũng chẳng nhờ vào các phương tiện khác. Vì thế, Phật biết hết thấy chúng sanh, chúng sanh chẳng biết Phật. Chúng ta niệm Phật, Phật biết chúng ta, phóng quang chiếu rọi chúng ta. Đối với quang minh ấy, khi tri kiến của quý vị thuần thực, trông thấy và sử dụng thiện căn thuần thực thì quý vị mới có thể biết Phật. Nếu thiện căn biết Phật đã thuần thực, sẽ có thể lợi ích thế gian rộng khắp. Sự thuần thực ấy chính là khi đã tương ứng.

Hiện thời, lúc chúng ta trông thấy bức tượng A Di Đà Phật này, thân tâm quý vị có mềm dịu hay không? Tam cầu (tham, sân, si) có tiêu trừ hay không? Nếu đối trước bức tượng này, mà quý vị có thể tiêu trừ tam cầu, tâm chẳng vướng mắc, như thế thì đức Thế Tôn cũng là chẳng thể nghĩ bàn. Nếu khởi lên tác dụng ấy, đức Thế Tôn này và A Di Đà Phật Thế Tôn trong thế giới Cực Lạc trọn chẳng sai khác! Do vậy, trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Thế Tôn bảo: “*Này A Nan! A Di Đà Phật quang minh vô lượng, vô biên. Quang minh ấy chiếu khắp mười phương. Nếu các chúng sanh thấy quang minh ấy, thân tâm nhu nhuyễn, tự nhiên hướng thiện, tam cầu tiêu trừ*”. Nhưng chúng ta thấy tượng A Di Đà Phật Thế Tôn, thân tâm có nhu nhuyễn hay không? Có tự nhiên hướng thiện hay không? Tam cầu có tiêu trừ hay không? Nếu tiêu trừ, đức Thế Tôn ấy chẳng thể nghĩ bàn, quý vị sẽ có thể quay về nhà!

(Kinh) Hiền Hộ! Thời bỉ, A Di Đà Như Lai, Ứng Đẳng Chánh Giác, cáo bỉ nhân ngôn: “Chư thiện nam tử! Nhữ đương chánh niệm, tinh cần tu tập, phát quang đại tâm, tất sanh thử dã”.

(經)賢護! 時彼, 阿彌陀如來、應等正覺, 告彼人言: 「諸善男子! 汝當正念, 精勤修習, 發廣大心, 必生此也」。

(Kinh: Này Hiền Hộ! Khi đó, A Di Đà Như Lai, Ứng Đẳng Chánh Giác, bảo người ấy rằng: “Các thiện nam tử! Các ông hãy nên chánh niệm, siêng ròng tu tập, phát tâm rộng lớn, tất sanh về cõi này”).

Vì sao trong các kinh điển, có chỗ nói “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*”, có chỗ chỉ nói một mình “*thiện nam tử*”? Điều này thật sự là một khích lệ, bảo cho chúng ta biết Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có nữ nhân. Thật sự chẳng phải là sắc thân như trong Dục Giới, làm sao có

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

nữ nhân cho được? Nữ nhân chính là một thân trong hai loại thân phân biệt được hiển hiện bởi chúng sanh trong Dục Giới, tức là nam thân và nữ thân. Hữu tình trong Dục Giới cho rằng: “Ái chà! Nếu thế giới ấy không có nữ nhân, tuyệt quá!” [Thân của chúng sanh trong] thế giới ấy (thế giới Cực Lạc) là thân tướng báu, đầy đủ hết thảy công đức thiện xảo, chẳng cần hai loại thân phân biệt, tức là chẳng cần thân nam hay nữ. Quý vị chớ nên tiếc nuối, vì thân hiện tại của chúng ta là cái thân tàn khuyết, thân chẳng trọn vẹn!

Thông thường, thân của chư thiên được gọi là “thân tướng báu”. Đối với thân tướng báu, có một câu chuyện xưa cho biết: Hám Sơn đại sư từ trong cảnh giới [Thiên Định], gặp Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. Văn Thù Bồ Tát muốn gột rửa tâm cấu cho Sư, liền dẫn Sư đến một chỗ ao tắm. Sư nhìn Văn Thù Bồ Tát, nghĩ: “Người này là nữ nhân, chẳng nên cùng tắm chung với người này”. Vì thế, tính bỏ đi. Lúc đó, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát chợt hiện toàn thân, dung nhập hư không. Hám Sơn đại sư trông thấy sắc thân quý báu. Sau đó, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát chụp lấy Sư, đem Sư tẩy gột. Vì chúng ta có cái tâm phàm phu, do đối đãi mà sanh ra tướng nam nữ, cho nên phần nhiều sanh các dục. Nhưng các vị đại trí viên thành, thật sự chẳng phân biệt, thân tự trọn đủ. Thân trọn đủ mà tâm cũng trọn đủ, trọn đủ oai đức thiện xảo, chẳng sợ hãi. Nhưng chúng ta hiện thời nói đến thân nam sẽ có điều sợ hãi, mà nói tới thân nữ cũng có chỗ sợ hãi. Do thân tâm chẳng trọn đủ, có nhiều thiếu sót, cho nên sanh vào Dục Giới. Các vị thiện tri thức đừng sanh sợ hãi! Đã là người học Phật, chẳng cần phải sợ hãi những điều ấy!

(Kinh) Hiền Hộ! Thời bỉ Bồ Tát phục bạch A Di Đà Phật ngôn: “Thế Tôn! Thị trung vân hà niệm Phật Thế Tôn, tinh cần tu tập, phát quang đại tâm, đắc sanh tử sát da?” Hiền Hộ! Thời bỉ, A Di Đà Phật phục cáo bỉ ngôn: “Chư thiện nam tử! Nhược nhữ kim dục chánh niệm Phật giả, đương như thị niệm: Kim giả A Di Đà Như Lai, Ứng Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, cụ hữu như thị tam thập nhị tướng, bát thập tùy hình hảo, thân sắc quang minh như dung kim tụ, cụ túc thành tựu chúng bảo liên dư, phóng đại quang minh, tọa sư tử tòa, sa-môn chúng trung, thuyết như tư pháp. Kỳ sở thuyết giả, vị nhất thiết pháp bản lai bất hoại”.

(經)賢護！時彼菩薩復白阿彌陀佛言：「世尊！是中雲何唵佛世尊，精勤修習，發廣大心，得生此剎耶？」賢護！時彼，阿彌陀佛復告彼言：「諸善男子！若汝今欲正念佛者，當如是念：今者阿彌陀如來、應等正覺、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊，具有如是三十二相，八十隨形好，身色光明如融金聚，具足成就衆寶輦輦，放大光明，坐師子座，沙門衆中，說如斯法。其所說者，謂一切法本來不壞。

(Kinh: Nay Hiền Hộ! Khi đó, vị Bồ Tát ấy lại bạch cùng A Di Đà Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Trong ấy thì niệm Phật Thế Tôn, siêng rông tu tập, phát tâm rộng lớn như thế nào để được sanh về cõi ấy?” Nay Hiền Hộ! Lúc bấy giờ, A Di Đà Phật lại bảo người ấy rằng: “Chư thiện nam tử! Nếu nay các ông muốn niệm Phật chánh đáng, hãy niệm như thế này: Nay A Di Đà Như Lai, Ứng Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn có đủ ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo như thế, thân sắc quang minh như khối vàng nung chảy, thành tựu trọn đủ các xe cộ báu, tòa quang minh lớn, ngồi trên tòa sư tử, trong các sa-môn, thuyết pháp như thế. Những điều Ngài nói đều là hết thảy các pháp vốn chẳng hoại”).

Chỉ nói đến căn bản của pháp tánh.

(Kinh) Diệc vô hoại giả, như bất hoại Sắc, nãi chí bất hoại Thức đẳng chư Ấm cố.

(經)亦無壞者，如不壞色，乃至不壞識等諸陰故。

(Kinh: “Cũng bất hoại” là như chẳng hoại các Ấm từ chẳng hoại Sắc cho đến chẳng hoại Thức v.v...)

Vì lẽ nào? Bản chất của chúng là “các pháp bất hoại”. Chư pháp trụ pháp vị, tướng thế gian thường trụ! Thâu suốt thẳng vào cội nguồn,

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

chẳng cần phải phá hoại các pháp. Vì hết thấy các pháp vốn bất hoại, nay chúng ta thấy chúng nó sanh sanh diệt diệt, huyễn hóa, đều là trong cái tâm sanh diệt của chính mình, tức là trong thế giới nhị nguyên thuộc vào cái tâm “lây, bỏ, đối đãi” của chính mình. Người trọn đủ thiện xảo quán hết thấy các pháp an trụ chẳng nghi, chẳng tăng, chẳng giảm, thủ hộ pháp giới thanh tịnh, an trụ trong hiện duyên.

(Kinh) Hựu như bất hoại Địa, nãi chí bất hoại Phong đẳng chư Đại cố.

(經) 又如不壞地，乃至不壞風等諸大故。

(Kinh: Lại như chẳng hoại các Đại, từ chẳng hoại Địa cho đến chẳng hoại Phong v.v...)

Nói về Tứ Đại: Địa, Thủy, Hỏa, Phong.

(Kinh) Hựu bất hoại Sắc, nãi chí bất hoại Xúc đẳng chư Nhập cố.

(經) 又不壞色，乃至不壞觸等諸入故。

(Kinh: Lại chẳng hoại các Nhập, từ chẳng hoại Sắc cho đến chẳng hoại Xúc v.v...)

Chỉ Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp lục nhập!

(Kinh) Hựu bất hoại Phạm, nãi chí bất hoại nhất thiết thế chủ đẳng.

(經) 又不壞梵，乃至不壞一切世主等。

(Kinh: Lại chẳng hoại Phạm Thiên cho đến chẳng hoại hết thấy các vị chủ của thế gian).

Tức là chẳng hoại hết thấy chư thiên.

(Kinh) Như thị nãi chí bất niệm bỉ Như Lai, diệc bất đắc bỉ Như Lai. Bỉ tác như thị niệm Như Lai dĩ, như thị thứ đệ đắc Không tam-muội.

(經)如是乃至不念彼如來，亦不得彼如來。彼作如是念如來已，如是次第得空三昧。

(Kinh: Như thế cho đến chẳng niệm đức Như Lai ấy, cũng chẳng thấy có đức Như Lai đó. Người ấy niệm Như Lai như thế xong, theo thứ tự như thế mà đắc Không tam-muội).

Tướng pháp giới là nhất như, chẳng động, chẳng lay, chẳng tăng, chẳng giảm, pháp giới vốn tịnh, đều cùng sáng suốt. Không tam-muội có thể chiếu tỏ, nhận biết, trông thấy chư Phật. Vì có sao? Tâm trí tự tại nơi Không tam-muội; khi đó, chỉ do thức sanh, tâm sanh thấy Phật liền thấy Phật. Tâm sanh thấy pháp liền thấy pháp. Chẳng có Không tam-muội, chẳng thấy quang minh tạng, chẳng thấy cảnh giới quang minh, mà trực tiếp thấy Phật thì rất hiếm hoi, có nhiều điều chướng ngại! Chúng ta đặt ra rất nhiều chướng ngại cho tâm trí, muốn vãng sanh cõi đó mà chẳng vãng sanh cõi ấy. Vì sao có thể vãng sanh? Vì sao chẳng thể vãng sanh? Rất nhiều tạp niệm chất chứa nghẹt cứng trong tâm của chính mình, cho nên chẳng thể thấy các diệu tướng, chẳng thể thấy cảnh giới Không quang minh rộng lớn, muốn thấy Phật rất khó!

(Kinh) Thiện nam tử! Thị danh chánh niệm Chư Phật Hiện Tiền tam-muội dã.

(經)善男子! 是名正念諸佛現前三昧也」。

(Kinh: Này thiện nam tử! Đó gọi là chánh niệm Chư Phật Hiện Tiền tam-muội).

Do đó, Không tam-muội là thiện xảo bậc nhất. Đó gọi là “*thanh tịnh niệm Phật chẳng đắm nhiễm*”, rành rẽ, phân minh, trọn chẳng có gì để có thể đạt được, trực tiếp tiến nhập Phật địa, thấy chư Phật công đức rất sâu, chẳng thể nghĩ bàn, và cũng thấy Phật, nghe pháp.

(Kinh) Hiền Hộ! Nhĩ thời, bỉ Bồ Tát tùng tam-muội khởi dĩ, lai nghệ nhữ sở, thuyết thử tam-muội tướng giả.

(經)賢護! 爾時，彼菩薩從三昧起已，來詣汝所，說此三昧相者。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

(Kinh: Ngày Hiền Hộ! Lúc bảy giờ, vị Bồ Tát ấy từ tam-muội khởi rời, đến chỗ của ông, nói tướng tam-muội ấy).

Vì sao từ tam-muội khởi? Trước đó là tư duy như thế, đã đắc tam-muội; sau đây, tới hồi tam-muội, chứng thực tam-muội.

(Kinh) Nhữ thời tức ưng vị bỉ thuyết pháp, tùy thuận giáo hóa, linh u A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, đắc bất thoái chuyển.

(經)汝時即應爲彼說法，隨順教化，令於阿耨多羅三藐三菩提，得不退轉。

(Kinh: Lúc ấy ông hãy nên vì người ấy thuyết pháp, tùy thuận giáo hóa, khiến cho người ấy đắc bất thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề).

Chúng ta biết: Sau khi thấy Phật, nhất định có một sự liên tục. Đối với sự liên tục theo thứ tự ấy, người ấy nên tư duy như thế này: “Phật chẳng đến, mà ta cũng chẳng đi, dùng gì để thấy Phật?” Người ấy chẳng thể nào không thắc mắc như vậy. Khi thắc mắc, sẽ từ trong tự tánh mà thấy, bèn nói: “*Tâm tịnh thì sẽ thấy Phật. Niệm Phật sẽ thấy Phật. Duyên Phật sẽ thấy Phật. Pháp thật sự chẳng đến đi, chẳng sanh diệt*”. Tuy là Vô, nhưng do tâm tạo tác, do tâm ý thuần tịnh, cho nên trông thấy chư Phật, liễu đạt tự tánh, cùng lúc rốt ráo an trụ, cùng lúc chọn lựa chẳng nghi. Cho nên sẽ thật sự đạt được lợi ích do an trụ trong sự lựa chọn rốt ráo nơi Phật pháp, tức là vĩnh viễn chẳng bị mê loạn bởi hai pháp Kiến Hoặc và Tư Hoặc. Sau đó, đối với các thứ không chê, lôi kéo do tập khí vi tế trong Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc sẽ đặc biệt dễ thay đổi, dễ chuyển hóa, dễ nhận thức! Kiến Hoặc và Tư Hoặc thô nặng khiến cho hữu tình mê muội.

Trong giáo pháp của đức Phật thì Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền (Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng) có thể chế phục phiền não. Nếu đạt được sức tự tại trong địa vị Bồ Tát, dự vào Hoan Hỷ Địa, sẽ đoạn trừ hết thấy phiền não Kiến Tư Hoặc, tâm sanh hoan hỷ. Lúc nào, chỗ nào, cũng đều đạt được hoan hỷ đối với hai pháp Kiến và Tư, trừ khử hết thấy gánh nặng và bản khoản. Trong cái tâm ấy, hết thấy đối đãi đều tiêu mất. Vì thế nói là “*nhập Hoan Hỷ Địa*”. Do đoạn trừ hết thấy phiền não thuộc Kiến Hoặc và Tư Hoặc, cho nên tâm hoan hỷ. Quý vị nói chính mình tu pháp đạt được lợi ích, vậy thì có thể đoạn trừ Hoặc

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

hay chẳng? Trong thực tế, môn tam-muội Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền Lập này có thể khiến cho chúng ta trực tiếp nhận biết chỗ tồn tại của Kiến Hoặc và Tư Hoặc, có thể trực tiếp thấy tự tánh chẳng đến đi, chẳng sanh diệt.

Hành pháp Ban Châu rất sâu chẳng thể nghĩ bàn, nhiếp thâu các chuyện thuộc Bát Địa, trong một đời liền đắc bất thoái chuyển! Chẳng phải là khoa trương pháp môn này đâu nhé! Pháp môn này thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Vì thế, trong Hán truyền Phật giáo, các vị thiện tri thức trải khắp các đời sau khi đã có thành tựu công đức tam-muội nhất định, đều siêng năng hành trì pháp này, như Trí Giả đại sư, Viễn công đại sư (sơ tổ Huệ Viễn), Thiện Đạo đại sư, Thừa Viễn đại sư, pháp sư Đàm Loan, Đạo Tuyên luật sư v.v... Có thể tùy ý mà nêu ra [rất nhiều trường hợp như thế]. Trong một số tự viện khá lớn, chung quanh trượng thất (thất của vị Phương Trượng), phần nhiều có Ban Châu Đường. Như ngôi chùa mọi người khá quen thuộc là chùa Đại Linh Nham tỉnh Sơn Đông, sau Thiên Phật Điện, trong khoảng giữa bên phải của Phương Trượng Viện và Bích Chi Phật Tháp, ở chỗ lõm vào trong, có lập Ban Châu Đường, giống như bộ vị của trái tim. Từ đời Đường đến nay, trải qua các triều đại, đều dựng Ban Châu Điện tại đó. Hành pháp như thế quả thật đáng nên tu tập, đáng nên quan sát, vì nó thâu nhiếp cả phàm lẫn thánh!

Qua một thời gian học tập, chúng ta có thể quan sát thấy bộ kinh này chủ yếu lấy Quán và Niệm làm chánh, tư duy công đức thù thắng của A Di Đà Phật để ngưng lặng cái tâm một chỗ, khiến cho tâm trí thông thuận, sáng suốt, thấy Phật, nghe pháp, hòng chứng Vô Sanh.

***(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh, quyển đệ nhị.
Hiền Hộ Phần Tư Duy Phẩm chỉ dư.***

(經)大方等大集賢護經卷第二。

賢護分思惟品之餘。

***(Kinh: Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh, quyển thứ hai.
Hiền Hộ Phần, phẩm Tư Duy tiếp theo).***

Quán Tưởng Niệm Phật là một loại trong pháp môn Niệm Phật. Còn có Thật Tướng Niệm Phật, Xưng Danh Niệm Phật v.v... Đối với Quán Tưởng Niệm Phật, bộ kinh này lại càng nói cặn kẽ. Còn như Quán Tưởng Niệm Phật (觀相念佛, niệm Phật bằng cách quán các tướng nơi y báo và chánh báo) thì kinh Quán Vô Lượng Thọ miêu tả đặc biệt tường

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

tận. Kinh A Di Đà đề xướng Trì Danh Niệm Phật. Kinh Vô Lượng Thọ đề xướng thuận theo nguyện lực của Phật để niệm Phật. Tuy có các loại niệm Phật, đều chẳng lìa niệm danh hiệu của Phật. Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ đề xướng Quán Tượng Niệm Phật cũng là vì để giữ mãi danh hiệu trong tâm. Do đó, trong một pháp Tịnh Độ, Trì Danh Niệm Phật là phương tiện chính để thực hiện. Dù là Quán Tượng, Quán Tượng, Thật Tượng, hay Trì Danh Niệm Phật thì cũng đều là phương tiện, cho đến thuận theo nguyện lực của Phật để nhập Niệm Phật tam-muội. Các cách thức tu trì đều dùng niệm Phật để hướng dẫn hòng đạt đến thanh tịnh.

(Kinh) Hiền Hộ! Ngã thời tác diệc thọ bĩ Phật ký: “Thị nhân đương lai tất đắc thành Phật, hiệu viết Đức Quang Minh Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, nãi chí Phật Thế Tôn”.

(經)賢護! 我時則亦授彼佛記: 「是人當來必得成佛, 號曰德光明如來、應供、等正覺, 乃至佛世尊」。

(Kinh: Đây Hiền Hộ! Lúc đó, ta cũng thọ ký Phật quả cho người ấy: “Người này trong tương lai, ắt được thành Phật, hiệu là Đức Quang Minh Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, cho đến Phật Thế Tôn”).

Thọ ký (Vyākaraṇa, 授記) chính là một chỉ dạy an ổn mười phần trọng yếu trong giáo ngôn của đức Thế Tôn, đích xác là một lời dạy như thật: “Có cái nhân như thế, sẽ có cái quả như thế”. Chỉ nhằm hiển hiện pháp tác nhân quả, hiển hiện Tu Đức. Chúng ta “*niệm Phật thành Phật*”, cũng tất nhiên là như vậy. Đó là hàm nghĩa trong lời thọ ký.

(Kinh) Hiền Hộ! Thị trung tam-muội thùi đương chứng tri?

(經)賢護! 是中三昧誰當證知?

(Kinh: Đây Hiền Hộ! Trong đây, ai sẽ chứng biết môn tam-muội ấy?)

Trong hàng đệ tử của đức Phật, có ai chứng biết môn Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội hay không?

(Kinh) Kim ngã đệ tử Ma Ha Ca Diếp, Đế Thích Đức Bồ Tát, Thiện Đức thiên tử, cập dư vô lượng chư Bồ Tát bối, hàm dĩ tu đắc

thử tam-muội giả, thị vi chứng. Vân hà chứng? Sở vị Không tam-muội dã!

(經)今我弟子摩訶迦葉，帝釋德菩薩，善德天子，及餘無量諸菩薩輩，鹹已修得此三昧者，是爲證。云何證？所謂空三昧也！

(Kinh: Nay đệ tử ta là Ma Ha Ca Diếp, Đế Thích Đức Bồ Tát, Thiện Đức thiên tử, và vô lượng các vị Bồ Tát khác, đều đã tu được môn tam-muội này, đều đã chứng. Chứng gì vậy? Chính là Không tam-muội!)

“*Kim ngã đệ tử Ma Ha Ca Diếp*” (Nay đệ tử của ta là Ma Ha Ca Diếp), chúng ta hằng ngày bầu bạn với ngài Ma Ha Ca Diếp tại đây. Vì sao có nhân duyên học tập, tu tập Ban Châu tam-muội, tức Thập Phương Chư Phật Hiền Tiền tam-muội tại đây? Không gì chẳng do Tam Bảo gia trì, mà cũng là do tôn giả đã đích thân chứng đắc. “*Thị vi chứng*” (Là người đã chứng): Nói Chứng tức là nói pháp tam-muội này chẳng lập ra hư dối trong thế gian, do được Bồ Tát, Thanh Văn thủ hộ, mà cũng là do được bậc thiện xảo trong đời sau yêu thích, hướng tới. Nếu không có bậc tiên hiền chứng nhập, không được hàng Bồ Tát tại gia lẫn xuất gia thủ hộ, chúng ta sẽ không có cách nào để chứng!

(Kinh) Hiền Hộ! Ngã niệm vãng tích hữu Phật Thế Tôn, hiệu Tu Ba Nhật. Thời hữu nhất nhân, hành trị khoáng dã, cơ khát nhân khổ, toại tức thụy miên. Mộng trung cụ đắc chư chủng thượng diệu mỹ thực. Thực chi ký bão, vô phục cơ hư.

(經)賢護！我念往昔有佛世尊，號須波日。時有一人，行值曠野，飢渴因苦，遂即睡眠。夢中具得諸種上妙美食。食之既飽，無復飢虛。

(Kinh: Nay Hiền Hộ! Ta nhớ xưa kia có Phật Thế Tôn, hiệu là Tu Ba Nhật. Lúc đó, có một người, đi đường gặp phải đồng hoang, khổ sở vì đói khát, liền ngủ thiếp đi. Trong mộng thấy có đầy đủ các thức ăn ngon lành nhất. Đã ăn no rồi, chẳng còn đói lòng nữa).

Trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, tất cả các nghiệp tạo tác trong từng sát-na liền qua đi, cũng đều như trong mộng. Hãy xem kinh

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

vấn ở nơi đây là [nói về] giấc mộng gì vậy? “*Mộng trung cụ đắc chư chủng thượng diệu mỹ thực. Thực chi ký bão, vô phục cơ hư*” (Trong mộng, thấy có được đầy đủ các thức ăn ngon lành nhất. Đã ăn no rồi, chẳng còn đói lòng nữa).

(Kinh) Tùng thị ngụ dĩ, hoàn phục cơ khát. Thị nhân nhân thử, tức tự tư duy.

(經)從是寤已，還復飢渴。是人因此，即自思惟。

(Kinh: Tới khi tỉnh giấc, lại đói khát như cũ. Người ấy do đó liền tự tư duy).

Các vị thiện tri thức! Trong hai phẩm này, đức Thế Tôn không ngừng chỉ dạy chúng ta thông qua tư duy, quán niệm, quan sát để thực tập pháp tắc này.

(Kinh) Như thị chư pháp, giai không, vô thật, do mộng sở kiến, bản tự phi chân.

(經)如是諸法，皆空無實，猶夢所見，本自非真。

(Kinh: Các pháp như thế đều là không, chẳng thật, ví như thấy trong mộng, vốn tự chẳng chân thật).

Hết thấy các pháp cũng giống như thế.

(Kinh) Như thị quán thời, ngộ Vô Sanh Nhân, đắc bất thoái chuyển ư A Mậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)如是觀時，悟無生忍，得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。

(Kinh: Khi quán như thế, ngộ Vô Sanh Nhân, đắc bất thoái chuyển nơi A Mậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề).

“*Như thị quán thời, ngộ Vô Sanh Nhân*” (Khi quán như thế, ngộ Vô Sanh Nhân): Trong Tín Nhân, Thuận Nhân, và Vô Sanh Pháp Nhân, tức trong “*Như Lai tam nghiệp*”, nếu chứng Vô Sanh Pháp Nhân, sẽ liễu thoát hết thấy sanh tử, trừ hết thấy phiền não, tiêu hết thấy chướng ngại, sẽ đạt được phương tiện tự tại, trọn đủ hết thấy các pháp thiện xảo.

(Kinh) Như thị Hiền Hộ! Hữu chư Bồ Tát, nhược tại gia, nhược xuất gia, vẫn hữu chư Phật, tùy hà phương sở, tức hướng bỉ phương, chí tâm đánh lễ.

(經)如是賢護！有諸菩薩，若在家，若出家，聞有諸佛，隨何方所，即向彼方，至心頂禮。

(Kinh: Như thế đó Hiền Hộ! Có các Bồ Tát tại gia hay xuất gia, nghe có chư Phật, sẽ tùy theo phương vị, nơi chốn của vị ấy, bèn hướng về phương đó, chí tâm đánh lễ).

Pháp tu cung kính là duyên khởi của hết thảy các pháp tắc, là chỗ tồn tại công đức chân thật của hết thảy các pháp. Nếu lìa khỏi cái tâm chí thành và tâm cung kính, hết thảy các pháp đều trở thành chẳng có cơ sở, vì hết thảy các pháp nhờ vào Tu Đức hiển lộ, nhờ vào hiển dụng mà hiển hiện, nhờ vào Sự mà hiển hiện, thuận lý thành chương!

(Kinh) Tâm trung khát ngưỡng, dục kiến bỉ Phật.

(經)心中渴仰，欲見彼佛。

(Kinh: Trong tâm khát ngưỡng, muốn thấy đức Phật ấy).

Chúng ta niệm Nam-mô A Di Đà Phật cũng giống như thế. Một phần kiên thành, đạt được một phần lợi ích. Một phần kiên thành, đạt được một phần công đức hiện tiền. Phần ấy do ai vận dụng? Chính là pháp tắc thực tiễn trong hiện tiền, do kiên thành mà được hiện tiền. Chúng ta là người thuộc thời Mạt Pháp, chẳng đủ kiên thành, tự phụ có thừa.

Trong sanh mạng của chúng ta, điều đáng nên quan sát là phải nên làm như thế nào? Hãy siêng tu cái tâm chí thành, cung kính ấy!

(Kinh) Cố tác như thị chuyên tinh tư duy.

(經)故作如是專精思惟。

(Kinh: Cho nên chuyên ròng tư duy như thế).

Như đã nói trong phần trước, hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày, nhất tâm tư duy, siêng ròng tư duy, chuyên ròng tư duy. Các thứ tư duy như thế chẳng lìa Phật, chẳng lìa quốc độ ấy, chẳng lìa thanh tịnh hải chúng ấy. Tư duy như thế, ắt sẽ

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

được chư Phật thanh tịnh gia trì. Chúng ta chẳng ngại trong pháp tu bình thường, hoặc trong khi tu pháp Ban Châu, có thể biến đổi một chút, khiến cho nó trang nghiêm, giống như Biến Tướng Đồ⁶⁵ của thế giới Cực Lạc: Hãy xếp đặt các hình tượng, đồ họa trang nghiêm, khiến cho kẻ khác yêu thích, vui sướng. Như thế thì sẽ có sức gia trì bất cộng đối với sự cảm ứng và sức chuyên chú của chúng ta trong khi tu trì niệm Phật.

“*Thủ tướng tư duy*” (取相思維, dùng hình tướng để tư duy) là phương tiện để tư duy và khế nhập. Chớ nên có suy nghĩ [hình tướng và các vật trang nghiêm là] rộng tuếch [chẳng cần phải dùng đến chúng], như thế thì sẽ dễ dàng tiến nhập lợi ích chẳng thể nghĩ bàn!

(Kinh) Phục ưng đương quán như thị sắc tướng, diệc tức tác bỉ hư không chi tướng.

(經)復應當觀如是色相，亦即作彼虛空之想。

(Kinh: Lại hãy nên quán sắc tướng như thế, cũng tưởng nó như hư không).

“*Như thị sắc tướng*” (Sắc tướng như thế) tức là sắc tướng của đức Phật ấy. “*Hư không chi tướng*” (Tưởng như hư không): Tuy có đủ loại diệu tướng, bản chất của diệu tướng ấy cũng là hư giả, rốt cuộc chẳng thật. Tuy chẳng thật, các thứ diệu tướng an lập thế gian, lợi ích chúng sanh, an ủi chúng sanh, khiến cho chúng sanh xa lìa sự rộng tuếch, là lợi ích chân thật! Giống như thức ăn của chúng ta vốn là Không, nhưng quý vị ăn một bữa, sẽ có tinh thần và thể lực. Tuy nó chẳng thật, nhưng do các duyên hòa hợp, do phước đức tụ tập, cho tới sức của một bữa cơm cũng giống như thế. Trong khi chúng ta tu Ban Châu tam-muội, hay còn gọi là Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiện Tiền, tuy chẳng có pháp thật

⁶⁵ Biến Tướng Đồ (變相圖, Vikurvaṇa-rddhi) còn gọi là Biến Hội, hoặc đơn giản là Biến, hàm nghĩa mô tả sự biến hóa do thần thông của Phật, Bồ Tát. Biến Tướng Đồ tức là dùng hội họa, hoặc tranh thêu, tranh khắc để mô tả các sự kiện (như Cát Nhục Thí Ứng Đồ mô tả sự kiện Phật Thích Ca lúc còn tu nhân đã cắt thịt thí cho chim ưng để cứu con bò cừu), hoặc mô tả hình tướng, sự trang nghiêm của Phật, Bồ Tát (như A Di Đà Phật Trang Nghiêm Đồ), hoặc các cảnh giới đáng sợ hoặc đẹp đẽ hùng răn nhắc tín đồ tu tập như Địa Ngục Biến Tướng Đồ, Tịnh Độ Biến Tướng Đồ (chẳng hạn như Tây Phương Tam Thánh Lai Nghiênh Đồ, Cửu Phẩm Vãng Sanh Đồ), hoặc thể hiện vũ trụ quan như Hoa Nghiêm Pháp Giới An Lập Đồ...

sự đề có thể đạt được, nhưng ắt có báo đức của đức Phật ấy thành tựu, nhiếp hóa mười phương, khiến cho kẻ cung kính tiến nhập sẽ được thọ dụng. Đó là phương tiện thiện xảo chẳng thể nghĩ bàn.

(Kinh) Nhi bỉ thành tựu hư không tướng dĩ, đắc trụ như thị chánh tư duy trung. Trụ tư duy dĩ, đắc kiến bỉ Phật, quang minh thanh triệt, như tịnh lưu ly. Kỳ hình đoan chánh, như chân kim trụ. Như thị niệm giả, bỉ kiến Như Lai, diệc phục như thị.

(經)而彼成就虛空想已，得住如是正思惟中。住思惟已，得見彼佛，光明清徹，如淨琉璃。其形端正，如真金柱。如是念者，彼見如來，亦復如是。

(Kinh: Người đã thành tựu hư không tướng, sẽ trụ trong chánh tư duy như thế. Đã trụ trong chánh tư duy, sẽ được thấy đức Phật ấy, quang minh trong sáng, thấu suốt, như lưu ly thanh tịnh. Thân hình Ngài đoan chánh như trụ bằng vàng ròng. Người niệm như thế, sẽ thấy Như Lai cũng giống như thế).

“Nhi bỉ thành tựu hư không tướng dĩ, đắc trụ như thị chánh tư duy trung” (Người đã thành tựu hư không tướng, sẽ trụ trong chánh tư duy như thế): Nếu chấp là thật, người ấy sẽ dễ nảy sanh mê hoặc và ma nạn. Nếu chấp vào ngoan không, người ấy sẽ đọa trong nghiệp hư giả. Trong tạo tác nghiệp, giống như “*cục đá ngâm trong nước lạnh*”, chẳng thể tăng trưởng các thiện công đức, tâm chẳng sanh khởi, phần nhiều trụ trong tâm trí u ám, đối với mình thì chẳng thể sanh lòng vui mừng đối với pháp, đối với người khác thì chẳng thể sanh hai pháp Bi và Trí, chẳng đắc lực trong thế gian thì chẳng thể tạo lợi ích rộng rãi cho hữu tình.

(Kinh) Phục thứ, Hiền Hộ! Thí như hữu nhân, hốt tòng bốn quốc, chí u tha phương. Tuy tại tha phương, nhi thường truy ức bốn sở sanh xứ, tằng như thị kiến, diệc như thị văn, như thị ức niệm, như thị liễu tri. Cữu truy ức cố, u thụy mộng trung, minh kiến tự thân, tại bốn sanh xứ, du tòng kiến văn, như tiên sở cánh. Thị nhân hậu thời, hướng chư quyền thuộc, cụ luận mộng trung sở kiến chi sự: “Ngã như thị kiến, ngã như thị văn, ngã như thị doanh vi, như thị hoạch đắc”. Như thị Hiền Hộ! Hữu chư Bồ Tát, nhược tại gia, nhược xuất

gia, nhược từng tha văn, hữu Phật Thế Tôn tùy hà phương sở, tức hướng bỉ phương, chí tâm đánh lễ, dục kiến bỉ Phật, chánh niệm bất loạn. Ứng niệm tức kiến bỉ Phật hình tượng, hoặc như lưu ly, hoặc thuần kim sắc, diệc phục như thị.

(經)復次，賢護！譬如有人，忽從本國，至於他方。雖在他方，而常追憶本所生處，曾如是見，亦如是聞，如是憶念，如是了知。久追憶故，於睡夢中，明見自身，在本生處，遊從見聞，如前所更。是人後時，向諸眷屬，具論夢中所見之事：「我如是見，我如是聞，我如是營為，如是獲得」。如是賢護！有諸菩薩，若在家，若出家，若從他聞，有佛世尊隨何方所，即向彼方，至心頂禮，欲見彼佛，正念不亂。應念即見彼佛形像，或如琉璃，或純金色，亦復如是。

(Kinh: Lại này, Hiền Hộ! Ví như có người bỗng từ nước mình đến phương khác. Tuy ở phương khác, nhưng thường nhớ lại nơi chỗ mình vốn sống, từng thấy như thế, cũng từng nghe như thế, nghĩ nhớ như thế, biết rõ như thế. Do hồi tưởng lâu ngày, trong giấc mộng, thấy rõ tự thân ở nơi mình vốn sống, dạo qua những chỗ từng thấy nghe, hết như trước kia. Người ấy sau đó, hướng về các quyến thuộc, bàn luận căn cứ chuyện được thấy trong mộng: “Ta thấy như thế, ta nghe như thế, ta lo liệu, thực hiện như thế, đạt được như thế”. Như thế đó Hiền Hộ! Có các Bồ Tát dù tại gia, hay xuất gia, nếu từ người khác nghe nói có đức Phật Thế Tôn ở phương vị, nơi chốn nào đó, liền hướng về phương ấy, chí tâm đánh lễ, muốn thấy đức Phật ấy, chánh niệm chẳng loạn. Ứng theo tâm niệm, liền thấy hình tượng đức Phật ấy hoặc như lưu ly, hoặc màu vàng ròng, cũng giống như thế).

Đức Thế Tôn nêu ra nhiều tỷ dụ, khiến cho chúng ta là những kẻ hữu duyên trong hiện tiền sẽ nương theo các hiện tượng mà chính mình có thể suy nghĩ, có thể quán trong hiện tiền, để thấy thấu suốt lợi ích chẳng thể nghĩ bàn trong Phật pháp. Chẳng hạn như chúng ta tới núi Kê

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Túc, giả sử trước nay quý vị chưa từng đến, người khác bèn dựa trên các nhân duyên quý vị đã biết để lập ra đủ loại tỷ dụ, khiến cho quý vị liễu giải núi Kê Túc. Đây là phương pháp bị động, mục đích thật sự là hướng dẫn quý vị tới núi Kê Túc, đúng là vừa nhìn bèn hiểu ngay, biết rõ ráo. Lời lẽ thí dụ rất cuộc chẳng thật. Nếu chúng ta chẳng đích thân chứng Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội thì các thứ ngôn thuyết và tỷ dụ của Như Lai đều là một loại hướng dẫn khéo léo, khéo gia trì, khéo điu dắt, như thế mà thôi!

“*Dục kiến bỉ Phật, chánh niệm bất loạn, ứng niệm tức kiến bỉ Phật hình tượng, hoặc như lưu ly, hoặc thuần kim sắc, diệc phục như thị*” (Muốn thấy đức Phật ấy, chánh niệm bất loạn, ứng theo ý niệm liền thấy hình tượng của đức Phật ấy, hoặc như lưu ly, hoặc màu vàng ròng, cũng giống như thế): Nay chúng ta nương theo các giáo ngôn được ghi chép bằng văn tự trong kinh điển, nghe đức Thế Tôn tường thuật cặn kẽ Tây Phương Cực Lạc thế giới, cho đến tướng công đức thù thắng nhiệm màu của mười phương chư Phật, khiến cho chúng ta hoan hỷ, hướng về, dùng tịnh tâm tiến hướng, được thấy, được nghe chân thật tương ứng các loại tướng khác biệt. Nếu chuyên niệm một đức Phật, sẽ được thấy đức Phật ấy. Vì thế, chuyên niệm Phật, sẽ được thấy chư Phật. Thấy hết thấy Phật, không gì hơn phương tiện nghe pháp, khiến cho tâm trí khai giải, chứng Vô Sanh Nhân, thật sự liễu đạt tự tánh. Đó là mục đích thấy Phật, là công đức pháp ích thuần chánh vậy!

(Kinh) Phục thứ, Hiền Hộ! Thí như tỳ-kheo tu Bất Tịnh Quán, kiến tâm tử thi, hình sắc thi biến, hoặc thanh, hoặc hoàng, hoặc hắc, hoặc xích, hoặc thời bàng trướng, hoặc dĩ lạn hoại, nùng huyết câu lưu, trùng thú thực đạm, nhục tận cốt bạch, kỳ sắc như kha. Như thị nãi chí quán cốt ly tán, nhi bỉ cốt tán vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ, duy tâm sở tác, hoàn kiến tự tâm.

(經)復次，賢護！譬如比丘修不淨觀，見新死屍，形色始變，或青或黃，或黑或赤，或時臃脹，或已爛壞，膿血俱流，蟲獸食啖，肉盡骨白，其色如珂。如是乃至觀骨離散，而彼骨散無所從來亦無所去，唯心所作還見自心。

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Ví như tỳ-kheo tu Bất Tịnh Quán, thấy tử thi mới chết, hình sắc bắt đầu biến đổi, hoặc xanh, hoặc vàng, hoặc đen,

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

hoặc đổ, hoặc có lúc trương phình, hoặc là hư nát, máu mủ cùng tuôn chảy, trùng, thú ăn nuốt, hết thịt, lộ xương trắng, màu như ngọc trắng. Như thế cho tới quán xương ly tán, nhưng xương ấy ly tán chẳng từ đâu đến, chẳng đi về đâu, chỉ do tâm tạo, lại thấy tự tâm).

Bất Tịnh Quán là pháp tắc thực tế mà mọi người chúng ta có thể tiếp xúc. Trong Hán truyền Phật giáo, người tu Bất Tịnh Quán rất ít ỏi. Trước kia, chúng tôi ở trong núi, giáo dục tối sơ là phải tu Bất Tịnh Quán, cho đến hai pháp xả thân và xả Thức. Bất Tịnh Quán là một pháp thiện xảo để xả thân và xả Thức. Nếu chẳng khởi Bất Tịnh Quán, sẽ chẳng thể xả thân được! Nếu chẳng biết Thức là vô thường, Thức là đổi khác, sẽ chẳng thể xả Thức được! Do nó đổi khác, vô thường, vô ngã, cho nên sẽ xả thân được, sẽ xả Thức được! Một người ở nơi hung hiểm, như khe nước trong núi, rừng sâu, hoặc nhằm chỗ cư trụ của La Sát quỷ mầu, hành các pháp tắc ấy, muốn cho chính mình vượt thoát các vương mắc nơi thân tâm, thấy sự chân thật của tự tánh, tùy thuận Vô Sanh. Sự tu trì ấy chẳng thể dùng lý luận hay ngôn từ để hình dung, các ngôn từ chẳng ngoài phương tiện nhằm hướng dẫn, khích lệ quý vị thành thực tâm trí Bồ Đề tâm đó thôi! Thật sự hành pháp rất trọng yếu!

Bất Tịnh Quán là một pháp tắc thao tác rất thực tế, tương ứng với chín loại biến hóa [của tử thi] cho tới khi tan rữa, cho đến khi xương xẩu chia lìa, hư nát. Các thứ nghiệp đã tạo tác chỉ do tâm quán, chỉ do tâm tạo, thật sự chẳng biến đổi, mà cũng chẳng đến đi. Thông qua quán tưởng như thế, chúng ta có thể lựa chọn vô thường, vô ngã, bất tịnh, cho đến tâm trí tịch tĩnh, ngay lập tức trụ trong an lạc, thật sự đạt được niềm vui Thắng Nghĩa trong Phật pháp, tức là niềm vui chẳng tạo tác, xa lìa ngoại đạo tự nhiên, thủ hộ thanh tịnh. Cách tu ấy xa lìa sự tiến nhập chủ động của ngoại đạo. Chúng ta biết tự tánh là Không, thường dùng tự tánh Không để quan sát hết thấy các pháp tắc và hết thấy sự tướng trong thế gian, chẳng xả, chẳng lìa, chẳng lấy, chẳng dùng, chỉ chân thật nhìn thấu suốt bản chất, tự nhiên vô ngại. Nếu chẳng phải là như thế, phần nhiều sẽ mê mờ trong sự tướng, Lý và Sự chẳng trở ngại lẫn nhau. Đó là phương tiện.

***(Kinh) Như thị Hiền Hộ! Nhược chư Bồ Tát dục đắc thành tựu
bỉ Niệm Chư Phật Hiền Tiễn tam-muội, tùy hà phương sở, tiên niệm
dục kiến bỉ Phật Thế Tôn. Tùy sở niệm xứ, tức kiến Như Lai. Hà dĩ
cố? Nhân duyên tam-muội, đắc kiến Như Lai.***

(經)如是賢護！若諸菩薩欲得成就彼念諸佛現前三昧，隨何方所，先念欲見彼佛世尊。隨所念處，即見如來。何以故？因緣三昧，得見如來。

(Kinh: Như thế đó Hiền Hộ! Nếu các Bồ Tát muốn được thành tựu Niệm Chư Phật Hiện Tiền tam-muội, sẽ tùy theo phương vị, nơi chốn để trước hết niệm đức Phật Thế Tôn mà người ấy muốn thấy. Tùy theo chỗ niệm, liền thấy Như Lai. Vì có sao? Do duyên theo tam-muội mà được thấy Như Lai).

“Hà dĩ có? Nhân duyên tam-muội, đắc kiến Như Lai” (Vì sao vậy? Do duyên theo tam-muội, được thấy Như Lai): Do duyên theo sức tam-muội. Những điều được nói trên đây đều là Quán Tưởng Niệm Phật, là tam-muội nơi nhân địa. Quán tưởng là cơ sở của tam-muội nơi nhân địa. Có cái nhân thì mới có cái quả. Chúng ta muốn đạt được cái quả ấy, ắt phải hành cái nhân; đó là phương tiện. Dù thấy hay chẳng thấy, đều được oai đức gia trì, nhân quả dần dần chín muồi, tam-muội tự nhiên có thể an lập. Thường là chúng ta coi nhẹ cái nhân, phần nhiều chú trọng nơi cái quả. Nói như thế, cao thì quý vị chẳng làm được, mà thấp thì quý vị lại chẳng màng! Như thế thì sẽ rơi vào cái đáng gọi là “rỗng tuếch!” Hiện thời, rất nhiều vị Bồ Tát đang tu tập hành pháp Ban Châu, có người đạt được các lợi ích tương tự, chỉ được đôi chút, tức là tánh chất liên tục⁶⁶ chẳng phải là mười phần đơn giản và rõ ràng. Nếu tánh chất liên tục là tốt đẹp, chẳng lo ngại các tạp duyên. Chẳng hạn như trong ăn uống, tuy chúng ta ăn trăm vị, nhưng chẳng biết trăm vị (chẳng chấp trước các vị ngon); mặc y phục, tuy biết nóng lạnh, nhưng chẳng trụ trong ấy. Tuy biết kẻ khác là đúng, hay là sai, nhưng biết rõ chẳng có “đúng, sai”, hay “có thể huân tập, có thể nhiễm, có thể biết”, chuyên chú nhất tâm. Đó gọi là “trệ tâm nhất xứ, vô sự bất biện” (chú tâm vào một chỗ, không gì chẳng thực hiện được), muốn đạt được tam-muội chẳng khó! Nhưng chúng ta sử dụng tâm trí tạp loạn, sử dụng sự tiên hướng tạp loạn, do mê mờ nơi sự việc, đối với mọi chuyện, tâm đều mê mờ, đối với mọi chuyện đều đánh mất cái tâm, chuyện gì cũng đắm nhiễm, [cho nên] chẳng đạt được tam-muội!

⁶⁶ Ý nói đạt được lợi ích nhưng chẳng thể giữ cho lợi ích ấy tồn tại liên tục, toàn là “lúc có, lúc không”.

Trong cuộc sống hằng ngày, hoàn toàn có thể lìa sự tướng mà vận dụng sự tướng, nhất tâm gắn bó với Phật, gắn bó với pháp tắc thiện xảo, như vậy là có thể chứng tam-muội. Do đó, thật sự hành Ban Châu tam-muội, thật sự là trong cuộc sống hằng ngày đối với “đúng, sai” bèn chẳng nhiệm, chẳng đảm. Như thế thì đâu chẳng phải là tam-muội, quý vị vẫn có công phu tam-muội; đâu chẳng đắc tam-muội, nhưng đã có sức tam-muội. Nếu chúng ta tuy thường hành pháp Ban Châu, nhưng thường đảm nhiệm “đúng, sai” và đảo kiến (tri kiến điên đảo), tâm cũng mê muội, cũng bị mất chánh niệm, bị các khổ nạn vùi dập. Như thế thì đạo nghiệp của quý vị sẽ bị phá hoại, oan uổng hứng chịu thị phi xâm hại. Vì thế nói: “*Thiên hạ ô nha nhất ban hắc*” (Quạ trong thiên hạ thường đen thui). “*Đen*” là đen ở chỗ nào? Trong thế giới Sa Bà này, không có chỗ nào chẳng phải là chỗ thị phi. Chỉ cần trong tâm quý vị có chủng tử và tướng trạng thị phi, chắc chắn là thị phi sẽ thành thực! Nếu chẳng có chủng tử và hình tướng thị phi, sẽ chẳng có gì để đạt được thị phi, trọn chẳng liên can. Cho nên chẳng thấy [thị phi, thị phi đối với ta] vô dụng, nhất tâm chuyên chú nơi pháp tắc tu trì của chính mình, mà chẳng chứng tam-muội; đó mới thật sự là “*kỳ đàm quái luận*” (奇談怪論, lời lẽ bàn luận kỳ quái). Nếu tâm trí của chúng ta tán loạn, tạp nhiễm, đảm nhiệm sự tướng, mà mong đắc tam-muội; đây mới thật sự là vọng tưởng!

Nhìn vào trạng thái của những người hành Ban Châu từ đầu năm nay tới giờ, người dụng tâm tạp loạn thì nhiều, người có tâm đảm nhiệm thì nhiều, người đánh mất đi bản vị (vị thế vốn có) của pháp tắc thì nhiều, tức là đánh mất sự phát tâm của chính mình! Quý vị tới đây để làm gì? Quý vị muốn làm gì? Người xuất gia, người tại gia, chúng ta bỏ nhà, lìa dục, rời lìa thân nhân, rời lìa hoàn cảnh quen thuộc của chính mình, rời lìa sự hưởng thụ ngũ dục đáng có trong cuộc đời của chính mình, tới đây để làm gì? Đến để thành thực thiện căn Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền Lập chẳng thể nghĩ bàn như thế, đến để thấy Phật, nghe pháp, để trừ bỏ sanh tử luân hồi, để lợi ích rộng khắp hữu tình trong thế gian, thật sự khiến cho hữu tình trong thế gian đạt được sự vui sướng chân chánh. Đó gọi là “niềm vui Thắng Nghĩa, niềm vui thần thông, các thứ vui sướng khinh an phát xuất từ nội tâm, niềm vui do từ bi giáo hóa rộng lớn”, cho đến vô tận lạc thú đều chân thật, chẳng dối. Niềm vui thế tục rốt cuộc là vô thường, có thể tan hoại bất cứ lúc nào, phần nhiều dựa theo những điều khác mà sanh khởi, chẳng được tự tại. Niềm vui Phật pháp chỉ nương theo Như Lai tạng tánh trong tự tâm mà

lưu xuất, từ chỗ trang nghiêm trong tự tâm mà lưu xuất, từ chẳng đắm nhiễm mà lưu xuất. Do đó, thật sự là “*lấy chẳng hết, dùng chẳng cạn*”, lợi ích thế gian rộng khắp, bố thí rộng lớn chẳng sợ hãi! Trong thế tục, chúng ta hứng chịu nhọc nhằn, vất vả, tuy đạt được những thứ tương tự như vui sướng, nhưng chúng sẽ tan hoại bất cứ lúc nào, Vô Thường, Khổ, Không luôn theo kè kè. Quý vị có chấp nhận hay không, nó vẫn luôn là như thế! Do vậy, các vị thiện tri thức ơi! Nếu chúng ta tiến vào đạo tràng này, hãy lấy đạo nghiệp làm trọng! Thường tu tập pháp tắc, tu tập thâm nhập, đó là phước đức và nhân duyên của tự thân, mà cũng là thành thực thiện căn của chính mình.

(Kinh) Đắc kiến bỉ Phật, hữu tam nhân duyên. Hà giả vi tam? Nhất giả, duyên thử tam-muội. Nhị giả, bỉ Phật gia trì. Tam giả, tự thiện căn thực. Cụ túc như thị tam nhân duyên cố, tức đắc minh kiến bỉ chư Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, diệc phục như thị.

(經)得見彼佛，有三因緣。何者爲三？一者、緣此三昧。二者、彼佛加持。三者、自善根熟。具足如是三因緣故，即得明見彼諸如來、應供、等正覺，亦復如是。

(Kinh: Có ba nhân duyên để được thấy đức Phật ấy. Những gì là ba? Một là nhờ vào tam-muội này. Hai là được đức Phật ấy gia trì. Ba là thiện căn của chính mình chín muồi. Đây đủ ba nhân duyên như thế, sẽ được thấy rõ rệt các đức Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác cũng giống như thế).

“*Nhất giả, duyên thử tam-muội*” (Một là nhờ vào tam-muội này), duyên theo tam-muội này như thế nào? Tư duy đúng như lý, đúng như pháp. Xung niệm đúng như lý, đúng như pháp. Cung kính, tu trì, lễ kính, tán thán, cúng dường, thủ hộ đúng lý, đúng pháp. “*Nhị giả, bỉ Phật gia trì*” (Hai là do đức Phật ấy gia trì): A Di Đà Phật có thế nguyện rộng lớn, nhiếp hóa hết thảy chúng sanh niệm Phật, nhiếp thủ chẳng bỏ, vì sức thế nguyện chẳng thể nghĩ bàn, chẳng bị chướng ngại. “*Tam giả, tự thiện căn thực*” (Ba là do thiện căn của chính mình chín muồi): Thiện căn của chính mình chín muồi là điều trọng yếu nhất trong ba loại thiện căn. Phật lực gia trì là căn bản, nhưng điều quan trọng nhất là thao tác, tức là tu tập pháp tắc, tức là chính chúng ta thực hiện, chẳng ỷ lại Phật. Chúng ta có thể thường học theo Phật, nhưng chớ ỷ lại Phật, chớ đùn đẩy

cho Phật. Nếu ý lại, đùn đây cho Phật, quý vị sẽ chẳng thể đạt được lợi ích!

(Kinh) “Phục thứ, Hiền Hộ! Như nhân thịnh tráng, dung mạo đoan nghiêm, dục quán kỹ hình, mỹ, ác, hảo, xú, tức tiện thủ khí, thịnh bỉ thanh du, hoặc trì tịnh thủy, hoặc thủ thủy tinh, hoặc chấp minh kính, dụng thị tứ vật, quán kỹ diện tượng, thiện, ác, hảo, xú, hiển hiện phân minh. Hiền Hộ! Ư ý vân hà? Bỉ sở kiến tượng, u thử du, thủy, thủy tinh, minh kính, tứ xứ hiện thời, thị vi tiên hữu da?” Hiền Hộ đáp ngôn: “Bất dã!” Viêt: “Thị khởi bốn vô da?” Đáp ngôn: “Bất dã!” Viêt: “Thị vi tại nội da?” Đáp ngôn: “Bất dã!” Viêt: “Thị khởi tại ngoại da?” Đáp ngôn: “Bất dã!”

(經)復次，賢護！如人盛壯，容貌端嚴，欲觀己形，美惡好醜，即便取器，盛彼清油，或持淨水，或取水精，或執明鏡，用是四物，觀己面像，善惡好醜，顯現分明。賢護！於意云何？彼所見像，於此油水，水精明鏡，四處現時，是爲先有耶？」賢護答言：「不也！」曰：「是豈本無耶？」答言：「不也！」曰：「是爲在內耶？」答言：「不也！」曰：「是豈在外耶？」答言：「不也！」

(Kinh: “Lại này Hiền Hộ! Như người tuổi trẻ, khỏe mạnh, dung mạo đoan nghiêm, muốn thấy hình dạng của mình đẹp đẽ hay xấu xí, liền lấy đồ đựng chứa đầy dầu trong, hoặc đựng nước sạch, hoặc lấy thủy tinh, hoặc cầm gương sáng, dùng bốn vật ấy để xem vẻ mặt của chính mình, thiện, ác, đẹp, xấu hiển hiện phân minh. Này Hiền Hộ! Ý ông nghĩ sao? Khi thấy hình tượng hiện ra trong bốn chỗ là dầu, nước, thủy tinh, gương sáng, có phải là đã có từ trước hay chẳng?” Hiền Hộ thưa: “Chẳng phải vậy”. Hỏi: “Có phải vốn là không hay chẳng?” Thưa: “Chẳng phải”. Hỏi: “Là bên trong u?” Thưa: “Chẳng phải!” Hỏi: “Há ở bên ngoài u?” Thưa: “Chẳng phải”).

Hỏi “trong, ngoài” như thế, hay nói “vốn có, vốn không”, thật sự là hý luận! Nhưng nếu chẳng đặt câu hỏi như thế, tâm trí của chúng ta

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

chẳng có nơi nương tựa, sẽ chẳng thể thật sự quy kết về sự chọn lựa “vạn pháp duy tâm”.

Nếu là vốn có, sẽ chẳng thể là duy tâm. Nếu là vốn không, cũng chẳng thể là duy tâm. Nếu ở trong hay ngoài, thì cũng chẳng phải là pháp duy tâm, vẫn là các duyên hòa hợp, thành thực hiện hiện. Là pháp nhân duyên, sẽ chẳng thể thông suốt rạng ngời được!

(Kinh) Thế Tôn! Duy bỉ du, thủy, tinh, kính, chư vật thanh minh, vô trước, vô chỉ, kỳ hình tại tiền, bỉ tượng tùy hiện.

(經)「世尊！惟彼油水精鏡，諸物清明，無濁無滓，其形在前，彼像隨現。

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Chỉ là trong các vật trong sáng như dầu, nước, thủy tinh, gương, chẳng như bản, chẳng cấu cặn, hễ vật đối trước chúng, sẽ liền hiện bóng).

“Kỳ hình tại tiền” (Vật đối diện trước chúng): Chính là pháp tác sanh bởi nhân duyên. [Thấu hiểu] “các pháp sanh bởi nhân duyên”, sẽ phá trừ các biên kiến như hữu biên, vô biên, đoạn kiến, thường kiến cho chúng sanh. Chẳng phá các kiến chấp ấy, sẽ khó thể thoát lìa cái tâm phàm phu, khó thể an lập chánh kiến. Nhưng tâm trí của hết thảy phàm phu hữu tình đều quần quanh trong Biên Kiến đối đãi nhị nguyên ấy, tức là nói có, nói không, nói vốn có, nói vốn không, nói đến, nói đi, nói trong, nói ngoài, như thế đều là cái tâm chấp “thật sự có, hoặc là thật sự không”, tâm [chấp trước là] trong hay ngoài, oan uổng bị tà kiến bức bách. Chúng ta quan sát lời ăn tiếng nói của chính mình, và các sự vật được tiếp xúc, [sẽ thấy rõ]: Cơ bản đều là vận dụng lối tư duy này, vẫn là hoặc trong, hoặc ngoài. Chẳng hạn như [do chấp trước đối đãi, bèn thấy có] chuyện của chính mình, chuyện của kẻ khác, hoặc là có, hoặc là không. Nếu có, bèn chấp thứ đó thật sự có. Nếu là không, sẽ là tướng đoạn diệt. Do vậy, Thường Kiến, Hữu Kiến, Đoạn Kiến luôn bầu bạn với chúng ta. Đó gọi là “*biên kiến bạn tùy*” (biên kiến luôn theo sát), như thế thì chánh kiến sẽ chẳng thể kiến lập! Chúng ta đều biết cảnh giới Nhất Thật và cảnh giới Duy Thức trong giáo ngôn Phật pháp, ai nấy đều nói như thế; nhưng trong cuộc sống hằng ngày, có thể vận dụng tri kiến ấy hay không? Nếu vận dụng được, sẽ vô ngại đối với hết thảy sự tướng hiện tiền, vì đối với hết thảy sự tướng, quý vị trọn chẳng đắm nhiễm. Vì

sao? Chỉ có tâm sanh, chỉ có tâm là Phật, chẳng phải sanh bên trong, chẳng sanh bên ngoài, chẳng phải tự sanh, chẳng phải tha sanh!

(Kinh) Nhi bỉ hiện tượng, bất tùng tứ vật xuất, diệc phi dư xứ lai.

(經)而彼現像，不從四物出，亦非餘處來。

(Kinh: Nhưng các hình tượng được hiện ấy, chẳng từ bốn vật mà ra, cũng chẳng phải từ nơi khác đến).

Chúng ta phải quan sát tinh tế. Nếu chẳng quan sát như thế, sẽ khó trừ Biên Kiến. Tôi thường nghe mọi người bàn luận về người nào đó, chuyện nào đó, đạo tràng nào đó, nhân duyên nào đó. Nói tới, nói lui, trôi tuột theo sự tướng luôn, sẽ ngỡ [những điều bàn tán ấy] là có thật, chẳng thể tự thoát ra được! Nếu có thể tự kiềm chế, sẽ có thể giải quyết ngay lập tức, chẳng bị vướng mắc; đối với mình lẫn người, chắc chắn có lợi! Vì quý vị đã giải quyết sự tướng ngay trong hiện tại, chẳng phải là nhờ duyên khác để giải quyết. Vì sao? Chỉ do tâm hiển hiện. Chỉ do tự duyên hiển hiện, chẳng phải do duyên nào khác. Bọn chúng ta phần nhiều chìm đắm trong chấp trước. Hiện thời, người hành pháp nhiều, tu pháp đông đảo, người có chánh kiến hiếm hoi. Người hành pháp nhiều, người chấp Sự nhiều, người thật sự truyền bá chánh kiến càng hiếm hoi hơn! Người chọn lựa chánh kiến tốt bậc khó có, do [những người như vậy sẽ] làm con mắt cho thế gian. Chúng ta đều biết tu trì Lục Độ: Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, Thiền Định, các thứ pháp tắc, ai nấy đều đang hành, nhưng người có con mắt trí huệ hiếm hoi! Nếu có mắt, tuy chẳng có tay chân, vẫn có thể hướng dẫn chúng sanh đạt được thiện xảo. Nhưng nếu tự tu hành tăng tấn mà chẳng có mắt [trí huệ], người ấy sẽ hành theo pháp ngu si, phần nhiều là tạo phước đức, do thiếu mắt trí huệ, khiến cho người ấy đọa lạc, chìm đắm trong thế gian. Các vị thiện tri thức ơi! Đoạn văn tự này lột bỏ hai thứ Biên Kiến, mười phần trọng yếu!

(Kinh) “Phi tự nhiên hữu, phi nhân tạo tác, đương tri bỉ tượng, vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ, vô sanh, vô diệt, vô hữu trụ sở”. Thời bi Hiền Hộ, như thị đáp dĩ. Phật ngôn: “Hiền Hộ! Như thị, như thị! Như nhữ sở thuyết, chư vật thanh tịnh, bỉ sắc minh lãn, ảnh tượng tự hiện”.

(經)非自然有，非人造作，當知彼像，無所從來，亦無所去。無生無滅，無有住所」。時彼賢護，如是答已。佛言：「賢護！如是，如是！如汝所說，諸物清淨，彼色明朗，影像自現。

(Kinh: “Chẳng phải là tự nhiên có, chẳng do người nào tạo tác. Hãy nên biết các hình tượng ấy chẳng từ đâu đến, mà cũng chẳng đi về đâu, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng có chỗ trụ”. Lúc đó, Hiền Hộ đáp như thế rồi, đức Phật nói: “Này Hiền Hộ! Đúng như thế, đúng như vậy. Đúng như lời ông nói, các vật thanh tịnh, sắc nó trong sáng, hình ảnh tự hiện”).

Do vậy, nay tất cả các vật, các nghiệp, các duyên thuộc y báo trong hiện tại, không gì chẳng hiện bóng trong tự tâm. Ai nấy đều chẳng tránh khỏi hành động như thế! Có lúc chúng ta si nhục kẻ khác, coi ác nghiệp duyên và ác nghiệp của kẻ khác là sự si nhục của chính mình. Từ chỗ đó, hãy nên tự mình sám hối để chuyển hóa, chớ nên đùn đẩy nhân duyên ấy cho người khác. Vì sao? Bản chất của Thức chính là giải quyết nạn duyên này, trừ bỏ các đau khổ ấy. Nếu chẳng phải vậy, chúng ta sẽ ở chỗ này nói có, nói không, nói dài, nói ngắn, thân tâm đau khổ, đắm nhiễm không ngừng.

Hôm nay, có một vị cư sĩ từ bên ngoài đến, nói trong nhà người ấy có duyên gây tai nạn ngang trái, tâm trí bị ngăn chướng, đau khổ không chịu nổi, hỏi tôi có một phương pháp nào để có thể chuyển đổi hay không? Tôi nói: Thật sự không có chuyện này, nhưng do trong tâm bị vướng mắc, vướng mắc vào chuyện ấy, nó sẽ tiếp tục kéo dài, càng duyên theo, càng lâu, chẳng thể tự thoát ra được. Cũng có nghĩa là: Nếu quý vị cho rằng thật sự có chuyện ấy, sẽ chẳng thể tự thoát ra được! Chúng ta học tập Phật pháp, quyết định phải nhận biết nên xử trí hiện duyên như thế nào?

(Kinh) Bất dụng đa công, Bồ Tát diệt nhĩ, nhất tâm thiện tư, kiến chư Như Lai. Kiến dĩ tức trụ, trụ dĩ vẫn nghĩa.

(經)不用多功，菩薩亦爾，一心善思，見諸如來。見已即住，住已問義。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

(Kinh: Chẳng dùng nhiều công sức, Bồ Tát cũng thế. Nhất tâm khéo tư duy, thấy chư Như Lai. Đã thấy bèn trụ, trụ rồi hỏi nghĩa).

Đây là tu công phu định lực, và cũng là sự thành tựu do tâm trí chuyên chú.

(Kinh) Giải thích hoan hỷ, tức phục tư duy.

(經)解釋歡喜，即復思惟。

(Kinh: Đã được giải thích hoan hỷ, bèn lại tư duy).

Nếu có thể gặp Phật, tất nhiên là tư duy, vì chuyện này có ảnh hưởng và có sức lôi cuốn to lớn đối với quý vị. Chúng ta thường niệm Phật, thường niệm chúng sanh, như chúng ta thấy tranh vẽ, thấy các nhân vật chung quanh qua lại, nhưng chúng ta không biết, chẳng có cảm nhận và sức nhìn thấu suốt, sẽ [có cảm giác] như Phật ở phương khác, phương này làm sao thấy được?

(Kinh) Kim thử Phật giả, tùng hà sở lai, nhi ngã thị thân, phục tùng hà xuất? Quán bỉ Như Lai, cánh vô lai xứ, cập dĩ khứ xứ, ngã thân diệc nhĩ!

(經)今此佛者，從何所來，而我是身，復從何出？觀彼如來，竟無來處，及以去處，我身亦爾！

(Kinh: Nay đức Phật ấy từ đâu mà đến, còn thân ta đây lại từ đâu mà ra? Quán đức Như Lai ấy trọn chẳng từ đâu đến, và cũng chẳng đi về đâu, thân ta cũng thế!)

“Ngã thân diệc nhĩ” (Thân ta cũng thế), vì một pháp tắc, sự sự vô ngại. Một pháp tắc có thể dùng ở mọi nơi, nhưng chẳng phải là nói: Một pháp tắc thật sự có thể vận dụng vào chỗ này, nếu dùng ở chỗ khác thì nó sẽ đổi khác. Trọn chẳng phải là như vậy!

(Kinh) Bản vô xuất thú, khởi hữu chuyển hoàn? Bỉ phục ưng tác như thị tư duy. Kim thử tam giới, duy thị tâm hữu.

(經)本無出趣，豈有轉還？彼復應作，如是思惟。今此三界，唯是心有。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

(Kinh: Vốn chẳng có thoát ra hay tiến nhập, há có trở lại? Lại nên tư duy như thế. Nay tam giới này chỉ do tâm mà có).

Các vị thiện tri thức ơi! Có thể nói đoạn văn tự này là phẩm Tâm Kinh, đã như thật dạy cho chúng ta biết tự tâm, biết công dụng của cái tâm. Hết thầy các chuyện hiện tiền, dùng gì để dụng tâm? Văn tự trong đoạn này mười phần trọng yếu, tổng kết các giáo pháp trong tất cả các phần văn tự trước đó. Câu nào cũng đều có thể dùng làm khẩu quyết để hướng dẫn tự tâm. Chúng ta có thể đọc thuộc đoạn văn tự này, coi giống như Tâm Kinh. Lúc có chuyện hiện tiền, một tư duy hiện tiền, một tri kiến hiện tiền, dùng ngay mấy câu nói ấy để xét kỹ nó, gột rửa nó, quán chiếu nó, chánh tri kiến của chúng ta sẽ an lập.

(Kinh) Hà dĩ có? Tùy bỉ tâm niệm, hoàn tự kiến tâm.

(經)何以故? 隨彼心念, 還自見心。

(Kinh: Vì có sao? Thuận theo tâm niệm ấy, vẫn tự thấy tâm).

Chúng ta nghĩ một người là tốt đẹp, liền thấy thân thiết, cảm thấy mười phần hoan hỷ. Đối với những kẻ mà ta chẳng muốn thấy, trong tâm trí đã có chủng tử như vậy, hễ trông thấy người ấy, sẽ mười phần đau khổ. Đó chỉ là tự tâm chiêu cảm, chẳng phải là người khác khiến cho quý vị chán lìa, chẳng phải là kẻ khác làm cho quý vị đau khổ. Kẻ đó sao có thể khiến cho quý vị đau khổ cho nổi? Thật ra là trong tâm có chủng tử đó thôi! Giống như trong một câu chuyện cổ: Một gã tiểu phu bị mất búa, hoài nghi đứa nhỏ nhà hàng xóm lấy trộm. Hắn thấy đứa nhỏ ấy kiêu nào cũng đều giống như thằng ăn cắp búa. Đi lại cũng giống, âm thanh nói năng cũng giống, hành vi xử sự cũng giống, làm cách nào cũng đều chẳng lìa khỏi [ân tượng] “thằng ăn cắp búa”. Sau đó, chính gã dùng hết đồng củi, cái búa tự nhiên ló ra. Khi đó, nhìn lại đứa nhỏ hàng xóm, bộ dạng đi đứng chẳng giống đứa trộm búa, âm thanh nói chuyện chẳng giống thằng trộm búa, hết thầy hành vi cũng đều chẳng giống đứa trộm búa! Vì thế nói “tâm niệm hễ an lập, hành vi của đối phương sẽ tương ứng”. Tâm niệm vừa chuyển hóa, cũng sẽ tương ứng.

Các vị thiện tri thức ơi! Hãy khéo tư duy, khéo quan sát! Nhất định đừng dùng sai cái tâm. Đối với tự duyên, đối với tha duyên, đối với Phật duyên, thông thường khi chúng ta có ý kiến đối với người khác, cũng tức là một khi chủng tử ấy đã sanh khởi, nhìn kiêu nào cũng đều

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

ngừa mắt. Dầu cho âm thanh niệm Phật của người ấy rất hay đẹp, chúng ta sẽ nghe thấy kẻ đó màu mè, kiêu cạo, tô son trát phấn, âm điệu quái dị. Nhưng nếu sanh tâm hoan hỷ, dầu đối phương làm chuyện sai lầm, chúng ta vẫn cảm thấy kẻ đó mười phần đáng yêu, vụng về, chất phác đáng mến!

Các vị thiện tri thức ơi! Hãy khéo biết tự tâm. Đừng đánh mất cái tâm để quán sự. Đừng vì sự mà mê muội cái tâm. [Khéo biết tự tâm] như thế, chúng ta là kẻ thật sự phát tâm, biết tâm, hiểu rõ cái tâm, biết dụng tâm. Quý vị có thể liễu giải tự tâm, đó gọi là “*như thật tri tự tâm, hành pháp vô ngại*” (biết tự tâm đúng như thật, hành pháp vô ngại), đạt được sức tự tại. Tâm ấy chỉ có tự dụng, chỉ có tự hiển hiện. Như thế thì chính quý vị sẽ đạt được phương tiện trong Phật pháp. Nếu không, giả như chúng ta cậy vào ngoại duyên, mê muội tâm trí, phần nhiều sẽ chẳng tự tại! Hiện thời, chúng ta đến tu tập Phật pháp, tới tu tập trong đạo tràng, dù là xuất gia hay tại gia, quả thật là do nhân duyên chẳng thể nghĩ bàn trong đời trước và nhân duyên trong đời này thành thực, thôi thúc chúng ta đến chỗ này, chúng ta sẽ vận dụng như thế nào? Tôi đề nghị các thiện tri thức sao chép đoạn văn tự này, cung phụng nó, in sâu vào tâm mình, đối đãi như thật, thủ hộ như thật, giữ tiếp nối như thật trong cuộc sống, quý vị sẽ có thể đạt được sự gia trì bất cộng!

(Kinh) Kim ngã tùng tâm kiến Phật, ngã tâm tác Phật, ngã tâm thị Phật.

(經)今我從心見佛，我心作佛，我心是佛。

(Kinh: Nay ta từ cái tâm mà thấy Phật, tâm ta làm Phật, tâm ta là Phật).

Lành thay! Các vị thiện tri thức ơi! Đức Thế Tôn nói lời như thật, lời thành thật, lời liễu nghĩa, lời lựa chọn, lời Đà-la-ni, lời khẩu quyết thiện xảo. Nếu quý vị sử dụng được, sẽ rất thuận tiện! Đừng bỏ qua sự gia trì của kinh điển rất sâu như thế!

(Kinh) Ngã tâm thị Như Lai, ngã tâm thị ngã thân, ngã tâm kiến Phật, tâm bất tri tâm, tâm bất kiến tâm.

(經)我心是如來，我心是我身，我心見佛，心不知心，心不見心。

(*Kinh*: Tâm ta là Như Lai, tâm ta là thân ta, tâm ta thấy Phật, tâm chẳng biết tâm, tâm chẳng thấy tâm).

“Tâm bất tri tâm, tâm bất kiến tâm” (Tâm chẳng biết tâm, tâm chẳng thấy tâm): Nếu tâm có thể thấy tâm, dùng gì để thấy? Đó gọi là do đắm nhiễm đối đãi mà có xuất sanh. Nếu chẳng đắm nhiễm đối đãi thì ở ngay trong tâm trí đối đãi, vẫn an lập trong biên đại tịch diệt quang, dùng gì để thấy? Vì thế, tâm chẳng thấy tâm, nhưng cái tâm tạo tác thì chỗ nào cũng thấy. Do đối đãi, nên có cái được thấy!

(*Kinh*) *Tâm hữu tướng niệm, tác thành sanh tử.*

(經)心有想念，則成生死。

(*Kinh*: Tâm có ý niệm suy tưởng, sẽ thành sanh tử).

Kiến giải của chúng ta đã lập, suy tưởng đã lập, nhưng Thật Tế Lý Địa chẳng nhiễm mây trần. Thật Tế Lý Địa chính là cái tâm. Tâm trí vừa động, đại thiên sẽ bị chấn động, sẽ thôi thúc sanh ra vạn pháp. Quý vị chớ nên coi thường tự tâm, đừng coi trọng sự tướng. [Hễ coi trọng sự tướng], vậy thì quý vị đã thật sự đánh mất cái gốc. Từ trong tâm trí ấy, chúng ta hãy nên quan sát vi tế, sâu sắc, khăng khăng chẳng mệt, đừng nên buông lung. Từ trong sự tướng, có thể buông xuống rất lớn. Đối với chuyện gì đều có thể thông dong, nhưng đối với tâm trí, chớ nên lơ là!

(*Kinh*) *Tâm vô tướng niệm, tức thị Niết Bàn. Chư pháp bất chân, tư tưởng duyên khởi.*

(經)心無想念，即是涅槃。諸法不真，思想緣起。

(*Kinh*: Tâm chẳng suy nghĩ hay khởi niệm, thì chính là Niết Bàn. Các pháp chẳng thật, tư tưởng duyên khởi).

Chư vị thiện tri thức ơi! Khi chúng ta cưỡng chấp các thứ đã thấy, khổ lắm! Sử dụng tri kiến đoạn diệt, khổ lắm! Hãy nên biết các pháp sanh khởi chính là phương tiện vận dụng từ bi và trí huệ hiện tiền, quả thật đã ban cho chúng ta cơ hội. Người có trí sẽ chẳng nhiễm, người có lòng bi sẽ tạo lợi ích cho hiện duyên, há có đắm nhiễm? Há có chuyện bị nổi khổ của chính mình và người khác bức bách? Nếu chúng ta là người thật sự học Phật, bất cứ chuyện gì hiện tiền, cũng sẽ đều là chỗ cho quý

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

vị vận dụng ân đức bi trí, là cơ hội cho quý vị. Cơ hội gì vậy? Cơ hội thành tựu của quý vị.

(Kinh) Sở tư ký diệt, năng tưởng diệt không. Hiền Hộ đương tri! Chư Bồ Tát đẳng nhân thử tam-muội, chứng đại Bồ Đề.

(經)所思既滅，能想亦空。賢護當知！諸菩薩等因此三昧，證大菩提」。

(Kinh: Những điều được suy nghĩ đã diệt, cái tâm suy tưởng cũng là không. Hiền Hộ hãy nên biết! Các vị Bồ Tát ấy do tam-muội này mà chứng đại Bồ Đề).

Đây là lựa chọn cho chúng ta, khiến cho chúng ta triệt để quy hoàn cái tâm, chẳng tạo, chẳng tác, tất nhiên là không tịch, an lập trong thế gian, rộng lợi ích thế gian. Trong thế giới “Không, tịnh, vô nhiễm”, bi và trí của quý vị đều đạt được phương tiện. Khi đó, Phật pháp có thiện xảo để trụ thế, có cơ sở để trụ thế.

Các vị thiện tri thức ơi! Đoạn văn tự này rất trọng yếu, đã điểm nhãn cho chúng ta, khai trí huệ cho chúng ta, đừng nghĩ là kinh nói, mà thật ra là tâm nói. Đừng cho là lời người khác, đây thật sự là lời lẽ ẩn tâm. Ngạn ngữ Trung Hoa có câu: “*Nếu có thể nghe thiện tri thức nói một câu, khiến cho người khác tâm khai ý giải, sẽ cảm thấy hoan hỷ*”. Ở đây, chẳng phải là Phật đã sớm nói trọn hết thấy lời lẽ ẩn khế tâm trí trong kinh điển ư? Đúng là chỗ nào cũng tuyên nói. Đừng coi thường, chớ báng pháp. Trong những người tu trì ở Trung Hoa, người coi trọng túc duyên thì nhiều, mà kẻ coi rẻ pháp cũng lắm. Đây quả thật là điều đáng tiếc, quá sức đáng tiếc. Do vậy, đối trước giáo ngôn rất sâu, hãy nên sanh tâm cung kính lãnh thọ, sanh tâm thủ hộ. Vun bồi Pháp Thân huệ mạng cũng do đây mà có, cũng do đây thúc đẩy mà xuất sanh.

5. Phẩm thứ hai: Tam Muội Hạnh

(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần Tam Muội Hạnh phẩm đệ nhị.

(經)大方等大集賢護分三昧行品第二。

(Kinh: Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần. Phẩm thứ hai: Tam Muội Hạnh).

Phẩm này thuyết minh cơ sở của hành pháp tam-muội.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn phục cáo Hiền Hộ Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn.

(經)爾時，世尊復告賢護菩薩摩訶薩言。

(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn lại bảo Hiền Hộ Bồ Tát Ma Ha Tát rằng).

Sau danh tự Bồ Tát, thêm từ ngữ Ma Ha Tát vì để phát khởi lợi ích rộng lớn, giác ngộ rộng lớn kẻ hữu duyên.

(Kinh) Hiền Hộ! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát, cụ hành tứ pháp, tắc năng đắc thị hiện tiền tam-muội.

(經)「賢護！若諸菩薩摩訶薩，具行四法，則能得是現前三昧。

(Kinh: Nay Hiền Hộ! Nếu các Bồ Tát Ma Ha Tát hành trọn bốn pháp, sẽ có thể đắc hiện tiền tam-muội này).

Tức là hành trọn đủ bốn pháp, sẽ có thể đắc môn hiện tiền tam-muội này.

(Kinh) Hà đẳng vi tứ? Nhất giả, bất hoại tín tâm.

(經)何等爲四？一者、不壞信心。

(Kinh: Những gì là bốn? Một là chẳng hoại tín tâm).

Tín tâm quyết định bất hoại, đó gọi là Tín Nhẫn thành tựu, đối với pháp chẳng nghi ngờ, lựa chọn thuận theo. Điều này quả thật là chuyện chẳng thể nghĩ bàn! Bất hoại tín tâm dẫn đường cho hết thấy các pháp. Bởi lẽ, “*Tín vi công đức mẫu*” (Tín là mẹ công đức). Trong giáo ngôn của Thanh Văn Thừa, người đạt quyết định tín là quả Tu Đà Hoàn; vì lẽ nào? Đạt được tám gương pháp nhãn, soi rõ, nhận biết tướng chân thật trong thế gian, cho nên sanh lòng tin chân thật. Ở đây, chúng ta tùy thuận tín tâm bất hoại, lập thế chọn lựa, ắt thấy chư Phật, chẳng lùi sụt, chẳng đọa!

(Kinh) Nhị giả, bất phá tinh tấn.

(經)二者、不破精進。

(Kinh: Hai là chẳng phá tinh tấn).

Đối với pháp tắc, siêng khổ gìn giữ, đạt tới địa vị rốt ráo, xa lìa giải đãi và buông lung. Trong những người hành pháp hiện thời, người giải đãi thì nhiều, kẻ buông lung đông đảo, cơ hội phá hoại tinh tấn quá nhiều! Chúng ta có thật sự vận dụng sao cho mỗi thời, mỗi khắc đều siêng khổ, thâm nhập tu tập pháp tắc hay chẳng? Cái được gọi là “*buông lung*” chính là cái khiến cho tâm trí bị tán hoại trong tạp duyên, chẳng có sức thâm nhập pháp tắc. Vì đối với mỗi hữu tình, hai loại tạp duyên nơi chính mình và người khác đều rất lừng lẫy. Nếu chưa lắng đọng cái tâm, trong tu pháp mà hơi buông lung, sẽ phá hoại tinh tấn. Nếu chẳng hổ, chẳng thẹn, tất nhiên sẽ buông lung!

(Kinh) Tam giả, trí huệ thù thắng.

(經)三者、智慧殊勝。

(Kinh: Ba là trí huệ thù thắng).

Chẳng nương cậy, chẳng đắm nhiễm, chẳng tạo tác. Dùng cái tâm như thế để hành các pháp.

(Kinh) Tứ giả, cận thiện tri thức. Hiền Hộ! Thị vi Bồ Tát cụ túc tứ pháp, tắc đắc thành tựu hiện tiền tam-muội dã.

(經)四者、近善知識。賢護！是為菩薩具足四法，則得成就現前三昧也。

(Kinh: Bốn là thân cận thiện tri thức. Này Hiền Hộ! Đó là Bồ Tát trọn đủ bốn pháp, sẽ được thành tựu hiện tiền tam-muội).

“*Thân cận thiện tri thức*” để trừ nghi hoặc cho mình lẫn người, là pháp tắc để trừ nghi hoặc!

(Kinh) Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát, phục hữu tứ pháp, năng cụ túc hành, tắc năng thành tựu hiện tiền tam-muội. Hà đẳng vi tứ? Nhất giả, nãi chí ư sát-na thời, vô chúng sanh tướng.

(經)賢護！菩薩摩訶薩，復有四法，能具足行，則能成就現前三昧。何等爲四？一者、乃至於剎那時，無衆生想。

(Kinh: Nay Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát lại có bốn pháp, có thể hành trọn đủ, thì sẽ có thể thành tựu hiện tiền tam-muội. Những gì là bốn? Một là thậm chí trong một sát-na, chẳng có chúng sanh tưởng).

Chẳng hạn như chúng ta đi vào đạo tràng, hoặc xuất gia, trọn mắt nhìn, ôi chao! [Thấy các chuyện] đúng nhiều ngàn ấy, sai nhiều ngàn ấy! Đó là chúng sanh tưởng! Đó gọi là “*tạp nhiễm chúng sanh*”, khi dùng sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp để tiếp xúc, sẽ đều là chúng sanh duyên hiện. Vì thế, chúng sanh là do tâm đắm nhiễm, chuyện gì cũng đắm nhiễm, chỗ nào cũng đắm nhiễm. Do vậy, tướng chúng sanh sanh khởi, tâm trí phiền não, lăm nổi chán chường, mệt mỏi, vì bị các phiền não tạp duyên che lấp, người ta sẽ sanh khởi tướng trần lao. Nếu có chúng sanh tưởng, hãy nên tu trì như thế nào? Nam-mô A Di Đà Phật [có công năng] hội thí rộng khắp, [khiến cho mỗi chúng sanh] đều nhập bốn vị, tức là đều được vãng sanh. Quang minh thanh tịnh viên mãn của A Di Đà Phật chiếu trọn khắp, không đâu chẳng chiếu thấu. Do vậy, hết thấy sự sai biệt của chúng sanh đã bị ngăn che. Nói “*ngăn che*” tức là chẳng thấy chúng sanh tướng, chỉ có sức niệm Phật vô ngại!

(Kinh) Nhị giả, u tam nguyệt nội, bất tạm thụy miên.

(經)二者、於三月內，不暫睡眠。

(Kinh: Hai là trong ba tháng, chẳng tạm ngủ nghỉ).

Hiện thời, rất nhiều vị Bồ Tát trong một ngày một đêm, một ngày hai đêm, hoặc bảy ngày bảy đêm hành pháp. Tri kiến và tâm trí “*bất tạm thụy miên*” (chẳng tạm ngủ nghỉ) biến thành mười phần trọng yếu. Hoàn toàn chẳng phải là nói quý vị ngủ hay không ngủ, mà là quý vị chớ nên tạo tác tâm niệm như thế. Nhân duyên ngủ nghỉ trong quá khứ đã thành thực, quý vị chẳng thể không ngủ, không thể chẳng mệt, nhưng hiện tại thì sao? Đừng nên tiếp tục tạo tác nghiệp và nghiệp tướng như thế nữa! Ở đây là sự tu trì chẳng thể nghĩ bàn, là tu tập Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn. Vì quý vị chẳng thể thay thế nghiệp quá khứ, chẳng thể ngăn trở nó.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Như hoàn cảnh y báo, sắc thân trong hiện tại của chúng ta, cho đến phước đức và nhân duyên sai biệt, đều là do Dị Thục Quả chín muồi. Hãy ở trong nhân duyên ấy, đừng nên tạo tác ngu và mê ngu, chớ nên tăng mạnh nhân duyên ngu ngê. Phải thấy thấu suốt bản chất của nó. Trước kia, thầy Đại Hùng đã nói trong khi hành Ban Châu như sau: “Hôn trầm ở trong chỗ tối”, thật sự cũng là một sự quan sát thuận duyên, ai nấy đều trở về bản vị (vị trí, địa vị vốn có của chính mình)⁶⁷, chẳng còn tạo tác nữa! Hễ hôn trầm xảy đến thì vẫn là hôn trầm, nhưng người ấy chẳng còn chấp trước mạnh mẽ nữa, cũng chẳng còn bài xích nó, nhưng cũng chẳng còn thuận theo nó. Quan sát kỹ càng đúng lý như thế, lâu dần, người ấy sẽ có thể thật sự vượt thoát hôn trầm. Nhưng nếu quý vị nói “ta vun bồi hôn trầm”, đó chẳng phải là điều tốt đẹp! “Vun bồi” là gì? Tức là hễ hôn trầm xảy đến, bèn dung túng nó. Nếu hôn trầm thật sự xảy đến, chẳng dùng sức, chẳng thuận theo sức ấy, chẳng ra sức tác động, tức là chẳng cự tuyệt, chẳng ngênh tiếp. Đó là chỗ dụng công vừa khéo!

(Kinh) Tam giả, tam nguyệt kinh hành, duy trừ tiện lợi.

(經)三者、三月經行，唯除便利。

(Kinh: Ba là suốt ba tháng kinh hành, chỉ trừ lúc bài tiết).

Hành pháp Ban Châu yêu cầu thời gian khá dài là ba tháng. Trong ba tháng, chỉ đi kinh hành, bỏ sạch các pháp khác, chỉ trừ lúc bài tiết là làm chuyen khác.

(Kinh) Tứ giả, nhược u thực thời, bố thí dĩ pháp, bất cầu danh lợi, vô vọng báo tâm. Hiền Hộ! Thị vi Bồ Tát cụ túc tứ pháp, tắc đắc thành tựu hiện tiền tam-muội dã.

(經)四者、若於食時，佈施以法，不求名利，無望報心。賢護！是為菩薩具足四法，則得成就現前三昧也。

⁶⁷ Nói “bản vị” ở đây có thể hiểu theo nhiều hàm nghĩa: Tận hết trách nhiệm thuộc bản phận của mình như tổ Ấn Quang thường dạy “đôn luân, tận phận”. Đó là hiểu theo nghĩa lý thế gian. Còn nói rộng hơn theo pháp xuất thế gian thì phải nhận biết mỗi người chúng ta đều có Phật tánh, ai nấy đều là Phật trong vị lai, hãy tu tập sao cho chẳng có phụ vị Phật sẵn có trong tâm tánh của chính mình.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

(Kinh: Bốn là nếu lúc ăn, bèn bỏ thí đúng pháp. Chẳng cầu danh lợi, chẳng có tâm mong được báo đáp. Nay Hiền Hộ! Đó gọi là Bồ Tát trọn đủ bốn pháp, sẽ được thành tựu hiện tiền tam-muội).

Nếu có thức ăn, nếu tạo tác nghiệp, đều tương ứng với pháp tắc, cho nên đừng tham đắm các mùi vị. Tôi thường nghe người kinh hành Ban Châu nói: “Ồi trời! Còn đói quá đi! Lần sau ăn một bữa thật no”. Tu hành theo kiểu đó, sẽ có chướng ngại ngay trong hiện đời, tự mình xếp đặt chướng ngại.

“*Bất cầu danh lợi, vô vọng báo tâm*” (Chẳng cầu danh lợi, chẳng có tâm mong được báo đáp): Có người kinh hành Ban Châu vì để đạt được tướng mạo tốt đẹp, hay khí sắc tốt đẹp. Trong hành pháp này, mỗi bữa cơm bèn ăn nhiều hơn, ăn các thứ có chất dinh dưỡng, thứ này bỏ, thứ kia bỏ. Bỏ tới, bỏ lui để làm gì cơ chứ? [Có kẻ] kinh hành Ban Châu để người khác thấy mình dễ coi, có tinh thần, trang nghiêm, [đó là tu hành vì] ham cầu danh lợi hư giả, đánh mất sự thanh tịnh nơi tự tâm, chẳng thể tương ứng với pháp. Hiện thời, kẻ như thế này nhiều lắm: Trước khi đi kinh hành Ban Châu, chuẩn bị rất nhiều thứ bổ dưỡng, mong trong khi hành Ban Châu sẽ phấn chấn, tỏa sáng một phen. Đây là chẳng tương ứng!

(Kinh) Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát, phục hữu tứ pháp, năng cụ túc hành, tác đắc thành tựu hiện tiền tam-muội. Hà đẳng vi tứ? Nhất giả, khuyến tha kiến Phật.

(經)賢護！菩薩摩訶薩，復有四法，能具足行，則得成就現前三昧。何等爲四？一者、勸他見佛。

(Kinh: Nay Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát lại có bốn pháp, nếu có thể hành trọn đủ, liền được thành tựu hiện tiền tam-muội. Những gì là bốn? Một là khuyên người khác thấy Phật).

Đừng xem nhẹ điều này! Khuyên người khác, sẽ chuốc lấy phiền não. Thường sẽ có nghĩa là: Quý vị thấy người này là đúng, kẻ kia là sai; đó là do khuyên người khác mà chuốc lấy phiền não. [Khuyên người khác trong pháp môn Tịnh Độ] là khiến cho người khác biết hết thấy các pháp rốt ráo chẳng có gì để đạt được, do nhân duyên mà sanh, chẳng có thực chất. Khiến cho kẻ khác thấy Phật, dù là trí huệ Pháp Thân Phật,

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

hay Báo Thân Phật, đều có phương tiện. Đừng ô nhiễm tâm kẻ khác, đừng hủy diệt tự tâm, đối với chuyện kẻ khác thấy Phật, chẳng đả nhiễu!

(Kinh) Nhị giả, giáo nhân thính pháp.

(經)二者、教人聽法。

(Kinh: Hai là dạy người khác nghe pháp).

Khuyên người khác nghe pháp, quả thật là công đức chẳng thể nghĩ bàn và quả báo thiện xảo chẳng thể nghĩ bàn. Phá hoại pháp duyên của người khác, diệt pháp nhân của kẻ khác, chướng ngại cơ hội xuất ly của người khác, thật sự là đáng thương! Có lúc, chúng tôi khá đau lòng vì chuyện này: Đối với cơ hội học Phật của người tại gia hay xuất gia, người khi chưa thành thực vẫn khát vọng, mà kẻ gặp lúc cơ hội thành thực lại thường khinh mạn. Khinh mạn như thế chính là khinh mạn nhân duyên trong hiện tiền của chính mình! Hiện tiền trân quý nhất! Muốn cầu pháp thù thắng nơi khác, muốn cầu duyên thù thắng nơi khác, đúng là tâm trí thiếu sót, kém cỏi, chẳng biết phát tâm. Các vị thiện tri thức ơi! Hãy nên khéo quan sát!

(Kinh) Tam giả, tâm vô tật đố.

(經)三者、心無嫉妒。

(Kinh: Ba là tâm chẳng ghen ty).

Ghen ty là gì? Đối với chuyện này, mọi người đều liễu giải khá dễ dàng! Tức là chẳng thích thấy người khác nổi bật, chẳng thích người khác tôn quý, chẳng thích người khác được vui sướng hơn mình, chẳng thích người khác có công đức. Đây là tội ác trong thời Mạt Pháp. Tội ác phổ biến nhất của chúng ta trong thời đại này là thường chẳng có tâm tùy hỷ, thường bầu bạn với cái tâm đố kỵ. Tâm trí hẹp hòi, kém cỏi, chẳng có tâm vui mừng khi người khác được lợi. Do vậy, người như thế phải nên thường tu tâm tùy hỷ, tâm tán thán, tâm cúng dường, tâm cung kính, hòng có thể miễn trừ cái tâm ghen ty ấy. Ghen ty thì không gì chẳng ngoài hẹp hòi, không muốn người khác hơn mình, không gì chẳng ngoài xa lìa cung kính, tâm trí chẳng có lễ kính, tâm sanh kiêu mạn, chẳng ngoài [lý do] ít có lòng tùy hỷ, thường hay thấy lỗi của kẻ khác! Hễ kẻ nào dấy lòng ghen ty, sẽ nói chuyện rất khó nghe, rất đả đẳng, rất hẹp

hồi, giống như mây đen che phủ mặt trời, che phủ quang minh của cái tâm!

(Kinh) Tứ giả, khuyến tha phát Bồ Đề tâm. Hiền Hộ! Thị vi Bồ Tát cụ túc tứ pháp, tác đắc thành tựu hiện tiền tam-muội dã.

(經)四者、勸他發菩提心。賢護！是爲菩薩具足四法，則得成就現前三昧也。

(Kinh: Bốn là khuyên người khác phát Bồ Đề tâm. Nay Hiền Hộ! Đây là bốn pháp nếu Bồ Tát trọn đủ, sẽ được thành tựu hiện tiền tam-muội).

Càng trọng yếu hơn nữa! Nếu chính mình chẳng yêu thích Bồ Đề tâm, khi khuyên người khác phát Bồ Đề tâm, cũng sẽ được Bồ Đề tâm huân nhiễm, huân tập, bèn hướng tới và thủ hộ Bồ Đề tâm, thậm chí thành tựu [Bồ Đề tâm]. Do vậy, khuyên phát Bồ Đề tâm trọng yếu nhất. Dù khuyên chính mình phát, hay khuyên người khác phát, chuyện khuyên phát Bồ Đề tâm rất quan trọng!

(Kinh) Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát, phục hữu tứ pháp thành tựu tam-muội. Hà đẳng vi tứ? Nhất giả, tạo Phật hình tượng, khuyến hành cúng dường.

(經)賢護！菩薩摩訶薩，復有四法成就三昧。何等爲四？一者、造佛形像，勸行供養。

(Kinh: Nay Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát lại có bốn pháp thành tựu tam-muội. Những gì là bốn? Một là tạo Phật hình tượng, khuyến hành cúng dường).

Chẳng hạn như chúng ta trong mấy ngày gần gũi học tập kinh Hiền Hộ này, mọi người đã không ngừng chăm bẵm trang nghiêm tượng Phật. Tuy chẳng phải là chuyện to lớn gì, nhưng nó thật sự có tác dụng. Quý vị chẳng tin, có thể vẽ một bức tượng vẽ, hoặc tưởng nhớ một bức tượng Phật, tạo nhân duyên nơi tượng Phật ấy, hãy có tâm tùy hỷ, cúng dường, tán thán cho nhiều, đương nhiên tốt nhất là dùng bức tượng nào khiến cho quý vị ưa thích nhất. Tượng nào có thể khiến cho người ta vui thích? Có người thì tượng vẽ trên vải thô đã có thể khiến cho người ấy

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

hoan hỷ. Có người tượng rất tinh xảo mới có thể khiến cho người ấy hoan hỷ. Có người thì tượng phải rất oai đức trang nghiêm. Có người tượng rất trân quý mới có thể khiến cho người ấy hoan hỷ. Bất luận loại tượng nào, không gì chẳng nhằm đánh thức niềm hoan hỷ và trí huệ trong tâm linh của chúng ta. Vì thế, công đức tạo tượng chẳng thể nghĩ bàn, như trong kinh Địa Tạng đã nói tạo tượng Địa Tạng Vương có công đức như thế nào, có thể diệt tội Ngũ Vô Giá v.v... Tạo hết thấy các tượng Phật khác cũng giống như thế. Vì tạo tượng, ắt phải dụng tâm, từ cái tâm mà tạo tượng. Đó gọi là “*duyên Phật thành Phật*”, chúng ta tạo tượng Phật thì trong tâm có Phật. Chẳng có Phật thì tạo tượng để làm gì? Do vậy, công đức tạo tượng chẳng thể nghĩ bàn!

“*Khuyến hành cúng dường*”, tạo tượng để làm gì? Khiến cho hữu tình trong thế gian cúng dường các pho tượng, khiến cho chúng sanh vun trồng phước đức, hoặc sẽ như thật biết tự tâm, thành tựu lợi ích trong Phật pháp.

(Kinh) Nhị giả, thư tả thị kinh, linh tha độc tụng.

(經)二者、書寫是經，令他讀誦。

(Kinh: Hai là biên chép kinh này, khiến cho người khác đọc tụng).

Nay chúng ta in bản kinh này ra, lúc vừa mới từ Trầm Dương đưa tới chùa Bảo An, sau đó, đem hai ba bản đến đây, mọi người trông thấy rất hoan hỷ. Nhưng hiện thời đã có nhiều, tôi thấy kinh sách đặt khắp nơi, nhưng cũng chẳng có ai xem! Hễ có nhiều, tuy kinh sách là pháp bảo vô thượng, cũng chẳng cho là quý báu nữa! Vì trong quá trình chúng ta học tập lần này, đều là tùy ý mà ngồi, một là khá tự nhiên, hai là cũng khá thoải mái, nhưng khi mọi người bước ra, tốt nhất là đừng nên bước qua kinh điển, hãy đi nhiều quanh sẽ tốt hơn! Đó là chuyện có ý nghĩa, nhất định phải chú ý một chút. Nếu không, bản thân chúng ta sẽ phạm lỗi khinh pháp!

(Kinh) Tam giả, mạn pháp chúng sanh, giáo linh phát tâm.

(經)三者、慢法衆生，教令發心。

(Kinh: Ba là dạy kẻ khinh mạn pháp hãy phát tâm).

“*Mạn pháp*” là đối với pháp, chẳng sanh hoan hỷ. Ngày hôm qua, có mấy người công nhân quy y, tôi bảo họ: “Các vị kiêm được món tiền

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

này có thể tiêu hết, nhưng nếu có thể đến quy y, học Phật, kết nhân duyên với Phật pháp, đúng là có ý nghĩa hơn kiếm tiền nhiều lắm. Lao động dựng nhà cửa cho đạo tràng, làm chút chuyện cho Tam Bảo, quý vị có phước đức và nhân duyên, nhưng trọng yếu nhất vẫn là Tam Quy Y. Vì có nhân duyên Tam Quy Y, sẽ có thể thật sự vào nhà Như Lai, thật sự có thể học Phật”. Chẳng biết bản thân nữ chúng trong Hằng Dương Am có sức chiêu cảm to cỡ nào mà ảnh hưởng khá nhiều công nhân đến học Phật. Chúng ta chẳng cần biết công nhân tốt hay xấu, tánh cách như thế nào, ăn gì, dùng gì, chẳng cần bận tâm, nhưng họ có thể đến quy y, điều ấy thật sự chẳng thể nghĩ bàn, đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Cảm động rất nhiều công nhân như thế đến học Phật, chuyện này có lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Lợi ích chẳng thể nghĩ bàn gì vậy? Khuyên kẻ chưa tin sanh lòng tin, chẳng thể nghĩ bàn! Khiến cho kẻ mạn pháp, kẻ chẳng biết pháp sanh lòng tin. Các vị thiện tri thức ơi! Chuyện này còn hơn dựng đạo tràng. Nếu một đạo tràng mà chẳng có ai đến tu tập pháp, đạo tràng ấy có ý nghĩa gì hay không? Dựng một vạn gian nhà mà chẳng có pháp tắc, chẳng có Phật pháp, chẳng tu tập Phật pháp, há có ý nghĩa gì chẳng? Chúng ta chẳng tu tập, lại có ý nghĩa gì hay không? Nhưng có một người tới quy y, tùy thuận đạo tràng của ta, đó là cơ chế tu pháp thành thực. Vì thế, “*mạn pháp chúng sanh, giáo linh phát tâm*” (dạy cho chúng sanh khinh mạn pháp phát tâm) chính là pháp tắc huân tu cụ thể phải nên tu tập đối với chúng ta là những kẻ đang mong tu tập Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội trong lúc bình thời. Bốn pháp trong phần sau này khá dễ thực hiện, tạo tượng, cúng dường, biên chép, đọc tụng, khuyên người khinh mạn pháp phát Bồ Đề tâm, cho đến điều thứ tư kế tiếp là “*hộ trì chánh pháp, linh đắc cửu trụ*” (hộ trì chánh pháp, khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài).

(Kinh) Tứ giả, hộ trì chánh pháp, linh đắc cửu trụ.

(經)四者、護持正法, 令得久住。

(Kinh: Bốn là hộ trì chánh pháp khiến cho tồn tại lâu dài).

Ai tới hộ trì? Chỗ nào có chánh pháp? Do một niệm thủ hộ tâm trí Bồ Đề của quý vị, duy trì đạo tràng, đạo tràng ấy sẽ có chánh pháp, quý vị đang thủ hộ chánh pháp. Chúng ta mê mất Bồ Đề tâm, lo gìn giữ mấy căn nhà, chăm bẵm mấy câu [xã giao] “*chào ông, chào bà!*” Đó là chẳng có chánh pháp, chẳng có chánh pháp để có thể đạt được! Chúng ta

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiện Hộ Kinh giảng ký 1

có thể thật sự thủ hộ tâm trí Bồ Đề của chính mình, duy trì đạo tràng, duy trì các hữu tình bên cạnh mình hay không? Có như thế thì quý vị mới thật sự là người thủ hộ chánh pháp, khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài [trong thế gian]. Ai đến trụ lâu dài? Vì sao Phật pháp có thể trụ lâu dài? Trụ ở nơi đâu? Dùng vào nơi đâu? Một niệm trong hiện tiền chọn lựa Bồ Đề tâm, chẳng sợ, chẳng hãi!

(Kinh) Hiện Hộ! Thị vi Bồ Tát cụ túc tứ pháp tắc, đắc thành tựu hiện tiền tam-muội dã.

(經)賢護！是爲菩薩具足四法則，得成就現前三昧也。

(Kinh: Nay Hiện Hộ! Đó là Bồ Tát trọn đủ bốn pháp tắc, sẽ được thành tựu hiện tiền tam-muội).

Đây là các thứ pháp tắc hỗ trợ Ban Châu tam-muội hiện tiền. Từ bốn pháp ấy, đức Thế Tôn tuyên nói các điều kiện trọn đủ. Các điều kiện ấy [thật ra] chẳng phải là điều kiện, chỉ là thọ dụng ở chỗ nào! Rất nhiều người nói: “Vì sao niệm Phật chẳng chứng tam-muội?” Đầu óc quý vị đây ấp vọng tưởng, hành vi hư giả, làm sao có thể chứng tam-muội cho được? Tâm trí đắm nhiễm, hễ gặp chuyện liền nhiễm vào đúng, nhiễm vào sai, nhiễm vào thiện, nhiễm vào ác, làm sao có thể thấy chư Phật cho được? Chư Phật là đức tướng nơi tự tâm thanh tịnh, làm sao quý vị có thể thấy được? Do đó, tâm chẳng tự thấy Phật Lập Hiện Tiên. Hễ hiểu rõ tự tâm, do biết tự tâm thanh tịnh, sẽ được thấy chư Phật.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn vị trùng minh thử nghĩa, nhi thuyết kệ viết:

(經)爾時，世尊爲重明此義，而說偈曰：

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn vì nêu tỏ nghĩa này lần nữa, bèn nói kệ rằng).

Sau phần Trường Hàng là Kệ Tụng; đây là cách thức thông thường trong kinh điển, nhất là kinh điển Đại Thừa. Kệ Tụng dùng các lời lẽ đơn giản, rõ ràng hơn để nhắc lại nghĩa ấy, khiến cho tâm trí của chúng ta sáng suốt.

(*Kinh*) *Nhữ đấng đưng trụ Phật pháp trung, vật tàng chánh ngôn cập ngã pháp. Niệm cần, tinh tấn, trừ thụy cái, tam nguyệt bất tọa, duy kinh hành.*

(*經*) 「汝等當住佛法中，勿藏正言及我法。念勤精進除睡蓋，三月不坐唯經行。」

(*Kinh*: Các ông nên trụ trong Phật pháp, đừng giầu chánh ngôn và Phật pháp. Niệm siêng, tinh tấn, trừ ngủ nghỉ, ba tháng chẳng ngồi, chỉ kinh hành).

Hiện thời, trong nước có rất nhiều người hành pháp Ban Châu, nhưng có khi là có lạy, có ngồi, tuy mang tên là Ban Châu, nhưng là một thứ biến tướng của hành pháp Ban Châu. Nếu dựa theo kinh giáo để nói, phải nên là Thường Lập tam-muội (tam-muội thường đứng), tức là kinh hành chẳng lười nhác, chẳng ngồi, chẳng nằm. Đó chính là một yêu cầu cụ thể trong hành pháp Ban Châu tam-muội.

Có người nói “không cho ngồi xuống” thì quá tàn khốc, có thể cho người ấy nghỉ ngơi! Trong quá khứ, người hành pháp Ban Châu có đai treo, có thể treo mình vào đó để nghỉ ngơi dăm ba phút, đó gọi là “nghỉ ngơi mà chẳng nghỉ ngơi”, vì chẳng thể ám thị chính mình nghỉ ngơi, có thể tạm dừng [kinh hành] một lát. Có khi, hễ cái tâm được ám thị, sẽ nảy sanh kết quả nghỉ ngơi, sẽ kéo dài thời gian hôn trầm và mê mât. Do vậy, khi thân thể đã đạt đến cực hạn, có thể chuyển mình đến chỗ treo thân thể một chốc, thư giãn một chút cho thân thể khỏi hư nhược, nhưng chớ nên ám thị chính mình nghỉ ngơi!

Hành pháp này lấy “không nghỉ ngơi” làm chuẩn tắc, vừa khéo là nhân loại chúng ta vẫn chưa dám vượt qua vấn đề nghỉ ngơi này. Nghỉ ngơi là sự điều chỉnh nảy sanh trong tâm trí đối đãi, có thể nghĩ bàn của chúng ta đối với sự mệt nhọc, mà cũng là quá trình điều chỉnh đối đãi. Chẳng nghỉ ngơi chính là trạng thái chẳng tạo tác, an phận, thuộc về bản phận. Do vậy, trong khi trao đổi về hành pháp Ban Châu, chuyện được bàn luận nhiều nhất là những thứ được tạo thành bởi nghỉ ngơi và phiền não. Cái được gọi là “phiền não” tức là vì đói bụng, mệt nhọc, nhọc nhằn chẳng thể khống chế được mà tạo thành khổ não. Một điều khác là “ám thị nghỉ ngơi”, chẳng hạn như tự nhủ: “Ôi trời ơi! Người khác chẳng ở đây, ta nghỉ một chút thôi!” Thật sự là lừa mình, dối người. “Dối” tức là ảnh hưởng tới lợi ích chân thật nơi hành pháp Ban Châu

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

của chính mình, tức lợi ích của Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiền Tiền Lập [tam-muội]. Quý vị lãng phí thời gian của chính mình. Nhưng trong tâm trí của bọn phàm phu chúng ta, thường là khó thể lựa chọn. Hễ nhắc đến vấn đề “không nghỉ ngơi”, sẽ sanh tâm sợ hãi, vì từ lâu đã có sự so sánh đối đãi giữa siêng khổ tạo tác và nghỉ ngơi, cho nên muốn cho một người không nghỉ ngơi rất khó! Thật ra, thường là khi chúng ta thật sự lựa chọn một chuyện, rất có thể là chẳng có ý niệm “không nghỉ ngơi”. “Nghỉ ngơi” là một loại tri kiến, tức là một loại tri kiến đối đãi khiến cho chính mình mù quáng, mà cũng là phương pháp cân bằng tâm lý của chính mình nảy sanh trong tâm trí tư duy của thường nhân đó thôi. Nó chẳng thật, vì hết thấy các pháp chẳng có tự tánh. Trong pháp nghỉ ngơi ấy, há có gì là tự tánh?

(Kinh) Thực thời quảng thuyết nhi thí tha, tuyên dương chư Phật vô tỷ pháp.

(經)食時廣說而施他，宣揚諸佛無比法。

(Kinh: Khi ăn, rộng nói thí kẻ khác, tuyên dương pháp chư Phật khôn sánh).

Khi chúng ta hành trì như pháp, nói “*nhu pháp*” chính là khởi tâm động niệm của chính mình trong mỗi thời khắc, ngay cả trong lúc ăn uống, cũng đều chẳng lãng quên pháp tắc. Hiện thời, trong thời khóa, dấu chỉ cho nghỉ mười phút, rất nhiều người sẽ đều buông lung trong chốc lát. “*Buông lung*” là như thế nào? Tán hoại sự duy trì học Phật và học pháp của chính mình, ngay lập tức tán gẫu, nói những chuyện chẳng liên can. Thứ này hay, thứ kia dở ngay lập tức xuất hiện! Trong thời gian mười phút, luôn tận lực lợi dụng mọi cơ hội để gieo mình vào thế tục, dấn thân vào tạp duyên, hưởng hồ còn sa đà vào đó! Trước kia, tôi gặp một số vị sư phụ xuất gia, hoặc cư sĩ, trong lúc tu tập, hễ có thời gian liền ngủ. Tôi hỏi vì sao phải ngủ như thế? Họ nói chẳng được nghỉ ngơi! Dùng toàn bộ thời gian rảnh rỗi để ngủ, nhưng có thể nghỉ ngơi hay không? Bất quá là một thứ ám thị và cân bằng tâm lý đó thôi! Nếu như vậy mà có thể nghỉ ngơi thật sự, chúng ta sẽ ngủ cả vạn năm! Như thế thì thật sự có ý nghĩa hay không? Các vị thiện tri thức ơi! Chớ nên tự dối gạt mình!

(Kinh) Bất cầu danh văn cập lợi dưỡng, vô sở trước cố đắc thử Thiên.

(經)不求名聞及利養，無所著故得此禪。

(Kinh: Chẳng cầu tiếng tăm và lợi dưỡng, do chẳng chấp trước đắc Thiên này).

“*Bất cầu danh văn cập lợi dưỡng*” (Chẳng cầu tiếng tăm và lợi dưỡng): Trong hành pháp Ban Châu, tiếng tăm và lợi dưỡng là mối nguy hại to lớn tột bậc cho cái tâm. Đọa lạc trong ấy, bị tổn hại trong tình huống ấy, khá dễ nảy sanh. Vì sao vậy? Pháp ấy mạnh mẽ, có sức nổi kết mạnh mẽ! Hễ chẳng chú ý đôi chút, tâm mạn, tâm kiêu sẽ sanh khởi, gây chướng ngại cho mình lẫn người. Nhưng nếu là cái tâm lợi tha, tâm chẳng vì lợi dưỡng, ắt sẽ được thân tâm điều phục, mềm mỏng, trọn đủ bi và trí.

“*Vô sở trước cố, đắc thử Thiên*” (Do chẳng chấp trước nên đạt được môn Thiên này): Lợi ích thật sự của pháp này chính là lưu xuất quang minh và thiện xảo từ tâm trí tịch diệt.

(Kinh) Mạc sanh tật đố cập sân khuể, đương tư giải thoát chư dục tâm. Nhạo thử tam-muội cầu trụ giả, cần niệm vô giải nhĩ nãi đắc. Kim sắc bách phước trang nghiêm tướng, đoan chánh viên mãn nhược hoa vinh.

(經)莫生嫉妒及瞋恚，當思解脫諸欲心。樂此三昧求住者，勤念無懈爾乃得。金色百福莊嚴相，端正圓滿若華榮。

(Kinh: Đừng sanh ghen tỵ và nóng giận, hãy nghĩ giải thoát các dục tâm. Ưa thích, cầu trụ tam-muội này, siêng niệm, chẳng lười, bèn đạt được. Tướng sắc vàng trăm phước trang nghiêm, đoan chánh, viên mãn, đẹp rạng rỡ).

Đây là tỷ dụ tướng của đức Thế Tôn.

(Kinh) Thế gian nhạo kiến quang minh thể, thường đố chư Phật tại hiện tiền.

(經)世間樂見光明體，常睹諸佛在現前。

(Kinh: Thế gian ưa thấy thế quang minh, thường thấy chư Phật đang hiện tiền).

Niệm tướng hảo của Phật chính là phương tiện tu trì để quán sắc tướng. Trước kia, tôi đã theo một vài vị thiện tri thức học phương pháp như vậy, rất dễ thấy Phật tướng, rất dễ dàng, tột bậc dễ dàng! Nhưng rất nhiều người tu theo pháp ấy lại cho là rất khó, chẳng biết vì sao? Do vấn đề trong khái niệm, hay là có vấn đề về tri kiến? Hay là vấn đề về nhân duyên? Chẳng hạn như muốn quán tướng của Như Lai, quý vị đánh lễ một trăm lễ tám lần, tướng ấy sẽ hiện tiền. Chỉ cần quý vị cung kính, từ đầu đến cuối đều như nhau, liên tục lễ bái. Không tin thì chúng ta có thể thí nghiệm. Đối trước một bức tượng khá đúng pháp, trang nghiêm, quý vị hãy như thật lễ bái, ca ngợi. Cũng có nghĩa là trong khi lễ bái, trong tâm thốt lên lời ca ngợi, cho đến nói ra miệng cũng được. Khi lễ A Di Đà Phật, niệm Nam-mô A Di Đà Phật cũng được, hoặc lạy Dược Sư Phật, niệm Dược Sư Phật. Lạy vị Phật nào, niệm vị Phật đó, chỉ cần quý vị nhất quán từ đầu đến cuối, hoặc bốn mươi chín lần, hoặc hai mươi mốt lần, thậm chí bảy lần. Nếu là người siêng ròng, người thủ hộ thì cũng được thấy. “*Được thấy*” chính là thấy mà như chẳng thấy; đó chính là “*được thấy*”.

Thấy Phật chẳng khó, giống như chúng ta thấy các vật khác. Sự vật đều do tâm mà hiện. Các thứ khác dễ thấy, vì sao chẳng dễ thấy Phật? Trong tâm chúng ta có sợ hãi, trong tâm có khoảng cách, trong tâm chẳng có sự liên tục. Mọi người có thể thí nghiệm nhé! Hãy tìm một bức tượng Phật mà quý vị ưa thích nhất. Trong hoàn cảnh đơn giản nhất (tức là chỉ xếp đặt một nơi chỉ thờ bức tượng ấy), liên tục lễ một trăm lễ tám lạy. Quý vị nghiêm túc lễ bái, ca ngợi, cúng dường vị Phật ấy, có thể làm như thế đó. Tôi đã gặp rất nhiều người nói: “Ôi chao! Tôi niệm Phật đã nhiều năm ngàn ấy, chẳng thấy Phật lần nào cả!” Quý vị chẳng có tí xíu tâm cổ vũ nào, một tí tâm tiếp nối (tâm liên tục nghĩ tưởng Phật) cũng chẳng có, một tí tâm ca ngợi cũng chẳng có luôn! Như thế thì làm sao có thể hữu dụng cho được? Nêu một thí dụ đơn giản nhất, tôi chẳng khen ngợi mình, mà cũng chẳng phỉ báng mình. Nếu tôi thấy diệu tướng của Phật, chỗ gia trì trong công đức do thấy Phật là tuyệt đối chẳng tiếc nuôi bất cứ vật gì để cúng dường. Lúc tôi nghèo túng nhất, thật sự là áo đang mặc cũng cởi ra để cúng dường Phật. Ở đây chẳng phải là nói hư giả, tuyệt đối chẳng có bất cứ do dự nào! Đó chẳng phải là vấn đề có thiện căn hay không, mà là quý vị có tâm trí vui thích, ngưỡng mộ, thủ

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

hộ, cúng dường như thế hay không? Nếu chẳng có tâm trí ấy, làm sao quý vị thấy Phật cho được? Nếu quý vị gặp Phật mà còn suy nghĩ tính trừ trừ: “Con cúng dường Ngài có thích đáng hay không? Con lễ Ngài có hợp lẽ hay không?” [Nếu cứ bần khoản, so đo như thế], làm sao có thể thấy Phật cho nổi?

Thấy Phật chẳng khó, chỉ do tâm hiện. Cái tâm thành kính, liên tục, nhất định sẽ trông thấy. Đó chẳng phải là nói cao mình đâu nhé! Như trong phần văn tự thuộc phần trước đã nói, tâm chẳng thể tự thấy, cho nên Như Lai chính là tâm ta! Vì có sao vậy? Tâm làm Phật, tâm là Phật. Vì sao chúng ta có thể thấy chúng sanh tướng, mà chẳng thể thấy Phật tướng? Trên thực tế, có bất cứ chúng sanh tướng nào chẳng phải là Phật tướng ư? Tất cả các tướng mà ta được thấy và Phật tướng lại có gì khác biệt? Chỉ do tâm hiện, chẳng có chút nào khác biệt! Nhưng chúng ta có thể thấy chúng sanh tướng, vì sao chẳng thể thấy Phật tướng? Có thể thấy các thứ tướng tạp uế, tướng đăm nhiễm, tướng điên đảo, vì sao chẳng thể thấy Phật tướng? Chư vị thiện tri thức ơi! Nhất định phải cố vũ, khích lệ chính mình, hãy tu tập pháp tắc ở đây! Nếu quý vị chẳng tu tập, cứ lo nghe kẻ khác nói cho lắm vào, nói chung là chẳng thể tương ứng!

Trước kia, có một lần tôi nói: “Tôi hôm nay tôi niệm Quán Thế Âm Bồ Tát. Nếu chẳng được trông thấy, tôi sẽ nhảy lầu”. Bức bách chính mình một phen! Vì sao? Nay ác báo của tôi đã chín muồi. Chẳng thấy Quán Thế Âm Bồ Tát, sẽ chẳng thể tiêu trừ nghiệp duyên ấy, hoặc là chết phứt đi, hoặc thấy Quán Âm. Niệm Quán Thế Âm Bồ Tát một hơi hai tiếng đồng hồ như thế, Quán Thế Âm liền thuận theo cơ nghi mà hiện tướng. Chẳng phải là nói tôi hay ho gì, mà là cách vận dụng mạnh mẽ! Nếu tâm trí của quý vị chẳng có khát vọng như thế, làm sao có thể thấy cho được? Tôi nêu ra thí dụ này, chẳng nhằm nêu ra pháp tắc ấy [để xúi giục quý vị làm theo cách cực đoan ấy], mà có ý nói: Quý vị nhất định phải khích lệ chính mình, [đặt mình vào hoàn cảnh] chẳng còn có đường lui! Nếu quý vị còn có đường lui, làm sao có thể thấy Phật cho được? Quý vị có đường lui, sẽ thấy tạp duyên và tạp nghiệp trong hiện tiền của chính mình.

Người học Phật hiện thời có quá nhiều đường lui, không chỉ là một con đường lui, mà chắc là có cả tám trăm con đường lui! Vậy thì sẽ chẳng thể thấy Phật được! Chẳng sanh quyết định đối với pháp mà! Tôi kể với mọi người chuyện này, chẳng phải là cố vũ mọi người làm giống như tôi, mà là nêu một thí dụ cho quý vị. Thật ra, chuyện tôi làm chẳng

có ý nghĩa thực chất, cũng chẳng phải là tôi khoe khoang nguyện vọng của chính mình. Chuyện đó cũng chẳng có ý nghĩa chi hết, bởi lẽ ai cũng đều có thể làm được! Ai nấy đều làm như vậy, pháp tắc bình đẳng, chân thật mà!

(Kinh) Vãng cổ chư Phật cập tương lai, hiện tại nhất thiết nhân trung thắng. Nhữ đẳng nhất tâm cung kính lễ, diệc thường chuyên niệm, tu cúng dường.

(經)往古諸佛及將來，現在一切人中勝。汝等一心恭敬禮，亦常專念修供養。

(Kinh: Chư Phật xưa, nay, và tương lai, trong hết thảy người thù thắng nhất. Các ông nhất tâm cung kính lễ, cũng thường chuyên niệm, tu cúng dường).

Lễ bái và cúng dường, rất là trọng yếu! Sự cúng dường ấy không chỉ là nói suông, mà là từ tâm địa sanh khởi sự ngưỡng vọng và yêu thích. Có người nói: “Con người tôi tham tiền, keo kiệt, muốn thấy Phật, được hay không?” Nhất định là không được! Quý vị còn có cái giữ lại, tức là còn giữ chặt nghiệp tướng, quý vị sẽ thường trông thấy nghiệp tướng của chính mình, chẳng thấy thân tướng diệu sắc thanh tịnh của chư Phật. Tôi thường nghe một số Bồ Tát nói: “Ôi chao! Người khác nói họ thấy Phật, thấy Bồ Tát này nọ. Tôi hằng ngày lạy Phật, niệm Phật, có sao chẳng thấy?” Trước hết là do chẳng có cái tâm cung kính. Bản thân những câu nói đó chính là chẳng có tâm cung kính. Vì sao? Nếu quý vị thật sự dốc lòng cung kính, căn bản là sẽ chẳng ăn nói kiêu đó! Quý vị sẽ tôn trọng cái tâm của chính mình, dù thấy hay chẳng thấy, cái tâm cung kính đã là chân thật. Tâm cung kính sẽ chẳng có chuyện đối đãi [thấy mình đã] dốc lòng, làm sao có chuyện quý vị suy xét chính mình có được hồi báo hay là không! Do vậy, đánh mất cái tâm cung kính, thì đa số là lợi ích và hiệu quả sẽ bị khuất lấp!

(Kinh) Nhữ nhược cúng dường bỉ chư Phật, ưng dĩ hoa, hương, cập đồ hương. Huệ thí mỹ thực khởi tịnh tâm, chứng thử tam-muội thù phi nan!

(經)汝若供養彼諸佛，應以華香及塗香。慧施美食起淨心，證此三昧殊非難。

(Kinh: Nếu ông cúng dường chư Phật ấy, nên dùng hoa, hương và hương bôi. Khéo thì món ngon, khởi tâm tịnh, chứng tam-muội ấy thật chẳng khó).

Ở đây, đức Thế Tôn bảo chúng ta: Chẳng phải là chuyện khó! Vì quý vị kiên thành, điều phục, nhu hòa, liên tục ca ngợi, cúng dường, quan sát, tùy thuận, trong lúc ấy, tuy không thấy chư Phật, Phật đã hay biết. Vì lẽ nào? Do tâm trí điều hòa, nhu thuận, cung kính cúng dường, tâm trí tự đạt được điều phục, nhu thuận. Dẫu chưa thấy Phật mà lợi ích do thấy Phật đã hiện tiền! Nếu quý vị chẳng cầu được báo đền thì được rồi! Có người nói: “Tôi ở đây ngoài lễ bái, tán thán, ca ngợi, còn có cái tâm cầu thấy Phật, có được hay không?” Hễ dấy lên cái tâm ấy, hãy buông xuống, sẽ là như thật cúng dường, tán thán, tùy thuận. Đó là có ý nghĩa. Nếu quý vị lạy Phật hai lạy, đã nói: “Phật ơi! Sao Ngài chẳng hiện tiền?” Đó là quý vị nói với ai vậy? Nói điều kiện gì vậy? Dẫu rải các cánh hoa ở đó, vẫn là người khác mua cho quý vị, quý vị ngỡ chính mình có thể thấy Phật ư? Quý vị có một phần tâm chân thành thật sự hay chẳng? Chân thành là gì? Nó sanh khởi từ tâm trí chẳng dối đãi! Trong trước tác của Ngài, Thiện Đạo đại sư đã nói: “*Nếu là người niệm Phật, dù thấy, hay không thấy [Phật hiện thân], đều biết ân Phật*”. Chẳng thấy Phật cũng là Phật ân; thấy Phật cũng là Phật ân. Ở đây là tâm cung kính, tâm chân thật, tâm liên tục! Nếu quý vị chẳng có các tâm như thế, sẽ giống hệt như buôn bán, thời thời khắc khắc tính toán được mất, làm sao có thể thấy Phật cho được? Cái tâm ô nhiễm đã che lấp chính mình mất rồi!

(Kinh) Chư Phật tháp tiền tác chúng nhạc, loa, cổ, chinh, đặc, chư diệu âm. Hoan hỷ dũng được nan xưng lượng, tất đương thành tựu thứ tam-muội.

(經)諸佛塔前作衆樂螺，鼓鈺鐸諸妙音。歡喜踊躍難稱量，必當成就此三昧。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

(Kinh: Trước tháp chư Phật, tấu các nhạc, ốc⁶⁸, trống, chiêng, linh, các điệu âm. Hoan hỷ, hớn hờ, khó tính kẻ, ắt sẽ thành tựu tam-muội này).

Đôi trước Phật, Bồ Tát, chúng ta có thật sự vui thích cúng dường hay không? Công khóa đều chẳng muốn tham dự. Niệm vài câu Nam-mô A Di Đà Phật đã nói: “Niệm nhanh lên cho xong!” Tán Phật, lễ mấy lạy liền cảm thấy mệt mỏi, nhọc nhằn, chẳng muốn lạy nữa. Vậy thì làm sao có thể thấy Phật cho nổi? Quý vị tán Phật để thân tâm của chính mình an lạc đầy chãng? Quý vị tán Phật ư? Chẳng phải là quý vị bồi đắp cảm nhận của chính mình ư? Quý vị mong muốn thấy Phật à? Quý vị thật sự chẳng màng sanh mạng để được thấy Phật à? Chẳng màng nghiệp duyên của chính mình để thấy Phật à?

Tôi gặp một số thiện tri thức tu hành Phật pháp, thật sự là bậc dững mãnh. Thấy Phật đối với họ chẳng có gì là khó! Chớ nên giải đãi và buông lung, lại càng chớ nên chẳng [tu tập, ức niệm] liên tục. Người tu hành nơi đất Hán mắc cái tật lớn là không liên tục! Chẳng hạn như đến chánh điện bèn tu pháp, ra khỏi chánh điện, khỏi tu luôn! Chẳng tu pháp trong lúc ngoài công khóa thì lên chánh điện [dẫu có ra về tu hành] cũng chẳng tu. Buổi tối [tu hành] rất sốt sắng, sáng ra lên chánh điện ngủ gục! Rời khỏi chánh điện thì “A Di Đà Phật, A Di Đà Phật”, lên tụng niệm công khóa chẳng có ai hết. Như vậy mà có thể thấy Phật được sao? Đó là tu tự ngã, tự đại mà thôi, làm sao có thể thấy Phật cho nổi? Phật ở nơi đâu? Dùng gì để duy trì liên tục? Do vậy, trong tu pháp, chúng ta nhất định phải khéo nhận biết, khéo quan sát.

Hiện thời, trong hành pháp Ban Châu, xuất hiện cái duyên trái nghịch ở chỗ này. Trong tâm suy tưởng “ta phải tu pháp! Kệ xác đạo tràng!” Đạo tràng là để làm gì? Đối với đạo tràng, quý vị có chút yêu quý; tu pháp ở đó, sẽ có ý nghĩa. Nếu chẳng mến tiếc đạo tràng này mà muốn tu pháp ở đó, quý vị tu pháp bằng cách nào? Do cái tâm ấy, quý vị sẽ chẳng có cách nào tu pháp! Tâm ấy là tâm gì vậy? Màu xanh ư? Màu xanh ở chỗ nào? Do vậy, chúng ta học Phật, nhất định phải lòi ra cái tâm kiên thành, tâm cung kính. Sau đó, dù làm chuyện gì cho người khác, làm chuyện của đạo tràng, hay làm chuyện của chính mình, đều là đang tu hành! Nếu chẳng có cái tâm cung kính, tâm kiên thành, chính mình sẽ dưới là tu hành nhằm vun bồi ngã mạn, trên là tu buông lung, giải đãi,

⁶⁸ Loa ở đây là loại vỏ ốc dùng làm tù và để thổi.

như thế thì làm sao có thể thành tựu cho được? Thừa sự giả dối, làm sao có thể thành tựu cho nổi? Các vị thiện tri thức ơi! Phải nhận thức cho đúng chỗ này! Hãy nhận thức cho đúng, vận dụng cho đúng nhé!

(Kinh) Khuyến tạo tôn tượng vô tỷ thân, thái họa trang nghiêm, cụ túc tướng. Kim sắc quang đại, vô hà cấu, chứng thử tam-muội lương phi nan. Các các thường niệm tu pháp thí, thanh trì cấm giới cập đa văn. Tinh cần, dũng mãnh, trừ giải đãi, đắc thử tam-muội chung bất cửu.

(經)勸造尊像無比身，彩畫莊嚴具足相。金色光大無瑕垢，證此三昧良非難。各各常念修法施，清持禁戒及多聞。精勤勇猛除懈怠，得此三昧終不久。

(Kinh: Khuyến tạo tôn tượng thân khôn sánh, vẽ vời trang nghiêm, tướng trọn đủ. Kim sắc sáng ngời, không tỳ vết, chứng tam-muội này thật chẳng khó. Ai nấy thường nghĩ tu pháp thí, trì giới thanh tịnh và đa văn. Siêng rông, dũng mãnh, trừ giải đãi, đắc tam-muội này trọn chẳng lâu!)

Nay chúng ta ở đất Hán, tu pháp liên tục và dũng mãnh đúng là rất khó khăn. Thường là nói chính mình mong đạt được lợi ích ấy, vẫn là chẳng nở xả “thân, tâm, thế giới và cảm nhận” của chính mình. Rất nhiều người vì an nhàn mà tu pháp, vì danh dự mà tu pháp, vậy thì làm sao có thể thấy thiện xảo và công đức rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật cho được? Tức là thiện xảo và công đức vô ngã, thiện xảo và công đức bi trí. Bất luận tu pháp hay học tập, làm gì cũng chỉ vì một chữ Ngã! “Đổi đầu, thay mặt” chẳng lìa khỏi Ngã! Vậy thì quý vị làm sao có thể thấy Phật cho nổi cơ chứ!

(Kinh) Bất ưng tha sở hoài độc tâm, diệc xả thế gian chư dục sự. Thường dĩ từ bi niệm nhất thiết, tam-muội khởi viễn tại hiện tiền? Ư pháp sư sở thường tùy hỷ, tôn trọng cung kính đẳng Như Lai. Mạc sanh khinh mạn dữ xan tham, hỷ tâm cúng dường trừ tật đố. Vô lượng chư Phật cộng xưng dương, như dẫn cần câu tự đương đắc.

(經)不應他所懷毒心，亦舍世間諸欲事。常以慈悲念一切，三昧豈遠在現前？於法師所常隨喜，尊重恭敬等如來。莫生輕慢與慳貪，喜心供養除嫉妒。無量諸佛共稱揚，汝但勤求自當得。

(Kinh: Đừng ôm lòng ác với người khác, cũng xả thế gian các dục sự. Thường nghĩ từ bi với hết thấy, tam-muội hiện tiền há có xa? Đối với pháp sư luôn tùy hỷ, tôn trọng cung kính hết Như Lai. Đừng sanh khinh mạn và keo tham, hoan hỷ cúng dường trừ ghen tỵ. Vô lượng chư Phật cùng xưng tán, ông chỉ siêng cầu, tự đạt được).

Đây chẳng phải là chuyện của người khác! Chúng ta đếm trên bảo mà mình sẵn có, tức là siêng năng tu pháp. Nếu vì pháp mà hy sinh thân mạng thì sắc thân này của chúng ta có ý nghĩa. Nếu không, thân này là thân đang tạo nghiệp.

Từ vô thi đến nay, chúng ta tạo ác nghiệp, như trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện đã nói: “Nếu [các ác nghiệp ấy] có hình sắc, pháp giới khó thể chứa đựng”. Thế gian khó thể chứa nổi, chẳng lẽ còn chưa đủ nhiều ư?

(Kinh) Thế Tôn trịnh trọng diễn thuyết tu, vị tu như thị diệu pháp cố.

(經)世尊鄭重演說斯，為修如是妙法故。

(Kinh: Thế Tôn trịnh trọng nói điều đó, vì tu diệu pháp như thế ấy).

Do vậy, đức Thế Tôn trịnh trọng tuyên nói pháp tắc khó được, khó nghe như vậy, khiến cho chúng ta đạt được Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền Lập dễ dàng! Nói giáo pháp như thật, khiến cho chúng sanh có thể vận dụng. Do vậy, được nghe pháp khó nghe, dễ đạt được hiệu quả và lợi ích nơi tam-muội, quả thật là bồn hoài xuất thế của chư Phật.

“Vị tu như thị diệu pháp cố” (Vì tu diệu pháp như thế): Đức Thế Tôn trịnh trọng tuyên nói giáo pháp này, xét ra, mục đích vẫn là khuyên hữu tình tu nơi hiện duyên. Vậy thì chúng ta học tập cũng giống như thế, chẳng có ý gì khác. Nếu chẳng vậy, chúng ta học tập siêng khổ nhọc

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

nhân, nhưng mọi người lãng phí thời gian, đúng là chẳng có ích gì cho cả mình lẫn người. Vậy thì hãy nên sám hối!

6. Phẩm thứ ba: Kiến Phật

Chúng ta tiếp tục dùng văn tự để ấn khế tâm địa, dùng dùng chi khác! Kinh điển đích xác là quang minh tạng để gột rửa tối tăm trong tâm chúng ta, là cam lộ để gột rửa chất độc trong tâm ta, cũng đích xác là pháp tắc để ấn khế tâm địa tốt nhất, trực tiếp nhất, là pháp tắc thỏa đáng nhất, đặc lực nhất để chỉ đạo cuộc sống khỏe mạnh và hoàn thiện, tiến nhập hoàn thiện, thành tựu hoàn thiện, an trụ hoàn thiện. Kinh điển là một thứ ngôn thuyết trí huệ nhất, từ bi nhất, thiện xảo nhất phun trào từ tâm địa của chúng ta, là âm thanh đẹp đẽ nhất lưu xuất từ tâm trí thiện xảo nhất, từ bi nhất, nghiêm cẩn nhất của mỗi chúng sanh, chẳng phải do kẻ khác nói. Bất quá là Phật tuyên nói, các vị đại Bồ Tát, thiện tri thức kết tập [các ngôn thuyết ấy (các lời dạy của Phật)], chúng ta lại dùng nó để dẫn đường, ấn khế tự tâm. Tâm tương ứng với tâm như thế, đèn này truyền sang đèn khác như thế, tuyệt đối chẳng có tơ hào tăng giảm. Nó là chân thật, chân thật chẳng thể nghĩ bàn, đích xác là có thể lợi ích rộng rãi hữu tình trong thế gian. Nếu như thật gột rửa tâm cấu, thấp đèn trí huệ, vận dụng phương tiện từ bi, chiếu sáng thế gian, vậy thì người học tập kinh điển chúng ta cũng giống như Phật, Bồ Tát, hoặc bậc trí an trụ trong thế gian này. Nếu không, chúng ta dùng tri kiến ngu si, nghiệp ngu si, nghiệp lưu liên tục mà trầm luân trong biển sanh tử vô cùng, chẳng thể tự thoát ra được.

Mục đích học tập của chúng ta cũng là ấn khế tự tâm, trực tiếp thoát khỏi sanh tử, chẳng nhờ vào phương tiện! Sanh tử vốn chẳng thể được, chúng sanh hư vọng tự tạo tác, kiến lập nghiệp sanh tử hư vọng và nghiệp tương tục (sự liên tục của nghiệp), khiến cho chúng ta trầm luân, chẳng thể xuất ly. Nay chúng ta dùng pháp tắc, kinh điển, và giáo ngôn này để ấn khế và nhận thức tự tâm chân thật, chẳng tăng giảm. Đó cũng là trực tiếp thoát khỏi sanh tử. Ở đây, chẳng có sợ hãi. Thường là sợ hãi vì tâm phân biệt che lấp, hoặc do chấp trước che lấp, như bị che lấp bởi [các chấp trước đối đãi] cao, thấp, lớn, nhỏ, thiện, ác, đúng, sai, phàm, thánh, cũng như nghiệp tạo tác bởi tất cả các hành vi của cái Ngã trước kia. Do đó, công nặng trĩu gánh nặng lịch sử, bị che lấp bởi tập nhiễm sâu dày từ vô thủy tới nay, chính mình khó thể thoát khỏi được, giống như bị hãm trong đầm lầy vậy! Chúng ta làm thế nào để thoát ra? Cần phải

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

nhờ vào kinh giáo, nhất là trong lúc trước hoặc sau khi Phật trụ thế, đức Thế Tôn kế tiếp chưa giảng sanh trong cõi đời, mà đức Thế Tôn trước đó đã nhập diệt, nhưng di giáo của Ngài vẫn còn ảnh hưởng chúng ta. Chúng ta tôn trọng di giáo ấy như thế nào? Di giáo do các vị thầy đời đời truyền thừa, di giáo chẳng tăng giảm. Như vậy thì [di giáo] sẽ có thể chỉ đạo tâm trí của chúng ta, xa lìa các thứ tri kiến độc hại của ngoại đạo, hoặc là tri kiến bất chánh độc hại. Như thật biết tự tâm chẳng phải là pháp nào khác, chẳng từ nơi nào khác đến, mà cũng chẳng đi nơi khác. Thiện và ác chẳng có đến hay đi, pháp tắc phạm thánh cũng chẳng đến hay đi. Vì hết thấy các pháp vốn chẳng có tự tánh, chọn lựa ngay trong hiện tiền. Tâm làm Phật, tâm chính là Phật. Ở ngay chỗ này, chớ duyên theo nơi khác. Pháp tắc đích xác đơn giản, rõ ràng như thế đó! Phật pháp vốn chẳng có nhiều ý chỉ! Cố ý biến Phật pháp thành rất thâm áo, rất huyền diệu, rất xa xôi, sẽ là chuyện chẳng tương ứng. Nhưng nếu coi Phật pháp là rất thấp thỏi, hèn kém, thì cũng chẳng tương ứng! Vì thế, chúng ta dùng hình thức trang trọng và nghiêm túc để khích lệ tự tâm tôn trọng, và thủ hộ một cách tôn trọng. Đó cũng là pháp tắc này và pháp tắc kia ẩn khế lẫn nhau!

(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần Kiến Phật phẩm đệ tam.

(經)大方等大集賢護分見佛品第三。

(Kinh: Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần. Phẩm thứ ba: Thấy Phật).

Khoa phán là để mọi người nhận thức chỗ trọng yếu trong đoạn văn tự này. Đó gọi là “*cuong cử mục truong*” (nắm lấy dây chài chính của cái lưới giơ lên, các mắt lưới sẽ căng ra). Cái “*mục*” (mắt lưới, điểm trọng yếu) sẽ có thể khiến cho chúng ta thấy rõ ràng nội dung thực tế của văn tự.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn phục cáo Hiền Hộ Bồ Tát ngôn: - Hiền Hộ! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát, dục đắc thành tựu thử tam-muội giả, đương ưng u bỉ thuyết pháp sư sở, sanh chư Phật tướng.

(經)爾時，世尊復告賢護菩薩言：「賢護！若諸菩薩摩訶薩，欲得成就此三昧者，當應於彼說法師所，生諸佛想。」

(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn lại bảo Hiền Hộ Bồ Tát rằng: - Nay Hiền Hộ! Nếu các Bồ Tát Ma Ha Tát muốn được thành tựu tam-muội này, hãy nên đối với vị thầy thuyết pháp, sanh tâm tưởng như chư Phật).

Công đức của chư Phật được thí trọn vẹn cho một người, quả thật là thiện xảo quan sát, cũng là thông qua hoặc nhờ cậy nhân duyên trợ giúp của thầy để trở về căn bản giáo hóa thanh tịnh viên mãn của chư Phật. Đây thật sự là một sự khai phát và giáo dục chẳng thể nghĩ bàn, mà cũng là một sự hướng dẫn chẳng thể nghĩ bàn. Sự hướng dẫn ấy chính là “*y pháp, bất y nhân*” (nuông theo pháp, chẳng dựa dẫm theo người khác). Vì sao vậy? Ở đây, đức Thế Tôn đã nói mười phần rõ ràng, “*Ung u bi thuyết pháp sư sở, sanh chư Phật tướng*” (Đối với vị thầy thuyết pháp ấy, hãy sanh tâm tưởng như chư Phật). Chư Phật trọn đủ bi trí, trọn đủ phương tiện, khiến cho hết thảy chúng sanh nhập tri kiến của Phật, thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đó là chánh nhân duy nhất của chư Phật.

Chúng ta đều biết, trong giáo ngôn được thủ hộ bởi hết thảy ngoại đạo, đều có một Thượng Đế, hay một vị Chúa chi đó, tức là có một đấng sáng tạo nhân loại có sức mạnh to lớn. Phật giáo chẳng tuyên nói như thế. Phật giáo nói: “*Hết thảy chúng sanh đều có thể thành Phật*”, hoặc: “*Hết thảy chúng sanh vốn là Phật*”. Nói “*chúng sanh vốn là Phật*”, nhưng do chúng sanh mê mờ, cho nên [chư Phật] tạo lập đủ thứ pháp tắc hồng hướng dẫn chúng ta thật sự lựa chọn chánh tri kiến. Kinh Viên Giác nói “*hết thảy chúng sanh vốn là Phật*”; do vậy, có Bồ Tát bèn hỏi: “Hết thảy chúng sanh vốn là Phật, vậy thì chư Phật Như Lai có gì lại sanh kiến giải điên đảo, trở thành chúng sanh đọa lạc vậy?” Đây là chỗ khiến cho hết thảy chúng sanh ngò vức, là chỗ đích thân chúng đắc của chư Phật. Tất cả các công đức nơi chư Phật chẳng tăng, tại phàm phu chẳng giảm. Điều như thế được gọi là Phật Tánh. Chắc là đối với pháp tắc như vậy, chúng ta nầy sanh nhiều nổi nghi hoặc. “*Nghi hoặc*” như vừa nói đó là do cái tâm phân biệt, chấp trước, vọng tưởng từ vô thi tới nay tạo ra. Tức là cảm giác khác biệt và nghiệp báo sai biệt do các pháp

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

tắc thiện hay ác được tạo thành bởi phân biệt và chấp trước từ vô thi tới nay, nầy sanh cái gọi là “*sự thật nghiệp tướng*”, tức là cái nghiệp tướng mà mọi người hiện thời có thể trông thấy hay cảm nhận. Kết quả là khiến cho hữu tình trầm luân, đeo gánh nặng trong tự tâm!

Đối với thầy, hãy nên sanh tâm tướng như chư Phật. Đối với chuyện này, chúng ta phải nhận biết vì sao chư Phật xuất thế, vì sao thí giáo, vì sao lợi lạc chúng sanh? Vì lẽ ấy, trong kinh Pháp Hoa, đức Thế Tôn đã nói về một đại sự nhân duyên duy nhất khiến cho chư Phật Như Lai xuất hiện trong cõi đời. Đó là phán quyết tối hậu, xác định mục đích xuất thế chân thật của chư Phật là để lợi lạc thế gian, vì tạo lợi ích rộng rãi cho hữu tình, vì khiến cho chúng sanh quay về, nhập vào bồn vị của hết thầy chư Phật. Ở đây, sẽ khiến cho chúng sanh có ba loại nghi hoặc: Nói “*hết thầy chúng sanh vốn là Phật*”, sẽ khiến cho chúng sanh nầy sanh nghi hoặc, nói “*đại sự nhân duyên duy nhất khiến chư Phật Như Lai xuất hiện trong cõi đời*”, có thể là mọi người còn nghi hoặc. Khi sanh nghi hoặc thì là lúc vừa khéo học Phật pháp.

(Kinh) Khởi tôn trọng tâm, vật sanh kiêu mạn.

(經)起尊重心，勿生憍慢。

(Kinh: Dậy lòng tôn trọng, đừng sanh kiêu căng, ngạo mạn).

Tâm hết thầy phạm phu đều cho rằng các nghiệp do chính mình đã tạo tác đều là như thật, những gì chính mình thấy là như thật, chính mình cảm nhận đúng như thật, tức là [chấp trước] tri kiến của chính mình là chánh xác, nghiệp do chính mình đã tạo là chánh xác, tư tưởng của chính mình là chánh xác. Đó gọi là “*phạm phu tâm*”. Trong tâm của chư Phật, Bồ Tát, chẳng có một pháp nào để có thể thành, chẳng có một pháp nào để có thể lập, tuy lợi ích thế gian mà vô vi, vô nhiễm, chẳng đắm chấp! Như nguyện vọng đại bi của Quán Thế Âm Bồ Tát, đáng nên dùng thân gì để độ, vị Bồ Tát ấy liền ứng hiện thân đó. Trong đó, chẳng có đúng, sai, thiện, ác để tuyên nói, nhưng vì có thể khiến cho chúng sanh độ thoát, thành tựu Bồ Đề [mà hiện thân tương ứng]. Rất nhiều kẻ tại gia, xuất gia học Phật bình phạm chúng ta, khởi tâm động niệm là gì vậy? Cảm giác đầu tiên là “ta luôn chánh xác”. Cảm giác thứ hai là “kẻ khác sai be bét”. Cảm giác thứ ba là phải “thuyết phục kẻ khác [suy nghĩ cùng một kiểu như ta]”, đem “tri kiến chánh xác” của ta nói cho người khác. Chuyện này chẳng ăn nhập gì với Phật pháp! Chúng ta có thể quan sát

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

đôi chút, sẽ thấy nỗ lực chinh phục người khác đúng là vô nghĩa! Chư Phật, Bồ Tát xuất thế đều nhằm hướng dẫn chúng sanh “*liạ khổ, được vui, thành tựu Bồ Đề*”. Các vị thiện tri thức ơi! Chúng ta phải khéo so sánh giữa sự sai biệt của chính mình và sự không sai biệt của chư Phật, Bồ Tát! Cái “sai biệt mà chẳng sai biệt ấy” có phải là do bản thân chúng ta cưỡng chấp tạo tác mà xuất hiện hay chẳng?

Vì thế, “*khởi tôn trọng tâm, vật sanh kiêu mạn*” (dây lòng tôn trọng, đừng sanh tâm kiêu căng, ngạo mạn): Sự kiêu mạn ấy chính là do quý vị chấp trước “chính mình là chánh xác” nên mới xuất hiện. Quý vị ngỡ chính mình mười phần chánh xác, cho nên mới mười phần kiêu mạn! Ngỡ chính mình mười phần phước đức, quý vị mới mười phần kiêu mạn! Rất nhiều người tại gia học Phật than với tôi: “Người học Phật hiện thời coi bộ không được! Quá kiêu mạn!” Đích xác là làm cho kẻ khác cảm thấy [người học Phật] quá kiêu mạn, cũng có nghĩa là [người học Phật có thói quen] dùng sở học của chính mình để chỉ trích kẻ khác, cho rằng kẻ khác chẳng tu tập, cứ ngỡ người khác chẳng có thiện căn, ngỡ người khác mê mẩn! Kết quả là ăn nói kiêu mạn, chẳng phải là lời lẽ lợi lạc người khác. Đức Phật dạy pháp Tứ Nhiếp để nhiếp thọ chúng sanh, tức đồng sự, ái ngữ, bố thí, lợi ích rộng rãi (còn gọi là lợi hành). Đồng sự là chẳng nói kẻ khác tốt hay xấu. Ái ngữ là quan tâm, tạo lợi ích cho đôi phương. Bố thí: Người khác cần “chẳng sợ hãi” bèn bố thí vô úy cho họ. Cần tiền bạc, tài vật, bèn tài bố thí. Cần pháp tắc, bèn ban cho pháp tắc (pháp bố thí), khiến cho họ an lạc, tiến nhập đạo nghiệp Bồ Đề. Sau đây mới là công đức thật sự tạo lợi ích rộng rãi. Do vậy, sự khác biệt là dùng cái tâm thế tục để học Phật, vẫn phải dùng chuyện lợi ích người khác để học Phật. Tứ Nhiếp Pháp là một tấm gương trao đổi khá tốt đẹp.

Mọi người khi bàn luận chuyện gì đó, kẻ tâm đã điều phục, mềm mỏng, bèn cười vui vẻ, chẳng nói chuyện thị phi. Nhưng kẻ mà bản thân có chút “tu chứng”, có chút “pháp tắc”, [do kiêu mạn, chấp trước], vừa mở đầu liền phán những điều chính mình nói rất chánh xác, như thế thì phải có nhiều công đức. Kết quả là [cho rằng] kẻ khác dẫu siêng gắng vẫn chẳng làm tốt, mạn tâm sanh khởi, [cứ ngỡ bản thân cao siêu lắm, kẻ khác] chẳng thể rớt tới được, chẳng tiếp xúc được, chẳng thấy được, chẳng thể diễn tả được! Quý vị đối với người khác chẳng cung kính, chẳng cúng dường, chẳng lễ bái, người ta sẽ chẳng tiếp nhận quý vị. Vì sao xuất hiện cái tâm kiêu mạn như thế? Đó là vì chẳng có duyên khởi điều phục nhu hòa được truyền thừa từ vị thầy này sang vị thầy khác. Duyên khởi ấy ở ngay trong cái tâm hiện tại, chúng ta phải bỏ gánh nặng

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

“thiện, ác, nghèo hèn, cao, thấp, phàm, thánh, như pháp, chẳng như pháp” từ vô thủy tới nay của chính mình. Các thứ ấy đều là các thứ nặng nề do Sở Tri Chương của quý vị đem lại! Nó sẽ bức bách quý vị, và cũng sẽ bức bách các hữu duyên hữu tình khác, quý vị hãy khéo quan sát.

Các vị thiện tri thức ơi! Chúng ta học Phật là để vận dụng pháp tắc, đích xác là để giải trừ sự đau khổ nơi tâm linh của chính mình, giải trừ chương ngại nơi tâm linh của chính mình, khiến cho thân tâm của chính mình thật sự mạnh khỏe, chẳng phải là để phô trương “ta chánh xác”. Lập nhãn hiệu, in nhãn hiệu cầu chứng, bộ quý vị tính làm “đồ hiệu nổi tiếng” (brand name) ư? [Làm như thế] có ý nghĩa gì chẳng? Điều này thật sự chẳng có ý nghĩa cho mấy, thường là chẳng thể mang lại an lạc cho chính mình, mà cũng khiến cho kẻ khác hoang mang, đau khổ. Điều này tương phản với Phật pháp, chắc là vấn đề thuộc về nhân duyên. Tôi thường nghe hai ba người tranh luận, rất ít khi nghe người ta nói: “Tôi xử lý vấn đề này chẳng thỏa đáng, tôi sám hối. Chỉ cần mọi người có thể học Phật, tôi nhất định sám hối”. Rất ít khi nghe lời lẽ sám hối như thế, cơ bản đều là: “Tôi đúng”. Đối với một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy... hoặc nhiều hơn, có thể nói là mười mấy điều “tôi chánh xác”, “người khác sai”. Sai sót ở điều thứ nhất, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy... Nếu lại nêu ra tiếp, thì có thể nêu ra mười mấy điều [để chứng tỏ] kẻ khác sai lầm. Trao đổi Phật pháp kiểu ấy là đã đi ngược đường. Điều này giống như hai bên lập trận công kích nhau, kiến lập sự đối chọi, chẳng có mấy may tương ứng với Phật pháp. Như thế thì sẽ giống như luyện nắm đấm trong Phật pháp, coi thử ai có nắm đấm cứng hơn. Coi ai có thể chiến thắng đối phương! Duyên khởi ấy chẳng tương ứng. Hễ kẻ nào chiến thắng đối phương, sẽ vạch ra rất nhiều “quá khứ” của đối phương. “Quá khứ” là nói đến lầm lỗi, “quá khứ” là vạch ra lầm lỗi. [Đồng thời], nêu ra rất nhiều quá khứ của chính mình. Quá khứ [của chính mình] là nhân duyên thiện pháp, chánh tri kiến, hành vi, cho đến phước đức và nhân duyên [của chính mình]. Vì sao sanh ra trạng thái học tập Phật pháp mà lại nghịch đạo như thế? Đối với điều này, các vị thiện tri thức tại gia và xuất gia, hãy đều nên nghiêm túc điều phục nhu hòa các hiện duyên nơi tâm trí của chính mình. Cũng có nghĩa là [hãy tự xét] một niệm hiện tiền của quý vị rốt cuộc là duyên theo điều gì? Đối với khởi tâm của quý vị trong hiện thời, bản thân quý vị duyên theo điều gì? Đừng nên quan sát người khác trước! Điều thiết yếu là hãy như thật biết chính mình trong hiện tiền, biết một niệm hiện tiền, như thế thì quý vị sẽ có thể đạt được duyên khởi thanh tịnh để giải trừ những cái nặng nề

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

trong quá khứ, tức là tạo duyên khởi ngay trong hiện tiền, như thế thì sẽ có cơ hội tiến nhập thấu triệt, học tập Phật pháp.

Ở đây, “*dục đắc thành tựu thử tam-muội giả, u bi thuyết pháp sư sở, sanh chư Phật tướng, khởi tôn trọng tâm*” (người muốn được thành tựu tam-muội này thì đối với vị thầy thuyết pháp, hãy sanh tâm tưởng như chư Phật, đầy lòng tôn trọng), chẳng phải là có nghĩa khởi đầu thì có tâm tôn trọng; sau đó, chẳng còn tôn trọng nữa! Có nhiều vị Bồ Tát tu theo kiểu này: Lần đầu tiên gặp gỡ quý vị thì tâm bèn tôn trọng, lần thứ hai đã quen thuộc rồi, chẳng cần tôn trọng nữa. Lần thứ ba thì sao? Cảm thấy chẳng khác biệt lắm! Lần thứ tư là lên mặt dạy bảo người ta liền! Đây là đã đánh mất cái tâm thanh tịnh và tâm điều nhu của chính mình trong hiện thời! Tôn trọng bèn nhất định lễ bái, cúng dường. Hoàn toàn chẳng phải là hình thức! Thật sự [tôn trọng] là tâm địa như thật quang minh và yêu thích, đích xác là khiến cho đối phương, khiến cho hiện duyên hữu tình đạt được tâm từ bi an lạc, tâm trí huệ. Đó là bản tâm chẳng đắm nhiễm và vô cấu, chiếu rạng ngời hữu tình trong cõi đời hiện tại, khiến cho họ nhận biết bản tâm, chẳng đánh mất tự tâm. Có thể làm như vậy thì mới là thật sự cung kính. Đương nhiên, các hình thức lễ bái, hình thức trao đổi, thứ tự chỗ ngồi thật sự chẳng vì người ấy mà xếp đặt, mà là do nghiệp tướng tụ tập. Trước kia, đã có Bồ Tát hỏi tôi như thế này: “Vì sao mọi người phải cúng dường, lễ kính người này, mà chẳng cúng dường, lễ kính người khác? Hoặc là chẳng tùy thuận người kia?” Tôi nói: Chỉ là do nghiệp lực khiến thành như thế, do hiện duyên khiến thành như thế. Hoàn toàn chẳng do con người cưỡng chế, an bài. Nếu cưỡng chế an bài, sẽ rất mệt mỏi. Nó chỉ là một thứ biểu đạt hiện duyên thuận lý thành chương của mọi người. Thật ra chẳng trọng yếu cho lắm! Nếu hiện thời, chúng ta đối với chỗ này, bất luận hàng Bồ Tát xuất gia hay tại gia, thật sự cho rằng tri kiến của chính mình có thể lợi ích rộng rãi hữu tình trong thế gian, quang minh thật sự sẽ khó thể ngăn che! Bậc thiện tri thức như vậy, nếu chư Phật, Bồ Tát chẳng đề cao, long thiên hộ pháp cũng sẽ đề cao quý vị. Nếu long thiên hộ pháp chẳng đề cao quý vị, thì hiện tiền đại chúng cũng sẽ nâng quý vị lên! Vì sao? Do nhu cầu của thế gian. Chúng ta có thể trông thấy điều cần thiết trong thế gian này: Người trong thế gian này mê muội, tâm trí chẳng có chỗ an lạc, chẳng có pháp tắc rõ ràng để nương cậy, chẳng có phương tiện lợi tha, chẳng chọn lựa phương tiện tự lợi, mọi người đều cần đến pháp tắc!

Vì thế, “*vật sanh kiêu mạn, khởi tôn trọng tâm*” (đừng sanh kiêu căng, ngạo mạn, hãy đầy lòng tôn trọng) ở đây quả thật là cái tâm đáng

nên dậy khởi trong hiện duyên hiện tại. Tức là chúng ta hằng ngày đều phải thực hiện nghi quỹ lễ thỉnh để làm gì? Hằng ngày xướng bài kệ tán chi đó, niệm chú Phật, hải hội Phật, Bồ Tát chi đó để làm chi vậy? Mỗi lần chúng ta đều phải làm giống hệt như lần đầu tiên, cung kính đánh lễ hiện duyên của chính mình, nhận biết tự tâm!

(Kinh) Nãi chí vô hữu tranh cạnh, vi nghịch, bất thuận tâm cố.

(經)乃至無有諍競，違逆不順心故。

(Kinh: Cho đến chẳng có tâm tranh đua, kèn cựa, trái nghịch, chẳng thuận tòng).

“Thừa sự sư trưởng” trong giáo ngôn của cả ba thừa đều rất trọng yếu. [Phải hiểu] “sư trưởng” chẳng phải là một người hay một vật chi đó, đó là một sự biểu trưng. Chẳng hạn như có người nói, tôi đối với bức tượng Phật này sanh khởi tâm tưởng cung kính và thừa sự, vậy thì hiện thời quý vị có thể dâng nước, dâng hoa và thức ăn, cho đến dùng âm thanh đẹp để niệm tụng. Thật ra, đây chẳng phải là hình thức. Rất nhiều chân ngôn đều là các bài kệ tán tụng rất hay đẹp, nội dung mười phần nồng hậu, hàm súc, nhưng đều là những lời lẽ rất xác đáng, hoặc là ca ngợi chư Phật Thế Tôn, là các ngôn từ cúng dường chư Phật Thế Tôn sâu xa nhất, toàn vẹn nhất, hoặc là các thệ nguyện, hoặc là các lời ca ngợi thệ nguyện, ca ngợi công đức hồi thí bởi các thệ nguyện. Nếu phiên dịch ra, đúng là mười phần tuyệt diệu, nội dung mười phần lạ lùng đặc biệt! Nhưng chân ngôn thuộc loại Ngũ Bất Phiên (五不翻, năm thứ không phiên dịch)⁶⁹.

⁶⁹ Gọi đầy đủ thì là Ngũ Chung Bất Phiên do ngài Huyền Trang đề ra trong lý luận về phiên dịch từ tiếng Phạn sang tiếng Hán, tức là năm trường hợp sẽ chỉ bảo lưu cách phiên âm, chứ không dịch nghĩa một từ ngữ tiếng Phạn:

1. Do bí mật chẳng dịch, như các chữ trong Đà La Ni. Do một chữ chân ngôn có thể bao hàm vô lượng nghĩa bí mật, nếu dịch nghĩa ra sẽ trở thành ngô nghê và đánh mất tác dụng của chú ngữ.

2. Do chứa đựng nhiều nghĩa nên không phiên dịch, như chữ Bạc Già Bà (Bhagavān) có sáu nghĩa là “tự tại, xí thịnh, đoan nghiêm, thiện danh xưng, cát tường, tôn quý”, nên nếu chỉ dịch là Thế Tôn thì đã đánh mất ý nghĩa.

3. Do trong cõi này (Trung Hoa) không có, cho nên không dịch. Chẳng hạn như cây Diêm Phù, Càn Thất Bà, Ca Lô La, Ca Lăng Tần Già...

4. Do thuận theo cổ nhân nên không phiên dịch, như A Nậu Bồ Đề, A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Do [mỗi chữ trong chân ngôn] có nhiều nghĩa, nếu dịch ra, sẽ khiến cho chúng sanh nghi ngờ. Vì thế, chẳng dám phiên dịch. Nếu quý vị đối với một bức tượng, sanh khởi lòng tôn trọng, thừa sự, tưởng như thấy chư Phật, bức tượng ấy cũng sẽ mở miệng nói năng! Nếu lúc một người thật sự đạt đến trạng thái cực hạn, thứ gì cũng đều có thể nói năng. Người có lòng thành, đá còn gập đầu, huống hồ chúng ta đối trước tượng Phật, huống hồ chúng ta đối trước hình dung giả để cầu hình dung thật ư?

Do vậy, ở đây, tôn kính người khác, trong đó “*người*” bất quá là một thứ biểu đạt mà thôi. Bất quá, dùng “*người*” để biểu đạt thì có vài thứ phương tiện. Chẳng hạn như “*đồng khí*” (同氣), tức là mọi người hô hấp giống nhau, đều là loài người mà! Lại như cảm nhận tương đồng, trong sáu pháp tức mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý, mọi người có tốc độ tiến nhập giống nhau. Do đó, dễ cùng lúc thấu hiểu, dễ cảm giác tương ứng. Vì thế, nếu có nhận biết, sẽ có thể xa lìa yêu ghét, đúng pháp thủ hộ, chẳng tăng giảm đối với Phật pháp, chẳng tổn giảm lời dạy của đức Thế Tôn, có thể nương theo sức truyền thừa của pháp và kinh để hồi thí cho hữu tình trong hiện duyên, đáng nên tôn trọng, bất luận là ai, chẳng do danh tự như thế nào! Đất Hán khá khuyết thiếu một cơ chế giáo dục của sư trưởng. Trước kia, khi thầy tôi còn sống, tôi nương theo thầy học giới luật, rất cẩn trọng. Thầy thường xuyên quở trách quý vị, dù quý vị làm đúng hay sai, đều bị quở mắng như nhau, khiến cho trong tâm của kẻ khác [đều cảm thấy] vị sư trưởng ấy đối với ai cũng như thế, chỉ nên cúng dường, chỉ cung kính, chỉ bình đẳng một mực thủ hộ. Quý vị chẳng có cơ hội đánh giá đúng hay sai, chẳng có cơ hội biện bạch. Nếu có cơ hội biện bạch, tức là người ấy chẳng cung kính. Như vậy thì quý vị làm sao có thể cung kính cho được? Hiếu thuận từ đâu mà dấy lên? Hiếu thuận là gì? Chính là “sư trưởng nói như thế nào cũng đều đúng”, như thế thì sẽ có thể diệt trừ cái tâm đối đãi đúng sai của quý vị, ban cho quý vị ý nghĩa hoàn chỉnh của việc sư phụ trụ thế lâu dài. Quý vị nói: “Đây chẳng phải là xâm đoạt tâm trí của người khác ư? Như thế thì sẽ khiến cho người khác chẳng khéo biện bạch”. Chẳng phải vậy! Nếu chúng ta thật sự sanh khởi cái tâm cung kính, tâm bình đẳng, tâm hiếu thuận, chính quý vị sẽ thể nghiệm, sẽ thấu hiểu, hay nói cách khác là thâm

5. Do sanh điều thiện nên không phiên dịch, như Bát Nhã nếu dịch thành Trí Huệ thì người đời sẽ coi thường, không chú ý tới ý nghĩa “trí huệ chân thật, chẳng đối đãi, siêu việt tình kiến” của từ ngữ ấy.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

nhập, khế nhập một bầu trời đất rất rộng lớn, như thật, thanh tịnh. Quý vị sẽ khế nhập một thế giới trí huệ, mười phần minh mông, mới mẻ! Chẳng cần tới thế giới ở phương khác, tâm linh của quý vị đã thật sự khế nhập, cảm nhận, hoặc nhận thức một thế giới khác. Có phải là như thế hay không? Các thiện tri thức cần phải phân định.

(Kinh) Nhiên hậu, u thử thắng tam-muội trung, tinh cần tu học, phương năng khắc chứng.

(經)然後，於此勝三昧中，精勤修學，方能克證。

(Kinh: Sau đó, đối với tam-muội thù thắng này, siêng ròng tu học thì mới có thể quyết định chứng đắc).

Hiện thời người tu pháp quả thật đông đảo, vì người hướng về Phật pháp cũng đông, nhưng dường như chẳng có một ai tu chứng! Đối với người xuất gia chỉ có hình thức, lợi ích và thiện căn nơi Phật pháp đều chẳng chín muồi. Tới rất nhiều nơi, mọi người luôn thắc mắc vấn đề này, tuy chỉ có thể “*tương tự*” giải quyết một số vấn đề, nhưng mọi người rất cần thiết [giải trừ thắc mắc ấy], nhưng điều càng cần thiết hơn nữa là thật sự tu chứng! Đại bộ phận những người đang hiện diện, nhìn từ công đức và phước đức hiện thực để nói, so ra đều mạnh mẽ hơn tôi ngàn vạn lần! Chỉ là mọi người chẳng thật sự dẫn phát [công đức và phước đức ấy tỏ lộ], chẳng vận dụng thỏa đáng, chẳng thành thực [công đức và phước đức] thỏa đáng, cũng tức là vẫn mai một trong những cái gọi là “tâm trí đúng, sai, phạm, thánh, thiện, ác, được, mất” của chính mình. Một khi quý vị chẳng bị mai một, tôi cảm thấy rất nhiều vị thiện tri thức có thiện căn, phước đức và nhân duyên mạnh hơn tôi ngàn vạn lần. Vì sao chúng ta ở sai vị trí⁷⁰? Chỉ là do nhân duyên!

Khi quý vị chẳng để cho “thiện, ác, đúng, sai” che lấp tự tâm, tâm trí quang minh của quý vị nhất định sẽ sanh ra, mà nó cũng hiện rõ trong thế gian, chói ngời thế gian, lợi ích hữu tình, chẳng bị sợ hãi! Ở đây, chẳng phải là do kiêu mạn và tà kiến mà có thể làm được đâu nhé! Vì kiêu mạn và tà kiến sẽ rất nhanh chóng làm khổ chính mình, sẽ làm cho chính mình mệt mỏi và thương tổn rất nhanh chóng. Đại khái trong vòng mười năm trước, chúng tôi cùng theo sư phụ xuất gia, đương nhiên là

⁷⁰ Ý nói phước đức, thiện căn, nhân duyên của những người đến nghe giảng mạnh hơn pháp sư Từ Pháp ngàn vạn lần, đáng lẽ họ phải là người hướng dẫn, điều dắt pháp sư tu học, thay vì pháp sư là người hướng dẫn họ tu học như trong hiện thời.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

chẳng thể nói tốt hay xấu. Từng người một hoặc giảng pháp, hoặc chẳng giảng pháp, trụ trì tự viện hay chẳng trụ trì tự viện, học giới, chẳng học giới, niệm Phật, chẳng niệm Phật... Đủ loại nhân duyên! Nhìn lại, quả thật là mắt thấy tâm kinh hoảng, hễ pháp tắc và tri kiến sai kém một chút, khái niệm và hành vi sai sót một tí, rất nhiều vị thiện tri thức đã thật sự bị mông muội, rất nhiều người thành thực thiện xảo và pháp tắc bị chìm đắm. Đích xác là trong số đó, có khá nhiều người rất thiện xảo, kết quả là do đeo nặng trĩu chấp trước của chính mình, do công gánh nặng thiện ác thị phi của chính mình mà chẳng thành tựu!

Rất nhiều Bồ Tát học Phật, đích xác là mỗi ngày nhặt nhạnh một chút rác rưởi. Có rác rưởi của chính mình, có rác rưởi của kẻ khác. [Họ thấy] rác rưởi của chính mình là thứ tốt đẹp, bèn cất chứa; rác rưởi của người khác là những thứ xấu xa. Đeo một cái bao rác chứa “những thứ xấu xa của người khác”, lại đeo nặng bao rác chứa “các thứ tốt đẹp của chính mình”, tức là vừa thu thập những thứ tốt đẹp của chính mình, vừa gom góp cái xấu của người khác. Hai cái bao rác khoác trên hai vai, bước đi mười phần lạc lè! Đó là một bức tranh biếm họa! Có kẻ đã bị đè đổ sụp, có kẻ vè cơ bản đã bị đè sụp, có kẻ sắp bị đè sụp, có kẻ thu thập “vốn liếng” để bị đè ép. Vì sao người ta lại chẳng tương ứng, ngu si như thế cơ chứ? Đó là vì “các thứ tốt đẹp của ta” càng chất chứa càng nhiều, coi đó là một cái đũa đựng trân bảo, [hay nói cách khác là] nhà tù bằng trân bảo, còn đeo theo cái ba lô đựng tội ác và lỗi lầm của người khác. Hằng ngày đều gom góp, cất chứa, ngày này qua ngày khác, năm này qua năm khác, đúng là hết sức cẩn trọng! Vì lẽ nào vậy? Do chẳng có hai pháp Bi và Trí. Nếu có trí huệ, chẳng đắm nhiễm cái gọi là đũa chứa đựng “đồ tốt của mình”, vì rốt ráo không có một pháp để có thể đạt được! Do vậy, siêng năng tu tập hết thầy các pháp chẳng đắm nhiễm, chỉ hồi thí cho chúng sanh. Tức là do muốn độ chúng sanh, muốn lợi ích hữu tình trong thế gian, cho nên tu tập hết thầy các pháp tắc. Như thế thì sẽ chẳng có gánh nặng nào phải mang vác, vì chẳng so đo với chúng sanh, đối với hết thầy hiện duyên và tội ác, lỗi lầm của chúng sanh, thầy đều chẳng bận lòng. Vì sao vậy? Chỉ sanh tâm thương xót, tâm tạo lợi ích, còn có gì để so đo nữa? Do vậy, gánh nặng rác rưởi trên vai bèn đỡ xuống. Nếu đã có thể trút bỏ hai gánh nặng ấy, thân thể quý vị bèn nhẹ nhàng, trọn đủ phương tiện. Vì thế, từ bi và trí huệ ắt đạt được phương tiện. Kẻ biết trút bỏ gánh nặng sẽ biết vận dụng phương tiện ấy, còn kẻ mang vác gánh nặng sẽ đánh mất phương tiện, sẽ lìa khỏi đại chúng ngày

càng xa, ngày càng cô độc, ngày càng khó khăn! Nhất định phải khéo quan sát, chọn lựa hợp lý!

Do đó, “*ting cần tu học*” (siêng ròng tu học) là để thấy Phật, nghe pháp, lợi ích thế gian, nhất định phải khéo quan sát điều này. Đối với các động tác được miêu tả trong bức tranh châm biếm vừa nói trên đây, đích xác là có rất nhiều Bồ Tát đang siêng khổ, chẳng tiếc sanh mạng để thực hiện “*pháp tắc*” ấy. Sanh mạng của chúng ta hằng ngày bị hao tổn, hằng ngày bị phủ lấp không chống đỡ được trong hao tổn. Quý vị đang làm gì? Quý vị có thật sự đặt sanh mạng của chính mình nơi trọng điểm trí huệ “*chiếu rạng thế gian*” hay không? Quý vị có đặt sanh mạng của chính mình nơi trọng điểm “*thương xót chúng sanh, cứu vớt chúng sanh*” hay không? Quý vị có thật sự vận dụng sanh mạng của chính mình vào phương tiện “*chẳng bỏ lỡ thời cơ an ủi thế gian này*” hay không? Nếu chẳng có, đúng là chúng ta vẫn phải nương theo chánh kiến để học tập Phật pháp. Đó gọi là “*ting cần tu học, phương năng khắc chúng*” (siêng ròng tu học thì mới có thể quyết định chúng đắc).

(Kinh) Hiền Hộ! Nhược nhân u bỉ thuyết pháp pháp sư sở, hoặc tỳ-kheo sở, khởi bất thiện tâm, cửu vi dị tâm, tránh cạnh chi tâm, cố lãng nhục tâm, chư bất tịnh tâm, nãi chí bất sanh như chư Phật tướng. Như thị Bồ Tát, giả linh tu hành, chung bất năng chúng như thị diệu định.

(經)賢護! 若人於彼說法法師所, 或比丘所, 起不善心, 苟違異心, 諍競之心, 故陵辱心, 諸不淨心, 乃至不生如諸佛想。如是菩薩, 假令修行, 終不能證如是妙定。

(Kinh: Này Hiền Hộ! Nếu có ai đối với vị pháp sư thuyết pháp, hoặc đối với tỳ-kheo mà dấy lòng chẳng lành, nếu có tâm trái nghịch, khác lạ, tâm ganh đua, tâm cố ý lãng nhục, có các thứ tâm bất tịnh, cho đến chẳng sanh lòng tưởng như chư Phật. Hàng Bồ Tát như thế, dầu có tu hành, sẽ trọn chẳng thể chúng đắc diệu định như thế).

Ở đây, [kinh văn] nói rất rõ ràng, nói hạng Bồ Tát như thế chẳng thể chúng Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội. Các vị thiện tri thức ơi! Chúng ta học Phật thì nhất định phải hiểu rõ mục đích, xử sự thì tâm địa duyên khởi nhất định phải trong sạch, nhất định phải chân thật, nhất định phải như thật tự biết!

(Kinh) Nhược đắc chứng giả, vô hữu thị xứ.

(經)若得證者，無有是處。

(Kinh: Nếu chứng đắc thì chẳng có lẽ ấy).

Đức Thế Tôn đã bít chặt đường lui của chúng ta, ngăn chặn toàn bộ mây trăm ngõ rẽ, mở cho quý vị một xa lộ cao tốc, khiến cho quý vị đi theo con đường ấy. Nay chúng ta có quá nhiều đường, kết quả là lẫn lộn nơi các pháp, chẳng thể quyết định. Đối với pháp bèn nửa tin, nửa ngờ, đối với pháp có trạng thái dường như đúng, dường như sai, [cứ phân vân] có thể hành hay chẳng nên hành!

(Kinh) Hiền Hộ! Thí như thanh tịnh hư không, vô chư vân ế, hữu minh mục nhân, u tĩnh dạ thời, ngưỡng quán không trung, vô lượng tinh tú, khu biệt phương sở, hình sắc các dị, liễu liễu phân minh.

(經)賢護！譬如清淨虛空，無諸雲翳，有明目人，於靜夜時，仰觀空中，無量星宿，區別方所，形色各異，了了分明。

(Kinh: Này Hiền Hộ! Ví như hư không thanh tịnh, chẳng bị mây che phủ, có người mắt sáng, trong đêm thanh tĩnh, ngửa mặt nhìn không trung, vô lượng tinh tú có phương vị khác biệt, hình sắc mỗi ngôi mỗi khác, [người ấy đều thấy] rành rẽ phân minh).

Đây là nêu một thí dụ, đối trước hư không thanh tịnh, tức là trên hư không chẳng có mây đen [che phủ], người có mắt rất thanh tịnh, trong đêm tối, một mình ngắm tinh tú, tất nhiên là rành rẽ phân minh.

(Kinh) Như thị Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát, tư duy quán bỉ pháp tánh hư không. Dĩ tưởng thành cố, kiến chư Như Lai, kỳ sự nhược thử.

(經)如是賢護！菩薩摩訶薩，思惟觀彼法性虛空。以想成故，見諸如來，其事若此。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

(Kinh: Như thế đó Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát tư duy, quán pháp tánh hư không. Do tướng đã thành, thấy các Như Lai cũng giống như thế).

Đây là một phương pháp quan sát tương tự. Có bầu trời thanh tịnh, cùng với mắt sáng, lúc ấy, xem xét các hiện tượng thiên văn, các loại tinh tò (các chòm sao), các thứ tinh tượng, quý vị đều thấy rành rẽ, phân minh. Bồ Tát Ma Ha Tát cũng giống như thế. “*Tư duy quán bi pháp tánh hư không*” (tư duy, quán pháp tánh hư không): Tâm địa của chúng ta chính là pháp tánh hư không. Tâm địa sạch lâu, chẳng có một vật, đó là hư không thanh tịnh. Lúc đó, quý vị quan sát cận kề, các ngôi sao nhiều ngàn ấy, các đóm sao chi chít đều sáng ngời, quý vị có thể nhận biết rõ ràng, tâm trí an lạc. Do vậy, “*kiến chư Như Lai, kỳ sự nhược thử*” (thấy các Như Lai, chuyện ấy cũng giống như thế). Đây là nói tương tự, trong tâm chúng ta có thật sự “*chẳng nhiễm một vật*” hay không, chẳng vướng mắc vật nào hay không? Các vị thiện tri thức ơi! Hãy khéo quan sát! Trong tâm của quý vị có phải là rác rưởi trần bảo, mây đen trần bảo hay không? Có phải là có mây đen, bụi nhơ “*lỗi lầm của kẻ khác*” hay không? Có phải là bị màng mộng “*nhìn thấy trần bảo của chính mình*” che phủ con mắt của chính mình hay không? Có phải là bị màng mộng “*thấy lỗi lầm của người khác*” phủ lấp con mắt của chính mình hay không? Quả thật, chúng ta phải nên nghiêm túc quan sát!

(Kinh) Nhiên bỉ Bồ Tát quán Đông phương thời, đa kiến chư Phật, đa kiến bách Phật, đa kiến thiên Phật, đa kiến bách thiên Phật, đa kiến ức Phật, đa kiến ức bách thiên Phật, đa kiến ức bách thiên na-do-tha Phật, bất giả tác ý, tự nhiên hiện tiền.

(經)然彼菩薩觀東方時，多見諸佛，多見百佛，多見千佛，多見百千佛，多見億佛，多見億百千佛，多見億百千那由他佛，不假作意，自然現前。

(Kinh: Nhưng vị Bồ Tát ấy khi quán phương Đông, thấy nhiều vị Phật, thấy cả trăm vị Phật, thấy cả ngàn vị Phật, thấy cả trăm ngàn vị Phật, thấy cả ức vị Phật, thấy cả ức trăm ngàn vị Phật, thấy cả ức trăm ngàn na-do-tha Phật, chẳng cần tác ý mà tự nhiên hiện tiền).

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

“*Tự nhiên hiện tiền*” ở đây giống như thí dụ do đức Thế Tôn đã nêu trong phần trên: Mắt sáng, hư không thanh tịnh, hai pháp tương ứng; khi đó, xem tinh tướng, quyết định là rành rẽ, phân minh. Cũng giống như thế, khi tâm trí pháp tánh của chúng ta chẳng vướng mắc vật gì, chẳng nhiễm đắm vật gì, lúc ấy, quý vị sẽ là “*tâm tướng sự thành*”, muốn quán Như Lai, chắc chắn nhìn thấy!

Pháp tương tự này quả thật rất có ý nghĩa. Vì nếu đức Thế Tôn chẳng dùng hiện tượng mà chúng ta có thể nhìn thấy, hoặc hiện tượng mà ta cảm nhận được để tỷ dụ, chúng ta sẽ rất khó tùy thuận pháp tắc này, dung nhập pháp tắc này, thành tựu thực tiễn pháp tắc này. Đối với chuyện “*tư duy quán bỉ pháp tánh hư không. Dĩ tướng thành cố, kiến chư Như Lai*” (tư duy quán pháp tánh hư không. Do tướng đã thành, thấy các Như Lai), đức Thế Tôn dùng tỷ dụ để giải thích. Vậy thì thấy ngàn vị Phật, vạn vị Phật, ức vị Phật, cho đến trăm ngàn vạn ức vị Phật thì sao? Cũng giống như thế, [đều là] tự nhiên hiện tiền, chẳng cần nhờ vào tác ý (dấy lên ý niệm suy nghĩ). Như chúng ta từ trong hư không, thấy đủ loại tinh tò, chẳng phải do chúng ta tưởng niệm mà có! Báo đức do chư Phật Như Lai đã tu là chân thật, chiếu rạng mười phương thế giới, cũng chẳng phải do sự tưởng tượng trong tâm chúng ta kiến lập. Do pháp tánh thanh tịnh, sự tưởng tượng ấy có thể kiến lập. Do pháp tánh tư duy bất tịnh, sự tưởng tượng ấy chẳng thể thành lập, giống như mây đen phủ kín không trung. Chúng ta ngửa mặt nhìn, bất luận mắt tốt đến mấy, muốn thấy các thứ tinh tò, cũng chẳng thấy được. Chúng ta có thể tư duy quan sát như thế, cũng có thể thật sự quan sát thái dương. Vàng mặt trời sáng chói ngàn ấy, khi bị mây đen che phủ, chúng ta cũng chẳng thấy ánh sáng mặt trời, huống hồ có thể thấy ánh sáng của từng ngôi sao chi chít hay ánh sáng mặt trăng ư?

Do vậy, khi chúng ta tư duy “*bỉ pháp tánh hư không*”, trong quá trình tư duy, quan sát, một khi tâm trí chẳng vướng mắc vật gì, chẳng có yêu, ghét, chẳng có thiện, ác, chẳng có đúng, sai, như thế thì sẽ có thể “*tâm tướng sự thành*”. Thành gì vậy? Thấy tâm nguyện của chư Phật. Đích xác là gột sạch hết thảy tâm cấu, tỏa rạng sáng sạch, giác liễu pháp tánh, khi ấy, sẽ có thể “*tâm làm Phật, tâm là Phật*”. Khi cái “*tâm làm Phật*” thấy Phật, nhất định sẽ thấy Phật. Đó là sự an bài trong tâm địa của quý vị. “*Tâm làm Phật*” thấy chuyện gì, vật gì, nhất định sẽ sanh khởi. Vì sao hữu tình trong thế gian hiện thời chống trái lẫn nhau, khinh mạn lẫn nhau? Đều do trong tâm sanh khởi chủng tử “*khinh mạn lẫn nhau, nghi hoặc lẫn nhau*” đã chín muồi, do người khác [làm trợ duyên]

mà tỏ lộ đó thôi! Chúng ta nhận biết hư không pháp tánh cũng giống như thế, cho nên thấy trăm vị Phật, ngàn vị Phật, trăm ngàn vạn vị Phật, cho tới ngàn vạn ức vị Phật, cũng giống như thế, chẳng nhờ vào tác ý, tức là quý vị chẳng cần tốn sức, tự nhiên hiện tiền.

(Kinh) Nhi bỉ Bồ Tát ký tác như thị quán Đông phương dĩ, thứ quán Nam phương, cập Tây, Bắc phương, tứ duy thượng hạ, thập phương thế giới, các đa kiến Phật. Sở vị đa kiến bách Phật, đa kiến thiên Phật, đa kiến bách thiên Phật, đa kiến ức Phật, đa kiến ức bách thiên Phật, đa kiến ức bách thiên na-do-tha Phật, bất giả công dụng, giai hiện tại tiền.

(經)而彼菩薩既作如是觀東方已，次觀南方，及西北方，四維上下，十方世界，各多見佛。所謂多見百佛，多見千佛，多見百千佛，多見億佛，多見億百千佛，多見億百千那由他佛，不假功用，皆現在前。

(Kinh: Vị Bồ Tát ấy đã quán phương Đông như thế xong; kế đó, quán phương Nam, và phương Tây, Bắc, bốn phương trên dưới, mười phương thế giới, nơi mỗi phương đều thấy nhiều vị Phật, tức là thấy cả trăm vị Phật, cả ngàn vị Phật, cả trăm ngàn vị Phật, thấy cả ức Phật, thấy cả ức trăm ngàn vị Phật, thấy cả ức trăm ngàn na-do-tha vị Phật, chẳng nhờ vào công dụng, đều hiện ra trước).

Đây là đối với sự quan sát mà nêu lên một thí dụ, nhằm bảo chúng ta có thể tư duy, quan sát như thế đó! Có nhiều người nói: “Trong khi hành Ban Châu, tôi thấy này, thấy nọ”, thật ra, cơ bản đều là chủng tử trong tâm địa. Tôi có gặp một vị Bồ Tát sau khi kinh hành đến ngày thứ ba, liền “tới” đất Tây Tạng! Ông ta nói: “Ồi trời ơi! Nay tôi đến được đại thảo nguyên!” Tôi bảo ông ta: “Không cần nói! Ông cứ tự mình lặng lẽ kinh hành là được rồi! Chuyện ấy liên quan tới huyền giác của ông”. Ông ta nói: “Thật sự đang ở trên thảo nguyên, mao ngưu (牦牛, bò yak) nhiều ngàn ấy, có lều trại, còn có lạt-ma đắp y đỏ, quý vị xem họ đang mở pháp hội kìa!” Tôi nói: “Ông ngậm miệng là được rồi! Hãy cứ như thật mà giữ các thứ đó”. Còn có người nói chính mình trông thấy cái trắng, củ cái chi đó. Có người thấy bánh mì. Có người thấy việc làm ăn của chính mình càng ngày càng tốt đẹp. Có người thì thấy thứ chi đó

thuộc về tâm linh của chính mình. Đủ mọi kiểu dáng đều có! Vì sao? Chúng tử trong tâm địa chín muồi, chẳng liên can gì đến người khác, giống như thí dụ đã nêu trong đoạn trước. “*Tư duy quán bỉ pháp tánh hư không*”. Quý vị đối với pháp tánh hư không chẳng nhập quán, vẫn chưa có thiện xảo; khi đó, chúng tử của chính mình bông bột, chẳng thể chiếu kiến thế gian này rành rẽ, phân minh, chỉ có thể chiếu kiến các chúng tử trong tâm địa của chính mình.

Tôi thường gặp những kẻ thích thị phi, không có việc gì, bèn đến nói: “Trời ạ! Chẳng phải là nên đuổi cái gã Trương Tam đi hay sao? Cái thằng Lý Tứ phạm lỗi quá nhiều! Cái thằng Trần Nhị có vấn đề”. Vấn đề gì vậy? Rốt cuộc là gã ăn vụng vật chi đó. “Cái tên Vương Ngũ cũng có vấn đề. Thầy coi đó, nó đích xác là thứ không làm gì ra hồn, làm sao có thể xuất gia, làm sao có thể học Phật được chứ? Gã cư sĩ này sao có thể ở chỗ này cho được? Thầy thấy nó làm chuyện gì chưa? Nó làm chuyện chẳng ra người nữa...” Kẻ đó cứ đảo tới đảo lui các thứ đó, cũng là công gánh nặng khuyết điểm của kẻ khác, có nên hay chẳng? Cứ việc công đi! Nhưng nếu quý vị dứt bỏ gánh nặng ấy, vác đến chỗ tôi, tôi thật sự mừng giùm quý vị. Chỉ sợ sau khi đã vác đến chỗ tôi, quý vị cảm thấy mát mát, lại công về! Cũng có nghĩa là cơ chế quán “*pháp giới tánh Không*” của chúng ta chẳng thành thực. Một khi đã đạt tới chỗ thành thực, đem đến chỗ tôi “đổ rác” là tốt nhất! Trước kia có người đến tố khổ, tôi nói: “Được! Tôi là một cái thùng rác lớn vô hạn. Quý vị cứ đổ vào đó là được rồi, cứ tùy tiện đổ. Quý vị có bao nhiêu rác cứ tận tình đổ, nhưng đừng nên mang đi. Nhất định là đổ xong chẳng còn lưu lại một tí nào hết! Khi quý vị trở về, rác đã sạch sành sanh thì được!” Nhưng rất nhiều người một túi rác đổ mấy chục lần, đổ rồi lại nhặt lên đem đi! Tôi cảm thấy mệt quá, tôi nói: “Bồ Tát ơi! Quý vị đúng là [rảnh rang quá], vứt đi sẽ tốt hơn! Rác rưởi lại chẳng phải là thứ tốt đẹp gì, nó làm lụy quý vị, cứ gồng gánh nó làm chi?”

Vì sao nói điều này? Là do hiện thời pháp tắc “khéo quán” của chúng ta chẳng đủ. Do vậy, các vị thiện tri thức học Phật, nhất định phải trút bỏ hai gánh nặng ấy. Sau khi tôi đọc bản dịch gốc⁷¹ của kinh Vô Lượng Thọ, trong ấy, đã có một đoạn đức Thế Tôn nói với ngài A Dật Đa, tôi đã bị chấn động cực lớn! “*Phật cáo A Dật Đa: - Như Lai sở tác,*

⁷¹ Tức chẳng phải bản hội tập như các bản hội tập của Vương Long Thư, Ngụy Mặc Thâm, hay Hạ Liên Cư. Câu kinh Vô Lượng Thọ trên đây trích từ bản Ngụy dịch, tức bản dịch của ngài Khang Tăng Khải vào thời Tào Ngụy.

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

ung tác, dĩ tác, như đấng an trụ vô nghi. Mạc trụ trên bảo thành tựu lao ngục” (Đức Phật bảo ngài A Dật Đa: - Đối với chuyện Như Lai làm, nên làm, đã làm, các ông hãy an trụ chẳng nghi trong ấy. Đừng ở trong tù ngục do các thứ quý báu hợp thành). Đây là đức Thế Tôn nói với ngài Di Lạc là một vị Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát, nói điều gì? Đừng ở trong lao ngục do các thứ quý báu hợp thành. Chuyện Như Lai thực hiện, nên làm, đã làm chính là “buông tâm địa Bồ Tát của ông xuống, trở vào trong pháp tắc an lạc rốt ráo của Như Lai Thế Tôn”. Ông chẳng cần tạo tác chi hết, cứ tùy thuận là được rồi! Tôi mười phần chán động, khiếp sợ, vì đức Phật đã tuyên nói với A Dật Đa là vị Thế Tôn trong tương lai như thế! Chẳng biết chúng ta có rất nhiều rác rưởi “quý báu” hay không? Có rất nhiều thiết trí trên bảo đó chẳng? Quá nhiều! Hôm nay ở nơi đây học một sở trường, ngày mai học ở chỗ kia một sở trường khác! Trong chốc lát này, học kỹ thuật ở đây; nhóang một lúc sau, lại đến học ưu thế ở chỗ nọ! Tôi đã thấy các vị Bồ Tát trong thế gian, có kẻ tự đại nhưng chẳng làm cao được, vì chẳng có ai cho phép kẻ đó làm cao. Thấp thì tuyệt đối chẳng muốn làm, vì cảm thấy “*đại tài tiểu dụng*” (tài lớn dùng vào việc vặt vãnh), cho nên trở thành kẻ vô tích sự, lãng phí cả đời! Người kiêu đó quá nhiều! Trong Tăng chúng, người người học đòi kiêu ăn nói “cao minh” càng nhiều hơn, càng chẳng thể làm nên trò trống gì. Gánh nước, làm chuyện nhỏ, sẽ cảm thấy chẳng thích hợp, vì cho rằng chính mình là “đại nhân vật”. Vì sao làm việc nhỏ liền cảm giác không thích hợp? Vì cho rằng chính mình là “đại nhân vật”. Vì sao như thế? Vì miệng toàn thốt lời đao to búa lớn, nhưng chẳng hề thật sự làm chuyện gì, chẳng thể như thật chất phác như hồi mới phát tâm, trầm tĩnh làm việc.

Tôi thường so sánh, trong quá khứ, tôi đã thưa với thầy tôi như thế, mà hiện thời vẫn nói như thế. Một khoảng thời gian trước khi sư phụ của tôi ngã bệnh, tuổi Ngài đã rất cao, thân thể rất yếu, nhưng đối với hai thời công khóa sáng tối, Ngài nhất quyết chẳng bỏ sót buổi nào. Tôi so sánh, thưa với thầy: “Sư phụ! Nghiệp chương của con nặng nề như vậy. Hễ muốn lên tụng niệm công khóa cùng đại chúng, liền có vấn đề, có chuyện đưa tới [phải giải quyết] liền, làm như thế nào đây?” Đích xác là rất nhiều lần đều như vậy! Ngay tại chùa Phóng Quang, tôi đã thử rất nhiều lần. Tính lên chánh điện tụng kinh, liền có chuyện cần phải lo liệu, chẳng thể không làm. Sư phụ bảo: “Nghiệp chương đấy! Đó là nghiệp quả do nhiều đời nhiều kiếp chẳng tu phước báo mang lại”. Trước kia, tôi theo sư phụ xuất gia, đối với công khóa, sư phụ yêu cầu mười phần nghiêm ngặt. Tôi nghe người khác nói: Lúc đó, Hiệp Hội Phật giáo

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

[Trung Quốc] cho người thỉnh Ngài trở về⁷², cũng là vì đề Ngài hướng dẫn tăng sĩ toàn quốc cách đánh pháp khí và tụng niệm công khóa. Thuở đó, trong nước các vị xuất gia sư phụ đặc biệt ít. Lão hòa thượng đặc biệt tinh thông quy củ. Vì thế, các vị thuộc Hiệp Hội Phật giáo thuở ấy như cụ Triệu Phác Sơ v.v... mời Ngài về nước. Ngài đối với công khóa mười phần nghiêm túc. Thường là những người khác học công khóa với Ngài đều mười phần nghiêm túc, nhưng tôi khá buông lung. Trước nay, chưa hề nghiêm túc học, mà cũng chẳng thể thông thuộc. Thuở ấy, [có quy định] trong ba tháng mà chẳng thể thông thuộc công khóa, [học tăng] phải ký đơn [xin trở về thế tục], tức là người xuất gia sau khi đã xuất gia phải như thế này: Trong ba tháng, ắt phải học thuộc ngũ đường công khóa⁷³. Nếu không, quý vị phải trở về nhà. Nếu chẳng như vậy, quý vị đến đây để làm gì? Hiện thời, tôi đối với Tăng chúng chẳng dám yêu cầu như thế, vì tôi cũng chẳng làm được! Trước kia, tôi cũng chẳng làm như thế! Nhưng chúng ta có cần đòi hỏi chính mình [phải làm được như thế] hay không? Vì nhân duyên ấy, trước kia, tôi lên tụng niệm công khóa vẫn được, ở trong các ngôi chùa nhỏ đơn giản hơn, hoặc làm chấp sự trong một ngôi tùng lâm đại chúng, vẫn rất đơn giản, nhưng hiện thời tạp duyên tíu tí, muốn lên chánh điện tụng kinh [đúng thời khóa] rất khó

⁷² Sư phụ của pháp sư Từ Pháp là Hoảng Xuyên Luật Sư, được mời từ Đài Loan trở về Hoa Lục vào năm 1984. Khi đó, Trung Cộng vừa cho phép tái lập các hoạt động tu trì sau một thời gian gần 30 năm nghiêm cấm, cho nên rất ít tăng sĩ, cũng như người thông thạo quy củ Thiền môn, phạm bái khá hiếm hoi. Bởi lẽ, Mao Trạch Đông đóng cửa các tự viện tại vùng quê, chỉ cho mở cửa các chùa như địa điểm du lịch, tăng sĩ người bị đuổi về hoàn tục, người bị đi cải tạo khổ sai. Các tăng sĩ già cả hoặc bị tù đầy, hoặc bị giam lỏng tại chỗ, nghiêm cấm tụng niệm. Hầu như các tăng sĩ chỉ còn niệm thâm, hay tham Thiền sau các buổi học chính trị mà thôi.

⁷³ Ngũ đường công khóa là năm thời khóa thường nhật trong Thiền môn Trung Hoa: Công khóa sáng, công khóa tối, công khóa thọ trai buổi sáng, thọ trai buổi trưa (quá đường), và cúng Ngọ. Tuy nhiên, còn một cách hiểu khác, tức ngũ đường công khóa là hai đường khóa sáng, và ba đường khóa tối. Hai đường khóa sáng là chú Lăng Nghiêm và Thập Chú. Ba đường khóa tối là kinh Di Đà (và niệm Phật, kinh hành, tối thiểu là niệm 108 câu danh hiệu), Đại Sám Hối Văn (Hồng Danh Bảo Sám), và Mông Sơn Thí Thực. Riêng sau khóa sáng, có nghi thức cúng Phật và xuất sanh (thí thực cho quỷ thần và cô hồn). Khóa chiều thì thí thực trong khi tụng Mông Sơn. Sau khi tụng xong Mông Sơn, các tùng lâm luôn tụng chú Đại Bi một lượt và tán Già Lam Bồ Tát. Các tông phái khác có thể thay bằng các kinh chú khác, nhưng xuất sanh trong hai thời khóa và cúng Ngọ không được thiếu. Vật phẩm cúng Ngọ có thể đơn giản là một chén cơm trắng (hoặc cháo, hoặc mì sợi v.v...), xốt lấy bảy hạt cơm hoặc một miếng cơm để thí cho quỷ thần.

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

khăn. Tôi thường lần quần trong điện đường, vừa tính tham dự công khóa thì mới năm phút sau đã có điện thoại, chẳng thể tham dự được, cảm thấy rất đau khổ, trong tâm cũng có mâu thuẫn. Đó là nghiệp tướng, nghiệp báo sai khác vậy.

Mặt khác, nhìn vào cảm nhận đối với công khóa của một số vị sư phụ xuất gia khác, tôi cũng so sánh. Nhân duyên phước báo là gì? Tôi cảm thấy Tăng nhân làm chuyện của chính mình là phước báo lớn nhất. Tôi là một Tăng nhân, tôi niệm tụng, học tập pháp tắc của chính mình. Đây là phước báo lớn nhất. Nếu là cư sĩ, cung kính Tam Bảo, yêu mến đạo tràng, cũng là phước báo lớn nhất. Làm chuyện thuộc về bản phận của chính mình là đủ dùng rồi, cần gì phải vô cớ tạo tác thêm các chuyện khác nữa? Ngài A Dật Đa (Di Lạc Bồ Tát) có lao ngục bằng trân bảo, bọn chúng ta hiện thời có [lao ngục giống như thế] hay không? Trong tâm trí có phải là thật sự tư duy, quan sát “*bỉ pháp tánh hư không*” hay chẳng? Hãy tư duy vấn đề này, so sánh vấn đề này. Vì thế, so sánh giữa thế hệ của chính mình và thế hệ của sư phụ tôi, chúng tôi thua kém mười vạn tám ngàn dặm! Xét theo đạo đức, tu trì, đều mười phần thua kém rất lớn. Tôi thường xuyên tư duy, quan sát chuyện này, có khi [tự cảm thấy chính mình] bị nghiệp báo bức bách, hổ thẹn vô dụng. Nói cách khác, rất hổ thẹn cũng vô dụng, làm thế nào đây? Chỉ có thể sám hối nghiệp báo của chính mình, tận lực thủ hộ các pháp tắc Phật giáo mà chính mình khá ưa thích, nhưng rất khó. Vì sao? Nghiệp báo đã chín muồi, nghiệp lực bức bách, thường là các tình huống tôi cảm thấy rất khó vượt qua. Vì sao? Vì nếu thật sự chúng đắc cái gọi là “*tư duy bỉ pháp tánh hư không*”, hiện duyên của chúng ta, duyên khởi ngay trong hiện tại sẽ chẳng khiếm khuyết, sẽ là chọn lựa thanh tịnh, chẳng có bất cứ tiếc nuối nào! Nói như vậy, tức là quý vị có thể chọn lựa trong hiện tại, chẳng cần bất cứ gánh nặng nào! Chẳng hạn như tôi vừa nhắc đến điện thoại, điện thoại gì nữa chẳng trả lời, thích lên chánh điện tụng kinh tôi liền lên chánh điện, chẳng có vấn đề gì, chẳng cần bận tâm, xa lìa hết thảy các chọn lựa đau khổ, đòi người sẽ đơn giản hơn, đó là pháp tánh quang đăng! Chẳng lo được, lo mất, chẳng công Dị Thục Quả bởi nghiệp duyên của chính mình từ vô thủy đến nay, chẳng đèo theo gánh nặng ấy, chẳng đèo theo lao ngục bằng trân bảo. Đó vẫn là sự cố vũ, chống đỡ trong sanh mạng, quý vị có thể vượt qua nó, vượt qua như thế nào? Ngay trong một niệm hiện tiền này. Nếu chẳng thiếu sót, thanh tịnh trọn đủ, dùng duyên khởi ấy để làm việc, quan sát hiện duyên, đối với hành pháp quả địa sẽ là “tu ngay lập tức”, “hành ngay lập tức”, “lựa chọn ngay lập tức”.

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Như bử A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, kỳ thế giới trung, chư Bồ Tát đấng, sanh bử quốc giả, u sơ nhất nhật, quán sát Đông phương, đa kiến chư Phật, đa kiến bách Phật, nữ chí đa kiến bách thiên ức na-do-tha Phật dĩ. Nhiên hậu, u đệ nhị nhật, quán sát Nam phương, như thị nữ chí thập phương, sự giai nhược thử. Như thị Hiền Hộ! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu Bồ Tát Tư Duy Chư Phật Hiện Tiền tam-muội.

(經)復次賢護！如彼阿彌陀如來、應供、等正覺，其世界中，諸菩薩等，生彼國者，於初一日，觀察東方，多見諸佛，多見百佛，乃至多見百千億那由他佛已。然後，於第二日，觀察南方，如是乃至十方，事皆若此。如是賢護！若菩薩摩訶薩成就菩薩思惟諸佛現前三昧。

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Như đức A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, các hàng Bồ Tát trong thế giới ấy, sanh vào cõi của Ngài, trong ngày đầu tiên, quan sát phương Đông thấy nhiều vị Phật, thấy cả trăm vị Phật, cho đến thấy cả trăm ngàn ức na-do-tha vị Phật. Sau đó, trong ngày thứ hai, quan sát phương Nam, như thế cho đến mười phương đều là như vậy. Như thế đó Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu Bồ Tát Tư Duy Chư Phật Hiện Tiền tam-muội như thế ấy).

Trọng điểm của phẩm này là thấy Phật và phương pháp thấy Phật. Tỷ dụ xem tinh tú trong phẩm này có thể hướng dẫn chúng ta cách tư duy “*quán bử pháp tánh hư không, dĩ tướng thành cố*” (quán pháp tánh hư không ấy, do tướng đã thành). Đây là duyên khởi thanh tịnh để thấy chư Phật Thế Tôn và pháp tắc “*tâm làm Phật, tâm là Phật*”. Vì sao người hiện thời nầy sanh chương ngại đối với chuyện thấy Phật? Hoặc nói hai loại rác rưởi, hoặc mây đen che lấp như thế nào? Đó gọi là mây đen “những điều tốt đẹp của bản thân” và mây đen “những điều xấu xa của kẻ khác”. Hai thứ mây đen ấy, một thứ là bạch chương, thứ kia là hắc chương. Ác nghiệp của kẻ khác là hắc chương che lấp tự tâm. Thiện nghiệp và thiện duyên của chính mình, tức các thứ được gọi là “tốt đẹp”, chính là bạch chương, cũng che lấp tự tâm, có thể khiến cho tâm trí con người ngu mê y hệt. Vì thế, do hai loại chương duyên ấy mà chẳng thể thấy Phật. Nếu ai có công phu Thiên Định, sẽ thấy sự việc cặn kẽ hơn!

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

Chẳng hạn như trong một số pháp tu Thiền Định, năm loại chướng tất nhiên sẽ hiện tiền, tức hắc chướng, hoàng chướng, bạch chướng... Đó là ngũ sắc chướng, theo thứ tự khởi lên, che lấp tâm trí, khiến cho chúng ta có mắt mà chẳng thể nhận biết, cũng chẳng thể quan sát cận kề thế gian! Có người trong lúc Thiền Định trông thấy cảnh giới bỗng dưng xuất hiện hoàng chướng, bạch chướng, hắc chướng che lấp cảnh ấy. Trên thực tế, [các thứ chướng ấy] chính là nghiệp của chính mình từ vô thủy đến nay, do chấp trước vào nghiệp mà tạo thành sự thật. Người thường hút thuốc nếu tu các môn Thiền Định, sẽ có chướng giống như một tấm vải đen rất dễ phủ xuống, giống như một bức màn rất dày! Nhưng nếu chúng ta quan sát pháp ích thanh tịnh, sẽ gọi là “*thấy Phật mà chẳng cần phải dụng công, thấy đều hiện tiền*”.

Ở đây, kinh văn đã nói mười phần rõ ràng, chủ yếu là tư duy, quan sát, tức là tư duy Chư Phật Hiện Tiền tam-muội. Chúng ta học kinh Ban Châu đến chỗ này, thấy điều chủ yếu trong văn tự là hướng dẫn chúng ta tư duy, quan sát sức mạnh của môn tam-muội này. Chúng ta thấy Quán được nói trong Quán Kinh chính là quán tướng (觀相, quán các tướng), như tướng hảo của Phật là như thế này, như thế nọ, đất trong thế giới Cực Lạc như thế nào, tràng báu như thế nào, Quán Âm, Thế Chí, A Di Đà Phật như thế nào, quán các tướng như thế. Còn ở đây thuần túy là quán tướng cõi ấy. Tư duy quán tướng, tức là quý vị dùng ngay tâm tưởng của phàm phu trong hiện tiền, dùng tâm tưởng tạp loạn để tưởng thế giới Cực Lạc, để quan sát thế giới Cực Lạc. Như trong chương Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm, đức Thế Tôn đã nói như thế này: “*Nhược chúng sanh tâm, ức Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật, khứ Phật bất viễn*” (Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật, cách Phật chẳng xa), hoàn toàn chẳng phải là bảo chúng ta đừng dùng cái tâm chúng sanh để niệm Phật, nhớ Phật, vẫn là dùng cái tâm hiện tiền của chúng ta. “*Tướng*” ở đây cũng giống như thế, dùng cái tâm chúng sanh để “*tướng*” thế giới Cực Lạc, tư duy cõi ấy, tư duy A Di Đà Phật, tư duy Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội. Chúng ta chẳng cần kiếm một tư tưởng nào khác, cứ từ tư tưởng hiện tiền của chúng ta mà có thể tư duy, có thể quan sát!

(Kinh) Như thị Bồ Tát, w tự độ trung, quán sát thập phương, đa kiến chư Phật, đa kiến bách Phật, nãi chí đa kiến bách thiên ức na-do-tha chư Phật dã.

(經)如是菩薩，於自土中，觀察十方，多見諸佛，多見百佛，乃至多見百千億那由他諸佛也。

(Kinh: Bồ Tát như thế, ở trong cõi của chính mình, quan sát mười phương, thấy nhiều vị Phật, thấy cả trăm vị Phật, cho đến thấy cả trăm ngàn ức na-do-tha chư Phật).

“Tự độ” của chúng ta trong hiện thời, nay chúng ta là hữu tình trong Diêm Phù Đề của thế giới Sa Bà, chẳng cần nhờ vào phương tiện, cũng chẳng đến cõi khác. Phật trong cõi khác cũng chẳng đến cõi này. Chỉ là mỗi vị Phật đều nương vào thân biến thiện xảo, tỏa quang minh lớn, khiến cho tâm trí [của hành nhân] thanh tịnh bèn thấy Phật, như thế mà thôi! Giống như gương soi vật, [hình ảnh hiện ra] trong gương chẳng đến, chẳng đi. Điều này rất dễ lý giải! Chúng ta lấy một tấm gương đem soi, thứ gì đến trước gương, gương bèn hiện bóng thứ ấy, nhưng trong cái gương ấy thật sự chẳng có gì đến đi, chỉ hiện hiện như thế mà thôi! Nếu chẳng có các thứ cảnh tượng (tượng cảnh giới), gương chỉ hiện hư không. Nếu đủ loại hình ảnh đối trước gương, đủ loại hình ảnh cùng hiện bóng. Gương ấy chẳng giảm, chẳng tăng, cũng chẳng tạo tác, mà dung nạp hết thảy. Tâm trí như gương, chiếu liễu, giác tri thế gian. Trong Phật giáo có nói Đại Viên Mãn Kính Trí, tức là một loại trí huệ như thế. Trí ấy hết thảy chúng sanh đều sẵn có, được gọi là Câu Sanh Trí (俱生智, trí bẩm sanh, sanh ra đã có), chẳng do tu thành, chẳng hủy hoại được, có người biết dùng, có kẻ chẳng biết dùng. “*Biết dùng*” là kéo toang cái màn chướng ngại ra, Đại Viên Kính Trí sẽ hiển lộ, sẽ thật sự quan sát “*pháp tánh hư không*” của pháp giới, sạch lầu chẳng có tí mây mù che đậy nào. Do vậy, chúng ta có thể quan sát thế gian.

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Như chư Như Lai thành tựu Phật nhân, như thị kiến dĩ, w nhất thiết xứ, tất như thị tri, tất như thị kiến. Như thị Hiền Hộ! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát diệc ký thành tựu Bồ Tát Tư Duy Nhất Thiết Chư Phật Hiện Tiền tam-muội dĩ, tự nhiên mãn bỉ Đàn Ba La Mật, Thi Ba La Mật, Sạn Đề Ba La Mật, Tỳ Lê Da Ba La

Mật, Thiền Ba La Mật, Bát Nhã Ba La Mật, nữ chí mẫn bỉ nhất thiết Bồ Tát chư công đức đẳng.

(經)復次賢護！如諸如來成就佛眼，如是見已，於一切處，悉如是知，悉如是見。如是賢護！若菩薩摩訶薩亦既成就菩薩思惟一切諸佛現前三昧已，自然滿彼檀波羅蜜、屍波羅蜜、羸提波羅蜜、毗梨耶波羅蜜、禪波羅蜜、般若波羅蜜，乃至滿彼一切菩薩諸功德等」。

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Như các Như Lai thành tựu Phật nhãn, đã thấy như thế, trong hết thấy mọi nơi, đều biết như thế, đều thấy như thế. Như thế đó Hiền Hộ! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát cũng đã thành tựu Bồ Tát Tư Duy Nhất Thiết Chư Phật Hiện Tiền tam-muội, tự nhiên viên mãn Đàn Ba La Mật, Trì Ba La Mật, Sạn Đề Ba La Mật, Tỳ Lê Da Ba La Mật, Thiền Ba La Mật, Bát Nhã Ba La Mật, cho đến hết thấy các công đức của hàng Bồ Tát).

Ở đây nhắc tới sáu loại Ba La Mật, phiên dịch thành những [danh từ] mọi người quen thuộc thì là Bố Thí Ba La Mật (Dāna-Pāramitā, Đàn Na Ba La Mật), Trì Giới Ba La Mật (Śīla-Pāramitā, Trì La Ba La Mật), Nhẫn Nhục Ba La Mật (Kṣānti-Pāramitā, Sạn Đề Ba La Mật), Tinh Tấn Ba La Mật (Vīrya-Pāramitā, Tỳ Lê Da Ba La Mật), Thiền Định Ba La Mật (Dhyāna-Pāramitā, Thiền Na Ba La Mật), và Trí Huệ Ba La Mật (Prajñā-Pāramitā, Bát Nhã Ba La Mật). Ba La Mật (Pāramitā) dịch gượng là [Đáo] Bỉ Ngạn ([đến] bờ bên kia), đó là nơi an ổn, là chốn chân thật. Lục Ba La Mật có nghĩa là thông qua Thiền Định để đạt tới bờ bên kia, thông qua trí huệ để đạt tới bờ bên kia v.v... Có khi phiên dịch thật sự rất bất lực, vì từ ngữ chẳng thể thấu đạt ý ấy, chẳng thể biểu đạt viên mãn ý nghĩa ấy, thường là giới thiệu điều trước, đánh mất điều sau, giới thiệu điều sau, lại đánh mất điều trước, nói điều trên chẳng nhắc đến điều dưới, thường là luôn mất mát.

Sáu loại Ba La Mật, thật sự là một thứ tu trì hòng đạt tới chỗ an trụ, đạt tới chỗ phương tiện tự tại, là sự tu trì hòng thủ hộ “bờ bên kia” (bỉ ngạn). Tu trì như thế nào? Đạt lợi ích ngay trong hiện tiền. Chẳng hạn như bố thí thì sẽ đạt được lợi ích do bố thí. Như trong kệ tụng của đức Phật có nói: “Sở vị bố thí giả, tất hoạch kỳ lợi ích, nhược vi nhạo bố

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

thí, hậu tất đắc an lạc” (Như nói tới bố thí, ắt đạt được lợi ích, nếu vui thích bố thí, về sau ắt an lạc). Đây là như thật ngữ, là lời dạy của đức Thế Tôn dành cho kẻ chẳng thông thạo cách diễn đạt bằng ngôn ngữ, là bốn câu nói dành cho kẻ chẳng thông thạo kệ tán, khiến cho họ khi được người khác bố thí, có thể nói bốn câu kệ tán này để tán thán chuyện bố thí. Trì giới thì sao? Tinh tấn thì sao? Nhẫn nhục thì sao? Cũng sẽ đạt được an lạc, giống như đối với bố thí bèn nói *“hậu tất đắc an lạc”* (về sau ắt an lạc), trì giới cũng giống như thế, *“hậu tất đắc an lạc”*. Nhẫn nhục, tinh tấn cũng sẽ *“hậu tất đắc an lạc”* y hệt. Hành trì Lục Ba La Mật, tất nhiên sẽ được an lạc. Sự an lạc ấy chân thật, chẳng dối. Đối với các loại lợi ích của Lục Ba La Mật, hãy nên như thật tuyên nói. Trong kinh điển nhà Phật đã chuyên tuyên nói, dùng rất nhiều ngôn từ hay đẹp, công đức chân thật, giáo ngôn như thật, khiến cho người tu trì sẽ thủ hộ Lục Ba La Mật.

“Tự nhiên mãn bỉ” (Tự nhiên viên mãn) Lục Ba La Mật. Chúng ta có thể thấy chư Phật, tức là thiện căn [của chính mình đã] thành thực. Đối với công đức đạt được do chấp trì Lục Ba La Mật, chúng ta đều có thể thật sự ấn khế trong Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội, sẽ tương ứng đạt được. *“Đạt được”* là không có gì để đạt, dùng vô sở đắc xứ (không thấy có gì để đạt được) mà thanh tịnh an trụ, cho nên đạt được. Cái *“đắc”* ấy lợi ích chúng sanh, [chẳng hạn như] thân thể khinh an, chẳng vướng mắc, chẳng phải là cái Đắc theo kiểu *“có điều gì để đạt được”* của thế gian, tức là cho rằng [ta làm như thế nào đó], ta sẽ đạt được như thế nào đó. Kiểu đó là cộng vác gánh nặng, là hữu tình chấp trước. Hữu tình chấp trước phần nhiều đọa trong tà kiến. Chúng ta đã biết, mà cũng đã thấy, giống như gánh nặng trên bảo và rác rưởi trong thí dụ trên đây, cộng lưng cộng gánh nặng *“những thứ tốt đẹp của ta”*, chẳng hạn như nói *“ta trì giới, ta tinh tấn, ta Thiên Định”* v.v...

Trước kia, căn bệnh này của tôi đặc biệt nặng nề. Nếu tôi lên tham dự công khóa, mà thấy người khác không tham dự, không được rồi, sẽ tìm người đó căn nhắc. Ngay như trong hiện thời, căn bệnh ấy vẫn còn rất lớn! Hễ thấy kẻ nào học Phật chẳng siêng gắng, [tôi liền bực bội, phiền trách] *“vừa mới phát tâm giống như vừa mới nhập học, vì sao chẳng học tập?”* [Kẻ sơ học mà chẳng siêng năng tu tập] là vì ty nạn với thầy, nhưng thầy đã tốt nghiệp, đã dạy rất nhiều trò tốt nghiệp. [Thế mà] quý vị vẫn so đo: *“Kẻ khác chẳng học, ta chẳng học”*, vậy là đi sai đường mất rồi! Hiện thời, rất nhiều người vừa mới vào chùa, cạo tóc xong, đắp y xong, làm gì? Ty nạn với sư phụ. Nay tôi lên chánh điện

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

dòm thử, toàn là những người bắt chước tôi: “Người không lên tụng niệm công khóa, ta cũng không lên tụng niệm công khóa!” Nhưng giống như chúng ta mới vào Tiểu Học, phải siêng năng học tập, phải làm bài tập cho lớp Một, lớp Hai, lớp Ba, lớp Bốn, lớp Năm. Quý vị chớ nên ty nạnh thầy giáo dạy Tiểu Học chẳng làm bài tập, có nên ty nạnh hay không? Nếu [ty nạnh rồi chẳng làm gì hết] như vậy, quý vị chẳng học được bất cứ môn văn hóa nào hết, thật sự là khiến cho chính mình lỗ làng! Các vị thiện tri thức ơi! Trong quá trình An Cư này, chúng ta thực hiện trọn hết bổn phận của chính mình như thế nào? Mỗi người chúng ta đều có chuyện thuộc về bổn phận của chính mình. Chẳng hạn như quý vị là người mới học, nhất định phải tuân theo nhân duyên sơ học của chính mình. Là một sa-di, hãy thật thà thực hiện công khóa của sa-di, thực hiện ngũ đường công khóa của chính mình, học tập giới luật của chính mình. Là tỳ-kheo thì hãy khéo học tập giới luật tỳ-kheo của chính mình, đấy là bổn phận! Nếu quý vị cứ muốn so đo, sẽ rất phiền não! Vừa mới xuất gia, chẳng học công khóa, chẳng học giới luật, chẳng học pháp khí, chẳng học quy củ trong tự viện. Theo lối xưa, toàn là người đã thành niên (trưởng thành) xuất gia. Trong Phật giáo Nam truyền, thì toàn là trẻ nhỏ xuất gia. Trưởng thành xuất gia vốn có rất nhiều khuyết điểm: Tri kiến đã định, nghiệp tập đã định, thói quen đã định, bản thân sẽ rất khó vượt qua. Chẳng dùng đại lực cường duyên, căn bản là chúng ta chẳng thể thay đổi chính mình. Kết quả là xuất gia uổng công chịu khổ, mà chẳng tương ứng. Thật sự là như thế đó! Vì đây là công khóa An Cư, tôi thừa dịp này mà nói trọng điểm, mong mọi người rộng dung, nhưng quý vị phải cảnh giác đôi chút.

Tôi thường suy nghĩ chuyện này, vì sao sa-di chẳng lên chánh điện tụng niệm công khóa? Vì sao vị sư phụ vừa mới xuất gia không học tập công khóa? Trong các vị sư phụ xuất gia, có [các vị nắm các chức vụ] đại liêu, có duy na, có tri khách, cũng có vị làm đương gia, nếu mọi người cứ lo so đo, toàn bộ sẽ đều rối loạn. Sa-di chẳng làm chuyện của sa-di, cứ ty nạnh với các tỳ-kheo: “Họ ngủ, ta cũng ngủ. Họ buông lung, ta cũng buông lung. Họ không học, ta cũng khỏi học”... Được rồi! Học tập Phật pháp kiểu đó tức là chúng ta chẳng giữ bổn phận, ai nấy đều cùng bại hoại! Cho nên nhìn vào những người xuất gia trong hiện thời, tôi thật sự mười phần đau lòng! Cư sĩ thì sao? Đương nhiên là có chuyện thuộc bổn phận của cư sĩ, chẳng hạn như tôn trọng Tam Bảo, thủ hộ pháp tắc của chính mình, tu tập pháp tắc của chính mình, bỏ phiền não

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

tri kiến của chính mình, cũng đều là có nhân duyên riêng biệt của chính mình.

Cho nên tôi cảm thấy, mọi người đều phải nên chú ý chuyện thuộc bồn phận của chính mình. Nếu ta làm chẳng được, ta phải nên sám hối! Mọi người chẳng làm nổi chuyện thuộc bồn phận của chính mình, cũng nên sám hối, đừng xâm đoạt lẫn nhau! Nếu không, chúng ta vào chùa miếu để làm gì? Ưu thế của tự viện là gì? Ưu thế của tại gia là gì? Ưu thế của xuất gia là gì? Ưu thế của sa-di là gì? Nếu quý vị chỉ vì đeo cái danh hiệu ấy mà đến đây, quả thật đáng tiếc quá, mà cũng là có lỗi với chính mình, chỉ là khoác thêm một lớp áo bên ngoài⁷⁴ vô ích! Chẳng có một tí ý nghĩa nào! Tôi đa là thêm hai cân phân lượng đó thôi! Khi tôi đáp y lần đầu, đại khái là sau khi đã thọ giới bảy tháng, khi niệm bài kệ Đáp Y⁷⁵, đúng là cảm thấy chính mình lún sâu xuống ba thước đất, chìm lìm, khó thể chống đỡ, chẳng thể nhận lãnh trách nhiệm, không thể gánh vác áp lực do đáp y. Nhưng hiện thời, mọi người đều vội vã tiến cao hơn, muốn có cái danh thôi! Chúng ta có thể mở cuộc thi để khảo hạch,

⁷⁴ Ý nói người xuất gia mà không tu tập, sửa đổi tâm trí, hành vi và thói quen của chính mình cho tốt đẹp hơn thì chỉ là khoác thêm một lớp tăng bào, hoàn toàn chẳng phải là tăng sĩ.

⁷⁵ Tức là bài “善哉解脫服，鉢吒禮懺衣，我今頂戴受，禮佛求懺悔” (thiện tai giải thoát phục, bát tra lễ sám y, ngã kim đánh đới thọ, lễ Phật cầu sám hối) (thiện tai giải thoát phục, áo phước điền lễ sám y, nay con kính cẩn thọ, lễ Phật cầu sám hối). Theo Phật Học Từ Điển, Bát Tra (Paṭṭa) là một loại tăng y, gồm nhiều miếng ghép lại, trông như các mảnh ruộng liên tiếp nhau, nên gọi là Điền Tướng Y. Lễ sám y trong bài kệ chính là mạn y, tức y không có điều, dành cho sa-di hay cư sĩ đã thọ Ngũ Giới. Bài kệ trên đây là bài kệ đáp y sử dụng theo truyền thống trong các tông phái Trung Hoa, nhưng khi dành cho cư sĩ học đáp y trong thời gian xuất gia đoản kỳ (xuất gia ngắn hạn, chẳng hạn như tại đạo tràng Phật Quang Sơn), sẽ sửa thành “*thiện tai giải thoát phục, trân quý lễ sám y, ngã kim đánh đới thọ, lễ Phật cầu sám hối*”. Tuy vậy, theo Tỳ Ni Nhật Dụng Thiết Yếu, bài kệ Đáp Y chia thành bốn loại:

- 1) Khi đáp y năm điều thì bài kệ sẽ là “*thiện tai giải thoát phục, vô thượng phước điền y, ngã kim đánh đới thọ, thế thế bất xả ly*”.
- 2) Khi đáp y bảy điều sẽ là “*thiện tai giải thoát phục, vô thượng phước điền y, ngã kim đánh đới thọ, thế thế thường đắc phi*”.
- 3) Khi đáp đại y (y tăng già lê), sẽ là “*thiện tai giải thoát phục, vô thượng phước điền y, phụng trì Như Lai mạng, quảng độ chư chúng sanh*”.
- 4) Đáp mạn y sẽ là “*đại tai giải thoát phục, vô tướng phước điền y, phi phụng như giới hạnh, quảng độ chư chúng sanh*” (lớn thay áo giải thoát, áo ruộng phước vô tướng, mặc đúng như giới hạnh, rộng độ các chúng sanh).

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

quý vị có thật sự trúng cách làm hình đồng sa-di⁷⁶, sa-di, tỳ-kheo hay không? Quý vị có nội hàm gì? Lại như cư sĩ đến chùa, sẽ coi chùa ấy có ưu thế gì, cư sĩ chúng ta sẽ tán trợ ưu thế ấy để vận dụng pháp tắc gì? Thành thực thiện căn như thế nào? Tôi cảm thấy những điều ấy đều cần phải tư duy quan sát. Ở đây, chẳng có mảy may chỉ trích nào; đây là chuyện thuộc bốn phận của chính mỗi người mà!

Ngẫu Ích đại sư nói một câu khiến cho tôi một mực chân động rất sâu. Trong Linh Phong Tông Luận, Ngẫu Ích đại sư nói: “*Đa hữu nhân pháp tắc vị tập, mạn tràng tiên lập*” (Lắm kẻ pháp tắc chưa tu tập, đã dựng tràng kiêu mạn trước). “*Tràng kiêu mạn*” là gì? Chẳng coi ai ra gì, chính mình muốn nổi bật lên, nói năng đã đổi giọng, vẻ mặt đã biến đổi. Quá khứ là kẻ thế tục, nay đã thành Phật rồi! Phật gì vậy? Do cái tâm kiêu mạn mà tự mình nhận định đó thôi! Đối với chuyện này, người xuất gia phải nên chú ý người xuất gia, cư sĩ nên chú ý cư sĩ, đây là một hiện tượng đặc biệt phổ biến. Vì hiện thời là thời gian An Cư, mọi người hãy xét kỹ chuyện này. Nếu chẳng có chuyện như vậy, hãy nên tu trì nhẫn nhục, nhưng chúng ta có thể thật sự tư duy hay không? Làm một người xuất gia, quý vị là sa-di, hãy trọn hết nghĩa vụ sa-di, thật sự hành trì hạnh sa-di, lại tiến nhập tỳ-kheo. Quý vị đã là tỳ-kheo, thật sự làm tốt chuyện của tỳ-kheo, mọi người nhất định sẽ để cho quý vị làm chuyện khác, chẳng cần phải sót ruột. Có một ngày, tôi đi trong chùa, đi một vòng trên lầu dưới, tôi liền suy nghĩ: “Hiện thời, tạo lập ngôi chùa này có còn tất yếu hay không? Người khác nói dựng tòa nhà này, dựng tòa nhà kia, chiêu tập càng nhiều người thì sao? Nay chúng ta đang ở đây có đạt được pháp ích hay không? Nếu thật sự chẳng thể nắm được lợi ích thực chất, xây dựng chùa có ý nghĩa gì đâu?” Tôi tự vấn: “Chúng ta dựng tự viện này để làm gì?” Vì trước kia điều tôi không thể chịu đựng được nhất là chùa trống. Đến một ngôi chùa trống (chẳng có người tu hành), sẽ chẳng thể chịu được. Vì đó vốn là đạo tràng, nay dành cho quý ở, là nhà trống, người không ở thì quý ở! Nơi này của chúng ta có phải là đạo tràng hay không? Đạo nghiệp của mọi người ở chỗ nào vậy? Có phải là trong tâm trí mỗi người chúng ta đều thật sự sanh khởi lòng tôn trọng [đạo nghiệp] hay không? Hay là vẫn nóng lòng nơi hiệu quả và lợi ích của việc ngay lập tức thay đổi thân phận của chính mình hồng nhanh chóng thành tựu thứ gì vậy? Có phải là đúng thật thực hiện nơi thân tâm

⁷⁶ Hình đồng sa-di (形同沙彌) có nghĩa là hình tướng giống như sa-di, nhưng chưa phải là sa-di thật sự. Tức là khi xuất gia, đã xuống tóc, nhưng chưa thọ giới sa-di.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

của chính mình hay không? Tôi cảm thấy mọi người đều cần phải như thật tự hỏi lòng mình, hỏi người khác vô ích! Tự viện hiện thời vẫn là rất nhiều. Nếu chúng ta thật sự chẳng học tập ở nơi đây, chỉ là biểu hiện hình thức, nhằm thay đổi thân phận tại đó. Điều ấy chẳng cần thiết, thân phận có thể thay đổi bất cứ lúc nào. Chúng ta phải rất nghiêm túc quan sát đạo nghiệp của chính mình như thế, đạo nghiệp thành thực, xét xem chính mình có chịu trách nhiệm đối với chính mình hay không? Trước hết, đừng quản người khác. Tín thí có đến cũng chẳng thay đổi, coi xem chúng ta có nghiêm túc sử dụng tòa điện đường này hay không? Đạo nghiệp của chúng ta có thật sự nghiêm túc hay không? Nay chúng ta ăn, dùng, còn có hoàn cảnh, đích xác đều chẳng thể nói là xấu xa, nhưng đạo nghiệp của chúng ta có tiến nhập như thật hay không? Đối với chuyện này, bất luận chúng ta quan sát theo phương diện nhân nhục, hay quan sát theo phương diện Bát Nhã cũng thế, quan sát theo giới luật cũng thế, chẳng quan sát là không được!

Vì nói đến Lục Ba La Mật, ở đây, tôi nhắc nhở đại chúng thường trụ, hy vọng chúng ta quý tiếc nhân duyên của chính mình. Có một sa-di từ nơi khác đến, tôi hỏi ngôi chùa ông ta đang ở như thế nào, ông ta đáp: “Hiện thời là An Cư, chờ an cư xong, chắc chắn kẻ nên đi thì sẽ đi, kẻ nên đến thì sẽ đến”. Tôi nói: “Như thế đó, chùa miếu là như thế đó. Duyên nhóm họp thì tụ tập, duyên tán thì tan đàn xẻ nghé”. An cư là do được chư Phật, Bồ Tát gia bị, khiến cho mọi người có thể cùng nhau học tập, tu tập một pháp tắc, có thể trật tự, hệ thống, theo từng tầng cấp mà học tập. Một khi an cư đã kết thúc, ai nấy tất bật với chuyện của riêng mình, có khi tất bật vì nghiệp lực, có khi tất bật vì pháp tắc, lập tức sức ngưng tụ chẳng còn nữa. Hiện thời, do được Tam Bảo, chư Phật, chư Bồ Tát gia bị, chúng ta có sức ngưng tụ này. Nếu chẳng phải như vậy, chẳng biết mọi người đã dời đến nơi nào đó ở trời Nam biển Bắc từ khuya rồi, lại càng chẳng cần phải nhắc tới chuyện học tập hay không! Do vậy, trong thời gian an cư học tập, tôi mười phần quý tiếc cơ hội này! Thực tế là ngay trong hiện tiền, trong mỗi cơ hội, chúng ta đều phải nên trân quý, chỉ là biểu hiện không giống nhau đó thôi!

Nhắc tới Lục Ba La Mật, tuy tôi nói nặng nề một chút, thô tháo một chút, chỉ hy vọng mọi người hãy dùng mắt trí huệ để quan sát chuyện này, dùng giáo ngôn trí huệ của chư Phật để gột sạch sự trức trặc ấy. Đừng nên nảy sanh trức trặc, vì trức trặc có thể là do nghiệp lực hiển hiện, chúng ta thật sự phải vượt qua sự trói buộc của nghiệp lực và nhân

quả, tôn trọng nhân quả, tạo lợi ích cho nghiệp lực hữu tình! Quả thật đáng phải nên như vậy!

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn vị trùng minh thử nghĩa, dĩ kệ tụng viết: “Do như tinh dạ trừ vân vụ, hữu minh nhĩ giả ngưỡng quán không”.

(經)爾時，世尊爲重明此義，以偈頌曰：「猶如靜夜除雲霧，有明眼者仰觀空。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn vì để nói rõ lại nghĩa này, bèn dùng kệ tụng để nói: - Ví như đêm thanh, sạch mây mù. Người mắt sáng ngẩng nhìn hư không).

Nhất định phải hiểu đây là lời dạy về quán Phật, là một pháp tắc để thấy Phật.

(Kinh) Kiến bỉ chúng tinh quá bách thiên, trú niệm minh liễu diệc vô thất.

(經)見彼衆星過百千，晝念明了亦無失。

(Kinh: Thấy hơn trăm ngàn các tinh tú, ban ngày nhớ rõ, chẳng quên mất).

Buổi tối, chúng ta thấy trời đầy sao. Ban ngày tất nhiên cũng có thể nhớ lại, quý vị sẽ nói: “Đêm qua sao rất sáng! Ngày hôm qua trời rất quang đặng!” Vì sao vậy? Sự ức niệm và tư duy của quý vị có tánh chất tiếp nối.

(Kinh) Bồ Tát như thị đắc định dĩ, đa kiến vô lượng ức thiên Phật.

(經)菩薩如是得定已，多見無量億千佛。

(Kinh: Bồ Tát đắc định như thế rồi, thấy nhiều vô lượng ức ngàn Phật).

Bốn câu kệ trong phần trước là tỷ dụ về thấy Phật, ở đây nói: Nếu đã đắc định như thế, sẽ thấy chư Phật nhiều đến vô lượng ức ngàn vị. Nếu quý vị tương ứng, sẽ khởi lên tác dụng như thế.

(Kinh) Phục w khởi tư tam-muội hậu, hoàn vị đại chúng diễn tối tôn. Như ngũ Phật nhĩn thanh tịnh cố, vô hữu chướng ngại kiến thể gian.

(經)復於起斯三昧後，還爲大衆演最尊。如我佛眼清淨故，無有障礙見世間。

(Kinh: Lại sau khi đã khởi tam-muội, còn vì đại chúng diễn tối tôn. Như mắt của Phật luôn thanh tịnh, trông thấy thể gian chẳng chướng ngại).

“Như ngũ Phật nhĩn thanh tịnh cố, vô hữu chướng ngại kiến thể gian” (Như do Phật nhĩn của ta thanh tịnh, cho nên thấy thể gian chẳng có chướng ngại): Chúng ta đều biết công đức của hành pháp Ban Châu tam-muội, tức Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiên Lập khi đã thành tựu, người chưa đắc Thiên Nhĩn mà trông thấy các thể gian. Chưa đắc Thần Túc, chẳng cần bay đến phương khác, chẳng lìa cõi này mà được thấy chư Phật, được thấy sự trang nghiêm trong cõi khác.

(Kinh) Thị chư Phật tử Bồ Tát môn, xuất thử tam-muội tối thắng quán. Dĩ vô tướng tướng tư Như Lai, nhi kiến thập phương chư Đẳng Giác.

(經)是諸佛子菩薩們，出此三昧最勝觀。以無相想思如來，而見十方諸等覺。

(Kinh: Các hàng Phật tử, Bồ Tát ấy; ra khỏi tam-muội tối thắng quán. Dùng vô tướng tướng nghĩ Như Lai, mà thấy mười phương các Đẳng Giác).

“Dĩ vô tướng tướng tư Như Lai, nhi kiến thập phương chư Đẳng Giác” (Dùng vô tướng tướng nghĩ Như Lai, mà thấy mười phương các Đẳng Giác): Vô tướng tư và vô tướng tướng ở đây mười phần trọng yếu. Đó gọi là “*pháp giới tận hư không*”, hoặc “*pháp tánh tận hư không*”. Nếu chẳng tư duy như thế, cái tâm của quý vị sẽ chẳng phải là “*tâm làm Phật, tâm là Phật*”, chẳng thể thành lập “*tâm làm Phật, tâm là Phật*”. Do bị chấp trước hư vọng khuất lập, những điều quý vị chấp trước lại che phủ quý vị.

(Kinh) Phá trừ não độc cập chư tướng, như thính Bồ Tát diệu công đức. Nhược thính bỉ pháp thanh lương tâm, năng nhập không tịch vô úy xứ.

(經)破除惱毒及諸想，汝聽菩薩妙功德。若聽彼法清涼心，能入空寂無畏處。

(Kinh: Phá độc phiền não và các tướng, ông nghe Bồ Tát diệu công đức. Nếu nghe pháp ấy, tâm thanh lương, bèn nhập chỗ không tịch, chẳng sợ).

“*Nhược thính bỉ pháp thanh lương tâm. Năng nhập không tịch, vô úy xứ*” (Nếu nghe pháp ấy, tâm thanh lương, bèn nhập chỗ không tịch, chẳng sợ): Hết thấy phàm phu ở nơi trống vắng, hoặc nơi không biết, sẽ sanh sợ hãi to lớn. Cho nên hết thấy chư Phật Như Lai mỗi vị đều kiến lập quốc độ thanh tịnh và màu nhiệm để chúng sanh tiến nhập, xa lìa sợ hãi. Nếu chúng ta không có quốc độ trang nghiêm, thanh tịnh, vô tận diệu dụng ấy, tiến thẳng vào chỗ trống vắng, sẽ nảy sanh sợ hãi.

“*Không tịch*” là tột cùng của cái tâm tự tại. Quý vị chẳng có cơ sở ấy, hễ đến chỗ không tịch, chỗ không biết, sẽ sanh lòng sợ hãi. Sợ hãi như thế nào? Sợ hãi đoạn diệt, sợ hãi vì vô tri, sợ hãi vì chẳng có gì để đạt được, sợ hãi vì chẳng có đối đãi, sợ hãi vì không có chỗ chụp nắm. Nhất thời, [các nỗi sợ hãi ấy] đều dâng lên. Vì thế, chư Phật Như Lai kiến lập công đức thù thắng, cho tới các loại thọ dụng, là vì muốn khiến cho chúng sanh an lạc tiến nhập loại thiện xảo “*không tịch vô úy*” này. Hiện thời, chúng ta đừng nói là “*chẳng sợ hãi chỗ không tịch*”, mà ngay cả đối với cõi thật sự tồn tại, tức vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc là một quốc độ trang nghiêm, thù thắng, trọn đủ các thứ thọ dụng, rất nhiều người vẫn chưa hiện lộ rõ ràng nguyện vọng này. Đó là một pháp tác chuyển biến liên tục⁷⁷. Quý vị có thể quán kỹ càng tâm lý của chính mình. Nếu chẳng phải nắm giữ đồ vật chi đó, tâm quý vị có thật sự an lạc, sáng suốt, không sợ hãi hay chẳng? Nếu thật sự ở chỗ không tịch mà có thể an lạc, chẳng sợ hãi, người ấy đắc pháp nhãn thiện xảo. Nếu có thể thấy thấu suốt pháp tánh, sẽ đạt được tự tại ngay trong hiện tiền. Súc

⁷⁷ Tức là phải liên tục tu tập, chế ngự hoặc đào thải tập khí của chính mình, luôn có tâm niệm cầu sanh, luôn giữ vững niềm tin kiên cố nơi bản nguyện tiếp độ của A Di Đà Phật, đồng thời hành trì không biếng trễ, gián đoạn.

tự tại ấy chỉ có Phật đích thân chứng đắc, chỉ có Bồ Tát khéo nhận biết, khéo vận dụng! Đoạn văn tự này mười phân đáng chú ý!

(Kinh) Như ngã đương kim thuyết tư pháp, vị linh chúng sanh chứng Bồ Đề. Như bỉ an lạc chư Bồ Tát, đa kiến vô lượng Phật Thế Tôn. Bồ Tát như thị nhập tư duy, diệt kiến bách thiên đa Điều Ngự. Như thử tỳ-kheo duy A Nan, nhất văn ngã thuyết tất năng thọ. Bồ Tát như thị đắc tam-muội, thính nhất thiết pháp năng tổng trì.

(經)如我當今說斯法，爲令衆生證菩提。如彼安樂諸菩薩，多見無量佛世尊。菩薩如是入思惟，亦見百千多調御。如此比丘唯阿難，一聞我說悉能受。菩薩如是得三昧，聽一切法能總持。

(Kinh: Như ta nay đang nói pháp này, vì khiến chúng sanh chứng Bồ Đề. Như các Bồ Tát an lạc ấy, thấy Phật Thế Tôn nhiều vô lượng. Bồ Tát nhập tư duy như thế, cũng thấy hơn trăm ngàn Điều Ngự. Như trong tỳ-kheo riêng A Nan, vừa nghe ta nói đều vâng nhận. Bồ Tát đắc tam-muội như thế, nghe hết thấy pháp đều tổng trì).

“Bồ Tát như thị đắc tam-muội, thính nhất thiết pháp năng tổng trì” (Bồ Tát đắc tam-muội như thế, nghe hết thấy pháp đều tổng trì): Tổng Trì là dịch nghĩa của Đà La Ni. Pháp môn tổng trì được phiên dịch thành hai chữ Tổng Trì, có phần nào quá sơ sài. Nói “Đà La Ni môn” mọi người liền cảm thấy trọn đủ rất nhiều nội dung. Do vậy, thường là Đà La Ni chẳng phiên dịch. Ở đây, vì sự đối ứng trong từ ngữ, bèn dịch thành Tổng Trì.

(Kinh) Thành tựu tín tâm, cụ tam-muội, tất xả nhất thiết thế ngôn ngữ.

(經)成就信慚具三昧，悉舍一切世語言。

(Kinh: Thành tựu tín, thẹn, đủ tam-muội, đều xả hết thấy tiếng thế gian).

“Thế gian ngữ” là ngôn ngữ gì vậy? Lời thị phi, lời thiện ác, lời phàm thánh v.v... Hết thấy các ngôn ngữ sanh từ chỗ đối đãi đều là “thế

gian ngữ”. “Thế gian” là do đối đãi mà an lập. Nếu ai thốt lời trong lặng, lời từ bi, lời lợi ích rộng rãi, lời điều nhu, phần nhiều sẽ tiêu trừ đối đãi, khiến cho chúng sanh lìa khổ, được vui. Cho nên khi chúng ta há mồm thốt lời thị phi, nhất định phải nghĩ chính mình có phải là người thế tục, có cái tâm thế tục hay không? Người học Phật thốt lời thế gian, tức là phi ngữ, thốt lời nhân ngã thị phi là mong làm gì vậy? Cái tâm như thế chẳng phải là tâm của người tu hành. Nhưng nếu nói: “Ta cần xử trí vấn đề, ta có thể nói ra hay không?” Như vậy thì được, chẳng hạn như nói “*vấn nạn sở trệ*”, tức là có vấn đề vướng mắc tại chỗ đó thì phải nên nói. “*Nói*” ở đây là phương tiện để tiêu trừ thị phi, chẳng phải là nói thị phi, sẽ chẳng phải là lời lẽ thế gian, mà là thiện xảo ngữ, điều nhu ngữ, là lời lẽ khiến cho chúng sanh tiêu trừ đối đãi nghi hoặc.

Người học Phật hiện thời, dù xuất gia hay tại gia, phần nhiều nói lời thế tục, lời thế gian, lời điên đảo, lời đối đãi, lời đấu tranh, lời lẽ nhân mạnh cái Ta... Vì sao? Vì chẳng tương ứng. Chúng ta đọc nguyện vọng của chư Phật Thế Tôn, như A Di Đà Phật phát ra bốn mươi tám nguyện, mỗi nguyện đều là điều nhu ngữ, chân thật ngữ, lợi ích ngữ, trí huệ ngữ, chẳng có lời lẽ thế tục! Chúng ta xem lời nguyện của Văn Thù Bồ Tát, xem lời nguyện của Quán Thế Âm Bồ Tát, xem năm trăm đại nguyện của Phật Thích Ca, lại đọc lời nguyện của Phật Dược Sư, như nguyện thứ nhất: “*Nguyện ngã lai thế, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề thời, tự thân quang minh xí nhiên, chiếu diệu vô lượng, vô tận, vô biên thế giới, dĩ tam thập nhị đại trượng phu tướng, bát thập tùy hình trang nghiêm kỳ thân, linh nhất thiết hữu tình như ngã vô dị*” (Nguyện ta trong đời sau, khi đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, bản thân quang minh chói lợi, chiếu rọi vô lượng, vô tận, vô biên thế giới, dùng ba mươi hai tướng đại trượng, tám mươi tùy hình hảo để trang nghiêm thân ấy, khiến cho hết thảy hữu tình giống như ta chẳng khác). Khiến cho chúng sanh đạt được thân đại quang minh, đó là chỗ đạt tới của nguyện vọng. Thành tựu Bồ Đề chính là nguyện vọng duy nhất, những điều khác đều là trợ trợ.

(Kinh) Thường dĩ từ tâm huệ tha thuyết, yếu đương đáo tư tịch tĩnh xứ.

(經)常以慈心慧他說，要當到斯寂靜地。

(Kinh: Thường dùng từ huệ bảo người khác, sẽ đạt đến chốn tịch tĩnh ấy).

Đối với chỗ được mát của bản thân, bèn tịch tĩnh, chẳng nhiễm, đối với người khác chỉ đạt được lợi ích hồi thí. Đó là chỗ khác biệt giữa Phật giáo và các pháp tắc khác. Chúng ta đều biết có rất nhiều lời dạy trong các tôn giáo khác cũng đều là lợi tha, cũng đều là bác ái, nhưng Phật giáo có gì? Tịch tĩnh nơi tự thân, không tịnh nơi tự thân, dùng làm phương tiện lợi ích người khác, chỉ có hồi thí. Đó là chỗ quy kết của oai đức rất ráo, tự tại, giải thoát. Các vị thiện tri thức ơi! Nếu chúng ta tu tập pháp chẳng thuận theo kinh giáo, mà dựa theo thói quen tại gia của chính mình, vậy thì chỉ là tiếp nối tập quán đã tích lũy từ vô thủy cho đến nay mà thôi! Bất luận mang cái danh tự Phật thế nào đi nữa, đeo danh xưng Phật, đeo danh hiệu Phật pháp, đeo khoác hình tượng xuất gia hay tại gia chi nữa, nội dung vẫn là thế tục, vẫn lấy cái Ta làm trung tâm, rơi vào Ngã Chấp và Pháp Chấp. Chúng ta chẳng thoát khỏi hai thứ chấp ấy, sẽ cách biệt Phật pháp rất xa, thật sự chẳng liên can.

Hiện thời, thế gian đánh giá người học Phật chúng ta, chẳng hạn như hiện thời cư sĩ đánh giá người xuất gia, người chẳng học Phật đánh giá người học Phật, tuy chẳng phải là mười phần công bằng, nhưng chúng ta cũng phải nên kiểm điểm tự thân. Nguồn gốc căn bản nhất để phát xuất “không công bằng” là do người học Phật, người xuất gia chúng ta chẳng đủ tâm lợi tha! Do vậy, chư vị thiện tri thức ơi! Quả thật hãy nên phản tỉnh tự tâm!

8. Phẩm thứ tư: Chánh Tín

(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần Chánh Tín phẩm đệ tứ.

(經)大方等大集賢護分正信品第四。

(Kinh: Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần. Phẩm thứ tư: Chánh Tín).

Văn tự trong phẩm này nhằm tuyên nói chánh tín. Để khích lệ chánh tín, đức Phật nói đủ loại tỷ dụ, như tỷ dụ về báu ma-ni, tỷ dụ hương Chiên Đàn, tỷ dụ chiếc thuyền báu, khiến cho chúng ta sanh khởi chánh tín, yêu thích, thủ hộ, tu tập, truyền bá pháp tắc này, muốn cho hữu duyên hữu tình đạt được công đức và lợi ích quý báu như thế đó.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn phục cáo Hiền Hộ Bồ Tát ngôn: - Hiền Hộ! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát, vị cầu như thị tam-muội bảo cố, đương ưng dũng mãnh, phát cần tinh tấn, tự nhiên tốc năng nhập thử tam-muội dã.

(經)爾時，世尊復告賢護菩薩言：「賢護！若諸菩薩摩訶薩，爲求如是三昧寶故，當應勇猛，發勤精進，自然速能入此三昧也。

(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn lại bảo Hiền Hộ Bồ Tát rằng: - Nay Hiền Hộ! Nếu các Bồ Tát Ma Ha Tát vì cầu báu tam-muội như thế, hãy nên dũng mãnh, phát khởi siêng năng tinh tấn, sẽ tự nhiên có thể nhanh chóng nhập tam-muội này).

Đây là một câu nói về sự lựa chọn rất rõ ràng.

(Kinh) Hiền Hộ! Thí như hữu nhân thừa ngự đại thuyền, nhập ư đại hải, tứ ý tải mãn chúng diệu trân bảo, dĩ quá nhất thiết chư đại nạn xứ, thù chí thử ngạn. Vị kỷ chi gian, thuyền hốt phá hoại, chúng bảo trầm một. Đương nhĩ chi thời, Diêm Phù Đề nhân, phát đại khiêu thanh, sanh đại bi khổ, dĩ thất như thị vô giá bảo cố.

(經)賢護！譬如有人乘御大船，入於大海，恣意載滿衆妙珍寶，已過一切諸大難處，垂至此岸。未幾之間，船忽破壞，衆寶沉沒。當爾之時，閻浮提人，發大叫聲，生大悲苦，以失如是無價寶故。

(Kinh: Nay Hiền Hộ! Ví như có người ngồi chiếc thuyền to, vào trong biển cả, mặc sức chở đầy các thứ trân bảo màu nhiệm, đã vượt qua hết thảy các chỗ nạn lớn, sắp đến bờ này. Trong phút chốc, thuyền bỗng hư hoại, các thứ báu chìm đắm. Ngay trong lúc đó, người trong Diêm Phù Đề kêu gào ầm ĩ, sanh lòng buồn khổ to lớn, do bị mất các thứ báu vô giá như thế).

Thí dụ này nói thuyền chở các thứ trân bảo đã sắp đến bờ, lại bỗng dưng chìm lìm, khiến cho mọi người sanh lòng đau khổ như thế.

(Kinh) Hiền Hộ! Hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân diệc phục như thị, nhĩ văn như tư thắng tam-muội bảo, bất năng thư tả, độc tụng, thọ trì. Phục bất năng tư duy như pháp nhi trụ. Hiền Hộ! Đương tri nhĩ thời, nhất thiết thế gian chư thiên thần đẳng, diệc ưng như thị phát đại khiêu hô, sanh đại bi não, tác như thị ngôn: “Thị chư chúng sanh thâm khả lân mẫn! Vân hà ư thử chư Phật Thế Tôn thắng tam-muội bảo, nhất thiết chư Phật chi sở xưng dương, nhất thiết chư Phật chi sở ẩn khả, nhất thiết chư Phật chi sở giáo giới, nhất thiết chư Phật tối thượng công đức, cụ túc thành tựu, viên mãn vô khuyết, Bồ Tát văn dĩ, đương ưng cần cầu, phản cánh viễn ly, bất khả năng thư tả, bất nhạo độc tụng, bất năng thọ trì, giải thích nghĩa lý, bất năng tư duy, như pháp nhi trụ. Như thị phóng dật, giải đãi chúng sanh, vị lai tất đương thọ đại tổn giảm”. Hiền Hộ! Hà đẳng danh vị chúng sanh tổn giảm? Sở vị ư như thị tam-muội bảo trung, văn dĩ viễn ly, bất năng thư tả, độc tụng, thọ trì, bất năng giải thuyết, tư duy nghĩa lý, bất như pháp trụ, chuyên niệm tu hành, táng diệt công đức. Thị vị giảm tổn.

(經)賢護！有善男子善女人亦復如是，耳聞如斯勝三昧寶，不能書寫，讀誦受持。復不能思惟如法而住。賢護！當知爾時，一切世間諸天神等，亦應如是發大叫呼，生大悲惱，作如是言：「是諸衆生深可憐愍！云何於此諸佛世尊勝三昧寶，一切諸佛之所稱揚，一切諸佛之所印可，一切諸佛之所教誡，一切諸佛最上功德，具足成就，圓滿無缺，菩薩聞已，當應勤求，反更遠離，不肯書寫，不樂讀誦，不能受持，解釋義理，不能思惟，如法而住？如是放逸，懈怠衆生，未來必當受大損減」。賢護！何等名爲衆生損減？所謂於如是三昧寶中，聞已遠離，不能書寫，讀誦受持，不能解說，思惟義理，不如法住，專念修行，喪滅功德。是爲減損。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

(**Kinh:** *Này Hiền Hộ! Có thiện nam tử, thiện nữ nhân cũng giống như thế, tai được nghe báu tam-muội thù thắng như thế mà chẳng thể biên chép, đọc tụng, thọ trì. Lại chẳng thể tư duy, đứng pháp mà trụ. Này Hiền Hộ! Hãy nên biết, lúc ấy hết thấy các hàng thiên thần trong thế gian cũng nên kêu gào to lớn như thế, sanh lòng buồn rầu, áo não to lớn, nói như thế này: “Các chúng sanh này đáng thương xót quá mức! Sao lại đối với báu tam-muội thù thắng như thế của chư Phật Thế Tôn, là pháp được hết thấy chư Phật ca ngợi, được hết thấy chư Phật ẩn khả, được hết thấy chư Phật răn dạy, là công đức tối thượng của hết thấy chư Phật, thành tựu trọn đủ, viên mãn chẳng khuyết, Bồ Tát nghe xong, hãy nên siêng cầu, [thế mà các chúng sanh này] lại ngược ngạo xa lìa, chẳng chịu biên chép, chẳng thích đọc tụng, chẳng thể thọ trì, giải thích nghĩa lý, chẳng thể tư duy đứng như pháp mà trụ? Chúng sanh buông lung, giải đãi như thế, trong tương lai, ắt sẽ bị tổn giảm to lớn”. Này Hiền Hộ! Những gì gọi là “tổn giảm” của chúng sanh? Chính là đã nghe báu tam-muội như thế xong bèn xa lìa, chẳng thể biên chép, đọc tụng, thọ trì, chẳng thể giải nói, tư duy nghĩa lý, chẳng đứng như pháp mà trụ, chuyên niệm tu hành, chôn vùi, diệt mất công đức. Đó là “tổn giảm”).*

Sự “tổn giảm” ấy được kinh văn diễn tả mười phần rõ ràng, nêu ra pháp tắc và tỷ dụ hết sức thẳng thừng, rõ rệt như thế đó.

(**Kinh**) *Hiền Hộ! Thị giải đãi nhân, ác chúng sanh bói, u tu pháp trung, đắc lợi ích giả, vô hữu thị xứ.*

(經)賢護！是懈怠人，惡衆生輩，於斯法中，得利益者，無有是處。

(**Kinh:** *Này Hiền Hộ! Bọn người giải đãi, chúng sanh ác ấy mà đạt được lợi ích trong pháp này thì chẳng có lẽ ấy).*

Đây là lời quả trách! Đối với những kẻ buông lung, chửi bới pháp này, đức Thế Tôn bèn quả trách. Sau khi tôi đã được tiếp xúc pháp Ban Châu, trước kia tôi chẳng kể với ai khác, cũng chẳng dám nói với ai. Về sau, do có nhiều người hành trì, dần dần hình thành một số lượng [hành nhân] nhất định, tôi mới nói [về pháp Ban Châu] trong thế gian, nhưng vẫn gặp vẫn rất nhiều kẻ hoài nghi, nói kiểu gì cũng đều có. “Người làm cái trò gì vậy? Phô trương bản thân hả? Chẳng có chuyện bói chuyện ra

à?”... Nhưng phần nhiều là vì người ta chẳng hiểu, chẳng biết, chưa gặp pháp này. Do vậy, đúng như lý tuyên nói, truyền bá, khiến cho người khác biết rõ pháp này, cũng là chức trách của chúng ta, mà cũng là hành vi thù hộ đối với pháp của một Phật giáo đồ.

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Thí như hữu nhân, trì xích chiên đàn, thị ngu si nhân. Nhi bỉ si nhân, dĩ ngu si cố, u xích đàn hương, khởi xú uế tưởng.

(經)復次賢護！譬如有人，持赤栴檀，示愚癡人。而彼癡人，以愚癡故，於赤檀香，起臭穢想。

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Ví như có người cầm chiên đàn đỏ đưa cho kẻ ngu thấy. Kẻ ngu si đó do ngu si, đối với đàn hương đỏ, lại dấy lên ý tưởng cho là hôi thối).

Nay chúng ta học Phật, do có nhân duyên phước đức mà được gặp gỡ pháp tắc như thế này, nhưng người thật sự sanh tín tâm cực hiếm hoi! Ngay như đã tiến nhập, hành trì pháp tắc này, có phải là người có tín tâm hay không? Người ném thử, nhìn ngó thì nhiều, kẻ thật sự sanh khởi tín tâm để lựa chọn quả thật rất hy hữu! “Hy hữu” có nghĩa là: Một là ít ỏi, hai là rất khó phát khởi. Vì sao? Đối với pháp này, chúng ta vẫn phần nhiều sợ hãi. Nay mọi người do được cổ vũ, trong quá trình hành pháp một ngày một đêm, cái tâm sợ hãi sẽ dần dần, từ từ tiêu trừ. Khá nhiều người có thể dần dần tiếp nhận. Trước kia, hễ nói đến Ban Châu, phần đông chẳng thể tiếp nhận, đều nghi ngờ. Trải qua một khoảng thời gian học tập, nhận thức, trong xã hội hiện thời, rất nhiều nơi đang tu tập Ban Châu. Tuy trong hành trì, có đủ loại thời gian dài hay ngắn, có đủ loại trạng thái tương ứng hay không tương ứng, đúng pháp hay chẳng đúng pháp, nhưng đã tiếp xúc pháp tắc này, quả thật là phước đức nhân duyên chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta có thể thật sự dũng mãnh tu tập pháp tắc này, thành thực Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội hay không? Chuyện này vẫn thật sự đòi hỏi chúng ta phải lột bỏ từng tầng sợ hãi!

(Kinh) Thời, chủ trí nhân mại đàn hương giả, cáo ngu nhân viết: - Nhữ kim bất ưng u diệu chiên đàn, sanh xú ác tưởng. Hà dĩ cố? Thị đàn tối tinh, hương khí đệ nhất.

**(經)時，主智人賣檀香者，告愚人曰：「汝今不應於妙
栴檀，生臭惡想。何以故？是檀最精，香氣第一。」**

(Kinh: Khi ấy, người chủ có trí bán đàn hương bảo kẻ ngu rằng: - Nay người chớ nên đối với chiên đàn màu nhiệm mà sanh ý tưởng thối ác. Vì sao vậy? Đàn hương này tinh diệu nhất, mùi thơm bậc nhất).

Nay chúng ta dùng hương, thường là bạch đàn (*santalum album*), hoặc hoàng đàn (*dalbergia hupeana*), rất ít dùng các loại gỗ đàn khác. Chiên Đàn hương (*candana*, *sirium myrtifolium*) có màu đỏ. Trước kia, khi tôi ở Phước Kiến, có người chở đến một loại hương từ Phi Châu, giống như những cái tai nhỏ của động vật. Từng khối, từng khối, do cắt từ các vết sẹo trên thân một loại cây. Mỗi năm chỉ có thể cắt được rất ít, mười phần quý giá. Nhưng loại hương ấy chỉ cần đốt một tí trong lư hương, ngay lập tức mùi mờ hôi rất nồng của mấy trăm người đang đã thất sẽ bay sạch chẳng còn! Nay trong chùa miếu của chúng ta, mùi lạ cũng ít, tạp duyên cũng ít, tương đối rất thanh tịnh, vì mọi người một mực đốt đàn hương, hoặc trầm hương (*agarwood*), sức tịnh hóa chẳng thể nghĩ bàn. Một là hộ pháp thiện thân thích mùi vị ấy, hai là bản thân chúng ta cũng tịnh hóa không khí ở nơi đây. Cho nên mùi lạ chẳng xâm nhiễu. Nếu không, hơi hướng nơi thân thể mỗi người chúng ta đều khác nhau, do nghiệp lực bất đồng, hơi hướng sẽ phiền nhiễu lẫn nhau, mọi người chẳng thể an trụ. Người đời có rất nhiều kẻ do nghiệp lực bức bách khổ sở, bèn dùng thuốc lá, rượu, thịt để cân bằng chính mình. Chúng ta là người học Phật, dùng gì để cân bằng chính mình? Dùng hai pháp Bi và Trí, sẽ thuận tiện. Đối với mùi hôi thối hay thơm tho, ai nấy cảm nhận khác biệt. Người đời phần nhiều cho mùi hôi thối là thơm tho. Mọi người có thể tư duy tỷ dụ trong đoạn này nhiều hơn!

Hương trước kia, hễ chạm tay vào, mùi hương luôn nồng đậm, hiện thời rất khó nói. Đó là vì phước đức và nhân duyên của con người biến hóa, trầm vị đều thoái giảm. Ngay như trái cây trong hiện thời, dầu thể nào đi nữa, cũng đều chẳng có hương vị như thuở [chúng ta] còn bé, dầu ngọt cũng chẳng phải là hương vị như thuở đó. Thật ra, chẳng phải do hương vị, mà do tâm trí của con người giảm thấp, thiện duyên đang suy giảm! Có người nói phước báo của người hiện thời to lớn, người thuở trước chẳng có xe hơi, nay chúng ta có xe hơi. Người thuở trước sống trong những căn nhà bé tí tẹo, quý vị thấy nay chúng ta ở trong nhà

như thế nào. Người thuở trước làm gì, nay chúng ta làm gì... Thật ra, đó là một kiểu ý lại vào vật chất ở bên ngoài. Khi tâm địa sâu nặng dần dần biến thành [coi trọng] vật chất, sự tự vui sướng, sự hàm dưỡng, và thọ dụng tự tại trong tâm trí của chúng ta sẽ dần dần mất đi, vì vật chất mà mất đi. Nếu vật chất cũng có, nội tâm sâu nặng cũng có, quá tốt đẹp! Nhưng rất nhiều người trong hiện thời cứ mù quáng so đo vật chất, đã mất hẳn sự sâu nặng [trong tâm trí], mà cũng đánh mất giá trị của vật chất. Khi đó, vật chất quả thật chẳng có giá trị gì, chỉ là một thứ ước định để so đo mù quáng mà thôi. Thật sự chẳng có quá trình hưởng thụ, mà cũng chẳng có nội hàm!

(Kinh) Nhữ kim hà cố phản vi xú ác? Nhược bất tín giả, ưng tiên 黷嘗, 爲臭 爲香? 又汝眼明, 亦應以目觀察, 是檀光色文彩, 爲瘦爲 肥, 爲善爲惡? 」然彼患者, 雖聞智人如是語言, 種種稱 讚, 以愚癡故, 轉生憎惡, 以手捻鼻, 不用黷聞, 掩閉其 目, 不肯觀視。

(經)汝今何故反爲臭惡? 若不信者, 應先黷嘗, 爲臭 爲香? 又汝眼明, 亦應以目觀察, 是檀光色文彩, 爲瘦爲 肥, 爲善爲惡? 」然彼患者, 雖聞智人如是語言, 種種稱 讚, 以愚癡故, 轉生憎惡, 以手捻鼻, 不用黷聞, 掩閉其 目, 不肯觀視。

(Kinh: Ông nay vì sao lại ngược ngạo cho là hôi thối? Nếu chẳng tin, trước hết hãy nên ngồi ngắm xem là thối hay thơm? Lại do ông mắt sáng, cũng nên dùng mắt để xem xét màu sắc, vân gổ của loại Chiên Đàn này là mỏng hay đậm, đẹp hay xấu? Nhưng kẻ ngu ấy, tuy nghe người trí dùng lời lẽ như thế để ca ngợi đủ mọi cách, nhưng do ngu si, đâm ra ghét bỏ, dùng tay bịt mũi, chẳng chịu ngồi thử, bịt chặt mắt chẳng chịu xem ngó).

Người học Phật thường xuyên gặp phải tình huống này, nhất là khi mới phát tâm, cảm thấy gặp gỡ Phật pháp rất hoan hỷ, cảm thấy chính mình thật sự được lợi ích, mong nói cho người nhà, người chung quanh, và đồng nghiệp hay biết, kết quả là rất nhiều kẻ nói: “Cút xéo đi! Chẳng

cần phải nói với tao như thế!” Đối với chuyện này, mọi người rất có cảm xúc. “*Dĩ thủ niệp ty, bất dụng khứu văn, yểm bế kỳ mục, bất khăng quán thị*” (Dùng tay bịt mũi chẳng chịu ngửi thử; bịt chặt con mắt chẳng chịu nhìn ngó). Khi chúng ta chấp trước tri kiến của chính mình, chẳng tiếp nhận Phật pháp, đích xác là có nghiệp tướng như thế đó!

(Kinh) Như thị Hiền Hộ! Đương lai chi thế, hữu ác tỳ-kheo, tăng ó thị kinh, kỳ sự diệc nhĩ! Bỉ ác nhân bôi, bất tri tu tập thân giới, tâm huệ, ngu si, vô trí, do như bạch dương, ngoan ngãi, ngận tộ. Bỉ chư ác nhân, hựu bạc phước cố, tuy phục đắc văn như thị diệu điển, chánh niệm Chư Phật Hiện Tiền tam-muội, bất dụng thư tả, bất năng đọc tụng, bất năng thọ trì, bất năng tư duy, bất năng vị nhân tuyên dương, quảng thuyết. Hựu diệc bất năng quảng sanh tùy hỷ. Vân hà năng đắc như thuyết tu hành? Nhược bỉ ác nhân, năng thuyết hành giả, vô hữu thị xứ.

(經)如是賢護！當來之世，有惡比丘，憎惡是經，其事亦爾！彼惡人輩，不知修習身戒心慧，愚癡無智，猶如白羊，頑駘佞弊。彼諸惡人，又薄福故，雖復得聞如是妙典，正念諸佛現前三昧，不用書寫，不能讀誦，不能受持，不能思惟，不能為人宣揚廣說。又亦不能廣生隨喜。云何能得如說修行？若彼惡人，能說行者，無有是處。

(Kinh: Như thế đó Hiền Hộ! Trong đời tương lai, có ác tỳ-kheo ghét bỏ kinh này cũng giống như thế! Bọn người ác ấy chẳng biết tu tập giới nơi thân và trí huệ nơi tâm, ngu si, vô trí, giống như con dê trắng, ngu độn, hung tợn, tộ hại. Những kẻ ác đó lại do bạc phước, tuy lại được nghe kinh điển mâu nhiệm như thế, chánh niệm Chư Phật Hiện Tiền tam-muội, chẳng chịu biên chép, chẳng thể đọc tụng, chẳng thể thọ trì, chẳng thể tư duy, chẳng thể vì người khác tuyên dương, diễn nói rộng rãi. Lại cũng chẳng thể sanh lòng tùy hỷ to lớn. Làm sao có thể tu hành đúng như lời dạy cho được? Nếu kẻ ác ấy có thể nói và hành thì chẳng có lẽ ấy).

Chúng ta là Phật tử, phải nên đối đãi theo pháp tắc như thế nào? Mọi người phải nên xét kỹ chuyện này, nhất là đối với kinh điển, phải

nên tôn trọng, yêu mến, bảo vệ như thế nào? Vì kinh Ban Châu này là kinh điển được lưu truyền rộng khắp, từ xưa đến nay đã sớm được các vị đại thiện tri thức tu tập. Như đức Thế Tôn đã nói: Trong các đệ tử của ta, Ma Ha Ca Diếp đã đích thân chứng đắc. Sau đó, nhất là các vị đại thiện tri thức nơi đất Hán và các vị thành tựu từ xưa đến nay, đối với pháp này, về cơ bản cũng đều đã từng tu tập.

(Kinh) Hựu phục văn dĩ, cánh hưng phỉ báng, đô vô tín tâm, vị vi chân thật. Tuy văn đa thuyết, chung vô khai giải. Phục tác thị ngôn: “Nhược tư pháp giả, dẫn vi hý luận cố, thần dị kỳ sự. Hựu vị xí thịnh ngôn giáo cố, quá sức kỳ từ, dụ cuồng thế gian, tạo tư kinh điển. Khởi đắc phương tử thánh giả A Nan, chư tỳ-kheo bối, hiện tại thế thời tuyên thuyết như thị chư Tu Đa La dã”.

(經)又復聞已，更興誹謗，都無信心，謂為真實。雖聞多說，終無開解。復作是言：「若斯法者，但為戲論故，神異其事。又為熾盛言教故，過飾其詞，誘誑世間，造斯經典。豈得方比聖者阿難，諸比丘輩，現在世時宣說如是諸修多羅也」。

(Kinh: Lại còn nghe xong, càng thêm dấy lòng phỉ báng, đều chẳng có tín tâm, chẳng cho là chân thật. Tuy nghe nói nhiều lượt, trọn chẳng khai giải. Lại nói như thế này: “Pháp như thế ấy chỉ là do hý luận mà thần dị chuyện ấy. Lại vì để cho ngôn giáo rạng rỡ mà dùng từ ngữ tô vẽ quá mức, dụ dỗ, dối gạt thế gian, tạo ra kinh điển này. Há có lẽ nào sánh bằng các Tu Đa La được các vị như thánh giả A Nan và các vị tỳ-kheo lúc đang trụ thế đã tuyên nói như thế ư?”)

Đây là dựa theo kinh đề báng kinh, dẫn dụng thánh giả A Nan [đề báng bỏ].

(Kinh) Hựu ư dị thời, phát như thị ngôn: “Thử Tu Đa La phi Phật sở thuyết, nãi thị ác nhân tự tạo văn chương, vọng ngôn kinh nhĩ”.

(經)又於異時，發如是言：「此修多羅非佛所說，乃是惡人自造文章，妄言經耳」。

(Kinh: Lại trong lúc khác, thốt lời như thế này: “Tu Đa La (khé kinh) này chẳng do đức Phật nói, mà là do kẻ ác tự tạo văn chương, nói dối là Kinh”).

Ở đây, nhất định phải chú ý, vì nếu quý vị chẳng đủ tín tâm, lời lẽ ấy sẽ có thể không chế quý vị, vì pháp Tịnh Độ thường bị kẻ khác công kích, bị nhiều người hoài nghi. Pháp Ban Châu càng biểu hiện rõ rệt như thế đó!

(Kinh) Hiền Hộ đương tri! Như tư ác nhân trường dạ viễn ly như thị vi diệu vô thượng đại bảo. Như bỉ si nhân, kiến diệu hương dĩ, yểm nhãn, tắc ty, bất dụng kiến văn. Như thị Hiền Hộ! Bỉ ngu ác bối, văn thử diệu kinh tam-muội bảo dĩ, bất dục thụ tả, bất nhạo độc tụng, bất niệm thọ trì, bất năng tuyên thuyết. Sở vị vô tâm thân cận, bất nguyện văn cổ.

(經)賢護當知！如斯惡人，長夜遠離如是微妙無上大寶。如彼癡人，見妙香已，掩眼塞鼻，不用見聞。如是賢護！彼愚惡輩，聞此妙經三昧寶已，不欲書寫，不樂讀誦，不念受持，不能宣說。所謂無心親近，不願聞故。

(Kinh: Hiền Hộ nên biết! Kẻ ác như thế trong đêm dài xa lìa vô thượng đại bảo vi diệu như thế. Kẻ si như vậy đã thấy hương màu nhiệm rồi, bịt mắt, bịt mũi, chẳng chịu nhìn, ngửi. Như thế đó, Hiền Hộ! Lũ ngu ác ấy đã nghe báu tam-muội trong bản kinh màu nhiệm này, chẳng muốn biên chép, chẳng thích đọc tụng, chẳng nghĩ thọ trì, chẳng thể tuyên nói. Đó gọi là không có tâm thân cận vì chẳng muốn nghe).

Trong đoạn văn tự này, chúng ta thấy đức Thế Tôn quở trách loại hữu tình tạo tác ác nghiệp, hoặc tạo tác dị thuyết trong đời Mạt Pháp. Kẻ dùng tâm thức để hướng dẫn pháp tắc, phần nhiều sẽ phi báng như thế! Chư vị thiện tri thức ơi! Đối với chỗ này, chúng ta hãy khéo tư duy, khéo quan sát, yêu mến thủ hộ kinh này, đọc tụng kinh này, tu tập kinh này, tuyên nói kinh này.

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Thí như hữu nhân mại ma-ni bảo. Hữu ngu si nhân, kiến bỉ bảo dĩ, tức tiện vân ngôn: “Nhân giả tư bảo, kỳ giá vân hà?” Bảo chủ đáp ngôn: “Nhữ kim đương tri, thị bảo tinh thắng, thế gian sở vô. Phi khả tạo thứ dĩ thế giá luận dã. Ngô kim thả thuyết thử bảo công năng, oai đức, lực dụng, thô vi ước nhĩ. Khanh nhược dục tri thử ma-ni bảo, quang minh sở chiếu, cận viễn nhược can. Khanh kim nhược tu, đương dĩ chân kim bố mãn tư địa, nhĩ nãi tương dữ”. Bỉ ngu si nhân, văn thị ngữ dĩ, tiện đại sủy tiểu, chủng chủng tử hủy: “Thị ma-ni bảo, cánh bất thù giá”.

(經)復次賢護！譬如有人賣摩尼寶。有愚癡人，見彼寶已，即便問言：「仁者斯寶，其價云何？」寶主答言：「汝今當知，是寶精勝，世間所無。非可造次以世價論也。吾今且說此寶功能，威德力用，粗爲約耳。卿若欲知此摩尼寶，光明所照，近遠若干。卿今若須，當以真金佈滿斯地，爾乃相與」。彼愚癡人，聞是語已，便大嗤笑，種種皆毀：「是摩尼寶，竟不酬價」。

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Ví như có người bán báu ma-ni. Có kẻ ngu si đã trông thấy báu ấy, liền hỏi rằng: “Vật báu này của nhân giả giá trị ra sao?” Chủ vật báu trả lời: “Ông nay nên biết, vật báu này tinh ròng, thù thắng, thế gian chẳng có. Chớ nên bộp chộp dùng giá trị trong thế gian để luận định. Nay tôi lại nói đại lược thô thiển về công năng, oai đức, và lực dụng của món báu này. Nếu ông muốn biết quang minh của báu ma-ni này chiếu xa hay gần cỡ nào, nếu nay ông cần đến, phải nên lấy vàng ròng trải khắp cuộc đất này thì tôi mới trao cho ông”. Kẻ ngu si đó nghe lời ấy rồi, liền hết sức cười nhạo, chê bai, hủy báng đủ mọi lẽ: “Báu ma-ni ấy trọn chẳng đáng giá”).

Trong phẩm Chánh Tín, đức Thế Tôn nêu lên rất nhiều đề tỷ dụ sự trân quý của pháp Ban Châu tam-muội, khó được, khó gặp. Nếu chẳng nhận biết, chúng ta sẽ bỏ lỡ sát-na [gặp gỡ] món báu to lớn.

(Kinh) Như thị Hiền Hộ! Bỉ vị lai thế, chư ác tỳ-kheo, văn thử kinh trung thẳng tam-muội bảo, vô hữu tín tâm, đa sanh sửu tiểu, cánh hưng phỉ báng. Kỳ sự diệc nhĩ. Hoặc hữu tỳ-kheo, tín căn thâm hậu, huệ căn minh lợi, dĩ ư quá khứ chư Như Lai sở, thân cận, thừa sự, thính văn chánh pháp, như giáo tu hành, chúng chư thiện căn. Bỉ đẳng văn thử Bồ Tát Niệm Phật Hiền Tiền tam-muội, tức năng độc tụng, tư duy nghĩa lý, vị nhân quảng thuyết, năng đa lợi ích nhất thiết thế gian. Sở vị quảng tuyên lưu bố, sanh đại tín tâm, phát đại trí huệ, thành tựu thuần trực, cụ túc oai nghi, thường hành tâm quý, bố úy chúng tội, tu trì cấm giới, bất thọ chư dục, tín thậm thâm pháp, năng đa thọ văn, đắc thâm trí nhãn, thường hành từ bi. Nhiên nhi tư đẳng tín căn thâm cố, hành thị tam-muội. Đắc tam-muội dĩ, du chư phương quốc, vị tha quảng thuyết, giải thích nghĩa lý, thường tác thị nguyện: ‘Linh thử Bồ Tát Niệm Phật tam-muội, thậm thâm kinh điển, quảng hành lưu bố, thường trụ ư thế’. Hoặc hữu chúng sanh, thiện căn vi bạc, phước đức tiền thiếu, quá khứ vị tăng thân cận chư Phật, cúng dường, thừa sự, thính văn chánh pháp, dẫn vị ngã mạn sở hàng, tật đồ sở đạo, lợi dưỡng sở phú, danh văn sở khiên, quảng hành phóng dật, bất trì giới thiện, thường nhạo loạn tâm, bất tu Thiền Định, viển ly kinh giáo, bất cầu đa văn, vị ngộ thiện sư, duy phùng ác hữu. Tư nhân như thị văn thử tam-muội, phỉ báng khinh hủy, vô nhất tín tâm, vị vi bất thật, chí tánh ngoan ngu, ý vô khai giải, phục tác thị ngôn: ‘Như tư kinh điển, phi Phật sở thuyết, nãi thị thế gian độn căn tỳ-kheo, ngu si, tà kiến, tự tác văn chương, nghiêm sức từ cú’. Nhược xử chúng trung, ung như thị thuyết, diệc như thị giáo: ‘Nhữ chư chúng sanh đương tri kim thử Tu Đa La điển phi Phật sở thuyết’. Như thị si nhân, bất tri thân cận chư Phật Thế Tôn, bất chúng thiện căn, bất tu cúng dường, tập cận ác hữu, đa tác chúng ác. Đương tri thị nhân, viển ly vô thương thâm diệu pháp bảo, vĩnh thất vô thượng tối thắng pháp lợi dã!’ Phật cáo Hiền Hộ: - Ngộ phục ngữ nhữ, ngã kim hiện tại nhất thiết thế gian Phạm, ma, sa-môn, Bà La Môn, cập chư thiên, nhân, A Tu La đẳng, chư đại chúng tiền, tuyên thuyết như thị diệu tam-muội thời, nhược bỉ thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn dĩ tùy hỷ, độc tụng, thọ trì Niệm Phật tam-muội, tư duy, tín giải, tối dĩ vi chân, phát như thị ngôn: ‘Thị vi chân thật chư Phật thuyết giả’. Đương tri bỉ nhân sở hoạch phước tụ, bất khả tư nghị. Hiền Hộ! Nhược phục hữu chư thiện nam tử, thiện nữ nhân trì mãn tam thiên đại thiên thế giới chúng chúng trân bảo, dĩ dụng cúng dường nhất thiết chư Phật Như

Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác, sở đắc công đức, tuy vi quảng đại, nhiên vọng trì kinh sở hoạch phước tụ, bách thiên vạn phân, bất cập kỳ nhất, nãi chí cánh dĩ vô lượng vô biên A-tăng-kỳ chư phước đức tụ, diệc bất cập nhất dã.

(經)如是賢護！彼未來世，諸惡比丘，聞此經中勝三昧寶，無有信心，多生嗤笑，更興誹謗。其事亦爾。或有比丘，信根深厚，慧根明利，已於過去諸如來所，親近承事，聽聞正法，如教修行，種諸善根。彼等聞此菩薩唵佛現前三昧，即能讀誦，思惟義理，為人廣說，能多利益一切世間。所謂廣宣流佈，生大信心，發大智慧，成就純直，具足威儀，常行慚愧，怖畏衆罪，修持禁戒，不受諸欲，信甚深法，能多受聞，得深智忍，常行慈悲。然而斯等信根深固，行是三昧。得三昧已，遊諸方國，爲他廣說，解釋義理，常作是願：「令此菩薩唵佛三昧，甚深經典，廣行流佈，常住於世」。或有衆生，善根微薄，福德尠少，過去未曾親近諸佛，供養承事，聽聞正法，但爲我慢所降，嫉妒所導，利養所覆，名聞所牽，廣行放逸，不持戒善，常樂亂心，不修禪定，遠離經教，不求多聞，未遇善師，唯逢惡友。斯人如是聞此三昧，誹謗輕毀，無一信心，謂爲不實，志性頑愚，意無開解，復作是言：「如斯經典，非佛所說，乃是世間鈍根比丘，愚癡邪見，自作文章，嚴飾詞句」。若處衆中，應如是說，亦如是教：「汝諸衆生當知今此修多羅典非佛所說」。如是癡人，不知親近諸佛世尊，不種善根，不修供養，習近惡友，多作衆惡。當

知是人，遠離無上深妙法寶，永失無上最勝法利也」。佛告賢護：「吾復語汝，我今現在一切世間梵、魔、沙門、婆羅門，及諸天、人、阿修羅等，諸大衆前，宣說如是妙三昧時，若彼善男子善女人，聞已隨喜，讀誦受持唵佛三昧，思惟信解，最以爲真，發如是言：「是爲真實諸佛說者」。當知彼人所獲福聚，不可思議。賢護！若復有諸善男子善女人，持滿三千大千世界種種珍寶，以用供養一切諸佛如來應供等正覺，所得功德，雖爲廣大，然望持經所獲福聚，百千萬分，不及其一，乃至更以無量無邊阿僧祇諸福德聚，亦不及一也」。

(Kinh: “Như thế đó Hiền Hộ! Các ác tỳ-kheo ấy trong đời vị lai nghe báu tam-muội thù thắng trong kinh này, chẳng có tín tâm, phần nhiều sanh lòng cười nhạo, lại còn sanh phỉ báng cũng giống như thế đó. Hoặc có tỳ-kheo tín căn sâu dày, huệ căn sáng suốt, nhạy bén, do trong quá khứ đã ở nơi các đức Như Lai thân cận, thừa sự, lắng nghe chánh pháp, tu hành đúng như lời dạy, gieo các căn lành. Bọn họ nghe Bồ Tát Niệm Phật Hiền Tiền tam-muội này, liền có thể đọc tụng, tư duy nghĩa lý, vì người khác rộng nói, có thể tạo nhiều lợi ích cho hết thảy thế gian, tức là tuyên nói, truyền bá rộng rãi, sanh tín tâm to lớn, phát khởi trí huệ lớn, thành tựu trực tâm tinh thuần, trọn đủ oai nghi, thường giữ lòng hổ thẹn, sợ hãi các tội, tu trì cấm giới, chẳng nhận lãnh các dục, tin pháp rất sâu, có thể tiếp nhận, nghe nhiều, đặc trí nhãn sâu xa, thường hành từ bi. Nhưng họ do tín căn sâu chắc mà hành tam-muội này. Đã đắc tam-muội, dạo chơi trong quốc độ các phương, vì người khác nói rộng rãi, giải thích nghĩa lý, thường nguyện như thế này: ‘Khiến cho kinh điển Bồ Tát Niệm Phật tam-muội rất sâu này sẽ được lưu truyền rộng rãi, thường trụ trong cõi đời’. Hoặc có chúng sanh thiện căn mỏng ít, phước đức thừa thớt, trong quá khứ chưa từng thân cận chư Phật, cúng dường, thừa sự, lắng nghe chánh pháp, chỉ vì bị ngã mạn đề nén, ghen tỵ chỉ huy, lợi dưỡng che lấp, danh vọng trói buộc, làm đủ mọi chuyện buông lung, chẳng giữ giới thiện, thường thích loạn tâm, chẳng

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

tu Thiên Định, xa lìa kinh giáo, chẳng cầu đa văn, chưa gặp thầy lành, chỉ gặp bạn ác. Kẻ đó nghe tam-muội như thế này bèn phỉ báng, khinh rẻ, hủy nhục, chẳng có chút tín tâm nào, bảo là [kinh này] chẳng thật. Kẻ đó chỉ tánh vọng bướng, ngu độn, ý chẳng khai giải, lại nói như thế này: ‘Kinh điển như thế này chẳng do đức Phật nói, mà là do độn căn tỳ-kheo trong thế gian, ngu si, tà kiến, tự soạn văn chương, trau chuốt câu chữ’. Nếu ở trong đại chúng, cũng sẽ nói như thế, cũng dạy như thế này: ‘Chúng sanh các người hãy nên biết kinh điển Tu Đa La này chẳng phải do đức Phật nói’. Kẻ si như thế chẳng biết thân cận chư Phật Thế Tôn, chẳng gieo thiện căn, chẳng tu cúng dường, thân cận bạn ác, làm nhiều điều ác. Hãy nên biết kẻ ấy xa lìa pháp bảo vô thượng sâu xa, mẫu nhiệm, vĩnh viễn đánh mất lợi ích vô thượng tối thắng nơi pháp”. Đức Phật bảo ngài Hiền Hộ: - Ta lại bảo ông, nay trong lúc ta đối trước hết thấy Phạm vương, ma, sa-môn, Bà La Môn, và các trời, người, A Tu La v.v... các đại chúng trong thế gian hiện tại, tuyên nói tam-muội mẫu nhiệm như thế, nếu các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy nghe xong tùy hỷ, đọc tụng, thọ trì Niệm Phật tam-muội, tư duy, tin hiểu, cho là chân thật nhất, thốt lời như thế này: ‘Đây là kinh thật sự do chư Phật nói’. Hãy nên biết người ấy đạt được khối phước chẳng thể nghĩ bàn. Nay Hiền Hộ! Nếu lại có các thiện nam tử, thiện nữ nhân dùng các thứ trân bảo đầy ấp tam thiên đại thiên thế giới để cúng dường hết thấy chư Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Đăng Chánh Giác thì người ấy đạt được công đức tuy rộng lớn, nhưng so với khối phước đạt được của người trì kinh thì chẳng bằng một phần trong trăm ngàn vạn phần, thậm chí cũng chẳng bằng một phần của vô lượng vô biên A-tăng-kỳ các khối phước đức).

Lành thay! Trong đoạn văn tự này, đức Thế Tôn đã nêu bày phương tiện chánh tín, dường như chỉ nói về tỳ-kheo, nhưng [thật ra] cũng bao gồm thiện nam tử, thiện nữ nhân. Tỳ-kheo đứng đầu trong chín chúng⁷⁸ nghe thuyết pháp, cho nên chỉ nói về tỳ-kheo là đã bao gồm hết thấy các đại chúng học Phật.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn vị trùng minh thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Tà khúc ngu hoặc nhân, phóng dật, căn bất thực.

⁷⁸ Chín chúng, tức là chúng sanh trong chín pháp giới.

(經)爾時，世尊爲重明此義，而說偈言：「邪曲愚惑人，放逸根不熟。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn để nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Kẻ tà khúc, ngu hoặc, buông lung, căn chẳng thuần).

Nhận biết một pháp tắc thì như trong kinh Đại Bát Niết Bàn, đức Thế Tôn đã dạy: Nếu gieo các thiện căn, thừa sự, cúng dường Phật, hoặc là một vị Phật, hai vị Phật, ba vị Phật, cho đến đối với một hằng hà sa số chư Phật đều cúng dường, nghe kinh điển Đại Thừa mà chẳng phỉ báng; thiện căn ấy như thật! Nghe pháp Ban Châu mà chẳng sanh nghi báng, đã là rất khó có trong tam giới. Nếu nghe pháp rồi mà có thể sanh lòng tin, nghe pháp rồi có thể tu tập, nghe pháp xong có thể thành tựu, truyền bá, người ấy rất chẳng thể nghĩ bàn! Người đó chẳng chỉ cúng dường một hằng sa, hai hằng sa, ba hằng sa chư Phật, thừa sự, mà là đều đã cúng dường chư Phật, phát Bồ Đề tâm. Vì lẽ nào? Do thiện căn của người ấy chín muồi, do công đức và lợi ích chẳng thể nghĩ bàn! Kẻ thiện căn chẳng thuần thực, từ vô thi tới nay chưa hề thân cận chư Phật để phát Bồ Đề tâm, hoặc siêng tu cúng dường, đối với pháp chẳng thể sanh lòng chánh tín, chẳng thể ưa thích, đối với loại hữu tình ấy, hãy nên thương xót, cổ vũ, khiến cho thiện căn của họ chín muồi. Đây là bi tâm mà hết thấy người tu tập Phật pháp đều nên tu trì.

(Kinh) Ác hữu chi sở hoại, vô hữu chánh tín tâm. Phá giới tạo chúng tội, thâm trước u ngã mạn.

(經)惡友之所壞，無有正信心。破戒造衆罪，深着於我慢。

(Kinh: Bị bạn ác phá hoại, chẳng có tâm chánh tín. Phá giới, tạo các tội, đắm sâu nơi ngã mạn).

Tu loại pháp này, nếu dùng cái tâm ngã mạn để tu trì, pháp này đã diệt! Nếu dùng cái tâm tà kiến, vì danh vọng, lợi dưỡng, sẽ như trong chánh kinh trên đây đã nói “*tật đố sở đạo, lợi dưỡng sở phú, danh văn sở khiên, quảng hành phóng dật*” (bị ghen tỵ hướng dẫn, lợi dưỡng che lấp, danh vọng trói buộc, làm đủ mọi chuyện buông lung). Dẫu trong lúc hành pháp, vẫn là đang phóng dật! Trong hành pháp Ban Châu, có các vị

Bồ Tát tự mình cũng có thể cảm nhận chính mình đang tìm cầu phương tiện phóng dật ở khắp mọi chỗ! “*Bất trì giới thiện, thường nhạo loạn tâm, bất tu Thiền Định, viễn ly kinh giáo, bất cầu đa văn, vị ngộ thiện sư, duy phùng ác hữu*” (Chẳng trì giới thiện, thường thích loạn tâm, chẳng tu Thiền Định, xa lìa kinh giáo, chẳng cầu đa văn, chưa gặp thầy lành, chỉ gặp bạn ác). “*Bạn ác*” là gì? A dua, bợ đỡ, hư giả đối với pháp, chẳng có thực chất. Chẳng phải là thâm nhập tu tập pháp tắc, phần nhiều là dối trá, bợ đỡ, nắm nịt lẫn nhau, phần nhiều chẳng thật. Nếu là như thế, sẽ xa lìa pháp tắc này, tuy niệm Phật mà đã đánh mất cam lộ vị, vì chẳng có thành tựu chân thật. Nay mọi người chúng ta khi tu tập pháp này, nhất định phải thâm nhập quan sát nghiệp duyên của chính mình trong hiện tại sanh khởi và thủ hộ như thế nào? Tu tập bằng cách nào? Vì sao phải dùng pháp này? Vì sao phải thủ hộ pháp này?

(Kinh) Bĩ các ngôn thử kinh, phi thị chư Phật thuyết. Thử chư Tu Đa La, phi thị pháp vương giáo. Bĩ bối tự ý ngôn, ngã hà năng thuyết thử?

(經)彼各言此經，非是諸佛說。此諸修多羅，非是法王教。彼輩自意言，我何能說此？

(Kinh: Họ đều nói kinh này, chẳng do chư Phật nói. Các Tu Đa La này, chẳng do pháp vương dạy. Bọn họ tự ý nói, ta làm sao nói được?)

“*Tự ý ngôn*” là hư vọng suy lường, dựa theo ý nghĩ của riêng mình, tức là dùng tâm thức hư vọng của chính mình để suy lường pháp tắc rồi phi báng.

(Kinh) Nhược kiến Đại Điều Ngự, Thế Tôn phóng quang minh. Ngã vị bĩ quảng tuyên, bĩ diệc năng truyền thuyết. Kỳ hoặc ư thử kinh, văn dĩ sanh hoan hỷ.

(經)若見大調御，世尊放光明。我為彼廣宣，彼亦能傳說。其或於此經，聞已生歡喜。

(Kinh: Nếu thấy Đại Điều Ngự, Thế Tôn phóng quang minh. Ta vì họ rộng nói, họ cũng sẽ truyền nói. Hoặc đối với kinh này, nghe xong sanh hoan hỷ).

“*Văn dĩ sanh hoan hỷ*” (Nghe xong sanh hoan hỷ): Đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta có thể không ngừng xét kỹ và quan sát chỗ này: Nếu có hữu tình đối với kinh giáo, cho đến đối với hình tượng Tam Bảo, chẳng sanh hoan hỷ, phần nhiều là kẻ tự kiêu mạn, tự cao tự đại, tự phụ. Nếu là kẻ thiện căn thành thực, đối với một kinh, một sách, thậm chí một lời nói, sẽ đều kính vâng, thủ hộ.

(Kinh) Tư nhân vô nghi võng, bất ngôn phi Phật thuyết.

(經)斯人無疑網，不言非佛說。

(Kinh: Kẻ đó chẳng nghi hoặc, chẳng bảo “Phật không nói”).

Vì sao? Đức Thế Tôn nói hết thầy các pháp. Do hết thầy các pháp tác thế gian và xuất thế gian, không pháp nào đức Thế Tôn chẳng nói, cho nên Ngài là Thế Tôn. Vì sao nói thế? Trong hết thầy các môn Đà-la-ni thiện xảo, không pháp gì chẳng nói, không pháp gì chẳng hiển lộ. Nhưng nếu đức Phật chẳng nói loại giáo ngôn này thì [giáo pháp ấy] làm sao tỏ lộ được? Làm sao biết rõ được?

(Kinh) Như hữu giới thanh tịnh, sở kiến năng liễu tri.

(經)如有戒清淨，所見能了知。

(Kinh: Nếu có giới thanh tịnh, trông thấy bèn biết rõ).

Trong cơ chế trì giới, nếu mọi người chẳng có tâm hiếu thuận, trì giới bằng cách nào đây? Vẫn là dùng cái tâm khinh mạn để trì giới! Hành pháp mà nếu dựa vào cái tâm khinh mạn, hành pháp để làm gì cơ chứ? Vẫn là cái nghiệp danh vọng, lợi dưỡng hư giả, vẫn sanh tử y hệt! Vì thế, trong quá trình chúng ta tu tập pháp tắc này, đối với hành vi trong một niệm hiện tiền của chính mình, nhất định phải tư duy và quan sát rõ ràng.

(Kinh) Kính pháp khởi trọng tâm, ngã vị thủ trần thuyết. Nhược dĩ tam thiên bảo, trì phụng chư Như Lai. Vị cầu đại Bồ Đề, kỳ phước bất khả thuyết. Nhược hữu chư tỳ-kheo, thuyết Phật sở thân định.

(經)敬法起重心，我爲此陳說。若以三千寶，持奉諸如來。爲求大菩提，其福不可說。若有諸比丘，說佛所嘆定。

(Kinh: Kính pháp, tâm trân trọng. Ta vì kẻ đó nói: Dùng báu đây tam thiên, dâng hiến các Như Lai, để cầu đại Bồ Đề, phước ấy chẳng thể nói. Nếu có các tỳ-kheo, nói môn Định Phật khen).

“Phật sở tán định” (Môn Định được đức Phật khen ngợi) chính là Ban Châu tam-muội, tức Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền, tu trì loại Định Ý tam-muội ấy.

(Kinh) Văn giả sanh tín tâm, thử phước quá w bỉ.

(經)聞者生信心，此福過於彼」。

(Kinh: Nghe rồi sanh tín tâm, phước ấy vượt hơn hẳn).

Đức Thế Tôn tán thán phước đức ấy. Thật ra, chẳng có phước đức nào để có thể đạt được, chỉ vì chúng sanh tiến nhập, yêu thích pháp tác Bồ Đề. Nói kiểu này thật sự là để gia trì chúng ta trọn đủ tâm nguyện hành pháp.

9. Phẩm thứ năm: Thọ Trì

(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần Thọ Trì phẩm đệ ngũ.

(經)大方等大集賢護分受持品第五。

(Kinh: Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần. Phẩm thứ năm: Thọ Trì).

Đối với bất cứ giáo pháp nào, nếu chẳng dựa theo kinh điển để tu trì, tu tập, quan sát, chúng ta sẽ không có chỗ để nương tựa. Nhất là sau khi đức Thế Tôn đã diệt độ, kinh điển là cội nguồn pháp bảo duy nhất để chúng ta nương tựa. Tuy có các vị thiện tri thức khác lập giáo, cũng chẳng lia kinh điển. Nếu chẳng phải là như thế, sẽ chẳng được đức Thế Tôn ân khả, chẳng do đức Thế Tôn trực tiếp tuyên nói, sẽ có nhiều chỗ

chẳng đáng tin! Vì vậy, kinh điển là chỗ nương cậy, bảo vệ chúng ta, là chỗ nương cậy cho chúng ta tu tập, là chỗ nương cậy, bảo vệ chúng ta thành tựu, thoát khỏi trầm luân. Ở đây, chúng ta hãy xem phẩm Thọ Trì dùng điều gì để tuyên nói, giáo hóa.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn phục cáo Hiền Hộ Bồ Tát ngôn: - Hiền Hộ! Thử chúng hữu nhân, kim tại ngã tiền, thân văn ngã thuyết như thị tam-muội, u ngã diệt hậu, kỳ sở sanh xứ, hoàn phục đắc văn thị tam-muội bảo, tuy văn bất tín, phỉ báng, hủy tử, viễn ly thiện hữu, tùy trục ác nhân. Hiền Hộ! Phục hữu nhất nhân, u thiện nhân sở, văn thị tam-muội, thâm diệu kinh điển, thượng bất sanh tín, bất dĩ vi thật, bất năng khai giải. Huống ác nhân xứ, văn thị kinh điển, ninh năng sanh tín, nhi phục khai giải? Hà dĩ cố? Hiền Hộ! Chư Phật Như Lai sở ngôn nan tín. Chư Phật Thế Tôn trí huệ nan tri cố. Hiền Hộ! Nhược đương thành tựu như thị tam-muội, nhiên hậu nãi năng u đương lai thế, dữ chư chúng sanh tăng trưởng Phật pháp.

(經)爾時，世尊復告賢護菩薩言：「賢護！此衆有人，今在我前，親聞我說如是三昧，於我滅後，其所生處，還復得聞是三昧寶，雖聞不信，誹謗毀訾，遠離善友，隨逐惡人。賢護！復有一人，於善人所，聞是三昧，深妙經典，尚不生信，不以爲實，不能開解。況惡人處，聞是經典，寧能生信，而復開解？何以故？賢護！諸佛如來所言難信。諸佛世尊智慧難知故。賢護！若當成就如是三昧，然後乃能於當來世，與諸衆生增長佛法。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn lại bảo Hiền Hộ Bồ Tát rằng: - Nay Hiền Hộ! Trong đại chúng đây, nay đang ở trước ta, có kẻ đích thân nghe ta nói tam-muội như thế, sau khi ta diệt độ, người ấy sanh ra vẫn lại được nghe báu tam-muội như thế, [nhưng kẻ ấy] tuy nghe mà chẳng tin, phỉ báng, hủy nhục, chê bai, xa lìa bạn lành, thuận theo kẻ ác. Nay Hiền Hộ! Lại có kẻ từ nơi người lành được nghe kinh điển tam-muội sâu xa, mầu nhiệm như thế mà còn chẳng sanh lòng tin, chẳng cho là thật, chẳng thể thông hiểu, huống hồ từ nơi kẻ ác được nghe kinh điển này,

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

mà lại có thể sanh lòng tin, lại thông hiểu ư? Vì sao vậy? Nay Hiền Hộ! Lời chư Phật Như Lai nói khó tin, trí huệ của chư Phật Thế Tôn khó biết. Nay Hiền Hộ! Nếu có thể thành tựu tam-muội như thế, sau đó, sẽ có thể ở trong đời tương lai cùng với các chúng sanh tăng trưởng Phật pháp).

Ở đây, đức Thế Tôn nói lời thọ ký. Ba ngàn năm sau khi đức Phật diệt độ, chúng ta có thể ở nơi đây đọc tụng, học tập kinh Ban Châu Tam Muội, thậm chí tu tập pháp Ban Châu, quả thật là do oai đức của đức Thế Tôn gia trì, do thiện căn trong đời trước của chúng ta hiển hiện. Đừng nên hiểu hời hợt lời thọ ký này của đức Thế Tôn! Mà cũng đừng nên suy đoán hư vọng chi khác, chỉ nên xét xem thiện căn có thành thực hay không và lợi ích có hiện tiền hay không. Điều này rất trọng yếu! Đức Thế Tôn thọ ký như thế nhằm tạo phương tiện tăng thượng cho chúng ta, vì chỉ có sức tam-muội như thế thì mới có thể thật sự đắc lực trong thế gian, thật sự lợi ích rộng rãi các hữu tình thế tục trong thế gian. Trong thế gian này, có nhiều kẻ học Phật dù tại gia hay xuất gia, muốn lợi ích hữu tình mà chẳng đắc lực, vì lẽ nào vậy? Do chẳng có sức tam-muội, chẳng có sức trí huệ, chẳng có sức từ bi!

Sức tam-muội chính là công đức chân thật khiến cho Phật pháp đắc lực trong thế gian. Đó gọi là “*nhân thiên chi trung, mạc quá ư định lực sở nhiếp*” (trong trời, người, không gì hơn sự nhiếp thọ của định lực), tức là nói do sức của Chỉ nơi chính mình mà có thể khiến cho trời, người được an lạc. Hữu tình trong chín pháp giới khắp mười phương, ai nấy đều có chỗ để tiến nhập. [Xét ra], nhân loại chọn lựa pháp tắc này thuận tiện nhất, sẽ là loại sanh mạng có sự chọn lựa rộng lớn nhất. Vì loại sanh mạng này (nhân loại) có sức ký ức vượt hẳn lẽ thường, nhiều loại sanh mạng khác chẳng thể sánh bằng! Do vậy, sự chọn lựa này đặc biệt rộng lớn. Khi phát tâm “*tu tập Bồ Đề tâm*”, chọn lựa pháp tắc sẽ rất thuận tiện. Nếu dùng định lực để nhiếp thọ, nhân loại sẽ đạt được đại an lạc, xa lìa nỗi khổ phải băn khoăn lựa chọn. Nỗi khổ ấy chính là sự hao tổn tự ngã lớn nhất của nhân loại, thường là có lúc quyết định hoặc chẳng quyết định, làm hoặc chẳng làm, hoặc được, hoặc mất, hoặc đúng, hoặc sai, hoặc phạm, hoặc thánh... Nói chung là băn khoăn lựa chọn trong ấy, có người lãng phí cả đời vì chuyện này, nhưng chẳng có chuyện nào thật sự quyết định được, vì cứ lo được, lo mất. Chư thiên cũng giống như thế. Chư thiên phần nhiều say đắm niềm vui ngũ dục, mê đắm ngũ dục, thỏa thích ngũ dục, chẳng thể tự thoát ra được. Nếu là kẻ có định lực to lớn, hay có sức thần thông, có thể dùng thiện xảo để

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

niếp hóa chư thiên, khiến cho họ hướng về [người ấy]. Vì sao vậy? Quang minh của định lực vượt xa quang minh của chư thiên.

Thân tướng của chư thiên đều sẵn có quang minh, chẳng nhờ vào ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, chẳng giống như hữu tình thuộc nhân loại cần phải nhờ vào ánh sáng của đèn, ánh sáng của mặt trời, mặt trăng giúp đỡ để đi lại, làm các sự nghiệp! Chư thiên chẳng cần. Nếu là người có Thiên Định thiện xảo, hoặc tam-muội thiện xảo, có thể dùng quang minh to lớn để chiếu thấu loài hữu tình ấy, khiến cho họ tiến nhập. Vì thế nói những người có Thiên Định, đại oai quang rạng rỡ, chiếu rọi tam thiên đại thiên thế giới, khiến cho chư thiên cũng đến quy thuận. Do vậy, người hành trì Ban Châu tam-muội có thể lợi ích thế gian, dù trời hay người, đều có thể lợi ích. Cho nên đối với các loài hữu tình thuộc các đường khác, chắc chắn sẽ có thể thiện xảo hồi thí công đức và lợi ích chân thật. Như Tu La đạo thích tranh đấu, sanh tâm ghen tỵ, chẳng được an ổn, nếu có các sức công đức tam-muội, sẽ có thể khiến cho họ đạt được niềm vui an ổn, xa lìa các nỗi khổ tranh đấu và ghen tỵ. Đây đúng là rất khó. Lại như đối với các hữu tình trong ba ác đạo, cũng giống như thế. Đối với điều này, chúng ta rất dễ quan sát thấy.

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Hữu chư Bồ Tát Ma Ha Tát, nhược tại gia, nhược xuất gia, văn thử tam-muội, bất bố, bất kinh, bất hối, bất thoái, bất bán, bất hủy, văn dĩ tùy hỷ, sanh tâm kính tâm, quyết định chân thật, vô phục nghi võng, độc tụng, thọ trì, tư duy nghĩa thú.

(經)復次賢護！有諸菩薩摩訶薩，若在家，若出家，聞此三昧，不怖，不驚，不悔，不退，不謗，不毀，聞已隨喜，生信敬心，決定真實，無復疑惘，讀誦受持，思惟義趣。

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Có các Bồ Tát Ma Ha Tát dù tại gia, hay xuất gia, nghe tam-muội này, chẳng sợ, chẳng kinh hãi, chẳng hối hận, chẳng lui sụt, chẳng bán, chẳng hủy, nghe rồi tùy hỷ, sanh tâm kính tín, quyết định chân thật, chẳng còn ngờ vực, đọc tụng, thọ trì, tư duy nghĩa lý).

Chẳng hạn như chúng ta nay đang An Cư, có khá nhiều vị thiện tri thức thích đọc tụng, nhưng cũng có khá nhiều vị Bồ Tát chẳng thích đọc

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

tụng. Đọc tụng mà còn chẳng muốn, làm sao có thể hành trì pháp tắc này? Đây là do thiện căn của chúng ta còn bị nghi hoặc che lấp, do nghi hoặc sẽ sanh ra nhiều ác duyên, chẳng thể sanh tín tâm thủ hộ thiện pháp, chẳng thích pháp này, phần nhiều dùng cái tâm buông lung để làm các sự nghiệp, cho nên đánh mất món báu ma-ni này. Mọi người hãy nên khéo quan sát tự tâm, đừng lo phê phán kẻ khác. Như thế sẽ là thuận tiện nhất!

Trước kia, ở trong tự viện khác, tôi thường hỏi các vị xuất gia sư phụ: “Quý vị thích niệm tụng, hay thích niệm Phật, hay thích tu trì các thứ Thiên pháp, hay thích làm các sự nghiệp?” Chín mươi phần trăm là thích làm các sự nghiệp, nhưng sự nghiệp tán mạn, thuận theo lòng ham muốn, phần nhiều tỏ lộ tập khí, cũng tức là để an lạc trong tập khí của chính mình, có thể thỏa thích lòng ham muốn của chính mình, thỏa mãn nguyện vọng của chính mình, thuận theo sự ham muốn của chính mình mà làm các việc! Do đó, họ chẳng thích các tam-muội, chẳng thích niệm Phật, chẳng thích công khóa của thường trụ, phần nhiều chuộng phước đức, siêng năng làm đủ mọi chuyện xen tạp. Đó là một hiện tượng đặc biệt nổi bật trong hiện thời, thật sự là chín mươi phần trăm [người tu hành] chẳng thích tu tập pháp tắc, phần nhiều thích buông lung tự tâm! Chỉ cần có sự nghiệp bên kinh thường chuyện đọc tụng hoặc hành trì pháp tắc, coi trọng sự nghiệp, coi đó là chánh yếu. Các sự nghiệp cũng đều cần có người thực hiện, vậy thì ai sẽ thủ hộ chuyện tụng niệm và hành pháp? Nếu chúng ta thật sự hộ trì Tam Bảo để làm các sự nghiệp, do cái tâm chẳng buông lung, cũng sẽ đạt được lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Nhưng nếu vì buông lung tự tâm mà làm các sự nghiệp thì chúng ta cần phải khéo quan sát tự tâm, tức là tự tâm đã khởi tâm động niệm những gì? Phải tự biết, tự hiểu rõ!

(Kinh) Hiền Hộ! Như thị đẳng nhân, Thế Tôn tất kiến, tất tri, tất thức dã.

(經)賢護! 如是等人, 世尊悉見悉知悉識也。

(Kinh: Này Hiền Hộ! Hạng người như thế, Thế Tôn đều biết, đều thấy, đều rõ).

Lời này chẳng thể nghĩ bàn! Sức gia trì ấy chẳng thể nghĩ bàn! Có nhiều chúng sanh nếu là tại gia thì học tập kinh điển nhà Phật, nhưng xuất gia mấy năm, do chẳng đạt được lợi ích trong Phật pháp, vương

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

mắc nơi mâu thuẫn, phần nhiều nẩy sanh kiêu mạn, chẳng thể tăng thượng thiện căn. Vì lẽ nào vậy? Do chẳng được chư Phật gia bị, do cự tuyệt tăng trưởng thiện căn. Có kẻ còn trực tiếp phủ nhận sự gia trì của Tam Bảo, tự dùng cách tu trì kiêu mạn để tăng thượng, tức là tự cao tự đại, tự phụ. Chẳng được Tam Bảo gia trì, dầu tu trì bao kiếp dài lâu, vẫn giống như tảng đá, chẳng thể tăng trưởng thiện căn, chẳng thể nuôi lớn sanh mạng chân thật được! Thật ra, từ sơ phát tâm tu trì, cho đến lúc chúng ta thành Đẳng Chánh Giác, đều chẳng lìa Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo gia trì. Nếu rời lìa, người ấy làm sao có thể thành tựu cho nổi? Bất quá là tự kiêu mạn, tự phụ là đã thành tựu đó thôi! Nơi đất Hán, lắm kẻ tự phụ “*tự tánh vốn sẵn trọn đủ*”, chẳng biết công đức chân thật do được Tam Bảo gia trì tăng trưởng thiện căn ở chỗ nào. Cho nên có lắm nỗi ngờ vực đối với đại thiện căn và oai đức do chư Phật Như Lai đã tu trì trong bao kiếp lâu xa! Phần nhiều bị tự kiêu mạn, tà tâm, tà kiến làm hại, dầu nhiều năm dường như học pháp, nhưng chẳng thể tăng trưởng thiện căn, khiến cho kẻ khác rất tiếc hận!

(Kinh) Hiền Hộ! Chư Phật Thế Tôn, vân hà kiến tư chư thiện nam tử, cập thiện nữ nhân? Phục vân hà tri? Hựu vân hà thức? Hiền Hộ! Nhược hữu năng đọc tụng, thọ trì, tư niệm thử tam-muội môn, như thị chi nhân, chung bất vi ác.

(經)賢護！諸佛世尊，云何見斯諸善男子，及善女人？復云何知？又云何識？賢護！若有能讀誦受持，思念此三昧門，如是之人，終不為惡。

(Kinh: Đây Hiền Hộ! Chư Phật Thế Tôn thấy các thiện nam tử và các thiện nữ nhân ấy như thế nào? Lại biết như thế nào? Lại hiểu như thế nào? Đây Hiền Hộ! Nếu có người có thể đọc tụng, thọ trì, nghĩ nhớ môn tam-muội này, người như thế trọn chẳng làm ác).

Ở đây, đức Thế Tôn trực tiếp nêu ra: Người thường đọc tụng, tu duy kinh điển như thế, hành trì pháp tắc như thế, y giáo phụng hành, sẽ trọn chẳng làm ác.

(Kinh) Bất phá tịnh giới, bất hoại chánh tín, bất nhập tà tụ.

(經)不破淨戒，不壞正信，不入邪聚。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

(Kinh: Chẳng phá giới pháp thanh tịnh, chẳng hủy hoại chánh tín, chẳng rơi vào Tà Định Tự).

Trong thế gian, đức Thế Tôn đã chia hữu tình thành ba “loại tự”:

1) Những ai thuộc về tam thánh đạo, tức Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, được gọi là Chánh Định Tự.

2) Các hữu tình thiện hay ác trong ba thiện đạo, còn chưa chọn lựa dứt khoát, còn đang băn khoăn thì thuộc về Bất Định Tự. Như phàm phu hữu tình chúng ta, phần nhiều là Bất Định Tự.

3) Lại còn có các tà kiến hữu tình, ắt đọa vào ác đạo. Cho nên hữu tình trong ba ác đạo là Tà Định Tự. Tà Định là các sự nghiệp tà ác đều đã thành tựu, chẳng thể thoát khỏi các thứ khổ nạn!

(Kinh) Hiền Hộ! Thị chư thiện nam tử, thiện nữ nhân đẳng, tất định thâm tín, thành tựu tư duy, năng phân biệt, thành tựu tư duy. Ư thị pháp trung, cụ túc tín tâm, thường năng đọc tụng, nhiếp trì thị pháp. Hiền Hộ! Đương tri thị nhân, quyết bất cầu thiếu công đức, diệc bất chủng thiếu thiện căn.

(經)賢護！是諸善男子善女人等，必定深信，成就思惟，能分別，成就思惟。於是法中，具足信心，常能讀誦，攝持是法。賢護！當知是人，決不求少功德，亦不種少善根。

(Kinh: Nay Hiền Hộ! Các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy nhất định là tin sâu, thành tựu tư duy, có thể phân biệt, thành tựu tư duy. Ở trong pháp này, trọn đủ tín tâm, thường có thể đọc tụng, nhiếp trì pháp này. Nay Hiền Hộ! Hãy nên biết người ấy chắc chắn chẳng cầu công đức ít ỏi, mà cũng chẳng gieo thiện căn ít ỏi).

Chẳng tham cầu thành tựu Thanh Văn hay Duyên Giác, chẳng tham cầu sự vui thế gian, tức chẳng phải là “ít thiện căn”.

(Kinh) Hiền Hộ! Thị thiện nam tử, thiện nữ nhân, phàm sở sanh xứ, hoặc pháp tư nhu, nhiên chư thiện căn, quảng đại bất thiếu.

(經)賢護！是善男子善女人，凡所生處，或乏資需，然諸善根，廣大不少。

(Kinh: Này Hiền Hộ! Các thiện nam tử và thiện nữ nhân ấy, phàm là ở nơi sanh ra có thể thiếu thốn các thứ cần thiết, nhưng các thiện căn đều rộng lớn chẳng ít).

Tuy biểu hiện có thiếu thốn, nhưng thực chất biểu hiện là “quảng đại bất thiếu” (rộng lớn chẳng ít).

(Kinh) Hiền Hộ! Thị cố, tư chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, dĩ u quá khứ chư Như Lai sở, tu hành, cúng dường, chủng chư thiện căn.

(經)賢護！是故，斯諸善男子善女人，已於過去諸如來所，修行供養，種諸善根。

(Kinh: Này Hiền Hộ! Vì thế, các thiện nam tử và thiện nữ nhân ấy trong quá khứ đã từng tu hành, cúng dường, gieo các thiện căn nơi các đức Như Lai).

Chúng ta hoàn toàn có thể thành thực thiện căn trong đời trước của chính mình, hành trì pháp này. Nếu chôn vùi thiện căn đời trước, bỏ phé thiện căn đời trước, được gặp gỡ pháp tắc như thế này mà chẳng sanh lòng vui thích, lại nẩy sanh nhiều nỗi hoài nghi, báng bỏ. Đối với chuyện hành trì pháp Ban Châu, chúng ta phải khéo quan sát tự tâm, khéo quan sát những kẻ hữu duyên chung quanh mình, đúng như kinh điển nhà Phật đã nói, mười phần hiểu rõ trạng thái thiện căn, trạng thái thành tựu, và nghiệp tướng được thủ hộ trong cõi đời.

(Kinh) Hiền Hộ đương tri! Thử bối phi u nhất Như Lai sở, tu hành, cúng dường, chủng chư thiện căn dã, diệc phi u nhị, tam, tứ, ngũ, nãi chí thập Như Lai sở, chủng chư thiện căn dã. Diệc phi u bách thiên ức số chư Như Lai sở, chủng chư thiện căn dã. Hiền Hộ! Đương tri thử chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, dĩ u quá bách thiên số vô lượng vô biên chư Như Lai sở, tu hành, cúng dường, chủng chư thiện căn, phương đắc văn thử Niệm Phật Hiện Tiền tam-muội.

(經)賢護當知！此輩非於一如來所，修行供養，種諸善根也，亦非於二、三、四、五，乃至十如來所，種諸善根也。亦非於百千億數諸如來所，種諸善根也。賢護！當

**知此諸善男子善女人，已於過百千數無量無邊諸如來所，
修行供養，種諸善根，方得聞此念佛現前三昧。**

(Kinh: Hiền Hộ hãy nên biết! Những người ấy chẳng phải là đã tu hành, cúng dường, gieo các thiện căn nơi một vị Như Lai, cũng chẳng phải là đã gieo các thiện căn nơi hai, ba, bốn, năm, cho đến mười vị Như Lai. Cũng chẳng phải là gieo các thiện căn nơi trăm ngàn ức số các vị Như Lai. Hiền Hộ! Hãy nên biết các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy tu hành, cúng dường, gieo các thiện căn nơi nhiều hơn con số trăm ngàn vô lượng, vô biên các đức Như Lai thì mới được nghe Niệm Phật Hiện Tiền tam-muội này).

Sự thọ ký này chính là sự gia trì chẳng thể nghĩ bàn, là sức công đức to lớn đui dặt và thúc đẩy. Nếu là kẻ tín thuận, sẽ đều thành đạo vô thượng, đạt được phương tiện trợ duyên nơi vô thượng đạo, trở thành phương tiện trợ duyên cho sự phát tâm trong tâm trí. Phương tiện này do được đức Phật thọ ký, có oai đức lớn, có sức to lớn. Nếu chẳng tin tưởng chỗ này, sẽ đánh mất loại công đức đại thiện xảo này!

(Kinh) Văn dĩ sanh tín, tâm khai ý giải, tức dĩ vi thật, vô phục nghi võng. Ký hoạch văn dĩ, nhạo dục thư tử, độc tụng, thọ trì, nãi chí vị tha quảng tuyên thị nghĩa.

**(經)聞已生信，心開意解，即以爲實，無復疑惘。既
獲聞已，樂欲書寫，讀誦受持，乃至爲他廣宣是義。**

(Kinh: Nghe rồi sanh lòng tin, tâm ý mở mang, thấu hiểu, coi đó là thật, chẳng còn nghi ngờ. Đã được nghe rồi bèn ưa thích, biên chép, đọc tụng, thọ trì, cho đến vì người khác rộng nói).

Nếu cho là thật, người ấy ắt sẽ thủ hộ, hành trì. Nếu chẳng coi là thật, ắt sẽ sanh khởi ngờ vực. Do vậy, kẻ ở trong tham, sân, si, tri kiến bất chánh, nghi căn sâu nặng, sẽ chẳng thể chọn lựa pháp, chẳng thể thâm nhập pháp, chẳng thể hành trì pháp. Hiện tiền đại chúng hãy quán tự tâm sâu xa. Nếu chẳng phải vì danh vọng và lợi dưỡng, chẳng phải vì cái tâm kiêu mạn, chẳng phải vì ghen tỵ, háo thắng mà hành trì, thủ hộ pháp tắc như vậy, người ấy rất chẳng thể nghĩ bàn. Cái tâm rất chẳng thể nghĩ bàn ấy đều được chư Phật biết, thấy. Nếu chúng ta vì cái tâm kiêu

man, tâm ghen ty, tâm ham hồ danh vọng lợi dưỡng, tâm thích gây chuyện mà tu trì pháp này thì cũng chẳng tương ứng với Phật pháp.

Chư vị thiện tri thức ơi! Nhất định phải khéo quan sát tự tâm, chớ nên nhận định qua loa. Có người nói: “Tôi cũng hành pháp này, vì sao chẳng đạt được lợi ích to lớn?” Quý vị hãy xét xem chính mình có phải là cái tâm danh vọng, tâm lợi dưỡng, tâm ghen ty, tâm kiêu mạn mà tu trì pháp tắc này hay không? Tu pháp như thế này, đích xác là phải nên phát tâm uôn nắn cho đúng, tín giải đúng như thật, tu trì chân thật, thì sẽ có thể thoát lìa tam giới, lợi ích trời, người rộng rãi. Nếu chẳng như thế, sẽ hãm nhập trong cái tâm kiêu mạn hẹp hòi và cái tâm cầu danh lợi của chính mình. Hiện thời, tôi thường gặp các cư sĩ nói như thế này: “Ái chà! Tôi kinh hành Ban Châu, trở về nhà sẽ phú quý lắm, sẽ ít có chướng ngại, sẽ có cuộc sống thế tục càng tốt đẹp hơn”. Chuyện này giống như trong phần trước đức Thế Tôn đã nói: Hết như dùng một viên báu ma-ni để đổi lấy một con trâu! Hữu tình giống như vậy quá nhiều. Tuy họ tối thiểu kết mối thiện duyên với pháp tắc này, nhưng tới khi nào thì mới có thể đạt được lợi ích rốt ráo nơi vô thượng đạo? Đó quả thật là một dấu hỏi!

(Kinh) Hà dĩ cố? Hiền Hộ! Tư chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, vãng tích dĩ u chư Như Lai tiền, vãn thị tam-muội, độc tụng, thọ trì. Dĩ thị nghĩa cố, Như Lai diệt hậu, u tối mạt thế ngũ bách niên chung, pháp dục diệt thời, pháp tương hoại thời, hoàn đương đắc vãn như thị tam-muội, vãn tức sanh tín, vô hữu kinh nghi, bất thoái, bất mọt, sanh đại hoan hỷ, biến mãn thân tâm.

(經)何以故? 賢護! 斯諸善男子善女人, 往昔已於諸如來前, 聞是三昧, 讀誦受持。以是義故, 如來滅後, 於最末世五百年終, 法欲滅時, 法將壞時, 還當得聞如是三昧, 聞即生信, 無有驚疑, 不退不沒, 生大歡喜, 遍滿身心。

(Kinh: Vì sao vậy? Này Hiền Hộ! Các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy xưa kia đã ở trước các đức Như Lai nghe tam-muội này, đọc tụng, thọ trì. Do bởi nghĩa ấy, sau khi đức Như Lai diệt độ, vào năm trăm năm cuối của đời Mạt Pháp, khi pháp sắp diệt, khi pháp sắp hoại, vẫn sẽ được nghe tam-muội như thế này, nghe rồi liền tin, chẳng có kinh hãi,

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

ngờ vực, chẳng thoái chuyển, chẳng mất đi, sanh niềm vui to lớn tràn ngập thân tâm).

Trong rất nhiều kinh điển, đức Thế Tôn đã nói “*hỷ duyệt biến mãn thân tâm*” (vui sướng tràn ngập thân tâm) như thế. Nếu ai trong một đời, hoặc là nhiều đời, nhiều kiếp, siêng khổ thủ hộ thiện căn, cúng dường chư Phật Như Lai, phát Bồ Đề tâm, cho đến nghe lời dạy về tam-muội này, lại sanh lòng hoan hỷ to lớn, sự vui sướng ấy đầy ngập thân, tâm, và thế giới, người ấy sẽ rất dễ dàng tương ứng với tam-muội. Lại có các chúng sanh nghe các pháp tắc “tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến” mà sanh tâm hoan hỷ. Lại có những kẻ hiểu sự trong tự viện, tạo ra các ác sự, ác duyên mà sanh lòng hờn hở, hoan hỷ. Đó gọi là “*căn tánh khác nhau*”. Có kẻ nghe pháp bèn vui mừng, nghe dạy bảo bèn hoan hỷ; đó là do thiện căn đã chín muồi. Có người thì nghe nhân duyên xấu ác bèn sanh lòng hoan hỷ, hoặc lúc trời, người đều bi ai, kẻ đó cũng sanh hoan hỷ. Vì sao? Ác tánh đã thành thực rồi!

(Kinh) Độc tụng, thọ trì, tư duy kỳ nghĩa, vị tha giải thuyết, nãi chí nhất nhật, nhất dạ, hành thị tam-muội.

(經)讀誦受持，思惟其義，爲他解說，乃至一日一夜，行是三昧。

(Kinh: Độc tụng, thọ trì, tư duy ý nghĩa, vì kẻ khác giải nói, cho đến trong một ngày, một đêm hành tam-muội này).

Hiện thời, vì sao chúng tôi phải đề xướng hành pháp Ban Châu một ngày một đêm? Đương nhiên là có rất nhiều người phủ định chuyện này. Chẳng hạn như trước kia, tôi đến một số tự viện, đâu là các tự viện khá lớn, cũng bị phủ định. Thậm chí có rất nhiều vị thiện tri thức có danh vọng cũng mở miệng phủ nhận pháp này. Vậy thì tại sao đức Thế Tôn lại nhắc đi nhắc lại tánh chất trọng yếu của pháp này, cũng như tánh chất trọng yếu của việc tu tập? Chính là vì thành thực thiện căn cho chúng ta! Nhất là trong thời Mạt Pháp, các chúng sanh thiện căn mỏng ít, ít có kẻ tu tập các pháp tắc tam-muội. Kẻ tu trì các sức thần thông càng ít hơn nữa, đã ít lại càng ít hơn! Như Địa Tạng Vương Bồ Tát đã tuyên nói trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, trong thời Mạt Pháp, các chúng sanh chẳng hiểu sự thiện xảo của sức thần thông, chẳng tu tập,

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

phần nhiều ưa chuộng nói năng, phần nhiều đọa trong sự tướng, siêng khổ nơi sự tướng, chẳng thể thâm nhập pháp tắc, chẳng đạt được lợi ích chân thật trong Phật pháp.

(Kinh) Hiền Hộ! Nhược phục hữu nhân, văn thử tam-muội, vô hữu kinh bố, diệt bất thoái một, bất sanh bóng hủy, văn dĩ tùy hỷ, tức dĩ vi thật, tư duy, phân biệt, tâm khai ý giải.

(經)賢護! 若復有人, 聞此三昧, 無有驚怖, 亦不退沒, 不生謗毀, 聞已隨喜, 即以爲實, 思惟分別, 心開意解。

(Kinh: Này Hiền Hộ! Nếu lại có người nghe tam-muội mà chẳng kinh sợ, cũng chẳng thoái thất, chẳng sanh hủy bóng, nghe rồi bèn tùy hỷ, cho là thật, tư duy, phân biệt, tâm ý thông hiểu).

Tùy hỷ có công đức chẳng thể nghĩ bàn! Vì thiện căn, phước đức, nhân duyên có chín muôi và chẳng chín muôi, có tương ứng và chẳng tương ứng. Quý vị chẳng hành trì pháp tắc này, vẫn hoàn toàn được, nhưng nhất định chớ nên chửi bới, ngăn cấm người khác hành trì pháp tắc. Nếu làm như thế (ngăn cản, chửi bới), làm lỗi sẽ vô lượng vô biên, vì lỗi làm ấy giống hệt như đã ngăn lấp đạo Niết Bàn của người khác, bức bách người khác tiến vào đường ác. Do lỗi làm sâu nặng, cho nên các vị thiện tri thức nhất định phải khéo quan sát, tư duy, đừng nên đánh mất lợi ích to lớn trong Phật pháp, vì lòng tin hời hợt và tâm kiêu mạn mà nghi ngờ, báng bỏ Phật pháp, hủy hoại giáo pháp thù thắng! Tội lỗi xả pháp và báng pháp rất lớn! Chúng ta chẳng hành pháp, chớ nên trở ngại kẻ khác, càng chớ nên gây chướng ngại, phá hoại nhân duyên hành pháp của kẻ khác. Chư vị thiện tri thức ơi! Chuyện này thoát nhìn dễ dàng, thật ra, chúng ta vẫn phải rất chú tâm cẩn thận quan sát khởi tâm động niệm của chính mình ở chỗ này. Có thể là có người suốt đời chỉ có một lần có nguyện vọng hành pháp duy nhất, đã tích tụ thiện căn tư lương của chính mình lâu ngày, sau khi người ấy đã bị trở ngại, đã bị công kích một lượt, suốt đời sẽ khó hành! Chúng ta là người tu tập, thủ hộ Phật pháp, có nhân duyên và phước đức thành tựu đạo nghiệp cho người khác, thiện căn ấy chẳng thể nghĩ bàn! Nhưng nếu hủy diệt cơ chế thiện căn và hành pháp của người khác, ác nghiệp ấy sao có thể miêu tả cho được?

Các vị thiện tri thức ơi! Chúng ta không thể chẳng tư duy, không thể chẳng quan sát. Xuất gia cũng thế mà tại gia cũng thế, mọi sự đều có thể làm bất cứ lúc nào, bất cứ chỗ nào. Thật ra, chúng ta đời đời kiếp kiếp đều ở trong sự nghiệp, trong các sự nghiệp ấy, có ác sự nghiệp, có thiện sự nghiệp, mà cũng có cái được gọi là vô lậu sự nghiệp, có sự nghiệp lợi ích thế gian và tăng ích thế gian, đích xác là cũng có sự nghiệp buông lung vô độ, phóng túng theo lòng ham muốn, có sự nghiệp tội ác và luân hồi, cũng có sự nghiệp hủy diệt Phật pháp, phỉ báng Tam Bảo. Rốt cuộc là chúng ta làm sự nghiệp gì vậy? Hãy khéo như thật nhìn thấu tự tâm, dò xét sự phát tâm trong chỗ sâu thẳm của tâm linh. Đó là điều trọng yếu nhất!

(Kinh) Đản năng vị tha tạm thời xưng thiện, sở hoạch phước tụ, thượng bất khả lượng, hưởng năng độc tụng, thọ trì, cần tu nhi hành, vị tha quảng thuyết, chí nhất nhật dạ.

(經)但能爲他暫時稱善，所獲福聚，尚不可量，況能讀誦受持，勤思而行，爲他廣說，至一日夜。

(Kinh: Chỉ có thể vì người khác tạm thời khen ngợi điều lành, sẽ đạt được khối phước còn chẳng thể lường, hưởng hồ có thể đọc tụng, thọ trì, siêng năng suy nghĩ để hành trì, vì người khác rộng nói cho đến một ngày đêm).

Chẳng sanh nghi báng, người ấy có thiện căn chẳng thể nghĩ bàn. Nếu có thể nói cho kẻ khác biết, người ấy tất nhiên sẽ có tâm trí tán thán và tùy hỷ công đức của chư Phật.

(Kinh) Hiền Hộ đương tri! Thị thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhân thị sự cố, tức tiện hoạch đắc quá vô lượng A-tăng-kỳ đại công đức tụ, toại đắc trụ vô bất thoái chuyển địa, tùy sở nguyện dục, như ý tức thành.

(經)賢護當知！是善男子善女人，因是事故，即便獲得過於無量阿僧祇大功德聚，遂得住於不退轉地，隨所願欲，如意即成。

(Kinh: Hiền Hộ hãy nên biết! Thiện nam tử, thiện nữ nhân do vì chuyện này liền đạt được khối công đức vượt quá con số vô lượng A-

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

tăng-kỳ, liền trụ trong địa vị bất thoái chuyển, tùy theo lòng mong muốn liền thành tựu như ý).

Đây là tán thán công đức chẳng thể nghĩ bàn của Phật pháp, tức là hiển hiện lợi ích chẳng thể nghĩ bàn của công đức do tùy hỷ. Trong tu trì mười đại nguyện vương, có tu trì tùy hỷ công đức, chẳng báng duyên của người khác, hãy tùy hỷ đối với sự tu trì, người như thế sẽ có nhiều thiện căn tăng thượng. Như mọi người ở trong tự viện có các thứ phát tâm, nhân duyên khác nhau, nhưng cái tâm tùy hỷ chớ nên diệt mất, cái tâm báng pháp chớ nên sanh khởi. Có người do một niệm tâm nhay bén, sẽ sanh khởi nghi hoặc, báng bỏ. Cái gọi là “*tâm nhay bén*” ấy chính là tự đại, tự kiêu mạn, tự phụ. Hễ sanh khởi cái tâm như thế, sẽ phải báng pháp tắc. Đó gọi là tâm trí quá khích!

Pháp Ban Châu quả thật dễ bị kẻ khác nghi ngờ, hủy báng nhất! Vì nhiều hành giả chẳng thể nhanh chóng đích thân chứng tam-muội này. Hoặc là tuy có thiện căn tương tự, nhưng chẳng thể liên tục thủ hộ, phần nhiều sẽ khiến cho các hữu tình chẳng hành pháp bèn sanh khởi nghi hoặc. Tôi đã so sánh, như có những nơi, mọi người khá siêng khổ, nghiêm cẩn thủ hộ, liên tục tu tập pháp tắc này, có người dùng cái tâm điều nhu, tâm tùy hỷ, tâm tán thán để thủ hộ, cúng dường người khác hành pháp. Như thế thì những người chung quanh cũng sanh khởi lòng yêu thích, ngưỡng mộ, vui thích pháp ấy, nhưng lại có hữu tình khác dẫn hành pháp lại khiến cho người ta ngờ vực, phỉ báng, chửi bới, là vì lẽ nào? Suy rộng ra, trong quá trình hành trì pháp tắc ấy, phần nhiều sanh lòng lo ngờ, cái tâm dao động, phần nhiều vì tâm danh lợi thúc đẩy mà truyền bá và thực hiện pháp tắc này. Do vậy, khiến cho chúng sanh ngờ vực. Đối với điều này, nhất định phải quan sát cẩn thận.

Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn thọ ký: Pháp do Ngài truyền lại, sẽ có pháp vận là một vạn hai ngàn năm. Sau một vạn năm của thời Mạt Pháp, giáo pháp của Ngài liền diệt sạch, phải đợi năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm sau, Di Lặc Phật Thế Tôn giáng thế, truyền pháp rộng lớn. Sự thọ ký này chính là nói về người có thiện căn trong quá trình [Phật pháp] dần dần tiêu vào lúc giảm kiếp (tuổi thọ con người dần dần giảm đi). Trong thời Chánh Pháp, thiện căn của chúng sanh thành thực, nghe pháp liền chứng đạo. Nay chúng ta đã bước vào một vạn năm của thời Mạt Pháp, cũng có nghĩa là trong năm trăm năm cuối cùng, tức là vào lúc cuối cùng của chánh pháp, thiện căn của hữu tình mỏng ít, bại hoại, phần nhiều sanh lòng kiêu mạn và tà kiến. Nói “*tà kiến*” tức là do tự đắm

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

niêm nơi pháp, tự chấp trước pháp, tự phụ nơi pháp mà đọa vào tà kiến. Nhưng do trong lúc cuối của chánh pháp, chánh pháp của đức Thế Tôn vẫn nghiêm nhiên lưu truyền trong thế gian, người thiện căn chín muồi vẫn đạt được lợi ích rất ráo. Chỉ vì có nhiều hữu tình thiện căn mỏng ít, khiến cho dòng pháp bị nghẽn tắc trong hiện tiền, cho nên gọi là “*Chánh Pháp mạt quý*” (cuối thời Chánh Pháp).

“*Mạt*” là vì có nhiều chúng sanh ngờ vực, báng bổ pháp tắc, sanh lòng kiêu mạn, chẳng tin kinh giáo, chẳng tu tập pháp, hoặc phần nhiều là dựa hơi Phật pháp, thật sự là tâm trí ngoại đạo. Đức Thế Tôn thọ ký Phật pháp trong thời đại ấy, những kẻ dựa hơi Phật pháp để kiếm sống rất đông, rất nhiều. Lại còn có Ba Tuần và đệ tử của hắn phát ra thế nguyện tội ác, rất nhiều ngoại đạo dựa dẫm Phật giáo. Chúng ta cứ nhìn vào mọi chuyện trong thế gian sẽ biết ngay. Do vậy, những người xuất gia chúng ta phải nên cảnh giác. Nếu là đệ tử của Phật mà chẳng có thế nguyện thủ hộ giáo pháp của Phật Thích Ca, duy trì Phật pháp, ắt sẽ là con cái của Ba Tuần! Dùng điều gì để chọn lựa? Trên thực tế, toàn là ý hướng thiện căn trong tâm niệm của quý vị!

Thông thường, thọ ký trong kinh điển là do đức Thế Tôn quan sát pháp nhân duyên. Đương nhiên, đây chẳng phải là pháp cố định, vì thiện căn của hết thảy chúng sanh bất định. Có những hữu tình phát ra một niệm tâm trí Bồ Đề mạnh mẽ, có thể thoát khỏi sự mê muội trong nhiều đời nhiều kiếp sanh tử. Như Thích Ca Mâu Ni Phật khi tu nhân, trông thấy tướng hào quang minh của Phát Sa Phật Thế Tôn khi Ngài nhắc một chân, trong suốt bảy ngày tán tụng “*thiên thượng, thiên hạ vô như Phật, thập phương thế giới diệc vô tỷ, thế gian ngã kim giai tận kiến, nhất thiết vô hữu như Phật giả*” (trên trời, dưới đất Phật khôn sánh, mười phương thế gian đều chẳng bằng, con nay thấy trọn khắp thế gian, hết thảy chẳng ai được như Phật). Tùy hỷ, tán thán công đức của Phật chẳng hề chán ngán. Do công đức tinh tấn như thế, vượt thoát chín kiếp, thành Phật trước ngài Di Lặc!

Di Lặc Thế Tôn từng bước tu tập rất ôn. [Ngài giảng thế] nhằm lúc nhân loại thọ tám vạn bốn ngàn năm, là lúc phước đức tụ tập, lúc thiện căn chín muồi. Ngài giảng sanh trong cõi đời, thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, thị hiện đại oai đức. Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn có nhiều nỗi ủy khuất, tuy đã thành Phật, có rất nhiều ủy khuất, vì nhân loại thọ một trăm năm. Đời người ngắn ngủi, phước đức mỏng ít, hết sức đáng thương xót. Mười phương thế giới đều coi thường bọn chúng sanh chúng ta, chỉ trong thời gian liếc mắt, chúng ta đều đã diệt

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

mất, chẳng có cách nào quan tâm chúng ta được. Do vậy, nếu chúng ta chẳng siêng ròng nơi pháp tắc, lại dùng cái tâm kiêu mạn để lãng phí sanh mạng của chính mình, đúng là rất đáng tiếc, vì trải bao kiếp lâu xa, khó thể gặp gỡ! Con người thọ trăm tuổi, có Thích Ca Thế Tôn giáo hóa trong thế giới ác trược này, chúng ta có phước đức, được nghe giáo ngôn như thế, nhất là vào cuối thời giáo pháp của Phật Thích Ca, sẽ càng khó khăn hơn!

Lời dạy rất sâu này khiến cho chúng ta chẳng thoái chuyển, mười phần chẳng dễ! Tuy có rất nhiều hành pháp, nhưng nếu muốn đắc bất thoái chuyển ngay trong một đời, khó khăn mười phần. Nói “*bất thoái*” chính là Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, và Niệm Bất Thoái. Bát Địa Bồ Tát mới có công đức này, nhưng người thật sự niệm Phật, thật sự thuận tùng, hướng theo Niệm Phật tam-muội để tu trì, sẽ có thể đắc bất thoái chuyển ngay trong một đời. Trên thực tế, chính là có cùng một ý nghĩa, nhưng sử dụng từ ngữ khác biệt so với “*tức thân thành tựu*” (thành tựu ngay trong thân này). Vì ba loại Bất Thoái chính là công đức thành Phật, được gọi là A Bệ Bạt Trí. So ra, đối với tín niệm, ý thích, và nguyện vọng của người hiện thời, nếu mong đắc Bồ Tát Chuyển ngay trong một đời, mà chẳng hành trì pháp Niệm Phật, sẽ mười phần khó thể đạt được! Có nhiều người trong cõi đời ngoài việc nghi hoặc pháp tắc này, cứ lẩn quẩn trong dòng nghiệp của chính mình, mười phương chư Phật đều thương xót loại hữu tình ấy! Nếu chẳng gặp gỡ pháp tắc thì thôi, nhưng nếu đã gặp pháp tắc mà ngăn che tự tâm, che lấp pháp tắc, hoặc ngăn trở người khác, lỗi lầm như thế mười phần to lớn. Ở đây, đức Thế Tôn đã nêu bày như thế!

Đối với mỗi năm trăm năm, đức Thế Tôn đều có thọ ký, cho đến một vạn năm của thời Mạt Pháp, con người tu trì rất khó khăn. Vì sao khó khăn? Vì bạch pháp bị chìm đắm, đấu tranh kiên cố, tự kiêu mạn, tự phụ. Đây là tình thế trong thời đại này, nhưng ở đây, [đức Thế Tôn] nói tổng quát: Có nhiều chúng sanh ngu si, tăng cường tự ngã, cho rằng [kiêu mạn, tự phụ, ngu si] chính là tự ngã, coi những thứ đó là chính mình. Như thế chính là đã tự xác định cuối thời Mạt Pháp cho chính mình, xác định tâm trí của chính mình. Nếu là như thế, tu pháp sẽ rất khó khăn! Đúng thế, chúng ta đang sống trong thời Mạt Pháp, nhưng phải nên nhận biết, vâng giữ pháp tắc này như thế nào, hoàn toàn phụ thuộc vào sự phát tâm. Chúng ta nước chảy bèo trôi, vật vờ qua ngày, có phải là như thế hay không, ai nấy hãy nên xét kỹ!

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

“*Toại đắc trụ u Bất Thoái Chuyển địa*” (Bèn được trụ trong địa vị Bất Thoái Chuyển): Bất Thoái Chuyển ở đây thuộc về Bất Địa Bồ Tát. Chúng ta thường nói có hai loại cầu thiện xảo A Bộ Bát Trí:

- Một là tự mình tu trì, đoạn trừ hai thứ Kiến Hoặc và Tư Hoặc nơi bản thân, chứng đắc quả A La Hán, đạt được Bất Thoái Chuyển. Vì có sao? Có cơ chế chẳng thoái chuyển, trụ trong địa vị Ứng Cúng.

- Loại kia là ở trong Bồ Tát đạo, tùy thuận Phật nguyện, tùy thuận Phật lực, tu tập giáo ngôn Tịnh Độ, an trụ trong sự che chở do Phật lực nhiếp hóa, nương vào sự duy trì của Phật lực. Do Phật lực chẳng thoái chuyển, khiến cho chúng sanh tiến nhập Vô Thượng Bồ Đề, chẳng bị thoái chuyển. Đó gọi là Dị Hành Đạo của pháp môn Tịnh Độ.

Đương nhiên cũng có hành pháp tự lực của Bồ Tát, như kinh Nhân Quả đã tuyên nói: Bồ Tát trong ba đại A-tăng-kỳ kiếp siêng khổ tu trì, hành trì chẳng xả, chẳng bị mê mất, cũng có thể đạt được ba thứ thoái chuyển giống hệt. Đây là kết quả của việc siêng khổ huân tu trong ba đại A-tăng-kỳ kiếp.

(Kinh) “Hiền Hộ! Kỳ sự tuy nhĩ, ngã kim vị nữ, cánh tuyên thí dụ, minh hiển thử nghĩa dã. Phục thứ Hiền Hộ! Thí như hữu nhân, thủ thử tam thiên đại thiên thế giới nhất thiết đại địa, tận mạt vi trần. Phục thủ nhất thiết thảo mộc chi diệp, bất vấn đại tiểu, giai vi vi trần. Bĩ nhân nhĩ thời, u bĩ trần tu, thủ nhất vi trần, phá hoại phân tích, hoàn linh đắc tác nhĩ hứa vi trần. Nhiên hậu, phục thủ bĩ nhất thiết trần, thứ đệ phân tích, giai linh đẳng bĩ sơ vi trần số. Hiền Hộ! U ý vân hà? Thị vi trần số, khả vị đa phủ?” Hiền Hộ đáp viết: “Thậm đa Thế Tôn!” Phật ngôn: “Hiền Hộ! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, thủ tiền nhĩ hứa vi trần số Phật sát, thịnh mãn chúng bảo, trì dụng bố thí. Hiền Hộ! U ý vân hà? Bĩ thiện nam tử, thiện nữ nhân, sở hoạch phước tu, phục vi đa phủ?” Hiền Hộ báo viết: “Thậm đa Thế Tôn! Nhiên bĩ thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhân thị sự cố, hoạch đắc quá bĩ vô lượng vô biên A-tăng-kỳ phước tu”. Phật phục cáo ngôn: “Hiền Hộ! Ngộ cánh ngữ nữ! Như bĩ thiện nam tử, thiện nữ nhân, dĩ nhĩ hứa trần số Phật sát, thịnh mãn thất bảo, trì dụng bố thí, hoạch như tư phước. Phục hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thử Niệm Phật Hiện Tiền tam-muội, tạm sanh tùy hỷ, tín tâm, phân biệt, dĩ vi chân thật, tâm khai ý giải, độc tụng, thọ trì, nãi chí tạm thời vị tha giải thuyết, thị thiện nam tử, thiện nữ nhân, sở hoạch phước tu, thắng tiền thí phước vô lượng, vô biên, phi khả xưng toán, phi khả giáo kể, phi

khả tư lượng. Hiền Hộ! Như thị thiện nam tử, thiện nữ nhân văn thử tam-muội, sanh tùy hỷ tâm, nãi chí tạm thời, vị tha giải thuyết, thượng hoạch vô lượng, vô biên phước tụ. Hà huống thị thiện nam tử, thiện nữ nhân, u thử tam-muội Tu Đa La trung, như văn nhi tín, như tín nhi thọ, như thọ nhi thuyết, như thuyết nhi hành dã”.

(經)賢護！其事雖爾，我今爲汝，更宣譬喻，明顯此義也。復次賢護！譬如有人，取此三千大千世界一切大地，盡末爲塵。復取一切草木枝葉，不問大小，皆爲微塵。彼人爾時，於彼塵聚，取一微塵，破壞分析，還令得作爾許微塵。然後，復取彼一切塵，次第分析，皆令等彼初微塵數。賢護！於意云何？是微塵數，可謂多不？」賢護答曰：「甚多世尊！」佛言：「賢護！若有善男子善女人，取前爾許微塵數佛刹，盛滿衆寶，持用佈施。賢護！於意云何？彼善男子善女人，所獲福聚，復爲多不？」賢護報曰：「甚多世尊！然彼善男子善女人，因是事故，獲得過彼無量無邊阿僧祇福聚」。佛復告言：「賢護！吾更語汝！如彼善男子善女人，以爾許塵數佛刹，盛滿七寶，持用佈施，獲如斯福。復有善男子善女人，聞此唵佛現前三昧，暫生隨喜，信心分別，以爲真實，心開意解，讀誦受持，乃至暫時爲他解說，是善男子善女人，所獲福聚，勝前施福無量無邊，非可稱算，非可校計，非可思量。賢護！如是善男子善女人，聞此三昧，生隨喜心，乃至暫時，爲他解說，尚獲無量無邊福聚。何況是善男子善女人，於此

三昧修多羅中，如聞而信，如信而受，如受而說，如說而行也」。

(*Kinh: “Này Hiền Hộ! Chuyện ấy tuy là như thế, nay ta sẽ vì ông lại nói thí dụ để làm sáng tỏ nghĩa ấy. Lại này Hiền Hộ! Ví như có người đem hết thảy đại địa trong tam thiên đại thiên thế giới này đều nghiền nát thành bụi. Lại lấy hết thảy cành lá của cỏ cây, bất luận lớn hay nhỏ, đều nghiền thành vi trần. Khi đó, người ấy, lại đối với lượng bụi đó, lấy mỗi hạt vi trần, chia chẻ, phá vỡ, lại khiến cho nó tách thành chừng đó hạt vi trần. Sau đó, lại lấy hết thảy các hạt bụi đó, theo thứ tự chia chẻ, đều khiến cho chúng nó bằng với số lượng các hạt vi trần thuở đầu. Này Hiền Hộ! Ý ông nghĩ sao? Số vi trần ấy có thể nói là nhiều hay chẳng?” Hiền Hộ thưa rằng: “Bạch Thế Tôn, rất nhiều!” Đức Phật nói: “Này Hiền Hộ! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân lấy các cõi Phật bằng với số lượng vi trần trên đây, chứa đầy các thứ báu, dùng để bố thí. Này Hiền Hộ! Ý ông nghĩ sao? Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đạt được khối phước, há có nhiều chẳng?” Hiền Hộ thưa rằng: “Bạch đức Thế Tôn, rất nhiều! Nhưng thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy do vì chuyện này, đạt được khối phước vượt quá con số vô lượng vô biên A-tăng-kỳ”. Đức Phật lại bảo rằng: “Này Hiền Hộ! Ta lại nói với ông. Như thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy dùng các cõi Phật nhiều như số vi trần để chứa đầy bảy báu đem bố thí, đạt được phước như thế. Lại có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe tam-muội Niệm Phật Hiện Tiền này, tạm sanh lòng tùy hỷ, tín tâm, phân biệt, cho là chân thật, tâm ý thông hiểu, đọc tụng, thọ trì, cho đến tạm thời vì người khác giải nói. Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đạt được khối phước nhiều hơn phước bố thí của người trước vô lượng, vô biên, chẳng thể tính kể, chẳng thể so sánh, chẳng thể suy lường. Này Hiền Hộ! Thiện nam tử, thiện nữ nhân như thế, nghe tam-muội này, sanh tâm tùy hỷ, cho đến tạm thời vì người khác giải nói, còn đạt được vô lượng vô biên khối phước. Huống hồ thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đối với Khế Kinh tam-muội này, có thể đúng như điều đã được nghe mà sanh lòng tin, đúng như lòng tin mà thọ trì, đúng như sự thọ trì mà giải nói, đúng như đã giải nói mà hành vậy).*

Đức Phật là đáng nói lời chân thật, đáng nói lời như thật, đáng chẳng nói lời khác lạ. Có nhiều hữu tình do thiện căn mỏng ít, đối với lời dạy của đức Thế Tôn chẳng sanh lòng vui thích, cứ ngỡ sự suy lường do

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

vọng tưởng của chính mình là chân thật. Do đó, chẳng đạt được thiện căn, chẳng đạt được phước đức, chẳng thể thành thực tự thân. Vì sao? Do chẳng tùy thuận lời dạy của đức Phật, do chẳng tùy thuận sự hướng dẫn của Phật, do chẳng tùy thuận lời Phật nói. Đúng là đã đến núi báu mà trở về tay không, chẳng lấy được gì! Kinh điển Đại Thừa lưu truyền rộng khắp, quả thật là kho báu của Như Lai, mà cũng là kho báu trong tâm trí, tức là Như Lai Tạng Tánh trong tâm trí của hết thảy chúng sanh được hiển lộ. Nếu mở bản kinh này ra, hoan hỷ, hớn hờ, thủ hộ, tu tập, thì chính là đã mở toang và thành thực Như Lai Tạng Tánh của chính mình. Nếu đối với chỗ này mà quý vị nghi hối, khinh mạn, chẳng coi là đúng, thiện căn sẽ lập tức bị tán hoại.

Có thể thành thực thiện căn ở chỗ nào? Các vị thiện tri thức hãy nên quan sát, hãy khéo tư duy. Nơi đất Hán, có một hiện tượng đặc biệt bất bình thường là coi thường kinh điển, coi thường lời dạy của đức Thế Tôn. Đối với ngôn giáo của đức Thế Tôn, phần nhiều chẳng sanh chánh tín, không thể yêu thích, thủ hộ, khinh rẻ, coi thường kinh điển chẳng phải là trân bảo. Kết quả là đối với giáo pháp trân bảo do đức Như Lai đã nói, dầu nghe mà cũng như không nghe, dầu xem mà cũng như chẳng xem! Đúng là chẳng biết do nhân duyên nào? Nếu nói thiện căn chẳng thành thực, có sao lại được gặp gỡ? Hy vọng các vị thiện tri thức hãy khích lệ chính mình thành thực thiện căn, cố vũ chính mình buông xuống tri kiến, cố vũ chính mình yêu thích Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo. Nếu yêu thích Tam Bảo, quý vị nhất định sẽ sanh khởi ý tưởng coi kinh điển là trân bảo, là khó gặp, sanh ý tưởng nghe xong sẽ siêng năng tu tập. Quả thật là phải nên chủ động phát khởi vậy!

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn vị trùng minh tư nghĩa, dĩ kệ tụng viết: - Nhược dĩ tam thiên đại thiên giới, thịnh mãn thất bảo dụng hành Đàn. Ngã thuyết bỉ phước tuy vi đa, bất như văn kinh thiểu công đức.

(經)爾時，世尊爲重明斯義，以偈頌曰：「若以三千大千界，盛滿七寶用行檀。我說彼福雖爲多，不如聞經少功德。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn vì muốn nhắc lại nghĩa này, bèn dùng kệ tụng nói: - Nếu dùng tam thiên đại thiên cõi, đựng đầy bảy báu để bố thí. Ta nói phước ấy tuy khá nhiều, chẳng bằng nghe kinh chút

công đức).

“Đàn” là Đàn Ba La Mật (Dāna-pāramitā), có nghĩa là bố thí. Dùng bảy báu đây ấp các tam thiên đại thiên thế giới số lượng nhiều vi trần để cúng dường, chẳng bằng công đức của người nghe kinh này. Đức Phật nói lời thành thật như thế. Nếu thiện căn của chúng ta chẳng thành thực, chẳng thể sanh lòng tin, có nhiều nỗi ngờ vực, đến nỗi dầu nghe mà cũng như chẳng nghe. Có người nghe pháp đúng là rớt cả lông tóc, vì lẽ nào? Thiện căn chín muồi, vui mừng vì được thấy, cũng sanh khởi ý niệm coi trọng. Vì sao chúng ta nghe pháp mà chẳng thể sanh lòng hoan hỷ? Phần nhiều là vì cái tâm thế tục huân nhiễm, do tri kiến của chính mình che lấp tự tâm, cự tuyệt sự tưới nhuần của chánh pháp, cho nên cái tâm phước đức khô cạn của chúng ta chẳng được thấm nhuần!

(Kinh) Bồ Tát vì cầu đa phước tụ, tín giải, đọc tụng, phục tư duy.

(經)菩薩爲求多福聚，信解讀誦復思惟。

(Kinh: Bồ Tát vì cầu nhiều khối phước, tín giải, đọc tụng, lại tư duy).

Tức là được nghe pháp tắc như vậy, hãy nên “đọc tụng, phục tư duy” (đọc tụng, lại tư duy), đây là khích lệ và gia trì, hướng dẫn chúng ta tiến nhập đại thiện căn, phước đức, nhân duyên. Trên thực tế, đức Thế Tôn đúng là dùng hết thầy các pháp, dùng hết thầy các thiện xảo, dùng hết thầy lời chân thật để hướng dẫn chúng ta trừ khử tự ngã.

(Kinh) Giải thuyết, tu hành Niệm tam-muội, tư sở hoạch phước quá u bỉ. Mật tam thiên giới tận vi trần, phục phân nhất trần đẳng tiền số. Tận thủ như thị chư trần sát, thịnh mãn trân bảo dĩ hành Đàn. Chư Phật sở tán tam-muội kinh, đơn dĩ nhất kệ vị tha thuyết. Ngã ngôn tư nhân hoạch công đức, siêu bỉ đàn phước bất khả lượng. Nhược phục vị tha cụ túc thuyết, hạ chí nhất câu ngữu nhũ gian. Tư duy tăng quảng chư thiện căn, hà huống trường viễn vô lượng phước. Nhất thiết chúng sanh tận tác Phật, tịnh huệ chung cánh chứng bỉ như.

(經)解說修行念三昧，斯所獲福過於彼。末三千界盡爲塵，復分一塵等前數。盡取如是諸塵刹，盛滿珍寶以行檀。諸佛所贊三昧經，單以一偈爲他說。我言斯人獲功德，超彼檀福不可量。若復爲他具足說，下至一轂牛乳間。思惟增廣諸善根，何況長遠無量福。一切衆生盡作佛，淨慧終竟證彼如。

(Kinh: Giải nói, tu hành Niệm tam-muội, đạt được phước đức hơn số đó. Nghiền hết tam thiên thành vi trần, lại chia mỗi trần bằng số trước. Lấy hết các cõi bằng số trần, chứa đầy trần bảo để bố thí. Với kinh tam-muội chư Phật khen, chỉ dùng một kệ bảo người khác. Ta nói người ấy được công đức, hơn phước bố thí chẳng thể lường. Nếu lại nói trọn với người khác, thậm chí trong khoảng vắt sữa bò. Tư duy các thiện căn rộng lớn, hà hưởng vô lượng phước dài lâu. Hết thấy chúng sanh trọn thành Phật, tịnh huệ chứng trọn hết như vậy).

“Nhất thiết chúng sanh tận tác Phật, tịnh huệ chung cánh chứng bỉ như” (Hết thấy chúng sanh đều trọn thành Phật, rốt cuộc chứng đắc trí huệ thanh tịnh giống như thế): Pháp tắc như thế chính là Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền Lập tam-muội. Hết thấy chúng sanh nếu có thể tương ứng với nhân duyên này, thì sẽ “nhất thiết chúng sanh tận tác Phật” (hết thấy chúng sanh đều thành Phật). Vì sao có phước đức nhân duyên to lớn như thế? Đó chính là nội hàm vốn có của giáo nghĩa rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn trong pháp này.

(Kinh) Giả u ức số đa kiếp trung, thuyết tư kệ phước bất khả tận.

(經)假於億數多劫中，說斯偈福不可盡。

(Kinh: Giả sử trong nhiều ức số kiếp, phước nói kệ này chẳng thể tận).

Như Thích Ca Thế Tôn trong khi tu nhân đã nói bài kệ “*thiên thượng, thiên hạ vô như Phật*”, bèn thành Phật trước ngài Di Lặc chín kiếp. Đó là tấm gương về sự phát tâm dũng mãnh thành tựu Bồ Đề. Nay

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

đang trong thời Mật Pháp, người phát tâm dũng mãnh rất thưa thớt. Khi tôi mới xuất gia, đã gặp rất nhiều vị xuất gia ngày đêm chẳng ngơi nghỉ. Mọi người cảm thấy chuyện tiến nhập Phật pháp là chuyện rất tự nhiên, là chuyện thuộc bốn phận của chính mình. Là người xuất gia bèn chuyên môn tu đạo, chứng tam-muội, chứng Bồ Đề, chứng sức thần thông, chứng thiện xảo. Đây là sự nghiệp chuyên biệt, là chuyện rất tự nhiên. Dần dần về sau, tôi thấy rất nhiều vị xuất gia sư phụ dường như coi chuyện hành pháp là chuyện để cho kẻ khác làm, học Phật là để cho kẻ khác học. Trong mấy năm gần gũi, sai biệt rất lớn! Sự tu trì của thế hệ sau so với thế hệ trước, sai khác rất lớn. Vì thế, người trong quá khứ điều phục, nhu thuận. Trước kia, trong tự viện, tôi gặp một số vị lão Bồ Tát, họ đều suốt đêm lay Phật, thế mà sáng ra, bất luận tụng niệm công khóa cũng thế, chấp tác cũng thế, phục vụ trong tự viện cũng thế, tất cả đều theo đại chúng, cũng là ăn một bữa y hết, họ rất tự nhiên siêng gắng canh tác, rất hoan hỷ, mà cũng rất bình đạm thủ hộ chuyện ấy, coi đó là bốn phận. Chúng ta trong hiện thời thì sao? Hễ tu pháp một chút, tâm kiêu mạn sanh khởi. Hơi dụng công đôi chút, bèn sanh lòng tự đại. Do vậy, chẳng thể thâm nhập pháp, sẽ gặp phải trở ngại rất mau chóng!

Chẳng biết vì sao thời đại này biến hóa dữ dội như thế? Sự phát tâm yêu mến đối với pháp tắc biến hóa dữ dội, quả thật khiến cho người ta chẳng thể tiếp nhận! Kẻ dũng mãnh đối với pháp càng ngày càng hiếm, kẻ tự đại, tự kiêu thân phận mười phần mạnh mẽ. Cũng có nghĩa là [người xuất gia chẳng lo tu trì đạo nghiệp, mà] mong biến đổi thân phận của chính mình. Cái tâm mong trở thành thứ chi đó mười phần mạnh mẽ! Trước kia, người hành sa-di suốt mười năm, tám năm rất nhiều. Họ đích xác là rất dụng công nơi pháp, mười phần quan tâm đạo nghiệp của chính mình [tiến triển] như thế nào, chẳng đặt chuyện biến đổi thân phận của bản thân làm điều mong mỏi của chính mình. Đó là các thứ do sự trưởng và đạo hữu đốc thúc. Thời đại này thì sao? Mười phần bận tâm đến thân phận của chính mình, chẳng thêm đoái hoài đạo nghiệp của chính mình! Đó là chỗ khiến cho mọi người rung động nhất! Thân phận đâu biến đổi thế nào đi nữa, nhưng nếu chẳng có thực chất, lại có ý nghĩa gì chẳng? Vờ vịt đặt ra mà thôi! Giống như bong bóng kính té vậy, dù có thổi phồng to lớn cách mấy, vẫn cần phải thực tiễn!

Vẫn mong mọi người thật sự tu tập pháp tắc, đích thân chứng nhập, nhất định phải nỗ lực, siêng gắng nỗ lực! Các phương diện khác có thể thông dong, chẳng cần phải dụng sức quá mức. Nhất là đối với chuyện thay đổi thân phận, tôi khuyên các vị chớ nên dốc sức nơi đó.

Đốc sức vào đó thì giống hết như người trong xã hội: Ông Giáp tậu một căn biệt thự, ông Ất sắm một chiếc xe. Người sau bắt đầu so kè với người trước, dầu ta phải vay nợ, cũng phải sắm xe, cũng phải mua nhà, so bì với kẻ khác mà! Trong tình huống thiện căn chẳng chín muồi, quý vị mong có thân phận [cao quý hơn], sẽ là vay mượn, phải công gánh nặng to lớn, vì thiện căn của quý vị chẳng thể như thật, chẳng thể thành thực! Rất nhiều người bị nghiền ép ở ngay chỗ này, bị đả kích nặng nề, dăm ba năm vẫn chẳng thể khôi phục. Vì sao tôi nêu ra chuyện này? Tôi cảm thấy mọi người học Phật cần phải tự biết đúng lẽ thật, đừng nên thùng rỗng kêu to! Kêu to cho lắm, vẫn phải trở về cày cấy từ đầu, tu tập lại từ đầu, vẫn phải quay trở lại. Vì lẽ nào? Quý vị cứ vùn vụt xông lên trước, đằng sau là một mảnh hoang vu, chẳng có gì thật sự tồn tại cả!

Mọi người nhất định phải chú ý chỗ này, phước báo tuyên nói một bài kệ của đức Thế Tôn chẳng thể cùng tận. Ở đây, đức Phật Thích Ca đã đích xác tu tập, nếu chúng ta chẳng suy nghĩ sâu xa về sự phát tâm của chính mình, đắm nhiễm nơi nghiệp tướng, sẽ phải đi rất nhiều đường vòng!

(Kinh) Kỳ gian bỉ Phật giai diệt dĩ, đa ức số kiếp thường quảng tuyên. Chung diệt bất tận bỉ phước biên, duyên thử thâm kinh tứ cú kệ. Nhất thiết sở hữu chư thế giới, tứ phương, thượng, hạ, cập tứ duy. Mãn trung chúng bảo trì dữ tha, vị cầu thắng phước phụng chư Phật. Bỉ chư công đức nan khả lượng, xưng kể dữ chư thế giới đẳng. Kỳ hữu văn thọ thị tam-muội, thiện năng tuyên thuyết phước quá tiền. Nhược nhân u thử vô trì nghi, kỳ u chư pháp diệt minh liễu. Bỉ tác vĩnh tuyệt chư ác thú, năng nhập thắng tịch tam-muội Thiên.

(經)其間彼佛皆滅已，多億數劫常廣宣。終亦不盡彼福邊，緣此深經四句偈。一切所有諸世界，四方上下及四維。滿中衆寶持與他，爲求勝福奉諸佛。彼諸功德難可量，稱計與諸世界等。其有聞受是三昧，善能宣說福過前。若人於此無遲疑，其於諸法亦明了。彼則永絕諸惡趣，能入勝寂三昧禪。

(Kinh: Phật trong thuở ấy đều diệt hết, nhiều ức số kiếp thường rộng nói, vẫn trọn chẳng hết phước báo ấy. Nhờ bốn câu kệ kinh sâu

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

này, hết thấy tất cả các thế giới, bốn phương, trên, dưới, và bốn góc, chứa đầy các báu thí người khác, vì cầu thắng phước, dâng chư Phật. Các công đức ấy chẳng thể lường, tính kể sánh bằng các thế giới. Có ai nghe nhận tam-muội này, khéo hay tuyên nói, phước hơn trước. Ai với pháp này chẳng do dự, cũng lại hiểu rõ các pháp khác. Vĩnh viễn dứt mất các đường ác, hay nhập Thiên Định thắng tịch diệt).

Trong bộ kinh này, đức Thế Tôn đã một mực bảo chúng ta pháp tắc này là giáo ngôn để đắc bất thoái ngay trong một đời, là Đà-la-ni giáo. Cho nên có thể hiểu rõ các pháp, tông trì hết thấy các thiện xảo. Vì thế, có thể vĩnh viễn chấm dứt hết thấy các đường ác, có thể nhập vào tam-muội Thiên thù thắng tịch tĩnh.

(Kinh) Bỉ nhược thường năng cúng dường ngã, tất thọ đa phước bất tư nghị. Tăng trưởng đa văn chứng Bồ Đề, do tư chư Phật sở tán Định. Kim ngã ngữ nhữ thành thật ngôn, đương niệm tinh tấn, mạc phóng dật.

(經)彼若常能供養我，必受多福不思議。增長多聞證菩提，由思諸佛所贊定。今我語汝誠實言，當念精進莫放逸。

(Kinh: Nếu ai thường hay cúng dường ta, ắt được phước nhiều chẳng nghĩ bàn, tăng trưởng đa văn, chứng Bồ Đề, do nghĩ định được chư Phật khen. Nay ta nói lời thật với ông, hãy nghĩ tinh tấn, đừng phóng dật).

Đối với sự buông lung trong thế gian hiện thời, mọi người chúng ta đều có thể như thật suy tưởng, xem xét. Người trong thời đại này giỏi buông lung, kẻ có tâm trí tinh tấn hiếm hoi. Thường là chỉ cần có cơ hội, sẽ nghĩ lăm cách để buông lung!

(Kinh) Nhất tâm hoan hân phát dũng mãnh, tự nhiên tốc chứng bỉ Bồ Đề. Bỉ vị cúng dường bách số Phật, nãi năng thọ thị tam-ma-đề.

(經)一心歡欣發勇猛，自然速證彼菩提。彼為供養百數佛，乃能受是三摩提。

(Kinh: Một lòng vui sướng, khởi dũng mãnh, tự nhiên mau chứng đắc Bồ Đề. Người đã cúng dường trăm vị Phật, mới được thọ dụng chánh định này).

Đức Thế Tôn còn thọ ký cho chúng ta. Nếu chúng đắc tam-muội nơi pháp tắc này, sẽ gọi là “*Tam-ma-ba-đề thọ trì giả*” (người thọ trì Đăng Chí). An trụ trong công đức của tam-muội, đó là Tam-ma-đề. Tam-ma-ba-đề (Samāpatti, Đăng Chí) tức là thành tựu an trụ chân thật, vô công dụng thiện xảo thành tựu, trọn đủ hết thấy các tam-muội, chẳng cần phải dụng công. Ở đây là nói đến sự tiến nhập.

(Kinh) Giả u hậu thế khủng bố thời, tự đương tốc chứng vi diệu định. Nhược hữu kiến ngã dĩ tỳ-kheo, cập nữ Đại Sĩ Hiền Hộ đẳng. Như thị Bồ Tát nhạo đa văn, quyết định đương đắc thử tam-muội. Nhược đắc văn thử thánh tam-muội, vị tha giải thích hoặc thư tả.

(經)假於後世恐怖時，自當速證微妙定。若有見我與比丘，及汝大士賢護等。如是菩薩樂多聞，決定當得此三昧。若得聞此聖三昧，爲他解釋或書寫。

(Kinh: Giả sử đời sau khi sợ hãi, sẽ tự mau chứng Định vi diệu. Nếu ai thấy ta và tỳ-kheo, cùng các Đại Sĩ như Hiền Hộ... Bồ Tát như thế chuộng đa văn, quyết định sẽ đắc tam-muội này. Nếu được nghe thánh tam-muội này, giảng cho người khác và biên chép).

Đối với sức mạnh của môn tam-muội này, đức Thế Tôn dùng những lời ca ngợi như báu tam-muội, thánh tam-muội v.v... Chẳng phải là nói hư dối, mà cũng chẳng phải là nói quá lớn. Thật sự là lời tán thán tương ứng và đúng sự thật.

(Kinh) Thị Đà-la-ni Thế Tôn tán, năng chứng nhất thiết Phật Bồ Đề.

(經)是陀羅尼世尊嘆，能證一切佛菩提。

(Kinh: Thế Tôn khen Đà-la-ni này, có thể chứng trọn Phật Bồ Đề).

Tu trì pháp Ban Châu, tức Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiện Tiền tam-muội, trọn đủ hết thấy các pháp, trọn đủ hết thấy oai đức. Vì

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

sao vậy? Thấy hết thấy chư Phật, sẽ trọn đủ hết thấy các thiện căn, trọn đủ hết thấy các pháp, vì hết thấy chư Phật trọn đủ hết thấy các pháp, được hết thấy chư Phật tổng trì, được hết thấy chư Phật truyền đạt. Do thấy hết thấy chư Phật, có thể thành tựu hết thấy các pháp, cho nên nói là “*nhập Đà-la-ni môn*”. Đây là lời chân thật, lời thành thật, chẳng phải là lập bày hư giả. Có nhiều kẻ bán khoán nơi pháp, gặp pháp này phải nên sanh lòng tin, phải nên thủ hộ, phải nên tu tập.

“*Năng chứng nhất thiết Phật Bồ Đề*” (Có thể chứng Bồ Đề của hết thấy chư Phật): Do là Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội, là pháp tắc có đại oai đức như thế, trong đời này chúng ta được nghe, phước đức đã là chẳng thể nghĩ bàn, được chư Phật tán thán. Nếu được nghe mà có thể tin tưởng, tiếp nhận, phước đức sẽ chẳng thể nghĩ bàn! Nếu chúng ta có thể tu tập thành tựu, đó là công đức như thế nào? Mỗi hữu tình chúng ta hãy nên quán kỹ càng như thật, đừng nên khinh dễ bỏ qua! Vì được nghe pháp như thế này rất khó, nay mọi người đã có thể thấy nghe, đích xác là thiện căn chín muồi. Nếu Pháp Bảo hiện tiền, quý vị chẳng thể thuận tùng, nhất định là quý vị đã noi theo vọng tưởng của chính mình!

Người trong quá khứ vốn rất khó để đạt được một pháp. Chúng ta đều biết: Đức Thế Tôn vì nửa câu kệ mà xả thân. Nếu coi đó như trò cười, chúng ta sẽ trọn chẳng sanh khởi mấy may tôn trọng đối với pháp, coi pháp bảo khác nào cặn bã! Chúng ta đều biết: Có một vị Tam Tạng pháp sư tới núi Thiên Thai, bảo Trí Giả đại sư: “Thầy viết bộ Ma Ha Chỉ Quán rất tương ứng với kinh Lăng Nghiêm”. Trí Giả đại sư thưa: “Thật sự có kinh điển như thế ư?” Tam Tạng pháp sư nói: “Có chứ! Tên bộ kinh ấy là Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh”. Vì thế, Trí Giả đại sư liền lập bái kinh đài, hướng về phương Tây, lễ bái suốt mười tám năm, mong thấy kinh ấy, nhưng chẳng được thấy! Nay chúng ta nhà nào mà chẳng có kinh Lăng Nghiêm? Nhưng lại có mấy ai trân quý, yêu mến hay chẳng? Kinh điển mà chúng ta được đọc trong hiện thời là các kinh điển do những bậc tiên hiền trong quá khứ đã vì học pháp mà vượt ngàn núi vạn sông sang phương Tây thỉnh về. Trăm người đi, chỉ một hai vị trở lại! Chúng ta có thật sự tôn trọng pháp hay không? Các vị thiện tri thức ơi! Quý vị có thật sự coi trọng nhân duyên của chính mình hay chẳng? “*Trọng*” là tự trọng, “*tôn*” là tự tôn. “*Khinh*” là tự khinh, “*mạn*” là tự lừa gạt mình. Vẫn mong chúng ta hãy tự lay tỉnh sự giác ngộ từ chỗ thăm sâu trong tâm linh của chính mình, lay tỉnh sự yêu mến pháp của chính mình. Đừng nên qua quýt, lãng phí sanh mạng của chính

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

mình, ngày này qua ngày khác đọa lạc, buồn lung! Người trong thời Mạt Pháp gặp pháp khó lắm! Ai sẽ nâng đỡ quý vị? Ai sẽ thành tựu quý vị?

(Kinh) Nhược nhân thiện tư thử tam-muội, nhất thiết chư Phật hàm cộng xưng. Đương đắc chủng tánh cập đa văn, chư Phật thứ đệ nhi diễn thuyết.

(經)若人善思此三昧，一切諸佛鹹共稱。當得種姓及多聞，諸佛次第而演說」。

(Kinh: Nếu ai khéo nghĩ tam-muội này, hết thấy chư Phật cùng ca ngợi, sẽ được chủng tánh và đa văn, chư Phật lần lượt đều diễn nói).

“Đắc chủng tánh” là dựa vào chủng tánh Như Lai, trụ nơi địa vị Bất Thoái Chuyển trong Phật pháp, bất luận là Vị Bất Thoái Chuyển, Hạnh Bất Thoái Chuyển, hay Niệm Bất Thoái Chuyển, ba loại Bất Thoái ấy chỉ có A Bệ Bạt Trí thủ hộ, chỉ có người niệm Phật thành tựu.

Phẩm này tuyên giảng về sự thọ trì, chỉ do tư duy và chánh tín mà có thể thọ trì. Nếu chúng ta quý trọng Pháp Bảo, sẽ nhất định có thể như thật thọ trì. Nếu chẳng trân trọng pháp này, sẽ giống như đạp đất vượt qua, pháp này chẳng thể chuyên chở quý vị. Vì thế, các vị thiện tri thức ơi! Chúng ta có thể gặp pháp bảo này, hãy nên quý trọng, hãy nên yêu mến, hãy nên thủ hộ, hãy nên tu tập!

10. Phẩm thứ sáu: Quán Sát

Hết thấy phương tiện văn tự, không gì chẳng ấn khế tự tâm như thế. Nếu tự tâm chẳng tiếp nhận, văn tự làm sao an lập cho được? Chúng ta có thể tự tập nơi đây học tập kinh Hiền Hộ, cũng tức là thiện căn trong đời trước đối với Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội đã chín muồi, nhân duyên chín muồi, cho nên có thể có cơ chế phước đức như vậy, dùng tâm địa của chư Phật Như Lai để ấn khế tâm địa vốn chẳng có gì để ấn khế của chúng ta. Vì sao vậy? Tâm chẳng thể tự thấy. Dùng tri kiến của Phật Như Lai để dẫn phát chánh tri kiến của chúng ta, an trụ trong pháp và tri kiến, cho tới liên tục tiếp nối đến đời vị lai, tạo lợi ích rộng rãi cho hữu tình.

(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần Quán Sát phẩm đệ lục.

(經)大方等大集賢護分觀察品第六。

(Kinh: Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần. Phẩm thứ sáu: Quán Sát).

Từ văn tự trong phần trước, chúng ta có thể cảm nhận thân thiết đức Thế Tôn đang dần dần hướng dẫn chúng ta đúng như lý quan sát nội hàm, động thái, chỗ nương cậy, và chỗ thuận theo của pháp tắc này.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn phục cáo Hiền Hộ Bồ Tát ngôn: - Hiền Hộ! Nhược chư Bồ Tát Ma Ha Tát tức dục tư duy thử tam-muội giả, đương vân hà tư? Hiền Hộ! Bỉ chư Bồ Tát, dục tư duy giả, tức ưng đương tác như thị tư duy.

(經)爾時，世尊復告賢護菩薩言：「賢護！若諸菩薩摩訶薩即欲思惟此三昧者，當云何思？賢護！彼諸菩薩，欲思惟者，即應當作如是思惟。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn lại bảo Hiền Hộ Bồ Tát rằng: - Nay Hiền Hộ! Nếu các Bồ Tát Ma Ha Tát muốn tư duy tam-muội này, hãy nên nghĩ như thế nào? Nay Hiền Hộ! Các vị Bồ Tát ấy nếu muốn tư duy, hãy nên tư duy như thế này).

Ở đây, đức Thế Tôn trực tiếp dạy Bồ Tát Ma Ha Tát hãy nên khéo tư duy như thế nào, chẳng để cho chúng ta dùng vọng tưởng, hoặc tri kiến của chính mình để suy lường pháp tắc nào, hoặc tiếp tục duy trì một tư tưởng nào! Ngài trực tiếp dạy chúng ta tư duy. Ví như đức Thế Tôn đã nói Tam Thập Ngũ Phật Kinh. Kinh Tam Thập Ngũ Phật là do đức Thế Tôn trực tiếp dạy cho hết thảy các vị Bồ Tát Ma Ha Tát một pháp tắc để thực hành sám hối, Ngài trực tiếp chế định cho các vị đại Bồ Tát. Lại như chúng ta thọ Tam Quy, Ngũ Giới, Bát Giới, Thập Giới, cho đến giới tỳ-kheo, giới Bồ Tát, tam-muội-da giới⁷⁹, các thứ giới pháp, không gì

⁷⁹ Tam-muội-da giới (Samaya) là một loại giới pháp của Mật Tông, còn gọi là Phật Tánh Trí Tam-muội-da giới, hoặc Bí Mật Tam-muội-da giới, dùng trí huệ và đức tướng sẵn có của chúng sanh làm giới pháp, quy nhiếp toàn bộ giới pháp của Hiền giáo (ngũ giới, bát giới, thập giới...) vào trí huệ của chư Phật. Phẩm Cự Duyên trong

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

chẳng phải do đức Thế Tôn khéo ban bố, khéo chọn lựa, khiến cho hết thảy các hữu tình chẳng cần phải nhờ đến phương tiện chọn lựa để tùy thuận, trong sự tùy thuận bèn tự nhiên chọn lựa, tức là nói đến sự lựa chọn pháp, trực tiếp tiến nhập Vô Thượng Bồ Đề, đạt được bất thoái chuyển. Vì thế, “*wng đương tác như thị tư duy*” (hãy nên tư duy như thế), tức là đức Thế Tôn đã trực tiếp chọn lựa cho chúng ta, chẳng cần chúng ta phải dùng đến phương tiện phân tích.

(Kinh) Như ngã Thế Tôn, kim giả hiện tại thiên nhân chúng trung, tuyên thuyết pháp yếu. Hiền Hộ! Bồ Tát như thị nhất tâm tư duy, chư Phật Như Lai tọa sư tử tòa, tuyên thuyết chánh pháp.

(經)如我世尊，今者現在天人衆中，宣說法要。賢護！菩薩如是一心思惟，諸佛如來坐師子座，宣說正法。

(Kinh: Như đức Thế Tôn ta nay đang ở trong đại chúng trời, người, tuyên nói pháp yếu. Nay Hiền Hộ! Bồ Tát nhất tâm tư duy như thế, chư Phật Như Lai ngồi trên tòa sư tử, tuyên nói chánh pháp).

Chúng ta thấy các loại tượng Phật đều có đài sen hoặc tòa sư tử, hoặc là các vị Bồ Tát mỗi vị đều có tọa kỵ (坐騎, con vật để cưỡi), như Phổ Hiền Bồ Tát có voi trắng sáu ngà, Văn Thù Sư Lợi có sư tử xanh, Địa Tạng Vương Bồ Tát có Đê Thính, Quán Thế Âm Bồ Tát cũng cưỡi [con vật] mang tướng oai đức là Kim Mao Hống⁸⁰. Mỗi vị đều an lập

kinh Đại Nhật giảng: “*Đó là tam thế vô ngại trí giới, bao gồm bốn trọng giới, thường chẳng nên xả pháp, đừng lìa bỏ Bồ Đề tâm, đừng keo kiệt hết thảy các pháp, đừng chẳng làm chuyện lợi ích chúng sanh*”. Sách Vô Úy Tam Tạng Thiên Yếu lại triển khai thành mười giới, như chẳng lui sụt Bồ Đề tâm, chẳng xả Tam Bảo, chẳng sanh tà kiến, chẳng tự xưng ta đã trọn đủ vô thượng đạo v.v... Đại Nhật Kinh Sớ lại có cách diễn giải khác, chẳng hạn như chẳng nên xả chánh pháp, chẳng bán hết thảy giáo pháp tam thừa, chẳng sanh tà kiến báng bỏ không có nhân quả, chẳng bỏ thí vật gây hại cho người khác...

⁸⁰ Kim Mao Hống (金毛吼), còn gọi là Đặng Long, Vọng Thiên Hống, Triều Thiên Hống, là một thần thú có hình dáng giống như kỳ lân, rất dũng mãnh, hung tợn, có thể đánh nhau ngang sức với rồng, ăn óc rồng. Theo truyền thuyết, nó là một trong các đứa con của long vương, có tập quán canh gác. Do nó hay ngửa mặt lên trời, rống to rúng động trời đất, cho nên gọi là Vọng Thiên Hống hay Triều Thiên Hống. Vì thế, nó thường được đắp trên các trụ đá (hoa biểu) quanh các đền đài, cung điện, lăng tẩm, với ước nguyện tâu lên thiên đình ước vọng của con người, và trấn áp xua

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

như thế, nhằm biểu hiện điều gì? Vì muốn khiến cho hết thảy chúng sanh tùy thuận, tin phục, như mưa to có thể nhuần thấm rộng khắp thế gian. Lại như sấm lớn có thể rung chuyển thế gian, khiến cho chúng sanh thức tỉnh. Chư Phật Như Lai tuyên nói chánh pháp cũng lại như thế.

(Kinh) Cụ túc thành tựu nhất thiết tướng hảo, tối diệu, tối cực, thù đặc đoan nghiêm, nhạo quán vô yếm.

(經)具足成就一切相好，最妙最極，殊特端嚴，樂觀無厭。

(Kinh: Thành tựu trọn đủ hết thảy các tướng hảo, mâu nhiệm nhất, tốt bậc nhất, đoan nghiêm thù thắng đặc biệt, ưa nhìn chẳng chán).

Phần trước là quan sát từ sự thuyết pháp, ở đây là quan sát diệu tướng. Đức Thế Tôn dùng bốn pháp để rộng độ hữu tình trong thế gian, khiến cho hết thảy chúng sanh trụ trong an lạc. Diệu tướng trang nghiêm là pháp tắc thù thắng nhất, trực tiếp tiếp dẫn chúng sanh. Phật giáo chẳng phải là tôn giáo thờ ngẫu tượng, nhưng chẳng quên dùng các loại phương tiện như ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo, khiến cho chúng sanh được thấy, được nghe, biết đến pháp tắc chẳng thể nghĩ bàn như thế, tùy thuận diệu tướng mà lợi ích to lớn vô thượng!

(Kinh) Như thị quán sát chư đại nhân tướng, w nhất nhất tướng, ưng đương chí tâm, tức đắc minh liễu kiến chư Như Lai Ứng Đẳng Chánh Giác. Kỳ đắc kiến dĩ, đương tiên tư vấn bất kiến đánh tướng.

(經)如是觀察諸大人相，於一一相，應當至心，即得明了見諸如來應等正覺。既得見已，當先諮問不見頂相。

đuôi tà khí, quý quái. Có lẽ hình thức đắp các con nghê (giống như sư tử) hay con sấu trên các cột đá tại các kiến trúc cổ của Việt Nam cũng là hình thức khác của Hống. Theo cổ thư, Hống có mười đặc điểm: Sừng hươu, đầu lạc đà, tai mèo, mắt tôm, mõm lừa, lông như sư tử, cổ rắn, bụng như con Thận (một loài sò lớn ngoài biển, hơi thở của nó có thể tạo thành huyền cảnh lâu đài, thành thị trên biển), vẩy như cá chép vàng, vuốt chim ưng, chân sau giống như chân hổ. Theo Thuật Dị Ký, Hống có thể phun lửa gần cả trăm mét.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

(Kinh: Quan sát các tướng đại nhân như thế. Đối với mỗi tướng, hãy nên chí tâm, liền được thấy rõ ràng các đức Như Lai Ứng Đẳng Chánh Giác. Đã được thấy rồi, trước hết hãy nên thưa hỏi về tướng đỉnh đầu chẳng thể trông thấy [của Như Lai]).

“*Tư vấn*” (諮問) là vì hết thấy chư Phật Như Lai do đại công đức tùy thuận thành tựu chân thật mà nhập vào hết thấy biển Như Lai Tạng Tánh, hết thấy Bồ Tát đều chẳng thể suy lường. Thanh Văn và Duyên Giác cũng như thế, các loài phàm phu càng chẳng có dấu vết để tìm tòi. Do vậy, phải thưa hỏi chư Phật Như Lai các thứ pháp nghĩa. Trong kinh điển, thường nói như thế này: Khi ấy, vị Bồ Tát nào đó nương theo oai thần của đức Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Phật, thưa hỏi giáo ngôn nào đó. Vì lẽ nào? Nếu chư Phật Như Lai chẳng dùng oai thần và trí đức gia bị, hết thấy các vị Bồ Tát chẳng thể rời khỏi chỗ ngồi để thưa hỏi, tức là chẳng thể lìa khỏi tri kiến của chính mình để dẫn phát công đức chân thật của giáo ngôn vô thượng.

(Kinh) Ký đắc vấn dĩ, nhiên hậu thứ đệ biến quán chư tướng, giai linh minh liễu. Như thị quán dĩ, cánh phục tư duy, chư Phật Như Lai chúng tướng vi diệu, thị vi hy hữu!

(經)既得問已，然後次第遍觀諸相，皆令明了。如是觀已，更復思惟，諸佛如來衆相微妙，是爲希有。

(Kinh: Đã được thưa hỏi rồi, sau đó theo thứ tự, quán trọn khắp các tướng, sao cho đều rành rẽ. Quán như thế xong, lại tư duy các tướng vi diệu của chư Phật Như Lai là hy hữu).

Trong quá trình chúng ta học tập tu trì Phật pháp, nghe lời dạy thù thắng của đức Phật, nếu nghe xong bèn hành trì, nghe xong bèn hoan hỷ, nghe xong rồi kính cẩn tiếp nhận, ắt sẽ đạt được lợi ích to lớn. Thấy diệu tướng của chư Phật, nếu tùy thuận quan sát, kiến lập nguyện vọng thanh tịnh thì cũng sẽ tương ứng. Sau đó chính là sự hướng dẫn và cách quan sát tương ứng với nguyện vọng quán tướng.

(Kinh) Nguyện ngã vị lai, hoàn đắc như thị cụ túc thành tựu chư diệu tướng thân.

(經)願我未來，還得如是具足成就諸妙相身。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

(Kinh: Nguyên tôi trong đời vị lai cũng được thành tựu trọn đủ thân có các diệu tướng như thế).

Trong các cách tu Quán Phật tam-muội, nương theo một loại, hai loại quán pháp để quán vô kiến đánh tướng của Như Lai. Cho đến quán tướng tóc xanh biếc có ánh đỏ, tướng lông tóc đều cuộn theo chiều phải, tướng da đầu như sắc vàng ròng, tướng xương đầu như bạch hạc, tướng não như lưu ly, trong não có mười bốn mạch, mỗi mạch có mười bốn luồng sáng, mỗi luồng sáng đều chiếu sáng rực mười phương pháp giới, lợi ích rộng lớn hết thảy hữu tình...

Cho đến tướng bánh xe vạn căm dưới lòng bàn chân, theo thứ tự mà quan sát. Dù thuận quán hay nghịch quán, quán sát như thế, sẽ được ấn khế sâu xa, an lạc thanh tịnh, xa lìa các nạn, thân tâm an lạc. Đó là quán diệu tướng trọn đủ công đức.

(Kinh) Nguyên ngã vị lai, diệc đắc như thị thanh tịnh cấm giới, cụ túc oai nghi.

(經)願我未來，亦得如是清淨禁戒，具足威儀。

(Kinh: Nguyên tôi trong đời vị lai, cũng đạt được giới cấm thanh tịnh như thế, trọn đủ oai nghi).

Hết thảy diệu tướng đều đến từ giới đức chánh đáng, thanh tịnh. Đối với điều này, chư Phật Như Lai đều có sự che chở, bảo vệ như thế. Vì nếu nói ba mươi hai tướng và tám mươi thứ hảo chính là Như Lai thì Kim Luân Vương cũng là Như Lai! Vì sao Phật trọn đủ ba mươi hai tướng và tám mươi thứ hảo lại được gọi là Như Lai? Vì Ngài trọn đủ công đức của hết thảy các giới, có đại oai đức thiện xảo lợi ích trọn khắp thế gian. Tuy Kim Luân Vương cũng trọn đủ ba mươi hai tướng và tám mươi loại hảo, nhưng vì chẳng có trí vô lậu, chẳng có thập lực, mười tám pháp bất cộng, tứ vô úy, cho nên chẳng thể gọi là Phật. Như Lai Thế Tôn dùng đủ loại cảnh giới, đủ loại oai nghi, đủ loại phương tiện thiện xảo để lợi ích trời, người rộng lớn. Cho nên các Luân Vương chẳng thể tương tự! Dầu tướng Luân Vương cũng thanh tịnh, viên mãn, trang nghiêm, chỉ là xét theo pháp thì chẳng trọn đủ như Phật, cho nên chứng đắc chẳng đồng nhất.

(Kinh) Nguyên ngã vị lai, diệc đắc như thị cụ túc tam-muội. Nguyên ngã vị lai, diệc đắc như thị cụ túc trí huệ. Nguyên ngã vị lai,

diệc đắc như thị cụ túc giải thoát. Nguyên ngã vị lai, diệc đắc như thị giải thoát tri kiến. Nguyên ngã vị lai, thành mãn như thị chư tướng thân dĩ, tức đắc thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)願我未來，亦得如是具足三昧。願我未來，亦得如是具足智慧。願我未來，亦得如是具足解脫。願我未來，亦得如是解脫知見。願我未來，成滿如是諸相身已，即得成就阿耨多羅三藐三菩提。

(Kinh: Nguyên ta trong đời vị lai, cũng đắc trọn đủ tam-muội như thế. Nguyên ta trong đời vị lai, cũng đắc trọn đủ trí huệ như thế. Nguyên ta trong đời vị lai, cũng đắc trọn đủ giải thoát như thế. Nguyên ta trong đời vị lai, cũng đắc giải thoát tri kiến như thế. Nguyên ta trong đời vị lai, thành tựu viên mãn thân có các tướng như thế rồi, sẽ liền được thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề).

Đây là từ năm phần Pháp Thân, tức Giới, Định, Huệ, Giải Thoát, và Giải Thoát Tri Kiến, mà khế nhập biển Chánh Biến Tri của chư Phật, sáng ngời thế gian.

(Kinh) Ký thành Phật dĩ, diệc đương như thị. Xử bỉ thiên nhân đại chúng chi trung, cụ túc tuyên thuyết như tư diệu pháp. Bồ Tát như thị cụ túc quán sát chư Phật Như Lai, nãi chí thành tựu Nhất Thiết Chủng dĩ, phục ưng cánh tác như thị tư duy: Thị trung hà giả thị ngã?

(經)既成佛已，亦當如是。處彼天人大眾之中，具足宣說如斯妙法。菩薩如是具足觀察諸佛如來，乃至成就一切種已，復應更作如是思惟：是中何者是我？

(Kinh: Đã thành Phật rồi, cũng sẽ như thế. Ở trong đại chúng trời, người, tuyên nói đầy đủ diệu pháp như thế, Bồ Tát quán sát trọn đủ chư Phật Như Lai như thế, cho đến thành tựu Nhất Thiết Chủng Trí rồi, lại nên tư duy như thế này: Trong ấy, thứ gì là ta?)

Vì sao? Nếu an lập công đức bốn tôn thành tựu, lợi ích rộng khắp thế gian, chẳng nhiễm đắm vào đâu, sẽ là lợi ích chân thật của diệu

tướng trang nghiêm thanh tịnh rộng lớn. Nếu có đắm nhiễm, sẽ là ngã mạn. Ngã mạn tiếp nối, ắt sẽ thuộc vào tầng thượng mạn. Tầng thượng mạn thì ắt sẽ thuộc vào đại vọng ngữ, tăng tán dần dần, sẽ đọa vào thế gian. Nếu chúng ta chẳng tùy thuận sự quan sát thiện xảo của chư Phật Như Lai, đầu tu thiện pháp đôi chút, đạt được đôi chút lợi ích, đạt được khinh an đôi chút, đạt được tướng quang minh đôi chút, cho đến đạt được tự tại thân thông đôi chút, sẽ rơi vào ngã mạn, tức là thuộc vào tầng thượng mạn. Thậm chí dần dần tiếp nối, ngộ chính mình thật sự có sở đắc, ngộ đã đắc pháp nơi pháp chưa đắc, chưa chứng mà nói là chứng, hư vọng nhận biết. Sau đây, tất nhiên trở thành kẻ đáng gọi là “*quyên thuộc của ma*”, nguy hại thế gian! Chúng ta nhất định phải chú trọng điều này!

“*Thị trung hà giả vi ngã*” (Trong ấy thứ gì là ta): Đây là thiện xảo để quán nhằm phá bốn tôn⁸¹. Vì thế, bốn tôn quán phải nên khéo đạt được lợi ích nơi Phật pháp mà chẳng đắm nhiễm. Nếu có đắm nhiễm, tất nhiên sẽ đọa lạc, nhất định phải chú ý. Đó là sự chuyển biến thanh tịnh trong Phật pháp, mà cũng là vận dụng thiện xảo rộng lớn, nhưng chẳng đắm nhiễm, thuộc vào sức mạnh của trí huệ.

(Kinh) Thùy vi ngã sở pháp? Thùy năng đắc thành chư Phật Bồ Đề? Vi thân đắc da? Vi tâm đắc da?

(經)誰爲我所法? 誰能得成諸佛菩提? 爲身得耶? 爲心得耶?

(Kinh: Ai là pháp của ta? Ai có thể thành tựu Bồ Đề của chư Phật? Là thân đắc u? Là tâm đắc u?)

Từng bước hướng dẫn chúng ta tùy văn nhập quán.

(Kinh) Nhược thân đắc giả, thị thân ngoan ngãi, vô giác, vô tri, do như thảo mộc, thạch bích, kính tượng.

⁸¹ “Bốn tôn” trong câu này chính là ý niệm chấp trước, cho rằng có một cái Thật Ngã, là Ngã Chấp, ngộ bản ngã của chính mình tôn quý, cho là mình chứng đắc cao hơn người khác. Còn bốn tôn trong câu “*an lập bốn tôn công đức thành tựu*” trong đoạn trước chính là nói về chân tâm thanh tịnh, là Phật tánh, là tạng tánh. An trụ bốn tôn là nhận biết chính mình sẵn có Phật tánh, chứng nhập chân tâm Thật Tướng v.v...

(經)若身得者，是身頑駘，無覺無知，猶如草木，石壁鏡像。

(Kinh: Nếu là thân đắc thì thân này ngu độn, vô giác, vô tri, ví như cỏ cây, vách đá, hình bóng trong gương).

Sắc thân này của chúng ta do Tứ Đại hợp thành. Địa, Thủy, Hỏa, Phong có tác dụng là gì? Sắc thân của chúng ta, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, nếu bỏ đi ý thức, chẳng phải là như cỏ cây ư? Hãy nên khéo quan sát.

(Kinh) Nhiên bỉ Bồ Đề, vô sắc, vô hình, phi tượng, phi tướng, bất khả kiến tri, bất khả xúc chứng.

(經)然彼菩提，無色無形，非像非相，不可見知，不可觸證。

(Kinh: Nhưng Bồ Đề ấy vô sắc, vô hình, chẳng phải là hình tượng, chẳng phải là tướng, chẳng thể thấy biết, chẳng thể chạm để nhận biết).

Chúng ta thường từ trong danh tướng và ngôn thuyết đàm luận mà biểu đạt tâm phần Bồ Đề, biểu đạt tướng mạo của Bồ Đề. Nói “*chẳng đến, chẳng đi, chẳng như, chẳng sạch, từ vô thỉ tới nay rộng lớn vi diệu, nhiếp thọ thế gian rộng lớn, chẳng có bụi bặm, chẳng có dấm nhiễm, chẳng lia một pháp*”. Đối với chỗ chẳng thể nói năng này mà cưỡng lập ngôn thuyết, khiến cho chúng sanh có phương tiện văn tự và ngôn ngữ để khế nhập, có thể biết rõ sự liễu tri trong “*bất khả kiến tri*” (chẳng thể thấy biết). Trong biển Chánh Biến Tri, cái tâm trí nguồn cội ấy chẳng tạo tác mà đạt được, chẳng thể mất đi. Vì thế, chư Phật chứng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, nhưng đối với pháp này bèn chẳng có gì để có thể chứng, phàm phu hữu tình ngu si điên đảo trầm luân nơi đây chẳng thể tước giảm!

(Kinh) Vân hà cánh dĩ ngoan nguĩ, vô tri, vô kiến, vô thức, vô sở phân biệt, vô tác chi thân, đắc bỉ Bồ Đề?

(經)云何更以頑駘無知，無見無識，無所分別，無作之身，得彼菩提？

(Kinh: Sao có thể dùng cái thân ngu độn, chẳng biết, chẳng thấy, chẳng nhận biết, chẳng phân biệt, chẳng tạo tác để đạt được Bồ Đề?)

Đây là phá trừ hết thảy chấp trước và hết thảy cái tâm sở đắc. “Đắc Bồ Đề” thì dùng gì để đắc Bồ Đề? Thông thường, những ai đã học giáo ngôn về tạng tánh, đều có thể liễu giải “*hết thảy chúng sanh vốn là Phật*”, “*hết thảy chúng sanh đều có đầy đủ trí huệ và đức tướng của Như Lai*”. Đối với các lời lẽ sâu màu như thế, lời chân thật rộng lớn rất sâu như thế, dùng gì để có thể ẩn khế vạn pháp duy tâm? Dùng gì để liễu tri cảnh giới Nhất Thật?

(Kinh) Bồ Đề như thị ký vô hình sắc, phi tướng, phi tượng, bất khả kiến tri, bất khả xúc chứng, thù phục u trung nhi hành chứng giả? Nhược tâm đắc giả, thị tâm vô sắc, bất khả đắc kiến. Thị tâm vô tướng, bất khả đắc tri. Thử tâm như thị đồng u huyền hóa.

(經)菩提如是既無形色，非相非像，不可見知，不可觸證，誰復於中而行證者？若心得者，是心無色，不可得見。是心無相，不可得知。此心如是同於幻化。

(Kinh: Bồ Đề đã chẳng có hình sắc như thế, chẳng phải tướng, chẳng phải hình tượng, chẳng thể thấy biết, chẳng thể đụng chạm để chứng biết, ai lại có thể chứng biết trong ấy? Nếu là tâm đắc [Bồ Đề], thì cái tâm ấy vô sắc, chẳng thể trông thấy. Cái tâm ấy vô tướng, chẳng thể biết được. Cái tâm ấy giống như huyền hóa như thế đó).

Hết thảy sự nhận biết không gì chẳng phải do nhân duyên mà sanh, chẳng thể chạm đến, chẳng thể thấy biết!

(Kinh) Nhiên bỉ Bồ Đề diệc nhĩ, vô sắc bất khả kiến, vô tướng bất khả tri, vô lậu, vô vi, diệc đồng huyền hóa.

(經)然彼菩提亦爾，無色不可見，無相不可知，無漏無爲，亦同幻化。

(Kinh: Nhưng Bồ Đề cũng thế, chẳng có sắc chẳng thể thấy, chẳng có tướng chẳng thể biết, vô lậu, vô vi, cũng giống như huyền hóa).

Đức Thế Tôn phán định tướng mạo của Bồ Đề như thế, khiến cho chúng ta có một cái gọi là sự hay biết [giống như] “*ấn hoại văn thành*” (ấn nát, nhưng nét khắc nơi ấn đã hiện ra) là sự hay biết vô nhiễm, là sự hay biết viên mãn, là sự hay biết triệt để phát khởi tự tại trong hiện tại.

(Kinh) Vân hà khả chứng? Vân hà giác tri, nhi ngôn thân tâm đắc Bồ Đề da?

(經)云何可證? 云何覺知, 而言身心得菩提耶?

(Kinh: Làm thế nào để có thể chứng? Làm thế nào để hay biết mà nói thân tâm đắc Bồ Đề ư?)

Quan sát như thế, tư duy như thế. Đây là đức Như Lai Thế Tôn dùng trí chẳng thể nghĩ bàn để hướng dẫn chúng sanh chánh quan sát, khéo quan sát, như lý quan sát, chân thật quan sát, chẳng tăng giảm mà quan sát. Nếu chúng ta dùng vọng tâm quan sát, sẽ chẳng thể được. Dùng cái tâm do chính mình xếp đặt để quan sát, cũng chẳng thể được. Vì thế, đức Thế Tôn hướng dẫn chúng ta hãy khéo quan sát.

(Kinh) Bỉ Bồ Tát Ma Ha Tát như thị quán thời, phân minh liễu liễu, kiến thị thân tướng, bất đắc Bồ Đề, diệc tri thị tâm bất đắc Bồ Đề. Hà dĩ cố? Chư pháp vô hữu dĩ sắc chứng sắc, dĩ tâm chứng tâm cố.

(經)彼菩薩摩訶薩如是觀時, 分明了了, 見是身相, 不得菩提, 亦知是心不得菩提。何以故? 諸法無有以色證色, 以心證心故。

(Kinh: Khi vị Bồ Tát Ma Ha Tát ấy quán như thế, rành rẽ, phân minh, thấy thân tướng này chẳng đắc Bồ Đề, cũng biết là tâm chẳng đắc Bồ Đề. Vì lẽ nào? Do các pháp chẳng có pháp nào dùng sắc để chứng sắc, dùng tâm để chứng tâm).

Giống như Tâm Kinh đã nói, “*vô trí diệc vô đắc, dĩ vô sở đắc cố, Bồ Đề Tát Đỏa*” (không có trí mà cũng chẳng đạt được. Do chẳng có gì để đạt được, nên Bồ Tát...) Trong giáo ngôn của chư Phật, chọn lựa pháp vô tự tánh thì chẳng có một pháp nào để có thể thành, thật sự là chẳng có pháp nào để có thể lập, thế mà rộng lập các pháp, lợi ích hữu

tình đắm nhiễm trong thế gian, khiến cho họ tiêu trừ hết thảy chấp trước huyền chương, khiến cho họ thành tựu lợi ích to lớn vô thượng.

(Kinh) Nhiên bỉ u ngôn thuyết trung, tri nhất thiết pháp, tuy vô sắc, vô hình, vô tướng, vô lậu, vô khả đồ kiến, vô hữu chứng tri, diệc phi vô chứng.

(經)然彼於言說中，知一切法，雖無色無形，無相無漏，無可睹見，無有證知，亦非無證。

(Kinh: Nhưng trong ngôn thuyết, họ biết hết thảy các pháp tuy vô sắc, vô hình, vô tướng, vô lậu, chẳng thể trông thấy, chẳng có chứng biết, mà cũng chẳng phải là vô chứng).

Vì lẽ nào? Nói chứng và chẳng chứng như thế, thật sự là hý luận. Có thể đắc và chẳng thể đắc, đúng, sai, hết thảy ngôn thuyết đối đãi ở đây đều lặng thình không có tiếng. Vì trong tâm trí nhị nguyên của bọn phàm phu chúng ta, cứ đối đãi liên tục. Nếu trừ sạch đối đãi, tâm trí A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề thanh tịnh vốn sẵn có sẽ ngay lập tức sáng rực thế gian, chẳng cần tạo tác.

(Kinh) Hà dĩ cố? Dĩ nhất thiết chư Như Lai thân vô hữu lậu cố. Hựu chư Như Lai thân vô lậu cố, tâm diệc vô lậu. Hựu chư Như Lai tâm vô lậu cố, sắc diệc vô lậu.

(經)何以故？以一切諸如來身無有漏故。又諸如來身無漏故，心亦無漏。又諸如來心無漏故，色亦無漏。

(Kinh: Vì có sao? Do thân của hết thảy các Như Lai chẳng có hữu lậu. Lại do thân của chư Như Lai vô lậu, nên tâm cũng vô lậu. Lại do tâm của chư Như Lai vô lậu, sắc cũng vô lậu).

“Vô lậu” là chẳng tạo tác, thanh tịnh, xa lìa hết thảy công dụng, tức là xa lìa hết thảy tác ý đối đãi. Trong quá trình học Phật pháp, chúng ta đều biết một danh từ, tức là hàng Bồ Tát chưa đạt đến Bát Địa, đều gọi là “bất tịnh ý Bồ Tát”. “Bất tịnh ý” tức là có tác ý, có sự tác ý liên tục. Phàm phu hữu tình nếu chẳng tác ý, tâm chẳng có chỗ nào ràng buộc. Nếu tâm chẳng ràng buộc, ý thức sẽ mờ mịt, thậm chí là mê mẩn. Vì thế, hàng Bồ Tát chưa đạt đến Bát Địa, vẫn cần phải tác ý, tạo tác tăng

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

thượng thiện xảo, siêng năng tu pháp chánh đáng như thế, tức là “trừ hết thủy ác, hành hết thủy thiện, điều thiện chưa sanh khiến nảy sanh, điều ác đã sanh bèn sám hối”. Người siêng năng chánh đáng như thế chính là tác ý thiện xảo. Nhưng chư Phật Như Lai và hàng Bồ Tát từ Bát Địa trở lên thì tâm ý vô công dụng, chẳng cần tạo tác, chẳng cần đối đãi, Thật Tướng hiện tiền, thanh tịnh hồi thí công đức chân thật, dùng điều đó để an trụ. Đây là điều sẵn có của Báo Đức, do thiện căn thật sự viên mãn thành thực, chẳng phải do nương vào Tu Đức mà cưỡng chấp. Phạm phu hữu tình nếu chẳng nhờ sự tu trì hậu thiên (sự tu trì sau khi đã tìn giải), sẽ thường chẳng thể chấp nhận pháp tánh chân thật. Nếu ở trong các sự, các tướng, thuận ứng hiện duyên, thuận ứng pháp tánh, hai pháp cùng nêu, Tu Đức và Tánh Đức cùng lúc trọn đủ, khi ấy có thể nói là “tu pháp phần”. Như thế thì chúng ta sẽ có thể có cơ chế an trụ nơi đạo nghiệp vô thượng, cho đến có cơ duyên tu tập.

Đoạn văn tự này đã ban cho chúng ta một cơ chế hướng dẫn quan sát và tư duy. Chương trước là phẩm Thọ Trì, dùng thọ trì để chuyển tiếp, hướng dẫn chúng ta đạt đến chánh quan sát. Trước phẩm Thọ Trì có phẩm Chánh Tín. Trước đó, lại có phẩm Tư Duy, tức là dùng tư duy để khế nhập chánh tín, dùng chánh tín để khế nhập thọ trì, dùng nhân duyên thọ trì để khéo quan sát pháp tắc, khéo quan sát tâm địa. Đức Thế Tôn giáo hóa chúng ta như thế, tuyên nói giáo pháp như thế, khiến cho chúng ta thiết thực tư duy, khéo thủ hộ!

***(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh, quyển đệ tam.
Hiền Hộ Phần Quán Sát phẩm chi dư.***

***Hựu chư Như Lai, Sắc vô lậu cố, Thọ diệt vô lậu, nãi chí Hành,
Thức diệt vô lậu. Hựu chư Như Lai, Giới diệt vô lậu, sở hữu tam-
muội trí huệ diệt vô lậu, nãi chí Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến diệt
vô lậu. Như thị nãi chí chư Như Lai, chư Như Lai sở hữu ngôn
thuyết, dĩ thuyết, kim thuyết, đương thuyết, cập nhất thiết pháp, tư giai
vô lậu dã.***

(經)大方等大集賢護經卷第三。

賢護分觀察品之餘。

**又諸如來，色無漏故，受亦無漏，乃至行識亦無漏。
又諸如來，戒亦無漏，所有三昧智慧亦無漏，乃至解脫，
解脫知見亦無漏。如是乃至諸如來，諸如來所有言說，已
說，今說，當說，及一切法，斯皆無漏也。**

*(Kinh: Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ, quyển thứ ba.
Hiền Hộ Phần, phần còn lại của phẩm Quán Sát.*

Lại nữa, các đức Như Lai do Sắc vô lậu, nên Thọ cũng vô lậu, cho đến Hành, Thức cũng vô lậu. Lại nữa, Giới của các đức Như Lai cũng vô lậu, tất cả trí huệ tam-muội cũng vô lậu, cho đến Giải Thoát và Giải Thoát Tri Kiến cũng vô lậu. Như thế cho đến các đức Như Lai, tất cả ngôn thuyết của các đức Như Lai đã nói, đang nói, sẽ nói, và hết thảy các pháp đều là vô lậu).

Vô Lậu là một danh từ chuyên biệt của Phật giáo, biểu đạt Phật pháp, biểu đạt đặc tánh chỉ riêng Phật pháp mới có, chứ hết thảy các pháp chẳng có, hết thảy các ngoại đạo chẳng có. Phật giáo nói đến Lục Thông, hết thảy các ngoại đạo đều có pháp tắc Ngũ Thông, nhưng chỉ Phật giáo có Lậu Tận Thông, A La Hán là người đích thân chứng đắc [Lậu Tận Thông]. Hàng Bồ Tát từ Bát Địa trở lên đều đích thân chứng đắc, chư Phật Như Lai đích thân chứng đắc công đức vô lậu chân thật ấy.

(Kinh) Hiền Hộ! Chư như thị đẳng nhất thiết Phật pháp, trí nhân năng đạt, ngu giả mạc tri.

(經)賢護！諸如是等一切佛法，智人能達，愚者莫知。

(Kinh: Nay Hiền Hộ! Hết thảy các Phật pháp như thế, người trí có thể thông đạt, kẻ ngu chẳng biết).

Hai pháp trí và ngu chẳng phải là phê phán, mà là khi vận dụng, vì hai pháp trí và ngu cũng chẳng có tự tánh. Như người học Phật chúng ta, trì giới, phạm giới, người thiện, kẻ ác, phàm phu, thánh nhân cũng giống như thế, chẳng thể nào xác định cứng ngắc được. Các thứ pháp vị trong Phật pháp như Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả, Tứ Quả, các loại quả vị, có phải là có địa vị hay chẳng? Địa vị ấy cũng là thiện xấu tăng thượng,

hướng dẫn hữu tình, khiến cho họ thấy thấu triệt tâm trí. Đó gọi là “*phương tiện gia trì tăng thượng*”, hiển lộ sự thiện xảo nơi bốn vị.

(Kinh) Bĩ nhược năng tác như thị quán thời, nhất thiết chư pháp tất bất khả đắc.

(經)彼若能作如是觀時，一切諸法悉不可得。

(Kinh: Nếu lúc người ấy có thể quán như thế, thì sẽ [thấu triệt] hết thấy các pháp đều chẳng thể đạt được).

Đối với phàm phu trong thế gian, “*có pháp để có thể đạt được*” chính là động lực duy nhất chi phối hết thấy các hành vi của chúng ta, thường nói là “*chẳng có lợi sẽ không làm*”. Trong pháp tắc thuộc về giáo ngôn của chư Phật, quả thật chẳng có một pháp để có thể đạt được. Do vận dụng trí huệ để quán, dùng từ bi để quán, do lợi ích rộng khắp thế gian mà quán, thì đều chẳng có một pháp nào để có thể đạt được!

(Kinh) Vân hà bất khả đắc? Sở vị thùi năng chứng dã bất khả đắc! Vân hà chứng dã diệc bất khả đắc? Hà duyên chứng dã diệc bất khả đắc?

(經)云何不可得? 所謂誰能證也不可得! 云何證也亦不可得? 何緣證也亦不可得?

(Kinh: Vì sao chẳng thể đạt được? Tức là nói “ai có thể chứng” thì chẳng thể được! Vì sao đã chứng thì cũng chẳng thể đạt được? Do duyên nào mà đã chứng cũng chẳng thể đạt được?)

Đối với pháp “*bất khả đắc*” (chẳng thể đạt được) ở đây, chúng ta hãy khéo tư duy, quan sát. Tư duy như thế, sẽ dẫn dắt chúng ta dần dần tiến nhập, quan sát các thứ sự tướng chung quanh.

(Kinh) Bĩ năng tác thị quán dĩ, như thị nhập Diệt Tịch Định, phân biệt chư pháp, diệc bất phân biệt chư pháp.

(經)彼能作是觀已，如是入滅寂定，分別諸法，亦不分別諸法。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

(Kinh: Người ấy đã có thể quán như thế xong, nhập Diệt Tịch Định như thế, phân biệt các pháp, mà cũng chẳng phân biệt các pháp).

Hiểu rõ ràng, phân minh, trọn chẳng đắm nhiễm hết thảy các pháp như đã nói trong phần trước. Cái được gọi là Diệt Tịch Định, hoặc còn gọi Tịch Diệt Định, tức là đã ngưng dứt hết thảy các tạo tác, trong hết thảy các trần lao cũng đã an trụ. Do chẳng tăng, chẳng giảm, cho nên hiểu phân minh các pháp mà chẳng đắm nhiễm.

(Kinh) Hà dĩ cố? Chư pháp vô cố.

(經)何以故? 諸法無故。

(Kinh: Vì lẽ nào? Do các pháp là Không).

Sự lựa chọn này rất quan trọng!

(Kinh) Hiền Hộ! Như hỏa vị sanh, hoặc thời hữu nhân phát như thị ngôn: “Ngã u kim nhật, tiên diệt thị hỏa”. Hiền Hộ! U ý vân hà? Bỉ nhân thị ngữ vi thành thật phủ?

(經)賢護! 如火未生, 或時有人發如是言: 「我於今日, 先滅是火」。賢護! 於意云何? 彼人是語爲誠實不? 」

(Kinh: Nay Hiền Hộ! Như lửa chưa sanh, nếu khi ấy, có kẻ nói như thế này: “Hôm nay ta sẽ diệt lửa ấy trước”. Nay Hiền Hộ! Ý ông nghĩ sao? Lời ấy của kẻ đó có thành thật hay không?)

Phiền não hư vọng của hết thảy chúng sanh trong thế gian vốn chẳng có gì để đạt được. Do hư vọng mà tạo thành phiền não. Thật ra, chẳng có gì để có thể diệt. Đó là diệt! Hết thảy phàm phu hữu tình chấp trước pháp “*diệt trừ phiền não*”, oan uổng tăng thêm phiền não. Ở trong cái “*vốn chẳng có phiền não*” mà tăng thêm một cái phiền não mới toanh là “*diệt phiền não*”, bị luân hồi oan uổng! Luân hồi như thế, giống như quay tròn cây đuốc trong không trung, sẽ thành một vòng lửa. Trong luân hồi, thật sự chẳng có vật gì để có thể đạt được, nhưng vì cưỡng chấp mà sanh ra tướng luân hồi và nghiệp luân hồi.

(Kinh) Hiền Hộ đáp ngôn: “Bất dã, Thế Tôn!” Phật cáo Hiền Hộ: “Như thị chư pháp, tùng bốn dĩ lai, tất cánh vô đắc”.

(經)賢護答言：「不也，世尊！」佛告賢護：「如是諸法，從本以來，畢竟無得。」

(Kinh: Ngài Hiền Hộ đáp rằng: “Chẳng phải vậy, bạch Thế Tôn!” Đức Phật bảo ngài Hiền Hộ: “Các pháp như thế vốn rất ráo chẳng thể được”).

Chúng ta có thể quan sát trọn khắp, tùy thời quan sát, tùy duyên quan sát, có thể quán khắp các chỗ tâm trí trong hết thấy các hiện duyên, [sẽ thấy] các pháp rất ráo chẳng thể đạt được, chỉ vì hư vọng chấp trước và đắm nhiễm, ngỡ là thật sự có cái để đạt được, bèn sanh khởi các nỗi khổ sở vì chấp trước.

(Kinh) Vân hà w kim nãi tác tư thuyết: “Ngã năng chứng tri nhất thiết chư pháp, ngã năng liễu đạt nhất thiết chư pháp, ngã năng giác ngộ nhất thiết chư pháp, ngã năng độ thoát nhất thiết chúng sanh w sanh tử trung”? Thử phi chánh ngôn.

(經)云何於今乃作斯說：「我能證知一切諸法，我能了達一切諸法，我能覺悟一切諸法，我能度脫一切衆生於生死中」？此非正言。

(Kinh: Vì sao nay nói như thế này: “Ta có thể chứng biết hết thấy các pháp, ta có thể liễu đạt hết thấy các pháp, ta có thể giác ngộ hết thấy các pháp, ta có thể độ thoát hết thấy chúng sanh trong sanh tử”? Đó chẳng phải là lời lẽ chánh đáng).

Đấy là lời lẽ của kẻ cuồng vọng, kẻ đắm nhiễm, kẻ ưa thị phi, kẻ trầm luân. Như hữu tình trong thế gian hiện thời phần nhiều nói: “Ta là người trì giới”, “ta là người tu hành”, “ta là người có chánh pháp”, “ta là bậc chánh tri kiến”, “ta là kẻ có nhân duyên chi đó” v.v... Thật ra, kẻ đó là kẻ đắm nhiễm, chấp trước, đọa lạc, tất nhiên sẽ bị xâm hại bởi pháp. Vì sao vậy? Do vô trí mà cũng vô đắc để lợi ích rộng khắp thế gian. Do vô trí mà cũng vô đắc để an trụ trong trí huệ. Do vô trí mà cũng vô đắc, bèn có oai đức đối với hữu tình, có oai đức trong hiện pháp. Nếu có đắm nhiễm, ắt sẽ bị mắc hại. Vì sao đối với pháp, người đời chẳng thể đạt được lợi ích chân thật? Phần nhiều là vì thói quen chấp trước vọng tưởng liên tục, chẳng thể gián đoạn. Chấp trước trong quá khứ là tham, sân, si,

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

mạn, nghi, tri kiến chẳng chánh đáng, còn chấp trước trong hiện tại là [chấp trước] những cái gọi là “*chánh pháp, chánh kiến, độ chúng sanh, trí, bi*”. Các thứ chấp trước như thế vẫn là thay đổi hình dạng chấp trước đó thôi, thật sự là nguồn khổ, thật sự là gốc khổ! Chư Phật Như Lai nói lời thành thật để chúng ta chánh tư duy, quan sát. Hiện thời, trong các đoàn thể cư sĩ học Phật, hoặc đoàn thể tăng nhân, phần nhiều có tri kiến như thế, cứ ngỡ chính mình có pháp để có thể chúng, có pháp để có thể đắc. Cho nên phần nhiều sanh tâm kiêu mạn, đối với cái chẳng thể được, bèn cưỡng chấp “*có cái để có thể đạt được*”, đối với cái “*chẳng có gì để chúng*” bèn cho là “*có chúng đắc*”, oan uổng hững chịu nỗi khổ ấy!

(Kinh) Sở dĩ giả hà? Bỉ pháp giới trung, bản vô chư pháp, diệt vô chúng sanh, vân hà ngôn “độ?” Đản Thế Đế trung nhân duyên độ nhĩ!

(經)所以者何? 彼法界中, 本無諸法, 亦無衆生, 云何言「度?」但世諦中因緣度耳!

(Kinh: Vì có sao vậy? Trong pháp giới ấy, vốn chẳng có các pháp, mà cũng chẳng có chúng sanh, có sao nói là “độ?” Chỉ là độ nhân duyên trong Thế Đế đó thôi!)

Chúng ta quan sát hết thấy các pháp sanh diệt trong thế gian, [sẽ thấy chúng] thật sự chẳng có bản chất, mà cũng thật sự chẳng có tự tánh, do các thứ nhân duyên mà tồn tại liên tục các thứ thế gian. Vì thế, “*mười pháp giới rạng ngời hiện tiền*”. Dùng gì để hiện tiền? Phật pháp giới, Bồ Tát pháp giới, Thanh Văn, Duyên Giác, nhân, thiên, Tu La, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, mười loại pháp giới ấy đều do nhân duyên mà hiện, chẳng có thực chất! Do nhân duyên mà hiện Phật pháp giới. Do nhân duyên mà hiện Bồ Tát pháp giới. Do nhân duyên mà hiện Thanh Văn pháp giới, cho đến địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Trong các thứ pháp giới như thế, không gì chẳng phải là “*duyên sanh, duyên diệt, chẳng có gì để thật sự đạt được, chẳng có một pháp để có thể nhiếp*”. Vậy thì chúng ta có gì để có thể chấp trước? Nếu không chấp trước gì, người ấy sẽ được giải thoát. Nếu không nhiếp, người ấy sẽ đạt được trí huệ. Nếu không có gì để độ, người ấy sẽ độ trọn hết chúng sanh.

(Kinh) “Hiền Hộ! U ý vân hà? Bĩ như thị thuyết, đắ vi thật phủ?” Hiền Hộ đáp ngôn: “Bất dã, Thế Tôn!”

**(經)賢護！於意云何？彼如是說，得爲實不？」賢護
答言：「不也，世尊！」**

(Kinh: “Này Hiền Hộ! Ý ông nghĩ sao? Kẻ đó nói như thế có phải là thật hay không?” Hiền Hộ thưa: “Bạch Thế Tôn! Không ạ”).

Chúng ta quan sát như vậy. Chẳng hạn như có người nói: “Ta đã vì tự viện làm chuyện này, chuyện kia!” Có người xuất gia nói: “Ta đã vì đạo tràng làm chuyện này, chuyện nọ”. Có người tu hành nói: “Ta vì tu hành mà làm chuyện này, chuyện nọ”. Có người bề quan nói: “Ta đã từng làm chi đó”. Có người đã từng tu giới luật, nói: “Ta đã làm chuyện này, chuyện nọ”. Đắm nhiễm như thế, tuy danh tướng đắm nhiễm khác nhau, nhưng kết quả của chấp trước và đắm nhiễm, xét theo thực chất, trọn chẳng sai khác! Cũng có nghĩa là vốn chẳng có công đức, thế mà hư vọng chấp là công đức, chỉ sanh kiêu mạn. Nhất là trong việc truyền bá Phật pháp trong hiện tiền, kẻ rơi vào trường hợp này rất nhiều! Bởi lẽ, họ chẳng thủ hộ cái tâm thanh tịnh, chẳng an trụ trong lợi ích chân thật. Họ từ chấp trước pháp tắc của phàm phu thoát ra, bèn rơi vào cái được gọi là “*chấp trước Phật pháp*”, chẳng thể tự thoát được. Loại hữu tình ấy thường tự cho là đúng, thậm chí [cứ ngỡ] chính mình hết sức lỗi lạc, khiến cho thế gian mê hoặc, rối loạn! Vốn chẳng có các pháp, mà cũng chẳng có chúng sanh; nếu chọn lựa chân thật như thế, người ấy sẽ trụ trong an vui. Đó là pháp tắc mà hết thầy người học Phật chúng ta phải nên nhận biết triệt để, rõ ràng, chọn lựa vô úy.

(Kinh) Phật cáo Hiền Hộ: - Thị cố, bĩ chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhược dục thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, nãi chí dục thành Duyên Giác Bồ Đề, Thanh Văn Bồ Đề giả, giai ưng như thị quán nhất thiết pháp.

(經)佛告賢護：「是故，彼諸善男子善女人，若欲成就無上菩提，乃至欲成緣覺菩提、聲聞菩提者，皆應如是觀一切法。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

(Kinh: Đức Phật bảo Hiền Hộ: - Do vậy, các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy, nếu muốn thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, cho đến muốn thành Duyên Giác Bồ Đề, hoặc Thanh Văn Bồ Đề, đều nên quán hết thấy các pháp như thế).

Trong giáo ngôn tam thừa, hãy đều nên quan sát thanh tịnh như thế. Vì sự quan sát ấy chính là chánh kiến Trung Quán, xa lìa hai thứ Biên Kiến. Hai loại Biên Kiến tức là: Hoặc là đúng, hoặc là sai, hoặc là phạm, hoặc là thánh, nhiễm hoặc chẳng nhiễm, chấp hoặc chẳng chấp. Vô lượng vô biên cách nói như thế đều rơi vào hai loại Biên Kiến, chẳng thể thoát lìa biên sanh tử đối đãi. Đó là chỗ không có ngăn mé, khiến cho mọi người chẳng thể giải thoát. Trong Bồ Đề tâm của tam thừa, Vô Thượng Bồ Đề tâm được chư Phật thủ hộ, Duyên Giác Bồ Đề tâm do người khéo quan sát mười hai nhân duyên thủ hộ, Thanh Văn Bồ Đề do người nghe giáo pháp mà được độ thoát bèn khéo thủ hộ. Tâm trí phát khởi Bồ Đề của ba loại hữu tình như thế đều chẳng thể lìa khỏi pháp giáo này, cho nên nói “*ung như thị quán*” (hãy nên quán như thế). Trừ phi chúng ta chẳng phải là Phật tử thì mới xa lìa sự quan sát như thế!

Chúng ta học tập giáo ngôn tam thừa, hãy nên quan sát như thế. Trong hành pháp Ban Châu thì sao? Cũng lại nên như thế. Vì sao? Chúng ta là Phật giáo đồ, lúc muốn hành Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiện Tiền tam-muội, nhất định là phải nên quan sát như thế, khéo quan sát hết thấy các pháp không có gì được sanh, vốn không có gì để diệt, mà cũng chẳng đến, đi!

Nếu trong pháp tắc tam thừa mà chẳng quan sát như thế, sẽ vô duyên với Bồ Đề tâm. Vì sao? Trong sự tồn tại liên tục của hết thấy các pháp, mỗi pháp chẳng tự đơn độc dấy lên! Chúng ta thường nói đến chuyện thí giáo (施教, ban bố giáo pháp) của chư Phật Thế Tôn, như tỳ-kheo Mã Thắng nói với ngài Xá Lợi Phất bốn câu kệ: “*Chư pháp nhân duyên sanh; duyên tạ, pháp hoàn diệt. Ngô sư đại sa-môn, thường tác như thị quán*” (Các pháp nhân duyên sanh, duyên hết, pháp cũng diệt. Thầy tôi đại sa-môn, thường quán như thế đó). Bốn câu kệ ấy là chỗ y chỉ của tam thừa Phật giáo. Nếu chẳng y chỉ pháp ấy, thì trao đổi bằng cách nào? Dùng gì để vận dụng? Dùng gì để phô bày lợi ích trong thế gian?

(Kinh) Tác thị quán thời, tắc nhập Tịch Định, vô hữu phân biệt, phi vô phân biệt.

(經)作是觀時，則入寂定，無有分別，非無分別。

(Kinh: Khi quán như thế bèn nhập Tịch Định, chẳng có phân biệt, chẳng vô phân biệt).

“Tịch định” tức là Tịch Diệt Định, là môn Định do A La Hán đích thân chứng đắc. Còn gọi là Diệt Tịch Định, chứng biết pháp vô sanh: Thọ, Tướng, Hành, Thức diệt, xuất nhập tức diệt (diệt hơi thở ra vào). Chứng đắc môn Định này, có thể đoạn hai loại phiền não Kiến và Tư, thành quả A La Hán, vì Thọ tâm diệt thì Ái diệt. Do Ái diệt bèn đoạn Tư Hoặc. Do Tướng tâm diệt, nên thủ tướng tâm (cái tâm chấp giữ tướng) diệt. Do thủ tướng tâm diệt, nên đoạn Kiến Hoặc. Vì thế, nhập Diệt Tịch Định sẽ có thể đoạn hai loại phiền não Kiến và Tư, chứng quả A La Hán.

(Kinh) Hà dĩ cố? Hiền Hộ! Bĩ nhất thiết pháp vô sở hữu, bất sanh, nhiên bĩ Định hữu phân biệt, tức thị nhất biên. Định vô phân biệt, phục vi nhất biên.

(經)何以故？賢護！彼一切法無所有，不生，然彼定有分別，即是一邊。定無分別，復爲一邊。

(Kinh: Vì sao vậy? Này Hiền Hộ! Hết thấy các pháp vô sở hữu, chẳng sanh, nhưng do môn Định ấy có phân biệt, nên tức là một bên. Do Định chẳng phân biệt, nên lại là một bên khác).

Định có phân biệt và vô phân biệt chỉ là danh tướng. Quan sát từ biên trí rốt ráo, hết thấy phân biệt chính là pháp tắc khéo phân biệt vốn vô phân biệt. Do vậy, Bồ Tát có thể khéo phân biệt rõ ràng trong pháp tắc vô phân biệt, lợi ích rộng khắp thế gian. Do lợi ích rộng khắp thế gian, cho nên hiện phân biệt. Do vì thật sự chẳng phân biệt mà lợi ích rộng khắp chúng sanh, hiện đủ loại tướng phân biệt. Trong sự phân biệt như thế, trong cái bản chất thật sự vô phân biệt, chiếu rạng ngời thế gian, khiến cho chúng sanh [quen thói] phân biệt ai nấy đều xả trừ phân biệt, chấp trước, quy nhập tâm trí thanh tịnh. Chư Phật Như Lai trọn đủ hết thấy các thiện xảo, nói tám vạn bốn ngàn pháp. Vốn chẳng có một pháp nào để có thể lập, sao lại lập ra tám vạn bốn ngàn pháp? Đó gọi là từ

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

trong “vốn không có gì để lập”, thuận theo cái tâm phân biệt của chúng sanh mà thiết lập, nói đủ loại pháp đối ứng, khiến cho chúng sanh đạt được giải thoát, thỏa mãn tâm nguyện của hết thảy chúng sanh.

Nếu chấp là đúng, hoặc chấp là sai, chấp vào phân biệt, hoặc vô phân biệt, sẽ chẳng thể giải thoát khỏi hai thứ Biên Kiến, tâm trí đối đãi, tâm trí mâu thuẫn, cứ lẫn lộn trong ấy. Đó thật sự là nỗi khổ vì phải chọn lựa của nhân loại. Hiện thời, người tu tập phần đông đối với chỗ thiện ác, đúng sai, cứ không ngớt lẫn lộn trong hai loại Biên Kiến như thế, chẳng thể an trụ thanh tịnh, tâm trí dao động, hư vọng nầy sanh đấm nhיים!

(Kinh) Nhiên thử nhị biên sở hữu, thị vô tịch định, phi vô tịch định, vô tư lượng xứ, vô phân biệt xứ, vô chứng tri xứ, vô kinh doanh xứ, vô tụ tập xứ, vô tư niệm xứ, vô phát khởi xứ. Hiền Hộ! Thị danh Trung Đạo.

(經)然此二邊所有，是無寂定，非無寂定，無思量處，無分別處，無證知處，無經營處，無聚集處，無思念處，無發起處。賢護！是名中道。

(Kinh: Nhưng tất cả những điều được bao gồm trong nhị biên thì là vô tịch định và chẳng phải vô tịch định, chẳng có chỗ suy lường, chẳng có chỗ phân biệt, chẳng có chỗ chứng biết, chẳng có chỗ suy tính tạo tác, chẳng có chỗ tụ tập, chẳng có chỗ nghĩ nhớ, chẳng có chỗ phát khởi. Nay Hiền Hộ! Đó gọi là Trung Đạo).

Trong cơ chế giáo ngôn của đức Thế Tôn, có hai loại cơ chế lớn được lưu truyền rộng khắp trong Diêm Phù Đề: Một là cơ chế giáo ngôn của đức thánh Văn Thù, loại kia cơ chế giáo ngôn của đức thánh Di Lặc, tức là cơ chế Trung Quán và Duy Thức. “Cơ chế” (機制) có nghĩa là “hệ thống các lời dạy”. Bất luận trong Hán truyền Phật giáo, hay Tạng truyền Phật giáo, [tất cả các giáo nghĩa] đều được gồm thâu trong hai đại cơ chế ấy. Giáo ngôn của Nam truyền chẳng thuộc vào hai cơ chế ấy, vì Thanh Văn Thừa có giáo pháp riêng, tức là “cửu bộ giáo pháp”⁸² như thường nói.

⁸² Cửu bộ giáo pháp (Navāṅga) tức là cách phân loại kinh điển Phật giáo theo truyền thống của Ba Ly Luật Tạng (Luật Tạng Nam Truyền bằng tiếng Pali) dựa theo thể

(Kinh) Sở hữu số, sự, xứ đấng, dân y Thế Đế thuyết cố.

(經)所有數事處等，但依世諦說故。

(Kinh: Tất cả các pháp như pháp số, sự việc, nơi chốn v.v... đều chỉ là dựa theo Thế Đế để nói).

Tất cả pháp tắc đôi đũa và nhân quả, không gì chẳng thuộc về Tục Đế. Cho đến các thứ giáo ngôn, các thứ xếp đặt của chúng ta, đều do nương theo Thế Tục Đế để thiết lập. Nếu là Thắng Nghĩa Đế, sẽ chẳng có ngôn thuyết.

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Ư bỉ chân thật Đệ Nhất Nghĩa trung, nhược trung, nhược biên, giai bất khả đắc!

(經)復次賢護！於彼真實第一義中，若中若邊，皆不可得！

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Trong Đệ Nhất Nghĩa chân thật ấy, dù chính giữa, hay hai bên, cũng đều chẳng thể đạt được).

Tất cả ngôn thuyết ở nơi đây đều tiêu tan, chẳng khởi công dụng, chẳng thể biểu đạt. Cho nên “ngôn quyền bất cập” (dẫu nói quyền biến cũng chẳng thể diễn tả thấu đạt được). Từ xưa đến nay, đối với điều này, đã có các cách diễn tả như “ngôn từ dứt bật”, “ngàn Phật chẳng truyền”, “vô tri” v.v...

(Kinh) Hà dĩ cố? Hiền Hộ! Nhất thiết chư pháp do như hư không, bản lai tịch diệt.

(經)何以故？賢護！一切諸法猶如虛空，本來寂滅。

loại kinh điển. Tức là Khế Kinh (Sutta), Ứng Tụng (Geyya, kỳ dạ), Ký Thuyết (Veyyākaraṇa), Kệ Tụng (Gāthā, già đà), TỰ Thuyết (Udāna, ưu đà na), Như Thị Ngữ (Itivuttaka, y đề mục đà), Bốn Sanh (Jataka), Vị Tăng Hữu Pháp (Abbhutadhamma), và Trí Giải (Vedalla, ngài Huyền Trang dịch chữ này là Quảng Pháp). Theo Ma Ha Tăng Kỳ Luật (do ngài Pháp Hiền dịch vào thời Đông Tấn), danh xưng của cửu phần giáo như sau: Tu Đa La, Kỳ Dạ (trương ứng với Ứng Tụng), Thọ Ký (tức Ký Thuyết), Già Đà, Ưu Đà Na (trương ứng với TỰ Thuyết), Như Thị Ngữ, Bốn Sanh, Phương Quảng (trương ứng với Trí Giải), và Vị Tăng Hữu.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

(Kinh: Vì sao vậy? Nay Hiền Hộ! Hết thấy các pháp ví như hư không, vốn sẵn tịch diệt).

Lành thay! Ở đây, nếu chẳng lựa chọn, mọi người sẽ vì bộ chấp, do hành xử theo pháp tắc hư vọng mà bị cuốn vào luân hồi. Trong giới tỳ-kheo, chúng ta đã học “tam tế, lục thô”. Trong Tam Tế, tức là trong khoảng sát-na chân tâm vừa động, tướng động đã kiến lập. Nếu trong khi đó, chẳng mê muội chân thật tế, người ấy sẽ được giải thoát. Nếu mê muội Chân Thật Tế, Năng và Sở (chủ thể và khách thể) được kiến lập, liền kiến lập đôi đũa. Hễ có đôi đũa, bèn kiến lập thế gian, Lục Thô trong thế gian sẽ tiếp nối, sẽ trở thành các thứ phiền não, như là tự phiền não, thánh phiền não, ác nghiệp phiền não, thiện nghiệp phiền não v.v... Dù loại phiền não bức bách lẫn nhau, sanh từ sáu thô pháp. Nếu khéo biết một niệm vừa mới động trong hiện tại chính là quang minh nơi Bản Tế, thường gọi là “cội nguồn của trí huệ”, chẳng tạo, chẳng tác, tự được giải thoát, trí huệ viên mãn, sẽ ngay lập tức an trụ. Hữu tình phàm phu Năng và Sở đã kiến lập mà tâm còn chẳng biết, hướng hồ [nhận biết] Lục Thô ư? Lúc bản tâm vừa mới động, còn chẳng biết, hướng hồ [nhận biết] Năng và Sở ư? Quang minh từ nơi Bản Tế lập tức an trụ, chẳng nhờ vào sự nhận biết, cho nên phàm phu là hư vọng phân biệt, mà “phân biệt” chính là đã an lập Năng và Sở. Đó là pháp tắc cực thô, là Kiến Hoặc trong Kiến Tư Hoặc. Người hiện thời tu tập pháp rất thô. Nói là “thô”, tức là phần nhiều dựa theo cảm giác hư vọng của chính mình, làm lạc dùng sự phân biệt của chính mình để làm chuẩn mực, chẳng biết giáo ngôn thanh tịnh của Phật pháp rốt ráo ở chỗ nào, chẳng biết căn bản của vốn sẵn tịch diệt. Trong Tam Pháp Ấn và Tứ Pháp Ấn, đức Thế Tôn đã nói Khổ, Vô Thường, Vô Ngã, Tịch Tĩnh Niết Bàn. Trong Thật Tướng Ấn, chỉ là “chẳng có tự tánh”, nhất thời lựa chọn, há có được hay mất ư? Vì thế, được hay mất thì chỉ có chúng sanh được hay mất. Nói “được” là nói theo phía chúng sanh, chứ chư Phật Như Lai chỉ dùng trí giải thoát, trí viên mãn, trí từ bi thương xót thế gian, soi sáng thế gian, sẽ chẳng có một vật nào để có thể đạt được!

(Kinh) Phi đoạn, phi thường, vô hữu tích tụ, vô hữu trụ xứ, vô khả y chỉ, vô tướng, vô vi, vô hữu toán số.

(經)非斷非常，無有積聚，無有住處，無可依止，無相無爲，無有算數。

(Kinh: Chẳng đoạn, chẳng thường, chẳng có tích tập, chẳng có chỗ trụ, chẳng thể y chỉ, vô tướng, vô vi, chẳng có toán số).

“Vô khả y chỉ” (Chẳng thể nương cậy): Hữu tình phiền não nói chung là luôn có chấp trước. Lúc chẳng chấp trước, bèn hư vọng nẩy sanh [kiến chấp] đoạn diệt. Đoạn diệt và tịch diệt trọn chẳng liên quan với nhau. Đoạn diệt là tà kiến, tịch diệt là chân thật. Trong Chân Thật Tế, Thật Tế Lý địa, an trụ chư Phật, an trụ chúng sanh. Chúng sanh và chư Phật chỉ là danh tự sai khác. Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai. Các vị thiện tri thức ơi! Chúng ta học tập pháp tắc trong Phật pháp, phải khéo tùy văn nhập quán, ẩn khế tự tâm, đừng dùng thức tâm, hoặc dùng cái tâm Năng Sở để tự hư vọng phân biệt. Hãy gột sạch chướng ngại Sở Tri Chướng của chính mình để khỏi sanh khởi các phiền não do Sở Tri Chướng đem lại.

Chúng ta nói: Trong phiền não, Sở Tri Chướng là chướng ngại lớn nhất, rất khó trừ khử, chứ trừ khử Phiền Não Chướng chẳng khó vì nó thô nặng! “*Tham, sân, si, mạn, nghi, tri kiến chẳng chánh đáng*” mười phần thô nặng. Hễ nó vừa dậy lên, người ta có thể nhận biết ngay; nhưng Sở Tri Chướng rất vi tế, do đã được huân tập từ vô thủy tới nay. Tuy là pháp vô sở đắc (pháp không có gì để đạt) huân tập từ vô thủy tới nay, bản chất của nó chẳng có gì để đạt được, nhưng vì huân tập lâu ngày, cho nên cấu chướng sâu dày. Cũng có nghĩa là tuy cấu chướng chẳng có tự tánh, nhưng do chấp trước cấu chướng mạnh mẽ, cho nên nó cũng có tướng sâu dày. Vì thế, có nghiệp lực của chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn, sức bốn tánh của pháp giới chẳng thể nghĩ bàn, nguyện lực của chư Phật chẳng thể nghĩ bàn, oai thần và thiện xảo của chư Phật chẳng thể nghĩ bàn, giáo ngôn của chư Phật chẳng thể nghĩ bàn, diệu tướng công đức rất sâu của chư Phật chẳng thể nghĩ bàn, thần biến của chư Phật chẳng thể nghĩ bàn... Trong các loại chẳng thể nghĩ bàn, “*ngiệp lực của chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn*” chính là pháp chẳng thể nghĩ bàn mà chúng sanh vốn sẵn có. Đối với pháp chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật, nếu tùy thuận một pháp, sẽ liền được giải thoát. Chư Phật dùng bốn pháp để lợi ích thế gian, tức hoặc là [sử dụng] diệu tướng, hoặc mười hai bộ loại trong Tam Tạng, hoặc phương tiện thần thông thiện xảo. Lại còn có một

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

pháp là dùng công đức nơi danh hiệu của chư Phật khiến cho hết thảy chúng sanh được nghe, chúng sanh được thấy nghe, chúng sanh tùy thuận, sẽ cùng được độ thoát, thành tựu. Các vị thiện tri thức ơi! Nếu chẳng như vậy, nghiệp lực chẳng thể nghĩ bàn, nghiệp lực chẳng thể tự vượt thoát, nghiệp lực chẳng thể tự diệt. Vì sao vậy? Vọng này tăng trưởng vọng kia, vọng này nối tiếp vọng kia. Ở trong biển sanh tử, ở trong biển chấp trước mạnh mẽ, chúng sanh trong thế gian chỉ biết chấp trước, khởi tâm động niệm không gì chẳng phải là đối đãi, khởi tâm động niệm không gì chẳng phải là thiện ác, khởi tâm động niệm không gì chẳng phải là phân biệt, khó buông, khó bỏ! Chẳng nói đến thị phi, tâm trí [của chúng sanh] sẽ bất an. Chẳng nói đến đối đãi, tâm họ chẳng yên ổn được!

(Kinh) Hiền Hộ! Bỉ bất khả số, vân hà vi hữu? Bất khả số cố, bất nhập u số. Bất nhập số cố, nãi chí vô hữu trí toán danh ngôn dã.

(經)賢護！彼不可數，云何爲有？不可數故，不入於數。不入數故，乃至無有智算名言也。

(Kinh: Nay Hiền Hộ! Do nó chẳng thể tính đếm, làm sao có được? Do chẳng thể tính đếm, nên chẳng thuộc vào con số. Do chẳng thuộc vào con số, thậm chí chẳng có cái trí để tính toán, chẳng có danh tướng, ngôn từ [để tính đếm, diễn tả được]).

Trí huệ theo kiểu La Tập Học (Logic, Lý Luận Học) trong thế gian là trí huệ có thể nghĩ bàn, nào có biết chư Phật Như Lai nương vào phương tiện đại thiện xảo để nhập trí chẳng thể nghĩ bàn, khiến cho hết thảy chúng sanh vào trong trí thiện xảo chẳng thể nghĩ bàn. Do trong hết thảy các pháp tắc như núi, sông, đại địa... sẽ tự nhiên có pháp tắc hoàn toàn tự nhiên, chẳng phải là tự nhiên mà có pháp tắc phi tự nhiên. Trí bèn có pháp tắc của Trí, Bi bèn có pháp tắc của Bi, lợi ích rộng khắp bèn có pháp tắc thiện xảo của sự lợi ích rộng khắp. Chúng sanh ngu si tự có pháp tắc ngu si. Trong các pháp tắc ấy, mỗi mỗi đều dùng sự nhận biết và chấp giữ để quyết định. Địa ngục, ác quỷ, súc sanh, cũng có pháp tắc để lựa chọn. Vì sao? Thuộc vào Tà Định Tụ, mỗi đường đều tự an lập. Chúng ta thường nói “địa ngục vô môn” (địa ngục chẳng có cửa), vì sao lại thiết trí địa ngục? Ai thiết trí địa ngục? Do kẻ tạo nên ác nghiệp địa ngục tự thiết trí! Một pháp giới hiền, chín pháp giới kia ần mất. Hữu tình

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

trong các pháp giới khác trọn chẳng thể thấy địa ngục. Như trong hiện duyên của chúng ta, quý vị dùng gì để thấy địa ngục? Chúng sanh thuộc nhân loại sẽ chỉ quẩn quanh trong cái tâm trí đối đãi của nhân loại; đó là sự lựa chọn của chúng ta. Muỗi mòng có sự lựa chọn của chính nó, “*sáng sanh, tối chết*” chính là sự lựa chọn của chúng nó. Chư thiên chọn lựa tâm trí đắm đuối trong ngũ dục, Thiên Định, cho đến Sắc, Vô Sắc, Phi Tướng, Phi Phi Tướng. Họ có thọ mạng đến tám vạn đại kiếp, quý vị dùng gì để an lập? Vì thế, mỗi pháp giới có sự chọn lựa riêng để tiếp nối tương trạng sanh mạng, không gì chẳng phải là tương lựa chọn. Chư Phật Như Lai dù một kiếp, hai kiếp, ba kiếp, bốn kiếp, nhiều kiếp trụ thế, hoặc trụ thế một ngày, như Nguyệt Diện Phật lúc thành Phật là lúc nhập diệt, vẫn hóa độ chúng sanh, vẫn viên mãn rốt ráo. Mỗi mỗi đều có sự lựa chọn, cho nên nói: “*Chư pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ*”, trọn chẳng liên quan, trọn chẳng đắm nhiễm, trọn chẳng dao động. Do chúng chẳng liên quan với nhau, cho nên mỗi pháp giới hiển hiện hay diệt mất, mỗi pháp giới tự duy trì, thọ dụng. Cũng có nghĩa là hết thấy các danh tướng và ngôn từ bất quá là do chính mình chọn lựa như thế mà thôi, đều chẳng có thực chất.

(Kinh) Hiền Hộ! Bỉ Bồ Tát Ma Ha Tát như thị quán sát chư Như Lai thời, bất khả chấp trước.

(經)賢護！彼菩薩摩訶薩如是觀察諸如來時，不可執著。

(Kinh: Đây Hiền Hộ! Khi vị Bồ Tát Ma Ha Tát quán sát các Như Lai như thế, chớ nên chấp trước).

Tuy là pháp giáo rộng lớn rất sâu của chư Phật, cũng đừng nên chấp trước. Tám vạn bốn ngàn pháp, chẳng thể chấp một pháp nào! Có nhiều hữu tình cầu pháp trong thế gian này, kẻ cầu pháp cao, kẻ cầu pháp thấp, chẳng biết tâm trí sạch lậu, chẳng biết bản chất của tâm trí là như thế, chẳng biết pháp vốn là như thế, cứ muốn cầu bên ngoài, cầu đạt được từ bên trong, muốn tu được, muốn tu chẳng được. Do vậy, hư vọng nầy sanh tri kiến, oan uổng hứng chịu khổ sở, nhọc nhằn, nào có biết các pháp vốn sẵn như thế, quang minh nơi tự tánh chiếu rọi trọn khắp. Nếu vận dụng, sẽ ngay lập tức đạt được thiện xảo. Nếu không, sẽ là tự tiện phát tâm. Vì thế, hãy nên huân tập Bồ Đề tâm, dần dần thành tựu tâm

hạnh Bồ Đề, cho đến rốt ráo viên mãn A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(Kinh) Hà dĩ cố? Nhất thiết pháp vô chấp trước cố, dĩ vô xứ sở nhi khả chấp trước, diệc vô căn bản thị khả đoạn tuyệt.

(經)何以故？一切法無執著故，以無處所而可執著，亦無根本是可斷絕。

(Kinh: Vì sao vậy? Do hết thấy các pháp chẳng chấp trước, do chẳng có nơi chốn để có thể chấp trước, mà cũng chẳng có căn bản để có thể đoạn tuyệt).

Thật sự chẳng thể đoạn, mà cũng chẳng thể sanh khởi. Có nhiều chúng sanh ngỡ là có phiền não để có thể đoạn, cho là có pháp thù thắng để có thể tu, cho nên hư vọng sanh kiến giải “có tu tập”, hư vọng sanh kiến giải “có đoạn trừ”. Vì thế, đối với loại chúng sanh ấy, đức Phật bèn nói “có pháp để có thể tu”, “có phiền não để có thể đoạn”, như Kiến Tư Hoặc, Trần Sa Hoặc, và Vô Minh Hoặc. An lập các danh tướng ấy tức là an lập nội dung thực chất cho chúng sanh. Chư Phật Như Lai biết rõ pháp chẳng có tự tánh, vốn rỗng rang, tĩnh lặng. Vì thế, chư Phật Như Lai do thấy chúng sanh chấp trước danh tự, bèn an lập [các danh tướng] cho chúng sanh. Sau khi đã an lập, chúng sanh bèn cho là [các danh tướng ấy] có thực chất, cho nên bèn tự lấp đầy nội dung của các danh tự ấy. Chẳng hạn như một khi danh từ “phiền não” sanh khởi, chư Phật Như Lai thấy rõ “trọn chẳng có phiền não để đạt được”, nhưng hết thấy phàm phu hữu tình đều ngỡ là có phiền não. Vì sao? Sanh, lão, bệnh, tử, cầu chẳng được, yêu thương mà phải chia lìa, oán ghét mà cứ phải gặp gỡ, năm Âm lấy lòng, ba khổ, tám khổ, đủ loại khổ nạn cùng lúc sanh khởi, họ tự điền kín nội dung. Ai điền thêm nội dung vào đó? Phàm phu hữu tình tự mình điền vào! Nếu quý vị thấu hiểu phiền não chẳng có tự tánh, phiền não chẳng có gì để đạt được, sẽ liền giải thoát, không có gì để có thể đoạn, không có gì để có thể chứng.

(Kinh) Trừ diệt căn bản, cố vô y xứ. Hiền Hộ! Bỉ Bồ Tát Ma Ha Tát đương tác như thị tư duy Chư Phật Hiện Tiền tam-muội. Nhược như thị kiến chư Như Lai dĩ, bất ưng thủ trước, bất đương chấp trì.

(經)除滅根本，故無依處。賢護！彼菩薩摩訶薩當作如是思惟諸佛現前三昧。若如是見諸如來已，不應取著，不當執持。

(Kinh: Do đã trừ diệt căn bản, cho nên chẳng có chỗ để nương tựa. Nay Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát hãy nên tư duy Chư Phật Hiện Tiền tam-muội như thế. Nếu đã thấy các đức Như Lai như thế rồi, đừng nên chấp giữ, chớ nên chấp trì).

Tôi đã gặp các trường hợp thực tế như vậy không dưới dăm ba lần! Trường hợp như thế nào vậy? Tức là có người hoặc tu Quán Phật tam-muội, hoặc Niệm Phật tam-muội, hoặc trì chân ngôn, hoặc hơi tu tập pháp tu trì quán Bốn Tôn tam-muội, đạt được đôi chút tương ứng, bèn có các hữu tình vốn mẫn cảm đối với Thiền Định, thậm chí là các hữu tình yếu kém trông thấy tướng quang minh, tướng trí huệ, cho đến các tướng thiện xảo v.v... tức là các thứ diệu tướng và oai đức của người tu tập pháp ấy, sẽ ngay lập tức đến đánh lễ cung kính, cảm kích, thưa bày: “Ôi chao! Thiện tri thức ơi! Ngài tỏa ra quang minh thanh tịnh chiếu rọi thế gian”. Hạng người tu hành ấy nếu [nghe xong các lời tán thán ấy mà] chấp trước, sẽ rơi vào ma kiến. Còn nếu là người biết thiện xảo tu pháp, sẽ có thể lợi ích thế gian rộng khắp!

Kẻ bị bại diệt ở chỗ này rất đông! Nếu có các vị thiện tri thức đã từng có kinh nghiệm ấy, ngộ chính mình đã chứng pháp như thế, ngộ chính mình thật sự chứng đắc như thế, quý vị nhất định phải biết rõ đây là nhân duyên tụ tập, tức là trong sát-na quý vị trì chú hoặc quán diệu tướng của Phật, do được tương ứng mà sanh ra các quang minh. Thật ra, các quang minh ấy chẳng có thực chất! Chớ nên đắm nhiễm, chớ nên ngộ là có thật, kéo đọa thành quyền thuộc của ma, đọa vào hàm hồ tà kiến, sẽ ở trong pháp “*chẳng có gì để đắc*” mà lầm lạc tự cho là có pháp để đạt được, hư vọng dối gạt kẻ khác, sanh khởi nỗi khổ vì vọng ngữ từ vô lượng kiếp đến nay, đọa vào địa ngục Bạt Thiệt (拔舌, kéo lưỡi). Hạng người xuất gia hoặc tại gia ấy rất khổ, hư vọng tiếp nhận tín tâm của kẻ khác, hư vọng tiếp nhận người khác cúng dường, tự cho là chính mình có sở đắc, kiêu mạn, tà kiến, tự cao tự đại, tự phụ. Vì thế, chư Phật Như Lai thọ ký hạng hữu tình ấy là kẻ tăng thượng mạn, dẫn niệm Phật mà đã đánh mất cam lộ vị, đọa làm quyền thuộc của ma, ví như con voi

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

cuồng vào trong ao sen, giẫm nát nghiệp duyên của hết thầy chúng sanh!

Đối với chỗ này, đức Thế Tôn đã nhiều lượt tuyên nói, khiến cho chúng ta xa lìa nỗi hại thuộc về ma chướng này. Nếu chẳng khéo tư duy, y giáo tu trì, sẽ bị nhiều hoạn nạn. Rất nhiều kẻ tu pháp đọa lạc ngay tại chỗ này, vì sau khi đã tương ứng, thân tâm khinh an, được kẻ khác kính ngưỡng, nhất là những kẻ kính ngưỡng ấy lại còn chẳng phải là hạng bình phàm. [Kẻ kính ngưỡng] phần nhiều là người có Thiên Định, hoặc có sự cảm nhận tinh tế, nếu người [được kính ngưỡng] ấy chẳng cảnh giác, phần nhiều sẽ ở trong pháp “không có gì đề đặc” mà cho là có sở đắc. Vì sao? Vì người ấy cảm thấy khinh an, vui sướng, kẻ khác lại nói người ấy đắc Thiên Định, có diệu tướng. Do vậy, người ấy bị Âm Ma thâm nhiếp. Chư vị thiện tri thức ơi! Phải thận trọng tư duy, quan sát chỗ này, chớ nên đắm nhiễm, chớ nên chấp giữ, chớ nên tự chấp chặt!

Người niệm Phật rất dễ trụ vào chỗ này, vì trong khi tập thể niệm Phật hoặc đả thất, rất dễ xuất hiện chuyện thấy Phật, thấy diệu tướng trang nghiêm của thế giới Cực Lạc, thấy quốc độ ở phương khác, cho đến các thứ cảnh giới hy hữu khó có trong thiên giới. Hữu tình do nhiều đời đắm nhiễm, sẽ khinh suất kẻ với kẻ khác, hòng biểu lộ chính mình có công đức thù thắng, khiến cho kẻ khác sanh lòng tôn trọng và yêu mến. Khi đó, nếu có thiện tri thức có thể cảnh tỉnh quý vị [thì quý vị chẳng bị đọa lạc]. Nếu là ác duyên tiếp nối, sẽ tăng bốc lẫn nhau, ắt sẽ trầm luân, đọa lạc ngay trong ấy!

Trong Tăng chúng lẫn hàng cư sĩ đều có người tu tập siêng năng như thế mà bị đọa lạc. Vì sao? Chẳng biết xoay chuyển ở chỗ này. Kẻ chẳng chăm chỉ, do chẳng có cơ duyên tương ứng, cũng sẽ chẳng có ai quan sát quý vị. Quý vị cũng chẳng thể tỏa quang minh. Hóa ra, kẻ đó vì giải đãi mà chẳng bị hại to lớn! Phần nhiều là người tu tập chuyên cần dễ bị đọa lạc ở chỗ này, [lý do] là vì chẳng hiểu giáo lý, chánh kiến chẳng lập, Bồ Đề tâm chẳng biết, sẽ vì nhân duyên như thế mà tu tập đến nỗi bị tổn hại. Đúng là đáng tiếc! Tôi đã gặp một cư sĩ, đây là chuyện đặc biệt tàn khốc! Người ấy vì chính mình trong khi niệm Phật sau khi đã hơi có cảm giác thanh tịnh và tương ứng, lần đầu kẻ với kẻ khác, kẻ khác lộ vẻ kinh ngạc. Người ấy liền kể nhiều lần, đã kể ra rồi thì chẳng đạt được cảnh ấy nữa. Vì thế, lừa gạt người khác. Kết quả, vướng lấy quả báo rất xấu ác. Đối với hạng người học Phật kiêu ấy, kẻ khác cảm thấy mười phần thương cảm! Vì sao tu tập Phật pháp mà lại bị mắc hại như vậy? Xét ra, vẫn là vì chẳng có chánh kiến, chẳng nương theo lời dạy, chẳng

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

nương theo giáo ngôn hoàn chỉnh để hành pháp. Hành pháp Ban Châu như thế, tức Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội có một cơ chế tu hành theo thứ tự hoàn chỉnh như thế. Do vậy, trong quá trình tu tập, sẽ thường gặp chuyện như thế. Vì lẽ này, ở đây, tôi phải khá nhiều lượt nhắc nhở mọi người hãy nên chú ý.

Nói theo Tạng truyền Phật giáo, nếu ai đã thành tựu Bản Tôn (tức là đã quán tưởng thành tựu vị tôn thánh, Phật, Bồ Tát chánh yếu của pháp môn mình đang tu tập), hễ cưỡng chấp thủ hộ, sẽ đọa vào hạng hộ pháp, tức là long thiên bát bộ, chẳng thể coi là rốt ráo thành tựu an ổn. Trong Hán truyền Phật giáo, điều này được gọi là “*thừa cấp, giới hoãn*” (乘急戒緩), vì kẻ đó chẳng có giới. “*Giới*” như vừa nói đó chính là phá trừ hết thảy chấp trước, vô lậu, vô nhiễm, đó là Giới. Nói là “*thừa cấp*” vì rất khinh an, đạt được nhiều thiện xảo, bi trí thiện xảo cũng sanh khởi. Có khi thậm chí các thứ oai đức thần thông thiện xảo cũng dễ sanh khởi, nhưng chẳng có giới đức, tức là dùng tâm trí vô lậu để thủ hộ. Do chẳng có căn bản này thủ hộ, sẽ đọa nhập tri kiến ngoại đạo. Chúng ta thường gặp người nói ra cảnh giới như vậy; đối với những người ấy, nhất định chớ nên cổ vũ, khích lệ, càng chớ nên tán thán, càng chớ nên tùy thuận lời nói của kẻ ấy. Nếu làm như vậy (tức cổ vũ, tán thán tùy thuận kẻ phô trương cảnh giới), chắc chắn quý vị sẽ bị đọa lạc. Quý vị đọa lạc, kẻ đó đọa lạc, đôi bên cùng đọa lạc là vì lẽ nào? Do trong pháp “*không có gì để đạt được*”, lại cho rằng thật sự có cái để đạt được. Có nhiều cách để đoán trước tình hình này, tức là dùng sức thần thông để quan sát loại hữu tình ấy đọa nhập trong ác duyên ấy.

Vì thế, có các pháp tu chiêm sát, như Địa Tạng Chiêm Sát, Văn Thù Chiêm Sát, Quán Âm Chiêm Sát, Viên Giác Chiêm Sát, đủ loại pháp tắc chiêm sát, hồng tránh cho chúng ta bị chướng ngại và tổn hại bởi những thứ gọi là “*pháp tắc thuộc về sức cảm nhận*” hay “*sức cảnh giới*” để rồi hư vọng tự suy lường. Vì thế, quý vị cần phải tu một nghi quỹ, dùng nghi quỹ ấy để hướng dẫn lòng mong mỏi hiểu biết của chúng ta. Do sự mong mỏi hiểu biết ấy mà hướng dẫn chúng ta tu trì một pháp tắc, tu trì một nghi quỹ. Trong thế gian hiện thời, kẻ đọa lạc ở chỗ này rất đông, kẻ bị tổn hại cũng đúng là rất phổ biến. Đây là một vấn đề to lớn!

(Kính) Hà dĩ cố? Hiền Hộ! Nhất thiết chư pháp, bất khả chấp trì, do như hư không, thể tánh tịch diệt. Hiền Hộ! Thí như kim trùy,

an trí hỏa trung, thiện tác lô cảo dung tiêu luyện dã, xí nhiên độc nhiệt. Hựu như thiết hoàn, tân tùng hỏa xuất, viêm hách xí nhiên. Hữu trí chi nhân, bất ưng chấp xúc. Hà dĩ cố? Thiết lưu, kim xí, xúc tắc xí nhiên cố.

(經)何以故? 賢護! 一切諸法, 不可執持, 猶如虛空, 體性寂滅。賢護! 譬如金錘, 安置火中, 善作爐藁融消鍊冶, 熾然毒熱。又如鐵丸, 新從火出, 炎赫熾然。有智之人, 不應執觸。何以故? 鐵流金熾, 觸則熾然故。

(Kinh: Vì sao vậy? Này Hiền Hộ! Hết thấy các pháp chẳng thể chấp trì, ví như hư không, thể tánh tịch diệt. Này Hiền Hộ! Ví như trùy vàng đặt vào trong lửa, khéo thổi ống bễ để nung cho tan chảy, nóng rực tốt bậc. Lại như viên sắt nóng mới lấy từ lửa ra, nóng bỏng hừng hực, người có trí chớ nên nắm, chạm. Vì sao vậy? Sắt chảy, vàng nóng, hễ chạm vào sẽ bị thiêu đốt).

Sắt nung đỏ chẳng thể dùng tay cầm. Trên thực tế, trong nghiệp “tham, sân, si, mạn, nghi, tri kiến chẳng chánh đáng” tạo tác của chúng ta trên thế gian, cho đến nghiệp thuộc về Ngũ Cái, tức “tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ”, trong Sở Tri phiền não, lúc các thứ nghiệp chướng phiền não hiện tiền, nếu chúng ta chẳng thấu hiểu tự tánh của chúng là “*chẳng thể được*”, lại còn noi theo các pháp ấy. Như thế thì sẽ giống như dùng tay chạm vào sắt nóng đỏ, quý vị sẽ bị đốt phỏng. Trong Đại Trí Độ Luận, Long Thọ Bồ Tát đã nêu một thí dụ: Trí Đại Bát Nhã giống như một đồng tiền bằng bạc nung đỏ, tuy có giá trị, nhưng chẳng thể đưa tay nắm lấy. Cũng tức là nói quý vị chẳng thể chiếm hữu. Hễ chiếm hữu (chấp trước), sẽ bị tổn thương. Phàm phu hữu tình nếu cho rằng “có sở đắc”, cho rằng “có cái để hay biết”, cho rằng có công năng, hư vọng tự gánh vác nghiệp duyên thế tục, cho nên cùng nhau bị hại. Trong pháp tắc này, chúng ta có thể khéo quan sát, quan sát trọn khắp, [sẽ thấy] kẻ tự thổi phồng, rêu rao, kẻ tự đại, cho là chính mình có công phu, phần nhiều sẽ bị công phu làm hại, phần nhiều sẽ bị nghiệp duyên làm hại, khó tránh khỏi kiếp nạn!

(Kinh) Như thị Hiền Hộ! Bồ Tát quán Phật, bất ưng thủ trước, kỳ sự nhược thử. Thị cố, Bồ Tát quán Phật sắc thời, bất ưng sanh

trước. Như thị quán Thọ, nữ chí Hành, Thức, bất ưng sanh trước. Hựu bỉ Bồ Tát, nhược quán Giới thời, diệc bất ưng trước. Như thị quán Định, nữ chí Trí Huệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến, diệc bất ưng trước.

(經)如是賢護！菩薩觀佛，不應取著，其事若此。是故，菩薩觀佛色時，不應生著。如是觀受，乃至行識，不應生著。又彼菩薩，若觀戒時，亦不應著。如是觀定，乃至智慧解脫，解脫知見，亦不應著。

(Kinh: Như thế đó, Hiền Hộ! Bồ Tát quán Phật chớ nên chấp trước, cũng giống như thế đó. Vì vậy, khi Bồ Tát quán Sắc của Phật, chớ nên sanh chấp trước. Quán Thọ cho đến Hành, Thức cũng như thế, chớ nên sanh chấp trước. Lại nữa, vị Bồ Tát ấy khi quán Giới, cũng đừng nên chấp trước. Quán Định như thế, cho đến [quán] Trí Huệ, Giải Thoát, và Giải Thoát Tri Kiến, cũng đừng nên chấp trước).

Ở đây, đức Thế Tôn đã nói với chúng ta mười phần rõ ràng, cho đến Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến, tức Ngũ Phần Pháp Thân, chỗ nào cũng đừng nên chấp trước. Nếu chấp trước, ắt sẽ bị tổn hại. Trong tỷ dụ trùy vàng thuộc phần trước, cho đến tỷ dụ hòn sắt cũng giống như thế, khiến cho chúng ta chẳng sanh tâm chấp trước, khéo vận dụng pháp tắc “không chấp trước” để lợi ích thế gian rộng khắp. Nếu chẳng có lời dạy này của chư Phật Như Lai, chúng ta sẽ do đâu mà nhận biết tự tâm, nhận biết pháp tắc? Làm thế nào để tu tập tự tâm, tu tập pháp tắc? Vì thế, ân đức của đức Thế Tôn là ở chỗ này! Chúng ta nghe xong, khéo thủ hộ, khéo thực hiện, chớ nên ngờ pháp, càng chẳng nên báng pháp. Nếu có ngờ vực, hãy nên khéo sám hối, hãy nên khéo nhận biết, hãy nên khéo trừ bỏ!

(Kinh) Hà dĩ cố? Phù thủ trước giả, chung bất năng ly sanh tử khổ pháp. Dĩ thị khổ pháp giai do thủ trước cố.

(經)何以故？夫取著者，終不能離生死苦法。以是苦法皆由取著故。

(Kinh: Vì sao vậy? Phàm là kẻ chấp trước, sẽ trọn chẳng thể là pháp đau khổ sanh tử. Bởi những pháp đau khổ ấy đều là do chấp trước).

Những lời này đã đích xác ban cho chúng ta một lời quyết định: Hết thầy đừng nên chấp trước!

(Kinh) Thị cố, Bồ Tát quán sát như thị chư Như Lai thời, bất ưng sanh u thủ trước chi tướng. Hiền Hộ! Tuy vô thủ trước, nhiên ưng cần cầu chư Phật Thế Tôn thắng diệu công đức, sở vị Phật trí, Như Lai trí, quảng đại trí, tự nhiên trí, tự tại trí, bất tư nghị trí, nan xưng lượng trí, vô đẳng đẳng trí, Nhất Thiết Trí trí. Nhược dục cầu nhập như thị trí giả, thường đương tinh cần tư duy, quán sát Kiến Phật tam-muội dã.

(經)是故，菩薩觀察如是諸如來時，不應生於取著之想。賢護！雖無取著，然應勤求諸佛世尊勝妙功德，所謂佛智，如來智，廣大智，自然智，自在智，不思議智，難稱量智，無等等智，一切智智。若欲求入如是智者，常當精勤思惟，觀察見佛三昧也」。

(Kinh: Vì thế, khi Bồ Tát quán sát các đức Như Lai như thế, chớ nên sanh ý tưởng chấp trước. Nay Hiền Hộ! Tuy chẳng chấp trước, nhưng hãy nên siêng cầu công đức thù thắng, màu nhiệm của chư Phật Thế Tôn, như là Phật trí, Như Lai trí, trí rộng lớn, trí tự nhiên, trí tự tại, trí chẳng thể nghĩ bàn, trí khó tính kể, trí không gì sánh bằng, trí Nhất Thiết Trí. Nếu muốn cầu nhập các trí như thế, hãy nên thường siêng ròng tư duy, quán sát Kiến Phật tam-muội).

Chư Phật Như Lai đối với Nhất Thiết Chúng Trí, cho tới hết thầy Đạo Chúng Trí, dẫn khởi vô cùng danh tự. Vì hết thầy chúng sanh vô cùng, trí của chư Phật cũng vô cùng. Do danh tướng của chúng sanh vô cùng, tên gọi các trí của Như Lai cũng vô cùng. Vì sao vậy? Do hết thầy chúng sanh rốt cuộc sẽ viên mãn A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, cho nên có trí rộng lớn, trí tự nhiên, trí tự tại v.v... Trong hết thầy danh xưng của các trí, chư Phật Như Lai đều biết là chẳng thể được, tức là tuy hành mà chẳng thể chứng. Đối với pháp tắc “*chẳng thể chứng, chẳng thể*

đắc” như thế, hết thầy chúng sanh đều nên tuân theo, đều nên tu tập, đều nên ưa mến, nhưng chớ nên đắm nhiễm! Vì sao chúng ta tu tập mà chớ nên đắm nhiễm? Vận dụng mà chẳng chấp trước, đó là cơ chế màu nhiệm chẳng thể nghĩ bàn trong Phật pháp.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn vị trùng minh thử nghĩa, dĩ kệ tụng viết.

(經)爾時，世尊爲重明此義，以偈頌曰。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn vì muốn nêu rõ lại nghĩa này, bèn dùng kệ tụng để nói).

Ở đây, đức Thế Tôn theo thông lệ, dùng văn tự để trùng tuyên nghĩa này, khiến cho chúng ta qua phần văn tự ngắn gọn này, sẽ quan sát có hệ thống một lượt nữa, hồng “ôn cố, tri tân” (温故知新, ôn cái cũ để biết cái mới). Cái được gọi là Biết, thật ra là điều vốn sẵn biết, là Thi Giác hiện tiền trong Bốn Giác, là Cứu Cánh Giác an lập, là pháp vốn sẵn như vậy nơi pháp tắc. Nay chúng ta vận dụng, Thi Giác sanh khởi, chẳng rời khỏi quang minh của Cứu Cánh Giác.

(Kinh) Thí như minh kính dĩ du khí, nữ nhân trang sức diệu kỳ hình. Ngu phu u thị sanh nhiễm tâm, xứ xứ trì sinh vị cầu dục. Bĩ vô trung điền đảo tưởng, bất tri thị pháp hư vọng sanh. Bĩ dục xí hỏa chi sở thiêu, tư phụ khởi dục hoàn tự phát. Nhược hữu Bồ Tát tác thị niệm, thị danh “vô trí trước ngã tâm”.

(經)「譬如明鏡與油器，女人莊飾曜其形。愚夫於是生染心，處處馳騁爲求欲。彼於無中顛倒想，不知是法虛妄生。彼欲熾火之所燒，斯婦起欲還自發。若有菩薩作是念，是名無智著我心。」

(Kinh: Như dùng gương sáng, đồ đựng dầu, nữ nhân trang điểm soi bóng mình. Kẻ ngu do vậy tâm đắm nhiễm, chón chón theo đuổi cầu thỏa dục. Ái tưởng điên đảo nơi cái Không, chẳng biết pháp ấy hư vọng sanh. Hẳn bị lửa dục mạnh thiêu đốt, chẳng do cô kia khởi dục niệm,

*vẫn do tự hấn khởi tham dục*⁸³. Nếu có Bồ Tát nghĩ thế này: Đó là vô trí, chấp tâm mình).

Đây là dùng người trong thế gian, hoặc có thể nói là dùng chuyện dục nhiệm của hữu tình trong Dục Giới để làm tỷ dụ.

(Kinh) Bồ Đề cam lộ tại đương lai, ngã bạt chúng sanh xuất trọng khổ. Đệ Nhất Nghĩa trung vô chúng sanh, thế gian độc hữu sanh, lão, tử.

(經)菩提甘露在當來，我拔衆生出重苦。第一義中無衆生，世間獨有生老死。

(Kinh: Bồ Đề cam lộ trong tương lai, ta cứu chúng sanh thoát khổ nặng. Trong Đệ Nhất Nghĩa, không chúng sanh, chỉ riêng thế gian sanh, lão, tử).

“Đệ Nhất Nghĩa trung vô chúng sanh” (Trong Đệ Nhất Nghĩa Đệ chẳng có chúng sanh): Đây là nương vào Đệ Nhất Nghĩa Đệ để lựa chọn. Nếu chẳng chọn lựa như thế, chúng sanh sẽ khó thể tự độ. Như vào đời Đường, Tông Mật đại sư, tức vị tổ thứ năm của tông Hoa Nghiêm, đã tuyên thuyết: Tâm trí Bồ Đề có ba loại tướng là đại trí, đại bi, và đại nguyện. Nói theo đại trí thì trên là chẳng có chư Phật có thể chứng, giữa là chẳng có các pháp để có thể tu, dưới là chẳng có chúng sanh để có thể độ. Nương theo các nhân duyên ấy, sẽ biết rõ sức mạnh của đại trí. Đó là các lời lẽ mô tả tướng mạo [của trí huệ], chứ nội dung thì chỉ người có trí mới biết! “Thế gian độc hữu sanh, lão, tử” (Chỉ riêng thế gian có sanh, già, chết): Thế gian là nương theo Tục Đế mà an lập, nương theo sự công nhận của tri kiến Tục Đế [để nói].

(Kinh) Chư pháp vô hình như thủy nguyệt, khởi hữu Bồ Đề ni khả cầu.

⁸³ Theo sách Đại Phương Đẳng Đại Tập Kinh Hiền Hộ Phần Thông Nghĩa của pháp sư Thích Trí Dụ, đã giảng hai câu này như sau: “Kẻ ngu tưởng hình bóng trong gương là thật, điên đảo chấp trước. Chẳng biết hình bóng trong gương là hư vọng, chẳng thật. Kẻ ngu đó bị lừa dục thiêu đốt, thật ra lòng dục ấy chẳng phải do nữ nhân trong gương dấy lên, mà là do cứ chấp nữ nhân là thật, tâm dâm dục của hấn dấy lên vì do chính cái tâm điên đảo của chính mình tạo ra”.

(經) 諸法無形如水月，豈有菩提而可求？

(Kinh: Các pháp vô hình: Trăng trong nước. Há có Bồ Đề có thể cầu?)

Đây là dựa trên Thắng Nghĩa Đé để quan sát hết thấy các pháp, cho đến Bồ Đề. Sinh, lão, bệnh, tử là danh tự, chẳng có tự tánh. Bồ Đề cũng là danh tự, chẳng có tự tánh. Chúng sanh là danh tự, chư Phật Như Lai cũng là danh tự. Vì thế, trong Thắng Nghĩa Đé, trọn chẳng có mây trần!

(Kinh) Chúng sắc hình mạo nhược kính tượng, như huyễn, như diễm, như hư không.

(經) 衆色形貌若鏡像，如幻如焰如虛空。

(Kinh: Hình mạo các sắc: Bóng trong gương, như huyễn, nắng gợn⁸⁴, như hư không).

Chúng ta quan sát các thứ pháp giới, các loại thế gian, các loại hữu tình, các thứ tộc loại, các loại tư tưởng, các loại nghiệp tạo tác, thai sanh, thấp sanh, noãn sanh, hóa sanh các loài, chẳng thể nói trọn, đủ mọi loại tụ tập. Tướng trạng của các loài như thế đều giống như hình bóng trong gương, như huyễn, như ánh nắng gợn, như hư không. Đức Thế Tôn đối với hết thấy các pháp hữu vi, lập ra các thứ tỷ dụ, như giọt sương, như tia chớp, như mộng, như huyễn v.v... khiến cho chúng ta quán như thế. Đó là con mắt trí huệ, là chánh kiến Bát Nhã. Nếu chúng ta chẳng có con mắt trí huệ, đối với hết thấy các hành pháp, sẽ như người mù xử sự, như trong giáo điển, đức Thế Tôn đã tỷ dụ người mù sờ voi. Hết thấy các hữu tình chẳng có trí huệ nhận biết thế gian, nhận biết Phật pháp, nhận biết hết thấy các pháp tác, không ai chẳng phải là kẻ mù sờ voi! Ai nấy đều chấp một bên, chẳng thể thấy toàn thể.

(Kinh) Phàm phu trước tướng nhi thọ ky, bỉ bôi tuy phục, không, vô thật.

⁸⁴ Theo cách diễn giải trong bộ Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần Thông Nghĩa, chữ Diễm ở đây phải hiểu là Dương Diễm (陽焰) tức ảo ảnh xuất hiện khi nắng gắt, hơi nóng khiến cho các lớp không khí gần mặt đất nhìn từ xa sẽ loang loáng như có nước.

(經)凡夫著想而受羈，彼輩雖縛空無實。

(Kinh: Phàm phu chấp tướng, bị trói buộc. Họ tuy bị trói, không, chẳng thật).

Đã bị trói buộc, nhưng thật ra chẳng có gì để có thể trói buộc. Vì thế, nếu bị trói buộc thì đúng là kẻ đáng thương xót. Người trí thấy phàm phu hữu tình bị oan uổng trói buộc, sanh lòng thương xót. Vì sao sanh khởi bi tâm? Do dùng trí tâm để quan sát, cho nên sanh bi tâm. Nếu chẳng có con mắt trí huệ, lấy gì để sanh lòng bi? Đó chẳng gọi là bi, chỉ có thể là cảm thông, có tình người, thuộc về tình cảm thế gian.

(Kinh) Nhược tư trí giả chư Bồ Tát, tri thế điên đảo cố kiến chân. Liễu đạt vô nhân thùỵ thọ khổ? Bỉ tắc đương thành Vô Thượng Giác.

(經)若斯智者諸菩薩，知世顛倒故見真。了達無人誰受苦？彼則當成無上覺。

(Kinh: Nếu các Bồ Tát có trí ấy, biết đời điên đảo, thấy lẽ thật. Liễu đạt “không người”, ai chịu khổ? Vị ấy sẽ thành Vô Thượng Giác).

“Liễu đạt vô nhân, thùỵ thọ khổ? Bỉ tắc đương thành Vô Thượng Giác” (Liễu đạt “không có người” thì ai sẽ chịu khổ? Vị Bồ Tát như thế sẽ thành Vô Thượng Giác): Người còn chẳng thể được, khổ sẽ do ai mà chịu khổ? Vì thế nói “yêu ghét vốn là không, liên quan gì đến sanh tử?” Tuy là nói như thế, chúng ta tư duy nghiệp duyên hiện tiền như thế nào? Những vị có trí dùng trí quán thông đạt thế gian, lợi ích hữu tình. Kẻ ngu do đắm nhiễm, trầm luân trong thế gian, chẳng thể tự thoát ra được! Vì thế, trí bèn có trí dụng, ngu bèn có ngu dụng. Do trọn chẳng có tự tánh, mỗi pháp tự vận dụng, nhưng tất cả nguyện vọng xuất thế của chư Phật Như Lai đều là dùng hai pháp Bi và Trí để nhuần thấm thế gian!

(Kinh) Vô ý phân biệt Phật Bồ Đề, kỳ tâm bốn lai tự minh tịnh. Bất kiến sanh tử chư chỉ trước, bỉ chứng chân thật tối thắng tôn.

(經)無意分別佛菩提，其心本來自明淨。不見生死諸滓濁，彼證真實最勝尊。

(Kinh: Chẳng nghĩ phân biệt Phật Bồ Đề, cái tâm vốn sẵn tự sáng sạch. Chẳng thấy sanh tử các căn nhờ, bèn chứng chân thật tối thắng tôn).

“*Bất kiến sanh tử chư chỉ trước*” (Chẳng thấy các căn bản sanh tử): Trong Đản Kinh, Lục Tổ đã nói: “*Nếu người thật tu hành, chẳng thấy lỗi thế gian*”. Ngài thấy như thế nào? Thấy mà như chẳng thấy, tự đạt được giải thoát. Các tướng chẳng phải là tướng, liền thấy Như Lai. Loại thiện tri thức này ở đâu cũng thấy Phật, tâm chẳng vướng mắc, Vô Sanh Nhân tự nhiên an lập, dùng gì để thấy? Thấy mà như chẳng thấy, tự đạt được giải thoát. Vì thế, lợi ích rộng khắp thế gian, còn chúng ta thấy gì cũng đều là một thứ chi đó, cho nên bị sự tướng không chế, chẳng thể xuất ly. Vì sao? Chẳng có cơ hội xuất ly!

(Kinh) Nhất thiết sắc pháp chư vô lậu, bất khả phân biệt vọng dữ không. Diệt trừ chư dục giải thoát tâm, như thị tri giả, chứng tam-muội.

(經)一切色法諸無漏，不可分別妄與空。滅除諸欲解脫心，如是知者證三昧。

(Kinh: Hết thấy sắc pháp đều vô lậu, chẳng thể phân biệt vọng và không. Diệt trừ các dục, tâm giải thoát, người biết như thế chứng tam-muội).

Chúng ta siêng tu pháp tắc Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội như thế này, rất nhiều hành giả nói: “*Vì sao chúng tôi chẳng thấy chư Phật? Vì sao chúng tôi chưa thấy tam-muội?*” Thông qua việc học tập bộ kinh điển này, chúng ta sẽ có nhận biết chánh tri kiến, nhận biết pháp tắc thanh tịnh, nhận biết hoàn chỉnh về toàn thể cơ chế giáo ngôn và toàn thể hệ thống pháp tắc. Sau đó bèn tu pháp thì sẽ rất thuận tiện, như thế thì sẽ xa lìa các vô minh và sự siêng gắng vì mong “*có sở đắc*”, thấy chư Phật. Thấy chư Phật mà không chấp trước, đoạn trừ hết thấy các phiền não, đích thân chứng sức tự tại nơi pháp tánh chẳng đến, chẳng đi. Như thế thì chúng ta sẽ đạt được phương tiện trong Phật pháp.

(Kinh) Sơ niệm chư Phật vô tướng thân, hậu văn chư pháp bản thanh tịnh. Như thị tư duy vô dư niệm, chứng thứ tam-muội thành phi nan.

(經)初念諸佛無相身，後聞諸法本清淨。如是思惟無餘念，證此三昧誠非難。

(Kinh: Trước niệm thân chư Phật vô tướng, sau nghe các pháp vốn thanh tịnh. Tư duy như thế, chẳng nghĩ khác, chứng tam-muội này, thật chẳng khó!)

An lập chánh kiến, chứng tam-muội sẽ chẳng phải là chuyện khó! Chánh kiến chưa lập, hư vọng tìm tòi được mất, tự tâm mê mờ, lấy gì để tu chứng? Vì thế, phần nhiều là phải siêng khổ. Trong mấy năm nay, có nhiều vị tri thức hành pháp Ban Châu một ngày, hai ngày, bảy ngày, cho đến chín mười ngày, nhưng nói đến người chứng tam-muội, người đạt được lợi ích chân thật nơi tam-muội thì người chứng tự như, người chẳng chứng cũng tự như. “*Tự như*” gì vậy? Như pháp tắc! Nếu là người chẳng có chánh kiến, sẽ tự có lợi ích do siêng khổ. Nếu là người có chánh kiến, sẽ tự đạt được lợi ích do đúng pháp. Kẻ đạt được lợi ích do siêng khổ chính là kết nhân duyên rất sâu với pháp này. Kẻ đạt được lợi ích tương ứng là đạt được khinh an. Khinh an đúng với bi và trí, khinh an đúng với tịch tĩnh, khinh an tịch diệt. Sự khinh an ấy được chư Phật nuôi dưỡng, tức là dưỡng dục Pháp Thân huệ mạng của chúng ta, khiến cho thiện căn vốn có chín muồi, tức là công đức vốn đang hành sẽ chín muồi, đạt được sức tam-muội. Vì đây là pháp tắc tương ứng, cho nên “*như thị tư duy, vô dư niệm, chứng thứ tam-muội thành phi nan*” (tư duy như thế, chẳng nghĩ khác, chứng tam-muội này thật sự chẳng khó). Rất nhiều người hành trì pháp tắc này, điều chủ yếu nhất là bị tâm lý chướng ngại, bị nghiệp tướng chướng ngại gây mê hoặc, cũng là do tự mình gây nên hoang mang, tự lập ra chướng ngại!

(Kinh) Thường tác Không tướng nhi tư duy, tức năng diệt bỉ vi trần tụ. Bất phân biệt thành, cập dữ hoại, nhất thiết ngoại đạo thất u trung. Ư nhất thiết sắc vô phân biệt, kỳ nhãn tuy đồ, bất luy tâm.

(經)常作空相而思惟，即能滅彼微塵聚。不分別成及與壞，一切外道失於中。於一切色無分別，其眼雖睹不累心。

(Kinh: Thường dùng tướng Không để tư duy, liền diệt trừ khỏi vi trần ấy. Chẳng phân biệt thành cùng với hoại, hết thấy ngoại đạo mê trong ấy. Hết thấy các sắc chẳng phân biệt, mắt tuy trông thấy chẳng bận lòng).

“U nhất thiết sắc vô phân biệt, kỳ nhãn tuy đồ, bất luy tâm” (Đối với hết thấy các sắc chẳng phân biệt, mắt tuy trông thấy chẳng bận lòng): Đối với tâm trí đối đãi của thế gian, trong phần trước, chúng tôi đã nêu ra hai loại tỷ dụ: Tỷ dụ về rác rưởi của người khác, và tỷ dụ về của báu của chính mình. Hết thấy phàm phu không ai chẳng đắm nhiễm nơi của báu, muốn giữ lấy, muốn đạt được, dù là tự giác hay chẳng tự giác. Còn đối với chỗ được coi là rác rưởi của kẻ khác, sẽ nảy sinh nhiều lầm lỗi, nhiều suy nghĩ chẳng vừa ý. Quán người nhà, thân thuộc trong thế gian, thoát đầu cư xử với nhau phần nhiều là kính yêu, lâu sau sẽ chỉ nhớ lỗi lầm của kẻ khác, ngò vục lẫn nhau, thậm chí dè bỉu, tổn thương. Vì lẽ nào vậy? Bị sắc gây phiền lụy, bị cái Thấy gây phiền lụy, bị hai loại gánh nặng gây phiền lụy, tức là gánh nặng do trông thấy lỗi lầm của kẻ khác, cùng với gánh nặng thâm thập các thứ mà chính mình cho là pháp trân bảo! Chuyện này khiến tôi nhớ khi xưa ở Sơn Đông, nghe người ta nói chuyện: Vị cư sĩ X... có thói quen rất “tốt”, tức là “điều tốt đẹp giao về cho tôi”. Thấy điều gì tốt đẹp, liền nói “cho tôi nhé”. Thật ra, đây là biểu hiện khá rõ rệt của tánh người. Trong tập quán của con người, “điều tốt đẹp hãy giao cho tôi” là một thói quen, chúng ta sẽ tự giác hay chẳng tự giác, nhận thức như thế đó!

(Kinh) Bỉ kiến chư Phật như nhật luân, pháp giới thế gian đỉnh siêu xuất. Kỳ tâm thanh tịnh, nhãn diệc minh, tuy cần tinh tấn, thường tại Định.

(經)彼見諸佛如日輪，法界世間挺超出。其心清淨眼亦明，雖勤精進常在定。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

(Kinh: Trông thấy chư Phật như mặt trời, vượt thoát pháp giới các thế gian. Cái tâm thanh tịnh, mắt cũng sáng, tuy siêng tinh tấn, thường trong Định).

Người tinh tấn dùng sức ít, trụ trong an lạc, trụ trong khinh an, chớ nên dùng thống khổ trần lao để tinh tấn. Chư vị thiện tri thức ơi! Nguyên cho chúng ta hành pháp trong tương lai, thường được khinh an, thường hưởng pháp lạc.

(Kinh) Bỉ đắc đa văn bất khả thuyết, chứng thử tam-muội chân tư duy.

(經)彼得多聞不可說，證此三昧真思惟。

(Kinh: Đạt được đa văn chẳng thể nói, chứng tam-muội này, chân tư duy).

Trong giáo ngôn của Như Lai, có chánh tư duy, có Thiên Định tư duy, có tư duy chẳng thể nghĩ bàn. Đương nhiên là cũng có tư duy với tri kiến chẳng chánh đáng của phàm phu. Nói pháp tắc như thế, muốn cho hết thảy hữu tình phát khởi chánh tư duy chánh định. Những điều được nói trong phẩm Quán Sát này đều là tư duy đúng lý, dùng sự tiến nhập “thường ở trong Định” làm Định tướng để tư duy, tức là chánh tư duy thuộc về tam-muội. Trong các lời dạy theo thứ tự trong giáo ngôn của đức Phật thì Giới, Định, Huệ chính là pháp tắc thuộc về giáo ngôn tăng thượng rõ ràng nhất: Do Giới sanh Định, từ Định sanh Huệ. Huệ ấy chân thật vô nhiễm, là huệ thanh tịnh. Nếu chẳng có chánh tư duy quan sát thuộc tam-muội định lực ấy, chúng ta sẽ thường dựa theo tâm trí phàm phu để tư duy, quan sát. Do đó, chẳng đạt được sự thiện xảo của chánh tư duy, lời lẽ thốt ra và nghiệp tướng chúng ta phải hứng chịu đều chẳng chánh đáng, cũng có nghĩa là khó thể chánh tư duy, khó thể nói năng chánh đáng được!

(Kinh) Nhược dĩ bất kiến chứng tam-muội, nhất thiết mạn giả ung chứng tri.

(經)若以不見證三昧，一切盲者應證知。

(Kinh: Nếu coi chẳng thấy là chứng tam-muội, hết thảy kẻ mù đều chứng biết).

Ở đây, đức Thế Tôn nhắc nhở chúng ta: Chẳng phải là do không thấy Phật mà đắc tam-muội, mà cũng chẳng phải là do thấy Phật mà đắc tam-muội! Cái tâm chớ nên đắm nhiễm, chỉ lấy chuyện thấy Phật làm phương tiện tăng thượng. Tuy thấy Phật mà chẳng nhiễm, đó là sức tam-muội chân thật. Như đức Thế Tôn đã nêu một thí dụ ở đây, nếu coi “chẳng thấy” là chứng tam-muội, bất luận là vì đọa vào lý Không, do tà kiến ngoan không, do tà kiến đoạn diệt mà tư duy, hay là vì đọa vào lý Hữu, dùng chấp trước tình kiến, hay do sự tư duy của chính mình, [hễ có các thứ tư duy chẳng chánh đáng] như thế, sẽ đều chẳng thể liễu giải, chẳng thể hành trì môn tam-muội này! Nếu [chẳng thấy mà] có thể liễu giải thì hết thấy kẻ mù đã sớm chứng đắc tam-muội rồi. Vì thế, hãy nên có chánh tư duy.

Ở đây, đức Thế Tôn cũng khích lệ chúng ta “*thấy Phật mà chẳng nhiễm*”, được nghe pháp phương tiện, thiện căn chín muồi, đích thân chứng pháp tánh, dùng tánh Không duyên khởi làm pháp tắc chân thật để lựa chọn. Tức là cái được gọi là “*lâm giáo quyết trạch*”, nghĩa là đích thân đối trước các giáo huấn mà chọn lựa chân chánh, chẳng phải là hời hợt dùng tình kiến và sự nghĩ nhớ của chính mình để tư duy chọn lựa. Nếu chọn lựa [theo kiểu hời hợt] như thế ấy, sẽ có rất nhiều thay đổi: Hễ gặp duyên bèn dao động, gặp duyên bèn biến đổi. Tất cả tam-muội được đích thân chứng đắc là sự chọn lựa mười phần trọng yếu bằng chánh kiến, mà cũng là đích thân chứng được công đức và lợi ích.

(Kinh) Diệc bất dĩ kiến phi bất kiến, thị trung ngoại đạo giai mê một.

(經)亦不以見非不見，是中外道皆迷沒。

(Kinh: Cũng chẳng do thấy, chẳng không thấy, ngoại đạo đều mê muội chỗ này).

Đối với chỗ Thấy và Chẳng Thấy, ngoại đạo đều đọa vào kiến chấp Nhị Biên. Kẻ thấy sẽ tự nói công dụng của cái Thấy, kẻ chẳng thấy sẽ nói cái Lý của việc chẳng thấy; nhưng trong giáo ngôn thanh tịnh vô ngại của đức Phật Thế Tôn, đối với Thấy và Chẳng Thấy, đều đạt được sức tự tại. Nếu chẳng thấy, do thiện căn tăng thượng thành thực, sẽ tương ứng trông thấy.

Cái Thấy ấy thật sự là căn bản của vô kiến, tức cái được gọi là “*căn bản của Không Kiến*”: Được thấy chư Phật mà chẳng đắm nhiễm, nói đủ loại diệu pháp, lợi ích thế gian rộng khắp, nhưng thật sự chẳng có

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

gì để thấy. “*Thật*” ở đây là thật sự không có một pháp nào để có thể đạt được, chẳng có một vật nào để có thể nhiếp. Cho đến chẳng có vị Phật nào để có thể đắc, nhưng lợi ích rộng khắp thế gian. Chỗ này rất then chốt, chính là chỗ thiện xảo vận dụng dung thông Tục Đế và Chân Đế của chư Phật. Có nhiều chúng sanh bị mê mât ở chỗ này, đọa trong tri kiến đối đãi nhị nguyên của ngoại đạo, trong tâm chẳng thể khế hợp, chẳng thể vận dụng thiện xảo nơi pháp. Vì thế, đối với Lý, tự nói cái Lý; đối với Sự thì mỗi chuyện đều chẳng tương ứng. Do đó, chư Phật Như Lai xuất hiện trong cõi đời, tuyên thuyết, giáo hóa, chẳng ngoài khiến cho chúng ta thật sự vận dụng hiện duyên thanh tịnh này, chẳng đắm nhiễm trong hết thấy hiện duyên, khiến cho chúng sanh thoát khỏi nỗi mê hoặc nơi hiện duyên, đạt được giải thoát tự tại.

Ngoại đạo đều do tri kiến nhị nguyên đối đãi mà nầy sanh mê muội, tâm trí kém hèn. Chúng ta có thể thấy: Trong đủ loại giáo ngôn của ngoại đạo, không gì chẳng phải là có một Thượng Đế, không gì chẳng đề xưng một đấng chủ đạo, có quyền uy thống trị tuyệt đối để thống trị, tạo tác, duy trì thế gian này! Phật pháp chẳng tuyên thuyết, giáo hóa như thế! Chư Phật thật sự không có gì để có thể nhiếp, chỉ lắng nghe giáo hóa của các Ngài, chọn lựa pháp ích, đích thân thành tựu, tức là thành tựu cái được gọi là “*quán chiếu để trở về cội nguồn thanh tịnh*”. Do vậy, tâm tánh tự nhiên thông sáng, chẳng tạo tác, quang minh pháp tánh chiếu trọn khắp pháp giới, tự nhiên lợi ích rộng khắp hữu tình. Ở chỗ này, nếu chẳng lắng nghe giáo hóa của đức Phật, phần nhiều sẽ suy lường hư vọng, lập ra pháp tác hư giả, chẳng thể thật sự tương ứng, chẳng thể thật sự lợi ích thế gian.

(Kinh) Thường ly tướng tướng nhi tư duy, kiến bỉ chư Phật thanh tịnh tâm.

(經)常離相想而思惟，見彼諸佛清淨心。

(Kinh: Thường tướng là tướng để tư duy, thấy tâm thanh tịnh của chư Phật).

Ly tướng tướng được thấy Phật. Thấy Phật mà chẳng lìa tư duy thanh tịnh, [đó là] ly tướng tướng. Vì sao? Chư Phật Như Lai đều dùng tâm trí “*Không, tịnh, vô nhiễm*” để hiện thân tướng vi diệu trong mười phương cõi nước, nói pháp tác vi diệu, độ thoát hết thấy hữu tình đắm nhiễm, cho nên ly tướng thấy Phật. Kinh Kim Cang trực tiếp nhắc nhở

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

chúng ta: “*Chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai*” (Thấy các tướng chẳng phải là tướng, sẽ thấy Như Lai). Lời thành thật, lời chân thật như thế khiến cho chúng ta có pháp để nương theo, ví như khẩu quyết vậy, trực tiếp tiến nhập chỗ công đức chân thật của pháp tồn tại. Nếu thấy tướng mà đắm nhiễm, sẽ bị các tướng che lấp. Nếu thấy tướng mà sợ tướng, cũng chẳng đạt được lợi ích. Vì thế, chỗ này vi diệu rất sâu, chẳng thể nghĩ bàn! Nếu nhằm lúc suy nghĩ, sẽ có Nhị Biên để nương vào. Nếu là lúc chẳng nghĩ bàn, quang minh hiện tiền, ngay lập tức chiếu kiến. Các vị thiện tri thức ơi! Chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay, nương vào cái trí tư duy và cái tâm tư duy, sanh ra pháp tắc nhị nguyên đối đãi đã rất thuần thực. Nếu có một niệm buông bỏ kiểu tư duy đối đãi ấy, tự nhiên quang minh nơi tâm trí sẽ chiếu trọn, thấy trọn, chẳng đắm, chẳng nhiễm! Trong pháp tắc Kiến Phật tam-muội này, sự tu tập cũng giống như thế, muốn khiến cho chúng sanh vượt thoát sự trói buộc bởi Sở Tri Chướng từ vô thủy cho tới nay, sẽ chứng trọn vẹn công đức chẳng thể nghĩ bàn của Kiến Phật tam-muội, hay còn gọi là Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội!

(Kinh) Như thị kiến dĩ nhất thiết quán, tư nhân tốc thành thử tam-muội.

(經)如是見已一切觀，斯人速成此三昧。

(Kinh: Đã thấy hết thấy quán như thế, người ấy mau thành tam-muội này).

Hai câu kệ này vốn mười phần đẹp đẽ! Ly tướng tư duy, thấy cái tâm thanh tịnh của chư Phật. Ly tướng tư duy, trông thấy chư Phật mà tâm chẳng nhiễm. Quả thật là vi diệu rất sâu, chẳng nhờ vào tư duy, ngưng dứt tạo tác, liền dấy lên diệu dụng. Chư vị thiện tri thức ơi! Khi chúng ta niệm Phật, nếu dùng cái trí rành rẽ, phân minh, nếu hiểu rành rẽ rõ ràng, hiểu rõ cái hạnh vô sở đắc, sẽ tự nhiên hiểu rõ tự tâm, chẳng đắm nhiễm, sẽ có thể thấy chư Phật. Đã thấy chư Phật, bèn quay lại thực hiện sự thù hộ tâm trí thanh tịnh.

Người đời phần nhiều hễ phá tướng, sẽ liền trở thành ngoan không. Nếu thấy tướng, sẽ liền đắm nhiễm. Hai loại Biên Kiến ấy đã trở thành tập quán tư duy và tập quán ý thức đắm nhiễm của bọn chúng sanh chúng ta, thậm chí là tập quán vận dụng tạo nghiệp. Thói quen ấy khiến cho chúng sanh luân hồi chẳng ngơi trong lục đạo bao kiếp lâu xa, chẳng

có cơ hội thoát lìa! Do vậy, chúng đấng tam-muội này quả thật đã phá trừ các tướng vô nhiễm, khiến cho chúng sanh giải thoát, thấy diệu tướng và thiện căn chín muồi của chư Phật, diệu dụng vô cùng, tuy vô cùng mà vô nhiễm, tự đạt được phương tiện trí huệ, dùng pháp tắc ấy lợi ích thế gian rộng khắp, chẳng sanh tà kiến. Chư vị thiện tri thức ơi! Chúng ta nghe nói giáo ngôn thanh tịnh rất sâu của chư Phật, đừng sanh ngờ vực, hãy nên khéo tư duy, khéo quan sát, hãy nên siêng năng tư duy, siêng năng quan sát, đừng rơi vào tri kiến đăm nhiễm từ vô thủy tới nay của chính mình, cho đến cưỡng chấp Biên Kiến, khiến cho cái tâm đọa lạc.

(Kinh) Bĩ vô địa, thủy cập hỏa, phong, diệc phi Không, Giới, hiện tiền trụ. Nhược dục quán sát nhất thiết Phật, đương tưởng xử tòa diển diệu âm.

(經)彼無地水及火風，亦非空界現前住。若欲觀察一切佛，當想處座演妙音。

(Kinh: Chẳng có địa, thủy, cùng hỏa, phong, cũng chẳng Không, Giới, hiện tiền trụ. Nếu muốn quan sát hết thấy Phật, tưởng Phật trên tòa thuyết diệu âm).

“*Nhược dục quán sát nhất thiết Phật, đương tưởng xử tòa diển diệu âm*” (Nếu muốn quan sát hết thấy Phật, hãy tưởng các Ngài đang ngự trên pháp tòa, diển nói âm thanh màu nhiệm): Đây là Bồ Tát hành pháp mà chẳng hoại Sắc xứ, nhận lấy Sắc mà chẳng nhiễm, thiện căn chín muồi, mỗi phương diện đều hiển lộ oai đức.

(Kinh) Như ngã kim nhật tuyên diệu pháp, tâm nhạo pháp giả đồ ngã thân. Bĩ ưng vô phục dư tư duy, duy đương tưởng Phật thuyết pháp sự.

(經)如我今日宣妙法，心樂法者睹我身。彼應無復餘思惟，唯當想佛說法事。

(Kinh: Như ta nay nói các pháp màu, kẻ tâm thích pháp thấy thân ta. Hãy nên chẳng còn nghĩ gì khác, chỉ nên tưởng chuyện Phật thuyết pháp).

Chỉ quán diêu tướng thuyết pháp, công đức thuyết pháp, lợi ích do thuyết pháp của đức Thế Tôn, vô tướng và bất tướng; khi đó, thiện căn sẽ thành thực, thấy các tướng mà vô nhiễm, hoan hỷ nghe pháp.

(Kinh) Như thị chuyên niệm mạc tha quán, vị cầu nhược tư đa văn cố. Nhất tâm quán ngã thuyết thử Định, tổng trì chư Phật chi sở tuyên.

(經)如是專念莫他觀，爲求若斯多聞故。一心觀我說此定，總持諸佛之所宣。

(Kinh: Chuyên niệm như thế, đừng quán khác, vì cầu đa văn như thế đó. Nhất tâm quán ta nói Định này, tổng trì lời dạy của chư Phật).

Kinh Kim Cang nói tâm quá khứ, hiện tại, vị lai đều chẳng thể được, ba tâm như thế đều chẳng thể được, quý vị dùng cái tâm gì? Biết gì? Quán gì? Hành gì? Niệm gì? Ở đây, đức Thế Tôn nói “cầu đa văn” tức là muốn nghe pháp, “đa kiến Phật” (thấy nhiều Phật) tức là chánh tư duy. Khi thiện căn chín muồi, bèn muốn “thấy Phật, nghe pháp” để thành thực thiện căn. Do đó, tâm quá khứ, tâm hiện tại, tâm vị lai đều chẳng thể được, nhưng cái tâm nghe pháp hòng thủ hộ tâm trí thành thực thiện căn, tức là phương tiện để khế nhập tâm trí thanh tịnh, chẳng phải là nhân duyên khác. Vì sao? Nương theo Phật nghe pháp, sẽ vượt thoát tâm quá khứ, tâm hiện tại, và tâm vị lai. Ba cái tâm ấy chính là tâm luân hồi, tâm đọa lạc, tâm vô minh, tâm ngu si chẳng thể tự thoát ra được của chúng sanh. Ba tâm ấy tiếp nối, chính là do được hết thấy chúng sanh thủ hộ. Nếu chúng ta ưa thích thấy Phật, nghe pháp, ba tâm ấy tự nhiên phá trừ. Vì sao vậy? Thấy Phật, nghe pháp, thiện căn chín muồi, nghe đức Phật nói giáo ngôn về Đệ Nhất Nghĩa Đế rất sâu, tự nhiên thoát khỏi sanh tử luân hồi và tạo tác hư vọng.

(Kinh) Vô hữu nhất Phật tại quá khứ, diệc vô hiện thế, cập đương lai. Duy thử thanh tịnh vi diệu Thiên, bỉ bất khả ngôn chứng năng thuyết. Ngã ư tam giới vô thượng tôn, vị lợi thế gian cố đặc xuất. Niệm chứng chư Phật Bồ Đề cố, tuyên thử tam-muội vô đẳng luân. Nhược dục thân lạc cập tâm lạc, cầu Phật công đức bất tư nghị. Nãi chí chứng bỉ diệp Bồ Đề, yếu đương tu thử thắng tam-muội.

(經)無有一佛在過去，亦無現世及當來。唯此清淨微妙禪，彼不可言證能說。我於三界無上尊，為利世間故特出。念證諸佛菩提故，宣此三昧無等倫。若欲身樂及心樂，求佛功德不思議。乃至證彼妙菩提，要當修此勝三昧。

(Kinh: Chẳng có một Phật trong quá khứ, cũng chẳng hiện tại và tương lai. Chỉ thanh tịnh vì diệu Thiên này, chẳng thể nói “chứng” hay diễn tả. Ta là vô thượng trong tam giới, vì lợi thế gian, riêng xuất thế. Vì niệm chứng chư Phật Bồ Đề, mà nói tam-muội khôn sánh này. Nếu muốn thân tâm đều vui sướng, cầu công đức Phật chẳng nghĩ bàn. Cho tới chứng đắc diệu Bồ Đề, phải tu tam-muội thù thắng này).

“Nhược dục thân lạc cập tâm lạc, cầu Phật công đức bất tư nghị. Nãi chí chứng bỉ diệu Bồ Đề, yếu đương tu thử thắng tam-muội” (Nếu muốn thân tâm đều vui sướng, cầu công đức Phật chẳng nghĩ bàn. Cho tới chứng đắc diệu Bồ Đề, phải tu tam-muội thù thắng này): Đối với sự vui sướng và pháp lạc thật sự nơi thân tâm, hết thấy những người đích thân chứng pháp tắc tam-muội sẽ chẳng thể dùng lời lẽ để diễn tả trong thế gian được. Chư Phật Như Lai do muốn lợi lạc chúng sanh mà lập ra đủ loại ngôn thuyết, đủ loại thí dụ, khiến cho chúng sanh thuận theo mà khế nhập, đích thân chứng đạt sự ngưỡng mộ và yêu thích tam-muội, cho đến đích thân chứng nhập tam-muội, thọ dụng các thứ niềm vui pháp vị nơi thân tâm, xa lìa nỗi khổ vì vô minh bức bách thân tâm, khiến cho thân tâm thật sự trọn đủ trí huệ và thiện xảo. Như thế cũng là chẳng uổng thọ nhận tám thân này, chẳng cô phụ cơ chế và nhân duyên có khuyết điểm nơi sanh mạng này!

(Kinh) Dục tịnh thân quảng đa văn hải, vị chúng sanh cố đương cần cầu.

(經)欲淨深廣多聞海，為衆生故當勤求。

(Kinh: Muốn tịnh biển đa văn sâu rộng, vì các chúng sanh hãy siêng cầu).

Hết thấy các thiện tri thức học Phật đều nên dùng Tứ Hoàng Thệ Nguyên để siêng năng thủ hộ tự tâm, vượt thoát những cái gọi là Ngã,

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

chấp trước Ngã Sở (Cái thuộc về ta), cùng với chấp trước về ta, và pháp của ta. “*Chúng sanh vô biên thế nguyện độ*” là sự hướng dẫn căn bản. Dùng điều đó để hướng dẫn, hòng đoạn sạch hết thấy các phiền não, hòng tu tập trọn vẹn hết thấy các pháp tắc, hòng thành tựu Vô Thượng Bồ Đề. Vì vậy, để độ chúng sanh thành Phật, vì lợi ích thế gian mà thành Phật. Đây chính là chánh nhân thành Phật được hết thấy chư Phật tuyên diễn, là tâm trí mà hết thấy chúng sanh đã mai một.

Hết thấy hữu tình, bất luận trong pháp tắc thế gian, hay xuất thế gian, phần nhiều vì cái Ta, chẳng biết chỗ này chính là căn bản luân hồi của hết thấy thế gian. Nếu càng thêm siêng năng tu trì, càng thêm siêng năng thủ hộ [các chấp trước ấy], cũng sẽ tăng thêm cái nghiệp luân hồi và cái duyên luân hồi. Vì thế, nơi nhân địa, chư Phật Như Lai mỗi vị đều phát diệu nguyện, nguyện thù thắng để độ thoát chúng sanh, do cứu vớt chúng sanh mà lập ra thế nguyện rộng lớn, thế tu hết thấy các pháp, thế tu hết thấy đạo, thế hành hết thấy thiện xảo, thế đoạn hết thấy phiền não, do muốn độ chúng sanh, do muốn thật sự lợi ích thế gian. Tu pháp Vô Ngã thật sự là một điểm căn bản trọng yếu trong Phật pháp, cũng chính là cái được gọi là “*tu trì Bồ Đề tâm chân chánh*”, hoặc có thể nói là “*tu trì pháp tắc Bồ Đề chân chánh*”. Hết thấy phạm phu chẳng thể vượt qua chỗ này, mai một ở chỗ này, mê mất ở chỗ này, bị trói buộc ở chỗ này, thực hành cái được gọi là “*tu trì cái Ta, pháp tắc về cái Ta*” v.v... Đọa lạc trong Ngã Chấp, Ngã Sở (cái của ta), đắm nhiễm tướng thế gian. Nhưng hết thấy bậc thánh, bậc trí đã sớm thấu đạt sâu xa vô ngã, vô thường, tịch diệt, ẩn khế tự tâm nơi pháp tánh, rốt ráo hiểu rõ pháp vô tự tánh trong hết thấy các hiện duyên, quang minh cội nguồn tùy thời chiếu rạng hết thấy sự việc và hết thấy các hình tướng trong cõi đời, rốt ráo vận dụng hai pháp Bi và Trí.

Chúng ta nói người tu môn tam-muội này chẳng hoại Sắc mà được thấy chư Phật, nghe pháp vi diệu rất sâu mà xa lìa các tướng. Do xa lìa các tướng, thiện căn thấy Phật thành thực, do nghe diệu pháp rất sâu, hành rộng khắp các pháp, lợi ích trọn khắp thế gian, đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Nói “*chẳng thể nghĩ bàn*” trọn chẳng phải là khiến cho hữu tình trở lý, hoặc có tác dụng khiến cho tự tâm mê muội như nha phiến (thuốc phiện), mà là đích xác đẩy khởi một pháp có thể khiến cho chúng ta buông xuống chấp trước nặng nề, chấp trước mê muội, trở về tâm trí sẵn có, trong tâm trí thanh tịnh vận dụng điều thường được gọi là “*thiện xảo chẳng nghĩ bàn*”, cũng tức là thiện xảo chẳng tạo tác, mà cũng là thiện xảo xa lìa đối đãi, mà cũng là thiện xảo tùy thuận trí huệ quang

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 1

minh của chư Phật để an trụ. Đối với sự tùy thuận ấy, nếu có chúng sanh một niệm tùy thuận, công đức ấy chư Phật tán thán chẳng thể tận, dầu một kiếp, hai kiếp, hoặc nhiều kiếp, vẫn khó tán thán cùng tận! Vì sao vậy? Do tâm trí ấy ngang bằng với chư Phật!

(Kinh) Bĩ ưng tốc khứ chư dục trần, yếu đương tu thử thắng tam-muội. Nhược dục nhất sanh kiến đa Phật, kiến dĩ cung kính phục tư tuân.

(經)彼應速去諸欲塵，要當修此勝三昧。若欲一生見多佛，見已恭敬復諮詢。

(Kinh: Hãy nên mau trừ các dục trần, phải tu tam-muội thù thắng này. Nếu muốn một đời thấy nhiều Phật; thấy rồi cung kính, lại thưa hỏi).

“Nhược dục nhất sanh kiến đa Phật, kiến dĩ cung kính phục tư tuân” (Nếu muốn một đời thấy nhiều Phật; thấy rồi, cung kính lại thưa hỏi): Ở đây, đức Thế Tôn hướng dẫn chúng ta trong một đời, chẳng lìa khỏi thế giới này, mà có thể thấy nhiều vị Phật ở các phương khác. Đã gặp gỡ, hãy nên cung kính thưa hỏi, thưa hỏi các thứ pháp hồng trừ các nỗi nghi!

(Kinh) Bĩ ưng tốc ly vật sanh trước, yếu đương quán thử diệu tam-muội.

(經)彼應速離勿生著，要當觀此妙三昧。

(Kinh: Hãy nên mau lìa, đừng chấp trước, phải quán tam-muội nhiệm mầu này).

Dầu được nghe pháp, chớ sanh đắm nhiễm. Hãy nên quán pháp tác tam-muội vi diệu rất sâu này có công đức chân thật chẳng thể nghĩ bàn!

(Kinh) Thị xứ vô dục, phục vô sân, diệc vô ngu si dữ tật đố. Hựu vô vô minh cập nghi vãng, yếu đương trụ thử thâm tịch Thiên.

(經)是處無慾復無瞋，亦無愚癡與嫉妒。又無無明及疑網，要當住此深寂禪」。

(Kinh: Chỗ này vô dục lại chẳng sân, cũng chẳng ngu si và ghen tỵ. Lại chẳng vô minh và lưới nghi, hãy nên trụ Thiền thâm tịch này).

Đôi với nội dung của sức tam-muội này, đức Thế Tôn đã dùng thí dụ, dùng ngôn thuyết để hướng dẫn chúng ta xa lìa tạo tác, xa lìa nghĩ bàn, xa lìa đối đãi, khiến cho chúng ta tùy thuận vô tạo tác, tùy thuận chẳng đối đãi, tùy thuận chẳng nghĩ bàn, thanh tịnh an trụ, trong tâm phát sanh khinh an, thật sự tăng cao pháp lạc nơi thân tâm, xa lìa khổ hoạn tạo tác!

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh
giảng ký 1**

“Hoan nghênh ấn tống, công đức vô lượng”

**Đại Phương Đẳng Đại
Tập Hiền Hộ Kinh
giảng ký 2**

**大方等大集賢護經
講記**

Chủ giảng: Pháp sư Từ Pháp

Địa điểm: Hằng Dương Am núi Kê Túc, tỉnh Vân Nam

Thời gian: Từ 08 tháng Tám đến 04 tháng Chín năm 2006

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giảo duyệt: Đức Phong và Huệ Trang

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

(Trang trống)

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

**Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh
giảng ký 2**

大方等大集賢護經講記

慈法法師

Chủ giảng: Pháp sư Từ Pháp

Địa điểm: Hằng Dương Am núi Kê Túc, tỉnh Vân Nam

Thời gian: Từ 08 tháng Tám đến 04 tháng Chín năm 2006

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Đức Phong và Huệ Trang

11. Phẩm thứ bảy: Giới Hạnh Cụ Túc

(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần Giới Hạnh Cụ Túc phẩm đệ thất.

(經)大方等大集賢護分戒行具足品第七。

(Kinh: Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần. Phẩm thứ bảy: Giới Hạnh Đầy Đủ).

Đức Thế Tôn do nương theo giáo pháp mà xuất hiện trong cõi đời, dùng văn tự làm phương tiện truyền đạt, dùng mười hai bộ loại trong Tam Tạng để lợi ích rộng khắp hữu tình vào thời Mạt Pháp. Các thiện tri thức nương theo giáo ngôn văn tự để tùy văn nhập quán, tiêu các nghiệp tướng, thấu hiểu tâm trí, thật là thuận tiện. Đức Thế Tôn tại các địa điểm bất đồng, thuận theo nhân duyên bất đồng, ở trong hàng Thanh Văn, hoặc Bồ Tát, trưởng giả, vương giả, Bà La Môn, đủ loại chúng sanh, đối với mỗi loại, đều tuyên giảng, giáo hóa. Về sau, tôn giả Ma Ha Ca Diếp và các bậc thiện xảo hội tập kinh điển, như Thanh Văn Thượng Tọa Bộ kết tập kinh điển tại Thất Diệp Quật (Saptaparni Guha)¹, và cũng có Đại Chúng Bộ, cho đến các vị Bồ Tát thuộc các địa vị đều cùng lúc vân tập, ghi lại các thứ kinh điển do đức Phật đã tuyên thuyết, truyền bá cho đời

¹ Thất Diệp Quật là cái hang cách thành Vương Xá (nay là thành phố Rajgir, tiểu bang Bihar) chừng hai cây số. Trước khi nhập Niết Bàn, đức Phật đã ngự ở đây một thời gian. Ở nơi đó, Tam Tạng kinh điển được kết tập lần đầu do ngài A Nan trùng tuyên kinh tạng, và ngài Ưu Ba Ly trùng tuyên Luật Tạng.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

sau, khiến cho hữu tình hữu duyên trong thế gian do gặp gỡ kinh điển mà được độ thoát. Đây gọi là “*dùng mười hai bộ loại trong Tam Tạng để hóa độ hữu tình*”. Chúng ta hữu duyên, gặp được diệu điển rất sâu này, dùng nó làm pháp tắc để nương theo pháp hành trì, ắt sẽ đạt được thành tựu.

Chúng ta thấy thứ tự tiếp nối trong bộ kinh này: Trước hết là khiến cho chúng ta có chánh tư duy. Thông qua chánh tư duy, khiến cho chúng ta sanh khởi chánh tín, thọ trì, quan sát. Hiện thời, [trong phẩm này] bèn tuyên nói giới hạnh trọn đủ. Mỗi phẩm đều hướng dẫn tăng thượng, không gì chẳng nhằm hướng dẫn chúng ta thoát khỏi tướng Dị Thục Quả của chính mình từ vô thủy đến nay, thành tựu một pháp tắc vô ngã và vô úy. Các lời dạy của đức Thế Tôn đều vì khiến cho chúng ta đạt được phương tiện đại tự tại, hoặc có thể nói là thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Như thế chính là chánh nhân xuất thế duy nhất của chư Phật Thế Tôn: “*Khiến cho chúng sanh khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật, thành tựu đạo nghiệp thanh tịnh*”. Mười phương chư Phật, không vị nào chẳng dùng nguyện này để xuất thế. Hàng Phật tử chúng ta chớ có kiến giải nghi hoặc đối với điều này, hãy tùy thuận lời dạy của đức Phật, làm đệ tử chân thật của đức Phật, chánh hành Phật pháp.

(Kinh) Nhĩ thời, Hiền Hộ Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: - Hy hữu Thế Tôn!

(經)爾時，賢護菩薩復白佛言：「希有世尊！」

(Kinh: Lúc bấy giờ, Hiền Hộ Bồ Tát lại bạch cùng đức Phật rằng: - Đức Thế Tôn hy hữu).

Thế Tôn quả thật là hy hữu trong thế gian. Như Lai trọn đủ mười hiệu, tức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Mười hiệu như thế do Như Lai đã từ nhiều kiếp lâu xa tới nay siêng khổ tu trì, nhất tâm tu trì công đức và lợi ích chân thật, được mười phương chư Phật thanh tịnh lần lượt thọ ký, lần lượt truyền đạt, lần lượt chấp nhận pháp tắc thanh tịnh, trọn chẳng phải là hư huyền, trống rỗng, cũng chẳng phải là tự tánh bản sinh hư huyền. Người học Phật trong hiện thời phần nhiều đàm luận Phật tánh, tự tánh, nhưng công đức nơi mười hiệu của Như Lai do thật sự nương vào hai pháp Tu Đức và Tánh Đức mà trọn đủ, cũng là phước huệ trọn đủ, chẳng phải là lời lẽ

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

phù phiếm. Hữu tình trong thời Mạt Pháp rất nhiều kẻ học vẹt, rất hiếm người thật sự hành trì. Vì thế, phần nhiều chẳng trọn đủ phước huệ, chẳng trọn đủ thiện xảo!

Chúng ta nên thủ hộ pháp tắc ấy như thế nào? Cần phải có một cơ chế như thế này, tức là nghe pháp tu trì, nghe pháp bèn chánh hạnh. Nghe pháp rồi đích thân chứng nhập. Nghe pháp rồi thủ hộ, truyền bá. Nếu chẳng có ngôn giáo để có thể y chỉ, khó thể chánh tín pháp này, khó thể tu tập! Đối với pháp này, có nhiều kẻ nghi báng; người có thể sanh chánh tín, yêu mến thì thật là chẳng thể nghĩ bàn! Cũng có kẻ nghi báng, nhưng vì có các vị thiện tri thức siêng khổ tu tập, cho đến đúng pháp mà tu tập, hoặc liên tục truyền đạt các thứ pháp ích, họ (kẻ nghi báng ấy) dần dần sanh khởi sự ngưỡng mộ và yêu thích đối với pháp này. Chúng ta có thể nương theo kinh điển để tu tập, xác thực là chánh hạnh, chánh đạo. Các vị thiện tri thức nếu chỉ thật sự hướng đến pháp tắc này, sẽ nương theo kinh điển để hành trì, dần dần thâm nhập, ắt sẽ có thể đích thân chứng pháp ích chẳng thể nghĩ bàn của Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội.

(Kinh) Nãi hữu như tư tối thắng tam-muội. Thế Tôn! Nhược chư Bồ Tát xả gia, xuất gia, thâm tâm nhạo dục thuyết thử tam-muội, diệc đương tư duy thử tam-muội giả, bỉ đẳng ưng đương an trụ hà pháp, nhi năng tuyên thuyết, cập tư duy da?

(經)乃有如斯最勝三昧。世尊！若諸菩薩舍家出家，深心樂欲說此三昧，亦當思惟此三昧者，彼等應當安住何法，而能宣說及思惟耶？」

(Kinh: Bèn có tam-muội tối thắng như thế. Bạch Thế Tôn! Nếu các Bồ Tát bỏ nhà xuất gia, thâm tâm ưa thích muốn nói tam-muội này, cũng sẽ tư duy tam-muội này, họ nên an trụ trong pháp nào để có thể tuyên nói và tư duy?)

Hiền Hộ Bồ Tát thay cho hàng đại chúng xuất gia đặt ra câu hỏi này. Vì lẽ nào? Hết thấy hữu tình trong thời Mạt Pháp chẳng khéo khai giáo, mà cũng chẳng có người khéo khai giáo! Cũng chẳng có người khéo hỏi, khéo đáp, nhằm thuận tiện truyền lại giáo pháp, cho nên Ngài thay mặt hữu tình khai vấn, khiến cho chúng ta quen thuộc, tư duy, tu tập.

(Kinh) Phật cáo Hiền Hộ ngôn: - Hiền Hộ! Nhược hữu Bồ Tát xả gia, xuất gia, thâm nhạo quảng tuyên, phục dục tư duy như thị tam-muội giả.

(經)佛告賢護言：「賢護！若有菩薩舍家出家，深樂廣宣，復欲思惟如是三昧者。

(Kinh: Đức Phật bảo ngài Hiền Hộ rằng: - Nay Hiền Hộ! Nếu có Bồ Tát bỏ nhà xuất gia, thích rộng tuyên nói sâu xa, lại muốn tư duy tam-muội như thế).

Chúng ta nhất định phải chú ý một ngôn từ: “*Tư duy như thị tam-muội*” (Tư duy tam-muội như thế). Kinh Hiền Hộ nhắc đi nhắc lại chúng ta phải tư duy tam-muội này như thế nào!

(Kinh) Bĩ xuất gia Bồ Tát, đương tiên hộ trì thanh tịnh giới hạnh, bất khuyết giới hạnh, bất nhiễm giới hạnh, bất ô giới hạnh, bất trước giới hạnh, bất trước giới hạnh, bất động giới hạnh, bất bị ha giới hạnh, trí giả sở tán giới hạnh, thánh sở ái kính giới hạnh. Ứng đương niệm trì như thị chư giới dã.

(經)彼出家菩薩，當先護持清淨戒行，不缺戒行，不染戒行，不污戒行，不濁戒行，不著戒行，不動戒行，不被呵戒行，智者所贊戒行，聖所愛敬戒行。應當念知如是諸戒也。

(Kinh: Vị xuất gia Bồ Tát ấy trước hết hãy nên hộ trì giới hạnh thanh tịnh, giới hạnh chẳng khuyết, giới hạnh chẳng nhuốm bẩn, giới hạnh chẳng ô uế, giới hạnh chẳng nhờn bẩn, giới hạnh chẳng chấp trước, giới hạnh bất động, giới hạnh chẳng bị quở trách, giới hạnh được người trí khen ngợi, giới hạnh được bậc thánh kính yêu. Hãy nên nghĩ biết các giới như thế).

“*Hộ trì thanh tịnh giới hạnh*” (Hộ trì giới hạnh thanh tịnh): “*Thanh tịnh*” là dùng vô lậu giới thể để lợi ích rộng khắp thế gian, thủ hộ thanh tịnh. Vì thế, trong Tam Tụ Giới, mỗi tụ đều có diệu dụng riêng.

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Chư Phật Như Lai nói giới có ba tụ: Biểu hiện nơi oai nghi (Nhiếp Luật Nghi Giới) thì phần nhiều được Thanh Văn thủ hộ; biểu hiện nơi thiện pháp (Nhiếp Thiện Pháp Giới) thì Bồ Tát hành pháp phần nhiều mến chuộng; hạnh lợi tha lợi ích rộng khắp chúng sanh (Nhiều Ích Hữu Tình Giới) là pháp tối thượng thừa, phần nhiều do những người trong cõi đời hiện thời được gọi là “*hành pháp Kim Cang Thừa*” thủ hộ. Tam Tụ Tịnh Giới thật ra là do một giới hiển lộ, do một pháp tạo thành, tức là giới pháp thanh tịnh do chư Phật truyền trao. Đương nhiên, xuất gia hay tại gia, mỗi hạng người sẽ có giới tướng biểu hiện riêng.

Thanh Văn hiển hiện pháp thuần bạch qua bốn oai nghi, tức là đi, đứng, nằm, ngồi, chẳng lìa tâm trí vô lậu, chẳng tạo, chẳng tác, thủ hộ tịch diệt, coi tịch diệt là vui. Vì thế, trong pháp Thanh Văn, “*tịch diệt là vui*” chính là thủ hộ tăng thượng, đích thân chứng đoạn diệt, cho đến đích thân chứng chân thật. Đó chính là cái được gọi là “*chứng A La Hán quả, xa lìa hậu hữu (thân trong đời sau), trụ trong hai loại Niết Bàn là Hữu Dur và Vô Dur*”. Thừa này tịnh hóa thế gian, cho đến khiến cho chánh pháp có hình tướng trụ thế, biểu hiện trong bốn oai nghi. Vì thế, [pháp Thanh Văn Thừa] là pháp Thật Hữu. Trong giới hạnh của Bồ Tát, phần nhiều là diệu dụng của trí huệ trong Như Huyền Quán. Do đó, đối với tâm trí động niệm, đều dùng Bồ Đề tâm để huân tu, phần nhiều vận dụng rộng rãi nơi tâm trí, thuần thiện thế gian, để khiến cho chúng sanh liễu giải tâm trí. Từ vấn đề căn bản của tâm địa và tâm trí mà giải quyết hết thảy các pháp tác, từ huân tu tâm địa mà phát khởi diệu dụng rộng lớn. Đó là điều được nhiếp thọ trọn khắp bởi giới Bồ Tát, được nhiếp thọ bởi trí huệ môn, là điều được thiết lập và vận dụng bởi tâm niệm.

Bồ Tát giới và Thanh Văn giới tuy tên gọi khác nhau, nhưng xét theo nội dung, nếu là người có tâm Đại Thừa, tuy thọ giới Thanh Văn, vẫn có thể giữ giới Bồ Tát, có nhiều pháp thiện xảo. Nhưng cũng có khá nhiều kẻ tuy thủ hộ giới pháp Đại Thừa, nhưng tâm tánh yếu kém, phần nhiều lo tự lợi, giống hạnh của hàng “*hạ sĩ*” nói theo Tạng truyền Phật giáo. [Hạng căn tánh hạ sĩ] do sợ hãi luân hồi trong thế gian, bèn mong cầu xuất ly. Hạng hữu tình ấy tuy trì giới Bồ Tát, vẫn là cái tâm Thanh Văn. Trong cái tâm Thanh Văn ấy, đối với giới Bồ Tát, vẫn phần nhiều là hiển lộ oai nghi, phần nhiều ưa thích thể hiện oai nghi trong “*đi, đứng, nằm, ngồi*”. Nếu đã yêu thích trọn đủ oai nghi, thì cũng sẽ có tâm địa thủ hộ, người ấy chẳng thể nghĩ bàn, là người thông đạt Nhị Thừa. Người trọn đủ hai pháp Bồ Tát và Thanh Văn chính là bậc thiện xảo chẳng thể nghĩ bàn, có thể khiến cho chánh pháp trụ thế, truyền bá. Truyền bá thì

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

phần nhiều là thể hiện đức hạnh của bậc Bồ Tát. “*Trụ trì*” là an trụ trong giới đức thanh tịnh, thủ hộ bốn oai nghi. Vì thế, trụ thế và truyền bá, mỗi sự đều có diệu tướng. Trụ trì là có nhiều môn Thiền Định, hoằng truyền thì phần nhiều là dùng trí huệ để truyền đạt. Vì thế, Bồ Tát phần nhiều thủ hộ trí huệ, ít chú trọng Thiền Định. Các vị Thanh Văn thì phần nhiều chuộng Thiền Định, ít có diệu dụng trí huệ, nhưng đây chỉ là nói theo sự thiên trọng nơi các tướng.

Nếu dựa theo tâm tánh để nói, hết thảy chúng sanh vốn là Phật. Nói theo giáo ngôn thuộc về quả địa, như Thiền Tông Trung Hoa, cho đến trong giáo pháp về Như Lai Tạng Tánh, phần nhiều tuyên thuyết giáo pháp như thế. Dùng sự giác ngộ nơi quả địa để xem xét thế gian, [sẽ thấy] chẳng có một pháp nào để có thể thành, chẳng có một chúng sanh để có thể độ, cho đến chẳng có một phiền não nào để có thể đoạn. Tự tánh vốn quang minh, chẳng đắm nhiễm, nhưng dựa trên sự thủ hộ thanh tịnh của pháp cội nguồn, ngay trong hiện tiền bèn giải thoát rành rành, rất ráo chẳng vướng mắc, tâm trí giống hệt như nhau. Như giáo ngôn thuộc về quả địa trong pháp môn Tịnh Độ, nương theo nguyện lực của Phật, dùng sự giác ngộ nơi quả địa làm cái tâm trong khi tu nhân, hiện tiền khởi tác dụng, chẳng nhờ vào phương tiện, xa lìa tạo tác, chỉ tùy thuận Phật quả, chỉ tùy thuận Phật nguyện, cho nên thủ hộ thanh tịnh bình đẳng, yêu thích hết thảy hữu tình trong thế gian, cùng sanh về viên mãn báo độ A Nậu Đa La. Cái được gọi là “*viên mãn báo độ*” chẳng nhờ vào đến, đi, chẳng nhờ vào tu trì, do sức công đức của Phật mà thành tựu, do Tánh Đức và Tu Đức của Phật cùng lúc trọn đủ hồi thí, là pháp giống hệt như ông trưởng giả để lại gia sản cho con [trong kinh Pháp Hoa], chẳng nhờ vào phương tiện, tự nhiên trọn đủ. Đó là giáo pháp được hồi thí từ quả địa.

Trong giới pháp tam thừa, giáo pháp cuối cùng dùng thế nguyện để thủ hộ, như giáo ngôn Tịnh Độ dùng thế nguyện của A Di Đà Phật để nhiếp hóa mười phương hữu tình, khiến cho họ tùy thuận Phật nguyện mà được giải thoát. Đây là dùng tam-muội-da giới làm công đức chân thật, dùng chuyện lợi ích rộng khắp hữu tình làm giới pháp. Vì thế, trong tam tụ giới có Nhiều Ích Hữu Tình Giới. Có nhiều người niệm Phật lấy Phật nguyện làm sanh mạng của chính mình, người như thế thật sự là người thủ hộ tam-muội-da. Người ấy có thể yêu mến thế gian, chẳng xả hết thảy chúng sanh khổ não, hồi hướng làm đầu. “*Đầu*” là như thế nào? Tức là chọn lựa một pháp tác thanh tịnh như thế hòng làm cho hết thảy chúng sanh thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ngay trong

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

thân hiện tại. Chuyện chẳng thể nghĩ bàn rất sâu như thế chỉ có Phật và Phật mới có thể đích thân tuyên nói, hết thấy hữu tình tùy thuận lời tuyên giảng của đức Phật mà đạt được công đức và lợi ích, và cũng có thể tiến nhập pháp thiện xảo ấy!

Đối với Tam Tụ Tịnh Giới trên đây, kinh nói “*trì thanh tịnh giới hạnh*” (giữ giới hạnh thanh tịnh) ngụ ý nói đến Tam Tụ Giới ấy. Kế đó, “*bất khuyết giới hạnh*”, “*bất nhiễm giới hạnh*”, “*bất ô giới hạnh*” v.v... chính là nói theo kiểu chia chẻ giới hạnh tỉ mỉ, vì đối với mỗi điều giới đều nói lớn, nhỏ, nặng, nhẹ, và cũng nói thông thả hay cấp bách. [Để hiểu rõ những điều ấy], chẳng thể chỉ tốn công một ngày là được. Do thời gian hạn chế, chúng ta có thể học tập sau này. Ở đây, chỉ nghe danh tướng thì cũng là phương tiện.

Ở chỗ này, nhắc đến giới pháp tam thừa cũng là vì muốn khiến cho mọi người liễu giải Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội, sẽ thật sự thủ hộ sự tu trì thế nguyện. Nếu chúng ta chẳng thủ hộ thế nguyện, mà muốn nhập pháp tắc như vậy, muốn đạt được lợi ích như vậy, muốn khiến cho mười phương chư Phật thấy đều hiện tiền, muốn đối diện chư Phật để nghe pháp, muốn cho tâm trí tâm khai ý giải, sẽ không thể thành tựu được! Vì [những điều] muốn “*khiến cho*” như thế, quả thật là điều mà tam-muội cùng thủ hộ. Tam-muội do gì mà được thành tựu? Nương theo thế nguyện để an lập căn bản. Vì thế có cái được gọi là “*tam-muội-da thế nguyện*”. Đối với điều này, có nhiều chúng sanh tuy tu pháp mà chẳng biết!

Do vậy, tam-muội cũng được dẫn phát từ sự thủ hộ giới luật. Vì thế, tỳ-kheo thọ giới phải nên lập thế nguyện. Bồ Tát thọ giới cũng nên lập thế nguyện. Thế nguyện tam-muội-da giới lợi lạc trọn khắp hữu tình bất quá chỉ là danh xưng đơn giản đó thôi. Tuy là như thế, vẫn lập thế nguyện. Chúng ta muốn đạt được công đức và lợi ích chẳng thể nghĩ bàn của Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền thì cũng phải nên thủ hộ thế nguyện. “*Thanh tịnh giới hạnh*” cũng lại giống như thế!

(Kinh) Hiền Hộ! Bĩ xuất gia Bồ Tát vân hà đương đắc thanh tịnh giới hạnh? Nãi chí vân hà đương đắc thánh sở ái kính giới hạnh dã? Hiền Hộ! Bĩ xuất gia Bồ Tát ưng đương y bĩ Ba La Đề Mộc Xoa, thành tựu oai nghi, thành tựu chúng hạnh, nãi chí thành tựu vi trần số đẳng giới hạnh.

(經)賢護！彼出家菩薩云何當得清淨戒行？乃至云何當得聖所愛敬戒行也？賢護！彼出家菩薩應當依彼波羅提木叉，成就威儀，成就衆行，乃至成就微塵數等戒行。

(Kinh: Nay Hiền Hộ! Vị xuất gia Bồ Tát ấy như thế nào thì sẽ đạt được giới hạnh thanh tịnh? Cho đến như thế nào thì sẽ đắc giới hạnh được bậc thánh kính yêu? Nay Hiền Hộ! Vị xuất gia Bồ Tát ấy hãy nên nương theo Ba La Đề Mộc Xoa để thành tựu oai nghi, thành tựu các hạnh, cho đến thành tựu các giới hạnh số lượng nhiều như vi trần).

Ba La Đề Mộc Xoa (Prātimokṣa) được nhắc tới ở đây chính là Bảo Giải Thoát Giới (保解脫戒, giới bảo vệ sự giải thoát). Trong Thanh Văn Thừa, Ba La Đề Mộc Xoa rất trân quý, được hàng Thanh Văn thủ hộ, được người có cuộc sống trọn đủ các thứ phước đức thù thắng trong cuộc đời lâm tỳ vết [trên thế gian này] thủ hộ. Trong quá khứ, bậc xuất gia sa-môn rất khó có, vì sao? Phải vượt qua đủ mọi thứ ngăn trở thì mới có thể tiến nhập pháp tắc xuất gia, lãnh thọ giới giáo thanh tịnh của hàng xuất gia. Cho đến thủ hộ đủ loại oai nghi, tức cái được gọi là “*giáo ngôn Ba La Đề Mộc Xoa*”. Ba La Đề Mộc Xoa là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Các Cá Bảo Giải Thoát (các điều bảo vệ sự giải thoát), chính là giáo ngôn thanh tịnh trân bảo do đức Thế Tôn ban cho hàng xuất gia, mà cũng là giáo ngôn bí mật, khiến cho hết thầy người xuất gia biết lý do, biết duyên do, biết cái nhân gây nên phạm giới, biết cái quả do phạm giới, biết nhân, biết quả, biết sự chuyên đổi giữa nhân và quả. Vì thế, biết là phạm giới bèn biết sám hối. Công đức và nội dung của Ba La Đề Mộc Xoa chỉ có Phật và Phật mới đích thân biết; bởi lẽ, nó do đức Phật đích thân chế định, do đức Phật đích thân tuyên nói, được hết thầy hàng xuất gia yêu thích, thủ hộ. Ba La Đề Mộc Xoa rất sâu, chẳng thể nghĩ bàn! Nếu ai siêng gắng, sốt sắng thủ hộ, tu tập, người ấy sẽ là tròng mắt của trời, người, là người đáng được tam giới cúng dường.

“*Thành tựu oai nghi, thành tựu chúng hạnh*” (Thành tựu oai nghi, thành tựu các hạnh): “*Oai nghi*” thuộc vào trong Oai Nghi Giới, được biểu hiện qua bảy chi nơi thân và miệng. “*Chúng hạnh*” (Các hạnh) thuộc về Thiện Pháp Giới, tức là thiện pháp ứng trong hết thầy mọi nơi, tịnh hóa thế gian.

“*Nãi chí thành tựu vi trần số đẳng giới hạnh*” (Cho đến thành tựu các giới hạnh có số lượng nhiều như vi trần): Giới hạnh ấy chính là giới

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

hạnh trọn khắp. Nếu có các vị xuất gia Bồ Tát thọ nhận giới pháp thanh tịnh, đạt được giới thể thanh tịnh, trọn khắp hết thảy mọi nơi chẳng giết, chẳng trộm, chẳng nói dối, chẳng dâm, chẳng uống rượu, cho đến trong các thứ pháp tắc mà đều thủ hộ mỗi pháp tắc, chẳng rối loạn lẫn nhau, chân thật chẳng dối. Đó là giới đức thanh tịnh.

(Kinh) Kiến dĩ kinh bố, thanh tịnh hoạt mạng. Ư chư giới trung, đương niệm thành tựu.

(經)見已驚怖，清淨活命。於諸戒中，當念成就。

(Kinh: Thấy rồi kinh sợ, sống đời thanh tịnh. Trong các giới sẽ mong thành tựu).

Giới là căn bản của Vô Thượng Bồ Đề. Tuy mỗi thừa trong tam thừa đều thủ hộ, chẳng làm loạn lẫn nhau, nhưng chẳng thể đánh mất cái gốc “*tạo lợi ích rộng lớn cho chúng sanh*”. Đối với Giới, phải nên dấy lòng thủ hộ, yêu thích thủ hộ. Nếu buông lung thì sẽ là phá giới. Nếu đã buông lung, chính là đã nhuốm bản giới, làm ô uest giới. Vì sao? Nó sẽ nhanh chóng khiến cho giới đức tán hoại, giới thể phần nhiều bị ô nhiễm, phần nhiều chẳng được thể gian yêu chuộng, chẳng thể khiến cho chánh pháp trụ thế. Tỳ Ni (Vinaya, giới luật) có thể trụ thế, tức là Phật pháp trụ thế. Vì vậy, đức Thế Tôn căn dặn hữu tình trong thế gian: “*Sau khi ta diệt độ, hãy lấy Giới làm thầy*”.

(Kinh) Ứng tín thậm thâm bất đắc trước Nhân. Ư Không, vô tướng, vô nguyện chư pháp trung, văn thuyết chi thời, tâm bất kinh sợ, vô hữu hối hận.

(經)應信甚深不得着忍。於空無相無願諸法中，聞說之時，心不驚怖，無有悔沒。

(Kinh: Hãy nên tin rất sâu, đừng chấp trước Nhân. Đối với các pháp Không, Vô Tướng, Vô Nguyện, khi nghe nói, tâm chẳng kinh sợ, chẳng hối hận, lui sụt).

Đối với ba pháp tắc thuộc về Tam Giải Thoát là Không, Vô Tướng, Vô Nguyện, đều rất ráo yêu mến. “*Không*” là hết thảy các pháp tắc thế gian và pháp tắc xuất thế gian đều rốt cuộc là chẳng có gì để có thể đạt được, vì bản tánh của chúng là Không. Do nhận biết bản tánh vốn là Không, tự nhiên lìa bỏ hết thảy các nguyện, cho nên hết thảy thế gian

hay xuất thế gian, hết thảy phương tiện thiện xảo đồng thời tán hoại. Vì sao tán hoại? Do vốn chẳng tạo tác.

Từ trong Không, Vô Tướng, Vô Nguyên mà an trụ thanh tịnh. Đó là đạt được thành tựu trong giải thoát môn. Các vị sa-môn xuất gia ắt phải nên thủ hộ pháp giải thoát môn. Nếu không, ắt sẽ bị nhiều thứ phiền não xâm hại.

(Kinh) Hiền Hộ! Dĩ thị nhân duyên, bỉ xuất gia Bồ Tát thành tựu như thị thanh tịnh giới hạnh, bất kiến giới hạnh, bất trước giới hạnh, nãi chí thành tựu thánh sở ái kính giới hạnh dã.

(經)賢護！以是因緣，彼出家菩薩成就如是清淨戒行，不見戒行，不著戒行，乃至成就聖所愛敬戒行也。」

(Kinh: Nay Hiền Hộ! Do nhân duyên ấy, vị xuất gia Bồ Tát ấy thành tựu giới hạnh thanh tịnh, giới hạnh chẳng thấy, giới hạnh chẳng chấp trước, cho đến thành tựu giới hạnh được bậc thánh yêu kính như thế).

Khi hết thảy Bồ Tát trì giới, chẳng thấy giới, chẳng thấy trì giới, chẳng thấy phạm giới, trong lúc như thế, quang minh nơi tâm cảnh và vô lậu giới thể chân thật an trụ, vô trước giới thể thật sự thành tựu, vô vi giới thể chân thật lợi ích thế gian. Như thế thì các thứ giới pháp thanh tịnh chẳng có người trì, chẳng có kẻ phạm, thủ hộ thanh tịnh, trì giới thanh tịnh. Trì giới thanh tịnh là chẳng có tri kiến chính mình đang phạm giới hay trì giới. Vì thế, tôn trọng hết thảy, đối với người trì giới chẳng kính, đối với kẻ phạm giới chẳng sân. Thủ hộ giới pháp chân thật như thế, khiến cho chánh pháp trụ thế, tịnh hóa thế gian.

Có nhiều chúng sanh dùng cái tâm yêu ghét để trì giới, dùng cái tâm ô nhiễm để trì giới, dùng cái tâm “hữu sở đắc” (có điều gì đó để đạt được) để trì giới. Đó chính là phạm giới. Trong phần văn tự ở phía sau, đức Thế Tôn đã có tuyên thuyết thanh tịnh. Vì sao tư duy của hết thảy phạm phu chẳng tương ứng với tư duy của đức Thế Tôn? Vì cái tâm của chúng sanh đắm nhiễm. Thấy các giới hạnh, các giới hạnh ô trược, các giới hạnh bại hoại, các giới hạnh nhuốm bẩn, bèn cho là ta có giới để trì, cho là kẻ khác phạm giới. Loại hữu tình ấy phần nhiều sẽ tu trì và huân tập theo kiểu “khen mình, báng người”, sẽ mắc hại. Vì sao? Do tâm kiêu mạn, do tâm ô nhiễm, do tâm bất tịnh, do tâm hữu lậu, do tâm có nhiều

đôi đũa, do tâm trí sanh diệt. Chư Phật Như Lai tuyên nói giáo hóa thanh tịnh, giới đức thanh tịnh, thị hiện thanh tịnh cho hết thấy chúng sanh, xa lìa đôi đũa.

(Kinh) Nhĩ thời, Hiền Hộ Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Bĩ xuất gia Bồ Tát, vân hà đắc hữu như thị bất thanh tịnh giới hạnh, khuyết giới hạnh, nhiễm trước giới hạnh, ô giới hạnh, y ý giới hạnh, trí sở ha hủy giới hạnh, thánh sở bất ái giới hạnh dã?

(經)爾時，賢護菩薩復白佛言：「世尊！彼出家菩薩，云何得有如是不清淨戒行，缺戒行，染著戒行，污戒行，依倚戒行，智所訶毀戒行，聖所不愛戒行也？」

(Kinh: Lúc bấy giờ, Hiền Hộ Bồ Tát lại bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Vì sao vị xuất gia Bồ Tát ấy có giới hạnh chẳng thanh tịnh, giới hạnh thiếu khuyết, giới hạnh đẫm nhiễm, giới hạnh ô uế, giới hạnh dựa dẫm, giới hạnh bị bậc trí quở trách, chê bai, giới hạnh chẳng được bậc thánh mến chuộng như thế?)

Hiền Hộ Bồ Tát vì muốn hộ trì Phật pháp trụ thế, muốn thay cho các vị thiện tri thức xuất gia trong thời Mạt Pháp thừa hỏi các pháp tắc, khiến cho hết thấy hàng xuất gia sẽ thủ hộ giới pháp thanh tịnh, cho nên đặt ra câu hỏi này.

(Kinh) Phật cáo Hiền Hộ Bồ Tát ngôn: - Hiền Hộ! Nhược hữu xuất gia Bồ Tát thủ trước Sắc, thọ trì cấm giới, tu w phạm hạnh.

(經)佛告賢護菩薩言：「賢護！若有出家菩薩取著色，受持禁戒，修於梵行。

(Kinh: Đức Phật bảo Hiền Hộ Bồ Tát rằng: - Này Hiền Hộ! Nếu có xuất gia Bồ Tát chấp giữ Sắc, thọ trì cấm giới, tu tập phạm hạnh).

Đôi với cái gọi là Sắc, dù phạm, hay chẳng phạm, dù thiện hay ác, dù đúng hay sai, dù tốt hay xấu, đủ thứ như thế đều là đối với pháp mà sanh khởi.

(Kinh) Như thị thủ trước Thọ, thủ trước Tướng, thủ trước Hành, thủ trước Thức, thọ trì cấm giới, tu hành phạm hạnh. Tu hành dĩ, tác như thị niệm: “Ngã kim như thị trì giới, như thị khổ hạnh, như thị tu học, như thị phạm hạnh, nguyện ngã vị lai, đắc sanh thiên thượng, hoặc sanh nhân gian, tự tại hữu sanh, thọ chư quả báo”. Hiền Hộ! Dĩ thị nhân duyên, bỉ xuất gia Bồ Tát thành tựu như thị bất thanh tịnh giới, nãi chí thánh giả sở bất ái giới. Thị vị vi cầu hữu cố, vi hữu sanh cố, vi thọ dục quả cố, vi sanh xứ sở cố.

(經)如是取著受，取著想，取著行，取著識，受持禁戒，修行梵行。修行已，作如是念：「我今如是持戒，如是苦行，如是修學，如是梵行，願我未來，得生天上，或生人間，自在有生，受諸果報」。賢護！以是因緣，彼出家菩薩成就如是不清淨戒，乃至聖者所不愛戒。是謂爲求有故，爲有生故，爲受欲果故，爲生處所故。

(Kinh: Cháp giữ Thọ, cháp giữ Tướng, cháp giữ Hành, cháp giữ Thức như thế. Thọ trì cấm giới, tu hành phạm hạnh. Đã tu hành bèn nghĩ như thế này: “Ta nay trì giới như thế, khổ hạnh như thế, tu học như thế, phạm hạnh như thế, nguyện trong tương lai, ta được sanh lên trời, hoặc sanh trong nhân gian, tự tại tái sanh, thọ các quả báo”. Nay Hiền Hộ! Do nhân duyên ấy, vị xuất gia Bồ Tát ấy thành tựu giới chẳng thanh tịnh, cho đến giới chẳng được thánh nhân yêu mến như thế. Đó là vì cầu hậu hữu (thân trong đời sau), vì có sanh, vì nhận lãnh cái quả trong cõi Dục, vì cầu chỗ sẽ sanh về).

Trước đó, đã có các thứ đắm nhiễm ấy; sau đó, tất nhiên sẽ có các thứ phát tâm ấy. Do cái tâm đắm nhiễm ấy, ắt tạo nghiệp ấy. Tuy siêng rông tu trì, nhưng vì cầu quả báo trong đời sau, đó chính là cái hạnh ô nhiễm. Xét theo giới pháp và giáo pháp nhà Phật, đây là kẻ phạm giới. Vì sao? Chư Phật Như Lai xuất thế, chẳng vì tăng trưởng mạnh mẽ thế gian, chẳng vì tồn giảm thế gian, chỉ vì khiến cho chúng sanh trong thế gian xuất ly thế gian, vì lợi ích thế gian. Nếu chúng ta dùng cái tâm thế tục để tư duy Phật pháp, sẽ có nhiều hạnh ô nhiễm, có hạnh muốn cầu thân thể trong đời sau. Nếu người trì giới tham cầu lợi ích do trì giới,

người tu khô hạnh tham cầu quả báo vui sướng trong đời vị lai, người như thế bị đức Thế Tôn gọi là “*mâm cháy, hạt lép*”, chẳng phải là bậc chánh hạnh!

(Kinh) Hiền Hộ! Thị cố, bỉ xuất gia Bồ Tát niệm dục thuyết thử tam-muội, tư thử tam-muội giả, yếu đương tiên cụ thanh tịnh giới hạnh, nãi chí thành tựu thánh sở ái giới.

(經)賢護！是故，彼出家菩薩念欲說此三昧，思此三昧者，要當先具清淨戒行，乃至成就聖所愛戒。

(Kinh: Đây Hiền Hộ! Vì thế, vị xuất gia Bồ Tát ấy nghĩ muốn nói tam-muội này, suy nghĩ tam-muội này, trước hết, phải nên trọn đủ giới hạnh thanh tịnh, cho đến thành tựu giới được thánh nhân yêu mến).

Kinh văn đã dùng hai hạnh đúng pháp và phi pháp để so sánh, khiến cho chúng ta chọn lựa hạnh như pháp, bỏ đi hạnh phi pháp.

(Kinh) Diệc niệm thường hành Đản Ba La Mật, sở vị tối thắng thí, chư pháp thí, thượng thí, diệu thí, vi diệu thí, tinh diệu thí, vô thượng thí.

(經)亦念常行檀波羅蜜，所謂最勝施，諸法施，上施，妙施，微妙施，精妙施，無上施。

(Kinh: Cũng muốn thường hành Đản Ba La Mật, như là tối thắng thí, chư pháp thí, thượng thí, diệu thí, vi diệu thí, tinh diệu thí, vô thượng thí).

“*Tối thắng thí*” là bố thí giáo ngôn Đệ Nhất Nghĩa Đệ thù thắng nhất. “*Chư pháp thí*” là đối với các hữu tình hữu duyên bèn tùy cơ thí pháp, khiến cho họ trừ các nghi hoặc, thành tựu Bồ Đề. “*Thượng thí*”, “*diệu thí*”, “*vi diệu thí*” chính là tặng thượng thí pháp, cho đến nói các giáo ngôn theo thứ tự, khiến cho chúng sanh rốt ráo yêu mến. “*Tinh diệu thí*”, “*vô thượng thí*” nhằm dẫn dắt chúng sanh phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. “*Thí*” là các loại giáo pháp hồi thí Vô Thượng Bồ Đề. Vì thế nói là hoặc dùng Tài Bố Thí để hướng dẫn chúng sanh, hoặc dùng Pháp Bố Thí để hướng dẫn chúng sanh, hoặc dùng Vô Úy Bố Thí để hướng dẫn chúng

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

sanh, mục đích duy nhất là muốn khiến cho chúng sanh thành tựu Vô Thượng Bồ Đề.

(Kinh) Diệc thường dũng mãnh, tinh tấn bất hưu, bất xả trọng đấm.

(經)亦常勇猛，精進不休，不捨重擔。

(Kinh: Cũng thường dũng mãnh, tinh tấn chẳng ngơi, chẳng bỏ gánh nặng).

Hết thấy hiền thánh, người trí đã chứng đắc Bồ Đề tâm phần, Bồ Đề nghiệp phần, lìa bỏ gánh nặng. Cái được gọi là “gánh nặng” chính là gánh nặng luân hồi, gánh nặng phiền não. Ở đây, hiền thánh và người trí chia sẻ gánh nặng của chúng sanh, lợi ích rộng khắp hữu tình, dùng Đồng Sự để tu trì vì yêu mến hữu tình trong thế gian.

(Kinh) Bất vong chánh niệm, thường hành nhất tâm, chánh tín thanh tịnh, vô hữu tật đố, bất trước thế gian lợi dưỡng, danh văn, như pháp sách cầu, dĩ tế hình mạng, hằng hành khát thực, bất thọ biệt thỉnh.

(經)不忘正念，常行一心，正信清淨，無有嫉妒，不着世間利養名聞，如法索求，以濟形命，恆行乞食，不受別請。

(Kinh: Chẳng quên chánh niệm, thường hành nhất tâm, chánh tín thanh tịnh, chẳng có ghen tỵ, chẳng chấp trước lợi dưỡng và tiếng tăm thế gian, đúng như pháp tìm cầu để duy trì thân mạng, luôn hành khát thực, chẳng nhận lời thỉnh riêng).

Thờ đức Thế Tôn tại thế, có cho phép [các tỳ-kheo] nhận lời thỉnh cúng dường riêng, và có pháp Đầu Đà chẳng chấp nhận biệt thỉnh, như tôn giả Ca Diếp tùy thời khát thực, chẳng tiếp nhận biệt thỉnh.

(Kinh) Yếm ly nhân gian, nhạo A Lan Nhã.

(經)厭離人間，樂阿蘭若。

(Kinh: Chán lìa nhân gian, thích chốn tịch tĩnh).

Pháp chán lìa và pháp xuất ly tuy có sai biệt, nhưng chán lìa chính là thiện xảo và cơ sở để xuất ly. Nếu chẳng có cái tâm chán lìa và xuất ly, sẽ rất khó thành tựu. Nói “*xuất ly*” tức là chẳng đối đãi, xa lìa trần nhiễm của thế gian. Muốn thành tựu cái tâm xuất ly ấy thì chán lìa chính là phương tiện.

(Kinh) Tôn sùng thánh chủng, kính sự Đầu Đà, tức thể ngữ ngôn, dẫn luận xuất thế, xử chúng tĩn mặc, giả ngôn bất đa, thường kính w tha, bất cảm khinh mạn.

(經)尊崇聖種，敬事頭陀，息世語言，但論出世，處衆靜默，假言不多，常敬於他，不敢輕慢。

(Kinh: Tôn sùng dòng thánh, vâng giữ hạnh Đầu Đà, dứt bất ngôn luận thế gian, chỉ luận đàm xuất thế, ở trong đại chúng mà yên lặng, ít nói, kiệm lời, thường kính trọng người khác, chẳng dám khinh mạn).

Những điều này đều thật sự khiến cho chúng ta đúng như thật quán chiếu hành vi của chính mình, là giáo pháp trực tiếp nhất để kiểm điểm hành vi của chính mình.

(Kinh) U nhất thiết thời, thường hành tâm quý.

(經)於一切時，常行慚愧。

(Kinh: Trong hết thảy các thời, thường giữ lòng hổ thẹn).

Chúng ta đều biết: Trong Tùy Phiền Não thì Vô Tàm, Vô Quý, Phóng Dật, và Giải Đãi là thượng phẩm Tùy Phiền Não. Hữu tình trong đời Mạt Pháp phần nhiều chẳng hổ thẹn, đối với pháp tánh phần nhiều có giải ngộ, bèn ngỡ là đã chứng. Vì thế, đối với giáo ngôn của Như Lai, bèn dùng kiến giải của chính mình, phần nhiều tạo thành tà kiến, tà tri. Thật ra là kiêu mạn, chẳng hiểu biết gì!

(Kinh) Hữu ân tất tri, tri ân tất báo.

(經)有恩必知，知恩必報。

(Kinh: Có ân ắt biết, biết ân ắt báo).

Trên báo bốn trọng ân, hết thầy chúng xuất gia đều được bốn trọng ân thâm nhiếp. Đức Phật dạy bảo chúng ta, cho nên có Phật ân. Sư trưởng dạy bảo chúng ta, nên có ân sư trưởng. Quốc độ chuyên chở chúng ta, cho nên có ân chuyên chở. Đối với các loại ân, hẳn đã biết, sẽ chẳng thể quên: Hết thầy đàn-na hữu tình (thí chủ) như mẹ, dưỡng dục chúng ta. Chúng ta “*tri ân tất báo*” (biết ân, ắt báo) như thế nào?

(Kinh) U thiện tri thức, thường niệm thân cận.

(經)於善知識，常念親近。

(Kinh: Đối với thiện tri thức, thường nghĩ thân cận).

Chẳng giải đãi.

(Kinh) Chư sư tôn sở, cẩn sự vô vi.

(經)諸師尊所，謹事無違。

(Kinh: Đối với các bậc sư tôn, kính cẩn phụng sự, chẳng trái nghịch).

Hàng xuất gia đối với chỗ thọ giáo phải nên cẩn thận, chớ nên chống trái. Thật sự là rèn luyện cái tâm cung kính và tâm cảm ơn của chính mình. Ở đây, chỉ có sự Tự Thọ Dụng được hiển hiện, các duyên khác chỉ là trợ duyên. Cho nên hết thầy thiện tri thức là tăng thượng trợ duyên.

(Kinh) Nhược văn như thị thậm thâm kinh điển, chuyên tâm thính thọ, chung vô bì yếm. U pháp sư sở, khởi từ phụ tâm, thiện tri thức tâm, nãi chí sanh u chư Như Lai tướng.

(經)若聞如是甚深經典，專心聽受，終無疲厭。於法師所，起慈父心，善知識心，乃至生於諸如來想。

(Kinh: Nếu nghe kinh điển rất sâu như thế, chuyên tâm nghe nhận, trọn chẳng mệt chán. Đối với pháp sư, khởi tâm tưởng như cha lành, tâm coi như thiện tri thức, cho đến sanh tâm coi họ như các đức Như Lai).

Tương như thế chính là chánh tư duy thiện xảo. Trong giáo ngôn của đức Thế Tôn, nhất là trong kinh Địa Tạng, đã ghi chép khá nhiều câu chuyện: Có nhiều hữu tình trong thế tục vốn nhiều thiện căn, do gặp gỡ phàm phu Tăng mà thành tựu thánh quả, cũng có nghĩa là nhờ vào ngoại duyên, tuy [các vị tăng ấy] chẳng phải là thánh nhân, nhưng cũng có thể khiến cho họ thành tựu. Huống hồ được gặp vị thầy có thể nương theo pháp mà truyền đạt, nương theo pháp để trao đổi ư? Vì thế, nếu đối với thầy mà sanh tâm tưởng thầy như là Như Lai, quả thật là diệu dụng nơi tự thân.

(Kinh) Dĩ vi như thị vi diệu pháp cố, thành tựu Vô Thượng Đại Bồ Đề cố, chuyển tăng ái kính, tôn trọng tâm cố.

(經)以爲如是微妙法故，成就無上大菩提故，轉增愛敬，尊重心故。

(Kinh: Do vì diệu pháp như thế, vì thành tựu Vô Thượng Đại Bồ Đề, vì càng tăng thêm lòng yêu kính, lòng tôn trọng).

Cái tâm tôn trọng thật sự chẳng phải là quá khứ, hiện tại, vị lai, chẳng trong, chẳng ngoài, chẳng tự, chẳng tha, chỉ dựa theo cái tâm chân thật, cung kính, mà có thể cầu hết thấy các pháp, thành tựu hết thấy các thiện xảo. Vì thế, trong Câu Xá Luận, Thiên Thân Bồ Tát đã đề ra bốn pháp tu, tức là cung kính tu, vô gián tu (tu chẳng gián đoạn), vô nhiễm tu, tất mạng tu (畢命修, tu cho đến hết đời). Trong đó, cung kính tu chính là pháp tu hàng đầu, là pháp tắc trọng yếu đứng đầu. Nếu chúng ta chẳng biết cung kính, phần nhiều sẽ chẳng đạt được pháp ích, chẳng tăng trưởng thiện căn, tâm trí bế tắc. Hữu tình thời Mạt Pháp do ý thức cưỡng chấp, bế tắc, phần nhiều tự phụ là đã tự chứng, tự cho là đúng, cũng có lắm kẻ ngỡ mình là quý báu, xâm phạm lẫn nhau, húng chịu nhiều họa hại. Học Phật mà nếu chỉ tăng thêm tri kiến, kẻ đó sẽ đọa lạc vì chẳng có pháp hạnh. Chúng ta phải nương theo pháp để hành, chớ nên chỉ tăng thêm tri kiến. Như thế thì sẽ khéo đạt được pháp ích, khéo thủ hộ pháp tắc. Nhưng trong thời đại này, chúng ta trao đổi văn tự, trao đổi hình ảnh, trao đổi pháp tắc hết sức thuận tiện, nhưng kẻ nghe pháp rất nhiều, người hành trì thật ít! Kết quả là do đa văn mà tăng thượng mạn, do đa văn mà bế tắc tự tâm, do đa văn mà độc hại cả mình lẫn người, tức là nghe mà chẳng hành, dấu nghe mà chẳng biết, nghe xong tăng thêm tà

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

mạn. Nghe xong rồi dùng ý riêng để lý giải, tức là cho rằng kiến giải của chính mình là chánh xác, đâm ra bẻ tắc tự tâm, chẳng thể đắc vô ngại trí, đối với pháp tắc thanh tịnh, chẳng thể đích thân chứng đắc, tu tập. Vì thế, bị nhiều họa hại bởi tri kiến. Đó là công nghiệp của đời Mạt Pháp khiến thành ra như thế.

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Nhược bỉ Bồ Tát hoặc thời chí u Thanh Văn nhân sở, văn thuyết như thị thậm thâm kinh pháp, bỉ pháp sư sở vô ái kính tâm, vô tôn trọng tâm, bất sanh từ phụ tướng, bất sanh thiện tri thức tướng, bất sanh chư Phật tướng, bất sanh giáo sư tướng, bất năng thân cận, thừa sự, cúng dường, tùy u hà sở, văn thị kinh điển. Đương tri thị nhân bất năng thính thọ, thư tả, giải thuyết, linh pháp cứu trụ. Như thị chi nhân, nhược năng thính thọ, nhược năng thư tả, nhược năng giải thuyết, linh pháp cứu trụ, vô hữu thị xứ!

(經)復次賢護！若彼菩薩或時至於聲聞人所，聞說如是甚深經法，彼法師所無愛敬心，無尊重心，不生慈父想，不生善知識想，不生諸佛想，不生教師想，不能親近承事供養，隨於何所，聞是經典。當知是人不能聽受，書寫解說，令法久住。如是之人，若能聽受，若能書寫，若能解說，令法久住，無有是處！

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Nếu vị Bồ Tát ấy hoặc có lúc đến chỗ của hàng Thanh Văn, nghe nói kinh pháp rất sâu như thế, đối với vị pháp sư ấy chẳng có tâm yêu kính, chẳng có tâm tôn trọng, chẳng sanh ý tướng như cha lành, chẳng tướng là thiện tri thức, chẳng sanh tâm tướng như chư Phật, chẳng sanh tâm tướng như thầy dạy, chẳng thể thân cận, thừa sự, cúng dường, ở nơi đó được nghe kinh điển ấy. Hãy nên biết người ấy chẳng thể nghe nhận, biên chép, giải nói, khiến cho pháp tồn tại lâu dài. Người như thế, nếu có thể nghe nhận, nếu có thể biên chép, nếu có thể giải nói, khiến cho pháp tồn tại lâu dài thì chẳng có lẽ ấy!)

Ở đây, đức Thế Tôn đã nêu bày hai loại pháp hạnh: Một là phi pháp hạnh, hai là như pháp hạnh, để chúng ta quan sát, chọn lựa.

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Nhược bỉ Bồ Tát hoặc phục chí u Thanh Văn nhân sở, văn thuyết như thị tăng thượng diệu pháp, bất sanh ái kính tâm, bất sanh tôn trọng tâm, nãi chí bất sanh chư Phật tướng, bất năng tận tâm thân cận, cúng dường giả, nhược năng độc tụng, nhược năng thọ trì, nhược năng giải thuyết, linh thị kinh điển bất tốc diệt giả, vô hữu thị xứ! Hà dĩ cố? Dĩ bất tôn trọng thị kinh điển cố. Thị cố, tư pháp bất cứu tất diệt.

(經)復次賢護！若彼菩薩或復至於聲聞人所，聞說如是增上妙法，不生愛敬心，不生尊重心，乃至不生諸佛想，不能盡心親近供養者，若能讀誦，若能受持，若能解說，令是經典不速滅者，無有是處！何以故？以不尊重是經典故。是故，斯法不久必滅。

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Nếu Bồ Tát ấy lại đến chỗ của hàng Thanh Văn, nghe nói diệu pháp tăng thượng như thế, chẳng sanh tâm kính yêu, chẳng sanh tâm tôn trọng, cho đến chẳng sanh tâm tướng như Phật, chẳng thể trọn hết tâm lực thân cận, cúng dường, mà nếu có thể độc tụng, nếu có thể thọ trì, nếu có thể giải nói, khiến cho kinh điển ấy chẳng bị mau chóng diệt mất, chẳng có lẽ ấy! Vì sao vậy? Do chẳng tôn trọng kinh điển ấy. Vì thế, pháp ấy chẳng lâu sau ắt bị diệt mất).

Chúng ta là kẻ diệt pháp, hay là kẻ khiến cho pháp được lưu truyền lâu dài trong cõi đời? Hoàn toàn do chúng ta có thể nghe pháp chánh hành hay không? Tức là nghe pháp rồi bèn y pháp hành trì.

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Nhược bỉ Bồ Tát hoặc phục chí u Thanh Văn nhân sở, văn thuyết như thị vi diệu kinh điển, sanh ái kính tâm, sanh tôn trọng tâm, cập khởi giáo sư tướng, chư Như Lai tướng, thân thừa cúng dường, tức năng thính thọ, diệt năng thư tả, phục năng giải thuyết, năng linh thị kinh cứu trụ lợi ích, tư hữu thị xứ.

(經)復次賢護！若彼菩薩或復至於聲聞人所，聞說如

是微妙經典，生愛敬心，生尊重心，及起教師想，諸如來想，親承供養，即能聽受，亦能書寫，復能解說。能令是經久住利益，斯有是處。

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Nếu vị Bồ Tát ấy đến chỗ hàng Thanh Văn, nghe nói kinh điển vi diệu như thế, sanh lòng yêu kính, sanh tâm tôn trọng, và tưởng như giáo sư, tưởng như các Như Lai, đích thân, thừa sự, cúng dường, liền có thể nghe nhận, cũng có thể biên chép, lại có thể giải nói, sẽ có thể khiến cho kinh này tồn tại lâu dài, lợi ích, ắt có lẽ ấy).

Ở đây, hướng dẫn cho chúng ta thủ hộ như thế, tu tập như thế, yêu mến pháp tắc này như thế. Tất cả những lời tuyên giảng của đức Phật dùng hai loại như pháp và phi pháp để tuyên nói, khiến cho chúng ta được thấy, được nghe, có thể vận dụng. Do vậy, phương tiện của đức Thế Tôn rất thiện xảo, nêu bày thanh tịnh đúng pháp và phi pháp [là như thế nào]. Trong khi chúng ta học tập, lựa chọn, phải nên nhận thức rõ ràng đúng pháp và phi pháp. Các chúng sanh tri kiến hỗn loạn, ngỡ phi pháp là đúng pháp, cho nên tuy hành pháp mà chẳng đạt được lợi ích, phần nhiều mắc hại. Nếu chúng ta quan sát tỉ mỉ, [sẽ thấy] phần nhiều là hành pháp chẳng đúng pháp như thế đó, dùng pháp ô nhiễm để hành trì giới pháp, dùng cái tâm ô nhiễm để hành pháp. Do vậy, phần nhiều chẳng tương ứng!

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Nhược bỉ Bồ Tát phục u Thanh Văn nhân sở, văn thuyết như thị vi diệu kinh điển, tức u bỉ sở, sanh tôn trọng tâm, như chư Phật tướng, thân cận, thừa sự, cung kính cúng dường giả, như thị chi nhân, tuy vị tu học như thị kinh điển, tức vi tu tập. Tuy vị giải thích, tức vi giải thuyết, linh thị diệu pháp cứu trụ thế gian, bất hủy, bất diệt, tư hữu thị xứ.

(經)復次賢護！若彼菩薩復於聲聞人所，聞說如是微妙經典，即於彼所，生尊重心，如諸佛想，親近承事，恭敬供養者，如是之人，雖未修學如是經典，即為修習。雖

未解釋，即爲解說，令是妙法久住世間，不毀不滅，斯有是處。

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Nếu Bồ Tát ấy lại ở chỗ hàng Thanh Văn, nghe nói kinh điển vi diệu như thế, liền đối với người đó, sanh tâm tôn trọng, tưởng như chư Phật, thân cận, thừa sự, cung kính cúng dường, người như vậy tuy chưa tu học kinh điển như thế, mà chính là tu tập. Tuy chưa giải thích, mà chính là giải nói, khiến cho diệu pháp ấy tồn tại lâu dài trong thế gian, chẳng hủy, chẳng diệt. Có lẽ như thế ấy!)

Ở đây, phải nên thủ hộ. Vì sao đức Thế Tôn phải giảng hai thứ pháp tắc đúng pháp và phi pháp, và hai thứ pháp tắc hợp lẽ và chẳng hợp lẽ cặn kẽ như thế? Vì muốn khiến cho chúng ta đối với tự tâm đừng tự phụ, đừng tự phụ kiến giải của chính mình. [Nếu tự phụ] như thế, sẽ chẳng tương ứng với pháp, phần nhiều sẽ húng nhận các pháp ủy khuất, mê muội! Có nhiều chúng sanh siêng khổ hành phi pháp, đúng là kẻ đáng thương, tự cho là đúng, chẳng y giáo để hành, thật sự là kẻ mù hành sự mù quáng! Cổ nhân nói là “*manh nhân kỳ manh mã*” (người mù cưỡi ngựa đui), kết quả cứ suy ra sẽ tự biết!

(Kinh) Hà dĩ cố? Dĩ năng ái kính tôn trọng pháp cố. Thị cố, thử kinh cứu trụ thế gian. Hiền Hộ! Dĩ thị nhân duyên, ngô kim ngữ như: Thị nhân u thị thuyết pháp sư sở, sanh ái nhạo tâm, sanh kính trọng tâm, sanh tôn quý tâm, khởi thiện tri thức tướng, khởi giáo sư tướng, khởi chư Phật tướng, tận tâm thừa sự, cung kính cúng dường dã. Hiền Hộ! Nhược năng như thị, thị tắc danh vi hành ngã sở hành, thọ ngã giáo giới dã. Phục thứ Hiền Hộ! Bỉ xuất gia Bồ Tát tất dục giải thuyết như thử tam-muội. Phục dục tư duy thử tam-muội giả, thường đương nhạo hành A Lan Nhã sự.

(經)何以故？以能愛敬尊重法故。是故，此經久住世間。賢護！以是因緣，吾今語汝：是人於是說法師所，生愛樂心，生敬重心，生尊貴心，起善知識想，起教師想，起諸佛想，盡心承事，恭敬供養也。賢護！若能如是，是則名爲行我所行，受我教誡也。復次賢護！彼出家菩薩，

必欲解說如此三昧。復欲思惟此三昧者，常當樂行阿蘭若事。

(Kinh: Vì sao vậy? Do có thể yêu kính, tôn trọng pháp. Vì thế, kinh này tồn tại dài lâu trên thế gian. Đây Hiền Hộ! Do nhân duyên ấy, ta nay bảo ông: Người ấy đối với vị thầy thuyết pháp, sanh tâm yêu mến, sanh tâm kính trọng, sanh tâm tôn quý, khởi ý tưởng coi như thiện tri thức, khởi ý tưởng coi như giáo sư, khởi ý tưởng coi như Phật, tận tâm thừa sự, cung kính cúng dường. Đây Hiền Hộ! Nếu có thể như thế thì gọi là hành các điều ta hành, tiếp nhận lời răn dạy của ta. Lại đây Hiền Hộ! Vị xuất gia Bồ Tát ấy ắt muốn giải nói tam-muội như thế, lại muốn tư duy tam-muội này, sẽ thường thích làm các chuyện thuộc về A Lan Nhã).

“A Lan Nhã sự” là xả hai thứ ồn náo nơi chính mình và ồn náo do duyên khác đem lại. Đối với chuyện A Lan Nhã, có chuyện nói theo sự tưởng, chẳng hạn như chúng ta ở nơi núi sâu rừng thẳm, xa lìa thành, ấp, thôn, xóm. Đó là chỗ A Lan Nhã. Cũng có thể nói theo pháp tắc, tức là người thành tựu thủ hộ tâm trí A Lan Nhã, tâm trí xa lìa ồn náo, tâm trí nhàn tĩnh, người ấy được gọi là “nhàn nhân” trong Phật pháp. [Nếu tâm trí xa lìa ồn náo, nhàn tĩnh], nơi tụ hội đều là chỗ A Lan Nhã, do tâm trí nhàn tĩnh, do chẳng nhiễm trước, do chẳng nắm níu, tâm trí nhất thời, nhất như. Đó là người thành tựu tâm trí A Lan Nhã. Vì thế, có nơi chốn A Lan Nhã, và có pháp tắc thành tựu nơi chốn A Lan Nhã. Ở đây, hai chuyện ấy bổ trợ lẫn nhau!

(Kinh) Bất đắc cư xử tụ lạc, thành ấp. Xả ly bằng đảng, đa cầu chi xứ. Bất tham y thực, bất đắc trừ tụ cốc mễ, thực cụ. Bất đắc thọ súc tài vật, sanh tư. Bất đắc tham cầu danh văn, lợi dưỡng. Bất tích trọng mạng, thường niệm xả thân.

(經)不得居處聚落城邑。舍離朋黨，多求之處。不貪衣食，不得貯聚穀米食具。不得受畜，財物生資。不得貪求名聞利養。不惜重命，常念捨身。

(Kinh: Chẳng được ở trong thôn xóm, thành, ấp. Lìa bỏ bè đảng và chỗ nhiều tham cầu. Chẳng tham cơm áo, chẳng được tích trữ gạo,

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

thóc, đồ ăn. Chẳng được nhận lấy, cất chứa tiền tài, các vật dụng sinh hoạt. Chẳng được tham cầu tiếng tăm, lợi dưỡng. Chẳng tiếc quý thân mạng, thường nghĩ xả thân).

Trụ xứ A Lan Nhã có hai pháp nên hành. Trước kia, khi chúng tôi ở trong núi, có thiện tri thức dạy chúng tôi hai hạnh sau đây, tức là hạnh xả thân và hạnh xả thức. Trước là xả cái thân, đến chỗ A Lan Nhã, hoặc là chỗ hang động có La Sát sống, hoặc là vách đá cheo leo, hoặc nơi có cây to, hoặc bên hang thẳm, các chỗ hiểm trở, chỗ khó khăn. Ở tại chỗ hiểm nạn, mà chẳng có tai nạn, có thể hành pháp tắc để thủ hộ. Đối với chuyện xả thân ở đây, [phải hiểu] xả thân chẳng phải là tự sát! Nhưng nếu có La Sát muốn ăn thân này, có thể giao ra sanh mạng cúng dường, khiến cho quý ấy được nghe lời dạy về Đệ Nhất Nghĩa Đề. Xả thân này để thí giáo ngôn tôi thượng thừa, cho đến xả thức, chẳng câu nệ hết thảy các pháp, chẳng câu nệ hết thảy các chỗ. Hiện thời, người trụ A Lan Nhã rất ít, có nhiều người né tránh thế gian. Nếu là người có tâm trí thật sự tịch tĩnh, xa lìa ồn náo, chẳng hướng tới danh lợi, chẳng tham cầu quả báo danh lợi trong vị lai, thật sự hướng đến pháp tắc, sẽ được gọi là người cư trụ tại A Lan Nhã.

(Kinh) Viễn ly tham trước, hằng tu tử tưởng, thường hành tà quý.

(經)遠離貪著，恆修死想，常行慚愧。

(Kinh: Xa lìa tham đắm, luôn tưởng như đã chết, thường giữ lòng hổ thẹn).

Rất nhiều người đã đọc truyện ký của ngài Mật Lặc Nhật Ba (Milarepa)², trong ấy, có khá nhiều cách tu trì tà quý, cho đến xả thân

² Jetsun Milarepa (1052–1135) là một vị đại hành giả thành tựu (Mahasiddha) của Phật giáo Tây Tạng. Ngài sanh trong một gia đình giàu có ở miền Tây xứ Tây Tạng. Khi cha Ngài mất sớm, chú và thím Ngài đã tìm mọi cách tước đoạt gia sản, khiến cho mẹ, bản thân Ngài và em gái đều khôn cùng. Căm thù, Ngài bỏ nhà, tìm học thuật phù thủy, dùng phù chú giết chết chú, thím. Say máu trả thù, Ngài giết chết rất nhiều người. Sau đó, Ngài hối hận sâu xa, xin theo học với đại dịch giả Marpa, chịu rất nhiều thử thách, và bị hành hạ rất khắc nghiệt. Chẳng hạn, tôn giả Marpa bắt Ngài xây một cái tháp ba tầng, xây xong, bắt phá tan rồi xây lại. Bất cứ chuyện lớn nhỏ gì, Milarepa cũng đều bị đánh, chửi thậm tệ. Cuối cùng, sau nhiều năm, Marpa chấp thuận và dạy pháp cho Ngài. Đến lúc đó, Marpa mới cho biết ông cố ý hành hạ như

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

đề tu trì. Trong trụ xứ A Lan Nhã, các thiện tri thức phải nên siêng tu pháp này. Đối với Ban Châu tam-muội hạnh, cũng nên tư duy như thế, quan sát như thế, tu trì như thế.

(Kinh) Bất tạo chư ác, nhiếp thọ chánh pháp, vô hữu nghi tâm, thường niệm viễn ly, bất thủ chúng tướng. Đương tu từ tâm, vật hoài hiềm oán. Thường khởi từ bi, vô hành sân khuể, an tâm hỷ xả, mạc tưởng ái tăng. Thường đương kinh hành, phá trừ Thụy Cái. Hiền Hộ! Xuất gia Bồ Tát nhược năng an trụ như thị pháp hạnh, tắc năng tu học, giải thuyết, tư duy như thị Niệm Phật Hiền Tiền tam-muội dã.

(經)不造諸惡，攝受正法，無有疑心，常念遠離，不取衆相。當修慈心，勿懷嫌怨。常起慈悲，無行瞋恚，安心喜舍，莫想愛憎。常當經行，破除睡蓋。賢護！出家菩薩若能安住如是法行，則能修學解說，思惟如是念佛現前三昧也」。

(Kinh: Chẳng tạo các ác, nhiếp thọ chánh pháp, chẳng có tâm nghi, thường nghĩ xa lìa, chẳng giữ lấy các tướng. Hãy nên tu từ tâm, đừng ôm lòng hiềm oán. Thường dậy lòng từ bi, chẳng dậy lòng sân hận, an tâm nơi hỷ xả, đừng nghĩ đến yêu ghét. Hãy thường nên kinh hành, phá trừ cái chướng mê ngủ. Nay Hiền Hộ! Xuất gia Bồ Tát nếu có thể an trụ trong pháp hạnh như thế, sẽ có thể tu học, giải nói, tư duy Niệm Phật Hiền Tiền tam-muội như thế).

Trong phần trước, Hiền Hộ Bồ Tát đã thay mặt đại chúng xuất gia khải thỉnh giáo pháp, đức Thế Tôn đã như thật giải đáp pháp tắc đó.

vậy đề tiêu trừ nghiệp chướng cho Milarepa. Sau khi đắc pháp, nhất là pháp môn Lục Du Già của Naropa, Milarepa lui về ẩn tu trong một sơn cốc, sống khổ hạnh, và cuối cùng chứng ngộ, trở thành bậc đại hành giả về nhiều Mật Pháp. Những bài thơ của Ngài diễn tả sự chứng ngộ được phổ thành ca khúc và lưu truyền rất rộng rãi. Một đệ tử đắc pháp của Ngài là Gamgopa đã truyền thừa pháp mạch của Ngài, đặc biệt là pháp Đại Thủ Ấn (Mahamudra). Các môn đệ của Gamgopa đã lập nên tông phái Kargyupa (một trong bốn tông phái lớn nhất của Phật giáo Tây Tạng). Trong đó, tôn giả Dusum Khyenpa, đệ tử của Gamgopa, đã sáng lập chi phái Karma Kargyupa và trở thành Karmapa đời thứ nhất. Chi phái Karma Kargyupa là chi phái lớn nhất trong phái Karyupa.

(Kinh) Nhĩ thời, Hiền Hộ Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: - Hy hữu Thế Tôn! Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, sở thuyết kinh điển, thậm thâm, thậm thâm, tối thắng vi diệu, bất khả tư nghị. Nhiên bỉ vị lai chư Bồ Tát đẳng, giải đãi, lãn mạn, tuy vẫn như thị thâm diệu kinh điển, sanh đại khủng bố, kinh nghi thoái một, bất phát hoan hỷ, ái nhạo chi tâm. Bỉ đẳng đương phục tác như thị niệm: “Ngã kim đương ưng dư chư Phật sở, nãi khả tu tập như thị kinh điển. Sở dĩ giả hà? Ngã kim tự tri đa chư chướng nạn, thân ngộ bệnh khổ, khí lực thậm vi, ninh kham tu hành như thị kinh điển?”

(經)爾時，賢護菩薩復白佛言：「希有世尊！如來、應供、等正覺，所說經典，甚深甚深，最勝微妙，不可思議。然彼未來諸菩薩等，懈怠懶惰，雖聞如是深妙經典，生大恐怖，驚疑退沒，不發歡喜，愛樂之心。彼等當復作如是念：「我今當應餘諸佛所，乃可修習如是經典。所以者何？我今自知多諸障難，身遇病苦，氣力甚微，寧堪修行如是經典？」

(Kinh: Lúc bảy giờ, Hiền Hộ Bồ Tát lại bạch cùng đức Phật rằng: - Hy hữu Thế Tôn! Kinh điển do Như Lai Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đã nói rất sâu, thật sâu, vi diệu thù thắng nhất, chẳng thể nghĩ bàn. Nhưng các vị Bồ Tát trong đời vị lai giải đãi, lười nhác, tuy nghe kinh điển sâu mầu như thế, lại sanh lòng sợ hãi to lớn, kinh hoảng, ngờ vực, lui sụt, chẳng phát tâm hoan hỷ và yêu thích. Họ sẽ lại còn nghĩ như thế này: “Ta nay hãy nên từ chỗ nơi các đức Phật khác tu tập kinh điển như thế. Vì sao vậy? Ta nay tự biết [chính mình] nhiều chướng nạn, thân gặp bệnh khổ, khí lực hết sức yếu ớt, há kham nổi tu hành kinh điển như thế ư?”)

Do thân thể yếu kém, lắm chướng duyên, bèn chẳng tu hành pháp này. Chúng ta thường gặp những kẻ có kiêu suy nghĩ đúng như Hiền Hộ Bồ Tát đã nói. Trong một tài liệu thống kê những người hành pháp Ban Châu tại Đài Loan đã chỉ rõ: Tại Đài Loan, nhiều người mắc bệnh nan y hành pháp này, chẳng hạn như các bệnh nhân ung thư v.v... Trên thực

tế, pháp này hết thảy mọi người đều có thể hành, chỉ cần lìa bỏ các duyên, muốn chứng Chư Phật Hiện Tiền tam-muội, thì sẽ có thể hành trì, nhưng người đời Mạt Pháp, thân tâm yếu kém, phước báo chẳng đủ, hễ hơi thoái đọa, nhân duyên hành pháp sẽ chẳng đủ. Đối với chuyện này, chúng ta phải nên khéo quan sát.

(Kinh) Thế Tôn! Bĩ bối như thị, u thậm thâm pháp, cánh sanh phóng xả, viễn ly chi tâm, bất năng phát cần dũng mãnh, tinh tấn, nhạo dục thành tựu như thị kinh điển. Thế Tôn! Nhĩ thời, diệc đương hữu chư Bồ Tát tinh tấn cần cầu, chuyên niệm chi giả, ái nhạo thị pháp, khuyến trì thị pháp, nhiếp thọ thị pháp. Nhược chư pháp sư thuyết thị pháp giả, u thị pháp trung, như pháp hành cố, năng xả thân mạng, bất trước danh văn, bất cầu lợi dưỡng, bất tự tuyên thuyết kỹ thân công năng, bất nhiễm y bát.

(經)世尊！彼輩如是，於甚深法，更生放舍，遠離之心，不能發勤勇猛精進，樂欲成就如是經典。世尊！爾時，亦當有諸菩薩精進勤求，專念之者，愛樂是法，勸持是法，攝受是法。若諸法師說是法者，於是法中，如法行故，能捨身命，不著名聞，不求利養，不自宣說己身功能，不染衣鉢。

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Hạng người ấy như thế, đối với pháp rất sâu, lại sanh lòng buông bỏ, xa lìa, chẳng thể phát tâm siêng năng, dũng mãnh, tinh tấn, mong muốn thành tựu kinh điển như thế. Bạch Thế Tôn! Lúc bấy giờ, cũng sẽ có các Bồ Tát là người tinh tấn siêng cầu, chuyên niệm, yêu mến pháp này, khuyến trì pháp này, nhiếp thọ pháp này. Nếu các pháp sư nói pháp này, do ở trong pháp này đúng như pháp mà hành, có thể xả thân mạng, chẳng chấp trước tiếng tăm, chẳng cầu lợi dưỡng, chẳng tự tuyên nói công năng của chính mình, chẳng nhiễm y bát).

“Bất nhiễm y bát” tức là chẳng biểu lộ thiện duyên do mình đã hành, hay công đức do trì giới, cho nên nói là “bất tuyên kỹ năng” (chẳng tuyên nói năng lực của chính mình).

(Kinh) Bất nhạo thành ấp, thường thú không nhàn sơn lâm tĩnh xứ. Kỳ hoặc văn thị vi diệu pháp cố, sanh đại hoan hỷ, cánh đương cụ túc, phát cần tinh tấn, thính thọ như thị vi diệu pháp môn. Thường đọc tụng cố, thường niệm trì cố, tư duy nghĩa cố, như thuyết hành cố, bỉ đẳng u vị lai thể chư Như Lai sở, phi đồ trực dục cầu bỉ đa văn, diệc vô đản cầu tại u hữu xứ.

(經)不樂城邑，常趣空閒山林靜處。其或聞是微妙法故，生大歡喜，更當具足，發勤精進，聽受如是微妙法門。常讀誦故，常念持故，思惟義故，如說行故，彼等於未來世諸如來所，非徒直欲求彼多聞，亦無但求在於有處。

(Kinh: Chẳng thích thành, ấp, thường đến chỗ tĩnh tịch nơi núi rừng thanh vắng. Hoặc do nghe pháp vi diệu này mà sanh lòng hoan hỷ to lớn, hãy nên phát tâm siêng năng, tinh tấn trọn đủ, nghe nhận pháp môn vi diệu như thế. Do thường đọc tụng, do thường niệm trì, do tư duy ý nghĩa, do hành đúng như lời dạy, trong đời vị lai, họ sẽ ở chỗ các đức Như Lai không chỉ là mong cầu đa văn, mà cũng chẳng chỉ cầu phước báo nơi thân sau).

Hai pháp đa văn và hữu xứ (mong có thân sau) chính là điều tham ái của hữu tình trong đời Mạt Pháp. Trong đại chúng xuất gia và tại gia học Phật hiện thời, người đa văn thì nhiều, người hành pháp rất hiếm hoi. Chúng ta có thể quan sát chung quanh, có thể quan sát tự tâm, tùy tiện tìm một vị xuất gia học Phật hay kẻ tại gia, nếu thuyết pháp thì ai nấy tựa hồ như Phật chẳng ngăn ngại, nhưng nói đến hành pháp, ai nấy đều chẳng được! Người tương ứng mười phần thừa thớt, kẻ đa văn quá u là nhiều! Chúng ta có thể y giáo quan sát, đừng dùng tự tâm, tự mạn để quan sát! “*Diệc vô đản cầu tại u hữu xứ*” nghĩa là chẳng cầu phước báo nơi thân sau. Kẻ hành các thiện duyên mà mong cầu thiện báo hay lạc báo (quả báo vui sướng) trong vị lai rất u là đông, nhưng người chẳng cầu phước báo trong đời sau, lợi ích thế gian xuất ly luân hồi rộng khắp, hết sức thừa thớt! Đừng nói ai khác, hãy tự xét bản thân chúng ta, [sẽ thấy chính mình phạm lỗi tham cầu y hệt]. Đây là tướng trạng trong thời Mạt Pháp.

(Kinh) Duy vị thành tựu chư công đức cố, thường niệm cần cầu, tinh tấn, dũng mãnh. Thế Tôn! Nhiên phục ưng hữu vãng tích dĩ tăng

cúng dường chư Phật, túc chủng thiện căn chư thiện nam tử, thiện nữ nhân bồi, phát đại tinh tấn, vị vãng như thị vi diệu pháp cố, cánh phát như thị đại thệ trang nghiêm: “Nguyện ngã đương đắc cần kiệt cơ phu, tán cốt, tiêu tủy, xí nhiên thân tâm, khổ hạnh bất tức, tất dục thành tựu như thị diệu điển. Chung vô tạm thời giải đãi, lãn nọa, nhi bất thính vãng vi diệu thắng pháp. Diệc vô bất tư thậm thâm nghĩa lý, phục vô xả tha, bất vị tuyên thuyết. Nhi thường dũng mãnh, hành đại tinh tấn, đản vị nhiếp thọ chư Bồ Tát cố, thính vãng Như Lai như thị diệu điển. Văn dĩ, tức tiện sanh hoan hỷ tâm”.

(經)唯爲成就諸功德故，常念勤求，精進勇猛。世尊！然復應有往昔已曾供養諸佛，宿種善根諸善男子善女人輩，發大精進爲聞如是微妙法故，更發如是大誓莊嚴：願我當得幹竭肌膚，散骨消髓熾然身心，苦行不息，必欲成就如是妙典。終無暫時懈怠懶惰，而不聽聞微妙勝法。亦無不思甚深義理，復無舍他，不爲宣說。而常勇猛，行大精進，但爲攝受諸菩薩故，聽聞如來如是妙典。聞已，即便生歡喜心」。

(Kinh: Chỉ vì thành tựu các công đức, thường nghĩ siêng cầu, tinh tấn, dũng mãnh. Bạch Thế Tôn! Nhưng lại có các hàng thiện nam tử, thiện nữ nhân xưa kia đã từng cúng dường chư Phật, gieo các thiện căn từ trước, phát đại tinh tấn, do được nghe pháp vi diệu như thế, bèn phát đại thệ trang nghiêm như thế này: - “Nguyện con sẽ khô cạn da thịt, nát xương, tiêu tủy, thân tâm hừng hực, khổ hạnh chẳng ngơi, ắt muốn thành tựu kinh điển màu nhiệm như thế, trọn chẳng tạm thời giải đãi, lười nhác chẳng nghe pháp thù thắng vi diệu. Cũng chẳng hề không suy nghĩ nghĩa lý rất sâu, lại chẳng bỏ người khác, chẳng vì họ tuyên nói. Lại thường dũng mãnh, hành đại tinh tấn, chỉ vì nhiếp thọ các vị Bồ Tát, lắng nghe kinh điển màu nhiệm của Như Lai. Nghe xong, liền sanh tâm hoan hỷ”).

Đối với thệ nguyện đại trang nghiêm trong đoạn văn tự này, chúng ta hãy nên quan sát, siêng năng thủ hộ, chẳng thể lìa bỏ! Nếu lìa bỏ, đối với pháp này, khó thể thành tựu được!

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn tán bĩ Hiền Hộ Bồ Tát ngôn: “Thiện tai! Thiện tai! Như nhữ sở thuyết, ngã kim tùy hỷ. Hiền Hộ! Ngã tùy hỷ cố, nhất thiết tam thế hàng hà sa đẵng chư Phật Thế Tôn, giai diệt tùy hỷ”. Thời, bĩ Hiền Hộ Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: - Nhược hữu tại gia Bồ Tát, xử u thế gian, văn thị tam-muội, dục tự tư duy, tức vị tha thuyết, nãi chí nhất nhật, hoặc kinh nhất dạ. Thị nhân an trụ kỹ chủng hành pháp, đương đắc thành tựu Tư Duy tam-muội, vị tha thuyết dã?

(經)爾時，世尊贊彼賢護菩薩言：「善哉！善哉！如汝所說，我今隨喜。賢護！我隨喜故，一切三世恆河沙等諸佛世尊，皆亦隨喜」。時，彼賢護菩薩復白佛言：「若有在家菩薩，處於世間，聞是三昧，欲自思惟，即爲他說，乃至一日，或經一夜。是人安住幾種行法，當得成就思惟三昧，爲他說也？」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn khen ngợi Hiền Hộ Bồ Tát rằng: “Lành thay! Lành thay! Đúng như ông đã nói, ta nay tùy hỷ. Nay Hiền Hộ! Do ta tùy hỷ, hết thấy các đức Phật Thế Tôn trong ba đời nhiều như số cát sông Hằng cũng đều tùy hỷ”. Khi ấy, Hiền Hộ Bồ Tát lại bạch cùng đức Phật rằng: - Nếu có tại gia Bồ Tát, ở trong thế gian, nghe tam-muội này, muốn tự tư duy, liền vì người khác nói, cho đến trong một ngày, hoặc trải qua một đêm. Người ấy an trụ trong mấy loại hành pháp thì sẽ được thành tựu Tư Duy tam-muội này, vì người khác tuyên thuyết?)

Chúng ta thấy rất rõ ràng: Trong phần trước, Hiền Hộ Bồ Tát thay mặt đại chúng xuất gia thưa hỏi đức Thế Tôn [chúng con phải nên] dùng gì để vận dụng, thủ hộ, tu tập Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiện Tiền tam-muội? Nay Ngài thay mặt hàng tại gia Bồ Tát hỏi vấn.

(Kinh) Phật ngôn: - Hiền Hộ! Bĩ tại gia Bồ Tát xử u thế gian, nhược dục tu tập Tư Duy tam-muội, hoặc nhất nhật, nhất dạ, nãi chí nhất câu ngu nhữ thời giả, ngô kim ngữ nhữ: Bĩ tại gia Bồ Tát ký cư

thế gian, đương ưng chánh tín, bất khởi xan tham, thường niệm hành thí, tùy đa thiếu thí, đương nhất thiết thí, bất cầu quả báo, ưng quy y Phật. Hựu quy y Pháp, diệc quy y Tăng, bất sự thiên thần, diệc vô lễ bái. Bất sanh tật đố, thường niệm tùy hỷ, đương tu thanh tịnh, như pháp hoạt mạng, bất ái nhi nữ, bất trước thê thiếp, bất nhiễm cư gia, bất đam tài bảo, thường nhạo xuất gia. Niệm trừ tu phát, tu Bát Quan Trai, hằng trụ già-lam, thường hoài tâm quý, phát Bồ Đề tâm, bất niệm dư thừa. Kiến hữu trì giới thanh tịnh tỳ-kheo, tu phạm hạnh giả, chung vô điều hý, thường hành cung kính, từng thù vãn học như thử tam-muội. Đương u sư sở, sanh ái kính tâm, khởi tôn trọng tâm, thiện tri thức tướng, sanh giáo sư tướng, khởi chư Phật tướng. Nhất thiết chúng cụ, tất dĩ phụng chi. Thường đương thức ân, hằng tư báo đức, dĩ năng giáo ngã vi diệu pháp cố.

(經)佛言：「賢護！彼在家菩薩處於世間，若欲修習思惟三昧，或一日一夜，乃至一穀牛乳時者，吾今語汝：彼在家菩薩既居世間，當應正信，不起慳貪，常念行施，隨多少施，當一切施，不求果報，應歸依佛。又歸依法，亦歸依僧，不事天神，亦無禮拜。不生嫉妒，常念隨喜。當須清淨，如法活命，不愛兒女，不著妻妾，不染居家，不耽財寶，常樂出家。念除鬚髮，修八關齋，恆住伽藍，常懷慚愧，發菩提心，不念餘乘。見有持戒清淨比丘，修梵行者，終無調戲，常行恭敬，從誰聞學如此三昧。當於師所，生愛敬心，起尊重心，善知識想，生教師想，起諸佛想。一切衆具，悉以奉之。常當識恩，恆思報德，以能教我微妙法故。

(Kinh: Đức Phật nói: - Nay Hiền Hộ! Vị tại gia Bồ Tát ấy ở trong thế gian, nếu muốn tu tập Tư Duy tam-muội, hoặc một ngày, một đêm, cho đến trong khoảng thời gian vắt sữa bò, ta nay bảo ông: Vị tại gia Bồ Tát ấy đã ở trong thế gian, hãy nên chánh tín, chẳng dấy lòng keo tham,

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

thường nghĩ bố thí, dẫu thí nhiều hay ít, đều nên thí cho hết thầy, chẳng cầu quả báo, hãy nên quy y Phật. Lại quy y Pháp, và cũng quy y Tăng, chẳng thờ thiên thần, mà cũng chẳng lễ bái [thiên thần]. Chẳng sanh ghen ghét, thường nghĩ tùy hỷ. Hãy nên tu thanh tịnh, đúng như pháp mà sống, chẳng yêu con cái, chẳng chấp trước thế thiếp, chẳng nhiễm đời sống tại gia, chẳng đăm đuối của cải, thường thích xuất gia. Nghĩ trừ bỏ râu tóc, tu Bát Quan Trai, luôn ở nơi già-lam, thường ôm lòng hổ thẹn, phát Bồ Đề tâm, chẳng nghĩ tới các thừa khác. Thấy có tỳ-kheo trì giới thanh tịnh, người tu phạm hạnh, trọn chẳng đũa bõn, thường luôn cung kính, theo vị ấy nghe học tam-muội như thế. Hãy nên đối với thầy, sanh tâm kính yêu, dấy lòng tôn trọng, tưởng như thiện tri thức, tưởng như thầy dạy, dấy tâm tưởng như chư Phật. Hết thầy các vật đều dùng để dâng hiến. Thường nên biết ân, luôn nghĩ báo đức, do vị ấy có thể dạy ta pháp vi diệu).

Chẳng phải là vô duyên có đức Thế Tôn khen ngợi, tán dương sự vi diệu của Phật pháp, mà vì lợi ích thực tế của Phật pháp có thể thật sự khiến cho chúng ta thoát lìa khổ não vì sanh tử, sự mê hoặc của sanh tử, khổ não vì phiền não, sự mê hoặc của phiền não, sự khổ não của Kiến Tư, sự mê hoặc của Kiến Tư. Thật sự tiến nhập tự tại, tự biết đạo nghiệp Bồ Đề, cho đến viên mãn A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, lợi ích rộng khắp trời, người! Do đó, nghe diệu pháp vi diệu thù thắng này quả thật chẳng thể nghĩ bàn!

“Khởi tôn trọng tâm, thiện tri thức tưởng, sanh giáo sư tưởng, khởi chư Phật tưởng. Nhất thiết chúng cụ, tất dĩ phụng chi, thường đương thức ân, hằng tư báo đức” (Dấy lòng tôn trọng, tưởng như thiện tri thức, tưởng như thầy dạy, dấy tâm tưởng như chư Phật. Hết thầy các vật đều dùng để dâng hiến. Sẽ thường biết ân, luôn nghĩ báo đức), đây thật sự là nhằm dẫn phát tâm trí chúng ta thật sự tôn trọng, tự tôn (tự tôn trọng chân tâm của chính mình) đúng như thật. Hết thầy các ngoại duyên đều là tăng thượng duyên phụ trợ để chọn lựa hồng phát tâm. Hết thầy các pháp tắc trọn đủ tự thọ dụng và tha thọ dụng tuyệt đối xuất phát từ phát tâm.

(Kinh) Hiền Hộ! Bĩ tại gia Bồ Tát xử tục chi thời, ưng trụ như thị chư pháp hạnh dĩ. Nhiên hậu, giáo thị như thị tam-muội, như thị tư duy, như thị tu tập.

(經)賢護！彼在家菩薩處俗之時，應住如是諸法行已。然後，教示如是三昧，如是思惟，如是修習」。

(Kinh: Nay Hiền Hộ! Vị tại gia Bồ Tát ấy lúc ở trong thế tục, hãy nên trụ trong các pháp hạnh như thế. Sau đây, chỉ dạy tam-muội như thế, tư duy như thế, tu tập như thế).

Trong phần trước đã nói “*thường nghĩ xuất gia*”, cho đến Bát Quan Trai Giới, phát Bồ Đề tâm, chẳng nghĩ tới các thừa khác, chỉ tu hành tinh tấn nơi pháp này, do nghe pháp mà sanh ý tưởng tôn trọng, [khởi lên] các thứ [tâm tưởng] như thế. Sau đó là “*giáo thị như thị tam-muội, như thị tư duy, như thị tu tập*” (chỉ dạy tam-muội như thế, tư duy như thế, tu tập như thế).

(Kinh) Thời, bĩ Hiền Hộ Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: - Hy hữu Thế Tôn! Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, kim nãi vị bĩ xuất gia, tại gia chư Bồ Tát bồi chánh tín thành tựu, nhạo thâm pháp giả, tuyên thuyết như thị vô thượng diệu pháp, linh trụ như thị vô lượng pháp hạnh. Nhiên hậu, đương đắc tư duy, giải thuyết như thị tam-muội.

(經)時，彼賢護菩薩復白佛言：「希有世尊！如來、應供、等正覺，今乃為彼出家在家諸菩薩輩正信成就，樂深法者，宣說如是無上妙法，令住如是無量法行。然後，當得思惟，解說如是三昧。

(Kinh: Lúc bảy giờ, Hiền Hộ Bồ Tát lại bạch cùng đức Phật rằng: - Hy hữu Thế Tôn! Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác nay vì các vị xuất gia, tại gia Bồ Tát chánh tín thành tựu, ưa thích pháp sâu, tuyên nói vô thượng diệu pháp như thế, khiến cho họ trụ trong vô lượng pháp hạnh như thế. Sau đây, sẽ được tư duy, giải nói tam-muội như thế).

“*Vô thượng diệu pháp*”: “*Vô thượng*” là chẳng có đối đãi, chẳng có tạo tác. Pháp thì mỗi pháp đều có diệu dụng, chẳng nhiễm, chẳng chấp, khiến cho chúng sanh thoát khỏi tất cả trầm luân trong thế gian, như hữu tình trong Dục Giới phần nhiều trầm luân trong các pháp đối

đãi mà chẳng hay biết, lăm điều phải chọn lựa, lăm quân trong thiện ác. Như hữu tình Sắc Giới phần nhiều đắm nhiễm trong sự thủ hộ Thiên Định, thậm chí dùng Thiên Định làm chỗ y chỉ cho sanh mạng. Như hữu tình trong Vô Sắc Giới thường thủ hộ Phi Tướng Phi Phi Tướng Định. Đó đều là nghiệp tướng của lục đạo luân hồi. Người có thể vượt thoát tam giới là do có diệu pháp, cho nên “*vô thượng diệu pháp*” có thể khiến cho hữu tình trong thế gian thoát lìa tam giới, chẳng hoại tam giới, lợi ích hữu tình rộng khắp. Kẻ thoát khỏi tam giới, chẳng bị tam giới câu thúc, chẳng bị tam giới trói buộc. Nếu chẳng bị thiện ác trói buộc, sẽ có thể tự tại xuất ly Dục Giới. Nếu chẳng bị đắm nhiễm bởi Thiên Định, sẽ xuất ly Sắc Giới, cho đến Vô Sắc Giới. Pháp như thế là trí huệ thanh tịnh chẳng nhiễm, chẳng chấp trước, là pháp tác an lạc thanh tịnh trực tiếp thoát khỏi tam giới. Do vậy gọi là “*diệu pháp*”.

(Kinh) “Thế Tôn! Như Lai diệt hậu, như thị tam-muội, u Diêm Phù Đề, năng quảng hành phử?” Phật cáo Hiền Hộ Bồ Tát ngôn: - Hiền Hộ! Ngã diệt độ hậu, thử tam-muội kinh, u Diêm Phù Đề, tứ thiên niên trung quảng hành u thế, nhi hậu ngũ bách niên, mạt nhất bách tuế trung, chánh pháp diệt thời, tỳ-kheo hành ác thời, phỉ báng chánh pháp thời, chánh pháp phá hoại thời, trì giới tổn giảm thời, phá giới xí thịnh thời, chư quốc tương phạt thời, đương tư chi tế, phả hữu chúng sanh xí nhiên thiện căn, vãng tích dĩ tăng thân cận chư Phật, cúng dường, tu hành, thực thiện chủng tử, vị bỉ chư trượng phu bồi đắp thị kinh cổ, thử tam-muội điển phục đương lưu hành u Diêm Phù Đề. Sở vị Phật oai thần cổ, cổ linh bỉ đẳng u ngã diệt hậu, văn thử kinh dĩ, hoan hỷ thư tả, độc tụng, thọ trì, tư duy kỳ nghĩa, vị tha giải thích, như thuyết tu hành.

(經)世尊！如來滅後，如是三昧，於閻浮提，能廣行不？」佛告賢護菩薩言：「賢護！我滅度後，此三昧經，於閻浮提，四千年中廣行於世，而後五百年，末一百歲中，正法滅時，比丘行惡時，誹謗正法時，正法破壞時，持戒損滅時，破戒熾盛時，諸國相伐時，當斯之際，頗有衆生熾然善根，往昔已曾親近諸佛，供養修行，植善種子，

爲彼諸丈夫輩得是經故，此三昧典復當流行於閻浮提。所謂佛威神故，故令彼等於我滅後，聞此經已，歡喜書寫，讀誦受持，思惟其義，爲他解釋，如說修行」。

(Kinh: “Bạch Thế Tôn! Sau khi Như Lai diệt độ, tam-muội như thế có thể lưu hành rộng rãi trong Diêm Phù Đề hay chăng?” Đức Phật bảo Hiền Hộ Bồ Tát rằng: - Nay Hiền Hộ! Sau khi ta diệt độ, nơi Diêm Phù Đề, kinh tam-muội này sẽ lưu hành rộng khắp cõi đời trong bốn ngàn năm, nhưng vào một trăm năm sau rốt của năm trăm năm cuối [thời Mạt Pháp], khi chánh pháp diệt, khi tỳ-kheo làm ác, khi chánh pháp bị phỉ báng, khi chánh pháp bị phá hoại, khi trì giới bị tổn giảm, khi phá giới lừng lẫy, khi các nước đánh lẫn nhau, trong thuở ấy, nếu có chúng sanh thiện căn lừng lẫy, xưa kia đã từng thân cận chư Phật, cúng dường, tu hành, gieo chủng tử lành, do các vị trượng phu ấy có được kinh này, kinh điển tam-muội này lại được lưu hành trong Diêm Phù Đề. Đó gọi là do oai thần của đức Phật, khiến cho họ sau khi ta diệt độ, họ đã nghe kinh này xong, bèn hoan hỷ biên chép, đọc tụng, thọ trì, tư duy ý nghĩa, vì người khác giải thích, tu hành đúng như lời dạy).

Đây là đức Thế Tôn thọ ký, là lời chân thật, là lời như thật, chẳng phải là suy đoán. Chúng ta hãy khéo tư duy. Đức Thế Tôn nói “chánh pháp diệt thời” (khi chánh pháp diệt), hiện thời thì Chánh Pháp và Tượng Pháp đều đã qua, đang bước vào thời Mạt Pháp, cũng là vào “hậu ngũ bách tuế” (năm trăm năm cuối cùng) thì trong một trăm năm sau rốt [của năm trăm năm ấy], sẽ phát khởi lợi ích như thế đó. Vì sao kinh điển như thế có thể lưu thông trong Diêm Phù Đề? Vì các vị trượng phu đã từng gieo các thiện căn nơi kinh điển này tu trì, thủ hộ.

(Kinh) Nhĩ thời, Hiền Hộ Bồ Tát cập Bảo Đức Ly Xa Tử, văn Như Lai thuyết chánh pháp diệt thời, bi khắp vũ lệ.

(經)爾時，賢護菩薩及寶德離車子，聞如來說正法滅時，悲泣雨淚。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Hiền Hộ Bồ Tát và Bảo Đức Ly Xa Tử nghe đức Như Lai nói lúc chánh pháp diệt, buồn khóc trào lệ).

Có nhiều vị thiện tri thức trông thấy đức Thế Tôn sắp nhập diệt, muốn khuyên đức Phật trụ thế vì thương xót thế gian, cho nên “*bi khắp vũ lệ*” (buồn khóc, trào lệ). Ở đây, nghe nói lúc chánh pháp diệt thì cũng giống như thế, vì chư Phật Như Lai là chỗ nương cậy của chúng sanh, giáo pháp do chư Phật đã nói cũng là chiếc bè báu để hết thảy chúng sanh thoát lìa biển khổ. Pháp này diệt sẽ khiến cho hết thảy chúng sanh mất chỗ nương cậy, cho nên “*buồn khóc trào lệ*”.

(Kinh) Tùng tòa nhi khởi, chỉnh lý y phục, thiên dẫn hữu kiên, hữu tất trước địa, hiệp chưởng cung kính, nhi bạch Phật ngôn.

(經)從座而起，整理衣服，偏袒右肩，右膝着地，合掌恭敬，而白佛言。

(Kinh: Từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh đốn y phục, trật vai áo phải, gồi phải đặt sát đất, chắp tay cung kính, mà bạch cùng đức Phật rằng).

“*Thiên dẫn hữu kiên, hữu tất trước địa*” (Trật vai áo phải, gồi phải đặt sát đất): Cho đến nhiều theo chiều phải ba vòng, đó là lễ tiết khai thỉnh giáo pháp của Ấn Độ do lòng cung kính.

(Kinh) “Thế Tôn! Ngã đẳng đương ư Như Lai diệt hậu. Hậu ngũ bách tuế, mạt bách niên trung, sa-môn điên đảo thời, chánh pháp dục diệt thời, phi báng chánh pháp thời, phá hoại chánh pháp thời, trì giới tổn giảm thời, phá giới tăng trưởng thời, chánh pháp hộ giảm thời, phi pháp hộ tăng thời, chúng sanh loạn thời, chư quốc tương phạt thời, năng ư Như Lai sở thuyết kinh điển diệu tam-muội trung, độc tụng, thọ trì, tư duy nghĩa lý, vị tha quảng thuyết. Hà dĩ cố? Ngã tâm vô yếm, chung bất tri túc. Thị cố, ngã ư Như Lai sở thuyết Tu Đà La trung, năng thính văn cố, năng thụ tả cố, năng độc tụng cố, năng thọ trì cố, năng tư duy cố, năng tu hành cố, năng quảng thuyết cố”. Nhĩ thời, Thương Chủ ưu-bà-tắc, Già Ha Ngập Đa cư sĩ chi tử, Na La Đạt Đa Ma Nạp đẳng, văn Như Lai thuyết vị lai thế trung, chánh pháp hoại diệt, vị chánh pháp cố, bi ai khắp lệ, tùng tòa nhi khởi, chỉnh lý y phục, thiên dẫn hữu kiên, hữu tất trước địa, cung kính hiệp chưởng, nhi bạch Phật ngôn.

(經)「世尊！我等當於如來滅後。後五百歲，末百年中，沙門顛倒時，正法欲滅時，誹謗正法時，破壞正法時，持戒損滅時，破戒增長時，正法護滅時，非法護增時，衆生亂時，諸國相伐時，能於如來所說經典妙三昧中，讀誦受持，思惟義理，爲他廣說。何以故？我心無厭，終不知足。是故，我於如來所說修多羅中，能聽聞故，能書寫故，能讀誦故，能受持故，能思惟故，能修行故，能廣說故」。爾時，商主優婆塞，伽訶耆多居士之子，那羅達多摩納等，聞如來說未來世中，正法壞滅，爲正法故，悲哀泣淚，從坐而起，整理衣服，偏袒右肩，右膝着地，恭敬合掌，而白佛言。

(Kinh: “Bạch Thế Tôn! Sau khi đức Như Lai diệt độ, chúng con sẽ vào lúc một trăm năm rớt sau của năm trăm năm cuối, là lúc sa-môn điên đảo, lúc chánh pháp sắp diệt, lúc phi báng chánh pháp, lúc phá hoại chánh pháp, lúc trì giới tổn giảm, lúc phá giới tăng trưởng, lúc hộ trì chánh pháp giảm thiểu, lúc hộ trì phi pháp tăng trưởng, lúc chúng sanh loạn lạc, lúc các nước chinh phạt lẫn nhau, có thể đối với tam-muội màu nhiệm trong kinh điển do đức Như Lai đã nói mà đọc tụng, thọ trì, tư duy nghĩa lý, vì người khác rộng nói. Vì lẽ nào? Tâm con chẳng chán, trọn chẳng biết đủ. Vì thế, chúng con đối với Khế Kinh do Như Lai đã nói có thể lắng nghe, có thể biên chép, có thể đọc tụng, có thể thọ trì, có thể tư duy, có thể tu hành, có thể nói rộng khắp”. Lúc bấy giờ, ưu-bà-tắc Thương Chủ là con của cư sĩ Già Ha Ngập Đa, Na La Đạt Đa Ma Nạp v.v... nghe Như Lai nói chánh pháp sẽ hoại diệt trong đời vị lai, buồn bã tuôn lệ, từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh đốn y phục, trật vai áo phải, gối phải đặt sát đất, cung kính chấp tay, bạch với đức Phật rằng).

Chúng ta thấy: Không chỉ là hàng xuất gia thực hiện lễ tiết “*thiên đản hữu kiên, hữu tất trước địa*” (trật vai áo phải, gối phải đặt sát đất);

tại gia Bồ Tát cũng giống như thế. Đây là phong tục tập quán của Ấn Độ, là phương thức biểu thị sự thủ hộ toàn thể.

(Kinh) Thế Tôn! Ngã đẳng năng u Như Lai sở thuyết diệu Tu Đa La, cập năng thọ trì Tu Đa La giả, ngã giai nhiếp hộ, linh đắc tăng trưởng. Thế Tôn! Ngã kim phục vị Như Lai sở thuyết vi diệu kinh điển, tác kỳ gia hộ, linh đắc quảng tuyên, cứu trụ u thế. Hà dĩ cố? Dĩ thị kinh điển năng u vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, đa sở thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề cố. Thế Tôn! Ngã đẳng đắc văn vị tăng hữu pháp, chí tâm thọ trì, tư duy kỳ nghĩa, vị tha giải thuyết, quảng hành lưu bố dã. Thế Tôn! Ngã kim văn thử thậm thâm kinh pháp, nhất thiết thế gian vô hữu tín giả. Ngã tiên vị kỳ tạo thiện căn khí, nhiên hậu vị giải.

(經)「世尊！我等能於如來所說妙修多羅，及能受持修多羅者，我皆攝護，令得增長。世尊！我今復為如來所說微妙經典，作其加護，令得廣宣，久住於世。何以故？以是經典能於無量阿僧祇劫，多所成就阿耨多羅三藐三菩提故。世尊！我等得聞未曾有法，至心受持，思惟其義，為他解說，廣行流佈也。世尊！我今聞此甚深經法，一切世間無有信者。我先為其造善根器，然後為解」。

(Kinh: Bạch Thế Tôn! Chúng con có thể đối với Tu Đa La mẫu nhiệm do Như Lai đã nói và người có thể thọ trì Tu Đa La, đều có thể nhiếp hộ, hộ trì, khiến cho tăng trưởng. Bạch Thế Tôn! Con nay lại vì kinh điển vi diệu do Như Lai đã nói mà thực hiện gia hộ, khiến cho kinh được tuyên lưu rộng rãi, tồn tại lâu dài trong thế gian. Vì sao vậy? Do kinh điển ấy có thể trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp thành tựu nhiều người đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Bạch Thế Tôn! Chúng con được nghe pháp chưa từng có, chí tâm thọ trì, tư duy nghĩa lý, vì người khác giải nói, lưu truyền rộng rãi. Bạch Thế Tôn! Chúng con nay nghe kinh pháp rất sâu này, [nếu như] hết thấy thế gian chẳng có ai tin, con sẽ trước hết vì họ tạo pháp khí thiện căn, sau đó sẽ vì họ giải nói).

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Chúng ta thấy các vị tại gia và xuất gia Bồ Tát đều khẳng định sau khi đức Thế Tôn diệt độ, lúc chánh pháp diệt, cho đến khi các thứ tướng ác hiện ra, họ sẽ làm cho pháp Ban Châu tam-muội này được lưu truyền rộng khắp trong cõi đời, truyền bá trong cõi đời, muốn lợi ích rộng khắp hữu tình; cho nên phát thệ nguyện như thế, thủ hộ Tam Bảo và giáo ngôn của Tam Bảo. Các vị tại gia và xuất gia Bồ Tát học Phật trong hiện thời đã dùng gì để nhận biết và thủ hộ tâm trí của chính mình? Các vị thiện tri thức ơi! Hãy khéo quan sát, khéo liễu giải tâm nguyện và hành vi của chính mình.

Có khi thủ hộ Phật pháp càng trọng yếu hơn tự lực tu trì, vì thủ hộ Phật pháp có thể khiến cho Phật pháp được truyền bá rộng khắp. Đương nhiên, tự lợi chân thật của người tu chứng cũng là chẳng thể nghĩ bàn. Nếu đã có thể thủ hộ, lại có thể chân thật tu hành, đây thật sự là thành tựu thủ hộ. Nếu có thể khéo thủ hộ, truyền bá rộng khắp, dẫu chính mình chưa hành trì pháp tắc, nhưng công đức và lợi ích do tùy hỷ sẽ chẳng thể nghĩ bàn như đức Thế Tôn đã tuyên thuyết trong bộ kinh này.

Trong đời Mạt Pháp, nếu hộ trì đạo tràng, hộ trì giáo pháp, hộ trì người hành pháp, yêu thích thủ hộ, tán thán, tùy hỷ, công đức của người ấy sẽ chẳng thể nghĩ bàn. Vì Mạt Pháp là lúc pháp suy, thế mà nhân duyên thế tục hưng hực, tà kiến điên đảo hưng hực, cho nên nhân duyên hộ trì pháp, truyền bá Phật pháp, và tu tập Phật pháp càng quan trọng hơn!

(Kinh) Nhĩ thời, chúng trung hữu ngũ bách tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, wu-bà-tắc, wu-bà-di, tứ bộ chúng đặng, văn Như Lai thuyết vị lai thế trung, chánh pháp hoại diệt, vị chánh pháp cố, bi khắp vũ lệ, tùng tòa nhi khởi, chỉnh trì y phục, thiên dẫn hữu kiên, hữu tất trước địa, cung kính hiệp chưởng, nhi bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã đặng thọ trì Như Lai chánh pháp, nhiên chư Đại Sĩ thiện trượng phu bối, nhĩ thời w ngã đương tác y chỉ, đương tác phú hộ, vị ngã kinh kỹ, năng linh ngã đặng w Như Lai sở thuyết như thị thậm thâm Tu Đa La trung, thủ chân thật nghĩa, như pháp tu hành. Duy nguyện Thế Tôn, phó chúc ngã đặng chư thiện trượng phu phân minh lập ký. Hà dĩ cố? Thế Tôn! Ngã cập bỉ đặng giai năng hộ trì, nhiếp thọ chánh pháp cập nhiếp thọ giả cố.

(經)爾時，衆中有五百比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷、四部衆等，聞如來說未來世中，正法壞滅，爲正法故，悲泣雨淚，從坐而起，整持衣服，偏袒右肩，右膝着地，恭敬合掌，而白佛言：「世尊！我等受持如來正法，然諸大士善丈夫輩，爾時於我當作依止，當作覆護，爲我經紀，能令我等於如來所說如是甚深修多羅中，取真實義，如法修行。唯願世尊，付囑我等諸善丈夫分明立記。何以故？世尊！我及彼等皆能護持，攝受正法及攝受者故」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, trong đại chúng có năm trăm tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, bốn bộ chúng, nghe Như Lai nói trong đời vị lai, chánh pháp hoại diệt, vì chánh pháp nên buồn khóc, trào lệ, từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh đốn y phục, trật vai áo phải, gồi phải đặt sát đất, cung kính chấp tay, mà bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Chúng con thọ trì chánh pháp của Như Lai, nhưng các vị thiện trượng phu đại sĩ này trong khi đó sẽ làm chỗ y chỉ cho chúng con, sẽ che chở, bảo vệ, lo toan cho chúng con, khiến cho chúng con có thể giữ lấy nghĩa chân thật nơi Tu Đa La rất sâu do Như Lai đã nói như thế, đừng như pháp tu hành. Chỉ mong đức Thế Tôn phân minh thọ ký, phó chúc cho chúng con và các vị thiện trượng phu ấy. Vì sao? Bạch Thế Tôn! Chúng con và họ đều có thể hộ trì, nhiếp thọ chánh pháp và người nhiếp thọ).

Chúng ta thấy các vị xuất gia tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, và chúng tại gia ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, vì muốn khiến cho pháp này trụ thế, đã khuyến thỉnh đức Thế Tôn phân minh thọ ký, hòng làm cho pháp này được rõ ràng tồn tại lâu dài trong cõi đời. Chúng ta học tập một pháp tắc, nếu chẳng có cội nguồn xuất xứ, sẽ chẳng thể thật sự giải quyết vấn đề. Chẳng hạn như đối với các phiền não “sinh, lão, bệnh, tử”, [nếu chẳng hiểu rõ cội nguồn phát sanh các phiền não ấy] mà có thể thật sự giải quyết, sẽ chẳng có lẽ ấy! Chúng ta có thể tiêu trừ đủ loại Phiền Não Chương, tiêu trừ đủ loại Sở Tri Chương trong đời hiện tại, nhưng nếu chẳng thuận theo pháp giáo như lý, thì cũng chẳng thể kiến lập từ đâu

được! Vì thế, ở đây, nhằm mong đức Thế Tôn sẽ thọ ký phân minh cho các hữu tình mà khái thỉnh như thế.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn tức tiếu vi tiếu, phóng kim sắc quang. Kỳ minh biến chiếu thập phương thế giới chư Phật quốc dĩ, hoàn chí Phật sở, hữu nhiều tam táp, từng danh thượng một.

(經)爾時，世尊即便微笑，放金色光。其明遍照十方世界諸佛國已，還至佛所，右繞三匝，從頂上沒。

(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn liềm mỉm cười, tỏa ra quang minh sắc vàng. Quang minh ấy chiếu trọn khắp các cõi Phật trong mười phương thế giới xong, trở về chỗ Phật, nhiều theo chiều phải ba vòng rồi biến mất nơi đỉnh đầu đức Phật).

Đây là tướng thọ ký của chư Phật. Tướng thọ ký của hết thầy chư Phật đều có phóng quang minh, lợi ích rộng khắp vô lượng thế giới, chiếu sáng vô lượng thế giới. Nếu trán của đức Thế Tôn phóng quang, tức là sẽ tuyên dương giáo pháp rộng khắp với các vị Bồ Tát. Nếu cổ họng phóng quang, sẽ tuyên dương giáo pháp rộng khắp với các bậc trí giả Thanh Văn. Nếu ngực phóng quang, sẽ tuyên nói các giáo pháp với chư thiên và nhân loại. Nếu rốn phóng quang, phần nhiều là thuyết pháp cho loài quỷ thần. Nếu đầu gối phóng quang, phần nhiều là chiếu rọi các hữu tình thuộc súc sanh đạo và thuyết pháp cho họ. Nếu bàn chân phóng quang, có thể lợi ích rộng khắp hữu tình trong u minh địa ngục. Do vậy, trong khắp các nơi của lục đạo, đức Phật dùng quang minh nhiếp thọ, đối với mỗi đường, đều có cơ chế tương ứng, khiến cho họ được độ thoát. Ở đây, quang minh của đức Thế Tôn nhập vào đỉnh đầu, nhiều theo chiều phải ba vòng, tức là khi đức Thế Tôn nói thọ ký, sẽ thị hiện tướng ấy.

(Kinh) Nhĩ thời, tôn giả A Nan tác như thị niệm: “Thế Tôn tích lai dĩ đa vi tiếu, nhiên u tiếu thời, tất vi dị sự. Ngã kim ung vấn vi tiếu nhân duyên”. Như thị niệm dĩ, tức từng tòa khởi, chỉnh trì y phục, thiên dẫn hữu kiên, hữu tất trước địa, hiệp chưởng hướng Phật, dĩ kệ bạch ngôn: - Kỳ tâm thanh tịnh, hạnh vô uế, hữu đại oai đức, cự thần thông. Nhất thiết tối tôn thế trung thượng, hiển hiện vô cầu như minh nguyệt, vô ngại thánh trí giải thoát tâm. Ca-lăng-già thanh thiên trung tối. Nhất thiết dị luân mạc năng động. Kim hốt vi tiếu hữu hà duyên?

(經)爾時，尊者阿難作如是念：「世尊昔來已多微笑，然於笑時，必為異事。我今應問微笑因緣」。如是念已，即從坐起，整持衣服，偏袒右肩，右膝着地，合掌向佛，以偈白言：「其心清淨行無穢，有大威德巨神通。一切最尊世中上，顯現無垢如明月。無礙聖智解脫心，迦陵伽聲天中最。一切異輪莫能動，今忽微笑有何緣？」

(Kinh: Lúc bấy giờ, tôn giả A Nan nghĩ như thế này: “Đức Thế Tôn trước nay đã mỉm cười nhiều lần, nhưng khi Ngài cười, ắt có chuyện lạ. Nay ta phải nên hỏi nhân duyên khiến Ngài mỉm cười”. Nghĩ như thế rồi, Ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh đốn y phục, trật vai áo phải, gối phải đặt sát đất, chắp tay hướng về đức Phật, dùng kệ bạch rằng: - Tâm Ngài thanh tịnh, hạnh chẳng uế. Có đại oai đức, thần thông lớn. Tôn quý nhất trong cả cõi đời, hiển hiện vô cầu như trăng sáng, tâm thánh trí giải thoát vô ngại, tiếng Ca Lãng hay tuyệt cõi trời, hết thầy dị thuyết chẳng thể động. Nay do duyên gì bỗng mỉm cười?)

Tán tụng đức Thế Tôn có đại oai đức thanh tịnh, có đại oai đức thiện xảo, là bậc thầy tôn quý của thế gian, hiện tướng trăng sáng không cầu nhờ, dùng thánh trí vô ngại, tâm trí giải thoát để tuyên thuyết bằng âm thanh tuyệt vời, tức “Ca Lãng Già thanh” ([tiếng nói của đức Phật vì diệu] như tiếng chim Ca Lãng Tàn Già hót) để truyền bá trong thế gian. Đức Thế Tôn thuyết pháp, trọn đủ tám loại diệu âm, thường gọi là phạm âm lưu truyền rộng khắp trong thế gian, khiến cho chúng sanh được nghe bèn đắc ngộ. “Ca Lãng Già thanh” chẳng phải là tiếng nam, hay tiếng nữ, tiếng chẳng trong trẻo, chẳng thô đục, tiếng chẳng cao, chẳng thấp, tiếng chẳng mạnh, chẳng yếu. Xa lìa tám âm thanh thế gian như thế đó, dùng âm thanh thanh tịnh để truyền bá rộng khắp trong thế gian. “Nhất thiết dị luân mạc năng động” tức là hết thầy tri kiến ngoại đạo quyết định sẽ tùy thuận [Phật ngôn], có thể trừ nghi.

*(Kinh) Thông đạt chánh chân vị ngã thuyết, năng đa lợi ích
Lưỡng Túc Tôn.*

(經)通達正真為我說，能多利益兩足尊。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

(Kinh: Thông đạt chánh chân vì con nói, Lương Túc Tôn tạo nhiều lợi ích).

Tán thán đức Thế Tôn phước huệ trọn đủ, nói giáo pháp chân thật cho chúng ta.

(Kinh) Văn thị Như Lai vi diệu âm, nhất thiết giai đương đại hoan hỷ.

(經)聞是如來微妙音，一切皆當大歡喜。

(Kinh: Nghe tiếng vi diệu của Như Lai, hết thảy sẽ đều đại hoan hỷ).

Như Lai dùng âm thanh vi diệu để mở mang tâm trí của con người, ban cho con người công đức thành tựu giải thoát, cho nên sẽ khiến cho nhiều chúng sanh hoan hỷ, hớn hở.

(Kinh) Chư Phật Thế Tôn khởi hư tiểu? Phật phóng quang hỷu thắng nhân. Thùy ư tư nhật hoạch đại lợi? Thị cổ kim ưng tuyên tiểu chỉ. Thùy ư kim nhật đắc chứng chân? Thùy ư kim nhật thọ pháp vương? Thùy ư kim nhật tự quán đảnh? Thùy ư kim nhật đăng Phật vị? Thùy ư kim nhật lợi thế gian? Thùy đương tổng tuyên Phật pháp tạng? Thùy ư Phật trí đắc thường trụ? Dĩ thị tôn ưng hiển tiểu duyên.

(經)諸佛世尊豈虛笑？佛復放光有勝人。誰於斯日獲大利？是故今應宣笑旨。誰於今日得證真？誰於今日受法王？誰於今日自灌頂？誰於今日登佛位？誰於今日利世？誰當總宣佛法藏？誰於佛智得常住？以是尊應顯笑緣」。

(Kinh: Chư Phật Thế Tôn há cười suông? Phật phóng quang, có người thù thắng. Ngày nay ai được lợi to lớn? Vì thế, xin nói ý mỉm cười. Ngày nay ai được chứng lẽ chân? Ngày nay ai được Phật thọ ký? Ngày nay ai sẽ tự quán đảnh? Ngày nay ai sẽ lên ngôi Phật? Ngày nay ai sẽ lợi thế gian? Ai sẽ tổng tuyên Phật pháp tạng? Ai sẽ thường trụ nơi Phật trí? Phật hãy nên dạy duyên mỉm cười!)

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Ngài A Nan tán thán đức Thế Tôn có lợi ích như vậy, cho đến chứng chân, đạt được đại lợi, tiếp nhận vương vị, thọ nghi thức quán đảnh, cho đến tiếp nhận Phật vị để lợi ích thế gian, tuyên thuyết pháp tạng. Hết thầy chư Phật xuất thế, không vị nào chẳng vì lợi ích thế gian, tuyên nói rộng rãi pháp tạng, thẳng thừng chỉ bày tâm trí của hết thầy chúng sanh. Hết thầy các pháp tạng chẳng lìa tâm trí hiện tiền của hết thầy chúng sanh. Do nhân duyên ấy, trước hết nói tới đại lợi, sau là nói đến nhập pháp vị, cho đến thành Phật lợi ích thế gian rộng khắp, tuyên dương pháp tạng.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn tức dĩ kệ cáo trưởng lão A Nan viết: - A Nan! Nhữ kiến Đại Tập phủ? Nhiếp hộ ngũ bách tùng tòa khởi.

(經)爾時，世尊即以偈告長老阿難曰：「阿難！汝見大集不？攝護五百從坐起。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn dùng kệ bảo trưởng lão A Nan rằng: - A Nan! Ông thấy Đại Tập chăng? Nhiếp hộ năm trăm người đứng dậy).

Nay chúng ta đang học kinh Đại Tập; Đại Tập là đại chúng tụ tập, là kinh điển do đức Phật tuyên thuyết cho hữu tình trong Dục Giới và Sắc Giới. Như trong Long Tạng (Càn Long Đại Tạng Kinh), có các bộ (các tiểu loại) như Đại Tập Bộ, Bảo Tích Bộ, Bát Nhã Bộ, A Hàm Bộ, Tạp Bộ v.v... Kinh này thuộc về Đại Tập Bộ.

(Kinh) Thân tâm hoan hỷ phát thành ngôn, ngã bối đương lai hoạch tư pháp. Thử đẳng nhất tâm chiêm sát ngã, ngã u hà thời diệc phục nhiên. Hàm u ngã tiền hưng đại thế, ngã bối đương lai chứng tư đạo. Phục hữu bát bối tùng tòa khởi, ngũ bách thượng thủ thử vi tôn. Bĩ u mặt thế pháp hoại thời, vị thế gian pháp, cố tuyên thuyết. Ngã kim cáo nhữ như thị ngôn, u thử chúng trung vô ngại trí. Thị bối phi u nhất Phật sở, khởi lập hiệp chúng kính chư tôn.

(經)身心歡喜發誠言，我輩當來獲斯法。此等一心瞻察我，我於何時亦復然。咸於我前興大誓，我輩當來證斯道。復有八輩從坐起，五百上首此為尊。彼於末世法壞時

**， 爲世間法故宣說。我今告汝如是言， 於此衆中無礙智。
是輩非於一佛所， 起立合掌敬諸尊。**

(Kinh: Thân tâm hoan hỷ, nói chân thành: “Chúng con tương lai đắc pháp này”. Bọn họ nhất tâm nhìn ngắm Phật: “Khi nào con cũng được như thế?” Đều đối trước Phật, phát thệ lớn: “Mai sau chúng con chứng đạo này”. Lại tám loại chúng cùng đứng dậy, có năm trăm người làm thượng thủ. Họ trong đời mạt, khi pháp hoại, vì pháp thế gian mà tuyên nói. Ta nay bảo ông như thế này: Như các vị ấy trí vô ngại, họ chẳng chỉ ở nơi một đức Phật, đứng dậy, chấp tay kính Thế Tôn).

“Thị bối phi u nhất Phật sở, khởi lập, hiệp chưởng, kính chư tôn” (Những người ấy chẳng phải ở chỗ một đức Phật, đứng dậy, chấp tay, cung kính các đức Thế Tôn): Những người nghe giáo ngôn này, có thể liên tục thủ hộ, quan sát, tu tập, chẳng phải chỉ gặp một vị Phật, hai vị Phật, ba vị Phật.

(Kinh) Ngã quán vô lượng thời, bát vạn chư Phật giai hiện tiền. Bát nhân vi thủ tùng tòa khởi, hoàn vị hộ trì thị diệu pháp.

(經)我觀往昔無量世， 八萬諸佛皆現前。 八人爲首從坐起， 還爲護持是妙法。

(Kinh: Ta quán vô lượng đời xưa kia, tám vạn chư Phật đều hiện tiền. Tám người làm đầu đều đứng dậy, vẫn vì hộ trì diệu pháp này).

“Thị diệu pháp” chính là pháp tắc Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội.

(Kinh) Tiền thử bát vạn ức do-tha, phục trị như thị số chư Phật.

(經)前此八萬億由他， 復值如是數諸佛。

(Kinh: Trước đó, tám vạn ức do-tha, lại gặp chư Phật số như thế).

“Bát vạn ức” thì chúng ta dễ hiểu, nhưng đối với con số *“do-tha”* (na-do-tha, nayuta), thường là chúng ta chẳng thể vận dụng tư duy [để hình dung rõ ràng] cho mấy. Đó là số lượng cực đại, thậm chí chẳng thể tính kê, nhưng chư Phật Như Lai đối với chuyện chẳng thể nói kê, sẽ có

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

cách diễn tả, còn có cách so sánh “*bất khả xưng bất khả xưng*”, cho đến thật sự còn có con số “*vô sở khả xưng vô sở khả xưng*”. Trong kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm có phẩm Số Tự, chuyên môn nói đến sự biến hóa của số lượng. Tâm trí phàm phu đối với các con số có thể lưu tâm, nghĩ bàn, tư duy, ghi nhớ hết sức hữu hạn. Trong kinh điển Phật giáo thường nói “*như Hằng hà sa số chư Phật*”, cho đến nói “*vô lượng Hằng hà sa số chư Phật*”. Các con số như vậy đối với nhân loại chúng ta khó thể đơn giản nói rõ được, cho nên dùng Hằng hà sa làm đơn vị để thuyết minh, giống như chúng ta dùng các đơn vị số lượng trăm, ngàn, vạn, ức để miêu tả vậy.

(Kinh) Tâm đắc giải thoát đại danh xưng, bỉ thời thử bối dĩ nhiếp trì.

(經)心得解脫大名稱，彼時此輩已攝持。

(Kinh: Tâm đạt danh xưng giải thoát lớn; khi ấy, bọn họ đã nhiếp trì).

Hết thấy giải thoát là vì đối với danh xưng trong thế gian, chúng ta thường nói: Người nhàn tản trong Phật pháp xa lìa hết thấy nhiệt nã, tức là Sở Tri Chướng phiền nã, các nỗi khổ phiền nã như sanh, lão, bệnh, tử, cầu chẳng được, yêu thương phải chia lìa, oán ghét cứ gặp gỡ, cho đến vô minh phiền nã, cho đến các phiền nã nhỏ nhất như vi trần. Như vậy thì “*đại danh xưng*” chính là người nhàn tản, là người vô tâm nhàn tản trong thế gian. Hữu tình trong thế gian có khá nhiều chấp trước, nhiều đắm chấp, chấp trước thiện, chấp trước ác, chấp trước được, chấp trước mất, chấp trước phàm, chấp trước thánh, những điều như thế khó thể thuật trọn. Do vậy, có nhiều gánh nặng, tức gánh nặng thiện, ác, trí, ngu v.v... rất ráo giải thoát vượt khỏi lẽ thường, đó là “*đại danh xưng*”.

(Kinh) Kim phục u ngã thắng pháp trung, năng vi nhiếp hộ lợi ích thủ.

(經)今復於我勝法中，能為攝護利益首。

(Kinh: Nay lại trong thắng pháp của ta, đứng đầu nhiếp hộ các lợi ích).

“*Sư đạo*” (Vị thầy hướng dẫn), thiện tri thức, các vị A Xà Lê, các

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

vị tại gia, xuất gia có thể giáo hóa thế gian, thì gọi là “*lợi ích thủ*” (người đứng đầu tạo lợi ích).

(Kinh) Giáo hóa vô lượng Bồ Tát chúng, đoạn trừ tật đố chư đại nhân. Thủ đẳng u ngã diệt độ thời, thủ ngã xá-lợi hưng cúng dường. Thiệt trì ngã tư chư Phật sự, an trí khiếp tứ biến thập phương.

(經)教化無量菩薩衆，斷除嫉妒諸大人。此等於我滅度時，取我舍利興供養。善持我斯諸佛事，安置篋笥遍十方。

(Kinh: Giáo hóa vô lượng các Bồ Tát, các đại nhân đoạn trừ ghen tỵ, bọn họ khi ta đã diệt độ, sẽ cùng cúng dường xá-lợi Phật, khéo giữ các Phật sự của ta, an trí khắp thờ khắp mười phương).

Sau khi đức Thế Tôn diệt độ, dùng các thứ nhân duyên để tạo phước cho thế gian, khiến cho chúng sanh đều có chỗ để nương nhờ. Như chúng ta thấy tượng Phật, tức là do đức Thế Tôn lưu lại, tượng hảo có thể hóa độ chúng sanh. Giống như cha mẹ chúng ta đã chẳng còn trên cõi đời, di tượng của họ cũng có thể khiến cho chúng ta nhớ tưởng ân đức của cha mẹ, nhớ tưởng nội hàm lợi ích chân thật ân dưỡng dục của cha mẹ. Lại như xá-lợi (śarīra) thì có toàn thân xá-lợi, xá-lợi do nát thân, xá-lợi xương, xá-lợi thịt, đủ loại xá-lợi, đều do chư Phật truyền lại cho cõi đời. Nay chúng ta thấy kinh điển Đại Thừa, kinh điển liễu nghĩa, đó cũng là Pháp Thân xá-lợi của chư Phật. Lại như các loại pháp phục đã chế định cũng do đức Thế Tôn hóa hiện, muốn khiến cho hết thảy những kẻ hữu duyên hãy tiếp xúc bèn đạt được lợi ích độ thoát, người cúng dường cũng đạt được lợi ích.

Trong thời vua A Dục (Asoka Maurya), nhà vua đã kiến tạo tám vạn bốn ngàn tháp thờ xá-lợi của Phật. Theo ghi chép, tại Trung Hoa có mười tám chỗ, là nơi được phân bố xá-lợi nhiều nhất trên thế giới, là quốc gia rộng nhất, có xá-lợi răng của Phật, xá-lợi ngón tay của Phật, xá-lợi tóc của Phật, xá-lợi thịt của Phật, xá-lợi xương của Phật, xá-lợi kết tinh của Phật v.v... Các xá-lợi ấy đều có thể làm vật gia trì phước đức và trí huệ cho hữu tình trong đời Mạt Pháp, mà cũng là ruộng phước chân chánh xuất thế và nhập thế.

(Kinh) Bình địa tạo tháp, hoặc tại sơn, phó chúc thiên long cập kim điều. Tư đẳng y trọng u thử kinh, thọ chung giai đắc sanh thiên thượng.

(經)平地造塔或在山，付囑天龍及金鳥。斯等依仗於此經，壽終皆得生天上。

(Kinh: Đất bằng tạo tháp hoặc trên núi, căn dặn trời rồng và kim điều. Bọn họ nương cậy vào kinh này, thọ mạng hết, đều sanh thiên giới).

Tạo tháp thờ phụng kinh điển, hoặc tạo tháp thờ xá-lợi cũng lại chẳng thể nghĩ bàn, có thể khiến cho trời, người được giải thoát, hoặc sau khi mất sẽ được sanh lên trời. Quả thật là cổ vũ khích lệ đối với phước báo nhân thiên.

(Kinh) Hậu tuy chuyển sanh u nhân gian, nhi thường bất ly thắng gia tánh. Thiện trì ngã tư Bồ Đề sự, hoàn phát đại nguyện tùy bản tâm.

(經)後雖轉生於人間，而常不離勝家姓。善持我斯菩提事，還發大願隨本心。

(Kinh: Về sau, tuy sanh vào nhân gian, thường chẳng lìa khỏi dòng cao quý. Khéo trì Bồ Đề sự của ta, lại phát đại nguyện thuận tâm mình).

Trung Hoa từ sau thế kỷ mười chín đến nay, nhất là sau phong trào Ngũ Tứ và vận động phá tứ cự³, một mực kéo dài cho đến hiện tại,

³ Phá Tứ Cự là một phong trào cách mạng do Mao Trạch Đông đề xướng song song với Cách Mạng Văn Hóa, chủ trương phá sạch cự tư tưởng, cự văn hóa, cự phong tục, và cự tập quán, nhằm mục đích tiêu diệt văn hóa cũ, suy tôn lãnh tụ, và chủ yếu là đập tan những thành phần đối lập trong Đảng và chánh quyền. Nguyên nhân là do trước đó, Mao Trạch Đông đã liên tiếp đưa ra các kế hoạch ngũ niên điên rồ, không thực tế, khiến cho kinh tế Trung Hoa lụn bại, quần chúng bất mãn, các thành phần lãnh đạo trong Đảng cũng tỏ ra nghi ngờ khả năng lãnh đạo của họ Mao. Bị mê hoặc bởi các luận thuyết của Mao Trạch Đông và sự tuyên truyền, khích động của bọn tay sai, các sinh viên và học sinh nhanh chóng thành lập các đoàn quân Hồng Vệ Binh rộng khắp tại Hoa Lục, hùng hổ phá hủy các cổ vật, sách vở, tranh ảnh cổ, kể cả các di tích như điện đường, chùa chiền, miếu thờ, đạo quán, các nhà kỷ niệm của những

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

đề xướng “*bình đẳng, dân chủ, tự do*”, tức là chẳng có khái niệm “*chủng tánh*”. Ấn Độ cho tới hiện thời vẫn có bốn loại chủng tánh, biểu hiện mười phần rõ rệt trong kết cấu của xã hội. Kẻ sanh vào tầng lớp “*tiện dân*” sẽ bị kẻ khác kỳ thị; do vậy, “*thường bất ly thắng gia tánh*” đối với người Ấn Độ mà nói sẽ là mười phần trọng yếu! Nói theo phía người Hoa, thật ra, mọi người vẫn có phân biệt! Tuy nói là bình đẳng, nhưng gia đình nông dân, gia đình công nhân, gia đình cán bộ, cho đến gia đình cán bộ cao cấp, gia đình cán bộ quân đội, ý thức sanh hoạt, cơ chế giáo dỡng, cảm thọ về cái tôi, vẫn sai biệt rất lớn. Lại còn người thuộc sắc tộc Hán, người thuộc sắc tộc thiểu số, cảm nhận sai khác đều rất lớn, chúng ta chẳng thể nào không đối diện với những tình huống cụ thể ấy!

Sanh trong gia đình có dòng họ sang cả là một thứ cổ vũ, là hướng dẫn tăng thượng cho phước báo nhân thiên. Đức Thế Tôn thuyết pháp thường dùng phước báo nhân thiên tăng thượng để hướng dẫn, khiến cho chúng ta tiến nhập Bồ Đề, chẳng phải là cơ duyên có thể lướt qua. Vì nếu chỉ nói đến giáo pháp Vô Thượng Bồ Đề, hết thảy chúng sanh tâm đều mê mờ, chẳng thể yêu thích. Nếu nói theo thứ tự tiến dần dần, sẽ có thể dẫn dắt chúng sanh yêu thích, hướng tới, thật sự thâm nhập tu tập

đanh sĩ thời cổ v.v... Thậm chí gia phả cũng bị đốt, xé; các vật dụng trang điểm, mỹ phẩm, các trang phục và dụng cụ trong nghệ thuật tuồng cổ và nghệ thuật dân gian đều bị phá hủy. Các màu sắc tươi sáng, rực rỡ, các kiểu trang trí đều bị cấm ngặt, vì bị coi là tàn dư của phương Tây và chế độ cũ. Cả nước xám xịt trong sắc áo chàm của công nhân, mọi người ăn mặc đồng phục như nhau, tóc cắt ngắn cùn như nhau. Các họa sĩ, thư pháp gia, nghệ sĩ, tăng sĩ, đạo sĩ, linh mục, giáo sĩ, thành phần trí thức, học thức đều bị tấn công, làm nhục trước công chúng. Cuộc vận động này được phát khởi vào ngày Một tháng Sáu năm 1966 qua bài báo Quét Sạch Nguru Xà Quỷ Thần đăng trên Nhân Dân Nhật Báo. Sau đó, vào ngày 12 tháng Tám năm 1966, Lâm Bưu trong hội nghị toàn đảng Trung Cộng đã chính thức đề ra mười sáu điều lệ hành động để chính thức phát động phong trào này. Các đường phố bị đổi tên, chánh quyền cho người viết báo chữ to dán trên tường hô hào đá kích các tư tưởng cũ và thành phần trí thức. Thậm chí Khổng Miếu cũng bị tấn công, thi hài của Diễn Thánh Công (Khổng Lệnh Di, hậu duệ đời thứ 76 của Khổng Tử) bị quật khỏi mồ, lật trường, và treo lủng lẳng trên cây trước Khổng Miếu. Hồng Vệ Binh phá hoại đến mức không thể kiểm soát, đến nỗi khi họ sắp tấn công vào Tử Cấm Thành Bắc Kinh, thủ tướng Châu Ân Lai phải hạ lệnh điều Giải Phóng Quân đến bảo vệ Tử Cấm Thành, nhưng phần lớn các nỗ lực của ông bị bọn cánh tả trong đảng như Khang Sanh, Giang Thanh, Trương Xuân Kiêu và chính Mao Trạch Đông vô hiệu hóa. Chính nhờ Châu Ân Lai, Bắc Kinh mới không bị đổi tên thành Đông Phương Hồng Thành.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

pháp tắc trong Phật pháp. Do vậy, nói theo kiểu tăng thượng, sẽ là mười phần trọng yếu. Vì thế, trong quá trình sơ chuyển pháp luân, đức Thế Tôn nói ra giáo ngôn nhân thiên ngũ thừa, nói giáo ngôn tam thừa, đợi cho tới khi nhân duyên chín muồi, Ngài chỉ nói Nhất Thừa. Như kinh Diệu Pháp Liên Hoa chỉ nói Nhất Thừa giáo, bỏ các phương tiện, khai quyền hiển thật, chỉ nói tối thượng thừa, ban cho hết thảy chúng sanh lợi ích rốt ráo, dùng liễu nghĩa giáo để chân thật hồi thí chúng sanh. Đó là dẫn dắt dần dần theo thứ tự.

“Hoàn phát đại nguyện tùy bốn tâm” (Lại còn phát ra đại nguyện thuận theo bốn tâm): “Bốn tâm” là hết thảy chúng sanh vốn là Phật, xác định nhận biết “hết thảy chúng sanh đều trọn đủ trí huệ và đức tướng của Như Lai”, tiến thẳng vào Bồ Đề, sanh tử trọn chẳng liên quan, trọn chẳng thể nhiễm. Nhưng tuy nói “chẳng có sanh tử để có thể đắc”, hết thảy chúng sanh trầm luân trong nhân quả không gì chẳng gánh vác, tâm trí mê muội.

Do đó, đức Thế Tôn mới nói dần dần phước báo nhân thiên, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, cho đến tối thượng thừa, khiến cho họ nhận biết bốn tâm, quy kết bốn tâm vốn sẵn trọn đủ, chẳng nhờ vào phương tiện, tự nhiên trở về pháp tánh rạng ngời, chiếu tỏ mười phương, mau chóng thoát khỏi biển khổ sanh tử, quả thật là hư vọng tạo tác, đối đãi tạo tác, tức là tạo tác liên tục ngay trong mỗi niệm hiện tiền.

(Kinh) Hoặc thời vị pháp chí tha quốc, hằng trị như thị thâm diệu điển. Đắc dĩ chuyển thọ chúng đa nhân, dĩ hoan hỷ tâm trừ tận đố.

(經)或時爲法至他國，恆值如是深妙典。得已轉授衆多人，以歡喜心除嫉妒。

(Kinh: Có lúc vì pháp đến nước khác, thường gặp diệu điển sâu như thế. Đã được, dạy lại nhiều người khác, dùng tâm hoan hỷ trừ ghen ty).

Trong thời đại này, cái tâm ghen ty đã trùm lấp tâm trí của rất nhiều vị xuất gia lẫn tại gia, hữu tình học Phật, hay không học Phật. Chẳng hạn như nhìn vào trạng thái toàn thể của nền kinh tế trong nước, mọi người ai nấy tăng cường chụp giựt. Vì thế, kẻ có tiền mong có tiền càng nhiều hơn, kẻ có quyền mong có quyền nhiều hơn. Nắm níu không

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

được, chẳng tiếc lao tâm, chẳng tiếc lao lực, rốt cục chẳng đạt được, phần nhiều sanh mệt mỏi, phần nhiều là vì đã xen tạp tâm ngạo mạn, tâm ghen tỵ! Hữu tình trong thế gian không ai chẳng là như thế, chúng ta có thể quan sát như thật.

(Kinh) Cầu pháp tinh thành, vô giải quyện, khinh tài tiện mạng khởi ái thân. Hàng phục nhất thiết chư ngoại luận, thường dĩ diệu pháp huệ thí bử.

(經)求法精誠無懈倦，輕財賤命豈愛身。降伏一切諸外論，常以妙法惠施彼。

(Kinh: Cầu pháp tinh thành, chẳng lười mệt, coi thường tài mạng, há yêu thân? Hàng phục hết thảy ngoại đạo luận, thường dùng diệu pháp thí cho họ).

Ở đây, nhắc đến một chương ngại lớn nhất đối với tu pháp trong thời đại này. Chương ngại gì vậy? Giải đãi, buông lung, chán mệt, chẳng thẹn, chẳng hổ! Đây là trạng thái toàn thể trong thời đại này. Do vậy, bậc thành tựu xuất thế, trụ thế rất hiếm hoi, vì giáo ngôn và ngôn thuyết học Phật dần dần tăng thêm nhiều, nhưng người thật sự thâm nhập tu tập ít ỏi. Do đó, hoàn toàn chẳng thể mười phần khiến cho người thế gian cảm nhận [Phật pháp] là nơi đáng nương cậy, đáng làm trông mắt, noi theo Phật pháp, sẽ khiến cho hữu tình trong thế gian thật sự tùy thuận giáo ngôn trí huệ thanh tịnh của Phật giáo để lìa khổ, được vui. Chúng ta phải khéo thoát khỏi thời đại lắm kẻ giải đãi này, thành tựu Bồ Đề, như câu nói “*hướng thượng nhất chiêu, toàn khán tự thân*” (phương cách hướng thượng hoàn toàn tùy thuộc chính mình). Muốn lìa khỏi đời hiện tại, nhất định chẳng thể buông lỏng cái tâm mạnh mẽ, tâm tinh tấn, tâm như pháp tế nhị thực tiễn thủ hộ. Nếu buông lỏng mà muốn xuất ly thế gian này, quả thật sẽ là rất khó!

(Kinh) Thời thế vô năng thọ tư kinh, diệc vô độc tụng, chuyển giáo nhân. Duy hữu thử bối ngũ bách hiền, kim w ngũ tiền tòng tòa khởi.

(經)時世無能受斯經，亦無讀誦轉教人。唯有此輩五百賢，今於我前從坐起。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

(Kinh: Khi đòi không ai thọ kinh này, cũng chẳng đọc tụng, dạy người khác. Chỉ có năm trăm hiền nhân này, nay đối trước ta đều đứng dậy).

Nếu trước đó, chúng ta chẳng yêu mến và tu tập pháp này trong một thời gian khá dài, mà có thể trực tiếp thọ trì kinh điển này, thật sự sẽ gặp khó khăn nhất định, vì lòng tin tưởng, hướng tới vẫn chưa đủ, làm sao có thể nghe kinh pháp, ngưỡng mộ kinh pháp, thực hành kinh giáo cho được?

(Kinh) Phục thử bát sĩ chư Bồ Tát, đương lai bắc thiên thọ tu pháp. Nhạo hằng quảng tuyên đa lợi ích, hoàng thị thậm thâm Tu Đa La. Thử bát Chánh Sĩ vi thượng thủ, bỉ ngũ bách số phục vô tăng. Viễn ly tật đố, khí danh văn, lai thế đương thọ quảng đại pháp.

(經)復此八士諸菩薩，當來北天授斯法。樂恆廣宣多利益，弘是甚深修多羅。此八正士爲上首，彼五百數復無增。遠離嫉妒棄名聞，來世當授廣大法。

(Kinh: Lại nữa, tám vị đại Bồ Tát ấy, sẽ đến bắc thiên thọ pháp này. Luôn thích rộng tuyên nhiều lợi ích, hoàng dương Khế Kinh rất sâu này. Tám Chánh Sĩ ấy làm thượng thủ, số năm trăm ấy chẳng tăng thêm. Xa lìa ghen tỵ, bỏ danh văn, đời sau sẽ dạy pháp rộng lớn).

Đoạn văn tự này thật sự là thọ ký. Trong hiện tiền đại chúng, có phải là có hạng người này được thọ ký hay không? Tôi chẳng hiểu, mà cũng chẳng biết, nhưng mọi người đối với pháp mà nếu có thể sanh lòng yêu thích, cũng chẳng loại trừ năm trăm vị hiền giả ấy, ai biết là người nào, là vị nào? Người có Thiên Nhân thấy rõ, người có Túc Mạng Minh biết rõ, người có Lưu Tận Thông biết rõ, người hành pháp biết rõ, người thành tựu Bồ Đề biết rõ.

“Thử bát Chánh Sĩ vi thượng thủ, bỉ ngũ bách số phục vô tăng” (Tám Chánh Sĩ ấy làm thượng thủ, số năm trăm ấy chẳng tăng thêm): Tám vị Chánh Sĩ ấy và năm trăm tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di cùng nhau nguyện, bất cứ lúc nào, chỗ nào, cũng đều thủ hộ người tu trì Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiện Tiền tam-muội, trong hết thảy mọi nơi, hết thảy mọi lúc, đều khiến cho hiện duyên của họ thành tựu, trọn đủ. Tám vị Chánh Sĩ và con số năm trăm chẳng có tăng giảm.

(Kinh) Như thị tỳ-kheo cập ni bồi, chư u-bà-tắc, u-bà-di. Xảo trí, vô đố, đặng pháp sư, đương thành Chánh Giác đại oai đức.

(經)如是比丘及尼輩，諸優婆塞優婆夷。巧智無妒登法師，當成正覺大威德。

(Kinh: Hàng tỳ-kheo và ni như thế, các u-bà-tắc, u-bà-di. Trí khéo, chẳng ganh, làm pháp sư, sẽ thành Chánh Giác, oai đức lớn).

Đây là đức Thế Tôn thọ ký tình hình hạng người ấy trong đời Mạt Pháp sẽ khiến cho giáo ngôn này được lưu truyền rộng rãi trong cõi đời, tức là thọ ký cho tứ chúng, vì đây là pháp tắc để tứ chúng tham dự và thủ hộ. Chẳng phải chỉ nói riêng về hàng xuất gia, hoặc là nói đến bậc thánh, bậc trí, cũng chẳng phải chỉ nói riêng chúng tại gia, mà là tứ chúng đều gồm đủ.

(Kinh) Bỉ bất tư nghị thần đức cụ, bách phước chi thể tướng trang nghiêm. Đạt vi diệu lạc trừ chúng khổ, trường bạt tam độc phiền não căn.

(經)彼不思議神德具，百福之體相莊嚴。得微妙樂除衆苦，長拔三毒煩惱根。

(Kinh: Trọn đủ thần đức chẳng nghĩ bàn, thể tướng trăm phước trọn trang nghiêm. Đạt vi diệu lạc trừ các khổ, nhỏ sạch rễ tam độc phiền não).

Nói “*tướng trăm phước*” tức là trọn đủ thiện xảo, như ngôn thuyết thiện xảo, thực thi thiện xảo (thực hiện thiện xảo), giáo thọ thiện xảo, cho đến tu trì thiện xảo, thành tựu thủ hộ thiện xảo, có thể khiến cho chúng sanh lìa khổ, được vui, dẹp trừ các nguồn khổ! Nói “*tam độc*” tức là tham, sân, si, tức căn bản phiền não. Hữu tình thời Mạt Pháp trọn đủ tham, sân, si, đó là trạng thái biểu hiện nơi tâm trí của người đời. Nếu lắng lòng quan sát, chúng ta sẽ có thể thấy rộng khắp các loại phiền não căn của tham, sân, si.

(Kinh) Thử đặng tòng kim xả mạng dĩ, chung bất thọ sanh ác đạo trung. Nhất thiết sanh trung thường hòa hợp, sở ngộ Bồ Đề tối thắng sự.

(經)此等從今捨命已，終不受生惡道中。一切生中常和合，所遇菩提最勝事。

(Kinh: Bọn họ từ nay xả mạng rồi, trọn chẳng thọ sanh trong đường ác. Trong hết thấy đời thường hòa hợp, luôn gặp chuyện Bồ Đề tối thắng).

Đức Thế Tôn thọ ký: Khi đức Thế Tôn tuyên thuyết, pháp này một mực được tiếp tục lưu truyền rộng khắp cho đến vị lai. “*Nhất thiết sanh trung thường hòa hợp*” (Trong hết thấy các đời thường hòa hợp). Vì hành pháp Ban Châu tức Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiên tam-muội, khiến cho tâm trí chúng sanh điều nhu, từ bi, yêu mến thế gian. Hòa hợp là một tiêu chí đặc biệt trọng yếu trong sự thủ hộ, vì xa lìa ghen ghét, vì thường tùy hỷ, vì tâm trí điều nhu, vì yêu mến hữu tình trong thế gian, vì muốn dẹp trừ nỗi khổ cho chúng sanh. Hòa hợp là một đại pháp tắc khá trọng yếu, mà cũng là pháp tắc tập thể, nhất là trong cuộc sống hiện thời, do ở trong thời Mạt Pháp, hữu tình ương ngạnh, khó giáo hóa, phần nhiều chấp chặt ý kiến của chính mình, cho nên tranh cãi lẫn nhau hết sức thường xuyên!

(Kinh) Ký xả nhất thiết ác thú sanh, diệc năng vĩnh ly chư nạn xứ. Công đức bất khả tri biên tế, như thị vô lượng thọ đa phước. Phục đương đắc kiến Di Lặc Phật, u bỉ thường khởi hòa hợp tâm. Cung kính cúng dường lợi ích tha, duy cầu Vô Thượng Bồ Đề cố.

(經)既舍一切惡趣生，亦能永離諸難處。功德不可知邊際，如是無量受多福。復當得見彌勒佛，於彼常起和合心。恭敬供養利益他，唯求無上菩提故。

(Kinh: Hết thấy đường ác chẳng còn sanh, cũng mãi xa lìa các chốn nạn. Công đức chẳng thể biết ngăn mé, vô lượng thọ, phước nhiều như thế. Lại sẽ được thấy Di Lặc Phật, tâm thường hòa hợp với kẻ khác. Cung kính, cúng dường lợi ích họ, vì chỉ cầu Vô Thượng Bồ Đề).

Chúng ta biết Câu Lưu Tôn Phật (Krakucchanda) là vị Phật đầu tiên trong Hiền Kiếp, Ngài xuất thế khi loài người thọ sáu vạn năm. Câu Na Hàm Mâu Ni (Kanakamuni) Thế Tôn là vị Thế Tôn thứ hai, xuất thế

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

khi loài người thọ bốn vạn tuổi. Ca Diếp (Kāśyapa) Thế Tôn là vị Thế Tôn thứ ba. Phật Thích Ca là vị thứ tư, Phật Di Lặc là vị Thế Tôn thứ năm, theo thứ tự như thế đó. Tính theo thứ tự sẽ có một ngàn vị Phật xuất thế. Nay chúng ta đang thuộc vào tiểu kiếp thứ chín của Hiền Kiếp, thuộc kiếp giảm, thọ mạng của nhân loại ngày càng ngắn hơn, nhân duyên phước đức ngày một giảm bớt. Một mực giảm cho đến khi tuổi thọ của con người là mười năm, loài người rất lùn, lại có tam tai bầu bạn. Sau đó, lại dần dần tăng trưởng. Khi Phật Di Lặc giáng thế, con người thọ tám vạn bốn ngàn năm, thân cao bốn mươi mét. Cỏ cây cũng biến hóa. Chẳng hạn như hiện thời kiêu mộc⁴ có lẽ chỉ tương đương với quán mộc trong vị lai. Quán mộc trong hiện thời có thể giống như cỏ trong thuở ấy. Tùy thuộc vào phước đức và nhân duyên của con người biến hóa, thân thể cũng tăng giảm theo, trăm vị cũng tăng giảm theo. Do thiện ác tăng hay giảm, trăm vị tăng hay giảm. Do phước đức nhân duyên biến hóa, cái nghiệp duyên thể chất của con người cũng biến hóa.

(Kinh) Bĩ thời, thử bối hằng tập hội, thừa sự siêu thế Lương Túc Tôn. Vị thử chư Phật diệu Bồ Đề, đương độ sanh tử đẳng bỉ nạn. Ư hậu mạt thế pháp hoại thời, bỉ đẳng diệc thường trì thử pháp. Như thị xứ sở hằng tu hành, ngộ Di Lặc thế sự nhược tư.

(經)彼時此輩恆集會，承事超世兩足尊。爲此諸佛妙菩提，當度生死登彼岸。於後末世法壞時，彼等亦常持此法。如是處所恆修行，遇彌勒世事若斯。

⁴ Kiêu mộc (喬木, arbor) là cách gọi các loài cây có thân gỗ cứng. Điểm đặc trưng của kiêu mộc là có một thân chính to, có chất gỗ cứng, cành lá vươn ra bốn phía, có thể tỏa bóng rợp, tàng cây có hình dáng nhất định, cao từ năm mét trở lên. Ta thường gọi là “cây có thân mộc”. Kiêu mộc chia thành ba loại: Tiểu kiêu mộc (từ chín mét trở xuống), trung kiêu mộc (từ mười cho đến mười tám mét), đại kiêu mộc (cao hơn mười mét).

Quán mộc (灌木, shrub, bush) là các loại mộc thành lùm hay bụi, không có thân chính rõ rệt. Tàng cây có hình dáng không nhất định, không cao quá sáu mét. Loại này vẫn có thể có thân gỗ, nhưng không có thân chính rõ rệt. Trong loại này, còn có một loại được gọi là Á Quán Mộc (half shrub), có hình dạng như Quán Mộc nhưng thân mềm, phần lớn có thân ngầm dưới đất, mùa Đông chết rụi, đến mùa Xuân lại mọc lên.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

(Kinh: Lúc ấy, bọn họ thường nhóm họp, thừa sự siêu thế Lương Túc Tôn. Do diệu Bồ Đề của chư Phật, sẽ vượt sanh tử, lên bờ kia. Mai sau Mạt Pháp, pháp sắp hoại, họ cũng thường luôn trì pháp này. Luôn tu hành nơi chốn như thế, gặp đời Di Lặc như thế đó).

Trong giáo ngôn, năm trăm vị tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di ấy, cùng với tám vị Chánh Sĩ thường hộ trì pháp này, tiếp nối cho đến tận tương lai lúc gặp Di Lặc Thế Tôn.

(Kinh) Sở khả u thử Hiền Kiếp nội, quảng vị lợi ích thế gian đấng. Bĩ nhất thiết xứ hộ thị kinh, an trụ tam thế vô úy sở.

(經)所可於此賢劫內，廣為利益世間燈。彼一切處護是經，安住三世無畏所。

(Kinh: Có thể ở trong Hiền Kiếp này, làm đèn soi đời rộng lợi ích. Hộ trì kinh này khắp mọi nơi, an trụ ba đời, không sợ hãi).

Đối với tám vị Chánh Sĩ, năm trăm tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di là những vị có trí huệ, đức Phật đã thọ ký cho đến khi pháp vận của Phật Di Lặc bắt đầu, các vị ấy vẫn có thể lợi ích thế gian rộng khắp. Trọn cả Hiền Kiếp, các vị ấy đều có thể lợi ích thế gian rộng khắp. Đây là sự thọ ký rộng lớn, chẳng phải là một vị Phật Thế Tôn thọ ký. Cho nên khi họ gặp Di Lặc Thế Tôn, cũng sẽ truyền bá giáo pháp này rộng khắp. Như thế thì nay chúng ta đang thuộc thời Mạt Pháp, sau khi đức Phật diệt độ, khi chánh pháp hoại, khi các điều ác hùng hực, chúng ta thủ hộ kinh Ban Châu Tam Muội, sẽ là phước đức và nhân duyên như thế nào? Sẽ giống như đức Phật đã thọ ký, chính là đèn sáng chiếu soi thế gian, có thể khiến cho hữu tình giải đãi, buông lung, chẳng hổ, chẳng thẹn trong thế gian sẽ sanh nhiều hổ thẹn, liễu giải và thủ hộ thiện căn của chính mình. Pháp này có thể khích lệ chúng sanh tự biết, tự giác, tự hiểu rõ.

(Kinh) Tương lai ức số đa chư Phật, bất khả tư nghị nan đắc biên. Tư giai cúng dường, quảng tu hành, thường hộ như thị thắng Phật sự.

(經)將來億數多諸佛，不可思議難得邊。斯皆供養廣修行，常護如是勝佛事。

(Kinh: Tương lai chư Phật nhiều ức số, chẳng thể nghĩ bàn, khó biết trọn. Thầy đều cúng dường, rộng tu hành, thường hộ thắng Phật sự như thế).

Ở đây là nói [các vị hộ trì ấy] sẽ ở nơi chư Phật nhiều đến vạn ức số trong kiếp vị lai, “*bất khả tư nghị nan đắc biên*” (chẳng thể nghĩ bàn, khó biết được ngần mé) tức là do nhân duyên rộng lớn đều cúng dường, tu hành rộng khắp, hộ trì các Phật sự thù thắng như thế. Vì thế, hành pháp Ban Châu cũng rộng khắp đến tận vị lai, cho đến ức số chư Phật. Vì sao? Do công đức có sức tiếp nối rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn của Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội, do thiện căn ấy chẳng thể tan hoại, do chân thật chẳng thoái chuyển.

Chúng ta đều biết, trong pháp tắc giáo ngôn của chư Phật, khá nhiều pháp tắc có thoái chuyển. Như trong giáo ngôn của Thanh Văn có một điển cố như sau: Một vị xuất gia vừa chứng đắc Sơ Quả, du hóa nhân gian, một lúc nọ, ở nơi tháp miếu của một vị Thế Tôn, bàn tay vô ý đặt trên tháp miếu. Khi đó, vị ấy đánh mất Sơ Quả. Vì sao? Tâm khinh mạn, tâm giải đãi mà ra. Đối trước tháp miếu của đức Thế Tôn mà làm lạc sanh kiêu mạn, do cái tâm lười nhác mà thoái thất Sơ Quả. Trong khi chúng ta tu tập pháp tắc, có tiến, có lùi, đó là pháp tắc tự lực. Nếu thuận tánh tu trì pháp tắc bất thoái, đương nhiên là sẽ chẳng tiến, chẳng lùi, chỉ là thủ hộ thanh tịnh, bình đẳng. Trong đời hiện tại, nếu tu trì phước đức nhân duyên tăng thượng, sẽ có tiến, có thoái. Nếu thuận tụy nương vào tự lực tu trì, muôn trong một đời thành tựu pháp tắc bất thoái chuyển, sẽ rất khó. Vì dấu cho loại pháp tắc ấy đã rất khó gặp gỡ [mà nay ta đã được gặp gỡ], bản thân do chúng ta thiện ác xen tạp, sẽ phần nhiều noi theo điều thiện tạp nhiễm, tuy thường hành pháp, phần nhiều là “*một tiến, chín lùi*”. Đó gọi là “*một nóng, mười lạnh*”. Mọi người đối với chuyện này đều đã quán chiếu và cảm nhận rất nhiều, có thể quan sát được!

(Kinh) Kỳ hūu tại tiền thành Bồ Đề, bỉ bỉ hàm đồng tu cúng dường. Nhi hoặc ư tiên thủ diệt độ, ngã trụ đa thế na-do-tha. Kim thử Hiền Hộ đại Bồ Tát, cập thị Bảo Đức xuất chúng trân. Thương Chủ,

Ngập Đa Già Ma Na, đương kiến hằng sa vô số Phật. Ư' bỉ diệc thọ vô thượng kinh, tiền dĩ kinh lịch đa kiếp số. Diệu toán bất năng tận kỳ hình, vô lượng ức kiếp thù năng tri. Nhược hữu chúng sanh đắc văn danh, hoặc u giác thời, cập thụ mộng. Năng phát dũng mãnh sư tử吼, bỉ bồi giai đắc Thiên Nhân Tôn.

(經)其有在前成菩提，彼彼咸同修供養。而或於先取滅度，我住多世那由他。今此賢護大菩薩，及是寶德出衆珍。商主岌多伽摩那，當見恆沙無數佛。於彼亦受無上經，前已經歷多劫數。妙算不能盡其形，無量億劫誰能知。若有衆生得聞名，或於覺時及睡夢。能發勇猛師子吼，彼輩皆得天人尊。

(Kinh: Ai đã thành đạo Bồ Đề trước, họ đều cùng nhau tu cúng dường. Hoặc ai đã nhập Niết Bàn trước, ta trụ thế nhiều do-tha kiếp. Nay như Hiền Hộ đại Bồ Tát, cùng Bảo Đức xả các thân bảo. Thương Chủ, Ngập Đa Già Ma Na, sẽ thấy hằng sa vô số Phật. Cũng thọ kinh vô thượng nơi Phật, trước đã trải qua nhiều kiếp số. Dẫu giỏi toán, chẳng tính trọn hết, vô lượng ức kiếp ai biết được? Nếu có chúng sanh được nghe danh, hoặc lúc tỉnh giác và nằm mộng. Có thể dũng mãnh sư tử吼, họ đều chúng đắc Thiên Nhân Tôn).

“Thiên Nhân Tôn” là đáng được thế gian ứng cúng, là đáng Điều Ngự Trượng Phu.

(Kinh) Nhược hữu chúng sanh dẫn văn danh, trực năng tín kính cập tùy hỷ. Nhất thiết tác Phật vô nghi lự, hà huống cúng dường u bỉ thân!

(經)若有衆生但聞名，直能信敬及隨喜。一切作佛無疑慮，何況供養於彼身。

(Kinh: Nếu có chúng sanh chỉ nghe tên, lập tức tín kính và tùy hỷ. Hết thấy thành Phật há ngờ chi? Huống hồ cúng dường thân vị ấy).

Nếu có chúng sanh nghe danh tự, danh hiệu của các vị đại Bồ Tát đó, nghe danh hiệu của pháp tắc, cũng được thành Phật, chẳng có ngờ vực! “*Trực năng tín kính cập tùy hỷ*” (Liên có thể tín kính và tùy hỷ): Bởi lẽ, pháp này là pháp siêng rông, pháp tinh tấn, có thể khiến cho Phật pháp được truyền bá rộng rãi trong thế gian, là pháp lợi ích thế gian rộng khắp. Khá nhiều người vốn chẳng học Phật, do thấy người khác kính hành Ban Châu mà hướng đến Phật pháp, yêu mến Phật pháp, cho đến có nguyện vọng tiến nhập hồng hiểu rõ Phật pháp. Vì sao vậy? Do bản thân pháp tắc này là siêng rông, cảm động người khác tới mức cùng cực! Người thế tục đối với cơ chế ngủ nghê, ăn uống v.v... trong cuộc sống thường nhật đã dưỡng thành thói quen. Thế mà [người hành Ban Châu] ngày ăn một bữa, thường đi, chẳng nằm, chẳng ngồi, cho đến trừ bỏ ngủ nghê, thật sự là một pháp tắc tu hành cảm động lòng người tột bậc. Nhưng trong ấy, do lại có Phật lực gia trì, Phật nguyện lực nhiếp trì, sức thần thông của Phật nhiếp trì, [cho nên] công đức và thiện căn của chính mình được chín muồi, tương ứng. Vì thế, đạt được lợi ích chẳng thể nghĩ bàn từ Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội. Đã thế, phàm lẫn thánh đều có thể hành, cho nên pháp này rất rộng lớn, có thể cảm động thế gian rộng lớn, có thể khiến cho hữu tình trong thế gian đạt được lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Vì vậy, nay chúng ta duy trì và tu tập pháp này chính là chuyện hết sức có ý nghĩa, mười phần thỏa đáng, mười phần tương ứng, mà đối với thân phận học Phật hoặc cơ chế học Phật của chúng ta cũng đều rất thỏa đáng.

(Kinh) Kỳ sở thọ pháp bất tư nghị, thọ mạng pháp trụ diệt vô lượng. Lợi ích quảng đại vô cùng tận, công đức trí huệ bất khả tri. Bỉ quá khứ Phật nan tư lượng, thanh tịnh trì giới Hằng sa số. Thử bối u bỉ quảng hành thí, duy cầu Vô Thượng Phật Bồ Đề.

(經)其所受法不思議，壽命法住亦無量。利益廣大無窮盡，功德智慧不可知。彼過去佛難思量，清淨持戒恆沙數。此輩於彼廣行施，唯求無上佛菩提。

(Kinh: Lãn nhận Phật pháp chẳng nghĩ bàn, thọ mạng, pháp trụ cũng vô lượng. Lợi ích rộng lớn chẳng cùng tận, công đức trí huệ chẳng thể biết. Quá khứ chư Phật khó suy lường, thanh tịnh trì giới nhiều Hằng sa. Họ thí rộng rãi ở nơi ấy, chỉ cầu Vô Thượng Phật Bồ Đề).

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Niệm Phật thành Phật, quyết định [chứng đắc] Vô Thượng Bồ Đề, chẳng còn ngờ nữa! Duyên theo Phật, quyết định thành Phật. Chuyện này được chân thật chiếu kiến trong pháp duyên khởi. Vì sao? Duyên theo Phật, ắt sẽ rốt ráo biết tự tâm, do chẳng lìa tâm pháp, cho nên rốt ráo Vô Thượng Bồ Đề.

(Kinh) Bỉ chư công đức bất khả số, đa kiếp tuyên thuyết mạc năng cùng. Ư Bồ Đề trung vô tăng giảm, thường niệm hộ trì kinh pháp.

(經)彼諸功德不可數，多劫宣說莫能窮。於菩提中無增減，常念護持是經法。

(Kinh: Các công đức ấy chẳng thể đếm, nhiều kiếp tuyên nói chẳng tận cùng. Trong Bồ Đề chẳng hề tăng giảm, thường nghĩ hộ trì kinh pháp này).

Đức Thế Tôn cũng khó nghĩ bàn công đức và lợi ích của pháp này, cho nên “*đa kiếp tuyên thuyết mạc năng cùng*” (nhiều kiếp tuyên nói chẳng thể cùng tận).

(Kinh) A Nan! Nhược nhân hộ thử kinh, thư tả, đọc tụng, cập ức niệm. Nhữ ưng quyết định hưng ái kính, chung bất ly thị ngũ bách trung.

(經)阿難若人護此經，書寫讀誦及憶念。汝應決定興愛敬，終不離是五百中。

(Kinh: A Nan! Nếu người hộ kinh này, biên chép, đọc tụng và nghĩ nhớ. Ông nên quyết định yêu kính họ, trọn chẳng lìa năm trăm người ấy).

Thiện tri thức ơi! Lời thọ ký này là sự gia trì tăng thượng và cố vũ hết sức có ý nghĩa. Thật sự là ấn khê sự thành tựu. Trong năm trăm vị hiền giả, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di ấy, vị nào là bậc thiện xảo? Dù nhận biết hay không nhận biết, quý vị đều phải nên khéo thủ hộ pháp tắc.

(Kinh) A Nan! Nhược nhân trì thử kinh, tự đương cần tâm cầu kiên cố. Tịnh trì cấm giới, xả thụy miên, quyết định đắc tư diệu tam-muội. Ngã Tỳ Ni xứ thuyết Mộc Xoa, chư tỳ-kheo học cư Lan Nhã. Nhược năng Đầu Đà bất xả ly, đắc thử tam-muội định vô nghi.

(經)阿難若人持此經，自當勤心求堅固。淨持禁戒舍睡眠，決定得斯妙三昧。我毘尼處說木叉，諸比丘學居蘭若。若能頭陀不捨離，得此三昧定無疑。

(Kinh: A Nan! Nếu ai trì kinh này, hãy nên tâm siêng cầu kiên cố. Giữ giới thanh tịnh, bỏ ngủ mê, chắc chắn đắc tam-muội mau nhiệm. Trong Luật Tạng nói đến Mộc Xoa, các tỳ-kheo học, trụ Lan Nhã. Nếu chẳng xả lìa hạnh Đầu Đà, quyết đắc tam-muội này chẳng nghi).

Mộc Xoa tức là Ba La Đề Mộc Xoa, dịch sang tiếng Hán là Các Cá Bảo Giải Thoát Giới (các giới bảo đảm sự giải thoát). Lan Nhã tức là chỗ A Lan Nhã, tâm trí tịch tĩnh, bỏ các ồn náo. Đầu Đà: Mười hai hạnh Đầu Đà, chẳng hề thọ thỉnh (tức chẳng nhận lời thỉnh cúng dường riêng), mặc y phẩn tảo, ăn một bữa, một chiếc áo do các mảnh vải vụn chằm lại, tu một mình dưới tàng cây v.v... Nếu ai có thể thường thủ hộ [hạnh ấy], nhất định sẽ có thể thành tựu tam-muội này.

(Kinh) Nhất thiết biệt thỉnh tận năng xả, phàm thị mỹ vị giai đoạn trừ.

(經)一切別請盡能舍，凡是美味皆斷除。

(Kinh: Hết thầy biệt thỉnh đều xả hết, phàm là vị ngon đều đoạn trừ).

Tham cầu sắc, vị, tham chuộng lợi dưỡng, sẽ khó thể thành tựu pháp này.

(Kinh) Sư sở thường khởi chư Phật tâm, thù vân bất chứng tư tam-muội?

(經)師所常起諸佛心，誰云不證斯三昧?

(Kinh: Tâm thường tưởng thầy như chư Phật, lẽ đâu chẳng chứng tam-muội này?)

Nếu đối với thầy, thường nói là trong pháp tắc giáo thọ tam-muội, tưởng thầy như Phật, cái tâm ấy sẽ viên mãn. Viên mãn là vì có khởi đầu viên mãn; cho nên chứng đắc tam-muội chẳng xa. Trong thời đại này, đối với kinh điển, đối với thầy dạy mà khởi lên ý tưởng đúng như pháp, sẽ khá khó khăn! Vì hữu tình trong đời Mạt Pháp có nhiều nghiệp tập, có lắm tâm nghiệp chẳng viên mãn, cho nên tưởng thầy giống như Phật rất khó! Làm như thế nào? Y pháp, bất y nhân, chẳng đánh mất thiện xảo. Nhưng nếu quý vị nói: “Ta chẳng quan tâm chuyện này, ta biết sư trưởng là phương tiện hư giả lập ra. Nếu cái tâm viên mãn, ta sẽ coi thầy giống như Phật”. Đó là quý vị thiện xảo, đạt được lợi ích ấy, chẳng phải do duyên nào khác, mà là do tâm duyên sanh ra. Coi đó là sự thật, ắt sẽ thành tựu tam-muội này.

(Kinh) Tham, khuể, si hoạn tiên giác tri, ngã mạn, tật đồ hàm viễn ly.

(經)貪患癡患先覺知，我慢嫉妒咸遠離。

(Kinh: Tham, giận, si hoạn nhận biết trước, ngã mạn, ghen tỵ đều xa lìa).

Đây là một nhân tố cơ bản nhất, hoặc có thể nói là pháp tắc thuộc về nền tảng hồng thành tựu pháp tắc này.

(Kinh) Tình vô cấu trước niệm vô vi, độc tụng, tư duy thắng tam-muội.

(經)情無垢著念無爲，讀誦思惟勝三昧。

(Kinh: Tình chẳng chấp cấu, niệm vô vi. Đọc tụng, tư duy thắng tam-muội).

Khi chúng ta đọc tụng kinh điển này, sẽ thấy phần nhiều là nhắc nhở chúng ta: “Đây là tư duy tam-muội”.

(Kinh) Thanh tịnh ý xứ vô khả nhiễm, điều phục chư căn, tức oán hiềm. Nhất tâm chuyên niệm Như Lai thân, độc tụng, thọ trì diệu tam-muội. Nhược hữu Bồ Tát tại cư gia, tâm thường kiên trụ xuất gia sự. Thọ trì, độc tụng khẩu nghiệp thành, tâm thường niệm học thử tam-muội.

**(經)清淨意處無可染，調伏諸根息怨嫌。一心專念如
來身，讀誦受持妙三昧。若有菩薩在居家，心常堅住出家
事。受持讀誦口業成，心常念學此三昧。**

(Kinh: Tâm ý thanh tịnh chẳng thể nhiễm, điều phục các căn, dứt oán hiềm. Nhất tâm chuyên niệm thân Như Lai, đọc tụng, thọ trì diệu tam-muội. Nếu có Bồ Tát sống tại gia, tâm thường trụ chắc chuyên xuất gia. Khẩu nghiệp chuyên đọc tụng, thọ trì, tâm thường niệm học tam-muội này).

“Tâm thường kiên trụ xuất gia sự” (Tâm thường trụ vững nơi chuyện xuất gia): Tuy đang ở tại gia, nhưng thường nghĩ xuất gia, thường nghĩ tới y bát. Đây là người tu hành tại gia có đủ thiện duyên và phước đức tăng thượng. Đức Thế Tôn đối với các vị đại Bồ Tát, tức tại gia Bồ Tát, đã dạy nhiều lượt như vậy, tán thán sự chân thật của công đức xuất gia. Trong đời Mạt Pháp này, tuy rất nhiều người xuất gia có vị đúng pháp, có kẻ chẳng đúng pháp, hoặc là có các thứ tướng trạng đáng nghi, nhưng vẫn chẳng thể ô nhiễm, nhuốm bản lợi ích và pháp tắc căn bản của xuất gia. Chớ nên vì nghiệp duyên của con người, vì nghiệp tập, chướng duyên, cộng nghiệp của thời đại mà ngăn chướng công đức xuất gia trong Phật pháp. Chớ nên vì hoàn cảnh con người, hoàn cảnh của thời đại mà soi mói Tam Bảo. Nếu ai vì một vị Tăng có những chỗ chẳng đúng pháp mà phỉ báng Tam Bảo, phỉ báng Tăng pháp, kẻ đó là người ngu muội. Nếu do đôi ba người hoặc nhiều người mà phỉ báng, cũng giống như thế. Cho đến do nhân duyên một đoàn thể, nhiều đoàn thể, hoặc do Tăng nhân trong một thời đại có lắm làm lỗi mà ngờ vực, phỉ báng công đức xuất gia của Tam Bảo thì cũng giống như thế. Vì có sao? Công đức xuất gia chẳng do một kẻ nào mà có, mà là do công đức của người thật sự hành hạnh xuất gia thủ hộ và thành tựu. Đối với chuyện này, các vị thiện tri thức nhất định phải khéo quan sát, đừng vì sai trái nơi hành vi của kẻ khác mà che lấp tâm duyên của chính mình, chướng ngại pháp tắc và lợi ích của chính mình. Thường nghe nói có người chửi bới Tăng pháp, Tăng nhân, chớ nên như thế! Nghiệp tạo tác và hành vi của con người trong mỗi thời đại hoàn bị hay không là do cộng nghiệp của thời đại ấy biểu hiện, chẳng phải do người xuất gia ấy muốn làm, mong làm, thực hiện. Vì thế, chớ nên chửi bới người xuất gia. Xuất gia chỉ là tướng mạo bề ngoài! Nếu quý vị tưởng người xuất gia

như thấy Phật, quý vị sẽ thấy Phật. Nếu quý vị hề thấy [người xuất gia] bèn sanh ý tưởng thị phi, chỗ nào cũng thấy lỗi lầm, tức là quý vị mang tâm tưởng làm lỗi, sẽ mắc quả báo làm lỗi, vương duyên làm lỗi. Các vị thiện tri thức ơi! Pháp do chúng ta duyên theo sẽ trở thành chủng tử, quả báo trong vị lai tất nhiên sẽ chín muồi. Do vậy, người thật sự tu hành chẳng thấy lỗi của thế gian. Vì sao ở đây [đức Phật dạy]: Ở bất cứ nơi nào, đều phải nghĩ đến pháp xuất gia? Vì công đức xuất gia chẳng phải bất cứ ai cũng có thể chiếm hữu, chẳng phải là người hiện tướng xuất gia hay tại gia có thể chiếm hữu. Chỉ có người hành pháp tác xuất gia, ngưỡng mộ xuất gia thì mới đạt được lợi ích, đạt được thiện xảo. Do vậy, người hành pháp tại gia thường nghĩ xuất gia, kiên cố cái tâm, “*thọ trì, đọc tụng, thành tựu khẩu nghiệp, tâm thường mong học tam-muội này*”. Đó là yêu cầu đối với người tại gia.

(Kinh) Hằng ứng tu trì ngũ chủng giới, diệc thường sở thọ Bát Giới Trai. Thường trụ tự miếu, xả tư sanh, độc tụng, tư duy thử tam-muội.

(經)恆應修持五種戒，亦常數受八戒齋。常住寺廟舍資生，讀誦思惟此三昧。

(Kinh: Luôn nên tu trì năm loại giới, cũng thường xuyên thọ Bát Giới Trai. Thường ở chùa miếu, xả của cải, đọc tụng, tư duy tam-muội này).

“*Năm loại giới*” là chẳng giết, chẳng trộm, chẳng nói dối, chẳng dâm, và chẳng uống rượu, thanh tịnh thủ hộ như thế. “*Thọ tám giới*”: Thông thường chúng ta đề xướng người tại gia ở trong chùa miếu thọ trì Bát Quan Trai Giới, hoặc là phi gia bát giới. Do đó, có thể làm chuyện của người xuất gia, khiến cho chúng ta chẳng đánh mất cái duyên thù thắng trong chùa, chẳng mất cơ hội thù thắng nơi tự viện, chẳng đánh mất công đức được đại chúng huân tu. Như thế thì chúng ta chẳng đánh mất cơ hội của chính mình, chẳng rối loạn nhân duyên của chính mình, có thể thật sự khởi tác dụng của việc trụ trong tự viện, tác dụng của cộng tu, xa lìa cái hại tại gia, công đức chẳng thể nghĩ bàn, cho tới trong một thế giới Diêm Phù Đề, nhiều thế giới, các hữu tình trong trọn khắp mỗi thế giới đều trì ngũ giới, chẳng bằng công đức thù thắng, công đức chẳng thể sánh bằng của một người thanh tịnh vâng giữ Bát Quan Trai Giới. Vì

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

thế, các vị thiện tri thức ơi! Chúng ta là người xuất gia, đương nhiên phải thủ hộ pháp tắc xuất gia, thật sự hãy nên tôn trọng hiện duyên của chính mình. Còn người tại gia đến chùa miếu xin thọ trì, thủ hộ Bát Quan Trai Giới, quả thật là thiện căn của quý vị chẳng thể nghĩ bàn! Nếu kẻ tại gia chúng ta muốn thọ Bát Giới, muốn thủ hộ sẽ rất khó. Vì lẽ nào? Do tạp duyên hừng hực, do nhiều người quấy nhiễu, do bị ngoại duyên chế ngự, gây khó. Chúng ta thủ hộ tám giới ở trong tự viện rất dễ. Mọi người trọn đủ cái duyên thù thắng như vậy, ai nấy hãy nên quý trọng!

“*Thường trụ tự miếu, xả tư sanh*” (Thường ở trong chùa miếu, bỏ của cải), tức là chẳng tham cầu thế gian, thường yêu thích đạo tràng, yêu thích hành pháp, yêu thích duy trì pháp tắc Phật pháp, thích huân tập.

(Kinh) Bất đương đam trước chúng phụ thiếp, vật ái nhi nữ cập trên tài. Trụ ưu-bà-tắc hành tu tâm, dẫn đương ức trì thủ tam-muội.

(經)不當耽著衆婦妾，勿愛兒女及珍財。住優婆塞行羞慚，但當憶持此三昧。

(Kinh:) *Đừng nên đắm đuối các thê thiếp, đừng yêu con cái và của báu. Trụ ưu-bà-tắc hành hổ thẹn, chỉ nên nhớ giữ tam-muội này).*

“*Bất đương đam trước chúng phụ thiếp, vật ái nhi nữ cập trên tài*”: Đây là nói về nam nữ. Nam thì đừng đắm đuối thê thiếp, nữ thì đừng quá yêu đắm con cái và của cải. “*Hành tu tâm*” (Giữ lòng hổ thẹn), đó là nói ưu-bà-tắc phải nên biết tại gia chẳng thể làm chuyện của bậc đại trượng phu, phải hổ thẹn. Quý vị nói: “Tôi là tại gia cư sĩ, có cần sanh khởi lòng hổ thẹn hay không?” Nếu đối với giáo ngôn của đức Thế Tôn, chẳng thể mạnh mẽ vứt bỏ các thứ trói buộc tại gia, quả thật phải nên sanh lòng hổ thẹn. Quý vị chẳng thể xuất gia, hãy nên sanh lòng hổ thẹn. Đó là phương tiện tăng thượng trong tu pháp. Nếu quý vị nói chính mình là kẻ tại gia không hổ, không thẹn, vẫn rất tốt đẹp, thì đạo nghiệp khó thể tăng thượng thành tựu, vì quý vị chẳng có tâm yêu thích tăng thượng!

(Kinh) Mạc u tha sở khởi hại tâm, duy tư trừ khử chư điều hý. Vô xứ khả trước trụ u nhân, dẫn niệm tư duy thủ tam-muội.

(經)莫於他所起害心，唯思除去諸調戲。無處可著住於忍，但念思惟此三昧。

(Kinh: Đừng dấy lòng hãm hại người khác, chỉ nghĩ trừ bỏ các đùa bỡn. Không chỗ chấp trước, trụ nơi Nhẫn, chỉ nghĩ tư duy tam-muội này).

“*Mạc ư tha sở khởi hại tâm*” (Đừng đối với người khác dấy lòng làm hại): Trong thế tục, đừng làm các điều ác, khó lắm! Nhưng trong tự viện, chẳng hạn như chúng xuất gia, nếu tạo ác nghiệp, hoặc tâm tưởng ác nghiệp, thật sự sẽ bị ràng buộc, lại còn không chỉ là những thứ tiếp nhận trong nội tâm. Vì sao xuất gia? Do có sự ngăn che, bảo vệ thiện xảo, vì được mọi người nhìn ngó, được mọi người yêu mến, được mọi người thủ hộ, được mọi người giám sát, đốc thúc, được mọi người cúng dường. Do nhân duyên ấy, cho nên người xuất gia có phương tiện tu đạo, có phương tiện xuất ly. Chẳng hạn như tiếp nhận sự tín thí của mười phương. Của tín thí nuôi thân ta; nếu chẳng thành tựu đạo nghiệp, đời đời kiếp kiếp khó thể đền trả mười phương tín thí. Đêm ngày ba lượt trăm trở, dùng gì để triệt tiêu? Vì thế, hàng xuất gia nếu chẳng tu hành đạo nghiệp, nếu chẳng dùng tâm trí chân thật để thủ hộ đạo nghiệp, đúng là cho đến đời vị lai chẳng thể đền trả! Món nợ ấy lần lượt tăng trưởng, chẳng thể nghĩ bàn, khó thể tính lường! Đối với chuyện này, hàng tại gia ưu-bà-tắc phải nên sanh tâm hổ thẹn, vì pháp tắc xuất gia có lợi ích chân thật như thế. Tuy thấy tợ hồ có áp lực, nhưng [pháp tắc xuất gia] thật sự khiến cho hữu tình chân thật xuất ly. Nếu người xuất gia chẳng thành tựu, cái nợ tức thế khó thể đền trả, đời này qua đời khác, trăm đời, ngàn đời, vạn đời, nhiều đời nhiều kiếp chẳng thể đền trả cái nợ thập phương. Đấy chẳng phải nói để [người nghe] sợ hãi, mà là nói đến nhân quả. Đó gọi là “*tha phương tín thí, nhật dạ tam phiên*” (Đối với tín thí từ phương khác, ngày đêm ba lượt trăm trở). Người tín thí có sức cũng lớn, công năng cũng cao, vì tịnh tín cho nên chân thành. Chân thành thì sẽ tăng trưởng chẳng ngớt!

“*Duy tư trừ khử chư điều hý*” (Chỉ nghĩ trừ khử các đùa bỡn): Do người tại gia có các thứ giải trí, các thứ phóng dật, các thứ hành vi chẳng ngăn đốn, các thứ ngôn thuyết có ích hay vô ích, có trở ngại hay không trở ngại, cho nên có nhiều điều buông lung, gây hại cho cõi đời, [có hại] cho cả mình lẫn người. Trong Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận của Long Thọ

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Bồ Tát có phẩm Tri Tại Gia Quá Hoạn, [quý vị] có thể tra duyệt văn tự hòng liễu giải những họa hoạn của tại gia. Rất nhiều cư sĩ tuổi trẻ sẽ nói: “Tôi còn chưa hưởng thụ hết phước đức trong nhân gian. Thế gian còn rất nhiều thứ lạ lùng tốt đẹp, còn có những trò vui tôi chưa nếm thử”. Nhưng quý vị chẳng dám bảo đảm chính mình còn có thể sống mấy ngày, sống mấy năm! Có người nói, “tôi về già sẽ học Phật”. Quý vị có thể sống đến già hay không, vẫn là một ẩn số! Ai cũng chẳng dám nói chính mình có thể sống đến năm nào, tháng nào, ngày nào? Trừ phi chính mình có Thiên Nhân Minh, mười phần biết rõ tương lai của chính mình. Hoặc là nói có sanh mạng tự tại lực, người như vậy có thể nắm giữ sanh mạng, nhưng người ấy tuyệt đối sẽ chẳng lần khân trong thế tục. Chúng ta vẫn cứ ngỡ chính mình còn rất trẻ, có rất nhiều thời gian để vui chơi, buông lung, cho đến tiếp tục làm những chuyện có hại, tức là tham, sân, si, mạn, nghi, tri kiến chẳng chánh đáng. Đúng là hãy nên cảnh tỉnh chính mình: Mạng người vô thường, trôi tuột qua như nước trên núi, sớm tối khó giữ được. Hôm nay hãy còn sống, ngày mai khó bảo đảm! Đó chẳng phải là lời dọa nạt, mà thật sự là lời chân thành! Có thể là vì ngoại duyên của tôi lừng lẫy, cơ bản là mỗi ngày đều gặp phải cảnh cáo tử vong.

Vì thế, đối với sanh tử vô thường, luôn có cảm giác mười phần thân thiết! Nhân loại đối diện với một người bạn nghiêm túc nhất, thân cận nhất là tử vong! Các bạn bè thân tình khác, tuổi thọ, cho đến tiếng tăm, lợi dưỡng, các thứ hưởng thụ, đều chẳng phải là bạn bè thật sự của ta, đều là gặp gỡ trong một lúc, do nhân duyên hòa hợp mà tạm thời gặp gỡ! Chỉ có tử vong là thân cận nhất, luôn luôn bầu bạn, luôn luôn theo sát, chẳng hề lìa bỏ! Chẳng có một khắc nào lìa bỏ chúng ta, chỉ đến khi nhân duyên chín muồi, sẽ trở thành sự thật. Nếu chẳng quán như thế, đạo nghiệp của quý vị làm sao thành tựu cho được? Quý vị dùng gì để duyên khởi vậy? Vì thế, các vị thiện tri thức hãy khéo quan sát nhé!

(Kinh) Mạc w tài vật sanh chấp trước, hoa, hương, đồ phẩn, cập chur man. Vô xứ nhiễm trước an bỉ nhĩn, dẫn đương thọ trì thử tam-muội.

(經)莫於財物生執着，花香塗粉及諸鬢。無處染著安彼忍，但當受持此三昧。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

(Kinh: Đứng với tài vật sanh chấp trước, hương, hoa, phấn bôi, tóc mượt mà. Chẳng hề nhiễm đấm, an trụ Nhân, chỉ nên thọ trì tam-muội này).

“*Vô xứ nhiễm trước an bỉ nhân*” (Chẳng hề đấm nhiễm mà an trụ trong Nhân): Đối với các chỗ đấm nhiễm, tâm có thể thanh tịnh quan sát, chẳng nhiễm, chẳng chấp, đó là an nhẫn. Nhẫn là chấp nhận, tùy thuận. Vô Sanh Nhân chính là pháp Nhân chẳng tạo tác.

(Kinh) Nhược tỳ-kheo-ni cầu thử kinh, đương cần quy kính, trừ tật đố. Điều hý, cống cao, cập ngã mạn, chúng bỉ Bồ Đề diệc bất nan.

(經)若比丘尼求此經，當勤歸敬除嫉妒。調戲貢高及我慢，證彼菩提亦不難。

(Kinh: Nếu tỳ-kheo-ni cầu kinh này, nên siêng quy kính, trừ ghen tỵ. Đùa bỡn, kiêu căng, và ngã mạn, chúng Bồ Đề ấy cũng chẳng khó).

Từ tỳ-kheo, ưu-bà-tắc, và ngay lập tức nói đến tỳ-kheo-ni, vì sao? Trong rất nhiều cách thuyết pháp, đức Thế Tôn đều nói theo kiểu như vậy. Được nhắc đến ở đây là do tỳ-kheo-ni cũng thuộc vào hai chúng xuất gia, chúng [tỳ-kheo-ni] này có phân lượng nhất định, cần phải nhắc đến. “*Đương cần quy kính trừ tật đố, điều hý, cống cao, cập ngã mạn*” (Hãy nên siêng năng quy ngưỡng, kính trọng, trừ ghen ghét, đùa bỡn, kiêu căng và ngã mạn). Đây đều là những lầm lỗi mà nữ chúng thường mắc phải!

(Kinh) Ứng phát tinh tấn, phá thụy miên, nhất thiết chư cầu giai đương đoạn. Tâm ái nhạo pháp, tịnh mạng tồn, duy đương độc tụng thử tam-muội.

(經)應發精進破睡眠，一切諸求皆當斷。心愛樂法淨命存，唯當讀誦此三昧。

(Kinh: Nên phát tinh tấn, trừ ngủ nghỉ, hết thảy mong cầu đều nên đoạn. Tâm yêu mến pháp, giữ tịnh mạng, chỉ nên đọc tụng tam-muội này).

“*Nhất thiết chư cầu giai đương đoạn*” (Hết thảy các mong cầu đều nên đoạn): Đó gọi là sống thiếu dục tri túc, an trụ trong tâm trí nhàn

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

tĩnh, xa lìa ồn náo. “*Tâm ái nhạo pháp tịnh mạng tôn, duy đương độc tụng thử tam-muội*” (Tâm yêu thích pháp, luôn giữ ý niệm sống thanh tịnh, chỉ nên đọc tụng tam-muội này), khiến cho chúng ta chuyên tâm nhập, tu tập pháp tắc này. Trong tự viện, so ra có nhiều cơ hội và cũng có nhiều nhân duyên hơn để thực hiện chuyện này. Do vậy, sau đây, chúng tôi cố vũ mọi người hãy tận lực đến tự viện thọ giới, tu hành pháp tắc. Như thế thì sẽ chẳng đánh mất nhân duyên thù thắng của tự viện, đợi đến khi chúng ta quay về thế tục, sẽ nói đến chuyện thế tục. Đó cũng là một phương tiện.

(Kinh) Tâm thường bất cộng tham dục cấu, mạc khởi khuể hận vô bách não. Bất dĩ ma phục hệ chúng sanh, duy đương thọ trì thử tam-muội.

(經)心常不共貪慾俱，莫起恚恨無迫惱。不以魔縛系衆生，唯當受持此三昧。

(Kinh: Tâm thường chẳng xen tạp tham dục, đừng dấy nóng giận, chẳng bức não. Đừng để ma trói buộc chúng sanh, chỉ nên thọ trì tam-muội này).

Hãy đừng nên trộn lẫn với tham dục, chẳng xen tạp sân hận bức não. Hiện thời, hữu tình trong thế gian sân hận, bức bách, não hoạn là chuyện hết sức thường xuyên, hết sức dễ dàng sanh khởi. Nữ chúng càng biểu hiện dữ dội hơn! Hãy nên chú ý! Nhất là người xuất gia, tâm hãy nên thường sanh từ bi. Người xuất gia trong quá khứ, bất luận là tỳ-kheo, hay tỳ-kheo-ni, đều phải nên có hai thứ tu trì, tức là từ tâm quán và quang minh quán. Từ tâm quán là khiến cho hết thảy hữu duyên thanh thản, vui sướng, an lạc, hoặc dấy lên thiện niệm. Quang minh quán là trừ hết thảy đối đãi thiện ác, tâm chẳng vướng mắc, gột trừ cấu nhơ trong tâm, được trụ trong an lạc. Hai pháp ấy chính là pháp tắc ắt phải hành của hàng xuất gia. Nếu không có hai pháp hạnh ấy, xuất gia rất khó, bất luận xuất gia với hình thức như thế nào, sẽ luôn chẳng tương ứng, luôn rất khó đạt được lợi ích chân thật. Ở đây, vẫn hy vọng chúng ta xa lìa các triền phục, chẳng phiền não lẫn nhau. Nếu chúng ta cộng trụ mà chẳng có tâm từ bi, tâm yêu mến, tâm tạo thêm lợi ích cho đối phương, hoặc là chẳng cùng nhau huân tập, chẳng có tâm tu pháp, vậy thì sẽ có não hại,

mà nã hại sẽ khiến cho tâm trí của kẻ khác phiền bức, chẳng thể an ổn, cho đến nảy sanh oán hận, đối địch.

(Kinh) Vô dĩ siểm khúc hữu sở vi, vật tham hảo y cập đồ huân. Mạc hành lưỡng thiết, ly phân tha, duy đương thọ trì thử tam-muội.

(經)無以諂曲有所爲，勿貪好衣及塗薰。莫行兩舌離分他，唯當受持此三昧。

(Kinh: Đừng hành các hạnh tâm siểm khúc, đừng tham áo đẹp và hương xông. Đừng nói đôi chiều, lời ly gián, chỉ nên thọ trì tam-muội này).

Ở đây, nữ chúng dễ vướng vào trạng thái này. “*Vô dĩ siểm khúc hữu sở vi*” (Đừng làm các chuyện siểm khúc): Siểm khúc khiến cho kẻ khác bị thương tổn nhất, vì nó chẳng thật. Nay chúng ta tu pháp, hãy y pháp, đừng y nhân. Hoàn cảnh như thế sẽ mùi phân thích đáng, hữu ích. Mọi người đều duyên theo một pháp tắc trong Phật pháp để tới nơi đây.

Vì thế, đối với pháp phải nên siêng ròng, hãy nên đọc tụng kinh điển cho nhiều, hãy tu tập pháp tắc cho nhiều, lìa bỏ nhân ngã thị phi, xa lìa siểm khúc, xa lìa a dua, nịnh hót, màu mè giả dối, hãy như thật tự biết pháp tắc của chính mình, như thật thủ hộ tâm trí của chính mình, gạt bỏ các hành vi chẳng thật. Thật ra, đối với các hành vi chẳng chân thật, ai nảy đều chẳng ưa. Đối với chuyện này, chúng tôi đề xướng “*y pháp, bất y nhân*” rất thuận tiện, vì trong siểm khúc, sẽ có nhiều tình cảm giả dối xen vào.

“*Vật tham hảo y cập đồ huân*” (Đừng tham áo đẹp và hương xông): Chẳng tham đả trang phục! [Miễn sao y phục] có thể chống lạnh, ngăn trùng, rắn, có thể che chỗ xấu xa, có thể khiến cho người trụ trong an lạc thì là có ý nghĩa. Nó có thể khiến cho chúng ta thành tựu đạo nghiệp, như thế là đủ rồi! Đối với những thứ khác, chớ nên quá mức dụng tâm, kéo tiêu hao sanh mạng và sự duy trì sanh mạng của chính mình. Đồ huân (塗薰), tức là hương bôi và hương xông. Người Ấn Độ có thói quen ấy. Nay chúng ta cũng có huân hương, nhưng chẳng phải mong cầu tốt đẹp cho riêng mình, mà là để khiến cho đại chúng an lạc, cho đến khiến cho người hộ pháp được an lạc, vui sướng.

“*Mạc hành lưỡng thiệt, ly phân tha*” (Đừng nói đôi chiều, chia cách kẻ khác): Đây có thể là nghiệp tướng tội bậc đặc thù của nữ chúng. Bên này nói bên nọ, có tác dụng ly gián lẫn nhau, tổn hại cả mình lẫn người, như thế sẽ khiến cho mọi người đều chẳng thoải mái. Đối với khẩu nghiệp, nữ chúng càng phải nên chú ý, vì mọi người tụ hội rất dễ tán gẫu, hý luận nhiều lắm, thậm chí phê phán ưu khuyết, đúng sai. Vì thế, chúng ta ngoài lúc tu hành, hãy ít nói năng những lời tầm phào chẳng có ý nghĩa, tức là [đừng bàn luận] nhân ngã thị phi, hãy nói nhiều về pháp tắc, cho đến niệm Phật cho nhiều, cho đến “*đánh chết ý niệm*”, tinh tâm niệm Phật. Đó là phương tiện.

(Kinh) Nam nữ thanh sắc bất hệ tâm, tịch tuyệt vô chư tà niệm sự. Ư giáo sư sở sanh Phật tướng, duy đương thọ trì tam-muội.

(經)男女聲色不繫心，寂絕無諸邪念事。於教師所生佛想，唯當受持此三昧。

(Kinh: Thanh sắc nam nữ chẳng bận lòng, dứt bật không còn chuyện tà niệm. Đối với thầy dạy, tướng như Phật, chỉ nên thọ trì tam-muội này).

Tà niệm là tâm chẳng thể tự chế ngự được. Đó gọi là “*diện đối hý sắc, tà thái ngoại dật*” (mặt mang về cột nhà, tâm thái tà vạy bộc lộ ra ngoài, chẳng thể giấu giếm được), do tâm trí bất chánh. Nếu người nào tâm trí hoảng hốt, chẳng thể tự an lạc thủ hộ tâm trí, sẽ chẳng thể duy trì pháp tắc chân thật, còn người tâm trí đơn thuần, tâm trí thẳng thắn, tâm trí nhất như sẽ “*duy đương thọ trì tam-muội*” (chỉ nên thọ trì tam-muội này).

(Kinh) Sở sanh vĩnh ly chúng ác đạo, ư Phật pháp trung bất không tín. Phá trừ tam hữu chư chương nạn, yếu thường thọ thị tam-ma-đề.

(經)所生永離衆惡道，於佛法中不空信。破除三有諸障難，要常受是三摩提」。

(Kinh: Thọ sanh mãi lìa các đường ác, đối với Phật pháp chẳng tin suông. Phá trừ các chương nạn ba cõi, phải thường thọ lãnh tam-muội này).

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiện Hộ Kinh giảng ký 2

“*Sở sanh vĩnh ly chúng ác đạo, u Phật pháp trung bất không tín*” (Đối với chỗ thọ sanh, vĩnh viễn lìa khỏi các đường ác. Đối với Phật pháp chẳng tin suông): Như hiện thời chúng xuất gia và tại gia ở nơi đây, đến tự viện mà nếu chẳng thể đúng pháp hành trì, sẽ đúng là xuất gia rỗng tuếch, học Phật phí công! Rơi vào trường hợp danh tự hư giả, thật sự chẳng tương ứng, chủ yếu là cô phụ bốn ân đức sâu nặng, cô phụ khát vọng của hữu tình trong tam đồ nạn duyên, cô phụ tín thí, cô phụ thầy dạy. Vì thế, trong Phật pháp, chúng ta phải nên chân thật thủ hộ, tu tập đúng như lý. “*Phá trừ tam hữu chư chướng nạn, yếu thường thọ thị tam-ma-đề*” (Phá trừ các chướng nạn trong tam giới, phải thường thọ lãnh tam-ma-đề này): Tam-ma-đề là tam-muội, thành tựu an trụ, công đức chân thật. Bài kệ này tiếp nói phần Trường Hàng trước đó, không ngừng khích lệ chúng ta nhận biết pháp tắc trì giới đầy đủ. Sau khi chúng ta đã kết thúc học tập, mọi người có thời gian, hãy lật xem kinh điển, niệm Phật, kinh hành, tư duy, quan sát. Chớ nên nghĩ lúc chúng ta học tập chỉ học tập. Sau khi ra khỏi thời khóa, bèn tán gẫu. Nếu cứ như thế thì thiện pháp chẳng thể duy trì liên tục được, tu pháp chẳng liên tục, đạo nghiệp chẳng liên tục, thiện căn công đức rất khó chín muồi! Cổ nhân đã nêu một thí dụ: Giống như nấu nước, đốt nóng tới sáu bảy mươi độ, để nguội, lại đun đến ba mươi độ, hai mươi độ, lại để nguội. Cứ đun đi đun lại như thế, nói chung là chẳng thể tiếp tục đun sôi được! Vì thế, đối với pháp, chúng ta phải liên tục. Học tập trong hiện tiền là điều trọng yếu, nhưng học tập sau đó càng trọng yếu hơn, vì thời gian học tập sau đó càng dài, càng nhiều hơn!

12. Phẩm thứ tám: Xưng Tán Công Đức

Pháp vốn trọn đủ, chẳng cần chúng ta phải bỏ thêm công sức. Thông qua một pháp hội, chỉ là biểu hiệu một phần, hoặc ít phần nội dung thực tế, vì muốn khiến cho các hữu duyên hữu tình trong hiện tiền sẽ nhờ vào cơ chế ấy mà thành thực thiện căn của chính mình, có thể tu chứng, cho đến thành tựu tam-muội này.

Đối với pháp tu trì Ban Châu tam-muội, muốn đắc Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội như thế, quả thật chẳng khó! Khó ở chỗ phát tâm, khó ở chỗ như thật liễu giải toàn thể cơ chế của pháp này, khó ở chỗ thế nguyện quyết định thủ hộ. Trong cõi đời, vốn chẳng có hai pháp khó và dễ, hoặc có chuyện khó hay dễ, chỉ tùy thuộc vào tư lương có đầy đủ hay không, pháp duyên có đủ hay không! Các

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

chuyện đều trọn đủ nhân duyên, khó và dễ là nói tương đối! Thật ra, chẳng có gì có thể chướng ngại cơ hội khiến cho chúng ta đích thân chứng tam-muội như vậy. Chúng ta có cơ hội học tập và coi trọng nó, tất nhiên cũng có cơ hội thành tựu. Hết thầy đại chúng hiện tiền đừng ngại vực điều này. Chư Phật là đáng nói lời thành thật, đáng nói lời chân thật, chúng ta có thể như lý, như pháp học tập, nhận thức pháp tắc này, hiểu rõ sự phát tâm. Như thế thì đối với công đức và lợi ích chân thật của tam-muội Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền như thế, sẽ thật sự không xa! “Xa” chỉ vì dụng tâm khác nhau, do cảm nhận nghiệp tướng [khác biệt]. Nếu chúng ta thoát khỏi sự cưỡng chấp nghiệp tướng từ vô thi tới nay của chính mình, thật sự liễu giải pháp tắc “*vạn pháp duy thức*”, liễu giải giáo nghĩa chân thật “*tánh Không duyên khởi*”. Lại nhìn pháp này, sẽ thật sự giống như vật trong lòng bàn tay. Điều chủ yếu nhất trong tu tập Phật pháp là phát tâm, nhân duyên tối sơ ở chỗ phát tâm. Sự tiếp nối tu tập sau đó chính là sự chứng thực và xác lập của phát tâm.

Nay đang trong thời gian An Cư, năm nay có tháng Bảy nhuận, có thể là ba tháng an cư, mà cũng có thể bốn tháng an cư. Chúng thường trụ chùa Phóng Quang nhất trí yêu cầu bốn tháng an cư. Vì sao trong vòng một tháng của tháng Bảy nhuận chúng ta học tập pháp này? Điều chủ yếu nhất là vì muốn cho mọi người sau khi An Cư kết thúc, sẽ có một pháp để tiếp tục [tu tập], có một pháp để thực hành. Vì một khi An Cư kết thúc, mỗi cá nhân đối với sự y chỉ và nhận thức pháp tắc sẽ có thể là muôn ngàn sai khác, nhưng sau khi chúng ta đã học tập, vừa khéo là mỗi người sẽ dựa theo nhân duyên [riêng biệt của chính mình] để tu tập pháp tắc này, thâm nhập pháp tắc này, cho đến thành tựu lợi ích chân thật nơi tam-muội.

***(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh, quyển đệ tứ.
Hiền Hộ Phần Xưng Tán Công Đức phẩm đệ bát.***

Nhĩ thời, Hiền Hộ Bồ Tát, cập Bảo Đức Ly Xa Tử, Thiện Thương Chủ trưởng giả, Già Ha Ngập Đa cư sĩ tử, Na La Đạt Đa Ma Nạp, Thủy Thiên trưởng giả, dĩ ngũ bách đồ chúng đẳng, văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, tức dĩ ngũ bách thượng y phục, phụng phú Thế Tôn. Phục dĩ đa chủng cúng cụ, cúng dường Thế Tôn, tâm nhạo pháp cố.

(經)大方等大集賢護經卷第四。

賢護分稱讚功德品第八。

**爾時，賢護菩薩，及寶德離車子，善商主長者，伽訶
岌多居士子，那羅達多摩納，水天長者，與五百徒衆等，
聞佛所說，皆大歡喜，即以五百上衣服，奉覆世尊。復以
多種供具，供養世尊，心樂法故。**

*(Kinh: Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh, quyển thứ tư.
Hiền Hộ Phần. Phẩm thứ tám: Khen Ngợi Công Đức.*

*Lúc bấy giờ, Hiền Hộ Bồ Tát, và Bảo Đức Ly Xa Tử, trưởng giả
Thiện Thương Chủ, con của cư sĩ Già Ha Ngập Đa, Na La Đạt Đa Ma
Nạp, trưởng giả Thủy Thiên, và năm trăm đồ chúng v.v... nghe lời Phật
dạy, đều hết sức hoan hỷ, liền dùng năm trăm y phục thượng diệu dâng
lên che đức Thế Tôn. Lại dùng nhiều loại vật cúng để cúng dường đức
Thế Tôn vì tâm vui thích pháp).*

“*Tâm nhạo pháp cố*” (Do tâm ưa thích pháp): Bốn chữ này đã nêu rõ năm trăm đồ cúng dùng năm trăm bộ y phục thượng diệu để dâng cúng đức Thế Tôn, hòng biểu lộ sự vui thích đối với pháp, biểu lộ sự vui sướng, hớn hở trong nội tâm.

“*Đa chủng cúng cụ*” (Nhiều loại vật cúng): Không vật dụng nào chẳng phải là các vật dụng được người cúng dường hoan hỷ, tôn trọng, yêu thích. Phong tục tập quán của Ấn Độ là như thế đó. Nhằm biểu lộ tâm tình vui sướng, tâm tình tôn trọng của chính mình, bèn dùng các phẩm vật mà chính mình tôn trọng, yêu thích làm phương thức biểu lộ. Xá-lợi răng Phật hay xá-lợi xương Phật ở Trung Hoa thường được đưa triển lãm tại nước ngoài, nhất là đến các nước như Miến Điện, Thái Lan v.v... Các chỗ xe chở xá-lợi đi qua, người ta đều đem các thứ mà chính mình nghĩ là quý trọng nhất ném lên xe. Y phục của các vị pháp sư thủ hộ xe chở xá-lợi đều bị đè nặng trĩu! Đây là một thứ phong tục tập quán của họ. Người Hoa nếu tôn trọng thứ chi đó, có thể là tán thán mây câu, nói mấy lời rất hoan hỷ là được rồi, “*điểm đến thì dừng*”, chắc chắn chẳng đem những món đồ quý trọng rải lên đó! Chẳng có thói quen ấy, chẳng có phong tục ấy! Nhưng tại các quốc gia như Ấn Độ và Đông Nam Á, họ sẽ biểu hiện có phần cụ thể hơn!

(Kinh) Các dĩ kỷ thân phụng thừa Như Lai.

(經)各以己身奉承如來。

(Kinh: Ai nấy đều dùng thân của chính mình để phụng sự Như Lai).

Tức là lễ bái, tán thán, tùy thuận lời dạy của tổ sư. Như một ngàn hai trăm năm mươi vị tỷ-kheo thường theo đức Thế Tôn du hóa, cũng là dùng thân tâm để cúng dường đức Thế Tôn, dùng công đức quyên thuộc để trang nghiêm đức Phật.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn cáo A Nan ngôn: - Thị Hiền Hộ Bồ Tát thường u bỉ đẳng ngữ bách đồ chúng, nhi tác nghĩa sư.

(經)爾時，世尊告阿難言：「是賢護菩薩常於彼等五百徒衆，而作義師。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo ngài A Nan rằng: - Vị Hiền Hộ Bồ Tát này thường làm thầy dạy về nghĩa lý cho năm trăm đồ chúng ấy).

“Nghĩa sư” là vị hướng dẫn phát tâm, hướng dẫn về pháp tắc, cho đến hướng dẫn về cách thành tựu và xác định pháp tu.

(Kinh) Thuyết chư pháp yếu, giáo hóa ủy dụ.

(經)說諸法要，教化慰喻。

(Kinh: Nói các pháp yếu, giáo hóa, an ủi, huấn dụ).

Các vị thiện tri thức thường nói tỷ dụ, muốn cho chúng sanh hướng tới pháp, tạo thành cơ hội tăng thượng để thoát lìa các nạn duyên đối với pháp. Có khi chúng ta tu pháp sẽ gặp đủ loại trở ngại, chẳng đủ tư lương, cho đến nảy sanh sợ hãi, sanh tâm thoái đọa. Vì thế, hết thấy Bồ Tát và thiện tri thức đều an ủi, khuyên dụ, thành thực thiện căn cho người đó, khiến cho người đó tiến nhập Bồ Đề.

(Kinh) Linh bỉ hoan hỷ. Dĩ hoan hỷ cố, bỉ bối tức đắc tùy thuận chi tâm, chân thật chi tâm, thanh tịnh chi tâm, ly dục chi tâm, trừ chư phiền não, vô phục Cái Triền.

(經)令彼歡喜。以歡喜故，彼輩即得隨順之心，真實之心，清淨之心，離欲之心，除諸煩惱，無復蓋纏。

(Kinh: Khiến cho họ hoan hỷ. Do hoan hỷ, nên họ liền có tâm tùy thuận, tâm chân thật, tâm thanh tịnh, tâm ly dục, trừ các phiền não, chẳng còn có Cái và Triền).

“Đắc” trong từ ngữ “tức đắc” chính là “có thể thành tựu”. Trong quá trình chúng ta học tập giáo ngôn Ban Châu, nếu có thể thường xuyên sanh vui mừng đối với pháp này, thích cúng dường pháp tắc này, cho đến lễ bái kinh điển, tán thán người hành pháp, cúng dường người hành pháp, thủ hộ đạo tràng hành pháp, sẽ đạt được lợi ích chẳng thể nghĩ bàn nơi Phật pháp, cho tới thành tựu tín thuận, tùy thuận lợi ích của pháp tắc này!

“Vô phục Cái Triền” (Chẳng còn có Cái và Triền): Hai pháp Cái và Triền là nghiệp tướng của chúng sanh. Ở đây, chúng tôi không ngại nêu ra. Phạm phủ trọn đủ hai pháp Cái và Chướng (tên gọi khác của Triền). “Cái” được chia thành năm món Cái. Cổ nhân nói [danh tướng của các món Cái] không đồng nhất. Có người nói [Ngũ Cái] là tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Cũng có người cho rằng [Ngũ Cái] là Tham Dục Cái, Sân Khuê Cái, Điều Cử Cái, Thụy Miên Cái (chướng ngại do ngủ nghỉ gây ra), và Nghi Cái. “Cái” (蓋) có nghĩa là khiến cho chúng sanh chẳng thấy được vàng mặt trời trí huệ, chẳng đạt được phương tiện trí huệ, trong tâm tối tăm, phần nhiều chẳng trọn đủ thiện xảo. Ngũ Cái che lấp tâm thức, khiến cho chánh pháp mai một; do vậy, chẳng thể đạt được các thiện xảo nơi thế gian và xuất thế gian.

“Triền” thì có Thập Triền, phiền não nhập tâm. Do nó khiến cho hành nhân chẳng có sức tự tại, cho nên gọi là Triền (纏, trói buộc). “Cái” trong phần trước là phiền não thô nặng, còn Triền trong phần sau là Tùy Phiền Não. Thập Triền phổ biến nhất nơi con người hiện thời. Mười loại Triền bao gồm: Một là vô tâm (chẳng xấu hổ), hai là vô quý (chẳng biết thẹn). Kẻ chẳng hổ, chẳng thẹn sẽ không có cách nào tiến nhập pháp tắc, phần nhiều đọa trong hạng tâm thường, tự thỏa mãn, đạt được chút ít đã cho là đủ. Trong lúc đức Thế Tôn giảng kinh Pháp Hoa, có năm ngàn người rời đi. Đức Thế Tôn nói những kẻ tăng thượng mạn ấy rời đi, rất tốt! Vì sao? Vì họ chứng đắc chút ít đã cho là đủ, tự cho là đúng. Ba là ngủ nghỉ, bốn là hậu hối (làm rồi bèn hối hận), năm là xan

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

(慳, keo kiệt), sáu là tật (嫉, ganh ghét), bảy là điệu (掉, lao chao), tám là miên (眠, trầm mê), chín là phần (忿, căm phẫn), mười là phú (覆, giầu giếm). Mười Triền pháp do nghiệp phần của chúng sanh mà hiện. Hiện thời, nếu chúng ta chẳng sử dụng hành pháp Ban Châu mà mong đổi trị Thập Triền và Ngũ Cái thì hầu như không có cách nào, rất khó trực tiếp nhận biết chúng, hoặc điều chỉnh chúng, nhưng hành pháp Ban Châu tiêu trừ các món Cái và Triền Phục ấy rất dễ dàng!

Đối với điều thứ ba là Thụy (睡, ngủ nghê) trong Thập Triền, phải nên nhắc tới đôi chút. Thông thường, chúng ta cho rằng nhắm mắt là ngủ. Ngủ gây chướng ngại cho việc sử dụng sức tự tại của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý, tức năm căn bế tắc thì gọi là Ngũ. Có người tu pháp trong mộng⁵, người ấy chẳng gọi là Ngũ. Vì sao? Người ấy đang tu

⁵ Đây là pháp tu quán tưởng và điều khiển ý thức trong mộng của Mật Tông Tây Tạng, thường được biết đến với tên gọi là Dream Yoga (Svapnadarsanta trong tiếng Sankrit, hay Milam Naljor trong tiếng Tây Tạng). Pháp tu nổi tiếng nhất gọi là Lục Pháp của Naropa do tôn giả Naropa đề xướng. Tôn giả Gamgopa đề xướng các bước căn bản như sau:

1. Nắm bắt giấc mộng: Nhận thức sinh động trong giấc mơ. Để thực hiện điều này, hành giả phải quán mọi cảm nhận trong cuộc sống hằng ngày đều như giấc mơ, để đến khi ngủ, khi nằm nghiêng bên phải, họ thật sự nhận biết chính mình đang bắt đầu tiến vào mộng, đồng thời mật niệm chân ngôn, quán tưởng ý thức hình thành từ từng chủng tử trong tâm trí trước khi ngủ thiếp đi.

2. Huấn luyện giấc mộng: Hành giả phải tập luyện sao cho tâm trí nhận biết chính mình đang nằm mộng, đối diện với mọi cảnh tượng trong mộng đều chẳng hoan hỷ hay sợ hãi.

3. Quán tưởng: Hành giả kiểm nghiệm tự tâm trong giấc mộng, luôn nhận biết chính mình đang nằm mộng, trừ khử mọi ý niệm vi tế sợ hãi hay chấp trước, luôn nhận thức cái tâm vô ngại.

4. Thiền Định: Hành giả phân tích mọi trình tự của giấc mộng, biết đó chỉ là sự phản chiếu của mọi ý niệm vi tế ẩn tàng trong tạng thức. Nếu tán tâm hay hôn trầm trong giai đoạn này, khi thức giấc hành giả phải lập tức quán chiếu các chủng tử (bija) của các chân ngôn tương ứng và thực hành phép quán Đại Thủ Ấn (Mahamudra) khi vừa thức dậy.

Mỗi tông phái trong Tạng truyền Phật giáo có các bước quán tưởng về giấc mộng sai khác đôi chút, nhưng chẳng rời ngoài bốn giai đoạn chánh yếu như trên. Các vị thầy có thẩm quyền về pháp tu này đều khuyến cáo: Để tu pháp này, phải được truyền thừa, hướng dẫn, và giám hộ bởi một vị đạo sư có kinh nghiệm thực chứng, không thể tự tiện học qua sách vở hay tài liệu vì dễ đi sai đường, hay bị tẩu hỏa nhập ma. Cũng như nếu không cẩn thận, học nhầm pháp tu của đạo Bon cũng có danh xưng

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

pháp. Nếu chúng ta đã biết pháp tắc trong Phật pháp, mà vẫn buông lung vô độ, tham ngủ nghệ, thì về sau sẽ hối hận. Về sau hối hận gì vậy? Luống uổng một đêm, luống uổng một ngày, ngày này qua ngày nọ luống uổng như thế đó. Trong một đời người, ta dùng mất nửa thời gian để ngủ; thực tế là thuộc vào trạng thái chẳng thể tự chủ. Ban ngày, khi mặt trời mọc, chúng ta trông thấy tướng quang minh, toàn thể nhân loại đều được ánh sáng mặt trời soi rọi, khá có tinh thần, các thứ hành vi có thể rõ ràng hơn, tự chủ hơn. Khi mặt trời lặn, khi màn đêm buông xuống, sẽ dễ buồn ngủ, tâm trí mất đi sự tự chủ. Đó là tướng biểu hiện của cộng nghiệp.

Trong tướng biểu hiện của cộng nghiệp, chúng ta sẽ cảm nhận, và cũng có thể trông thấy: Lúc ngủ, sức tự chủ của chúng ta bị vùi lấp bởi sự bức bách của nghiệp, bị đè nén bởi cảm nhận, bị vô minh đè nén. Do bị đè nén mà chẳng đắc lực. Vì thế, trong khi mơ ngủ, phần nhiều chẳng tự chủ. “*Đạ*” (Ban đêm) có ý nghĩa “*tối tâm che phủ*”. Thật ra, ban ngày chúng ta có tự chủ hay chẳng? Chẳng phải là thường bị tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến sai khiến ư? Nếu là như vậy, trong lúc ban ngày và trong mộng, chúng ta đều chẳng thể tự chủ, kết quả là một kẻ thường mơ màng, tâm tối!

“*Tứ hối*” (Điều thứ tư là Hối): Đối với Hối (悔), trong Phật giáo thường nói đến sám hối, chẳng có duyên gây ra hậu hối (後悔, hối hận sau khi đã làm chuyện gì đó). Hậu hối phần nhiều là vì nhân duyên “kết quả đạt được chẳng tương ứng với lòng mong mỏi của chính mình”, bèn nảy sanh một thứ tướng phiền não. Do vậy, gọi là Triền, cũng gọi là Tùy Phiền Não. Người hậu hối sẽ thường nói: “Ôi trời ơi! Ta chẳng nên làm chuyện này, ta chẳng thể làm chuyện kia...” Người như thế suốt đời chẳng thành tựu chuyện gì! Những người có trí huệ đã sớm biết duyên khởi, quá trình và kết quả, chọn lựa rõ ràng pháp tắc như thế, sẽ tuyệt đối chẳng khiến cho chính mình bị che lấp, mê mờ, cũng sẽ chẳng bị sự tướng che lấp, càng chẳng bị mê mờ vì điều được, lẽ mất!

“*Ngũ xan*” (Điều thứ năm là Xan): “*Xan*” (慳, keo kiệt) là chẳng nỡ bỏ các vật. Đối với tài vật, chính mình còn chẳng thể dùng, huống hồ cho người khác ư? Hữu tình thời Mạt Pháp ích kỷ, keo kiệt rất nghiêm trọng!

tương tự, sẽ rơi vào cảnh giới của thần đạo, hay quỷ đạo, chẳng phải là Kim Cang Thừa.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

“*Luc tật*” (Điều thứ sáu là ghen ghét): Chẳng muốn kẻ khác hơn mình, đó là Tật (嫉, ghen ghét). Vì thế, do cái tâm hiếu thắng, sẽ có lắm điều ghen tỵ. Người ghen tỵ cần phải hành pháp tùy hỷ cho nhiều, thường hành pháp tùy hỷ khiến cho tâm trí của chính mình sáng sủa, an trụ trong lợi ích rộng lớn, coi sự thành tựu của người khác như sự thành tựu của chính mình. Như thế thì thiện duyên sẽ trọn đủ, tự thân an lạc. Trong thời đại này, cái tâm so đo, háo thắng khá nhiều. Do vậy, chính là thời đại đấu tranh kiên cố, cái tâm ghen tỵ mười phần phổ biến. Chúng ta phải nên tự khéo tư duy, tiêu trừ nó (tâm ghen tỵ) từ nghiệp tướng của chính mình. Dùng tâm trí tùy hỷ và tán thán để tùy hỷ công đức và thiện duyên của người khác, tùy hỷ phước báo và thành tựu của người khác. Như thế thì chúng ta sẽ đạt được sự an vui rộng lớn, vì lúc quý vị tùy hỷ sự thành tựu của người khác, nếu thấy người khác thành tựu cũng giống như chính mình đạt được. Như vậy thì sẽ nảy sinh sự vui sướng và an lạc, sẽ sống hết sức hòa bình, rộng lớn, xa lìa các khổ não bức bách trong tâm. Có nhiều hữu tình muốn hơn người khác đã lâu, vĩnh viễn mong luôn ở trong trạng thái tôn quý, giỏi giang hơn người khác. Đó là tâm trí Tu La. Kết quả của tâm trí như thế là cuộc sống đấu tranh chằng ngời, quá khó khăn, quá khổ sở. Cuộc sống như vậy sẽ khá bức bách!

“*Thất điệu*” (Điều thứ bảy là lao chao): “*Điệu cử*” (掉舉, trao cử) là tâm trí bộp chộp, thiện căn khá mỏng ít, là kẻ hư vọng chấp giữ “lấy, bỏ”, rất khó có tâm trí trầm tĩnh, bình thản. Tâm trí chẳng an, chẳng thể thủ hộ điều gì, chẳng được an vui trong các cảnh giới. Đó gọi là chẳng thể Chỉ, tức là tu trì Xa-ma-tha sẽ khó thể thành tựu. Hôn trầm và điệu cử là một cặp pháp đối ứng. Hữu tình trong thời Mạt Pháp nếu chưa đắc Thiền Định, phần nhiều chẳng hôn trầm thì sẽ đọa vào điệu cử. Chẳng điệu cử, ắt sẽ rơi vào hôn trầm, chẳng thể thoát ra, chẳng có con đường thứ ba để đi! Nhưng con đường thứ ba chính là Chỉ Quán thành tựu, đạt được niềm vui tam-muội.

“*Bát miên*” (Điều thứ tám là Miên): Mê ngủ có tính chất hôn trầm kéo dài, chẳng thể tự khống chế.

“*Cửu phần*” (Món Triền thứ chín là phần): Vì tâm chẳng tương ứng, chẳng thể sanh ra lợi lạc, bèn sanh sân hận. Cổ nhân nói “*phần phần bất bình*”. Tuy chẳng kịch liệt như Sân Hận, nhưng cũng là một thứ phiền não. Vì vậy, nói Phần là Não Hoạn.

“*Thập phú*” (Món triền phược thứ mười là Giấu Giếm): Thường che giấu khuyết điểm của chính mình, mong tự bào chữa, vì sợ mất danh

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

dự. Danh dự đúng là hư giả, nhưng rất nhiều người vì danh dự hư dối, chẳng tiếc sức giầu giém. Người thời Mạt Pháp, nghiệp duyên hùng hực, tạp duyên hùng hực, thường xuyên qua lại với người khác, suốt đời siêng năng tạo lỗi, tức là cơ hội phạm phải lầm lỗi rất nhiều. Chỉ cần tỏ lộ thì sẽ được an lạc, giống như phương tiện vứt bỏ rác rưởi, nhưng nếu che giấu khuyết điểm, sẽ giống như tiếc nuối, cất giấu rác rưởi! Có các vị Bồ Tát suốt đời siêng năng tom góp rác rưởi, thường hay tự bào chữa, luôn mong tô vẽ cho chính mình có bộ dạng rất viên mãn, rất thiện lương, rất nghiêm túc. Kết quả là tự thân hứng chịu tràn trề các lỗi lầm vì chẳng như thật! Vì lỗi lầm chẳng có tự tánh, cho nên hễ sám hối bèn được an lạc!

Vì sao phải nêu ra hai loại Triền và Cái? Chính là do chúng ta sống trong thời Mạt Pháp, trong khi tu tập, chẳng nhận biết rõ ràng, nhưng đây lại là một nghiệp tướng đặc biệt trọng yếu. “Tham, sân, si, mạn, nghi, tri kiến chẳng chánh đáng” khá thô nặng, thông thường chúng ta có thể thấy được, nhưng các món Triền sau đó như vô tâm, vô quý, hôn trầm, điều cử, hậu hồi, keo tham, ghen tỵ, mọi người chẳng để ý. Thật ra, chúng nó đều có thể sanh khởi căn bản phiền não giống y hệt như năm món trước (tham, sân, si, mạn, nghi). Hễ hơi nặng hơn thì “tham, sân, si, mạn, nghi, tri kiến chẳng chánh đáng” là sáu món căn bản phiền não sẽ bộc lộ. Sáu căn bản phiền não ấy mười phần thô nặng! Nhưng người học Phật trong hiện thời, đội cái mũ “là người học Phật” thì đông, chỉ là đeo đội để trang sức, chứ thật ra chẳng phải vậy. Nếu chẳng đối trị thích đáng “tham, sân, si, mạn, nghi, tri kiến chẳng chánh đáng” của chính mình, tiêu trừ nó, chuyển hóa nó, sẽ chẳng trở thành người học Phật! Chẳng thể tiêu trừ Tùy Phiền Não của chính mình, quý vị học Phật để làm gì? Có ý nghĩa chi đâu? Nhưng người hiện thời khoác lấy danh xưng học Phật đông lắm, kẻ tiêu trừ phiền não của chính mình ít ỏi! Do vậy, “liạ khổ, được vui” ít kẻ đạt được! Vì nỗi khổ phiền não, nỗi khổ do Sở Tri Chương, bất luận là phiền não thô nặng, hay Tùy Phiền Não, đều đem đến nỗi khổ cho chúng ta là chuyện rất rõ ràng, xác đáng! Chẳng hạn như chúng ta có thể trực tiếp cảm nhận nỗi khổ tham, sân, si. Nếu chúng ta thông qua học tập và tu tập Phật pháp, khéo điều chỉnh, khéo nhận thức, thoát khỏi chúng, sẽ có thể liạ khổ, được vui, mà cũng có thể khiến cho người khác liạ khổ, được vui, cũng chính là tự lợi và lợi tha, tự giúp mình, giúp đỡ người khác.

Nhắc nhở những điều này là vì người học Phật trong hiện thời tự giát vàng đông lắm, tự mình trang hoàng cho bản thân càng ngày càng

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

“giống”, tức là bề ngoài càng ngày càng giống [người đang tu hành] Phật pháp, nhưng nội dung càng ngày càng đậm phiền não! Có kẻ Sở Tri Chương càng ngày càng nhiều, có kẻ phiền não càng ngày càng nặng, học Phật như thế chính là đi ngược đường. Vì thế, đa văn càng lắm, chỉ ăn nói tăng thêm lưu loát, khinh mạn kẻ khác, phiền não lừng lẫy, tạo các ác nghiệp, đời này khổ nạn, đời sau ắt hẳn sẽ bị nhiều quả báo ác, tất nhiên sẽ đọa lạc, chẳng được nghe danh tự Tam Bảo. Vì sao vậy? Vì vận dụng Phật pháp hư giả, chẳng chân thật. Như thế thì quả thật là vô nghĩa. Các vị thiện tri thức ơi! Đối với chuyện này, chúng ta nhất định phải đích thân khéo quan sát nhé!

(Kinh) Thời, ngũ bách nhân nhất tâm hiệp chưởng, cung kính đánh lễ, thoái trụ nhất diện. Nhĩ thời, Hiền Hộ tức bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Bồ Tát Ma Ha Tát cụ túc kỷ pháp, nhi năng đắc thử Niệm Phật tam-muội dã?

(經)時，五百人一心合掌，恭敬頂禮。退住一面。爾時，賢護即白佛言：「世尊！菩薩摩訶薩具足幾法，而能得此唵佛三昧也？」

(Kinh: Khi đó, năm trăm người nhất tâm chấp tay, cung kính đánh lễ, đứng lui qua một phía. Lúc bấy giờ, ngài Hiền Hộ liền bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Bồ Tát Ma Ha Tát trọn đủ mấy pháp sẽ có thể đắc Niệm Phật tam-muội này?)

Khắp nơi trong kinh điển đều khơi gợi mọi người liễu giải chỗ y chỉ cơ bản để tu trì hồng thành tựu môn Niệm Phật tam-muội này.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn cáo Hiền Hộ ngôn: - Hiền Hộ! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát cụ túc tứ pháp, đắc thị tam-muội.

(經)爾時，世尊告賢護言：「賢護！若菩薩摩訶薩具足四法，得是三昧。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Hiền Hộ rằng: - Nay Hiền Hộ! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát trọn đủ bốn pháp, sẽ đắc tam-muội này).

“Cụ túc tứ pháp” tức là có thể tương ứng với bốn pháp.

(Kinh) Hà đẳng vi tứ? Nhất giả, bất trước nhất thiết ngoại đạo ngữ ngôn.

(經)何等爲四？一者、不著一切外道語言。

(Kinh: Những gì là bốn? Một là chẳng chấp trước các lời lẽ của ngoại đạo).

“*Nhất thiết ngoại đạo ngữ ngôn*” (Hết thầy lời lẽ của ngoại đạo) không gì chẳng phải là cầu pháp ngoài tâm, tâm trí hư vọng tăng giảm, tâm trí tạo tác, đáng gọi là pháp tắc hữu lậu của các tạp duyên hừng hực trong sự liên tục đời đời nhị nguyên, là pháp tắc sanh diệt, là pháp tắc thiện ác, là các loại như thế. Chúng ta biết: Trong giáo ngôn, đức Thế Tôn đã nói lời như thật, lời chân thật, lời vô lậu, lời trí huệ, lời từ bi, lời phương tiện. Các lời lẽ như thế đều là cơ sở y chỉ của việc chứng tam-muội. Vì sao rất nhiều người niệm Phật, hoặc trì chân ngôn, dầu hằng ngày niệm tám vạn câu Phật hiệu, hoặc sáu vạn câu Phật hiệu, trì chân ngôn mấy ngàn biến, mấy vạn biến, nhưng phiền não vẫn hừng hực y như cũ? Điều chủ yếu nhất là do chẳng nắm chắc một điểm, chẳng nhận biết, tức là nói dối, nói thêu dệt chưa ngưng dứt. Ác tâm, hư ngụy tâm, mạn tâm chưa ngưng dứt. Tu trì như thế thì chân ngôn chẳng thể thành tựu, niệm Phật chẳng thể tương ứng. Nếu chúng ta chẳng biết khéo gìn giữ khẩu nghiệp, chân ngôn sẽ chẳng thể nào thành tựu được! Nếu chúng ta chẳng khéo thủ hộ tâm trí, sẽ không có cách gì thành tựu niệm Phật được! Do vậy, là người niệm Phật cũng thế, mà người trì chân ngôn cũng thế, hãy nói lời thành thật, lời chân thật, thủ hộ tâm địa nhất như, càng là trọng yếu! Đừng nên dùng cái tâm hư vọng, tâm hư giả tạo nhiều khẩu nghiệp. Nếu cứ như thế mà mong có thành tựu, sẽ chẳng tương ứng. Đối với chuyện này, chúng ta nhất định phải tự mình chú tâm coi trọng.

(Kinh) Nhị giả, bất nhạo nhất thiết chư ái dục sự.

(經)二者、不樂一切諸愛慾事。

(Kinh: Hai là chẳng ưa thích hết thầy các chuyện ái dục).

Chuyện ái dục mười phần rộng khắp. Có người nói: Trong Dục Giới này, do có tình thức mà yêu mến lẫn nhau. Tình yêu mến ấy do vì lẽ

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

gì mà yêu mến? Do nghiệp vô minh thôi thúc, sai khiến, chẳng thể tự không chế được. Có kẻ say mê tiền tài, có người say mê thế lực, có kẻ say sưa danh vọng, có kẻ yêu mến oai đức. Cho đến người học Phật bèn yêu chuộng [cái danh] “ta là người học Phật”. Xét tới nhân duyên thực tế, lợi ích thực tế, [các thứ đó] có phải là tồn tại hay không? Cái được gọi là “ái dục” là vì mê mất mà kiến lập, do thiếu khuyết mà kiến lập, tức là tâm trí chẳng đầy đủ, chẳng trọn đủ, chẳng biết cội nguồn, mà tạo thành một sự khúc xạ trong pháp đối đãi, đó là điều hữu tình trong Dục Giới đều cùng có. Nếu xa lìa ái dục, các môn Thiền Định, tức Sắc Giới thiện xảo, sẽ tự nhiên hiện tiền, sanh vào Sắc Giới Thiên, hoặc là ở trong nhân gian mà hưởng thụ đủ loại vui sướng của Sắc Giới Thiên. Chúng ta có thể khéo quan sát chuyện này.

(Kinh) Tam giả, thường bất viễn ly Đầu Đà công đức.

(經)三者、常不遠離頭陀功德。

(Kinh: Ba là thường chẳng xa lìa công đức Đầu Đà).

Đó gọi là “thiếu dục, tri túc” để nuôi thân, như thật thủ hộ pháp tắc tịch tĩnh, yêu thích chôn A Lan Nhã, cho đến buông bỏ các duyên trong tâm và các duyên bên ngoài. “Xả” là chẳng nắm níu, đúng như thật mà tiến nhập, thủ hộ tịch tĩnh.

(Kinh) Tứ giả, thường yếm tam giới chư hữu sanh xứ.

(經)四者、常厭三界諸有生處。

(Kinh: Bốn là thường chán các chỗ “có sanh” trong tam giới).

Tam giới là Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới. Chúng ta nói người tu pháp hiện thời phần nhiều phiền não thô nặng, cho đến đối với Tùy Phiền Não, chẳng thể tiêu trừ, chuyển hóa tướng phiền não, nghiệp phiền não, và nỗi khổ phiền não của chính mình. Căn bản là chẳng thể nói đến chuyện thoát tam giới được, vì chẳng may may dính líu đến xuất tam giới. Nếu chúng ta nhờ vào Phật pháp để kết duyên thì cũng là có ý nghĩa! Nhưng nếu hiện thời gặp gỡ Phật pháp mà không trừ phiền não nơi tự thân, cũng như phiền não của người khác, bất luận là căn bản phiền não, hay Tùy Phiền Não, chúng ta đều phải nên xét kỹ Phật pháp rốt cuộc để làm gì? Phật pháp xuất hiện trong cõi đời là vì muốn trừ Sở Tri Chương và Phiền Não Chương, thành tựu Bồ Đề cho chúng sanh.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Người tu tập Phật pháp, nếu tâm sân hận sâu nặng, tâm đố kỵ sâu nặng, tâm phiền não sâu nặng, tâm tham dục sâu nặng, chẳng thể tự kiềm chế, thậm chí khổ chẳng thể nói nổi. Khi đó, cần phải điều chỉnh, nhận thức chính mình và pháp tắc đã học, để coi xem chính mình có phải là người thật sự tu tập, ứng dụng, thành tựu pháp tắc hay không? Nếu chẳng như vậy, sẽ vẫn là một kẻ khoác lấy danh tiếng Phật pháp hư giả, giống như kẻ nắm giữ báu ma-ni có thể xuất sanh vạn vật mà lại đi ăn mày. Nói theo cách nói phổ biến nhất trong quá khứ thì là “*nữ trước kim oản khứ yếu phạn*” (cầm chén vàng đi xin ăn)!

(Kinh) Hiền Hộ! Thị vi Bồ Tát Ma Ha Tát trọn đủ bốn pháp, đắc tam-muội.

(經)賢護！是為菩薩摩訶薩具足四法，得此三昧。

(Kinh: Đây Hiền Hộ! Đó là Bồ Tát Ma Ha Tát trọn đủ bốn pháp, đắc tam-muội này).

Chúng ta hãy khéo quan sát, khéo tu tập, có thể tương ứng trọn đủ bốn pháp ấy, ắt chứng tam-muội sẽ chẳng phải là chuyện khó. Nếu chẳng trọn đủ [bốn pháp ấy], đối với tam-muội này, chẳng cần phải bàn tới, chẳng dính dáng, vì vẫn còn cách biệt quá xa, vẫn phải nên buông bỏ rất nhiều thứ!

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân đọc tụng, thọ trì thị tam-muội điển, hoặc thời phục năng vị tha giải thuyết, hiện tiền tức hoạch ngũ chủng công đức.

(經)復次賢護！若有善男子善女人，讀誦受持是三昧典，或時復能為他解說，現前即獲五種功德。

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân đọc tụng, thọ trì kinh điển tam-muội này, hoặc có khi lại có thể vì người khác giải nói, hiện tiền sẽ đạt được năm loại công đức).

Đây là hai pháp. Một là tự mình đọc tụng, thọ trì kinh điển tam-muội này, đạt được năm thứ công đức và lợi ích. Hai là khi vì người khác giải nói, sẽ liền đạt được năm thứ công đức trong hiện tiền. Chúng ta có thể nghiệm chứng năm loại công đức ấy và lợi ích của chúng. Vì báng pháp thì sẽ có nỗi khổ do báng pháp, chửi bới sẽ tự có nỗi khổ do

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

chửi bới, hành pháp sẽ tự có niềm vui do hành pháp. Đối với lạc, chúng ta có thể như thật quan sát. Đức Thế Tôn dạy: Trì tụng kinh điển này, cho đến vì người khác giải nói, sẽ có năm thứ công đức. Sau khi chúng ta đã có nhân duyên tự mình đọc tụng, do nhân duyên trao đổi, giải nói với người khác, sẽ có thể thấy năm thứ công đức ấy tương ứng hay không? Nếu tương ứng, tức là chư Phật nói lời thành thật. Nếu chẳng tương ứng, lẽ nào Phật chẳng nói lời thành thật ư? Hãy nên tự hỏi ngược lại chính mình, xét xem chính mình có phải là thật sự đọc tụng kinh điển này, vì người khác giải nói hay không? Như thế chính là hành chân thật!

(Kinh) Hà đẳng vi ngũ? Nhất giả, nhất thiết chúng độc bất năng tổn hại.

(經)何等爲五? 一者、一切衆毒不能損害。

(Kinh: Những gì là năm? Một là hết thấy các chất độc chẳng thể tổn hại).

Do công đức hành pháp hoặc tụng kinh, hết thấy các chất độc chẳng thể tổn hại. Nếu quý vị nói: “Tôi cố ý tìm các chất độc đến thử xem sao?” Tâm trí kiểu đó chẳng tương ứng! Cũng có nghĩa là: Nếu chúng ta thật sự tu tập pháp tắc này, hết thấy các thứ độc hại do thiếu ý thức, hoặc các thứ độc hại của người khác đều chẳng thể làm hại chúng ta!

(Kinh) Nhị giả, nhất thiết binh trượng bất năng phá thương.

(經)二者、一切兵仗不能破傷。

(Kinh: Hai là hết thấy các thứ vũ khí chẳng thể gây thương tổn).

Chẳng bị vũ lực, hung khí gây thương tổn. Ở đây, đức Thế Tôn nói đến lợi ích và công đức trong hiện tiền. Chúng ta chớ nên sợ hãi lợi ích, mà cũng đừng nên tham cầu lợi ích; chỉ nên như thật đối diện lợi ích này!

(Kinh) Tam giả, nhất thiết chư thủy bất năng phiêu một.

(經)三者、一切諸水不能漂沒。

(Kinh: Ba là hết thấy các thứ nước chẳng thể trôi chìm được).

Đương nhiên đây chẳng phải là để cho chúng ta thí nghiệm, chẳng hạn như nói: “Ta nháy xuống nước xem sao?” Nhất định đừng nên có loại tâm lý chẳng tương ứng ấy. Đức Thế Tôn nói các pháp ấy, hoàn toàn chẳng vì để cho chúng ta thách thức các nạn duyên ấy, mà nhằm bảo chúng ta: Giả sử nhằm lúc có nạn duyên ấy hiện tiền, công đức và lợi ích ấy sẽ hiện tiền.

(Kinh) Tứ giả, nhất thiết mãnh hỏa bất năng phân thiêu. Ngũ giả, ác vương, huyện quan bất năng đắc tiện.

(經)四者、一切猛火不能焚燒。五者、惡王縣官不能得便。

(Kinh: Bốn là hết thấy lửa mạnh chẳng thể thiêu đốt. Năm là vua ác và quan huyện chẳng thể có dịp làm hại).

Kẻ ác không gì chẳng vì tâm trí chỉ quan tâm đến lợi ích hiện tiền. Ở đây, nói cách khác là chẳng bị kẻ nắm giữ quyền cao chức trọng nô dịch, sai sử.

(Kinh) Sở dĩ giả hà? Do thị tam-muội từ tâm lực cố.

(經)所以者何? 由是三昧慈心力故。

(Kinh: Vì có sao vậy? Do sức từ tâm của tam-muội này vậy).

Đọc tụng hoặc vì người khác giải nói, sức từ tâm của tam-muội này sẽ tự nhiên tương ứng. Tuy chưa chứng tam-muội, sức ấy đã sanh khởi. Cũng có nghĩa là: Tuy đã giải nói cho người khác, tam-muội vẫn chưa tương ứng, nhưng sức tam-muội đã sanh khởi chùng tánh chín muối trong tâm Từ, cho đến có thể nói là cơ chế hoàn thiện. Do vậy sẽ đắc lực, tức là sẽ đắc lực khi nạn duyên hiện tiền.

(Kinh) Hiền Hộ! Nhược bỉ thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhất tâm cần cầu thị tam-muội thời, độc tụng, thọ trì thị tam-muội thời, tu duy tu tập thị tam-muội thời, vị tha giải thích thị tam-muội thời.

(經)賢護！若彼善男子善女人，一心勤求是三昧時，讀誦受持是三昧時，思惟修習是三昧時，爲他解釋是三昧時。

(Kinh: Này Hiền Hộ! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy khi nhất tâm siêng cầu tam-muội này, khi đọc tụng, thọ trì tam-muội này, khi tư duy, tu tập tam-muội này, khi vì người khác giải thích tam-muội này).

Đây là bốn loại chúng sanh, tức là các chúng sanh dùng bốn loại phương pháp để tiếp xúc giáo ngôn của tam-muội này: Có người là cầu tam-muội này, có người thì đọc tụng, thọ trì tam-muội này, có người tu tập, tư duy tam-muội này, có người vì kẻ khác giải nói tam-muội này. Bốn loại hữu tình ấy đạt được công đức và lợi ích như sau...

(Kinh) Nhược hữu chúng độc, cập dĩ binh trượng, nhất thiết thủy, hỏa, ác vương, huyện quan năng thương hại giả, vô hữu thị xứ!

(經)若有衆毒，及以兵仗，一切水火惡王縣官能傷害者，無有是處。

(Kinh: Nếu có các thứ chất độc, cùng với vũ khí, hết thủy nước, lửa, vua ác, quan huyện có thể tổn thương [người hành trì, đọc tụng, tư duy, tu tập, vì người khác giải nói tam-muội này], chẳng có lẽ ấy).

Vì sao đức Thế Tôn cổ vũ chúng ta như vậy? Thật ra, Ngài như thật bảo cho chúng ta biết lợi ích do tư duy tam-muội này, lợi ích do giải nói tam-muội này, lợi ích do siêng cầu tam-muội này, lợi ích do đọc tụng, thọ trì tam-muội này. Trong bốn loại cơ chế, lợi ích đều giống hệt như nhau!

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Giả sử thế gian Hoại Kiếp chi hỏa, thế giới diễm hách, thiên địa đồng nhiên. Nhược bỉ thọ trì thử tam-muội điển, chư thiện nam tử cập thiện nữ nhân, thiết linh đạo lạc đại kiếp hỏa trung, tam-muội oai thân, bỉ hỏa tức diệt.

(經)復次賢護！假使世間壞劫之火，世界焰赫，天地洞然。若彼受持此三昧典，諸善男子及善女人，設令墮落

大劫火中，三昧威神，彼火即滅。

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Giả sử khi thế gian bốc lửa Hoại Kiếp, thế giới cháy sáng rực, trời đất rỗng tuếch. Nếu các thiện nam tử và thiện nữ nhân thọ trì kinh điển tam-muội này, dù rơi vào lửa đại kiếp, do sức oai thần của tam-muội, lửa ấy bèn tắt).

Trong phần trước, đức Thế Tôn đã thọ ký mười phần rõ rệt, nơi một ngàn đức Phật trong Hiền Kiếp, cho đến tột cùng đời vị lai, có năm trăm tỷ-kheo, tỷ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, cho đến tám vị Đại Sĩ v.v... đều thủ hộ sự thiện xảo của tam-muội này, chẳng để kinh điển bị mai một trong thế gian, độ nhiều chúng sanh, lợi ích rộng khắp nhiều hữu tình. Đời đời tiếp tục như thế, Ngài lại còn nói: Khi Di Lặc Phật Thế Tôn giáng thế, pháp này cũng được thanh tịnh tiếp nối, lưu truyền rộng khắp trong thế gian. Do vậy, sức của môn tam-muội này chẳng phải là pháp riêng biệt, hoặc phương pháp giải thoát riêng biệt của đức Thế Tôn, mà đều có thể truyền bá rộng khắp trong các nơi chốn của mười phương chư Phật, khiến cho hết thảy hữu tình hữu duyên đều có thể đạt được lợi ích chân thật rộng lớn. Chư vị thiện tri thức ơi! Chúng ta liên tưởng văn tự trong phần trước, sẽ có cảm nhận và quan sát rành rẽ đối với lời dạy của đức Thế Tôn.

(Kinh) Hiền Hộ! Hựu như anh thủy năng diệt tiểu hỏa. Như thị Hiền Hộ! Giả sử trì kinh chư thiện nam tử, cập thiện nữ nhân, lạc bỉ hỏa trung, tam-muội lực cố, đại hỏa tùy diệt. Nhược bất diệt giả, vô hữu thị xứ.

(經)賢護！又如罌水能滅小火。如是賢護！假使持經諸善男子及善女人，落彼火中，三昧力故，大火隨滅。若不滅者，無有是處。

(Kinh: Này Hiền Hộ! Lại như nước từ cái vò có thể diệt lửa nhỏ. Như thế đó Hiền Hộ! Giả sử các thiện nam tử và thiện nữ nhân trì kinh rơi vào lửa ấy, do sức của tam-muội, lửa lớn liền tắt. Nếu chẳng tắt, chẳng có lẽ ấy).

Bọn phàm phu bình phàm chúng ta chẳng thể thấy biết kiếp hỏa. Nếu kiếp hỏa xảy ra, sanh mạng sẽ không có chỗ nào nương nhờ. Ở đây,

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

đức Phật nói tướng đại công đức có thể diệt kiếp hỏa khi kiếp hỏa xảy ra. Đức Thế Tôn là đấng nói lời thành thật, muốn khiến cho chúng sanh thật sự nhận thức lợi ích của pháp tắc này trong Phật pháp, cho đến lợi ích của tam-muội.

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Nhược bỉ thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì kinh thời, nhược bỉ ác vương, nhược ác huyện quan, nhược kiếp tặc, nhược sư tử, nhược hổ lang, nhược độc xà, nhược năng tác chướng ngại giả, vô hữu thị xứ.

(經)復次賢護！若彼善男子善女人受持經時，若彼惡王，若惡縣官，若劫賊，若師子，若虎狼，若毒蛇，若能作障礙者，無有是處。

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy lúc thọ trì kinh mà hoặc là vua ác, hoặc quan huyện ác, hoặc giặc cướp, hoặc sư tử, hoặc cọp, sói, hoặc rắn độc, giả sử có thể gây chướng ngại thì chẳng có lẽ ấy).

Không chỉ là chẳng bị kiếp hỏa tổn hoại, mà các ác duyên cũng chẳng thể thành tựu, cũng chẳng có lẽ ấy!

(Kinh) Hựu thiết bỉ đẳng hành thị kinh thời, nhược bị dạ-xoa, nhược La-sát, nhược ngạ quỷ, nhược Cưu Bàn Trà, nhược Tỳ Xá Xà, nữ chí nhất thiết phi nhân năng vi chướng ngại, diệt vô hữu thị xứ.

(經)又設彼等行是經時，若被夜叉，若羅刹，若餓鬼，若鳩槃荼，若毘舍闍，乃至一切非人能為障礙，亦無有是處。

(Kinh: Lại giả sử những người ấy khi tu hành kinh này, nếu bị dạ-xoa, hoặc la-sát, hoặc ngạ quỷ, hoặc Cưu Bàn Trà, hoặc Tỳ Xá Xà, cho đến hết tất cả phi nhân có thể gây chướng ngại thì cũng chẳng có lẽ ấy).

Trong phần trước đã nói thế gian chẳng thể xâm hại; ở đây nói quỷ thần cũng chẳng thể xâm hại.

(Kinh) Hựu nhược bỉ nam tử, nữ nhân đọc tụng kinh thời, chánh tư duy thời, vị tha thuyết thời, nhập tam-muội thời.

(經)又若彼男子女人讀誦經時，正思惟時，爲他說時，入三昧時。

(Kinh: Lại nếu người nam kẻ nữ ấy khi đọc tụng kinh, khi chánh tư duy, khi vì người khác nói, khi nhập tam-muội).

Trong bốn loại cơ chế ở đây, hoặc là khi đọc tụng, khi vì người khác giảng nói, khi tư duy, khi nhập tam-muội, lợi ích đều giống nhau. Chẳng phải là đã chứng đắc tam-muội thì mới có lợi ích như thế. Khi đọc tụng, lợi ích cũng giống hết. Khi tư duy, lợi ích cũng giống như hết. Khi nói cho người khác, lợi ích giống hết. Khi nhập tam-muội, lợi ích giống hết. Dù là khi tu nhân, hay khi vừa mới hướng đến, hay được tiếp xúc, cho đến một niệm tùy hỷ, cũng đạt được lợi ích chẳng thể nghĩ bàn này. Như thế thì chúng ta sẽ yêu mến pháp tắc này, tiếp xúc tam-muội này sẽ phát khởi duyên khởi rộng lớn, thanh tịnh, chân thật, tức là duyên khởi lợi ích thế gian, ta lẫn người đều được lợi.

(Kinh) Hành phạm hạnh thời, nhược thất y, nhược thất bát, nãi chí hữu chư chướng ngại sự giả, vô hữu thị xứ.

(經)行梵行時，若失衣，若失鉢，乃至有諸障礙事者，無有是處。

(Kinh: Khi hành phạm hạnh, nếu mất y, hoặc là mất bát, cho đến có các chuyện chướng ngại thì chẳng có lẽ ấy).

Đức Thế Tôn nói công đức và lợi ích của pháp tắc này đến chỗ cực vi tế, thậm chí những chi tiết vặt vãnh trong cuộc sống, như các chuyện nhỏ nhặt như mất y, mất bát v.v... Ngài đều nhắc nhở chúng ta: “Do hành pháp này, sẽ chẳng có chướng ngại như thế”. Trước kia, khi tôi ở trong núi, thường có kẻ hỏi: “Ở trong núi có gì ăn? Dùng gì đây?” Thật ra, nếu chúng ta thật sự nương theo lời giáo huấn của Thích Ca Thế Tôn, bất luận sống ở chỗ hẻo lánh tới mấy đi nữa, chẳng cần phải lo nghĩ vì cơm áo. Quý vị có thể thí nghiệm thử xem! Quý vị hành trì đúng pháp, đọc tụng đúng pháp, thâm nhập pháp tắc đúng pháp, chánh tư duy quan sát pháp tắc này, quý vị sẽ đạt được lợi ích chẳng thể nghĩ bàn.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Trước kia, vị thầy quy y của tôi khi vừa mới tiếp xúc Phật pháp, thầy thường ở trong núi. Mỗi ngày, hai giờ sáng thầy thức dậy, trèo lên núi để tu trì pháp mà thầy nghĩ là đáng nên tu trì. Có khi tới các chỗ rất heo lánh, nơi chẳng có người sống để tu tập pháp tắc, thường chẳng có cơm ăn. Chẳng phải là chính thầy không có cơm ăn, mà là do Ngài thường chẳng có ý nghĩ nấu cơm. [Thế nhưng] cứ mỗi khi thầy cảm thấy đói bụng, sẽ thường có người đưa thức ăn tới. Thầy gặp rất nhiều chuyện như thế. Sau đó, tôi ở trong núi, cũng đích thân thể nghiệm như thế rất nhiều. Không chỉ là sự ăn uống và tiêu dùng của chính mình, mà cho đến pháp tắc, cho đến các nhân duyên khác, đều có chư Phật, Bồ Tát, hộ pháp long thiên, thiện tri thức dùng oai thần nhiếp thọ, hộ trì, khiến cho hiện duyên của quý vị nhanh chóng chuyển hóa. Quý vị có tin hay không? Phải tu tập! Chẳng tu tập, sẽ chẳng được!

Quý vị nói xem, lợi ích nhiều như thế có thật hay không? Trong quá trình kinh hành Ban Châu, quý vị cứ thông thả quan sát, tu tập, chẳng vì lợi ích mà kinh hành; nhưng quý vị phải quan sát chuyện này, phải quan sát vi tế. Chẳng quan sát các lợi ích ấy, sẽ chẳng thể liễu giải Ban Châu. Quý vị nói: “Tôi là người vừa mới phát tâm cầu tam-muội này, có lợi ích như thế hay không?” Có chứ! Quý vị nói: “Tôi vừa mới đọc tụng kinh điển này, có lợi ích như thế hay không?” Có chứ! Quý vị nói: “Tôi vừa mới giải nói cho người khác, chính tôi chẳng chứng đắc tam-muội như thế, có lợi ích như thế hay không?” Có chứ! Nếu đã chứng đắc tam-muội như thế, sẽ chẳng may mắn hoài nghi lợi ích ấy, tự nhiên sẽ có thiện xảo rộng lớn!

Do vậy, trong bốn loại cơ chế ấy, lợi ích giống nhau, chỉ là nói theo phương diện chủ động hay bị động. Chẳng hạn như đối với người đã chứng đắc tam-muội thì là chủ động. Lại như chúng ta hướng tới pháp tắc này, cũng là chủ động, chỉ là phẩm lượng chủ động có khác biệt. Tuy là như thế, nhưng nói theo cơ chế hành pháp chủ động thì lợi ích giống hệt nhau. Nếu nhận thức điều này, chúng ta đối với pháp sẽ chẳng có chuyện chẳng yêu mến, chẳng truyền bá, chẳng thực tập. Chúng ta đã gặp món trân bảo này, chớ nên bỏ mất, nhất là pháp này có thể hành, có thể biết, có kinh điển để có thể nương cậy, có pháp để có thể tu tập!

(Kinh) Duy trừ túc vọng bất khả chuyển giả.

(經)唯除宿殃不可轉者。

(**Kinh:** Chỉ trừ [trường hợp đã có] vọng hoạn từ đời trước chẳng thể chuyển được).

Đối với câu nói này, có những Bồ Tát chắc là nảy sinh lo ngại. Có sao nêu ra điểm này? Chúng tôi nêu ra một thí dụ. Chẳng hạn như một người mà phước đức và nhân duyên đã tới tột cùng, tức là nghiệp đã đến chỗ cùng tận, định nghiệp đã hiện, vốn nên sống tới sáu mươi tuổi. Quý vị nói: “Kinh hành Ban Châu sẽ có thể sống tới một trăm hai mươi tuổi”. Đây chắc là một cách nói chẳng tương ứng cho lắm, vì trong nghiệp báo có định nghiệp. Như sắc thân này của chúng ta có định nghiệp “*ắt phải chết*”, vì chúng ta là Phần Đoạn Sanh Tử. Cái ngày sanh ra đời chính là một chỉ dấu “*sắc thân này ắt phải tử vong*”. Đó là định nghiệp xứ. Ngoại trừ loại nghiệp duyên này, các chương duyên khác [do công đức hành Ban Châu] đều có thể tiêu trừ. Quý vị nói: “Tôi kinh hành Ban Châu có thể sống tới vạn vạn năm hay không?” Sắc thân của quý vị không được, nhưng thiện duyên của quý vị có thể tiếp nối. Chẳng thể nói là “Ngã tiếp nối”, vì nếu nói như thế, chẳng phải đã trở thành “thường pháp” hay sao? Chính là “nghiệp tiếp nối”, chẳng phải “Ngã tiếp nối!”

Có hữu tình chấp trước pháp tắc “có Ngã”. Ta có thể sống khá lâu, hoặc là nói “trong vị lai, Ngã là như thế nào?” Đó đều là nói giả thiết, vì Ngã có dấu hiệu là gì? Có người nói dùng Tứ Đại làm dấu hiệu, người ấy đã chết thì cái Ngã làm sao an lập cho được? Có người coi ý thức là Ngã. Ý thức biến đổi, Ngã làm sao tồn tại cho được? Thật ra, Phật pháp quan sát rất thấu triệt, quan sát chân thật: Pháp là vô ngã, con người cũng là vô ngã. Sự vật, ý thức, cho đến hết thấy các thứ đều chẳng có tự tánh, chúng ta phải quan sát như thật. Biểu hiện của sắc thân và ý thức chỉ là biểu hiện của nhân duyên mà thôi! Do nhân duyên liên tục, bèn miễn cưỡng gọi nghiệp tướng là Ngã. Rất nhiều người nói: Trong Tạng truyền Phật giáo, có người này chuyển thế bao nhiêu đời, người kia chuyển thế bao nhiêu đời, đó chẳng phải là Ngã ư? Chẳng phải. Đó là một thế nguyện, nghiệp tướng liên tục đó thôi! Nếu thật sự là một cái Ngã, sẽ chẳng gọi là Hoạt Phật (Phật sống). Họ cũng chẳng “*hoạt*” được, mà cũng chẳng có ý nghĩa! Do vậy, chúng ta từ sự tiếp nối nghiệp vô ngã, tiếp nối nhân duyên vô ngã, mà trông thấy sự tiếp tục của từng pháp tắc đó thôi!

Bàn tới Vô Ngã, chớ nên sanh lòng sợ hãi, phải dám quan sát, vì trong giáo ngôn của đức Thế Tôn, pháp là vô ngã, pháp là vô thường. Ất cần phải nhận thức điều ấy. Nếu quý vị chẳng liễu giải, cứ mong né

tránh điều này, sẽ nảy sinh rất nhiều nỗi sợ hãi, hoảng hốt, cho đến chẳng dám léo hánh các chuyện này! Như thế thì sẽ chẳng đạt được giải thoát, trí huệ, và phương tiện rốt ráo. Đối với điều này, chúng ta nhất định phải khéo tư duy và quan sát.

Vì thế, “*duy trừ túc ương bất khả chuyển hóa*” (chỉ trừ ương hoạn từ đời trước chẳng thể chuyển hóa), tức là dị duyên (cái duyên của Di Thực Quả) nối tiếp chín muồi, tức là mạng của người ấy được chuyển tới chỗ này. Đó có phải là Túc Mạng Luận hay không? Chẳng phải! Chỉ bất quá là nhân duyên của nó chín muồi, chín muồi như thế đó. Vậy thì chúng ta phải biến đổi điều gì? Trên thực tế là trừ phiền não, trừ chướng ngại, lia các nỗi khổ hậu hoạn. Cũng có nghĩa là chẳng còn tạo tác các nỗi khổ hậu hữu. Đó là sự thiện xảo của Phật pháp trong hiện đời.

Nếu quý vị mong cho nỗi khổ trước kia cũng ngưng dứt, tức là có tâm vị lai, tâm quá khứ, tâm hiện tại. Nếu cưỡng chấp an lập ba cái tâm ấy, người như thế sẽ luân hồi chẳng ngớt, vì loại tâm đối đãi ấy tất nhiên là có nghiệp tương luân hồi.

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Nhược bỉ thọ trì tam-muội kinh điển, chư thiện nam tử, thiện nữ nhân bối, nhược hoạn nhãn, nhược hoạn nhĩ, nhược hoạn ty, nhược hoạn thiết, nhược hoạn thân, nhược hoạn tâm. Phục hữu chư dư chủng chủng hoạn nạn, nãi chí mạng nạn, phạm hạnh nạn giả, diệc vô thị xứ. Phục thứ Hiền Hộ! Nhược bỉ nam tử, nữ nhân, ư thủ kinh trung, đắc như thị văn, đắc như thị kiến, đắc như thị tri, như thị cụ túc dĩ, nhược bất trị Phật, nhược bán chánh pháp, phá hòa hợp Tăng, bối Phật Bồ Đề giả, diệc vô thị xứ!

(經)復次賢護！若彼受持三昧經典，諸善男子善女人輩，若患眼，若患耳，若患鼻，若患舌，若患身，若患心。復有諸餘種種患難，乃至命難，梵行難者，亦無是處。復次賢護！若彼男子女人，於此經中，得如是聞，得如是見，得如是知，如是具足已，若不值佛，若謗正法，破和合僧，背佛菩提者，亦無是處。

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Nếu các vị thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì kinh điển tam-muội ấy, hoặc bị bệnh mắt, hoặc bị bệnh tai, hoặc

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

bị bệnh mũi, hoặc bị bệnh lưỡi, hoặc bị bệnh về thân, hoặc bệnh về tâm. Lại có các thứ hoạn nạn khác, cho đến nạn về tánh mạng, chướng nạn về phạm hạnh thì cũng chẳng có lẽ ấy. Lại này Hiền Hộ! Nếu nam tử, nữ nhân ấy ở trong kinh này được nghe như thế, được thấy như thế, được biết như thế, trọn đủ như thế, mà nếu chẳng gặp Phật, hoặc báng chánh pháp, phá hòa hợp Tăng, trái nghịch Bồ Đề của Phật thì cũng chẳng có lẽ ấy).

Đoạn văn tự này từ các hoạn nạn nơi thân thể mà nói đến chuyện không có các hoạn nạn. Một là từ chỗ hoạn nạn thuộc về pháp duyên và chỗ hoạn nạn thuộc về thiện pháp để nói tới chuyện không có các hoạn nạn, tức là sẽ miễn trừ các loại bệnh tật nơi thân thể, [hai là] cũng sẽ tránh khỏi các thứ mạng nạn thuộc về phạm hạnh nhờ sức của tam-muội.

“Nhược bất trị Phật, vô hữu thị xứ” (Nếu chẳng gặp Phật, chẳng có lẽ ấy), nghĩa là nhất định sẽ gặp Phật. Vì lẽ nào? Tu trì Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiên Lập tam-muội, dù là đắc hay chẳng đắc, do đã gieo cái nhân, hễ quả đã thành, tức là tam-muội hiện tiền, mười phương chư Phật đều hiện tiền, sẽ được trông thấy, sẽ vận dụng. Chẳng hiện tiền thì cái nhân ấy vẫn chân thật, chẳng dối; trong tương lai sẽ đạt được cái quả ấy. Nếu quý vị nói: “Tôi chẳng cầu trong tương lai, mà muốn cầu ngay trong hiện tại, có được hay không?” Muốn vậy thì quý vị hãy đích thân chứng tam-muội, sẽ được thấy chư Phật, đích thân được nghe dạy bảo.

“Nhược báng chánh pháp, phá hòa hợp Tăng, bói Phật Bồ Đề giả, diệc vô hữu thị xứ” (Nếu báng chánh pháp, phá hòa hợp Tăng, trái nghịch Bồ Đề của Phật, cũng chẳng có lẽ ấy): Chúng ta thật sự nương tựa giáo điển như thế, mà nếu báng pháp, phá hòa hợp Tăng, trái nghịch Bồ Đề, chẳng thể có lẽ ấy. Đừng nên xem thường trạng thái trong xã hội hiện thời! Hiện thời, kẻ phá hoại Tăng pháp, phá hoại pháp Bồ Đề của Phật, phỉ báng chánh pháp thường lừng lẫy trong những người học Phật, chứ ngoại đạo chẳng thể phá! Do vậy nói: *“Ngoại thú chẳng thể xâm phạm, quấy nhiễu sư tử vương. Chỉ có trùng sanh trong bụng sư tử mới có thể khiến cho xương cốt, thể chất của sư tử bị tan hoại, sắc thân tan hoại”*. Phật pháp cũng giống như thế đó! Tuy Phật pháp đã thể hiện tướng trạng Mật Pháp, thân tướng sư tử rất oai hùng, dũng mãnh, ngoại đạo vẫn chẳng dám xâm phạm, quấy nhiễu, nhưng Ba Tuần đã lập thệ nguyện, chúng ta cũng chớ nên quên! Tức là hấn sẽ từ trong nội bộ của

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Phật pháp mà bại hoại, tàn diệt Phật pháp, hủy diệt tự viện, hủy diệt đạo tràng. Có kẻ thích làm cho đạo tràng tu pháp chẳng được an lạc, chẳng được yên tĩnh. Mọi người tu tập Phật pháp chẳng có thứ tự. Đối với những kẻ phá diệt đạo tràng ấy, chúng ta hãy nên dùng lời thệ nguyện của Ba Tuần cảnh tỉnh họ, khiến cho họ bỏ ác duyên “*trở thành quyến thuộc của Ba Tuần*”. Đây là ác duyên, nếu quý vị chẳng nhắc tới chuyện ấy, sẽ có kẻ đến tự viện để gây họa hại cho tự viện, phá hoại sự kiến thiết của quý vị.

Chúng ta đều biết: Trong Bồ Tát giới, chỗ nào cũng đều bảo chúng ta, đối với chuyện kiến lập tháp miếu, dựng lập tượng Phật, khiến cho chúng sanh có chỗ để tu pháp, hành pháp, nghe giảng, và trao đổi Phật pháp. Nhân duyên phước đức như thế chúng ta đều phải thực hiện. Các vị tăng sĩ là người phải nên thủ hộ tự viện, thủ hộ đạo tràng, siêng năng tu tập các pháp trong đạo tràng, cho đến thành tựu các pháp. Hàng Bồ Tát và các vị Thanh Văn tuy thọ trì và truyền bá [các pháp môn] sai khác, nhưng bất luận xuất gia hay tại gia, đều phải bảo vệ đạo tràng, thực hiện pháp tắc, tôn trọng hòa hợp, chẳng trái nghịch Bồ Đề. Đây là con đường chánh đáng tất nhiên, là điều có ý nghĩa. Đối với kẻ trái nghịch, chúng ta nhất định phải cảnh tỉnh chính mình và người khác: “*Đừng đọa lạc thành quyến thuộc của Ba Tuần, phá hoại đạo tràng, hủy hoại Phật pháp, khiến cho việc kiến thiết đạo tràng gặp nhiều duyên trái nghịch, thậm chí chẳng thể thành tựu*”. [Nếu làm các hành vi phá hoại] như thế thì quý vị đáp y của Như Lai mà phá hoại pháp của Như Lai, ăn cơm của Như Lai mà diệt giáo pháp của Như Lai! Đó gọi là “*đệ tử của Ba Tuần*”, vì Ba Tuần đã lập thệ nguyện như thế này: Vào lúc đức Thế Tôn sắp diệt độ, hán đã đối trước đức Thế Tôn thốt ra lời ác như sau: “*Thế Tôn! Sau khi Ngài nhập diệt, ta sẽ sai quyến thuộc của ta đáp y của Ngài, ăn cơm của Ngài, ở trong chùa của Ngài, phá hoại pháp của Ngài*”. Ở trong chùa miếu, chúng ta phải cảnh tỉnh chính mình, cảnh tỉnh người khác như thế nào? Nếu gặp phải kẻ hoại pháp, hủy diệt hòa hợp, khiến cho tự viện chẳng kiến thiết tương ứng, chửi bới Tăng chúng, rửa xả Phật pháp, hãy nên nhắc nhở kẻ đó đừng đọa lạc thành quyến thuộc của Ba Tuần, chớ làm quyến thuộc của Ba Tuần. Đó là chuyện có lợi, có ý nghĩa, có xuất xứ. Nếu trong quá trình chúng ta thật sự hành trì pháp tắc tam-muội, sẽ chẳng hành trì các pháp tắc [phá hoại Phật pháp, phá hòa hợp Tăng như thế]. Nếu thật sự yêu mến pháp tắc tam-muội, sẽ chẳng có cơ hội để tạo tác các nghiệp duyên ấy! Cho nên nói là “*vô hữu thị xứ*” (chẳng có lẽ ấy, không thể nào xảy ra được).

(Kinh) Hiền Hộ! Đương tri tức bỉ trì kinh nam tử, nữ nhân, như thượng chư sự mặc năng vi ngại, duy trừ tức vương bất năng chuyển nhĩ!

(經)賢護! 當知即彼持經男子女人, 如上諸事莫能爲礙, 唯除宿殃不能轉耳。

(Kinh: Đây Hiền Hộ! Hãy nên biết các chuyện trên đây chẳng thể trở ngại, người nam, kẻ nữ trì kinh được, chỉ trừ vương họa trong đời trước chẳng thể chuyển mà thôi!)

Có các vị Bồ Tát tuy đến tu tập pháp, nhưng tâm trí chẳng tương ứng, hoặc là trong tâm chẳng tiếp nhận. Đối với chuyện này, trong các kinh Đại Thừa, đức Thế Tôn đã thọ ký khiến cho mọi người vui mừng, được cô vũ. Sau khi Ba Tuần đã phát ác thế như trên, đức Thế Tôn dùng tâm trí quang minh rộng lớn, thọ ký cho Ba Tuần và con cái của hắn: “Lành thay! Ông đã phát ra ác nguyện, nhưng vì công đức oai thần chẳng thể nghĩ bàn của Phật pháp, quyền thuộc của ông do đáp y Như Lai, ăn cơm của Như Lai, hành pháp của Như Lai, ở trong chùa của Như Lai, bèn được thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”. Ở đây, chúng ta cũng có thể nhắc nhở: Chẳng hạn như có kẻ tạo nhiều duyên trái nghịch, gây nguy hại cho Tăng chúng, nguy hại đạo tràng, nguy hại hòa hợp, nguy hại người khác học pháp tắc trong Phật pháp, lời thọ ký này của đức Thế Tôn cũng có thể nhắc nhở kẻ đó tín thuận lời đức Phật dạy như thế, thủ hộ lời dạy của đức Thế Tôn, có thể thoát lìa sanh tử y hệt. Vì thế, đối với chỗ thiện xảo rộng lớn trong lời dạy của đức Thế Tôn, cho đến các loại hữu tình nếu hữu duyên với Phật pháp, ắt sẽ thành tựu.

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Bỉ thiện nam tử, thiện nữ nhân trì thị kinh giả, thường vị nhất thiết chư thiên xưng tán.

(經)復次賢護! 彼善男子善女人持是經者, 常爲一切諸天稱讚。

(Kinh: Lại đây Hiền Hộ! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy do trì kinh này, thường được hết thảy chư thiên ca ngợi).

Sau đó, đức Thế Tôn bảo chúng ta: Hành pháp tắc này, sẽ được hết thấy hữu tình trong thế gian ca ngợi, kính yêu, thủ hộ, mong gặp gỡ, quan tâm chiếu cố. Tức là Ngài đã từ đủ mọi khía cạnh để nêu ra công đức thù thắng, công đức chẳng thể nghĩ bàn, công đức viên mãn rộng lớn rốt ráo của pháp tắc này. Ở đây, Ngài nói theo phương diện “xưng tán”.

(Kinh) Diệc vị nhất thiết chư long xưng tán, hựu vị nhất thiết Dạ Xoa xưng tán. Hựu vị nhất thiết Càn Thát Bà đẳng chi sở xưng tán. Hựu vị nhất thiết A Tu La đẳng chi sở xưng tán. Hựu vị nhất thiết Ca Lô La đẳng chi sở xưng tán. Hựu vị nhất thiết Khẩn Na La đẳng chi sở xưng tán. Hựu vị nhất thiết Ma Hầu La Già chi sở xưng tán. Hựu vị nhất thiết nhân phi nhân đẳng chi sở xưng tán. Hựu vị nhất thiết tứ đại thiên vương chi sở xưng tán. Hựu vị nhất thiết Đế Lợi Thiên Vương chi sở xưng tán. Hựu vị nhất thiết Đại Phạm Thiên Vương chi sở xưng tán. Như thị nãi chí thường vị nhất thiết chư Phật Thế Tôn chi sở xưng tán dã.

(經)亦爲一切諸龍稱讚，又爲一切夜叉稱讚。又爲一切乾闥婆等之所稱讚。又爲一切阿修羅等之所稱讚。又爲一切迦樓羅等之所稱讚。又爲一切緊那羅等之所稱讚。又爲一切摩睺羅伽之所稱讚。又爲一切人非人等之所稱讚。又爲一切四大天王之所稱讚。又爲一切帝利天王之所稱讚。又爲一切大梵天王之所稱讚。如是乃至常爲一切諸佛世尊之所稱讚也。

(Kinh: Cũng được hết thấy các rồng khen ngợi, lại được hết thấy Dạ Xoa khen ngợi. Lại được hết thấy Càn Thát Bà ca ngợi. Lại được hết thấy A Tu La ca ngợi. Lại được hết thấy Ca Lô La ca ngợi. Lại được hết thấy Khẩn Na La ca ngợi. Lại được hết thấy Ma Hầu La Già ca ngợi. Lại được hết thấy nhân phi nhân ca ngợi. Lại được hết thấy tứ đại thiên vương ca ngợi. Lại được hết thấy Đế Lợi Thiên Vương ca ngợi. Lại được hết thấy Đại Phạm Thiên Vương ca ngợi. Như thế cho đến thường được hết thấy chư Phật Thế Tôn ca ngợi).

Nói theo phương diện khen ngợi: [Người thọ trì kinh điển này] được hết thấy hữu tình trong thế gian, cho đến chư Phật, Bồ Tát đều khen ngợi. Đức Thế Tôn dùng thiện xảo đại oai đức như thế để khích lệ chúng ta yêu mến, đọc tụng, tu tập, truyền bá, giải nói, đích thân chứng đắc pháp tắc này.

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Hựu bỉ chư thiện nam tử, thiện nữ nhân trì thị kinh giả, thường vị nhất thiết chư thiên ái kính. Như thị nữ chí thường vị nhất thiết chư long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân đẳng chi sở ái kính. Hựu vị nhất thiết tứ thiên đại vương chi sở ái kính. Như thị thường vị nhất thiết Đế Lợi Thiên Vương, nữ chí nhất thiết Đại Phạm Thiên Vương chi sở ái kính. Như thị thường vị nhất thiết chư Bồ Tát bối, nữ chí nhất thiết chư Phật Thế Tôn chi sở ái niệm dã.

(經)復次賢護！又彼諸善男子善女人持是經者，常爲一切諸天愛敬。如是乃至常爲一切諸龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽、人非人等之所愛敬。又爲一切四天大王之所愛敬。如是常爲一切帝利天王，乃至一切大梵天王之所愛敬。如是常爲一切諸菩薩輩，乃至一切諸佛世尊之所愛念也。

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Các thiện nam tử, thiện nữ nhân trì kinh này lại thường được hết thấy chư thiên yêu kính. Như thế cho đến thường được hết thấy các rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân v.v... yêu kính. Lại được hết thấy tứ thiên đại vương yêu kính. Như thế thường được cho đến hết thấy Đế Lợi Thiên Vương, cho tới hết thấy Đại Phạm Thiên Vương yêu kính. Thường được hết thấy các hàng Bồ Tát cho tới hết thấy chư Phật Thế Tôn yêu mến, nghĩ nhớ như thế).

Ngài dùng hai pháp tán thán và ái kính như trên để viên mãn bảo chúng ta: Người cầu được truyền dạy pháp Ban Châu tam-muội, người đọc tụng, người giải nói, người đích thân chứng đắc như thế, sẽ đạt được tướng công đức rộng lớn, rớt ráo chẳng thể nghĩ bàn, được hết thấy hữu

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

tình trong thế gian yêu kính, cho đến được hết thầy chư Phật, Bồ Tát yêu mến, tưởng nhớ. Chuyện này quả thật chẳng thể nghĩ bàn. Nếu chư Phật, Bồ Tát yêu mến, nghĩ nhớ một ai, hoặc yêu mến, nghĩ nhớ một pháp tắc, sẽ có lợi ích như thế nào? Tâm trí của quý vị giống như một chiếc cell phone, trong ấy chứa đầy các dây số của chư Phật, Bồ Tát. Quý vị tùy tiện nhấn số nào, cũng đều nhận được lời chúc phước trí huệ của Phật, Bồ Tát, chúc phước quý vị cát tường, khỏe mạnh, oai đức, chúc phước vô tận pháp tắc và gia trì. Bởi đó, quý vị sẽ nhận được lợi ích chẳng thể nghĩ bàn! Nhưng có kẻ do bị La Sát thâm nhiếp, ác quỷ thâm nhiếp, chẳng hạn như kẻ nhằm lúc hành tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, bị lục đạo ác tánh thâm nhiếp, sẽ biểu lộ thành phiền não thô nặng! Sắc thân này của chúng ta nếu chẳng được thiện hay ác thâm nhiếp, sẽ đều là tướng “không lập” (tồn tại rỗng tuếch), tức là giống như một cái bát, trong đó chẳng đựng chi hết, rỗng không. Một khi nghiệp báo của sắc thân này sắp tận, thiện thần lẫn ác thần đều buông bỏ, thân thể rỗng tuếch, người ấy sẽ chết! Vì thế, đừng nên cho rằng sắc thân này là cái Ta chi cả! Muốn đem nó giả dạng thành thứ gì, quý vị giả dạng chẳng đầy vài chục năm, nó sẽ mất đi. Chẳng cần biết quý vị trau chuốt nó cỡ nào, nó sẽ tan hoại. Thật sự chẳng có thứ gì vĩnh hằng, mà cũng chẳng có một cái Ngã bất hoại! Chúng ta phải như thật nhận thức tánh chất vô thường ấy!

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Hựu bỉ chư thiện nam tử, cập thiện nữ nhân, dĩ kinh lực cố, thường vị nhất thiết chư thiên thủ hộ.

(經)復次賢護！又彼諸善男子及善女人，以經力故，常爲一切諸天守護。

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Các thiện nam tử, và thiện nữ nhân ấy, do sức của kinh, lại thường được hết thầy chư thiên thủ hộ).

Trong phần trước là khen ngợi, yêu kính, ở đây nói đến chuyện thủ hộ.

(Kinh) Như thị thường vị nhất thiết chư long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, cập nhân phi nhân chi sở thủ hộ. Hựu vị nhất thiết tứ thiên đại vương, như thị Đế Lợi Thiên Vương, nữ chí Đại Phạm Thiên Vương chi sở thủ hộ. Như thị thường vị nhất thiết chư Bồ Tát bối, nữ chí nhất thiết chư Phật Thế Tôn, tất giai phú hộ.

(經)如是常爲一切諸龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽、及人非人之所守護。又爲一切四天大王，如是帝利天王，乃至大梵天王之所守護。如是常爲一切諸菩薩輩，乃至一切諸佛世尊，悉皆覆護。

(Kinh: Thường được hết thấy các rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, và nhân phi nhân thủ hộ như thế. Lại được hết thấy tứ thiên đại vương, Đế Lợi Thiên Vương như thế, cho đến Đại Phạm Thiên Vương thủ hộ. Thường được hết thấy các vị Bồ Tát cho đến hết thấy chư Phật Thế Tôn thấy đều che chở, bảo vệ như thế).

Trong phần trước nói là “*thủ hộ*”, vì sao đến chỗ chư Phật, Bồ Tát bèn đổi thành “*phủ hộ*”? Nếu còn nói “*thủ hộ*” sẽ chẳng tương ứng, khiến cho chúng sanh có tâm tăng thượng mạn; cho nên liền thay đổi một từ ngữ, nói là “*phủ hộ*” (覆護), hàm ý chư Phật, Bồ Tát dùng đại oai đức chân thật thành tựu, chẳng chấp tướng mà che chở, bảo vệ. Trừ Phật, Bồ Tát ra, hết thấy Đại Phạm Thiên Vương, Đế Lợi Thiên (Trāyastriṃśa, Đạo Lợi Thiên), tứ thiên vương, cho đến Càn Thát Bà, A Tu La, các rồng, Dạ Xoa, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân v.v... đều là đối tượng được lợi ích do niệm Phật, cho nên nói “*họ đến thủ hộ quý vị*”. Vì lẽ nào? Niệm Phật có thể ban cho họ lợi ích chân thật; cho nên nói “*họ sẽ đến ca ngợi, đến yêu kính*”, cho tới “*đến thủ hộ*”. Ở đây, chư Phật Thế Tôn như thật khen ngợi, yêu mến, nghĩ nhớ, che chở, bảo vệ, chư Bồ Tát cũng giống như thế. Đối với chuyện này, tôi cảm thấy mọi người tu tập pháp này vẫn là thuận tiện nhất. Mỗi người chúng ta thật sự tu tập pháp tắc này, lợi ích chân thật sẽ thấm vào sanh mạng của chúng ta, sẽ như thật tồn tại trong sự duy trì sanh mạng, sẽ thiết thực khiến cho chúng ta cảm nhận, vận dụng được!

(Kinh) Thập phương thế giới vô lượng A-tăng-kỳ thế giới trung, hiện trì pháp giả.

(經)十方世界無量阿僧祇世界中，現持法者。

(Kinh: Những người đang trì pháp trong vô lượng A-tăng-kỳ thế giới khắp mười phương thế giới).

Mười phương chư Phật, Bồ Tát che chở, bảo vệ người đang trì pháp trong vô lượng A-tăng-kỳ thế giới trong mười phương thế giới.

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Hựu bỉ chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, dĩ kinh oai lực cố.

(經)復次賢護！又彼諸善男子善女人，以經威力故。

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy lại do oai lực của kinh).

Chúng ta nhất định phải chú ý đôi chút. Quý vị được che chở, bảo vệ, yêu mến, tưởng nhớ, ca ngợi, đều là do đọc tụng, cầu được truyền trao, cho đến giải nói kinh điển và đích thân chứng đắc sức tam-muội, cho nên mới có lợi ích tương ứng ấy. Chúng ta nhất định đừng nên vứt bỏ cội nguồn: “*Dĩ kinh oai lực cố*” (Do sức oai đức của kinh). Do sức của kinh, mỗi đoạn [kinh văn] đều có ngôn từ như vậy để nhắc nhở chúng ta. Nếu chẳng nương theo pháp tắc này, chẳng nương theo kinh điển này, chẳng thể thọ trì kinh điển này, chẳng giải nói, truyền đạt, tu tập kinh điển này, chẳng thủ hộ tam-muội này, các lợi ích ấy sẽ chẳng thể tương ứng.

Có người vì chính mình đã tu tập pháp tắc đôi chút, đạt được đôi chút tương tự lợi ích, bèn quăng kinh điển và pháp tắc qua một bên, do tham cầu oai đức cho chính mình, ngộ chính mình có oai đức, người như thế sẽ hứng chịu quả báo ác. Nêu một thí dụ đơn giản nhất để nói, chẳng hạn như chúng ta ngồi trong xe thiết giáp, súng ống bình thường chẳng bắn trúng ta. Khi đó, chúng ta nói: “Ồ chà! Ta thật sự có oai đức, súng chẳng bắn trúng ta được!” Sau đó, từ trong xe thiết giáp xông ra ngoài, kết quả là súng vừa bắn liền thủng toang. Chúng ta chớ nên cậy vào oai đức của thiện pháp để biểu lộ nghiệp duyên hư vọng của chính mình. Có người có thể mặc áo giáp chống đạn, bị người khác bắn trúng, liền nói: “Các người thấy đó, ta trúng đạn mà chẳng chết!” Nhưng nếu kẻ đó cởi áo chống đạn ra, súng vừa bắn trúng sẽ chết tươi! Chúng ta đạt được các thứ phước đức, nhân duyên, đều nhờ vào sức tam-muội này, nhờ vào sức của kinh điển này, nhờ vào đọc tụng, truyền đạt, hướng đến, cho đến do thành tựu pháp tắc này mà đạt được lợi ích chân thật. Ở đây, chẳng thể nói suông, chẳng thể khoe mẽ giả dối được! Rất nhiều kẻ chẳng đạt được lợi ích trong Phật pháp là vì đã khoe mẽ giả dối như thế, cũng như dựa

vào hình tượng hư giả “ta học Phật” mà mong đạt được nội dung thực chất, nhưng thật sự hoàn toàn chẳng thật sự tu tập Phật pháp; cho nên lợi ích chẳng tương ứng. Rất nhiều kẻ học tập Phật pháp, nhưng chẳng tu tập pháp tắc, chỉ trộm cái danh, trộm lấy ngôn thuyết để sau đó đi khoe với người khác, có được hay chẳng? Khi nói với người khác, đạt được lợi ích, nhưng vì cái tâm hư giả, khi muốn bản thân chiếm hữu lợi ích ấy, lập tức vứt bỏ kinh điển và pháp tắc, sẽ bị thương tổn. Chúng ta có thể khéo quan sát, phải như thật nhận biết tánh chất liên tục của pháp này.

(Kinh) Nhất thiết chư thiên giai dục kiến chi.

(經)一切諸天皆欲見之。

(Kinh: Hết thấy chư thiên đều muốn trông thấy).

Ở đây, lại dùng pháp “dục kiến” (muốn thấy) để bảo cho chúng ta biết công đức quang minh chân thật và công đức trang nghiêm rộng lớn của pháp tắc tam-muội này. Đó gọi là “lợi ích chân thật”, tức là lợi ích được an lập trong hết thấy thế gian, bất luận là Sắc Giới, hay Dục Giới, cho đến Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát giới, chư Phật giới, lợi ích của người hành pháp đều là trực tiếp khế hợp với sự biểu đạt này. Đó là lợi ích rộng lớn rớt ráo như thật, an trụ viên mãn chân thật, là chân thật chẳng dối!

(Kinh) Như thị nhất thiết chư long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lôu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, cập nhân phi nhân đẳng, giai tư dục kiến.

(經)如是一切諸龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽、及人非人等，皆思欲見。

(Kinh: Cũng như thế, hết thấy các rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lôu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, và nhân phi nhân v.v... đều nghĩ muốn trông thấy).

Vì sao? Do thiện xảo hồi thí, do sức oai đức của kinh, do tạo phương tiện cho hết thấy chúng sanh, do mở kho báu lớn cho hết thấy chúng sanh, do hồi thí chân thật cho hết thấy chúng sanh, thường nói là “vì chúng khai pháp tạng, quảng thí công đức bảo” (vì chúng mở kho pháp, rộng thí báu công đức). Người niệm Phật bất luận là thân phàm,

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

thân thánh, thân ngu si, hay thân điên đảo, chỉ nương theo danh hiệu của Phật, có thể lợi lạc trọn khắp hữu tình thuộc chín pháp giới trong mười phương, khiến cho thiện nghiệp của hữu tình trong thiện đạo hưng hực, khiến cho hữu tình trong thánh đạo thành tựu viên mãn, khiến cho hữu tình ngu si, tội ác thoát lìa tổn thương trong chôn u minh. Đó là chân thật chẳng thể nghĩ bàn, chẳng phải là nói tùy tiện, chẳng phải là ngôn thuyết vô nghĩa, hoặc khoa trương vô nghĩa. Pháp tắc ấy chân thật lợi ích trọn khắp hữu tình thuộc chín pháp giới trong mười phương, an trụ trong công đức rộng lớn như thật nơi thế gian, cho nên là đại phước đức, oai đức thù thắng thành thực! Chúng ta chớ nên vì được gặp gỡ mà coi rẻ, buông bỏ nó. Càng chớ nên vì đã được gặp gỡ mà chẳng coi là thật, để rồi tham lam các pháp tắc khác. [Nếu hành xử như thế], đúng là chỗ đáng buồn, đáng đau khổ của hết thầy trời, người, vì thế gian đã đánh mất trân bảo này. Nếu chúng ta đánh mất ma-ni trân bảo lợi ích hết thầy thế gian này thì chư thiên, quý thần, cho tới chư Phật, Bồ Tát sẽ đều vì chúng ta buồn bã than thở. Ở đây, hãy nên như thật xét kỹ pháp tắc này!

(Kinh) Hựu bỉ nhất thiết tứ thiên đại vương, như thị nhất thiết Đạo Lợi Thiên Vương, nãi chí nhất thiết Đại Phạm Thiên Vương, giai tư dục kiến. Như thị nhất thiết chư Bồ Tát bối, nãi chí nhất thiết chư Phật Thế Tôn, các dục kiến chi.

(經)又彼一切四天大王，如是一切切利天王，乃至一切大梵天王，皆思欲見。如是一切諸菩薩輩，乃至一切諸佛世尊，各欲見之。

(Kinh: Lại nữa, hết thầy tứ thiên đại vương, hết thầy Đạo Lợi Thiên Vương cho tới hết thầy Đại Phạm Thiên Vương, đều nghĩ muốn trông thấy như thế. Cũng như thế, hết thầy các vị Bồ Tát, cho đến hết thầy chư Phật Thế Tôn đều muốn trông thấy).

Phân lượng ở đây rất nặng, nói hết thầy hữu tình trong thế gian, dù thánh, hay phàm, người trí, kẻ ngu, cùng với hết thầy chư Phật đều muốn trông thấy. Vì Ban Châu tam-muội vốn có tên là Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiện Tiền, hiện tiền như thế nào? Nếu chẳng muốn thấy quý vị, quý vị làm sao có thể thấy được? Do vậy, “*đắc kiến*” (được thấy) là do oai thần của chư Phật gia bị, do nhân duyên ấy mà sanh ra thiện xảo.

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Hựu bỉ chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, dĩ kinh oai cố, nhất thiết chư thiên thường chí kỳ sở, thân kiến kỳ hình, linh bỉ quán đồ.

(經)復次賢護！又彼諸善男子善女人，以經威故，一切諸天常至其所，親見其形，令彼觀睹。

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy lại do oai lực của kinh mà hết thấy chư thiên thường đến chỗ người ấy, đích thân hiện hình dáng của họ để cho những người ấy được trông thấy).

Ở đây, phân lượng càng lớn hơn nữa! Chúng ta thấy “*dục kiến*” (muốn thấy) cũng thế, “*tán thán*” cũng thế, cho đến “*ái niệm*” cũng thế, vẫn có cảm giác cách biệt. Ở đây, đức Thế Tôn trực tiếp bảo chúng ta: “*Dĩ kinh oai cố, nhất thiết chư thiên, thường chí kỳ sở*” (Do oai lực của kinh, hết thấy chư thiên thường tới chỗ người ấy). Chỗ người ấy là chỗ nào vậy? Chính là chỗ người hành pháp, người yêu mến pháp, chỗ người muốn cầu pháp này, người đọc tụng kinh điển, người giải nói cho kẻ khác, người đích thân chứng tam-muội. Chỗ của những người như thế đó!

Khi tôn giả Hổ Ba (Khruba Bonchum) đến đây⁶, đã nhắc tôi rất nhiều lần: Chỗ này của chúng ta tụ tập rất nhiều vị trời. Tôi chẳng nghi ngờ chuyện ấy, vì điều ấy đúng như kinh điển đã nói. Đó là chuyện rất như thật, rất chuẩn xác, rất chân thật. Tôi tin tưởng kinh giáo sâu đậm, mà cũng tin vào con mắt của các bậc trí giả. Đương nhiên mọi người sẽ nói: “*Vì sao tôi chẳng trông thấy?*” Vậy thì quý vị cứ từ từ, nếu quý vị có các thiện xảo như thiên nhãn, pháp nhãn, huệ nhãn, chuyện này cũng chẳng khó. Nếu nương theo kinh điển, cũng là cảm nhận thấy rất thuận tiện, vì ở đây mọi người đều niệm Phật, hành Ban Châu hơn một năm qua, ngày đêm chẳng gián đoạn, rất cảm động người trong thế gian. Chúng ta trong tiếng niệm Phật, trong đạo tràng, đầy khởi đủ thứ chủng tử có tánh ác hay tánh thiện, nhân duyên tốt, nhân duyên xấu, nhưng nhất định là nhân duyên chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Đạo nghiệp, đạo tràng sẽ chuyển hóa loại nhân duyên ấy, chẳng hạn như khi chư thiên, quý thần đến làm chứng cho chúng ta, sẽ trực tiếp gia trì chúng ta thiện xảo tăng thượng. Như vậy thì ác duyên sẽ bị tiêu trừ.

⁶ Tôn giả Khruba Bonchum được mời đến chùa Phóng Quang ở Kê Túc vào tháng Tư năm 2006 (chú thích của người ghi lại lời giảng).

(Kinh) Như thị nhất thiết chư long, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân đẳng, giai kiến kỳ hình, tùy nghi lợi ích. Hựu bỉ nhất thiết tứ thiên đại vương, Đế Lợi Thiên Vương, nãi chí nhất thiết Đại Phạm Thiên Vương đẳng, giai thân lâm thị.

(經)如是一切諸龍、夜叉、乾闥婆、阿修羅、迦樓羅、緊那羅、摩睺羅伽、人非人等，皆見其形，隨宜利益。又彼一切四天大王，帝利天王，乃至一切大梵天王等，皆親臨視。

(Kinh: Cũng như thế, hết thấy các rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, nhân phi nhân v.v... đều hiện thân hình, tùy nghi tạo lợi ích. Lại nữa, hết thấy tứ thiên đại vương, Đế Lợi Thiên Vương, cho đến hết thấy Đại Phạm Thiên Vương v.v... đều đích thân giáng lâm cho thấy).

Các thiện tri thức ơi! Lời nói này có phân lượng rất nặng. Nó từng chút dẫn dắt chúng ta, sợ chúng ta sẽ kinh hoảng. Nếu ngày nào đó, quý vị thật sự trông thấy, đừng nên sợ hãi! Có người đột nhiên trông thấy thân to lớn sẽ sanh sợ hãi, vì thân vi tế của chư thiên đều rất cao lớn, hoặc rất sáng ngời, rất trang nghiêm, rất oai đức. Lại các loài như rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, thiên long bát bộ, có nhiều loài khiến nhân loại trông thấy sẽ sợ hãi, kinh hoảng. Hàng Bồ Tát phần nhiều đều là bậc thiện căn thuần thực, hoặc có rất nhiều vị là Thập Địa, hoặc Bát Địa Bồ Tát. Do các nhân duyên như thế mà đích thân hiện trước chúng ta, gia trì thủ hộ đạo nghiệp của đạo tràng này, thật sự là chuyện chẳng thể nghĩ bàn. Họ cũng là bậc hồi thí lợi ích do hành pháp, lợi ích lẫn nhau. Như thế thì chúng ta dần dần cũng có thể tập quen, sẽ chẳng hoảng sợ!

(Kinh) Như thị nhất thiết chư Bồ Tát bối, nãi chí nhất thiết chư Phật Thế Tôn, phi dẫn trú nhật, hoặc u mộng trung, vị hiện hình tượng, tự xưng danh hiệu, ma danh ủy an, xưng dương, khuyến phát dã.

(經)如是一切諸菩薩輩，乃至一切諸佛世尊，非但晝日，或於夢中，為現形像，自稱名號，摩頂慰安，稱揚勸發也。

(Kinh: Cũng như thế, hết thấy các vị Bồ Tát cho đến hết thấy chư Phật Thế Tôn, không chỉ là trong ban ngày, mà hoặc là còn trong mộng bèn hiện hình tượng, tự xưng danh hiệu, xoa đầu an ủi, khen ngợi, khuyến phát tâm).

Đối với đoạn văn tự này, chúng ta phải nên mười phần cẩn thận đọc tụng, liễu giải, hướng tới pháp tắc này, mong cầu pháp tắc này, đọc tụng kinh điển này, vì người khác giải nói, đích thân chứng tam-muội, cho đến đối với người cùng được tiếp xúc, thủ hộ pháp này và kinh điển này, sẽ dìu dắt họ đúng như kinh điển đã dạy, sẽ đều đạt được sự nghĩ nhớ yêu mến, thủ hộ, che chở chẳng thể nghĩ bàn, cho đến đích thân giảng lâm, các thứ công đức như thế. Chúng ta nhất định sẽ nhận biết rõ ràng, tư duy cặn kẽ. Như thế thì đối diện với tướng cảnh giới, trông thấy quý, thần, trời, Bồ Tát, Phật, sẽ chẳng kinh hãi, chẳng sanh lòng hoảng hốt, chẳng đến nỗi mai một, đắm nhiễm bởi nhân duyên ấy, có thể trụ trong an lạc, có thể thấy Phật để hỏi pháp, trực tiếp tiến nhập, đích thân chứng tam-muội, tức Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội.

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Hựu bỉ chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, tuy vị tăng văn chư kinh điển, dĩ thị tam-muội oai thần lực cố, tự nhiên hữu nhân lai chí kỳ sở, nãi chí mộng trung, vị kỳ tuyên thuyết, linh bỉ đắc văn, ức trì bất thất dã.

(經)復次賢護！又彼諸善男子善女人，雖未曾聞諸餘經典，以是三昧威神力故，自然有人來至其所，乃至夢中，為其宣說，令彼得聞，憶持不失也。

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Lại nữa, các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy tuy chưa từng nghe các kinh điển khác, do sức oai thần của tam-muội này, tự nhiên có người đến chỗ kẻ đó, thậm chí trong mộng, vì kẻ đó

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

tuyên nói, khiến cho kẻ đó nghe rồi sẽ ghi nhớ, vâng giữ, chẳng quên mất).

Đức Thế Tôn nói Tam Tạng mười hai bộ loại, hoặc là hiền thuyết, hoặc mật thuyết, các thứ giáo ngôn, do oai thần của sức tam-muội này, đối với những người chưa nghe pháp này, chưa tu tập kinh điển này, sẽ khiến cho họ được nghe, vâng giữ chẳng quên! Pháp Tịnh Độ vốn ngầm hộ trì tam thừa, ngầm hành trì pháp tắc tam thừa, vì trong lúc tu nhân, A Di Đà Phật Thế Tôn đã dùng sức thệ nguyện đại chúng tử Đà-la-ni của Ngài, khiến cho hết thảy chúng sanh đạt được sức vô ngại, đạt được tự tại trong hết thảy các pháp. Chúng ta thường cho rằng pháp Niệm Phật chỉ đơn giản là trì danh hiệu Phật, thật ra chẳng phải vậy! Vì chúng tử thiện xảo ấy, có thể khiến cho hết thảy chúng sanh nhập tâm trí của bốn loại vô ngại lực, đạt được tự tại trong hết thảy các pháp tắc, có thể thực hành, hộ trì rộng lớn hết thảy các pháp, đích thân chứng hết thảy các pháp. Vì một câu Nam-mô A Di Đà Phật thật sự gồm trọn bốn nghĩa chân thật trong giáo ngôn thanh tịnh của hết thảy chư Phật, được hết thảy chư Phật như thật tuyên nói, có thể triển khai các phương diện tỉ mỉ, vi tế, tối thắng, sai biệt trong giáo ngôn của hết thảy Như Lai. Có sức chẳng thể nghĩ bàn như thế, phạm tình chẳng thể suy lường được! Nếu có thể thâm nhập pháp tắc này, vô lượng pháp môn sẽ được tự tại thiện xảo, nhập vào sức tự tại vô ngại. Đó là thệ nguyện do A Di Đà Phật Thế Tôn đã phát trong khi tu nhân. Trong kinh Vô Lượng Thọ và phẩm Vô Lượng Thọ Như Lai Hội của kinh Đại Bảo Tích, đức Phật cũng đối trước A Dật Đa Bồ Tát thọ ký nhiều lượt: Nếu có các chúng sanh sanh khởi tín tâm đối với pháp môn này, hành trì, thủ hộ, sẽ sanh khởi phương tiện oai đức rộng lớn, có sức tự tại chọn lựa đối với vô lượng pháp môn. Vì thế, trong ấy có nội hàm của cơ chế thọ ký, thệ nguyện, và huân tu.

Trong giáo ngôn Tịnh Độ được truyền bá trên thực tế tại Trung Hoa, có nhiều vị Bồ Tát truyền bá pháp tắc “*chuyên tu, chuyên niệm A Di Đà Phật*”, quả thật là vì mong lợi lạc hữu tình đang mê mất, hữu tình đang tán loạn, hữu tình đa nghi, hữu tình tự coi là hèn kém và thiện căn chẳng thành thực sẽ có thể đối với một pháp môn mà tùy thuận tự tại, tùy thuận khế nhập, đối với một pháp môn sẽ đạt được nhân duyên cổ vũ, khích lệ, giáo hóa. Nhưng có nhiều hữu tình hiểu lầm, hoặc có thể nói là hữu tình ngu si, mê muội, điên đảo, cưỡng chấp một pháp, cho nên thường nảy sanh những giáo thuyết quá khích gây ngăn trở, thậm chí diệt pháp, báng pháp, hủy pháp. Đó là sự tuyên nói chẳng tương ứng với

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

pháp tắc do thời đại này tạo thành. Nếu đối với hữu tình trong thời Mạt Pháp không có sức tu trì, hữu tình thiện căn chưa thành thực, hữu tình nhiều lo ngại, hữu tình chẳng khéo tu tập pháp tắc, mà hướng dẫn các loại hữu tình ấy thâm nhập một môn, sẽ là rất thiện xảo, là sự lựa chọn có ý nghĩa.

Có nhiều hữu tình do tâm tham, tâm tạp loạn, tâm kiêu mạn, tâm tà kiến, dẫu muốn tu pháp thành tựu mà chẳng thể thành tựu, chẳng thể thâm nhập, chẳng thể chọn lựa. Vì vậy, đức Thế Tôn cho đến các vị thiện tri thức truyền pháp trong đời sau, đều dùng đủ mọi thiện xảo để dẫn dụ, hướng dẫn chúng ta thâm nhập một môn, ngõ hầu thành tựu sự lựa chọn trong hết thảy các pháp, cho đến thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, đắc Bất Thoái Chuyển ngay trong một đời. Quả thật, chẳng có pháp cố định, mà cũng chẳng có pháp để phi báng các duyên khác, hoặc ngôn thuyết thật sự để gây trở ngại cho duyên khác. Những thứ như thế chỉ là phương tiện nhất thời để ngăn che, bảo vệ. Hiện thời, trong thế gian này, chúng ta thường nghe nói kiểu truyền bá Phật pháp chẳng tương ứng, tức là “*dùng một pháp để diệt các pháp*” như thế đó. [Kiểu nói thế ấy thúc giục hành nhân hãy] thực hiện giáo ngôn dựa theo các ngôn thuyết quá khích, mâu thuẫn với nội hàm thực chất rộng lớn, “*nhiếp trọn khắp ba căn, lợi ích rộng khắp hết thảy hữu tình*” của giáo ngôn Tịnh Độ⁷. Nói theo nội hàm chân thật của giáo ngôn Tịnh Độ, thật sự là “*chẳng bỏ hết thảy các pháp, chứa đựng rộng khắp hết thảy các pháp, trọn đủ nội dung chân thật của hết thảy các pháp, có thể lợi ích rộng khắp hết thảy hữu tình trong pháp giới*”. Đó là nội hàm công đức chân thật của pháp Tịnh Độ. Công đức và lợi ích của Ban Châu tam-muội cũng là như thế.

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Ngã nhược thuyết bỉ chư thiện nam tử, cập thiện nữ nhân tàm trì tam-muội vi diệu kinh điển, sở đắc công

⁷ Tức là các “giáo thuyết” do hiểu lệch lạc kinh nghĩa, hoặc muốn lập di, nhằm tạo sắc thái “đặc biệt” cho đường lối của chính mình hòng lôi kéo tín đồ, chỉ gây thêm hoang mang cho người tu Tịnh Độ trong hiện thời, như đề xướng phải niệm A Mi Đà Phật thì mới được vãng sanh, niệm A Di Đà Phật là sai. Hoặc bịa chuyện bảo chư tổ Việt Nam kiêng không niệm A Mi Đà Phật vì Mi là tên của một công nương nào đó, phải kiêng húy, tuy chẳng nêu ra được tên của vị công nương đó. Hoặc dù đã quy y, phải tìm một vị pháp sư Tịnh Tông quy y lại để được đặt pháp danh là Diệu Âm thì mới đúng là hành giả Tịnh Độ! Hoặc phải hành trì theo lời dạy của Tổ Thiện Đạo (tuy cách hành trì ấy do họ hiểu lệch lạc lời dạy của Tổ) mới đúng là giáo nghĩa Tịnh Độ chân chánh, coi các lời dạy của chư tổ Tịnh Độ sau đó là lệch đường, hoặc quá khích đến nỗi đề xướng “chỉ cần tin và phát nguyện vãng sanh là đủ, không cần tam quy, ngũ giới” v.v...

đức, thiết kinh kiếp số, chung bất năng tận. Ngã chi trí biện, tuy phục vô cùng, diệc bất năng thuyết. Hà huông bỉ bối, văn thử tam-muội, y giáo tu hành, như pháp nhi trụ dã.

(經)復次賢護！我若說彼諸善男子，及善女人暫持三昧微妙經典，所得功德，設經劫數，終不能盡。我之智辯，雖復無窮，亦不能說。何況彼輩，聞此三昧，依教修行，如法而住也」。

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Nếu ta nói công đức đạt được do các thiện nam tử, và thiện nữ nhân ấy tạm trì kinh điển tam-muội vì diệu, dấu trải qua bao kiếp số, trọn chẳng thể nói hết được. Biện tài trí huệ của ta tuy vô cùng, vẫn chẳng thể nói! Huông hồ bọn họ nghe tam-muội này, y giáo tu hành, an trụ đúng pháp).

Trong nhiều kiếp, vô cùng kiếp, đức Thế Tôn tán thán chẳng thể trọn hết, huông hồ hết thấy các vị Bồ Tát, các vị Thanh Văn, các vị Duyên Giác, cho đến hết thấy hàng phàm phu mà có thể tán thán cùng tận ư? Công đức đạt được do tạm nghe, cho đến tạm trì kinh điển này, Phật còn chẳng thể tán thán trọn hết, huông hồ [công đức do] tu trì, thâm nhập tu tập pháp như thế ư?

Đức Thế Tôn nêu ra một so sánh, một lời khuyên dạy như vậy để xưng tụng, tán thán công đức và lợi ích của pháp này, mong cho hết thấy chúng sanh hữu duyên sẽ thật sự liễu giải công đức và lợi ích chân thật của pháp này, tức là nêu ra tướng công đức to lớn cho đến lợi ích rất ráo chẳng thể nghĩ bàn của Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội!

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn vị trùng mình thử nghĩa, nhi thuyết kệ viết.

(經)爾時，世尊爲重明此義，而說偈曰。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn vì muốn nêu rõ lại nghĩa này bèn nói kệ rằng).

Trùng tuyên các công đức do thọ trì, cầu truyền dạy, giải nói, cho đến đích thân chứng đắc Ban Châu tam-muội.

(Kinh) Nhược nhân hữu năng giải thích tư, chư Phật đại tịch thăng tam-muội. Giả linh ngã kim thuyết công đức, do bỉ Hằng hà thủ nhất sa. Nhược năng vị tha thuyết tam-muội, thủy bất năng nịch, hỏa bất thiêu. Dao, trượng, độc hại sở bất thương. Vương, tặc, ác quan bất đắc tiện. Nhược năng độc tụng tam-muội kinh, bất úy nhất thiết khùng bố sự. Như bỉ đại xà, chư đại độc, thử đẳng kinh lực năng diệt trừ. Nhược hữu thọ trì thị kinh điển, bất úy nhất thiết chư ác nhân. Dạ Xoa, La Sát, cập chư long, bỉ đồ chung vô đắc kỳ tiện. Nhược thường thủ hộ, cúng dường giả, tiện tại Lan Nhã vi bằng loại. Sư tử, hổ, lang, chư thú đẳng, tê ngu, sài, báo, cập dã ngu. Nhược năng hộ trì thử tam-muội, bỉ hữu oai lực bất khả đương. Viễn ly nhất thiết ác tâm nhân, cập chư Dạ Xoa đạm tinh khí.

(經) 「若人有能解釋斯，諸佛大寂勝三昧。假令我今說功德，猶彼恆河取一沙。若能爲他說三昧，水不能溺火不燒。刀杖毒害所不傷，王賊惡官不得便。若能讀誦三昧經，不畏一切恐怖事。如彼大蛇諸大毒，此等經力能滅除。若有受持是經典，不畏一切諸惡人。夜叉羅刹及諸龍，彼徒終無得其便。若常守護供養者，便在蘭若爲朋類。師子虎狼諸獸等，犀牛豺豹及野牛。若能護持此三昧，彼有威力不可當。遠離一切惡心人，及諸夜叉啖精氣。」

(Kinh: Nếu ai giải thích môn tam-muội, thù thắng đại tịch của chư Phật. Nếu nay ta nói công đức ấy, như nhặt hạt cát từ sông Hằng. Nếu vì người khác nói tam-muội, nước chẳng nhấn chìm, lửa chẳng đốt. Dao, trượng, độc hại chẳng thương tổn. Vua, giặc, quan ác chẳng hại được! Nếu hay đọc tụng kinh tam-muội, chẳng sợ hết thấy chuyện kinh hãi. Như rắn lớn, chất độc rất mạnh, do sức kinh này diệt trừ ngay. Nếu ai thọ trì kinh điển này, chẳng sợ hết thấy các kẻ ác. Dạ Xoa, La Sát, và các rồng, chúng chẳng thừa cơ gây hại được. Nếu thường thủ hộ, cúng dường kinh, khác nào trụ trong A Lan Nhã. Sư tử, cọp, sói, các loài thú, tê giác, sài, báo, và trâu rừng. Nếu hay hộ trì tam-muội này, oai lực người ấy thật khôn sánh. Xa lìa hết thấy kẻ tâm ác, và các Dạ Xoa nuốt tinh khí).

“*Viễn ly nhất thiết ác tâm nhân*” (Xa lìa hết thầy kẻ tâm ác): Thật sự là do sức tam-muội mà có thể khiến cho kẻ có tâm ác chuyển thành thiện. Đó là chân thật, chẳng dối. Trước đó, đã nhắc tới tê giác, sài⁸, báo, cạp, sói, các loài thú cũng do sức tam-muội này khiến cho ác tâm mãnh liệt của chúng ngưng dứt tạo tác, cho đến chuyển sang thủ hộ những người hành pháp này. Rất nhiều người hành pháp trong quá trình tu hành, đã thấy các sanh mạng, các thứ tướng cảnh giới, các thứ cảm nhận, nhân loại, phi nhân loại, loài thú, loài chẳng phải thú, thiên, phi thiên, các vị hiền thánh, Bồ Tát, thầy đều trông thấy, nhưng chẳng đắm nhiễm. Vì sao? Duyên theo sức tam-muội chiếu kiến. Đối với chuyện này, cũng chớ nên sợ hãi, vì giống như huyễn lực, như vật soi bóng trong gương, như sương, như tia chớp, như mộng huyễn, chẳng có thực chất. Nếu người hành pháp chọn lựa như thế, sẽ thẳng một đường mà đi, chẳng ngoái cổ lại, sẽ đạt được niềm vui thù thắng của pháp ích từ các lợi ích do pháp đem lại, rốt ráo an trụ trong pháp tắc như thế.

Các vị Bồ Tát đang hiện diện ơ! Đối với pháp tắc này, có vị hành trì sâu hơn, có vị hành cạn hơn, có vị hành lâu hơn, có vị vừa mới tiếp xúc, có vị thậm chí còn chưa tiếp xúc, có vị chỉ nghe nói, yêu mến pháp tắc như thế, công đức ấy đều chẳng thể nghĩ bàn. Vì công đức ấy trọn đủ chặng đầu, trọn đủ chặng giữa, và trọn đủ chặng cuối cùng. Phát tâm cầu được truyền dạy, đọc tụng kinh điển đều chẳng thể nghĩ bàn. Giải nói cho người khác, tuyên nói kinh điển này, đích thân chứng tam-muội, chẳng thể nghĩ bàn!

“*Cập chư Dạ Xoa đạ tinh khí*” (Và các Dạ Xoa nuốt tinh khí): Đây là những quỷ thần ác theo sát chúng sanh trong thế gian. Loại quỷ ăn nuốt tinh khí này đoạt mạng con người, đoạt tâm trí của con người, đoạt sắc thân của con người, nhất là người hiện thời uống rượu, hút thuốc, ăn hành tỏi, các thứ tanh tươi, do ngũ huân khiến cho thân thể con người tỏa ra hơi hướng xấu ác. Do vậy, các loài quỷ ăn tinh khí sẽ thường theo sát. Có nhiều hữu tình bị các chứng hôn trầm, lãng quên v.v... phần nhiều vì [nguyên nhân] như thế mà phát sanh, tức là bị quỷ

⁸ Sài (豺, dhole, mountain wolf, whistling dog, còn gọi là sài cầu, hồng lang, sài khuyển) tức là một loài chó hoang tại châu Á, thường được người Việt gọi là sói lửa, hay sói đỏ. Loài động vật ăn thịt hoạt động về đêm này rất hung bạo, thường ăn thịt các loài nai, hươu, lợn rừng, nhưng khi quá đói, chúng có thể tấn công cả trâu, bò, ngựa. Chúng thường sống thành bầy đàn, từ năm bảy con cho đến năm mươi con.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

thần ác rình rập, khiến cho tâm thần vô lực. Đó là nạn duyên có tánh chất ác do quý ăn tinh khí tạo thành. Khi tâm trí quý vị thanh tịnh, tạp duyên yếu ớt, nhất là do nhân duyên chẳng ăn, chẳng dùng các thứ hôi tanh v.v... liên tục đã lâu, hôn trầm sẽ nhanh chóng giảm thiểu. Vậy thì người xuất gia, người tu pháp đã tu tập lâu ngày, vì sao vẫn lắm hôn trầm? Vì các chủng tử trong quá khứ chẳng dễ gì thoát được!

Sắc thân của chúng ta vốn chẳng bị hôn trầm, chẳng bị sức hôn trầm không chế, [bị hôn trầm hay không] đều là do ác thân hay thiện thân bầu bạn. Mỗi người sanh ra đều có hai vị thần tụ tập, tức là hai thiện thân bầu bạn từ lúc còn sống cho đến khi chết đi, bầu bạn suốt cuộc đời. Nếu hai vị thần lìa bỏ, thân thể sẽ tiêu vong. Có người đến bệnh viện, trông thấy người sống đời thực vật, thân thể còn sống, nhưng chẳng có ý thức hay cảm giác, tức là thân thể chỉ có tướng trạng rỗng không. Trong tình huống thông thường, thân thể trống rỗng sẽ chẳng dễ duy trì sanh mạng, nhưng có bệnh nhân dựa vào các thứ như được truyền dịch dinh dưỡng v.v... để kéo dài sanh mạng, nhưng cảm giác đã chẳng còn, do hai vị thiện và ác thân đã đều lìa bỏ. Người bị ác thân sai sử, sẽ hiện tướng hung ác, cố ý làm chuyện hung ác, cho đến làm các chuyện thuộc về ác duyên và ác tướng. Nếu thiện thân thủ hộ, người ấy sẽ làm các chuyện thiện xảo, làm các thứ thiện duyên, nói những lời mềm mỏng, làm các chuyện mềm mỏng và lợi ích. Đối với điều này, trong kinh điển, đức Thế Tôn đã chỉ rõ, nhưng nếu quý vị thật sự đạt được tâm trí Bồ Đề thanh tịnh, xa lìa tam giới, sẽ chẳng bị chuyện này quấy nhiễu, chẳng thuộc vào loại này.

Thông thường, sau khi đã ngồi nghe giảng mười lăm phút ở đây, chủng tử của con người sẽ xuất hiện. Càng hành pháp lâu ngày, khi đạt đến mức mập mé, sẽ càng cảm thấy có tình huống như thế này: Nếu được nhắc nhở thì không sao, chẳng được nhắc nhở thì con người sẽ rất nhanh chóng buồn ngủ. Nhất là đối với những người tu pháp đã đạt được an ổn đôi chút. Người ấy cứ ngỡ ngoại duyên đã an ổn, cho nên sẽ buông lung. Hễ buông lung, sẽ buồn ngủ liền. Tình huống ấy xảy đến rõ rệt nhất trong khi đang tu pháp; chứ lúc bình thời, ở trong ngũ dục, hoặc là trong khi làm các thứ nghề nghiệp, sẽ chẳng bị hôn trầm, vì người đang làm việc, do thân tâm an lạc, hoặc phải suy nghĩ, bàn bạc; còn trong khi tu pháp thì lại bị che lấp. Sự che lấp ấy phần nhiều là vì ác quỷ thần che lấp. Kẻ càng tự nghĩ chính mình hành pháp đắc lực, có thọ dụng tốt đẹp, sẽ càng bị che lấp! Do chủng tử nổi dậy, tâm kiêu mạn sanh khởi, sẽ bị che lấp. Có khi tôi thấy trong khi đi thối, nhất là vào trong nội viện,

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

[hành nhân] ngủ gục hết. Nếu là người sáng suốt, bèn hét to một tiếng để xua đuổi loại hữu tình ác ấy. Ai đã chèo kéo các hữu tình tánh ác ấy? Do các hữu tình hôn trầm chuốc vùi! Họ dưỡng dục chúng nó, dùng sanh mạng của chính mình để dưỡng dục. Kẻ hút thuốc, ăn hành tỏi, có khi từ xa đã khiến cho người khác cảm thấy có mùi vị khó ngửi, hoặc khiến cho người khác có cảm giác không ưa thích. Thật ra, kẻ ấy đã bị quỷ thần ác xâm phạm. Thông thường, chúng ta sẽ cho rằng nói như vậy chẳng tương ứng, nhưng trong kinh điển nhà Phật, trong giáo ngôn về sự tu trì, trong nghi quỹ, đều đòi hỏi rất nghiêm ngặt. Đối với hai thứ điều cử và hôn trầm, đều quở trách, thống trách! Kẻ tự xưng là “tu pháp” trong hiện thời, nhất là kẻ tự đắc ý, tức là kẻ ngỗ chính mình tu pháp có thành tựu, sẽ hôn trầm nhiều nhất. Chúng ta chỉ nên phê phán đôi chút, mười phần thì tám chín phần đang hôn trầm! Trước kia, trong xã hội, tôi đã gặp một số người nói: “Ông X... tu hành rất khá, bà Y... tu hành rất thiện xảo!” Tôi nói: “Tạm thời không cần bàn luận. Cứ ngồi xuống là biết ngay!” Chẳng hạn như ngồi hai tiếng đồng hồ. Họ vừa ngồi xuống, chừng năm mười phút đã hôn trầm, hai mươi phút bèn điều cử. [Nếu đã hôn trầm trong khi tĩnh tọa], trong các lúc khác, sẽ chẳng thể nói là như thật được! Nếu có thể thật sự ngồi thanh tịnh, thân tâm khinh an, sự khinh an từ bên trong phát ra, tịch tĩnh khinh an, đó là người thật sự tu hành Phật pháp. Nếu không, sẽ là kẻ hôn trầm, ngồi đó làm chi? Tiếp nhận mười phương cúng dường, chính mình hôn trầm, cứ lãng phí từng lúc như thế. Kẻ sơ phát tâm, tinh tấn dũng mãnh, phần nhiều có thể xa rời tật này. Người tu hành “lão đạo” ngược lại, sẽ hãm nhập sâu đậm trong ấy! Từ chúng xuất gia hay chúng tại gia, đều có thể thấy chuyện này! Pháp Ban Châu nếu phát tâm dũng mãnh, sẽ có thể tránh khỏi nhân duyên này. Vì trừ phi nương dựa vào một chỗ nào đó [để tạm nghỉ], chỉ cần đang đi kinh hành, hễ hôn trầm sẽ ngã chổng gọng, hoặc quý vị dùng phương pháp tự đối gạt khi bị hôn trầm, sẽ chẳng thể được, sẽ ngay lập tức lão đảo. Vì thế, phương pháp này mười phần chẳng thể nghĩ bàn!

(Kinh) Nhược năng giải thuyết thử tam-muội, bỉ vô chư bệnh, cập chương tai. Sở sanh báo nhãn chung bất suy, ngôn từ thanh diệu, hữu đại biện.

(經)若能解說此三昧，彼無諸病及障災。所生報眼終不衰，言詞清妙有大辯。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

(Kinh: Nếu hay giải nói tam-muội này, chẳng có các bệnh và tai chướng. Báo nhãn vốn có chẳng hề suy, ngôn từ thanh diệu, đại biện tài).

“Sở sanh báo nhãn chung bất suy” (Con mắt được sanh bởi quá báo chẳng hề bị kém đi): Đối với người hành Ban Châu, có người nói: “Chẳng ngủ trong một thời gian dài, sợ mắt sẽ bị hỏng”. Chẳng phải như vậy! Người thật sự hành Ban Châu, mắt chẳng bị ảnh hưởng, thường là mắt rất sáng. Nhưng người hiện thời tin sâu pháp này rất ít, ngờ vực thì nhiều, vì đã dùng phàm tình để biện định, cho nên bị ngăn trở, rất khó tùy thuận sức tam-muội, chẳng đạt được nguyện lực và sức thần thông chẳng thể nghĩ bàn của Phật gia trì, cho đến chẳng được phước đức bất cộng gia trì, chẳng thể tùy thuận [các sức gia trì ấy], chỉ tùy thuận nghiệp duyên của chính mình, đọa trong hiện duyên của chính mình, chẳng thể tự thoát được!

(Kinh) Nhược nhân chứng tri thâm tịch Thiên, thân thể hùng kiện vô chúng bệnh. Nhất sanh vĩnh tuyệt chư ác sắc, hậu chung bất úy địa ngục đạo.

(經)若人證知深寂禪，身體雄健無衆病。一生永絕諸惡色，後終不畏地獄道。

(Kinh: Nếu người chứng biết Thiên sâu lắng, thân thể khỏe mạnh, chẳng bệnh tật. Suốt đời dứt bất các ác sắc, chết đi, chẳng sợ đường địa ngục).

Trong sự tu trì hiện tiền của chúng ta, sẽ sanh khởi sự lựa chọn vô úy. Đã là vô úy ngay trong hiện tiền, sao còn có thể sợ hãi địa ngục? Cho tới đối với lục đạo, đều chẳng sợ hãi. Vì sao? Người ấy đã lập tức lựa chọn dứt khoát, lựa chọn ngay trong một niệm này, chọn lựa trong một niệm kia. Niệm nào cũng lựa chọn dứt khoát, tu ngay trong lập tức, tu ngay nơi mỗi niệm, được gọi là “*người thường hành đạo*”, cho nên chẳng sợ hãi lục đạo. Các vị thiện tri thức ơi! Nếu chúng ta thật sự nương theo pháp để tu trì, nương theo pháp để hành, nương theo giáo để tu trì, nương theo giáo để hành, có thể hướng đến, tùy thuận tam-muội này, mong cho mỗi niệm hiện tiền đều là duyên khởi thanh tịnh, duyên khởi bình thản, duyên khởi viên mãn, duyên khởi vô ngại, duyên khởi

chân thật, duyên khởi vô úy, duyên khởi thanh tịnh, từ bi, trí huệ giống hệt như Phật.

Trong mỗi duyên khởi, đều tu ngay trong mỗi niệm hiện tiền, tức là nếu có thể tiếp nối duyên khởi, chẳng tạo tác, người ấy chắc chắn sẽ tương ứng với tam-muội. Cho nên đích thân chứng tam-muội chẳng khó!

(Kinh) Nhược hữu năng đọc tam-muội điển, chư thiên thủ hộ cấp long thân. Dạ Xoa, La Sát, dữ oán cừu, bỉ tuy ác lâm, bất kinh cụ. Nhược năng vị tha thuyết tư kinh, thiên, long, Dạ Xoa giai hoan hỷ.

(經)若有能讀三昧典，諸天守護及龍神。夜叉羅刹與怨仇，彼雖惡臨不驚懼。若能為他說斯經，天龍夜叉皆歡喜。

(Kinh: Nếu ai đọc kinh điển tam-muội, chư thiên, long thân đều thủ hộ. Dạ Xoa, La Sát, và oán cừu, tuy hiện tướng ác, chẳng sợ hãi. Nếu vì người khác nói kinh này, trời, rồng, Dạ Xoa đều hoan hỷ).

“Thiên long Dạ Xoa giai hoan hỷ” (Trời, rồng, Dạ Xoa đều hoan hỷ): Vì khi chúng ta niệm Phật, thân tướng quang minh. Có nhiều người niệm Phật, hành pháp, sau khi đã như thật hành trì, sau khi kinh hành, sắc thân sẽ biến hóa. Nếu trong khi hành đạo Ban Châu, cứ tìm kiếm cơ hội để ngủ, người như thế sau khi kinh hành xong, khí sắc chẳng có gì! Nhưng nếu thật sự như lý, như pháp hành trì suốt một ngày một đêm, ấn định kỳ hạn để cầu chứng, trong một ngày một đêm yêu mến, bảo vệ, trân trọng mỗi niệm hiện tiền, tu trì đúng pháp trong một ngày một đêm ấy, sắc tướng của người đó sẽ rực rỡ chẳng thể nghĩ bàn, có thể chiếu pháp giới. Vì thế, sẽ như trong phần Trường Hàng trước đó đã nói: Do được chư thiên, quý thần, cho tới các vị Bồ Tát, chư Phật nghĩ tưởng, đích thân giáng lâm, yêu thương che chở, hộ niệm, bảo bọc, cho nên quang minh chói ngời chẳng thể nghĩ bàn! Vì sao có hữu tình sau khi kinh hành Ban Châu lại đâm ra chẳng tương ứng? Vì trong khi hành Ban Châu, đã nhất định ngủ thiếp đi. Quý vị chớ nên trách lỗi người ấy, mà cũng chẳng cần phải tới hỏi người ấy, cứ để cho người ấy tự mình sám hối là đúng. Chẳng thể đòi hỏi! Vì hành pháp hoàn toàn dựa vào sự hướng về pháp của chính mình, cũng như sự nhận thức phát tâm của chính mình. Nếu quý vị chẳng phát tâm, chẳng thật sự niệm Phật, vậy thì khí sắc và quang tướng của quý vị sẽ âm đạm. Nếu quý vị dối gạt kẻ

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

khác, hoặc nội tâm dấy lên sân tâm, mạn tâm, cho tới tâm tà kiến, tâm báng pháp, chính mình sẽ mắc hại. Vì sao? Rỗng, trời, quý thần, La Sát, cho đến oán đối sẽ đích thân kéo đến, quý vị sẽ bị lừa dối, làm nhục, đích xác là chẳng thể nghĩ bàn như thế! Nếu lúc các ác quỷ thần đó, cho đến trời, rỗng, kẻ oán, người thân v.v... đều đích thân kéo đến, hãy nói kinh cho họ. Dầu chỉ niệm Phật cũng được, hoàn toàn chẳng phải là quý vị phải tuyên giảng gì cho họ! Chỉ dùng Phật hiệu, tức sáu chữ chân ngôn (nam-mô A Di Đà Phật) đã trọn đủ hết thấy kinh giáo rộng lớn và Tam Tạng mười hai bộ loại, chỉ sợ quý vị chẳng trì niệm. Nếu quý vị dùng cái tâm chẳng ô nhiễm để niệm tụng sáu chữ chân ngôn, sẽ là pháp môn tổng trì lợi ích trời, người rộng khắp, chẳng hề thiếu khuyết. Rỗng, trời sẽ đều hoan hỷ.

Pháp tắc này do chính mình khám nghiệm, chẳng cần người khác uốn nắn, kiểm soát chi cả! Chúng ta có thể tự quan sát chính mình hành pháp có như pháp hay không, tương ứng hay không, chân thật hay không? Sự phát tâm của chúng ta và kết quả tuyệt đối tương ứng; đó là chân thật chẳng giả. Vì ở đây, đức Thế Tôn đã nói như thế, và cũng có rất nhiều người không ngừng tu tập tại đây. Ta tiếp xúc hành giả như pháp, từ sự phát nguyện cho đến hành pháp, mãi cho tới khi kết thúc, cho đến ngày kế tiếp vẫn giữ vững hoặc hộ trì, nếu [người ấy] chẳng tùy ý ngủ mất, hoặc nói những lời tạp nhạp v.v... Người có thể gìn giữ như thế, liên tục hành trì, diện mạo sẽ mỗi ngày một mới mẻ. Đó là điều chắc chắn, chẳng ngờ! Đương nhiên cũng có hành giả chẳng đúng pháp, chẳng hạn như tuy phát tâm hành Ban Châu một ngày một đêm, nhưng phần nhiều tinh thần sa sút, vọng tưởng, thậm chí lười nhác. Sau khi ra khỏi đạo tràng, nói năng tạp nhạp rất nhiều, vọng tưởng toại bởi, người khác sẽ hiểu lầm pháp tắc này, chê bai pháp tắc này. Nhưng [các lỗi lầm ấy] đích xác là do nghiệp duyên thúc đẩy tạo thành, chẳng phải là khuyết điểm của pháp tắc này. Chúng ta nhất định phải nhận rõ điều này!

Ngoài ra, trong hành pháp này, nếu có lúc được thấy, nghe, tiếp xúc những gì, nhất định chớ nên sợ hãi. Vì lẽ nào? Quý vị là người nương theo Phật, là người niệm Phật, lập một niệm, đoạn các tướng, chẳng sợ hãi Âm cảnh hiện tiền. Đối với cảnh quang minh, cho đến cảnh trang nghiêm, chư Phật hiện tiền, đều chớ nên sợ hãi. Chỉ nên do thấy Phật mà được nghe pháp, đừng nên làm chi khác. Như thế thì sẽ có thể trực tiếp tiến nhập Bồ Đề, chẳng bị thoái chuyển. Trong thứ tự tu hành, hiện thời có một số người bị Âm cảnh đánh bại. Thật ra là do họ phát tâm chẳng rõ ràng, cũng tức là vừa mới ra khỏi cửa, trông thấy quang

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

cảnh tốt đẹp, [do đắm đuối phong cảnh], chẳng tới được chỗ muốn đến, bèn nói: “Ồi trời! Chỗ định đến cũng chẳng có chi hết, chỗ này đã rất tốt rồi!” Đó là bị Âm cảnh trói buộc, bị cảnh tướng hiện duyên trói buộc, chẳng thể vượt qua. Cảnh giới quang minh, cảnh giới trang nghiêm, cảnh giới chư Phật hiện tiền đều trọn chẳng thể được. Vì sao? Do quý vị chẳng tiến nhập pháp tác.

Có nhiều người bị Âm cảnh lừa gạt. Tôi đã gặp người hành pháp bảy ngày tám đêm, thường là hề trông thấy cảnh quang minh, tức là tướng cảnh giới hơi tốt đẹp đôi chút, liền bị hãm rất sâu vào đó. Kẻ thoát ra rất ít. Thường là người hành pháp từ ba ngày trở xuống, người thoát khỏi Âm cảnh rất ít, nhưng người thật sự phát tâm rõ rệt, chẳng đắm nhiễm cảnh giới. Đương nhiên là cũng có người chẳng có cảnh giới, vì sức tự chủ vẫn đủ, cho nên chẳng có cảnh giới gì! Nếu thật sự chẳng đắm nhiễm cảnh giới, chẳng sợ cảnh giới, sẽ chẳng hãm mộ cảnh giới, mà cũng chẳng sợ hãi cảnh giới. Hành pháp như thế là thuận tiện nhất, sẽ là chuyện nước chảy thành sông. Thấy Phật chẳng phải là cưỡng cầu! Đã phát ra cái nguyện như thế, niệm Phật mà muốn thấy chư Phật là để nghe pháp, hề phát nguyện liền đạt được, chẳng còn tiếp tục dùng ý niệm để quấy nhiễu chính mình, chỉ hành pháp niệm Phật là được rồi! Như thế thì sẽ rất thuận tiện. Nếu trong mỗi niệm [đều mong mỏi] “*ta muốn thấy Phật, ta muốn thấy Phật*”, có được hay không? Sợ rằng [cứ mong ước như thế], sẽ trở thành gánh nặng, đâm ra bị nó trói buộc, bị tri kiến ấy trói buộc, bị trì hoãn trong trạng thái ấy, sẽ nảy sanh cái nguyện chẳng tương ứng. Chúng tôi phải nên nhắc nhở đôi chút về chuyện này.

(Kinh) Chư thiên trú dạ thường ca tán, nhất thiết Thế Tôn ái nhuộc tử. Nhuộc nhân vị tha thường chuyển đọc, nhất thiết pháp trung vô hữu nghi.

(經)諸天晝夜常歌嘆，一切世尊愛若子。若人爲他常轉讀，一切法中無有疑。

(Kinh: Chư thiên ngày đêm thường ca ngợi, hết thấy Thế Tôn thương như con. Nếu vì người khác thường chuyển đọc, trong hết thấy pháp đều chẳng nghi).

“*Nhuộc nhân vị tha thường chuyển đọc, nhất thiết pháp trung vô hữu nghi*” (Nếu ai vì người khác thường đọc tụng, trong hết thấy các

pháp chẳng có gì nghi ngờ): Không chỉ riêng chính mình hành pháp tắc này! Nếu có thể truyền đạt cho người khác, cho đến lần lượt hướng dẫn hữu tình học tập, tu tập, đọc tụng kinh điển như thế, thì trong hết thảy các pháp, sẽ chẳng nghi ngờ, chẳng bị ngăn ngại, chẳng thể có tâm trí và cơ hội như thế!

Đối với kinh điển Ban Châu Tam Muội này, sau khi chúng ta đã học, tôi thấy người vứt bỏ pháp bảo này, pháp tắc này thì nhiều, người trân quý đã hiếm lại càng hiếm hơn. Cũng có nghĩa là người coi pháp bảo này như tròng mắt của chính mình ít lắm. Thật ra, pháp này còn trọng yếu hơn tròng mắt rất nhiều! Vì mắt có thể sanh, có thể diệt, có thể tốt, có thể xấu. Trăm năm cũng kết thúc, nhưng pháp bảo này thì sao? Cho đến hết đời vị lai, luôn tồn tại rộng rãi trong thế gian, lợi ích rộng khắp vô lượng chúng sanh thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Chúng ta có yêu mến thủ hộ pháp bảo này như trân bảo hay không? Đối với chuyện này, chúng ta cần phải tự phản tỉnh, quan sát. Chính quý vị còn chẳng trân quý, quý tiếc pháp này, há còn có thể tuyên nói với người khác, truyền đạt kinh điển này ư? Khi tôi được gặp kinh Ban Châu Tam Muội lần đầu tiên, mười phần rung động! Vì khá nhiều vấn đề nghi nan trong việc hành Ban Châu đều được nhắc tới, và cũng đều giải quyết hết! Bởi thế, tôi rất kích động, mang kinh này từ miền Đông Bắc tới đây, hy vọng chúng ta sẽ có cơ hội học tập như thế. Lúc ấy, tôi học tập vẫn chưa phải là bản kinh này, mà chỉ coi nó như một tài liệu tham khảo, vì giáo ngôn trong kinh này hết sức tỉ mỉ, thanh tịnh, toàn vẹn, giải quyết các nghi nan đối với chuyện hành trì Ban Châu trong hiện tiền, bất cứ vấn đề gì cũng đều chẳng bỏ sót! Quý vị có thể thường xuyên đọc, nhất là đối với người thường hành Ban Châu, có thể thật sự đọc thì rất nhiều vấn đề căn bản là chẳng cần phải hỏi ai khác, chỉ cần hỏi kinh điển là có thể giải quyết.

(Kinh) Bĩ chư dung sắc vô đẳng luân, khởi ư Bồ Đề hữu thoái giảm? Nhược năng chuyển giáo chư chúng sanh, tao trị ác vương, nhân dân loạn. Thời niên kháng hạn, cốc giá quý, chung vô thọ tộ cập cơ hoang.

(經)彼諸容色無等倫，豈於菩提有退減？若能轉教諸衆生，遭值惡王人民亂。時年亢旱谷價貴，終無受弊及饑荒。

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

(Kinh: Người ấy dung mạo đã khôn sánh, há có thoái giảm nơi Bồ Đề? Nếu hay dạy lại các chúng sanh, gặp gỡ vua ác và dân loạn. Nhằm lúc hạn hán, giá gạo cao, trọn chẳng chịu khổ và đói kém).

“Thời niên kháng hạn, cốc giá quý, chung vô thọ tể cấp cơ hoang” (Gặp lúc hạn hán, giá gạo cao, trọn chẳng chịu khổ và đói kém): Nhằm năm đói kém, cho đến bị tai ương hạn hán, lũ lụt, giá gạo cao v.v... chúng ta đều chẳng gặp phải các nỗi nguy hại như thế. Có thể là nhân loại phải đối diện các vấn đề mà chẳng hay biết. Nếu hay biết, sẽ có thể giải quyết. Giống như hiện thời, chúng ta hành pháp Ban Châu gặp các vấn đề, nếu thật sự biết, nếu liễu giải chánh xác, cũng sẽ chẳng trở thành vấn đề. Điều chánh yếu là khi chúng ta gặp phải vấn đề mà chẳng hiểu biết vấn đề, đó là vô minh, là lúc nguy hiểm nhất.

Hiện thời, nhân loại sanh tồn trên quả địa cầu này trong không gian, chúng ta gặp các tai nạn có thể nhận biết và không thể nhận biết. Tai nạn có thể nhận biết thì có thể dự phòng; tai nạn không thể nhận biết luôn áp ủ trong ý thức sanh mạng của chúng ta tột bậc chẳng thể nghĩ bàn. Tôi chẳng mong nói bất cứ điều gì đem lại sự bất an cho đại chúng, nhưng sâu thẳm trong tâm linh của toàn thể nhân loại, toàn là các nhân duyên chẳng an ổn, cho đến các nhân duyên có tánh chất xấu ác cực đoan như ích kỷ, tội ác, tà kiến. Sau đó, [các nhân duyên xấu ác ấy] sẽ dẫn đến các quả báo đúng là chẳng thể nghĩ bàn!

Tôi đã trải qua vài lần nhân duyên tai nạn khá lớn ở Trung Hoa trong thời gian gần đây. Chẳng hạn như đại thủy tai, động đất, bệnh SARS (severe acute respiratory syndrome, hội chứng hô hấp cấp tính nghiêm trọng) v.v... Lúc dịch SARS dữ dội nhất là ở Quảng Châu, tôi trực tiếp đến Quảng Châu. Lúc ấy, cũng là lúc Quảng Châu rối loạn nhất, mọi người sợ hãi bệnh SARS đã đến mức cùng cực. Sau khi nhân duyên ở Quảng Châu đã giảm xuống, tôi đến Bắc Kinh đúng ngay lúc tình hình dịch ở Bắc Kinh bắt đầu nghiêm trọng. Khi nhân loại đối diện nỗi kinh hoàng trước tai nạn không biết rõ, quả thật rất đáng thương. Vì sao? Vì chẳng hiểu biết! Tôi nói: “Tôi dùng sanh mạng của chính mình để thử nghiệm SARS đôi chút xem rốt cuộc nó là gì?” Về sau, tôi nói: “SARS là một con rắn. Hễ trông thấy, ắt phải chết”. Lúc ấy, có rất nhiều người hỏi tôi, tôi đều nói như thế. Vì sao người ta thấy nó ắt sẽ chết? Con người phần nhiều sợ hãi nó, mà chẳng hiểu biết nó!

Tôi cảm thấy nỗi sợ hãi là một thứ lớn nhất trong sanh mạng, sợ hãi đối với vô minh, sợ hãi đối với nghiệp báo. Như chúng ta kinh hành

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Ban Châu, rất dễ gặp các nhân duyên trước kia chưa từng gặp, hoặc các tướng cảnh giới trước kia chưa hề biết. Như thế thì hữu tình tà kiến sẽ đắm nhiễm. Ở trong đó, bèn nói cao, nói thấp, nói sợ hãi, nói chẳng sợ hãi. Nếu là người trí, đối với họ, đó chỉ là một quang cảnh, tùy duyên trông thấy, trọn chẳng liên can. Vì thế, họ an trụ trong thanh tịnh, hồi thí giáo ngôn thanh tịnh cho người khác, khiến cho chúng sanh thẳng thừng tiến nhập Bồ Đề, thấy chư Phật thanh tịnh thí giáo. Đó là pháp tắc chẳng thể nghĩ bàn! Khi nạn SARS bùng nổ khá dữ dội tại Trung Hoa, tôi thật sự cảm nhận tâm lý mười phần sợ hãi của nhân loại ngu si đối với vô minh. Đương nhiên cũng có một số ít, một số người cực ít chẳng sợ hãi chuyện này; nhưng đại đa số thì trong chỗ thăm sâu của tâm lý đều sợ hãi, không thể đè nén được. Nỗi sợ hãi ấy chẳng thể diễn tả được! Thật ra, thật sự là chẳng có gì, chủ yếu là nỗi sợ hãi trong tâm trí, là ma nạn do vô minh đem lại. Phần lớn mọi người chẳng có duyên với thứ ấy, nhưng họ đều sợ hãi.

So với các nghiệp duyên mà nhân loại phải đối diện mai sau, chắc là SARS yếu ớt nhất. Giống như một trận gió phát qua thế gian nhiệt nảo này, bất quá trận gió ấy u ám mà thôi. Chắc là có liên quan đến bất cứ một người nào đó, hoặc đều chẳng liên quan. Nếu một người ẩn núp trong căn phòng “*khỏe mạnh, điều nhu, chẳng sát sanh*” của chính mình, chắc là cơn gió đen đúa ấy chẳng thổi qua quý vị. Nhưng nếu kẻ nào đang thuộc trong nghiệp duyên của sát nghiệp, ác nghiệp, vô minh nghiệp hừng hực mà chẳng có gì ngăn đón, sẽ rất khó chẳng bị thương tổn! Đối với quả báo trong tương lai, rất nhiều người đã dự đoán chuyện này. Chuyện này cũng chẳng cần phải dự đoán! Đó là nhân duyên mà nhân loại chúng ta phải đối diện, đòi hỏi mỗi cá nhân chúng ta, tức là những người đang sống, từng người trong thế gian hiện thời, đối với chỗ thăm sâu trong tâm linh của chính mình, cần phải khéo quan sát xem nó có khỏe mạnh hay không? Có cần điều trị hay không? Nó là từ bi, trí huệ, hay là vô minh, điên đảo? Là thương xót thế gian, yêu mến thế gian, bố thí cho thế gian, hay là xâm hại thế gian, nhiễu loạn thế gian, rối loạn thế gian? Các vị thiện tri thức ơi! Hãy tự khéo quan sát, khéo tư duy, đừng nghe lời kẻ khác. Người khác nói tốt hay xấu đều vô ích. Chẳng hạn như trên núi Kê Túc đã ba lần có bão lốc lớn, có người bèn mua cho chúng tôi một lều trại và chiếc xuồng loại thổi lên được [để sử dụng thoát hiểm]; nhưng chuyện ấy thật sự chẳng liên quan đến chúng tôi. Người khác dự báo tai nạn, vốn chẳng liên quan đến quý vị. Vì sao? Trong cộng nghiệp còn có biệt nghiệp. Nếu quý vị nhớ Phật, niệm Phật,

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

có gì sợ hãi? Quý vị có thể dùng gạo để ngăn chặn tai nạn hay không? Quý vị có thể dùng bè cao su để ngăn chặn kiếp thủy (nước lụt trong lúc hoại kiếp) hay không? Quý vị có thể dùng lều trại để ở tại nơi không thể ở hay chăng? Đây thật sự là tâm trí đang bị tướng cảnh giới dao động rất đáng thương, nhưng trong thế gian này, nỗi sợ hãi lan truyền rất mạnh mẽ!

Nếu chúng ta hành pháp, hộ pháp, nương theo pháp để hành, thâm nhập tu tập, đích thân chứng tướng đại công đức của Chư Phật Hiện Tiền tam-muội như thế, sẽ chẳng sợ hãi các tai nạn ấy. Quý vị chỉ có thể trừ diệt Kiếp Hỏa, diệt tai nạn, lợi ích rộng khắp các hữu tình đang mắc nạn, chẳng sợ hãi, làm nơi chôn an ổn cho chúng sanh đang mắc tai nạn. Đây chẳng phải là nói suông, mà thật sự phải nên là như thế. Đó là tâm địa chân thật, tâm địa rộng lớn, tâm địa an lạc, tâm địa chọn lựa, mà cũng là tâm địa bi trí vô úy. Ở chỗ này, chúng ta hãy nên thật sự tu tập pháp tắc này. Chẳng hạn như khi người khác bị tai nạn, khi thế gian có nguy nạn, chúng ta hãy nên thật sự đứng ra, thật sự tu pháp ở nơi đó, bố thí vô úy, bố thí an lạc cho chúng sanh ở nơi đó. Chẳng phải là trốn tránh, hoặc là hời hợt nói về tai nạn!

Chín năm trước, tôi nói chỗ chúng ta đang ở này sẽ dần dần thích hợp cho nhân loại sống. Nay chúng ta đã đạt được đôi chút thể nghiệm. Trước kia, hễ đến mùa mưa, ắt là người xuất gia ở chùa Phóng Quang không ai chẳng khoác áo bông. Hễ mưa xuống, ẩm ướt và rét buốt rất khó chịu đựng, nhưng hiện thời trên cơ bản là một lớp áo. Buổi sáng thức dậy, mặc thêm đôi chút là được rồi. Lại sau mấy năm, chỗ này đã dần dần trở thành ẩm áp, vừa thích hợp cho con người sống sót. Nhưng ở rất nhiều nơi khác, cuộc sống của nhân loại phải đối diện vấn đề thích ứng với nhiệt độ rất cao! Quý vị thấy tại Ấn Độ, hay khu nhiệt đới ở Bản Nạp, rất nóng, người ta vẫn sống được. Chúng tôi nói theo trạng thái thông thường, đương nhiên là con người không ngừng dùng máy điều hòa không khí để điều hòa hoàn cảnh sống. Nhưng trong hoàn cảnh hiện thời của chúng ta, nếu nhân duyên của mọi người đầy đủ, xây được ao phóng sanh ở phía trước chùa, phước đức của người sống ở nơi đây sẽ khá an ổn, chúng ta chẳng cần phải điều chỉnh chi khác, mà có thể sống bình thường, yên ổn. Đương nhiên, chẳng phải vì sanh tồn mà chúng ta tới chỗ này, nhưng hoàn cảnh như vậy đối với sự dụng công tu đạo khá thích hợp. Hoàn cảnh như vậy ở trong nước ngày càng ít. Rất nhiều nơi hoàn cảnh đã trở thành mười phần náo nhiệt, chẳng ai muốn bàn đến chuyện tu trì, chỉ cần có cơ chế bảo đảm sanh mạng là được rồi. Cũng có

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

nghĩa là quý vị có thể tiếp nối sanh mạng, chẳng phải bực bội, chẳng cần giãy giụa, đừng bị tật bệnh, tai nạn là được rồi. Nhưng hoàn cảnh của chúng ta ở đây khá thích hợp, khá rộng rãi, thông dong, mọi người có thể tụng kinh, kinh hành, cho đến học tập pháp gì [cũng được]. Có thể nói đó là các chuyện chẳng thể thực hiện được trong hoàn cảnh náo nhiệt, bực bách, hoặc hoàn cảnh đã mất cân bằng, [thế mà] chúng ta có thể thực hiện ở nơi đây.

Đây là một nhắc nhở liên quan đến khu vực. Lại còn vì sao mọi người kinh hành Ban Châu ở nơi đây? Tôi cảm thấy nơi này được phước đức hộ trì. Ở chỗ khác, chẳng phải là không thể kinh hành Ban Châu được. Nhưng nếu đi kinh hành Ban Châu tại chỗ có “đất mỏng”, đại địa sẽ bị chấn động, quý thần bất an, họ sẽ nhiều loạn quý vị. Có người nói “cảnh giới ở chỗ này nhiều như vậy”. Chẳng hạn như có người sống tại Chung Nam Sơn (tỉnh Thiểm Tây), cảnh giới hết sức nhiều, sống ở chỗ X... còn có hữu tình bị quý thần công kênh chạy vòng vòng. Đó là vì ở chỗ “đất mỏng”, là nơi quý thần, ác La Sát cư trụ! Nếu quý vị làm thiện pháp cho họ, niệm Phật, tụng kinh, bái sám, hồi hướng cho họ, họ sẽ hoan hỷ, thủ hộ quý vị. Nhưng nếu quý vị tạo ác nghiệp ở đó, ăn uống phóng túng, vui chơi buông lung, quý vị sẽ lãnh quả báo ác tương ứng, thậm chí có thể bị tàn hại sanh mạng. Hiện thời, có nhiều kẻ sống ở trong tự viện, ở trong núi, do phóng dật mà đâm ra mắc hại khá nhiều, vì chẳng biết tu hành đúng pháp, tức là do chẳng biết đúng pháp cúng dường, thủ hộ, hồi thí, cho nên mắc nhiều họa hại!

Tự viện của chúng ta ở trong vùng núi rừng này, vẫn mong mọi người hãy quý tiếc nhân duyên hành pháp của chính mình. Nếu quý vị trở về nhà, chúng tôi chẳng nói tới, nhưng nếu đã ở nơi đây, hãy quý tiếc mỗi ngày của chính mình. Đó thật sự là chuyện có ý nghĩa! Chẳng phải là cưỡng ép chính mình, mà là phải tôn trọng nhân duyên của chính mình. Cưỡng ép chính mình sẽ chẳng có ý nghĩa chi hết! Chẳng hạn như nếu quý vị mười phần chẳng muốn làm chuyện này, hãy nên trở về nhà nghỉ ngơi, an dưỡng. Nhưng nếu đã hành pháp, tự viện quả thật là một nơi chôn thích hợp, là chuyện có ý nghĩa. Chúng ta ở ngay nơi vùng địa chấn của Vân Nam mà còn có cơ chế hành pháp an ổn, phải nên quý trọng! [Có trường hợp, tuy] có chỗ để kinh hành Ban Châu, nhưng thật sự chẳng làm được. Chẳng hạn tại nơi có cơ chế ác duyên trong gia đình khá nhiều, để kinh hành Ban Châu sẽ cần phải có sức đột phá chướng ngại khá lớn! Nhưng kinh hành Ban Châu trong các đạo tràng sẽ khá thuần tịnh, đơn giản, hoặc tại nơi nhà cửa đơn giản, yên ổn, vẫn là rất có

ý nghĩa! Nếu thời gian kinh hành Ban Châu khá dài thì ở trên lầu cũng chẳng thích hợp cho lắm. Trước kia, kinh hành Ban Châu tại chùa Bảo An, tầng hai bị rung động, rất nhiều người đều cảm thấy giống như đang ở trên chiếc thuyền trôi trên biển. Đó là vấn đề thuộc về cơ chế tải trọng. Chùa Bảo An ở trên một quả núi có tên là Thố Thạch Sơn (厝石山), là một khối đá, hễ kinh hành, cả quả núi rung động. Nếu chúng ta ngủ tại đó thì không bị lay động, nhưng khi chúng ta niệm Phật kinh hành chính là truyền bá đại oai đức. Sức đại oai đức được tiếp nối, nội hàm thực chất của sức oai đức đều được biểu hiện trong quá trình chúng ta niệm Phật kinh hành. Nếu quý vị quan sát tỉ mỉ, tu tập như thật, như vậy thì chúng ta sẽ khế nhập nội hàm thực chất của pháp tắc này, sẽ chẳng thoát lệch kinh điển, chẳng cách biệt quá lớn đối với pháp tắc.

(Kinh) Nhược nhân giải thuyết thử tam-muội, sở hữu công đức bất tư nghị. Giả tuy ma nhiều chư chúng sanh, bất năng động tư nhất mao phát. Ngã tiền thuyết bỉ trì kinh nhân, chúng hoạn khủng bố cập phiền não. Bỉ chung bất năng gia tổn hại, duy trừ vãng nghiệp tiên định vương.

(經)若人解說此三昧，所有功德不思議。假雖魔嬈諸衆生，不能動斯一毛髮。我前說彼持經人，衆患恐怖及煩惱。彼終不能加損害，唯除往業先定殃。

(Kinh: Nếu ai giải nói tam-muội này, tất cả công đức chẳng thể nghĩ bàn. Dầu cho ma nhiều loạn chúng sanh. Chẳng động mảy tóc, lông người ấy. Trước kia, ta nói người trì kinh, vương hoạn, sợ hãi, và phiền não. Trọn chẳng thể tổn hại người ấy, chỉ trừ định nghiệp gây vương hoạn).

“Ngã tiền thuyết bỉ trì kinh nhân, chúng hoạn khủng bố cập phiền não. Bỉ chung bất năng gia tổn hại, duy trừ vãng nghiệp tiên định vương” (Trước kia, ta đã nói người trì kinh ấy, các sự họa hoạn, kinh sợ và phiền não trọn chẳng thể gây tổn hại cho người ấy, chỉ trừ các tai ương do định nghiệp từ trước). Vì sao nói như thế? Có nhiều hữu tình bạc phước ít đức, chẳng thể sám hối, chẳng thể tiến nhập một pháp tắc, phần nhiều dùng tà kiến, tâm kiêu mạn, tâm lừa dối để hành pháp. Có khi còn có các chướng duyên hiện tiền! Nếu chúng ta có chướng duyên hiện tiền, hãy

sám hối, niệm Phật, vứt bỏ tạp duyên ác tánh của chính mình, nhất tâm niệm Phật, thủ hộ pháp tắc ấy, thì hết thấy ác duyên sẽ trọn chẳng thể gia hại. Đích xác là có hữu tình bạc phước, hữu tình ác duyên đã chín muồi, hữu tình có thiện duyên chẳng đầy đủ, gặp pháp này, sẽ nảy sanh ác phiền não và ác kiến, đâm ra mắc hại. Nỗi hại ấy là họa hại nhất thời, nhưng nói rõ ràng thì vẫn là kết duyên thù thắng chân thật với Vô Thượng Bồ Đề.

(Kinh) Nhược hữu hộ trì u thử kinh, thị tắc u ngô vi trưởng tử.

(經)若有護持於此經，是則於吾爲長子。

(Kinh: Nếu ai hộ trì kinh điển này, người ấy là con cả của ta).

Trong giáo ngôn Tịnh Độ, đức Thế Tôn một mực dạy: Người niệm Phật chẳng phải là Tiểu Thừa, mà là trưởng tử của ta. Nói “trưởng tử” tức là một pháp tắc tôn quý, thù thắng. “Một pháp tôn quý, thù thắng” chẳng phải do chúng ta tự xưng. Nếu chúng ta tự xưng, sẽ xuất hiện vấn đề, nhưng đức Thế Tôn có thể tuyên nói như thế. Bảo Vương tam-muội như thế dung nạp hết thấy các tam-muội, trọn đủ hết thấy các tam-muội, thành tựu hết thấy tam-muội, vì là Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền Lập, cho nên nói trọn hết thấy các pháp. Vì trong hết thấy các pháp, Phật là chủ của hết thấy các pháp, Ngài có thể tuyên nói hết thấy các pháp. Hễ thấy hết thấy chư Phật, sẽ trọn đủ hết thấy các pháp. Vì thế, được gọi là Bảo Vương tam-muội, chân thật, không giả! Đây là nói vô úy, nói chân thật, chẳng phải vì khuyến dụ chúng sanh mà nói giả thiết. Vì thế, từ xưa tới nay, kinh Ban Châu Tam Muội là một pháp môn bất cộng, được các vị đại thiện tri thức trải các đời thủ hộ, tu tập, tôn sùng. Các vị thành tựu trải các đời đều thâm nhập tu tập kinh điển này, thâm nhập quan sát. Các Ngài thật sự tu tập thành tựu, thủ hộ. Bất luận Giáo Hạ, Luật Tông, Tịnh Độ Tông, cơ bản là lịch đại tổ sư của các tông, các thiện tri thức phần nhiều đều hành trì pháp này. Nhất là các vị thiện tri thức thuộc Luật Tông, các thiện tri thức Tịnh Độ Tông, các thiện tri thức thuộc Giáo Hạ đã hành trì pháp này khá trọn khắp. Cơ bản là đến cuối cùng, các Ngài ắt đều hành pháp này. Do vậy, “thị tắc u ngô vi trưởng tử” (vì thế, chính là con cả của ta). Đức Thích Ca Thế Tôn đã như thật tuyên nói với chúng ta như thế, vì trong tám vạn bốn ngàn pháp, pháp này như biển cả, hết thấy các pháp đều quy về pháp này, thường nói là “Tịnh Độ vi quy” (Tịnh Độ là chỗ quay về). Đó chính là một cơ chế giáo ngôn được các vị thiện tri thức trong hết thấy các pháp môn từ

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

xưa đến nay đã đề ra. Chẳng nói như thế tức là đã trái nghịch lợi ích chân thật của giáo ngôn Đại Thừa, lia khỏi cơ chế chân thật của giáo ngôn Đại Thừa. Trong quyển thứ tám mươi một [của kinh Hoa Nghiêm], tức phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, đức Thế Tôn đã nêu ra như thế. Các vị Pháp Thân đại sĩ như Văn Thù, Phổ Hiền, quy kết đến cuối cùng, đều phát nguyện vãng sanh quốc độ Cực Lạc của A Di Đà Phật. Phát nguyện gì vậy? “*Nguyện tôi lâm chung chẳng chướng ngại, vãng sanh cõi Vô Lượng Quang của A Di Đà Phật*”. Vì sao phải phát ra thế nguyện như thế? Bậc Pháp Thân đại sĩ, Phổ Hiền đã thành Phật, cho đến vị đã sớm thành Phật là Văn Thù Sư Lợi, các bậc đại sĩ như thế đều hướng dẫn về Cực Lạc, vì muốn cho hết thấy hành giả có trí huệ, hành giả được hưởng pháp ích rộng lớn, sẽ thành Phật ngay trong một đời.

(Kinh) Ngã dĩ xưng tán w bỉ đẵng, đương lai chi thế diệc phục nhiên.

(經)我已稱讚於彼等，當來之世亦復然。

(Kinh: Ta đã xưng tán những người ấy, trong đời tương lai cũng giống vậy).

Ở đây, đức Thế Tôn khen ngợi, tán thán người ấy, cho đến vị lai Phật cũng xưng tán. Vì sao? Chư Phật trụ thế, không vị nào chẳng tán thán giáo ngôn này, vì muốn thấy Phật. Phật tán thán loại hữu tình ấy, rồi cuộc đời thành tựu Phật đạo, công đức chẳng thể nghĩ bàn!

(Kinh) Nhược năng hộ trì như pháp, tự ưng hằng phát hoan hỷ tâm. Hàm cộng tuyên thông vật phóng xả, ngã kim vị như thị thuyết.

(經)若能護持如斯法，自應恆發歡喜心。咸共宣通勿放舍，我今爲汝如是說」。

(Kinh: Nếu hay hộ trì pháp như thế, hãy nên luôn phát tâm hoan hỷ. Đồng cùng tuyên nói, đừng buông bỏ, ta nay vì ông nói như thế).

Kinh diễn từ lúc bắt đầu tuyên nói mãi cho đến hiện tại, đức Thế Tôn đều nói như thế, khuyên chúng ta thủ hộ, tu tập, thâm nhập pháp tắc này. Các vị thiện tri thức ơi! Hãy khéo tư duy, khéo quan sát!

13. Phẩm thứ chín: Nhiêu Ích

(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần Nhiêu Ích phẩm đệ cửu.

(經)大方等大集賢護分饒益品第九。

(Kinh: Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần. Phẩm thứ chín: Lợi Ích Rộng Khắp).

Phẩm này nêu bày Nhất Thiết Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội có trọn đủ các công đức và lợi ích, cho nên gọi là phẩm Nhiêu Ích.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn phục cáo Hiền Hộ Bồ Tát ngôn: - Hiền Hộ! Ngã niệm vãng tích, quá vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, thời hữu nhất Phật, hiệu Vô Úy Vương Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, xuất hưng u thế.

(經)爾時，世尊復告賢護菩薩言：「賢護！我念往昔，過於無量阿僧祇劫，時有一佛，號無畏王如來、應供、等正覺、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊，出興於世。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn lại bảo Hiền Hộ Bồ Tát rằng: - Nay Hiền Hộ! Ta nhớ xưa kia, quá vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, khi đó, có một vị Phật hiệu là Vô Úy Vương Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện trong cõi đời).

Đức Thế Tôn thuyết pháp, dùng chuyện này để tuyên nói nội hàm trang nghiêm tâm trí rộng lớn của hết thảy chúng sanh. Quá khứ, hiện tại, vị lai, cùng lúc lựa chọn. Nếu dựa theo báo đức sai biệt, đức Thế Tôn đã từng trong vô lượng kiếp xuất hiện nơi cõi đời để lợi ích thế gian rộng khắp. Nay khi chúng ta học Phật, hãy tâm trí đầy khởi một niệm, nếu dùng vô úy thiện xảo để chân thật thủ hộ, tức là khi tùy thuận Thập

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội này, thì cũng giống như Vô Úy Vương Như Lai xuất hiện trong cõi đời, trọn chẳng khác biệt! Do một niệm chọn lựa, phát tâm giống như chư Phật, trí giống như chư Phật, oai đức giống như chư Phật, tiếp nối thanh tịnh như thế, quyết định đích thân chứng đắc.

Hết thầy chư Phật đều tuyên nói như thế, chẳng hề có cao thấp, không có lời nào khiến cho chúng sanh sợ hãi, khiến cho chúng sanh lựa chọn pháp chân thật. Nói theo phía Thế Tôn, báo đức là như thế. Nói theo lý tánh của pháp tắc, trong sát-na chúng sanh khởi một niệm tối sơ, vô úy như thế, chọn lựa tùy thuận hành pháp Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội như thế, yêu mến thủ hộ thì sẽ có thể lợi ích thế gian rộng khắp y hết!

(Kinh) Đương nhĩ chi thời, hữu trưởng giả tử, danh Tu Đạt Đa, dĩ nhị vạn nhân, câu nghệ bỉ Phật Vô Úy Vương sở. Đáo dĩ, đánh lễ bỉ Thế Tôn túc.

(經)當爾之時，有長者子，名須達多，與二萬人，俱詣彼佛無畏王所。到已，頂禮彼世尊足。

(Kinh: Trong thuở đó, có con ông trưởng giả, tên là Tu Đạt Đa, cùng với hai vạn người cùng đến chỗ đức Phật Vô Úy Vương ấy. Đã đến nơi bèn đánh lễ dưới chân đức Thế Tôn ấy).

Lễ dưới chân đức Thế Tôn. “Túc” là Lương Túc Tôn. Nếu tùy thuận Thế Tôn Lương Túc Tôn, tùy thuận giáo ngôn của Thế Tôn Lương Túc Tôn, tùy thuận sự tu trì của Lương Túc Tôn, tùy thuận sự hồi thí của Lương Túc Tôn, sẽ đều đạt được hai con mắt phước và huệ. Lúc này, chúng ta đang học pháp, có phải thật sự là tâm và thân giống hệt nhau mà lễ kính đáng Lương Túc Tôn hay không? Hữu tình trong hiện thời, phần nhiều lễ kính nghiệp duyên, hiện duyên của chính mình, cho đến tùy thuận nghiệp tập của chính mình, bất luận là túc nghiệp hay hiện nghiệp. Đó gọi là trong cái cảm nhận sai khác hoặc tương tự đối với sự huân tập đấm nhiễm, chẳng phải là oai đức của chư Phật. Vì thế, chẳng có tự ngã để vứt bỏ, chẳng thể tùy thuận giáo ngôn của Như Lai Lương Túc Tôn.

(Kinh) Kính lễ tất dĩ, thoái tọa nhất diện.

(經)敬禮畢已，退坐一面。

(Kinh: Kính lễ xong xuôi, lui qua ngòai một phía).

Do cơ chế giáo ngôn, khiến cho hết thấy chúng sanh vứt bỏ tự ngã, lễ kính dưới chân đức Phật, có thể thanh tịnh an lập, trọn đủ hiện duyên.

(Kinh) Thời, Tu Đạt Đa tức tiện thỉnh bĩ Vô Úy Vương Như Lai, quảng tuyên như thị tam-muội thâm nghĩa.

(經)時，須達多即便請彼無畏王如來，廣宣如是三昧深義。

(Kinh: Khi đó, Tu Đạt Đa liền thỉnh đức Vô Úy Vương Như Lai tuyên nói rộng khắp nghĩa sâu của tam-muội như thế).

Ở đây, chúng ta thấy sự biểu hiện rõ rệt của các vị thiện tri thức xuất hiện trong cõi đời thưở quá khứ, cho đến nói về lúc Nhiên Đăng Cổ Phật (Dīpaṃkara) vừa mới phát tâm, dùng thân phận của trưởng giả tử Tu Đạt Đa để xuất hiện lễ kính dưới chân đức Thế Tôn, thưa hỏi đức Thế Tôn giáo ngôn Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiên tam-muội rất sâu, nhằm dẫn dắt chúng ta là bọn hữu tình trong đời Mạt Pháp tùy thuận cầu thỉnh như thế, giáo ngôn như thế, tu trì như thế.

(Kinh) Hiền Hộ! Nhĩ thời, bĩ Vô Úy Vương Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, tri trưởng giả tử hữu thâm tín tâm.

(經)賢護！爾時，彼無畏王如來、應供、等正覺，知長者子有深信心。

(Kinh: Này Hiền Hộ! Lúc bấy giờ, Vô Úy Vương Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác biết trưởng giả tử có tín tâm sâu đậm).

“Tri” là thấy ông ta cung kính, lễ bái, như thật tùy thuận, như thật khai thỉnh giáo pháp, cho nên yêu thích, thủ hộ. Hiện tiền chúng ta hành pháp này, hoặc một ngày, hoặc trong ba năm, năm năm, mười năm, chẳng đạt được lợi ích như đã nói, phần nhiều sanh lòng thoái khuất, thậm chí sanh tâm phỉ báng, ngờ vực, tâm dè bieu. Vì sao như thế? Do cái

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

tâm thâm tín chẳng đủ! Nói đến “tâm thâm tín”, tức là biết pháp tánh đầy đủ và chẳng đầy đủ, có phải là vận dụng pháp hiển hiện hay không. Nếu tin sâu pháp tánh, há có đầy đủ hay chẳng đầy đủ? Nếu có tâm thâm tín, há có pháp tác tương ứng hay chẳng tương ứng ư? Phần nhiều là cái tâm hư giả, tâm siểm khúc, tâm chú trọng lợi ích bất cần thủ đoạn, tâm chẳng tương ứng, hoặc là tâm thích lọc lừa mưu mô, hoặc cái tâm xu phụ lợi ích, chẳng thể thuận theo pháp tánh, chẳng thể tin sâu thuận theo pháp tác, chẳng thể tùy thuận công đức do lợi ích thế gian, phần nhiều là chạy theo lợi lộc, cái tâm chỉ biết cầu lợi bất cần thủ đoạn. Vì thế, chẳng thể thâm nhập một pháp, chẳng thể thành tựu! Đây là căn bệnh chung của người tu tập trong thời đại này. Hằng ngày thay đầu, mỗi giờ sửa mặt, sáng ba, tối bốn, luôn luôn chẳng tương ứng! Vì thế, thông thường chúng ta hành pháp, tốt nhất là đừng nên thay đổi đường lối, chớ nên hành trì khác lạ, cứ một môn thâm nhập như thế. Nếu chọn lựa một pháp nghĩa, sẽ có thể liễu đạt hết thảy pháp tác. Vì sao? Vì pháp nào cũng đều bình đẳng, nhưng phải thấy chân tâm, dùng chân tâm để lựa chọn. Nếu chẳng phải như vậy, sáng ba, tối bốn, nói chung là chẳng liên quan gì cả, nói chung là cái tâm vô thường, cái tâm biến hóa. Đó gọi là cái tâm hư giả, chỉ chú trọng lợi ích bất cần thủ đoạn, như thế thì sẽ là tặc tâm, sẽ là bất lợi nhất trong Phật pháp. Nói “đại lợi” tức là cái tâm chọn lựa.

(Kinh) Nhạo dục thính văn như thị tam-muội, ứng thời tùy thuận nhi vị phu diễn.

(經)樂欲聽聞如是三昧，應時隨順而為敷演。

(Kinh: Vui thích nghe nói tam-muội như thế, sẽ ngay lập tức tùy thuận mà diễn giảng rộng khắp).

“Phu diễn” (敷演) là tiếp nối rộng khắp, diễn thuyết pháp tác này.

(Kinh) Hiền Hộ! Thời, Tu Đạt Đa w bĩ Phật sở, văn tam-muội dĩ, độc tụng, thọ trì, tư duy kỳ nghĩa, tức như thuyết hành. Ký tu hành dĩ, hoàn tức w bĩ Vô Úy Vương Như Lai pháp trung, xả gia, xuất gia, thể trừ tu phát, phục ca-sa y.

(經)賢護！時，須達多於彼佛所，聞三昧已，讀誦受持，思惟其義，即如說行。既修行已，還即於彼無畏王如來法中，舍家出家，剃除鬚髮，服袈裟衣。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

(Kinh: Ngày Hiền Hộ! Khi đó, Tu Đạt Đa ở nơi đức Phật ấy, nghe tam-muội xong, đọc tụng, thọ trì, tư duy nghĩa lý, liền tu hành đúng như lời dạy. Đã tu hành rồi, lại còn ở trong pháp của Vô Úy Vương Như Lai, bỏ nhà xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa).

Chúng ta thấy duyên khởi này là như thế nào? Từ kiên thành lễ kính dưới chân đức Phật, sau đó, lui qua ngòai một phía, khải vấn đức Thế Tôn dạy bảo như thế. Tức là thưa hỏi pháp tắc Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiền Tiên tam-muội. Hỏi xong, đức Thế Tôn thâm nhập quan sát, biết ông ta yêu mến, bèn tuyên nói cho ông ta. Ông ta nghe xong, có thể đọc tụng, thọ trì, tư duy nghĩa lý, đúng như lời dạy hành trì, còn ở ngay trong pháp của đức Vô Úy Vương Như Lai, bỏ nhà xuất gia.

Người hành pháp trong quá khứ triệt để tùy thuận, chẳng giữ lại gì, nhất tâm quy mạng, cung kính, trân trọng thọ trì. Trong hiện thời, người xuất gia lần tại gia chúng ta phần nhiều có giữ lại. “Giữ lại” tức là gì vậy? Chính là chẳng dám xả thân, hoàn toàn phó mình cho một pháp tắc, có lắm nỗi sợ hãi; nhưng các vị thiện căn thành thực chẳng hề sợ hãi gì, đối với pháp bèn dũng mãnh, chẳng tiếc nuôi sanh mạng!

(Kinh) Kinh bát vạn tuế, tư duy trụ trì như thị tam-muội.

(經)經八萬歲，思惟住持如是三昧。

(Kinh: Trải qua tám vạn năm, tư duy trụ trì tam-muội như thế).

Hiện thời, những người tu pháp chúng ta thường có những kẻ thoát đầu rất dũng mãnh tìm đến, nhưng ba ngày sau bèn nói: “Ồi trời ơi! Chúng tôi vẫn chẳng thích hợp pháp này, tôi vẫn nên tu pháp khác vậy”. Nếu có thể dùng tám vạn năm để tư duy, thủ hộ pháp tắc này, chắc là vẫn có ý nghĩa. Vì sao? Có kẻ dăm ba ngày, mười ngày, tám bữa đều kiên trì chẳng nổi, sẽ nẩy sanh lòng nghi ngờ đối với pháp. Còn có người chừng một năm, nửa năm, hoặc bảy ngày, nửa tháng, chẳng biết chính mình là gì! Tâm kiêu mạn sanh khởi, tà tâm sanh khởi, tâm tội ác cũng sanh khởi. Cái tâm tham cầu lợi dưỡng và tiếng tăm cũng sanh khởi, bèn đi giáo hóa người khác.

Chúng ta thấy ông Tu Đạt Đa, tức Nhiên Đăng Cổ Phật thuở tu nhân, suốt tám vạn năm tư duy, tu trì, thủ hộ tam-muội này như thế. Chúng ta phải so sánh, đối với pháp phải phát khởi sự thủ hộ chân thật và lựa chọn thủ hộ rộng lớn trong vị lai. Nếu dăm ba ngày, một năm, nửa năm, đã nóng lòng mong đạt được hiệu quả và lợi ích; đó chẳng phải là

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

người tu pháp, sẽ chẳng đạt được lợi ích trong Phật pháp, chỉ đáng gọi là kẻ trộm ở trong Phật pháp, vênh vang một thời, sau đó sẽ phải hối hận. Vì sao? Quý vị chẳng chân thật tu tập, thủ hộ pháp tắc, mà là mong giành lấy lợi ích nơi pháp. Giành lấy lợi ích gì vậy? Chính là nhờ vào pháp để hoàn thành lợi ích riêng tư của chính mình. Như thế thì sẽ chẳng đạt được sự chân thật trong Phật pháp. Trong pháp tắc này, có nhiều hữu tình thuộc loại đắm nhiễm, vì thiện căn và phước đức của hữu tình trong thời ác trước mỏng ít, bèn dựa vào pháp tắc để nuôi nấng tà kiến và danh lợi của chính mình. Như thế thì sẽ gặp nhiều họa hại. Họa hại ấy là họa hại ngay trong đời hiện tại, có ý nghĩa rất ráo, chúng ta chẳng thể phủ nhận. Nhưng dù là họa hại trong đời hiện tại, cũng có [các trường hợp] có thể miễn trừ, tức là những ai có thiện căn thành thực và cơ chế thành thực.

(Kinh) Hựu phục tại bỉ Vô Úy Vương Như Lai sở, văn nhất thiết pháp, giai tất thọ trì.

(經)又復在彼無畏王如來所，聞一切法，皆悉受持。

(Kinh: Lại ở chỗ Vô Úy Vương Như Lai, nghe hết thầy pháp, thầy đều thọ trì).

Do công đức trong tám vạn năm tư duy, trụ trì tam-muội này, cho nên sau đó, lại tu tập hết thầy các giáo pháp của Vô Úy Vương Như Lai. Nếu ta có thể chọn lựa thuần thực một pháp tắc, vậy thì tất nhiên sẽ thủ hộ hết thầy các pháp. Chẳng hạn như nếu chúng ta thật sự chọn lựa lợi ích của pháp tắc Niệm Phật này, vậy thì hành trì hết thầy các pháp cũng là chọn lựa, là vô úy. Đương nhiên, nếu trong các pháp tắc khác, thật sự chọn lựa lợi ích thì cũng sẽ yêu mến, tu tập hết thầy các pháp tắc. Vì sao? Hễ chọn lựa một pháp tắc, sẽ chẳng sợ hãi, chẳng có gì thoái thất, chẳng có gì được hay mất, chẳng có gì tán hoại. Đó là tu tập rộng lớn, tu tập thanh tịnh, tu tập chân thật, đối với không gian rộng lớn để tạo tác các nghiệp trong tâm địa, sẽ ngay lập tức vượt qua. Trong quá khứ, bị tội ác nghiệp, điên đảo nghiệp, phiền não nghiệp, vô minh nghiệp, đối đãi nghiệp, phan duyên nghiệp, đủ loại nghiệp lấp đầy không gian và thời gian, cùng lúc vọt ra, từ đó mà phát khởi rộng lớn đến vị lai, trong hết thầy các pháp, nảy sanh diệu dụng thanh tịnh. Do vậy, chúng ta nói “tâm trí rộng lớn đã thật sự thành thực”. Đó là chỗ thiện xảo vô úy trong Phật pháp.

(Kinh) Thị hậu phục kinh chư Như Lai sở, văn thuyết tư pháp.

(經)是後復經諸如來所，聞說斯法。

(Kinh: Sau đó, lại từ chỗ các đức Như Lai, nghe nói pháp này).

Không chỉ nghe nói giáo ngôn Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội từ một đức Như Lai, mà còn đến chỗ các đức Như Lai để nghe nói kinh pháp này.

(Kinh) Diệt giai năng trì. Ư chư Phật sở, chủng chư thiện căn, năng quảng thành tựu bất tư nghị dĩ. Nhiên hậu xả mạng, tức đắc thượng sanh Tam Thập Tam Thiên, đồng thọ quả báo, tức bị kiếp trung, hoàn phục trị ngộ đệ nhị Như Lai, nhi bị Như Lai, từng sát-lợi sanh, xuất gia thành đạo, danh viết Điện Đức Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Nhi phục ư bị Điện Đức Như Lai pháp trung, xuất gia tu hành, kinh bát vạn tứ thiên tuế, hoàn phục tư duy như thị tam-muội, nhi cánh trị ngộ đệ tam Như Lai. Bị đệ tam Phật, ư Bà La Môn gia sanh dĩ, diệt xuất gia thành đạo, hiệu viết Quang Vương Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Phục ư bị Như Lai sở, xuất gia tu hành, diệt ư bát vạn tứ thiên tuế trung, thường đắc tư duy như thị tam-muội.

(經)亦皆能持。於諸佛所，種諸善根，能廣成就不思議已。然後捨命，即得上生三十三天，同受果報，即彼劫中，還復值遇第二如來，而彼如來，從剎利生，出家成道，名曰電德如來、應供、等正覺。而復於彼電德如來法中，出家修行，經八萬四千歲，還復思惟如是三昧，而更值遇第三如來。彼第三佛，於婆羅門家生已，亦出家成道，號曰光王如來、應供、等正覺。復於彼如來所，出家修行，亦於八萬四千歲中，常得思惟如是三昧。

(Kinh: Cũng đều có thể thọ trì. Ở chỗ chư Phật, gieo các thiện căn, đã có thể thành tựu rộng khắp chẳng thể nghĩ bàn. Sau đó, xả

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

mạng, liền được sanh lên Tam Thập Tam Thiên, cùng hưởng quả báo, liền ngay trong kiếp ấy, lại được gặp gỡ vị Như Lai thứ hai. Vị Như Lai ấy sanh trong chủng tánh Sát-đế-lợi, xuất gia, thành đạo, tên là Điện Đức Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. [Tu Đạt Đa] lại ở trong pháp của Điện Đức Như Lai xuất gia tu hành, trải qua tám vạn bốn ngàn năm, vẫn lại tư duy tam-muội như thế, lại được gặp gỡ đức Như Lai thứ ba. Vị Phật thứ ba ấy, sanh trong gia đình Bà La Môn, cũng xuất gia thành đạo, hiệu là Quang Vương Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Lại ở chỗ Như Lai ấy, xuất gia tu hành, cũng trong tám vạn bốn ngàn năm thường được tư duy tam-muội như thế).

Đây là Nhiên Đăng Cổ Phật trong khi tu nhân, đã gặp giáo ngôn của chư Phật. Ở chỗ vị Phật thứ nhất, trải qua tám vạn năm. Nơi vị Phật thứ hai, trải qua tám vạn bốn ngàn năm, nơi vị Phật thứ ba lại trong tám vạn bốn ngàn năm thường tư duy tam-muội như thế. Các vị thiện tri thức ơi! Chúng ta hãy xem chính mình hành trì tam-muội này, thời gian yêu mến được mấy năm, hay mấy ngày? Đối với tam-muội này, tin sâu hay vẫn sợ hãi? Hay là thủ hộ rốt ráo? Tôi thường nghe có Bồ Tát tìm đến đây phát nguyện, phát nguyện xong bèn thoái đạo. Thoạt đầu vì ở nhà chịu khổ, chịu nạn, do tình cảm thế tục dây dưa, nghiệp duyên chằng néo, áp lực cuộc sống trói buộc, đủ thứ trói buộc, chẳng được rồi! Tính đến tự viện để chứng tam-muội, nói: “Tôi chẳng thể nào không chứng tam-muội này!” Được ít lâu bèn nói: “Không được rồi! Tôi tu trì thời gian dài ngàn ấy mà chẳng thể tương ứng!” Nếu so với tám vạn năm, hay tám vạn bốn ngàn năm, như thế nào thì mới tương ứng? Đức Thế Tôn chẳng dùng số năm để ảnh hưởng chúng ta, chỉ nói chúng ta dùng tâm trí và lập ý nguyện rộng lớn rốt ráo, tin sâu và yêu mến, như thế thì mới có thể chọn lựa, xác lập ý hướng rộng lớn.

Nếu quý vị chẳng lập, phước đức mỏng ít, nông cạn đối với pháp, tín tâm nông cạn, hành pháp nông cạn, phát tâm lẫn phước đức lẫn nhân duyên đều nông cạn, pháp duyên nông cạn. Nông cạn ở chỗ nào? Một niệm hiện tiền của quý vị vừa động, đã văng tuốt qua nơi khác. Vừa mới mon men, đã dấy nghi tâm, chẳng hề có thâm tín. Nhiên Đăng Cổ Phật đã vì chúng ta chọn lựa như thế: Ngài thường tu tập một pháp, chẳng thoái đạo, ắt được thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Nếu chúng ta đối với pháp thường xuyên tán hoại, mà mong đạt được lợi ích thế tục trong pháp ấy, cho đến vì nhân duyên tà kiến, sẽ là chẳng tương ứng.

(Kinh) Hiền Hộ! Thời bỉ trưởng giả tử Tu Đạt Đa tự thị chi hậu, quá bách dư kiếp, tức đắc thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)賢護！時彼長者子須達多自是之後，過百餘劫，即得成就阿耨多羅三藐三菩提。

(Kinh: Nay Hiền Hộ! Trưởng giả tử Tu Đạt Đa từ thuở đó về sau, trải qua hơn một trăm kiếp, liền được thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề).

Trăm kiếp thành Phật, thật khó! Thông thường, nói theo quy củ thông thường, sẽ là ba đại A-tăng-kỳ kiếp bèn thành tựu Phật đạo. Nhiên Đãng Cổ Phật thị hiện trong một trăm kiếp đã thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Trong khi tu nhân, Thích Ca Văn Như Lai (Thích Ca Mâu Ni Phật) do cái tâm mạnh mẽ, tán thán Phát Sa Phật suốt bảy ngày bảy đêm, chỉ nói: “*Thiên thượng thiên hạ vô như Phật, thập phương thế giới diệc vô tỷ, thế gian sở hữu ngã tận kiến, nhất thiết vô hữu như Phật giả*”, bèn vượt qua chín kiếp, thành Phật trước ngài Di Lặc. Đó là sự thiện xảo khích lệ được thành tựu bởi cái tâm mạnh mẽ. Trong khi hành pháp này, chúng ta có nhận biết như thế hay không?

Có người nói: “Nếu trăm kiếp thành Phật, tôi chẳng hành pháp này. Vì niệm A Di Đà Phật, vãng sanh thế giới Cực Lạc, đắc bất thoái chuyển ngay trong một đời, thành Phật ngay trong một đời, tôi vẫn nên cầu sanh về thế giới Cực Lạc”, cũng rất tốt lành! Chúng ta đối với pháp so sánh như thế, vì sao đức Thế Tôn muốn làm cho hết thảy chúng sanh thành Phật ngay trong một đời mà thiết lập một pháp tắc chân thật, thù thắng rộng lớn như thế? Để cho chúng ta so sánh. Trong quá khứ, chư Phật đã siêng khổ tu trì trong bao kiếp lâu xa, muốn khiến cho chúng sanh đạt được lợi ích chân thật. Vì lẽ nào? Do lập tức thành tựu Phật đạo, do xa lìa các khổ. Vì nếu chúng ta chẳng lập tức thành tựu Phật đạo, nhiều đời mê muội, một hai ngày còn mê muội, huống hồ nhiều kiếp, huống hồ chẳng thể nói cùng tận kiếp, lẽ nào chẳng mê muội ư? Suốt đời này, chúng ta có bao nhiêu thứ gây mê hoặc? Mê muội đối với pháp, mê muội đối với tín tâm, mê muội đối với tương lai, mê muội trong tu hành. Quý vị có thể thật sự như thật thọ trì ư? Tiến nhập như pháp ư? Chẳng

cần âm ĩ phô trương cái tâm của chính mình! Quý vị hãy như thật quán sát chính mình có phải là thâm tín hay không? Nếu chẳng tin sâu, dấu âm ĩ phô trương thì vẫn là cái tâm sanh diệt, tâm đối đãi! Nó chẳng liên tục, vì sao? Thật sự chẳng có sự nương tựa liên tục, vì trong cái tâm sanh diệt mà muốn liên tục, ắt cần phải thanh tịnh phát khởi thâm tín, chẳng có con đường thứ hai! Nếu lập ra một con đường khác, sẽ là luân hồi. Các vị thiện tri thức ơi! Nhất định phải khéo quan sát, khéo tư duy.

(Kinh) Hiền Hộ! Nhữ ưng đương tri, nhĩ thời, bỉ trưởng giả tử Tu Đạt Đa giả, khởi dị nhân hồ? Tức bỉ quá khứ Nhiên Đăng Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác thị dã. Hiền Hộ! Thị cố, đương tri, bỉ trưởng giả tử Tu Đạt Đa giả, dĩ hữu như thị ái nhạo pháp cố. Phục hữu như thị cầu pháp hành cố, năng tốc thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề dã.

(經)賢護！汝應當知，爾時，彼長者子須達多者，豈異人乎？即彼過去然燈如來、應供、等正覺是也。賢護！是故，當知，彼長者子須達多者，以有如是愛樂法故。復有如是求法行故，能速成就阿耨多羅三藐三菩提也。

(Kinh: Nay Hiền Hộ! Ông hãy nên biết, trưởng giả tử Tu Đạt Đa thuở ấy, há có phải ai khác? Chính là quá khứ Nhiên Đăng Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác vậy. Nay Hiền Hộ! Vì thế, hãy nên biết: Trưởng giả tử Tu Đạt Đa do yêu mến pháp như thế, lại do cầu pháp hành như thế mà có thể mau chóng thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề).

Chúng ta đều biết Thích Ca Văn Phật được thọ ký A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề từ chỗ Nhiên Đăng Cổ Phật. Chư Phật đã thành tựu trong quá khứ phần nhiều đều là ở nơi chư Phật, đích thân được thọ ký là “sẽ đích thân chứng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”. Nếu đã đích thân được thọ ký, chắc chắn sẽ chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề, chẳng có nghi tâm, sẽ hành trì chẳng chần chừ. Đó là lúc oai đức và thiện xảo thành thực chẳng thể nghĩ bàn. Nếu là người chưa được thọ ký, sẽ có nhiều nỗi hoài nghi!

Trong kinh Kim Cang, đức Thế Tôn đã nói: Nếu đối với hành pháp mà có sở đắc, thì Nhiên Đăng Cổ Phật đã chẳng thọ ký. Nay chúng

ta có phải là có sở đắc hay chẳng? Đức Phật có thọ ký cho chúng ta hay không? Chúng ta có yêu mến hành pháp Ban Châu, hay là có hành pháp sở cầu hay không? Nếu quý vị chẳng yêu mến pháp như thế, thích pháp như thế, mà yêu thích những thứ khác, quý vị phải cẩn thận, có thể là đã đi lệch đường mất rồi!

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Nhữ kim đương quán thị tam-muội vương, vị chư Bồ Tát cập chúng sanh bối, nhi tác ký hứa đại hoàng ích sự.

(經)復次賢護！汝今當觀是三昧王，為諸菩薩及衆生輩，而作幾許大弘益事。

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Ông nay hãy nên quán tam-muội vương này, vì các Bồ Tát và chúng sanh thực hiện chừng đó chuyện lợi ích to lớn).

Ở đây, đức Phật dạy ngài Hiền Hộ quán. [Trong đoạn kinh văn này, phải hiểu] Hiền Hộ là hữu tình cầu pháp, ưa thích pháp, yêu mến pháp, khéo thủ hộ trong hiện tiền, chẳng phải là nói đến một vị Bồ Tát. Thượng Thủ của hết thầy các vị Bồ Tát đều là Hiền Hộ Bồ Tát, mà Thượng Thủ của hết thầy Bồ Tát đều là hữu tình yêu mến pháp, ưa thích pháp trong hiện tiền. Nếu quý vị yêu mến pháp, ưa thích pháp, hướng về pháp, sẽ giống như ngài Hiền Hộ, thuộc về cùng một pháp vị với ngài Hiền Hộ, là Thượng Thủ của mười sáu vị Chánh Sĩ. “*Thủ*” là yêu mến pháp, ưa thích pháp, hành pháp, thủ hộ sự thành tựu của pháp, truyền bá pháp, như vậy chính là người đứng đầu của hết thầy các vị Chánh Sĩ, bất luận xuất gia hay tại gia. Đây là nói chân thật theo tỷ dụ, cũng là nói tới sự thiện xảo trụ thế của Hiền Hộ Bồ Tát, cũng có phần trụ trong an lạc nơi sự tùy thuận của Hiền Hộ Bồ Tát trong đời Mạt Pháp. Vì tùy thuận tâm trí và sự thủ hộ của Hiền Hộ Bồ Tát, sẽ nhất định có thể thành tựu công đức chẳng thể nghĩ bàn này!

Đối với “*tam-muội vương*”, chớ nên quá bận tâm về danh tự này. Thêm vào một chữ Vương, tức là chẳng dám khinh dễ hứa khả cho hữu tình. Trong phần sau, đối với sự tán thán về lai lịch, cũng nói tốt bậc. Tất cả các ngôn từ đều vận dụng tới cực hạn, chẳng phải là khoa trương. Thế nào là tốt bậc? Chính là tuyên nói như thật!

(Kinh) Sở vị đương đắc nhất thiết chư Phật trí địa cố.

(經)所謂當得一切諸佛智地故。

(Kinh: Được gọi là sẽ đạt được trí địa của hết thầy chư Phật).

Các vị thiện tri thức ơi! Đối với pháp tắc này, nếu có thể tương ứng, quyết định sẽ chẳng thoái chuyển đối với trí địa của chư Phật! Vì trí Nhất Thiết Trí của chư Phật, nói theo phía Như Lai, sẽ là chẳng có gì để nói năng. Nếu xét theo danh xưng, như trong phần sau, đối với các thứ trí đều có nhắc tới, nhưng các thứ trí ấy đều yếu ớt so với trí của chư Phật, vì danh hiệu trí huệ của chư Phật, nội dung của danh tự, nếu muốn xưng thuyết, sẽ có thể ngập tràn toàn thể trần sa, toàn thể thế giới hải, cho đến thế giới chúng tử hải. Vì sao? Mỗi trí của chư Phật đều trọn khắp chân thật, chẳng có gì không bao hàm trong ấy.

(Kinh) Phục năng nhiếp thọ nhất thiết chư Phật đa văn hải cố.

(經)復能攝受一切諸佛多聞海故。

(Kinh: Lại có thể nhiếp thọ biển đa văn của hết thầy chư Phật).

Tam-muội vương ấy chính là trí địa của hết thầy chư Phật, cũng là biển đa văn của chư Phật. Chư Phật dùng trí trọn khắp để nghe hết thầy các pháp, hành hết thầy các pháp, trọn đủ công đức của hết thầy các pháp. Cho nên chúng ta dùng công đức chân thật của một pháp, một tam-muội để nhập biển trí của hết thầy chư Phật, nhập biển đa văn của hết thầy chư Phật.

(Kinh) Hiền Hộ! Thị cố, như đấng đương ưng cần cầu như thị tam-muội, thường nhạo thính văn, độc tụng thọ trì, tư duy tu hành. Ký văn thọ dĩ, đương phục vị tha độc tụng, thọ trì, giải thích nghĩa lý, linh tha cần cầu, hàm đắc văn thọ, chánh niệm tư duy, như thuyết tu hành. Sở dĩ giả hà? Hiền Hộ! Nhược năng cần cầu, độc tụng, thọ trì, chánh niệm tu hành, quảng tuyên lưu bố thị tam-muội giả, bất cứu đương đắc chứng chư Phật trí, chư Như Lai trí, đại tự tại trí, bất tư nghị trí, bất khả xưng trí, vô đẳng đẳng trí, Nhất Thiết Trí trí, nãi chí đắc bỉ bất cộng tha trí cố. Hiền Hộ! Nhược phục hữu nhân, năng thiện tuyên thuyết, bỉ ưng chánh ngôn.

(經)賢護！是故，汝等當應勤求如是三昧，常樂聽聞，讀誦受持，思惟修行。既聞受已，當復爲他讀誦受持，解釋義理，令他勤求，咸得聞受，正念思惟，如說修行。所以者何？賢護！若能勤求讀誦受持，正念修行，廣宣流佈是三昧者，不久當得證諸佛智，諸如來智，大自在智，不思議智，不可稱智，無等等智，一切智智，乃至得彼不共他智故。賢護！若復有人，能善宣說，彼應正言。

(Kinh: Nay Hiền Hộ! Vì thế, các ông hãy nên siêng cầu tam-muội như thế, thường ưa thích nghe, đọc, tụng, thọ trì, tư duy tu hành. Đã nghe nhận rồi, sẽ lại vì người khác đọc, tụng, thọ trì, giải thích nghĩa lý, khiến cho người khác siêng cầu, đều được nghe, nhận, chánh niệm tư duy, tu hành đúng như lời dạy. Vì sao vậy? Nay Hiền Hộ! Nếu có thể siêng cầu, đọc tụng, thọ trì, chánh niệm tu hành, tuyên nói, truyền bá rộng rãi tam-muội này, chẳng lâu sau, sẽ chứng chư Phật trí, chư Như Lai trí, trí đại tự tại, trí chẳng thể nghĩ bàn, trí chẳng thể diễn nói, trí không sánh bằng, trí Nhất Thiết Trí, cho đến trí mà mọi người khác đều chẳng có. Nay Hiền Hộ! Nếu lại có ai có thể khéo tuyên nói, người ấy hãy nên tuyên nói chánh đáng).

“Chánh ngôn” ở đây là tuyên nói như thật, tuyên nói chẳng tăng giảm, chẳng tuyên nói những điều được thiết lập hư giả.

(Kinh) Kim thử tam-muội tức thị nhất thiết chư Bồ Tát nhãn.

(經)今此三昧即是一切諸菩薩眼。

(Kinh: Nay tam-muội này chính là mắt của hết thảy các Bồ Tát).

Trí huệ là mắt của Bồ Tát, tức Bát Nhã Ba La Mật.

(Kinh) Chư Bồ Tát phụ.

(經)諸菩薩父。

(Kinh: Cha của Bồ Tát).

Do có thể sanh ra các Bồ Tát.

(Kinh) Chư Bồ Tát mẫu.

(經)諸菩薩母。

(Kinh: Mẹ của các Bồ Tát).

Do dưỡng dục các Bồ Tát.

(Kinh) Năng dữ nhất thiết chư Bồ Tát bồi chư Phật trí giả. Hiền Hộ! Như thị thuyết giả, thị vi thiện thuyết thời, thiện thuyết thị tam-muội dã. Hiền Hộ! Nhược phục hữu chư nam tử, nữ nhân năng thiện thuyết thời, bỉ đương chánh ngôn.

(經)能與一切諸菩薩輩諸佛智者。賢護！如是說者，是爲善說時，善說是三昧也。賢護！若復有諸男子女人能善說時，彼當正言。

(Kinh: Có thể ban trí của chư Phật cho hết thầy các vị Bồ Tát. Nay Hiền Hộ! Nói như thế thì là lúc khéo nói, sẽ khéo nói tam-muội này. Nay Hiền Hộ! Nếu nhằm lúc các nam tử, nữ nhân có thể khéo nói, họ hãy nên tuyên nói chánh đáng).

Lần thứ hai đề cập “chánh ngôn” đối với tam-muội này. “Chánh ngôn” là nói như thật về công đức chân thật, lợi ích chân thật, và pháp tắc chân thật được chứa đựng trong tam-muội này.

(Kinh) Thị tam-muội giả, tức thị Phật tánh, tức thị pháp tánh, tức thị Tăng tánh, tức thị Phật địa.

(經)是三昧者，即是佛性，即是法性，即是僧性，即是佛地。

(Kinh: Tam-muội này chính là Phật tánh, chính là pháp tánh, chính là Tăng tánh, chính là Phật địa).

Lành thay! Đối với giáo ngôn quá sâu này, đối với lời ẩn khế này, chúng ta phải nên khéo tư duy, khéo quan sát, khéo thủ hộ, khéo truyền bá! Trong kinh Hiền Hộ, đức Thế Tôn đã như thật bảo chúng ta: Thập

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội chính là Phật tánh, mà cũng là triệt đề, như thật tuyên nói lợi ích và công đức chân thật của pháp tắc này, biểu đạt chẳng chiết khấu pháp này chính là Phật tánh, là Pháp tánh, là Tăng tánh, cho đến Phật địa. Nếu chứng đắc Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội, tức là có thể thấy Phật. Thấy Phật thì sẽ có thể nghe pháp, nghe pháp sẽ có thể hiểu rõ công đức của pháp là chân thật, chẳng có tự tánh, tức là an trụ nơi lợi ích chân thật do thấy chư Phật, đối với Vô Sanh Pháp Nhẫn bèn tùy thuận. Cho nên “*tức thị Phật địa*” (chính là Phật địa). Đây là nói vô úy, chỉ có đức Thế Tôn có thể nói như thế.

(Kinh) Thị đa văn hải, thị vô tận tạng Đầu Đà, thị vô tận tạng Đầu Đà công đức.

(經)是多聞海，是無盡藏頭陀，是無盡藏頭陀功德。

(Kinh: Là biển đa văn, là vô tận tạng Đầu Đà, là vô tận tạng Đầu Đà công đức).

Đầu Đà (Dhūta) là nói theo kiểu chẳng dịch nghĩa, có rất nhiều cách dịch. [Dịch Đầu Đà thành] Đầu Tẩu (抖擻) là một cách dịch khá phổ biến. Đầu Tẩu hình dung chúng ta giữ sạch tro bụi trên y phục. Hạnh Đầu Đà có thể giữ sạch nghiệp tướng trần lao của hết thảy các nghiệp thiện ác từ vô thủy tới nay, tâm trí thanh tịnh. Trong biển vô tận cõi nước, đó là chỗ quy kết của hết thảy các thứ nỗ lực tiến lên, hoặc là chỗ quy kết của sức công đức thanh tịnh để triệt đề trở về cõi nguồn. Điều đó được gọi là “*vô tận tạng Đầu Đà công đức*”.

(Kinh) Thị vô tận tạng chư Phật công đức.

(經)是無盡藏諸佛功德。

(Kinh: Là vô tận tạng công đức của chư Phật).

Hai chữ “*vô tận*” rất dễ lý giải. “*Tạng*” được tuyên nói như thế nào? Chính là công đức vốn sẵn có của hết thảy chúng sanh và hết thảy chư Phật, chẳng phải do tạo tác mà có. Nói “*vô tận tạng chư Phật công đức*” là vì muốn ngăn trở lòng kiêu mạn bình phàm của hết thảy chúng sanh mà nói như thế. Trong vô tận tạng, hết thảy công đức của chư Phật và công đức của hết thảy chúng sanh vốn bình đẳng như nhau. Vì ngăn

che cái tâm kiêu mạn của chúng sanh, vì thật sự ban cấp lợi ích của Phật pháp, cho nên nói như thế!

(Kinh) Thị vô tận tạng năng sanh thâm nhẫn.

(經)是無盡藏能生深忍。

(Kinh: Là vô tận tạng có thể sanh ra nhẫn sâu).

Vô Sanh Pháp Nhẫn là môn Nhẫn khó nhất trong hết thảy các môn Nhẫn, chẳng sanh, chẳng diệt, bất cầu, bất tịnh, chẳng đến, chẳng đi, nhất tâm chân thật như thế, phô bày sự an trụ trong công đức chân thật của Vô Sanh Pháp Nhẫn. Hết thảy hữu tình, cho đến hết thảy Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát ở nơi đây chẳng thể sanh khởi quyết định. Như Bồ Tát còn có hạnh nguyện để an lập, Thanh Văn còn có sự tịch diệt, Niết Bàn còn có thể cầu chứng, bậc trí thì còn có trí huệ để thủ hộ, người từ bi thì còn có từ bi phải nên thực hiện, phàm phu hữu tình thì còn có tham, sân, si, mạn, nghi, tri kiến bất chánh, cho đến các Tùy Phiền Nã thường bầu bạn, cho nên đối với Vô Sanh Nhẫn chẳng thể lựa chọn.

(Kinh) Thị năng sanh đại từ, năng sanh đại bi.

(經)是能生大慈， 能生大悲。

(Kinh: Có thể sanh đại từ, có thể sanh đại bi).

Đồng thể đại bi, vô duyên đại từ. Vì sao nói như thế? Pháp từ bi chính là đẹp khổ, ban vui. Hết thảy các bậc thiện xảo, hết thảy những người học Phật đều nên tu tập pháp này, nương vào trí huệ làm gốc, dùng tâm trí bất động, chẳng tăng, chẳng giảm, phát khởi thiện xảo oai đức rộng lớn. Oai đức thiện xảo ấy phát khởi từ chỗ nào? Từ cái được gọi là “*tâm chẳng có chuyện gì*”, từ trong cái tâm chẳng tạo tác, từ trong cái tâm chẳng có đến, đi, đối đãi. Nếu trong tâm chúng ta có đối đãi, cho đến có cái đắm nhiễm, sẽ trọn chẳng thể đạt được đại từ và đại bi.

(Kinh) Năng sanh Bồ Đề dã.

(經)能生菩提也。

(Kinh: Có thể sanh Bồ Đề).

Trong kinh giáo, đức Thế Tôn đã tuyên nói có Thanh Văn Bồ Đề, Duyên Giác Bồ Tát, và tối thượng thừa Bồ Đề của chư Phật. Trong hết thảy các giáo ngôn về Bồ Đề, chẳng lìa ba tâm Bồ Đề ấy. Nếu là phước báo nhân thiên, sẽ chẳng thể dùng Bồ Đề để an lập, chẳng thể dùng Bồ Đề để nói năng, vì đó chẳng phải là pháp thủ hộ bởi lực đạo chúng sanh. Bởi lẽ, Bồ Đề phần là xuất thế thiện xảo, là tướng công đức thiện xảo lợi ích thế gian.

(Kinh) Hiền Hộ! Thị vi bỉ năng thiện thuyết thời, thuyết thị tam-muội dã. Hiền Hộ! Nhược phục hữu nhân năng thiện tuyên thuyết thị tam-muội thời, bỉ ưng chánh ngôn.

(經)賢護！是爲彼能善說時，說是三昧也。賢護！若復有人能善宣說是三昧時，彼應正言。

(Kinh: Đây Hiền Hộ! Đó là người khi khéo nói bèn nói tam-muội này. Đây Hiền Hộ! Nếu lại có người khi khéo tuyên nói tam-muội này, người ấy phải nên nói năng chánh đáng).

Đối với “chánh ngôn”, đức Thế Tôn không ngừng uốn nắn chúng ta phải nên tuyên nói Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội bằng ngôn ngữ chánh giáo, chánh pháp tắc, lời lẽ chân thật, lời lẽ chẳng đùa cợt, lời lẽ như thật, lời lẽ chẳng tăng giảm như thế nào. Tức là đối với tam-muội này, bèn nói như thật. Đức Thế Tôn đích thân dạy chúng ta tuyên nói với người khác như thế nào, chẳng phải là dùng lời lẽ tăng giảm, lời lẽ do quý vị tự suy nghĩ, lý giải, hoặc là lời lẽ xuất phát từ sự chứng lượng⁹. Sự chứng lượng của quý vị ở đây chẳng dấy lên tác dụng. Vì sao? Do đức Thế Tôn đích thân dạy bảo, đúng như đức Thế Tôn đã chế giới. Hết thảy các giới pháp do đức Thế Tôn chế định, chẳng phải do các vị Bồ Tát hoặc hiền thánh nào khác có thể an lập! Vì thế, lời dạy ở đây giống như giới pháp, chẳng thể tăng giảm, do chính miệng của đức Phật tuyên thuyết.

(Kinh) Thị tam-muội vương, năng phá nhất thiết chư pháp hắc ám, năng tác nhất thiết đại pháp quang minh.

⁹ Chứng lượng ở đây phải hiểu là trình độ, mức độ chứng ngộ của một cá nhân.

(經)是三昧王，能破一切諸法黑暗，能作一切大法光明。

(Kinh: Tam-muội vương này có thể phá sự tối tăm nơi hết thấy các pháp, có thể làm quang minh cho hết thấy các đại pháp).

Trong công đức chân thật nơi đại quang minh tạng của chư Phật Như Lai, trong sự lợi ích chân thật rộng khắp của Nhất Chân pháp giới, hết thấy hữu tình trong chín pháp giới dù thánh hay phàm, đều là tối tăm, chỉ do mức độ sai biệt mà nói là ám đạm, tối tăm, hay âm u như thế đó thôi. Âm u là thứ được chúng sanh trong ba ác đạo thủ hộ, tối tăm là thứ được ba thiện đạo thủ hộ, ám đạm là các thứ Hoặc vi tế của chư Bồ Tát, tức là nhân duyên do Trần Sa Hoặc và Vô Minh Hoặc mang lại. Trong đại quang minh tạng do chư Phật đích thân chứng đắc, chẳng có gì hắc ám, chẳng có pháp tắc nào đối đãi.

(Kinh) Hiền Hộ! Thị vi bỉ năng thiện thuyết tam-muội dã.

(經)賢護！是為彼能善說三昧也。

(Kinh: Đây Hiền Hộ! Đó là người có thể khéo nói tam-muội).

Ở đây, đức Thế Tôn đã khiến cho chúng ta trực tiếp thuận theo giáo ngôn của đức Thế Tôn để tuyên nói công đức của môn tam-muội này.

(Kinh) Hiền Hộ! Nhữ nghi quán thử Bồ Tát Niệm Phật Hiện Tiền tam-muội, vị chư chúng sanh, tác đại lợi ích, nãi chí nhất thiết chư Bồ Tát bồi, trụ u thử độ, biến kiến thập phương nhất thiết thế giới chư Phật Thế Tôn, đáo chư Phật sở, cung kính lễ bái, thỉnh văn chánh pháp, cúng dường chúng Tăng, diệc bất tham trước.

(經)賢護！汝宜觀此菩薩唵佛現前三昧，為諸衆生，作大利益，乃至一切諸菩薩輩，住於此土，遍見十方一切世界諸佛世尊，到諸佛所，恭敬禮拜，聽聞正法，供養衆僧，亦不貪著。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

(Kinh: Đây Hiền Hộ! Ông nên quán tam-muội Bồ Tát Niệm Phật Hiền Tiên này, vì các chúng sanh tạo lợi ích to lớn, cho đến hết thấy các vị Bồ Tát ở trong cõi này, thấy trọn khắp chư Phật Thế Tôn nơi hết thấy các thế giới trong mười phương, tới chỗ chư Phật, cung kính lễ bái, lắng nghe chánh pháp, cúng dường chúng Tăng mà cũng chẳng tham đắm).

Đây là nói theo thứ tự. “*Trụ u thử độ*” (Trụ trong cõi này) rất quan trọng. Vì tu trì pháp tắc này chính là “*chẳng lìa cõi mình, mà thấy mười phương chư Phật*”. Kinh văn rất rạch ròi, rất rõ ràng bảo chúng ta: Các vị Bồ Tát nếu hành pháp này, sẽ đạt được lợi ích ấy. Lợi ích ấy được biểu lộ ở chỗ nào? Chính là “*trụ u thử độ, biến kiến thập phương nhất thiết thế giới chư Phật Thế Tôn*” (trụ trong cõi này, thấy trọn khắp chư Phật Thế Tôn nơi hết thấy các thế giới trong mười phương). Trông thấy chư Phật, do chư Phật thấy đều hiện tiền, cho nên “*đáo chư Phật sở*” (đến chỗ chư Phật), sau đó “*cung kính lễ bái*”. Đây là một pháp. “*Thính văn chánh pháp*” lại là một pháp nữa. “*Cúng dường chúng Tăng*” lại là một pháp nữa. “*Diệc bất tham trước*” (Cũng chẳng tham đắm) là quy kết về căn bản.

Nếu tham đắm chỗ này, sẽ gọi là kẻ tăng thượng mạn, là kẻ đắm nhiễm, tất nhiên sẽ đọa nhập “*dĩ vi hữu sở đắc*” (cho là có cái để đạt được). Kết quả là chỗ nào cũng đều dùng cái tâm tăng thượng mạn để tuyên nói pháp tắc “*cho là có pháp để có thể đạt được*” khiến cho chúng sanh mê mất. Vì thế, thông thường hành Ban Châu tam-muội hoặc hành Niệm Phật tam-muội, trông thấy chư Phật, lắng nghe giáo huấn của chư Phật, phần nhiều thủ hộ nghiêm mật tam nghiệp, nhất là khẩu nghiệp phải nên thủ hộ nghiêm mật nhất, trọn chẳng dễ dãi tuyên nói với kẻ khác. Vì sao vậy? Để khỏi tăng thượng mạn, để chẳng tham đắm, vì chẳng có một pháp để có thể đạt được, vì thấy Phật, nghe pháp, liễu đạt tự tánh, chẳng đắm nhiễm, vì chẳng tăng, chẳng giảm. Do nhân duyên này, “*diệc vô tham trước*” (cũng chẳng tham đắm) rất quan trọng, đó là chỗ quy kết. Sự quy kết ấy chính là chỗ lợi ích chân thật, tức là nghe giáo pháp của chư Phật, [liễu giải] pháp chẳng có tự tánh. Nếu chẳng phải là như vậy, Phật pháp cũng là có đắm nhiễm!

(Kinh) Hiền Hộ! Dĩ thị nghĩa cố, chư Bồ Tát đẳng nhược dục thành tựu tam-muội vương giả.

(經)賢護! 以是義故, 諸菩薩等若欲成就三昧王者。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

(Kinh: Này Hiền Hộ! Do bởi nghĩa ấy, các vị Bồ Tát nếu muốn thành tựu tam-muội vương).

Niệm Phật tam-muội là vua của các tam-muội; đây là nói quyết định, cho đến Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội cũng được thành tựu bởi Niệm Phật tam-muội. Công đức ấy chẳng hai, chẳng khác, chỉ là Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền do kinh Ban Châu Tam Muội tuyên nói (kinh Hiền Hộ mà nay chúng ta đang học là một bản dịch của kinh ấy) [đặc biệt ở chỗ] chẳng lìa cõi này mà thấy mười phương chư Phật. Đây là một giáo pháp bất cộng. Các pháp môn khác cũng có giáo pháp [quán tưởng, hoặc xưng niệm danh hiệu] của một vị bồ tôn nào đó, một vị thiện tri thức nào đó, một vị Phật nào đó, hoặc [quán tưởng] một hình tượng nào đó, chỉ có [đối tượng để tu trì trong] pháp này là Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội. Lời dạy rộng lớn như thế chỉ có kinh Ban Châu Tam Muội lựa chọn và tuyên nói. Đây thật sự là một bảo điển, khó có, khó gặp! Có thể nghe lời dạy như vậy, tìm cầu sự tu trì như vậy thì chính là chẳng thể nghĩ bàn. Như trong phần trước, chúng tôi đã nói công đức và lợi ích của Ban Châu tam-muội đối với người hướng đến, mong cầu được truyền dạy pháp này, đọc tụng kinh điển này, tuyên nói cho người khác, cho đến chứng đắc tam-muội này cũng là công đức chẳng thể nghĩ bàn, chư Phật đầu tán thán cũng chẳng thể tận.

(Kinh) Thường đương chuyên tâm tinh cần quán sát bỉ Tứ Niệm Xứ.

(經)常當專心精勤觀察彼四念處。

(Kinh: Thường nên chuyên tâm siêng ròng quan sát Tứ Niệm Xứ).

Tứ Niệm Xứ (Smṛtyupasthāna) ở đây khác với Tứ Niệm Xứ của Thanh Văn. Tứ Niệm Xứ [của Thanh Văn] là “quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã”. Tứ Niệm Xứ ở đây là quán như thế nào?

(Kinh) Hiền Hộ! Vân hà Bồ Tát quán Tứ Niệm Xứ? Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát thường đương chuyên tâm quán sát thân hạnh, tất cánh bất kiến nhất thiết chư thân.

(經)賢護！云何菩薩觀四念處？賢護！菩薩摩訶薩常當專心觀察身行，畢竟不見一切諸身。

(Kinh: Nay Hiền Hộ! Thế nào là Bồ Tát quán Tứ Niệm Xứ? Nay Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát thường nên chuyên tâm quan sát thân hạnh, rốt ráo chẳng thấy hết thấy các thân).

Ở đây là quan sát, chẳng phải là dễ dãi, hời hợt phủ nhận. Trong giáo ngôn của chư Phật Thế Tôn, chẳng buộc chúng ta dễ dãi, hời hợt chấp nhận một pháp tắc, cũng như dễ dãi mù quáng tuân theo một pháp tắc, mà là để cho chúng ta tự mình xét kỹ, quan sát, quan sát đúng như lý, quan sát đúng như lời dạy, quan sát bằng trí huệ, quan sát bằng từ bi, trọn chẳng quan sát giả dối, mù quáng. Quan sát như vậy có thể khiến cho chúng ta chọn lựa pháp tắc, có thể an trụ trong lợi ích chân thật.

(Kinh) Thường đương chuyên tâm quan sát thọ hạnh, nhi diệc bất kiến nhất thiết chư thọ.

(經)常當專心觀察受行，而亦不見一切諸受。

(Kinh: Thường nên chuyên tâm quan sát thọ hạnh, mà cũng chẳng thấy hết thấy các thọ).

Một là quan sát thân hạnh, hai là quan sát thọ hạnh.

(Kinh) Thường đương nhất tâm quán sát tâm hạnh, nhi diệc bất kiến nhất thiết chư tâm.

(經)常當一心觀察心行，而亦不見一切諸心。

(Kinh: Thường nên nhất tâm quán sát tâm hạnh, mà cũng chẳng thấy hết thấy các tâm).

Thiện tri thức ơi! Chớ nên dễ dãi, hời hợt coi nhẹ môn Tứ Niệm Xứ này! Trong giáo ngôn của Thanh Văn, đức Thế Tôn đã có lời dạy thanh tịnh về Tứ Niệm Xứ dành cho các vị tỳ-kheo. Ngài nói: “*Các thầy tỳ-kheo! Hãy nên an trụ trong Tứ Niệm Xứ như thế, hành các thiện pháp an lạc*”. Tứ Niệm Xứ là pháp ắt phải tu của các vị sư phụ xuất gia trong quá khứ, “*quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã*”. Quán như thế, sẽ đạt được tâm trí tịch tĩnh, trụ trong

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

an lạc rốt ráo, xa lìa thế gian, xa lìa quá khứ, xa lìa hết thấy đối đãi đắm nhiễm, có thể khiến cho tự tâm tịch diệt, có thể giải thoát ngay trong đời hiện tại. Môn Tứ Niệm Xứ này có ý nghĩa. Chúng ta chớ nên xem nhẹ nó. Nếu có thể tùy thuận pháp tắc như thế, chúng ta sẽ có thể thực hiện nó.

(Kinh) Thường đương nhất tâm quán sát pháp hạnh, nhi diệc bất kiến nhất thiết chư pháp.

(經)常當一心觀察法行，而亦不見一切諸法。

(Kinh: Thường nên nhất tâm quán sát pháp hạnh, mà cũng chẳng thấy hết thấy các pháp).

Tứ Niệm Xứ ở đây khác với Tứ Niệm Xứ của Thanh Văn. Đây là bốn phép Quán được lập ra cho các hữu tình hành Bồ Tát đạo. Nếu một khi đã có thể lựa chọn bốn phép Quán chẳng có tự tánh này, Định kiến (kiến giải do tu Định) sanh khởi, chúng ta có thể dùng ấn Thật Tướng để ấn khế vạn sự vạn vật, hồng đạt được giải thoát. Như thế thì trong hết thấy hiện duyên, có thể nói là thường luôn tu, tu cho đến hết thọ mạng, tu ngay trong hiện tiền, tu chẳng gián đoạn, tu chân thật, tu cung kính, thường nói là “*như pháp tu hành, thành tựu Bồ Đề*”.

(Kinh) Hiền Hộ! Như thị đẳng sự, thù năng tín giả.

(經)賢護！如是等事，誰能信者。

(Kinh: Này Hiền Hộ! Chuyện như thế, ai có thể tin được?)

Chuyện như vậy ai có thể tin tưởng? Trên thực tế, đức Thế Tôn vẫn nêu ra một tỷ dụ, chẳng phải là lựa chọn, để khiến cho mọi người trở về pháp vị như thế.

(Kinh) Duy bỉ lậu tận A La Hán, cập dĩ A Tỳ Bạt Trí chư Bồ Tát đẳng.

(經)唯彼漏盡阿羅漢，及以阿毘跋致諸菩薩等。

(Kinh: Chỉ có lậu tận A La Hán và các vị Bồ Tát A Tỳ Bạt Trí).

A La Hán là bậc đạo nghiệp chẳng thoái chuyển; cho nên hoàn thành tất cả sự tu tập ngay trong một đời, phạm hạnh đã lập, không bị trôi buộc bởi hậu hữu (thân sau). A Bệ Bạt Trí (A Tỳ Bạt Trí,

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Avaiivartika) đã thành tựu công đức chân thật của ba thứ bất thoái, bao gồm Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, và chẳng thoái chuyển nơi pháp tắc. Chúng ta nói Bát Địa Bồ Tát trụ trong A Bộ Bạt Trí, đạt được chẳng thoái chuyển.

Giáo ngôn Tịnh Độ từ đầu tới cuối đều tuyên nói: Nương vào nguyện lực của Phật, nương vào pháp giáo rất sâu của Phật, hồi thí quả địa, cho đến khiến cho Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiền Tiên tam-muội được thành tựu như thế. Đó cũng là hạnh của bậc A Bộ Bạt Trí. Nói theo phía phàm phu, mong đạt được thánh đạo hạnh của A Bộ Bạt Trí, sẽ chẳng thể đạt được ngay trong một đời. Vì sao? Không chỉ là một đời, một mạng, mà nhiều đời, nhiều kiếp, mới hòng đạt được công đức chẳng thoái chuyển của A Bộ Bạt Trí. Muốn đạt được A Bộ Bạt Trí ngay trong một đời, trong đời này chỉ có cách nương theo Tịnh Độ, chỉ có nương theo giáo ngôn về quả địa là pháp Ban Châu có công đức chẳng thể nghĩ bàn như vậy thì mới có thể thành tựu. Đương nhiên, cũng có các giáo thuyết khác, tức là “*thành tựu ngay trong một đời*” cũng thường tuyên nói trong các giáo pháp khác thuộc quả địa [như Mật Tông chẳng hạn]. Giáo ngôn Tịnh Độ là giáo ngôn thuộc về quả địa; đó là điều chắc chắn, chẳng thể nghi ngờ! [Giáo ngôn Tịnh Độ] muốn khiến cho hết thảy chúng sanh đắc A Bộ Bạt Trí ngay trong một đời, hoặc có thể nói là thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề trong một đời. Vì sau khi đã có thể đạt được công đức và lợi ích to lớn do vãng sanh quốc độ Cực Lạc của A Di Đà Phật, [người đã vãng sanh] sẽ có thọ mạng vô lượng liên tục rộng khắp đến tận đời vị lai, cho nên sẽ trực tiếp thành tựu Bồ Đề. Từ Sơ Phát Tâm cho tới khi thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, chẳng vượt khỏi một đời. Đó là tướng đại công đức. Tâm lực của Bồ Tát sẽ chẳng thể thấu đạt công đức ấy, hết thảy hiện thánh chẳng thể do sức của chính mình mà biết nổi! Hết thảy Bồ Tát, hết thảy hiện thánh tụ tập cùng một chỗ, cùng nhau nghĩ bàn, phân tích cặn kẽ trí huệ chẳng thể nghĩ bàn ấy cũng đều chẳng thể bèn mảng được!

(Kinh) Hiền Hộ! Thị trung nhất thiết ngu hoặc phàm phu, u bỉ Niệm Phật Hiền Tiên tam-muội, thường đương tư duy chư Phật Thế Tôn, bất đắc sanh trước.

(經)賢護！是中一切愚惑凡夫，於彼唵佛現前三昧，常當思惟諸佛世尊，不得生著。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

(Kinh: Này Hiền Hộ! Hết thấy phàm phu ngu hoặc trong ấy, đối với Niệm Phật Hiền Tiên tam-muội, hãy thường nên tư duy chư Phật Thế Tôn, đừng sanh chấp trước).

Tư duy mà chẳng sanh chấp trước, lành thay! Lời này rất sâu, chẳng thể nghĩ bàn! Vì sao? Do chẳng thể nghĩ bàn, khiến cho chúng ta thường tư duy. Tư duy điều gì vậy? Tư duy về sự hồi thí, ân đức, diệu tướng, và lời dạy của đức Thế Tôn, nhưng chẳng đắm nhiễm. “*Chẳng chấp trước*” tức là chẳng chấp trước những thứ chúng sanh hay biết, những hành vi đã biết, sự được mất, cảm xúc, tức là chỗ bất khả đắc (chẳng thể đạt được) trong Tứ Niệm Xứ đã được nói trong phần trước: Không thấy hết thấy các pháp, không thấy hết thấy các Thọ, cho đến chẳng đắm nhiễm hết thấy thân, thọ, tâm, pháp v.v... Do đó, nói là “*không thấy*”. “*Không thấy*” có nghĩa là “*chẳng nhiễm*”. Vì thế, thường tư duy, thường quán mà chẳng nhiễm. Đây là một yêu cầu hành pháp, mà cũng là một pháp tắc đặc biệt trọng yếu.

Thường là chúng ta đối với một hành pháp, hễ tư duy bèn đắm nhiễm, bèn chấp trước. Vì thế, “*thị trung, nhất thiết ngu hoặc phàm phu, u bỉ Niệm Phật Hiền Tiên tam-muội, thường đương tư duy Phật Thế Tôn, bất đắc sanh trước*” (ở trong ấy, hết thấy phàm phu ngu hoặc đối với Niệm Phật Hiền Tiên tam-muội, thường nên tư duy chư Phật Thế Tôn mà chẳng sanh chấp trước). Tức là phàm phu ngu hoặc vì ưa chấp trước, đó là “*ngu hoặc*”. Nếu chúng ta tư duy Niệm Phật tam-muội, tư duy cơ chế giáo ngôn của chư Phật Thế Tôn, tư duy về chư Phật Thế Tôn như thế mà chẳng sanh chấp trước. Đó là đã vượt khỏi phàm ngu, tức là đã vượt thoát sự chướng ngại trong tâm trí của phàm phu ngu hoặc.

Trưa hôm nay, khi mọi người học Cổ Văn, đã bàn đến vấn đề quản lý và quản chế. Phật pháp chẳng quản chế chúng ta, mà là khiến cho chúng ta an lạc. Sự giáo dục và sự điều dưỡng đúng đắn thì phải có thể khiến cho chúng ta an lạc nơi pháp, tâm trí điều phục, nhu thuận, chẳng cảm thấy bị ép bức, chẳng bị hạn chế, được an trụ trong công ước chung của cộng đồng. Đó là hình thức quản lý đúng lẽ, là quản lý có trí huệ, là một loại hình thức giao tiếp từ bi. Còn quản chế thì sao? Áp bức, dồn ép lẫn nhau, tổn hại và hạn chế lẫn nhau, khiến cho con người đau khổ. Đó chẳng phải là Phật pháp, nhưng trong nhân duyên hiện thời, phần đông là kẻ ham muốn quyền lợi, phần nhiều là kẻ chẳng biết pháp từ bi thiện xảo, phần nhiều đắm nhiễm. Do vậy, hạn chế lẫn nhau, [khiến

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

cho] kẻ khác đau khổ, chẳng thể cảm nhận sự thủ hộ do trí huệ và từ bi của Phật pháp ban tặng.

Nếu đã gặp gỡ Phật pháp, mà còn sanh ra các nỗi đau khổ ấy, thì còn dính dáng gì đến Phật pháp nữa? Đó chính là trái nghịch chánh nhân xuất thế của Phật pháp. Chư Phật xuất thế nhằm dẹp khổ, ban vui, là trí huệ, từ bi, và thiện xảo. Hiện thời, trong việc quản lý người xuất gia và tại gia, trong cơ chế học Phật, có nhiều sự hạn chế, còn chuyện mọi người giao tiếp trong tình huống yêu mến, bảo vệ, tôn trọng, cũng như những người cùng nhau điều hợp một pháp tắc, thủ hộ đạo tràng, thủ hộ một nguyên tắc cộng đồng thì càng ngày càng thưa thớt! Trên cơ sở rất thưa thớt ấy, càng cần thiết chúng ta phải nên đứng ra, vận dụng hai pháp phương tiện bi và trí đối với hữu tình. Cũng có nghĩa là hiện thời, người tạo sự thuận tiện cho kẻ khác rất ít ỏi, mà người ước thúc kẻ khác rất nhiều.

Trong cơ chế như thế, chúng ta càng phải nên thật sự đứng ra vận dụng trí huệ, vận dụng từ bi để lợi ích rộng khắp hiện tiền hữu tình! Tôn trọng hiện tiền chính là tôn trọng tự tâm. Vì sao? Do tâm cảnh nhất như. Đối với cảnh giới hiện tiền của chính mình, chúng sanh hiển hiện trong cảnh giới hiện tiền cho đến hữu duyên biến hiện, nếu chẳng tôn trọng, sẽ là chẳng tôn trọng tự tâm, tức là từ trong pháp chẳng đối đãi mà nẩy sanh sự tổn hại do đối đãi. Quý vị sẽ gây nên mối hại vô cùng, đánh mất pháp ích thanh tịnh rộng lớn. Các vị thiện tri thức ơi! Phải khéo tư duy, khéo quan sát!

(Kinh) Hựu diệc tư duy chư Phật Thế Tôn thuyết như tư pháp, nhi diệc bất trước.

(經)又亦思惟諸佛世尊說如斯法，而亦不著。

(Kinh: Lại cũng tư duy chư Phật Thế Tôn nói pháp như thế, nhưng cũng chẳng chấp trước).

Đức Thế Tôn lập đi lập lại lời nhắc nhở này, trước là nói về pháp tắc của giáo nghĩa, sau là nói về lợi ích của pháp tắc giáo nghĩa, nhằm dạy chúng ta tư duy, dạy chúng ta pháp tắc để giảng nói Ban Châu tam-muội đúng lý bằng các lời lẽ chánh đáng, cũng như lợi ích chân thật của môn Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội này. Ngài dùng lời lẽ chẳng khác lạ, lời lẽ chẳng thù dật, lời lẽ chẳng phải chỉ có chính mình hiền nổi để đúng như thật truyền đạt giáo ngôn của đức Thế Tôn, nói giải bày trọn vẹn, nói không che lấp, chẳng giấu giếm. Đó

chính là điều chúng ta tu hành, mà cũng chính là chỗ tồn tại của công đức và lợi ích nơi chánh hạnh.

(Kinh) Hựu diệc tư duy: “Ngã thính văn pháp, nhất thiết sở vi giai bất đắc trước”. Hà dĩ cố? Hiền Hộ! Chư pháp giai không, bản lai vô sanh cố.

(經)又亦思惟：「我聽聞法，一切所爲皆不得著」。何以故？賢護！諸法皆空，本來無生故。

(Kinh: Cũng lại tư duy: “Ta nghe pháp, đối với hết thảy các việc làm đều chớ nên chấp trước”. Vì sao? Này Hiền Hộ! Các pháp đều là Không, do vốn chẳng sanh).

Vốn vô sự! Thiên hạ vốn bình an, vốn chẳng nhuốm mây trần. Do vậy, nếu khi có người khởi tâm, liền liễu giải ngôn từ và tâm trí của người ấy ở chỗ nào. Đó là sự quan sát thấy thấu suốt cảnh giới Nhất Thật. Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo thí giáo như thế, khiến cho thiện tri thức xét kỹ thế gian chẳng nhiễm, chẳng dính mắc, tức là xét quán kỹ cảnh giới Nhất Thật. Như trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo đã có nhắc nhở như thế, xem kỹ thế gian như thế nào, xem kỹ nhân quả như thế nào? Có Chiêm Sát Luân để chiêm sát ba nghiệp thân, khẩu, ý trong quá khứ, hiện tại, vị lai, cho đến nói Thập Thiện, Thập Ác, khiến cho người khác hiểu biết để chọn lựa nghiệp, xu hướng theo pháp, hoặc nói tới nguyên do v.v... Trong cảnh giới Nhất Thật là sự chọn lựa như thế, khởi tâm động niệm liền có thể biết rõ. Vì sao vậy? Do vốn vô sự, vốn chẳng nhuốm bụi, vốn chẳng có một pháp, vốn vô sanh. Chọn lựa như thế, các thiện tri thức sẽ đạt được đại thiện xảo, đại phương tiện. Vì vậy, trong thời hiện tiền, một khi sanh khởi, sẽ có thể biết rõ kết quả. Vì sao? Do hiện duyên sanh khởi, có duyên thì sẽ ắt có tiếp tục. Hễ có sự tiếp tục, ắt sẽ có kết quả, chẳng nhờ vào bất cứ phương tiện nào mà trực tiếp thấu suốt bản hoài, trực tiếp thấu suốt cội nguồn, trực tiếp liễu giải tướng nhân quả.

(Kinh) Hiền Hộ! Chư pháp bất khả niệm, vô niệm xứ cố.

(經)賢護！諸法不可念，無念處故。

(Kinh: Này Hiền Hộ! Các pháp chẳng thể niệm, do chẳng có niệm xứ).

Lành thay! Chúng ta tạo niệm, dù thiện niệm hay ác niệm, dù là niệm hay phi niệm, dù sanh niệm, diệt niệm, dù là thánh niệm, hay phàm niệm, trong các thứ niệm đều là sanh sanh diệt diệt, tiếp nối trong từng sát-na. Nếu là niệm trong “*chư pháp bất niệm*” (các pháp chẳng niệm), chánh niệm hiện tiền như thế, các pháp chẳng nhiễm, sẽ vận dụng các pháp để thành tựu sự yêu mến và thủ hộ. Vì sao? Hiện duyên sanh khởi chính là pháp tướng, niệm mà vô niệm, chính là cách niệm thanh tịnh, lợi ích rộng khắp hữu tình. Chúng ta thường muốn dùng niệm để xua đuổi niệm. Xua đuổi niệm sẽ thường có cảm giác nặng nề, có sự sanh diệt tiếp nối, có sự khích lệ sanh diệt. Do vậy, trôi giạt trong biển sanh tử, chẳng thể tự thoát ra được, vì sóng nghiệp ngập trời, hoặc chìm xuống, hoặc nổi lên, quý vị chẳng có sức tự tại. “*Chư pháp bất khả niệm*” (Các pháp chẳng thể niệm) là nói như thật, nói chân thật.

(Kinh) Hiền Hộ! Chư pháp viễn ly, tuyệt tâm tướng cố. Hiền Hộ! Chư pháp bất khả chấp trì, Chân Như vô đắc cố.

(經)賢護！諸法遠離，絕心想故。賢護！諸法不可執持，真如無得故。

(Kinh: Này Hiền Hộ! Các pháp xa lìa, do dứt bật tâm tướng. Này Hiền Hộ! Các pháp chẳng thể chấp trì, do chẳng đắc Chân Như).

Lành thay! Đức Thế Tôn dạy chúng ta trí huệ chân thật như thế, gột sạch trần cấu chẳng thể đạt được từ vô thủy đến nay của chúng ta. Vì trần cấu chẳng thể đạt được chính là vọng nhiễm, chấp trước hư vọng, cho nên ngay lập tức gột rửa hết sạch! Nếu tùy thuận lời dạy, sẽ gột rửa cấu như trong tâm. Nếu vẫn dùng tâm để tưởng, do những điều hay biết về sau, Phiền Não Chướng sẽ che lấp tự tâm, trần cấu lại bùng bùng dấy lên. Giáo ngôn rất sâu như thế được tuyên nói như thật trong kinh Ban Châu Tam Muội, mọi người có thể thân cận giáo ngôn thù thắng, khó được nghe như thế, quả thật là do phước đức chín muồi. Nếu nhất niệm tùy thuận, công đức của người ấy chẳng thể nghĩ bàn, thậm chí chư Phật chẳng thể tán thán cùng tận!

(Kinh) Hiền Hộ! Chư pháp vô nhiễm như hư không cố.

(經)賢護！諸法無染，如虛空故。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

(Kinh: Này Hiền Hộ! Các pháp chẳng nhiệm vì như hư không).

Các thiện tri thức ơi! Hãy khéo tùy văn nhập quán, thuận theo kinh văn để ấn tâm, thuận theo kinh văn để biết cái tâm, chẳng nhờ vào giải thích, chẳng nhờ vào tăng giảm, chỉ thẳng thừng ấn khế là được rồi! Vì chúng ta do tập quán hay biết, do thói quen tư duy, khiến cho chúng ta luôn bị trói buộc trong suy nghĩ và những điều chính mình đã biết, chẳng đạt được phương tiện tự tại rộng lớn. Nếu có thể như thật nương vào giáo ngôn thanh tịnh của đức Thế Tôn để ấn chúng tự tâm, tự tâm tất nhiên sẽ giống như tâm Phật, an trụ như thật.

(Kinh) Hiền Hộ! Chư pháp thanh tịnh, viễn ly chúng sanh cố. Hiền Hộ! Chư pháp vô trước, nhân duyên diệt cố.

(經)賢護！諸法清淨，遠離衆生故。賢護！諸法無濁，因緣滅故。

(Kinh: Này Hiền Hộ! Các pháp thanh tịnh vì xa lìa chúng sanh. Này Hiền Hộ! Các pháp chẳng vẫn đục vì nhân duyên diệt).

Nói “các pháp do nhân duyên sanh, duyên diệt, pháp cũng diệt”, thật sự chẳng có một pháp để đạt được. Vì do duyên sanh thì sẽ theo duyên mà diệt. Các thứ nhân duyên quá khứ, hiện tại, vị lai sanh khởi từ một niệm trong hiện duyên; đây chính là nhân duyên. Cái nhân duyên ấy rất thuận tiện, có thể thấy thấu suốt, có thể quan sát. Đối với nhân duyên trong quá khứ, nếu mê mờ trong ấy, đó chính là nghiệp tướng vô minh, chẳng thể hiểu rõ. Đối với các mong mỗi trong tương lai, nếu chẳng thể như thật, các mong mỗi trong tương lai cũng trở thành cơ duyên đọa lạc, chẳng có sức tự tại. Do vậy, “các pháp chẳng vẫn đục, vì nhân duyên diệt”, duyên khởi, duyên diệt, thật sự là huyễn sanh, huyễn diệt. Đó chính là hiện duyên khích lệ. Chúng sanh từ vô thủy tới nay, nếu lúc một niệm nầy sanh, dù là tiếp tục tịnh, hay tiếp tục nhiễm, sẽ sanh ra hai thứ thế gian tịnh và nhiễm. Do đó, có Tịnh Độ của chư Phật. Vì chư Phật thông đạt pháp tánh, đích thân chứng pháp tánh, Tịnh Độ của chư Phật hiện. Chúng sanh do mê mất tâm trí thanh tịnh vốn sẵn có, cho nên từ Năng và Sở mà kiến lập thiện và ác. Do vậy, ngũ trước ác thế và các thứ ác thế, các thứ trước nhiễm trong thế gian sẽ cùng lúc sanh khởi, liên tục kiến lập. Chúng ta hãy khéo quan sát, khéo tư duy.

(Kinh) Hiền Hộ! Chư pháp vô vi, Phú-già-la bất khả đắc cố.

(經)賢護! 諸法無爲, 富伽羅不可得故。

(Kinh: Này Hiền Hộ! Các pháp vô vi, do Phú-già-la (Pudgala)¹⁰ chẳng thể được).

Đối với tâm trí của hết thảy chúng sanh, chẳng thể chấp trước được!

(Kinh) Hiền Hộ! Chư pháp tức Niết Bàn tướng, bốn tánh thanh tịnh cố.

(經)賢護! 諸法即涅槃相, 本性清淨故。

(Kinh: Này Hiền Hộ! Các pháp chính là tướng Niết Bàn, vì bốn tánh thanh tịnh).

“Chư pháp tức Niết Bàn tướng” (Các pháp chính là tướng Niết Bàn). Vì sao? Dựa theo bản chất để nói thì do bốn tánh thanh tịnh, cho nên các pháp tịch diệt, tức là tướng Niết Bàn. Thiên tri thức có “*pháp nghĩa*” như thế để ẩn khế tự tâm của chúng ta. Tâm trí của chúng ta vốn chẳng tạo tác, chỉ khi nào ẩn khế như thật, sẽ có thể thanh tịnh biết rõ giáo ngôn của chư Phật. Ngày hôm qua, tôi nhận được điện thoại của một vị Bồ Tát. Ông ta đại khái đã tiếp xúc Phật pháp từ mười năm trước. Về sau, sanh khởi ngờ vực đối với Phật pháp; sau đó, nhờ học Phật, niệm Phật, nay đã có đôi chút cảm nhận. Ông ta nói: “Đối với Nhất Thiết Trí, phải có tri kiến quyết định”. “*Tri kiến quyết định*” chính là “*pháp chẳng có tự tánh*”, quyết định tùy thuận, sanh lòng vui thích đối với pháp.

¹⁰ Phú-già-la (Pudgala, Pudgalāstikāya) còn được phiên âm là Bồ Đặc Già La, Phúc Già La, Phát Già La, hay Phổ La. Đôi khi còn dịch nghĩa là Số Thủ Thủ, Hữu Tình, Chúng Sanh, hoặc Ngã, có ý nghĩa chánh yếu là “*chủ thể xoay chuyển luân hồi trong lục đạo*”, tức là cái Ngã đang bị vọng chấp, vô minh ràng buộc. Bộ phái Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ cho rằng Phú Già La chỉ là giả danh của Ngũ Âm, chẳng có thực chất (Học phái Trung Quán kế thừa tư tưởng này). Độc Tử Bộ thì chủ trương Phú Già La là một cái Uẩn “*phi tức, phi ly*”, chẳng thể nói là Ngã, nhưng nó mang theo các nghiệp từ đời trước đi luân hồi. Nó là chủ thể có tánh chất luân hồi, có ký ức, và là chủ thể của sáu thức.

“Chư pháp tức Niết Bàn” (Các pháp chính là Niết Bàn), “*phiền não tức Bồ Đề*”. Đây thật sự là dùng Phật ấn để ấn chúng, khiến cho chúng ta trực tiếp ấn khế hết thấy các hiện duyên. Đối với hết thấy hiện duyên, chỉ dùng Phật ấn để ấn, dùng dùng vọng tưởng để ấn khế sự cảm nhận. Đó là nghiệp ấn! Nghiệp ấn của phàm phu chỉ là nghiệp tướng liên tục. Vì thế, dùng nghiệp để kế tục nghiệp, kết quả giống như nước lũ, khiến cho quý vị bị cuốn vào biển sanh tử, chẳng phải là biển trí và biển đại trí nguyện của chư Phật. Do vậy, có biển nghiệp của chúng sanh, mà cũng có biển nguyện của chư Phật. Một niệm sai lầm, sẽ là biển nghiệp. Biển nghiệp vô biên, vùi dập vô tận trong biển sanh tử. Một niệm khác đi, sẽ là biển Chánh Biến Tri của chư Phật, an trụ nơi vô nghi, lợi ích thế gian rộng lớn. Biển nghiệp và biển nguyện vốn là một biển. Vì thế nói: “*Vốn chẳng có biển đại tịch diệt để đạt được!*” Trong biển đại tịch diệt, sẽ trông thấy bốn tánh.

(Kinh) Hiền Hộ! Chư pháp vô sở hữu, nhất thiết vật bất khả đắc cố. Hiền Hộ! Thị cố, chư Bồ Tát đẳng nhược dục tư duy thử tam-muội giả, bất khả dị tướng nhi năng đắc nhập.

(經)賢護! 諸法無所有, 一切物不可得故。賢護! 是故, 諸菩薩等若欲思惟此三昧者, 不可異相而能得入。

(Kinh: Này Hiền Hộ! Các pháp vô sở hữu, vì hết thấy các vật chẳng thể được. Này Hiền Hộ! Do đó, các vị Bồ Tát nếu muốn tư duy tam-muội này, chẳng thể do tướng khác mà có thể nhập được!)

Nếu nương vào điều thiện tạp loạn và tư duy vọng tưởng của chính mình mà muốn nhập môn tam-muội này, sẽ chẳng thể thấy, chẳng thể nhập, chẳng thể thành tựu. Do vậy, chư Phật Như Lai đã có lời dạy “*chánh ngôn*” đối với tam-muội này, khiến cho chúng ta chánh tư duy, chánh khế nhập, chánh thiện xảo hòng ấn khế tự tâm.

(Kinh) Vô đắc tướng cố, đắc kiến chư Phật.

(經)無得相故, 得見諸佛。

(Kinh: Do chẳng đạt được tướng, cho nên được thấy chư Phật).

Lành thay! Hai câu nói này rất trọng yếu! Thường là chúng ta sẽ dùng hai thứ đối đãi ấy. Trong tâm trí đối đãi, sanh khởi pháp tắc đối

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

đãi; nhưng trong tâm trí chẳng đối đãi, lập tức viên dung. Pháp tắc “*chẳng đối đãi*” viên dung như thế nào? Trong kinh Kim Cang, đức Thế Tôn đã dạy: “*Kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai*” (Thấy các tướng chẳng phải là tướng, liền thấy Như Lai); ở đây nói: “*Vô đắc tướng cố, đắc kiến chư Phật*” (Do chẳng đạt được tướng, cho nên được thấy chư Phật). Kinh khác nhau cùng nói giống nhau [về sự] lựa chọn chân thật. Đây là sự tuyên nói chân thật trong trí huệ chân thật. Đối với điều này, chúng ta thường sanh khởi sợ hãi; vì trong tâm trí đối đãi, sẽ nhất định sanh khởi cảm nhận đối đãi: Một là vô tướng, hai là thấy chư Phật. Chư Phật là vô tướng. Nếu quý vị dám lựa chọn, sẽ ngay lập tức đạt được đại lợi. Vì chúng ta bị câu thúc bởi các tướng, cho nên chẳng thấy tướng của chư Phật. Nếu chẳng bị câu thúc bởi các tướng, sẽ thấy diệu tướng thanh tịnh của chư Phật.

Chọn lựa như thế nào? Trọn chẳng thể nương vào tư duy của quý vị để hiểu. Cái được hiểu bởi tư duy chính là pháp đối đãi. Trong pháp đối đãi, sẽ rất khó khế nhập. Thiện tri thức ơi! Trong trí chẳng thể nghĩ bàn, muốn tư duy, suy nghĩ cưỡng chấp ý nghĩa, điều lợi ấy sẽ chẳng thể hiện tiền. Nếu một người đột phá chỗ này, tức là [đột phá] chỗ tri kiến đối đãi, người ấy sẽ đạt được nhân duyên thiện xảo. Hai người đột phá thì hai người đạt được. Ba người đột phá thì ba người đạt được. Nếu vô lượng chúng sanh đột phá, vô lượng chúng sanh sẽ đạt được. Nếu quý vị dùng tri kiến đối đãi mà muốn nghe giáo ngôn, như “*vô đắc tướng cố, đắc kiến chư Phật*” (do chẳng đạt được tướng, được thấy chư Phật); nếu trụ trong tâm trí đối đãi, sẽ vĩnh viễn chẳng thể nghe, dầu nghe mà như chẳng nghe, chỉ là gieo chủng tử [vào tạng thức]! Khi lần sau lại được nghe, quý vị còn kêu: “Trời ạ! Câu này nói lần trước mâu thuẫn với lần sau!” Do vậy, trong tâm trí chẳng đối đãi, sẽ tự nhiên thuận theo, tùy văn nhập quán, đạt được pháp ích. Nhập quán gì vậy? Trí quán, quán chẳng đắm nhiễm đối đãi, quán thanh tịnh, quán chẳng động tâm niệm, tức là cái được gọi là “*quán như thật, chẳng tăng giảm*”.

Nhưng tâm trí phàm phu, từ vô thủy đến nay, nương vào đối đãi mà kiến lập, nói tốt, nghe xấu, hoặc dựa vào xấu mà nói tốt, đều là an lập trong pháp đối đãi, lẫn lộn trong hai loại Biên Kiến, rất khó dùng cái tâm viên dung, tâm chẳng đối đãi, tâm thanh tịnh, tâm ẩn khế, tâm chẳng tăng giảm để như thật an trụ, tùy thuận pháp tắc. Do vậy, người y giáo phụng hành rất hiếm hoi. Tuy đức Thế Tôn khắp nơi dạy chúng ta “*y giáo phụng hành*”, nhưng chúng ta thường là “*y giải phụng hành*” (nương vào kiến giải của chính mình để phụng hành), nương theo sự suy

nghĩ của chính mình, nương vào Phật pháp đã qua xử lý của chính mình để phụng hành. Vì thế, phần nhiều chẳng thể đạt được lợi ích chân thật, do chẳng thể tùy thuận Phật trí, chẳng thể vào trong biển Phật trí. Do nương vào hạn lượng mà chính mình vốn có, cho nên dùng hạn lượng để gò ép Phật pháp vào “khuôn khổ”. Phật pháp kiểu đó là Phật pháp do quý vị sửa đổi, là Phật pháp bị biến dạng, là Phật pháp do nương theo cái tâm tăng giảm của phàm phu, kết quả vẫn là tri kiến phàm phu. Do vậy, chẳng đạt được lợi ích nơi Phật pháp.

(Kinh) Chánh niệm chư Phật hòa hợp tương ứng, diệc đắc tư duy Trợ Bồ Đề Phần, niệm văn chánh pháp, tư lượng phân biệt, tuyền trạch Bồ Đề Phần, nhi bất kiến tự thân, diệc bất chứng chư pháp.

(經)正念諸佛和合相應，亦得思惟助菩提分，念聞正法，思量分別，選擇菩提分，而不見自身，亦不證諸法。

(Kinh: Chánh niệm chư Phật hòa hợp tương ứng, cũng tư duy Trợ Bồ Đề Phần, nghĩ tưởng, nghe chánh pháp, suy lường, phân biệt, chọn lựa Bồ Đề Phần, mà chẳng thấy tự thân, cũng chẳng chứng các pháp).

Đoạn văn tự này mười phần quan trọng! Chính là chuyển biến to lớn của tri kiến phàm hay thánh. Quý vị nhất định phải tự hỏi chính mình có chuyển biến ở chỗ này hay không? Quý vị có thể khám nghiệm tri kiến của chính mình là tri kiến thanh tịnh, tri kiến chẳng đối đãi, chánh tri, chánh kiến, hay là tri kiến ngu si, tri kiến điên đảo, tri kiến hư vọng, tri kiến đối đãi? Nếu là tri kiến thuộc loại sau, sẽ chẳng thể thành tựu Bồ Đề, vì quý vị cưỡng chấp. Nếu buông xuống, liền nhập Phật trí. Chúng ta có thể dùng đoạn văn tự này để phán đoán, ấn khả tự tâm, dù phàm hay thánh, dù trí hay ngu, có thể tự mình cân nhắc chỗ thuận theo và nương tựa trong tâm trí của chính mình.

Trong rất nhiều kinh điển, đức Thế Tôn đều nói như thế để khiến cho chúng sanh buông xuống tri kiến của chính mình, tùy thuận chánh giáo của Như Lai, khe nhập lợi ích của Phật pháp. Đó gọi là “*hồi quán tự tâm, vô nhiễm, vô trước*” (quay lại quán tự tâm, chẳng nhiễm, chẳng chấp trước). Các cơ chế giáo ngôn ấy thật sự không ngừng ấn khế chúng ta. Các vị thiện tri thức trong quá khứ khi có khai ngộ, có chứng ngộ, hoặc đối với pháp mà cho rằng có gì đặc biệt, sẽ đến chỗ thiện tri thức để gột sạch tâm cấu, để thiện tri thức ấn khế cho mình, chứng thực tri kiến của chính mình, cũng như [ấn chứng] pháp tắc do chính mình đã chứng

thật sự tương ứng với lời dạy của Phật. Như Lục Tổ đại sư khi gặp tổ Hoàng Nhãn, chân tâm Lục Tổ thường sanh hoan hỷ, trong hết thấy thiện duyên sanh khởi sự vô úy và yêu thích, tâm thường sanh quang minh chiếu sáng thế gian. Trong sự tối tăm của hết thấy hiện duyên, giống như đèn sáng trong cõi đời. Tuy là như thế, [Lục Tổ] vẫn cần pháp sư Hoàng Nhãn dùng pháp nghĩa để ấn chứng, hứa khả, dùng kinh Kim Cang để ấn chứng, hứa khả, khiến cho Lục Tổ vô ngại rốt ráo. Cho nên Ngài đã diễn tả [bằng ba câu] “*hà kỳ tự tánh, hà kỳ tự tánh, hà kỳ tự tánh*” (nào ngờ tự tánh [vốn tự thanh tịnh], nào ngờ tự tánh [vốn chẳng sanh diệt], nào ngờ tự tánh [vốn tự trọn đủ]). Đoạn văn tự ở đây cũng là ngôn ngữ để ấn khế.

(Kinh) Sở dĩ giả hà? Hiền Hộ! Thị trung bất khả dĩ sắc tướng cố nhi đắc kiến Phật.

(經)所以者何? 賢護! 是中不可以色相故而得見佛。

(Kinh: Vì sao vậy? Này Hiền Hộ! Vì trong ấy, chẳng thể dùng sắc tướng để thấy Phật).

Ở đây, đã tổng kết rõ ràng. Đó là giáo ngôn mười phần rõ rệt, giáo ngôn mười phần như thật, giáo ngôn mười phần chẳng thể nghĩ bàn, là giáo ngôn xa lìa đối đãi! Nếu quý vị nương vào tâm trí đối đãi, sẽ ngay lập tức đối đãi. Vì có sao? “*Thị trung bất khả dĩ sắc tướng cố nhi đắc kiến Phật*” (Trong ấy, chẳng thể dùng sắc tướng để thấy Phật): Quả thật đã ban cho chúng ta một pháp tắc tu hành và sự lựa chọn tu hành rất rõ rệt. Vậy thì quý vị có thể tu tập như thế hay không? Nhiều người đã lý giải chỗ này. Hễ lý giải [suông mà không tu tập] thì chẳng thể đạt được lợi ích. Chỉ có người tu tập sẽ tất nhiên ấn khế tự tâm!

Dùng giáo ngôn “*không tăng giảm*” để ấn khế tự tâm rất thuận tiện, như chúng ta dùng một cái ấn to để đóng dấu. Quý vị chẳng cần phải lý giải, cứ đóng dấu là được rồi! Chúng ta thấy một tay [trong ngàn cánh tay] của Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát cầm một cái ấn, ấn gì vậy? Chính là một chữ chủng tử (Bīja)¹¹ biểu thị Quán Thế Âm,

¹¹ Chủng tử (Bīja, seed syllable) của A Di Đà Phật và Quán Thế Âm Bồ Tát đều là chữ Hī (𑖀) thường được dịch là Tâm. Trong Mật Tông, khi quán chủng tử của chữ này thì dùng văn tự Tát Đàm (Siddham). Thông thường, để quán Bốn Tôn, hành giả quán tự tâm có một tòa sen, trên đó, có mặt trời và mặt trăng xếp chồng lên nhau. Trên hai vầng nhật nguyệt ấy, xuất hiện chữ chủng tử. Chữ Hī của Quán Thế Âm

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

biểu thị A Di Đà Phật, biểu thị ấn khế của mười phương chư Phật. Hễ áp [cái ấn ấy] xuống, liền thành lập. Vì thế, trong kinh điển Đại Thừa, khắp nơi có cách nói như thế này: “*Cửu hành nhi bất chứng, phóng quang tức Bồ Đề*” (Hành đã lâu ngày mà chẳng chứng, phóng quang chính là Bồ Đề). Cũng có nghĩa là: Một niệm tương ứng liền được khế nhập, liền được thành tựu, chẳng phải nhọc nhằn thực hiện! Chọn lựa ở chỗ này mười phần khó khăn! Khó ở chỗ nào? Khó buông xuống chấp trước hư vọng, khó buông xuống Ngã Chấp, khó buông xuống nhiễm tâm, khó buông xuống phân biệt đối đãi. Dầu chỉ buông xuống trong sát-na, vẫn chẳng muốn buông bỏ! Vì sao? Sẽ sanh lòng hoảng sợ. Chúng ta có thể khéo quan sát tâm linh của chính mình. Có người nói: “Ta nghe pháp một niệm hoan hỷ”, vì sao? Khi đó chẳng đắm nhiễm, chẳng chấp trước, chẳng có chỗ đối đãi, có thể vui sướng vì thật sự ấn khế trong nháy mắt. Nếu có thể tiếp tục duy trì, sẽ liên tục thủ hộ sự thành tựu. Nếu chẳng thể liên tục, chỉ là tiếp xúc một phen, vẫn chưa thật sự ấn khế tự tâm. Vì nếu có thể ấn khế tự tâm, tất nhiên chẳng nghi!

(Kinh) Bất khả dĩ thanh tướng cố, nhi đắc văn pháp.

(經)不可以聲相故，而得聞法。

(Kinh: Chẳng thể dùng thanh tướng để được nghe pháp).

Nay chúng ta trao đổi Phật pháp, thật sự nhờ vào nhĩ căn, nhãn căn, và thân tiếp xúc của mọi người để kích phát tâm trí vốn sẵn có nơi

Bồ Tát là màu trắng, chữ Hī của A Di Đà Phật là màu đỏ. Chữ ấy sẽ dần dần biến thành hình tượng Bồ Tôn trong pháp hành giả đang tu. Chẳng hạn như khi quán chú Lục Tự Đại Minh thì quán chiếu chữ Hī phóng quang minh sáu màu, mỗi màu chiếu vào một đường tương ứng trong lục đạo (chẳng hạn màu trắng ứng với thiên đạo, màu xanh ứng với A Tu La đạo...). Sau đó, chúng tử biến thành Quán Thế Âm Bồ Tát bốn tay, thân có màu trắng, ngồi xếp bằng trên tòa sen, vai khoác da nai, mặc quần ngũ sắc, thiên y trắng có các dải lụa vờn quanh. Hai tay Ngài chấp trước ngực ôm châu Như Ý Ma Ni, hai tay kia giơ ngang vai, một tay cầm hoa sen, tay kia cầm tràng hạt, từ trong tâm Bồ Tôn lại hiện ra chúng tử, lưu xuất vô tận bốn tôn Quán Thế Âm Bồ Tát có hình dạng giống hệt như thế, trùng trùng vô tận... Mỗi hóa thân ấy lại ngự trên đỉnh đầu của mỗi chúng sanh, cảm hóa họ thâm đắm trong tâm từ bi. Bản thân hành giả cũng trở thành Quán Thế Âm phóng quang cứu độ chúng sanh y hệt. Sau đó lại lần lượt quán các Bồ Tôn lưu xuất ấy hội nhập vị Bồ Tôn chính. Vị Bồ Tôn chính lại trở thành chúng tử, chúng tử tan biến vào vàng nhật nguyệt nơi hoa sen trong tâm. Cuối cùng toàn thể biến thành không, rỗng rang chẳng còn gì.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

mỗi người, tức là tâm trí “*chẳng đến, chẳng đi*” nhằm thuận thực tướng công đức và công đức tạng ấy. Thật sự chẳng có pháp nào để đạt được, chẳng có pháp nào để gặp, chẳng có pháp nào để có thể thành, đúng như thật mà biết tự tâm!

(Kinh) Bất khả dĩ hy vọng tâm thành tựu Đàn Ba La Mật.

(經)不可以希望心成就檀波羅蜜。

(Kinh: Chẳng thể dùng cái tâm hy vọng để thành tựu Đàn Ba La Mật).

“Đàn” (Dāna) là bố thí, có pháp bố thí, tài bố thí, và vô úy bố thí. Nếu hy vọng được đền đáp, do Đàn Ba La Mật là “*chẳng dùng gì để thành tựu*”, cho đến Lục Ba La Mật, tức Trì Giới, Tinh Tấn... cho đến Thập Ba La Mật, nếu có tâm cầu được đền đáp, sẽ khó thể đạt được lợi ích thanh tịnh trong Phật pháp, khó thể đạt tới bờ kia. Vì sao? Một khi đức Thế Tôn thuyết pháp, sẽ là tam luân thể không, chẳng có chỗ nào đắm nhiễm! Do vậy, bố thí mà chẳng có vật để bố thí, chẳng có đối tượng tiếp nhận sự bố thí, mà cũng chẳng có người hành bố thí, [đó là “*tam luân thể không*”], là Đàn Ba La Mật. Đối với pháp bố thí, cũng giống như thế. Nếu quý vị cho rằng chính mình có ơn với người khác, đó là tà kiến! Vì sao? Do muốn tìm kiếm nhân duyên càng lớn hơn nữa! Người như vậy chẳng đạt được lợi ích từ Phật pháp. Vì thế, trong Phật pháp, Bố Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiên Định, cho đến các loại trí huệ Ba La Mật, đều lấy “*chẳng đắm nhiễm, chẳng chấp trước*” làm phương tiện cội gốc!

Hiện thời, trong tự viện, đạo tràng của chúng ta, hành pháp cũng thế, làm mọi việc cũng thế, duy trì đạo tràng cũng thế, xuất gia hay tại gia cũng thế, nếu có cái tâm đắm nhiễm, tâm mong được đền đáp, kẻ ấy sẽ chẳng đạt được lợi ích nơi Phật pháp. Vì sao? Giống như đã nói trong phần trước: Giống hết như quý vị buôn bán. Bất quá, quý vị là một gã lái buôn trong Phật pháp, bán chác Như Lai, vụng trộm rĩa ráy từng chút một, vẫn chẳng thể chân chánh, đúng như thật thủ hộ và truyền thừa gia nghiệp của Như Lai. Vì thế, “*bất khả dĩ hy vọng tâm thành tựu Đàn Ba La Mật*” (chẳng thể dùng cái tâm hy vọng để thành tựu Đàn Ba La Mật). Lúc chúng ta ban cho người khác pháp, tài vật, hoặc vô úy, tuyệt đối chẳng thể dùng cái tâm hư vọng, tức là cái tâm “*mong được đền đáp*” để hành trì. Nếu dùng cái tâm như thế, sẽ chẳng phải là người tu tập Phật

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

pháp, cho nên chẳng thể thành tựu Đản Ba La Mật, tức Bồ Thí Ba La Mật. Hết thấy các thứ khác cũng giống như thế, nêu lên một sẽ suy ra ba, chúng ta có thể dùng cách loại suy (analogy)¹² để xem xét kỹ lưỡng rộng khắp!

Hiện thời, có kẻ tạo chút thiện căn, chẳng hạn như vì tự viện làm một tí việc, sẽ tính toán: “Ta đã làm bao nhiêu chuyện cho Phật pháp, phải ban cho ta chút gì chớ? Ta sẽ đạt được gì?” Kẻ như thế phải nên thật sự học Phật pháp, chớ nên kinh doanh Phật pháp! Có lắm kẻ đầu cơ bán chác Phật pháp, có kẻ biết, có kẻ chẳng biết. Kẻ biết tức là cố ý làm, sẽ là kẻ bại hoại, hủy diệt Phật pháp. Kẻ không biết là do ngu si cho nên chẳng biết, ngộ Phật pháp cũng là buôn bán, khiến cho Phật pháp đọa vào thế tục. Rất nhiều kẻ thật sự lợi dụng kẻ hở trong Phật pháp, lợi dụng Phật pháp để bán chác Như Lai, mong đổi lấy các quả báo hư giả cho bản thân, nhưng trên thực tế là chẳng tương ứng, đâm ra, chẳng đạt được gì! Vì thế, đức Thế Tôn nói: “*Nếu ai có thể trì giới, sẽ có thể đạt được ba thứ lợi*”. Hoặc như trong giới Bồ Tát có nói: “*Nếu ai có thể trì giới, sẽ đạt được năm loại lợi*”. Năm loại lợi ấy chẳng cầu mà đạt được, nhưng người đời xấu ác mà cầu, tham cầu cho nhiều, thậm chí liều mạng cầu, vắt óc tìm mưu kế, nghĩ hết mọi biện pháp, sử dụng trọn mọi mảnh khóc, để rồi sau đó hứng chịu toàn là quả báo của mảnh khóc, quả báo vì đã vắt óc tìm mưu kế, oan uổng hứng chịu khổ báo. Bởi lẽ, những gì đã tạo tác đều sanh khởi khổ duyên, chẳng phải là lợi ích thật sự tồn tại. Chư vị thiện tri thức ơi! Chúng ta hãy khéo tư duy, khéo quan sát!

(Kinh) Bất khả dĩ nhạo trước chư hữu cụ túc Thi Ba La Mật.

(經)不可以樂著諸有具足屍波羅蜜。

(Kinh: Chẳng thể yêu đắm các thứ đang có mà mong trọn đủ Trì Giới Ba La Mật).

Nếu quý vị chấp trước “*ta có các pháp tắc chi đó*”, “*ta có giới và giới đức gì đó*”, như thế thì sẽ chẳng đạt được Thi Ba La Mật (Thi Ba La Mật, Trì Giới Ba La Mật, Sīla Pāramitā). Nếu có thiện tri thức khéo đọc tụng, thì sẽ đạt được sự an ủi từ Đại Trí Độ Luận, vì trong ấy, Long Thọ

¹² “Suy luận loại suy” là dựa trên hai sự vật giống nhau để suy ra các đặc tánh tương tự. Chẳng hạn như Trái Đất là hành tinh có khí quyển bao bọc, có chứa nước. Hỏa Tinh (Mars) cũng có khí quyển, và cũng là hành tinh. Suy ra, Hỏa Tinh cũng có thể có nước.

Bồ Tát đối với thời Mật Pháp, đối với giới pháp, đã phân tích sâu sắc, nhất là đối với Thi Ba La Mật. Chúng ta hãy khéo tư duy, khéo quan sát.

Hiện thời, rất nhiều hữu tình nói: “Chờ ta phát tâm thanh tịnh, viên mãn rồi sẽ làm chuyện chi đó”. Thật ra là chẳng liễu giải tự tâm, chẳng liễu giải pháp thật ra chẳng có viên và bất viên, chỉ nên như thật liễu giải tự tâm. Tự tâm chưa viên, sự tướng sẽ chẳng viên. Nếu thấu triệt tự tâm thanh tịnh, hết thấy vốn viên! Trước kia, khi chùa Phóng Quang sắp kiến thiết, tôi nói với mọi người: “Đây là một đạo tràng Bồ Đệ Giác, vốn trọn đủ, chẳng cần phải tạo tác. Tất cả tạo tác đều là ý thức bị nhiễm về sau, là pháp sanh diệt, là pháp đối đãi, chẳng phải do đạo tràng Bồ Đệ Giác an lập”. Vì thế, chùa Phóng Quang đã được kiến thiết hoàn thành từ lâu, nay chúng ta chỉ là người sử dụng. Người nào sử dụng? Người thành tựu đạo nghiệp sử dụng! Ai tới thành tựu đạo nghiệp thì là người sử dụng đạo tràng này, kiến thiết đạo tràng này. Do trong quá trình kiến thiết ấy, đạo tràng này đã là một đạo tràng vốn trọn đủ. Nói “*đạo tràng vốn trọn đủ*” tức là vốn sẵn có, vốn an lập, vốn đã thành tựu. Do trong đạo tràng, chuyện làm nhiều hay làm ít đều có, nhưng tính toán hết sức nhiều! Có người dựng một gian nhà cũng tính, có người mua hai khối gỗ hay đá cũng tính, có người đánh lễ ba mươi vạn lễ, mười vạn lễ, mua mấy quyển kinh cũng đều có thể tính. Tính toán gì vậy? Ta đã vì Phật pháp làm các chuyện nhiều ngàn ấy, ta có thể đạt được những gì? Loại người ấy rất đáng thẹn, rất đáng thương, nhưng nhân duyên ấy lại là sự biểu hiện rất chân thật phàm tình của phàm phu. Do vậy, tôi không ngừng đề cập “*đây là một đạo tràng Bồ Đệ Giác, là một đạo tràng vốn đã kiến tạo hoàn thành*”. Những người kiến thiết về sau đều là hưởng thụ phước đức chín muồi từ công đức vốn sẵn có ấy. Đạo tràng này chẳng cần chúng ta xây dựng. Vì sao? Tất cả các sự kiến thiết của chúng ta đều vì duy trì Phật pháp, duy trì thành tựu, duy trì một cơ chế chân thật mà thôi, là phước đức chín muồi mà thôi, chỉ là như thế đó thôi!

“*Chư hữu trọn đủ*” là một thứ tâm tham lam của hữu tình trong thế gian. Người như thế chẳng thể trì giới. Kinh thường nói: “*Ta phải viên mãn pháp thế gian, mà cũng phải viên mãn pháp xuất thế gian*”. Như thế thì có lẽ chúng ta chẳng thể thành tựu trong một đời được, cần phải nhiều đời nhiều kiếp mới dần dần thành tựu. Vì nhìn từ tướng nhân quả của thế tục thì sẽ là như thế. Nếu chúng ta muốn thành tựu pháp tắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ngay trong một đời, chớ nên giữ ý tưởng như thế. Nếu là có thể giữ, quý vị sẽ chẳng thể thành tựu được!

(Kinh) Bất khả dĩ xan lận bí pháp, nhi đắc Niết Bàn. Bất khả dĩ thâm trụ Phú Già La tướng, nhi hoạch đa văn.

(經)不可以慳吝祕法，而得涅槃。不可以深住富伽羅想，而獲多聞。

(Kinh: Chẳng thể do keo kiệt pháp bí mật mà đắc Niết Bàn. Chẳng thể do trụ sâu nơi ý tướng Phú Già La mà đạt được đa văn).

Dùng tâm dục của chúng sanh để mong đạt được đa văn, sẽ là chuyện chẳng thể được!

(Kinh) Bất khả dĩ phan duyên chư hạnh, nhi năng viễn ly chư sự.

(經)不可以攀緣諸行，而能遠離諸事。

(Kinh: Chẳng thể do nắm níu các hạnh mà có thể xa lìa các sự).

Đối với chuyện này, từ các pháp đối đãi, chúng ta có thể quan sát thấy.

(Kinh) Bất khả dĩ nhạo trước trụ xứ, nhi đắc chứng quả.

(經)不可以樂著住處，而得證果。

(Kinh: Chẳng thể do yêu chấp chỗ ở mà được chứng quả).

Trong Tứ Hướng và Tứ Quả nơi pháp Thanh Văn, Tứ Quả chẳng có sở chứng, chẳng có gì để đắc. Bỏ Tát từ Tín vị, Hiền vị, Trụ vị, Hạnh vị, cho đến các địa vị Hồi Hướng, cho đến Sơ Địa, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác, cũng chẳng chấp trước. Nếu có chấp trước, sẽ chẳng phải là quả vị.

Trong hữu tình thế gian, có kẻ nói: “Ta đã chứng quả”. Tôi nói [với người ấy]: “Quý vị hãy tìm Phật ấn chứng”. Chứng quả gì vậy? Vẫn là tự mình đạt được. Trong pháp “*chẳng có gì để đạt được*”, há có gì để chứng quả? Người ấy tâm đắm nhiễm, nhiễm ở chỗ nào? Ngõ là có sở đắc! Vì thế, người ấy sẽ bắt giữ một thứ gì đó. Nếu làm lạc hứa khả cho kẻ đó, kẻ đó sẽ gây nguy hại cho thế gian. Có người nói: “Tôi đối với chỗ nào đó có ngộ xứ”. Ngộ xứ có thể coi là giải ngộ, chứng ngộ, có thể

nương theo kinh điển, hoặc nương theo pháp tắc đề án khế, nhưng nếu nói chính mình chứng quả, điều này mười phần nguy hiểm! Hiện thời, cái tâm chứng quả (tức tự nghĩ là mình đã chứng quả chi đó) rất nhiều; có người cho rằng chính mình đã dự vào địa vị Bồ Tát chi đó. Tôi nói: “Quý vị chẳng cần nói chính mình là Bồ Tát, chẳng cần nói chính mình đã đăng địa! Quý vị chẳng biết chư vị Bồ Tát có thiện xảo to cỡ nào. Nếu hay biết, căn bản là quý vị sẽ chẳng ăn nói quàng xiên!” Vì Đẳng Địa Bồ Tát có vô lượng tam-muội thiện xảo cùng lúc hiện tiền, vô lượng tam-muội thiện xảo tự nhiên trọn đủ, vô lượng tam-muội thiện xảo tự nhiên vận dụng, vô lượng thần thông do đạt được hết thảy sức tự tại. Như Long Thọ Bồ Tát vừa mới nhập Hoan Hỷ Địa, liền tự đắc lực nơi trăm ngàn tam-muội. Khi thuyết pháp cho người khác, Ngài thường nhập Nguyệt Quang tam-muội, [người nghe] chỉ thấy ánh trắng thanh tịnh chiếu rọi, chẳng thấy thân Ngài. Chẳng phải là hễ quý vị nói chứng quả bèn chứng quả! Phải nên mười phần hiểu rõ chỗ này!

(Kinh) Bất khả dĩ tùy thuận tham ái, ly chư quá phi. Bất khả dĩ thường nhạo đấu tránh, thành tựu chư Nhân.

(經) 不可以隨順貪愛，離諸過非。不可以常樂鬥諍，成就諸忍。

(Kinh: Chẳng thể tùy thuận tham ái để lìa các lỗi sai. Chẳng thể do thường thích tranh đấu mà thành tựu các Nhân).

Trong Lục Độ, công đức của pháp Nhân Nhục thâm nhập, rộng rãi hơn so với Bồ Thí và Trì Giới, vì sao? Do thường chẳng tranh đấu, do hòa hợp với thế gian, do lợi ích hữu tình. Ở đây, tâm trí lợi ích dễ dàng hiện tiền. Có người bố thí mà cũng có thể đấu tranh, chẳng hạn như có tâm mong được đền đáp, có tâm mong thành tựu mà bố thí. Người như vậy sẽ nảy sanh tâm kiêu mạn, khiến cho các hữu tình mà kẻ ấy tiếp xúc cảm thấy hèn hạ, khiến cho trong tâm họ sanh ra áp lực, chẳng thoải mái. Có người trì giới mà cũng có thể đấu tranh, khiến cho kẻ được gọi là “*phạm giới*” sanh khởi lòng sợ hãi, thương tổn. Người thật sự trì giới sẽ khiến cho kẻ chẳng trì giới hoặc kẻ chẳng biết giới đạt được an vui. Vì sao? Do giữ lấy, hướng theo giới đức thì sẽ được an lạc. Nếu quý vị trì giới thì sẽ an lạc, điều phục, nhu thuận, sẽ là chẳng đắm nhiễm, tức là dùng Thi La Ba La Mật để đạt được hai pháp bi và trí. Như vậy thì kẻ

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

chẳng trì giới và kẻ phạm giới sẽ hướng đến giới pháp, chẳng sanh lòng sợ hãi đối với giới pháp. Rất nhiều người trì giới khiến cho kẻ khác sanh khởi sợ hãi. Như thế thì chẳng phải là Thi La Ba La Mật, chẳng thể thành tựu Thi La Ba La Mật thiện xảo. Do vậy, hễ thường đấu tranh, sẽ chẳng thể thành tựu Nhân Ba La Mật.

Trong các đối pháp ở đây, chúng ta có thể quán chiếu tâm trí của chính mình mười phần rõ ràng. Hiện thời, có người nói chính mình có bản lãnh to nhiều, nhưng thường thích tranh đấu, chẳng có gì vẫn bới ra chuyện để tranh chấp, vô duyên cứ bới ra chuyện. Tôi cảm thấy mọi người phải nên ngăn trở hạng người ấy, hoặc là xa lìa sự tương, hoặc là khuyến hóa hạng người đó đừng ham sanh sự, vì ham thích sanh sự là khổ nạn. Đối với kẻ ham thích sanh sự, mọi người phải tận lực giúp đỡ kẻ đó, tập thể giúp đỡ, tập thể quan tâm, yêu mến kẻ đó. Khi kẻ đó sanh sự, lập tức dẹp yên, đừng để cho các chuyện ấy lan truyền, vì truyền bá các chuyện ấy sẽ rất khổ; nhất là khi truyền bá càng nhiều, càng mạnh mẽ, sẽ thương tổn cả mình lẫn người. Vì thế, “*vốn vô sự*” chính là sự an trụ thanh tịnh trong Phật pháp. “*Vốn nhàn*” là sự an trụ chân thật trong Phật pháp. Như vậy thì mới có thể lợi ích rộng khắp hữu tình, hiệp trợ đạo tràng, thành tựu đạo nghiệp. Nếu trong tâm tung bưng nhón nháo, náo nhiệt, chẳng có chuyện gì cứ bới ra chuyện. Hễ có chuyện bèn làm lớn chuyện, khiến cho mọi người bất an. Đối với người như thế, mọi người hãy nên tôn trọng, yêu mến, che chở, giúp đỡ kẻ đó, bất luận là ai. Vì chuyện như thế nếu quá nhiều, mọi người sẽ chịu chẳng nổi!

Đối với bậc trí, có thể ngay lập tức xử lý thị phi. Vì sao? Do tâm trí của bậc trí vô nhiễm. Đối với chuyện đúng hay sai, chúng ta dựa theo sự tương để xử lý là được rồi. Xử lý như thế nào? Chúng ta khiến cho hữu sự trở thành vô sự là được rồi, chẳng còn so đo chuyện ấy, chớ nên tranh chấp chuyện ấy! Chẳng tranh chấp, nhưng cần phải điều chỉnh. Có người biện giải nói chính mình chẳng có chuyện ấy. Đó là do chẳng tự xét mình, chẳng sanh khởi tâm thương xót chúng sanh. Đối với chúng sanh gây chuyện, chúng ta đều phải nên thương xót. Ai gây chuyện, mọi người đều nên thương xót kẻ đó. Do kẻ đó ngu si, điên đảo, do tâm trí tối tăm, mê muội. Tối thiểu là kẻ đó chẳng từ bi đối với chính mình, chẳng từ bi đối với người khác. Vậy thì mọi người chúng ta đều phải nên từ bi đối với kẻ như thế, thương xót kẻ như thế, thông cảm với kẻ như thế, ban cho kẻ đó một không gian rộng lớn, bảo kẻ đó thật sự là chẳng có chuyện gì. Cái tâm [khoan dung] ấy sẽ khiến cho sự nóng nảy, bực bội của mọi người sẽ lắng xuống; nhưng nếu quý vị tranh biện với kẻ đó, sẽ đúng là

chẳng có trí, mà cũng chẳng có bi. Như thế sẽ khiến cho một cuộc tranh cãi mới nổ ra! Vì thế, nếu đã có chuyện, mọi người lập tức xử lý, chẳng cần biện bác! Hễ cần điều chỉnh liền điều chỉnh. Điều chỉnh như thế nào? Để cho người có chuyện sẽ nêu ra, chúng ta sẽ điều chỉnh. Quý vị chẳng cần biện bác, bào chữa chính mình chẳng có chuyện ấy. Nếu biện bác, sẽ sanh ra đấu tranh, như thế thì mọi người cư xử với nhau sẽ mười phần gian nan. Vì thế, người trí chẳng biện bác. Do người trí vô nhiễm, cho nên chẳng dây dưa ở chỗ này.

Vẫn hy vọng mọi người thật sự thành tựu đạo nghiệp, chẳng phải là thành tựu “*ai lớn, ai nhỏ, ai đúng, ai sai, ai mạnh, ai yếu*”. [Tranh biện] kiểu đó vô ích, chẳng phải là Phật pháp. Do vậy, khi có đấu tranh thị phi, mọi người hãy cùng nhau yêu thương, che chở kẻ gây thị phi, mỗi người tạo cho kẻ ấy đôi chút cảm giác không thị phi là được rồi. Kẻ đó có thị phi, quý vị chẳng có thị phi là được rồi. Quý vị chẳng chấp trước vào đó, chuyện sẽ qua! Nếu thật sự cần phải giải quyết, vậy thì giải quyết là xong. Chúng ta học Phật, nhất định phải khéo quan sát, khéo nhận biết, khéo thành tựu!

(Kinh) Bất khả dĩ thường hành ác nghiệp, nhi đắc thiện quả.

(經)不可以常行惡業，而得善果。

(Kinh: Chẳng thể do thường tạo ác nghiệp mà đạt được thiện quả).

Kẻ chuộng thị phi là kẻ hành ác nghiệp, vì nhiều thị phi thì sẽ bị xâm hại nhiều. Nếu tâm trí thanh nhàn, xa lìa thiện ác, sẽ là tướng giải thoát. Nếu tướng thường làm việc thiện pháp, thì là lạc tướng. Nếu thường từ bi lợi ích rộng khắp hữu tình, đẹp khổ, ban vui, tức là tướng từ bi. Nếu chẳng nhiễm, chẳng chấp trước, thì là tướng trí huệ. Chúng ta dùng tướng gì vậy? Nếu chuộng đấu tranh, khiến cho người khác sợ hãi, khiến cho tâm người khác bất an, đây thật sự là tướng ngu si, tướng ác nghiệp. Kẻ đó sắp bị rơi xuống giếng, mọi người hãy cấp tốc chìa tay giúp đỡ. Hãy nên giúp đỡ người như thế, chớ nên tranh luận với họ!

(Kinh) Bất khả dĩ Thanh Văn thừa nhân, nhi chứng Bồ Tát Niệm Phật tam-muội.

(經)不可以聲聞乘人，而證菩薩念佛三昧。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

(Kinh: Người thuộc Thanh Văn Thừa chẳng thể chứng Bồ Tát Niệm Phật tam-muội).

Hữu tình thuộc Thanh Văn Thừa chẳng thể thấy pháp tánh và Phật tánh, chỉ tùy thuận tịch diệt, chẳng hiểu rõ Phật tánh. Nếu thấu đạt Phật tánh, sẽ tiến nhập tâm trí rộng lớn của giáo ngôn Đại Thừa. Đó là sự sai biệt thuộc về cơ chế ngôn giáo.

(Kinh) Diệc bất khả đắc chư Bồ Tát nhẫn.

(經)亦不可得諸菩薩忍。

(Kinh: Cũng chẳng thể đắc các môn nhẫn của Bồ Tát).

Nếu chúng ta vẫn chìm đắm trong thị phi, vẫn tranh chấp thiện ác, sẽ lìa khỏi Phật pháp quá ư là xa! Do vậy, chúng ta chớ nên đưa Phật pháp lên cao chót vót rồi chẳng dùng đến. Nếu như vậy, rất đáng tiếc. Chúng ta phải vận dụng Phật pháp vào tâm trí, sanh mạng, và nghiệp duyên của chính mình. Nghiệp phiền não đưa đến, vừa khéo vận dụng Phật pháp. Hữu tình gặp phải khổ não đưa đến, vừa khéo vận dụng Phật pháp. Có kẻ nói chuyện thị phi, vừa khéo vận dụng Phật pháp, chẳng nhiệm, chẳng chấp trước. Nếu đối phương cưỡng chấp, ắt thương xót hỏi thí, hãy nên dẹp trừ, cứu vớt sự khổ ấy, khiến cho kẻ đó an vui. Kẻ nói thị phi quá khô, kẻ tạo thị phi càng khổ hơn. Kẻ cưỡng chấp thị phi, truyền đạt thị phi, chính là bị Khổ Khổ bức bách! Các vị thiện tri thức ơi! Chúng ta thấy rõ mà cũng cảm nhận rõ rệt chuyện này. Khi mọi người cộng trụ (cùng ở chung một chỗ), nếu ai nấy đều tiêu trừ thị phi, ai nấy đều tiêu trừ đắm nhiễm, mọi người đều là đạo hữu. Nếu ai nấy tranh nhau nói thị phi, nói thiện, nói ác, mày, tao, người nọ, kẻ khác, như thế thì chắc chắn sẽ xảy ra vấn đề. Vấn đề gì vậy? [Chỗ cộng trụ của] mọi người chẳng phải là đạo tràng, mà là đấu tranh tràng, xa lìa Phật pháp, chẳng mảy may liên quan đến Phật pháp. Chúng ta tiêu diệt Phật pháp, hay kiến lập lợi ích của Phật pháp? Hãy khéo tư duy, khéo quan sát chỗ này.

“*Bồ Tát nhẫn*” là lúc nghịch hại bèn lợi ích rộng khắp hữu tình. Chúng ta đọc câu chuyện của vua Ca Lợi, trong lúc tu nhân, đức Thế Tôn đã bị vua Ca Lợi cắt đứt chân tay. Đức Thế Tôn bảo nhà vua: “*Sau khi ta chứng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, sẽ độ ngươi đầu tiên*”. Đó chính là chư Phật, Bồ Tát hành nhẫn vậy!

(Kinh) Diệt bất khả dĩ tạt đồ thủ trước, nhi đắc Không tam-muội.

(經)亦不可以嫉妒取著，而得空三昧。

(Kinh: Cũng chẳng thể do ghen ghét, chấp trước mà đắc Không tam-muội được).

Tức là giải thoát tam-muội của ba môn tam-muội Không, Vô Tướng, Vô Nguyện. Hoặc dùng Không tam-muội, hoặc dùng Vô Tướng tam-muội, hoặc dùng Vô Nguyện tam-muội mà đạt được ba môn giải thoát. Nói “*giải thoát*” tức là công đức chân thật, chẳng đắm nhiễm, chẳng chấp trước, chẳng vướng mắc. Có thể hành tam-muội như thế hay không? Thường tư duy, chánh quan sát, thuận theo pháp tánh để quan sát, sẽ đạt được sức tam-muội ấy!

(Kinh) Diệt bất khả dĩ hành ái dục, nhi nhập Xa-ma-tha.

(經)亦不可以行愛慾，而入奢摩他。

(Kinh: Cũng chẳng thể do hành ái dục mà nhập Chỉ).

Tức là chẳng thể thành tựu Chỉ Quán, trong cách nói của Đại Thừa bèn tuyên nói như thế. Nói “*ái dục*” tức là tri kiến, tri kiến điên đảo của chúng sanh, sanh khởi từ tâm trí thiếu sót, là sự đắm nhiễm kéo dài. “*Chỉ*” là Chỉ trong “*chỉ ác dương thiện*” (止惡揚善, dứt điều ác, tuyên dương điều thiện), tự nhiên thành tựu Tỳ-bà-xá-na chẳng thể nghĩ bàn, tức pháp tắc thuộc về trí huệ hạnh và trí huệ quán. Do Chỉ Quán mà có thể nhập trí quán, khiến cho mọi người sanh chánh kiến, chánh niệm, đạt được tâm trí trí huệ.

(Kinh) Diệt bất khả dĩ giải đãi, lãn nọa, chứng chư thánh đạo.

(經)亦不可以懈怠懶惰，證諸聖道。

(Kinh: Cũng chẳng thể dùng giải đãi, lười nhác để chứng các thánh đạo).

Đây là lời dạy mười phần đơn giản, rõ ràng. Từ lời dạy đối với pháp này, chúng ta có thể khéo ẩn khế tự tâm, trọn chẳng thể dùng tri kiến tự đại, tự phụ để ẩn khế tự tâm. Đó là chẳng tương ứng.

(Kinh) Nãi chí bất khả dĩ bất xả dị niệm chư vật, nhi năng thành tựu tư duy dã.

(經)乃至不可以不捨異念諸物，而能成就思惟也。

(Kinh: Cho đến chẳng thể do không xả ý niệm khác về các vật mà có thể thành tựu tư duy được).

Sự tư duy này là chánh tư duy. Nếu chẳng tùy thuận tri kiến của Như Lai để chánh tư duy, tri kiến mà chúng ta nương vào đều là tư duy bất chánh! Nếu là tư duy bất chánh, sẽ tạo thành cái gọi là “tà kiến vọng tưởng”. Nếu chánh tư duy, chánh ngữ tất nhiên hiện tiền, chánh nghiệp và chánh mạng tất nhiên thành tựu. Do sanh ra chánh niệm, sẽ có chánh định và chánh trí. Vì thế, tự nhiên thông suốt Bát Chánh Đạo, một mực thủ hộ.

(Kinh) Hiền Hộ! Thị cố, ngã kim dĩ thử tam-muội, phó chúc thế gian chư thiên vương bối, thọ trì, thủ hộ, diệc phó u nhữ, đương lai tuyên bố, vật linh đoạn tuyệt.

(經)賢護！是故，我今以此三昧，付囑世間諸天王輩，受持守護，亦付於汝，當來宣佈，勿令斷絕。

(Kinh: Nay Hiền Hộ! Vì thế, ta nay đem tam-muội này phó chúc cho các vị thiên vương trong thế gian thọ trì, thủ hộ, cũng giao phó cho ông tuyên diễn, lưu truyền trong tương lai, đừng để đoạn tuyệt).

Ở đây, đức Thế Tôn căn dặn các vị thiên vương. Đối với đạo tràng Ban Châu này, rất nhiều vị có Thiên Định thường quán nơi này, yêu mến, bảo vệ nơi này. Mọi người tự giác hoặc không tự giác từ các nơi trên toàn quốc gạt bỏ mọi việc, buông xuống thân tình để đến đạo tràng này, cũng phần nhiều là được các vị thiên thân, long thiên hộ pháp, thiện tri thức gia trì, mới có sức đến đây. Nếu chỉ dựa vào nghiệp duyên của chính mình, chắc là người tìm đến rất thưa thớt! Đây là nói như thật. Nếu quý vị cho rằng [nói như vậy] là khoa trương, thì đó là khoa trương. Nếu chẳng cho đó là khoa trương, tức là quý vị có thiện căn.

Đức Thế Tôn căn dặn các vị thiên vương, vì so với các hữu tình trong thế tục, so với các loại phàm phu hữu tình, thiên vương vẫn có oai đức hơn. Chư thiên hộ pháp muốn ảnh hưởng đến huyền mộng của nhân

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

loại, cho đến tạo nghiệp hết sức thiện xảo, đối với họ, [thực hiện các điều đó] rất đơn giản. Vì thế, trong quá khứ có Lục Niệm, tức “*niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Huệ, niệm Tử, niệm Thiên*”. Người tại gia đều niệm phước đức của chư thiên, vì sao? Vì loại thiên chúng ấy phần nhiều được bậc Thập Địa Bồ Tát thủ hộ, ứng hóa trong thế gian, chư Phật phần nhiều giao phó [việc hộ pháp] cho họ.

“*Chúc lụy*” (囑累) chính là căn dặn, truyền đạt, giao phó quý vị: Quý vị phải thủ hộ khiến cho pháp tắc này tiếp tục tồn tại. Ở đây, đức Thế Tôn là căn dặn Hiền Hộ Bồ Tát truyền đạt pháp tắc này, khiến cho nó được tồn tại lâu dài. Hiền Hộ Bồ Tát là vị đứng đầu truyền đạt giáo ngôn này trong năm trăm vị tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, cũng như là Thượng Thủ của mười sáu vị Chánh Sĩ, tám vị Đại Sĩ. Vì thế, đức Phật căn dặn vị này (Hiền Hộ Bồ Tát), thay vì căn dặn năm trăm tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di hoằng truyền pháp này, mà cũng là căn dặn tám vị Đại Sĩ, mà cũng là căn dặn mười sáu vị Chánh Sĩ. Hơn nữa, đức Thế Tôn minh xác căn dặn các vị thiên vương, họ cũng là người đại diện. Đức Thế Tôn dùng chư thiên để đại diện thiên long bát bộ, cho đến hàng nhân phi nhân, khiến cho họ thủ hộ rộng lớn.

(Kinh) U thị, Thế Tôn thuyết tư pháp thời, hữu bát na-do-tha Dục Sắc Giới chư thiên tử, giai phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm.

(經)於是，世尊說斯法時，有八那由他欲色界諸天子，皆發阿耨多羅三藐三菩提心。

(Kinh: Ngay lúc đó, khi đức Thế Tôn nói pháp ấy, có tám na-do-tha các vị thiên tử trong Dục Giới và Sắc Giới đều phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm).

Đối tượng để tuyên nói trong kinh Đại Tập là hai cõi Dục Giới và Sắc Giới, chẳng tuyên nói trong Vô Sắc Giới.

Đại Tập bao gồm hai ý:

- Một là chỉ hữu tình trong hai cõi Sắc Giới và Dục Giới, tuyên nói trong hàng trời, người.

- Một ý nghĩa khác là nói đến chuyện mọi người tu tập nghe pháp, như đã trần thuật trong Tự Phần của kinh này: Chư thiên, các vị thánh nhân, các tỳ-kheo, các vị trưởng giả, con của các vị trưởng giả, quốc

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

vương, chúng tánh Bà La Môn, chúng tánh Sát-đế-lợi, nhân phi nhân v.v... Các loại chúng sanh tập hợp tại Trúc Lâm Tinh xá, nghe đức Thế Tôn tuyên nói giáo ngôn rất sâu này, dự vào chỗ tụ tập to lớn này.

Hai ý nghĩa của Đại Tập được nêu rõ ở đây!

(Kinh) Phục hữu vô lượng bách thiên nhân, diệc phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm. Nhiên nhi tư bối, giai ư vị lai quá Hằng sa kiếp, tận đắc thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, giai đồng nhất hiệu, danh Chánh Giải Thoát Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, trụ thế giáo hóa, thọ mạng diệc đẳng.

(經)復有無量百千人，亦發阿耨多羅三藐三菩提心。

然而斯輩，皆於未來過恆沙劫，盡得成就阿耨多羅三藐三菩提，皆同一號，名正解脫如來、應供、等正覺，住世教化，壽命亦等。

(Kinh: Lại có vô lượng trăm ngàn người cũng phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Nhưng những người ấy, trong vị lai, qua khỏi Hằng sa kiếp, trọn hết đều được thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, đều có cùng một hiệu là Chánh Giải Thoát Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, trụ thế, giáo hóa, thọ mạng cũng như nhau).

Giống như trong kinh Vô Lượng Thọ đã thọ ký danh hiệu Diêu Âm Như Lai. Người niệm Phật, người tu trì pháp tác rộng lớn này, luôn cùng một ngàn vị Phật chẳng hề trở ngại lẫn nhau, ai nấy đều thành Phật, lợi ích hữu tình rộng khắp. Sự giáo hóa và lợi ích của các Ngài thật sự là như thế, giống như huấn luyện tập thể, chẳng ảnh hưởng tới chuyện quý vị thành Phật. Nếu quý vị nói: “Mọi người đều đã thành Phật, tôi chẳng thành Phật”, đó là nghiệp ngu si, tâm ngu si, hạnh điên đảo. Dầu cho vô lượng chúng sanh thành Phật, ta vẫn thành Phật. Vì sao? Vì đây là pháp tác bản chất, chẳng phải là nghiệp duyên hư vọng.

(Kinh) Hiền Hộ! Dĩ tư sơ phát Bồ Đề tâm cố.

(經)賢護！以斯初發菩提心故。

(Kinh: Này Hiền Hộ! Do những người ấy mới phát Bồ Đề tâm).

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

“*Tư sơ phát Bồ Đề tâm*” (Những người đó mới phát Bồ Đề tâm). Vì sao? Vì gặp pháp này và giáo ngôn này. Nay chúng ta cũng gặp đức Thế Tôn nói pháp như thế, giáo ngôn như thế, chúng ta có phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề hay không? Phần văn tự sau đó đúng là đã khích lệ chúng ta cũng phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm, cũng tức là cái tâm Vô Thượng Chánh Đăng Chánh Giác, xa lìa siểm khúc, xa lìa tri kiến đối đãi tự tha, xa lìa thương tổn. Người học Phật nhất định chớ nên thương tổn chính mình. Nói “*gạt bỏ tự ngã*” chẳng phải là tự hại. Nếu cưỡng chấp tự ngã, cho là có ngã, nhất định sẽ tự tàn hại chính mình, hoặc bị hại vì thiện pháp, hoặc do vì [chấp trước] nặng nề mà bị hại, hoặc bị ác pháp hại, các thứ nguy hại đều gây nguy hại cho chính mình.

Chư vị thiện tri thức hãy khéo học Phật pháp, xa lìa cái gọi là “*tổn hại tự ngã*”, tức cưỡng chấp tự ngã. Hai gánh nặng của chúng ta, một là gánh nặng trần bảo, tức là quý vị tự cho rằng chính mình luôn đúng. Thứ kia là gánh nặng rác rưởi, tức quý vị cho rằng người khác đều sai be bét. Hai gánh nặng ấy sẽ đè chết người. Xưa kia, người Hoa có nói: “*Thôi thiên liễu tam tòa đại sơn*” (Xô đổ kèn ba quả núi lớn). Trên thực tế, nay thân chúng ta bị đè bởi hai quả núi:

- Một là những thứ trần bảo do chính mình thâm thập, chẳng hạn trần bảo “ngỡ chính mình là đúng”, trần bảo chánh kiến, trần bảo “ngỡ là có sở đắc”, chẳng phải là những thứ tốt đẹp, quý vị tuyệt đối chẳng thâm thập. Các thứ trần bảo ấy là một quả núi to, ở bên vai trái của quý vị.

- Thứ kia là những điều xấu xa của kẻ khác: Người khác ác, người khác đúng, người khác sai, không ngừng thâm gom. Sau đây, đúng là hai vai mỗi bên đều nặng trĩu, chẳng biết nó sẽ đè sụm chính mình hay không? Quý vị gồng gánh lâu ngày, khi sụm xuống sẽ khổ lắm!

Tác phẩm *Phù Bản Truyện* (蜉蝣傳) của Liễu Tông Nguyên¹³ nhằm khen ngợi, ca tụng loại người ấy, nhưng người như thế ở quanh ta

¹³ Liễu Tông Nguyên (773-819), tự là Tử Hậu, là một văn học gia, tư tưởng gia thời Đường. Ông quê Hà Đông, tỉnh Sơn Tây, làm quan đến chức Giám Sát Ngự Sử đời Đường. Do tích cực tham dự cuộc cách tân do Vương Thúc Văn đề xướng dưới đời Đường Thuận Tông (bãi bỏ quy chế cho phép thái giám can dự triều chính, trừ bỏ các phe đảng thái giám trong triều đình, bỏ chế độ tiến cống, bãi bỏ nữ nhạc v.v...) Cuộc cách tân thất bại, ông bị biếm làm Tư Mã Vĩnh Châu (Hò Nam), rồi bỏ làm Thứ Sử Liễu Châu (nay thuộc Quảng Tây) và mất tại đó. Ông để lại tác phẩm *Liễu Hà Đông Tập* (45 quyển) và *Cổ Kim Thi* (gồm 140 bài). Thơ của ông được khen ngợi là tình cảm chân thành, thi pháp điêu luyện, có nhiều bài phê phán hiện thực xã

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

quá nhiều, chính là “*hễ gặp vật gì bèn còng lưng cõng*”. Gặp thứ gì cũng đều tự mình bắt lấy, để làm gì? Vác nặng mà đi, trọn chẳng vứt bỏ, bị đẽ sụm mới thôi! Sau đó trèo lên cao, để làm gì? Ngã chết mới thôi! Người học Phật kiêu đó đúng là đáng thương. Vì thế, “*người ấy mang tiếng là danh nhân, thật ra là tiểu trùng mà thôi!*” Mọi người hãy đọc [tác phẩm ấy], hãy nên tự răn nhắc chính mình. Nếu chúng ta nay thật sự do nhân duyên này mà phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm, sẽ xa lìa hết thảy các chuyện trái lương tâm, tức là chuyện nguy hại cho tự ngã, bỏ lìa Ngã Chấp, tức tình kiến của chúng sanh, cũng chính là “*Phú-già-la kiến*” đã nói trong phần trước. Cái chúng sanh kiến này chính là vấn đề đầu tiên phải giải quyết trong Phật pháp, nhưng đối với khá nhiều hữu tình chẳng có tri kiến chánh đáng, đó là chương ngại đầu tiên: “Chỉ có ta đúng, kẻ khác sai bét”, chẳng có lời thứ hai nào! Tất cả hành pháp đều vây quanh hai chữ “đúng, sai”, một đằng là ta, đằng kia là kẻ khác. Ta đúng, kẻ khác sai. Hai thứ đối ứng ấy chẳng hề lìa bỏ, quá nặng nề! Tôi cảm thấy mọi người hãy nên che chở người như vậy, mạnh mẽ che chở. Vì sao? Người như vậy quá khổ, tạo nghiệp vô lượng, chẳng thể tu tập Phật pháp, lại còn chẳng thể phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm, đáng tiếc! Ở đây, kinh văn cổ vũ chúng ta phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm.

(Kinh) Thượng đắc như thị vô lượng công đức, cụ túc thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Huống phục ngã tích hành Bồ Đề thời, cúng dường ngã giả, bỉ ninh bất tốc thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề dã!

(經)尚得如是無量功德，具足成就阿耨多羅三藐三菩提。況復我昔行菩提時，供養我者，彼寧不速成就阿耨多羅三藐三菩提也！

(Kinh: Còn đạt được vô lượng công đức như thế, thành tựu đầy đủ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Huống hồ những người trong khi ta hành Bồ Đề xưa kia, đã từng cúng dường ta, há họ chẳng nhanh chóng thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ư!)

hội thối nát thời bấy giờ. Ông được coi là người có ảnh hưởng mạnh nhất đến sáng tác văn xuôi của Trung Hoa.

Nếu trong quá khứ có thiện căn, gặp được giáo ngôn như vậy, chỉ là Sơ Phát Tâm Bồ Đề mà có thể đạt được cái quả như thế. Huống hồ những người đã từng cúng dường đức Thế Tôn khi Ngài ứng thế? Do thiện căn rộng lớn ấy, quyết định xa lìa khổ nạn, xa lìa điên đảo, xa lìa tự hại và hại người khác, phát tâm Bồ Đề thanh tịnh, chính là tâm Bồ Đề vô nhiễm, Thắng Nghĩa Đé Bồ Đề tâm, chẳng tạo tác Bồ Đề tâm. Nếu là tạo tác Bồ Đề tâm, sẽ thế nguyện lợi ích hữu tình rộng lớn, chẳng nhiễm, chẳng chấp trước. Đó là lập thế nguyện rộng lớn trong tạo tác Bồ Đề tâm phần, đại thế nguyện gì vậy? “*Chúng sanh độ hết, mới thành Phật đạo. Chúng sanh vãng sanh, ta thành Bồ Đề*”. Đây là thật sự lấy Phật nguyện làm nguyện của chính mình, phát thế nguyện rộng lớn, yêu mến thế gian. Nếu nương theo nguyện như vậy, chúng ta có phiền não gì? Có thị phi gì? Có thống khổ gì? Có gì chẳng thể chịu đựng? Quý vị có thể khéo quan sát, khéo tư duy.

(Kinh) Hiền Hộ! Phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh, văn thuyết thủ pháp đắc tịnh trí nhĩn.

(經)賢護! 復有無量無邊衆生, 聞說此法得淨智眼。

(Kinh: Nay Hiền Hộ! Lại có vô lượng vô biên chúng sanh, nghe nói pháp này, bèn đạt được pháp nhĩn thanh tịnh).

“*Đắc tịnh trí nhĩn*” tức là đạt được Pháp Nhĩn tịnh, mở bừng con mắt thanh tịnh, sạch lâu chẳng có một vật nào để có thể thành, chẳng có một pháp nào để có thể đạt được. Vì thế, đối với người tâm trí an lạc, đối với tất cả các vật trông thấy, đều chẳng sanh phiền não. Tất cả đó kỵ, phiền não, thị phi, nhân ngã lập tức tiêu tan trong trí nhĩn thanh tịnh. Vì tâm chẳng thanh tịnh, mắt chẳng thanh tịnh, sự tướng cũng chẳng thanh tịnh. Do tâm thanh tịnh, mắt thanh tịnh, y phục thanh tịnh, các nhân duyên chung quanh an lạc thanh tịnh.

Chư vị thiện tri thức! Chúng ta tới đây, khẳng định là để học Phật pháp, tu tập Phật pháp, thành tựu Bồ Đề, tự lợi lẫn lợi tha, nhất định phải nhận rõ mục tiêu này. Nếu chẳng nhận rõ, sẽ bị khá nhiều ác duyên nghiệp tập của chính mình xâm hại đạo tràng. Vì thế, chúng ta ngàn dặm xa vò vọi, muôn dặm thăm thăm đến nơi đây, phải nên phát khởi sự thủ hộ thanh tịnh đối với đạo nghiệp, tu tập thanh tịnh, phát nguyện thanh tịnh để thủ hộ đạo tràng, yêu mến đạo tràng. Đừng gieo quả báo xấu ác phá diệt đạo tràng. Rất nhiều kẻ chẳng biết, làm tưởng là đúng. Quả báo

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

ấy rất thâm. Vì thế, các vị thiện tri thức ơi! Yêu mến và bảo vệ đạo tràng rất trọng yếu, thủ hộ đạo tràng rất trọng yếu, có thể đạt được thiện xảo thanh tịnh nơi đạo nghiệp. Do vậy, rất là trọng yếu.

(Kinh) Phục hữu bát bách chư tỳ-kheo đẳng, u chư lậu trung, tâm đắc giải thoát.

(經)復有八百諸比丘等，於諸漏中，心得解脫。

(Kinh: Lại có tám trăm vị tỳ-kheo, đối với các lậu, tâm được giải thoát).

Tham, sân, si, mạn, nghi, tri kiến chẳng chánh đáng, cho đến các Tỳ phiền não của chúng ta, đều là nghiệp tương hữu lậu, là tâm trí đối đãi, đều là hữu lậu trong tâm trí sanh diệt! Thuở đức Thế Tôn tại thế, các phạm phu hữu tình nơi nơi cũng đều là như thế, nhưng khi nghe chánh pháp, họ sẽ thuận theo pháp mà hành, thuận theo pháp mà tư duy, thuận theo pháp mà tu trì, thuận theo pháp mà chứng đạo, thành tựu Bồ Đề. Khi nghe pháp, chúng ta phải nên quan sát như thế nào? Tư duy như thế nào? Hành trì như thế nào? Vẫn cần mọi người phải xét kỹ từ chánh diện.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn vị trùng minh thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn: - Thùy đương thọ trì thử tam-muội, bỉ u phước tụ bất khả lượng.

(經)爾時，世尊爲重明此義，而說偈言：「誰當受持此三昧，彼於福聚不可量。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn vì nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Ai sẽ thọ trì tam-muội này, người ấy khối phước chẳng thể lường).

Thật sự khích lệ chúng ta: “Thùy đương thọ trì thử tam-muội” (Ai sẽ thọ trì tam-muội này), khẳng định là đại chúng hiện tiền! Người sẽ phát, đã phát, hãy nên phát nguyện, hãy nên thủ hộ như thế, hãy nên tu tập như thế. “Bỉ u phước tụ bất khả lượng” (Người ấy khối phước chẳng thể lường): Chẳng phải là đức Thế Tôn dùng khối phước để dụ chúng ta tiến nhập pháp tắc, mà thật sự là phước đức và nhân duyên như thế, quả

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

thật là công đức và lợi ích chân thật. Quý vị có thể tu tập, có thể quan sát, có thể thủ hộ.

(Kinh) Tư đẳng giới hạnh vô trần cấu, bốn tâm thanh tịnh do như kính.

(經)斯等戒行無塵垢，本心清淨猶如鏡。

(Kinh: Bốn họ giới hạnh chẳng trần cấu, bốn tâm thanh tịnh ví như gương).

Do bốn tâm thanh tịnh, có thể trì các giới hạnh. Do có thể trì các giới hạnh, bốn tâm thanh tịnh. Vì sao? Do pháp tương ứng.

(Kinh) Thùy đương thọ trì thị tam-muội, đa văn thâm quảng vô biên nhai.

(經)誰當受持是三昧，多聞深廣無邊崖。

(Kinh: Ai sẽ thọ trì tam-muội này, đa văn sâu rộng không ngăn mé).

Ai thọ trì thì người ấy đạt được lợi ích. Đức Thế Tôn nói chân thật như thế, trực tiếp thúc đẩy chúng ta tiến nhập lợi ích của pháp tắc này.

(Kinh) Trí huệ tự nhiên vô khuyết giảm, công đức thịnh mãn nhược minh nguyệt.

(經)智慧自然無缺減，功德盛滿若明月。

(Kinh: Trí huệ tương ứng chẳng khuyết giảm, công đức tràn đầy như trăng sáng).

Đây là đối trước người thọ trì tam-muội mà trực tiếp tán thán, hứa khả, và ấn khế lợi ích của nó.

(Kinh) Thùy đương thọ trì thị tam-muội, đắc đồ chư Phật bất tư nghị. Trí huệ quán sát hy hữu pháp, bất tư nghị nhân giai thủ hộ.

(經)誰當受持是三昧，得睹諸佛不思議。智慧觀察希有法，不思議人皆守護。

(Kinh: Ai sẽ thọ trì tam-muội này, được thấy chư Phật chẳng nghĩ bàn. Trí huệ quan sát pháp hy hữu, người chẳng nghĩ bàn đều thủ hộ).

“*Bất tư nghị nhân giai thủ hộ*” (Người chẳng nghĩ bàn đều thủ hộ): Nói đến “*tư nghị*”, con người phần nhiều là nghĩ bàn tà kiến, nghĩ bàn ác kiến, tức là nghĩ bàn do cưỡng chấp Ngã. Nghĩ bàn cưỡng chấp sẽ rất đau khổ. Vì sao? Do chẳng có trí huệ. Dùng cái tâm đắm nhiễm để quan sát, rất đau khổ! Dùng cái tâm thanh tịnh vô nhiễm để quan sát, người ấy sẽ được giải thoát, trụ trong an lạc. “*Trí huệ quán sát hy hữu pháp*” (Dùng trí huệ quan sát pháp hiếm có): Tức là quan sát thanh tịnh, chẳng nhiễm, chẳng chấp trước, quan sát rộng lớn chẳng nhiễm, chẳng chấp trước, quan sát rất ráo chẳng nhiễm, chẳng chấp trước. Do đó, “*trí huệ quán sát hy hữu pháp, bất tư nghị nhân giai thủ hộ*” (trí huệ quan sát pháp hiếm có, người chẳng nghĩ bàn đều thủ hộ): Trí huệ vốn chẳng suy nghĩ, bàn luận pháp chẳng nghĩ bàn, nhưng do tập quán tư duy hư vọng của chúng sanh, đức Thế Tôn mới nói trí bất tư nghị, nói ra pháp tắc bất tư nghị, nói thiện xảo bất tư nghị, khiến cho chúng sanh tùy thuận tiến nhập.

(Kinh) Thùy thường thọ trì thử tam-muội, tăng kiến vô lượng chư Thế Tôn.

(經)誰常受持此三昧，曾見無量諸世尊。

(Kinh: Ai từng thọ trì tam-muội này, từng thấy vô lượng các Thế Tôn).

Đức Thế Tôn không ngừng nêu ra “*ai thường thọ trì tam-muội này*”, chính là không ngừng nhắc nhở chúng ta. “*Tăng kiến vô lượng chư Thế Tôn*” (Từng thấy vô lượng các Thế Tôn): Đây cũng là thọ ký. Nếu là người thọ trì tam-muội này, [người ấy đã] từng thấy vô lượng các đức Thế Tôn. Chúng ta gặp gỡ pháp tắc tam-muội như vậy, quả thật có thiện căn đã từng gặp vô lượng chư Phật. Nếu quý vị không tin, có thể đọc lời thọ ký trong kinh điển. Nếu quý vị nói: “Ta chẳng tin lời Phật”, vậy thì chẳng cần xưng mình là Phật tử nữa, quý vị đang chống trái Phật. Nếu chống trái Phật mà vẫn nói “ta đang học Phật”, sẽ quá đau khổ! Có kẻ không chỉ chống trái Phật, mà còn biến đổi Phật, thậm chí toan vượt hơn Phật. Trong giới cư sĩ lẫn người xuất gia, đều có kẻ nói sẽ “vượt xa Phật”. Vì sao? Chẳng lấy giáo ngôn của Phật làm pháp tắc, chỉ do tâm trí

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

cuồng vọng của chính mình mà nói “Phật nói như thế này, Phật nói như thế nọ”, đều là nói cưỡng chấp. Đức Phật nói lời thanh tịnh, lời từ bi, lời phương tiện, lời lợi ích rộng khắp, lời lợi ích chúng sanh, lời khiến cho chúng sanh lia khô, được vui, còn loại hữu tình ấy (hữu tình toan vượt hơn Phật) nói gì? Lời điên đảo, lời cuồng vọng, lời tăng thượng mạn, lời khiến cho chúng sanh mê mât và sợ hãi. Loại hữu tình ấy tuy nói xoen xoét là học Phật, thật ra chẳng phải là người trong Phật pháp. Chúng ta biết: Người nhập chủng tánh Phật, Tín Nhân, Thuận Nhân, sẽ cùng lúc được thấy, vì tôn trọng, yêu thích hữu tình, tôn trọng pháp tánh, biết hết thấy chúng sanh vốn là Phật, cho nên có thiện xảo Tín Nhân và Thuận Nhân. Pháp Tịnh Độ nói về thanh tịnh, bình đẳng, nói “*hết thấy chúng sanh đều có thể vãng sanh*”. Chỉ có từ trong Tín Nhân và Thuận Nhân thì mới có thể tùy thuận tri kiến như vậy, mới có thể nhập Phật tri kiến, mới có thể vào biển thệ nguyện của Phật. Nếu không, quý vị sẽ đi ngược đường, sẽ đề ra tà kiến “người ta có thể vãng sanh bằng cách nào” như thế đó. Vì sao? Quý vị chẳng tin “*hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh*”. Lại càng chẳng tin “*hết thấy chúng sanh vốn sẵn là Phật*”, lại càng chẳng tin đại nguyện nghiệp lực của A Di Đà Phật thâm nhiếp trọn khắp mười phương chẳng vướng mắc, chẳng trở ngại, lại càng chẳng tin Phật là đáng Vô Úy Thí, là đáng phương tiện thí, là đáng bố thí rất ráo, là đáng thí sự chọn lựa, là đáng thí lợi ích thanh tịnh. Người như vậy sẽ chẳng đạt được lợi ích nơi Phật pháp.

(Kinh) Bĩ Phật thuyết pháp nan xưng lượng, giai đương phụng thừa tu cúng dường.

(經)彼佛說法難稱量，皆當奉承修供養。

(Kinh: Phật thuyết pháp khó thể tính kể, đều nên phụng sự và cúng dường).

Nếu chúng ta thật sự muốn cúng dường Phật pháp, hãy nên cung kính đánh lễ đức Thế Tôn, cung kính Phật pháp, tu tập Phật pháp, thủ hộ Chân Như. Vì thế, nơi sự tương, thường lễ kính chư Phật, dùng hoa tươi, đèn, đuốc, thức ăn ngon lành, và các thứ trân bảo để cúng dường, yêu mến, thủ hộ, tán thán không ngớt. Trong tâm trí, thủ hộ y hệt, chẳng có đôi đũa, tôn trọng hết thấy hữu tình dường như chư Phật Thế Tôn. Đây có phải là điềm chú trọng chủ chốt hay không? Bản thân chúng ta hãy xét kỹ tự tâm, quan sát pháp tắc được thủ hộ.

(Kinh) Thùy năng thọ trì thử tam-muội, bỉ vi thế gian tác đăng quang.

(經)誰能受持此三昧，彼爲世間作燈光。

(Kinh: Ai hay thọ trì tam-muội này, bèn làm đèn sáng cho thế gian).

Chúng ta biết thế gian này đã bị các thứ như tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến che lấp, là thế gian hắc ám. Gọi là “hắc ám” là vì nếu chúng sanh chẳng xa lìa loại cát bụi này, sẽ bị khuất lấp. Nếu tâm trí trí huệ sanh khởi, sẽ có thể chiếu soi thế gian, làm ngọn đèn vô tận, từng ngọn đèn tiếp nối nhau, tiếp nối huệ mạng, lợi ích thế gian rộng lớn.

(Kinh) Đại bi như tư bạt chúng sanh, sở hữu Thế Tôn tất cúng dường.

(經)大悲如斯拔衆生，所有世尊悉供養。

(Kinh: Đại bi như thế cứu chúng sanh, tất cả Thế Tôn đều cúng dường).

Đây là pháp tắc thủ hộ của mười phương chư Phật. Nếu chúng ta thật sự tu tập pháp tắc này, chư Phật sẽ đều cúng dường quý vị. Nhưng nếu chúng ta muốn tạo thị phi, tranh đấu, dẫu một giọt nước cũng khó tiêu! Trong giáo ngôn, đức Thế Tôn đã dạy: Nếu ai tùy thuận pháp, thủ hộ pháp, tu tập pháp, vàng ròng dày vạn trượng cũng có thể tiêu! Nếu đối với Phật pháp mà chẳng tu tập, chẳng thủ hộ, chẳng yêu mến, giọt nước cũng khó tiêu, bất luận quý vị là thân phận gì. Thân phận chẳng ăn nhập chi cả, pháp ích rất tương ứng. “Sở hữu Thế Tôn tất cúng dường” (Tất cả các đức Thế Tôn đều cúng dường), nhất định đừng nghĩ đây chỉ là một câu nói suông phù phiếm, tôi tin sâu chẳng nghi. Nếu không tin, chúng ta sẽ rất khó hành pháp. Nếu chẳng tin lời dạy của Phật, chúng ta rất khó làm đệ tử của Phật Đà! Bất luận hiện tướng gì, nếu chẳng phải là đệ tử của Phật Đà, làm thế nào mới có thể tiêu được thức ăn được cúng thí trong tự viện? Pháp tắc mà chúng ta thủ hộ đều là do phước đức của Phật Đà ban bố. Nếu quý vị nói chính mình giỏi hơn đức Thế Tôn, quý vị hãy nên kiến lập một giáo pháp ngoài giáo pháp của đức Thế Tôn, chẳng thể kiến lập một [thứ dị thuyết] trong giáo pháp của đức Thế Tôn!

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Vì đức Phật đã giao phó hai mươi năm phước đức cho những người tu tập trong đời Mạt Pháp, đương nhiên Tăng chúng được đức Thế Tôn trân trọng hơn. Sự trân trọng ấy là vì mong cho Phật pháp trụ thế. Do vậy, [Tăng chúng] là nội quyền thuộc thực thi giáo ngôn. Tuy là như thế, đối với mọi người hành pháp thì đức Phật đều thật sự yêu thương, che chở y hết như nhau. Nếu chúng ta chẳng thấy xác thực ở chỗ này, sẽ nảy sanh cái tâm tăng thượng mạn, đâm ra chẳng thể tương ứng với pháp.

(Kinh) Thùy năng thọ trì thử tam-muội, vị lai vô số chư thánh tôn. Nhược hữu Bồ Tát dục kiến giả, thanh tịnh tín tâm tu cúng dường.

(經)誰能受持此三昧，未來無數諸聖尊。若有菩薩欲見者，清淨信心修供養。

(Kinh: Ai hay thọ trì tam-muội này, vô số đức thánh đời vị lai. Nếu có Bồ Tát muốn gặp gỡ, tín tâm thanh tịnh tu cúng dường).

Bồ Tát, long thiên cũng sẽ đến cúng dường như thế. Trong phần trước, chúng ta đã học điều này. Trong pháp này, nếu có người cầu gặp pháp này, hoặc là người đọc tụng, thọ trì kinh điển này, vì người khác giải nói, hoặc chúng đăc tam-muội này, lợi ích ấy rộng lớn bao trùm các loài nhân phi nhân, quý thân. Chư thiên, Bồ Tát, chư Phật Như Lai đều yêu thương, che chở, bảo vệ, nghĩ nhớ, hiện tiền v.v... Cho nên chẳng thể coi thường sự tu trì Niệm Phật tam-muội, Ban Châu tam-muội, Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiện Tiền tam-muội này. Vì sao? Thật sự thuộc về địa vị Phật, thật sự là Phật tánh, thật sự là pháp tánh, thật sự là Tăng tánh, thật sự là công đức tạng, thật sự là chỗ lợi ích chẳng thể nghĩ bàn!

(Kinh) Thùy năng thọ trì thử tam-muội, bỉ thắng đắc lợi nan tư nghị. Thiện năng hạ sanh w nhân gian, thường đăc xuất gia thiện cầu thực.

(經)誰能受持此三昧，彼勝得利難思議。善能下生於人間，常得出家善求食。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

(**Kinh:** Ai hay thọ trì tam-muội này, được lợi thù thắng khó nghĩ bàn. Khéo hay hạ sanh trong nhân gian, thường được xuất gia, khéo khát thực).

Trong phần kệ rất ngắn này, đức Thế Tôn dùng câu “*thùy năng thọ trì thủ tam-muội*” (ai có thể thọ trì tam-muội này) ở tám chỗ; sau đó, trần thuật khá nhiều công đức và lợi ích chẳng thể nghĩ bàn của tam-muội này. Đây là Ngài đã cảnh sách hiện tiền đại chúng và các hữu tình hữu duyên trong pháp này hãy tới thọ trì tam-muội này, tu tập tam-muội này. Tuy đức Thế Tôn đã rất miêng buốt lòng như thế, chẳng ngừng tỉ mỉ tuyên nói trọn vẹn rộng khắp pháp ích và hành pháp cho chúng ta, nhưng trong tâm linh của chúng ta, có kẻ được kích phát sâu nặng, có kẻ mỏng ít, có kẻ trợ trợ vô cảm, cũng có kẻ lần đầu được nghe, cảm thấy trọn chẳng liên can gì đến mình! Tuy là hoàn toàn chẳng liên can, vẫn là chủng tánh Bồ Đề, chân thật chẳng thể nghĩ bàn, hễ thoáng qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo. Chư vị thiện tri thức ơi! Quyết định chớ nên bỏ phế ở chỗ này, chớ nên dễ dãi lướt qua. Nếu chúng ta được nghe một lần, hai lần, ba lần, hãy nên thật sự hành trì, tu tập nó.

Có nhiều vị Bồ Tát đã sớm hành trì pháp này, cũng có thể là do thiện căn trong quá khứ, ví như Hiền Hộ Bồ Tát, tám vị Đại Sĩ, cho đến năm trăm vị tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di đối trước đức Thế Tôn phát nguyện cho đến hết đời vị lai sẽ truyền bá pháp này, thủ hộ pháp này, tu tập pháp này, cho đến giải nói, giáo hóa hữu tình, khiến cho họ thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Cũng có thể là năm trăm vị ấy đang hiện diện nơi đây, ai biết? Phật biết. Ai biết? Người hoằng truyền biết. Ai biết? Nếu là người có tam minh tứ trí sẽ biết. Biết như thế nào? Chẳng mai một, mê muội tâm trí, chẳng xả thế nguyện mà tiếp tục thực hiện đến tận tương lai. Chúng sanh do nghiệp tận Phần Đoạn Sanh Tử, sanh sanh tử tử, luân hồi chẳng ngơi. Bồ Tát dùng nguyện lực là chỗ nương tựa cho sanh mạng, kéo dài đến vị lai. Do hết thấy chư Phật an trụ trong đại nguyện, thành tựu chân thật, dùng tam-muội-da giới chiếu sáng mười phương, an trụ trên kim cang pháp tòa, ngự trên Bồ Đề tòa, lợi ích khắp mười phương mà chẳng lìa pháp tòa, đều do nương vào thế nguyện mà kiến lập.

Vì thế, chúng ta tu tập pháp này, nếu chẳng nương vào sức thế nguyện để thủ hộ tam-muội lực này, hoặc là nếu chẳng thật sự yêu mến pháp tác này, chúng ta sẽ chẳng thể giống như chư Phật, Bồ Tát lợi ích thế gian rộng khắp, cứu vớt chúng sanh khổ nạn, ban cho chúng sanh an

lạc và vui sướng, ban cho chúng sanh phước đức đề trang nghiêm. Nếu là một người học Phật như thế, muốn thật sự tương ứng, sẽ rất khó!

(Kinh) Thùy năng hộ trì thử tam-muội, bỉ thọ đa phước bất tư nghị. Phục năng trụ trì ư tương lai, hoạch tư công đức tối hậu lợi.

(經)誰能護持此三昧，彼受多福不思議。復能住持於將來，獲斯功德最後利」。

(Kinh: Ai hay hộ trì tam-muội này, sẽ hưởng nhiều phước chẳng nghĩ bàn. Lại hay trụ trì trong tương lai, đạt được công đức lợi sau rốt).

Vô thượng đại lợi, lợi ích rốt ráo chính là “tối hậu lợi”. “Phục năng trụ trì ư tương lai” (Lại có thể trụ trì trong tương lai), tức là có thể khiến cho pháp này được tồn tại trong tương lai. Trong phần trước, đức Thế Tôn đã thọ ký, dạy chúng ta: Thuở đức Thế Tôn tại thế, có năm trăm vị [tăng ni, cư sĩ nam nữ], tám đại Chánh Sĩ phát nguyện hoằng truyền pháp này cho đến hết đời vị lai, thành tựu vô lượng vô biên chúng sanh, khiến cho họ đều do pháp tác này mà đắc bất thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, cho đến có thể thành tựu. Nay chúng ta có hiện duyên này, tôi thiểu là đã được nghe lời dạy như thế, giải nói giáo ngôn như thế, trao đổi giáo ngôn như thế, cho đến có nhiều vị thiện tri thức cũng đang tu tập giáo ngôn ấy, thật sự là phước đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn! Tuy là do oai đức của chư Phật gia trì khiến cho chúng ta thành thực, đó cũng là do cơ chế thiện căn thành thực, do công đức vốn sẵn có cũng thành tựu chẳng thể nghĩ bàn, cho nên hãy nên tự tôn (tự tôn trọng chân tánh của chính mình, tôn trọng cơ hội trong hiện duyên), tự khéo thủ hộ, đừng vì tri kiến [nông cạn, chấp trước] mà coi thường, hủy báng! Trong Phật pháp hiện thời, người tự tôn mười phần hiếm hoi! Nếu là kẻ trọn đủ hiện pháp, sẽ là Bồ Tát, sẽ là bậc giác ngộ, là bậc tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, là người yêu mến thế gian, là người nhân bản trong Phật pháp, là người tạo lợi ích trong Phật pháp, là người có thể lựa chọn tự tại nơi quả vị. Loại hữu tình như thế tuyệt đối lợi ích thế gian chẳng sợ hãi, rộng hoằng truyền Phật pháp mà chẳng chán ghét.

Chư Phật Thế Tôn xuất hiện trong cõi đời, chẳng ngoài ý muốn khiến cho chúng sanh phát khởi niềm vui xuất thế rộng lớn thù thắng, như là “pháp lạc”, niềm vui do các Thiên Định, niềm vui từ bi, niềm vui

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

trí huệ, niềm vui phương tiện, cho đến các niềm vui diễn tả màu nhiệm, niềm vui lợi ích rộng khắp hữu tình. Các niềm vui ấy thật sự xa lìa nỗi khổ vì ngũ dục trong thế gian, nỗi khổ vô thường. Nhưng mọi người chúng ta thật sự đều ở trong tam đồ bát nạn, trong thế tục có nhiều khổ nạn, chúng sanh vì chẳng có niềm vui Phật pháp, cho nên tham cầu niềm vui thế tục. Đó cũng là chuyện tất nhiên. Nếu có niềm vui trong Phật pháp, các niềm vui khác thật sự chẳng thể sánh bằng, tự nhiên sẽ bỏ qua niềm vui vô ích trong thế tục. Vì sao? Do tạo nhiều nghiệp, dù thiện hay ác, thoát nhìn hơi vui sướng, chớp mắt liền hoại, lại thêm các nỗi khổ bức bách trong thời đại, càng khiến cho nghiệp luân hồi lừng lẫy!

Do vậy, đối với nội hàm thực chất của pháp tắc này, vẫn mong mọi người sau khi học tập, có thể thật sự thâm nhập tu tập, cho đến thành tựu tam-muội, hoặc là đích thân thấy chư Phật, thấy Phật nghe pháp, thiện căn thật sự thành thực, sẽ lợi ích trời, người rộng khắp, đạt được oai đức thiện xảo, bất luận là tâm trí hay lời nói, giáo pháp, tu trì, vô úy, của cải, hết thảy các thời, các chỗ, đều đạt được phương tiện. Vận dụng như thế chính là mục đích học tập Phật pháp, mà cũng là mục đích hành trì tam-muội của chúng ta.

14. Phẩm thứ mười: Cụ Túc Ngũ Pháp

Kinh điển là chủng tử Bồ Đề, là chủng tử kim cang, mà cũng là Phật tánh, Pháp tánh, Tăng tánh, là chỗ căn bản để chúng ta ấn khê tự tánh. Phật pháp hoàn toàn được chọn lựa ở nơi ấy, cội nguồn ở đây, là nơi có thể xuất sanh công đức của hết thảy chư Phật, có thể dưỡng dục hết thảy Bồ Tát, có thể lợi ích hết thảy chúng sanh. Nếu chúng ta khéo quan sát, khéo học tập, khéo thủ hộ, lợi ích ấy sẽ là chẳng thể nghĩ bàn!

Chúng ta thường vì hiện duyên mỏng ít, bèn coi duyên vị lai, hoặc cho rằng duyên thù thắng là sâu, phần nhiều đánh mất chỗ thật sự khế nhập Phật pháp của chính mình, tức là [khế nhập] ngay trong hiện tiền, cũng như cơ chế thật sự thành thực Phật pháp vẫn ở ngay trong hiện tiền. Cũng như cơ chế hoàn thiện thật sự vẫn là ngay trong hiện tiền. Thật sự lựa chọn vẫn là ngay trong hiện tiền. Thật sự truyền bá, chấp nhận, vẫn chẳng lìa hiện tiền. Hiện tiền tuy vẫn không ngừng tiếp nối, chẳng ngừng sanh diệt, thay đổi, nhưng đều chẳng rời hiện tiền! Đối với chuyện trong hiện tiền, niệm hiện tại, và bản thể của chính nó ngay trong hiện tiền, nếu nhận biết, chúng ta sẽ thấy phương tiện.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Kinh điển không gì chẳng phải là một phương tiện giúp cho chúng ta dùng ngoại cảnh để ấn khế tự tâm. Nếu tự tâm nhận biết ngoại cảnh, lúc cảnh và tâm như một, toàn thể kinh điển là tâm địa. Kinh điển miêu tả tâm trí của chúng ta. Toàn thể tâm trí được miêu tả trong kinh điển, bất nhị như vậy mà duy trì pháp tắc này. Chấp nhận pháp tắc này, tu tập pháp tắc này, truyền đạt, giải nói pháp tắc này, cho đến thành tựu pháp tắc này, quý vị sẽ học tập Phật pháp đặc lực, sẽ thật sự đặc lực nơi pháp tắc này.

Học Phật chẳng khó, nhưng ngay trong hiện tiền mà tôn trọng thì rất khó, vì phàm phu hữu tình phần nhiều dùng cái tâm mong mỏi cao xa đối với tương lai, chẳng biết sự chân thật trong hiện tại, phần nhiều coi hiện tại là yếu kém, phần nhiều vì duyên của chính mình yếu kém, bèn mong mỏi duyên khác, mong mỏi lúc khác, mong mỏi duyên thù thắng, mong mỏi quả thù thắng, mà đánh mất tự tôn, tự đắc, cũng như [đánh mất] Phật tánh tự nhiên trọn đủ. Đó chính là công đức vốn sẵn có của hết thảy chúng sanh. Đánh mất chính mình trong một niệm hiện tiền, khinh miệt chính mình, coi thường chính mình, khinh phạm chính mình. Trong quá trình học tập, chúng ta trang nghiêm đạo tràng, nghiêm trì nghi quỹ, hoặc là mọi người dùng cái tâm trang trọng, tâm nghiêm túc, tĩnh lặng, như bệnh nhân đối trước bậc y vương, như người bệnh nặng đối trước thuốc hay, như người trúng độc đối diện cam lộ, dùng cái tâm nghĩ tưởng “vĩnh viễn chẳng có cơ hội lần nữa, vĩnh viễn chẳng có duyên lần nữa” để nghe pháp, để trao đổi Phật pháp, để liễu giải tâm trí, thì tâm trí sẽ dễ được tỏ lộ.

Tâm trí tỏ lộ vốn là chuyện tuyệt đối chẳng thể lặp lại, mà cũng chẳng có lý do lặp lại, vì pháp chẳng có tự tánh, thời gian cũng chẳng có tự tánh, cho nên nó sẽ chẳng thể lặp lại. Chúng ta làm một việc, hoặc lao động, thoát nhìn dường như lặp đi lặp lại. Thật ra, vẫn chỉ là cái tâm lặp lại, do vọng tâm nhận biết, chấp lấy, cho là có lặp lại! Học tập lần này cũng giống như thế! Hễ duyên này kết thúc, cũng sẽ chẳng thể lặp lại, bất luận chúng ta dùng tâm tình như thế nào, đều là “hễ đi, sẽ chẳng trở lại”. Trong đời người, nếu nhận biết điều này, đối với mỗi chuyện, ngay trong mỗi niệm, đối với bản thể của niệm ấy, nếu chúng ta dùng cái tâm viên mãn, khi ấy sẽ ngay lập tức viên mãn, ngay lập tức trọn đủ, chính là bản thể của nó. Nếu chẳng dùng tâm trí viên mãn, chẳng duyên theo cái duyên ấy, mà duyên theo các thứ tưởng như vọng tưởng, tạp tưởng, nghiệp tập tưởng, ý tưởng chênh lệch chẳng đồng đều, ý tưởng mong làm chuyện cao xa, mong tưởng vị lai v.v... sẽ hứng chịu đủ thứ quả

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

báo, đủ thứ nhân duyên, đủ thứ tiếp nối. Lần này, chúng thường trụ tại Hằng Dương Am đã tốn rất nhiều công sức, cũng tốn rất nhiều thời gian. Mỗi ngày [đều phải chuẩn bị] đèn, đuốc, hoa tươi để đưa đón cúng dường, thật sự là công sức chẳng luống uổng, lợi ích chẳng thể mai một! Chư Phật, Bồ Tát sẽ gia trì, hết thầy hiền thánh đều nghĩ tưởng, hết thầy long thiên hộ pháp cũng sẽ thủ hộ.

Ngôn ngữ chẳng có cao hay thấp, sự cũng chẳng có lớn hay nhỏ, tâm trí tương ứng hay không mới là quan trọng nhất. Vì người học Phật chẳng có gì để học, chỉ là liễu giải tự tâm. Người học Phật chẳng có pháp gì để có thể đắc, chỉ là sự chân thật nơi tri kiến chẳng có tự tánh. Người học Phật cũng chẳng có gì để sợ hãi, chỉ là đối diện với mỗi niệm hiện tiền như huyễn. Trong cái hiện tiền như huyễn, như mộng ấy, quý vị dùng gì để vận dụng sanh mạng? Dùng gì để vận dụng trí huệ? Dùng gì để vận dụng tâm trí? Thật sự là bản thân mỗi người chúng ta đều phải nên xét kỹ, phải nên quan sát, phải nên thủ hộ, phải nên nhận thức sâu sắc, phải nên thủ hộ sâu sắc, quan sát sâu sắc, tôn trọng như thật, thủ hộ như thật, vận dụng như thật. “*Như thật*” là như thế nào? Tức là “*tự tôn*”, nghĩa là tự tôn trọng hiện duyên của chính mình giống hệt như tôn trọng chư Phật, tôn trọng hiện duyên giống hệt như tôn trọng lợi ích vãng sanh của chính mình. Điều này có mức độ khó khăn nhất định. Khó do nghiệp tập, khó do vọng tưởng che lấp. Nếu một khi trừ khử sự che lấp của phiền não nghiệp tập, vậy thì sẽ muôn dặm quang đăng, mặt trời rạng ngời chiếu rọi. Đó là tâm trí đã sáng suốt, chẳng vướng mắc gì, như mặt trời xoay chuyển trên không trung! Khi chúng ta học tập bản dịch kinh Ban Châu Tam Muội Đại Tập Hiền Hộ này cũng giống như thế. Bất quá nhờ vào sự tôn quý của kinh, nhờ vào sự chân thật của Pháp Bảo để liễu giải sự tôn quý và chân thật của tự tánh. Cũng như liễu giải sự tôn quý của nhất niệm hiện tiền, sự chân thật của nhất niệm hiện tiền, bản thể của hiện tiền. Quý vị sử dụng được thì sẽ gọi là “*chưa chứng tam-muội mà chẳng tách rời công đức của tam-muội*”. Do vậy, quý vị có thể nhận biết rõ ràng, vận dụng thành thực giáo ngôn của hết thầy chư Phật.

(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần Cụ Túc Ngũ Pháp phẩm đệ thập.

(經)大方等大集賢護分具足五法品第十。

(Kinh: Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần. Phẩm thứ mười: Đây Đủ Năm Pháp).

Trong một phẩm này, đức Thế Tôn đã nhiều lượt nêu ra năm thứ pháp tắc để có thể thành tựu tam-muội này. Đây là sau khi trọn đủ ứng cúng, bèn tuyên nói giáo ngôn chân thật, vì trong cơ chế giáo ngôn của đức Thế Tôn, có pháp và có duyên thì mới có thể thực thi, mới có thể thủ hộ thành tựu. Duyên ấy là do dùng nghiệp tướng để nói? Hay là dùng tâm trí dấy khởi ý niệm để nói? Hay là dùng phước đức đầy đủ để nói? Ở đây, đức Thế Tôn đã thực hiện sự diễn luyện. Chúng ta hãy xem Ngài diễn luyện như thế nào?

(Kinh) Nhĩ thời, Hiền Hộ Bồ Tát tùng tòa nhi khởi, chỉnh lý y phục, thiên dẫn hữu kiên, hữu tất trước địa, cung kính hiệp chưởng, nhi bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Duy nguyện Thế Tôn cập tỳ-kheo tăng, minh nhật thực thời, lâm cố ngã gia, thọ ngã cúng dường, lân mẫn ngã đẳng chư chúng sanh cố.

(經)爾時，賢護菩薩從坐而起，整理衣服，偏袒右肩，右膝着地，恭敬合掌，而白佛言：「世尊！唯願世尊及比丘僧，明日食時，臨顧我家，受我供養，憐愍我等諸衆生故」。

(Kinh: Lúc bảy giờ, Hiền Hộ Bồ Tát từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh đốn y phục, trật vai áo phải, gối phải đặt sát đất, cung kính chấp tay, bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Kính mong đức Thế Tôn và các vị tỳ-kheo vào giờ dùng bữa ngày mai, quang lâm nhà con, nhận sự cúng dường của con vì thương xót bọn chúng sanh chúng con).

Ở đây, Hiền Hộ cũng đại diện cho hết thầy hữu tình cầu pháp, hữu tình hành pháp, cho đến hữu tình thành tựu, đối trước đức Thế Tôn biểu đạt, biểu đạt điều gì vậy? Muốn thỉnh pháp, muốn được nghe pháp, cho đến thật sự thủ hộ và thành tựu. Đây là một sự phát khởi. Tuy Hiền Hộ Bồ Tát cúng dường đức Phật và các vị tỳ-kheo tăng, nhưng Hiền Hộ Bồ Tát nói “lân mẫn ngã đẳng chư chúng sanh cố” (vì thương xót bọn chúng sanh chúng con), tức là Hiền Hộ Bồ Tát vì các chúng sanh mà cầu thỉnh đức Thế Tôn và các vị tỳ-kheo đến ứng cúng.

(Kinh) Thế Tôn mặc nhiên, thọ Hiền Hộ thỉnh.

(經)世尊默然，受賢護請。

(Kinh: Đức Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh của Hiền Hộ).

“Im lặng” là cách đức Thế Tôn thâm chấp thuận ứng cúng. Vì có sao? Đức Thế Tôn là đấng Nhất Thiết Trí, đối với hết thảy thức ăn, y phục, và hết thảy vật dụng của thế gian, Ngài đều chẳng cần đến. Đối với pháp cũng như thế, vì Ngài chẳng thiếu khuyết. Do vậy, chẳng nói là chấp nhận hay không chấp nhận, chỉ im lặng khế hợp sự phát tâm ấy, khiến cho người phát tâm đạt được sự đáp ứng thanh tịnh. Vì thế, im lặng thọ thực, hoặc im lặng thọ thỉnh, chẳng trả lời như [người bình phàm trong] thế gian. Hễ im lặng tức là đã đáp ứng.

(Kinh) Thời, bỉ Hiền Hộ tri Phật thọ dĩ.

(經)時，彼賢護知佛受已。

(Kinh: Khi đó, ngài Hiền Hộ biết Phật đã nhận lời).

Hết thảy đệ tử của đức Phật Thế Tôn cũng giống như thế. Khi các vị tỳ-kheo thọ thỉnh, các Ngài chỉ im lặng thì cũng là ngầm đồng ý. Trong Tăng pháp, có pháp tắc đa số im lặng chấp thuận. Chẳng hạn như đối với kẻ đã phạm lầm lỗi, phải nên chỉ ra. Nếu chẳng chỉ ra, tức là im lặng chấp nhận, hoặc có nghĩa là quý vị tùy hỷ. Nếu là ứng cúng thì cũng giống như thế. Ngay như trao đổi lời lẽ, hoặc trao đổi pháp tắc, cũng có nhiều lúc im lặng. Sự im lặng ấy có nghĩa là tiếp nhận.

(Kinh) Đánh lễ tôn túc, hữu nhiều tam táp. Ư thị từ hoàn, toại phục nghệ bỉ Ma Ha Ba Xà Ba Đề tỳ-kheo-ni sở.

(經)頂禮尊足，右繞三匝。於是辭還，遂復詣彼摩訶波闍波提比丘尼所。

(Kinh: Đánh lễ dưới chân đức Thế Tôn, nhiều theo chiều phải ba vòng. Liên đó, từ biệt quay về, bèn tới chỗ của tỳ-kheo-ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề).

Tỳ-kheo-ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề (Mahāprajāpatī Gautamī) là tên [tiếng Phạn] chưa dịch nghĩa của tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo. Chúng ta biết đức Thế Tôn được di mẫu (đì) là bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề nuôi lớn. Sau

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

khi đức Thế Tôn thành đạo, di mẫu và năm trăm thị nữ phát tâm theo đức Thế Tôn xuất gia, ba lượt thỉnh cầu đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn không chấp nhận, họ bèn từ trăm dặm [đi bộ], đuổi theo đức Thế Tôn. Ngài A Nan bắt nhận trước tâm bi cảm thiết tha cầu pháp của bà Đại Ái Đạo [và các thị nữ], cho nên đã thay họ hướng về đức Thế Tôn cầu xin [cho phép nữ chúng] xuất gia. Do vậy, đức Thế Tôn nói: “*Này A Nan! Sở dĩ đức Thế Tôn chẳng chấp thuận là vì có ý nghĩa sâu xa*”. Do A Nan ba lượt thỉnh cầu, đức Thế Tôn mới định ra tám pháp thanh tịnh¹⁴ để cho

¹⁴ Tám pháp tức là Bát Kính Pháp (Aṭṭha-garudhamma) còn dịch là Bát Tôn Pháp, Bát Tôn Trọng Pháp, Bát Tôn Sư Pháp, Bát Kính Giới, Bát Tôn Kính Pháp, hoặc Bát Khả Việt Pháp, là các quy định tỳ-kheo-ni phải thể hiện sự tôn trọng đối với tỳ-kheo. Theo thánh điển Pali của Phật giáo Nam truyền, khi đức Phật thành đạo vào năm thứ năm, vua Tịnh Phạn qua đời, bà Đại Ái Đạo đã xin xuất gia trong dịp đức Phật về thành Ca Tỳ La Vệ chủ trì tang lễ cho cha, nhưng đức Thế Tôn ba lần cự tuyệt. Sau đó, đức Phật đi sang thành Tỳ Xá Ly, bà Đại Ái Đạo dẫn theo mấy trăm thị nữ, đi bộ hơn 250 cây số theo chân Phật đến thành Tỳ Xá Ly. Họ đều tự cạo tóc, đắp y, cầu xin Phật cho phép xuất gia, kêu khóc ngoài cửa tinh xá. Ngài A Nan thương xót cầu xin ba lần, đức Phật đều từ chối. A Nan liền hỏi nữ chúng có thể chứng Tứ Hướm, Tứ Quả hay không? Đức Phật bảo được. A Nan liền nhắc đến ân dưỡng dục của bà Đại Ái Đạo để cầu xin. Đức Phật cho biết chánh pháp vốn dài một ngàn năm, nếu cho nữ chúng xuất gia, sẽ giảm mất 500 năm. Nếu nữ chúng tuân thủ Bát Kính Pháp, chánh pháp có thể tồn tại một ngàn năm. Nữ chúng phải hành Bát Kính Pháp thì mới có đủ tư cách là tỳ-kheo-ni. Bát Kính Pháp như sau:

1. Dẫn tỳ-kheo-ni trăm tuổi, trông thấy tỳ-kheo mới xuất gia, vẫn phải đứng dậy nghênh đón, lễ bái, trải tọa cụ sạch sẽ, mời vị ấy ngồi.
2. Tỳ-kheo-ni không được an cư kết hạ tại một địa phương nếu không có tỳ-kheo ở gần đó.
3. Vào mỗi dịp bố-tát (uposattha, tụng giới), tỳ-kheo-ni phải cử người sang chỗ tỳ-kheo cầu Tăng chúng sai một vị đến thuyết giới và dạy bảo.
4. Khi An Cư mùa Hạ kết thúc, phải cử người sang chỗ Tăng chúng cầu ba sự Tự Tứ thấy, nghe, và nghi.
5. Tỳ-kheo-ni không được phép mắng chửi tỳ-kheo.
6. Tỳ-kheo-ni không được cử tội của tỳ-kheo, rêu rao lỗi của họ, nhưng tỳ-kheo được quyền nói lỗi của tỳ-kheo-ni.
7. Thức-xoa-ma-na đã học giới (sáu pháp của Học Giới Nữ) phải cầu thọ đại giới từ chúng Tăng (tỳ-kheo và tỳ-kheo ni).
8. Tỳ-kheo ni hề phạm Tăng Tàn, phải đối trước hai bộ Tăng sĩ (tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni) hành Ma Na Đỏa (ý hỷ) trong nửa tháng.

Hiện thời, tại Đài Loan có một số tỳ-kheo-ni do chịu ảnh hưởng của phong trào nữ quyền và tâm đấu tranh thế tục quá nặng, đã chủ trương Bát Kính Pháp là bất bình đẳng, trọng nam, khinh nữ, xướng suất phế trừ Bát Kính Pháp. Ngày 31 tháng 03 năm 2001, tỳ-kheo-ni Thích Chiêu Huệ ở Đài Nam đã xướng suất phong trào này,

phép nữ giới trở thành sa-môn trong giáo ngôn của Phật Thích Ca, hiện hình tướng sa-môn.

(Kinh) Đáo dĩ, đánh lễ Ba Xà Ba Đề tỳ-kheo-ni túc, nhi túc bạch ngôn: - Nguyện A-lê-da cập chư ni chúng, lân mãn ngã cố, thọ ngã minh triêu sở thiết vi cúng.

(經)到已，頂禮波闍波提比丘尼足，而即白言：「願阿梨耶及諸尼衆，憐愍我故，受我明朝所設微供」。

(Kinh: Đã đến nơi, đánh lễ dưới chân tỳ-kheo-ni Ba Xà Ba Đề, liền bạch rằng: - Kính mong A-lê-da và các ni chúng vì thương xót con, chấp nhận lễ cúng dường nhỏ nhoi do con sắp đặt vào ngày mai).

Đối với vị thủ lãnh của các vị ni là ngài Ma Ha Ba Xà Ba Đề, [Hiền Hộ Bồ Tát] bèn dùng từ ngữ A-lê-da (Aryā, tôn quý) để xưng hô, tức là A-xà-lê (Ācārya), cũng là Quy Phạm Sư (規範師), có thể làm chỗ nương tựa cho chúng sanh, làm bậc dạy bảo, hướng dẫn, bố thí pháp, có thể thí vô úy cho chúng sanh, khiến cho chúng sanh an lạc. Hiện thời, tại vùng Vân Nam, trong dân gian còn có giáo ngôn của A Trát Lê¹⁵, tức là bậc Quy Phạm Sư tại gia, từ Miến Điện, Thái Lan truyền qua đã lâu. Trên thực tế, [các vị A Trát Lê ấy] thuộc một pháp hệ của Mật Thừa được truyền bá [tại Vân Nam] rất sớm, còn sớm hơn Tạng truyền Phật giáo rất nhiều.

“*Lân mãn ngã cố, thọ ngã minh triêu sở thiết vi cúng*” (Vì thương xót con, chấp thuận lễ cúng dường nhỏ nhoi do con sắp đặt vào ngày mai). Vì sao nói là “*vi cúng*” (cúng dường nhỏ nhoi)? Đối trước các bậc thánh giả, trí giả ấy, cho đến đối với chư Phật, Bồ Tát là những vị đại oai đức thiện xảo, tất cả sự cúng dường trong thế gian chỉ có thể nói coi là “*vi cúng*”. Vì sao? Chư Phật Như Lai là bậc đạo sư của tam giới, là đáng được trời, người cúng dường. Sự cúng dường của nhân loại hết sức nhỏ

nêu ra luận thuyết Bát Kính Pháp không do đức Phật chế định, cũng như cho rằng những giới trong giới Tỳ Kheo Ni nhỏ nhặt có thể bỏ. Bà ta cho rằng Bát Kính Pháp kỳ thị nữ chúng, xâm phạm nữ quyền, tăng trưởng tâm kiêu mạn của tỳ-kheo.

¹⁵ A Trát Lê là biến âm của chữ A Xà Lê trong ngôn ngữ người Thái tại Vân Nam, cũng giống như danh xưng Ajahn hoặc Acharn trong tiếng Thái Lan (để gọi các vị Tăng có từ mười tuổi hạ trở lên).

noi, đăm bạc, dẫu tận lực, cùng kiệt tài sản, vẫn là sự cúng dường nhỏ bé, đăm bạc. Nếu chẳng nói như thế, sẽ chẳng phải là như thật!

(Kinh) Nhĩ thời, Ma Ha Ba Xà Ba Đề tỳ-kheo-ni mặc nhiên thọ thỉnh.

(經)爾時，摩訶波闍波提比丘尼默然受請。

(Kinh: Lúc bấy giờ, tỳ-kheo-ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề im lặng nhận thỉnh).

Cũng giống như đức Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh.

(Kinh) Hiền Hộ tri dĩ, đánh lễ từ hoàn. Thời, bĩ Hiền Hộ phục nghệ Bảo Đức Ly Xa Tử sở.

(經)賢護知己，頂禮辭還。時，彼賢護復詣寶德離車子所。

(Kinh: Hiền Hộ đã biết, đánh lễ, từ biệt, quay về. Khi đó, ngài Hiền Hộ lại đến chỗ của Bảo Đức Ly Xa Tử).

Thuở đức Thế Tôn tại thế, cũng có nhiều ngoại đạo được thành tựu, ở trong thế gian đã đạt được an lạc. Rất nhiều ngoại đạo tuy chưa rõ ràng quy y giáo ngôn của đức Thế Tôn, cũng thường đến chỗ đức Thế Tôn đang dạy bảo, hoặc tới pháp hội của Ngài để nghe giáo pháp, do sức bức xạ từ oai đức rộng lớn của đức Thế Tôn.

(Kinh) Ngữ Bảo Đức ngôn: - Bảo Đức! Nhữ lai nhữ chi sở hữu thân thích, quyến thuộc, bằng hữu, tri thức, cập thử hội trung ưu-bà-tắc chúng, nãi chí nhất thiết Vương Xá đại thành, cập dĩ tự dư thành ấp, tụ lạc, chư tân lai giả, vị ngã thỉnh viết: “Thọ ngã minh triêu sở thiết phạn thực”.

(經)語寶德言：「寶德！汝來汝之所有親戚眷屬朋友知識，及此會中優婆塞衆，乃至一切王舍大城，及以自餘城邑聚落，諸新來者，爲我請曰：受我明朝所設飯食」。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

(Kinh: Nói với Bảo Đức rằng: - Này Bảo Đức! Ông đến chỗ tất cả thân thích, quyến thuộc, bạn bè, người quen biết của ông, và các vị ưu-bà-tắc trong hội này, cho tới hết thấy những người mới đến trong đại thành Vương Xá, và các thành ấp, xóm làng khác, vì tôi mời như sau: “Ngày mai hãy đến dùng bữa cơm do tôi thết đãi”).

Vì sao ở đây nói là “*phạn thực*” (bữa cơm), chẳng nói là “*vi cúng*” (cúng dường nhỏ nhoi)? Tương ứng với chuyện thí cho nhân loại thì “*phạn thực*” là từ ngữ tương ứng. Ở đây, Hiền Hộ Bồ Tát mở pháp hội Vô Giá cúng dường thức ăn rộng lớn, khiến cho hết thấy kẻ hữu duyên đều được cúng dường. Không chỉ là người trong thành Vương Xá, mà cho đến các thành thị, làng xóm khác cũng nên thọ thỉnh (chấp thuận lời mời).

Vì sao chỉ nhắc tới ưu-bà-tắc, chẳng nhắc tới ưu-bà-di? Đây là một phong tục tập quán của riêng Ấn Độ. Trong phần trước, chúng ta đã thấy, đức Thế Tôn thường nhắc tới khá nhiều long thiên hộ pháp, đủ loại quý thần, đủ loại trời, cho đến trưởng giả, chủng tánh Sát-lợi vương, Bà La Môn, ưu-bà-tắc, nhưng chẳng nói đến ưu-bà-di thọ thỉnh. Đó là tôn trọng cách nói theo phong tục của dân tộc ấy. Vì đức Thế Tôn sống trong thời đại có phong tục dân tộc như thế ấy, cho nên Ngài cũng chẳng bỏ phong tục dân tộc. Đó gọi là “*thí giáo ư thế gian, bất hủy ư thế tục*” (bố thí giáo pháp trong thế gian, chẳng hủy phong tục của thế gian). Nếu thí giáo trái nghịch với thế tục, hữu tình trong thế gian sẽ chẳng tiếp nhận. Đức Thế Tôn là bậc trí huệ trọn đủ, phương tiện thiện xảo, cho nên Ngài tùy thuận thế tục. Về sau, chúng ta đến nơi khác học pháp, dạy pháp, cũng phải nên chẳng xả loại phương tiện ấy, cũng chớ nên trái nghịch phong tục của dân chúng trong thế gian. Nếu vứt bỏ, sẽ bị xung đột và tổn thương, hoặc mâu thuẫn.

(Kinh) Nhĩ thời, Bảo Đức Ly Xa Tử đồng tử thọ Hiền Hộ ngôn, tức cáo hội trung chư ưu-bà-tắc, thân thích, quyến thuộc đẳng viết: “Nhân bối đương tri, bỉ Hiền Hộ Bồ Tát linh ngã cáo nhữ. Minh nhật thực thời, thọ ngã vi cúng”. Nhĩ thời, Hiền Hộ Bồ Tát, Bảo Đức Ly Xa Tử, cập Thiện Thương Chủ trưởng giả, Già Ha Ngập Đa cư sĩ tử, Na La Đạt Đa Ma Nạp, Thủy Thiên trưởng giả, tịnh cập nhất thiết chư dư quyến thuộc, bằng hữu, tri thức đẳng, danh lễ Phật túc dĩ, hoàn bỉ Hiền Hộ Bồ Tát xá trạch. Đáo dĩ, tá bỉ Hiền Hộ kinh doanh. Tức ư kỳ dạ, ước sắc gia nhân, biện cụ chư chủng tinh diệu thượng soạn, sở vị

thế gian phàm khả thực đạm, sắc, hương, mỹ vị, bách vật bị hữu. Nãi chí ngoại quốc viễn lai bản cùng khát cái, diệc vị biện cụ chúng chúng tinh thiện, nhi cung cấp chi, dĩ chư đại chúng, nhất đẳng vô dị.

(經)爾時，寶德離車子童子受賢護言，即告會中諸優婆塞，親戚眷屬等曰：「仁輩當知，彼賢護菩薩令我告汝。明日食時，受我微供」。爾時，賢護菩薩、寶德離車子、及善商主長者、伽訶岌多居士子、那羅達多摩納、水天長者，並及一切諸餘眷屬，朋友知識等，頂禮佛足已，還彼賢護菩薩舍宅。到已，佐彼賢護經營。即於其夜，約敕家人，辦具諸種精妙上饌，所謂世間凡可食啖，色香美味百物備有。乃至外國遠來貧窮乞丐，亦為辦具種種精膳，而供給之，與諸大眾，一等無異。

(Kinh: Lúc bảy giờ, đồng tử Bảo Đức Ly Xa Tử tiếp nhận lời dặn của Hiền Hộ, liền bảo các vị ưu-bà-tắc trong hội, thân thích, quyến thuộc v.v... rằng: “Các vị nhân giả hãy nên biết, Hiền Hộ Bồ Tát bảo tôi nói với các vị: Vào giờ dùng bữa ngày mai, hãy tiếp nhận sự cúng dường nhỏ nhoi của ông ta”. Lúc bảy giờ, Hiền Hộ Bồ Tát, Bảo Đức Ly Xa Tử, và trưởng giả Thiện Thương Chủ, con trai cư sĩ Già Ha Ngập Đa, Na La Đạt Đa Ma Nạp, trưởng giả Thủy Thiên, và hết thảy các quyến thuộc, bằng hữu, kẻ quen biết khác, đánh lễ dưới chân đức Phật xong, trở về nhà của Hiền Hộ Bồ Tát. Tới nơi, họ giúp Hiền Hộ lo liệu. Ngay trong đêm hôm ấy, căn dặn gia nhân, chuẩn bị đầy đủ các món ăn ngon khéo, tức là các thứ có thể ăn nuốt trong thế gian, sắc hương, vị ngon, trăm vật đều có đủ. Cho đến đối với những kẻ nghèo túng, ăn mày từ nước ngoài xa xôi tìm đến, cũng vì họ chuẩn bị đầy đủ các thứ thức ăn ngon khéo để cung cấp, giống hệt chẳng khác các món đãi đấng đại chúng).

Ở đây, chúng ta thấy tâm hạnh bình đẳng của Bồ Tát. Chúng ta tu pháp trong thế gian này, nếu dùng tâm bình đẳng yêu thích, tôn trọng hết thảy hữu duyên trong hiện tiền, thật sự là thiện xảo. Đó chính là tâm trí thiện xảo bình đẳng của Bồ Tát. Chúng ta chớ nên dùng cái tâm cao

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

thấp, tâm chẳng bình đẳng, tâm yêu ghét, tâm thân sơ để tu tập pháp. Tu pháp [mà có các tâm] như vậy, nói chung chẳng tương ứng. Nếu chẳng có tâm rộng lớn, tâm bình đẳng, tâm chẳng thể như đại địa an trụ chúng sanh, khiến cho chúng sanh trụ trong an lạc. Như thế chính là cô phụ pháp tắc mà chính mình đã gặp. Chúng ta ở trong đạo tràng này, cũng giống như thế. Nếu có thể dùng cái tâm bình đẳng, tâm chân thật để bảo ban, an ủi hữu tình trong thế gian, bảo ban, an ủi các nhân duyên hiện tiền chung quanh. Đó là chân thật thủ hộ tâm bình đẳng, tâm thanh tịnh. Tâm như đại địa, có thể chuyên chở hết thảy, đó là chỗ an ổn, hãy nên chọn lựa chân thật.

(Kinh) Sở dĩ giả hà? Phàm chư Bồ Tát, tâm vô tăng ái, bất cảm khinh tha, u chư chúng sanh giai bình đẳng cố.

(經)所以者何? 凡諸菩薩, 心無憎愛, 不敢輕他, 於諸衆生皆平等故。

(Kinh: Vì có sao vậy? Vì các vị Bồ Tát tâm chẳng yêu ghét, chẳng dám khinh người khác, đối với các chúng sanh đều bình đẳng).

Chỗ này mười phần trọng yếu, vì chúng sanh duyên theo tâm trí sai khác, nhưng cung kính và tôn trọng ai nấy đều cần thiết. Tâm trí yêu ghét thường khiến cho người khác sanh khởi cảm giác thân, sơ, bất bình đẳng, cho đến cảm giác ô nhiễm, phần nhiều có tâm khinh mạn và tôn quý. Như thế thì sẽ khiến cho lòng người bất bình đẳng, bị nhiều thương tổn. Chúng ta làm thế nào để vận dụng cái tâm bình đẳng trong thế gian bất bình đẳng như thế này, vận dụng tâm trí bình đẳng để bảo ban, an ủi hữu tình? Đó thật sự là tu trì hai pháp bi và trí, cũng là tu trì an trụ thanh tịnh bình đẳng. Đây chính là một mắt xích trọng yếu mà tất cả những người tu tập Phật pháp chúng ta phải nên xem kỹ, phải nên quan sát, phải nên đứng lý xem xét kỹ càng, quán sát như lý, phải nên đứng lý tu tập pháp tắc, đứng lý thành tựu pháp tắc, rất trọng yếu, hết sức trọng yếu!

(Kinh) Nhĩ thời, Sa Bà thế giới chủ Đại Phạm thiên vương.

(經)爾時, 娑婆世界主大梵天王。

(Kinh: Lúc bấy giờ, chủ của thế giới Sa Bà là Đại Phạm thiên vương).

Ở đây dịch Đại Phạm thiên vương là chủ của thế giới Sa Bà, cũng có khi dịch Đại Tự Tại Thiên là chủ của thế giới Sa Bà, nhưng Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật là đấng giáo hóa pháp tắc chủ của thế giới Sa Bà. Một tam thiên đại thiên thế giới ắt có một đức Thế Tôn trụ thế, khiến cho chúng sanh trong thế giới ấy được trụ trong an lạc. Nếu chẳng có Thế Tôn ngự, đức Thế Tôn sẽ dùng đủ mọi phương tiện, đủ mọi thân để thuyết giáo, trọn chẳng vứt bỏ, vì chư Phật chẳng bỏ hết thầy thế giới và hết thầy chúng sanh.

(Kinh) Nãi chí Dao Lợi thiên vương, Thích Đề Hoàn Nhân, tứ thiên đại vương Đề Đầu Lại Trá đẳng cập bỉ Thiện Đức thiên tử, dữ chư quyến thuộc, hàm vi nhân thân tán trợ kỳ sự.

(經)乃至忉利天王、釋提桓因、四天大王提頭賴吒等及彼善德天子，與諸眷屬，咸爲人身贊助其事。

(Kinh: Cho đến Dao Lợi thiên vương, Thích Đề Hoàn Nhân, tứ thiên đại vương như Đề Đầu Lại Trá (Dhṛtarāṣṭra, Trì Quốc thiên vương) v.v... cùng với thiên tử Thiện Đức và các quyến thuộc, đều dùng thân người để giúp đỡ chuyện ấy).

Liên chuyển đời thân tướng, dùng thân người thông thường để giúp Hiền Hộ, muốn làm cho chuyện cúng dường ấy được thành tựu. Vì đây là chuyện cúng dường Phật Đà Thế Tôn, Tăng chúng, cho đến ngoại đạo, kẻ ăn mày, hết thầy nhân dân, đều là bình đẳng cúng dường trọn khắp, rộng lớn, thanh tịnh, cùng một vị, tức là sự cúng dường Vô Giá (無遮, không ngăn che). Loại cúng dường Vô Giá này quả thật là thứ mà tâm trí chúng ta, nhất là người trong thời Mạt Pháp thiếu khuyết nhất. Tại Ấn Độ có tập tục như thế này: Nếu trong lúc hành đạo, hoặc trong nhà có nạn duyên, bèn rộng hành bố thí, cho đến dốc cạn tài lực gia sản để bố thí. Trong tâm trí của người Hoa, đó là chuyện rất hiếm xảy ra. Nhìn từ các ghi chép lịch sử, từ các sự kiện lịch sử, chắc là người Hoa rất ít người có khái niệm làm như thế! Thậm chí còn cho rằng đây là một chỗ rất đáng sợ hãi, vì người Trung Hoa, nhất là người nơi đất Hán, coi trọng an cư lạc nghiệp, tích tụ gia sản dồi dào, cũng có thể nói là tâm trí “*thành gia lập nghiệp, thủ hộ tổ nghiệp*”. Giáo ngôn và tri kiến ấy một mực tuôn chảy trong huyết dịch của toàn thể dân tộc rất sâu dày. Nhưng

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

trong dân tộc Tây Tạng, hoặc dân tộc du mục, phần nhiều có trạng thái tâm lý dộc cạn gia sản để bố thí. Vì họ thường xuyên xuất hiện tình huống trong một đêm ngay lập tức mất sạch gia sản. Chẳng hạn như một trận tuyết lớn có thể phủ trùm toàn bộ bãi cỏ của trại chăn nuôi, cũng có thể là tất cả gia súc bị chết cồng hết sạch, hoặc một trận ôn dịch cũng sẽ khiến họ chẳng còn một vật nào. Vì thế, họ đã ném đủ sự vô thường, nhưng người ở đất Hán vì an cư lạc nghiệp, các thế hệ đều nối tiếp nhau sanh tồn trong cơ chế “*thường pháp*”, cho nên ý thức sai khác rất lớn. Nếu người ở đất Hán có thể tư duy chỗ này một lượt, sẽ là thuận tiện.

Tôi nhớ khi tôi mới xuất gia, rất nhiều người hỏi: “Anh làm thế nào để bỏ hoàn cảnh sống quen thuộc? Làm thế nào để bỏ được công việc quen thuộc và gia đình?” Họ cảm thấy chẳng thể nghĩ bàn, bỏ được bằng cách nào? Dẫu nhà nghèo cách mấy, giống như con chẳng chê mẹ xấu, người ta chẳng hiềm nhà nghèo. [Họ cho rằng]: Có nạn duyên chi đó, nhân duyên gì đó thì mới có thể khiến cho quý vị chẳng sanh tồn trong nhà được, đành phải xuất gia? Thật ra, đối với khái niệm “*xả gia*”, người Hoa mười phần khó thể tiếp nhận. Xả gia là buông bỏ nhân duyên quá khứ, bất luận là giàu hay nghèo, là tốt hay xấu, là thiện hay ác, tức là buông xả một hoàn cảnh quen thuộc mà thôi, đối diện một hoàn cảnh hoàn toàn mới toanh, hoàn cảnh lạ lẫm, để như thật biết rõ có sợ hãi hay không, có như thật an trụ tự tâm trong hoàn cảnh mới toanh ấy hay không? Dùng chuyện ấy để tu tập sanh mạng. Đây quả thật là một sự bố thí. Bản thân của chuyện xuất gia là bố thí, còn tại gia sẽ bố thí như thế nào? Quý vị có thể tư duy, nghĩ ngợi. Giả sử chính mình bố thí toàn bộ, tâm lý sẽ là như thế nào? Quý vị chẳng cần bố thí, trước tiên hãy suy sâu nghĩ chín, suy tưởng thì cũng là phương tiện. Dẫu cho quý vị tư duy như thế, trong tâm trí của người Hoa vẫn là mười phần khó khăn. Tôi cảm thấy chúng ta xả không được cũng không sao, thật sự là có thể cố vũ, khích lệ chính mình một phen. Trước hết, hãy thâm tưởng, thâm nghĩ, thâm quán thì cũng là phương tiện. Đó cũng là một lần huấn luyện cái tâm, là một loại phương pháp tu hành mười phần trọng yếu. Nếu chúng ta chẳng thể buông bỏ tự ngã, cho đến hết thấy phước đức và nhân duyên trong đời hiện tại, mà mong thật sự khế hợp A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, sẽ mười phần khó khăn! Vì sao? Do phần nhiều có nghiệp tập, có thể tục trôi buộc, chẳng thể khiến cho quý vị thật sự khế hợp thanh tịnh, viên mãn lợi ích trong Phật pháp.

“*Hàm vi nhân thân tán trợ kỳ sự*” (Đều dùng thân người để giúp đỡ chuyện ấy): Chư thiên dùng thân người để giúp đỡ, tức là diệt quang

minh, diệt oai đức của họ, dùng thân người làm bầu bạn. Có chư thiên có phương tiện như vậy, mà cũng có quỷ thần biến hóa cũng có phương tiện như thế. Người bình phàm nếu trông thấy chư thiên, sẽ đều té xỉu, hoặc có thể nói là mê loạn, vì thân người và thân trời khác biệt quá lớn. Chẳng hạn như tướng mạo sai khác, loài người rất xấu xí, thô kệch. Vì chúng ta chẳng biết chư thiên có sắc thân tinh tế, màu nhiệm, tròn đủ quang tướng, oai thần, trang nghiêm, cho nên còn thường tự cho mình là xinh đẹp. Ngài Nan Đà do thấy tướng mạo của vợ quá đẹp, chẳng nữ xuất gia! Đức Thế Tôn bèn đem Ngài lên thiên đường nhìn thử, [đã thấy dung mạo của các thiên nữ], Ngài bèn nguyện ý tu đạo. [Đức Phật lại đem Ngài] xuống địa ngục xem [những tội nhân thọ báo do phóng túng ái dục], Ngài liền bằng lòng phát tâm xuất ly. Tướng mạo của con người nếu so sánh trong nhân loại thì có thể vẫn còn đẹp đẽ. Nếu đem so với con khi, chúng ta cảm thấy [loài người] cũng rất đẹp, nhưng đem so với chư thiên, chúng ta quả thật rất xấu, chủ yếu là chẳng thể so sánh nổi!

Lại như đối với trang phục của chúng ta, người xuất gia hiện thời đắp tấm khoác (y ca-sa) chính là tấm áo do Đại Phạm ban tặng, tức là “tùy ý y”. Đại Phạm có thể dùng tấm áo ấy làm nhà cửa, làm tấm che, làm thuyền bè, tùy ý sử dụng, nhưng chúng ta dùng tấm áo ấy thì chỉ là một mảnh vải, mặc lâu ngày sẽ nồng sực mùi mồ hôi, sẽ dính tro bụi. Do chín lỗ của chúng ta thường tuôn chảy chẳng ngừng, y phục mặc mấy ngày chẳng giặt sẽ không được! Nhân loại thật sự đối diện rất nhiều khó khăn, đều là áp lực sanh tồn đối với bản thân chúng ta, là áp lực do nghiệp báo mang lại, nhưng con người vẫn thường tự cho là tốt đẹp, chủ yếu là vẫn chẳng so sánh. Trước kia, tôi sống trong núi, đã từng nửa năm chẳng giặt quần áo, nhưng nếu như tâm trí hơi đắm nhiễm, hơi dính thế tục, hơi động niệm, thậm chí hơi nghĩ đến thức ăn, hơi nghĩ đến ngủ nghỉ, sẽ chẳng được. Áo trời chẳng cần giặt giũ, vì sao? Cõi trời chẳng có bụi bặm. Chúng ta đều biết, chư thiên có bốn suy tướng: Một khi phước báo đã hết, tràng hoa kết trên mào sẽ héo trước, dưới nách có mùi hôi, sau đó y phục mới có tro bụi. Nếu áo có vết bụi, phước báo của vị trời ấy đã hết, các quyền thuộc ngay lập tức lia bỏ kẻ đó. Khi đó, ném mùi khở sở gấp mấy lần địa ngục. Vì sao? Bình thường có vô lượng quyền thuộc bầu bạn vui chơi, một khi bị lia bỏ, tâm trí chẳng thể chịu đựng nổi, cho nên khở sở gấp mấy lần nổi khở trong địa ngục.

Loài người chúng ta so sánh với chư thiên là như thế. Nếu so với súc sanh, chúng ta cảm thấy chính mình thanh tịnh, trang nghiêm hơn nhiều. Nếu so với ác quỷ, địa ngục, sẽ càng tốt hơn nữa. Vì súc sanh chỉ

lo trả nợ, ác quỷ chỉ hứng chịu khổ báo, địa ngục chỉ là chịu đựng trừng phạt, chẳng có duyên nào khác, nhưng nhân loại chúng ta còn có phương tiện để chọn lựa. Tuy vậy, con người rất khó biết chính mình, cho nên thông thường dễ dung tục tự mãn. Vì sao nói những điều trên đây? Nhằm khích lệ chúng ta đối với chính mình phải có sự tự tôn, hoặc là phát tâm, nhưng đối với nghiệp xử, phải biết [nghiệp chướng của] mình trầm trọng, nặng gánh, đau khổ, bản thủ, hoặc là nói “chẳng thể tự không chế”, tức là nổi khổ bất tịnh, nổi khổ vì vô thường ngăn ngại tạm bợ. Nếu chẳng có chút tri kiến này, sẽ thường là sống suốt đời xoàng xĩnh, chẳng thể tự thoát, chẳng thể nhảy bén đối với pháp.

(Kinh) Dục linh Hiền Hộ Bồ Đề quả báo tốc thành tựu cố. Nhĩ thời, Hiền Hộ dữ chư quyền thuộc, thiện hữu, tri thức đẳng, tảo sái kỳ gia, nãi chí Vương Xá đại thành nhai, hạng, đạo lộ, xử xử giai tất huyền diệu phan, cái, quảng thiết chủng chủng chư trang nghiêm cụ nhi trang sức chi. Hựu dĩ chư chủng vi diệu hoa, hương, bố tán kỳ địa, phục thiêu thể gian đệ nhất danh hương nhi vi cúng dường.

(經)欲令賢護菩提果報速成就故。爾時，賢護與諸眷屬，善友知識等，掃灑其家，乃至王舍大城街巷道路，處處皆悉懸妙幡蓋，廣設種種諸莊嚴具而莊飾之。又以諸種微妙華香，佈散其地，復燒世間第一名香而為供養。

(Kinh: Vì muốn khiến cho quả báo Bồ Đề của Hiền Hộ mau thành tựu. Lúc bấy giờ, Hiền Hộ và các quyền thuộc, thiện tri thức v.v... quét dọn nhà cửa, cho đến ngõ hẻm, đường sá trong đại thành Vương Xá, nơi nơi đều treo các phan, lọng đẹp đẽ, bày rộng khắp các thứ vật trang nghiêm để trang hoàng. Lại dùng các thứ hoa, hương vi diệu rắc rải trên mặt đất, lại đốt các thứ hương nổi tiếng bậc nhất trong thế gian để cúng dường).

Hoa tươi, đốt hương cũng là một thứ phong tục, đều để cúng dường. Trong quá khứ, người Hoa, nhất là hoàng gia, trưởng giả, hiền giả, cũng rất coi trọng việc thắp hương!

(Kinh) Thời, bỉ Hiền Hộ như thị trang nghiêm Vương Xá đại thành cập diệu thực dĩ, ư minh đán thời, dữ chư quyền thuộc, nghệ

Thế Tôn sờ, đầu diện lễ kính, nhi khải bạch ngôn: “Thế Tôn! Ngã sự dĩ biện, nguyện tri thử thời”. Nhi thời, Thế Tôn ư thân triều thời, vị Hiền Hộ cố, trước y, trì bát, dữ bỉ vô lượng tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, thiên, nhân đại chúng, tả hữu vi nhiều, hướng bỉ Hiền Hộ Bồ Tát xá trạch.

(經)時，彼賢護如是莊嚴王舍大城，及妙食已，於明旦時，與諸眷屬，詣世尊所，頭面禮敬，而啓白言：「世尊！我事已辦，願知此時」。爾時，世尊於晨朝時，爲賢護故，着衣持鉢，與彼無量比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷、天人大衆，左右圍繞，向彼賢護菩薩舍宅。

(Kinh: Khi đó, Hiền Hộ trang nghiêm đại thành Vương Xá như thế và sắp đặt các thức ăn ngon lành xong, vào buổi sáng ngày hôm sau, cùng với quyến thuộc, tới chỗ đức Thế Tôn, đầu mặt lễ kính, thưa rằng: “Bạch Thế Tôn! Con đã lo xong chuyện, xin biết đã đến lúc”. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn vào lúc sáng sớm, vì Hiền Hộ bèn đắp y, cầm bát, cùng với vô lượng tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, thiên, nhân đại chúng vây quanh hai bên, đến nhà của Hiền Hộ Bồ Tát).

“Trước y” tức là đắp y, để trang nghiêm. Trong quá khứ, khi ứng cúng, khát thực, hoặc tuyên nói pháp, phải trọn đủ trang nghiêm. Chúng ta thấy rất nhiều tượng Phật của Phật giáo Nam truyền đều đắp y. Cái y để đắp ấy là vật để thể hiện sự trang nghiêm.

(Kinh) U thị, Hiền Hộ phát như tư niệm: - Ngã gia ải tiểu, bất thọ đa chúng.

(經)於是，賢護髮如斯念：「我家隘小，不受多衆」。

(Kinh: Trong lúc, ngài Hiền Hộ nghĩ như thế này: “Nhà ta nhỏ hẹp, chẳng chứa được nhiều người”).

Hiền Hộ Bồ Tát thấy nhiều người như vậy thông thả đi tới, làm sao chứa hết? Ngài phải cầu nguyện. Quý vị nói đây chẳng phải là chuyện thần thoại ư? Chúng ta không quan tâm, nhưng cầu nguyện rất quan trọng, tức là tâm địa như thế, nếu nói: “Nhà tôi nhỏ hẹp, người

đông như thế, quý vị đừng tới. Người khác đừng tới, Phật Đà tới ứng cúng là được rồi!” Đó là tâm địa nhỏ hẹp, chẳng phải là nhà cửa nhỏ hẹp. Vì thế, nhà cửa nhỏ hẹp, nhưng tâm trí rộng lớn, tâm địa của các vị Bồ Tát hành pháp tất nhiên rộng lớn như thế. Chúng ta hãy xem tiếp: Mở rộng tâm địa của chính mình như thế nào? Quả báo của mở rộng tâm địa là gì?

(Kinh) Tự phi Thế Tôn oai linh gia hộ, linh trạch khoan quảng, tận vi lưu ly, linh chư thành nội nhất thiết nhân dân, mạc bất minh kiến, diệc linh kim thử thiên nhân đại chúng tùy ý thọ dụng, vô sở phạp thiếu, bất diệc khoái hồ?

(經) 自非世尊威靈加護，令宅寬廣，盡爲琉璃，令諸城內一切人民，莫不明見，亦令今此天人大衆隨意受用，無所乏少，不亦快乎？

(Kinh: Nếu chẳng do oai linh của đức Thế Tôn gia hộ, khiến cho nhà cửa rộng rãi, toàn bằng lưu ly, khiến cho hết thấy nhân dân trong các thành, không ai chẳng thấy rõ, cũng khiến cho đại chúng trời, người hiện nay thọ dụng, chẳng bị thiếu thốn, cũng chẳng vui lắm ư?)

Đây là tâm địa rộng lớn. Vì sao? Do biết oai thần của đức Phật rộng lớn, trọn đủ, chân thật chẳng hai, chẳng bị trở ngại nơi pháp, cho nên dấy lên ý niệm như thế, phát tâm như thế.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn tri bỉ Hiền Hộ tâm sở niệm dĩ, tức dĩ thần lực, linh kỳ gia trạch nghiêm lệ, khoan quảng, sở hữu chúng cụ biến thành lưu ly, diệc linh thành nội nhất thiết nhân dân giai đắc đồ kiến, phân minh hiển liễu, tức linh đại chúng tùy ý dụng chi.

(經) 爾時，世尊知彼賢護心所念已，即以神力，令其家宅嚴麗寬廣，所有衆具變成琉璃，亦令城內一切人民皆得睹見，分明顯了，足令大衆隨意用之。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn biết tâm niệm của Hiền Hộ rồi, liền dùng sức thần thông khiến cho nhà cửa ông ta trang nghiêm, tráng lệ, rộng rãi, tất cả các vật đều biến thành lưu ly, cũng khiến cho hết thấy

nhân dân trong thành đều được trông thấy phân minh, rõ rệt, đủ để đại chúng tùy ý sử dụng).

Vì sao? Phật là đấng Nhất Thiết Trí, do Nhất Thiết Trí chiếu soi, hay biết.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn nhập Hiền Hộ trạch, tùy kỳ sàng tòa, an tường nhi tọa, diệc linh nhất thiết chư tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, nhân thiên đại chúng, tùy kỳ bộ loại, thứ đệ nhi tọa.

(經)爾時，世尊入賢護宅，隨其牀座，安詳而坐，亦令一切諸比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷、人天大眾，隨其部類，次第而坐。

(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn vào nhà của Hiền Hộ, an tường ngồi trên sàng tòa, cũng để cho hết thấy các tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, đại chúng trời, người tùy thuộc bộ loại theo thứ tự mà ngồi).

“*Bộ loại*” rất trọng yếu. Trong cảm nhận của người Trung Hoa, chắc là quan sát đối với bộ loại khá ít, nhưng tại các quốc gia như Ấn Độ, chủng tánh và bộ loại mười phần rõ rệt. Chẳng hạn như nói đến chủng loại Sát-lợi vương, thì phải là Sát-lợi vương, trưởng giả tử là trưởng giả tử, trưởng giả là trưởng giả, Bà La Môn là Bà La Môn, tỳ-kheo là tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni là tỳ-kheo-ni, trình tự rất rõ ràng, chẳng thể lẫn lộn, cho nên họ ngồi theo thứ tự.

(Kinh) Thời, bỉ Hiền Hộ cập Bảo Đức Ly Xa Tử, Thiện Thương Chủ ưu-bà-tắc, Già Ha Ngập Đa trưởng giả tử, Na La Đạt Đa trưởng giả tử, ký kiến Thế Tôn, dữ bỉ tứ bộ thiên nhân đại chúng, giai an tọa dĩ. Ư thị, Hiền Hộ cung dĩ tự thủ, trì tối diệu thực phụng thượng Thế Tôn.

(經)時，彼賢護及寶德離車子、善商主優婆塞、伽訶岌多長者子、那羅達多長者子，既見世尊，與彼四部天人

大眾。 ， 皆安坐已。 於是， 賢護躬以自手， 持最妙食奉上世尊。

(Kinh: Khi ấy, Hiền Hộ, và Bảo Đức Ly Xa Tử, ưu-bà-tắc Thiện Thương Chủ, con ông trưởng giả Già Ha Ngập Đa, con ông trưởng giả Na La Đạt Đa, đã thấy đức Thế Tôn và bốn bộ chúng trời, người đều an tọa xong. Lúc đó, Hiền Hộ cung kính, đích thân đem thức ăn ngon lành nhất dâng lên đức Thế Tôn).

“Phụng thượng” (奉上) là nâng cao khỏi đầu. Đây vẫn là một điều thuộc về phong tục, là một hình thức biểu đạt tâm trí của người dâng cúng.

(Kinh) Thế Tôn thọ dĩ, nhiên hậu thọ dĩ chư tứ bộ chúng, cập dĩ nhất thiết thiên nhân đại chúng, chủng chủng thượng diệu hương mỹ vị thực, hàm linh tự tứ, tất giai phong mãn.

(經)世尊受已， 然後授與諸四部衆， 及與一切天人大衆， 種種上妙香美味食， 咸令自恣， 悉皆豐滿。

(Kinh: Đức Thế Tôn thọ cúng xong, sau đó, [Hiền Hộ] dâng cho bốn bộ chúng và hết thấy trời, người đại chúng các thứ thức ăn thơm ngon, hay khéo nhất, khiến cho mọi người đều tùy ý lấy dùng, thấy đều phong phú, tràn đầy).

“Tự tứ” (自恣) là tùy ý lấy dùng.

(Kinh) Như thị nhất thiết phạn thực tư tất, tháo thủ, sáu khẩu, nãi chí tẩy địch bát khí, trì cử giai cánh.

(經)如是一切飯食斯畢， 澡手漱口， 乃至洗滌鉢器， 持舉皆竟。

(Kinh: Dùng cơm như thế xong xuôi, rửa tay, súc miệng, cho đến rửa sạch bát đựng, cất đi xong xuôi).

Đây là nói đến quá trình ăn uống của Ấn Độ. Họ dùng tay bốc thức ăn. Nếu dùng bát cỡ lớn, đủ cho sáu người ăn. Bát cỡ trung thì đủ

cho bốn người ăn. Dùng bát cỡ nhỏ thì đủ cho hai người ăn. Sau khi bốc ăn, cần phải rửa tay. Ở đây, rửa tay, súc miệng, cho đến rửa sạch bát là một quá trình sinh hoạt của Tăng nhân.

(Kinh) Hiền Hộ w thị biệt trí tiểu tòa. Tại Thế Tôn tiền, đầu diện đánh lễ, nhiên hậu thoái tọa, nhất tâm chiêm ngưỡng.

(經)賢護於是別置小座。在世尊前，頭面頂禮，然後退坐，一心瞻仰。

(Kinh: Hiền Hộ khi đó xếp riêng một chỗ ngồi nhỏ. Đối trước đức Thế Tôn, đầu mặt đánh lễ đức Phật, sau đó, ngồi lui qua, nhất tâm chiêm ngưỡng).

Cũng là một loại phong tục. Vì làm cho mắt từ bi của đức Thế Tôn nhìn rộng khắp hết thủy hữu tình, tâm quang chiếu soi, hộ trì. Cho nên vì đức Phật lập một tòa ngồi cao rộng, còn Hiền Hộ xếp đặt một tòa nhỏ, biểu thị lòng tôn trọng, cúng dường.

“*Nhất tâm chiêm ngưỡng*” tức là chấp tay ngấm dung nhan kỳ diệu của đức Thế Tôn, trong tâm tán dương. Đó gọi là “*cung kính nhiều, chiêm ngưỡng*”, tức là dùng tâm tôn trọng, tâm kiên thành để chiêm ngưỡng đức Thế Tôn.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn tức vị Hiền Hộ Bồ Tát, cập Bảo Đức Ly Xa Tử, Thiện Thương Chủ ưu-bà-tắc, Già Ha Ngập Đa trưởng giả tử, Na La Đạt Đa Ma Nạp đẳng, nãi chí tứ bộ thiên nhân đại chúng đẳng, như ứng thuyết pháp, linh kỳ giải tri, khai đạo ủy dụ, linh kỳ hoan hỷ. Nhiên hậu, dĩ chư tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, thiên, nhân đại chúng quy hoàn bản sở. Thời, bỉ Hiền Hộ Bồ Tát hậu thực tất dĩ.

(經)爾時，世尊即為賢護菩薩，及寶德離車子、善商主優婆塞、伽訶岌多長者子、那羅達多摩納等，乃至四部天人大眾等，如應說法，令其解知，開導慰喻，令其歡喜。然後，與諸比丘、比丘尼、天人大眾歸還本所。時，彼賢護菩薩後食畢已。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

(**Kinh:** Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn liền vì Hiền Hộ Bồ Tát, và Bảo Đức Ly Xa Tử, ưu-bà-tắc Thiên Thương Chủ, con ông trưởng giả Già Ha Ngập Đa, Na La Đạt Đa Ma Nạp v.v... cho đến bốn đại chúng trời, người thuyết pháp thích ứng, khiến cho họ hiểu biết, hướng dẫn, an ủi, khuyên nhủ, khiến cho hoan hỷ. Sau đó, các tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, trời, người đại chúng trở về chỗ mình. Khi đó, Hiền Hộ Bồ Tát ăn sau xong xuôi).

Hiền Hộ chăm sóc cho bốn bộ đại chúng ăn trước, sau đó mới tự mình dùng bữa.

(**Kinh**) *Tương chư quyến thuộc, thiện hữu, tri thức, cập bách thiên chúng tử hữu vi nhiều, chí Thế Tôn sở.*

(經)將諸眷屬善友知識，及百千衆左右圍繞，至世尊所。

(**Kinh:** Dẫn các quyến thuộc, thiện hữu tri thức, và trăm ngàn người vây quanh hai bên đến chỗ đức Thế Tôn).

Hiền Hộ là vị đứng đầu của mười sáu Chánh Sĩ, là người đứng đầu tám vị Đại Sĩ, cho đến là người đứng đầu của năm trăm vị tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di đối trước đức Thế Tôn phát nguyện thủ hộ pháp Ban Châu tam-muội. “Thủ” là người phát khởi trước, thủ hộ trước. Vì thế, Hiền Hộ dẫn mọi người tới chỗ đức Thế Tôn.

(**Kinh**) *Cung kính lễ bái, thoái tọa nhất diện, hồ quỳ, hiệp chưởng.*

(經)恭敬禮拜，退坐一面，胡跪合掌。

(**Kinh:** Cung kính lễ bái, lui qua ngòai một phía, hồ quỳ, chấp tay).

“Hồ quỳ” là quỳ một gối xuống đất.

(**Kinh**) *Nhi bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Bồ Tát Ma Ha Tát cụ túc kỷ pháp, đương năng chứng thử hiện tiền tam-muội?*

(經)而白佛言：「世尊！菩薩摩訶薩具足幾法，當能證此現前三昧？」

(Kinh: Bèn bạch đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Bồ Tát Ma Ha Tát trọn đủ mấy pháp thì sẽ có thể chứng hiện tiền tam-muội này?)

“Bồ Tát” ở đây chính là người thọ trì, yêu mến, tu tập pháp này, khéo thủ hộ pháp này, có thể chứng tam-muội. Bất luận xuất gia hay tại gia, đều dùng danh xưng Bồ Tát để gọi.

(Kinh) Phật ngôn: - Hiền Hộ! Bồ Tát nhược năng thành tựu ngũ pháp, tắc tiên đắc thử hiện tiền tam-muội. Hà đẳng vi ngũ?

(經)佛言：「賢護！菩薩若能成就五法，則便得此現前三昧。何等爲五？」

(Kinh: Đức Phật nói: - Nay Hiền Hộ! Bồ Tát nếu có thể thành tựu năm pháp, liền đạt được hiện tiền tam-muội này. Những gì là năm?)

Đức Thế Tôn nhiều lượt nêu ra năm pháp. Dưới đây là pháp thứ nhất.

(Kinh) Sở vị: Nhất giả, cụ thậm thâm Nhẫn, diệt trừ chí tận.

(經)所謂：一者、具甚深忍，滅除至盡。

(Kinh: Tức là: Một là trọn đủ nhẫn rất sâu, diệt trừ cho đến hết).

“Thâm nhẫn” là nói đến Tín Nhẫn, Thuận Nhẫn, và Vô Sanh Nhẫn. Tức là đối với hết thảy các pháp, đều có thể tùy thuận, im lặng, nghe theo, tín thuận, tùy thuận, yêu thích. Nói “diệt trừ chí tận” tức là đối với các pháp, không có gì để đạt được, mà đối với vô sở đắc, cũng chẳng bị nhiễm gì. Đối với không đắm nhiễm, cũng là chẳng nói năng, cũng chẳng có gì để biết. Đây thật sự là cội nguồn của phát tâm, là tướng mạo thanh tịnh của Vô Thượng Bồ Đề tâm. Năm pháp đầu tiên này đều là tướng tâm trí của cội nguồn Vô Thượng Bồ Đề tâm. Nếu chẳng phải là người khéo nói, có thể thuận theo lời này để khéo biểu đạt Vô Thượng Bồ Đề tâm, tức chẳng phải là tạo tác Bồ Đề tâm, mà là chân thật Bồ Đề tâm.

(Kinh) Nhị giả, thật vô sở tận, vô hữu tận xứ.

(經)二者、實無所盡，無有盡處。

(Kinh: Hai là thật ra chẳng có gì để tận, chẳng có chỗ cùng tận).

Pháp thứ hai tiếp nối của pháp thứ nhất. Đức Thế Tôn hướng dẫn theo thứ tự. Tuy chẳng có sâu hay cạn, vẫn khiến cho người đời có thể tuân theo. Biểu đạt chân tâm, Vô Thượng Bồ Đề tâm, Phật tâm, pháp tánh như thế, chính là có thể biểu đạt trọn đủ, hoàn toàn. Trong hành pháp Ban Châu tam-muội, điều này được nói đầu tiên. Bởi lẽ, muốn chứng tam-muội, năm pháp này là tâm trí phải chọn lựa đầu tiên, chính là cách phát tâm và vận dụng phải chọn lựa đầu tiên.

(Kinh) Tam giả, bốn vô hữu loạn, diệt trừ chư loạn.

(經)三者、本無有亂，滅除諸亂。

(Kinh: Ba là vốn chẳng có loạn mà diệt trừ các loạn).

Vốn là kẻ nhàn tản, vốn vô sự, vì sao tạo tác? Vốn chẳng có sanh tử, hư vọng tự thiết lập giả dối. Vốn chẳng có phiền não, kẻ tâm thường tự quấy nhiễu! Chúng ta hãy tự khéo quan sát, vì vốn không có gì để loạn, cho nên khiến cho các loạn được trừ. Vì có sao? Các loạn hiện ra sau đó đều là vốn chẳng thể được, do chẳng có tự tánh. Vì thế, các loạn ngay lập tức trừ sạch. Vì sao? Vì vốn là vô sanh.

(Kinh) Tứ giả, bốn vô hữu cấu, diệt trừ chư cấu.

(經)四者、本無有垢，滅除諸垢。

(Kinh: Bốn là vốn chẳng có cấu, diệt trừ các cấu).

Các vị thiện tri thức ơi! Đây là giáo ngôn rất sâu, thanh tịnh, vô nhiễm, chân thật ẩn khế tâm trí cội nguồn thanh tịnh của chúng sanh. Nếu sử dụng được, sẽ là phương tiện hiện tiền, chẳng nhờ vào tu chứng, cùng lúc trọn đủ! Đây là giáo ngôn an lập thực thi Vô Thượng Bồ Đề tâm, xa lìa tạo tác.

(Kinh) Ngũ giả, bốn vô hữu trần, đoạn ly chư trần.

(經)五者、本無有塵，斷離諸塵。

(Kinh: Năm là vốn chẳng có trần, đoạn lìa các trần).

Tợ hồ là “*thuyết*” mà chẳng thuyết, ngôn mà vô ngôn, “*câu*” là vô câu, loạn là chẳng loạn, sanh thì vô sanh, trừ thì vô trừ, diệt thì vô diệt. Ngay lập tức gột rửa hết sạch, trọn chẳng có gì, ngay lập tức chân thật! Giải quyết từ chỗ căn bản, hết thấy nhân duyên huyễn hóa, ở nơi trí huệ, thanh tịnh, trong diệu dụng của pháp tánh. Đó gọi là “*pháp tánh vốn tịch tĩnh, nhất thời diệu dụng sanh khởi*”. Muốn chứng tam-muội này như thế, căn cơ rất chín muồi, sẽ chẳng khó khăn!

(Kinh) Hiền Hộ! Thị vi Bồ Tát Ma Ha Tát cụ túc thành tựu Vô Sanh Nhân cố, nhi năng đắc thử hiện tiền tam-muội.

(經)賢護！是為菩薩摩訶薩具足成就無生忍故，而能得此現前三昧。

(Kinh: Nay Hiền Hộ! Đó là Bồ Tát Ma Ha Tát do thành tựu đầy đủ Vô Sanh Nhân mà có thể đạt được hiện tiền tam-muội này).

Năm pháp cần phải trọn đủ ấy đều dùng Vô Sanh Nhân để miêu tả, tức là nói “*chẳng đến, chẳng đi, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng thiện, chẳng ác, chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng*”, cũng chẳng nói đến xanh, vàng, đỏ, trắng. Cho nên hết thấy các cách nói đối đãi sẽ ngay lập tức tiêu mất, hết thấy giả thiết sẽ ngay lập tức vứt bỏ, hết thấy trần cấu ngay lập tức gột sạch sành sanh. Vì sao? Do vốn vô sanh. Vì vô sanh, cho nên cũng vô diệt, chẳng như mà cũng chẳng tịnh. Trong chân tâm như thế, được thấy pháp tắc. Người hành pháp như thế tất nhiên tương ứng, ắt chứng Bồ Đề, ắt có thể chứng tam-muội hiện tiền này.

Năm pháp ấy là vì trọn đủ pháp, tức là vốn sẵn vô tánh, cũng là trọn đủ Vô Sanh Nhân. Ở đây, thoát nhìn dường như ngôn thuyết quá cao, lý giáo quá cao, thật ra chẳng phải vậy! Cao hay thấp chỉ là do tâm tướng của chúng sanh. Nếu có thể tùy thuận, sẽ rất là thuận tiện! Ở đây, nếu muốn tư duy, giả thiết, muốn thông hiểu, sẽ rất khó khăn! Đây là giáo pháp ẩn khế, giáo pháp chọn lựa, chẳng nhờ vào tư duy, chẳng cậy vào phương tiện, mà thẳng thừng ẩn khế, tức là từ tướng của Vô Sanh Nhân, từ diện mạo của Vô Sanh Nhân, từ chỗ công đức và lợi ích của Vô Sanh Nhân, từ ngay năm pháp ấy mà có thể đắc hiện tiền tam-muội này!

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát phục hữu ngũ pháp năng đắc tam-muội.

(經)復次賢護! 菩薩摩訶薩復有五法能得三昧。

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát lại có năm pháp để có thể đắc tam-muội).

Đây là “năm pháp” thứ hai.

(Kinh) Nhất giả, thâm yếm chư hữu, bất thọ chư hành.

(經)一者、深厭諸有，不受諸行。

(Kinh: Một là chán sâu xa các cõi, chẳng thọ các hành).

Trong hết thấy các nhiễm pháp, chán lia sâu xa, chẳng có đôi đũa. Đối với các hành, hiểu chúng là vô nhiễm, trọn chẳng có gì để đạt được!

(Kinh) Nhị giả, nhất thiết sanh xứ, niệm Bồ Đề tâm.

(經)二者、一切生處，念菩提心。

(Kinh: Trong hết thấy chỗ sanh, đều nhớ tới tâm Bồ Đề).

Dù là thiện niệm hay ác niệm, dù là niệm hay phi niệm, phạm niệm hay thánh niệm, trong hết thấy các niệm xứ, đều dùng Bồ Đề tâm để soi tỏ, nhận biết, đây là chánh tu hành! Vì vậy, nơi pháp tắc thứ hai, chánh tu hành phát khởi, vì đối với các hành đều chẳng thọ. Do vậy, trong hết thấy các chỗ, vận dụng Bồ Đề tâm, niệm Bồ Đề tâm, quán Bồ Đề tâm, hành Bồ Đề tâm, hiểu rõ Bồ Đề tâm, chế phục Bồ Đề tâm, trong hết thấy các chỗ sanh đã hiển hiện, chỉ dùng Bồ Đề tâm để chọn lựa hiện duyên.

(Kinh) Tam giả, sở sanh thường kiến chư Phật Thế Tôn.

(經)三者、所生常見諸佛世尊。

(Kinh: Ba là đối với chỗ sanh, thường thấy chư Phật Thế Tôn).

Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát hành hai pháp trước, chỗ nào cũng sẽ thấy Phật. Quý vị nói: “Ta đã phát Bồ Đề tâm, vì sao chẳng thấy?” Vì quý vị chưa thường tu, rốt ráo tu, tu chẳng gián đoạn, tu vô nhiễm, chân thật hành Bồ Đề tâm, thấu hiểu Bồ Đề tâm, chế phục Bồ Đề tâm, chứng Bồ

Đề tâm, trọn đủ Bồ Đề tâm. Nếu là như thế, niệm Bồ Đề tâm sẽ là chân thật. Do vậy, thường thấy chư Phật Thế Tôn.

(Kinh) Tứ giả, chung bắt đăm trước âm giới chư nhập.

(經)四者、終不耽著陰界諸入。

(Kinh: Bốn là trọn chẳng đăm chấp âm, giới, các nhập).

Trong các cảnh giới, cho đến thấy tướng quang minh, cho đến trông thấy chư Phật, cũng chẳng đăm nhiễm, càng chẳng cần phải nói tới âm cảnh, mộng cảnh, huyễn cảnh, vọng cảnh trong thế gian, đều chẳng thể nhập. “*Chẳng nhập*” là như nhìn vật trong gương, giống như xem tuồng. Chúng ta chẳng cần diễn tuồng, chỉ nên xem tuồng. Nếu nhập vào trong tuồng, sợ rằng tự tâm sẽ mê, đánh mất thân phận! Tham gia làm diễn viên, một chốc buồn, một chốc vui, một chốc phàm, một chốc thánh, luân hồi chẳng ngơi trong sáu đường, mê mất tự tâm. Vì thế, “*chẳng nhập*” là chẳng trụ vào các cảnh, chẳng đánh mất các cảnh.

(Kinh) Ngũ giả, chung bắt ái trước thọ dục lạc sự. Hiền Hộ! Thị vi Bồ Tát Ma Ha Tát cụ túc ngũ pháp thành tựu tam-muội.

(經)五者、終不愛著受欲樂事。賢護！是爲菩薩摩訶薩具足五法成就三昧。

(Kinh: Năm là trọn chẳng yêu đăm, tiếp nhận các chuyện dục lạc. Nay Hiền Hộ! Đó là Bồ Tát Ma Ha Tát trọn đủ năm pháp thành tựu tam-muội).

Đối với hữu tình trong Dục Giới, điều này rất khó! Khó ở chỗ nào? Dục Giới hữu tình lẫn lộn trong ngũ dục. Chỗ này là chỗ chúng ta phải tự mình xem xét kỹ càng. Khi niệm Phật, khi muốn thấy Phật, đối với niềm vui ngũ dục, hãy nên có tâm lìa bỏ. Vì lẽ nào? Khi được thấy đức Thế Tôn, thiện căn sẽ thành thực, quý vị sẽ thấy rõ niềm vui ngũ dục trong thế gian quả thật là niềm vui chẳng tương ứng, vì nó là vô thường!

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát phục hữu ngũ pháp năng đắc tam-muội.

(經)復次賢護！菩薩摩訶薩復有五法能得三昧。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát lại có năm pháp có thể tam-muội).

Đây là “năm pháp” thứ ba.

(Kinh) Nhất giả, thường đương tư niệm vô biên tế tâm.

(經)一者、常當思念無邊際心。

(Kinh: Một là thường nghĩ niệm tâm không ngăn mé).

“Tâm” không bị hạn chế, chẳng có giới hạn.

(Kinh) Nhị giả, thường năng thiện nhập Thiền Định tư duy.

(經)二者、常能善入禪定思惟。

(Kinh: Hai là thường có thể khéo nhập Thiền Định tư duy).

“Chư Thiền Định tư duy” và cảm nhận, tư duy của chúng sanh về Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp sai khác tột bậc to lớn. Do tu trì bốn loại vô biên mà người ta sẽ đắc Thiền Định thiện xảo. Vì sao? Vì hết thấy thức tâm sẽ tiêu tan, lìa thoát, không chấp trước gì!

(Kinh) Tam giả, phân biệt tư duy nhất thiết chư pháp.

(經)三者、分別思惟一切諸法。

(Kinh: Ba là phân biệt, tư duy hết thấy các pháp).

“Phân biệt” ở đây là khéo phân biệt, quan sát trong pháp tắc vô phân biệt. Vô phân biệt chính là nơi tự tánh tồn tại. Do khéo phân biệt mà liễu đạt tự tánh, chẳng có gì phân biệt. Trong vô phân biệt, hiện các thứ tướng phân biệt. Vì thế, nói là “*khéo phân biệt hết thấy các pháp*”.

(Kinh) Tứ giả, w chư chúng sanh vô hữu tranh tâm.

(經)四者、於諸衆生無有爭心。

(Kinh: Bốn là đối với các chúng sanh, chẳng có tâm tranh chấp).

Trong pháp tắc tu trì Ban Châu tam-muội, cái tâm vô tranh rất quan trọng. Nó chính là căn bản để thủ hộ của người niệm Phật. Có kẻ

nói chính mình là người niệm Phật, nhưng chỗ nào cũng là “người này đúng, người nọ sai”. Như thế sẽ chẳng thể niệm Phật, vì sao? Phật là đáng thanh tịnh, đáng bình đẳng, đáng chân thật, đáng lợi lạc rộng khắp chúng sanh, đáng yêu thương chúng sanh, đáng dẹp khổ cho chúng sanh, đáng ban vui cho chúng sanh, đáng ban phước huệ cho chúng sanh, sẽ chẳng tranh giành với người khác, sẽ chẳng có duyên có tranh chấp, sẽ chẳng có tâm tranh chấp, sẽ chẳng có ý tranh chấp!

(Kinh) Ngũ giả, thường dĩ Tứ Nhiếp nhiếp thọ chúng sanh. Sở vi, bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Hiền Hộ! Thị vi Bồ Tát Ma Ha Tát cụ túc ngũ pháp thành tựu tam-muội.

(經)五者、常以四攝攝受衆生。所謂佈施愛語利行同事。賢護！是爲菩薩摩訶薩具足五法成就三昧。

(Kinh: Năm là thường dùng pháp Tứ Nhiếp để nhiếp thọ chúng sanh, tức là bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự. Đây Hiền Hộ! Đó là Bồ Tát Ma Ha Tát trọn đủ năm pháp thành tựu tam-muội).

Tứ Nhiếp Pháp, bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự là thiện xảo để giao tiếp, thiện xảo để nhiếp thọ chúng sanh, là thiện xảo để tôn trọng, là pháp tắc trọng yếu trong tu hành hết thảy Phật pháp, là điều mà hết thảy hữu tình học Phật phải nên quen thuộc, phải nên khéo thủ hộ, khéo tu tập. Như thế thì đoàn thể Tăng chúng và đoàn thể cư sĩ sẽ hòa hợp, sẽ có ý nghĩa. Trong Tăng chúng và trong cư sĩ hiện thời, tội bậc thiếu khuyết pháp tắc Tứ Nhiếp, lợi ích rộng khắp người khác ít ỏi, bố thí ít ỏi, đồng sự ít ỏi. Kẻ nói “ta cao minh, ta vĩ đại, ta trang nghiêm, ta chánh xác, ta chân thật” nhiều lắm. Đó chẳng phải là đồng sự với người khác. Đồng sự là vô ngã, vô ngã tướng, không có người khác, không có tướng người khác. Như thế thì sẽ có thể tiêu trừ hết sạch cảm nhận bất bình đẳng, vì có thể khéo thực hiện bố thí, ái ngữ, có thể lợi ích rộng khắp hữu tình.

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát phục hữu ngũ pháp năng đắc tam-muội.

(經)復次賢護！菩薩摩訶薩復有五法能得三昧。

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát lại có năm pháp có thể đắc tam-muội).

Đây là “năm pháp” thứ tư.

(Kinh) Nhất giả, w chư chúng sanh sở, thường hành từ tâm.

(經)一者、於諸衆生所，常行慈心。

(Kinh: Một là đối với các chúng sanh, thường hành từ tâm).

Các vị Bồ Tát ơi! Đừng coi thường lời dạy này! Chúng ta có thể dùng năm pháp này để đối chiếu với tâm trí và hành vi thường nhật của chính mình xem có trọn đủ hay không? Quý vị sẽ biết vì sao chính mình chưa chứng tam-muội, chưa đắc Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiền Tiên! Chúng ta dùng cái gương vi tế này để soi rọi nghiệp của chính mình, vì sao nghiệp chẳng chín muồi? Vì sao hành pháp chẳng tương ứng? Thường hành từ tâm đối với các chúng sanh, chẳng phải là một loại, chẳng phải nhân loại, chẳng phải thiên loại, chẳng phải đồng loại, chỉ là đối với chúng sanh thường hành từ tâm!

(Kinh) Nhị giả, w nhất thiết thời, niệm tu thánh hạnh.

(經)二者、於一切時，念修聖行。

(Kinh: Hai là trong hết thảy các thời, nghĩ tu thánh hạnh).

Đừng nên hành hạnh của phàm ngu, hoặc hạnh đọa lạc.

(Kinh) Tam giả, thường hành nhẫn nhục, kiến phá giới giả, hằng sanh kính tâm.

(經)三者、常行忍辱，見破戒者，恆生敬心。

(Kinh: Ba là thường hành nhẫn nhục, thấy kẻ phá giới luôn sanh tâm kính trọng).

Điều này mười phần trọng yếu. Vì nhẫn nhục, cho nên thấy kẻ phá giới vẫn sanh lòng tôn trọng, yêu mến. Vì sao nói như thế? Trong giáo ngôn Đại Thừa của đức Thế Tôn đã dạy: “Trì giới bất kính, phạm giới bất si” (Chẳng kính người trì giới, chẳng si nhục kẻ phạm giới). Vì sao? Do cái tâm thanh tịnh, do bình đẳng, do có thể nhẫn nhục hết thảy sai biệt.

Đây là một sự tu trì tâm lý hết sức trọng yếu, tức là tâm lý thanh tịnh, bình đẳng. Hãy nên tu trì như thế, sự tu trì ấy mười phần trọng yếu. Vì mọi phàm nhân hễ thấy kẻ khác có lỗi, tâm họ sẽ sanh sân oán, bài

xích, lừa bịp. Đối với pháp như thế, chẳng thể đạt được an lạc thật sự và tâm từ bi rốt ráo, tâm bình đẳng chẳng thể chọn lựa sanh khởi.

(Kinh) Tứ giả, tự hòa thượng, A Xà Lê sở, bất thuyết kỹ năng.

(經)四者、於自和尚，阿闍梨所，不說己能。

(Kinh: Bốn là đối với hòa thượng, A Xà Lê của chính mình, chẳng khoe tài năng của bản thân).

Hết sức trọng yếu! Vì sao? Do tôn sư trọng đạo! Vì nếu đối với “*tự hòa thượng, A Xà Lê sở*”, khoe tài năng của chính mình, tức là khoe khoang, là khinh miệt thầy, là báng pháp. Vì sao? Do cái tâm kiêu mạn mà ra, do cái tâm tà kiến mà ra. Trong quá khứ, chuyện này được gọi là “*khi nhục sư trưởng*” (dối gạt, làm nhục sư trưởng). Tôi nêu một thí dụ để mọi người dễ cảm nhận hơn. Chẳng hạn như có một người giúp kẻ khác buôn bán, cho kẻ đó mượn tiền, lót đường cho kẻ đó buôn bán. Sau đó, kẻ đó do buôn bán mà phát tài, bèn tới trước mặt người đã giúp đỡ hẳn, bô bô: “Nay tao rất có tiền! Tao nói cho mày biết...” Tự huênh hoang dạy đời, khiến cho người kia cảm thấy kẻ đó chẳng tử tế, chẳng tương ứng. Vì sao? Kẻ đó chẳng được người khác giúp đỡ, đức hạnh sẽ chẳng thể an lập. Nếu có thể an lập, hãy nên thanh tịnh thủ hộ, cảm kích thủ hộ. Vì thế, chẳng khoe tài năng của chính mình rất quan trọng.

Tôi nhớ có lần tôi đến đạo tràng của vị ân sư thế độ. Sư phụ nói: “Nay con làm pháp sư, nghe nói con giảng kinh khá lắm, hãy đến đây giúp thầy giảng kinh”. Tôi thưa: “Thầy chó nên giảm tổn đê tử của chính mình! Thầy nói như thế, con chỉ có nước đổ mặt mà thôi!” Trước mặt sư phụ, đối đáp nhân duyên như thế làm sao được? Tôi chỉ có thể cảm ơn sư trưởng đã giáo huấn, dìu dắt, ban tặng, chẳng thể nói chi khác. Vì thế, đối trước hòa thượng, A Xà Lê, chẳng thể khoe tài năng của chính mình. Đây là điều chúng ta phải tránh, phải chú ý chỗ này. Nếu không chú ý, sẽ có tâm tăng thượng mạn, thậm chí sanh tâm tà kiến, như thế thì sẽ tổn hại thiện căn của quý vị. Sư trưởng sẽ không cho quý vị cơ hội, hoặc sẽ chẳng nói pháp giáo cho quý vị. Dầu có giáo ngôn thiện xảo rất sâu, thầy cũng chẳng truyền dạy quý vị. Vì sao? Như thế sẽ khiến cho quý vị bị đọa lạc, thương tổn, giống như kẻ giàu có ăn nhậu, chơi bời, cờ bạc, chẳng tương ứng! Vì thế, người khéo gìn giữ gia sản, sẽ để cho đứa con hiếu thuận thủ hộ gia sản, truyền thừa cho đời sau, hoặc lợi ích thế gian. Cũng giống như vậy, nếu chúng ta chẳng thể khéo vận dụng pháp tắc, sư trưởng sẽ ngăn trở nhân duyên của chúng ta. Đó là chuyện tất nhiên.

Khinh mạn sư trưởng là chẳng tương ứng, bất cứ người học Phật nào cũng đều nên chú ý điểm này!

(Kinh) Ngũ giả, w nhất thiết xứ, bất cảm khinh tha. Hiền Hộ! Thị vi Bồ Tát Ma Ha Tát cụ túc ngũ pháp, tắc năng chứng thị hiện tiền tam-muội.

(經)五者、於一切處，不敢輕他。賢護！是爲菩薩摩訶薩具足五法，則能證是現前三昧。

(Kinh: Năm là trong hết thảy các chỗ, chẳng dám khinh mạn người khác. Nay Hiền Hộ! Đó là Bồ Tát Ma Ha Tát trọn đủ năm pháp sẽ có thể chứng hiện tiền tam-muội này).

Càng trọng yếu hơn! Trong hành pháp Ban Châu, chớ nên coi thường hết thảy chúng sanh, dầu là hữu tình tội ác tội bậc, điên đảo cùng cực, cuồng vọng cùng cực, phạm làm lỗi cùng cực, cũng chớ nên khinh kẻ đó. Chúng ta chẳng có lý do gì để coi thường sự tồn tại và giá trị của bất cứ sanh mạng nào! Vì sao? Quý vị chẳng biết kẻ đó là do vị Bồ Tát nào thị hiện, do vị thiện tri thức nào thị hiện, hoặc do nhân duyên nào thị hiện, khi quý vị chẳng thấy thấu suốt, tuyệt đối phải nên tôn trọng hết thảy, trừ phi biết túc mạng trong bao kiếp lâu xa giống như đức Thế Tôn. Nếu không, quyết định chớ nên [khinh thường].

Trong lúc đức Thế Tôn tại thế thuyết pháp, tôn giả Ca Diếp đã mấy lần thưa với đức Thế Tôn lời lẽ như thế. Có một lần, các vị đại A La Hán thấy một hữu tình già khom muốn xuất gia, mỗi vị đều cho là ông cụ đó chẳng có thiện căn để xuất gia. [Các Ngài quán thấy] suốt một kiếp, hai kiếp, cho đến tám vạn đại kiếp, xét theo nhân duyên, chẳng thấy ông lão có mảy may thiện căn, làm sao có thể xuất gia cho được? Cụ già ấy được gặp đức Thế Tôn, đức Thế Tôn quán thấu triệt thiện căn, phước đức, nhân duyên của người ấy, biết bao kiếp lâu xa về trước, cụ là tiều phu. Có con cọp đói toan ăn thịt. Cụ liền trèo lên cây. Cọp đói quá sức, nhe nanh gặm cây. Cụ già trong lòng hoảng hốt, bèn niệm một câu “*nam-mô Phật*”.

Do thiện căn từ bao kiếp lâu xa về trước ấy, đức Thế Tôn cho phép cụ xuất gia. Khi cụ xuất gia, liền chứng A La Hán. Lúc ấy, các vị đại A La Hán đều khó hiểu, nói vì sao vậy? “Bạch Thế Tôn! Người này trong tám vạn đại kiếp chẳng có mảy may thiện căn nào, vì sao đức Thế Tôn vừa nói, ông ta lập tức chứng A La Hán? Rất là bất công!” Đức Thế

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Tôn bèn tuyên nói với các vị A La Hán từ bao kiếp lâu xa về trước, người tiêu phu này có thiện căn xưng “*nam-mô Phật*”. Do [thiện căn ấy] đã vượt ra ngoài tám vạn đại kiếp, các vị A La Hán chẳng thể suy xét sâu hơn, nhưng đức Thế Tôn có thể thấy thấu triệt, khiến cho thiện căn của người ấy thành thực. Ngay khi đó, tôn giả Ca Diếp đánh lễ dưới chân đức Phật, tán thán rằng: “Lành thay! Đức Thế Tôn oai đức hy hữu, đã vì con mở kho công đức thù thắng, khiến cho con được thấy chỗ vô tận thiện căn của chúng sanh. Bạch Thế Tôn! Từ nay về sau, chúng con chẳng thể khinh báng hết thảy kẻ hữu duyên, sẽ coi hết thảy nhân duyên giống như Thế Tôn”. Đó là tôn giả Ca Diếp ở chỗ đức Thế Tôn, đối với chuyện đức Thế Tôn đã vì chúng sanh chỉ ra lợi ích chân thật của bảo tạng trân quý, bèn ngay lập tức thốt ra lời cung kính thọ trì. Ngài nói gì vậy? Tôn trọng hết thảy hữu tình; đây là bảo tạng.

Chúng ta nói: “*Vì chúng sanh mở kho báu vô tận*”, kho báu vô tận ở chỗ nào? Chính là tôn trọng hết thảy. Các vị thiện tri thức ơi! Đừng coi các thứ duyên là tạp duyên, đừng coi các thứ duyên là ác duyên. Nếu chúng ta mở con mắt trí huệ, hết thảy các hiện duyên đều là duyên trí huệ. Nếu chúng ta mở con mắt “trợn đủ”, hết thảy các hiện duyên đều là trân bảo. Vì kẻ mù chẳng thể thấy, do phòng tối đóng kín, cho nên bị nhiều thứ trân bảo làm bị thương. Trân bảo ở nơi đó cũng trở thành ác duyên. Vì sao là ác? Do con mắt trí huệ chẳng mở! Năm pháp trợn đủ ấy nhất là đối với chúng ta là những kẻ phàm ngu hữu tình đang hành trì Ban Châu lại càng trọng yếu, nhất là trong thời đại này, chúng ta tự mình hèn kém, khiến cho kẻ khác hèn kém. Mọi người hãy nên tự khéo quan sát, thủ hộ bảo tạng ấy.

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát phục hữu ngũ pháp năng đắc tam-muội.

(經)復次賢護! 菩薩摩訶薩復有五法能得三昧。

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát lại có năm pháp có thể đắc tam-muội).

Đây là “*năm pháp*” thứ năm.

(Kinh) Nhất giả, thường y thánh giáo, như thuyết tu hành.

(經)一者、常依聖教, 如說修行。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

(Kinh: Một là nương theo thánh giáo, tu hành đúng như lời dạy).

Pháp này đơn giản, chẳng cần phải tư duy. Tu hành theo đúng lời dạy chính là phương tiện.

(Kinh) Nhị giả, thanh tịnh ý nghiệp, diệt thân khẩu ác.

(經)二者、清淨意業，滅身口惡。

(Kinh: Hai là thanh tịnh ý nghiệp, diệt điều ác nơi thân và miệng).

Đây là thiện xảo Tứ Chánh Cần, rất dễ nắm vững, có thể vận dụng trong hiện duyên bất cứ lúc nào!

(Kinh) Tam giả, thanh tịnh giới hạnh, đoạn trừ chư kiến.

(經)三者、清淨戒行，斷除諸見。

(Kinh: Ba là giới hạnh thanh tịnh, đoạn trừ các kiến).

Giới do chư Phật Thế Tôn chế định. Bất luận Bồ Tát giới, Thanh Văn giới, tại gia giới, hay xuất gia giới, trong các loại giới hạnh, nếu nương theo giới, tự nhiên có thể trừ các kiến.

(Kinh) Tứ giả, thường cầu đa văn, thâm tín chư thiện.

(經)四者、常求多聞，深信諸善。

(Kinh: Bốn là thường cầu đa văn, tin sâu các điều thiện).

Trong các pháp, chẳng sanh nghi báng, bất luận là tự pháp hay tha pháp, bình đẳng yêu thích, nhưng nương theo tự pháp để thâm nhập tu tập, phương tiện thủ hộ. Vì thế, chớ nên tự khen mình, báng bỏ người khác.

(Kinh) Ngũ giả, thường niệm Như Lai Ứng Đẳng Chánh Giác. Hiền Hộ! Thị vi Bồ Tát Ma Ha Tát cụ túc ngũ pháp, tắc năng hoạch đắc hiện tiền tam-muội.

(經)五者、常念如來應等正覺。賢護！是為菩薩摩訶薩具足五法，則能獲得現前三昧。

(Kinh: Năm là thường niệm Như Lai Ứng Đẳng Chánh Giác. Đây Hiền Hộ! Đó là năm pháp mà Bồ Tát Ma Ha Tát trọn đủ, sẽ có thể đạt được hiện tiền tam-muội).

Phải nên thường niệm “*Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác là đáng ta tôn kính*”. Chớ xem thường câu này, hãy thường tư duy, hãy luôn để trong lòng.

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát phục hữu ngũ pháp năng đắc tam-muội.

(經)復次賢護！菩薩摩訶薩復有五法能得三昧。

(Kinh: Lại đây Hiền Hộ! Bồ Tát Ma Ha Tát lại có năm pháp có thể đắc tam-muội).

Đây là “*năm pháp*” thứ sáu.

(Kinh) Nhất giả, thường hành đại thí. Năng vi thí chủ, bất khởi xan tham, tâm vô tật đố, hoàng quảng tâm thí, thuần trực vô siểm. Ư chư sa-môn cập Bà La Môn, bản cùng, cô độc, nhất thiết khát nhân, vô sở ái tích, vô hữu thắng thượng khả trọng chi vật, nhi bất thí giả. Sở vi nhất thiết vi diệu ẩm thực, danh y thượng phục, đệ nhất phòng xá, chư chủng phu cụ, đặng, chúc, hoa, hương, phàm sở thọ dụng, giai tất xả chi. Tuy thường hành thí, nhi bất cầu báo, lân mẫn nhất thiết, vô nghi hoặc tâm. Kỳ thí chi hậu, chung vô biến hối.

(經)一者、常行大施。能為施主，不起慳貪，心無嫉妒，宏廣心施，純直無諂。於諸沙門及婆羅門，貧窮孤獨，一切乞人，無所愛惜，無有勝上可重之物，而不施者。所謂一切微妙飲食，名衣上服，第一房舍，諸種敷具，燈燭花香，凡所受用，皆悉舍之。雖常行施，而不求報，憐愍一切，無疑惑心。既施之後，終無變悔。

(Kinh: Một là thường hành bố thí to lớn. Có thể làm bậc thí chủ, chẳng dấy lòng keo tham, tâm chẳng ghen tỵ, bố thí bằng cái tâm rộng lớn, tinh thuần thẳng thắn, chẳng siểm ngụy. Đối với các sa-môn và Bà La Môn, kẻ nghèo túng, cô độc, hết thầy ăn mày, đều chẳng yêu tiếc,

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

chẳng có vật nào thù thắng, thượng diệu đáng trọng mà chẳng thể thí. Tức là hết thấy các thứ thức ăn vi diệu, y phục sang đẹp nổi tiếng, nhà cửa bậc nhất, các thứ đồ trái, đèn, đuốc, hoa, hương, phàm là thứ thọ dụng nào cũng đều xả được. Tuy thường hành bố thí, mà chẳng cầu báo, thương xót hết thấy, chẳng có tâm ngờ vực. Sau khi đã thí, trọn chẳng đòi dạ, hối hận).

Đây thật sự là tâm địa rộng lớn. Quý vị nói: “Tôi chẳng có gì cả, [bố thí] rộng lớn bằng cách nào đây?” Trên thực tế, bản cùng cũng rất dễ bố thí. Có phương pháp [bố thí] là người nghèo cùng nếu chẳng sát sanh, yêu mến sanh mạng [của chúng sanh]. Đó chính là bố thí. Nếu “*biết đủ*” thì là bố thí hết thấy tiền tài.

(Kinh) Nhị giả, thường vi thí chủ nhi hành pháp thí. Sở vị thường vị chúng sanh thuyết như tư pháp, sở vị đệ nhất tối thượng, tối thắng, tối diệu, tối tinh. Tu hành như thị đại pháp thí thời, năng xuất nhất thiết vô ngại biện tài, văn nghĩa thứ đệ, tương tục bất đoạn. Như Lai sở thuyết thậm thâm pháp trung, giai năng an trụ, thành tựu thâm nhân. Hoặc thời bị tha phỉ báng, mạ nhục, chửi kích, tiên đã, chung vô sân hận, uế trược độc tâm, diệc vô kinh cụ, chủng chủng khổ não, nhi tâm vô úy, thường hoài hoan hỷ.

(經)二者、常爲施主而行法施。所謂常爲衆生說如斯法，所謂第一最上，最勝最妙最精。修行如是大法施時，能出一切無礙辯才，文義次第，相續不斷。如來所說甚深法中，皆能安住，成就深忍。或時被他誹謗，罵辱捶擊鞭打，終無瞋恨，穢濁毒心，亦無驚懼，種種苦惱，而心無畏，常懷歡喜。

(Kinh: Hai là thường làm thí chủ để hành pháp thí. Tức là thường vì chúng sanh mà nói pháp như thế này, chính là [các pháp] bậc nhất, tối thượng, tối thắng, mẫu nhiệm nhất, tinh vi nhất. Khi tu hành đại pháp thí như thế, có thể phát ra hết thấy biện tài vô ngại, văn và nghĩa theo thứ tự, liên tục chẳng ngừng. Trong các pháp rất sâu do Như Lai đã nói, đều có thể an trụ, thành tựu Nhân sâu. Hoặc có lúc bị kẻ khác phỉ báng, mạ nhục mạ, đánh đập, đòn vọt, trọn chẳng có tâm sân hận, như bản, tèn

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

độc, cũng chẳng có tâm kinh sợ, các thứ khổ não, mà tâm chẳng sợ hãi, thường có lòng hoan hỷ).

Lành thay! Đây thật sự là những pháp tắc mà chúng ta có thể sử dụng trong lúc bình thời, có thể xem xét kỹ!

(Kinh) Tam giả, nhược văn tha thuyết thử tam-muội thời, chí tâm thính thọ, thư tả, độc tụng, tư duy kỳ nghĩa, quảng vị tha nhân phân biệt, diễn thuyết, linh thị diệu pháp cứu trụ thế gian, chung vô bí tàng, sử pháp tận diệt.

(經)三者、若聞他說此三昧時，至心聽受，書寫讀誦，思惟其義，廣為他人分別演說，令是妙法久住世間，終無祕藏，使法疾滅。

(Kinh: Ba là nếu khi nghe người khác nói tam-muội này, chí tâm nghe nhận, biên chép, đọc tụng, tư duy nghĩa lý, rộng vì người khác phân biệt, diễn nói, khiến cho diệu pháp này tồn tại lâu dài trong thế gian, trọn chẳng giấu kín khiến cho pháp mau diệt).

Các vị thiện tri thức ơi! Đây thật sự là một bảo điển! “*Năm pháp*” ấy chính là lời bí mật, lời như thật, lời công đức của chư Phật, có thể khiến cho chúng sanh ấn khế tự tâm, lựa chọn lợi ích. Sự lợi ích ấy được lựa chọn từ đâu? Quý vị nói: “Tôi hành Ban Châu trong một thời gian dài như thế, vì sao chẳng tương ứng?” Tương ứng với gì vậy? Tương ứng với vọng tưởng của quý vị ư? Tương ứng với sự thấy Phật giả lập của quý vị ư? Do quý vị giả lập, nói chung là chẳng tương ứng! Vì thế, ở đây chẳng có sự giả lập, nhưng khi tương ứng, chúng ta sẽ có thể đạt được công đức của Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội như thế. “*Chung vô bí tàng, sử pháp tận diệt*” (Trọn chẳng giấu giếm, khiến cho pháp mau diệt): Vì thế, công đức tuyên nói pháp này rất chẳng thể nghĩ bàn! Kinh văn trong phần trước đã nói bốn điều:

- 1) Nếu cầu pháp này, công đức chẳng thể nghĩ bàn.
- 2) Nếu đọc tụng kinh điển này, công đức chẳng thể nghĩ bàn.
- 3) Nếu vì người khác tuyên nói, công đức chẳng thể nghĩ bàn.
- 4) Nếu đích thân chúng tam-muội này, công đức chẳng thể nghĩ bàn, chỉ có chư Phật biết, chỉ có Bồ Tát thủ hộ, chỉ có người thiện căn thuần thực truyền đạt.

(Kinh) Tứ giả, thường vô tật đố, viễn ly chư não, khí xả Cái Triền, đoạn trừ trần cấu, bất tự xưng dự, diệc bất hủy tha.

(經)四者、常無嫉妒，遠離諸惱，棄捨蓋纏，斷除塵垢，不自稱譽，亦不毀他。

(Kinh: Bốn là thường chẳng ghen ty, xa lìa các não, vứt bỏ Cái Triền, đoạn trừ trần cấu, chẳng tự khen ngợi, cũng chẳng hủy báng kẻ khác).

“Ghen ty” là chuyện phiền toái nhất trong loài người hiện thời. “Cái Triền” bao gồm Ngũ Cái và Thập Triền. “Bất tự xưng dự” tức là chẳng tự mình ca ngợi những gì chính mình đã đạt được. Hữu tình hiện thời thường nói: “Ta nay tốt đẹp hơn trước rất nhiều, nay ta được lắm! Nay ta như thế này, như thế nọ...” Ca ngợi chính mình như thế đó, chẳng thể tiến bộ, sẽ đứng ì tại đó, hoặc là hãm trong sự ca tụng chính mình, chẳng thể thoát ra. “Diệc bất hủy tha” (Cũng chẳng hủy báng kẻ khác). Vì sao? Kẻ tự khen mình, tất nhiên sẽ báng bỏ kẻ khác. Nếu bảo là ta đúng, tất nhiên kẻ khác sai bét! Trong pháp tương đối, sẽ tự nhiên sanh khởi như thế, chọn lựa như thế. Quý vị chẳng cần phải hoài nghi!

(Kinh) Ngũ giả, u chư Phật sở, thường trọng tín tâm. Ư chư sư trưởng, thường hành kính úy. Ư tri thức xú, thường sanh tâm quý. Ư chư ấu trĩ, thường hoài từ lân. Nãi chí thọ tha tiểu ân, thượng tu hậu báo. Hà hưởng nhân hữu trọng đức, nhi cảm triếp vong. Thường trụ thật ngôn, vị tăng vọng ngữ. Hiền Hộ! Thị vi Bồ Tát Ma Ha Tát cụ túc ngũ pháp, tắc năng hoạch đắc như thị tam-muội.

(經)五者、於諸佛所，常重信心。於諸師長，常行敬畏。於知識處，常生慚愧。於諸幼稚，常懷慈憐。乃至受他小恩，尚思厚報。何況人有重德，而敢輒忘。常住實言，未曾妄語。賢護！是為菩薩摩訶薩具足五法，則能獲得如是三昧。

(Kinh: Năm là ở nơi chư Phật, thường có tín tâm sâu nặng. Đối với sư trưởng, thường giữ lòng kính sợ. Ở nơi tri thức, thường sanh lòng

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

hổ thẹn. Đối với những kẻ nhỏ dại, thường có lòng từ bi, thương xót. Cho đến nhận ân nhỏ của người khác, còn nghĩ báo đáp sâu đậm. Huống hồ đối với người có đức sâu nặng mà dám vội quên. Thường trụ trong lời chân thật, chưa từng nói dối. Nay Hiền Hộ! Đó là Bồ Tát Ma Ha Tát trọn đủ năm pháp, sẽ có thể đạt được tam-muội như thế).

Kính sợ sư trưởng chính là thiện xảo, diệt trừ kiêu mạn, lập tức cung kính. Tâm cung kính chính là căn bản của hết thảy các pháp. Nếu chẳng có tâm cung kính, hết thảy các pháp đều chẳng thể đạt được, hết thảy các pháp đều chẳng thể thành, hết thảy các tam-muội đều chẳng thể thành tựu. Đó là điều chắc chắn, chẳng có mảy may hoài nghi nào! Bởi lẽ, sư trưởng là vị hướng dẫn tốt lành cho chúng ta. Chư Phật là đáng khéo hướng dẫn chúng ta, vì [các Ngài] dẫn dắt, phát khởi sự cung kính chọn lựa cho chúng ta. “*Thường trụ thật ngôn, vị tăng vọng ngữ*” (Thường trụ trong lời thật, chưa hề nói dối): Vì hành trì pháp Niệm Phật, và hành trì pháp tắc của chư Phật, nói dối sẽ gây tổn thương rất lớn cho con người. Vì thế, phải nên mười phần chú ý.

Đức Thế Tôn nêu ra sáu thứ “*ngũ pháp*”, chúng ta hãy thường nên luyện tập, thường đọc tụng, thường tu tập, thường ấn khế tự tâm, như thật biết tự tâm, sẽ đích thân chứng đắc tam-muội này chẳng khó!

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn vị trùng minh thử nghĩa, dĩ kệ tụng viết.

(經)爾時，世尊爲重明此義，以偈頌曰。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn vì nói rõ lại nghĩa này, dùng kệ tụng nói như sau).

Đây là theo lệ thường, kệ tụng nhằm trùng tuyên ý nghĩa [trong phần Trường Hàng]. Vì sao như thế? Đức Thế Tôn giáo huấn chúng ta, muốn khiến cho chúng ta đạt được sự nhận biết rõ ràng đối với pháp tắc tam-muội, tư tưởng ít đi theo đường vòng, có thể rõ ràng nhờ vào danh tướng và ngôn từ mà hiểu rõ tự tâm, nhờ vào ngôn thuyết mà biết rõ tự tâm, nhờ vào ngôn thuyết mà hiểu rõ pháp tắc.

Đối với pháp tắc, dựa theo đạo lý, thường là chúng ta nhận biết chẳng phải là rất khó, nhưng nếu muốn nhận biết rõ ràng, chẳng nghi, cần phải không ngừng tập cho quen thuộc. Vì chúng ta đối với nghiệp tập tiếp nối từ vô thủy đến nay, tức là những cái gọi là phiền não và tri

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

kiến chẳng chánh đáng, cho đến tham, sân, si, mạn, nghi, đủ loại tư duy, chúng ta đều hết sức quen thuộc. Đối với sự nhận biết đắm nhiễm trong sáu căn và sáu trần, chúng ta đã hết sức quen thuộc, đã thuần thục rất lâu, nhưng đối với sự tư duy về pháp, sự nhận biết về pháp thì hết sức xa lạ! Nếu chẳng do thiện căn nhiều kiếp, đối với pháp chúng ta còn chẳng thể nghe, huống hồ có thể quen thuộc, hoặc thuần thục với nó, tu tập nó, cho đến thành tựu nó ư? Vì thế, chớ nên coi thường nhân duyên quen thuộc và thâm nhập quan sát một pháp tắc. Thật sự cần phải có một cơ chế rất sâu rộng thì mới có thể thành thục tiếp xúc, nhận biết, tu tập, cũng như thành thục thiện căn thù thắng, duyên thù thắng, hay nghiệp thù thắng của một pháp tắc.

Nói theo phía đại đa số người học Phật, cảm giác xa lạ [đối với pháp] biểu hiện khá rõ rệt, nhưng đây chính là chỗ chúng ta chẳng sợ hãi, là chỗ phải nên hoan hỷ. Nói “*hoan hỷ*” hoàn toàn chẳng phải là chúng ta dễ dãi, hời hợt nhận biết một vấn đề, liền cho là đã có thành tựu, hoặc đã đạt được điều chi đó. Hoàn toàn chẳng phải là như vậy, mà là chúng ta có thể thật sự đặc lực tập trung vào sanh mạng. Tức là khi có phiền não, nghịch duyên, tạp duyên, bèn có thể từ đó thoát ra, thật sự từ trong phiền não mà thoát ly phiền não, từ nơi nghịch hạnh mà được tự tại, từ chỗ ác duyên mà đạt được thuần tịnh. Như thế thì mới có thể thật sự hiển thị sức mạnh và phương tiện chẳng thể nghĩ bàn của Phật pháp. Ở đây, cũng giống như thế. “*Nhĩ thời, Thế Tôn vị trùng minh thử nghĩa*” (Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn vì nói rõ lại nghĩa này) để khiến cho mọi người hiểu rõ. Nếu chúng ta chẳng hiểu rõ các duyên hiện tiền, dấu hết thảy chư Phật đều hiểu rõ, cũng chẳng liên can gì với chúng ta, vô ích cho chúng ta!

(Kinh) Nhược w thâm pháp tâm dục nhạo, yếm ly nhất thiết chư hậu hữu.

(經) 「若於深法心欲樂，厭離一切諸後有。」

(Kinh: Nếu với pháp sâu, tâm ưa thích, chán lìa hết thảy các hậu hữu).

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Đối với hai chữ “*hậu hữu*”¹⁶, chúng ta phải nên chú ý, dốc sức tư duy, quan sát. “*Yém ly nhất thiết chư hậu hữu*” (Chán lìa hết thấy các hậu hữu): Nếu đối với tương lai chẳng tính toán, đối với vị lai chẳng có nhiều điều mong mỏi, chẳng có nhiều vọng tưởng, nghiệp tập của người như thế đã mỏng ít. Nếu đối với sự tạo tác của “*hậu hữu*” trong đời vị lai mà xa lìa sự cưỡng chấp nơi ý chí của tự ngã, chỉ vì pháp tắc, vì lợi lạc thế gian, người như thế sẽ đạt được sự an ủi nơi pháp tắc. Nếu trong khi lợi lạc thế gian mà vận dụng thuần thực hai pháp bi và trí, người ấy đạt được công đức và lợi ích thù thắng trong sự thành tựu. Nếu hiểu rõ ràng sự vận dụng liên tục trong từng sát-na cho đến hết đời vị lai, tâm thanh tịnh, tâm vô công dụng, chỉ xét theo sự tướng có tác dụng lợi ích rộng khắp thế gian, người ấy đã đoạn trừ hậu hữu, đích thân chứng các thứ tướng công đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn!

Đối với Thanh Văn, “*sở tác dĩ biện, phạm hạnh dĩ lập*” (việc làm đã xong, phạm hạnh đã lập) chẳng phải là nói theo hậu hữu, mà là đã chứng thanh tịnh như thế. “*Chẳng vì hậu hữu*”, nói theo những người đang học Phật trong hiện tiền, vốn là một điều phải nên quan sát hàng đầu, phải nên phản tỉnh trong sự tu trì nội tâm. “*Hậu hữu*” thường là ích kỷ, nhưng nếu đối với một pháp tắc mà liên tục tu trì, Hữu ấy sẽ là “*hữu chẳng luân hồi*”, mà là Hữu tăng thượng. Tuy chưa đắc đạo, mà đã có đạo cơ (cơ duyên ngộ đạo, chứng đạo). Tuy chưa lìa vô minh, cái duyên “*có thể trừ khử vô minh*” đã hiện tiền. Cũng có nghĩa là nếu đối với vị lai, chúng ta còn có rất nhiều sự giả lập tự ngã, khát vọng, hoặc mong mỏi hư vọng, huy hoàng, tức là vẫn đắm chìm trong dòng nghiệp vô minh. Hậu hữu kiêu đó chớ nên có, đừng nên có! Nếu chúng ta muốn lưu truyền Phật pháp rộng khắp trong thế gian, thực hiện các thứ thiện xảo, và huân tu, trao đổi, tu hành các thứ pháp tắc, hoặc kiến thiết đạo tràng, “*hậu hữu*” kiêu đó chính là thiện duyên tăng thượng. Điều này càng trọng yếu hơn nữa đối với hữu tình còn đang mê muội. Do vậy, phải nên vận dụng Hậu Hữu như thế nào? Quan sát như thế nào?

Xa lìa hết thấy hậu hữu, thật sự là sự lựa chọn theo pháp tánh thanh tịnh, mà cũng là một loại duyên khởi thanh tịnh, viên mãn, tự đạt được trong Phật giáo, chính là tu ngay trong hiện tiền. “*Tu*” là chọn lựa,

¹⁶ Hậu Hữu (Punar-bhava): Quả báo trong đời vị lai, hoặc thân tâm trong đời sau. Hiểu theo một nghĩa hẹp hơn, Hậu Hữu là thân sanh tử cuối cùng, còn gọi là Tội Hậu Thân, tức là thân cuối cùng của một vị Bồ Tát trước khi thành Phật. Ở đây, Hậu Hữu hiểu theo nghĩa thứ nhất.

chấp thuận ngay trong hiện tại, nhất là trong nghịch duyên, trong nhân duyên chẳng vừa lòng, trong ác duyên. “*Ngay trong hiện tại*” giống như hòn đá thử vàng, vì trong thuận duyên, trong cái tâm vui sướng thì sẽ thoải mái, cho nên thường là chẳng có trở ngại gì, còn nghịch duyên thì vừa khéo là thời khắc trọng yếu để hiển hiện sức mạnh trí huệ. Do vậy, “*yém ly nhất thiết chư hữu*” (chán lia hết thầy các cõi) chính là cái được gọi là “*duyên khởi trí huệ hạnh*”, mà cũng là vận dụng trí huệ ngay trong hiện tiền. Có chán thế gian, lia thế gian, sẽ là rất có ý nghĩa. “*Chán*” là có tâm nguyện vứt bỏ, cảm thấy mệt nhọc, khôn đốn. “*Lìa*” là đã lìa bỏ nhị nguyên đối đãi, thiện ác bức bách, hoặc là lấy bỏ, được mất. Hai pháp “*ghét*” và “*lìa*” chính là cơ sở của Bồ Đề tâm, mà cũng là bước khởi đầu đặc biệt trọng yếu để chúng ta học tập Ban Châu tam-muội.

(Kinh) Trí giả bất nguyện nhất thiết sanh, nhược năng như thị đắc tam-muội.

(經)智者不願一切生，若能如是得三昧。

(Kinh: Người trí chẳng nguyện hết thầy sanh. Nếu được như thế, đắc tam-muội).

Chúng ta biết “*sanh*” trong “*vãng sanh thế giới Cực Lạc*” chính là thủ hộ căn bản Vô Sanh. Nói “*sanh*” tức là sanh vào cõi Vô Sanh. Thế giới Cực Lạc chẳng phải là một cõi nước luân hồi, chẳng phải là hậu hữu, mà là cõi an dưỡng, nương về để thành Phật rộng độ hữu tình, trọn đủ thiện pháp, trọn đủ oai đức. Đây chính là chánh tướng “*chẳng vì hậu hữu*”. Do vậy, quốc độ ấy là “*các tướng vô tướng*”, [nhân dân trong cõi ấy] đều đầy đủ ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo, bình đẳng nhất vị, trọn đủ các sức trang nghiêm, oai đức, thần thông tự tại vô sai biệt. “*Vô sai biệt*” là chẳng có sự nhọc nhằn vì hậu hữu. Vì thế, “*trí giả bất nguyện nhất thiết sanh*” (người trí chẳng muốn hết thầy các thứ sanh) chẳng phải là đoạn diệt, mà cũng chẳng chấp giữ sanh. Đó chính là chỗ tồn tại của công đức chân thật nơi cõi An Dưỡng (Cực Lạc), mà cũng là chỗ tồn tại của tam-muội lực. Như trong sáu loại “*ngũ cụ túc pháp*” trên đây, các điều được thủ hộ bởi năm pháp thuộc loại đầu tiên là “*vốn chẳng có sanh diệt, vốn chẳng có trần cấu, vốn chẳng chấp trước, vốn chẳng có gì được sanh*”, cho nên có thể thủ hộ duyên khởi của tam-muội này. Vô sanh chính là duyên khởi, vô cấu chướng chính là duyên khởi.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Nói “*chính là duyên khởi*” nghĩa là: Do vốn chẳng sanh, do vốn chẳng có nghiệp ấy, mà cũng do vốn chẳng có duyên ấy. Đó là chánh duyên hiện tiền.

Nếu chúng ta chẳng thể biết rõ ràng, rành mạch năm pháp đầu tiên, thì mỗi loại “*năm pháp*” do đức Thế Tôn đã nói sau đó đều là hướng dẫn dần dần theo thứ tự, cho đến năm pháp thuộc loại thứ sáu, đã phân tích tỉ mỉ, căn kẽ, rộng khắp cho các hữu tình phàm phu nhiệt não, khiến cho chúng ta dùng năm pháp để đạt được niềm vui tam-muội, xa lìa các nỗi khổ do tửn mạn, vô ký, thiện, ác trong thế tục. Niềm vui tam-muội ấy được hết thảy các bậc có trí, bậc thiện căn thuần thực thủ hộ, mà cũng có nghĩa là tam-muội vương này trọn đủ hết thảy các pháp, là Phật địa, là Phật trí, là Pháp tánh, là Tăng tánh, lợi ích chân thật như thế, chúng ta hãy nên siêng học, siêng tu trì, siêng quan sát!

“*Nhược năng như thị đắc tam-muội*” (Nếu có thể như thế thì sẽ đắc tam-muội): Trong quá trình học tập, giáo điển này không ngừng nhắc nhở chúng ta về sự thanh tịnh ngay trong hiện tiền, hiện tiền trọn đủ, hiện tiền chân thật. Nếu thật sự có thể trong mỗi thời khắc đều vận dụng mỗi niệm hiện tiền rất khéo, đạo tràng Ban Châu sẽ ở ngay trong mỗi bước chân, trong mỗi lúc giơ tay, đặt chân, mỗi câu nói năng của chúng ta đều là hành tam-muội. Mỗi ý niệm dấy động nơi ý thức đều là sự tiếp nối tam-muội chánh thọ. Đạo tràng Ban Châu lớn nhất ở ngay trong sự suy nghĩ, quán tưởng đúng pháp, ở ngay trong hiện duyên như pháp!

Thông thường, chúng ta đối với một đạo tràng hành trì Ban Châu mà có sự cảm nhận rõ ràng, có sự quy hướng khá rõ ràng, thì sẽ hoặc là đến đó tu tập, hoặc sẽ sợ hãi. Đương nhiên cũng có kẻ sợ hãi. Kẻ sợ hãi đều tự biết, như một số vị xuất gia hay tại gia Bồ Tát nói như thế này: “Trời ơi! Đợi cho tới khi tôi đầy đủ tư lương rồi mới kinh hành Ban Châu”. Hoặc là nói: “Tôi nghi ngờ pháp Ban Châu”. Chuyện này thật sự là do có người đầy đủ phước đức, có người chẳng đủ; có người pháp đầy đủ, có người pháp chẳng đủ. Nếu hai pháp phước và huệ thật sự trọn đủ thì mới có thể đặc biệt hành pháp Ban Châu. Đây chẳng phải là cố ý khen ngợi, hoặc tung hô pháp tắc này, chẳng phải như vậy! Nếu chúng ta thật sự đơn độc, chuyên nhất hành Ban Châu, quả thật là phải có nhiều thiện căn, phước đức, và nhân duyên chín muồi! Rất ít người thật sự quan sát chỗ này! Chúng ta chẳng ngại lắng đọng cái tâm xen tạp để quan sát đôi chút: Nếu thật sự trọn đủ cơ hội chuyên môn hành pháp, phải có các duyên để thành tựu, các duyên phải chín muồi. Thiếu một

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

duyên chẳng chín muồi, sẽ khó hành trì! Rất nhiều người phát tâm trong một khoảng thời gian rất dài, dùng cả mấy tháng để chuẩn bị, kết quả thường là chẳng thể thuận theo ý nguyện của chính mình để hành pháp, vì các duyên rất khó trọn đủ! [Hành trì] một ngày một đêm thì còn thuận tiện, chứ nếu nhiều ngày hơn, ba ngày, bảy ngày, hoặc thời gian càng dài hơn, nhân duyên như thế càng khó thật sự tương ứng! Một người kinh hành suốt bảy ngày bảy đêm, hoặc bảy ngày tám đêm theo hành pháp Ban Châu, sẽ cần phải có khá đông người khác bỏ ra tinh lực, tâm lực, từ bi, và trí huệ lực của chính họ để phục vụ cho toàn thể quá trình hành pháp của người ấy, nhất là trong bốn ngày cuối. Khá nhiều người kinh hành bảy ngày bảy đêm, do sức tự không chế chẳng đủ, kết quả là [tuy một người hành Ban Châu, mà thành ra] cơ bản mọi người đều hành Ban Châu. Đối với chuyện này, chúng tôi đều đã thấy, biết, tham dự rồi!

Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta hành Ban Châu, tức là tu trì Tùy Ý tam-muội như người đạo nghiệp thuần thực đã nói. Đó là pháp tắc mà hữu tình thiện căn cực thuần thực có thể duy trì thanh tịnh liên tục. Nếu thất niệm, người ấy sẽ sanh lòng hổ thẹn. Nếu đối với mặt Sự mà đánh mất lợi ích nơi pháp tắc, hoặc là trong một niệm hiện tiền mà chẳng tương ứng với pháp, người ấy sẽ có lòng hối hận, hoặc tâm chán lìa, hoặc dùng Bồ Đề tâm để quán chiếu, hoặc mạnh mẽ trực tiếp thấu đạt pháp tánh, chẳng dính chặt với sự tướng để rồi đánh mất pháp tắc thanh tịnh. Tu trì như thế, trên thực tế, chúng ta phải nên có một sự thiện xảo rộng lớn để cổ vũ khích lệ phổ biến. Vì trong tu tập pháp Ban Châu, rốt cuộc là rất ít người, cực ít người có thiện căn và cơ chế thành thực. Ngay như trong hiện tại, còn có rất nhiều vị xuất gia hay tại gia Bồ Tát sanh lòng sợ hãi đối với pháp này, thậm chí mười phần sợ hãi. Sợ hãi gì vậy? Chẳng ngủ, chẳng ngồi, mỗi ngày ăn một bữa. Đối với họ, đó là chuyện chẳng thể tưởng tượng. Cũng có lẽ đối với những người đã hành Ban Châu như chúng ta, chuyện này chẳng có gì đáng sợ. Người huân tập pháp tắc này trong một thời gian dài, đối với chuyện này (không ngủ, không ngồi, ăn một bữa) cũng chẳng có cảm giác gì, coi điều đó là rất tự nhiên, rất bình thản, thậm chí còn nói là một pháp tắc rất tốt. Nhưng đối với các hữu tình chưa hề bén mảng, còn sợ hãi, thì đâm ra những điều ấy vẫn là chỗ đáng sợ hãi! Có những kẻ tự ngộ chính mình có thiện căn rất lớn, nhưng dính dáng đến hành pháp như thế liền chẳng dám chen chân vào! Vì sao? Vẫn là do có nỗi sợ hãi. Thoạt nhìn dường như dễ dàng, nhưng để thành thực thiện căn ấy, vẫn thật sự phải được oai thần của Phật gia bị, cần phải thường cầu nguyện hồng thành thực các duyên hòa

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

hợp như thế. Do vậy, chúng ta chẳng ngại sử dụng hai chân đề đi lại (tức là dùng hai pháp đề thực hành Ban Châu trong cuộc sống thường nhật):

- Một là vận dụng hành pháp Ban Châu chuyên nhất trong pháp môn Ban Châu.

- Hai là trong cuộc sống hằng ngày, đối với chính mình chớ nên buông lung, chớ nên quá mức dung túng bản thân.

Đương nhiên là tâm địa phải nên khoan dung, phải nên như pháp, nhưng đối với các tâm niệm thế tục đã hết sức thuần thực, hoặc các thói quen trong phương thức tư duy, và phương thức sống thuộc về nghiệp lực luân hồi, đừng dung túng chính mình! Như thế thì đối với pháp, chúng ta sẽ có cái tâm hướng về, có cái tâm mạnh mẽ. Do vậy, thiện căn tinh tấn sẽ dễ chín muồi!

Dựa theo lời thọ ký của đức Thế Tôn, thời đại này là thời đại chẳng có sức tu trì. Vì sao đức Thế Tôn lại thọ ký pháp hội Ban Châu sẽ thịnh hành rộng rãi trong cõi đời? Chính là do oai đức, thần lực, và thệ nguyện của đức Thế Tôn gia bị, phước đức của đức Thế Tôn truyền lại cho chúng ta, khích lệ cơ duyên cuối cùng của chúng ta. Người trong thế giới Sa Bà do hành đạo và nghe pháp trong tuổi thọ trăm năm, sẽ khó thể tư duy, quán kỹ các hữu tình thuộc các thế giới ở phương khác, vì thọ mạng quá ngắn ngủi. Chúng ta tự cho hoàn cảnh sống trong hiện thời vẫn rất ưu việt, nhưng nếu thật sự biết các thế giới ở phương khác, hoặc là hoàn cảnh sống và tình huống thọ mạng của những vị thiện căn thành thực, hay công đức thành tựu thù thắng, nhất định là chúng ta sẽ khóc òa, tuôn lệ, nhất định sẽ quý trọng sự liên tục nơi sanh mạng của chính mình trong mỗi phút, mỗi giây. Vì sao? Do có cảm giác tương phản cực lớn. Nếu chúng tôi so sánh [phước đức của chúng ta với] phước đức của người có thọ mạng tám vạn bốn ngàn năm, quý vị sẽ nói: “Tôi lại chẳng thấy, chẳng nghe, chẳng biết, so sánh bằng cách nào?” Có thể nương theo kinh giáo để so sánh. Chẳng hạn như trong quần thể sanh tồn của nhân loại, thiện căn, phước đức, nhân duyên và quả báo đã thấy khác biệt rất lớn. Có người thân thể rất khỏe mạnh, có người thọ mạng khá dài, có kẻ rất trẻ đã chết non, có người đến tuổi trung niên mới từ trần, có người mắc đủ các thứ bệnh tật khó thể nói trọn, có người sống trong các khu vực thiếu thốn tài nguyên sinh hoạt, có người sống ở nơi có hoàn cảnh khí hậu ác liệt, có người sống trong hoàn cảnh phước đức khá đầy đủ, điều kiện khá hoàn thiện. Những khác biệt ấy mọi người đều có thể trông thấy, nhưng nếu so sánh với các hữu tình trọn đủ phước đức ở phương khác, sẽ rất giống với từng chút sai biệt ấy. Vì sao thường nhắc

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

tới những lời lẽ ấy? Vẫn là vì cổ vũ chúng ta biết rõ vô thường, thường niệm vô thường.

Pháp sư Ấn Quang có một câu nói mười phần cảm động lòng người! Các vị thiện tri thức thuở trước, hễ thuyết pháp cho đến dặn dò, lời lẽ đều rất sâu nặng vì bi tâm cùng cực, thúc giục, cảnh tỉnh kẻ mặt học, khiến cho người đời sau có thể tỉnh ngộ hiện duyên và cơ chế của chính mình. Vì thế, lão pháp sư nói “*dùng một chữ Chết dán lên trán*”. Chúng ta chẳng biết sanh mạng này ngày nào sẽ vùi xuống đất vàng, hoặc thành một nắm tro xương? Ai nấy đều khó tránh khỏi, thời tiết nhân duyên nào vậy? Có mấy ai có thể biết rõ, có mấy ai có thể nắm vững, có mấy ai có thể chọn lựa? Đối với chuyện này, quả thật chúng ta phải nên chánh quan sát, chánh tư duy. Nếu chẳng dán chữ Chết trên trán, chúng ta rất khó thể thật sự tư duy pháp tắc này! Vì cái tâm tương tục nơi hậu hữu mười phần xa rộng; cho nên người ta thường chẳng khéo tiếp nhận chữ Chết. Có các giáo ngôn nhằm dạy chúng ta tu trì sự an lạc đối với tử vong, quan tâm tử vong, sanh lòng hớn hở đối với tử vong, vui sướng đối với tử vong, không ngừng vun bồi cho chính mình cảm giác chẳng sợ hãi và thân thiết đối với tử vong. Cách tu vô úy đối với tử vong cho đến các pháp quan sát ấy khiến cho chúng ta có thể vứt bỏ Ngã Chấp. Nếu chẳng thường xuyên tu tập như thế, sẽ có các cách suy nghĩ như “vô thường đại quý dường như chẳng thể giết chúng ta, chúng ta hãy còn trẻ, còn khỏe mạnh, còn có nhiều cơ chế mà ta vẫn chưa can dự” v.v... Các pháp vừa nói đó, không gì chẳng nhằm khiến cho mọi người tư duy, tham chiếu “*yém ly nhất thiết chư hậu hữu*” (chán lìa hết thảy hậu hữu), “*trí giả bất nguyện nhất thiết sanh*” (người trí chẳng nguyện hết thảy các thứ sanh).

(Kinh) Bất dụng nhất thiết chư ngoại luận, nãi chí ngữ ngôn bất thính thọ.

(經)不用一切諸外論，乃至語言不聽受。

(Kinh: Chẳng dùng hết thảy các ngoại luận, cho đến lời lẽ chẳng nghe nhận).

“*Câu pháp ngoài tâm*” chính là ngoại đạo, chính là tri kiến của ngoại đạo! Chúng ta thật sự chẳng nên bị ràng buộc quá lố bởi các cảnh giới và tập duyên, hãy nên thấu đạt trực tiếp bản tâm, trực tiếp thấu triệt cội nguồn, thấy trực tiếp pháp tắc, chẳng dụng công hư giả, ủy khuất để

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

đi theo nhiều con đường vòng, đạt lợi ích ít ỏi, tức là nhọc nhằn lắm nổi mà chẳng đạt được lợi ích. Vì thế, “*nãi chí ngữ ngôn bất thính thọ*” (cho đến chẳng nghe nhận lời lẽ [của ngoại đạo]). Nếu chẳng có tri thức tương ứng, phần nhiều sẽ bị thị phi, rồi ren mê hoặc tâm trí của chúng ta, khiến cho chúng ta chấp trước sự tướng. Hãy đừng nghe những lời lẽ ấy, trước hết, hãy gạt nó qua một bên, tự mình niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Tam Bảo, nghĩ thương xót, dùng phương tiện như thế, cộng trụ và cư xử với nhau như thế thì sẽ có sự gia trì thanh tịnh và khích lệ lẫn nhau, sẽ hữu ý hay vô ý tạo lợi ích cho nhau!

Chúng ta nói như thế, và cũng phải không ngừng làm như thế, chẳng quản người khác đánh chửi, tán thán, hay khinh nhục chính mình, chúng ta cứ quan sát như vậy. Trên thực tế, đánh chửi, tán thán, khinh nhục, cho đến chửi rửa, đích xác là chẳng phải do chúng ta nghe nhận. Nếu đối với chỗ này mà mê hoặc, đắm nhiễm, cho là có thật, chúng ta sẽ đánh mất cơ chế tu tập hành pháp hoặc niệm Phật trong hiện tiền, kết quả là vẫn bị tri kiến của ngoại đạo gây rối, chịu nhiều nổi ủy khuất. Sự ủy khuất ấy kéo dài càng lâu, chúng ta lìa pháp càng xa, mà cũng xa lìa lợi ích thật sự càng xa. Do đó, mê mất càng lâu. Chúng ta trải qua một khoảng thời gian học tập, tri kiến đại khái đã chẳng có vấn đề, nhưng đã vận dụng được hay chưa? Vẫn phải tùy thuộc mỗi vị thiện tri thức tự mình chiếu kiến trong hiện tiền. Chúng ta chỉ có thể tự mình xem xét, chứ xét đoán người khác sẽ gặp quá nhiều khó khăn, quá nhiều nổi bất tiện, quá nhiều thứ nặng nề, quá nhiều thứ chẳng thể nắm bắt! Hãy xét kỹ tự tâm, nhận biết vạn pháp duy tâm, nhận biết cảnh giới Nhất Thật, nhận biết vốn chẳng sanh diệt, đích xác sẽ là mười phần pháp hỷ, mười phần thiện xảo.

(Kinh) Vĩnh đoạn thế gian chư ngũ dục, nhược năng như thị chứng tam-muội.

(經)永斷世間諸五欲，若能如是證三昧。

(Kinh: Vĩnh viễn đoạn ngũ dục thế gian. Được như thế, sẽ chứng tam-muội).

Đối với “*ngũ dục*”, chúng ta hiểu khá rõ ràng, rất dễ cảm nhận được. “*Vĩnh đoạn*” (Vĩnh viễn dứt trừ), đừng sợ hãi! Trong hành vi mà sợ hãi “*vĩnh đoạn*” thì chúng ta chẳng ngại trước hết hãy dùng tâm niệm để “*vĩnh đoạn*”, dùng ý thức để luyện tập, kiến lập một trụ xứ an lạc để

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

vĩnh viễn đoạn trừ ngũ dục trong vương quốc ý niệm, cũng là dùng niềm vui do năm pháp, tức “*giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến*” để quan sát, dùng niềm vui do từ bi độ chúng sanh để quan sát, dùng Thiền Định, thần thông, đại phương tiện để quan sát lỗi họa của ngũ dục. Như thế thì chúng ta sẽ chẳng đắm chìm trong ràng buộc của ngũ dục và thế tục.

Chúng ta phải xét kỹ tự tâm, đừng bận tâm [xét đoán] người khác, vì khi soi mói người khác, sẽ thường là dùng vọng niệm để suy đoán, có quá nhiều khổ nạn và chẳng tương ứng. Nếu chúng ta ai nấy đều hướng theo ngoại duyên để suy lường, như thế sẽ chẳng phải là một đạo tràng, mọi người sẽ tranh đấu, vô duyên có tranh đấu, tranh đấu chẳng có ngăn hạn. Nhưng khi mỗi người chúng ta tự xét mình, đạo nghiệp sẽ tồn tại, đạo tràng tồn tại. Mỗi người tự xét kỹ tâm mình sẽ là lợi ích lẫn nhau; như thế thì Phật pháp sẽ thanh tịnh, sẽ tiếp tục tồn tại không sợ hãi. Người học Phật chúng ta phải nên sanh tâm vô úy, cho nên nêu ra ý kiến hoặc thuyết giáo cho người khác, nhất định là phải nên vô úy, thậm chí đối với nghiệp xử cũng phải nên vô úy. Vì sao? Trong quá trình tiếp nối sanh mạng của chúng ta, nhất là hữu tình phàm phu, còn có khá nhiều nghiệp tập phiền não đã biết hoặc chưa biết. Đối với những điều đã biết, chúng ta hãy khéo sám hối, đó là sự chuyển hóa tăng thượng rất tốt. Nếu chẳng biết, vẫn thật sự cần người sáng suốt hoặc người hiểu biết khéo cảnh tỉnh.

Chư vị thiện tri thức ơi! Chúng ta nhận thức “*vĩnh viễn đoạn thế gian chư ngũ dục*” (vĩnh viễn đoạn các ngũ dục trong thế gian) như thế nào? Trước hết, trong ý thức phải dám nghĩ tưởng; sau đây mới có thể thật sự thực hiện nơi nghiệp tướng! Cho đến đối với quả báo trong đời vị lai, chúng ta mới có thể thật sự từ trong sức thần thông oai đức rộng lớn, trong sự thiện xảo, trong phương tiện độ sanh, trong cõi nước thanh tịnh của chính mình mà lợi ích rộng khắp trời, người, ta lẫn người đều viên mãn. Nếu ý niệm còn chưa mơ tưởng tới [chuyện vĩnh viễn đoạn trừ ngũ dục thế gian], tự tâm vẫn còn mê mờ trong tham, sân, si, tà kiến, hai thứ chánh báo và y báo của chính mình vẫn bị vùi dập trong phiền não thô trọng thì quả thật vẫn là khá khổ não. Vì chúng ta đã biết: Nếu một pháp có thể tự hại, sẽ có thể nghịch hại các hữu tình chung quanh. Nếu [một pháp] có thể tự lợi, sẽ có lúc vô ý thức mà lợi ích hữu tình.

“*Vĩnh viễn đoạn thế gian chư ngũ dục, nhược năng như thị chứng tam-muội*” (Vĩnh viễn đoạn trừ các ngũ dục trong thế gian. Nếu có thể như thế thì sẽ chứng tam-muội): Đối với Ban Châu tam-muội, tuy chưa đoạn

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

ngũ dục, đã có thể khiến cho mười phương chư Phật thấy đều hiện tiền, tuyên nói chánh pháp, khiến cho chúng ta tiến nhập Vô Sanh Nhẫn, chứng đắc các thứ thiện xảo. Chúng ta đọc một đoạn văn tự trả lời ngài Viễn Công của La Thập đại sư. La Thập đại sư nêu ra sự tu chứng của mấy loại tam-muội lực và mấy loại nhân duyên thấy Phật, như vừa mở đầu [khóa giảng kinh này], chúng tôi đã nhắc tới bốn pháp để thấy Phật: Trong cảnh giới hiện tiền, hoặc trong mộng, hoặc khi xả báo, hoặc trong Thiên Định có thể thấy chư Phật. Trong bốn pháp đó, chúng ta có thể sử dụng phương pháp nào để thấy Phật? Nếu có tịnh dục Bồ Tát đạt được thiện xảo do các sức thần thông, có Thân Như Ý Thông, có thể qua lại các thế giới ở phương khác, muốn thấy Phật ở các phương khác. Do nương vào sức thần thông, trong khoảng nháy mắt đã đến nơi, đánh lễ dưới chân đức Thế Tôn, thiện xảo nghe pháp. Đó là người thiện căn đã chín muồi. Chẳng có sức thần thông như thế thì làm như thế nào? Nhất là hàng phàm phu chưa tịnh dục (chưa trừ sạch các dục vọng), làm thế nào để có thể thấy Phật, nghe pháp trong hiện tiền? Ban Châu tam-muội là một giáo ngôn bất cộng: “*Vĩnh đoạn thế gian chư ngũ dục*” (Vĩnh viễn đoạn ngũ dục của thế gian). Tuy là một sự chỉ dạy dành cho người trí, dành cho người có cái tâm mạnh mẽ mong thấy Phật, vẫn chẳng bỏ sót người có thiện căn. Vậy thì quý vị nói: “Đối với ngũ dục trong thế giới này, tâm tham ái của tôi quá lừng lẫy, tôi tu tập pháp tắc này bằng cách nào đây?” Thật sự là khi niệm Phật, khi kinh hành, tức là trong lúc chuyên tu, hãy đừng mãnh liệt bỏ thì cũng đạt được phương tiện.

Vì hiện thời, trong khi hành pháp, chúng ta vẫn chưa chứng, dấu đã chứng đắc A La Hán, vẫn chẳng thấy biết tâm trí bản chất trong quá khứ, hiện tại, vị lai của hữu tình ở chỗ nào. Do vậy, sẽ chẳng thể phát hiện thiện căn của người khác. Vì thế, trong thời đại Mạt Pháp mà suy lường người khác, sẽ đặc biệt khó khăn. Nhưng trong thời đại này, kẻ chú ý ngôn thuyết của người khác, quan tâm nghiệp tướng quanh mình khá nhiều, mà kẻ thủ hộ tự tâm, hiểu thấu tự tâm, người tu pháp hiểu biết tự tâm lẫn nhau đâm ra hiềm hoi! Do vậy, chúng ta hãy nên xét kỹ trong tâm niệm, chẳng cần nhất định phải lập tức tiếp nhận nơi sự tướng, chỉ cần có thể thử thí nghiệm trong tâm niệm. Nếu như trong hiện thực chẳng làm được, thì có thể thử trong mộng!

(Kinh) Thanh tịnh trì giới trụ phạm hạnh, sở sanh bất niệm chư nữ nhân. Thâm yếm ngũ dục chân Phật tử, nhược năng như thị chứng tam-muội.

(經)清淨持戒住梵行，所生不念諸女人。深厭五欲真佛子，若能如是證三昧。

(Kinh: Trì giới thanh tịnh, trụ phạm hạnh, suốt đời chẳng nghĩ các nữ nhân. Chân Phật tử chán sâu ngũ dục. Được như thế, sẽ chứng tam-muội).

Đây là đối với các tỳ-kheo, sa-di, ưu-bà-tắc mà nêu ra pháp tắc. Nếu đối với nữ chúng, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-di sẽ nói ngược lại (suốt đời chẳng nghĩ tới nam nhân), chúng ta phải xét kỹ và quan sát.

(Kinh) Thường hành đại thí bất cầu báo, diệc vô trụ trước hồi hận tâm. Nhất xả dĩ hậu bất trùng duyên, duy đương nhiếp niệm tư chư Phật.

(經)常行大施不求報，亦無住著悔恨心。一舍已後不重緣。唯當攝念思諸佛。

(Kinh: Thường bố thí lớn, chẳng cầu báo, cũng chẳng chấp giữ tâm hồi hận. Hễ đã xả rồi chẳng nghĩ nữa, chỉ nên nhiếp niệm nghĩ chư Phật).

Đối với bọn phàm phu hữu tình chúng ta mà nói, khẳng định là cần phải có tâm trí mười phần mạnh mẽ thì mới có thể tiếp nhận pháp tắc như thế. Khá nhiều vị cư sĩ phát tâm xuất gia, cũng như đoàn kỳ xuất gia, và người xuất gia trường kỳ, thường có cảm giác như sau: “Ngay cả nhà mà ta còn bỏ, há còn có gì để luyện tiếc nữa?” Nhưng quý vị lắng lòng tư duy, hễ gặp các thuận duyên, các nhân duyên khiến cho quý vị hoan hỷ, dễ đắm nhiễm mà có thể quan sát, chẳng dễ dãi mang theo các chủng tử ấy, đối với các chủng tử từ vô thủy đến nay và các chủng tử từ ý thức hiện duyên trong hiện tại, nếu chúng ta chẳng sợ hãi, “nhất xả dĩ hậu, bất trùng duyên, duy đương nhiếp niệm tư chư Phật” (hễ đã xả rồi, chẳng duyên (nghĩ tưởng) chuyện ấy nữa, chỉ nên thâm nhiếp ý niệm, nghĩ tới chư Phật), thì sẽ là mười phần có ý nghĩa.

“Thường hành đại thí bất cầu báo, diệc vô trụ trước hồi hận tâm” (Thường bố thí to lớn mà chẳng cần được báo đáp, cũng chẳng chấp giữ cái tâm hồi hận). Đây thật sự là thiện căn cực lớn, là phước báo cực lớn đã chín muồi, là phước báo cực phong phú, là tâm trí đầy đủ tốt bậc. Nói

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

tôi “đại thí” mà chẳng cầu được báo đáp chính là đại thí. Nếu đem những thứ trân quý, đáng yêu mến ra bố thí cho các hữu tình nghèo khổ, thiếu thốn, cúng dường Tam Bảo hồng lợi ích thế gian rộng khắp, cho đến cứu tế những chỗ bị tai nạn, chẳng có tâm mong được đền đáp, mà cũng chẳng có tâm hồi hận, người ấy phước đức trọn đủ, giống như người thể lực sung mãn, chẳng vì làm chút việc nặng mà bị mệt mỏi, bèn nảy sinh tâm lý hồi hận, sợ hãi. Đó chính là tướng phước đức tràn trề.

“*Nhất xả dĩ hậu, bất trùng duyên*” (Hễ đã xả rồi, chẳng duyên theo chuyện ấy nữa), “*xả*” ở đây là bố thí. Chúng ta có thể bố thí các vật hết sức nhiều. Có khi bèn bố thí cho người khác một pháp tắc, một niệm từ bi, so với bố thí tài vật càng khó hơn, vì tài sản vẫn là vật ngoài thân. Đối với chuyện này, tôi lãnh hội mười phần sâu đậm! Có lúc sanh mạng gặp khó khăn chông chát, đạt được chút ít tương tự pháp ích, khi đó, nếu nói với người khác, sẽ càng có ý tưởng tiếc pháp, từ vô thức mà có ý niệm ấy, thường mượn có “chẳng dễ dãi chấp thuận nói cho người khác, kẻ đó chẳng biết trân quý”, chẳng mong nói với người khác. Keo tiếc tài vật, có thể là trong tâm trí của người đời, nhưng cái tâm keo tiếc pháp của người học Phật cũng hết sức dễ dàng xuất hiện! Chẳng hạn như đối với từ bi mà keo tiếc pháp, tức là dùng cái tâm từ bi để lợi lạc người khác, chiếu cố hữu tình. Lại như dùng tâm trí huệ để hồi thí hữu tình, dùng tâm vô úy để hồi thí hữu tình, quý vị chẳng muốn hồi thí, đó cũng là chẳng bố thí pháp! Như thế thì sẽ hình thành chướng ngại đối với pháp. Rất nhiều hữu tình bị chướng ngại rất lớn đối với pháp vì chẳng biết trợ hỷ, chẳng tùy hỷ, thường phá hoại nhân duyên tốt lành của người khác, chẳng thành thực người khác, chẳng tặng thượng người khác. Người như vậy mà muốn hành pháp, sẽ gặp nhiều chướng ngại nơi đạo nghiệp.

Bố thí pháp, nhất là trong đạo tràng, sự tu trì này đối với chúng ta rất trọng yếu. Vì trong đạo tràng, vận dụng tài bố thí sẽ chẳng được mười phần rộng khắp, nhưng vận dụng bố thí trí huệ, bố thí từ bi, bố thí vô úy, sẽ là hết sức thường xuyên. Nhưng ở nơi đó, bại hoại hoặc đánh mất cơ hội cũng hết sức nhiều. Chẳng hạn như đối với người đảm nhiệm, phải nên bố thí trí huệ. Đối với ác tánh hữu tình, phải nên bố thí từ bi. Đối với hữu tình ghen tỵ, phải nên bố thí tùy hỷ. Đối với hữu tình chẳng khỏe mạnh, tà kiến, hãy nên bố thí chánh kiến. Chúng ta có thể quan sát chuyện này!

Bố thí, đích xác là chẳng nên cầu được báo đền, mà cũng chẳng có người có thể báo đền. Vì bản thân của bố thí là lợi ích, là pháp tu, là

thành tựu, không có gì để có thể báo đền. Chúng ta tu hành trong đạo tràng như thế đó, cơ hội thành tựu đạo nghiệp cũng khác với lúc ở nhà, khác với hoàn cảnh thế tục. Chư vị thiện tri thức ơi! Tôi khao khát mọi người hãy như pháp bố thí pháp tắc trí huệ, từ bi, phương tiện, chánh kiến mà chúng ta đã học được, khiến cho hữu tình chẳng khỏe mạnh, kể cả thân tâm chẳng khỏe mạnh của chính mình đều được kịp thời điều chỉnh. Như thế thì chúng ta sẽ khiến cho đạo tràng dần dần hoàn thiện, khiến cho đạo nghiệp của chính mình dần dần thuận thực. Chúng ta hãy khéo tư duy, khéo quan sát!

(Kinh) Lân mãn chúng sanh hành thí thời, quyết định trừ nghi vô biến thoái. An trụ điều nhu nhi tu thí, nhược năng như thị đắc tam-muội.

(經)憐愍衆生行施時，決定除疑無變退。安住調柔而修施，若能如是得三昧。

(Kinh: Khi thương xót chúng sanh bố thí, quyết định trừ nghi, chẳng lui sụt, an trụ điều nhu mà bố thí. Được như thế, sẽ đắc tam-muội).

Nếu khéo dùng năm đức để khuyên can người khác hòng lợi ích hữu tình trong thế gian, đắc tam-muội cũng chẳng phải là chuyện khó. Quán Thế Âm Bồ Tát có một danh hiệu là Thí Vô Úy Giả (đáng ban cho sự không sợ hãi). Thật ra, chư Phật Thế Tôn đã thọ ký rõ ràng cho hết thầy các vị Bồ Tát Ma Ha Tát, nói hết thầy các vị Bồ Tát Ma Ha Tát khéo trụ trong thế gian, khéo lợi ích thế gian, làm người ban cho thế gian sự an ủi lớn. Vì sao? Chính là đáng bố thí vô úy, là đáng tài bố thí và pháp bố thí rộng lớn. Vô úy thí là sự bố thí quan trọng nhất, vì sự bố thí ấy có thể đoạn trừ sự mê hoặc của con người đối với pháp, đối với sự xuất ly sanh tử, cũng như nỗi khổ sợ hãi luân hồi trong thế gian, có thể khiến cho chúng ta hiểu rõ pháp, hiểu thấu suốt cách chọn lựa. Nếu quý vị chẳng hiểu rõ, chẳng thấy thấu suốt để chọn lựa, sẽ rất khó an ủi kẻ khác. Nếu có chánh tri kiến và pháp tắc thiện xảo, sẽ có thể khiến cho chúng sanh gột sạch nghi hoặc, khiến cho tâm trí của họ chẳng nhiễm, mất đi nỗi sợ hãi. Như thế thì quý vị cũng sẽ đạt được danh hiệu Thí Vô Úy của Quán Thế Âm, cũng là danh hiệu từ bi. Vì nói “*khéo quán âm thanh của thế gian*” tức là khéo quan sát âm thanh khổ sở, nhọc nhằn, âm thanh mê hoặc của thế gian, để ban cho chúng sanh sự không sợ hãi.

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Đối với người học Phật chúng ta, nhất là nói theo người niệm Phật, đây là sự tu trì mười phần trọng yếu, như trong Hồi Hướng Môn thuộc năm môn tu trì trong Vãng Sanh Luận đã có nói: “*Bất xả nhất thiết khổ não chúng sanh, tâm thường tác nguyện hồi hướng vi thủ, đắc thành tựu đại bi tâm cố*” (Chẳng xả hết thảy chúng sanh khổ não, tâm thường phát nguyện hồi hướng làm đầu, vì để thành tựu tâm đại bi). Hồi hướng gì vậy? Muốn khiến cho hết thảy chúng sanh vãng sanh quốc độ của A Di Đà Phật, chẳng sợ hãi! Vì sao? Do nương vào nguyện lực của Phật, liền nhập Chánh Định Tụ. Do Phật lực trụ trì, khiến cho hữu tình bất thoái. Phật lực hiển hiện ở nơi đâu? Khi chúng sanh tùy thuận liền được thành tựu. Đối với một niệm tùy thuận này, một niệm sợ hãi, kẻ sợ hãi liền hiện nghiệp phàm phu. Kẻ tùy thuận liền hiện Chánh Định Tụ, tức là chư Phật nghiệp. Quý vị chẳng ngừng tư duy như thế, quan sát như thế, tư duy như pháp, quan sát như pháp, thân tâm sẽ an lạc, ban cho chúng sanh sự chọn lựa vô úy. Không chỉ thí vô úy, mà còn để cho đối phương chọn lựa. Vì sao phải chọn lựa? Khiến cho họ như thật an trụ, chẳng có thoái chuyển.

Do vậy, trong học pháp, nhất là trong ba tiến trình học pháp của người xuất gia, tức giảng kinh là pháp thứ nhất, biện luận kinh là pháp thứ hai, trước tác là pháp thứ ba. Đương nhiên là đối với bậc tại gia thiện xảo A Xà Lê, cũng ắt phải tu ba pháp ấy. Trong ấy, giảng kinh thật sự chẳng phải là thuyết giảng, mà là như thật hiểu biết tự tâm, như thật biết tâm của người khác, như thật biết Phật tâm. Khi “*tâm, Phật, chúng sanh chẳng khác biệt*” bèn khẳng định tự tâm. Đó bất quá là khởi đầu của cái gọi là “*biện luận kinh thiện xảo*” và “*giảng kinh*”. Sau đây, quý vị có thể trước tác. Trước tác gì vậy? Trước tác về giáo ngôn chân chánh, khiến cho người trong thế gian có cái để nương theo. Đây là lộ trình ắt phải theo đuổi trong một đời của hết thảy các vị thiện tri thức trong quá khứ muốn đạt được thành tựu. Đương nhiên đây chính là cái được gọi là “*sự tuyên nói nghĩa lý theo thứ tự trong đạo*”. Trong quá trình tu pháp, chúng ta cũng phải nên làm như thế. Trong lúc bình thời, chẳng đánh mất mỗi hiện duyên “*bồ thí sự an ủi cho chúng sanh*”, tức là bồ thí pháp giáo, ban trí huệ cho kẻ ngu si, ban từ bi cho người sân hận điên đảo, ban chánh kiến cho người tà kiến, khiến cho kẻ lạc lối biết được đường nẻo. Do vậy, “*an trụ điều nhu nhi hành thí, nược năng như thị đắc tam-muội*” (an trụ trong điều phục, nhu thuận để bồ thí. Nếu có thể làm như thế, sẽ đắc tam-muội), điều này rất trọng yếu!

(Kinh) Nhược u tài thí vi đại chủ, vô hữu kiêu mạn, tật đồ tâm. Hành nhất thiết thí thường dũng được, nhược năng như thị đắc tam-muội.

(經)若於財施爲大主，無有憍慢嫉妒心。行一切施常踊躍，若能如是得三昧。

(Kinh: Nếu rộng bố thí nơi tài vật, chẳng sanh tâm kiêu mạn, ghét ganh, hơn hờ thường hành hết thầy thí. Được như thế, sẽ đắc tam-muội).

Tâm chẳng vướng mắc. Do chẳng vướng mắc, rộng thí hết thầy pháp tắc, cho đến thí rộng khắp hết thầy các thứ tài thí, pháp thí, vô úy, khiến cho chúng sanh an lạc, khiến cho kẻ hữu duyên có thể trụ trong an lạc. Học tập Phật pháp, đích xác là phải nên khéo điều phục cái tâm con người, khéo đối trị các bệnh tật như thế đó.

Trong thời đại này, nếu chúng ta chẳng nhờ vào một pháp tắc rõ ràng, mình lẫn người sẽ đều bị mê mất, cho đến vốn muốn chữa trị, kết quả đâm ra là mắc hại, vì dùng sai thuốc! Gặp phải bác sĩ tham tiền, đúng là khiến cho kẻ khác chết oan! Do vậy, nếu một pháp tắc có giáo pháp lưu truyền rộng rãi, có kinh điển để nương theo, mọi người có thể cùng xét kỹ, cùng tu tập, độ trong suốt¹⁷ như thế sẽ rất lớn. Như pháp môn Niệm Phật trong hiện thời, hay hành pháp Ban Châu do có kinh điển, được truyền bá từ thế hệ này sang thế hệ khác trải các đời, cho nên đối với pháp này, mọi người chẳng sợ hãi mà tu tập. Chẳng cần phải bàn bạc chi khác, cứ một mực thực hành như thế. Nhưng nếu trong một pháp tắc có khá nhiều tạp duyên, có rất nhiều đặc tánh mọi người chẳng thể cùng biết, quả thật sẽ rất khó thấy thấu suốt, rất khó tư duy, rất khó cùng nhau tu tập, cùng nhau quán chiếu. Vì thế, tôi cảm thấy người thật sự gặp gỡ Tịnh Độ, chọn lựa pháp Tịnh Độ, chính là mười phần phước báo. Đối với pháp tắc này là pháp đã được mọi người xem xét, tu tập, hiểu thấu từ xưa đến nay, lại có các hữu tình ngược ngạo cho là pháp tầm thường, nhạt nhẽo vô vị, chẳng yêu thích, chẳng thâm nhập, chẳng tu tập, chẳng thấy là lạ lùng. Thật ra, chỗ chẳng lạ lùng, chỗ bình phàm, chính là chỗ công đức đặc biệt, ưu việt, chẳng thể nghĩ bàn! Vẫn mong mọi người hãy suy nghĩ chỗ này!

¹⁷ Ý nói pháp tắc ấy mọi người đều có thể dễ dàng thấy thấu suốt, hiểu rõ ràng.

(Kinh) Hựu u pháp thí vi thượng thủ, thiện giải vi diệu Tu Đa La. Năng tri thậm thâm tịch diệt pháp, nhược năng như thị đắc tam-muội.

(經)又於法施爲上首，善解微妙修多羅。能知甚深寂滅法，若能如是得三昧。

(Kinh: Lại với pháp thí, làm thượng thủ, khéo hiểu Tu Đa La vi diệu. Hay biết pháp tịch diệt rất sâu. Được như thế, sẽ đắc tam-muội).

Chư vị thiện tri thức ơi! Trong Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm, có nói pháp cúng dường là sự cúng dường tối thượng, hết thấy các cúng dường chẳng thể sánh bằng. Đích xác là trong hết thấy các sự bố thí, pháp thí trực tiếp nhất, rốt ráo nhất, thiện xảo nhất; các sự bố thí khác là kết duyên, phương tiện, tăng thượng mà thôi. Đương nhiên, trong các pháp, nếu vô duyên, sẽ chẳng thể trao đổi, nhưng nếu chẳng có pháp thí, mọi người sẽ chẳng thể đạt được giải thoát, chẳng thể đạt được lợi ích chân thật.

(Kinh) An trụ thậm thâm chư pháp trung, thiện năng kham nhẫn, vô tật đố. Tuy bị qua mạ vô nã hận, nhược năng như thị đắc tam-muội.

(經)安住甚深諸法中，善能堪忍無嫉妒。雖被撻罵無惱恨，若能如是得三昧。

(Kinh: An trụ trong các pháp rất sâu, khéo hay kham nhẫn, chẳng ghen ty. Tuy bị đánh chửi, chẳng bực hận. Được như thế, sẽ đắc tam-muội).

“Thiện năng kham nhẫn, vô tật đố” (Khéo có thể kham nhẫn, chẳng ghen ty): Vì sao chỗ nào cũng đều ghen ty? Vì hữu tình trong đời Mạt Pháp tranh cãi quá nhiều, người tùy hỷ quá ít. Nhất là đối với những thứ mình yêu thích, tự mình cho là đúng, sẽ dễ nảy sanh ghen ty. Nếu chúng ta khéo quan sát động niệm và thói quen trong tâm linh, sẽ có thể diệt trừ sự chấp trước đối với nghiệp hư giả của chính mình từ vô thủy đến nay, sẽ chẳng làm tướng nghiệp tập là tự ngã. Chúng ta thường coi nghiệp tập phiền não là ngã, nắm chặt chẳng buông. Có kẻ ngỡ tội nghiệp là ngã, chẳng hạn như trót tạo một lỗi lầm, bèn nghĩ hễ người

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

khác nói đến lỗi lầm đó sẽ là nói động đến ta! Nắm chặt khư khư, nói: “Nếu mày nói động đến tao, tao sẽ liều mạng với mày”. Thật ra, tội ác chẳng phải là quý vị, nó chẳng thuộc về quý vị, nó vốn chẳng có tự tánh. Nghiệp tập của chúng ta cũng giống như thế. Tên gọi của chúng ta cũng giống như thế.

Chẳng hạn như các danh tự Trương Tam, Lý Tứ cũng là vô tự tánh; nhưng thường là nếu có ai réo cái tên ấy để mắng chửi, khi đó, cái tên ấy sẽ có tự tánh ngay! Chúng ta sẽ gắn chặt nó vào thân, buộc chặt vào mình, canh cánh trong lòng, in hằn vào óc. Sau đó, nó trở thành một nghiệp tướng. Vậy là chúng ta chẳng biết “*pháp chẳng có tự tánh*”. Quả thật, chớ nên như thế, nhất là cứ ôm chặt nghiệp tập và lỗi lầm chẳng buông, cho nó là chính mình, đó là lúc khổ nhất của chúng ta.

“*Tuy bị qua mạ, vô hận nào*” (Dầu bị đánh chửi, chẳng sân hận, bực bội): Bị người khác chửi bới, thương tổn, chẳng hỏi hận hay tức giận. Tu trì trong nghịch duyên là chân thật nhất. Trong thời Mật Pháp, nghịch duyên hừng hực, thuận duyên hiếm hoi! Có người nói kẻ nào đó “vẻ mặt lâm li khó ưa”; thật ra, mọi người đừng mong vẻ mặt người khác luôn dễ coi.

Có đôi khi trong tâm người ấy quá căng thẳng, hoặc là chẳng biết chính mình đang quá căng thẳng. Chúng ta cười xòa là xong, thật sự chớ nên so đo khuyết điểm. Chớ nên coi lỗi lầm thành ta, chớ nên coi danh tự thành ta, chớ nên coi nghiệp tập thành ta. Các thiện tri thức vốn vô ngã, sao lại kiến lập cái Ngã? Nhất định phải tự hỏi chính mình, thiện ngã còn chẳng thể được, sao lại có thể cưỡng chấp ác ngã? Chúng ta phải nên chọn lựa!

(Kinh) Hoặc thời văn thuyết thử kinh điển, thư tả, đọc tụng, xảo quảng tuyên, duy vị pháp trụ lợi thế gian. Nhược năng như thị, đắc tam-muội. Ư chư pháp trung, bất bí lận, bất cầu lợi dưỡng cập danh văn. Đản vị thiệu long chư Phật chủng, nhược năng như thị, chứng tam-muội.

(經)或時間說此經典，書寫讀誦巧廣宣。唯為法住利世間，若能如是得三昧。於諸法中不祕吝，不求利養及名聞。但為紹隆諸佛種，若能如是證三昧。

(Kinh: Có lúc nghe nói kinh điển này, biên chép, đọc tụng, khéo rộng nói, chỉ vì pháp trụ lợi thế gian. Được như thế, sẽ đắc tam-muội.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Chẳng keo tiếc, giấu giếm các pháp, chẳng cầu lợi dưỡng và tiếng tăm, chỉ vì rạng truyền dòng giống Phật. Được như thế, sẽ chứng tam-muội).

“*U chur pháp trung bất bí lận*” (Chẳng keo tiếc, giấu giếm các pháp): Chẳng keo tiếc pháp quả thật mười phần khó khăn! Nếu mọi người nương theo pháp để cư xử, nương theo pháp để giao tiếp, nương theo pháp để bố thí, nương theo pháp để chung sống, chưa nói đến một bầu hòa khí, tối thiểu là sẽ có không khí vui sướng, rạng rỡ, có trạng thái tăng thượng đạo đức, có trạng thái dần dần khỏe mạnh, chẳng xuất hiện tướng trạng chệch choạc, chẳng xuất hiện tướng trạng khô héo. Đây là lẽ tất nhiên. Vì trao ra chút phần pháp, sẽ khiến cho người khác được an lạc, chẳng cần nói tới pháp thí rộng lớn. Khi chúng ta thí pháp cho người khác, chính mình đã đạt được pháp vị trước. Chẳng hạn như rất nhiều người buồn bã, kêu ca trong nhà có người bệnh. Tôi nói: “Như thế thì tốt quá!” Có sao nói như vậy? Vì đây chính là cơ hội cho quý vị tu pháp, cơ hội niệm Phật, cơ hội vun bồi cái tâm từ bi. Vì khi thấy những người khác [chẳng phải là người thân của chính mình] mắc bệnh, gặp nạn, quý vị chẳng quan tâm cho lắm! Nếu quý vị nói chính mình quan tâm, vậy thì trong thiên hạ hằng ngày đều có người nhiễm bệnh, tử vong, hằng ngày đều có người đau khổ khó thể chịu đựng, sao quý vị chẳng niệm Phật, sao chẳng niệm Pháp, sao chẳng niệm Tăng hồi thí cho họ? Sủng vật (thú cưng, pet) trong nhà của chúng ta chết, ta sẽ khóc rờn; ông bà của kẻ khác chết, ta đều chẳng bận tâm, vì sao? [Ta chỉ buồn bã, đau lòng khi người hay vật mất đi] có quan hệ với chính mình. Vì thế, chúng ta học Phật, cũng đích xác là [pháp môn muốn tu học ấy] phải có quan hệ với chính mình, có duyên thân thiết. Chẳng có duyên, sẽ không được. Ở đây vẫn là phải như thật quan sát. Hiện thời, chúng ta nghe nói kinh điển như thế, cho đến biên chép, đọc tụng, những điều ấy đều là kết duyên, đều là một duyên khởi để tu tập pháp tắc. Mọi người phải khéo quan sát ở chỗ này, chẳng cần để ý ai khác. Đối với cái gọi là “*nhân duyên*” của chính mình, chỉ nên thủ hộ pháp tắc. “*Đản vị thiệu long chur Phật chủng*” (Chỉ vì tiếp nối hưng thịnh chủng tánh chư Phật), tức là khiến cho chánh pháp trụ thế, lưu truyền rộng rãi trong thế gian.

(Kinh) Viễn ly thù miên dữ suy não, trừ đoạn tật đồ cập Cái Triền. Bất tự xưng tán, khinh hủy tha, năng diệt ngã tướng, đắc tam-muội.

(經) 遠離睡眠與衰惱，除斷嫉妒及蓋纏。不自稱讚輕毀他，能滅我相得三昧。

(*Kinh*: Xa lìa ngủ nghê và suy não, trừ dứt ghen ty và Cái Triền. Chẳng tự khen, khinh hủy kẻ khác. Diệt được ngã tướng, đặc tam-muôi).

“Viễn ly thù miên dĩ suy não” (Xa lìa ngủ nghê và suy não): Nếu ai có tâm trí cầu pháp chẳng mỏi mệt, thuyết pháp chẳng chán, tu pháp thường tinh tấn, sẽ chẳng có tướng suy não. Có khi chúng ta chẳng nhắc đến chữ Mệt thì còn được, vẫn quên bằng duyên do. Hễ nhắc tới thì duyên liền đưa đến, ngay lập tức mệt liền! Cái duyên đưa đến rốt cuộc là gì vậy? Giống như nắm lấy hòn sắt nóng sẽ bị phỏng tay, duyên như thế đó! Đối với điều này, quý vị phải nên tin tưởng. Trong tâm trí phạm phu liền có yêu đắm, hễ tiếp xúc liền đạt được, tức là có thể cảm nhận được.

“Trừ đoạn tật đố cập Cái Triền” (Trừ dứt ghen ty và Cái Triền): Lại nhắc tới ghen ty. Ghen ty rất nguy hại cho thiện căn của chúng ta, tạo thành quá nhiều chướng ngại cho chúng ta. Đây là cái ải khó qua nhất đối với người trong thời Mạt Pháp. Háo thắng là do cái tâm ghen ty đem lại, tranh đấu do cái tâm ghen ty đem lại, quá khổ! Trong tâm của phạm phu thời Mạt Pháp, chủng tử ghen ty khá lớn, khá chín muồi. Nếu đó là mầm tiêu hạt lép thì còn được, nhưng chủng tử quá chín muồi, sẽ đặc biệt dễ nảy mầm!

“Bất tự xưng tán, khinh hủy tha, năng diệt ngã tướng, đặc tam-muôi” (Chẳng tự khen mình, khinh hủy người khác. Có thể diệt ngã tướng, sẽ đặc tam-muôi): Những điều đó là bệnh tướng trong thời đại này. Nếu bệnh ấy đã trừ, sẽ liền khỏe mạnh, sẽ có oai đức thiện xảo, sẽ có thể lợi ích thế gian. Khi tôi xuất gia, trong toàn thể nghiệp tướng, có một khoảng thời gian ba bốn năm, tôi cảm thấy lỗi lầm “*tự khen mình, chê người*” là lỗi lầm tôi thường phạm, thường phải sám hối. Rất nhiều khi là vô ý thức, khi nghĩ lại mới biết là tự khen mình, chê người. Nghiệp tập ở ngay chỗ đó, thường là ngay khi đó liền buột miệng nói ra. Lúc đó, vẫn cảm thấy rất có bi trí, nhưng lắng lòng suy xét, chủng tử đã gieo ra vẫn là các thứ “*tự khen mình, chê người*”. Nếu chẳng kịp thời sám hối, sẽ tăng thêm cái nghiệp tiếp nối. Các vị Bồ Tát ơi! Cái nghiệp tiếp nối ấy phiền phức nhất; đó chính là chấp giữ cái Ngã. Chúng ta do chẳng có ý thức bèn tạo tác nghiệp ấy, cái nghiệp tiếp nối. “*Vô ý thức*” chính là vô minh, đó là Cái, là Triền. Đối với điều này, chỉ có người có

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

tâm tư tỉ mỉ, người thuần thực pháp thì mới có thể khéo quan sát, thủ hộ, nhưng người học Phật chúng ta đều phải nên quan sát cẩn thận, sâu xa. Về sau, tôi không ngừng quan sát nghiệp tập “*tự khen mình, chê người*” của chính mình, biết là do trong nghiệp tướng quá khứ của chính mình, khi thường tự cho là đúng, tự cho rằng chính mình có thiện căn, có tinh tấn, có hành pháp, có pháp tắc, sẽ dẫn tới nghiệp chủng tâm tối, vô ý thức “*tự khen mình, chê người*”. Ai có thể đoạn trừ? Chỉ có tự mình có thể quan sát, biết rõ. Thiện tri thức cũng có thể chỉ ra cho quý vị, giúp quý vị trừ bỏ lỗi lầm này. Trong thời đại của chúng ta, những kẻ đồng bệnh với tôi đặc biệt nhiều! Chúng ta đều nên xét kỹ chính mình, vì “*tự khen mình, chê người*” quá vi tế, dễ chẳng nhận biết sẽ phạm ngay.

Nhưng cái nghiệp tiếp nối này mười phần bất hảo, nhất là trong Bồ Tát giới, sẽ là phạm trọng giới, phạm căn bản giới, nhưng chúng ta thường vô ý thức vi phạm. Lỗi lầm của kẻ khác quá rõ ràng, xác thực, cứ thuận miệng nói ra sẽ mang tánh cách chỉ trích, có tánh cách gây thương tổn, biểu lộ ưu điểm của chính mình, đánh mất tâm từ bi và tâm trí huệ, tạo áp lực cho kẻ khác, chẳng phải là các thứ đem lại an lạc và vui sướng cho kẻ khác. Chẳng trừ căn bệnh ấy, nghiệp chủng cứ tiếp nối, sẽ nguy hại cho thân tâm an Khang, sẽ giống như tiếp tục bị bệnh vậy.

(Kinh) Chánh tín chư Phật, cập Pháp, Tăng, thường hành thành tâm vô khi cuống. Bất vong nhất thiết chư ân báo, bỉ chứng tam-muội vô gian nan.

(經)正信諸佛及法僧，常行誠心無欺誑。不忘一切諸恩報，彼證三昧無艱難。

(Kinh: Chánh tín chư Phật và Pháp, Tăng, thường hành thành tâm, chẳng lừa dối, chẳng quên báo hết thầy các ân, sẽ chứng tam-muội chẳng khó khăn).

“*Thường hành thành tâm vô khi cuống*” (Thường giữ cái tâm chân thành, chẳng lừa dối): “*Thành tâm*” quyết định đến từ sự tôn trọng mình, tôn trọng người khác. Chúng ta tự tôn trọng mình bằng cách nào? Như thật biết tự tâm, có thể biết thanh tịnh trong tâm duyên. Vì thế, chẳng đắm nhiễm, đó là một niệm tối sơ trong tâm chân thành. Khi đó, dùng bi và trí để quán thế gian, có thể vận dụng thành tâm. Nếu không,

hễ có cái tâm ô nhiễm, phân biệt, làm sao có thể xưng là “*thành tâm*” cho được?

“*Bất vong nhất thiết chư ân báo*” (Chẳng quên báo đáp hết thảy các ân): Chẳng quên hết thảy các ân. Đối với ân nhỏ nhoi như giọt nước, báo đáp tràn trề như suối trào. Báo ân như thế nào? Khi chúng ta tạo ân đức cho người khác, chớ nên nghĩ đến chuyện được báo đáp. Khi người khác ban ân đức cho chúng ta, đừng nên quên báo đền. Đó là một pháp tắc. Nếu chính mình dốc sức thực hiện, lại cầu được báo đền, đó là kinh doanh, là buôn bán. Đó gọi là tu trì nhằm cầu danh văn lợi dưỡng từ việc mua bán gia nghiệp của Như Lai, chẳng có ý nghĩa chi hết! Nhưng nếu chúng ta chẳng biết ân, chẳng báo ân, sẽ đánh mất lợi ích rộng lớn do tu chúng và tâm trí chân thành lợi ích thế gian, hoặc là sự tu trì cái tâm cung kính.

(Kinh) Nhược năng chân thuyết vô vọng ngôn, phạm hữu sở hành diệc bất thất.

(經)若能真說無妄言，凡有所行亦不失。

(Kinh: Nếu hay nói thật, chẳng nói dối, tất cả hành vi chẳng sai trái).

Nếu ăn nói mà chẳng tương ứng với hành vi và tâm địa của chính mình, hãy nên sám hối. Sám hối là chuyện bọn phạm phu hữu tình trong thời Mạt Pháp như chúng ta phải nên làm, phải nên thực hiện. Đó là một pháp tắc mười phần trọng yếu. Sám hối thay cho người khác cũng thế, tự sám hối cũng thế, [sám hối] thay cho pháp giới hữu tình cũng thế, sám hối cho cha mẹ, sư trưởng cũng thế. Đó là sự khỏe mạnh mười phần có ý nghĩa, là tâm lý thanh tịnh, là chuỗi anh lạc được kết bởi các pháp, là trang nghiêm Phật Đà, là chuyện được hết thảy chư Phật, Bồ Tát tán thán, hứa khả, và thủ hộ. Mọi người hãy nên kiểm điểm, ngăn che cho nhau, khiến cho người phạm lỗi được sám hối sạch lâu!

(Kinh) Sở tác tuy vi, hoạch báo quảng. Bỉ u chứng pháp vô chướng ngại.

(經)所作雖微獲報廣，彼於證法無障礙。

(Kinh: Việc làm tuy nhỏ, được báo rộng. Người ấy chứng pháp chẳng chướng ngại).

Nương vào các pháp tắc trên đây, tuy thực hiện ít phần, nhưng đều có lợi ích chẳng thể nghĩ bàn, vì đã hành đúng pháp.

(Kinh) Nhược nhân hữu năng cụ tư pháp, thanh tịnh trì giới chur hữu ân. Bỉ đắc Bồ Đề thượng bất nan, hà huống thậm thâm vi diệu Định.

(經)若人有能具斯法，清淨持戒諸有恩。彼得菩提尚不難，何況甚深微妙定」。

(Kinh: Nếu ai trọn đủ các pháp ấy, trì giới thanh tịnh, ân mọi loài, sẽ chứng Bồ Đề còn chẳng khó, huống hồ Định vi diệu rất sâu).

Thành tựu Vô Thượng Bồ Đề còn chẳng khó, huống hồ đạt được Định vi diệu rất sâu! Các vị thiện tri thức ơi! Đừng cho là Phật pháp xa vời, hãy chánh hành Phật pháp!

15. Phẩm thứ mười một: Thọ Ký

Chúng ta có một cơ duyên thù thắng như vậy, có thể cùng nhau học tập kinh Ban Châu Tam Muội, đúng là một cơ chế tốt đẹp rất khó có do thiện căn và cộng nghiệp cùng chín muồi! Chúng ta học hoàn chỉnh kinh này một lượt, tiếp đó bèn học tập và tu tập, sẽ mười phần thuận tiện. Sau đó, đọc tụng, sẽ có càng nhiều sự tham chiếu và chiết xạ tâm lý¹⁸. Vì đối với sự nhận biết kinh điển, nếu một người đọc tụng hoặc lý giải nó, sự hiểu biết [của người ấy] có tánh hạn cuộc nhất định; nhưng mọi người cùng nhau học tập, sẽ thường có thể trừ khử sự hạn cuộc ấy, khiến cho chúng ta từ trong vô lượng nghĩa, chọn lựa các lời lẽ có ý nghĩa, tâm trí có ý nghĩa, và phân lượng có ý nghĩa đối với chính mình để ấn chứng tự tâm, hòng hoàn thành công đức tự lợi và lợi tha, xuất ly phiền não, xuất ly sanh tử.

¹⁸ Đây là một thuật ngữ tâm lý học nhằm mô tả một hiện tượng: Nếu có sự kiện nào đó tạo thành ấn tượng trong tâm lý một người, bất luận thời gian đã qua đi lâu thế nào, khi thấy kẻ khác gặp phải một sự kiện tương tự, người đó vẫn nảy sinh phản ứng tâm lý gần giống như ấn tượng tâm lý ban đầu mà chính người ấy đã kinh nghiệm. Đó gọi là “*chiết xạ tâm lý*”.

(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần Thọ Ký phẩm đệ thập nhất.

(經)大方等大集賢護分授記品第十一。

(Kinh: Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần. Phẩm thứ mười một: Thọ Ký).

Thọ ký rất trọng yếu. Pháp giáo do chư Phật Như Lai truyền lại được truyền thừa từ đời này sang đời khác. Tuy chẳng giống các vị tổ sư xung là “*vị tổ đời thứ mấy*”, nhưng trong Hiền Kiếp, một ngàn vị Phật theo thứ tự xuất thế, Phật này thọ ký cho Phật kia, chẳng gián đoạn. Quá khứ kiếp, vị lai kiếp cũng giống như thế. Vì sao chư Phật Thế Tôn thọ ký thanh tịnh? Muốn khiến cho hết thảy chúng sanh chẳng có kiến giải điên đảo đối với Vô Thượng Bồ Đề, sanh khởi sự nhận biết rõ ràng, chọn lựa dứt khoát, hoàn thiện đối với pháp tác A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Tức là nhận biết mười hiệu trọn đủ, như Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn tám tướng thành đạo, tùy cơ thị hiện, cho nên có dấu vết để có thể tìm, có mười tám pháp bất cộng có thể thấy, có thể vận dụng, có thể biết, có Thập Lực, Tứ Vô Úy, thiện xảo lợi ích rộng khắp thế gian. Như thế thì sẽ khiến cho hữu tình trong thế gian chẳng bị mê hoặc bởi những kẻ xằng bậy xưng là Phật! Nhưng trong thời Mạt Pháp, những kẻ xằng bậy xưng là Phật chỗ nào cũng đều có, thậm chí có kẻ [tự vỗ ngực] “*vượt xa Phật*” cũng có luôn. Vì thế, thọ ký mười phần trọng yếu!

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn cáo Hiền Hộ Bồ Tát ngôn: - Hiền Hộ! Ngã niệm vãng tích quá vô lượng A-tăng-kỳ, phục quá vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, sơ u Nhiên Đăng Phật Thế Tôn sở, văn thử tam-muội, văn dĩ tức chứng như tư tam-muội.

(經)爾時，世尊告賢護菩薩言：「賢護！我念往昔過於無量阿僧祇，復過無量阿僧祇劫，初於然燈佛世尊所，聞此三昧，聞已即證如斯三昧。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Hiền Hộ Bồ Tát rằng: - Nay Hiền Hộ! Ta nhớ xưa kia quá vô lượng A-tăng-kỳ, lại qua khỏi vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, thoát đầu ở chỗ Nhiên Đăng Phật Thế Tôn nghe tam-muội này, nghe xong liền chứng tam-muội như thế).

Trong chương Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm có nói: Mười hai vị Như Lai lần lượt xuất thế, vị Phật cuối cùng dạy ta (Đại Thế Chí Bồ Tát) Niệm Phật tam-muội. Sau đó, [Đại Thế Chí Bồ Tát] còn nêu ra [tỷ dụ] “*như mẹ nhớ con, mẹ con nhớ nhau*”, cho đến nói “*phàm phu nhớ Phật, niệm Phật, tương lai, hiện tiền nhất định thấy Phật, cách Phật chẳng xa, chẳng nhờ vào phương tiện, tự được tâm thông sáng*”, cho đến “*tam-ma-địa như thế chính là bậc nhất*”. Vì thế, “*thấy Phật, chứng tam-muội*” là pháp tắc được chứng nhập bởi hữu tình có thiện căn đã chín muồi từ quá khứ. Hiện tại cũng giống như thế. Tôi gặp một vị cư sĩ, lúc ông ta vẫn còn là cư sĩ, sau khi nghe người khác niệm Phật, thân tâm [của vị cư sĩ ấy] rạng ngời, ngày đêm sáu thời tự nhiên niệm Phật, cũng chẳng nói ta phải niệm Phật hay không, tự nhiên trong tâm sanh khởi âm thanh thanh tịnh “*Nam-mô A Di Đà Phật*” như nước tuôn róc rách. Ông ta tới hỏi tôi: “Đó là chuyện như thế nào?” Tôi nói: - Đó là tướng thiện căn của ông đã chín muồi! Trong quá khứ, ông đã từng là người đích thân chứng Niệm Phật tam-muội. Tuy đã đánh mất, nhưng hãy nghe, sẽ liền đạt được! Đạt được gì vậy? Ông ta chẳng cần niệm, tự nhiên bèn niệm, mười phần an lạc, vui sướng, thân tâm sáng khoái, gặp pháp vô ngại. Phiền não xảy đến, vấn đề đưa đến, tự nhiên sẽ do niệm Phật mà tiêu tan các sự tướng ấy. Đó chính là tướng túc duyên thiện căn chín muồi. Hoặc là chúng ta đời này niệm Phật rất khó khăn. “*A Di Đà Phật, A Di Đà Phật*”, có người niệm rất mệt nhọc, chẳng hiểu phương pháp cho mấy, nhưng trong khi chưa hiểu ấy vẫn cứ niệm, dầu đời này chẳng liễu sanh tử, nhưng nhân duyên trong vị lai chẳng thể nghĩ bàn, sẽ liễu sanh tử, tự đạt được niềm vui. Vì thế, niệm Phật là thiện nghiệp chẳng thể nghĩ bàn, là công đức chẳng thể nghĩ bàn!

Ở đây, [đức Phật] nói đức Thế Tôn trong khi tu nhân, ở chỗ Nhiên Đăng Phật, nghe tam-muội này liền chứng. Vì sao chúng ta nghe tam-muội này chẳng chứng? Trong quá khứ, có người nghe kinh liền chứng Sơ Địa, Bát Địa. Có các vị tỳ-kheo, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di bình phàm nghe pháp, liền đắc pháp nhãn tịnh, liền chứng mấy quả vị. Vì sao chúng ta nghe pháp chẳng đạt được gì? Chẳng phải là đạt được hay không, mà là tự tâm có nhận biết hay không? Đã chín muồi hay không?

(Kinh) Kiến chư Như Lai, thường hiện tại tiền. Tùng thị dĩ lai, kinh vô lượng A-tăng-kỳ chư Thế Tôn sở, giai thọ thị kinh, tu hành, cúng dường.

(經)見諸如來，常現在前。從是已來，經於無量阿僧祇諸世尊所，皆受是經，修行供養。

(Kinh: Thấy các Như Lai thường hiện ra trước. Từ đó trở đi, trải qua nơi vô lượng A-tăng-kỳ các vị Thế Tôn, đều lãnh nhận kinh này, tu hành, cúng dường).

Đây là Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn đã dùng pháp tắc do chính Ngài đã hành từ vô thi đến nay để ấn khế cho chúng ta.

(Kinh) Bửu Phật Thế Tôn thọ ngã ký viết: “Ma Nạp! Nhữ u lai thê, đương đắc tác Phật, hiệu Thích Ca Mâu Ni Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn”.

(經)彼佛世尊授我記曰：「摩納！汝於來世，當得作佛，號釋迦牟尼如來、應供、等正覺、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊」。

(Kinh: Vị Phật Thế Tôn ấy thọ ký cho ta rằng: “Này Ma Nạp! Trong đời mai sau, ông sẽ được thành Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn”.

Ma Nạp là tên của Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn trong lúc tu nhân khi Ngài gặp Nhiên Đăng Cổ Phật.

(Kinh) Hiền Hộ! Nhữ bồi diệc đương chuyên tinh nhất tâm, tư duy tu tập như tư thánh pháp.

(經)賢護！汝輩亦當專精一心，思惟修習如斯聖法。

(Kinh: Này Hiền Hộ! Các ông cũng nên chuyên ròng nhất tâm, tư duy tu tập thánh pháp như thế).

Đây là đức Thế Tôn nhắc nhở Hiền Hộ Bồ Tát, mà cũng là nhắc nhở chúng ta. Chúng ta hằng ngày xưng niệm “*Nam-mô Bốn Sư Thích*

Ca Mâu Ni Phật” thì phải nương tựa pháp tắc mà Phật Thích Ca đã hành để làm căn bản quy hướng, thành tựu, phỏng theo, tu tập, đạt thành tựu, chọn lựa làm nơi quy y. Vì thế, chúng ta gọi đó là giáo ngôn của đức Bổn Sư, là pháp tắc của đức Bổn Sư.

(Kinh) Phi thị phàm phu sở kiến cảnh giới.

(經)非是凡夫所見境界。

(Kinh: Chẳng phải là cảnh giới mà phàm phu trông thấy).

Câu này rất trọng yếu. Nếu chúng ta chẳng nương theo giáo ngôn của thánh giáo và pháp tắc để tu tập, sẽ phải tư duy nhiều hơn, chỉ đành chịu khổ, tốn nhiều tâm tư tu trì mà chẳng thể thành tựu thánh đạo. Vì lẽ nào? Hết thấy các điều ấy đều chẳng phải là cảnh giới của phàm phu, tư duy của phàm phu chẳng thể thấu đạt, chẳng thể tương ứng được! Có các vị xuất gia và tại gia Bồ Tát, mười năm hay tám năm rất dụng công, rất chịu thương chịu khó, nhưng do nương theo cái tri kiến tiếp nối của chính mình, quý vị nói “*chuyển biến tri kiến rất đơn giản*”, nhưng họ chẳng chuyển, cố chấp ý kiến của chính mình, chẳng hổ thẹn, kiêu mạn, tự phụ, nhiều năm chẳng thay đổi, một mực kéo dài. Kéo dài gì vậy? Khô não, ngã mạn. Người trí nương theo sự tùy thuận, hòa hợp, điều phục, nhu hòa, nương theo pháp mà hành, thật sự là tăng thượng. Gặp pháp liền đạt được điều lợi ích tốt lành, vì sao? Đó là cảnh giới của hết thấy chư Phật, trọn chẳng phải là cảnh giới phàm phu hay tư duy phàm phu.

Có nhiều người học Phật, dùng cách nghĩ của chính mình để dụng công trong Phật pháp. Trong quá khứ, tất cả các kinh điển mà người xuất gia đọc đều là được truyền trao, cũng tức là có người truyền dạy thì mới có thể đọc tụng, mới có thể trao đổi với người khác. Nếu không, sẽ chẳng dám, mà cũng chẳng có sức, nhưng hiện thời người xuất gia lẫn kẻ tại gia đọc kinh, phần nhiều dụng công nơi kinh điển bằng cách dùng đầu óc của chính mình để “*xử lý*” tất cả kinh điển một lượt, cho rằng “*ta học khá lắm*”, “*ta học đã hiểu rành rồi*”. Kẻ như thế chỉ tăng thêm tri kiến, học cả đồng danh từ và danh tướng, chẳng có may mắn lợi ích cho chính mình, chỉ tăng thêm cái tâm ngạo mạn. Không chỉ chẳng được lợi ích nơi Phật pháp, mà còn có thể rất khổ, giống như cồng một đồng thuốc lớn, nhưng đối với căn bệnh nặng lại trọn chẳng biết dùng vị thuốc nào để đối trị bệnh tật của chính mình, chẳng có phương tiện! Dầu vác

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

một rương thuốc to đùng, nhưng hằng ngày mắc bệnh nặng, chẳng thể trị liệu. Đối với chuyện này, mọi người phải nên chú trọng: “*Pháp yếu phải có người truyền trao*”. Điều này mười phần trọng yếu! Cho đến thành tựu cũng có người ấn chứng, hứa khả. Nếu không, mạn tâm của chúng ta khó trừ, Ngã Chấp khó trừ đây nhé!

(Kinh) Thâm thâm tịch tĩnh chúng tướng diệt xứ.

(經)甚深寂靜衆相滅處。

(Kinh: Là chỗ tịch tĩnh rất sâu, các tướng đều diệt).

Chúng ta là hữu tình chấp tướng, coi “*thiện, ác, đúng, sai*” là chân thật. Như thế thì sao có thể đạt được an lạc nơi tịch tĩnh?

(Kinh) Như thị học dĩ, vị lai tự nhiên thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề vô hữu gian nan, như ngã bất dị.

(經)如是學已，未來自然成就阿耨多羅三藐三菩提無有艱難，如我不異。

(Kinh: Học như thế rồi, trong đời tương lai sẽ tự nhiên thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề chẳng khó khăn, như ta chẳng khác).

Vì sao vậy? Do nương theo lời thọ ký của đức Phật mà tùy thuận. Chúng ta cũng giống như thế. Nếu có thể tùy thuận chỗ “*tịch tĩnh rất sâu, các tướng diệt trừ*”, đã học như thế, trong vị lai, tự nhiên sẽ thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề chẳng khó khăn. Đây là thọ ký cho mọi người. Vì sao? Ngài Hiền Hộ tượng trưng cho tứ chúng tu pháp Ban Châu tam-muội trong thời Mạt Pháp. Bộ kinh này chỗ nào cũng đều nói nhất quán về cơ chế giáo ngôn này.

(Kinh) Nhữ đẳng đương tri, nhược hữu an trụ thị tam-muội giả, tự nhiên đương đắc cận đại Bồ Đề.

(經)汝等當知，若有安住是三昧者，自然當得近大菩提。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

(Kinh: Các ông hãy nên biết: Nếu có người an trụ trong tam-muội này, tự nhiên sẽ gần với đại Bồ Đề).

Gọi là Đại Bồ Đề, tức là Vô Thượng Bồ Đề. “Đại” là tâm trí trọn khắp do đức Thế Tôn đã chứng, chẳng phải là lớn hay nhỏ, mà là viên mãn trọn đủ, trọn đủ chân thật, trọn khắp hết thảy.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn vị trùng minh thử nghĩa, dĩ kệ tụng viết: - Ngã tích ngộ bỉ Nhiên Đăng Phật, kiến dĩ, tức đắc tam-ma-đề.

(經)爾時，世尊爲重明此義，以偈頌曰：「我昔遇彼然燈佛，見已即得三摩提。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn vì nói rõ lại nghĩa này, dùng kệ tụng như sau: - Ta xưa gặp đức Nhiên Đăng Phật, gặp rồi liền đắc tam-ma-đề).

Chúng đắc tam-muội, đó là tam-ma-đề, an trụ trong tam-ma-đề chân thật, hoặc thành tựu tam-ma-địa. Đó là thâm nhập theo thứ tự. Chúng ta đọc kinh Viên Giác, [sẽ thấy] kinh dạy: Xa-ma-tha (Śamatha) là chí tĩnh khinh an (至靜輕安), Tam-ma-bát-đề (Samāpatti) là đại bi khinh an, Thiền Na (Dhyāna) là tịch diệt khinh an. Trong ấy, có nhắc tới tam-ma-đề (Samadhi).

(Kinh) Tùng thị thường đở chư Như Lai, cụ túc công đức đại danh xưng.

(經)從是常睹諸如來，具足功德大名稱。

(Kinh: Từ đây thường thấy các Như Lai, trọn đủ công đức, danh xưng lớn).

Nếu thường thấy Phật, công đức thiện xảo tự nhiên trọn đủ. Chúng ta cảm nhận “thường chẳng thể thấy chư Phật”, thì có thể trì danh hiệu chư Phật, trì tâm chú của chư Phật, trì diệu tướng của chư Phật, trì đại nguyện của chư Phật, sẽ giống hệt như “thường học theo Phật”. Thường sử dụng tâm trí như thế, nếu dùng Phật nguyện để kéo dài sanh mạng của chính mình, duy trì tâm thức và nghiệp tướng của chính mình, người ấy sẽ chẳng thể nghĩ bàn, giống như Phật rủ lòng tùy thuận căn cơ. Tuy là

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

thân do cha mẹ sanh ra, nhưng khiến cho công đức nơi giáo pháp thù thắng của chư Phật Như Lai được truyền bá trong cõi đời, rộng lợi ích hữu tình.

(Kinh) Nhữ dân đa tập chư công đức, nhất tâm chuyên niệm tức đắc thành. Nhược nhân năng hành thử pháp trung, đương đắc Vô Thượng Bồ Đề đạo.

(經)汝但多集諸功德，一心專念即得成。若人能行此法中，當得無上菩提道」。

(Kinh: Ông chỉ tu tập nhiều công đức, nhất tâm chuyên niệm liền được thành. Nếu ai có thể hành pháp này, sẽ đắc Vô Thượng Bồ Đề đạo).

Đoạn kệ tụng “trùng tuyên thử nghĩa” này vẫn là từ trong phẩm Thọ Ký nhắc nhở chúng ta, nương theo sự thọ ký trong lúc tu nhân của Phật Thích Ca, mà cũng là lời thọ ký của Nhiên Đăng Cổ Phật đối với Ma Nạp. Ở đây, Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn đối với Hiền Hộ cho đến hết thấy những người tu tập hành pháp Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội trong thời Mật Pháp mà thọ ký: “*Thậm thâm tịch tĩnh chúng tướng diệt xứ, như thị học dĩ, vị lai tự nhiên thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vô hữu gian nan, như ngã bất dị*” (Đối với chỗ tịch tĩnh rất sâu, các tướng trừ diệt, mà học như thế rồi, trong vị lai, sẽ tự nhiên thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác chẳng khó khăn, giống như ta chẳng khác). Đây là lời thọ ký. Nếu có thể noi theo lời thọ ký, thuận thế mà hành, sẽ đạt được thiện xảo ít tốn công sức. Vì thế, tu pháp chẳng khó, tam-muội chẳng khó!

16. Phẩm thứ mười hai: Thâm Thâm

(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần Thâm Thâm phẩm đệ thập nhị.

Nhĩ thời, Hiền Hộ Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Vân hà tư duy như thị tam-muội?

(經)大方等大集賢護分甚深品第十二。

爾時，賢護菩薩復白佛言：「世尊！云何思惟如是三昧？」

(Kinh: Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần. Phẩm thứ mười hai: Rất Sâu.

Lúc bấy giờ, Hiền Hộ Bồ Tát lại bạch cùng đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Làm thế nào để tư duy tam-muội như thế này?)

Toàn thể bộ kinh đều nhắc nhở chúng ta tư duy, quan sát, nhanh chóng chóng đứng, dùng chánh ngôn để tuyên nói Ban Châu tam-muội. Ở đây, kế tiếp là nêu ra “*làm thế nào để tư duy tam-muội như thế?*”

(Kinh) Phật ngôn: - Hiền Hộ! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân niệm dục tư duy thử tam-muội giả.

(經)佛言：「賢護！若有善男子善女人，念欲思惟此三昧者。」

(Kinh: Đức Phật dạy: - Này Hiền Hộ! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghĩ muốn tư duy tam-muội này).

Tiếp đó, trực tiếp truyền dạy pháp tắc, nói chẳng tăng giảm, [người học pháp này] chỉ nên tùy văn nhập quán, liền đạt được phương tiện. Khá nhiều pháp tắc, nếu chẳng có hiểu thì sẽ rất thuận tiện. Nếu tìm hiểu, phần nhiều là dùng thức tâm của chính mình để dụng công, sẽ thêm vào pháp tắc các chất độc “hiểu biết cong queo, hiểu biết sai lầm” của chính mình, phần nhiều dẫn đến đắm quàng ngõ rẽ. Vì thế, hãy tùy văn nhập quán, đắm ra rất thuận tiện, hãy y giáo phụng hành, chẳng nhờ vào người khác chỉ vẽ. Đó là sự chọn lựa thuận tiện nhất để hành trì kinh điển.

(Kinh) Quán bỉ sắc thời, bất ưng thủ trước.

(經)觀彼色時，不應取著。

(Kinh: Khi quán sắc, đừng nên chấp trước).

Có thể nói câu này chính là cương lĩnh của toàn thể văn tự trong đoạn sau. “*Quán bỉ sắc thời, bất ưng thủ trước*” (Khi quán sắc, đừng

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

nên chấp giữ): Đối với Thọ, Tướng, Hành, và Thức, cũng giống như thế. Tâm Kinh nói “*Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc*” (Sắc chính là Không, Không chính là Sắc). Nói kiêu này, chính là khiến cho chúng ta khi quán sắc sẽ chẳng nhiệm, chẳng chấp. Đức Thế Tôn muốn khiến cho chúng ta có thiện xảo để thâm nhập nội dung tu tập và chánh tư duy. Tiếp đó, Ngài còn nói cặn kẽ đủ mọi lẽ. Chúng ta hãy xem đức Thế Tôn giải thích như thế nào!

(Kinh) *Ư bỉ thanh trung, bất ưng thủ trước.*

(經)於彼聲中，不應取著。

(Kinh: *Đối với thanh, chớ nên chấp giữ.*)

Lần lượt nêu ra sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, đây có phải là trùng lặp hay không? Chẳng phải, mà là chỉ bảo thẳng thừng cho chúng ta: “Khi gặp sắc, khi gặp thanh, khi gặp hương, khi gặp vị, khi gặp xúc, khi gặp pháp, đối đãi như thế nào?” Chớ nên chấp giữ! Vì hết thấy phàm phu hữu tình đều tưởng “đắm nhiễm sự tướng là chỗ nương cậy của y báo và chánh báo trong sanh mạng”, cho nên trầm luân trong thế gian. Nói “*trầm luân*” là do chấp giữ mà trầm luân, chần chừ trong sự chấp giữ ấy, lãng phí trong sự chấp giữ ấy, tạo tác trong sự chấp giữ ấy. Các vị Bồ Tát và thiện tri thức biết “*pháp chẳng có tự tánh*”, cho nên đối với phong cảnh trên đường sẽ tự nhiên tiếp nối, chẳng vướng, chẳng mắc; đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, bèn vận dụng, chẳng đắm nhiễm nơi đó, tự nhiên giải thoát từ ngay nơi bản thể, đạt được Chánh Thọ ngay nơi bản thể. Phật pháp đích xác là chẳng ở ngoài sự tướng, mà cũng chẳng ở trong sự tướng. Trong hiện duyên ấy, rành rành phân minh, chẳng nhiễm, chẳng chấp, súc vô ngại ấy có thể sanh ra các thứ sức Chánh Thọ.

(Kinh) *Ư bỉ hương trung, bất ưng thủ trước. Ư bỉ vị trung, bất ưng thủ trước.*

(經)於彼香中，不應取著。於彼味中，不應取著。

(Kinh: *Đối với hương, chớ nên chấp giữ. Đối với vị, chớ nên chấp giữ.*)

Chư vị thiện tri thức! Đừng nghĩ đức Thế Tôn nói như thế là trùng lặp. Chẳng phải là trùng lặp. Sắc chính là sắc, thanh chính là thanh, hương chính là hương, vị chính là vị, giải thích vi tế như thế đó. Nếu chúng ta có thể tùy thuận thủ hộ, tùy thuận tu tập, sẽ là đại thiện. Nếu chẳng thế, hãy nên tư duy các pháp tắc in hằn trong tâm của chính mình. Trong kinh điển, đức Phật đã như thật giải bày trọn vẹn chẳng tăng, chẳng giảm hết thảy các thiện xảo, hết thảy các pháp tắc như thật, hết thảy lợi ích chân thật. Đức Thế Tôn trọn chẳng keo kiệt bất cứ pháp nào, muốn lợi ích rộng khắp hữu tình, muốn chân thật hồi thí lợi ích chúng sanh, cho nên Ngài chẳng chọn lựa bất cứ pháp nào, chỉ hồi thí trọn vẹn.

(Kinh) Ư bỉ xúc trung, bất ưng thủ trước. Ư chư pháp trung, bất ưng thủ trước. Ư chư sanh trung, bất ưng thủ trước. Ư nhất thiết xứ, bất ưng thủ trước. Ư thị pháp trung, đương khởi chân thật đại từ hạnh dã.

(經)於彼觸中，不應取著。於諸法中，不應取著。於諸生中，不應取著。於一切處，不應取著。於是法中，當起真實大慈行也。

(Kinh: Đối với xúc, chớ nên chấp giữ. Đối với các pháp, chớ nên chấp giữ. Đối với các sanh, chớ nên chấp giữ. Đối với hết thảy các chỗ, chớ nên chấp giữ. Do vậy, ở trong pháp, hãy nên khởi hạnh đại từ chân thật).

“Đại từ hạnh” như vừa nói đó chính là hạnh bình đẳng, hạnh bất nhị, hạnh như thật. “Từ” là chẳng chọn lựa để giữ lấy. Vì thế, nói là “đồng thể”. Văn tự chỗ này khá dễ hiểu, nhưng lợi ích sâu rộng, chân thật, chẳng dối!

(Kinh) Thị trung, hà đẳng danh vi tam-muội?

(經)是中，何等名為三昧？

(Kinh: Trong ấy, những gì gọi là tam-muội?)

Ở đây, tam-muội được định nghĩa như thế nào? Trong khi chúng ta trao đổi với người khác, thậm chí khi chính mình tư duy, văn tự là tướng ngôn thuyết quyền biến, vì nếu chẳng có ngôn thuyết, mọi người

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

sẽ không có chỗ để nương theo. Nhưng nếu ngôn thuyết chẳng thể hướng dẫn tiêu quy tự tánh, hoặc quy vào pháp tắc, chắc là sẽ chết cứng nơi câu nói! Chúng ta phải nên làm như thế nào? Mọi người ai nấy hãy quán kỹ sự thủ hộ hiện tiền của chính mình.

(Kinh) Sở vị u nhất thiết pháp trung, như pháp hành cố.

(經)所謂於一切法中，如法行故。

(Kinh: Chính là từ trong hết thảy các pháp, đúng như pháp mà hành).

Câu này tự hồ nói mà cũng như chẳng nói. Văn tự trong phần sau nhằm chỉ dạy chúng ta...

(Kinh) Nhược chư Bồ Tát quán niệm xứ thời, đương ưng như thị quán sát thân hành.

(經)若諸菩薩觀念處時，當應如是觀察身行。

(Kinh: Nếu các Bồ Tát khi quán niệm xứ, hãy nên quán sát thân hành như thế).

Khởi đầu từ quan sát thân hành, vì hết thảy chúng sanh, nhất là chúng sanh thuộc nhân loại, phần nhiều coi cái thân thô trọng là Ngã, Thân Kiến mười phần nghiêm trọng.

(Kinh) Chung bất phân biệt, kiến thân hành xứ.

(經)終不分別，見身行處。

(Kinh: Trọn chẳng phân biệt, thấy thân hành xứ).

Đối với sự nhận biết về thân hành, như các cảm nhận về sức khỏe, thay đổi, hoặc là chẳng khỏe mạnh, chẳng đổi khác v.v... đều có thể nhận biết rõ ràng, như trong phần trước đã nói: Đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, trọn chẳng chấp giữ. Đối với lục căn, lục thức, chẳng chấp giữ. Đối với lục trần, cũng chẳng chấp giữ. Cho nên đối với mười pháp giới, cũng chẳng chấp giữ. Vì thế, vận dụng trong mười pháp giới chẳng nhiễm, chẳng chấp. Như thế bèn tự nhiên xuất ly.

(Kinh) Quán sát thọ hành, diệc bất phân biệt, kiến thọ hành xứ.

(經)觀察受行，亦不分別，見受行處。

(Kinh: Quán sát thọ hành, cũng chẳng phân biệt, thấy thọ hành xứ).

Đây là quan sát đối với mỗi chỗ cảm nhận, khiến cho chúng ta sẽ như thật tùy thuận theo kinh văn mà cảm nhận sự nhận biết của chính mình.

(Kinh) Quán sát tâm hành, diệc bất phân biệt, kiến tâm hành xứ.

(經)觀察心行，亦不分別，見心行處。

(Kinh: Quán sát tâm hành, cũng chẳng phân biệt, thấy tâm hành xứ).

Như trong phần trước đã nói, chẳng chấp Sắc, chẳng chấp Thanh, chẳng chấp Hương, chẳng chấp Vị, chẳng chấp Xúc, chẳng chấp Pháp. Các thứ đều chẳng chấp, cho đến hết thấy đều chẳng chấp. Ở đây cũng giống như thế, do chẳng có cái thấy phân biệt.

(Kinh) Quán sát pháp hành, diệc bất phân biệt, kiến pháp hành xứ.

(經)觀察法行，亦不分別，見法行處。

(Kinh: Quán sát pháp hành, cũng chẳng phân biệt, thấy pháp hành xứ).

Có Năng, có Sở, trong phần trước chỉ nói đến Năng, ở đây nói tới Sở. Năng lẫn Sở cùng mất, người như vậy sẽ có thể biết rõ, quan sát một niệm thô nặng.

(Kinh) Bồ Tát đương ưng như thị quán sát tư duy tam-muội. Hà dĩ cố? Hiền Hộ! Bỉ Bồ Tát quán thân hành thời, u thân bất khởi tư duy, phân biệt.

(經)菩薩當應如是觀察思惟三昧。何以故？賢護！彼菩薩觀身行時，於身不起思惟分別。

(Kinh: Bồ Tát hãy nên quán sát tư duy tam-muội như thế. Vì sao? Nay Hiền Hộ! Khi vị Bồ Tát ấy quán thân hành, đối với thân, chẳng dấy lên tư duy, phân biệt).

Thường nghe mọi người nói như thế này: “Ôi chao! Thời gian này thân thể tôi không tốt!” Cái kiêu cảm nhận “khoảng thời gian này” như thế, thật ra là một thứ quyền luyến, tham chấp, đắm nhiễm đối với sắc thân. Ở đây, đức Thế Tôn dạy chúng ta: “*Quán thân hành thời, u thân bất khởi tư duy, phân biệt*” (Khi quán thân hành, chẳng dấy lên tư duy, phân biệt đối với thân). Quý vị nói: “Rõ ràng là tôi có cảm nhận nơi thân, lẽ nào chẳng dấy lên tư duy, phân biệt?” Phương pháp này rất đơn giản, vì sao? Hết thấy sự nhận biết nơi thân, hành vi nơi thân, đều là sự kéo dài hư vọng của vô thường, biến hóa, vô ngã, là cảm giác hư vọng, không giữ lại gì. Vì thế, tuy có tư duy, tăng thêm nhiều vọng nghiệp, tăng thêm nhiều nhiễm nghiệp, tăng thêm cái khổ, chẳng được giải thoát. Ở chỗ này, nếu đối với thân chẳng dấy lên tư duy, phân biệt, liền hiện phương tiện giải thoát, cũng chính là khi cảm nhận cái thân liền thấy phương tiện.

Ngay trong lúc chúng ta coi trọng cái thân, liền thoát ly sự ràng buộc nơi thân. Nếu chẳng quan sát, tư duy như thế, phân biệt và chấp trước sẽ tăng mạnh hơn! Như có người thân thể chẳng tốt, đã nói: “Ôi chao! Trong khoảng thời gian này, thân thể tôi không khỏe”. Có người nói: “Trong khoảng thời gian này, tôi hành pháp, làm việc khá vừa lòng, thân thể cũng thoải mái”.

Trong quá trình tư duy và phân biệt đối với thân thể, dù tốt hay xấu, dù tăng hay giảm, một khi nhiễm đắm tư duy, sẽ do cái thân mà trầm luân, do cái thân mà tạo nghiệp, hễ tiếp nối như thế, sẽ là tương luân hồi liên tục. Nếu ngược lại, liền được giải thoát.

(Kinh) Quán thọ hành thời, u thọ bất khởi tư duy, phân biệt.

(經) 觀受行時，於受不起思惟分別。

(Kinh: Khi quán thọ hành, đối với thọ, chẳng dấy lên tư duy, phân biệt).

Đối với chuyện hiện tiền, hãy thẳng thừng xem xét, thiện xảo hiểu rõ, chẳng nhờ vào phân biệt, chấp trước, chẳng dấy lên vọng niệm. Như thế thì tuy chưa đắc Chánh Thọ trong hiện tiền mà đã cảm nhận Chánh Thọ, đã biết Chánh Thọ.

(Kinh) Quán tâm hành thời, u tâm bất khởi tư duy, phân biệt. Quán pháp hành thời, u pháp bất khởi tư duy, phân biệt cố. Sở dĩ giả hà? Nhất thiết pháp bất khả đắc cố.

(經)觀心行時，於心不起思惟分別。觀法行時，於法不起思惟分別故。所以者何？一切法不可得故。

(Kinh: Khi quán tâm hành, đối với tâm chẳng dấy lên tư duy, phân biệt. Khi quán pháp hành, đối với pháp chẳng dấy lên tư duy, phân biệt. Vì sao vậy? Do hết thấy các pháp chẳng thể được).

Đáy đều là những lời dạy rất sâu, có tánh chất giống như khẩu quyết, là pháp tắc chẳng thể nghĩ bàn. Nếu chúng ta có thể tùy thuận, tư duy, quan sát, sẽ thấu đạt nội dung của tam-muội Chánh Thọ, lợi ích của Chánh Thọ, chẳng cần cầu phương tiện nào khác, chẳng cần chúng ta phải tự hư giả lập bày, cũng chẳng cần đến các thứ siêng khổ và bức bách chẳng tất yếu. Hiện thời, có nhiều người hành pháp cho rằng kinh hành trong một thời gian dài, hoặc khổ sở bức bách chính mình thì sẽ có thể đạt được tam-muội. Đó là một thứ tâm lý chẳng tương ứng. Chẳng dấy lên phân biệt, tư duy, chẳng chấp, chẳng nhiệm. Ở đây chính là phương tiện chánh tam-muội, tức là phương tiện đỡ tổn sức, mà cũng là đạt đến chân thật đỡ tổn sức. Vì thế, do hết thấy các pháp chẳng thể được, chớ nên phân biệt, tư duy, chớ nên chấp giữ, thân tâm liền được an lạc. Như thế thì sẽ là chánh hành đúng như pháp.

(Kinh) Như thị chư pháp ký bất khả đắc, vân hà đương hữu phân biệt, tư duy?

(經)如是諸法既不可得，云何當有分別思惟？

(Kinh: Chư pháp như thế đã chẳng thể được, làm sao có phân biệt, tư duy?)

Kinh điển thật sự là một công cụ để ấn khế, giống như dùng một cái ấn để đóng xuống là phù hợp rồi! Đối với giáo ngôn trong kinh điển, nếu chẳng tăng, chẳng giảm ấn khế cái tâm của chúng ta, cũng sẽ có thể dấy lên hiệu quả ấn khế chẳng thể nghĩ bàn như thế. Hữu tình trong hiện đời có nhiều sự tư duy chẳng phải là tri kiến chánh đáng, có lắm tư duy hỗn loạn, cho đến lắm tư duy tà kiến. Vì thế, khiến cho sanh mạng của

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

chính mình chịu nhiều khốn khổ, lấm nổi lo lắng nhọc nhằn vô ích, chỉ tăng thêm ý nghiệp, thân nghiệp, khẩu nghiệp, cùng với các nghiệp tướng khổ nạn từ hiện tại cho đến vị lai. Nếu chẳng giác ngộ, chẳng thể tự thoát ra, nếu chẳng nương theo pháp để hành, cũng chẳng thể tự thoát. Do vậy, trong nghiệp tướng vị lai mà sanh tử luân hồi. Đức Thế Tôn thương xót chúng ta, ban cho pháp tắc thanh tịnh, pháp tắc rõ ràng, pháp tắc chân thật, muốn khiến cho chúng ta nương theo pháp để hành, chúng giữ Bồ Đề. “Giữ” ở đây thật sự là không có chỗ nào để giữ thì mới đạt được an lạc.

(Kinh) Hiền Hộ! Thị cố, nhất thiết pháp vô hữu phân biệt. Vô phân biệt giả, vô hữu tư duy.

(經)賢護！是故，一切法無有分別。無分別者，無有思惟。

(Kinh: Này Hiền Hộ! Vì thế, hết thảy các pháp chẳng có phân biệt. Chẳng phân biệt là chẳng có tư duy).

“Hết thảy các pháp” là nói theo bản chất, vốn chẳng thể phân biệt. Vì vốn chẳng thể phân biệt, chẳng có tư duy. Do chẳng có tư duy, có gì để lấy hay bỏ, có gì để chấp giữ ư?

(Kinh) Vô tư duy giả, đương tri bỉ trung vô pháp khả kiến.

(經)無思惟者，當知彼中無法可見。

(Kinh: Chẳng tư duy: Hãy nên biết trong ấy chẳng có pháp để có thể thấy).

Thật sự chẳng có một pháp để có thể đạt được. Đức Thế Tôn su tử hống, nhưng hữu tình trong thế gian chẳng phải là như thế, phần nhiều nói thiện, nói ác, nói đúng, bàn sai, đúng đúng sai sai, nối tiếp sanh tử, thiện thiện ác ác, tạo tác luân hồi. Dầu chúng ta mười phần hiểu rõ các pháp tắc ấy, nhưng cứ gặp lúc nhân duyên thành thực, thường là sẽ nhiễm đắm pháp, sẽ chấp trước pháp. Khi nói điều thiện thì mắt lóe ánh vàng, khi nói ác thì đầu đầu buốt tim, quả thật chẳng liên can, cứ hư vọng tự nhận biết, chấp giữ, cãi chày cãi cối đúng sai, cưỡng lập đúng sai, đối với pháp tắc vô tự tánh bèn cưỡng lập tự tánh, cho nên thế gian kiên cố!

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Thế giới Sa Bà ô nhiễm này là do sự cưỡng chấp của chúng ta tạo nên, nhưng trong cõi nước thanh tịnh của mười phương chư Phật có thể vô ngại hành pháp, thần thông tự tại, cho đến cúng dường, phước đức, nhân duyên v.v... đủ loại tự tại đều do chẳng cưỡng chấp, do chẳng chọn lựa giữ lấy, do thanh tịnh bình hòa, do một mực chân thật, do chẳng lấy, chẳng bỏ, cho nên vận dụng tự tại trong sức vô ngại, dùng phương tiện trí huệ và từ bi chẳng đắm nhiễm mười phương hữu tình. Vì thế, chẳng có tướng thế giới kiên cố, chỉ có tướng thế giới thanh tịnh vô ngại.

Thế giới Sa Bà của chúng ta cho đến chúng sanh trong Diêm Phù Đề vì do chấp trước kiên cố đã tạo thành núi, sông, đại địa, cùng với các thứ vật chất kiên cố. Nếu có người yêu thích tu tập các thứ thiện pháp, có ý tưởng cứng cõi, sẽ tạo thành đủ loại các nơi trần bảo. Nếu là kẻ thủ hộ ác tánh, thành tựu các loại chúng sanh tánh ác, cho đến các vật vô tình, núi, sông, đại địa sẽ cùng lúc hư vọng cưỡng chấp hóa hiện.

Thật ra có một vật để có thể đạt được, [tức là] bậc trí đích thân chứng tánh Không, cho nên du hý tự tại, như các bậc thiện xảo có thể đi lại trong núi đá vô ngại, đi trên hư không vô ngại, vào nước chẳng chết đuối, vào lửa chẳng bị đốt cháy, chẳng bị đao, thương tổn hại, vì sao? Do tâm trí vô nhiễm, do xa lìa đối đãi. Vì thế, chẳng bị đối đãi gây thương tổn. Chúng ta đời đời kiếp kiếp huân tập chẳng ngừng, cưỡng chấp cái tâm đối đãi, tất nhiên sẽ bị pháp đối đãi thương tổn. Thuở đức Thế Tôn tại thế, có nhiều vị tỷ-kheo do từ tâm mà đao thương chẳng thể tổn hại, chất độc chẳng thể khiến cho họ bị trúng độc chết. Nhưng trong thời đại hiện tại, có nhiều hữu tình bệnh tật ngặt nghèo, có nhiều tổn thương trọng đại, có nhiều nhân duyên xấu ác, vì lẽ nào? Do cưỡng chấp nghiệp duyên từ vô thủy tới nay!

Bản thân chúng ta có thể chẳng ngại mà tự thí nghiệm. Quý vị dùng hai mươi phút để sanh sân tâm, sau đây cắn ngay vào da thịt của chính mình, nó sẽ sưng phù. Nếu tâm trí của quý vị rất từ bi, tốt lành, chẳng hạn như dùng hai mươi phút vận dụng Từ Bi Quán để quán tự tâm, dẫu dùng kim chọc rách da thịt, vết thương sẽ lành miệng rất nhanh. Chúng ta có thể thí nghiệm, sanh mạng chính là tư lương để du hý của chúng ta. Đó là tướng phước đức. Nếu quý vị yêu mến, bảo vệ nó, sẽ bị nó xỏ mũi, đâm ra phước đức trong vị lai bị lỗ làng, tức là phước đức xuất ly, nhưng có nhiều hữu tình bị sắc thân này, bị tri kiến chẳng chánh đáng xâm hại. Do đó, đức Thế Tôn trực tiếp dạy chúng ta quán như thế nào trong pháp tắc bình nhật.

(Kinh) Hiền Hộ! Vô khả kiến cố, tiện vi vô ngại.

(經)賢護! 無可見故, 便爲無礙。

(Kinh: Nay Hiền Hộ! Do chẳng thể thấy, sẽ là vô ngại).

Chúng ta học pháp, trong đạo tràng, trong xã hội, trong đơn vị công tác, cho đến xuất gia hay tại gia, hành pháp, hay chẳng hành pháp, vâng giữ pháp, hay chẳng vâng giữ pháp, nếu hết thấy các chỗ đều vô úy, tức là vô ngại. Nếu là vô ngại thì sẽ không bị ngăn chướng. Nếu đã là không chỗ nào bị ngăn chướng thì chính là đại từ, tức là đại thiện. Thiện xử ấy chẳng đối đãi. Chẳng đối đãi chính là thật sự chọn lựa Chánh Thọ. Vì sao chúng ta hành pháp có nhiều chỗ chướng ngại? Do sanh khởi đối đãi, sanh khởi chọn lựa, sanh khởi chấp giữ, trong pháp chẳng phân biệt mà kiến lập!

(Kinh) Nhất thiết pháp trung vô chướng ngại cố, tức thị Bồ Tát hiện tiền tam-muội.

(經)一切法中無障礙故, 即是菩薩現前三昧。

(Kinh: Do chẳng chướng ngại trong hết thấy các pháp, chính là hiện tiền tam-muội của Bồ Tát).

Ở đây nói tới “*Bồ Tát hiện tiền tam-muội*”. Bồ Tát là giác thế gian, tự giác và giác tha, tự lợi, lợi tha, hai pháp thiện xảo trọn đủ. Vì sao? Xa lìa đối đãi, tức là tự lợi và lợi tha. Xa lìa đối đãi, từ tâm, bi tâm, trí tâm tự nhiên sanh khởi. Do chẳng đối đãi, cho nên chẳng bị mệt nhọc, chẳng bị nặng nề, chẳng bị chướng ngại, chẳng có gì sợ hãi. Do chẳng có gì sợ hãi, sẽ đắc lực trong thế gian, lợi ích rộng khắp hữu tình, phương tiện trụ thế. Chư Bồ Tát Ma Ha Tát đều dùng nguyện lực lợi ích rộng khắp thế gian để duy trì sanh mạng, cho nên trong một kiếp, hai kiếp, ba kiếp, cho tới chẳng thể diễn tả kiếp, như đức Thế Tôn nói “*Hàng hà sa kiếp*” (kiếp nhiều như cát sông Hằng), hoặc nhiều Hàng hà sa kiếp duy trì sanh mạng. Sanh mạng ấy có nền tảng là nguyện để duy trì. Vì thế nói “*các vị Bồ Tát dùng nguyện, dùng tam-muội-da để thủ hộ*”. Nói “*tam-muội-da*” tức là Chánh Thọ. Chánh Thọ nương vào nguyện để biểu đạt. Nếu lìa bỏ hết thấy các thọ (sự tiếp nhận khi căn tiếp xúc trần), hết thấy chấp giữ, và hết thấy đối đãi, tự nhiên trọn đủ Chánh Thọ. Sanh mạng như thế một đời, hai đời, một kiếp, hai kiếp, nhiều kiếp, Hàng hà sa kiếp, cho đến bất khả ngôn thuyết Hàng hà sa kiếp tiếp nối không ngừng. Đó

là thọ mạng rộng lớn của Bồ Tát, thanh tịnh chân thật, chẳng sợ hãi; nhưng phàm phu do chấp trước, chấp giữ nghiệp tướng, bèn có thiện, ác, đúng, sai v.v... cho nên sanh mạng có nhiều nỗi khổ đốn.

Vì thế, phần nhiều chán ngán sanh, hoặc sợ hãi tử. Khi khổ nạn, sẽ sanh khởi ý tưởng “chán ngán, vứt bỏ” đối với sanh mạng. Khi sanh mạng gặp nguy nan, lại tham tiếc sanh mạng, sợ hãi tử vong. Đó là sự chấp giữ của tâm đắm nhiễm, tâm đối đãi. Nếu chúng ta từ trong cái tâm đối đãi mà có thể lập tức tiêu trừ đối đãi, sẽ là sức vô ngại, sanh mạng như thế sẽ tươi sáng, tiếp nối rộng lớn, mà chẳng đắm nhiễm. Vì thế, phần nhiều dùng sắc thân vi tế, màu nhiệm để lợi ích rộng khắp thế gian, tối thiểu là lia khỏi cái chết thô nặng, hoặc có thể nói là Phần Đoạn Sanh Tử. Nỗi khổ và chướng ngại của Phần Đoạn Sanh Tử là do chính mình tự cường chấp lấy bỏ, chúng ta phải khéo quan sát.

(Kinh) Bồ Tát thành tựu thị tam-muội cố, tức đắc đồ kiến vô lượng vô số quá A-tăng-kỳ chư Phật Thế Tôn, tịnh sở tuyên thuyết, giai tất thính văn.

(經)菩薩成就是三昧故，即得睹見無量無數過阿僧祇諸佛世尊，並所宣說，皆悉聽聞。

(Kinh: Bồ Tát thành tựu tam-muội như thế, liền được trông thấy vô lượng vô số quá A-tăng-kỳ chư Phật Thế Tôn, và những gì các Ngài tuyên nói thấy đều nghe thấy).

Người tu trì như thế, dù là sơ phát tâm, hay đã phát tâm, hoặc là cái tâm đã thuần thực, chọn lựa phương tiện tự tại nơi sức tam-muội, lợi ích rộng khắp hữu tình chẳng hề sợ hãi, chẳng hề chán mệt. Hữu tình trong thế gian phần nhiều do chẳng đạt được sức Chánh Thọ, cho nên ai nấy tự tiêu hao. Cho đến vì tiêu hao mà chẳng có sức tự lợi, lợi tha, vác gánh nặng trầm trọng bởi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp nơi sanh mạng, cho đến tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, cho đến nghiệp tướng hiện tiền của vạn sự vạn vật trong thế gian. Tự lợi là đạt được tự tại trong các chỗ khinh an, bất luận là chí tĩn khinh an, tịch diệt khinh an, hay từ bi khinh an. Chí tĩn khinh an (sự an lạc nhẹ nhàng do đã đạt đến tĩn lặng tột bậc) là đã được ngơi nghỉ. Tịch diệt khinh an là có thể xuất ly. Từ bi khinh an là lợi ích rộng khắp hữu tình, chẳng chán mệt. Chúng ta thường gặp các vị đại thiện tri thức trong khi hành pháp và lợi

ích thế gian, chẳng hề chán mệt, chẳng nghỉ ngơi, khiến cho tâm linh kẻ khác rung động và cảm kích. Vì sao bọn phàm phu chúng ta có lắm nỗi mệt nhọc, chán ngán, lắm điều đối đãi, cho đến bị hại bởi danh tự, bị hại bởi nghiệp tướng? Tức là kẻ khác dựa vào danh tự của chúng ta để thốt ra lời nguy hại, ta sẽ chẳng thể tiếp nhận. Như thế tức là coi danh tự là Ngã, coi sắc thân là Ngã, coi nghiệp tướng là Ngã, coi phiền não nghiệp tập là Ngã. Khi chấp giữ, làm tướng là có Ngã, sẽ sanh ra đủ thứ đau khổ. Vì sao? Do bị đối đãi và lấy bỏ bức bách. Các vị thiện tri thức ơi! Chúng ta phải nên khéo tư duy, khéo quan sát.

(Kinh) Văn bĩ pháp dĩ, hàm năng thọ trì. Bĩ chur Như Lai Ứng Đẳng Chánh Giác, sở hữu nhất thiết vô ngại giải thoát, giải thoát tri kiến, diệt tức năng đắc bĩ vô ngại trí.

**(經)聞彼法已，咸能受持。彼諸如來應等正覺，所有
一切無礙解脫，解脫知見，亦即能得彼無礙智。**

(Kinh: Đã nghe pháp ấy, đều có thể thọ trì. Các đức Như Lai Ứng Đẳng Chánh Giác ấy tất cả hết thảy giải thoát, giải thoát tri kiến vô ngại cũng chính là có thể đắc vô ngại trí).

Ở chỗ này, hết thảy những điều đức Thế Tôn tuyên nói như cái ấn đem in vào nhau, như khế¹⁹ phù hợp nhau. Nếu chúng ta chẳng lấy, chẳng chấp, mà thanh tịnh tiếp nhận, tiếp nhận toàn bộ, đó là Nhất Thiết Vô Ngại Trí. Chư Phật có các trí như thế nào? Chúng ta do Chánh Thọ, cũng có thể ở yên nơi Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Khi “tâm, Phật, chúng sanh vốn chẳng sai biệt” cùng lúc hiện tiền, hiển hiện rõ rệt toàn thể nơi Chánh Thọ, hiện tiền đại dụng lập tức sanh khởi, sanh khởi pháp lạc vô úy, pháp lạc thiện xảo, pháp lạc lợi ích hữu tình chẳng chán mệt, các thứ lạc trong thế tục chẳng thể sánh bằng các loại pháp lạc ấy.

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Bồ Tát quán sát Tứ Niệm Xứ thời, vô pháp khả kiến, vô thanh khả văn. Vô kiến văn cố, tắc vô hữu pháp khả đắc phân biệt.

¹⁹ Chữ Khế (契) vốn có nghĩa cổ là “dùi khắc lên mai rùa, xương thú, hoặc đá để ghi nhớ một sự kiện hoặc một sự thỏa thuận nào đó”. Từ đó, mở rộng thành ý nghĩa khế ước, tức văn kiện ghi chép những điều thỏa thuận của đôi bên. Ở đây, pháp sư Từ Pháp chỉ dùng từ ngữ này theo ý nghĩa “đôi bên phù hợp khít khao”.

(經)復次賢護！菩薩觀察四念處時，無法可見，無聲可聞。無見聞故，則無有法可得分別。

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Khi Bồ Tát quán Tứ Niệm Xứ, chẳng có pháp nào để có thể thấy, chẳng có tiếng nào để có thể nghe. Do chẳng thấy nghe, cho nên chẳng có pháp nào để có thể phân biệt).

Trong phần trước đã nói “chẳng tư duy, chẳng chướng ngại”. Ở đây, bèn nói “chẳng phân biệt”. Vì sao chẳng phân biệt? Do chẳng thấy nghe, cho nên “chẳng có pháp để có thể phân biệt”.

(Kinh) Diệt vô hữu pháp khả đắc tư duy.

(經)亦無有法可得思惟。

(Kinh: Cũng chẳng có pháp để có thể tư duy).

Cội nguồn của chẳng phân biệt, chẳng tư duy là do chẳng thể thấy, chẳng thể nghe. Đó là chánh tư duy. Quý vị nói: “Tôi thấy thì cũng thấy, nghe thì cũng nghe, tư duy thì cũng tư duy“, nào có biết đây chính sự tiếp nối của chúng tử tư duy bất chánh. Chúng ta hãy nên nương theo lời dạy của Phật Thế Tôn, nương theo ngôn thuyết chánh tư duy để hướng dẫn chánh tư duy cho chính mình, nhập phương tiện chánh tư duy, chẳng nhờ vào pháp nào khác. Như thế thì chúng ta sẽ có thể tùy thuận Phật giáo để được giải thoát, giống như người ngồi thuyền bèn được thuyền chở, ngồi xe bèn được xe chở, ngồi máy bay liền được máy bay chở đi! Chúng ta tùy thuận lời dạy của đức Thế Tôn để tư duy, cũng được lời dạy và sự tư duy ấy chuyên chở, khiến cho chúng ta đạt tới bờ trí huệ bên kia.

(Kinh) Nhi diệt phục phi cổ manh lung loại.

(經)而亦復非瞽盲聾類。

(Kinh: Mà cũng chẳng thuộc loại mù, lòa, điếc).

Chẳng phải là không thấy, không nghe! Vì sao? Hiểu rõ ràng, rành rẽ, sạch lâu, vô nhiễm, thể chất hiển hiện, nhưng tướng vẫn là không. Tướng là phi tướng, do nhân duyên mà hiện. Tướng là vô thường, tướng là chẳng có vật chất, vì thể chất chẳng có vật chất. Do vậy, trông thấy

chánh tướng. Chánh tướng được hiểu rõ ràng phân minh, cho nên chẳng lấy, chẳng chấp, chẳng nghĩ, chẳng niệm. Vì sao? Do trong ấy chẳng được, chẳng mất, chẳng đối đãi. Vì thế, chẳng phải là mù, cũng chẳng phải là điếc, thật sự là như thế, rành rẽ, phân minh, có thể thấy, có thể biết!

(Kinh) Dẫn thị chư pháp vô khả kiến cố, thị cố quán thời, bất sanh trụ trước nhi kiến chư đạo.

(經)但是諸法無可見故，是故觀時，不生住著而見諸道。

(Kinh: Chỉ vì các pháp chẳng thể thấy, cho nên khi quán, chẳng sanh tâm chấp trước mà thấy các đường).

“Đạo” là chỗ nghiệp tướng hiện tiền.

(Kinh) Tư duy đạo cố, tức ư chư pháp vô hữu nghi võng.

(經)思惟道故，即於諸法無有疑網。

(Kinh: Do tư duy đạo, liền đối với các pháp chẳng có lưới nghi).

Vì sao? Thanh tịnh tùy thuận, chẳng đối đãi, nhị nguyên bị tán hoại, kiến lập tâm trí viên mãn. Sự kiến lập ấy là không có gì để kiến lập. Vì chúng ta sống trong không gian đối đãi nhị nguyên, một khi tắt cả các pháp tắc dây động, sẽ liền có đối đãi bầu bạn. Vì thế, nảy sanh sự cưỡng chấp Biên Kiến, cưỡng chấp lấy bỏ, cưỡng chấp đấm nhiễm, cho đến các thứ được gọi là khổ và lạc, thiện và ác, đúng và sai của hữu tình trong thế gian, đều sẽ cùng khiến cho tự ngã trong ấy mạnh hơn, chẳng đạt được thiện xảo. Nhưng kẻ thiện xảo vô nhiễm, kẻ thiện xảo chẳng cậy vào tư duy, kẻ thiện xảo chỉ nhận biết tự tánh, kẻ có thiện xảo của Như Lai Đẳng Chánh Giác, sẽ ở trong biển pháp tánh Chân Như, sạch lâu chẳng có một điều thiện hay lẽ ác. Vì sao? Chẳng có mây trần để có thể đạt được! Thật ra, chúng ta thường như “*Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác*”, Đẳng là chẳng đối đãi, Đẳng là giống hệt như nhau, nhưng hữu tình phiền não vọng chấp thiện ác, trầm luân trong thế gian.

Đức Thế Tôn nói “*tánh có thiện và ác*”, chư Phật đích thân chứng tánh “*vốn trọn đủ thiện và ác*” của hết thảy chúng sanh. Khi sự đối đãi giữa thiện và ác tiêu tan, sẽ là lúc chân thật trọn đủ. Nói là “*đủ*”, tức là

có thể trọn đủ tạo thiện, trọn đủ tạo ác. Giáo pháp Thiên Thai Tông đã phán định “sự đối đãi giữa hai pháp thiện và ác” thật sự là phương tiện để chư Phật Như Lai xuất thế độ sanh, nhưng chúng sanh đắm chìm trong đối đãi thiện ác, quả thật là tư lương để tạo ác luân hồi, trầm luân trong lục đạo. Trong một pháp, sanh khởi hai thứ tướng, có tự tại và chẳng tự tại, có giác và mê, chúng ta làm thế nào để thật sự giải thoát chính mình, tùy thuận giáo ngôn của Phật? Điều này rất trọng yếu. Nếu quý vị nương vào thức tâm của chính mình, chắc chắn sẽ là chấp giữ Biên Kiến, lấy bỏ bởi vọng thức. [Khi đó], quý vị chẳng lấy hay bỏ sẽ đau khổ, chẳng phân biệt sẽ khó tiếp nhận, lo âu nhọc nhằn sẽ khó đoạn. Vì sao? Phân biệt lấy hay bỏ trở thành sự cưỡng chấp liên tục trong sanh mạng, chính là chỗ tồn tại của nội dung sanh mạng. Nghiệp tập như thế, phiền não là như thế, cội nguồn của tội nghiệp cũng ở tại đó. Vì thế, kẻ khéo nói thiện ác, kẻ cưỡng nói thiện ác, kẻ nói nhiều về thiện ác, thì nghiệp tướng khổ nạn của kẻ đó cứ tiếp nối chẳng dứt. Vì sao? Tạo tác khổ nạn là ở chỗ này! Nhưng trong tâm trí của bậc trí, phân biệt thiện ác lập tức bị trừ sạch, thủ hộ thanh tịnh, hồi thí từ bi, cho nên trong cái tâm trí huệ chẳng có đối đãi, sức trí huệ chẳng đắm chấp chói rục trong thế gian, cùng lúc được thoát khỏi thiện ác.

Thiện ác chỉ là pháp tắc cưỡng chấp bởi hữu tình trong Dục Giới, Sắc Giới sẽ chẳng thấy. Hữu tình trong Sắc Giới chẳng chấp trước thiện, ác, đúng, sai, nhưng bọn chúng ta là hữu tình trong Dục Giới phần nhiều khoa trương sự thiện ác của chính mình. Nếu chính mình là thiện, sẽ cưỡng chế kẻ ác, nào có biết “*ác giả, thiện chi tư; thiện giả, ác chi sư*” (ác là chỗ dẫn dắt thiện phát khởi, thiện là thầy của ác)²⁰. Nếu biết điều này, thì sẽ là người khéo dùng pháp. Nếu có ác pháp, đúng là lúc vận dụng tốt lành, đó là chánh thiện, tăng thượng thiện. Nhưng nếu thấy kẻ khác phạm lầm lỗi bèn chán ghét, quở trách, người ấy chẳng đắc thiện đạo, mà là cái tâm tà mạn. Chúng ta vận dụng trong Phật pháp, cũng phần nhiều bị Biên Kiến và tà mạn che lấp, mê mờ, cho nên kẻ xâm hại lẫn nhau thì nhiều, kẻ lợi ích lẫn nhau ít ỏi! Kẻ quan tâm yêu thương lẫn nhau hiếm hoi, kẻ cảm ơn lẫn nhau rất thưa thớt. Nếu chúng ta thật sự

²⁰ Câu này nếu hiểu theo nghĩa gốc thì có nghĩa là nếu người thiện quá khoan dung, người ác sẽ lợi dụng lòng khoan dung ấy để làm chuyện xấu xa. Do thấy điều ác của người khác, mà người thiện được cảnh tỉnh, phát tâm hướng thiện. Tức là thiện hay ác đều có tánh chất hỗ trợ nhau, kích phát lẫn nhau. Pháp sư Từ Pháp sử dụng theo nghĩa “khoan dung với kẻ ác để kẻ ác tăng trưởng thiện tâm, do thấy điều ác mà người thiện tự cảnh tỉnh mình, hăng hái làm lành”.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

sống trong tâm trí cảm ơn, cảm ơn hết thầy chúng sanh bầu bạn, cảm ơn hết thầy thế gian chuyên chở, cảm ơn hết thầy hiện duyên chúng sanh, y báo và chánh báo đã che chở, chúng ta sẽ sống trong tâm trí rộng lớn, trong sự yên vui chẳng có đối đãi, sẽ sanh khởi vô úy, sanh khởi thiện xảo, sanh khởi lợi ích phước huệ chân thật.

Đối với hữu tình tánh ác, phần nhiều quả trách, thực tế là giữ lấy điều thiện, để lại điều hại cho cõi đời. Chẳng giữ lấy điều thiện, vẫn là phương tiện; một khi giữ lấy điều thiện, sẽ quả trách kẻ khác, thương tổn người khác, giống như khi giữ lấy vật sắc bén để tổn thương người khác! Người học Phật chúng ta chẳng như vậy, phải nên là chẳng chấp trước thiện ác hòng tạo lợi ích cho hữu tình có tánh ác, cứu chữa ác tánh hữu tình. Vì sao vậy? Ác tánh hữu tình mười phần khổ nạn, chìm đắm trong đờn đau chẳng được cứu thoát, họ chẳng thể tự thoát ra, nhưng thiện pháp hữu tình còn có trụ xứ an lạc. Cổ nhân Trung Hoa đã nói: “*Ác giả, thiện chi tử; thiện giả, ác chi sư*” chính là do ý nghĩa này! Trong xã hội thuộc thời đại hiện tại, chúng ta gần như đã đánh mất đạo đức tăng thượng cơ bản nhất, cho nên đâm ra: “*Kẻ ác là đối tượng trừng phạt của thiện*”. Như thế thì thiện đã đánh mất bản chất giúp đỡ cho kẻ ác [thoát khỏi điều ác]. “Giúp đỡ” chính là cơ sở để tăng trưởng thiện pháp, là cơ duyên để tăng trưởng thiện pháp.

Chúng ta thường nói “*bùn lầy có thể sanh ra hoa sen*”. Nếu muốn gột trừ sạch hết bùn lầy, nào có biết nguồn cội giúp sức cho hoa sen sanh trưởng chính là đó! Chư Phật Như Lai dạy chúng ta: “*Chúng sanh hoan hỷ thì chư Phật hoan hỷ*”. Vì sao nói như vậy? Có nghĩa là hết thầy chúng sanh là nguồn gốc của chư Phật, là thầy của chư Phật. Do vậy, chư Phật Thế Tôn chẳng hề khinh báng bất cứ hiện duyên hữu tình nào. Vì sao? Do tri ân, biết hết thầy chúng sanh là cội nguồn thiện xảo oai đức xuất thế của chư Phật, lại là thầy để hết thầy chư Phật thành Phật. Nếu chẳng xét kỹ như thế, chúng ta học Phật sẽ chẳng có tư lương, chẳng có cơ sở, giống như quý vị cho rằng đất dưới chân mình bị ô nhiễm, muốn dẹp sạch nó đi, vậy thì quý vị đứng ở chỗ nào? Nhất định là chẳng được an lạc!

(Kinh) Vô nghi vãng cổ, kiến Phật Như Lai. Kiến Như Lai cổ, vĩnh ly mê mậu. Vô mê mậu cổ, tri nhất thiết pháp chung vô khả kiến.

(經)無疑網故，見佛如來。見如來故，永離迷謬。無迷謬故，知一切法終無可見。

(Kinh: Do chẳng có lưới nghi bèn thấy Phật Như Lai. Do thấy Như Lai, vĩnh viễn lìa khỏi mê muội, lầm lạc. Do chẳng mê muội, lầm lạc, biết hết thấy các pháp trọn chẳng thể thấy).

Tư Hoặc được gọi là “nghi võng” (疑網, lưới nghi). Tư Hoặc dính chặt quá sâu, từ vô thi tới nay đã khiến cho hữu tình khôn khó, chúng sanh trói buộc lẫn nhau, chẳng thể tự thoát ra. Do vậy, chư Phật Thế Tôn lập bày phương tiện, khiến cho chúng ta yêu thích. Từ sự tu trì như thế đó, có thể trực tiếp đoạn trừ Tư Hoặc của chính mình, khiến cho chúng ta thoát khỏi phiền phức Tư Hoặc “*tham, sân, si, mạn, nghi*”.

(Kinh) Hà dĩ cố? Bồ Tát nhược hữu như tư kiến giả, tắc thủ bỉ kiến.

(經)何以故? 菩薩若有如斯見者，則取彼見。

(Kinh: Vì có sao? Nếu Bồ Tát có kiến giải như thế, sẽ chấp lấy kiến giải đó).

“*Thủ bỉ kiến*” (Chấp giữ kiến giải ấy) là điều chẳng nên. Trong phần trước đã nói: Trọn chẳng nên có chấp lấy, chẳng có gì để thấy, chẳng có gì để tư duy, chẳng có gì để phân biệt.

(Kinh) Thủ bỉ kiến cố, tắc thủ pháp tướng. Thủ pháp tướng cố, tắc thủ sự nghiệp. Thủ sự nghiệp cố, tắc kiến chúng sanh.

(經)取彼見故，則取法相。取法相故，則取事業。取事業故，則見衆生。

(Kinh: Do giữ lấy kiến giải đó, sẽ giữ lấy pháp tướng. Do giữ lấy pháp tướng, sẽ giữ lấy sự nghiệp. Do giữ lấy sự nghiệp, sẽ thấy chúng sanh).

Đáy đều là do chấp giữ các tri kiến chẳng chánh đáng!

(Kinh) Kiến chúng sanh cố, tắc kiến thọ mạng. Kiến thọ mạng cố, tắc kiến Phú-già-la. Kiến Phú-già-la cố, tắc kiến chư Ấm. Kiến chư Ấm cố, tắc kiến chư Nhập. Kiến chư Nhập cố, tắc kiến chư Giới. Kiến chư Giới cố, tắc kiến chư tướng. Kiến chư tướng cố, tắc kiến chư vật. Kiến chư vật cố, tắc kiến bỉ nhân. Kiến bỉ nhân cố, tắc phục kiến duyên. Dĩ kiến duyên cố, tắc tiện cầu thủ. Dĩ cầu thủ cố, tắc hữu Hữu sanh.

(經)見衆生故，則見壽命。見壽命故，則見富伽羅。

見富伽羅故，則見諸陰。見諸陰故，則見諸入。見諸入故，則見諸界。見諸界故，則見諸相。見諸相故，則見諸物。見諸物故，則見彼因。見彼因故，則復見緣。以見緣故，則便求取。以求取故，則有有生。

(Kinh: Do thấy chúng sanh, bèn thấy thọ mạng. Do thấy thọ mạng, bèn thấy Phú-già-la (Pudgala). Do thấy Phú-già-la, bèn thấy các Ấm. Do thấy các Ấm, bèn thấy các Nhập. Do thấy các Nhập, bèn thấy các Giới. Do thấy các Giới, bèn thấy các tướng. Do thấy các tướng, bèn thấy các vật. Do thấy các vật, bèn thấy cái nhân. Do thấy cái nhân, lại thấy cái duyên. Do thấy cái duyên, bèn cầu chấp giữ. Do cầu chấp giữ, bèn có Hữu sanh).

Trong phần trước, đức Thế Tôn đã nêu lên pháp tắc tư duy. Ở đây, Ngài nói tới những điều chúng sanh chấp trước.

(Kinh) Hà dĩ cố? Hiền Hộ! Nhất thiết chư pháp, chung bất khả thủ.

(經)何以故？賢護！一切諸法，終不可取。

(Kinh: Vì có sao? Này Hiền Hộ! Hết thấy các pháp trọn chẳng thể lấy được).

Ở đây, phủ định tướng ngu si chấp trước, tướng cưỡng chấp của chúng sanh, cho đến tướng y báo và chánh báo mang lại đau khổ cho thế gian này. Trong các pháp chẳng thể đạt được, chúng sanh lại cưỡng chấp một pháp. Do vậy, gọi là chấp trước vọng tướng điên đảo và nghiệp tập

phiền não. Các danh từ ấy đã cho chúng ta biết: Cường chấp là do vọng tưởng nảy sanh.

(Kinh) Vô khả thủ cố, Bồ Tát u bĩ nhất thiết chư pháp, bất tư, bất niệm, bất kiến, bất văn.

(經)無可取故，菩薩於彼一切諸法，不思不念，不見不聞。

(Kinh: Do chẳng thể giữ lấy, Bồ Tát đối với hết thảy các pháp chẳng nghĩ, chẳng nhớ, chẳng thấy, chẳng nghe).

Như thế chính là cái tâm thanh tịnh. Chúng ta thường nói “*nhất tâm*”, như niệm Phật nhất tâm bất loạn. Cái tướng nhất tâm ấy chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng đến, chẳng đi. Trong cái tâm như thế, niệm Phật thanh tịnh, thanh tịnh niệm Phật, chính là nhất tâm niệm Phật. Nếu nói chẳng chứng tam-muội thì là lời lẽ chẳng tương ứng.

Cận đại, Trung Hoa có một vị đại thiện tri thức giảng kinh Lăng Nghiêm, tức người sáng lập Viên Minh Giảng Đường: Pháp sư Viên Anh. Trong lúc Nhật Bản xâm chiếm Trung Hoa, Ngài nhiều lượt sang Đông Nam Á quyên tiền và vật dụng kháng Nhật. Thậm chí, tổ chức tăng nhân cứu hộ đội v.v... Vì thế, người Nhật bắt Sư vào tù, dùng cái chết để uy hiếp, hồng khuất phục những ai chống đối Nhật Bản xâm lược. Thông thường, pháp sư Viên Anh giảng kinh Lăng Nghiêm tại Trung Hoa lục địa rất có oai danh, thậm chí tại các quốc gia ở Đông Nam Á cũng thế. Nhưng khi ấy, tâm trí của Ngài đặt nơi chuyên giảng kinh Lăng Nghiêm, dầu cho tâm trí chứng ngộ của Ngài tại chùa Tuyết Phong cũng không thể nương cậy được [trong khi đối diện với cái chết]. Nếu Ngài chết vào lúc ấy, sẽ lấy gì để nương về? Khi đó, Ngài nghĩ đến pháp môn Niệm Phật thường nhật. Pháp sư Viên Anh hiểu rõ niệm Phật, Ngài tổng kết bằng hai câu: “*Rành rành phân minh, trọn chẳng có gì để đạt được*”. Ngài dùng tâm trí ấy để niệm Phật, đạt được rành rành phân minh, thanh tịnh niệm Phật, trọn chẳng có gì để đạt được, quyết định y chỉ thanh tịnh niệm Phật, chọn lựa pháp môn Niệm Phật. Sau đó, người Nhật thấy Ngài bèn chẳng áp bức nữa, vì sao? Vì trong nhân duyên ấy, Ngài đã chứng đắc tướng Tương Tự Niệm Phật tam-muội. Trong lúc tai nạn tột cùng, pháp sư Viên Anh quy hướng Tịnh Độ, đạt được đại lợi. Sau khi ra khỏi tù, Ngài bèn truyền bá rộng rãi pháp môn Niệm Phật, hướng dẫn chúng sanh khởi lòng tin quyết định đối với niệm Phật.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Lúc bình thời, chúng ta chẳng biết sanh tử bức bách, cứ cho là thường hằng, cho nên chẳng thể “*rành rành phân minh, trọn chẳng có gì đạt được*” mà niệm Phật. Nói chung là có mong mỗi, có mong chờ đối với tương lai, thậm chí có mong mỗi đối với danh tự của tam-muội, chẳng biết “*chẳng nhiễm, chẳng chấp*” chính là chánh nhân của tam-muội, “*chẳng được, chẳng mất*” chính là cái duyên của tam-muội. “*Chẳng tạo tác*” chính là cái Thể của tam-muội. Lúc chẳng biết, cứ khăng khăng tạo tác, hư vọng giữ lấy thiện ác, hư vọng giữ lấy cảnh giới tốt xấu, cho đến hư vọng giữ lấy khinh an, hư vọng giữ lấy giác thọ, hư vọng giữ lấy ám cảnh v.v... các thứ cảnh giới, cho nên đã vượt mất pháp ích trong hiện tiền.

(Kinh) Hiền Hộ! Chung bất như chư ngoại đạo, nhược ngoại đạo đệ tử thủ trước Phú-già-la, cập dĩ Ngã Kiến dã.

(經)賢護！終不如諸外道，若外道弟子取著富伽羅，及以我見也。

(Kinh: Này Hiền Hộ! Trọn chẳng như các ngoại đạo, hoặc các đệ tử ngoại đạo chấp giữ Phú-già-la cùng với Ngã Kiến).

Hiện thời trong Phật pháp, có nhiều vị xuất gia hay tại gia tuy tu trì, nhưng tà kiến lừng lẫy! Vì sao vậy? Tham cầu, so đo cái thân, muốn do sự nhận biết [từ các giác quan] mà chúng đắc Bồ Đề, nhưng chẳng biết, chẳng thấy sự lựa chọn “*nhất tâm thanh tịnh, chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng đối đãi*”, chẳng dám lựa chọn. Chẳng dụng công nơi pháp tánh vô tạo tác và cái tâm chân thật, cứ từ trong cái tâm hư vọng mà lấy, bỏ nhiều lượt. Kết quả là rơi vào tri kiến của ngoại đạo.

Nếu là đệ tử Phật, chuyện liên quan đến “*khổ, không, vô thường, vô ngã, Niết Bàn tịch tĩnh, pháp chẳng có tự tánh*”, quả thật là pháp tắc trọng yếu hàng đầu, là sự nhận biết để lựa chọn. Nếu chẳng đặt vững tri kiến ấy, sẽ chẳng phải là đệ tử Phật! Dẫn hành trì Phật pháp, niệm Phật hiệu, tụng kinh Phật, lễ tượng Phật, nhưng chúng tử trong tâm trí là chúng tử ngoại đạo, chẳng tương ứng! Vì thế, trong “*thuyết pháp án*” của đức Thế Tôn, Ngài đã nhiều lượt dùng án khế để in vào tâm chúng sanh, khiến cho chúng ta thoát lìa tri kiến và chúng tánh ngoại đạo. Nếu chẳng phải như thế, dẫn chúng ta suốt kiếp đọc kinh Phật, vẫn trọn chẳng tương ứng. Kết quả là thường bị cảnh giới xoay chuyển, chẳng biết chuyển cảnh, vì chúng ta chẳng có pháp tắc để tu tập kinh giáo, chẳng

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

dựa theo kinh giáo để nhận biết tự tâm, ấn chứng, hứa khả tự tâm, coi vọng chấp trong tự tâm là kinh điển [để vâng theo]. Như thế thì đầu suốt năm trọn tháng tu tập, niệm tụng, vẫn chỉ là nhân duyên xa vời vợi trong vị lai, chứ lợi ích trong hiện tiền nói chung sẽ chẳng mong đạt được!

Tri kiến của các ngoại đạo và tri kiến của Phật pháp đích xác là có sai khác như vậy đó! Do vậy, đức Thế Tôn nói ra ba pháp ấn, hay bốn pháp ấn, nói Thật Tướng ấn, chúng ta nhất định phải từ trong các ấn khế ấy mà thật sự ấn khế xem chính mình có phải là đệ tử Phật hay không? Tức là khởi tâm động niệm của chúng ta có phải là vô thường, vô ngã hay không? Có phải là Niết Bàn tịch tĩnh hay không? Có phải là lựa chọn “*pháp chẳng có tự tánh*” hay không? Nếu chẳng lựa chọn [như thế], chúng ta sẽ cho rằng có thiện, có ác, có đúng, có sai, có yêu, có ghét, có phàm, có thánh, như thế thì chính là cái tâm phàm phu trong Dục Giới, mà cũng là tâm ngoại đạo. Nhưng trong Tăng chúng, trong giới cư sĩ hiện tiền, cái tâm ngoại đạo lại càng phổ biến! Tuy nói như vậy khá nặng nề, nhưng chúng ta có thể xét kỹ chính mình, đối với khởi tâm động niệm của chính mình trong mỗi sát-na, có phù hợp pháp ấn của Phật Đà hay không? Có phải là thanh tịnh vô nhiễm, chẳng vương, chẳng mắc, chẳng đối đãi hay không? Nếu là phải, thì là đệ tử Phật. Nếu không, sẽ là tri kiến ngoại đạo. Hễ có cưỡng chấp thì chính là chủng tánh ngoại đạo. Dẫu vào trong biển tri kiến của Phật pháp, vẫn giống như dùng cái bình chứa ít nước, niêm kín, vớt vào biển, [nước trong bình ấy] chẳng thể dung nhập, khế hợp với biển cả. Vì thế, trong biển trí sâu rộng, chúng ta luôn dùng tri kiến của chính mình để cưỡng chấp cách ly, chẳng thể dung nhập!

(Kinh) Hiền Hộ! Bồ Tát chung bất tác như thị kiến, vân hà kiến Bồ Tát kiến giả? Như Như Lai kiến, chung bất thoái chuyển.

(經)賢護！菩薩終不作如是見，云何見菩薩見者？如如來見，終不退轉。

(Kinh:) *Này Hiền Hộ! Bồ Tát trọn chẳng có cái thấy như thế, thấy cái Thấy của Bồ Tát như thế nào? Như cái Thấy của Như Lai, trọn chẳng thoái chuyển).*

Như Lai dùng gì để thấy? Vì thế, nói quả địa giác rất trọng yếu. Kinh Viên Giác đã xiên thuật cặn kẽ bốn loại tri kiến, tức cái gọi là “*tùy*

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

thuận giác tánh”, bao gồm chúng sanh tùy thuận giác tánh, Bồ Tát tùy thuận giác tánh, Đấng Địa Bồ Tát tùy thuận giác tánh, và chư Phật Như Lai tùy thuận giác tánh. Trong chư Phật Như Lai tùy thuận giác tánh, tiêu trừ đối đãi, diệt mất thiện ác, tỏ lộ rõ rệt Phật Tánh, trọn đủ chân thật. Đó gọi là “*linh đệ nhất thiên cung hàm vi Tịnh Độ, trì giới, phạm giới, giai vi phạm hạnh*” (khiến cho cung trời bậc nhất đều là Tịnh Độ, trì giới hay phạm giới đều là phạm hạnh). Vì sao nói như vậy? Trong biển tịch diệt của đức Thế Tôn, đã chiếu soi, biết rõ tướng Chân Như, chứ phạm phu do phân biệt, chấp trước, sẽ chẳng thể kiến lập. Nếu chẳng thể nhận biết tri kiến của Như Lai là như thế, chúng ta sẽ chẳng thể tùy thuận cái Thấy của Như Lai. Có nhiều hữu tình vọng chấp, dùng tri kiến của chính mình để phân tích, đồng hóa Phật pháp. Kết quả là Phật pháp hoàn toàn bị họ “*xử lý*” một lượt, hoàn toàn trở thành rác rưởi. Đó gọi là “*rác rưởi tri kiến*”, nói chung là chẳng tương ứng.

Đây là một chuyện rất khó khăn, vì trong thời đại này, sách vở lưu truyền rất rộng, phương tiện để duyệt đọc, trao đổi, phương tiện ngôn thuyết, phương tiện tư duy [rất nhiều], kết quả là chẳng dạy theo thứ tự, học pháp theo kiểu xen tạp, loạn xạ, quá nhiều! Trong quá khứ, khi tôi mới xuất gia, có thiện tri thức chỉ điểm sách để xem, không cho phép xem loạn xạ. Vì chẳng hạn như xem các giáo ngôn của các vị tổ sư từ đời Tống, đời Minh trở đi, tuy là chẳng thể nghĩ bàn, nhưng giống như một bầu sữa thêm vào mùi bầu nước! Nếu chẳng khéo phân biệt, coi nước là sữa, sẽ chẳng thể tự lợi, chẳng thể dưỡng dục Pháp Thân huệ mạng. Còn từ đời Tùy - Đường trở về trước, các lời dạy của thiện tri thức chẳng tăng giảm giáo ngôn của đức Thế Tôn, ví như sữa là sữa. Tuy có chút phân nước, nhưng giống như vài nét chấm phá, vị sữa vẫn mùi phân trọn đủ. Hễ đọc, sẽ có thể tiêu hóa. Nếu một cân sữa thêm vào một trăm cân nước, dùng sữa như thế để dưỡng dục sanh mạng, có ý nghĩa gì chẳng? Chỉ có sắc, chẳng có vị sữa! Nếu phước đức của chúng ta giống như ngỗng chúa, khéo có thể chọn sữa từ trong nước, như thế thì sẽ hấp thụ chất dinh dưỡng, lợi lạc Pháp Thân huệ mạng của chính mình. Nhưng nếu chẳng có phước đức như vậy, nước lẫn sữa đều cùng dùng, sẽ chẳng đạt được lợi ích ấy! Vì thế, chúng ta học biết rất nhiều thứ mà chẳng đắc lực, vì sở học chẳng thể dưỡng dục Pháp Thân huệ mạng của chúng ta, chẳng thể tăng thêm các Thiền Định và trí huệ. Khi đó, thiện tri thức quả trách, dạy bảo tôi như thế, đích xác là đã khiến cho tôi được gia trì và lợi ích rất lớn. Nhưng người hiện thời xem sách, muốn xem thứ gì liền xem thứ đó, muốn học gì bèn học thứ đó. Tri kiến hễ tiếp

xúc thứ nào trước, thứ đó sẽ là chủ chốt. Đả động tri kiến còn nguy hại hơn giết sanh mạng nữa! Đây cũng là tướng cộng nghiệp!

Vì thế, học Phật mà nếu chẳng có sức truyền thừa chân thật, cũng có nghĩa là chẳng thể trừ khử lo ngại, khiến cho cái tâm quý vị tịnh, mà là chấp trước tri kiến. Chấp trước cái gọi là “đa văn”, quý vị sẽ rất khó loại trừ nghiệp tướng độc hại ấy. Vì quý vị đã bị gánh nặng trần bảo của chính mình đè sụp, giống như con trùng nhỏ thích công vật nặng trong Phù Bản Truyện. Trong lúc cùng mọi người học tập đã gần một tháng, điều tôi nhắc tới nhiều nhất là “*chúng ta đừng công gánh nặng trần bảo của chính mình*”, “*đừng công gánh nặng lầm lỗi của kẻ khác*”. Hai gánh nặng ấy có thể đè sụp con người. Do vậy, “*nhập Như Lai kiến, chung bất thoái chuyển*” (vào trong cái Thấy của Như Lai, trọn chẳng thoái chuyển). Nếu chẳng biết cái Thấy của Như Lai là thấy như thế nào ư? Chính là Như Lai ân, chính là Như Lai giác tánh, chính là quả địa giác của Như Lai, chính là giải thoát tri kiến. Toàn bộ kinh Hiền Hộ không ngừng dạy bảo chúng ta về tri kiến của Như Lai. Nếu quý vị chẳng biết, làm sao vận dụng được?

(Kinh) Bồ Tát kiến, như Bích Chi Phật kiến, như A La Hán kiến. Bồ Tát đương ưng tác như tư kiến. Như tư kiến cố, bất ức, bất niệm, bất kiến, bất văn. Dĩ bất ức niệm cập kiến văn cố, diệt chư vọng tưởng, tức đắc tư duy như tư tam-muội dã.

(經)菩薩見，如辟支佛見，如阿羅漢見。菩薩當應作如斯見。如斯見故，不憶不念，不見不聞。以不憶念及見聞故，滅諸妄想，即得思惟如斯三昧也。

(Kinh: Cái Thấy của Bồ Tát giống như cái Thấy của Bích Chi Phật, như cái Thấy của A La Hán. Bồ Tát hãy nên thấy như thế. Do thấy như thế, chẳng nhớ, chẳng nghĩ, chẳng thấy, chẳng nghe. Do chẳng nghĩ nhớ và thấy nghe, diệt các vọng tưởng, liền được tư duy tam-muội như thế).

Do nhân duyên “*chẳng nhớ, chẳng nghĩ, chẳng thấy, chẳng nghe*”, đạt được chánh tư duy tam-muội, tức là tư duy chẳng đắm nhiễm. Có người dùng học vấn đề tư duy sẽ chẳng thể phù hợp. Có kẻ dùng tri kiến để tư duy, cũng chẳng phù hợp. Nếu xét theo hai câu khẩu quyết niệm Phật “*rành rẽ phân minh, trọn chẳng có gì để đạt được*” của pháp

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

sur Viên Anh, dùng cái tâm hữu sở đắc (có điều gì để đạt được) sẽ rất mệt. Dùng cái tâm vô sở đắc để niệm Phật mà nếu cưỡng chấp, cũng rất mệt. Vì thế, hiểu rành rẽ, phân minh, trọn chẳng có gì để đạt được, chẳng có gì nhiệm, thanh tịnh niệm Phật, chẳng chấp trước, đỡ tốn sức mà niệm Phật, đúng là cảm ân đội đức! Vì sao vậy? Thật sự giải thoát tâm linh của chính mình, tháo bỏ gánh nặng của chính mình, tất cả gánh nặng thiện ác, gánh nặng đối đãi, gánh nặng thánh phàm, cùng lúc được giải thoát, sẽ thật sự cảm kích Phật Đà Thế Tôn.

Chỉ có bản thân chúng ta chẳng mang nặng nữa, chẳng tạo khổ nữa! Nếu không, chúng ta đúng là chẳng có gì để cảm kích, chẳng biết ân thì báo ân bằng cách nào? Ân còn chẳng thể được, có thể cảm ơn bằng cách nào? Ân ở chỗ nào? Ở chỗ trừ khử gánh nặng lấy bỏ, gánh nặng phân biệt, gánh nặng chẳng chánh kiến của chúng ta từ vô thi đến nay, khiến cho chúng ta hiểu rõ ràng, an lạc, chẳng vướng mắc, chẳng đối đãi, chẳng nghĩ ngợi, chẳng thấy, chẳng nghe, thanh tịnh một bề, chân thật niệm Phật!

Trong Ngẫu Ích Đại Sư Toàn Tập chép: Có người tới hỏi Ngẫu Ích đại sư: “Thưa đại sư! Ngài thông đạt giáo lý. Dù là Hoa Nghiêm, hay là Thiên Thai, hay là Tam Luận, Ngài đều tiến nhập vô ngại. Sao Ngài chẳng giảng các bộ đại luận, đại giáo? Cớ sao cứ khuất mình giữ gìn pháp tắc Niệm Phật như thế?” Ngẫu Ích đại sư nói: “Thiện tri thức! Ông hãy thôi đi! Chẳng cần phải nói nữa!” Sau đó, Ngài bảo: “*Một niệm hiện tiền của ông, nếu chẳng niệm Phật thì ông sẽ niệm gì?*” Lúc đó, tôi đọc những câu ấy, đúng là òa khóc tuôn lệ, vì sao vậy? Đúng là một niệm sẽ là như thế nào? Một niệm tỏ lộ tam thiên, tam thiên dung nhập trong một niệm. Một niệm ấy có thể làm gì? Ai biết, ai hiểu? Thiện tri thức tự biết, nhưng kẻ mê muội đã mê mất công dụng rộng lớn của một niệm, tức là tam giới sẽ kéo dài, ba đời sẽ tiếp tục! Chúng ta hãy khéo tư duy, quan sát!

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Thí như hư không, bốn vô hình sắc, bất khả quán kiến, vô hữu chướng ngại, vô sở y chỉ, vô hữu trụ xứ, thanh tịnh vô nhiễm, diệc vô cấu trược. Chư Bồ Tát bối, kiến nhất thiết pháp, diệc phục như thị.

(經)復次賢護！譬如虛空，本無形色，不可觀見，無有障礙，無所依止，無有住處，清淨無染，亦無垢濁。諸菩薩輩，見一切法，亦復如是。

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Ví như hư không vốn chẳng có hình sắc, chẳng thể xem thấy, chẳng có chướng ngại, không gì để nương tựa, chẳng có trụ xứ, thanh tịnh vô nhiễm, cũng chẳng có nhơ bẩn. Các vị Bồ Tát thấy hết thấy các pháp cũng giống như thế).

Quan sát sâu sắc, quan sát rành rẽ, quan sát không ngừng, quan sát chân thật rồi kết luận như thế, dùng [các điều quan sát] như thế để phá trừ lưới nghi, chọn lựa pháp nghĩa như thế.

(Kinh) Sở vị u bỉ hữu vi, vô vi nhất thiết pháp trung, vô hữu xứ chướng ngại.

(經)所謂於彼有爲無爲一切法中，無有處障礙。

(Kinh: Tức là trong hết thấy các pháp hữu vi và vô vi, chẳng có chỗ chướng ngại).

Vì sao? Hữu vi, vô vi là các danh tự giả lập, ắt chẳng có tự tánh. Chúng ta tạo nghiệp nơi danh tự, vì sao hư vọng lấy bỏ? Vì sao cưỡng chấp phân biệt thiện ác? Vì sao hư giả giữ lấy yêu ghét?

(Kinh) Nãi chí diệc vô xứ sở. Dĩ nhãn thanh tịnh vô chướng ngại cố, nhất thiết chư pháp tự nhiên hiện tiền.

(經)乃至亦無處所。以眼清淨無障礙故，一切諸法自然現前。

(Kinh: Cho đến cũng chẳng có xứ sở. Do mắt thanh tịnh chẳng có chướng ngại, hết thấy các pháp tự nhiên hiện tiền).

Do tâm thanh tịnh, mắt thanh tịnh, do tâm và mắt tương ứng, cho nên được thấy chư Phật. Tâm chẳng thanh tịnh, mắt ắt ô trược! Nếu lúc chúng ta đối trước thiện duyên và ác duyên, đều có thể khéo tư duy, đối phương (đối tượng trông thấy bởi mắt) sẽ là thiện tri thức. Nếu chúng ta chẳng khéo tư duy, cứ tìm kiếm nơi sự tướng, tìm kiếm nơi âm thanh tốt đẹp như khen ngợi, ghét âm thanh xấu như phỉ báng, chúng ta sẽ bị mê

muội bởi ác ngôn, ác ngữ, bị thiện ngôn, thiện ngữ cưỡng chế. Như thế thì sẽ chẳng tự tại, chẳng hiểu rõ cái tâm. Vì thế, kẻ bị cảnh chuyển, mê mất tự tâm, được gọi là “*chúng sanh*”. Người thường có thể chuyển cảnh, an ủi thế gian, thì là Bồ Tát, là bậc giác ngộ. Vốn chẳng khác biệt, chỉ vì sử dụng và chấp trước cái Thấy và cách dùng khác biệt. Chúng ta xét kỹ như thế nào? Ở đây, phải nên rất nghiêm túc. Đáng nên nghiêm túc thì nên nghiêm túc. Chẳng nghiêm túc là như chấp giữ, đăm nhiệm, tư duy hư vọng. Đó là chẳng nghiêm túc.

(Kinh) Bĩ chur Bồ Tát như thị niệm thời, tức kiến chur Phật. Kỳ sở trang nghiêm, trạng như kim liên, cụ túc oai nghi. Như bách thiên quang, viêm hách tư chiếu. Như Thu mãn nguyệt, chúng tinh vi nhiều. Như Chuyển Luân Vương, quân chúng xí thịnh. Như Thiên Đế Thích, tứ phụ trung tôn. Như Đại Phạm Vương, xử bĩ thiên tòa. Như sư tử vương, oai phục chúng thú. Như tiên bạch học, xử không nhi phi. Như Tu Di sơn vương, an trụ đại hải. Như Đại Tuyệt Sơn, xuất chur lương dược. Như Thiết Vi sơn, nhiếp trì mãnh phong. Như bĩ thủy giới, trụ trì đại địa. Như đại phong luân, tịnh hư không giới. Như Tu Di danh, tráng lệ thiên cung.

(經)彼諸菩薩如是念時，即見諸佛。其所莊嚴，狀如金輦，具足威儀。如百千光，炎赫斯照。如秋滿月，衆星圍繞。如轉輪王，軍衆熾盛。如天帝釋，四輔中尊。如大梵王，處彼天座。如師子王，威伏衆獸。如鮮白鵠，處空而飛。如須彌山王，安住大海。如大雪山，出諸良藥。如鐵圍山，攝持猛風。如彼水界，住持大地。如大風輪，淨虛空界。如須彌頂，壯麗天宮。

(Kinh: Các vị Bồ Tát ấy khi nghĩ như thế, liền thấy chur Phật. Các Ngài trang nghiêm, hình dạng như cỗ xe bằng vàng, tròn đủ oai nghi. Như trăm ngàn quang minh, chiếu rực rỡ, chói ngời. Như trăng tròn mùa Thu, các ngôi sao vây quanh. Như Chuyển Luân Vương, quân đội đông đảo. Như Thiên Đế Thích tôn quý trong bốn vị đại thần phù tá. Như Đại Phạm Vương, ngự trên tòa trời. Như sư tử chúa, oai thế hàng phục các loại thú. Như chim học trắng sạch, bay trên hư không. Như núi

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

chúa Tu Di, an trụ trong biển cả. Như Đại Tuyết Sơn, sanh ra các thứ thuốc tốt lành. Như núi Thiết Vi nắm giữ các luồng gió mạnh. Như thủy giới giữ yên đại địa. Như vàng gió lớn, thanh tịnh cõi hư không. Như trên đỉnh núi Tu Di, cung trời tráng lệ).

“Túc kiến chư Phật” (Liên thấy chư Phật), chư Phật có hình dạng như thế nào? Ở đây, [đức Thế Tôn] không ngừng dùng các vật mà chúng ta có thể thấy, có thể biết để tỷ dụ, hướng dẫn, hồng tăng cường sự nhận biết và sự vui thích, yêu mến của chúng ta!

(Kinh) Như thị Hiền Hộ! Bỉ chư Như Lai Ứng Đẳng Chánh Giác, dĩ trí đức quang chiếu minh nhất thiết tam thiên đại thiên chư Phật thế giới, kỳ sự nhược thử.

(經)如是賢護！彼諸如來應等正覺，以智德光照明一切三千大千諸佛世界，其事若此。

(Kinh: Như thế đó Hiền Hộ! Các đức Như Lai Ứng Đẳng Chánh Giác ấy dùng quang minh trí đức để chiếu sáng hết thấy tam thiên đại thiên các thế giới chư Phật, chuyện là như thế đó).

Trí đức quang minh của chư Phật Như Lai chiếu sáng hết thấy tam thiên đại thiên thế giới chư Phật. Phạm phu hữu tình thì một tiểu thế giới cũng chẳng léo hánh được! Trong các vị đã chứng Tứ Hướng, Tứ Quả, trí lực của thánh giả Tu Đà Hoàn quả có thể khéo biết một tiểu thế giới, A La Hán có thể biết các tướng trang nghiêm trong một đại thiên thế giới, có thể vận dụng tự tại trong một đại thiên thế giới. Công đức của vị thánh ấy chẳng phải là hư giả đặt ra. Thánh giả trong Phật pháp chẳng phải là lập ra hư giả. Nếu là thánh nhân xuất thế, sẽ hiện nhân duyên đại phước đức. Như lần trước, tôn giả Hổ Ba (Khruba Boonchum) đến đây, trong tay Ngài có bảo châu do long vương hiến tặng. Khi Ngài chứng quả, đại địa chấn động. Các vị hộ pháp có lòng yêu mến từ cung trời, hoặc long vương đều đến cúng dường như thế. Ngài đã đánh mất hạt châu ấy ba bốn lần, nhưng mỗi lần đều có người dùng các thứ nhân duyên đưa trả lại. Vì sao? Người khác chẳng giữ nổi viên châu ấy. Nhân duyên oai đức và phước đức của thánh nhân như thế chẳng phải là hư giả đặt ra. Bậc thánh nhân đều có oai đức thiện xảo, phước đức thiện xảo, Thiên Định thiện xảo, sức thần thông thiện xảo, vô úy thiện xảo, biết

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

trọn khắp thiện xảo, được trời, rồng thủ hộ, trời, rồng tôn sùng, hết thầy trí giả và thánh giả yêu mến. Tất cả những điều ấy khiến cho oai đức bất cộng và phước đức bất cộng nảy sanh. Phạm thì chính là phạm, chúng ta chẳng thể dùng phạm loạn thánh. Thánh chính là thánh, dầu có ngăn trở, che lấp, vẫn chẳng thể ngăn trở, che lấp được. Sở dĩ thánh là thánh, chẳng phải là do ngôn thuyết mà thành thánh, mà là thánh vì oai đức, là thánh vì công đức chân thật. Ở đây, chẳng thể lập bày hư giả, chẳng thể hư vọng, chẳng dám coi thường, nói dối đôi chút cũng chẳng được, nói lời khác lạ một tí cũng chẳng được. Kẻ hư vọng thật sự đáng buồn, vì chẳng có đôi vai ấy, sẽ chẳng thể gánh vác các thứ này!

Ở đây, tôi lại chẳng ngại nêu một thí dụ, vì sợ mọi người đem phạm loạn thánh. Vì tôn giả Xá Lợi Phất phát nguyện làm đệ tử đứng đầu của chư Phật, và luôn nhập diệt trước chư Phật. Do đó, trước khi đức Thế Tôn nhập diệt, Ngài bạch cùng đức Thế Tôn: “Bạch Thế Tôn! Con sẽ nhập diệt”. Đức Thế Tôn im lặng chấp thuận. Ngài Xá Lợi Phất trở về thôn xóm nơi chính mình đã sanh trưởng, tức là thành phố Na Lan Đà hiện thời, vào trong ngôi nhà đã nuôi lớn Ngài. Mẹ Ngài vẫn còn sống, trông thấy Ngài, bèn sanh nghi hoặc to lớn: “Ồi chao ơi! Vì sao đến tuổi già, con lại xả giới hoàn tục vậy? Nhà mình tài sản vô số, lúc trẻ tuổi con chẳng biết lấy dùng, tuổi già hoàn tục, có ích gì đâu chứ?” Mẹ ngài Xá Lợi Phất tôn kính Đại Phạm, chẳng ưa thích Phật pháp, chẳng biết Phật pháp, thường lo ngại Xá Lợi Phất. Tuy trong lúc hoài thai Xá Lợi Phất, trí huệ và biện tài của bà ta thiện xảo bậc nhất, chẳng bị chướng ngại, nhưng bà chẳng học Phật. Do vậy, trước khi nhập diệt, ngài Xá Lợi Phất trở về nhà, bà mẹ sanh lòng nghi hoặc, nghĩ Xá Lợi Phất đã hoàn tục. Mẹ đang tựa cửa, trông thấy đứa con của chính mình đã già khòm. Khi đó, Đại Phạm hiện đến, phóng quang minh, đánh lễ dưới chân ngài Xá Lợi Phất, thốt lời tán thán. Bà mẹ hết sức kính sợ, nói: “Vì sao đại thiên tới chỗ này? Con ơi! Con hành pháp gì mà vị này đến kính ngưỡng con?” Ngài Xá Lợi Phất chẳng đáp. Cho đến các loại trời, rồng đến lễ kính, cúng dường, khuyến thỉnh Ngài trụ thế. Mẹ Ngài hết sức nghi hoặc. Khi đó, ngài Xá Lợi Phất nói: “Ưu-bà-di! Bà thấy vị thiên tôn này hay không?” Mẹ Ngài hỏi: “Ta thờ phụng vị thiên tôn này, có sao Ngài đến lễ kính dưới chân con?” Ngài Xá Lợi Phất đáp: “Con đã có thể thủ hộ pháp rất sâu. Việc làm đã xong, phạm hạnh đã lập, chẳng còn thân sau, là bậc Ứng Cúng trong tam giới, là thầy hướng dẫn của tam giới, là ruộng phước cho tam giới”. Ngài nói lời quyết định; do vậy, mẹ Ngài được Ngài thành tựu, cuối cùng trở thành một vị ưu-bà-di quy y Tam

Bảo. Thánh giả tự có thánh công đức, thánh giả tự có thánh tướng. Ngay như bậc Sơ Quả trong thánh quả Thanh Văn, biết một tiểu thiên hạ mà đạt được sức tự tại: Khi đi lại, tự nhiên lìa khỏi mặt đất, chẳng gây hại sát sanh. Đó là điều quyết định chẳng nghi. Nói đến chỗ này, chỉ sợ mọi người hễ đạt được sự khinh an tương tự, lợi ích, cảnh giới tương tự v.v... liền nhận làm đầu với chân, tự chuốc lấy phiền não, cho nên tôi nhắc nhở đôi chút.

(Kinh) Hiền Hộ! Bỉ chư Bồ Tát ở chánh quán trung, phục như tu niệm: “Nhi chư Như Lai hữu sở tuyên thuyết, ngã tích thính văn, văn dĩ độc tụng, thọ trì, tu hành”. Như thị niệm dĩ, tùng tam-muội khởi. Như bỉ định trung sở văn chư pháp, tư duy kỳ nghĩa, vị tha tuyên thuyết. Hiền Hộ! Đương tri thị tam-muội vương, vị chư Bồ Tát tác tư lợi ích, năng dữ như thị chư công đức tự, sở vị thế gian, xuất thế gian nhất thiết chư pháp dã.

(經)賢護！彼諸菩薩於正觀中，復如斯念：「而諸如來有所宣說，我昔聽聞，聞已讀誦，受持修行」。如是念已，從三昧起。如彼定中所聞諸法，思惟其義，為他宣說。賢護！當知是三昧王，為諸菩薩作斯利益，能與如是諸功德聚，所謂世間，出世間一切諸法也。

(Kinh: Đây Hiền Hộ! Các vị Bồ Tát ấy trong chánh quán, lại nghĩ như thế này: “Đối với các lời tuyên thuyết của các đức Như Lai, xưa kia, ta đã được nghe, nghe xong đọc tụng, thọ trì, tu hành”. Nghĩ như thế rồi, từ tam-muội khởi, đối với các pháp được nghe trong Định đều suy nghĩ ý nghĩa, vì người khác tuyên nói. Đây Hiền Hộ! Hãy nên biết tam-muội vương này vì các Bồ Tát tạo lợi ích ấy, có thể ban cho các khối công đức như thế, tức là hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian).

Tướng quang minh công đức của tam-muội vương khiến cho chúng ta thấy rõ tam thiên đại thiên thế giới chư Phật. Có người niệm A Di Đà Phật, chứng đắc Niệm Phật tam-muội, cũng có thể biết rõ vô lượng thế giới. Thời cận đại, có ghi chép một số ít người chứng tam-muội. Trong lịch sử, có Hám Sơn đại sư chứng đắc Tùy Ý tam-muội. Khi Ngài ở một chỗ trên Ngũ Đài Sơn, lúc bấy giờ, trời đổ một trận tuyết

lớn, tuyết dày vùi kín gian nhà của Ngài. Mọi người vốn cho rằng Ngài đã bị chết cứng, nhưng sau khi tuyết tan, trông thấy Ngài đang ngồi thiền trong ấy, mọi người đều hết sức rúng động. Lại như Hám Sơn đại sư chép kinh Hoa Nghiêm, tay vừa chép kinh, vừa nói chuyện với người khác, chữ chẳng chép sai, hàng lối chẳng sai lệch, lời nói cũng không làm loạn, Tùy Ý tam-muội tự tại mà! Đây chẳng phải là Ngài nói suông, mà là Ngài làm được. Quý vị đừng nên cho rằng chính mình đã chứng hay không, cứ sử dụng là biết ngay. Mấy may hư giả đều chẳng được. Nếu không, đại vọng ngữ sẽ gây tổn thương rất dữ dội!

(Kinh) Hiền Hộ! Thị cố, nhược bỉ thiện nam tử, thiện nữ nhân, tùy dục cầu chứng Vô Thượng Bồ Đề, đương ưng thính văn như thị tam-muội. Văn dĩ, thư tả, đọc tụng, thọ trì, tu tập, tư duy, quảng vị tha thuyết, linh thị diệu pháp lưu bố thế gian.

(經)賢護！是故，若彼善男子善女人，隨欲求證無上菩提，當應聽聞如是三昧。聞已書寫，讀誦受持，修習思惟，廣爲他說，令是妙法流佈世間」。

(Kinh: Đây Hiền Hộ! Do vậy, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy muốn cầu chứng Vô Thượng Bồ Đề, hãy nên nghe tam-muội như thế. Nghe rồi biên chép, đọc tụng, thọ trì, tu tập, tư duy, rộng vì kẻ khác nói, khiến cho diệu pháp này được truyền bá trong thế gian).

Đoạn văn tự này vẫn nhằm khuyên chúng ta nghe pháp này, cầu pháp này, tư duy, biên chép, đọc tụng, truyền bá pháp tắc như vậy, chứng thực pháp tắc như vậy. Bộ kinh này chỗ nào cũng đều tuyên nói như thế, rốt cuộc chúng ta tiếp nhận được bao nhiêu? Chuyện này đúng là tùy thuộc nhân duyên của mỗi người!

Chúng ta đã nghe tiếng bước chân sắp viên mãn của An Cư kết hạ, còn năm ngày nữa. Sinh hoạt tập trung học tập trong một trăm hai mươi ngày an cư sắp kết thúc viên mãn. Thuận theo nhân duyên ấy, chúng ta học tập kinh Ban Châu Tam Muội cũng sắp viên mãn. Vốn là bộ kinh như thế này, nếu chiếu theo lối khoa phán để học tập, sẽ tốn rất nhiều thời gian; vì văn tự của kinh này khá bình dị, chúng ta liền đọc tụng, để mọi người rộng kết nhân duyên hành trì Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiện Tiên tam-muội. Vạn sự đều do nhân duyên mà khởi, do nhân duyên mà diệt. Nếu chẳng có duyên khởi, pháp chẳng thể tự sanh một mình

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

được. Trong cõi đời, chẳng có bất cứ pháp nào có thể trợ trợ sanh khởi, cũng chẳng có bất cứ đoạn diệt nào để có thể đạt được! Trong pháp tắc “*vốn chẳng có một pháp nào để đạt được*”, chúng ta nhờ nương theo một kinh, nương cậy một pháp tắc, thông qua cảm nhận liên tục, sẽ có thể thành thực một sanh mạng [tồn tại] liên tục để nương vào.

Đối với toàn thể chỗ nương cậy để sanh mạng được tiếp nối đến tận tương lai, kẻ không có pháp tắc sẽ mê mờ. Kẻ chẳng có pháp tắc rõ rệt, sẽ mong chủ động vận dụng trí huệ và từ bi sáng suốt, hòng dần dần thuần thực sanh mạng của chính mình. Cơ chế như thế cũng chẳng thể đạt được! Do vậy, chúng ta có thể gặp gỡ một pháp môn, một cơ chế pháp, nhất là kinh Hiền Hộ khá có hệ thống như thế, là một giáo điển đã giới thiệu hoàn thiện pháp tắc bất cộng Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội, đích xác là phước đức của mọi người. [Phước đức ấy] khó lìa khỏi oai đức gia bị của đức Thích Ca Thế Tôn, mà thiện căn của chúng ta cũng được chín muồi chẳng ít. Do thiện căn chín muồi và được Phật Đà Thế Tôn gia bị, mọi người được gặp kinh điển này. Chúng ta đừng nên học xong bèn hời hợt bỏ qua. Nếu chẳng thể thâm nhập tu tập, đúng là khá đáng tiếc, chỉ có thể trở thành chủng tử của một nhân duyên xa xôi!

Nếu chúng ta gặp pháp tắc này mà có thể thật sự tu tập nó, sẽ giống như kinh văn đã chỉ dạy: Trong các pháp xuất thế và nhập thế, pháp này tạo lợi ích rộng khắp cho các vị Bồ Tát Ma Ha Tát. Người muốn cầu Vô Thượng Bồ Đề, nghe nói tam-muội này, đọc tụng, biên chép, khéo tư duy, rộng vì người khác nói tam-muội này, cho đến người đích thân chứng tam-muội này, đều được đức Thế Tôn tán thán, được đức Thế Tôn thủ hộ, có thể khiến cho pháp này tồn tại trong thế gian, khiến cho vô lượng chúng sanh thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề thật sự là biểu hiện của tâm trí cội nguồn rõ ràng, hoàn thiện nhất, oai đức trọn đủ, sức tự tại thành thực trọn vẹn nơi hết thảy chúng sanh mà thôi! Chúng ta biết trong biển “*pháp tánh tịch diệt*”, chẳng có mảy trần để có thể đạt được, chẳng có một pháp thật sự có bản chất, vô lượng chúng sanh trong các thứ nghiệp tướng đối với mười pháp giới hoặc tự do, hoặc chẳng tự do, hoặc thiện xảo, hoặc chẳng thiện xảo, hoặc sáng, hoặc tối, cho đến xuất hiện sanh mạng khổ, vui, phàm, thánh, trí, ngu khác biệt như thế. Sanh mạng khác biệt do ai lựa chọn? Chính là từ ngay trong bản thể của chúng ta mà thiện xảo đúng pháp chọn lựa, hay mê mât sự chọn lựa thiện xảo ấy. Nếu

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

nắm vững sự chọn lựa thiện xảo ấy, sẽ có pháp để nương theo, thành tựu trong một đời sẽ chẳng phải là chuyện khó, chúng tam-muội cũng chẳng phải là chuyện khó, lợi ích thế gian rộng rãi cũng chẳng phải là chuyện khó, chỉ là chuyện thuộc vào địa vị của chính mình. Do đó, “*tâm đắc bốn vị, tức đắc an lạc*” (tìm được địa vị vốn có, liền được an vui). Nếu chúng ta chẳng tìm được bốn vị, tự làm lạc mê mất nơi sự tướng, sẽ ở ngay trong các sự tướng biến đổi, vô thường, tự cho là có thật rồi xâm hại lẫn nhau, sẽ đánh mất lợi ích thanh tịnh to lớn.

Giáo điển này giống như chư Phật xuất thế, chỉ nương theo một đại sự nhân duyên, tức là “*muốn khiến cho chúng ta đoạn trừ phiền não, trừ khử tập khí, vượt thoát sanh tử, lại còn tự tại trong sanh tử, chẳng nhiễm sanh tử, chẳng giữ lấy Niết Bàn, lợi ích trời, người rộng khắp*”. Trong thực tế, cũng có nghĩa là sanh mạng tất nhiên có chỗ nương tựa. Chúng ta thấy trong Thanh Văn Thừa, có hai loại Niết Bàn là Hữu Dư và Vô Dư. Người thiện xảo chứng đắc quả A La Hán là người đã đạt tới cực quả trong giáo ngôn của Thanh Văn Thừa, nhưng trong Đại Thừa Phật giáo, chẳng chấp sanh tử, chẳng giữ lấy Niết Bàn, vãng sanh cõi vô sanh của A Di Đà Phật, gột sạch sành sanh hết thảy sanh tử bức bách từ vô thỉ tới nay. Bất luận Biến Dịch Sanh Tử hay Phần Đoạn Sanh Tử, đều cùng lúc tận diệt. Chỉ trong một đời thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, oai đức đến tận đời vị lai. Oai đức ấy chẳng phải là hành vi do kiêu mạn, do tà kiến, hay do làm bộ làm tịch, mà thật sự là tự tánh vốn có, là quang minh từ pháp tánh, là oai đức của pháp tánh, ai nấy đều có thể duyên theo nó, có thể sử dụng nó, mà cũng có thể thành tựu nó. Nói “*thành tựu*”, tức là chuyện thuộc về bốn phần, duyên theo chuyện ấy liền sử dụng nó, chọn lựa nó. Chúng ta duyên theo cái nghiệp của tam đồ, sẽ có thể thành tựu sanh mạng tiếp nối trong tam đồ y hết! Chúng ta thấy lừa, ngựa, lạc đà thồ đồ vật, bèn sanh khởi tâm niệm thương xót. Thật ra, chúng vốn cũng trọn chẳng khác biệt chư Phật! Chư thiên thấy chúng ta phiền não nặng nề, do thiếu thốn vật chất, do thiếu thốn ngũ dục bèn đau khổ tìm kiếm, sẽ thấy chúng ta chẳng khác gì trâu ngựa. Họ sẽ cảm thấy đau khổ không chịu nổi, sẽ sanh khởi tâm niệm xót thương. Còn các vị thánh giả, trí giả, trông thấy chư thiên tuy có sanh mạng tám đại kiếp, cho đến sanh mạng tám vạn đại kiếp, nhưng đối với các sanh mạng, hiện đủ loại tướng chẳng thể tự không chế, chẳng thể tự hiểu rõ, chẳng thể tự liễu thoát. Do vậy, cũng sanh một tâm niệm thương xót, còn chư Phật Như Lai thì sao? Thấy hết thảy hữu tình trong chín pháp giới, dù là vi tế Hoặc, dù là Vô Minh Hoặc, hay Kiến Tư Hoặc, trong vô tận

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

vô biên các thứ hoặc loạn, dù nặng nề, hay vi tế, dù cực vi tế, đều sanh khởi tâm bi mẫn rộng lớn. Do đó, tôn trọng, yêu thích hết thảy hữu tình trong thế gian. Vì sao? Do đồng thể, đồng dụng. Do nhân duyên này, cho nên có thể thiện xảo thí giáo rộng lớn, dạy hết thảy hữu tình trong chín pháp giới triệt để thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Có người đã bần khoản quá sớm “sau khi thành Phật, tôi sẽ làm như thế nào?” Quý vị chẳng cần nghĩ tới chuyện đó, cứ thông thả! Nếu đối với bộ kinh Ban Châu Tam Muội này, chúng ta có thể gặp được pháp tắc như thế, giáo ngôn như thế, thật sự có thể được nghe pháp tắc như thế, nghe danh tự như thế, chính là chẳng thể nghĩ bàn! Nếu ai nghĩ là “chẳng thể nghĩ bàn”, người ấy chính là chẳng thể nghĩ bàn. Nếu kẻ nào khinh thường, trái phạm, kẻ ấy là phùng khinh dễ, trái phạm. Nếu ai tôn trọng, thủ hộ, truyền bá pháp này, sẽ do tôn trọng, thủ hộ, truyền bá, tất nhiên thành tựu lợi ích chẳng thể nghĩ bàn! Vì thế, dụng tâm gì vậy? Chọn lựa gì vậy? Chỉ là trong hiện duyên, mỗi người tự lựa chọn, có liên quan với người khác hay chẳng? Hữu tình thời Mạt Pháp lãng phí thời gian của chính mình quá nhiều, dùng một lượng lớn thời gian và tinh lực vào sự tương vô thường, biến đổi, đổ công dốc sức nơi lời lẽ và cử chỉ của người khác. Người như thật biết tự tâm, như thật vận dụng tự tâm, như thật liễu giải cơ hội chẳng tăng, chẳng giảm, rõ ràng, rộng lớn, trọn đủ hết thảy các pháp trong tâm địa quá ít! Đối với chuyện này, đức Phật thương xót chúng ta, dùng sức oai thần gia bị, khiến cho nhân duyên thiện căn của chúng ta thành thực. Do vậy, tuyên nói giáo điển chẳng thể nghĩ bàn như thế. Chúng ta tối thiểu đã có cơ chế thành thực như vậy, cho nên mới có thể học tập, lắng nghe, trao đổi, thật sự là chuyện chẳng thể nghĩ bàn! Vì thế, đừng coi tự duyên (các duyên của chính mình) là duyên nhỏ nhất, đừng vì tự duyên mà kiêu mạn, chớ nên coi rẻ tự ngã, cũng như đừng coi rẻ nhân duyên của người khác. Đương nhiên là cũng chớ nên kiêu mạn. Như thế thì tâm trí của chúng ta sẽ yên tĩnh, bình hòa, sẽ thấy thấu suốt pháp tắc, ẩn khế pháp tắc, như thật thủ hộ pháp tắc mà chúng ta đang tu tập, chẳng đánh mất duyên khởi thật sự tốt đẹp, thanh tịnh.

Con đường thành Phật ở ngay dưới chân, duyên khởi thành Phật ngay trong một niệm hiện tiền, sự chọn lựa thành Phật cũng ở trong hiện tiền. Sở dĩ vận dụng ngay trong hiện tiền là vì nhận biết một niệm hiện tiền. Một niệm hiện tiền vô nhiễm, chính là chân tâm vô nhiễm. Nếu chúng ta lập tức duyên theo sự lựa chọn thanh tịnh của Phật Đà Thế Tôn, như đối với sáu loại “*ngũ pháp*” đã nói trong phần trước, cùng với công

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

đức nơi một trăm hai mươi hai câu hỏi “*như thế nào*” mà thủ hộ, tập luyện xuyên suốt, tức là chúng ta đã lập tức lựa chọn duyên khởi thiện xảo và thanh tịnh “*xa lìa sự bức bách của sanh tử để lợi ích rộng khắp hữu tình*”.

Hành Ban Châu, chẳng qua chỉ là khiến cho duyên khởi thanh tịnh được tiếp nối, như thật công nhận, như thật vận dụng, chỉ như thế mà thôi! Cái tâm liên tục ấy, từ trong tâm trí thay đổi từ vô thi tới nay, trong tâm trí nắm nín của chúng ta, cho đến trong giả duyên như huyễn, phần nhiều chẳng thể tự không chế. Chúng ta phần nhiều cưỡng chấp, đắm nhiễm [các giả duyên ấy], cho nên hình thành lòng yêu mến và truy tầm sự vô thường đổi khác. Chúng ta hướng tới sự đổi khác ấy, hoặc có thể nói là vô ký, vô minh, mà sự vô ký, vô minh ấy đã đem lại cho chúng ta điều gì? Chính là chẳng làm sao được, vô tri, chẳng có năng lực, như thế thì quý vị sẽ chẳng có cách nào giải quyết vấn đề của chính mình!

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn vị trùng minh thử nghĩa, dĩ kệ tụng viết.

(經)爾時，世尊爲重明此義，以偈頌曰。

(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn vì nói rõ lại nghĩa này, dùng kệ tụng rằng).

Vì chúng ta đối với chuyện huân tập pháp tắc còn khá xa lạ, đức Thế Tôn nhiều lượt giáo huấn chúng ta, không ngừng hướng dẫn chúng ta tư duy như thế, quan sát như thế. Ngài dùng các đoạn văn tự dưới đây để tổng kết rõ ràng, tóm tắt, đơn giản phần Trường Hàng trước đó, khiến cho chúng ta thật sự hiểu rõ. Ngoài thời gian lên lớp học tập, chúng ta hãy có thời gian hãy nên đọc tụng, đàm luận, trao đổi về kinh Hiền Hộ cho nhiều, bớt nói chuyện gẫu. Như thế thì sẽ có thể khiến cho pháp được tiếp nối, khiến cho những ngày học tập này có được một cơ chế pháp tắc thuần thực. Nếu không, cứ gián đoạn, sẽ vẫn quay về với nghiệp tập!

(Kinh) Chư Phật thanh tịnh ly trần cấu, công đức thâm quảng, vô sở y.

(經)諸佛清淨離塵垢，功德深廣無所依。

(Kinh: Chư Phật thanh tịnh, lìa trần cấu. Công đức sâu rộng, chẳng tựa nương).

Qua lời dạy của đức Thế Tôn, Ngài đã bóc gỡ cái tâm nắm níu của hết thầy chúng sanh. Hoặc có thể nói là khiến cho hết thầy chúng sanh từ trong cái tâm nắm níu ấy mà biết: “Thật ra, chẳng có pháp nào để có thể nắm níu!” Trong tâm trí vịn nắm của phàm phu, nếu chẳng chấp trước một thứ chi đó, chẳng nắm bắt một thứ chi đó, cái tâm chẳng có [thứ gì để vịn nắm], sẽ trở nên trống trải, mê muội, bỗng dưng chẳng biết làm như thế nào! Một khi chúng ta đã vượt khỏi chỗ ấy, như trong quá khứ đã nói, sau khi “*đình tâm*” (ngưng lặng cái tâm), sẽ tự đạt được phương tiện. Nói “*đình tâm*” chính là vĩnh viễn đoạn trừ lo ngại; khi đó, cái tâm nắm níu liền ngưng dứt. Chúng ta sẽ hiểu pháp tắc tương tự rõ ràng. Nhưng “*chư Phật thanh tịnh ly trần cấu*” tức là triệt để lìa khỏi những cái gọi là Kiến Tư Hoặc, Trần Sa Hoặc, và Vô Minh Hoặc, biết rõ ráo thanh tịnh. Chư Bồ Tát, hiền thánh là bậc phương tiện thanh tịnh, còn phàm phu là kẻ chưa đạt được thanh tịnh. Vì sao nói là “chưa đạt được?” Vì ở trong trần lao, trong trần cấu, vẫn chưa giác ngộ, vẫn mê mất nơi vọng chấp trần lao, ở trong trần lao “*vọng tưởng nắm níu*”, chẳng thể tự thoát ra!

“*Công đức thâm quảng vô sở y*” (Công đức sâu rộng, chẳng nương tựa vào đâu): Chẳng nương, chẳng dựa vào sức trí huệ, chính là trí huệ vốn sẵn có của hết thầy chúng sanh; đó gọi là “*vô tạo, vô tác*” (chẳng tạo tác), chẳng nhiễm mảy trần, chẳng nhơ, chẳng sạch. Đây chẳng phải là một câu nói thường hằng, mà thật ra là dùng ngôn ngữ quyền biến để biểu đạt một loại phương tiện trí huệ. Nếu nói với hữu tình vô minh cố chấp, thì cũng là bất đắc dĩ mà nói. Nếu nói với bậc trí giả, nói vừa đủ rồi thôi, tức là biết ẩn sau ngôn ngữ, sẽ thật sự là thanh tịnh, chẳng nhiễm, chẳng chấp!

(Kinh) Chung cổ khanh thương chúng diệu âm, vạn chủng hàm bị tu cúng dường. Bồ tát chư chủng siêu thế hương, tinh dị hoa man, thượng bảo cái. Nhiên đặng cúng dường chúng tháp miếu, sở vị cầu tam-ma-đề.

(經)鐘鼓鏗鏘衆妙音，萬種咸備修供養。佈散諸種超世香，精異花鬘上寶蓋。然燈供養衆塔廟，所爲求此三摩提。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

(**Kinh:** Chuông trống réo rắt các điệu âm, muôn thứ đều vẹn tu cúng dường. Rải rắc các hương tuyết điệu nhất, tinh xảo tràng hoa, lọng báu dâng. Cúng dường đèn soi các tháp miếu, đều vì cầu đắc chánh định này).

Dùng ca múa, âm thanh hay đẹp, ca ngợi, cho đến sắp đặt các loại đồ vật, các thứ hoa tươi v.v... để cúng dường. Quả thật vì cầu tam-ma-đề này, tức là vì để thành tựu Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội. Tam-muội là một danh từ có đủ cả danh xưng nơi tướng trạng của cái nhân lẫn tướng trạng của cái quả. Tam-ma-đề là tên gọi theo quả tướng. Tam-muội thành tựu thì gọi là tam-ma-đề. Chẳng hạn như chúng ta nói đến Tứ Hướng và Tứ Quả, địa vị Tứ Hướng chẳng gọi là quả. Vì sao? Do mang ý nghĩa hướng đến. Nếu đã đạt tới quả vị, thì có ý nghĩa “*an trụ*”. An trụ mà thật sự chẳng có gì để an trụ. Đó là nội hàm chân thật nơi quả đức.

Chúng ta học tập một pháp tắc, nếu chẳng hiểu rõ nguyện vọng và mục đích, sẽ đứt gánh nửa đường, hoặc bị nghịch duyên làm dang dở, hoặc là bị thuận duyên làm lỡ làng. Nếu là thuận duyên, do nhiễm đắm nhân duyên, cũng sẽ đắm quàng vào ngõ rẽ. Nếu là nghịch duyên, do chẳng hiểu rõ nguyện vọng và mục đích, nhất định sẽ thoái đọa. Nếu chúng ta học Phật trong tình hướng mười phần hiểu rõ mục đích và nguyện vọng, thì sanh mạng lẫn cuộc sống đều suông sẻ, chẳng có chướng ngại! Chẳng hạn như người thường phải làm việc nơi đất khách, hề mong trở về nhà, đúng là hết sức nôn nóng mong trở về. Hề nhắm mắt là thấy người nhà. Cũng giống như thế, là người xuất gia, là người học Phật, phải nên đối với mục đích của chính mình, tức là chỗ thành tựu của pháp tắc, thật sự phải có nhận thức rõ ràng, đích xác như người nóng lòng mong trở về, phải có khát vọng chẳng điều gì có thể chướng ngại được! Nếu chẳng như thế, giữa chừng sẽ nảy sanh quá nhiều nhân duyên gây chướng ngại. Trong thời đại này, do mọi người chẳng hiểu rõ nguyện vọng và sự thủ hộ thế nguyện, cho nên phần nhiều chẳng thể thường hằng gìn giữ một pháp, hay một sự. Kết quả là khiến cho nhân duyên chẳng thể thành thực, gây gánh giữa đường nhiều lắm, người trước sau vẹn toàn cực hiếm hoi! Trong thế gian này, bất luận là làm chuyện thế tục, hay học Phật, bất luận xuất gia hay tại gia, người có thể vẹn toàn từ đầu đến cuối đều làm các chuyện có ý nghĩa đối với thế gian, hoặc có thể khiến cho thế gian đạt được các khơi gợi cụ thể.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Ở đây, [kinh văn] nhắc tới các loại cúng dường, bất luận là cúng dường bằng tràng hoa, cúng dường bằng các vật, cúng dường bằng diệu âm niệm tụng, đều là vì tam-ma-đề này, cũng là để đích thân chứng Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiên Lập tam-muội. Nếu phát thệ nguyện như thế, tâm như thế, vậy thì hết thấy các chướng ngại đều chẳng còn là chướng ngại. Nếu phát tâm rõ ràng, chướng ngại chẳng gọi là chướng ngại. Nếu phát tâm chẳng rõ ràng, dường như đúng mà thật ra là sai, chướng ngại sẽ xuất hiện, sẽ bị chướng ngại. Ngay cả thuận duyên xuất hiện, cũng hình thành chướng ngại. Kết quả là thuận duyên lẫn nghịch duyên đều có nhiều chướng ngại. Chúng tôi nêu một thí dụ. Chẳng hạn như từ đây du hành qua Trung Điện²¹, mục đích của quý vị mười phần rõ ràng, tư duy của quý vị do phát tâm sẽ mười phần rõ ràng, xác đáng. Vì thế, tới Đại Lý²², quý vị sẽ không kẹt luôn tại Đại Lý, [trong khi ở lại Đại Lý, quý vị] cũng có thể tùy duyên xem xét [phong cảnh, phong tục ở Đại Lý], rồi lại ra đi. Tới Ly Giang, quý vị chẳng kẹt lại Ly Giang, vì sao vậy? Mục đích của quý vị là Trung Điện, chẳng phải

²¹ Trung Điện vốn là một huyện thuộc tỉnh Vân Nam, gọi theo tiếng Tây Tạng là Gyaitang Zong, nằm ngay ranh giới của Tứ Xuyên, Vân Nam, và Tây Tạng. Ở đây, có một thị trấn nổi danh là Shangrila (người Tây Tạng gọi là Gyalthang) thuộc Dịch Khánh Tạng Tộc Tự Trị Khu. Thị trấn này vốn cũng gọi là Trung Điện, nhưng từ ngày 16 tháng 12 năm 2014, đã chính thức đổi tên thành Shangrila, dựa theo tên miền đất huyền tưởng trong tác phẩm Lost Horizon của James Hilton. Hilton mô tả vùng đất ấy nằm ở phía Tây rặng Côn Luân, được coi như thiên đường hạ giới, dân ở đó sống bất tử. Để hấp dẫn khách du lịch, do Trung Điện phong cảnh đẹp đẽ, lại gần Côn Luân, nhà cầm quyền Hoa Lục bèn đổi tên Trung Điện thành Shangrila. Một số nhà nghiên cứu cho rằng Shangrila được gọi hứng từ vương quốc bí mật Shambala dành cho những người chứng ngộ, như mật điển Kalachakra (Thời Luân) của Mật giáo Tây Tạng đã đề cập.

²² Đại Lý (sắc dân Bạch gọi thành phố này là Guiphet) là thành phố cấp huyện của tỉnh Vân Nam, là thủ phủ của Đại Lý Bạch Tộc Tự Trị Châu. Đây là thành phố được hình thành sớm nhất ở tỉnh Vân Nam. Khu vực Đại Lý đã được kiến thiết từ thời Hán Vũ Đế trong nỗ lực kiểm soát Tây Vực mà không phải đi vào đất Thục (Tứ Xuyên). Gia Cát Lượng đã lập ra Vân Nam Quận tại vùng này. Sắc dân Bạch kiến thiết khá nhiều thành ấp quanh khu vực, hình thành sáu bộ lạc lớn gọi là Lục Chiếu. Thủ lãnh Mông Xá chiếu là Bì La Các đã thôn tính năm chiếu kia, thành lập nước Nam Chiếu. Năm 902, quyền thần Trịnh Mãi Tự của Nam Chiếu đoạt quyền, xóa sổ Nam Chiếu, lập ra Đại Trường Hòa Quốc. Nội chiến liên miên, cuối cùng Đoàn Tư Bình chiến thắng, chiếm vùng này, lập ra Đại Lý Quốc, bắt đầu quá trình Hán hóa vùng Vân Nam. Đến thời Nguyên, vùng này trở thành Đại Lý Lộ rồi biến thành Đại Lý Phủ dưới thời Minh, rồi trở thành huyện Đại Lý dưới thời Dân Quốc.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

là không thấy, không nghe quang cảnh dọc đường. Quý vị đã thấy, cũng nghe, nhưng chẳng ảnh hưởng đích đến của quý vị. Có người trong tình huống mục đích chẳng rõ ràng, chắc là sau khi đã tới Đại Lý, bèn nói: “Thôi được rồi! Chắc là tới Trung Điện cũng giống như thế chớ gì!” Hoặc cảm thấy ngòi xe đúng là khôn đốn quá, bèn nghĩ: “Thôi đi! Vất vả như thế thì chẳng đi nữa!” Cũng có thể là sau khi đến Ly Giang, bèn nói: “Chẳng sai biệt nhiều lắm, cũng bất quá như thế đó”. Cứ như thế, chuyện đến Trung Điện vĩnh viễn đều chẳng làm được! Vì sao? Phát tâm chẳng rõ ràng, chẳng chọn lựa, chẳng hiểu rõ, chẳng thấy thấu triệt. Vì thế, bị cảnh tượng trên đường, dù nghịch hay thuận, thoải mái hoặc chẳng thoải mái, hai pháp ấy làm cho mai một.

Nay chúng ta chuẩn bị nhiều tư lương như thế, là vì lẽ nào? “*Sở vị cầu thử tam-ma-đề*” (Vì cầu tam-ma-đề này). Nếu đây là nguyện vọng của ta, tốt lắm, đối với phong cảnh dọc đường, dù tốt, hay xấu, dù thuận hay nghịch, chúng ta cứ thẳng thừng nhìn ngắm, vì sao? Chẳng trở ngại ngắm nghĩa, chẳng trở ngại hay biết. Dưới tình huống chẳng trở ngại, sẽ tiến thẳng đến mục đích. Người như thế thật sự có oai đức, có trí huệ trong thế gian. Nếu một chuyện là như thế, hai chuyện là như thế, mọi chuyện đều là như thế, người ấy sẽ đắc tự tại lực, tức là chẳng có chướng ngại, có sức tự tại như người tiến nhập cảnh giới không chướng ngại. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật dạy: “*Bồ Tát thanh lương nguyệt, thường hành tất cánh không*” (Bồ Tát như trăng trong mát, thường hành Không rốt ráo), soi rõ, nhận biết thế gian, chẳng bị trở ngại. Do tâm trí vô ngại, mục đích rõ ràng, chỉ nhằm chiếu sáng thế gian, khiến cho chúng sanh đạt được thanh lương, quang minh, và vui sướng. Làm một người học Phật, nguyện vọng của chúng ta, rốt cuộc là “*vì cầu*” điều gì? Nếu chẳng hiểu rõ ràng, hành xử sẽ như cỏ đầu tường, gió Đông thổi bèn ngã qua phía Tây, gió Tây thổi bèn ngã rạp sang phía Đông, chẳng thể nào không nghiêng ngã! Như thế thì sẽ rất khó đạt được phương tiện.

(Kinh) Phật pháp thâm thâm nan khả kiến, khai thị Thế Đế linh nhân tri.

(經)佛法甚深難可見，開示世諦令人知。

(Kinh: Phật pháp rất sâu, khó thể thấy, khai thị Thế Đế cho người biết).

Cảnh giới vi diệu rộng lớn rất sâu của chư Phật Như Lai, hết thảy phạm thánh chẳng thể suy lường mà biết được. Vì vậy, đức Phật nói đủ loại tỷ dụ theo thể tục để hữu tình phạm ngu trong thế tục, cho đến phạm thánh hữu tình có phương tiện để khế nhập, nhận biết hồng tham chiếu, tức là “*khai thị Thế Đế linh nhân tri*” (khai thị Thế Đế khiến cho mọi người biết). Sự tham chiếu ấy chẳng phải là chân thật, mà là nói tương tự. Nếu đức Thế Tôn chẳng nói các loại tỷ dụ, các loại pháp, các cách nói tương tự, khiến cho chúng ta nhận biết và tiên nhập, chúng ta sẽ chẳng có cơ hội tiếp xúc. Vì sao? Chẳng hạn như chúng ta mong liễu giải loài cá suy nghĩ như thế nào, nhưng do là con người, chúng ta trải qua một ngàn năm, vạn năm, ngàn kiếp, vạn kiếp, cũng suy nghĩ chẳng thấu tỏ. Tuy có thể dùng các tỷ dụ như cá sống trong nước như thế nào, cảm giác như thế nào, nhưng đều là nói tương tự! Nếu muốn thật sự thấu hiểu, chúng ta chỉ có thể làm một con cá thì mới có thể triệt để thể nghiệm sanh mạng và cảm giác của cá.

Cũng giống như thế, đối với cảnh giới rất sâu vi diệu rộng lớn của chư Phật Như Lai, cho đến thiện xảo trí huệ rộng lớn, oai đức lợi ích rộng khắp thế gian, phạm phu hữu tình, hữu tình có trí, hữu tình thánh nhân, dầu nói cùng tận, giảng giải cùng tận, tư duy cùng tận, tư duy nhiều lượt, tư duy cho đến hết đời vị lai, mọi người đều tập trung cùng nhau tư duy, cũng chẳng thể biết chút phần. Đó là sự chọn lựa, vì sao? Chẳng cùng một tầng cấp, sẽ chẳng thể tương ứng! Trong phạm tình của chúng ta, tâm còn chưa ngưng nghỉ, bị tạo tác lừa dối, chẳng có cách nào biết rõ công đức của hữu tình đã định tâm. Chúng sanh chưa định tâm trong một thế giới, hai thế giới, hay vô cùng thế giới tập trung một chỗ, vẫn chẳng thể biết tâm của một vị Bồ Tát đã định tâm. Vô lượng vô biên hữu tình đều chứng đắc các địa vị Bồ Tát Thập Hạnh, Thập Trụ, Thập Hồi Hướng cũng đều chẳng thể biết tâm trí, cảnh giới, diệu dụng, oai đức, và phước huệ của một vị Sơ Địa Bồ Tát, vì chẳng có cách nào biết, chẳng thể nhận biết. Bất luận chúng ta nói như thế này, như thế kia, nội hàm thực chất vẫn chẳng phải là như thế. Do đó, quý vị tới Ly Giang, đừng suy đoán Trung Điện cũng chẳng khác Ly Giang cho mấy. Tới Đại Lý, cũng đừng suy đoán Ly Giang, chẳng giống nhau đâu nhé! Đối với phong cảnh, chúng ta có thể quan sát như thế, nhưng nói theo sự sai biệt của đạo nghiệp, cũng chắc chắn là như thế.

(Kinh) Bỉ như tự tánh sơ bất thiên, nhữ đương tùy thuận trí vô ngại. Do nhật nguyệt thiên sơ xuất thời, Đế Thích tá thiên tam thập

nhị. Chúng cụ trang nghiêm thật châu phổ, cầu bĩ tam-muội diệt phục nhiên.

(經)彼如自性初不遷，汝當隨順智無礙。猶日月天初出時，帝釋佐天三十二。衆具莊嚴實周普，求彼三昧亦復然。

(Kinh: Như tự tánh ban sơ chẳng dời, ông nên tùy thuận trí vô ngại. Như khi nhật nguyệt thiên vừa mọc, bả hai thiên phù tá Đế Thích. Các món trang nghiêm đều trọn khắp, cầu tam-muội ấy cũng giống vậy).

Đế Thích Thiên có ba mươi hai quyền thuộc, mỗi vị thống nhiếp một phương. Kinh Hoa Nghiêm đã miêu tả một tiểu thế giới, bao gồm một núi Tu Di, hai vầng nhật nguyệt, Đao Lợi thiên cung, biển nước thơm v.v... mọi người có thể tìm đọc. Chẳng biết trong các hữu tình hiện tiền, mấy vị có thể liễu giải trạng thái của Đao Lợi Thiên? Nói thông thường, người có Thiên Định có thể đến các cung trời thuộc Sắc Giới và Dục Giới, [sau đó, khi] trở lại [ở trong] nhân loại, phần nhiều chẳng thể chịu đựng nổi! Vì thế, trong quá khứ có nói: Một số người có Thiên Định bèn “*tọa thoát*” (ngồi mà mất), tức là họ chẳng cần sắc thân này nữa! Có khi trong lúc tọa Thiên, cảm nhận sắc thân này nặng nề, thần thức liền thất lạc. Nói “*thất lạc*” tức là tham cầu các cảnh sắc ấy. Vì cảnh sắc trong Dục Giới Thiên, dấu diễn nói cùng cực, dấu là kẻ giàu có tốt bậc trong nhân loại, đều chẳng thể sánh ví được! Rất nhiều người ngỡ chính mình đang sống nơi đô thị phồn hoa, hoặc ở trong hoàn cảnh ưu việt, nhưng đều là chẳng có cách nào sánh bằng cõi trời. Sự sai khác nơi phước đức [giữa thiên cung và nhân gian] khó thể diễn tả hay thí dụ. Sự sai khác nơi thiện xảo [giữa nhân loại và thiên chúng] khó thể diễn tả, tỷ dụ được!

Người hiện thời tâm trí rã rời, phần nhiều chẳng thành tựu tam-muội. Do vậy, chẳng đạt được phương tiện như các hữu tình trong các thế giới khác, càng chẳng đạt được phương tiện thiện xảo như trong các thế giới khác. Vì thế, phần đông mê muội trong cảnh giới hiện tại, phiền não hừng hực, chạy theo nghiệp tập của chính mình, xoay vần trong cơ chế sanh mạng hữu hạn. Phần Đoạn Sanh Tử này kết thúc, chắc là sẽ tạo các nghiệp mới, rồi lại hoàn thành một Phần Đoạn Sanh Tử khác, rất khó

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

tiên nhập các thế giới khác, rất khó cảm nhận trạng thái ý thức sanh mạng.

Thông thường, nếu một người đã tiếp xúc chúng sanh hèn kém, sẽ dễ cảm nhận những điều ấy hơn. Chẳng hạn như đa số người sống ở vùng Đông Bắc [Trung Hoa] đều thờ cúng quỷ thần, nhân loại rất dễ thấu hiểu sự kém hèn của các loại quỷ thần ấy. Chúng tôi nêu thí dụ này, mọi người đừng cho là chê trách! Đây là chuyện phát sanh không lâu trước kia. Có một vị cư sĩ tìm tôi, ông ta rất hoang mang, nói: “Ồi trời ơi! Sư phụ ơi! Con gặp một chuyện quá linh thiêng! Cư sĩ X... ở chỗ Y... lập một điện thờ, thờ phụng quỷ thần linh lắm! Tất cả những gì quý vị biết, bất luận ba mươi năm trước, hay ba mươi năm sau, nhà nào, người nào, ông ta đều biết, quả thật là quá linh!” Tôi nghĩ chắc là kẻ bị hồ ly dựa thân, bèn bảo ông ta kể xem ngôi miếu ấy thiết trí như thế nào. Sau đó, hỏi hoàn cảnh sống thông thường của người ấy có phải là thích đào dưới đất thứ chi đó hay không? Vị cư sĩ ấy nói: - Đúng rồi! Nhà ông ta chẳng cần cửa cái, cũng chẳng có cửa sổ. Dưới chân tường đào một cái hang, người khác ra vào cần phải từ dưới bò qua. Thoạt đầu, mọi người tạo cho ông ta một cái cửa, nhưng sau khi tạo xong, ông bèn đóng đinh gắn chặt, chẳng thể theo cửa ra vào được! Đây chính là thói quen [sống trong hang của loài hồ ly]! Có sao con người dễ tiếp nhận sự nhận biết của sanh mạng hèn kém? Vì đối với các thứ hèn kém thô thấp hơn quý vị, phước đức của quý vị lớn hơn chúng nó. Chỉ cần quý vị hơi phóng túng đôi chút, sẽ lẫn lộn với chúng nó, giống như một vật từ chỗ cao rơi xuống sẽ dễ dàng hơn nâng một vật từ dưới thấp lên cao khá nhiều!

Chuyện kiểu này rất phổ biến tại nhiều nơi ở Đông Bắc. Người ta đến cầu đảo, dùng sanh mạng trần quý của nhân loại để cúng dường chúng nó, khiến chúng nó hết sức khoái chí! Giống như chư thiên đến cúng dường chúng ta, chúng ta sẽ có sự cảm nhận như thế nào? Nếu có một vị trời quan tâm quý vị, sẽ giống như chúng ta chăm sóc cún con, mèo bé. Buổi tối, chúng ta mở đèn pin soi, con cún sẽ cảm thấy một cột sáng khá lớn: “Đó là ánh sáng gì vậy? Chẳng thể nghĩ bàn!” Đối với chúng nó mà nói, chắc chắn là chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta cho chúng nó thức ăn ngon, đồ vật để ngủ yên, là vì chúng ta có rất nhiều thứ, tất cả các thứ thuận tiện đều có thể thiết trí cho chúng nó. Làm sao chúng nó nghĩ ra phước báo của chính mình do đâu mà có, chỉ con người là có thể tạo tác cho chúng nó. Có khi, một vị trời đến chiếu cố chúng ta, [thể hiện các điều kỳ diệu] như tướng sáng, hương màu nhiệm, tâm trí điều nhu,

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

và cảm nhận thù thắng màu nhiệm, thiện duyên rộng lớn, tâm trí thông dong, đều hiện tiền, nhưng quý vị thường chẳng tưởng tượng được vì sao có sự thiện xảo tăng thượng to ngàn ấy? Sẽ giống như một người mười phần oai đức đến chăm sóc một kẻ nghèo mệt rệp, kẻ nghèo mệt rệp rất tự nhiên được thoải mái, có thể thỏa mãn các nhu cầu hiện tiền của chính mình. Giống như vậy, nếu chúng ta thờ cúng các sanh mạng hèn kém, sẽ rất dễ mười phần tương ứng với chúng nó, tức là nếu quý vị muốn sống giống như mèo, chó, giữ giới của mèo, giới của chó, sẽ rất dễ dàng hòa nhập!

Tại một thánh địa của Ấn Độ Giáo, chúng tôi thấy mấy gã ngoại đạo trần truồng bôi đầy tro than. Trong sự tu trì của bọn họ, tro bụi được coi là Bồ Thí trong tu trì Lục Ba La Mật. Tức là dùng tro thiêu xác người chết để bôi đầy thân thể của chính mình, hòng giảm bớt tướng vi tế nơi sắc thân của chính mình. Vì sau khi bôi tro, thân thể con người sẽ thô ráp giống như da ngựa, da trâu. Đó là tu trì gì vậy? Tu trì sao cho có trạng thái và cảm giác giống như động vật. Cách tu theo kiểu ấy đâm ra dễ dàng, vì chẳng cần nhờ vào bất cứ thứ gì. Trong Tạng truyền Phật giáo, có cách tu được gọi là “*đệ nhất bố thí*”, tức là buông bỏ hết cả những thứ mình có, dùng tro đất để che xấu, chống lạnh, ngăn ngừa côn trùng. Nay chúng ta cần trang phục, đức Thế Tôn đối với trang phục đã đúng lý xem xét kỹ càng, cho rằng y phục giúp cho nhân loại tôn nghiêm, ngăn ngừa loài trùng gây hại, chống đỡ mưa gió, chống đỡ rét lạnh, cho đến chống đỡ nóng bức.

Trang phục dấy lên tác dụng như thế, ở đây, [ngoại đạo] dùng tro để giải quyết vấn đề. Giống như chư thiên gia trì, nếu là sức tam-muội gia trì chúng ta, chúng ta cũng phải có chủng tử trong tâm địa, tức là phước đức tương ứng. “*Cầu bỉ tam-muội diệc phục nhiên*” (Cầu tam-muội ấy cũng giống như vậy): Trong phần trước đã nói đủ loại cúng dường, ở đây, nêu ra chư thiên để làm thí dụ, mục đích vẫn là cầu tam-muội này.

(Kinh) Thí như Phạm thiên xử chúng Phạm, oai nghi tịch tĩnh công đức viên.

(經) 譬如梵天處梵衆，威儀寂靜功德圓。

(Kinh: Như Phạm Thiên giữa các Phạm chúng, oai nghi tịch tĩnh, công đức trọn).

Trong hết thảy các chúng sanh thuộc về thiện pháp, Phạm Thiên Vương tôn quý, thù thắng nhất, oai đức trang nghiêm, trọn đủ diệu tướng. Nếu Đế Thích ở trước mặt Phạm Vương, sẽ lộ rõ dáng vẻ rất xấu xí, thô kệch; nhưng nhân loại chúng ta nếu đem so với Đế Thích, cũng chẳng có cách nào sánh bằng. Dầu hình tướng của một sợi lông nơi thân chúng ta cũng đều chẳng có cách nào sánh bằng ông ta. Quý vị nói “lẽ nào con người kém cõi như vậy ư?” Nếu như đem con kiến so sánh với con người, con kiến cũng chẳng có cách nào so sánh với chúng ta. Đó là nói so sánh. Vì sao hiện thời sanh mạng của nhân loại thuộc trạng thái không ngừng đi xuống? Quả thật là do lòng kiêu mạn của chúng ta. Cảm giác “*chính mình ưu việt*” của con người càng ngày càng mạnh; đúng là cái tâm kiêu mạn dần dần tổn giảm cơ thể, cơ chế, nhân duyên bề ngoài của sự sanh tồn, và sức khỏe nội tại của chúng ta. Vì thế chúng ta kiêu mạn, trời đất sẽ tổn giảm chúng ta, bản thân chúng ta cũng đang tiêu hao chính mình.

(Kinh) Dũng mãnh tinh tấn bất khả xưng, bỉ cầu tam-muội diệc như thị.

(經)勇猛精進不可稱，彼求三昧亦如是。

(Kinh: Dũng mãnh tinh tấn chẳng thể nói, người cầu tam-muội cũng như vậy).

Phạm Thiên thành tựu thiện pháp tôn quý, thành tựu tinh tấn, ở trong các Phạm chúng (chư thiên thuộc cõi trời Đại Phạm) rất chẳng thể nghĩ bàn! Đức Thế Tôn chứng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, dẫn một ngàn hai trăm năm mươi vị tỷ-kheo du hóa các nước. Có một lúc nọ, đến nước Xá Vệ; khi đó, cha Ngài trông thấy liền rơi lệ, nói: “Đức Thế Tôn đã đích thân chúng Vô Thượng Bồ Đề, diệu tướng trang nghiêm, thân như vàng ròng. Cớ sao quyền thuộc nhếch nhác như thế?” Vì trong một ngàn hai trăm năm mươi vị tỷ-kheo, phần nhiều là thủ lãnh của ngoại đạo, hay quyền thuộc của ngoại đạo, tuy theo đức Phật đã chứng đắc A La Hán quả, nhưng nghiệp tập từ vô thủy đến nay che lấp, in dấu quá sâu. Do nghiệp tướng như thế, tướng mạo phần nhiều chẳng đẹp đẽ, chẳng phải là tướng còm nhom, xám xịt, vàng vọt, thì cũng là hình tướng tiêu tụy, như các ngoại đạo thờ lửa, thân thể đều khô khan, vàng vọt. Khi đó, Tịnh Phạn Vương bèn đề nghị, mỗi gia đình trong tộc Thích Ca chọn ra một người nam đẹp nhất đi xuất gia, hòng khiến cho Tăng

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

đoàn của Phật Thích Ca trang nghiêm trọn đủ, khiến cho chúng sanh trong thế gian an lạc. Vì sao nói đến chuyện này? Nhằm nói nghiệp báo sai biệt quá lớn! Dầu chúng quả, nghiệp từ quá khứ vô thì vẫn còn che lấp chúng ta.

Trong cơ chế của nhân loại, trong tam giới, tức Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, có đại thiện xảo, tức là thiện xảo trong chọn lựa, nhưng có khuyết điểm to lớn, tức là hiện thời thọ mạng của nhân loại quá ngắn. Ba ngàn năm trên cung trời Đâu Suất là năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm trong nhân gian, làm sao có thể so sánh cho được? Người hiện thời thọ trăm tuổi, thì trong năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm đó, phải chịu luân hồi sanh tử khổ nạn bao nhiêu lần? Bao nhiêu đời thọ thai, mang thai, sanh ra, trưởng thành, tử vong, tuần hoàn chẳng ngừng như thế? Có đau khổ hay chẳng? Nếu người hiện thời thọ năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm, chúng ta ngồi đây chờ Phật Di Lặc [giáng thế] là được rồi, chẳng cần dùng pháp chi khác! Chủ yếu là chẳng thể so sánh tương tự được, nhân loại dễ nảy sanh tự kiêu mạn, chẳng dễ biết “*sanh tử vô thường*” như đức Thế Tôn đã dạy, sẽ dường như cảm thấy chẳng liên quan gì với mình, tự hồ chẳng liên quan với vô thường, nhưng vô thường thường xuyên bức bách quý vị. Những người già suy, các bệnh nhân ung thư, họ thật sự biết vô thường là gì. Đối với lời dạy “*hôm nay còn sống, khó bảo toàn ngày mai*” của đức Thế Tôn, sẽ cảm nhận mười phần rõ rệt.

“*Dũng mãnh tinh tấn bất khả xưng*” (Dũng mãnh, tinh tấn chẳng thể nói): Công đức do Phạm Thiên đã chúng do vậy mà có. Ông ta có diệu tướng trang nghiêm như thế, có oai đức như thế, còn chúng ta giải đãi chẳng thể nói được! Trong một ngày, chúng ta có bao nhiêu ý niệm? Mà trong các ý niệm ấy, lại có bao nhiêu ý niệm là rõ ràng, trí huệ, sáng suốt? Có bao nhiêu ý niệm điên đảo, bất đắc dĩ? Nếu chúng ta có thể tính toán, dầu chỉ tính được số lượng ý niệm thì cũng khá lắm rồi. Nếu không, đúng là ngày qua ngày luống uổng, sau này sẽ hối hận!

(Kinh) Hựu như y vương xử thế gian, cấp thí bệnh giả chúng diệu dược. Tùy thuận chư Phật thanh tịnh tâm, sơ vị tăng ly bốn Không tánh.

(經)又如醫王處世間，給施病者衆妙藥。隨順諸佛清淨心，初未曾離本空性。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

(Kinh: Lại như y vương trong thế gian, ban thuốc nhiệm màu cho người bệnh. Tùy thuận chư Phật tâm thanh tịnh, chưa hề lìa tánh Không vốn có).

Chúng sanh là người bệnh. “Tùy thuận chư Phật thanh tịnh tâm”: Đó là vị thuốc tốt lành nhất. Tùy thuận quả địa giáo chính là vị thuốc triệt để nhất. Đúng là có vô lượng vị thuốc, nhưng có thuốc chẳng thể trừ tận gốc chứng bệnh. Trong ba loại tâm Bồ Đề, Vô Thượng Bồ Đề tâm có thể trừ tận gốc bệnh của hết thầy chúng sanh. Thanh Văn Bồ Đề tâm và Duyên Giác Bồ Đề tâm có thể trừ chút phần, hoặc nhiều phần bệnh nạn cho chúng sanh. Tứ sanh cứu hữu trong thế gian, trong tam giới, đều là bệnh nhân, bệnh gì vậy? Từ trong các pháp, vốn chẳng có trần nhiễm, mà hư vọng tự nhiễm trần, luân hồi trong sáu nẻo, chẳng thể tự dứt, chẳng thể không chế được!

“Tùy thuận chư Phật thanh tịnh tâm, sơ vị tăng ly bốn Không tánh” (Tùy thuận cái tâm thanh tịnh của chư Phật, từ thoát đầu chưa hề lìa khỏi tánh Không vốn có): Tuy chúng ta tùy thuận cái tâm thanh tịnh của chư Phật Như Lai, nhưng xét theo cái sẵn có để nói, chúng ta chưa từng lìa khỏi cái tâm thanh tịnh ấy! Đây thật sự là lời nói hy hữu! Các vị thiện tri thức ơi! Thật sự phải khéo tư duy, khéo quan sát, chúng ta sẽ lãnh hội được câu nói này.

Thuốc được bố thí thật sự là thứ ta sẵn có. Sự khỏe mạnh được bố thí thật ra vẫn đang sẵn có. Nhưng nếu chẳng có quá trình tùy thuận ấy, cái “sẵn có” như chúng ta vừa nói chỉ là nói suông, hư vọng, là kiêu mạn và tà kiến.

(Kinh) Thí như Tuyết sơn, chư sơn vương, vĩ diệp đồng ư Chuyển Luân đế. Diệc như bảo liên diệu trang nghiêm, bỉ kiến chư Phật chúng tướng mãn. Hựu do hộc vương tuyết minh bạch, xử không tự tại vô ngại du. Như thị chư Phật kim sắc thân, Thế Tôn chân tử như tư niệm.

(經)譬如雪山諸山王，燁燁同於轉輪帝。亦如寶輦妙莊嚴，彼見諸佛衆相滿。又猶鵠王絕明白，處空自在無礙遊。如是諸佛金色身，世尊真子如斯念。

(Kinh: Ví như núi Tuyết, các núi chúa, rặng rờ giống như Chuyển Luân Vương. Cũng như xe báu diệu trang nghiêm, trông thấy chư Phật

tương viên mãn. Lại như học chúa²³ tuyết trắng sạch, tự tại vô ngại lướt hư không. Thân chư Phật sắc vàng như thế, chân Phật tử nghĩ nhớ như vậy).

Dùng các cảnh mà các loài chúng sanh thuộc Tục Đê trông thấy để làm tỷ dụ, muốn khiến cho chúng ta sanh khởi tín tâm nương cậy và tùy thuận quyết định đối với chư Phật Thế Tôn. Do muốn thấy chư Phật, chỉ có đối với Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội mà có một nguyện vọng mãnh liệt, chân thật, rốt ráo, rõ ràng như thế, chúng ta mới có cơ hội đích thân chứng đắc!

(Kinh) Vô cầu tam-muội tịnh trí đẵng, năng phá đại minh chư hắc ám. Bĩ trừ nhất thiết chúng vật tướng, niệm chư Phật trí vô ngại quang. Chư cầu tiêu diệt vô sân độc, vô minh thanh tịnh diệu trí nhân. Nhược năng quán thị vô tự tha, bĩ chung vô hữu chư sắc tướng.

(經)無垢三昧淨智燈，能破大冥諸黑暗。彼除一切衆物想，念諸佛智無礙光。諸垢消滅無瞋毒，無明清淨妙智人。若能觀是無自他，彼終無有諸色相。

(Kinh: Đền tịnh trí vô cầu tam-muội, phá trừ các hắc ám đen kịt. Ai trừ hết thấy tướng mọi vật, nghĩ chư Phật trí quang vô ngại. Tiêu diệt các cầu, chẳng sân độc, là người diệu trí, sạch vô minh. Nếu quán rõ chẳng có ta, người, sẽ trọn chẳng có các sắc tướng).

Thấy sắc, phá sắc. Từ trong vô sắc mà thấy chư Phật, cho nên “chẳng chấp Sắc, chẳng hoại Sắc” là phương tiện hành pháp. Trông thấy sắc mà không giữ lại gì; đó là phương tiện để thấy Phật. Khá nhiều người hành Ban Châu, do hai pháp chấp tướng và sợ tướng mà bị trở ngại. Người chấp tướng hề thấy tướng bèn cho là có cái để đạt được, sau đó bị trở ngại. Kẻ sợ tướng liền chẳng dám thấy tướng, cũng bị trở ngại trong tu pháp. Vì thế, cứ một đường mà đi, quang cảnh hai bên đường cứ mặc tình đối diện, nhất định chớ nên đắm nhiễm chúng, mà cũng chớ nên hoại sắc. Nếu hoại sắc, tức là sợ sắc. Như thế cũng chẳng được thấy Phật, sanh ra Đoạn Kiến xấu ác!

²³ Học là tên một loài chim, thuộc họ Thiên Nga, bay rất cao, cổ dài, sắc trắng muốt.

(Kinh) Vô nghi hoặc trung tịnh trí sanh, tất năng đoạn tư chur Hữu Kiến.

(經)無疑惑中淨智生，悉能斷斯諸有見。

(Kinh: Do chẳng nghi hoặc, tịnh trí sanh, tất đoạn trừ các Hữu Kiến ấy).

Mọi người trong quá trình tu tập pháp, khi trao đổi, sẽ có khá nhiều cái gọi là “*chur Hữu kiến*”, hoặc là chấp vào ngoan không, hoặc cho là có sắc, hoặc cho là có thức, hoặc là vô thức, cũng có nghĩa là hai loại Biên Kiến Đoạn Diệt và Thường Kiến đã “*ăn mòn*” khá nhiều hữu tình, còn kẻ có kiến giải thanh tịnh hiếm hoi, tức là các tri kiến bình đẳng, thanh tịnh, vô nhiễm, vô chấp. Các tri kiến ấy là do một niệm vừa chuyển mà hình thành, từ trong thức tâm lưu xuất đối đãi, tổn hại tâm trí thanh tịnh của chúng ta. Cái gọi là “*thức tâm*” chính là phân biệt thức, nó kiến lập vô lượng vô biên pháp tắc, nhưng thật ra đều là pháp tắc của phàm ngu!

(Kinh) Diệt dĩ diệt vong ám giới tướng, văn pháp trừ não, đắc thanh lương.

(經)亦已滅亡陰界想，聞法除惱得清涼。

(Kinh: Cũng đã diệt mất ám giới tướng, nghe pháp trừ não, đạt thanh lương).

“*Ám giới*”: Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức được gọi là Ngũ Ám; sau này, còn được dịch là Ngũ Uẩn. Trước thời pháp sư Huyền Trang, dịch theo lối cũ là Ngũ Ám, [còn dịch theo lối mới (cách dịch do ngài Huyền Trang đề xướng) thì là Ngũ Uẩn], như trong Tâm Kinh có câu “*chiếu kiến ngũ uẩn giai không*”, cũng có khi dịch là “*chiếu kiến ngũ ám giai không*”. Lại như kinh Lăng Nghiêm nói về năm mươi ám vực, thật ra là năm mươi uẩn vực. Phương pháp phiên dịch sai khác, nhưng nội dung chẳng khác, đều là bị Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức năm giới ấy nhiếp trì. Vì trong Sắc Giới, tất nhiên là bị năm sự tướng thuộc về cảm nhận là Thọ, Tướng, Hành, Thức ấy nhiếp trì, hoặc dính chặt vào đó, hoặc sợ hãi trong đó, hoặc mờ mịt trong đó, trong ba pháp là thiện, ác, hay vô ký đều bị vướng mắc, bị hạn chế ở trong ấy.

Giới (界) có nghĩa là “*chẳng thể vượt qua*”. Chúng ta đến sân bay, trạm xe lửa, hay trạm xe hơi, đều có nhận biết, thường có thể trông thấy một cái cửa thủy tinh lớn: Chúng ta có thể nhìn xuyên qua, nhưng chẳng đi qua được. Vì sao? Có một tầng ngăn cách, bất luận là tầng ngăn cách ấy trong suốt hay không. Có người có thiện pháp, chẳng hạn như giải ngộ một pháp, nhưng tuy có giải ngộ, chẳng thể vượt qua giới ấy, tức là chẳng thể bẻ gãy các pháp tắc khác. Khá nhiều người nói: “Tôi hiểu rõ đạo lý này”, nhưng vẫn có cái giới hạn ấy, chẳng có sức để vượt qua, giống như ruồi bọ đâm vào kính vậy, nói chung là chẳng thể xuyên qua! Vì sao? Do chẳng có phương tiện đối với pháp, nào có biết pháp nhằm mở cho chúng ta một cái cửa để ra vào. Vì thế, rất nhiều người vì pháp mà bị cách ngăn, vì chẳng hiểu mà bị cách ngăn, vì chẳng có pháp mà bị cách ngăn, vì nghiệp tướng chấp trước mà bị cách ngăn v.v... chướng ngại nhân duyên hiện tiền của chính mình, chẳng thể tự thoát ra.

Âm giới có lẽ là một vấn đề mà người kinh hành Ban Châu, hoặc người niệm Phật, người học Phật đều phải nên chú ý. Chúng ta thường quan sát sẽ biết. Rất nhiều người nói: “Tôi hiểu rõ đạo lý này, nhưng chẳng sử dụng được!” Cũng giống như nói: “Tôi thấy các thứ bên ngoài, nhưng chẳng thoát ra được”. Vẫn là bị trở ngại. Chướng ngại ấy ở chỗ nào? Quý vị phải giải quyết. Nếu chẳng giải quyết được, chuyện hiểu rõ đạo lý này đâm ra trở thành thủy tinh, thành phương tiện trở ngại quý vị ra vào tự tại, giao lưu rộng lớn.

(Kinh) Tỳ-kheo đương trì chư Phật tử, cập dĩ thanh tịnh tỳ-kheo-ni. Bĩ ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, nhược năng niệm thứ, đắc tam-muội.

(經)比丘當知諸佛子，及以清淨比丘尼。彼優婆塞優婆夷，若能念此得三昧」。

(Kinh: Tỳ-kheo nên biết các Phật tử, cùng với thanh tịnh tỳ-kheo-ni, các ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, nếu niệm điều này, đắc tam-muội).

Những điều được nêu ra trên đây, vẫn là hy vọng chúng ta sẽ đích thân chứng tam-muội, hướng tới tam-muội, đọc tụng giáo điển tam-muội này sẽ có sự quy y chọn lựa rõ ràng, cũng như tuân theo pháp tắc.

17. Phẩm thứ mười ba: Hiền Tiền Tam-muội Trung Thập Pháp Bát Pháp

*(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh quyển đệ ngũ.
Hiền Hộ Phần Hiện Tiền Tam-muội Trung Thập Pháp Bát
Pháp phẩm đệ thập tam.*

(經)大方等大集賢護經卷第五。

賢護分現前三昧中十法八法品第十三。

*(Kinh: Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ, quyển thứ năm.
Hiền Hộ Phần. Phẩm thứ mười ba: Mười Pháp và Tám Pháp
Trong Hiện Tiền Tam-muội).*

Mười pháp hay tám pháp là các yêu cầu cơ sở của đức Thế Tôn đối với sự trao đổi, giải nói Ban Châu tam-muội. Trong pháp bản này, đức Thế Tôn đã cụ thể, rõ ràng bày ra pháp tắc tu tập như thế nào, pháp tắc thành tựu trọn đủ như thế nào, cho đến nói các yêu cầu cơ sở để trao đổi với người khác và thực hiện như thế nào. Ở đây, chúng ta hãy xem nội dung cụ thể của tám pháp và mười pháp.

*(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn phục cáo Hiền Hộ Bồ Tát ngôn: -
Hiền Hộ! Nhược hữu tỳ-kheo, nhạo dục tu tập thử tam-muội giả, tiên
đương tư duy bỉ vô tướng tướng.*

(經)爾時，世尊復告賢護菩薩言：「賢護！若有比丘，樂欲修習此三昧者，先當思惟彼無相想。」

*(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn lại bảo Hiền Hộ Bồ Tát rằng: -
Này Hiền Hộ! Nếu có tỳ-kheo ưa thích tu tập tam-muội này, trước hết
hãy nên tư duy vô tướng tướng).*

“Tiên tư duy bỉ vô tướng tướng” (Trước hết, hãy tư duy vô tướng tướng), đây là điều quan trọng hàng đầu. Trong duyên khởi của hết thảy các pháp, nếu chẳng dùng “pháp không có tự tánh” làm duyên khởi, vậy thì người ấy tu theo tri kiến của ngoại đạo, người ấy hành pháp ngoại đạo, chẳng thể chứng Bồ Đề Phần theo giáo ngôn Bồ Đề của đức Thế Tôn. Vì sao? Đây là chỗ khác biệt căn bản giữa người học tập Phật pháp chúng ta và tri kiến ngoại đạo. Chẳng hạn như trong Biên Kiến, trong tri kiến đối lập, sẽ chẳng có cách nghĩ vô tướng. Hết tư duy bèn nảy sanh các loại tà kiến như đoạn diệt hay ngoan không. “Vô tướng tướng” thật sự là vô nhiễm tướng, vô trước tướng (tướng không chấp trước), mà cũng là thiện xảo vô tự tánh tướng.

(Kinh) Ký tư duy dĩ, ngã mạn bất sanh.

(經)既思惟已，我慢不生。

(Kinh: Đã tư duy rồi, chẳng sanh ngã mạn).

Vì trọn chẳng có các tướng để có thể đạt được, cho nên chẳng có pháp đối đãi có thể sanh, mạn tâm chẳng thể được, cái tâm ty tiện cũng sẽ mất đi, tâm trí bình đẳng tự nhiên thuần thực. Do vậy, thấy Phật chẳng khó, như nước lạng soi vật, tự nhiên chẳng khó. Nhưng trong thời Mạt Pháp, phần nhiều là tâm con người bị kiêu mạn che khuất, ngăn chặn.

(Kinh) Hiền Hộ! Trừ mạn cao dĩ, tâm ý thái nhiên.

(經)賢護！除慢高已，心意泰然。

(Kinh: Này Hiền Hộ! Đã trừ ngạo mạn, kiêu căng, tâm ý thanh thản).

Vì sao vậy? Bình đẳng, an tường, thơ thới, tâm đã hiểu rõ. Tà kiến kiêu mạn che lấp hữu tình, giết chết đạo đức và thiện căn của con người rất nhanh chóng. Rất nhiều vị xuất gia học Phật, hoặc tại gia Bồ Tát khiến cho người khác rất tiếc nuối vì đã đánh mất sự tôn trọng đối với chính mình và đối với người khác trong hiện tiền, đánh mất sự cung kính như thật, cũng như sự cung kính xa lìa hý luận. Có người biến tôn trọng trở thành hý luận, trở thành một vật chẳng thật. Đó là đã đánh mất trân bảo ngay trong hiện tiền, [trân bảo] chính là tất cả lợi ích rộng lớn nơi y báo và chánh báo trong hiện tiền. Nếu đúng như thật tôn trọng bằng cái tâm cung kính, bình đẳng thủ hộ, ngay trong hiện tại sẽ là trân bảo. Đây chính là một liều thuốc chống mục nát. “*Chẳng cung kính*” chính là mục nát, nhưng vị thuốc ấy có thể khiến vật mục nát hóa thành trân bảo chẳng ngoài một sát-na, chẳng lìa khỏi bản thể. Các vị thiện tri thức ơi! Chúng ta kết giao với kẻ khác, cùng ở với người khác, cùng tham học với người khác, thí giáo cho người khác, cho đến hướng về người khác xin chỉ dạy, nếu chẳng dùng cái tâm cung kính, chân thành, kẻ ấy sẽ chẳng đạt được thành tựu. Đó là chỗ trân bảo tồn tại.

(Kinh) Viễn ly chúng tướng.

(經)遠離衆相。

(Kinh: Xa lìa các tướng).

Tức cái được gọi là “*tâm trí thanh tịnh bình đẳng*”. Đây là chỗ đặt đại ma-ni bảo. Thanh tịnh bình đẳng có thể xuất sanh hết thảy các công đức.

(Kinh) Nhĩ thời, tức ưng vị tha tuyên thuyết như thị tam-muội.

(經)爾時，即應爲他宣說如是三昧。

(Kinh: Lúc bấy giờ, hãy nên vì người ấy lập tức tuyên nói tam-muội như thế).

Khi tuyên nói tam-muội cho người khác, nếu có nhân tướng, ngã tướng, chúng sanh tướng, hoặc nếu có kiêu mạn, sẽ khó thể trao đổi pháp này. Trước kia, tôi tiếp xúc khá nhiều người chưa học tập pháp tắc này, và những người nghi hoặc pháp này, vì sau khi họ trông thấy những kẻ kinh hành Ban Châu mà tâm kiêu mạn, tự đại, bèn sanh khởi lòng ngờ vực, hối hận. Đương nhiên cũng có các chúng sanh do bản thân có tâm kiêu mạn, ghen tỵ mà tự nảy sanh chướng ngại cho chính mình. Khi hai thứ vấn đề ấy đã chín muồi, sẽ sanh ra báng pháp, nghi pháp, cho đến gặp pháp mà chẳng muốn hành, chẳng muốn biết rõ hậu quả xấu ác như thế. Do vậy, chúng ta quán các tướng vô tướng, xa lìa kiêu mạn, sanh tâm chân thành, bình đẳng, như thế thì trao đổi tam-muội với người khác sẽ có ý nghĩa, người khác sẽ cảm thấy thân thiết, đáng mến, chân thật, tương ứng. Nếu dùng cái tâm kiêu mạn để trao đổi pháp tắc với người khác, thật sự sẽ tổn hại thế gian, lừa dối, làm nhục thế gian, lừa dối làm nhục loài hữu tình khác, vì mọi người vốn sẵn đủ công đức ngang bằng với chư Phật, chỉ là xét theo phương diện đầy khởi tác dụng thì có sai khác, có gì quý vị kiêu mạn? Đó là chuyện mười phần trọng yếu khi tuyên nói tam-muội này, mà cũng là một điều kiện quan trọng hàng đầu!

Tôi nhớ khi sắp mở pháp hội Ban Châu lần thứ nhất, rất nhiều người hỏi tôi về vấn đề sắp đặt cúng dường. Tôi nói: “Hiện thời, hết thảy đại chúng đều có tư cách cúng dường chư Phật, tán thán pháp tắc này, nhưng không có bất cứ một ai có thể tiếp nhận sự cúng dường ấy. Nếu nói nhờ vào nhân duyên của cá nhân tôi để tiếp nhận sự cúng dường ấy rồi hỏi thí cho Tam Bảo, hỏi thí cho pháp tắc, tôi sẽ bằng lòng làm một sứ giả như vậy. Làm một người hầu thì tôi làm được, nhưng nếu nói ‘cúng dường tôi’ thì không được”. Sau đó, thực hiện một pháp hội cúng

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

dường, mọi người dùng đủ loại vật chất để cúng dường, cúng dường bằng lễ bái, tán thán, cúng dường bằng niệm tụng để tán thán pháp tắc này tồn tại và được lưu truyền trong cõi đời, tán thán lòng từ bi và oai đức của chư Phật Thế Tôn, quả thật là chẳng có người nào trong chúng ta đáng nên tiếp nhận vật cúng dường. Nếu trong chúng ta có người đích thân chứng tam-muội, hoặc như thật an trụ trong tam-ma-ba-địa, tôi nhất định sẽ cực lực đề cử mọi người cúng dường người đó. Vì sao vậy? Nương theo vị thành tựu ấy sẽ đạt được thiện xảo, sẽ rất dễ dàng khế nhập tam-muội.

Trong pháp tắc này, vì sao chúng ta chẳng dám tiến một bước lớn? Trong ấy, có một điều là vì thiện căn và phước đức của người trong thời đại này chẳng đủ, pháp duyên chẳng đủ. Nếu dễ dãi truyền bá rộng khắp, sẽ tạo thành cơ chế xấu ác khiến cho kẻ khác báng pháp, nghi pháp. Vì thế, hiện thời dùng kiểu hành trì một ngày một đêm làm chánh yếu, dần dần tiếp nối thành thực như thế, sẽ có thể khiến cho thân tâm của mọi người có chỗ y chỉ, có chỗ y chỉ đối với pháp tắc, có thiện xảo tiến nhập. Như thế thì sẽ có thể lợi ích rất nhiều trời, người, cho đến chẳng thể nghĩ bàn hữu tình trong thế gian. Nếu chúng ta có các thứ bộp chộp, chẳng tương ứng, hay kiêu căng, sẽ có các pháp tắc “nói năng chẳng phù hợp thực chất”, cho đến gây nguy hại hoặc ngăn che pháp này, thậm chí hủy diệt sự tồn tại của pháp môn này trong thế gian! Do đó, đối với pháp này, nếu chẳng thuận theo kinh giáo, chẳng thuận theo pháp tắc do các vị thiện tri thức thành tựu trải các đời truyền lại, chúng ta sẽ rất khó như thật truyền bá, đánh mất kinh điển như thế để y chỉ, hoặc liễu giải nên trao đổi như thế nào!

(Kinh) Bất ưng khởi tránh. Thị trung, vân hà danh vi Tránh dã? Sở vị vọng tưởng phi hủy, tức báng w Không, danh vi Tránh dã.

(經)不應起諍。是中，雲何名爲諍也？所謂妄想誹毀，即謗於空，名爲諍也。

(Kinh: Chớ nên dấy lên tranh chấp. Trong ấy, thế nào là “tranh chấp?” Tức là vọng tưởng phi báng, hủy báng, tức là báng bỏ đối với Không, thì gọi là tranh chấp).

Tánh của các pháp vốn là Không, chẳng có trần nhiễm, chẳng có một pháp để có thể thành. Kẻ chẳng tương ứng với tâm trí như vậy, sẽ có

tâm tranh chấp. Nếu ai đã chứng đắc Vô Tránh tam-muội, sẽ đối với hết thảy thế gian đều có thể bao dung, bình đẳng thủ hộ. Vì sao vậy? Do tâm trí chẳng vương mắc, chẳng đối đãi. Trong khi tu nhân, A Di Đà Phật dùng Vô Tránh tam-muội làm căn bản để thủ hộ, làm cội gốc để quy kết ba thứ thế nguyện căn bản, tức là Vô Tránh, có nghĩa là Không, Vô Nhiễm, Vô Trước, bình đẳng một vị. Tam-muội ấy chẳng lìa bản thể của hết thảy hữu tình. Quý vị nói: “Tôi vận dụng tham, sân, si, mạn, nghi, tri kiến chẳng chánh đáng, đấm nhiễm đủ thứ tri kiến điên đảo, vậy thì có quan hệ gì với tam-muội này cơ chứ?” Chính là từ ngay nơi bản thể, quý vị chẳng nhận biết, lầm tưởng nghiệp tướng hiện tiền của chính mình, thật sự chẳng biết nghiệp tướng ấy quả thật vô sở đắc, được sanh bởi duyên duyên. Nếu dùng trí huệ môn để quan sát, sẽ biết [nghiệp tướng] như mộng, như huyễn, thành thực trong hiện tiền, duyên diệt [nghiệp tướng] liền diệt, trọn chẳng có gì để đạt được. Nếu nhìn theo bản chất, hễ duyên duyên sanh khởi, tức là tam-muội sanh khởi.

Lựa chọn ở chỗ này hết sức ít ỏi! Vậy thì làm như thế nào? Trước hết, dùng Vô Tránh để cảm động loại hữu tình ấy. Vì thế, trong khi tu nhân, A Di Đà Phật đã phát ra thế nguyện, dùng Vô Tránh để thực hiện thủ hộ thanh tịnh, hoặc nói là duyên khởi thanh tịnh, thuận tánh phát khởi thế nguyện thiện xảo rộng lớn, muốn độ thoát hết thảy chúng sanh, thành tựu Bồ Đề, hoặc lìa hết thảy các khổ, đạt được hết thảy lạc. “*Lạc*” ở đây là sự tín thuận pháp tánh do tương ứng chân thật, đạt được sự an lạc rộng lớn và trí chẳng thể nghĩ bàn. Nhưng nếu chẳng tương ứng, sẽ sanh ra đủ thứ va chạm, đối đãi, thương tổn. Cho nên nói: “*Trái nghịch tánh, sẽ có nhiều tổn hại*”. Sự tổn hại ấy đúng là vô ích. Chư Phật Như Lai bất quá là tướng trang nghiêm, tướng chân thật, tướng oai đức, tướng trọn đủ trong biển pháp tánh tịch diệt, khiến cho kẻ khác mong mỏi, hướng đến, như thế mà thôi! Nhưng bọn phàm phu chúng ta yếu kém, ty tiện, các tướng khiến cho con người đau khổ thật ra chẳng qua là các tướng vụn vặt, vụn vẹo, đối khác, mê mẩn, nhưng vẫn chẳng rời biển tịch diệt, chẳng lìa pháp tánh. Do vậy, chẳng có nhân duyên trong sát-na, chưa hề có hữu tình nào có thể lìa khỏi biển Chân Như pháp tánh. Điều này chân thật chẳng dối. A Di Đà Phật đích thân chứng tâm trí vô tránh như thế, cho nên chiếu mười phương cõi chẳng bị chướng ngại, quyết định là hết thảy chúng sanh “*văn ngã danh hiệu, câu lai ngã sát*” (nghe danh hiệu của ta, đều đến cõi nước của ta). Vì sao vậy? Tâm trí như thế, oai đức như thế, bản chất như thế, nguyện lực như thế, khẳng khẳng nhiếp thọ chúng sanh cùng tội vị lai chẳng bỏ như thế! Vì tự tánh phát

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

tâm chân thật tương ứng, chân thật thành tựu, chẳng sợ hãi, cho đến tốt đời vị lai đối diện với vô lượng chúng sanh chẳng hề sợ hãi, đối trước hữu tình dầu ngu độn, ương bướng cách mấy vẫn chẳng hề sợ hãi, khiến cho họ được độ thoát. Vì thế, thực hiện giáo ngôn thanh tịnh sư tử hồng rộng lớn, oai đức nhiếp phục hết thảy hữu tình trong thế gian, hiện oai đức lớn đến tận cùng Kim Cang Tế²⁴, độ thấu triệt tướng vô gián, ban cho hết thảy chúng sanh lợi ích rất ráo. Sự lợi ích ấy chính là do đức Thế Tôn thủ hộ thế nguyện căn bản này, bền dần phát lợi ích chẳng thể nghĩ bàn cho hết thảy phàm thánh. Nếu nghĩ bàn, quý vị sẽ rất khó tương ứng, vì chẳng có gì để khế hợp!

“*Tức báng ư Không, thị vi Tránh dã*” (Tức là báng bỏ cái Không, đó gọi là Tranh Chấp): Trước kia, khi được tiếp xúc ba thế nguyện trong khi tu nhân của A Di Đà Phật, tôi đã nói: “Có sao người thế gian tuyên truyền giáo ngôn của A Di Đà Phật trái nghịch với ba thế nguyện ấy?” Nêu ra một thế nguyện, chẳng nói nội dung cụ thể của thế nguyện, chỉ nói tướng bên ngoài. A Di Đà Phật lập một thế nguyện là rộng tu tập hết thảy các pháp, lợi lạc hết thảy chúng sanh. Danh tự của tam-muội-da thế nguyện chẳng phải là như thế, nhưng nội dung là như thế, tức là phải tu tập hết thảy các pháp tắc, bất luận là Phật pháp hay ngoại đạo, phải lợi lạc hết thảy chúng sanh, bất luận là loài côn trùng nhỏ nhít, cho đến hữu tình ngu si, thậm chí kẻ phỉ báng, hủy diệt Phật pháp, A Di Đà Phật Thế Tôn đều dùng sức oai đức để nhiếp thọ, hộ trì, tức là sức oai đức vô úy, sức oai đức chẳng đối đãi, sức oai đức vô tránh, vận dụng thuận theo pháp tánh, sức oai đức triệt để biết rõ “*các tướng chẳng phải là tướng*”. Vì thế, kẻ phỉ báng, ngò vục cũng chẳng tạo thành nghiệp phỉ báng thật sự. Vì sao vậy? A Di Đà Phật triệt để đập tan tướng hư giả, tướng biến huyễn, vô thường ấy. Trong hết thảy chúng sanh, Ngài đã chọn lựa pháp tắc căn bản thuộc về tâm trí vô lượng thọ, vô lượng quang. Nếu chẳng chọn lựa pháp tắc căn bản ấy, chúng sanh trong chín pháp giới vẫn là chín pháp giới. Vì sao? Mọi người ở yên nơi nghiệp tướng của chính mình, chẳng thể tự thoát ra được, coi nghiệp là thật, dùng nghiệp để thủ hộ. Như thế thì làm sao có thể lợi ích rộng khắp mười phương?

²⁴ Theo Tăng Nhất A Hàm Kinh, Kim Cang Tế chính là nền tảng của đại địa. Một thế giới được hình thành trong hư không (gọi là hư không luân), trên hư không luân có phong luân. Trên phong luân có thủy luân, trên thủy luân có địa luân. Nền tảng của địa luân được gọi là Kim Cang Tế.

Thiền Đạo đại sư cũng nói “*chuyên phục chuyên*” (đã chuyên lại càng chuyên hơn), nhưng ngụ ý phía sau “*chuyên phục chuyên*” chính là phương tiện “*thâm nhập một pháp*”, chẳng phải là phỉ báng hay ngờ vực các pháp khác, chẳng phải là không lợi ích các loài hữu tình khác, chẳng phải là bài xích các loài hữu tình khác! Tuyệt đối chẳng phải là như thế, chỉ là nói: “*Kẻ sơ học muốn đạt được lợi ích, hãy nên chuyên phục chuyên*”. Vậy thì đạt được lợi ích hiện tiền, tùy thuận thế nguyện của Phật, chính là công đức hiện tiền của người “*chuyên phục chuyên*”. Họ sẽ không nói lời bài xích một loại pháp nào, hoặc hướng tới loại nào, thủ hộ loại nào! Nếu có thân hay sơ, làm sao có thể tương ứng với “*chiếu thập phương quốc vô sở chướng ngại*” (chiếu mười phương cõi nước, chẳng bị chướng ngại) của A Di Đà Phật cho được? Do vậy, Vô Trách hết sức trọng yếu. Trong tu hành pháp môn Tịnh Độ, nếu chúng ta chẳng lý giải phương pháp dụng tâm này, sẽ biến pháp môn Tịnh Độ thành một pháp môn chết cứng, hoặc một pháp môn đang giãy chết, hoặc trở thành một thứ pháp môn hẹp hòi, hèn kém. Do vậy, sẽ có rất nhiều người chẳng muốn tu tập pháp này! Lại bàn về Ban Châu tam-muội, càng cảm thấy “đó là chuyện của thánh nhân”. Nhưng chúng ta xem kinh này, từ đầu đến cuối tuyên nói đều là “*tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di đều nên yêu thích pháp này, chứng thực pháp này, rộng tuyên pháp này, đọc tụng kinh giáo, đích thân chứng lợi ích*”. Chỗ nào cũng đều tuyên nói như thế, chẳng có đoạn văn tự nào nói loại thánh nhân nào thì mới có thể hành pháp!

Chúng ta chớ nên tranh chấp với kẻ khác, thế gian vốn vô tránh (chẳng tranh chấp), thế gian vốn chẳng đối đãi. Trong xuất thế và nhập thế, phạm phu chọn lựa pháp đối đãi. Nếu chúng ta chọn lấy “tranh chấp”, sẽ đọa vào tâm trí phạm phu, sẽ lưu chuyển trong nghiệp duyên phạm phu. Chúng ta đừng nên vọng tưởng “ai phạm, ai thánh”. Phạm hay thánh chẳng có địa vị đâu nhé! Quý vị nói: “Tôi mê mất trong nghiệp vô minh, ngu si, điên đảo, chẳng phải là phạm ư?” Đúng thế, nhưng quý vị chớ nên cưỡng chấp cái nghiệp ấy, địa vị ấy (phạm phu) cũng chẳng thể nói nó thuộc về quý vị! Chỉ là một thứ nghiệp tướng tiếp nối, thế nhưng nghiệp tướng vô ngã. Các vị thiện tri thức ơi! Khi chúng ta chẳng nhận biết nghiệp tướng vô ngã, sẽ cho rằng đó là danh tự ngã, vô thường ngã, nghiệp tướng ngã, phiền não ngã, tập khí ngã, nam nữ ngã, sắc thân ngã. Các cái Ngã ấy đều hư hoại, đều là một thứ tướng nhân duyên biểu lộ pháp vô ngã đó thôi. Nếu cho đó là ngã, đúng là đã nhận làm pháp tắc, sẽ bị lưu chuyển vô cùng!

(Kinh) Hiền Hộ! Thị cố, bỉ tỳ-kheo dĩ vô tránh cố, đương năng tu học, vị tha tuyên thuyết thử tam-muội dã.

(經)賢護！是故，彼比丘以無諍故，當能修學，爲他宣說此三昧也。

(Kinh: Này Hiền Hộ! Vì thế, vị tỳ-kheo ấy do vô tránh, hãy nên tu học, vì người khác tuyên nói tam-muội này).

Nếu tranh luận với người khác, sẽ rất khó trao đổi pháp tắc này. Người khác khen ngợi cũng thế, phi báng cũng thế, đều nói theo kiểu xấu hèn, chúng ta cũng chớ nên có đối đãi. Vì sao? Sự tương vô ngã, có sao quý vị đắm nhiễm? Pháp tắc là “vô nhân tướng, vô ngã tướng”; chúng ta thuận theo pháp tắc, sẽ có thể thành tựu. Nhưng nếu thuận theo nhân, ngã, sẽ là đi ngược đường. Nêu một thí dụ, chẳng hạn như dọc theo hai bờ Trường Giang có rất nhiều ao, hồ. Nước trong hồ này có thể nói nước của hồ kia “chẳng phải là nước của Trường Giang”, mà nước hồ kia cũng nói nước hồ này “cũng chẳng phải là nước của Trường Giang”. Vì thế, khi chúng ta muốn nói một pháp tắc, bèn nói pháp tắc ấy, mọi người đều tùy thuận pháp tắc ấy, quy vào trong pháp tắc ấy, sẽ được pháp tắc ấy chuyên chở, đạt được lợi ích, mà những lời lẽ ở ngoài pháp tắc ấy sẽ trở thành vô ý nghĩa!

Chúng ta nói theo “nhân, ngã, đúng, sai”, sẽ che lấp pháp tắc, lãng phí sanh mạng của chính mình ngoài pháp tắc. Chúng ta tùy thuận một pháp tắc, sẽ vượt khỏi tranh chấp “ta, người”, vì mỗi người đều có sở trường của chính mình, mà cũng đều có sở đoản, đều là có tướng biến hóa thị phi, tướng phạm thánh biến hóa. Điều này có thể tương ứng với cơ chế pháp tắc trên tổng thể, mà cũng có thể chẳng tương ứng. Nếu tương ứng, chúng ta sẽ tùy thuận pháp tắc. Nếu chẳng tương ứng, chúng ta sẽ ở ngoài pháp tắc, mê muội trong nghiệp tướng của chính mình. Chúng ta chẳng thể dùng nghiệp tướng của người khác, hoặc nghiệp tướng của chính mình để mê hoặc chính mình, hay mê hoặc người khác. Đó mới gọi là “kẻ đáng thương xót” trong Phật pháp. Đối với những kẻ đó, phải nên khai thông, hướng dẫn họ trở lại dòng pháp trong Phật pháp, tiến nhập biên trí nguyện của chư Phật, triệt để đạt được giải thoát, chẳng bị hủy diệt, chẳng bị khô cạn.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Chẳng hạn như chúng ta đến vùng Vũ Hán, có thể thấy hai bên Trường Giang đặc biệt nhiều ao, hồ. Quý vị có thể nói đó là nước của Trường Giang hay là không? [Nếu nước trong ao hay hồ] chảy thông vào Trường Giang thì là nước Trường Giang. Chẳng thông với Trường Giang thì là nước ao chuôm. Nghiệp tướng của mỗi chúng sanh chúng ta giống như nước trong ao chuôm, hoặc nước trong một cái chậu. Nước ô trược, nước chẳng sạch, hay nước sạch, nước thải công nghiệp, nước thải từ gia đình, nước kiêu nào cũng đều có, nhưng nếu đổ vào Trường Giang, sẽ đều chảy ra biển cả. Đó là điều chắc chắn. Quý vị nói sợ một chút nước của chính mình ô nhiễm biển cả, biển cả rồi cuộc tốt bậc mệnh mông, có thể dung nạp, tiêu trừ đôi chút ô trược ấy. Đối với chuyện này, chúng ta hãy nên yên lòng, đừng sợ chính mình có thể nhuộm bản biển cả, chúng ta cũng chẳng có bản lãnh ấy! Có kẻ sợ nước bản của kẻ khác sẽ nhuộm bản biển cả. Quý vị cũng đừng sợ, nó rồi cuộc đều đổ vào biển. Do biển cả tâm trí rộng lớn, không gì ngăn che được, do biển dung nạp hết thảy, quý vị sợ nỗi gì? Vì thế, chúng ta đừng sợ hữu tình ngu độn, ương bướng, hữu tình tội ác, hữu tình điên đảo, giống như khơi ngòi dẫn nước ra sông, tất nhiên sẽ đổ vào biển cả, chúng ta có thể tiêu trừ nghiệp tướng của họ. Yên tâm đối với chuyện này là được rồi! Nếu vẫn nhất định nói người như thế này sẽ chẳng được như thế nào đó thì thật ra cũng cần chẳng phải nói đến ai khác. Chính quý vị cũng chẳng khác biệt cho mấy! Rất nhiều người nghĩ kẻ khác chẳng tốt lành như thế nào đó, thật ra chính mình cũng tệ hại y hệt như thế ấy! Nếu chẳng phải vậy, sao lại sống trong cùng một thời đại? Có sao chẳng sống trong thời đại đức Phật còn tại thế? Quý vị nói chính mình nương theo nguyện mà đến, càng phải nên thương xót các hữu tình! Chúng ta phải nên quán kỹ. Pháp vô tránh rất trọng yếu!

(Kinh) Hiền Hộ! Hữu chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhược dục tu học, vị tha giải thích thử tam-muội giả.

(經)賢護! 有諸善男子善女人, 若欲修學, 爲他解釋此三昧者。

(Kinh: Đây Hiền Hộ! Có các thiện nam tử, thiện nữ nhân, nếu muốn tu học, vì người khác giải thích tam-muội này).

Đức Thế Tôn từng bước hướng dẫn chúng ta liễu giải pháp tắc thành tựu và tướng thành tựu của tam-muội này, cho đến trao đổi pháp tắc với người khác. Người tế nhị và chu đáo không ai hơn đức Thế Tôn, đúng là Ngài có đại ân đức đối với chúng ta, thật sự là cha mẹ của Pháp Thân huệ mạng, là cha mẹ dưỡng dục đạo đức của chúng ta.

(Kinh) Ứng dương cụ túc thành tựu thập pháp, nhiên hậu vị tha giải tư tam-muội.

(經)應當具足成就十法，然後爲他解斯三昧。

(Kinh: Hãy nên thành tựu đầy đủ mười pháp, sau đấy, sẽ vì người khác giải thích tam-muội này).

Quý vị nói: “Nay tôi chưa trọn đủ mười pháp, có thể giải thích cho người khác hay không?” Đức Thế Tôn nói: Khi quý vị muốn giải thích cho người khác, trước hết, hãy xem và học mười công đức, mười loại pháp này. Đó là nhờ vào lời của người khác để chứng lợi ích của pháp tắc trong Phật pháp cho bản thân. Vì thế, hết thấy đều chẳng lìa pháp tắc.

Khi tôi vừa mới tiếp xúc giới tỳ-kheo, đọc Tứ Phần Luật Tạng²⁵ một lượt, toàn thân mướt mồ hôi, vì có cảm giác đức Thế Tôn chưa từng

²⁵ Tứ Phần Luật (Dharmagupta-Vinaya) là Luật Tạng theo Pháp Tạng Bộ, còn gọi là Đàm Vô Đức Luật, hay Tứ Phần Luật Tạng. Bộ luật này gồm sáu mươi quyển, do ngài Ưu Ba Quật Đa truyền thừa. Đàm Vô Đức là phiên âm của Dharmagupta (Pháp Tạng Bộ). Gọi là Tứ Phần Luật vì gồm có bốn phần: 21 quyển đầu là giới tỳ-kheo, 16 quyển kế tiếp là giới tỳ-kheo-ni, phần thứ ba gồm các kiền độ (khandhaka) thuộc về pháp tắc an cư, tự tứ v.v... gồm 12 quyển, phần cuối cùng là các quy tắc về phòng xá, cũng như các điều lật vật khác. Theo cách lý giải truyền thống, bộ luật này được kết tập khi tôn giả Ưu Ba Ly trùng tụng giới luật tám mươi lần, giao cho Ca Diếp, A Nan, rồi truyền cho các vị Thương Na Hòa Tu, Mạt Điện Địa, Ưu Ba Quật Đa v.v... Do thoạt đầu chỉ là ghi nhớ truyền khẩu, bộ luật này về sau được ghi thành văn bản bởi bộ phái Pháp Tạng Bộ, cho nên được gọi là Đàm Vô Đức Luật. Bộ luật này được dịch sang tiếng Hán bởi hai vị Phật Đà Da Xá và Trúc Phật Niệm. Tứ Phần Luật được coi là bộ luật trọng yếu để truyền trì giới luật cho Phật giáo Bắc Tông. Đa số các trường phái Luật Tông của Trung Hoa hoàn toàn nghiên cứu Tứ Phần Luật, hoặc dùng Tứ Phần Luật làm cơ sở chính yếu để biện định giới pháp. Các vị luật sư như Huệ Quang, Đạo Tuyên (tổ sư sáng lập Nam Sơn Luật Tông) đều phán định luật này thuộc về Đại Thừa. Tác phẩm Tứ Phần Luật San Phiên Bồ Khuyết Hành Sự Sao của ngài Đạo Tuyên được coi là sách gối đầu giường cho những ai nghiên cứu Luật Tông theo truyền thống Phật giáo Bắc Tông.

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

lìa khỏi chúng ta. Thích Ca Mâu Ni Phật Thế Tôn cho đến Câu Lưu Tôn Thế Tôn, Câu Na Hàm Ma Ni Thế Tôn, Ca Diếp Thế Tôn, bốn vị Phật trong Hiền Kiếp chưa từng rời khỏi chúng ta. Các vị Thế Tôn trước Hiền Kiếp cũng chưa hề rời khỏi chúng ta. Các Ngài dùng đủ loại thân tướng, đủ loại âm thanh, đủ loại pháp tắc, chẳng ngừng thí giáo cho mọi người. Nếu quý vị đọc Tạng Kinh, nhất là những kinh mà người xuất gia cần phải đọc, sẽ mười phần có ý nghĩa. Quý vị sẽ cảm thấy rất bình thường, rất chân thật, rất gần gũi. Trước kia, cảm thấy cách biệt các vị A La Hán thuở đức Thế Tôn tại thế quá xa, khoảng cách hơn hai ngàn năm quá lớn; nhưng khi đọc Bát Thập tụng của tôn giả Ưu Ba Ly, cảm thấy mười phần thân thiết, bất cứ khoảng cách nào cũng đều chẳng có! Dầu chúng ta vận dụng cái tâm phàm phu, dung tục, vẫn chẳng cảm thấy có khoảng cách, huống hồ quý vị còn là hữu tình phát tâm dũng mãnh, trì giới thanh tịnh, thiện căn sâu dày! Vì thế, tôi vẫn hy vọng mọi người thâm nhập kinh điển, có thể đọc nhiều thì thật sự vẫn phải đọc. Niệm Phật thì hãy siêng niệm Phật, kinh hành Ban Châu thì hãy chăm kinh hành, kinh giáo vẫn phải đọc!

Trước kia, khi tôi mới ở trong núi, có nỗi sợ hãi “giải quyết vấn đề ăn uống như thế nào?” Về sau, thường gặp các vị xuất gia sư phụ hỏi tôi chuyện này: “Thầy sống trong núi thì chuyện ăn uống làm như thế nào?” Tôi nói: “Tôi không biết. Đây chẳng phải là chuyện của tôi!” “Chẳng phải chuyện của thầy thì là chuyện của ai chớ?” Tôi nói: “Có người lo”. “Ai lo?” “Phật!” Ai lo? Bồ Tát lo! Ai lo? Hộ pháp lo! Trời, người hộ pháp mà! Đó là thệ nguyện của họ. Khi quý vị thật sự hành Phật sự, chẳng có chỗ nào cố kỵ, chẳng sợ hãi chi hết! Trước kia, tôi ở nhiều nơi rất heo lánh, tuyệt đối chẳng có chuyện chết đói, trừ phi quý vị chẳng học Phật. Mà cũng chẳng gặp duyên trái nghịch, trừ phi quý vị tạo tác duyên trái nghịch.

Nay chúng ta tụ hội như thế này, mà nếu chẳng có cơ sở để hành pháp thì cũng chẳng thể được! Đối với pháp hội này, tôi một mực nói điện đường chẳng lớn, chẳng nhỏ, vừa khít, lớn chẳng được, nhỏ chẳng được. Lớn cũng chẳng mở được, nhỏ cũng chẳng mở được. Có long thiên hộ pháp, đúng không? Nếu chẳng được hộ trì, chúng ta đúng là một ngày cũng chẳng ở được. Nếu chẳng phải là trong bốn tháng an cư, có chư Phật, Bồ Tát hộ niệm và chiếu cố, chúng ta sẽ chẳng thể ngồi nổi. Quý vị thấy có bao nhiêu ngoại duyên quấy nhiễu. Trong các ác duyên từ vô thủy đã chín muồi của chúng ta, đúng là nhiệt nã! Chuyện này, chuyện nọ, một trăm tám mươi người đều giảng kéo quý vị, chẳng biết

khi nào sẽ lôi phất quý vị đi, cũng chẳng biết bị tóm đến chỗ nào! Nhưng do nguyện vọng an cư rõ ràng, Phật, Bồ Tát gia trì rõ ràng, chúng ta thông dong ngồi ở đây, tránh khỏi hơi nóng của trời Hè xâm hại, kể như đó là sự cảm nhận lớn nhất nơi thân thể đó chẳng? Chúng ta chẳng cần dùng quạt tay, quạt điện, máy điều hòa thổi ào ào chi hết, tôi thiếu là khỏi bị nóng mà! Có phước đức ấy, đúng không? Trong tương lai, nếu đạo tràng này xây dựng thành quy mô [chứa được] năm trăm người, nếu năm trăm người tránh nóng, quy mô to cỡ nào? Chẳng dùng máy điều hòa, đỡ tốn bao nhiêu điện? Vì quốc gia sáng tạo bao nhiêu của cải? Vậy thì nếu là một ngàn người, một ngàn năm trăm người, ba ngàn người thì sao? Dầu là đến tránh nóng, vẫn là phước báo!

(Kinh) Hà đẳng vi thập? Sở vị: Nhất giả, bĩ chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, tiên tội ngã mạn, khởi cung kính tâm.

(經)何等爲十? 所謂: 一者、彼諸善男子善女人, 先摧我慢, 起恭敬心。

(Kinh: Những gì là mười? Tức là: Điều thứ nhất, các thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy trước hết dẹp tan ngã mạn, dậy lòng cung kính).

Tâm cung kính vẫn được đặt thành điều đầu tiên. Tôi đã gặp một chuyện, ký ức tới nay hãy còn như mới. Có một pháp sư tới chỉ đạo hành pháp Ban Châu, [nơi đó] vốn là một đạo tràng gia đình rất tốt. Mọi người kính hành rất tốt. Có người dâng nhà ra, có người cúng dường thức ăn, mọi người dốc hết sức để duy trì đạo tràng gia đình hành pháp Ban Châu ấy. Nhưng vị pháp sư ấy tới đó, lỗ mũi hình lên trời, vừa đến bèn nói: “A! Mấy người mở cuộc họp đi”. Sau đó, [sự đưa ra yêu sách] thứ nhất là, thứ hai là, thứ ba là... Người khác thấy vị đó kiêu mạn như thế: “Quên đi, chúng ta chẳng hành Ban Châu nữa! [Hành xử] kiêu đó là phá Ban Châu, chúng ta không kính hành nữa!” Trước hết, chủ nhân căn nhà nói: “Các người muốn kính hành Ban Châu thì phải trả tiền thuê nhà, một tháng là bao nhiêu đó”. Tiếp đó, vị Bồ Tát cúng dường thức ăn nói: “Ồ dào! Quý vị ai kính hành Ban Châu thì người đó tự mình bới cơm theo nhé!” Sau đó, người hộ quan nói: “Ái chà! Tôi còn phải làm việc, không chăm sóc quý vị nổi đâu!” OK! Đạo tràng ấy kết thúc luôn! Sự chỉ đạo của vị pháp sư ấy cũng “viên mãn!” Viên mãn gì vậy? Kiêu mạn! Sau đây, có mấy vị cư sĩ hỏi tôi: “Vì sao vị pháp sư X... kiêu mạn cỡ đó?” Tôi đáp: “Người chẳng tự biết đấy mà! Chắc là mắt nhìn quá

cao, rất dễ thấy người khác có rất nhiều điều chẳng đúng pháp”. Lỗ mũi hình lên trời, vừa nói với người ta, kết quả là một đạo tràng hành pháp rất tốt đẹp, một đạo tràng đã có rất nhiều người kinh hành phải giải tán như thế đó!

Do vậy, trò chuyện với người khác, chúng ta phải chân thành, phải tôn trọng. Như tôi đề ra ba điều cho Hằng Dương Am: Tôn trọng, bao dung, trao đổi ý kiến. Nếu làm được ba điều ấy, đạo tràng này sẽ lành mạnh, sẽ có ý nghĩa. Nếu không trao đổi ý kiến, chẳng tôn trọng, mà cũng chẳng bao dung, sẽ chẳng thể duy trì được. Vì sao? Vì mọi người chẳng muốn biết nội dung tôn trọng, bao dung, chẳng muốn biết cơ sở để giao tiếp. Đức Thế Tôn là người biết ơn ắt báo. Sau khi thành đạo, Ngài đứng làm bạn với cây Bồ Đề bảy ngày, chăm chú nhìn cây Bồ Đề, sanh lòng cảm kích, nói: “Phàm là đệ tử của ta, phải nên lễ kính cây này. Vì sao? Do cây này đã cho ta tăng thượng duyên bất thoái thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”. Những cây chung quanh đều là tăng thượng duyên thành tựu đạo nghiệp cho chúng ta, chúng ta có nên lễ kính chúng bảy ngày hay không?

Trong đoạn văn tự này, đức Thế Tôn đã giảng giải cho chúng ta biết “vì người khác giải nói tam-muội này như thế nào?” Hãy nên trọn đủ pháp tắc như thế nào để giải thích cho người khác? Nếu chúng ta chẳng muốn giải thích pháp tam-muội này cho người khác, trong tâm chúng ta có chướng ngại như thế nào? Trên thực tế, khi giải nói, chúng ta có thể thoát khỏi chướng ngại và sự hạn cuộc trong ý thức của chính mình. Nếu có thể nương theo pháp để giải thích, tự nhiên sẽ tùy thuận giáo ngôn của Phật Đà, tự lợi và lợi tha sẽ có thể như thật hiện tiền.

Ngã mạn sẽ che lấp sự thành thực trong tâm trí Bồ Đề, vì cái tâm cung kính là cái gốc của hết thảy các pháp, mà cũng là căn bản của tâm trí Bồ Đề. Nếu chẳng có tâm cung kính, tâm Bồ Đề sẽ chẳng có gì để thuần thực. Nếu chẳng có tâm Bồ Đề, hết thảy các pháp dùng gì để thành tựu? Vì thế, tâm cung kính là điều quan trọng hàng đầu trong hành pháp, cầu pháp, và chứng pháp của hết thảy các pháp. Từ sơ phát tâm cho đến khi thành Phật, chúng ta đều chẳng lìa khỏi Bồ Đề tâm, mà tâm cung kính chính là tầng biểu hiện ngoài cùng của Bồ Đề tâm. Nếu chẳng có “lớp vỏ bọc”, hoặc “tầng biểu hiện” ấy, Bồ Đề tâm sẽ chẳng hoàn thiện, chẳng chân thật. Trong tu tập pháp tắc của Hán truyền Phật giáo, mọi người đối với chuyện huân tập, huân luyện, hoặc tự mình thể nghiệm cái tâm cung kính khá ít. Tâm cung kính hoàn toàn chẳng phải là có biểu hiện cung kính theo kiểu ủy khuất. Điều chủ yếu nhất là từ nội tâm dẫn

phát sự tôn trọng như thật, thủ hộ như thật, truyền đạt như thật đối với pháp tắc. Điều này mười phần trọng yếu. Trong giáo dục “*quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử*”²⁶ của Trung Hoa, thật ra cũng là xoay quanh sự cung kính. Tâm cung kính là nhu cầu căn bản của hết thảy chúng sanh, bất luận là nghèo hay giàu, là phàm hay thánh, là xuất gia hay tại gia, học Phật hay không học Phật, tôn trọng lẫn nhau là một cơ chế giáo dục nền tảng nhất! Nếu chúng ta nhận thức chẳng đủ đối với điều này, sẽ rất khó tương ứng với chín pháp kế tiếp!

(Kinh) Nhị giả, tri ân bất vong, tâm thường niệm báo.

(經)二者、知恩不忘，心常念報。

(Kinh: Hai là tri ân chẳng quên, tâm thường nghĩ báo đáp).

Chúng ta thường nói “*thượng báo tứ trọng ân*”, tức là ân sư trưởng, ân cha mẹ, ân quốc độ, ân chúng sanh, [ngoài ra, còn có] ân Tam Bảo. Người xuất gia còn có ân của đàn-na thí chủ v.v... Các ân ấy đích xác là trọn khắp mỗi thời khắc trong cuộc sống của chúng ta, dưỡng dục sanh mạng của chúng ta. Mỗi chỗ, mỗi thời khắc trong y báo và chánh báo của chúng ta đều biểu hiện tràn trề nội dung cụ thể của các ân ấy. Như cơm áo của người xuất gia, cho đến tất cả các vật dụng, đều là ân của thí chủ. Ân sư trưởng, ân Phật, ân Tam Bảo được biểu hiện qua cơ chế giáo dục, dưỡng dục Pháp Thân huệ mạng của chúng ta. Đối với các vị tại gia Bồ Tát, bốn trọng ân ấy cũng tồn tại rõ ràng.

Hành pháp Ban Châu, nếu tâm chẳng biết ơn, ắt sẽ thường sanh đủ loại trạng thái tâm lý chẳng tương ứng, vì cái tâm cảm ân sẽ là một loại tâm lý mười phần điều nhu, khiêm thuận. “*Biết ân, báo ân*” là một chủ đề trọng yếu hàng đầu trong Phật giáo, là một điều tất yếu phải liên tục thủ hộ trong Phật pháp. Khá nhiều người nói chính mình học Phật mà chẳng hề có động lực, tu hành chẳng có động lực. Cũng có không ít kẻ học Phật hoặc người xuất gia sau dăm ba năm tinh thần sa sút, chẳng tu

²⁶ Đây là một câu nói nổi tiếng trích từ thiên Nhan Uyên trong sách Luận Ngữ: “*Tề Cảnh Công vấn chánh ư Khổng Tử, Khổng Tử đối viết: Quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử. Công viết: Thiên tai! Tín như quân bất quân, thần bất thần, phụ bất phụ, tử bất tử, tuy hữu túc, ngô đắc nhi thực chi!*” (Tề Cảnh Công hỏi Khổng Tử về đường lối cai trị. Khổng Tử đáp: “Vua ra vua, bầy tôi ra bầy tôi, cha ra cha, con ra con” Cảnh Công nói: “Lành thay! Nếu vua chẳng ra vua, bầy tôi chẳng ra bầy tôi, cha chẳng ra cha, con chẳng ra con, dẫu có nhiều lương thực, cũng chẳng ăn được!”)

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

tập và thủ hộ pháp tắc. Vì sao? Do chẳng có tâm tri ân, báo ân. Nếu thật sự liễu giải ân đức của chư Phật, Bồ Tát đối với chúng ta, nguyện vọng mong chứng tam-muội của chúng ta sẽ mười phần bức thiết, mười phần chân thật duy trì.

(Kinh) Tam giả, tâm vô y trước, diệt vô tật đó.

(經)三者、心無倚著，亦無嫉妒。

(Kinh: Ba là tâm chẳng dựa dẫm, mà cũng chẳng ghen tỵ).

Không nắm níu cao thấp, chuyên hành một pháp, thâm nhập thực tiễn, do đích thân chứng đắc Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiền Tiên tam-muội, cho nên nói “*tâm vô y trước*” (tâm chẳng dựa dẫm). Hiện thời, sự tu tập pháp này tồn tại phổ biến một vấn đề to lớn, tức là trạng thái tâm lý thay đổi thất thường, chính là so bì lẫn nhau. Người thế tục so bì còn có thể tha thứ được, chứ so bì trong Phật pháp sẽ thường là tự khen mình, báng bỏ người khác, hoặc nẩy sanh tâm lý “đứng núi này trông núi nọ”, hoặc là ghen tỵ, hoặc là tâm thượng mạn, hoặc là tâm nắm níu, đủ mọi loại tâm như thế đều sẽ sanh khởi. Như thế thì cơ hội tu trì thực tiễn, như thật của chúng ta sẽ mất đi trong hiện duyên của chính mình.

(Kinh) Tứ giả, trừ đoạn nghi hoặc, cập chư chướng ngại.

(經)四者、除斷疑惑，及諸障礙。

(Kinh: Bốn là trừ dứt nghi hoặc, và các chướng ngại).

Chướng ngại của chúng ta thường được biểu hiện qua ba phương diện: Phiền Não Chướng, Nghiệp Chướng, lại còn có Báo Chướng. Báo Chướng theo thân cùng đến (tức là sanh ra đã có). Nghiệp Chướng thì trong quá trình tồn tại sẽ không ngừng tăng mạnh hơn, hoặc yếu bớt đi. Phiền Não Chướng cũng giống như thế. Mọi người còn khá thường nói đến hai loại chướng nữa là Sở Tri Chướng và Phiền Não Chướng. Bất luận nói là ba chướng hay hai chướng thì trong ấy, Phiền Não Chướng khiến cho tâm trí tịch tĩnh của chúng ta chẳng được an lạc, Sở Tri Chướng khiến cho tâm trí Vô Thượng Bồ Đề của chúng ta chẳng thể tùy thuận thành tựu.

Trong cuộc đất Hán truyền Phật giáo sôi nổi, Sở Tri Chướng thường lừng lẫy hơn Phiền Não Chướng, vì [người học Phật] thường la

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

cà khá nhiều sách vở và pháp môn, hoặc nhân duyên rất phức tạp, chẳng sàng lọc, chọn lựa, vàng thau lẫn lộn. Do vậy, ngã chướng khá nhiều duyên khởi thanh tịnh, duyên khởi viên mãn, và duyên khởi chân thật để tu tập các pháp.

(Kinh) Ngũ giả, thâm tín bất hoại, hệ niệm tư duy.

(經)五者、深信不壞，繫念思惟。

(Kinh: Năm là tin sâu chẳng hoại, hệ niệm tư duy).

Trong Phật pháp, nói “*bất hoại*” chẳng phải là Thường Kiến, mà là thủ hộ Tứ Tín, tức tin Phật, tin Pháp, tin Tăng, và tin Giới, do tin vào công đức chân thật của những thứ ấy. Sự “*chân thật*” ấy chính là nói [lòng tin ấy] có thể như thật lợi ích rộng khắp thế gian. Đối với công đức chân thật lợi ích rộng khắp thế gian của Phật, Pháp, Tăng, và Giới, bèn tin sâu, chẳng nghi, thường chú tâm tư duy, như thật quan sát. Đó chính là “*thâm tín bất hoại*”. Nếu chúng ta học Phật, bất luận xuất gia hay tại gia mà rời lìa lòng tin sâu xa ấy và sự quan sát đối với Tam Bảo và giới pháp, sẽ đọa nhập trạng thái tâm lý hoặc sanh mạng chẳng phải là Phật giáo đồ! Trong thời đại này, chúng ta cũng phải mười phần không ngừng luyện tập quán thông điều thứ năm này.

(Kinh) Lục giả, tinh tấn cần cầu, kinh hành vô mệt.

(經)六者、精進勤求，經行無倦。

(Kinh: Sáu là tinh tấn siêng cầu, kinh hành chẳng mệt).

Tại Hằng Dương Am, đích xác là hành pháp Ban Châu đã thực hiện đến mức cố tánh cách liên tục nhất định. Đối với nhận thức về tri kiến của pháp tắc, mọi người cũng liên tục không ngừng thâm nhập. Hiện thời, thông qua học tập kinh điển, có thể khiến cho chúng ta lựa chọn càng thêm cặn kẽ, chân thật. Đối với chuyện học tập kinh điển, không chỉ là người hiện thời chẳng coi trọng cho lắm, kể từ khi giáo pháp của tổ sư được truyền bá rộng rãi tại Trung Hoa cho đến nay, chuyện tu tập và thủ hộ kinh văn là một nhược điểm khá lớn của Hán truyền Phật giáo. Nếu nay chúng ta có thể nương theo pháp bản, nương theo giáo ngôn trực tiếp của Phật Đà, chẳng tăng giảm mà tu tập, sẽ đạt được đại phương tiện.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Có thể tin lời Phật, đó là đại phước báo. Nhưng trong Hán truyền Phật giáo, sự nhận thức của chúng ta đối với cơ chế giáo ngôn trong kinh điển thường là bị chiết khấu! Chúng ta tin lời người khác, tin lời thiện tri thức, thế nhưng đối với chuyện trực tiếp vận dụng lời Phật dạy đâm ra lại rất ít. Như các giáo ngôn về Tổng Trì Đà La Ni và Như Lai Tạng Tánh trong kinh Viên Giác, cơ bản là có tánh chất khẩu quyết, tức là chẳng dùng lý giải. Nếu cứ cưỡng ép lý giải, đâm ra chẳng thể sử dụng được! Vì lẽ nào? Trong sự lý giải nơi tâm trí của phàm phu, dùng tư duy có thể nghĩ bàn của chúng ta để xử lý một phen, khiến cho nó biến thành sự ô nhiễm trong tâm thức của chính mình. Đó là một thứ ý thức biến hình đối với lời Phật, là tướng chân thật dễ dàng thâm nhập pháp giới, hoặc là lợi ích chân thật dễ dàng đích thân chứng đắc pháp tắc. Điều này thật sự đòi hỏi chúng ta phải không ngừng tu tập.

Pháp Ban Châu chẳng có kỹ xảo chi khác, chỉ là khiến cho chúng ta từ trong cái vốn chẳng sanh diệt, vốn chẳng đắm nhiễm, vốn chẳng đau khổ, vốn chẳng thất niệm, vốn chẳng có phiền não hay không phiền não, vốn chẳng có hôn trầm hay không hôn trầm, mà tiêu trừ hôn trầm, tiêu trừ phiền não, tiêu trừ đau khổ, tiêu trừ đói lạnh. Sự tiêu trừ ấy thật ra là quan sát nghiệp tương tự nhiên tiếp nối, phương pháp rất đơn giản. Trong khẩu quyết ba chữ, phía sau “*lập một niệm, đoạn các tướng*”, thêm vào “*vật niệm*” (đùng nghĩ), tức là chẳng thêm vào sự hay biết, chẳng trầm trệ, chẳng thuận theo, tùy thuận tương ứng với thế nguyện, quan sát rõ ràng, chẳng dính mắc, chẳng chấp, chẳng sợ, như thế mà thôi! Thực hiện sẽ mười phần đơn giản, thuận tiện. Nếu thật sự tu tập, pháp tắc này sẽ chẳng khó!

Hôm nay xuống tới Hằng Dương Am, mọi người hỏi tôi có cần nghỉ ngơi chốc lát hay không, tôi bèn nghỉ ngơi một chốc, nhưng cảm thấy một khi con người quý trọng cái thân, đạo nghiệp sẽ lui sụt to lớn! Bất kể mọi người khuyên bảo, vẫn là chính mình nhận biết: Một khi cho rằng sắc thân của chính mình cần nghỉ ngơi, cần quý trọng, đã biến thành đạo nghiệp sụt giảm. Xét theo pháp tắc, chắc là mỗi người đều là như thế!

Hành pháp một ngày một đêm ở Hằng Dương Am, cho đến có một số người có thể kinh hành bảy ngày tám đêm, ba ngày ba đêm, bất luận kéo dài như thế nào, một ngày một đêm là nét chung. Gần đây nhất, tôi vẫn hy vọng mọi người trong một ngày một đêm hoặc một ngày hai đêm có thể dựa theo nghi quỹ để hành trì. Vì trước đó đã có thương tích chông chát, một pháp tắc mở ra, sẽ có người xông pha chặt đứt gai góc,

tức là những người đi trước đã chịu gian khổ cỡ nào! Chắc là hành giả sẽ biết [điều ấy]. Tôi cũng đã tham dự hộ trì một số hành pháp, cũng biết nội dung pháp tắc tu tập trong một số đạo tràng, cũng gặp tại một số chỗ các vị xuất gia hay cư sĩ tương ứng hay chẳng tương ứng đối với pháp tắc này. Chẳng tương ứng sẽ có nhiều khổ nạn, hoặc nảy sinh lo ngại đối với pháp. Hễ tương ứng, sẽ sanh khởi vui sướng, cho đến thay đổi quan niệm về sanh mạng và ý thức. Pháp ấy rốt cuộc có ý nghĩa. Bất luận là do nhân duyên nào, một khi đã hành pháp ấy, sẽ kết nhân duyên chẳng thoái chuyển đối với Phật pháp. Điều này chân thật chẳng dối. Chỉ do trong đời hiện tại, chúng ta vì như pháp hay không mà biểu hiện thành lợi ích thích đáng hay chẳng thích đáng, hiện tiền hay không hiện tiền. Đó là một vấn đề khá lớn. Nhưng xét theo nhân duyên rộng khắp với hữu tình, tức là nhìn từ nhân duyên niệm Phật, nói theo lợi ích rất ráo, nói theo lợi ích to lớn căn bản, thật sự là phước đức chẳng thể nghĩ bàn. Cho nên pháp này chẳng báng được, chẳng nghi được, mà cũng chẳng thể tán thán được, nhưng hành được, thủ hộ được. Chúng ta như thật truyền bá nó, như thế thì sẽ có thể lợi ích rộng khắp hữu tình trong thế gian.

(Kinh) Thất giả, thường hành khát thực, bất thọ biệt thỉnh.

(經)七者、常行乞食，不受別請。

(Kinh: Bảy là thường hành khát thực, chẳng nhận thỉnh riêng).

Đây là nói theo người xuất gia. Thật ra, vẫn là một pháp tắc để khiến cho chúng ta trừ khử kiêu mạn. Trong Tăng pháp (pháp tắc của Tăng chúng), thường hành khát thực chính là sự thủ hộ và tu tập trọng yếu nhất nhằm vứt bỏ kiêu mạn, vứt bỏ cái Ta tôn quý nhất. Trong Hán truyền Phật giáo, ôm bát đi khát thực một mực là một Tăng pháp vẫn chưa được đề xướng rộng khắp. Tuy rằng từ xưa đến nay, cũng có hành giả duy trì pháp này, nhưng phần nhiều chẳng phải là sinh hoạt thường nhật, chỉ là dưới một nhân duyên nào đó, mọi người đi khát thực một phen, có tánh chất tượng trưng, có tánh chất lễ nghi, hoặc có tánh chất cảnh tỉnh cõi đời. Đối với chuyện này, chúng ta thủ hộ, xét kỹ như thế nào? Thực tế là trong cuộc sống hằng ngày, trừ khử cái tâm kiêu căng, ngạo mạn, trừ khử cái tâm tham cầu yên vui, buông thả. Như thế là có ý nghĩa; tại gia cư sĩ cũng phải nên chú ý điểm này!

Đức Thế Tôn đã giảng bộ kinh Anh Lạc và trong khá nhiều kinh điển, Ngài đã đặc biệt nhắc tới anh lạc mà Phật, Bồ Tát đeo. Đó là một loại vật dụng để trang nghiêm hồng biểu thị pháp, ngụ ý phải thường sanh hổ thẹn. Đối với những pháp mà mình đã hành, hãy nghĩ là chưa đủ. Do vậy, sẽ có cái tâm tăng thượng tiến nhập. Đối với chúng sanh và Phật Đà, đều có tâm hổ thẹn, vậy thì chính mình sẽ nỗ lực. Yêu cầu của hành pháp Ban Châu cũng là như thế. Tại các nơi hành trì Ban Châu, do đối với chuyện ẩm thực hoặc các phương diện khác của người hành pháp mà chăm sóc quá lố, cũng hình thành phản tác dụng nơi người hành Ban Châu, tức là [hành nhân] sẽ chẳng tôn trọng sự cúng dường của người khác. Có khi vì chúng ta do áo cơm sung túc, hoàn cảnh an nhàn, sẽ đánh mất lợi ích chân chánh do hành pháp, tức là đích thân chúng tam-muội.

Rất nhiều người hỏi tôi: “Vì sao hiện thời thầy bàn pháp môn Tịnh Độ chẳng tương ứng với lời bàn luận trước kia?” Thật ra, chẳng phải vậy. Chúng ta đích thân chúng tam-muội chẳng mâu thuẫn với nguyện vọng của A Di Đà Phật. Nếu chúng ta yên tâm thuận theo nguyện vọng của A Di Đà Phật, lại hành Ban Châu, đó chẳng phải là chuyện mâu thuẫn. Đích thân chúng tam-muội cũng chẳng phải là chuyện mâu thuẫn. Trong hiện duyên của chúng ta, hướng tới chuyện khiến cho pháp tắc này trụ thế và được truyền bá, cũng chẳng hề trái nghịch với đại nguyện “*lợi ích rộng hữu tình trong thế gian, khiến cho Phật pháp trụ thế, an ủi hết thấy hữu tình*” của A Di Đà Phật. Có lúc hai loại tâm trí biên kiến của chúng ta, tức là có, không, đúng, sai v.v... Tri kiến như vậy tùy thời sanh khởi, nhưng tri kiến chẳng đổi dời, tri kiến tùy thuận vẫn cần phải không ngừng điều chỉnh. Nếu có thể nương theo Trung Quán để thấy, hoặc thấy bằng trí huệ, tuy thấy mà chẳng đắm nhiễm, chẳng đổi dời, [dùng các cách thấy ấy] để quan sát pháp, sẽ rất thuận tiện.

(Kinh) Bát giả, thiếu dục tri túc, điều phục chư căn.

(經)八者、少欲知足，調伏諸根。

(Kinh: Tám là ít muốn, biết đủ, điều phục các căn).

Đây là công đức thánh hạnh do Bồ Tát thực hành. Bát luận là Thanh Văn Thừa, Đại Thừa, hay Kim Cang Thừa, trong chỗ y chỉ cơ bản của tất cả sự thành tựu, đều có tám pháp thiện xảo như “*thiếu dục tri túc, điều phục chư căn*” (ít muốn, biết đủ, điều phục các căn) v.v... tức tám

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

điều giác ngộ của bậc đại nhân (bát đại nhân giác). Tám điều giác ngộ của bậc đại nhân là pháp tắc ắt phải hành, phải nên hành của hàng tại gia lẫn xuất gia Bồ Tát. “*Ít muốn, biết đủ*” là hai pháp đầu tiên trong tám pháp, tịch tĩnh là pháp thứ ba. Sau đó có chánh niệm, chánh định, tinh tấn, chánh huệ, chẳng hý luận. Bồ Tát nên hành tám pháp ấy.

Nay chúng ta có thể quan sát một hiện tượng tu tập pháp chẳng tương ứng. Chẳng hạn như trong điện đường, trong công khóa, khi niệm Phật, hoặc khi trao đổi Phật pháp, chúng ta đều rất chánh quy, nhưng trong lúc bình thường, sẽ dễ dàng buông lung, chẳng nhiếp các căn, ý chí tản mạn. Thậm chí có khá nhiều tập khí phóng túng theo dục vọng, hoặc chẳng biết đủ, phạm phu hữu tình hết sức dễ dàng [phạm lỗi] như thế đó. Đây cũng là chướng ngại đối với chuyện đích thân chứng Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiền Tiền tam-muội. Trong hành pháp Ban Châu, có thể đoạn trừ bằng cách rời lìa nghiệp tập, có thể chiếu kiến nghiệp tập của chính mình. Nhưng để hành Ban Châu trong cuộc sống hằng ngày, cần phải có tâm trí mười phần mạnh mẽ thì mới có thể hành trì. Nói đến hành trì Tùy Ý tam-muội, luôn luôn thâm tóm về tâm ý, chỉ đề khởi danh hiệu, chẳng nhiếp, chẳng chấp, đối với “thiện, ác, đúng, sai” trong hiện duyên, trọn chẳng vướng mắc. Đối với phiền não hay chẳng phiền não, nghiệp tập hay chẳng nghiệp tập đều chẳng màng đến, cứ thẳng thừng tiến bước. Như thế thì dễ thành tựu Tùy Ý tam-muội. Thật ra, Niệm Phật tam-muội đã hàm nhiếp sự tu trì Tùy Ý tam-muội, vì dễ hành, lúc nào cũng đều có thể niệm, lúc nào cũng đều có thể tu, chẳng chọn lựa địa điểm, chẳng chọn phương pháp. Vì thế, Trì Danh Niệm Phật thật sự là một phương pháp tu hành chẳng thể nghĩ bàn. Nội hàm công đức và lợi ích của pháp ấy chỉ có Phật và Phật Thế Tôn có thể hiểu, có thể biết. Cách tu Bát Đại Nhân Giác ở nơi đây, hoặc cách tu mười pháp, khiến cho chúng ta có thể chiếu kiến chính mình, thức tỉnh chính mình, đều là pháp tắc có thể sử dụng trong bình thời. Nếu chúng ta chỉ chuyên chú trong một khắc hành Ban Châu, còn trong cuộc sống thường nhật bèn chẳng quan tâm, mà mong thật sự đạt thành tựu nơi pháp, quả thật sẽ rất khó!

(Kinh) Cứu giả, chánh tín thậm thâm, Vô Sanh Pháp Nhân.

(經)九者、正信甚深, 無生法忍。

(Kinh: Chín là chánh tín rất sâu, Vô Sanh Pháp Nhân).

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Vô Sanh Pháp Nhãn là pháp tắc do chư Phật đích thân chứng đắc, mà cũng là biểu hiện chân thật của Pháp Tánh, tức là hết thấy các pháp vốn bất sanh, vốn bất diệt, chẳng đến, chẳng đi. Các pháp tịch diệt, vốn vô sở đắc. Trong cơ chế giáo ngôn của Vô Sanh Pháp Nhãn, do các phàm phu chẳng thể bén mảng, cho nên lập ra một Pháp Nhãn tương tự cho hàng Bồ Tát, tức là đạt được an lạc trong Nhất Tướng Nhất Hạnh Tương Tự Nhãn. Như trong Đàn Kinh, Lục Tổ đại sư tuyên nói phần nhiều là Nhất Tướng Nhất Hạnh Bồ Tát Pháp Nhãn, tức là Vô Sanh Nhãn của Bồ Tát, là tương tự nhãn. Tức là đối với hết thấy “thiện, ác, đúng, sai”, đều chẳng nhiệm, chẳng chấp, chẳng vướng mắc. Nếu ai có thể khéo thủ hộ như thế, sẽ chẳng thấy lỗi thế gian, tiến thẳng vào nguồn tâm thanh tịnh, tức là thành tựu Bồ Đề tâm.

Vô Sanh Pháp Nhãn thật sự chỉ có chư Phật đích thân chứng. Do vậy, ở đây chỉ có tướng đại công đức “*tin sâu chư Phật*”. Đây là chỗ chúng ta hướng đến, nương tựa, tiêu quy, là chỗ ta chẳng thể nghĩ bàn. Đó là một phương tiện. Do trong Sở Tri Chướng của chúng ta, phần nhiều do nghĩ bàn mà chính mình bị ngăn chướng, đối với Tam Tạng mười hai bộ loại đều suy nghĩ một lượt, đều trở thành chướng ngại, chẳng thể chứng quả. Khá nhiều người đi đường vòng ở chỗ này, dùng ý thức của chính mình để tư duy kinh điển, chẳng phải là dùng kinh điển để tùy văn nhập quán, trừ bỏ cái gọi là “tâm suy luận” của chính mình. Tư duy chính là chỗ tồn tại của sức mạnh lấy bỏ trong nghiệp tướng của chúng ta từ vô thủy đến nay, cũng có nghĩa là nếu chúng ta đã lý giải: “Chuyện này có ý nghĩa bèn giữ lấy. Chuyện chẳng có ý nghĩa, ta bèn bỏ đi, bèn bài xích”. Đối với kinh điển, cũng lại lấy hay bỏ như thế. Như vậy thì đối với Vô Sanh Pháp Nhãn, bèn rơi vào Danh Tự Nhãn, tức là vẫn đem tâm niệm của chính mình bỏ vào đó. Kết quả là hình thành cái gọi là Sở Tri Chướng. Do vậy, trong hành pháp, như trạng thái tâm lý của bậc thiện tri thức sau khi đắc Ngũ Đình Tâm so với những kẻ bình phàm chúng ta, sẽ sai khác như trời với đất. Vì trước khi chứng Ngũ Đình Tâm, lời lẽ thuộc nhị biên (đúng, sai, ta, người, có, không v.v...) ắt cần phải nói, chẳng đúng thì là sai, chẳng phải là thứ này bèn là thứ kia, chẳng có thứ gì ta không tạo tác. Tâm thanh tịnh, an lạc bình hòa, buông xuống mọi lo lắng. Đối với vấn đề này, chúng ta nhất định phải khéo tư duy và quan sát, từ trong niệm Phật, chứng đắc tương tự đình tâm, cũng đạt được phương tiện.

*(Kinh) Thập giả, thường niệm thù sở hữu thị tam-muội, tức u
bỉ sư, sanh chư Phật tướng. Nhiên hậu tu tập như thị tam-muội.*

**(經)十者、常念誰所有是三昧，即於彼師，生諸佛想
。然後修習如是三昧。**

*(Kinh: Mười là thường nghĩ ai sở hữu tam-muội này, liền sẽ đối
với vị thầy ấy, sanh ý niệm tưởng như chư Phật. Sau đó, tu tập tam-
muội như thế).*

Thường suy nghĩ ai đã chứng đắc tam-muội này. Đức Thế Tôn đã nêu ra một trường hợp: “*Trong đệ tử của ta, Ma Ha Ca Diếp đích thân chứng tam-muội này*”. Tôn giả Ca Diếp ở trong Hoa Thủ Môn phía trên chúng ta, chúng ta triều bái lễ kính Ngài được ngay, mười phần thuận tiện! Quý vị nói: “Đó là tảng đá, ai biết trong đó có gì”. Nếu nghi ngờ như thế, chúng ta vẫn nghi ngờ Phật pháp, mà cũng có thể là nghi ngờ vẫn tự. Thật ra, nói là tin hay nghi là do tâm trí nương tựa, do tâm trí sanh ra. Từ chỗ nương vào và chỗ xuất sanh, sẽ sanh ra phương tiện: Một đặng là nghi, một đặng là chẳng nghi. Người chẳng nghi mới chính là hành vi của bậc trí, còn nghi là chuyện phàm phu sẽ làm. Cùng là một tâm niệm, mọi người hãy khéo quan sát!

*(Kinh) Hiền Hộ! Thị vi bỉ thiện nam tử, thiện nữ nhân cụ túc
như thượng thập chủng pháp dĩ, ưng đương tu tập như thị tam-muội,
diệt linh tha nhân thọ trì, độc tụng. Như thị hành giả, đương đắc bát
sự. Hà đẳng vi bát?*

**(經)賢護！是為彼善男子善女人，具足如上十種法已
，應當修習如是三昧，亦令他人受持讀誦。如是行者，當
得八事。何等為八？**

*(Kinh: Nay Hiền Hộ! Đây là thiện nam tử, thiện nữ nhân trọn đủ
mười pháp như trên rồi, hãy nên tu tập tam-muội như thế, và cũng khiến
cho người khác thọ trì, đọc tụng. Hành giả như thế, sẽ đạt được tám sự.
Nhưng gì là tám?)*

Mười pháp trên đây khi chúng ta trao đổi với người khác, phải nên tư duy, quan sát. Như thế thì mới có sự thiện xảo trong trao đổi. Tiếp đó,

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiện Hộ Kinh giảng ký 2

[đức Thế Tôn] dạy: “*Như thị hành giả, đương đắc bát sự*” (Hành giả như thế sẽ đạt được tám sự), tức là sẽ có tám sự hiển hiện. Các vị thiện tri thức ơi! Trong lúc học tập thì chúng ta học tập, nhưng sau đó, vẫn hy vọng mọi người thường tư duy, quan sát, thường nghĩ đến pháp tắc Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội.

(Kinh) Nhất giả, tất cánh thanh tịnh, u chư cấm giới, vô hủy phạm cố.

(經)一者、畢竟清淨，於諸禁戒，無毀犯故。

(Kinh: Một là rốt ráo thanh tịnh, chẳng hủy phạm các giới cấm).

Nói theo bản chất, hết thấy chúng sanh chẳng trì giới, mà cũng chẳng phạm giới, chẳng có giới để có thể trì, chẳng có giới để có thể phạm. Vì nhân duyên hiện tiền trong Tục Đệ, trong mỗi pháp bốn vị đều có pháp tắc, đều có giới cấm. Tức là bản thân mỗi người chúng ta đều có thân phận cụ thể của chính mình và những điều cần phải thủ hộ. Như hàng xuất gia, tại gia, tỳ-kheo, sa-di, tỳ-kheo-ni, sa-di-ni, [mỗi loại đều có các giới phải vâng giữ như] cận trụ giới, tại gia ngũ giới, thập giới, Bồ Tát giới v.v... Trong pháp bốn vị đều có sự thủ hộ; nhưng “*tất cánh thanh tịnh*” (rốt ráo thanh tịnh) có cội nguồn là thanh tịnh. Trong pháp bốn vị, có trì, có phạm. Nếu chẳng phạm giới cấm, trong đời hiện tại, chúng ta sẽ đạt được pháp tắc tương ứng với an lạc.

(Kinh) Nhị giả, tri kiến thanh tịnh, trí huệ hòa hợp, bất dữ dư tương ứng cố.

(經)二者、知見清淨，智慧和合，不與餘相應故。

(Kinh: Hai là tri kiến thanh tịnh, trí huệ hòa hợp, do chẳng tương ứng với những điều khác).

Vận dụng tâm trí trí huệ để hành pháp, tức chẳng nhiễm, chẳng đắm. Đương nhiên là như vậy thì cũng sẽ thành thực tri kiến thanh tịnh. Trong sự tìm cầu cái duyên bên ngoài, chẳng hạn như mọi người đàm luận khá nhiều “ai có cảnh giới chi đó, nhận biết sắc thân chi đó, nhận biết ý thức, nhận biết tướng cảnh giới ngoại duyên” v.v... Các điều ấy chẳng có mấy may liên quan đến tri kiến phát tâm thanh tịnh. Có người cảm thấy khinh an, có người cảm thấy thô nặng, có người cảm thấy buồn ngủ, có người cảm nhận bệnh tật. Các điều ấy thật sự chẳng liên quan

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

đền tri kiến thanh tịnh. Mục đích của chúng ta rõ ràng, tiến thẳng đến mục đích, chẳng vướng mắc. Tri kiến ấy phải nên mười phần rõ rệt. Đối với những cái ở giữa đường như “*cảm nhận, cảnh giới, ngoại duyên*”, chẳng vướng bận vì những thứ đó. Như thế là “*bất dữ dư tương ứng*” (chẳng tương ứng với các thứ khác), chính là phương tiện chúng tam-muội này, mà cũng là một con đường tắt. Chúng ta hành Ban Châu, bao gồm hành trong một ngày, một đêm, cơ bản đều là bị chướng ngại tại chỗ này. Chẳng hạn như đau đốn xảy đến, người ta bắt đầu dồn sức chú ý vào nơi đau đốn, tức là chẳng có một niệm thanh tịnh “*chẳng lập một niệm, đoạn các tướng*”!

Tri kiến thanh tịnh chẳng nhiễm, chẳng chấp, rõ ràng, rành rẽ. “*Thấy Phật*” là như người trong Tông Môn đã nói: “*Tiền niệm bất sanh, hậu niệm bất diệt*”. Cái thật sự được thủ hộ là “*các tướng vô tướng, vốn sẵn thấy Phật*”. Quý vị nói: “Như vậy thì chẳng trở thành Thiên Tông ư?” Quý vị có thể không quan tâm, chẳng vướng vào ngôn thuyết ấy, sẽ là “*vô sở đắc niệm Phật*” rất thuận tiện. Nhưng nếu như chân đau sẽ bóp chân, đùi đau liền xoa đùi, mệt bèn phải dựa, ngừng lại, điều ấy chẳng hợp với trí huệ, sẽ chẳng thấy thấu suốt “*pháp chẳng có tự tánh*”, chẳng thấy thấu suốt pháp vốn chẳng sanh diệt, vốn chẳng cảm nhận, mà cũng là vốn chẳng có đau khổ. Đã “*vốn chẳng có*” thì vì sao hiện thời lại hiện ra sự đau khổ? Đối diện các huyễn nghiệp như thế, hãy chẳng nhiễm, chẳng chấp, hành nhân sẽ an lạc. Vì nó là nghiệp tướng nhân duyên từ Dị Thực Quả trong sát-na đó thôi, chẳng hề có thực chất, sẽ chẳng [tồn tại] lâu dài. Một khi chúng ta đối với mỗi chuyện ấy mà vượt qua được, bản chất của nó sẽ tự nhiên hiển lộ, tức là bản chất “*pháp chẳng có tự tánh*” sẽ tự nhiên bộc lộ, chư Phật tự nhiên hiện tiền, giống như nước hoặc gương soi vật.

Chuyện này đích xác cần phải không ngừng tu tập thì mới có thể thuần thực, lần này sang lần khác, không ngừng quan sát, không ngừng vận dụng. Chúng ta chỉ học một số lý luận, mà chẳng thực hiện, đúng là chẳng có ý nghĩa gì hết! Lý giải chỗ này quả thật cũng chẳng có ý nghĩa. Hãy nên nương theo chánh tri kiến, tri kiến thanh tịnh, nương theo trí huệ để hành. Chỉ nói suông, chỉ nghe suông, thì chỉ là duyên khởi. Nếu chẳng hành trì, sẽ hết sức khó có thể đích thân chứng đắc. Vì thế, đối với pháp này, phải nên thường hành, hành nhiều! Hiện thời, nếu có thể thật sự kinh hành Ban Châu, thật sự là phước báo, kinh hành vào lúc nào? Chắc là chúng ta trong mỗi thời khắc đều chẳng đánh mất ý niệm, chẳng đắm nhiễm. Đó là hành Ban Châu rất tốt đẹp, mọi người hãy nên khích

lệ lẫn nhau. Trước khi chúng ta chứng được lợi ích từ pháp tắc, hãy nên sanh lòng hổ thẹn to lớn, vì pháp chẳng tương ứng. Tuy mọi người thường nghe nói và trao đổi pháp tắc này, nhưng trước khi thật sự thành tựu lợi ích, đều phải nên sanh lòng hổ thẹn.

(Kinh) Tam giả, trí huệ thanh tịnh, cánh bất phục thọ chư hậu hữu cố.

(經)三者、智慧清淨，更不復受諸後有故。

(Kinh: Ba là trí huệ thanh tịnh vì chẳng còn nhận lấy các hậu hữu nữa).

Trong phần trước nói về tri kiến thanh tịnh; ở đây, nói đến trí huệ thanh tịnh. Trí huệ thanh tịnh được kiến lập trên “*chẳng tạo hậu hữu*”. Chư vị Bồ Tát ai nấy hãy nên xem kỹ, xét kỹ. Nếu ngày mai chẳng có bất cứ nhân duyên thế tục nào để quý vị tiền nhập, quý vị có sanh lòng sợ hãi hay không? Nếu tất cả hành vi của ngày mai, chỉ là lợi ích hữu tình trong thế gian, [khi đó], “*hậu hữu*” chính là sự tiếp nối không có hậu hữu, là sự tiếp nối trí huệ, hoặc là sự tiếp nối từ bi. Chúng ta thường là tiếp nối hậu hữu, cũng chính là nghiệp tiếp nối. Nếu đối với nghiệp tiếp nối mà nầy sanh cái tâm “*đoạn ngang, thoát ra theo chiều ngang*” (hoành đoạn, hoành xuất), sẽ chẳng khó thủ hộ trí huệ thanh tịnh.

Khi chúng ta vẫn còn vì bản thân tạo nghiệp, tính toán được mất cho bản thân, đó chính là tướng hậu hữu, là hạnh nhiễm ô, là chẳng có trí huệ. Thiền sư Khuê Phong nói Bồ Đề tâm có ba loại tướng. Trong ấy, bậc đại trí thì trên là chẳng có chư Phật để có thể thành, giữa là chẳng có pháp để có thể tu, dưới là chẳng có chúng sanh để có thể độ. Tướng như thế là tướng “*đại trí, không, tịnh, vô ngại*”. Nếu chúng ta vẫn thiết lập một cái hậu hữu, nói ngày mai, ngày một sẽ làm gì đó, sẽ chẳng có sức thủ hộ tâm thanh tịnh và tâm trí huệ ngay trong hiện tiền. Nếu đối với sự phát tâm, chúng ta vận dụng trí huệ và từ bi để tiếp tục, đó chính là thủ hộ Bồ Đề tâm. Tức là trong sanh mạng của hậu hữu mà tiếp nối hai pháp bi và trí, sẽ chẳng lìa cái thân do cha mẹ sanh ra mà thành tựu Bồ Đề. Tâm niệm vừa chuyển, cái thân tạo nghiệp này sẽ trở thành thân bi trí, có thể lợi ích rộng khắp thế gian. Điều này hết sức rõ ràng!

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Trong gia hạnh²⁷ của Tạng truyền Phật giáo, tâm chán lìa và triệt để lìa bỏ sự an lạc cho cái thân này, tức hết thấy các tâm hưởng thụ và an lạc. Đó là hai gia hạnh cơ bản nhất. Nếu không, thượng sư sẽ tuyệt đối chẳng truyền pháp cho quý vị. Khi tôi vừa mới xuất gia, có một vị Bồ Tát bảo tôi: “Nếu muốn thân này thật sự có thành tựu trong Phật pháp, thầy phải lìa bỏ bất cứ nghiệp tương đấm nhiễm nơi thân này. Nếu không, sẽ chẳng thể có thành tựu”. Khi ấy, tôi có cảm giác kinh hãi. Đối với chuyện triệt để lìa bỏ sự thọ dụng vật chất và tinh thần nơi thân này, vẫn còn có các nỗi băn khoăn, mờ mịt. Trải qua một thời gian tu tập, cho đến khi gặp được cơ chế giáo ngôn của A Di Đà Phật, mới biết được sự thiện xảo do đoạn ngang, thoát ra theo chiều ngang, cũng như chọn lựa “*chẳng tạo hậu hữu*” của bậc thánh như A La Hán đã chứng quả là ở chỗ nào. Chính là ngay trong việc chẳng còn tiếp nối các nghiệp thiện, ác, vô ký của chính mình và tiếp nối hai pháp bí trí, như pháp sư Đàm Loan đã dạy: “*Dĩ Phật nguyện vi sanh mạng, khởi khả tư nghị?*” Tức là dùng Phật nguyện để duy trì sanh mạng thì sẽ là chẳng thể nghĩ bàn; nhưng nếu chúng ta nương theo nghiệp lực của chính mình, nương vào tham, sân, si, mạn, nghi, tri kiến chẳng chánh đáng để tiếp nối sanh mạng thì sẽ có hậu hữu. Hãy nên quán kỹ điều này!

(Kinh) Tứ giả, thí dữ thanh tịnh, bất nguyện nhất thiết chư hành quả báo cố.

²⁷ Gia Hạnh còn gọi là Phương Tiện, hoặc Tứ Du Già. Gia Hạnh có nghĩa là “*gia công dụng hạnh*”, tức là các hạnh tương ứng nhằm phụ trợ cho chánh hạnh thành tựu, là các hạnh cần phải thành tựu để làm tiền đề cho chánh hạnh. Thông thường, Gia Hạnh có bốn món là Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế Đệ Nhất, gọi gộp chung là Tứ Gia Hạnh. Nếu kể thêm Tư Lương, Ngũ Đình Tâm Quán và Niệm Xứ thì thành Thất Gia Hạnh. Sau Thất Gia Hạnh là các địa vị Kiến Đạo, Tu Đạo, và Vô Học Đạo. Trong Tạng truyền Phật giáo, Gia Hạnh phải hiểu là các pháp tu chuẩn bị (thường gọi là Ngöndro, tức “*tiền phương tiện*” hoặc “*tu trì cơ bản*”) trước khi được truyền thụ quán đánh tu học một mật pháp (khác với các pháp quán đánh thường tổ chức tập thể, mang tính chất kết duyên như nghi lễ quán đánh (empowerment ritual) Kalachakra do Đại Lai Lạt Ma chủ trì, hoặc các nghi lễ quán đánh do các đoàn Lạt-ma ghé thăm các thành phố tổ chức). Mục đích của gia hạnh là cảm nhận “*thân người khó được, quán cái chết là vô thường, nhân quả nghiệp lực, lỗi họa do luân hồi*” nhằm thanh tịnh thân tâm, tiêu trừ nghiệp chướng, nhằm tương ứng với Bốn Tôn. Tùy theo tông phái, Gia Hạnh có nhiều loại khác nhau, nhưng chủ yếu là quy y lễ bái, cúng dường Mạn Đà La, tụng Bách Tự Chú Chân Ngôn của Kim Cang Tát Đóa, tu Guruyoga... Thông thường, hành giả thật sự bé quan hành trì Ngöndro thì phải cần mất từ ba năm cho đến năm năm mới hoàn tất yêu cầu.

(經)四者、施與清淨，不願一切諸行果報故。

(Kinh: Bốn là bố thí thành tựu, chẳng mong quả báo từ hết thấy các việc đã làm).

Ở đây là nói đối với hết thấy bố thí, đều chẳng mong được báo đền. Trong quá trình bố thí, chúng ta chẳng cầu được báo đền là điều rất quan trọng. Cũng giống như vậy, trong quá trình hành pháp, nếu nóng lòng mong đạt được điều gì, do nôn nóng về hậu quả và lợi ích, tự tâm cũng sẽ bị ngăn lấp. Hễ có báo đền, cùng với tiếng tăm, lợi dưỡng, thì đều là giáo dục thế gian. [Giáo dục thế gian là] “nếu đã làm gì, đều muốn được báo đáp”. Nếu chẳng được báo đáp, người ta sẽ sanh lòng oán. Chẳng hạn như nói: “Ta đã bỏ ra bao nhiêu công sức, sao mà chẳng đạt được gì?” Đó là tâm lý thông thường của phàm phu!

“*Thí dĩ thanh tịnh*” (Bố thí thanh tịnh) ở đây là chẳng cầu báo đáp. Chúng ta có thể xét kỹ tất cả những gì chính mình đã làm có phải là chẳng hề cầu được báo đền hay không? Nếu triệt để liễu thoát ngay trong mỗi hành vi, chẳng có hậu hữu, chẳng dính mắc, chẳng có tâm mong được báo đền, chẳng tìm cầu được báo đền, chẳng lập bày vọng tưởng được báo đền, chúng ta làm được như thế sẽ vô úy, chẳng truy cầu lợi lộc, chẳng so đo được mất. Cái tâm “*được, mất*” là khởi đầu căn bản của hết thấy các pháp trong tâm phàm phu. Hết thấy hành vi của phàm phu đều chẳng lìa khỏi cái tâm ấy; nhưng nếu hành vi của chúng ta thật sự chẳng còn so đo “*được, mất*”, sự bố thí thanh tịnh sẽ tự nhiên hiện ra. Các phần kinh văn này hoàn toàn có tánh cách đối trị tri kiến của hữu tình phàm phu, và cũng hết sức cụ thể. Trong cuộc sống bình thời, mọi người đều có thể tự mình xét kỹ.

Chẳng mong được báo đền, thường là nói rất đơn giản, nhưng trong phàm tình, chẳng cầu được báo đền là tâm lý như thế nào? Hào phóng ư? Vô tư ư? Vô ngã ư? Nếu đúng là một vật mà quý vị thật sự ưa thích, tham ái, hay là tôn trọng, quý vị có thể bỏ ra hay không? Ngày hôm qua, có một vị pháp sư nói, khi ông ta sống ở Chung Nam Sơn, gặp cường đạo đoạt y bát, khi đó, ông ta phải nên đối diện vấn đề như thế nào? Có nên đưa cho hắn hay không? Vấn đề ấy ông ta đã hỏi rất nhiều người. Có tỳ-kheo nói đưa hết cho kẻ cướp, có người nói hãy chế phục hắn, cũng có người nói “*thà xả thân mạng, cũng chẳng thể xả y bát*”. Nói theo các kiểu khác nhau! Chúng ta xem xét vấn đề ấy như thế nào? Trong Tứ Phần Luật Tạng có giải thích chuyện này. Người thật sự chẳng

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

cầu được báo đền, sẽ hành xử rất vô úy. Vô tư chính là vô úy, khẳng định chẳng có tâm trí ủy khuất hoặc chỉ trích. Kẻ thường ủy khuất sẽ ủy khuất ở chỗ báo đền; do chẳng được báo đền tương ứng, sẽ cảm thấy ủy khuất. Do đó, “*thí dữ thanh tịnh*” (bố thí thanh tịnh) là một pháp tắc to lớn mà người xuất gia lẫn tại gia chúng ta đều phải nên xét kỹ. Trong tám pháp và mười pháp này, đức Thế Tôn đều nói về các nội dung mười phần cụ thể trong cuộc sống của chúng ta, cũng như khuyết điểm dễ phạm nhất, hoặc là tri kiến dễ dàng cưỡng chấp nhất. Ở đây, mỗi điều đều được nêu rõ!

(Kinh) Ngũ giả, đa văn thanh tịnh, ký văn pháp dĩ, tất cánh bất vong cố.

(經)五者、多聞清淨，既聞法已，畢竟不忘故。

(Kinh: Năm là đa văn thanh tịnh, do đã nghe pháp sẽ rốt ráo chẳng quên).

Trong tâm trí bất xả pháp, nghe nhiều các pháp chính là thiện xảo. Nghe mà chẳng nhiệm, cơ duyên thành thực liền có thể hành trì; đó là phương tiện. Vì thế, “*đa văn thanh tịnh*” rất trọng yếu. Đa văn chẳng trở thành gánh nặng, chẳng trở thành kiêu mạn. Hễ cơ duyên chín muồi, bèn có thể hành trì, hoặc là bố thí cho người khác, rộng truyền trong thế gian. Đó đều là thiện xảo. Có người sau khi tiếp xúc pháp, tiếp xúc với nhiều người khác, sẽ sanh lòng kiêu mạn, tà kiến, tức là đa văn chẳng thanh tịnh, vì do đa văn của chính mình mà sanh tâm kiêu mạn, tâm tà kiến, tâm cao thấp. Như thế thì sẽ ô nhiễm pháp tắc này.

(Kinh) Lục giả, tinh tấn thanh tịnh, u nhất thiết thời, cầu Phật Bồ Đề cố.

(經)六者、精進清淨，於一切時，求佛菩提故。

(Kinh: Sáu là tinh tấn thanh tịnh, do trong hết thảy mọi lúc đều cầu Phật Bồ Đề).

Các pháp tắc đã thủ hộ đều phổ giai hồi hướng (hồi hướng trọn khắp) A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, chỉ nương theo tâm tối thượng thừa, chẳng vì cầu chi khác, chẳng đọa vào thứ gì khác. Đó là “*tinh tấn thanh tịnh*”. Trong tâm trí tam thừa, có Thanh Văn Bồ Đề tâm, Duyên Giác Bồ Đề tâm, cho đến Phật Bồ Đề tâm. Ở đây, chỉ nói “*cầu*

Phật Bồ Đề”, tức là cầu tối thượng thừa tâm, vì tinh tấn, hãy đừng nên bỏ hoặc đánh mất cái tâm ấy.

(Kinh) Thất giả, viễn ly thanh tịnh, w nhất thiết danh lợi, bất nhiễm trước cố.

(經)七者、遠離清淨，於一切名利，不染著故。

(Kinh: Bảy là xa lìa thanh tịnh, do đối với hết thấy danh lợi, chẳng đắm nhiễm).

Trong cơ chế Phật pháp, chúng ta cũng thấy tiếng tăm, lợi dưỡng. Nếu hơi có chánh hạnh, đối với pháp tắc có đôi chút tương tự tu tập, danh lợi sẽ theo ngay đến. Chẳng chú ý đôi chút, sẽ bị danh lợi làm hại, bị nhiễm danh lợi, bị danh lợi nhuốm bản. Do đó, phải nên “*viễn ly thanh tịnh*”.

(Kinh) Bát giả, bất thoái thanh tịnh, đương đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, sơ bất động dao cố.

(經)八者、不退清淨，當得阿耨多羅三藐三菩提，初不動搖故。

(Kinh: Tám là bất thoái thanh tịnh, sẽ đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề vì thoát đầu chẳng dao động).

Thoạt đầu chẳng thể dao động. Thật ra, A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm, tức Vô Thượng Bồ Đề tâm, từ sơ phát tâm mãi cho đến khi thành tựu đều là cùng một tâm trí, cho nên nói “*phát tâm, liền thành Phật*”. Đã là “*phát tâm liền thành Phật*”, cho nên cần phải mười phần hiểu rõ sự phát tâm này. Đó là “*bất thoái thanh tịnh*”.

(Kinh) Hiền Hộ! Thị vi bỉ thiện nam tử, thiện nữ nhân, sở hoạch bát pháp dã.

(經)賢護！是為彼善男子善女人，所獲八法也。」。

(Kinh: Này Hiền Hộ! Đó là tám pháp mà thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đạt được).

“*Hoạch*” là sẽ thủ hộ, sẽ tu tập, sẽ thành tựu. Đúng là các kinh điển ấy phải thường nên đọc; mọi người ở chùa Phóng Quang đã đọc suốt một tháng. Sau đó, chúng tôi lại nhắc nhở từng điều, không gì chẳng nhằm khiến cho kinh điển Ban Châu có thể lưu truyền rộng rãi trong cõi đời, khiến cho mọi người có thể nương theo kinh mà hành, nương theo pháp mà hành, đúng pháp mà hành, đúng pháp mà thành tựu. Như thế thì sẽ chẳng đi đường vòng, tránh khỏi khổ sở vô ích mà tiến nhập Bồ Đề.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn vị trùng minh thử nghĩa, dĩ thuyết kệ viết: - Trí nhân bất khởi hữu tướng tướng, diệt đương trừ mạn cập ngã tâm. Ư thâm nhẫn trung vô thủ trước, bỉ năng tốc tuyên thử tam-muội. Không trung bốn cầu diệt tránh căn, Niết Bàn vô tướng đại tịch định. Ư Phật vô hiềm, bất bán pháp, bỉ năng tốc tuyên thử tam-muội.

(經)爾時，世尊爲重明此義，以說偈曰：「智人不起有相想，亦當除慢及我心。於深忍中無取著，彼能速宣此三昧。空中本求滅淨根，涅槃無相大寂定。於佛無嫌不謗法，彼能速宣此三昧。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn vì muốn nói rõ lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng: - Người trí chẳng dấy hữu tướng tướng, cũng sẽ trừ mạn, tâm chấp ngã. Đối với nhẫn sâu chẳng chấp giữ, người ấy mau tuyên tam-muội này. Trong Không, vốn cầu gốc diệt tránh, Niết Bàn vô tướng đại tịch định, chẳng hiềm trách Phật, chẳng bán pháp. Người ấy mau tuyên tam-muội này).

Nói rõ tâm trí phải nên thủ hộ trong khi tuyên nói pháp tam-muội này.

(Kinh) Trí giả bất hưng tật đồ ý, niệm Phật tri ân cập Pháp, Tăng. Sở sanh hàng phục vô thiên di, như thị tịch tĩnh trì tam-muội. Vô hữu tật đồ, diệt vô nghi, tư duy thâm pháp chân thật tín. Tinh tấn bất giải, ly chư dục. Bỉ năng như thị đắc tam-muội.

(經)智者不興嫉妒意，念佛知恩及法僧。所生降伏無遷移，如是寂靜持三昧。無有嫉妒亦無疑，思惟深法真實信。精進不懈離諸欲，彼能如是得三昧。

(Kinh: Người trí chẳng dấy ý ghen tỵ, nghĩ tưởng biết ơn Phật, Pháp, Tăng, sở sanh hàng phục chẳng dời chuyển, tịch tĩnh trì tam-muội như thế. Chẳng có ghen tỵ cũng chẳng nghi, tư duy pháp sâu, tin chân thật. Tinh tấn chẳng lười, lìa các dục. Ai được như thế, đắc tam-muội).

Trong kệ tụng có “tuyên tam-muội”, “trì tam-muội”, và “đắc tam-muội”. Thứ tự thuyết pháp ấy chẳng ngoài từ cầu pháp, đọc tụng, truyền bá, giải nói, đích thân chứng lợi ích của pháp tắc, mà lập ra các thứ pháp tắc để ấn khế tự tâm của chúng ta. Trong ấy, có rất nhiều toa thuốc để trị các loại bệnh tật của chúng ta, nhưng đôi với ghen tỵ và kiêu mạn, kinh này hết sức chú trọng nhắc nhở. Ngoài ra, cũng đặc biệt nhắc tới tinh tấn, nhưng trong sự thủ hộ vô thượng thừa thì [tinh tấn] chính là tinh tấn thiện xảo.

(Kinh) Thường hành tỳ-kheo khát thực pháp, xả chư biệt thỉnh hưởng cầu tài! Đoạn trừ cấu nhiễm, chứng Chân Như. Bĩ năng như thị đắc tam-muội.

(經)常行比丘乞食法，舍諸別請況求財。斷除垢染證真如，彼能如是得三昧。

(Kinh: Thường hành pháp khát thực của Tăng, bỏ các thỉnh riêng, hưởng cầu tài! Đoạn trừ cấu nhiễm, chứng Chân Như. Người được như thế, đắc tam-muội).

“Khát thực pháp” trên thực tế là pháp lìa bỏ các kiêu mạn, cũng là pháp tắc lìa bỏ tham cầu an nhàn. “Xả chư biệt thỉnh, hưởng cầu tài” (Bỏ các lời thỉnh nhận cúng dường riêng, hưởng hồ cầu tài vật): Người xuất gia hoặc người hành pháp nếu tham lam các món tài vật, lỗi họa vô cùng, sẽ khiến cho người ấy mang gánh nặng trầm trọng, trì hoãn cơ hội thành đạo của chính mình.

(Kinh) Thùy năng hữu thử tam-ma-đề, ngã ưng thính thọ, quảng lưu bố, u giáo sư sở khởi Phật tướng. Bỉ năng như thị, đắc tam-muội.

(經)誰能有此三摩提，我應聽受廣流佈。於教師所起佛想，彼能如是得三昧。

(Kinh: Hễ ai có tam-ma-đề này, ta nên nghe nhận, lưu truyền rộng, đối với người dạy tướng như Phật, người được như thế, đắc tam-muội).

Tam-ma-đề là thành tựu và an trụ tam-muội. Người hành pháp trong hiện thời đông đảo như thế, nếu có người thật sự chứng pháp tắc tam-ma-đề an lạc, hãy nên thỉnh vị thiện tri thức như vậy lợi ích rộng khắp thế gian. “*U giáo sư sở, khởi Phật tướng*” (Đối với thầy dạy tướng như Phật): Hiện thời, trong Hán truyền Phật giáo, lòng tôn trọng đối với thầy, đối với sự dạy bảo của thầy vẫn khá yếu ớt, còn Tạng truyền Phật giáo thì chuyện xem xét, nhận biết thầy là một vấn đề mười phần trọng yếu, cũng có thể nói là một vấn đề trọng yếu hàng đầu. Vì nếu chẳng tưởng thầy như Phật, chuyện đạt được pháp ích và lưu thông [Phật pháp] sẽ bị trở ngại. Trên thực tế, sự nghĩ tưởng ấy chẳng phải nghĩ tưởng sai lầm, chúng ta tuyên nói phải tương ứng khế hợp pháp thể thì mới có thể đạt được sự gia trì thật sự trong Phật pháp.

(Kinh) Nhược nhân tu hành thử tam-muội, đương cụ công đức siêu thế gian.

(經)若人修行此三昧，當具功德超世間。

(Kinh: Nếu ai tu hành tam-muội này, sẽ có công đức siêu thế gian).

“*Đương cụ công đức siêu thế gian*” (Sẽ có công đức vượt xa thế gian): Giáo ngôn xuất thế của đức Thế Tôn, tuyệt đối chẳng phải chỉ đơn giản là tăng ích thế gian, mà vì khiến cho hữu tình trong thế gian thật sự xét kỹ thế gian, vượt khỏi pháp tắc thế gian. Nếu chẳng vậy, chúng ta sẽ coi Phật pháp thành giáo pháp nhân gian, đồng hóa Phật pháp, tức là thế tục hóa Phật pháp. Đây cũng là một vấn đề đặc biệt to lớn trong hiện thực.

(Kinh) Bĩ ưng tốc thọ bát chủng pháp, xung chư Phật tâm tịnh vô cấu.

(經)彼應速受八種法，稱諸佛心淨無垢。

(Kinh: Hãy nên mau thọ tám loại pháp, khen tâm chư Phật sạch chẳng nhơ).

Chúng ta nếu có thể tùy thuận chư Phật, như thế thì sẽ tự nhiên siêu việt các cấu chướng nghiệp duyên.

(Kinh) Trì giới thanh tịnh vô hữu biên, tam-muội Bồ Đề cấp thắng kiến, bĩ năng thanh tịnh chư hữu trung, trụ dĩ tối diệu công đức tụ.

(經)持戒清淨無有邊，三昧菩提及勝見。彼能清淨諸有中，住以最妙功德聚。

(Kinh: Trì giới thanh tịnh chẳng ngăn mé, tam-muội Bồ Đề và thắng kiến, ai hay thanh tịnh trong các hữu, trụ khỏi công đức mâu nhiệm nhất).

Hai câu kệ này đặc biệt ngắn gọn nêu ra: “*Thanh tịnh chư hữu trung*” (Thanh tịnh trong các hữu). Nếu chúng ta vô nhiễm trong các hữu, tức là thanh tịnh. Nếu có nhiễm, tức là đắm nhiễm trong các Hữu. Nếu đắm nhiễm trong các Hữu, hết thảy các thứ sanh ra đều là nghiệp tướng liên tục.

Nếu chẳng đắm, chẳng nhiễm trong các Hữu, thanh tịnh an lập, tự nhiên sẽ là công đức thù thắng, nhiệm mâu, tức cái gọi là “*tối diệu công đức tụ*” (khỏi công đức nhiệm mâu nhất). Vì thế, trong nghiệp tướng hiện duyên này, chúng ta nương theo hai pháp là nhiễm hoặc chẳng nhiễm, đạt được thanh tịnh hay không thanh tịnh, diệu dụng và nghiệp tiếp nối.

(Kinh) Trí huệ thanh tịnh bất thọ hữu, bố thí ly cấu nhập vô vi.

(經)智慧清淨不受有，佈施離垢入無爲。

(Kinh: Trí huệ thanh tịnh, chẳng thọ hữu. Bố thí lìa cấu, nhập vô vi).

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Kệ tụng chủ yếu là trùng tuyên nội dung của phần Trường Hàng trước đó, cho nên chúng ta đọc sẽ thấy có ý trùng lặp. Thật ra, chẳng phải vậy. Giáo ngôn trong Phật pháp dầu một câu nói mười lần, vẫn là dần dần thâm nhập nhiều hơn, vi tế hơn, thuần thực hơn, đừng nghĩ là trùng lặp!

(Kinh) Đắc bỉ đa văn vị tăng vong, kỳ vi trí nhân công đức tạng.

(經)得彼多聞未曾忘，其爲智人功德藏。

(Kinh: Đạt được đa văn chưa từng quên, là tạng công đức của bậc trí).

Trong Hậu Đắc Trí, nếu chẳng có pháp đa văn, chúng ta rất khó thành tựu cái gọi là Bất Không Trí. Vì trong pháp Tu Đức, tức là pháp tác lợi lạc thế gian, trong những hành vi hiện tiền, vẫn cần phải được truyền dạy, huân tập, cần phải lắng nghe.

(Kinh) Dũng mãnh tinh tấn đắc Bồ Đề, u thế danh lợi bất tham nhiễm, nhược chư trí giả thiện hành thử, bỉ nhập vô thượng thâm diệu Thiền.

(經)勇猛精進得菩提，於世名利不貪染。若諸智者善行此，彼入無上深妙禪」。

(Kinh: Dũng mãnh tinh tấn đắc Bồ Đề, chẳng tham đắm danh lợi thế gian, nếu bậc trí khéo hành pháp này, sẽ nhập vô thượng thâm diệu Thiền).

Vẫn là không ngừng nêu ra chẳng nhiễm, chẳng chấp, đoạn trừ Hậu Hữu, duy trì bi trí, tiếp tục truyền pháp, tiếp tục hành pháp, nhưng chẳng trụ trong nghiệp tướng liên tục. Chúng ta thấy trọng điểm được tuyên nói trong mười pháp và tám pháp ấy chính là trừ kiêu mạn, là ghen tỵ, chẳng cầu được báo đền, chẳng đắm nhiễm trong các Hữu, thủ hộ Vô Thượng Bồ Đề, nhưng chẳng tham thế gian, đã lựa chọn Vô Thượng Bồ Đề, đừng tham pháp khác, chẳng hành pháp khác v.v...

18. Phẩm thứ mười bốn: Bất Cộng Công Đức

Trong phẩm này, đức Thế Tôn tán thán pháp tác mười tám môn Bất Cộng và Thập Lục của chư Phật Như Lai, khuyên Bồ Tát tán tu pháp

này, thành tựu Bồ Đề. Nếu giải thích chi tiết các danh tướng trong phẩm này, lời giải thích sẽ có phân lượng hết sức lớn, cho nên ở đây chúng ta hãy cùng đọc.

(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần Bất Cộng Công Đức phẩm đệ thập tứ.

Nhĩ thời, Thế Tôn phục cáo Hiền Hộ Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn: - Hiền Hộ! Bỉ chư Bồ Tát Ma Ha Tát, phục đương thành tựu thập bát bất cộng pháp.

(經)大方等大集賢護分不共功德品第十四。

爾時，世尊復告賢護菩薩摩訶薩言：「賢護！彼諸菩薩摩訶薩，復當成就十八不共法。」

(Kinh: Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần. Phẩm thứ mười bốn: Công Đức Bất Cộng.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn lại bảo Hiền Hộ Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: - Nay Hiền Hộ! Các vị Bồ Tát Ma Ha Tát ấy lại nên thành tựu mười tám pháp bất cộng).

Mười tám pháp bất cộng được viên thành khi chư Phật Thế Tôn trọn đủ mười hiệu.

(Kinh) Hà đẳng danh vi bất cộng pháp dã? Sở vị Như Lai sơ thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, nãi chí bát Niết Bàn, u kỳ trung gian, Như Lai sở hữu tam nghiệp, trí huệ vi thủ. Nhất thiết thân nghiệp tùy trí huệ hành. Nhất thiết khẩu nghiệp tùy trí huệ hành. Nhất thiết ý nghiệp tùy trí huệ hành. Hựu chư Như Lai tri kiến quá khứ vô hữu chướng ngại, tri kiến vị lai vô hữu chướng ngại, tri kiến hiện tại vô hữu chướng ngại. Hựu chư Như Lai sở vi vô hữu thác mậu, ngôn vô lậu thất, ý vô vọng niệm, vô biệt dị tướng, thường tại tam-muội, vô bất tri dĩ xả. Hựu chư Như Lai ý dục vô giảm, tinh tấn vô giảm, Thiên Định vô giảm, trí huệ vô giảm, giải thoát vô giảm, giải thoát tri kiến vô giảm.

(經)何等名爲不共法也？所謂如來初成阿耨多羅三藐三菩提，乃至般涅槃，於其中間，如來所有三業，智慧爲

首。一切身業隨智慧行。一切口業隨智慧行。一切意業隨智慧行。又諸如來知見過去無有障礙，知見未來無有障礙，知見現在無有障礙。又諸如來所爲無有錯謬，言無漏失，意無妄念，無別異想，常在三昧，無不知已舍。又諸如來意欲無減，精進無減，禪定無減，智慧無減，解脫無減，解脫知見無減。

(Kinh: Những gì là pháp bất cộng? Chính là Như Lai khi mới thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề cho đến lúc nhập Niết Bàn, trong khoảng ấy, tất cả tam nghiệp của Như Lai, trí huệ làm đầu. Hết thấy thân nghiệp thuận theo trí huệ mà hành xử. Hết thấy khẩu nghiệp thuận theo trí huệ mà hành xử. Hết thấy ý nghiệp thuận theo trí huệ mà hành xử. Lại nữa, các đức Như Lai thấy biết quá khứ chẳng có chướng ngại, thấy biết vị lai chẳng có chướng ngại, thấy biết hiện tại chẳng có chướng ngại. Lại nữa, việc làm của các đức Như Lai chẳng sai lầm, lời lẽ chẳng sai sót, ý chẳng có vọng niệm, chẳng nghĩ điều gì khác lạ, thường ở trong tam-muội, không điều gì đã biết mà chẳng xả. Lại nữa, các đức Như Lai ý dục chẳng giảm, tinh tấn chẳng giảm, Thiền Định chẳng giảm, trí huệ chẳng giảm, giải thoát chẳng giảm, giải thoát tri kiến chẳng giảm).

Biết quá khứ, hiện tại, vị lai chẳng chướng ngại, thật sự là do Thiên Nhân Minh, Túc Mạng Minh, và Lưu Tận Minh mà có thể biết thấu triệt. Nay chúng ta nói “vô chướng ngại” tức là đối với nghe nói và suy luận, do phạm phu hữu tình chúng ta thủ hộ phân lượng hữu hạn, cho nên phần nhiều đối với sự hay biết thì bất quá lắng nghe cũng là chẳng thể nghĩ bàn, vì có phương tiện để tu tập hồng tiến nhập. Nếu thật sự đạt được vô ngại lực, sẽ sư tử hống, đối với pháp vô úy, đối với hành vô úy, đối với sự vô úy. Vì thế, Lý vô ngại, Sự vô ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, có thể thật sự tự tại vô ngại!

“Ngôn vô lậu thất, ý vô vọng niệm, vô biệt dị tưởng” (Lời lẽ chẳng sai sót, ý chẳng có vọng niệm, không nghĩ gì khác lạ), khác hẳn hết thấy phạm phu ăn nói sơ sót, ý niệm vọng tưởng, thậm chí đủ loại suy tưởng khác lạ. “Thường tại tam-muội” (Thường ở trong tam-muội):

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Hết thầy chư Phật Như Lai Thế Tôn chẳng ra khỏi tam-muội, dùng sức tự tại an ủi thế gian.

“*Vô bất tri dĩ xả*” tức là tuy biết nhưng đều xả (chẳng chấp trước điều mình hiểu biết). Bọn phàm phu hữu tình chúng ta phần nhiều bị vô minh và vô tri che lấp, chẳng nói tới “xả” được! Chỉ có bậc tròn đủ đức ấy, hiểu rõ chuyện ấy thì mới có thể nói đến Xả. Giống như chúng ta có một món đồ thì mới có thể nói đến xả. Nếu chẳng có đức như thế, chẳng có nhân duyên như thế, sao có thể nói đến xả cho được? Chư Phật Như Lai đã đích thân chúng hết thầy pháp tắc tự tại, cho nên các Ngài có thể đối với những gì đã biết, không gì chẳng xả!

“*Hựu chư Như Lai ý dục vô giảm, tinh tấn vô giảm, Thiền Định vô giảm, trí huệ vô giảm, giải thoát vô giảm, giải thoát tri kiến vô giảm*” (Lại chư Như Lai ý dục chẳng giảm, tinh tấn chẳng giảm, Thiền Định chẳng giảm, trí huệ chẳng giảm, giải thoát chẳng giảm, giải thoát tri kiến chẳng giảm), chúng ta thường nói Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Nếu dùng Đẳng Chánh Giác để giải thích “*vô giảm*” thì khá chuẩn xác. Nếu nói cặn kẽ hơn, sẽ khá rườm rà!

(Kinh) Hiền Hộ! Thị vi Như Lai thập bát bất cộng pháp, bỉ Bồ Tát Ma Ha Tát đương ưng tu tập cụ túc thành mãn.

(經)賢護！是為如來十八不共法，彼菩薩摩訶薩當應修習具足成滿。

(Kinh: Đây Hiền Hộ! Đó là mười tám pháp bất cộng của Như Lai, các vị Bồ Tát Ma Ha Tát ấy hãy nên tu tập trọn đủ, thành tựu viên mãn).

Trước hết, tán thán mười tám món bất cộng thiện xảo của Như Lai, sau đó là khuyên các Bồ Tát tấn tu pháp này.

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu cụ túc thậm thâm nan kiến nhiếp thọ chánh pháp, tức dục tuyên thuyết thị tam-muội giả, ưng đương cánh thọ thập chủng thắng pháp.

(經)復次賢護！若菩薩摩訶薩成就具足甚深難見攝受正法，即欲宣說是三昧者，應當更受十種勝法。

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát thành tựu trọn đủ nhiếp thọ chánh pháp rất sâu khó thấy, nếu muốn tuyên nói tam-muội này, hãy nên thọ thêm mười thứ pháp thù thắng).

Trước tiên là nói về mười tám món bất cộng, sau đó nói đến Thập Lực và bốn món vô úy, dần dần sẽ nói. Vì sao hướng dẫn chúng ta thâm nhập dần dần? Nếu chúng đắc tam-muội, tất nhiên chúng ta sẽ huân tập mười tám món bất cộng và pháp Thập Lực. Nếu chẳng có sức tam-muội, sẽ chỉ là nghe danh tự, chúng ta vẫn chẳng có sức để dính líu được!

(Kinh) Hà đẳng vi thập? Sở vị Như Lai Thập Lực. Vân hà Thập Lực? Hiền Hộ! Thị trung, Như Lai thị xứ phi xứ lực giả, Như Lai w chư xứ phi xứ sự, năng dĩ chánh trí như thật trí cố. Hiền Hộ! Như thị xứ phi xứ sự, Như Lai năng dĩ chánh trí như thật trí giả. Thử tắc Như Lai xứ phi xứ lực. Như Lai đắc thử lực dĩ, trí chân thật xứ, w đại chúng trung, tác sư tử hồng, chuyển đại phạm luân, tích sở vị chuyển. Nhược hữu sa-môn, Bà La Môn, nhược thiên, nhược Phạm, nhược ma, nhược nhân, nhất thiết thế gian, chung vô hữu năng như thị chuyển giả. Hiền Hộ! Thị vị Như Lai đệ nhất trí lực. Bồ Tát Ma Ha Tát ưng đương tu học cụ túc thành mãn.

(經)何等爲十？所謂如來十力。云何十力？賢護！是中，如來是處非處力者，如來於諸處非處事，能以正智如實知故。賢護！如是處非處事，如來能以正智如實知者。此則如來處非處力。如來得此力已，知真實處，於大眾中，作師子吼，轉大梵輪，昔所未轉。若有沙門婆羅門，若天若梵若魔若人，一切世間，終無有能如是轉者。賢護！是爲如來第一智力。菩薩摩訶薩應當修學具足成滿。

(Kinh: Những gì là mười? Nói đến Thập Lực của Như Lai. Thập Lực là gì? Đây Hiền Hộ! Trong ấy, thị xứ phi xứ lực của Như Lai là Như Lai đối với các chuyện thị xứ và phi xứ, có thể dùng chánh trí để biết như thật. Đây Hiền Hộ! Đối với chuyện thị xứ hay phi xứ như thế, Như Lai có thể dùng chánh trí để biết như thật. Đây chính là xứ phi xứ lực của Như Lai. Như Lai đã đạt được sức này, biết chỗ chân thật, ở trong

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

đại chúng, hiện sư tử hống, chuyển đại phạm luân trước kia chưa chuyển. Nếu có Sa-môn, Bà La Môn, hoặc trời, hoặc rồng, hoặc Phạm Vương, hoặc ma, hoặc người, hết thấy thế gian trọn không có ai có thể chuyển như thế. Nay Hiền Hộ! Đó là trí lực thứ nhất của Như Lai, Bồ Tát Ma Ha Tát hãy nên tu học trọn đủ, thành tựu viên mãn).

“*Như Lai xứ phi xứ lực*”: Trong thế gian này, chúng ta đối với mọi chuyện nhận biết là đương cơ hay chẳng phải đương cơ, là tương ứng hay chẳng tương ứng, đều chẳng thể sanh ra sức chân thật²⁸, nhưng chư Phật Như Lai đối với điều này chẳng bị chướng ngại. “*Chuyển đại phạm luân, tích sở vị chuyển*” (Chuyển đại phạm luân trước kia chưa chuyển): Tức là [tuyên nói] pháp chưa từng có. Hết thấy chư Phật Như Lai xuất thế đều tuyên nói rộng rãi, đều là [các pháp] chưa từng có. Tuy tâm ấn của chư Phật Như Lai đã truyền lại chưa hề khác biệt, nhưng các giáo pháp được nói ra đều là pháp chưa từng có.

“*Nhược hữu sa-môn, Bà La Môn, nhược thiên, nhược Phạm, nhược ma, nhược nhân, nhất thiết thế gian, chung vô hữu năng như thị chuyển giả*” (Nếu có sa-môn, Bà La Môn, hoặc trời, hoặc Phạm Vương, hoặc ma, hoặc người, hết thấy thế gian, trọn chẳng có ai có thể chuyển như thế): Vì sao đặt Ma trước người? Chúng ta thường cho rằng nhân loại chắc là tốt đẹp hơn Ma đôi chút, nhưng con người trước khi thoát khỏi sanh tử, phần nhiều là quyến thuộc của ma, bị tử ma, thiên ma, phiền não ma v.v... đủ loại ma quấy rối, gây khó khăn, bị chúng nó sai khiến, trở thành nô dịch. Do vậy, đặt Ma lên trước, người ở sau. Đối với chuyện này, chớ nên sợ hãi, vì chúng ta được gặp Phật pháp, đối với ma pháp lẫn ma cảnh đều chẳng sợ hãi. Vì sao vậy? Do có giáo ngôn oai đức của Phật. “*Bồ Tát Ma Ha Tát ưng đương tu học cụ túc thành mãn*” (Bồ Tát Ma Ha Tát phải nên tu học thành tựu, viên mãn trọn đủ): Trước là tán thán, sau là khuyên tấn tu.

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Thị trung, Như Lai nhất thiết chí xứ đạo lực giả, Như Lai ư nhất thiết xứ đạo sai biệt, giai dĩ chánh trí như thật tri cố. Hiền Hộ! Như thị nhất thiết chí xứ đạo sự, Như Lai năng dĩ chánh trí như thật tri giả. Thử tắc Như Lai chí xứ đạo lực dã. Như Lai đắc thử lực dĩ, tri chân thật xứ, ư đại chúng trung, tác sư tử hống,

²⁸ Chuyện tương ứng, hợp lý, chính xác thì gọi là Xứ (hay Thị Xứ), còn chuyện chẳng tương ứng, chẳng hợp lý thì gọi là Phi Xứ.

chuyển đại phạm luân, tích sở vị chuyển. Nhược chư thế gian, sa-môn, Bà La Môn, nhược thiên, nhược Phạm, nhược ma, nhược nhân, chung vô hữu năng như thị chuyển giả. Hiền Hộ! Thị vi Như Lai đệ nhị trí lực, Bồ Tát Ma Ha Tát ưng đương tu học cụ túc thành mãn.

(經)復次賢護！是中，如來一切至處道力者，如來於一切處道差別，皆以正智如實知故。賢護！如是一切至處道事，如來能以正智如實知者。此則如來至處道力也。如來得此力已，知真實處，於大衆中，作師子吼，轉大梵輪，昔所未轉。若諸世間沙門婆羅門，若天若梵若魔若人，終無有能如是轉者。賢護！是爲如來第二智力，菩薩摩訶薩應當修學具足成滿。

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Trong ấy, nhất thiết chí xú đạo lực (sức đến hết thấy các chỗ, các đường) của Như Lai là Như Lai trong hết thấy các chốn, các đường sai biệt, đều dùng chánh trí như thật mà biết. Nay Hiền Hộ! Đối với chuyện tới hết thấy các chốn, các đường như thế, Như Lai có thể dùng chánh trí để biết như thật. Đó chính là “chí xú đạo lực” của Như Lai. Như Lai đã đạt được sức ấy, biết chỗ chân thật, ở trong đại chúng, hiện sư tử hống, chuyển đại phạm luân xưa kia chưa chuyển, dù các sa-môn, Bà La Môn, hoặc trời, hoặc Phạm Vương, hoặc ma, hoặc người trong các thế gian, trọn chẳng có ai có thể chuyển như thế. Nay Hiền Hộ! Đó là trí lực thứ hai của Như Lai, Bồ Tát Ma Ha Tát hãy nên tu học, thành tựu viên mãn trọn đủ).

“Như Lai đắc thử lực dĩ, tri chân thật xú” (Như Lai đạt được sức này rồi, biết chỗ chân thật): “Đắc” là như thật vận dụng, như thật thành tựu. Hiện thời, chúng ta là hữu tình không có sức tu trì trong thời Mạt Pháp, mạng người ngắn ngủi, phước đức mỏng ít, nghe pháp còn chẳng kịp, càng chẳng nói có sức hành pháp. Nhưng nói “thời đại này không có sức hành pháp” hoàn toàn chẳng phải là nói “chúng ta không thể hành pháp, không thể chứng Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiện Tiền tam-muội, hoặc là mười tám pháp bất cộng cho đến Thập Lực đều chẳng thể chứng”, mà là nói: Trong thời đại này, người có đủ nhân duyên ấy mười phần hiếm hoi. Cho đến người nghe nói pháp này rất thưa thớt.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Chúng ta thấy trong thế tục, hữu tình lặn hụp trong nghiệp và nghiệp duyên, chôn vùi trong nghiệp và nghiệp duyên, đúng là nhưong mắt nhìn, đâu đâu cũng có. Còn kẻ gặp gỡ Phật pháp hiếm thấy, khó gặp! Đối với pháp Ban Châu, hữu tình trong thời Mạt Pháp như thế mà còn có thể thành tựu pháp. Trên thực tế, [Ban Châu] là một pháp nhanh chóng, cắt đứt theo chiều ngang, vượt khỏi [tam giới] theo chiều ngang, lập tức huân tu, lập tức lựa chọn. Nếu một niệm có thể lựa chọn thật sự tương ứng, do [tương ứng] liên tục, bèn đạt được lợi ích chẳng thể nghĩ bàn, cho đến Thập Lực, cho đến mười tám bất cộng lực, đều có cơ hội tương ứng khế nhập, bởi cơ duyên ấy mạnh mẽ, nhạy bén!

Rất nhiều pháp tu khi con người thọ tám vạn tuổi, sáu vạn tuổi, hay bốn vạn tuổi thì vẫn rất dễ tu, nhưng hiện thời con người thọ một trăm tuổi, thậm chí chưa đến trăm tuổi, phước đức và thọ mạng của chúng ta đều quả thật quá kém cỏi, chỉ trong phút chốc sanh mạng đã tận. Trong khoảng vừa đặt chân, phước huệ đã hao sạch. Nhưng tuổi thọ con người càng ngày càng ngắn, tánh cảnh giác của chính mình lại càng chẳng đủ, càng dễ dàng trượt li. Khi con người thọ tám vạn bốn ngàn năm, nhân loại tôn trọng sanh mạng, phước đức trọn đủ, sống trọn thọ mạng tám vạn năm. Trong khoảng đó, chẳng nảy sanh vấn đề, chỉ có ba thứ bệnh là ăn uống, tiêu tiểu, và tử vong; còn chúng ta trong đời này có bao nhiêu bệnh nạn? Có bao nhiêu chướng ngại? Khi tuổi thọ của chúng ta là một trăm năm, coi ăn uống là vui sướng; còn khi thọ mạng hơi dài lâu hơn, ăn uống và tiêu tiểu trên thực tế đều bị coi là bệnh tật. Chúng ta bị nhiều nỗi khốn khó vì hai pháp cơm áo. Do vậy, hành pháp thì phải giảm thiểu áo cơm, ba bữa giảm thành một bữa để tiện hành đạo. Nếu trong thế tục, rất nhiều thời gian bị lãng phí trong ba bữa cơm mỗi ngày. Nhất là nói theo phía người Hoa vốn coi trọng ẩm thực, lãng phí sanh mạng và thời gian quá lớn! Không chỉ có ẩm thực, mà còn phải tiêu hóa. Cơ thể còn phải chịu đựng gánh nặng khi tiêu hóa. Sau gánh nặng ấy, còn phải bài tiết. Đó quả thật là duyên gây chướng nạn; nhưng hiện thời chúng ta vẫn hưởng thụ! Trong thế tục, thường có kẻ nói: “Tu Phật pháp làm gì chớ? Không ăn thứ này, lại chẳng uống thứ kia, có ý nghĩa chi đâu?” Thực tế là đang ở trong bệnh tật mà cứ coi là vui, chuyện này đáng bị người có trí nhạo báng!

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Thị trung, Như Lai thế gian chủng chủng giới lực giả, Như Lai w thế gian chủng chủng chư giới vô lượng sai biệt, năng dĩ chánh trí như thật tri cố. Hiền Hộ! Như thị thế

gian chủng chủng giới sự, Như Lai giai dĩ chánh trí như thật tri giả. Thử tắc Như Lai thể gian giới lực dã. Như Lai đắc thử lực dĩ, tri chân thật xứ. Ư đại chúng trung, tác sư tử hồng, chuyển đại phạm luân, tích sở vị chuyển. Nhược chư thể gian, sa-môn, Bà La Môn, nhược thiên, nhược Phạm, nhược ma, nhược nhân, chung vô hữu năng như tư chuyển giả. Hiền Hộ! Thị vi Như Lai đệ tam trí lực, Bồ Tát Ma Ha Tát ưng đương tu học cụ túc thành mãn.

(經)復次賢護！是中，如來世間種種界力者，如來於世間種種諸界無量差別，能以正智如實知故。賢護！如是世間種種界事，如來皆以正智如實知者。此則如來世間界力也。如來得此力已，知真實處。於大眾中，作師子吼，轉大梵輪，昔所未轉。若諸世間沙門婆羅門，若天若梵若魔若人，終無有能如斯轉者。賢護！是為如來第三智力，菩薩摩訶薩應當修學具足成滿。

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Trong ấy, “sức biết các thứ giới trong thể gian của Như Lai” là Như Lai đối với các thứ giới vô lượng sai biệt trong thể gian, có thể dùng chánh trí để biết chân thật. Đây Hiền Hộ! Đối với các chuyện thuộc về các giới trong thể gian như thế, đức Như Lai đều dùng chánh trí để biết như thật. Đó chính là thể gian giới lực của Như Lai. Như Lai đã đạt được sức ấy rồi, biết chỗ chân thật. Ở trong đại chúng, hiện sư tử hồng, chuyển đại phạm luân mà trước kia chưa chuyển. Dù sa-môn, Bà La Môn, hoặc trời, hoặc Phạm Vương, hoặc ma, hoặc người trong các thể gian, trọn chẳng có ai có thể chuyển như thế. Đây Hiền Hộ! Đó là trí lực thứ ba của Như Lai, Bồ Tát Ma Ha Tát hãy nên tu học thành tựu viên mãn trọn đủ).

Không ngừng tán thán Phật, khuyên tu như thế.

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Thị trung, Như Lai tâm hạnh lực giả, Như Lai ư chư chúng sanh chủng chủng tâm hạnh, vô lượng sai biệt, giai dĩ chánh trí như thật tri cố. Hiền Hộ! Như thị chúng sanh chủng chủng tâm hạnh vô lượng sai biệt, Như Lai năng dĩ chánh trí như thật tri giả. Thử tắc Như Lai tri tâm hạnh lực dã. Như Lai đắc

thử lực dã, tri chân thật xứ, w đại chúng trung, tác sư tử hống, chuyển đại phạm luân, tích sở vị chuyển. Nhược chư thế gian, sa-môn, Bà La Môn, nhược thiên, nhược Phạm, nhược ma, nhược nhân, chung vô hữu năng như thị chuyển giả. Hiền Hộ! Thị vi Như Lai đệ tứ trí lực, Bồ Tát Ma Ha Tát ưng đương tu học cụ túc thành mãn.

(經)復次賢護！是中，如來心行力者，如來於諸衆生種種心行，無量差別，皆以正智如實知故。賢護！如是衆生種種心行，無量差別，如來能以正智如實知者。此則如來知心行力也。如來得此力已，知真實處，於大衆中，作師子吼，轉大梵輪，昔所未轉。若諸世間沙門婆羅門，若天若梵若魔若人，終無有能如是轉者。賢護！是爲如來第四智力，菩薩摩訶薩應當修學具足成滿。

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Trong ấy, sức tâm hạnh của Như Lai là Như Lai đối với các thứ tâm hạnh vô lượng sai biệt của các chúng sanh, đều dùng chánh trí để biết như thật. Đây Hiền Hộ! Đối với các tâm hạnh vô lượng sai biệt của chúng sanh như thế, Như Lai có thể dùng chánh trí để biết như thật. Đó chính là sức biết tâm hạnh của Như Lai. Như Lai đạt được sức ấy rồi, biết chỗ chân thật, ở trong đại chúng, hiện sư tử hống, chuyển đại phạm luân trước kia chưa chuyển. Dù là sa-môn, Bà La Môn, hoặc trời, hoặc Phạm Vương, hoặc ma, hoặc người trong các thế gian, trọn chẳng có ai có thể chuyển như thế. Đây Hiền Hộ! Đó là trí lực thứ tư của Như Lai, Bồ Tát Ma Ha Tát hãy nên tu học thành tựu viên mãn trọn đủ).

Cũng giống như thế, cách thức hành văn trong phần Thập Lực này giống như nhau: Không ngừng tán thán Phật, khuyên tu, rồi lại tán thán Phật, khuyên tu.

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Như Lai tri chúng sanh chư căn sai biệt lực giả, Như Lai w chúng sanh chư căn chủng chủng sai biệt, giai dĩ chánh trí như thật tri cố. Hiền Hộ! Như thị chúng sanh chư căn chủng chủng sai biệt, Như Lai giai dĩ chánh trí như thật tri giả. Thị tác Như Lai chư căn sai biệt lực dã. Như Lai đắc thử lực dĩ, tri chân

thật xứ. Ư đại chúng trung, tác sư tử hống, chuyển đại phạm luân, tích sở vị chuyển. Nhược chư thế gian sa-môn, Bà La Môn, nhược thiên, nhược Phạm, nhược ma, nhược nhân, chung vô hữu năng như thị chuyển giả. Hiền Hộ! Thị vi Như Lai đệ ngũ trí lực, Bồ Tát Ma Ha Tát ưng đương tu học cụ túc thành mãn. Phục thứ Hiền Hộ! Thị trung, Như Lai Thiên Định lực giả, Như Lai ư nhất thiết Thiên Định giải thoát tam-muội, sanh khởi phiền não, cập dĩ diệt trừ, tư dĩ chánh trí như thật tri cố. Hiền Hộ! Như thị nhất thiết Thiên Định giải thoát tam-ma-bạt-đề sanh khởi phiền não, nãi chí thanh tịnh, Như Lai giai dĩ chánh trí như thật tri giả. Thị tắc Như Lai Thiên Định lực dã. Như Lai đắc thủ lực dĩ, tri chân chánh xứ. Ư đại chúng trung, tác sư tử hống, chuyển đại phạm luân, tiên sở vị chuyển. Nhược bỉ thế gian, sa-môn, Bà La Môn, nhược thiên, nhược Phạm, nhược ma, nhược nhân, chung vô hữu năng như thị chuyển giả. Hiền Hộ! Thị vi Như Lai đệ lục trí lực, Bồ Tát Ma Ha Tát, ưng đương tu học, cụ túc thành mãn. Phục thứ, Hiền Hộ! Như Lai nghiệp lực giả, Như Lai ư bỉ nhất thiết chư nghiệp chủng chủng sai biệt, cập bỉ vị lai hòa hợp đắc báo, diệt vô lượng sai biệt. Như Lai tư dĩ chánh trí như thật tri cố. Hiền Hộ! Như thị chư nghiệp chủng chủng sai biệt, vị lai đắc quả diệt phục sai biệt, Như Lai giai dĩ chánh trí, như thật tri giả. Tư tắc Như Lai tri nghiệp lực dã. Như Lai đắc dĩ, tri chân thật xứ. Ư đại chúng trung, tác sư tử hống, chuyển đại phạm luân tiên sở vị chuyển. Nhược bỉ thế gian, nhược sa-môn, Bà La Môn, nhược thiên, nhược Phạm, nhược ma, nhược nhân, chung vô hữu năng như tư chuyển giả. Hiền Hộ! Thị vi Như Lai đệ thất nghiệp lực, Bồ Tát Ma Ha Tát, ưng đương tu học, cụ túc thành mãn. Phục thứ Hiền Hộ! Như Lai thiên nhân lực giả, Như Lai thường dĩ thanh tịnh thiên nhân, quá ư nhân nhân, kiến bỉ vị lai chư chúng sanh bối, tử tử, sanh tử, kỳ sở thọ thân, hoặc mỹ, hoặc xú, hoặc thiện, hoặc ác, sở đắc chư sắc, hoặc hảo, hoặc ác, hoặc diệu, hoặc thô, hoặc sanh thiện đạo, hoặc sanh ác thú. Hựu kiến chúng sanh sở tác chư nghiệp, hoặc thiện, hoặc ác. Hữu chư chúng sanh, cụ thân ác nghiệp, cụ khẩu ác nghiệp, cụ ý ác nghiệp, ha mạ thánh nhân, phỉ báng chánh pháp, hoại hòa hợp Tăng. Cụ túc như thị chư ác nghiệp cố, thân hoại, mạng chung, sanh ư ác đạo. Hựu chư chúng sanh cụ thân thiện nghiệp, cụ khẩu thiện nghiệp, cụ ý thiện nghiệp, cung kính thánh nhân, tôn trọng chánh pháp, cúng dường chúng Tăng. Cụ hành như thị chư thiện nghiệp cố, mạng chung đắc sanh nhân thiên thiện thú. Như thị đẳng sự, giai như thật tri. Hiền Hộ!

Như Lai dĩ tịnh thiên nhân, kiến chư chúng sanh, tử thử, sanh bỉ, nãi chí mạng chung, sanh ư thiên thượng. Thị tắc Như Lai sanh tử trí lực. Đắc thị lực dĩ, tri chân thật xứ. Ư đại chúng trung, tác sư tử hồng, chuyển đại phạm luân, tích sở vị chuyển. Nhược bỉ thế gian, nhược sa-môn, Bà La Môn, nhược thiên, nhược Phạm, nhược ma, nhược nhân, chung vô hữu năng nhược tư chuyển giả. Hiền Hộ! Thị vi Như Lai đệ bát trí lực, Bồ Tát Ma Ha Tát ưng đương tu học, cụ túc thành mãn.

(經)復次賢護！如來知衆生諸根差別力者，如來於衆生諸根種種差別，皆以正智如實知故。賢護！如是衆生諸根種種差別，如來皆以正智如實知者。是則如來諸根差別力也。如來得此力已，知真實處。於大衆中，作師子吼，轉大梵輪，昔所未轉。若諸世間沙門婆羅門，若天若梵若魔若人，終無有能如是轉者。賢護！是爲如來第五智力，菩薩摩訶薩應當修學具足成滿。復次賢護！是中，如來禪定力者，如來於一切禪定解脫三昧，生起煩惱，及以滅除，斯以正智如實知故。賢護！如是一切禪定解脫三摩跋提生起煩惱，乃至清淨。如來皆以正智如實知者。是則如來禪定力也。如來得此力已，知真正處。於大衆中，作師子吼，轉大梵輪，先所未轉。若彼世間沙門婆羅門，若天若梵若魔若人，終無有能如是轉者。賢護！是爲如來第六智力，菩薩摩訶薩應當修學具足成滿。復次賢護！如來業力者，如來於彼一切諸業種種差別，及彼未來和合得報，亦無量差別。如來斯以正智如實知故。賢護！如是諸業種種差別，未來得果亦復差別，如來皆以正智如實知者。斯則

如來知業力也。如來得已，知真實處。於大眾中，作師子吼，轉大梵輪，先所未轉。若彼世間，若沙門婆羅門，若天若梵若魔若人，終無有能如斯轉者。賢護！是為如來第七業力，菩薩摩訶薩應當修學具足成滿。復次賢護！如來天眼力者，如來常以清淨天眼，過於人眼。見彼未來諸衆生輩，死此生彼。其所受身，或美或醜，或善或惡。所得諸色，或好或惡，或妙或粗，或生善道，或生惡趣。又見衆生所作諸業，或善或惡。有諸衆生，具身惡業，具口惡業，具意惡業，訶罵聖人，誹謗正法，壞和合僧，具足如是諸惡業故，身壞命終，生於惡道。又諸衆生，具身善業，具口善業，具意善業，恭敬聖人，尊重正法，供養衆僧。具行如是諸善業故，命終得生人天善趣，如是等事，皆如實知。賢護！如來以淨天眼，見諸衆生死此生彼，乃至命終，生於天上。是則如來生死智力。得是力已，知真實處。於大眾中，作師子吼，轉大梵輪，昔所未轉。若彼世間，若沙門婆羅門，若天若梵若魔若人，終無有能若斯轉者。賢護！是為如來第八智力，菩薩摩訶薩應當修學具足成滿。

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Sức “chúng sanh có biết các căn sai biệt” của Như Lai là Như Lai đối với các loại căn sai biệt của chúng sanh, đều dùng chánh trí để biết như thật. Đây chính là chư căn sai biệt lực (sức biết các căn sai khác) của Như Lai. Như Lai đã đắc sức ấy rồi, biết chỗ chân thật. Ở trong đại chúng, hiện sư tử hống, chuyển đại phạm luân xưa kia chưa chuyển. Dù

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

sa-môn, Bà La Môn, hoặc trời, hoặc Phạm Vương, hoặc ma, hoặc người trong các thế gian, trọn chẳng có ai có thể chuyển như thế. Nay Hiền Hộ! Đó là trí lực thứ năm của Như Lai, Bồ Tát Ma Ha Tát hãy nên tu học thành tựu viên mãn trọn đủ.

Lại này Hiền Hộ! Trong ấy, sức Thiên Định của Như Lai là Như Lai đối với hết thấy Thiên Định, giải thoát tam-muội, sanh khởi phiền não, cùng với diệt trừ, đều dùng chánh trí để biết như thật. Nay Hiền Hộ! Đối với hết thấy Thiên Định giải thoát, tam-ma-bạt-đề sanh khởi phiền não, cho đến thanh tịnh như thế, Như Lai đều dùng chánh trí để biết như thật. Đấy chính là Thiên Định lực của Như Lai. Như Lai đã đắc sức ấy rồi, biết chỗ chân chánh. Ở trong đại chúng, hiện sư tử hống, chuyển đại phạm luân trước kia chưa chuyển. Dù sa-môn, Bà La Môn, hoặc trời, hoặc Phạm Vương, hoặc ma, hoặc người trong các thế gian, trọn chẳng có ai có thể chuyển như thế. Nay Hiền Hộ! Đó là trí lực thứ sáu của Như Lai, Bồ Tát Ma Ha Tát hãy nên tu học thành tựu viên mãn trọn đủ.

Lại này Hiền Hộ! Nghiệp lực của Như Lai là Như Lai đối với hết thấy các thứ nghiệp sai biệt, và các quả báo do hòa hợp mà đạt được trong vị lai, cũng là vô lượng sai biệt, Như Lai đều dùng chánh trí để biết như thật. Nay Hiền Hộ! Do các thứ nghiệp sai biệt như thế, đạt được cái quả trong vị lai cũng sai biệt, Như Lai đều dùng chánh trí để biết như thật. Đấy chính là sức biết nghiệp của Như Lai. Như Lai đã đạt được, biết chỗ chân thật. Ở trong đại chúng, hiện sư tử hống, chuyển đại phạm luân trước kia chưa chuyển. Dẫu cho sa-môn, Bà La Môn, hoặc trời, hoặc Phạm Vương, hoặc ma, hoặc người trong các thế gian, trọn chẳng có ai có thể chuyển như thế. Nay Hiền Hộ! Đó là nghiệp lực thứ bảy của Như Lai, Bồ Tát Ma Ha Tát hãy nên tu học thành tựu viên mãn trọn đủ.

Lại này Hiền Hộ! Thiên nhân lực của Như Lai là Như Lai thường dùng thiên nhân thanh tịnh vượt xa mắt của loài người, thấy các loại chúng sanh trong vị lai chết đây, sanh kia, họ thọ thân hoặc đẹp, hoặc xấu, hoặc thiện, hoặc ác, đạt được các sắc, hoặc tốt, hoặc xấu, hoặc màu nhiệm, hoặc thô kệch, hoặc sanh vào đường lành, hoặc sanh trong nẻo ác. Lại thấy chúng sanh tạo tác các nghiệp hoặc thiện, hoặc ác. Có các chúng sanh trọn đủ ác nghiệp nơi thân, trọn đủ ác nghiệp nơi miệng, trọn đủ ác nghiệp nơi ý, chửi rửa thánh nhân, phỉ báng chánh pháp, phá hoại hòa hợp Tăng. Do đầy đủ các ác nghiệp như thế, thân hư, mạng hết, sanh vào đường ác. Lại có các chúng sanh trọn đủ thiện nghiệp nơi

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

thân, trọn đủ thiện nghiệp nơi miệng, trọn đủ thiện nghiệp nơi ý, cung kính thánh nhân, tôn trọng chánh pháp, cúng dường chúng Tăng. Do hành trọn đủ các thiện nghiệp như thế, mạng chung được sanh vào đường lành trời, người. Các chuyện như thế, đều biết như thật. Nay Hiền Hộ! Như Lai dùng thiên nhãn thanh tịnh, thấy các chúng sanh chết đây, sanh kia, cho đến mạng chung, sanh lên cõi trời. Đây chính là sanh tử trí lực của Như Lai. Đã đạt được sức ấy rồi, sẽ biết chỗ chân thật. Ở trong đại chúng, hiện sự tử hống, chuyển đại phạm luân, xưa kia chưa chuyển. Dẫu cho các thế gian, hoặc sa-môn, Bà La Môn, hoặc trời, hoặc Phạm Vương, hoặc ma, hoặc người, trọn chẳng có ai có thể chuyển như thế. Nay Hiền Hộ! Đó là trí lực thứ tám của Như Lai, Bồ Tát Ma Ha Tát hãy nên tu học thành tựu viên mãn trọn đủ).

Chư Phật Như Lai phần nhiều thọ ký cho các chúng sanh hữu duyên. Vì sao thọ ký? Do thấy bằng Thiên Nhãn, trông thấy chân thật, chẳng phải là hư giả lập ra, chẳng phải là tự tạo. Đối với chuyện “*chết đây, sanh kia; mất nơi này, hiện ra nơi khác*” đều biết rõ ràng rẽ, chẳng hề lẫn lộn. Đó là sức thiên nhãn.

(Kinh) Phục thứ, Hiền Hộ! Như Lai tức mạng trí lực giả, Như Lai năng dĩ chư tức mạng trí, tri u quá khứ chư tức mạng sự. Sở vị chúng sanh sanh tử, tử bỉ, hoặc u nhất xứ, sơ thọ nhất sanh, hoặc nhị, hoặc tam, hoặc ngũ, hoặc thập, hoặc bách, hoặc thiên, nãi chí hoặc thọ vô lượng bách sanh, vô lượng thiên sanh, vô lượng bách thiên sanh. Như thị nãi chí vô lượng chuyển kiếp, vô lượng định kiếp, vô lượng chuyển bất chuyển kiếp đẳng, giai như thật tri. Hựu u bỉ sở sanh thú, như thị xứ, như thị gia, như thị chủng tánh, như thị danh tự, như thị tướng mạo, như thị sanh trung, như thị phục thực, như thị sở tác, như thị thiện ác, như thị ưu hỷ, như thị khổ lạc, nãi chí nhược can thọ mạng đẳng, diệc như thật tri. Hựu u mỗi xứ, xả bỉ thân dĩ, phục sanh mỗi xứ. Như thị thân tướng, như thị sở thuyết, như thị sở kinh, nãi chí thọ mạng chư quá khứ sự, giai tất tri cố. Hiền Hộ! Như Lai năng dĩ chủng chủng vô lượng chư tức mạng trí, tri bỉ chúng sanh tức mạng sở kinh, thi tự nhất sanh, cập vô lượng sanh, nãi chí thọ mạng, chư quá khứ sự, như thật tri giả. Thị tắc Như Lai tức mạng trí lực dã. Đắc thị lực dĩ, xử đại chúng trung, tác sự tử hống, chuyển đại phạm luân, tích sở vị chuyển. Nhược bỉ thế gian, sa-môn, Bà La Môn, nhược thiên, nhược Phạm, nhược ma, nhược nhân, chung vô hữu

năng nhược tư chuyển giả. Hiền Hộ! Thị vi Như Lai đệ cứu trí lực. Bồ Tát Ma Ha Tát ưng đương tu học, cụ túc thành mãn. Phục thứ Hiền Hộ! Như Lai lậu tận lực giả, Như Lai năng tận nhất thiết chur hữu, vô phục chur lậu, tâm huệ giải thoát, tự giác pháp dĩ. Thị cố xướng ngôn: “Ngã sanh dĩ tận, phạm hạnh dĩ lập, sở tác dĩ biện, bất thọ hậu hữu”. Hiền Hộ! Như Lai như thị năng tận chur lậu, tâm huệ minh thoát, tự chứng tri cố. Cố ngôn ngã sanh dĩ tận, nãi chí bất thọ hậu hữu, như thật tri giả. Thị tắc Như Lai lậu tận trí lực dã. Như Lai đắc dĩ, xử đại chúng trung, tác sư tử hống, chuyển đại phạm luân, tích sở vị chuyển. Nhược bỉ thế gian, sa-môn, Bà La Môn, nhược thiên, nhược Phạm, nhược ma, nhược nhân, chung vô hữu năng nhược tư chuyển giả. Hiền Hộ! Thị vi Như Lai đệ thập trí lực. Bồ Tát Ma Ha Tát ưng đương tu học cụ túc thành mãn.

(經)復次賢護！如來宿命智力者，如來能以諸宿命智，知於過去諸宿命事。所謂衆生，生此死彼，或於一處，初受一生，或二或三或五或十，或百或千，乃至或受無量百生，無量千生，無量百千生。如是乃至無量轉劫，無量定劫，無量轉不轉劫等，皆如實知。又於彼所生趣，如是處如是家，如是種姓，如是名字，如是相貌，如是生中，如是服食，如是所作，如是善惡，如是憂喜，如是苦樂，乃至若干壽命等，亦如實知。又於某處，舍彼身已，復生某處。如是身相，如是所說，如是所經，乃至壽命諸過去事，皆悉知故。賢護！如來能以種種無量諸宿命智，知彼衆生宿命所經，始自一生，及無量生，乃至壽命，諸過去事，如實知者。是則如來宿命智力也。得是力已，處大衆中作師子吼，轉大梵輪，昔所未轉。若彼世間沙門婆羅門，若天若梵若魔若人，終無有能若斯轉者。賢護！是爲如

來第九智力。菩薩摩訶薩應當修學具足成滿。復次賢護！如來漏盡力者，如來能盡一切諸有，無復諸漏，心慧解脫，自覺法已。是故唱言：「我生已盡，梵行已立，所作已辦，不受後有」。賢護！如來如是能盡諸漏，心慧明脫，自證知故。故言我生已盡，乃至不受後有，如實知者。是則如來漏盡智力也。如來得已，處大眾中，作師子吼，轉大梵輪，昔所未轉。若彼世間沙門婆羅門，若天若梵若魔若人，終無有能若斯轉者。賢護！是為如來第十智力。菩薩摩訶薩當應修學具足成滿。

(Kinh: Lại này, Hiền Hộ! Sức tức mạng trí lực của Như Lai là Như Lai có thể dùng các tức mạng trí, đối với các chuyện tức mạng trong quá khứ, như là chúng sanh sanh nơi đây, chết nơi kia, hoặc ở một chỗ, nhận lãnh một đời, hoặc hai, hoặc ba, hoặc năm, hoặc mười, hoặc trăm, hoặc ngàn, cho đến hoặc thọ sanh vô lượng trăm đời, vô lượng ngàn đời, vô lượng trăm ngàn đời. Như thế cho đến vô lượng chuyển kiếp, vô lượng định kiếp, vô lượng chuyển bất chuyển kiếp v.v... đều biết như thật. Lại còn đối với đường đã sanh vào, chỗ như thế, gia đình như thế, dòng họ như thế, tên gọi như thế, tướng mạo như thế, trong cuộc đời như thế, ăn mặc như thế, làm lụng như thế, thiện ác như thế, lo, mừng như thế, khổ, vui như thế, cho đến thọ mạng dài chừng nào v.v... cũng đều biết như thật. Lại ở chỗ nào đó, đã xả thân đó, lại sanh vào chỗ nào đó. Thân tướng như thế, nói năng như thế, từng trải như thế, cho đến các chuyện thuộc về thọ mạng trong quá khứ, đều biết trọn hết. Đây Hiền Hộ! Như Lai có thể dùng vô lượng các thứ tức mạng trí, biết chuyện chúng sanh đã từng trải qua trong đời trước, bắt đầu từ một đời, cho đến vô lượng đời, cho đến thọ mạng, các chuyện quá khứ, đều biết như thật. Đây là tức mạng trí lực của Như Lai. Đã đạt được sức ấy rồi, ở trong đại chúng, hiện sư tử hống, chuyển đại phạm luân, xưa kia chưa chuyển. Dầu cho sa-môn, Bà La Môn, hoặc trời, hoặc Phạm Vương, hoặc ma, hoặc người trong thế gian, trọn chẳng có ai có thể chuyển như

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

thế. *Này Hiền Hộ! Đó là trí lực thứ chín của Như Lai, Bồ Tát Ma Ha Tát hãy nên tu học thành tựu viên mãn trọn đủ.*

Lại này Hiền Hộ! Lậu tận lực của Như Lai là Như Lai có thể hết sạch các hữu, chẳng còn các lậu, tâm huệ giải thoát, đã tự giác ngộ pháp. Vì thế, xưng rằng: “Ta đã hết sanh, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, chẳng nhận lấy hậu hữu”. Này Hiền Hộ! Như Lai có thể hết sạch các lậu như thế, tâm huệ sáng suốt, giải thoát, do tự chứng biết. Vì thế nói “ta đã hết sanh”, cho đến “chẳng nhận lấy hậu hữu”, biết như thật. Đây là lậu tận trí lực của Như Lai. Như Lai đạt được rồi, ở trong đại chúng, hiện sự tử hống, chuyển đại phạm luân, xưa kia chưa chuyển. Dầu cho thế gian, sa-môn, Bà La Môn, hoặc trời, hoặc Phạm Vương, hoặc ma, hoặc người, trọn chẳng có ai có thể chuyển như thế. Này Hiền Hộ! Đó là trí lực thứ mười của Như Lai, Bồ Tát Ma Ha Tát hãy nên tu học thành tựu viên mãn trọn đủ).

“*Như Lai Lậu Tận lực*”: Trong quá khứ, đã nói về Tam Minh, tức là Thiên Nhân Minh, Túc Mạng Minh, và Lậu Tận Minh. Đây là ba cơ chế giáo ngôn riêng biệt trong Phật pháp, biết quá khứ, hiện tại, vị lai. “*Như Lai năng tận nhất thiết chư hữu, vô phục chư lậu, tâm huệ giải thoát*” (Như Lai có thể tận hết tất cả các hữu, chẳng còn các lậu, tâm huệ giải thoát) tức là biết hiện tiền. Rất nhiều người nói đến thời điểm hiện tiền, có thể dùng Lậu Tận Lực để xem xét kỹ thì sẽ dễ nói hơn. “*Như thật tri giả, thị tắc Như Lai lậu tận trí lực dã*” (Do biết như thật, đây là sức lậu tận trí của Như Lai): Đây chẳng phải là vô ích, vô lực, mà thật sự là đích thân chúng.

(Kinh) Hiền Hộ! Nhượng chư Bồ Tát Ma Ha Tát đọc tụng, thọ trì, tư duy, tu tập thị tam-muội giả, tắc năng nhiếp thọ Như Lai Thập Lực dã. Nhĩ thời, Thế Tôn vị trùng minh thử nghĩa, dĩ kệ tụng viết: - Thập bát bất cộng đẳng giác pháp, Thập Lực minh trí chư Phật đồng.

(經)賢護! 若諸菩薩摩訶薩, 讀誦受持, 思惟修習, 是三昧者, 則能攝受如來十力也」。爾時, 世尊為重明此義, 以偈頌曰: 「十八不共等覺法, 十力明智諸佛同。

(Kinh: “Này Hiền Hộ! Nếu các Bồ Tát Ma Ha Tát đọc tụng, thọ trì, tư duy, tu tập tam-muội này, sẽ có thể nhiếp thọ Thập Lực của Như

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Lai”. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn vì muốn nói lại nghĩa này, dùng kệ tụng nói như sau: - Giác pháp như mười tám bất cộng, Thập Lực trí sáng như Phật đồng).

Sự biểu đạt bằng sanh mạng của hết thầy Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, hoặc sự biểu đạt của các vị trí giả đều nương theo mười tám món bất cộng và Thập Lực, cùng với Tứ Vô Úy sẽ nói trong phần sau v.v... để hoằng pháp, trụ thế, thủ hộ pháp bất cộng lợi ích rộng khắp thế gian. Đây cũng là biểu hiện và sự lựa chọn nơi thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, quá khứ, hiện tại, vị lai.

(Kinh) Bồ Tát tu tập thứ diệu Thiên, tự nhiên thành tựu tư nhị chủng.

(經)菩薩修習此妙禪，自然成就斯二種」。

(Kinh: Bồ Tát tu tập thứ diệu Thiên này, tự nhiên thành tựu hai loại ấy).

Ở đây, đức Thế Tôn hoàn toàn biểu đạt công đức và lợi ích trọn đủ của hai loại pháp “mười tám Bất Cộng” và Thập Lực trong Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiên tam-muội.

19. Phẩm thứ mười lăm: Tùy Hỷ Công Đức

Mọi người công khai đến cùng nhau đọc tụng, học tập kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ này, đúng là đã rộng kết duyên thù thắng tu trì Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiên tam-muội. Bất luận tu trì tương ứng hay chẳng tương ứng, nhân duyên này đều là cơ hội mười phần có ý nghĩa, mười phần đáng đề cho mọi người thâm nhập tu tập, thâm nhập tham dự.

(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần Tùy Hỷ Công Đức phẩm đệ thập ngũ.

(經)大方等大集賢護分隨喜功德品第十五。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

(Kinh: Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần. Phẩm thứ mười lăm: Tùy Hỷ Công Đức).

Trong kinh điển, đức Thế Tôn nơi nơi đều chỉ dạy chúng ta phải thành tựu Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội, học tập, đọc tụng pháp tắc này, truyền bá pháp tắc này, cho đến vì người khác giải nói như thế nào, khiến cho pháp này được trụ thế lâu dài, khiến cho hết thấy hữu tình hữu duyên được chẳng thoái chuyển nơi Phật pháp. Đối với pháp Tịnh Độ, cho đến pháp môn Niệm Phật, nếu có thể gặp gỡ, người ấy chắc chắn thuộc vào chủng tánh bất thoái chuyển trong Phật pháp.

Nhân duyên bất thoái chuyển ấy quả thật là sự giáo hóa chẳng thể nghĩ bàn, tức là cái được gọi là “*sự giáo hóa chân thật trong giáo ngôn thuộc về quả địa của chư Phật Như Lai*”.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn phục cáo Hiền Hộ Bồ Tát ngôn: - Hiền Hộ! Nhược Bồ Tát Ma Ha Tát cụ túc thành tựu tứ tùy hỷ cố, tức đương đắc tư hiện tiền tam-muội.

(經)爾時，世尊復告賢護菩薩言：賢護！若菩薩摩訶薩具足成就四隨喜故，即當得斯現前三昧。

(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn lại bảo Hiền Hộ Bồ Tát rằng: - Nay Hiền Hộ! Nếu Bồ Tát Ma Ha Tát do thành tựu trọn đủ bốn thứ tùy hỷ, sẽ liền đắc hiện tiền tam-muội này).

Trong phần trước, đã nói nhiều pháp tắc có thể chứng đắc tam-muội; ở đây, chỉ nói về công đức tùy hỷ. Trong phần trước, thường nhắc tới xa lìa kiêu mạn, ghen tỵ. Ở đây, nhắc tới tùy hỷ thành tựu.

(Kinh) Tốc tạt thành mãn A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)速疾成滿阿耨多羅三藐三菩提。

(Kinh: Mau chóng thành tựu viên mãn A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề).

Không chỉ là đích thân chứng Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội, mà còn mau chóng thành tựu Vô Thượng Bồ Đề.

(Kinh) Hà đẳng danh vi tứ chủng tùy hỷ dã? Sở vị bỉ Bồ Tát Ma Ha Tát ưng tác như thị niệm.

(經)何等名爲四種隨喜也？所謂彼菩薩摩訶薩應作如是念。

(Kinh: Những gì gọi là bốn thứ tùy hỷ? Tức là Bồ Tát Ma Ha Tát hãy nên nghĩ như thế này).

Đức Thế Tôn nhẫn nại, tỉ mỉ hướng dẫn chúng ta quan sát, tư duy, tu tập, cho đến hướng dẫn chúng ta trong mỗi ý niệm như thế. Kinh điển như vậy rất hiếm thấy, mà cũng là mười phần thuận tiện, đối với hết thảy hữu tình dù phàm hay thánh, dù trí hay ngu, đều chân thật gia trì tăng thượng công đức và lợi ích.

(Kinh) Như bỉ quá khứ nhất thiết chư Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, các u vãng tích hành Bồ Tát thời, giai nhân tùy hỷ, đắc thị tam-muội. Nhân tam-muội cố, cụ túc đa văn. Do đa văn cố, tốc tât thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)如彼過去一切諸如來、應供、等正覺，各於往昔行菩薩時，皆因隨喜，得是三昧。因三昧故，具足多聞。由多聞故，速疾成就阿耨多羅三藐三菩提。

(Kinh: Như hết thảy các đức Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác trong quá khứ, mỗi vị khi hành Bồ Tát thuở trước, đều do tùy hỷ mà đắc tam-muội này. Do vì tam-muội, đầy đủ đa văn. Do vì đa văn, mau chóng thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề).

Đây là ý niệm quan sát tương ứng, tức là hết thảy các vị Bồ Tát Ma Ha Tát do tùy hỷ tam-muội này, bèn thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Cơ chế giáo ngôn này chẳng đơn giản chỉ là hướng dẫn chúng ta cầu tam-muội này, đọc tụng kinh điển, vì người khác giải nói, cho đến đích thân chứng đắc tam-muội, mà còn nói người tùy hỷ tam-muội này sẽ chắc chắn chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề, đạt được thành tựu. Điều này thật sự vượt khá xa sự nhận biết đơn giản của chúng ta khi thoát đầu tiếp xúc tam-muội Thập Phương Chư Phật Tât Giai Hiện Tiền này. Chẳng hạn như thoát đầu, [Hiền Hộ Bồ Tát] nêu

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

ra một trăm hai mươi hai công đức; ở đây, không chỉ nêu ra một trăm hai mươi hai công đức đó chỉ là chút ít phần trong rất ít phần vô lượng công đức của chư Phật, mà còn nói thẳng thừng: “Có thể thành tựu Vô Thượng Bồ Đề”. Do tùy hỷ tam-muội này, cho nên được thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Cơ chế giáo hóa như vậy quả thật rung động lòng người, rất chẳng thể nghĩ bàn!

(Kinh) Như ngã kim nhật, diệc ưng như thị, y nhân tùy hỷ, đắc thị tam-muội. Nhân tam-muội cố, cụ túc đa văn. Do đa văn cố, tốc đắc thành tựu Vô Thượng Bồ Đề.

(經)如我今日，亦應如是，依因隨喜，得是三昧。因三昧故，具足多聞。由多聞故，速得成就無上菩提。

(Kinh: Như ta ngày nay, cũng nên như thế, do nương vào tùy hỷ, đạt được tam-muội này. Do tam-muội, cho nên trọn đủ đa văn. Do đa văn nên mau chóng thành tựu Vô Thượng Bồ Đề).

Đức Thế Tôn hướng dẫn chúng ta: Muốn được mau chóng viên mãn đạo Vô Thượng Bồ Đề, hãy nên tùy hỷ tam-muội này, hãy nên tu tập, hãy nên thành tựu. Sau đó, trọn đủ đa văn. Do nhân duyên này mà được thành tựu Vô Thượng Bồ Đề.

(Kinh) Hiền Hộ! Thị vi Bồ Tát Ma Ha Tát đệ nhất tùy hỷ công đức tụ dã.

(經)賢護！是為菩薩摩訶薩第一隨喜功德聚也。

(Kinh: Này Hiền Hộ! Đó là khối công đức thứ nhất do tùy hỷ của Bồ Tát Ma Ha Tát).

Bảo Vương tam-muội này đúng là kho chứa hết thảy công đức, là đại tổng trì môn. Nếu có thể gặp gỡ, chứng môn tam-muội này, hoặc là tùy hỷ tam-muội này, hoặc hướng tới, hoặc vì người khác giải nói, cho đến đọc tụng. Công đức ấy đều là đại công đức tụ, lợi ích ấy chẳng thể nghĩ bàn!

(Kinh) Hiền Hộ! Bỉ Bồ Tát Ma Ha Tát phục ưng như thị niệm: Như bỉ đương lai nhất thiết chư Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, hành Bồ Tát thời, giai nhân tùy hỷ đắc thị tam-muội. Nhân thứ

tam-muội cố, cụ túc đa văn. Do đa văn cố, tốc tạt thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)賢護！彼菩薩摩訶薩復應如是念：如彼當來一切諸如來、應供、等正覺，行菩薩時，皆因隨喜得是三昧。因此三昧故，具足多聞。由多聞故，速疾成就阿耨多羅三藐三菩提。

(Kinh: Nay Hiền Hộ! Vị Bồ Tát Ma Ha Tát ấy lại nên nghĩ như thế này: Như hết thầy các đức Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác trong tương lai khi hành Bồ Tát, đều do tùy hỷ mà đắc tam-muội này. Do vì tam-muội này, đầy đủ đa văn. Do vì đa văn, mau chóng thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề).

Theo thứ tự, đức Thế Tôn hướng dẫn rõ ràng cho chúng ta: Trong phần trước là nghĩ tới hết thầy chư Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác trong quá khứ, các Ngài đều do tùy hỷ tam-muội này, cho nên chứng đắc tam-muội. Do chứng tam-muội nên đắc đa văn. Do đa văn cho nên mau chóng thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Ở đây, hãy nên nghĩ tùy hỷ hết thầy các đức Như Lai Thế Tôn trong tương lai. Trong khi tu nhân, các Ngài cũng do tùy hỷ tam-muội này. Do tam-muội mà đa văn, do đa văn nên mau chóng thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(Kinh) Như ngã kim nhật, diệc ưng như thị, đương nhân tùy hỷ đắc thị tam-muội. Quy bằng tam-muội, câu mãn đa văn. Do đa văn cố, tốc tạt thành bỉ Vô Thượng Bồ Đề. Hiền Hộ! Thị vị Bồ Tát Ma Ha Tát đệ nhị tùy hỷ công đức tụ dã.

(經)如我今日，亦應如是，當因隨喜得是三昧。歸憑三昧，求滿多聞。由多聞故，速疾成彼無上菩提。賢護！是為菩薩摩訶薩第二隨喜功德聚也。

(Kinh: Như ta ngày nay cũng phải nên như thế, hãy nên do tùy hỷ mà đạt được tam-muội này. Dựa vào tam muội, câu thỏa đa văn. Do đa văn nên mau chóng thành tựu Vô Thượng Bồ Đề. Nay Hiền Hộ! Đó là khỏi công đức thứ hai do tùy hỷ của Bồ Tát Ma Ha Tát).

“*Bỉ Vô Thượng Bồ Đề*” chính là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Trong sự hướng dẫn theo thứ tự này, chúng ta thấy hết sức rõ ràng phải nên tùy hỷ hết thảy chư Phật dù quá khứ, dù tương lai, hay hiện tại.

(Kinh) Hiền Hộ! Thị Bồ Tát Ma Ha Tát phục ưng như thị niệm: Nhi kim hiện tại vô lượng vô biên A-tăng-kỳ chư thế giới trung, nhất thiết chư Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, các u vãng tích hành Bồ Tát thời, diệc nhân tùy hỷ đắc thị tam-muội. Nhân thị tam-muội, cụ túc đa văn. Do đa văn, diệc ưng tùy hỷ, nãi chí vị dục tốc thành Vô Thượng Bồ Đề cố. Hiền Hộ! Thị vi Bồ Tát Ma Ha Tát đệ tam tùy hỷ công đức tụ dã.

(經)賢護！是菩薩摩訶薩復應如是念：而今現在無量無邊阿僧祇諸世界中，一切諸如來、應供、等正覺，各於往昔行菩薩時，亦因隨喜得是三昧。因是三昧，具足多聞。由多聞，亦應隨喜，乃至為欲速成無上菩提故。賢護！是為菩薩摩訶薩第三隨喜功德聚也。

(Kinh: Nay Hiền Hộ! Vị Bồ Tát Ma Ha Tát ấy cũng nên nghĩ như thế này: Trong vô lượng vô biên A-tăng-kỳ thế giới hiện thời, hết thảy các đức Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, mỗi vị khi xưa lúc hành đạo Bồ Tát, cũng do tùy hỷ mà đắc tam-muội này. Do tam-muội này, trọn đủ đa văn. Do đa văn, cũng nên tùy hỷ, cho đến vì muốn nhanh chóng thành Vô Thượng Bồ Đề. Nay Hiền Hộ! Đó là khối công đức thứ ba do tùy hỷ của Bồ Tát Ma Ha Tát).

Tùy hỷ chư Như Lai trong quá khứ, chư Như Lai trong tương lai, cho đến chư Như Lai trong hiện tại. Tất cả ba đời hết thảy chư Phật Thế Tôn đều do tùy hỷ tam-muội này mà chứng đắc sức tam-muội. Do sức tam-muội mà nghe nhiều, thấy nhiều, mau chóng thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đúng là sự tùy hỷ ở đây có công đức chẳng thể nghĩ bàn. Người trong thời đại này vì trong tâm nhiệt nảo, cho nên so đo. Do so đo, lại sanh ra nhiệt nảo, mỗi người nầy sanh kiêu mạn, tri kiến chẳng chánh đáng, ghen ty, và đấu tranh. Ở đây, chỉ nhắc tới công đức chân thật của pháp tùy hỷ. Trong mười đại nguyện vương của Phổ Hiền

Bồ Tát Hạnh Nguyễn Phẩm cũng tuyên nói nhiều về công đức và lợi ích của tùy hỷ.

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Bỉ Bồ Tát Ma Ha Tát phục ưng như thị niệm: Ngã kim dĩ đắc ngưỡng học tam thể nhất thiết chư Như Lai, bốn u quá khứ hành Bồ Tát thời, giai nhân tùy hỷ đắc thị tam-muội, giai nhân tam-muội, cụ túc đa văn, giai do đa văn nhi đắc thành Phật. Kim ngã dĩ thử tùy hỷ công đức, nguyện dĩ nhất thiết chúng sanh cộng chi, đồng sanh tùy hỷ, đồng hoạch tam-muội, đồng cụ đa văn, đồng tất thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Hiền Hộ! Thị vi Bồ Tát Ma Ha Tát đệ tứ tùy hỷ công đức tỳ dã.

(經)復次賢護！彼菩薩摩訶薩復應如是念：我今已得仰學三世一切諸如來，本於過去行菩薩時，皆因隨喜得是三昧，皆因三昧，具足多聞，皆由多聞而得成佛。今我以此隨喜功德，願與一切衆生共之，同生隨喜，同獲三昧，同具多聞，同悉成就阿耨多羅三藐三菩提。賢護！是爲菩薩摩訶薩第四隨喜功德聚也。

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Vị Bồ Tát Ma Ha Tát lại nên nghĩ như thế này: Ta nay đã được kính ngưỡng, học theo ba đời hết thấy các vị Như Lai, vốn trong quá khứ, khi hành Bồ Tát, đều do tùy hỷ mà đắc tam-muội này, đều do tam-muội mà đầy đủ đa văn, đều do đa văn mà được thành Phật. Nay ta do công đức tùy hỷ này mà nguyện cùng với hết thấy chúng sanh, cùng sanh tùy hỷ, đồng đắc tam-muội, đồng trọn đủ đa văn, cùng đều thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đây Hiền Hộ! Đó là khối công đức thứ tư do tùy hỷ của Bồ Tát Ma Ha Tát).

Ở đây là nguyện, rất nhiều người tu pháp suốt đời mà chẳng có nguyện lực chống đỡ, chẳng có nguyện lực hướng dẫn. Vì thế, tu pháp phần nhiều do mê mờ bèn tiếp tục chuyển đổi nhân duyên, nhưng chẳng thể thật sự hiểu rõ pháp tắc “*thâm nhập một môn*”. Vì chẳng có sức như thế, cho nên phần nhiều là bỏ dở nửa chừng, hoặc “*sáng ba, chiều bốn*” (thay đổi thất thường), chẳng thể chân thật tương ứng với đạo nghiệp.

Nguyện vọng ở chỗ này chính là công đức thứ tư do tùy hỷ. Nếu có các Bồ Tát Ma Ha Tát phát nguyện như thế, thật sự là rất dễ đạt được,

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

rất dễ thành tựu tướng công đức to lớn này. Trên cơ sở của ba nguyện trước, ở đây đã thực hiện tùy hỷ triệt để, tổng kết, “*nguyện dữ nhất thiết chúng sanh cộng chi, đồng sanh tùy hỷ, đồng hoạch tam-muội, đồng cụ đa văn, đồng tất thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*” (nguyện cùng chung với hết thảy chúng sanh, cùng sanh tùy hỷ, cùng đạt được tam-muội, cùng trọn đủ đa văn, đều cùng thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề). Đây đúng là nguyện đại trí huệ chẳng thể nghĩ bàn, là nguyện đại dụng, là nguyện đại phương tiện!

Trong kinh giáo, đức Thế Tôn đã nhiều lượt tuyên nói nguyện vọng thù thắng, pháp tắc thù thắng, tâm địa thù thắng, và sự thủ hộ cùng thành tựu thù thắng như thế. Tâm trí của hạng phàm phu lè tè sát đất thường hẹp hòi, ích kỷ, dùng Thân Kiến, Pháp Kiến, hoặc đủ loại nghiệp kiến, tức là các tri kiến chẳng tương ứng như tham, sân, si, mạn, nghi, tri kiến chẳng chánh đáng v.v... để tổn giảm, lãng phí sanh mạng hoàn chỉnh vốn sẵn thanh tịnh của chính mình. Nếu có thể phát nguyện như thế, đúng là chẳng thể nghĩ bàn.

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Nhi bỉ Bồ Tát ký đắc thành tựu như thị tùy hỷ, như thị tam-muội, như thị đa văn, như thị tốc tất thành tựu Bồ Đề. Dĩ thị công đức, tất dữ chúng sanh cộng đồng hồi hướng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Như thị công đức, nan khả xưng lượng, ngã kim vị nhữ lược khai thiểu phần, nhữ nghi đế thính, thiện tư niệm chi.

(經)復次賢護！而彼菩薩既得成就如是隨喜，如是三昧，如是多聞，如是速疾成就菩提。以是功德，悉與衆生共同迴向阿耨多羅三藐三菩提。如是功德，難可稱量，我今爲汝略開少分，汝宜諦聽，善思念之。

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Nhưng vị Bồ Tát ấy đã được thành tựu tùy hỷ như thế, tam-muội như thế, đa văn như thế, mau chóng thành tựu Bồ Đề như thế. Do công đức ấy, đều cùng với chúng sanh cùng nhau hồi hướng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Công đức như thế khó thể tính kể, ta nay vì ông nói đại lược chút phần, ông hãy nên lắng nghe, khéo suy nghĩ đó).

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Đối với tướng công đức của bốn loại khối công đức trên đây, đức Thế Tôn sẽ dùng tỷ dụ để chúng ta có thể cảm nhận, có thể thật sự tùy hỷ sự hành trì của hết thầy chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai trong khi tu nhân. Do tùy hỷ tam-muội này, sẽ đích thân chứng tam-muội này, có thể đạt được đa văn, cho đến đích thân chứng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đối với tướng công đức to lớn này và nội dung thực chất của nó, đức Thế Tôn dùng tỷ dụ để chúng ta có thể cảm nhận phần nào, sẽ phát khởi sự tùy thuận quyết định đối với pháp tắc tùy hỷ này.

(Kinh) Hiền Hộ! Thí như hữu nhân định thọ bách tuế.

(經)賢護! 譬如有人定壽百歲。

(Kinh: Nay Hiền Hộ! Ví như có người chắc chắn thọ một trăm tuổi).

Nay chúng ta đang ở trong kiếp giảm, tuổi thọ của con người chỉ còn trong vòng một trăm năm. Đây là giai đoạn khổ nhất của nhân loại từ bao kiếp rộng lớn đến nay, nhưng người trong thời đại này hết sức kiêu mạn, tự đại, ghen tỵ, hiềm chiến. Vì lẽ nào? Cộng nghiệp của mọi người không ngừng cường hóa, đem lại quả báo thuộc loại xấu ác ấy. Khi chúng ta nghe tuổi thọ của con người là tám vạn bốn ngàn năm, tâm trí sẽ cảm thấy thoải mái, thông dong, vì khi đó, sẽ có đủ thời gian để làm mọi chuyện, tinh lực, thể lực, phước đức lực đều trọn đủ, còn hiện tại thì tâm trí và nghiệp duyên của con người bị nhiều nổi bức bách, bị Khổ Khổ bức bách. Do sanh mạng ngắn ngủi, cho nên con người nóng lòng đạt được hiệu quả và lợi ích chẳng màng thủ đoạn, chẳng bận tâm đến pháp tắc, kết quả là mắc hại vì chỉ chuyên chú đạt lợi ích bất cần thủ đoạn! Tuy làm thành công một chuyện chi đó, nhưng đã tạo vô lượng nghiệp. Dầu đạt được một mục đích, nhưng đã thương tổn vô lượng hữu tình.

Như vậy đều là do cái tâm cưỡng chấp hiệu quả và lợi ích của chính mình, gieo hại cho chúng sanh, nhiễu loạn xã hội, bức bách lẫn nhau, khiến cho năm sự ác, năm sự đau, năm sự thiêu đốt trong thế giới này càng thêm hùng hực. Đây quả thật là chuyện đọa lạc mà nhân loại trong thời đại này cần phải đặc biệt phản tỉnh. Nếu hiện thời chẳng phải là con người thọ tám vạn bốn ngàn năm, dầu là năm vạn năm, chúng ta vẫn có thể yên tâm vận dụng, tu tập các pháp tắc đó. Nhưng hiện thời, tuổi thọ của con người quá ngắn ngủi, trong vòng một trăm năm, thời gian chúng ta có thể tự làm chủ là bao lâu? Thời gian chúng ta có thể

nghe pháp, hành pháp lại là bao lâu? Trí huệ của chúng ta lại thật sự có thể sáng suốt trong thời gian bao lâu? Đấy quả thật là những chỗ chúng ta phải nên suy nghĩ!

(Kinh) Thân khinh khí mãnh, hành tuấn nhược phi. Thị nhân sanh tiện tức năng hành nhất thế giới. Tiên hành Đông phương tận thế giới biên. Như thị thứ đệ hành u Nam, Tây, Bắc phương, tứ duy, thượng, hạ, châu toàn thập phương, cùng cực địa tế. Hiền Hộ! U ý vân hà? Giả sử hữu nhân thông minh xuất thế, thiện thông toán thuật, năng kế thị nhân sở hành địa giới đạo lộ viễn cận, trường đoản da?

(經)身輕氣猛，行駿若飛。是人生便即能行一世界。先行東方盡世界邊。如是次第行於南西北方四維上下，周旋十方，窮極地際。賢護！於意云何？假使有人聰明出世，善通算術，能計是人所行地界道路近遠長短耶？」

(Kinh: Thân nhẹ nhàng, sức mạnh mẽ, đi vùn vụt như bay. Người ấy vừa sanh ra đã có thể đi khắp một thế giới. Trước hết, đi trọn hết các thế giới ở phương Đông. Theo thứ tự như thế, đi trong các phương Nam, Tây, Bắc, bốn góc, trên, dưới, trọn khắp mười phương, cùng cực ranh giới các cõi đất. Nay Hiền Hộ! Ý ông nghĩ sao? Giả sử có người thông minh ra đời, khéo thông thạo tính toán, có thể tính toán đường sá xa gần, dài ngắn nơi các cõi đất mà người ấy đã đi hay chẳng?)

Ở đây, đức Thế Tôn nêu một giả thiết: Một người đi lại nhanh chóng như bay, sanh ra đã có thể đi khắp một thế giới. Trước hết đi từ phương Đông, sau đó đến Tây, Nam, Bắc, bốn phương bàng, trên, dưới, mỗi phương đều đi cùng tận giới hạn của cuộc đất, hỏi rằng người thông minh có thể tính toán đường sá mà kẻ đó đã đi dài ngắn cỡ nào hay chẳng?

(Kinh) Hiền Hộ bạch ngôn: “Bất dã!” “Hựu năng xưng lượng da?” “Bất dã!” “Hữu năng quán sát da?” “Bất dã”. “Diệc năng tư duy da?” “Bất dã, Thế Tôn”. “Hiền Hộ! Thử trí sơ hành, tức sử thị nhân mãn túc bách niên, tốc tạt vãng phản, biến chí thập phương vô lượng thế giới. Bĩ minh toán nhân, phục năng tri phủ?” Hiền Hộ báo

ngôn: “*Bất dã, Thế Tôn. Bỉ minh toán nhân, thượng bất năng tri sơ thời sở hành địa giới cận viên, vân hà năng kế thị nhân nhất thế, tận lực phi hành châu biến thập phương vô số thế giới đạo lộ do-tuần, kỳ số đa thiểu? Nhược dục đắc tri, duy độc Thế Tôn cập đại đệ tử Xá Lợi Phất, dữ bỉ bất thoái chư đại Bồ Tát đẳng, nãi năng tri nhĩ!*”

(經)賢護白言：「不也！」「又能稱量耶？」「不也！」「又能觀察耶？」「不也！」「亦能思惟耶？」「不也！世尊」。「賢護！且置初行，即使是人滿足百年，速疾往返，遍至十方無量世界。彼明算人，復能知否？」賢護報言：「不也！世尊。彼明算人，尚不能知初時所行地界近遠，云何能計是人一世，盡力飛行周遍十方無數世界道路由旬，其數多少？若欲得知，唯獨世尊及大弟子舍利弗，與彼不退諸大菩薩等，乃能知耳！」

(*Kinh: Hiền Hộ bạch rằng: “Thưa không ạ!” [Đức Thế Tôn hỏi]: “Lại có thể tính kê hay chẳng?” “Thưa không ạ”. “Có thể quan sát hay không?” “Thưa không ạ!” “Cũng có thể tư duy hay không?” “Bạch Thế Tôn! Không ạ”. “Này Hiền Hộ! Hãy để chuyện đi trên đây lại đó. Giả sử người ấy trọn một trăm năm, qua lại nhanh chóng, đến khắp vô lượng thế giới trong mười phương, người giỏi toán đó lại có thể biết được chẳng?” Hiền Hộ thưa rằng: “Bạch Thế Tôn, không ạ! Người giỏi toán đó còn chẳng thể biết lúc kê đó khi đi lần đầu, đã đi trong bao nhiêu cõi đất gần xa, thì làm sao có thể tính ra kê đó trong một đời, tận lực phi hành trọn khắp mười phương vô số thế giới, con số do-tuần nơi các đường sá kê đó đã đi là bao nhiêu? Nếu muốn biết, chỉ riêng đức Thế Tôn và đại đệ tử Xá Lợi Phất, cùng với các vị đại Bồ Tát bất thoái mới có thể biết mà thôi!”)*

“Do-tuần” (Yojana) là một đơn vị đo lường [chiều dài] của Ấn Độ. Nếu nói khá chuẩn xác, đại khái là ở vùng núi thì năm mươi dặm là một do-tuần, nơi núi đồi thì ba mươi dặm hoặc bốn mươi dặm là một do-tuần, nơi đồng bằng thì sáu mươi dặm là một do-tuần. Cũng có người trực tiếp coi bốn mươi dặm là một do-tuần [trong mọi trường hợp].

(Kinh) Phật cáo Hiền Hộ: - Như thị, như thị. Ngã kim ngũ như. Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân khởi tín kính tâm, u bỉ phong hành tráng nhân sở kinh thế giới, thịnh mãn trân bảo, trì dụng phụng hiến thập phương chư Phật, kỳ sở hoạch phước, tuy viết cực đa, nhiên thượng bất như tùy hỷ tam-muội công đức thiểu phần.

(經)佛告賢護：「如是，如是。我今語汝。若有善男子善女人，起信敬心，於彼風行壯人所經世界，盛滿珍寶，持用奉獻十方諸佛，其所獲福，雖曰極多，然尚不如隨喜三昧功德少分。

(Kinh: Lại này Hiền Hộ: - Như thế đó, như thế đó. Ta nay bảo ông, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân khởi tâm kính tin, đối với các thế giới mà người mạnh khỏe đi như gió ấy đã trải qua, bèn chứa đầy trân bảo, dùng để dâng cúng mười phương chư Phật, phước do người ấy đạt được tuy nói là cực nhiều, vẫn chẳng bằng chút phần công đức do tùy hỷ tam-muội).

Đây là tỷ dụ, nêu rõ sự sai biệt giữa Tài Bồ Thí và Pháp Bồ Thí. Quý vị nói: “Như vậy thì chẳng phải là pháp tùy hỷ quá tiện nghi hay sao?” Chẳng phải vậy! Nếu chẳng có thiện căn từ bao kiếp lâu xa tới nay đã chín muồi, chúng ta sẽ chẳng có cơ hội được nghe! Đừng tưởng chính mình được nghe [tam-muội này] là chuyện rất đơn giản. Nếu [cứ nghĩ như thế], thật ra là đang tự khinh! Có khi do tự mạn, chúng ta nẩy sanh tri kiến tự khinh chẳng chánh xác! Thường là đối với thiện căn của chính mình, chẳng thể chánh tín, đối với ác duyên của chính mình chẳng thể trực diện xét kỹ, đối với lỗi lầm của chính mình cũng chẳng thể sám hối. Con người có khi là như thế đó, rất khó thể thuyết phục được! Nếu chúng ta có thể nắm rõ ràng, nhận thức chuẩn xác, sẽ rất dễ dàng xử lý các vấn đề sanh tử phiền não.

(Kinh) Hà dĩ cố? Hiền Hộ! Do bỉ Bồ Tát Ma Ha Tát tu thử tam-muội, cụ túc như thượng tứ đại tùy hỷ, hồi hướng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Vị cầu đa văn thành Chánh Giác cố. Hiền Hộ! Dĩ thị nhân duyên, trì bỉ thí phước, vọng tiền tùy hỷ sở hoạch công đức, bách phần bất cập nhất, thiên phần bất cập nhất, bách thiên vạn phần

bất cập nhất, ức bách thiên phần bất cập nhất. Nãi chí toán số thí dụ, sở bất năng cập. Hiền Hộ! Nhữ kim đương tri, chư Bồ Tát đẳng, tùy hỷ hồi hướng sở đắc công đức. Thị cố, ngã kim cánh vị nhữ thuyết Bồ Tát tùy hỷ công đức thiếu phần, nhữ nghi để thính dã.

(經)何以故? 賢護! 由彼菩薩摩訶薩修此三昧, 具足如上四大隨喜, 迴向阿耨多羅三藐三菩提。爲求多聞成正覺故。賢護! 以是因緣, 持彼施福, 望前隨喜所獲功德, 百分不及一, 千分不及一, 百千萬分不及一, 億百千分不及一。乃至算數譬喻, 所不能及。賢護! 汝今當知, 諸菩薩等, 隨喜迴向所得功德。是故, 我今更爲汝說菩薩隨喜功德少分, 汝宜諦聽也。

(Kinh: Vì có sao? Này Hiền Hộ! Do Bồ Tát Ma Ha Tát ấy tu tam-muội này, sẽ đầy đủ bốn món đại tùy hỷ như trên, hồi hướng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vì để cầu đa văn, thành Chánh Giác. Này Hiền Hộ! Do nhân duyên ấy, đem phước bố thí đó so với công đức đạt được do tùy hỷ trên đây thì chẳng bằng một phần trăm, chẳng bằng một phần ngàn, chẳng bằng một phần trăm ngàn vạn phần, chẳng bằng một phần ức trăm ngàn. Cho đến toán số thí dụ, đều chẳng thể bằng được. Này Hiền Hộ! Ông nay nên biết công đức đạt được của các vị Bồ Tát do tùy hỷ hồi hướng. Vì thế, ta nay lại vì ông nói chút phần công đức do tùy hỷ, ông hãy nên lắng nghe).

Đức Thế Tôn lại dùng tỷ dụ để nói rõ với chúng ta một vấn đề, tức là phước đức đạt được do bố thí cúng dường chư Phật so với công đức tùy hỷ tam-muội, hồi hướng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề sẽ là chẳng thể nói trọn được!

(Kinh) Hiền Hộ! Ngã niệm vãng tích quá u vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, nhĩ thời hữu Phật, hiệu Sư Tử Ý Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, xuất hiện u thế.

(經)賢護！我念往昔過於無量無邊阿僧祇劫，爾時有佛，號師子意如來、應供、等正覺、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊，出現於世。

(Kinh: Nay Hiền Hộ! Ta nhớ xưa kia quá vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, lúc ấy có Phật, hiệu là Sư Tử Ý Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện trong đời).

“Sư Tử Ý Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn”, cách dịch này thuận theo kết cấu ngôn ngữ của người Hoa. Trong quá khứ, cũng có người dịch thành “Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư Phật Thế Tôn”. Đó là cách nói đảo ngược.

(Kinh) Hiền Hộ! Thời thử thế giới Diêm Phù Đề trung, nhân dân xí thịnh, đa nhiều tài bảo, phong lạc an ổn, thậm khả ái nhạo. Hiền Hộ! Nhĩ thời, thử Diêm Phù Đề, kỳ địa hoàng quảng, cụ túc nhất vạn bát thiên do-tuần. Kỳ gian thành đô, tụ lạc, nãi hữu nhất vạn bát thiên, nhất thiết giai dĩ thất bảo sở thành. Kỳ thành tung quảng thập nhị do-tuần, w chư thành nội, thành ngoại, giai hữu cửu thập ức dân gia.

(經)賢護！時此世界閻浮提中，人民熾盛，多饒財寶，豐樂安穩，甚可愛樂。賢護！爾時，此閻浮提，其地宏廣，具足一萬八千由旬。其間城都聚落，乃有一萬八千，一切皆以七寶所成。其城縱廣十二由旬，於諸城內城外，皆有九十億民家。

(Kinh: Nay Hiền Hộ! Khi đó, trong Diêm Phù Đề của thế giới này, nhân dân đông đảo, của cải sung túc, giàu mạnh, an ổn, rất đáng yêu thích. Nay Hiền Hộ! Lúc bấy giờ, trong Diêm Phù Đề này, cuộc đất

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

rộng rãi, trọn đủ một vạn tám ngàn do-tuần. Trong đó, thành đô, xóm làng bên có một vạn tám ngàn nơi, hết thấy đều do bảy báu tạo thành. Thành ấy có kích thước mười hai do-tuần, trong ngoài thành đều có chín mươi ức nhà dân).

“Nhất thiết giai dĩ thất bảo sở thành” (Hết thấy đều do bảy báu tạo thành): Trong Phật giáo, thường nhắc tới thất bảo. Dùng thất bảo để kiến tạo thành thị là như thế nào? Tâm trí của chúng ta rất khó suy nghĩ được, chẳng có khái niệm! Nay các thành thị tốt đẹp nhất của chúng ta đều chẳng rời các loại xi măng, cốt thép, ngói, gạch v.v... Bất luận trau chuốt cỡ nào, vẫn là ngói, đá! “Cửu thập ức dân gia” (Chín mươi ức nhà dân): Tại Ấn Độ, đối với chữ Úc, có khi hiểu là một trăm vạn, hoặc một ngàn vạn, mà cũng có khi nói là một vạn vạn. Ở đây nói theo kiểu nào? Chẳng thể biết!

(Kinh) Hiền Hộ! Nhĩ thời, đại thành danh viết Hiền Tác. Thành trung cư dân, hữu lục thập ức, bỉ thành tức thị Sư Tử Ý Như Lai hiện sanh xứ dã. Hiền Hộ! Nhĩ thời, Sư Tử Ý Như Lai sơ hội thuyết pháp, hữu cửu thập ức nhân chứng A La Hán quả. Quá thất nhật dĩ, u đệ nhị hội, phục hữu cửu thập ức nhân đắc A La Hán quả. Quá đệ nhị hội, đệ tam hội trung, phục hữu cửu thập ức nhân đắc A La Hán quả. Quá tam hội dĩ, phục hữu cửu thập ức nhân hàm tàng tha phương nhi lai đại tập, tất thị thanh tịnh chư Bồ Tát chúng. Tự hậu, bỉ Phật hằng hữu vô lượng A-tăng-kỳ chư Thanh Văn chúng. Hiền Hộ! Nhĩ thời, nhân dân hành Thập Thiện nghiệp, như bỉ vị lai Di Lạc Phật thế.

(經)賢護！爾時，大城名曰賢作。城中居民，有六十億，彼城即是師子意如來現生處也。賢護！爾時，師子意如來初會說法，有九十億人證阿羅漢果。過七日已，於第二會，復有九十億人得阿羅漢果。過第二會，第三會中，復有九十億人得阿羅漢果。過三會已，復有九十億人咸從他方而來大集，悉是清淨諸菩薩衆。自後，彼佛恆有無量

阿僧祇諸聲聞衆。賢護！爾時，人民行十善業，如彼未來彌勒佛世。

(Kinh: Đây Hiền Hộ! Lúc bảy giờ, thành lớn tên là Hiền Tác. Trong thành có sáu mươi ức cư dân. Thành ấy chính là chỗ Sư Tử Ý thị hiện giáng sanh. Đây Hiền Hộ! Lúc bảy giờ, trong hội thuyết pháp đầu tiên của Sư Tử Ý Như Lai có chín mươi ức người chứng A La Hán quả. Bảy ngày sau, trong hội thứ hai, lại có chín mươi ức người chứng A La Hán quả. Sau hội thứ hai, trong hội thứ ba, lại có chín mươi ức người chứng A La Hán quả. Sau ba hội, lại có chín mươi ức người đều từ phương khác đến tụ họp đông đảo, đều là các vị Bồ Tát thanh tịnh. Từ đó về sau, đức Phật ấy luôn có vô lượng A-tăng-kỳ chư Thanh Văn chứng. Đây Hiền Hộ! Lúc ấy, nhân dân đều hành Thập Thiện nghiệp như thời Di Lặc Phật giáng thế trong đời vị lai).

Sau Thích Ca Mâu Ni Phật năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm, Di Lặc Thế Tôn hạ sanh trong Diêm Phù Đề, thị hiện tám tướng thành đạo. Khi đó, con người thọ tám vạn bốn ngàn năm, tự nhiên hành Thập Thiện. Nay chúng ta hãy nói đến Ngũ Giới, Thập Thiện, phần đông đều sợ hãi, rất nhiều người nói: “Ồi trời ơi! Tôi trì Ngũ Giới không nổi, đành trì một giới vậy!” Có kẻ nói có thể trì hai điều, ba điều, tức là một phần, họ là thiếu phần ưu-bà-tắc, ưu-bà-di.

Nếu là nguyện vọng trì mãi phần Ngũ Giới đều chẳng có, càng chẳng nói tới chuyện hành trì. Đây là cơ chế trong thời đại này, mọi người hãy như thật xem xét kỹ!

(Kinh) Giáo chư chúng sanh, cụ túc thành tựu thập chủng nghiệp hạnh. Nhữ thời, nhân thọ bát vạn tứ thiên, như Di Lặc thời nhân thọ vô dị.

(經)教諸衆生，具足成就十種業行。爾時，人壽八萬四千，如彌勒時人壽無異。

(Kinh: Dạy các chúng sanh trọn đủ thành tựu mười loại nghiệp hạnh. Lúc bảy giờ, con người thọ tám vạn bốn ngàn năm, như tuổi thọ của người thời Phật Di Lặc chẳng khác).

Vì Di Lặc Thế Tôn gần chúng ta nhất trong hiện thời, [cho nên so sánh như thế]. Hiện nay, Phật Thích Ca đã nhập diệt hơn hai ngàn năm,

phải năm mươi sáu ức bảy ngàn năm sau, Di Lặc Thế Tôn mới giáng thế. Chúng ta sanh giữa hai vị Thế Tôn, trong thời trước và sau Phật đều chẳng thể thấy Phật, chỉ có thể lãnh thọ di giáo của Thích Ca Phật Thế Tôn, nương theo di giáo mà hành trì.

(Kinh) Hiền Hộ! Thời bỉ đại thành hữu Chuyển Luân Vương, danh viết Thắng Du, như pháp trị thế, cụ túc thất bảo. Sở vị: Kim luân bảo, tượng bảo, mã bảo, ma-ni bảo, nữ bảo, trưởng giả bảo, chủ binh bảo. Thị vi thất bảo.

(經)賢護！時彼大城有轉輪王，名曰勝遊，如法治世，具足七寶，所謂：金輪寶、象寶、馬寶、摩尼寶、女寶、長者寶、主兵寶。是爲七寶。

(Kinh: Nay Hiền Hộ! Khi đó, thành lớn ấy có Chuyển Luân Vương tên là Thắng Du, đúng pháp cai trị cõi đời, trọn đủ bảy báu. Tức là kim luân bảo, tượng bảo, mã bảo, ma-ni bảo, nữ bảo, trưởng giả bảo, chủ binh bảo. Đây là bảy báu).

Phần nhiều là Luân Vương xuất thế, thất bảo mới sanh ra. Tức là khi [Luân Vương] giáng thế, bảy thứ công đức ấy tự nhiên hiển hiện bên thân. Đó là tướng Luân Vương. Như chúng ta biết Thiện Tài đồng tử vừa mới sanh ra, tất cả các phòng trống trong nhà đều tự nhiên trồi lên bảy báu đầy ắp. Do nhân duyên mạnh mẽ, cho nên thất bảo mới sanh ra tràn trề. Nếu ác nghiệp thành thực, gia đình của chính mình sẽ bị suy bại.

(Kinh) Mãn túc thiên tử.

(經)滿足千子。

(Kinh: Trọn đủ một ngàn con trai).

Đây cũng là tướng riêng biệt của Luân Vương. Trong loài người chúng ta, người có mười con trai hết sức hiếm hoi, trăm đứa con trai hầu như không có, nhưng Luân Vương do oai đức, có trọn đủ một ngàn con trai. Như A Di Đà Phật khi làm Luân Vương cũng trọn đủ một ngàn con trai. Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền v.v... đều ở trong số một ngàn đứa con trai ấy. Trong đó, Quán Âm và Thế Chí là con thứ nhất và thứ hai. A Di Đà Phật dùng thân Luân Vương phát nguyện, sau đó, thành

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Phật. Do trong lúc tu nhân, A Di Đà Phật có đại thể lực, một ngàn người con của Ngài cũng phát nguyện trong khi tu nhân, sau đó lại trở thành một ngàn vị Phật hoặc Bồ Tát. Tuy mỗi người con đều phát nguyện, nhưng đều lìa bỏ thế giới ngũ trược Sa Bà, cho nên Phạm Chí [tiên thân của] Thích Ca Mâu Ni Phật bèn phát ra năm trăm đại nguyện hồng nhiếp hóa thế giới bị một ngàn vị Phật lìa bỏ. Vì thế, một khi Phật Thích Ca ứng thế trong đời ô trược, chư Phật hoặc các vị đại Bồ Tát đều lìa bỏ Tịnh Độ của chính mình để đến giúp Phật Thích Ca thực hiện sự nghiệp hoằng hóa, trở thành quyến thuộc tùy thuận của Ngài để sự giáo hóa ấy được lưu truyền rộng rãi.

Vì ngũ trược ác thế hiện thời rất ô trược, bị chư Phật lìa bỏ, giống như chúng ta vứt rác rưởi vậy, chư Phật cũng lìa bỏ, chẳng quay lại nhìn tới thế giới này. Phật Thích Ca giống như trạm trưởng thu nhặt rác, tới đâu nhặt nghiệp duyên của chúng ta. Vì sao Ngài có thể hóa các thứ mục nát thành trân bảo? Ngài lập ra năm trăm trọng thệ, trở vào thế giới Sa Bà bị vứt bỏ này. Chúng ta đọc kinh Bi Hoa sẽ biết, nhưng thường là chúng ta chẳng tự biết, cứ tự phụ, tự kiêu mạn, trong chôn cực khổ coi khổ là vui, vẫn dùng khổ để thủ hộ tăng thượng mạn, xâm hại lẫn nhau. Điều này mười phần vẫn là chuyện khiến cho người khác hổ thẹn, tiếc nuối!

(Kinh) Thân tướng đoan nghiêm, thành tựu oai hùng, hàng phục oán địch. Bĩ vương sở thống tận thế giới biên, bất dụng đao binh, diệt vô oai bách, vô sở thuế liễm, chúng cụ tự nhiên.

(經)身相端嚴，成就威雄，降伏怨敵。彼王所統盡世界邊，不用刀兵，亦無威迫，無所稅斂，衆具自然。

(Kinh: Thân tướng đoan nghiêm, thành tựu oai hùng, hàng phục oán địch. Vị vua ấy thống lãnh đến tận ngàn mé thế giới, chẳng dùng tới chiến tranh, cũng chẳng dùng oai thế bức bách, chẳng có thuế khóa, các vật dụng tự nhiên [trọn đủ]).

Luân Vương có Kim Luân Vương, Ngân Luân Vương, Đồng Luân Vương, và Thiết Luân Vương. Thời Kim Luân Vương, hết thấy tự nhiên thành tựu. Thời Ngân Luân Vương, hễ kiến lập quân đội là được rồi (tự nhiên thống ngự thế giới). Thời Đồng Luân Vương, dẫn quân đội đi khắp

thiên hạ liền chinh phục thiên hạ, nhưng thời Thiết Luân Vương thì phải giao chiến khổ sở.

(Kinh) Thời, Thắng Du vương nghê Sư Tử Ý Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác sở, đánh lễ tôn túc, nhiên hậu thoái tọa. Nhĩ thời, Sư Tử Ý Như Lai tri Thắng Du vương khát ngưỡng tâm dĩ, tức vị quảng tuyên hiện tiền tam-muội.

(經)時，勝遊王詣師子意如來、應供、等正覺所，頂禮尊足，然後退坐。爾時，師子意如來知勝遊王渴仰心已，即為廣宣現前三昧。

(Kinh: Khi đó, vua Thắng Du đến chỗ Sư Tử Ý Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, đánh lễ dưới chân đức Thế Tôn, sau đó lui ra ngồi [một phía]. Lúc bấy giờ, Sư Tử Ý Như Lai biết cái tâm khát ngưỡng của vua Thắng Du rồi, liền vì nhà vua tuyên nói rộng rãi hiện tiền tam-muội).

“Hiện tiền tam-muội” tức là Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội như đã nói, ở đây là gọi tắt.

(Kinh) Thời, bĩ vương ký văn như thị tam-muội, thâm tự khánh hạnh, phát tùy hỷ tâm.

(經)時，彼王既聞如是三昧，深自慶幸，發隨喜心。

(Kinh: Khi đó, vị vua ấy đã nghe tam-muội như thế, vui mừng sâu xa, phát tâm tùy hỷ).

Chúng ta trong thời gian học tập một tháng này, chẳng biết mọi người đối với chuyện được nghe nói tam-muội này có sanh khởi tâm trí “chính mình quá may mắn” hay không? Đúng là quá may mắn!

(Kinh) Dĩ nhất bả bảo phụng tán Phật thượng.

(經)以一把寶奉散佛上。

(Kinh: Dùng một nắm báu dâng rải lên trên Phật).

“Phụng thượng” (Dâng lên) là một phương thức cúng dường khá xưa cũ. Có hai loại dâng tặng: Một là trao tận tay, khiến cho đối phương

chạm đến, tiếp nhận. Loại kia thì rải lên là được rồi. Dùng cách làm ấy để cúng dường pháp ấy, hoặc nhân duyên ấy, tức là cúng dường mà chẳng cần được đền đáp, mà cũng chẳng báo cho đối phương biết, chỉ cúng dường là được rồi! Như thế sẽ rất dễ giúp cho tùy hỷ. Nói “tùy hỷ” tức là chẳng cầu được báo đáp, thiện căn như thế chính là chẳng thể nghĩ bàn!

Trong thời đại của chúng ta, loại cúng dường Phật theo kiểu tùy hỷ này khá ít! Mọi người thường nói là: Trương X... hoặc Trần Y... dâng cúng bao nhiêu tiền, có ý nguyện gì đó. Chẳng hạn như trong nhà có người bệnh mong được chữa lành, hoặc mong phát tài, hoặc mong lập công ty v.v... mong Phật, Bồ Tát, thánh nhân gia trì. Chúng ta có thể như pháp cúng dường hay không? Ở đây, kinh điển đã chỉ bảo chúng ta, nhưng con người hiện thời đối với chuyện này thường là nhận biết chẳng đầy đủ. Vì sao vậy? Có chướng ngại trong tu tập, có chướng ngại nơi tâm lý, hoặc thường là không có tâm trí “chẳng mong cầu được đền đáp thứ gì”. Vì thế, chúng ta bỏ ra điều gì, đều cần phải được đền đáp thứ chi đó. Chuyện này nói theo phía phàm phu là có ý nghĩa, nhưng chỉ có thể kết thành một duyên, duyên ấy sẽ chẳng rộng lớn, sẽ chẳng sâu đậm, chẳng phải là duyên thù thắng. Nếu quý vị kết một nhân duyên thanh tịnh, chẳng đòi lấy được gì, đó sẽ là duyên thù thắng, có thể nhanh chóng đạt được công đức và lợi ích. Quý vị nói: “Đấy chẳng phải là tham ư?” Chẳng phải! Tướng công đức là như thế, lợi ích chân thật ở chỗ này!

(Kinh) Bĩ vương duyên thử tùy hỷ thiện căn, mạng chung chi hậu, hoàn sanh Diêm Phù, vi bĩ vương tử danh viết Phạm Đức, phục thiệu vương vị, như pháp trị hóa. Bĩ Phật diệt hậu, ư chánh pháp trung, hữu nhất tỳ-kheo kỳ danh viết Bảo, thông minh, tinh tấn, thường vị tứ chúng, tuyên dương, quảng thuyết như thị kinh điển.

(經)彼王緣此隨喜善根，命終之後，還生閻浮，爲彼王子名曰梵德，復紹王位，如法治化。彼佛滅後，於正法中，有一比丘其名曰寶，聰明精進，常爲四衆，宣揚廣說如是經典。

(Kinh: Vị vua đó do thiện căn tùy hỷ ấy, sau khi mạng chung, vẫn sanh trong Diêm Phù, làm vương tử tên là Phạm Đức, lại nối tiếp ngôi vua, đúng như pháp mà cai trị, giáo hóa. Sau khi đức Phật ấy diệt độ, ở

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

trong chánh pháp, có một vị tỳ-kheo tên là Bảo, thông minh, tinh tấn, thương vì bốn chúng, tuyên dương, nói rộng kinh điển như thế).

“*Kinh điển như thế*” chính là giáo điển Ban Châu Tam Muội Kinh như vậy.

(Kinh) Hiền Hộ! Nhĩ thời, bĩ Phạm Đức vương w tỳ-kheo sở văn tam-muội dĩ.

(經)賢護! 爾時, 彼梵德王於比丘所聞三昧已。

(Kinh: Này Hiền Hộ! Lúc bấy giờ, vua Phạm Đức ở chỗ tỳ-kheo nghe tam-muội rồi).

Do trong kiếp trước, do nhân duyên đời trước đức Phật, trong khoảng sát-na, rải báu cúng dường và tùy hỷ, ở nơi đây, chuyển sanh làm vua Phạm Đức, vẫn được nghe tam-muội này.

(Kinh) Đắc thâm tịnh tín, khởi tùy hỷ tâm, trì thượng diệu y, giá trị bách thiên, phú tỳ-kheo thượng.

(經)得深淨信, 起隨喜心, 持上妙衣, 價直百千, 覆比丘上。

(Kinh: Đạt được lòng tin thanh tịnh sâu xa, dấy lòng tùy hỷ, cầm áo thượng diệu, giá trị trăm ngàn, che trên tỳ-kheo).

Trong chỗ sống thuộc đời trước, [vua Phạm Đức] đã cúng dường Thế Tôn, còn ở đây là che diệu y để cúng dường tỳ-kheo. “Che y để cúng dường” khá phổ biến trong Nam truyền Phật giáo, còn đối với người nơi đất Hán, khái niệm “*cúng dường y bát*” chẳng rõ ràng cho lắm. Ở Ấn Độ, y có giá trị rất cao, có tấm y giá trị liên thành. Trong tâm mục của người Hoa, nếu nói một tấm y có giá trị liên thành, phần nhiều cảm thấy chẳng thể nghĩ bàn. Từ xưa tới nay, dường như rất ít nghe nói theo kiểu như thế. Tuy có “*kim lữ y, ngân lữ y*” (y ca-sa dệt bằng sợi vàng, sợi bạc), nhưng nói là “*giá trị liên thành*” thì vẫn rất khó nghĩ bàn. Nhưng tại Ấn Độ, một tấm y giá trị liên thành thường xuất hiện, có thể do nhân duyên phong tục trong dân chúng.

(Kinh) Hiền Hộ! Hựu Phạm Đức vương tòng tỳ-kheo sở văn tam-muội dĩ, tức phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm, vị ái pháp cố, xả gia, xuất gia, thể trừ tu phát, phi phục ca-sa. Thị thời, diệc hữu bách thiên nhân chúng thành tựu tín tâm, tức tùy bĩ vương, pháp phục xuất gia, diệc vị như thị tam-muội kinh cố.

(經)賢護！又梵德王從比丘所聞三昧已，即發阿耨多羅三藐三菩提心，為愛法故，舍家出家。剃除鬚髮，披服袈裟。是時，亦有百千人眾成就信心，即隨彼王，法服出家，亦為如是三昧經故。

(Kinh: Này Hiền Hộ! Lại nữa, vua Phạm Đức từ chỗ tỳ-kheo nghe tam-muội xong, liền phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm, do vì yêu mến pháp nên bỏ nhà, xuất gia, cạo bỏ râu tóc, khoác mặc ca-sa. Lúc ấy, cũng có trăm ngàn người thành tựu tín tâm, liền theo nhà vua ấy, khoác pháp phục xuất gia, cũng vì kinh tam-muội như thế).

Vua Phạm Đức do công đức của tam-muội nên phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm. Vì yêu thích pháp nên bỏ nhà, xuất gia, cạo bỏ râu tóc, khoác mặc ca-sa. Cho đến có trăm ngàn người như thế cũng tùy thuận vị vua ấy mặc pháp phục xuất gia, đều là vì kinh tam-muội này!

(Kinh) Thời, bĩ Phạm Đức tỳ-kheo dĩ bĩ bách thiên chư tỳ-kheo chúng, kinh bát thiên tuế, cúng dường thừa sự bĩ Bảo tỳ-kheo, vô hữu bì quyện, chúng bất năng đắc như thị tam-muội.

(經)時，彼梵德比丘與彼百千諸比丘眾，經八千歲，供養承事彼寶比丘，無有疲倦，終不能得如是三昧。

(Kinh: Khi đó, tỳ-kheo Phạm Đức cùng với trăm ngàn các vị tỳ-kheo, trải qua tám ngàn năm cúng dường, thừa sự vị tỳ-kheo Bảo ấy, chẳng hề mệt nhọc, trọn chẳng thể đắc tam-muội như thế).

Hàm nghĩa trong đoạn văn tự này rất rõ ràng. Tỳ-kheo Phạm Đức do trong đời quá khứ cúng dường Phật, được nghe nói và tùy hỷ pháp này. Sau đó, chuyển sang kiếp khác, làm vương tử, lại ở chỗ tỳ-kheo Bảo

nghe giáo điển này. Do vậy, phát Vô Thượng Tâm, bỏ nhà, xuất gia, trong tám ngàn năm thừa sự tỳ-kheo Bảo chưa hề mệt mỏi, nhưng nhà vua trọn chẳng thể đắc tam-muội như thế. “Đắc” có nghĩa là đích thân chứng.

(Kinh) Duy trừ nhất văn.

(經)惟除一間。

(Kinh: Chỉ trừ một lần nghe).

Cũng có nghĩa là chỉ có thể nghe nói tam-muội này, nhưng chẳng có cơ chế tu tập, thành tựu.

(Kinh) Văn dĩ tùy hỷ, cụ dĩ tứ chủng tùy hỷ công đức, hồi hướng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Như sơ tùy hỷ, như thị quảng hành, nhiên hậu, Phạm Đức tỳ-kheo cập bách thiên chúng, duyên thử thiện căn.

(經)聞已隨喜，具以四種隨喜功德，迴向阿耨多羅三藐三菩提。如初隨喜，如是廣行，然後，梵德比丘及百千衆，緣此善根。

(Kinh: Nghe rồi tùy hỷ, trọn đủ bốn loại công đức tùy hỷ, hồi hướng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Như thoạt đầu tùy hỷ, hành rộng rãi như thế, sau đó, tỳ-kheo Phạm Đức và trăm ngàn đại chúng, do thiện căn ấy).

“Duyên thử thiện căn” (Do thiện căn ấy) tức là thiện căn tùy hỷ, chỉ có thể nghe lời dạy này, chẳng hành, chẳng chứng, nhưng phần nhiều sanh lòng tùy hỷ hồi hướng Vô Thượng Bồ Đề.

(Kinh) Tầm đắc trị ngộ lục vạn bát thiên chư Phật Thế Tôn.

(經)尋得值遇六萬八千諸佛世尊。

(Kinh: Liền được gặp gỡ sáu vạn tám ngàn chư Phật Thế Tôn).

Tuy chưa chứng Thập Phương Chư Phật Tắt Giai Hiện Tiền tam-muội, nhưng do tùy hỷ mà đạt được nhân duyên phước đức này.

(Kinh) Phàm sở sanh xứ, thường đắc vị chúng, ban tuyên, quảng thuyết như thị tam-muội.

(經)凡所生處, 常得爲衆, 頒宣廣說如是三昧。

(Kinh: Phàm sanh ở chỗ nào, cũng đều thường vì đại chúng ban bố, tuyên nói rộng rãi tam-muội như thế).

Nương vào thiện căn tùy hỷ chín muôi, được gặp sáu vạn tám ngàn chư Phật Thế Tôn, cho đến chỗ nào cũng đều làm thầy hướng dẫn cho đại chúng, tuyên nói công đức của Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiền Tiên tam-muội.

(Kinh) Bĩ vương tỳ-kheo nhân bĩ thiện căn, phục cánh trị ngộ lục vạn bát thiên ức số chư Phật, như thị thứ đệ chủng chư thiện căn, đắc thử tam-muội.

(經)彼王比丘因彼善根, 復更值遇六萬八千億數諸佛, 如是次第種諸善根, 得此三昧。

(Kinh: Vị cựu vương tỳ-kheo ấy do thiện căn đó, lại gặp gỡ sáu vạn tám ngàn chư Phật, lần lượt gieo các thiện căn như thế, đắc tam-muội này).

Do vậy có thể thấy: Nếu hiện thời chúng ta hề hơi dính dáng đến pháp tắc liền nóng lòng đạt được lợi ích, như thế là không được! Bởi lẽ, đối với pháp tắc này, cầu được truyền dạy, tu tập, đọc tụng, vì người khác giải nói, cho đến chứng đắc tam-muội này, công đức đều giống hệt nhau. Thậm chí tùy hỷ, thù hộ, công đức cũng đều chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, chúng ta hướng đến tu tập tam-muội này, đối với pháp tắc tam-muội này phải nên thực hành, phải nên tùy hỷ, nhưng chớ nên nóng ruột cầu đạt được lợi ích, chớ nên vội vã bức bách chính mình. Có khi do gấp rút, sẽ sanh ra duyên trái nghịch, chẳng tương ứng, nhưng tùy hỷ mười phần trọng yếu.

(Kinh) Cụ túc viên mãn trợ Bồ Đề pháp dĩ, tầm đắc thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)具足圓滿助菩提法已，尋得成就阿耨多羅三藐三菩提。

(Kinh: Trọn đủ viên mãn pháp trợ Bồ Đề rồi, liền được thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề).

Do chứng tam-muội mà đạt được đa văn. Do đa văn mà thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Trong phần văn tự trước đó có nói đích thân chứng Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội, sẽ có thể đa văn. Vì lẽ nào? Vì có thể thấy mười phương chư Phật, vì có thể thấy chư Phật nghe pháp, cho nên chứng tam-muội này, tất nhiên sẽ đa văn. Đa văn thì tất nhiên có thể thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, có thể nhanh chóng thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đây là lời thành thật!

(Kinh) Hiệu viết Kiên Cố Tinh Tấn Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, nhi bỉ bách thiên chư tỳ-kheo chúng, đắc thử tam-muội, diệc năng thành tựu trợ đạo pháp cố, giai dĩ thành w A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, danh viết Kiên Dũng Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Phục linh vô lượng bách thiên chúng sanh trụ w A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(經)號曰堅固精進如來、應供、等正覺、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊，而彼百千諸比丘衆，得此三昧，亦能成就助道法故，皆已成於阿耨多羅三藐三菩提，名曰堅勇如來、應供、等正覺。復令無量百千衆生住於阿耨多羅三藐三菩提。

(Kinh: Hiệu là Kiên Cố Tinh Tấn Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, mà trăm ngàn các vị tỳ-kheo kia, do đắc tam-muội này, cũng có thể thành tựu trợ đạo pháp, đều đã thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, hiệu là Kiên

Dũng Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Lại khiến cho vô lượng trăm ngàn chúng sanh trụ trong A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Tỳ-kheo Phạm Đức chứng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Một ngàn vị tỳ-kheo theo Ngài xuất gia cũng chứng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, cũng nhờ vào điều ấy mà thành tựu nhân duyên. “*Phục linh vô lượng bách thiên chúng sanh trụ ở A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*” (Lại có thể khiến cho vô lượng trăm ngàn chúng sanh trụ trong A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề), tức là lay tỉnh càng nhiều hữu tình trụ trong pháp tắc Vô Thượng Bồ Đề.

(Kinh) Hiền Hộ! Bĩ đản nhĩ văn, thượng hoạch như thị, hà hướng Bồ Tát văn thọ tam-muội, độc tụng, ức trì, vị tha quảng thuyết, phục cần tư hành, nhi bất đắc dã?

(經)賢護！彼但耳聞，尚獲如是，何況菩薩聞受三昧，讀誦憶持，爲他廣說，復勤思行，而不得也？

(Kinh: Này Hiền Hộ! Họ chỉ do tai nghe mà còn được như thế, hướng hồ Bồ Tát nghe nhận tam-muội, độc tụng, nhớ giữ, vì người khác rộng nói, lại còn tư duy, hành trì, mà chẳng đắc [tam-muội này] ư?)

“*Cần tư hành*” (Siêng năng suy nghĩ, hành trì), chẳng phải là nóng lòng mong đạt được lợi ích. Trong quá trình hành pháp, siêng hành, tán thán, tùy hỷ, vì người khác rộng nói đều được, nhưng cái tâm chỉ chú trọng đạt lợi ích thì không được, cái tâm kiêu mạn chẳng được. Trên thực tế, nóng lòng mong đạt lợi ích đều là chiết xạ của các trạng thái tâm lý kiêu mạn và ghen tỵ đó thôi! Như thế thì sẽ chẳng thể chứng tam-muội này. Cho đến chỗ này, đối với câu chuyện của vị vua này, chúng ta thấy rất rõ ràng: Do nghe nói mà tùy hỷ. Sau đó, chuyển sang kiếp khác làm vua, kế đến là xuất gia, nhưng do công đức tùy hỷ mà được thành tựu quả A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đây là nêu ra tấm gương để nói, khiến cho chúng ta đọc tụng, tư duy, truyền bá, tu tập pháp tắc này.

(Kinh) Hiền Hộ! Dĩ thử nghĩa cố, chư Bồ Tát đẳng, văn thị tam-muội, thù bất tùy hỷ? Thù bất độc tụng? Thù bất thọ trì? Thù bất tu tập? Thù bất quảng thuyết?

(經)賢護！以此義故，諸菩薩等，聞是三昧，誰不隨喜？誰不讀誦？誰不受持？誰不修習？誰不廣說？

(Kinh: Nay Hiền Hộ! Do vì nghĩa này, các vị Bồ Tát nghe tam-muội này, ai chẳng tùy hỷ? Ai chẳng đọc tụng? Ai chẳng thọ trì? Ai chẳng tu tập? Ai chẳng rộng nói?)

Đây là nhắc nhở chúng ta: Lợi ích như thế, ai chẳng tùy hỷ? Ai chẳng đọc tụng? Ai chẳng thọ trì? Ai chẳng tu tập? Ai chẳng rộng nói? Là trí hay ngu? Đặt ra những câu hỏi ấy nhằm khích lệ chúng ta trực diện quán kỹ pháp tắc này!

(Kinh) Hà dĩ cố? Hiền Hộ! Dĩ bỉ Bồ Tát văn thị tam-muội, tức đắc thành tựu trợ đạo pháp đẳng, tốc tột thành u A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề cố. Hiền Hộ! Dĩ thị nhân duyên, ngô kim ngữ nhữ, nhược nhân chánh tín tịnh tâm, dục cầu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề giả, yếu tiên chí tâm cầu thủ tam-muội.

(經)何以故？賢護！以彼菩薩聞是三昧，即得成就助道法等，速疾成於阿耨多羅三藐三菩提故。賢護！以是因緣，吾今語汝，若人正信淨心，欲求阿耨多羅三藐三菩提者，要先至心求此三昧。

(Kinh: Vì có sao? Nay Hiền Hộ! Do vị Bồ Tát ấy nghe tam-muội này, liền được thành tựu các pháp trợ đạo v.v..., mau chóng thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Nay Hiền Hộ! Do nhân duyên ấy, nay ta nói với ông: Nếu ai chánh tín, tịnh tâm, muốn cầu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, trước hết, phải chí tâm cầu tam-muội này).

Đức Thế Tôn đã đặt tam-muội này làm điều kiện hàng đầu để thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Vì sao vậy? Nếu hướng tới tam-muội này, sẽ có thể thấy vô lượng vô biên chư Phật. Nếu tùy hỷ tam-muội này, sẽ có thể thấy vô lượng vô biên chư Phật. Nếu có thể đọc tụng, có thể vì người khác giảng nói, có thể đích thân chứng, thì cũng có thể thấy vô lượng vô biên mười phương chư Phật. Bởi đó, có thể thấy Phật, nghe pháp, có thể nhanh chóng thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Tam Bồ Đề. Thông qua sự hướng dẫn của văn tự, chúng ta cũng biết pháp tắc này mạnh mẽ và chân thật rốt ráo chẳng thể nghĩ bàn.

(Kinh) Bồ Tát nhược văn bách do-tuần nội, hữu thử thậm thâm tam-muội kinh giả.

(經)菩薩若聞百由旬內，有此甚深三昧經者。

(Kinh: Nếu Bồ Tát được nghe trong vòng một trăm do-tuần có kinh tam-muội rất sâu này).

Nay trong tay chúng ta đều cầm bộ kinh này, chẳng biết mọi người đối với kinh có cảm xúc gì? Coi thành vô thượng trân bảo, hay là coi như một bộ sách bình thường? Hy vọng mọi người sau khi học tập, tốt nhất là có thể mỗi người đem theo một quyển, tốt nhất là lại có thể thường xuyên đọc tụng, tu tập pháp tắc này. Hoặc tối thiểu là thường tư duy và trao đổi với người khác. Pháp môn trân bảo như thế khó có, khó gặp, khó nghe. Nếu trong đời quá khứ, chúng ta đã từng được thấy, vận dụng; đời này sẽ có thể là bậc Bồ Tát đầy đủ thiện xảo. Nếu không, chắc là đời quá khứ đúng là chưa từng gặp gỡ.

(Kinh) Bồ Tát tức ưng cung tự vãng nghệ, thính thị kinh điển.

(經)菩薩即應躬自往詣，聽是經典。

(Kinh: Bồ Tát hãy nên lập tức cung kính tự đến đó, nghe kinh điển này).

Chúng ta học tập kinh giáo trong một đạo tràng, thoát nhìn dường như rất đơn giản, trên thực tế, ẩn sau đó là mọi người phải có phước đức và nhân duyên rất thành thực mới có thể kiên trì học tập. Cũng chắc là có người nói: “Có gì đâu! Tự mình cũng thường đọc”. Nhưng hoàn toàn chẳng phải là như thế! Có đôi khi thấy một vấn đề rất đơn giản, nhưng nhân duyên ẩn sau đó chẳng đơn giản. Đối với chuyện học tập kinh điển này, thực tế là cảm động trời đất, là chuyện chẳng thể nghĩ bàn! Nếu chẳng tin, chúng ta có thể không ngừng đọc tụng kinh điển này, lợi ích sẽ là chẳng thể nghĩ bàn. Hoặc là tuyên nói với người khác, hoặc tự mình tu tập, đều có lợi ích và oai đức chẳng thể nghĩ bàn. Cơ chế thiện căn này thật sự giống như đức Phật đã tuyên nói trong phần trước, rất khó thể tính kể, vì là rốt ráo Bồ Đề.

(Kinh) Văn dĩ, tức ung độc tụng, thọ trì, tu tập tư duy, vị tha quảng thuyết.

(經)聞已，即應讀誦受持，修習思惟，爲他廣說。

(Kinh: Nghe rồi hãy nên liền đọc tụng, thọ trì, tu tập tư duy, vì người khác rộng nói).

Thời gian chúng ta học tập một tháng sẽ viên mãn rất nhanh chóng, chư vị thiện tri thức hãy nên đối diện pháp tắc này như thế nào? Ở đây, tôi cầu mong, chúc phước mọi người có thể đúng như trong giáo ngôn của đức Thế Tôn đã nói mà như thật đọc tụng, tư duy, yêu mến pháp tắc này, cho tới vì người khác tuyên nói rộng khắp, hồi thí cho những người hữu duyên quanh ta sẽ nhanh chóng thành tựu cơ chế trợ đạo pháp A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đương nhiên chúng ta chẳng phải là tuyên truyền chi đó, mà là như thật tuyên nói công đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn này, khiến cho thiện căn của hữu tình trong thế gian thành thực. Nếu chư vị Bồ Tát gặp pháp tắc này mà chẳng truyền bá, chẳng thủ hộ, chẳng yêu thích, đúng là đáng tiếc!

(Kinh) Hiền Hộ! Thả trí bách do-tuần nội, đương vãng thính thọ. Hựu bỉ Bồ Tát, nhược văn nhị bách do-tuần, tam bách, tứ bách, ngũ bách, nãi chí thiên do-tuần nội, hữu thị tam-muội, tại mỗ đô thành, mỗ tụ lạc sở, Bồ Tát tức ung cung vãng thính thọ, tập tụng, thọ trì.

(經)賢護！且置百由旬內，當往聽受。又彼菩薩若聞二百由旬，三百四百五百，乃至千由旬內，有是三昧，在某都城，某聚落所，菩薩即應躬往聽受習誦受持。

(Kinh: Nay Hiền Hộ! Chuyện “trong một trăm do-tuần phải nên đến nghe nhận” hãy để lại đó. Lại nữa, vị Bồ Tát ấy nếu nghe trong hai trăm do-tuần, ba trăm, bốn trăm, năm trăm, cho đến trong một ngàn do-tuần mà có tam-muội này, ở đô thành nào đó, trong thôn xóm nào đó, Bồ Tát liền nên cung kính đến đó, nghe nhận, tu tập, đọc tụng, thọ trì).

Đây là yêu cầu của đức Thế Tôn. Một trăm do-tuần, một ngàn do-tuần, đối với hành nhân trong quá khứ vẫn là chẳng dễ dàng. Hiện thời [cả thế giới] là thôn địa cầu, rất thuận tiện!

(Kinh) Hà dĩ cố? Hiền Hộ! Dĩ thị Bồ Tát thanh tịnh tín tâm, vị cầu thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề cố. Thị cố, Bồ Tát bất ưng khởi giải đãi tâm, sanh lãn mạn tâm, khởi tán loạn tâm, đương cánh phát tinh tấn tâm, phát mãnh lợi tâm. Ưng đương vị thị tam-muội, tốc chí thiên do-tuần sở, nãi chí dẫn đắc văn thị tam-muội, hà huống độc tụng, thọ trì, tư duy, giải thuyết!

(經)何以故? 賢護! 以是菩薩清淨信心, 爲求成就阿耨多羅三藐三菩提故。是故, 菩薩不應起懈怠心, 生懶惰心, 起散亂心, 當更發精進心, 發猛利心。應當爲是三昧, 速至千由旬所, 乃至但得聞是三昧, 何況讀誦受持思惟解說!

(Kinh: Vì sao vậy? Này Hiền Hộ! Do vị Bồ Tát ấy có tín tâm thanh tịnh, vì cầu thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Bởi thế, Bồ Tát chớ nên dấy lòng giải đãi, sanh tâm biếng nhác, dấy tâm tán loạn, mà hãy nên phát tâm tinh tấn, phát tâm mạnh mẽ. Hãy nên vì tam-muội này mà nhanh chóng đến chỗ xa ngoài một ngàn do-tuần, thậm chí chỉ để được nghe tam-muội này, huống hồ đọc tụng, thọ trì, tư duy, giải nói).

Một ngàn do-tuần có xa lắm hay không? Tám vạn dặm. “Tọa địa nhật hành bát vạn lý” (Vừa sanh ra đã có thể một ngày đi tám vạn dặm), tức là đi quanh địa cầu một vòng là tám vạn dặm, như thế thì người trên địa cầu này đều phải nên nghe; thật sự là phải nên! Trong bộ giáo điển này, đức Thế Tôn đã giải thích mười phần rõ ràng. Ngài dạy Bồ Tát Ma Ha Tát phải khéo nghe pháp, vì pháp này có thể nhanh chóng thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Bất luận là tùy hỷ, hoặc đọc tụng, tư duy, tu tập, vì người khác giải nói. Do thiện căn ấy, có thể gặp gỡ vô lượng chư Phật, nhanh chóng thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Do vậy, pháp này có công đức chẳng thể nghĩ bàn! Hiện thời, trong số chúng ta, có những vị Bồ Tát từ các nơi rất xa trong nước đến nghe, có thể trước sau vẹn toàn, thật sự là thiện căn khó nghĩ bàn! Đừng nên coi thường nhân duyên của chính mình! Có khi khinh hủy bản thân

cũng là phạm lỗi, nhưng cũng chớ vì chính mình có thiện căn mà khinh mạn!

(Kinh) Hà dĩ cố? Hiền Hộ! Dĩ thị tam-muội năng nhiếp nhất thiết trợ đạo pháp cố. Phục thứ Hiền Hộ! Thị trung, nhược hữu Bồ Tát dĩ thuần tịnh tâm, vị cầu Bồ Đề, ưng đương vãng nghệ thiên do-tuần sở. Vị thính như thị tam-muội pháp thời, Bồ Tát ưng đương thừa sự, cúng dường bỉ thuyết pháp sư. Nhất thiết chúng cụ, tất giai phụng thượng.

(經)何以故? 賢護! 以是三昧能攝一切助道法故。復次賢護! 是中, 若有菩薩以純淨心, 爲求菩提, 應當往詣千由旬所。爲聽如是三昧法時, 菩薩應當承事供養彼說法師。一切衆具, 悉皆奉上。

(Kinh: Vì sao vậy? Này Hiền Hộ! Do tam-muội này có thể nhiếp thủ hết thảy các pháp trợ đạo. Lại này Hiền Hộ! Trong ấy nếu có Bồ Tát dùng cái tâm thuần tịnh, vì cầu Bồ Đề, hãy nên tới chỗ xa ngoài một ngàn do-tuần. Khi vì nghe pháp tam-muội như thế, Bồ Tát hãy nên thừa sự, cúng dường vị thầy thuyết pháp ấy. Hết thảy các vật thảy đều dâng lên).

Pháp duyên có hai loại:

- Một loại như rải báu cúng dường, chủ động cúng dường, tâm trí yêu thích mà cúng dường, sẽ sanh khởi nhân duyên thành thực mạnh mẽ.

- Hai là bị bức bách, có tánh chất thù tạc, như thế thì sẽ là dấu nghe mà như chẳng nghe, dấu thấy mà như chẳng thấy, lãng phí nhân duyên!

Có khi chúng ta đối với chuyện này chẳng hiểu rõ cho lắm, sợ là đến núi báu mà trở về tay không! Do vậy, vẫn hy vọng mọi người sanh khởi tâm thật sự tôn trọng, yêu mến và thủ hộ đối với pháp tắc này. Thật ra, vì pháp này, vứt bỏ sanh mạng cũng thật sự đáng giá! Nhưng hiện thời, mọi người có bao nhiêu người mang lòng tôn trọng và tùy hỷ? Tôi cũng không biết, nhưng tối thiểu là kết thành nhân duyên “tai nghe”, cũng là chẳng thể nghĩ bàn!

Cúng dường ở đây chẳng phải là cúng dường bao nhiêu tiền, chẳng phải là nói đến vật chất nhiều hay ít, chỉ là tùy hỷ, chỉ là tùy phần.

Tùy hỷ thì như giọt nước trở về biển cả, công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn! Nếu quý vị nói: “Chỉ cần tôi đã nghe, cũng là chẳng thể nghĩ bàn”. Nhưng đối với pháp này, chẳng sanh tâm tùy hỷ, tâm cầu được truyền trao, đọc tụng, rộng vì người khác nói, cho tới cái tâm khát vọng chúng đắc tam-muội này, tuy rốt cuộc vẫn là một tặng thượng duyên cho A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm, nhưng có vấn đề nhân duyên chín muồi hay không. Tuy vậy, ở đây, đức Thế Tôn thật sự cô vũ mọi người sanh khởi duyên thù thắng đối với pháp này, do cơ chế thuận thực, chẳng phải là dấu nghe pháp này mà “tuy thấy, dường như chẳng thấy; dấu nghe mà như chẳng nghe”, thậm chí hành các pháp khác, hoặc là hành theo đạo khác.

“*Tất giai phụng thượng*” (Thảy đều dâng lên): Chủ yếu là nói tới công đức tặng. Mỗi cá nhân chúng ta phải nên xét kỹ tự tâm, chính mình có hướng đến pháp tác này hay không? Nếu không có tâm niệm và nguyện vọng ấy, tuy có duyên mà thật ra như vô duyên, tuy đã nghe mà giống như chẳng nghe. Nếu đối với pháp này mà chẳng tin tưởng, chắc là bản thân chúng ta còn có thứ gì sơ sót, mấy năm sau sẽ có sự sai khác rất rõ rệt, chúng ta nhìn vào sự biến hóa là biết ngay. Một phẩm này từ đầu đến cuối đều nói về tùy hỷ. Ở đây, đức Thế Tôn cảnh tỉnh mọi người, vẫn là hy vọng mọi người nhờ vào pháp này, tối thiểu là tùy hỷ, trong tâm chẳng tương ứng với thứ chi khác.

(Kinh) Thường đương tùy trực pháp sư nhi hành, hoặc thời nhất niên, hoặc phục nhị niên, hoặc thập, nhị thập, hoặc kinh bách niên, nãi chí tận thọ, tùy trực pháp sư, bất đắc xả ly, nãi chí dẫn câu văn thị tam-muội. Hà hưởng năng đắc độc tụng, thọ trì, tư duy nghĩa lý, vị tha giải thích. Như thị Bồ Tát tùy pháp sư thời, đương xả tự tâm chư sở vi sự, thường đương tùy thuận bỉ A Xà Lê pháp sư ý hành, cẩn tâm thừa sự, bất đắc vi giáo, khởi tôn kính tâm, cập trọng ái tâm, trừ xả nhất thiết vô ái kính sự.

(經)常當隨逐法師而行，或時一年，或復二年，或二十，或經百年，乃至盡壽，隨逐法師，不得舍離，乃至但求聞是三昧。何況能得讀誦受持，思惟義理，為他解釋。如是菩薩隨法師時，當舍自心諸所為事，常當隨順彼阿

闍梨法師意行，謹心承事，不得違教，起尊敬心，及重愛心，除舍一切無愛敬事。

(Kinh: Thường nên theo sát pháp sư mà hành, hoặc là trong thời gian một năm, hoặc lại là hai năm, hoặc mười, hai mươi, hoặc trải qua trăm năm, cho đến hết tuổi thọ, theo sát pháp sư, chẳng được lìa bỏ, thậm chí chỉ để cầu nghe tam-muội này. Huống hồ có thể được đọc tụng, thọ trì, tư duy nghĩa lý, vì người khác giải thích. Bồ Tát như thế, khi theo pháp sư, hãy nên xả các chuyện tự tâm muốn làm, hãy nên thường thuận theo ý của vị pháp sư A Xà Lê mà hành, tâm cần trọng phụng sự, chẳng trái nghịch lời [pháp sư] dạy, đầy tâm tôn kính, và tâm yêu mến sâu đậm, trừ bỏ hết thảy các chuyện chẳng yêu kính).

Đây là thật sự nhờ vào thầy để hoàn thành công đức của bản thân. Chúng ta thủ hộ viên mãn sự phát tâm thuần tịnh của chính mình, thật ra là thành tựu sự phát tâm của chính mình, thành tựu sự viên mãn của chính mình. Thường là chúng ta chẳng biết ngoại duyên đầy đủ hay không. Nếu tự tâm trọn đủ, sẽ có thể soi thấy ngoại duyên đầy đủ.

Vì lẽ này, chánh báo đã viên mãn, y báo lẽ nào chẳng viên mãn ư? Chánh báo chẳng viên mãn, y báo làm sao viên mãn cho được? Thật ra, đây là cở vũ, khích lệ chúng ta phát tâm, là một thứ thiện xảo căn bản để thuận thực sự phát tâm của chúng ta, hoặc có thể nói là trợ duyên thiện xảo.

(Kinh) U' pháp sư sở, phát thiện tri thức tướng, nãi chí đương khởi như chư Phật tâm.

(經)於法師所，發善知識想，乃至當起如諸佛心。

(Kinh: Đối với pháp sư, hãy tưởng là thiện tri thức, cho đến tâm nên tưởng [pháp sư] giống như chư Phật).

Đây cũng là dạy chúng ta hãy nên tư duy như thế nào? Coi thầy như là Phật, đây thật sự là bước khởi đầu trọng yếu trong học Phật. Kinh điển nơi đất Hán rất ít khi nói như thế, nhưng trong kinh Ban Châu đã nêu ra rất khẳng định “như thế nào để thành tựu tam-muội nhanh chóng?” Chính là phải coi thầy như Phật. Thật ra, coi thầy như Phật, tức là tự tâm như Phật, như thế mà thôi! Đó gọi là “tâm tác Phật thời, tâm thị Phật” (khi tâm làm Phật, tâm là Phật). “Tâm tác viên mãn, đắc kiến

viên mãn” (Tâm tạo viên mãn, sẽ thấy viên mãn). Do tâm chẳng tự thấy, tâm chẳng tự biết, tâm vô tướng, chẳng có gì phụ thuộc, cho nên khi tâm ta làm Phật, tâm chính là Phật. Đây thật sự là phương tiện tu hành, là phương tiện trợ duyên.

(Kinh) Hiền Hộ! Bỉ Bồ Tát u thị pháp sư A Xà Lê sở, năng sanh như thị kính ái tâm dĩ, nhược đương bất đắc đọc tụng, thọ trì, tư duy, quảng thuyết, nãi chí thính văn thị tam-muội giả, chung vô thị sự. Duy trừ vãng tích phỉ báng như thị thậm thâm kinh điển, nghiệp thời dĩ thực, định đọa ác đạo, nghiệp bất tịnh nhĩ.

(經)賢護！彼菩薩於是法師阿闍梨所，能生如是敬愛心已，若當不得讀誦受持思惟廣說，乃至聽聞是三昧者，終無是事。惟除往昔誹謗如是甚深經典，業時已熟，定墮惡道，業不淨耳。

(Kinh: Đây Hiền Hộ! Vị Bồ Tát ấy đối với pháp sư A Xà Lê mà có thể sanh tâm kính yêu như thế, nếu chẳng đọc tụng, thọ trì, tư duy, rộng nói, cho đến lắng nghe tam-muội này, trọn chẳng có lẽ ấy! Chỉ trừ xưa kia đã phỉ báng kinh điển rất sâu như thế, đến lúc nghiệp đã chín muồi, chắc chắn đọa vào ác đạo, do nghiệp bất tịnh).

Nếu báng bỏ kinh điển này, sẽ biểu hiện thành nghiệp quả báo ứng “chẳng có cơ hội đọc tụng kinh này”, hoặc “chẳng thể nghe nhận, tiếp xúc kinh điển này”. Phỉ báng kinh như vậy, thật ra là đã đánh mất cơ hội đối với pháp tắc như thế, hứng chịu ác báo chẳng thể nói gì được! Chúng ta có thể tự xét kỹ, như trong kinh Quán Phật Tam Muội Hải, đức Phật đã bảo ngài A Nan rằng: Trong đời Mạt Pháp, các ông hãy nên dạy người trì Niệm Phật tam-muội này ngậm thủ hộ ba nghiệp, đừng nên tăng thượng mạn. Nếu tăng thượng mạn, sẽ ví như voi cuồng vào trong ao sen, phá hoại thiện căn của người khác, trở thành quyến thuộc của ma, mà cũng đánh mất cam lộ vị niệm Phật. Nếu chúng ta báng kinh điển quá sâu như thế, hễ Dĩ Thực Quả chín muồi, khẳng định là quả báo rất khổ. Quý vị nói xem, đức Thế Tôn nói [quả báo] do phỉ báng kinh điển khủng bố như thế để làm gì? Thật ra chẳng phải vậy! Đó là tướng nhân quả mà thôi! Kẻ đại ác ắt có đại khổ báo; người đại thiện bèn có đại

thiện báo. Người rốt ráo thanh tịnh sẽ có quả báo là thành tựu Bồ Đề. Các pháp do nhân duyên mà sanh đó thôi!

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Giả sử Bồ Tát, hoặc dục tu ly bỉ pháp sư giả, thường đương tri ân, thường đương niệm ân, thường đương báo ân. Hà dĩ cố? Hiền Hộ! Dĩ thị pháp sư tuyên giảng nhân duyên, linh tư kinh điển, cứu trụ bất một.

(經)復次賢護！假彼菩薩，或欲須離彼法師者，常當知恩，常當念恩，常當報恩。何以故？賢護！以是法師宣講因緣，令斯經典，久住不沒。

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Giả sử vị Bồ Tát ấy nếu cần phải lìa khỏi vị pháp sư đó, hãy thường nên biết ân, thường nên nghĩ tới ân đức, thường nên báo ân. Vì cớ sao? Này Hiền Hộ! Do nhân duyên tuyên giảng của vị pháp sư ấy, đã khiến cho kinh điển tồn tại lâu dài, chẳng bị mất đi).

Chúng ta đều biết: Trong Tam Tạng mười hai bộ loại, bị diệt mất sớm nhất là hai bộ kinh điển, một là kinh Lăng Nghiêm, hai là kinh Ban Châu. Vì lẽ nào? Do [hai kinh ấy] bị dè bủ nhiều nhất. Do dần dần chẳng có người hành trì, mọi người sẽ chê bai các kinh ấy, nói là kinh điển chẳng thật. Chẳng hạn như nói chín mươi ngày chẳng ngủ để kinh hành, làm sao có thể thực hiện được? Vì hiện thời kẻ hành pháp đông đảo, mọi người dần dần cảm thấy chẳng có gì là có thể hay không thể, chỉ có như pháp hay là không, nhưng thoát đầu, sự phỉ báng như thế vẫn rất nhiều, rất mạnh mẽ. Khi đó, tôi thường nói với đối phương: “Nếu là đánh giá khuyết điểm của cá nhân, chúng tôi có thể sám hối, hoặc là đối với các chỗ chẳng thích đáng của cá nhân, hãy nên điều chỉnh. Nhưng đối với kinh điển hoặc giáo pháp, chớ nên dễ người phỉ báng! Chúng ta có thể không hiểu, không biết [ý nghĩa chân thật của lời dạy trong kinh], nhưng tốt nhất là chớ nên khinh dễ đánh giá. Hãy nên xem xét, xem đọc, quan sát trước đã!”

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Nhược hữu Bồ Tát vị thị tam-muội, thượng đương ưng vãng thiên do-tuần xứ, hưởng phục tùy cận thành đô, quốc ấp, tự lạc, không xứ, hoặc sơn dã trung, nhi đương bất vãng thánh thọ, độc tụng, tư duy nghĩa lý, vị tha quảng thuyết dã.

(經)復次賢護！若有菩薩爲是三昧，尚當應往干由旬處，況復隨近城都國邑聚落空處，或山野中，而當不往聽受讀誦，思惟義理，爲他廣說也。

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Nếu có Bồ Tát vì tam-muội này, còn nên đến chỗ xa một ngàn do-tuần, hướng hồ là chỗ thành đô, quốc ấp, xóm làng, chỗ trống, hoặc trong rừng núi gần đó, mà chẳng đến nghe nhận, đọc tụng, tư duy nghĩa lý, vì người khác rộng nói).

Hiện tiền đại chúng chúng ta, nếu tùy thuận giáo ngôn như thế để đọc tụng, tư duy, vì người khác diễn nói, cho đến quan sát pháp tắc này, thật sự là thiện căn và phước đức nhân duyên chẳng thể nghĩ bàn! Chẳng hạn như nay chúng tôi ngồi ở vị trí này, đọc tụng cho mọi người, tôi cũng trọn chẳng dám khinh mạn nhân duyên của chính mình. Đương nhiên là cũng chẳng dám khinh mạn nhân duyên của bất cứ một người nào trong hiện tiền đại chúng. Quý vị nói xem, nếu có người nào chẳng muốn nghe nhận, chẳng yêu mến pháp tắc này, hãy nên đối đãi với kẻ ấy như thế nào? Vẫn tôn trọng y hệt! Chỉ vì thiện căn của người ấy chưa chín muồi, pháp duyên chưa trọn đủ, có chút đáng tiếc mà thôi.

(Kinh) Phục thứ Hiền Hộ! Ngã kim ngữ nhữ, nhược hữu Bồ Tát vị tam-muội cố, tức năng vãng chí thiên do-tuần sở, nãi chí bất đắc vãn thị tam-muội, nhi bỉ Bồ Tát tuy phục bất đắc vãn thị tam-muội, v thị pháp trung, niệm câu thiện căn, đương phát tinh tấn, mạc tức giải nọa, nhữ ưng đương tri: Như thị chi nhân, tắc vi dĩ đắc bất thoái chuyển v A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Hà hướng thánh vãn, thọ trì, độc tụng, tư duy, tu tập, vị tha quảng tuyên.

(經)復次賢護！我今語汝，若有菩薩爲三昧故，即能往至干由旬所，乃至不得聞是三昧，而彼菩薩雖復不得聞是三昧，於是法中，念求善根，當發精進，莫即懈惰，汝應當知：如是之人，則爲已得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。何況聽聞，受持讀誦，思惟修習，爲他廣宣。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

(Kinh: Lại này Hiền Hộ! Ta nay nói với ông, nếu có Bồ Tát vì tam-muội liền có thể đến chỗ cách xa một ngàn do-tuần, thậm chí chẳng được nghe tam-muội này, nhưng vị Bồ Tát ấy dầu chẳng được nghe tam-muội này, nhưng ở trong pháp này, nghĩ mong cầu thiện căn, hãy nên phát tâm tinh tấn, chớ có biếng nhác. Các ông nên biết: Người như thế chính là đã chẳng thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Huống hồ lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, tư duy, tu tập, vì người khác rộng nói).

Đức Thế Tôn nói: Nếu có Bồ Tát hướng đến tam-muội này, đi ngàn dặm [tìm đến chỗ pháp sư đang giảng tam-muội này], dầu chưa có thể nghe giáo ngôn tam-muội này, vẫn đắc bất thoái chuyển đối với A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Vì lẽ nào? Vì “*niệm cầu thiện căn*”, do nhân duyên ấy mà thành tựu đắc bất thoái chuyển đối với A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Trong phần sau, đức Thế Tôn nói theo kiểu đối lập: “*Hà huống thính văn, đọc tụng, tư duy, tu tập, vị tha quảng thuyết thử pháp tắc*” (Huống hồ nghe nhận, đọc tụng, tư duy, tu tập, vì người khác rộng nói pháp tắc này ư?)

Các cách nói của đức Thế Tôn trong kinh điển chẳng có mấy may nào là lời lẽ chẳng đúng như sự thật. Đức Thế Tôn là đáng nói lời thành thật, là đáng nói lời chân thật, là đáng nói lời đúng sự thật, là đáng chẳng nói tăng giảm. Nếu chúng ta chẳng ngờ vực mà quan sát, thử hộ như thế, tức là người có thiện căn đã chín muồi, sẽ có thể đạt được lợi ích từ chỗ an ổn này. Trong cơ chế giáo ngôn của Phật giáo Nam Truyền thường nói: “*Thưa trưởng lão! Tất cả các công đức của Ngài đều nên thưởng cho tôi, nên thuộc về tôi*”. Tức là công đức của chư Phật cũng nên thuộc về tôi. Nếu quý vị chẳng dám mong muốn, đó là chuyện cá nhân của quý vị! Chúng ta niệm A Di Đà Phật, có nghĩa là: “Thưa A Di Đà Phật! Công đức của Ngài thuộc về con”. Vì lẽ nào? Lấy quả địa giác làm nhân địa tâm (lấy sự giác ngộ nơi cái quả làm cái tâm để tu nhân). Công đức nơi quả địa sẽ tùy thuận nhân địa mà an trụ. Nhưng quý vị chẳng dám, bảo “*đó chẳng phải là kiêu mạn, cuồng vọng hay sao?*” Thật ra đó là “*giọt nước trở về biển cả*”. Khi giọt nước trở về biển cả, công đức của biển cả sẽ thuộc vào giọt nước, điều này chẳng hề có chỗ nào chần chờ! Bản thân chữ Nam Mô có nghĩa là “*công đức của Phật thuộc về chúng ta*”, nhưng chúng ta thường có cái tâm bài xích, tâm ngờ vực, tâm chẳng tương ứng đối với điều ấy. Do vậy, chư Phật Thế Tôn liền dùng đủ loại phương tiện hướng dẫn chúng ta vận dụng công đức của chư Phật, vận

dụng như thế nào? Tâm, Phật, chúng sanh vốn chẳng khác biệt. Khác biệt là do nơi chúng sanh, chẳng phải do phía Phật, mà cũng chẳng phải từ phía pháp, cũng chẳng phải nơi phía Tăng, chẳng ở nơi thành tựu, mà ở nơi mê mất. Do vậy, chúng ta chỉ là giác ngộ, thành tựu, tùy thuận, liền đạt được công đức và lợi ích to lớn của chư Phật. Nếu chẳng xét kỹ như thế thì ngã mạn và ngã chấp của chúng ta vẫn chưa trừ, ngã kiến vẫn chưa diệt.

(Kinh) Hiền Hộ! Nhữ kim đương quán bỉ Bồ Tát bối, văn thử tam-muội dĩ, nhi năng thọ trì, tư duy, tu hành, tức đắc nhĩ hứa đại công đức tu, nãi chí câu dĩ bất năng đắc văn, diệt đương cụ túc kỷ đại thiện căn! Nhược văn bất văn, giai vi dĩ trụ bất thoái chuyển địa.

(經)賢護！汝今當觀彼菩薩輩，聞此三昧已，而能受持，思惟修行，即得爾許大功德聚，乃至求已不能得聞，亦當具足幾大善根。若聞不聞，皆爲已住不退轉地。

(Kinh: Nay Hiền Hộ! Ông nay nên quán các vị Bồ Tát ấy, đã nghe tam-muội này rồi, bèn có thể thọ trì, tư duy, tu hành, liền đạt được khối công đức to ngàn ấy, cho đến người đã cầu mà chẳng thể nghe, cũng sẽ đầy đủ thiện căn to ngàn ấy. Dù nghe hay chẳng nghe, đều đã trụ nơi địa vị chẳng thoái chuyển).

“Chí cầu dĩ” (Đã đến để cầu [được nghe tam-muội]): Nghe và không nghe, đều đạt được lợi ích. Giáo ngôn kiều này rất nhiều trong lời thọ ký của đức Thế Tôn. Trong Thiện Đạo Đại Sư Toàn Tập đã bảo chúng ta: “Thấy và chẳng thấy đều là ân Phật, gia hộ ngấm ngấm hay gia hộ hiển nhiên đều là Phật đức”. Đọc xong, tâm mọi người sẽ cảm thấy rất kiên định, chẳng tạo tác, xa lìa đối đãi, lập tức quy y. Ở đây, cũng giống như thế. Nếu muốn nghe mà chưa được nghe, đều trọn đủ đại thiện căn, trụ bất thoái chuyển, còn chúng ta đã nghe pháp này, hướng đến cầu chứng pháp này, đọc tụng kinh điển, truyền bá pháp này, cũng đều có thể an trụ nơi địa vị bất thoái chuyển. Vì thế nói: “Ban Châu tam-muội nhiếp chuyện thuộc Bát Địa”. Đó là nói như thật!

Rất nhiều người hỏi tôi học Phật, xuất gia phát nguyện gì? Về cơ bản thì nguyện vọng chủ đạo là: “Nguyện những người hữu duyên đều bất thoái Bồ Đề trong một đời”. Thực tế là nguyện vọng Tịnh Độ mà thôi! Đối với tất cả các thọ ký trong kinh điển Tịnh Độ, đức Thế Tôn đều

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

nói được gặp gỡ pháp tắc như thế thì sẽ bất thoái ngay trong một đời, như kinh A Di Đà nói: “*Nhược hữu nhân dĩ phát nguyện, kim phát nguyện, đương phát nguyện, dục sanh A Di Đà Phật quốc giả, thị chư nhân đẳng, giai đắc bất thoái u A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, u bỉ quốc độ, nhược dĩ sanh, nhược kim sanh, nhược đương sanh*” (Nếu có người đã phát nguyện, đang phát nguyện, sẽ phát nguyện, muốn sanh về cõi của A Di Đà Phật, thì những người đó đều được chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đối với cõi ấy, hoặc là đã sanh, hoặc nay sanh, hoặc sẽ sanh). Trong khá nhiều kinh giáo, điều này đúng là chẳng thể nghĩ bàn, đúng là đại ân đức hồi thí, thật sự là đại quán đảnh!

(Kinh) Tất cánh thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Hà hướng văn dĩ đọc tụng, thọ trì, tư duy, tu tập, quảng vị tha thuyết, diệp linh đa nhân, văn dĩ tụng trì, tu tập tư duy, xí nhiên lưu bố dã.

(經)畢竟成就阿耨多羅三藐三菩提。何況聞已讀誦受持，思惟修習，廣爲他說，亦令多人，聞已誦持，修習思惟，熾然流佈也」。

(Kinh: Rốt ráo thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Hướng hồ nghe rồi thọ trì, đọc tụng, tư duy, tu tập, rộng vì người khác nói, cũng khiến cho nhiều người nghe xong bèn tụng trì, tu tập tư duy, lưu truyền mạnh mẽ vậy).

Mọi người chúng ta phải nên thủ hộ như thế, hướng tới pháp này như thế, đọc tụng, thọ trì, tư duy tu tập, vì người khác rộng nói, khiến cho các hữu tình được nghe biết, sẽ có thể tư duy, khiến cho pháp này được hưng hực lưu truyền trong thế gian, khiến cho vô lượng hữu tình thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ngay trong một đời.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn vị trùng minh thử nghĩa, dĩ kệ tụng viết: - Ngã niệm quá khứ hữu Như Lai, hiệu Sư Tử Ý nhân trung thiên.

(經)爾時，世尊爲重明此義，以偈頌曰：「我念過去有如來，號師子意人中天。」

(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn vì muốn nói rõ lại nghĩa này, dùng kệ tụng nói: - Ta nhớ quá khứ có Như Lai, hiệu Sư Tử Ý nhân trung thiên).

“*Nhân trung thiên*” (Vị trời trong loài người): Cách xưng hô này được sử dụng hết sức rộng khắp trong Phật giáo, chủ yếu là thuận ứng lúc đức Thế Tôn xuất hiện nhằm lúc Ấn Độ có chín mươi sáu thứ ngoại đạo, đây là xưng hô bậc tôn quý trong loài người. Trong tiếng Hán, cũng có khi dịch là Đại Thiên, Đại Tiên, hoặc Thiên Trung Thiên v.v...

(Kinh) Bỉ thời, hữu vương vi chúng thủ, thân vãng nghệ Phật cầu tam-muội. Thời đại trí vương đắc văn dĩ, hoan hỷ biến mãn bất khả tuyên!

(經)彼時有王爲衆首，親往詣佛求三昧。時大智王得聞已，歡喜遍滿不可宣。

(Kinh: Lúc ấy, vua đứng đầu đại chúng, tự đến chỗ Phật cầu tam-muội. Vua đại trí khi được nghe xong, khắp thân hoan hỷ, chẳng nói trọn).

“*Hoan hỷ biến mãn*” là một danh từ mô tả lợi ích của Phật pháp trong Phật giáo. Quá khứ nói là “*sung doanh chi chí*” (充盈之至, đầy ắp tột bậc), miêu tả trạng thái mười phần hữu lực và vui sướng. Mỗi cách tu từ²⁹ trong Phật pháp đều là một tiêu chí thực tế, ở đây có ý nói tương trạng an lạc do đạt được lợi ích và tương trạng đắc lực.

²⁹ Tu từ (修辭, Rhetoric) là các biện pháp nhằm khiến cho lời văn súc tích, sâu đậm, tạo ấn tượng mạnh khiến cho người đọc dễ lãnh hội, thậm chí lãnh hội ý nghĩa vượt ngoài ngôn từ. Các biện pháp tu từ thường sử dụng là dùng tỷ dụ, mô phỏng, trùng phức (nói liên tiếp nhiều ý hay nhiều tỷ dụ tương tự), luyện láy (chẳng hạn nhỏ tí tí tí, bé tẹo tẹo tẹo, lạch bà lạch bạch), so sánh đối lập (chẳng hạn “*hữu ý trồng hoa, hoa chẳng nở; vô tâm cắm liễu, liễu xanh um*” hoặc “*thượng vàng, hạ cám*”), bài tỷ (liệt kê một loạt hình ảnh có liên quan, chẳng hạn như “*tọa sơn khán hổ đấu, tá đao sát nhân, dẫn hỏa xuy phong*” tức là ngồi trên núi xem hổ đánh nhau, mượn đao giết người, dẫn lửa thổi gió...)

(Kinh) Dĩ thủ trì bảo phụng tán chi, cúng dường nhân tôn Sư Tử Ý. Nội tâm tư duy phát thị ngôn: “Ngã kim quy y Vô Thượng Giác, vị chư thế gian tác nhiều ích, duy nguyện thiện thuyết tam-ma-đê”.

(經)以手持寶奉散之，供養人尊師子意。內心思惟發是言，我今歸依無上覺。爲諸世間作饒益，唯願善說三摩提。

(Kinh: Tay cầm báu rải để dâng hiến, cúng dường nhân tôn Sư Tử Ý. Nội tâm suy nghĩ, thốt lời này: “Con nay quy y Vô Thượng Giác, lợi ích rộng khắp các thế gian, chỉ xin khéo nói tam-ma-đê”).

Chúng ta không ngừng thấy các danh từ tam-muội, tam-ma-đê, tam-ma-địa v.v... Tam-muội chứa đựng hai pháp nhân quả, nhưng ở đây nói đến tướng quả đức thì là tam-ma-đê, tức là sự thành tựu và vận dụng chân thật của tam-muội.

(Kinh) Thời vương hưng kiến thử nghiệp dĩ, xả thân hoàn sanh w bử cung, tầm đắc trị ngộ Bảo tỳ-kheo, đại đức danh văn mãn thập phương.

(經)時王興建此業已，捨身還生於彼宮。尋得值遇寶比丘，大德名聞滿十方。

(Kinh: Khi ấy, vua lập nghiệp ấy rồi, xả thân lại sanh trong cung ấy, liền được gặp gỡ tỳ-kheo Bảo, là đại đức danh rền mười phương).

Các vị đại thiện tri thức trong quá khứ oai danh truyền xa, thật đức lợi đời, cũng có nghĩa là các Ngài có công đức chân thật lợi ích thế gian rộng khắp, ví như vàng mặt trời trừ các tối tăm. Vì các vị đại thiện tri thức ấy xuất thế, có thể khiến cho hữu tình ngu si điên đảo được an vui, được thoát khỏi ngu si và tri kiến điên đảo, tiếng tăm thật sự chẳng dối. Vì thế nói là “danh mãn thập phương”.

(Kinh) Bử văn tỳ-kheo thiện thuyết thời, tâm sanh hoan hỷ vô xưng lượng. Tức dĩ thắng diệu chúng bảo phục, cái bử tỳ-kheo vị Bồ Đề. Phục dĩ sở thiên chúng xuất gia, cúng dường thừa sự bử tỳ-kheo. Kinh lịch mãn w bát thiên tuế, vị cầu như thị tam-muội cố.

(經)彼聞比丘善說時，心生歡喜無稱量。即以勝妙衆寶服，蓋彼比丘爲菩提。復與數千衆出家，供養承事彼比丘。經歷滿於八千歲，爲求如是三昧故。

(Kinh: Khi nghe tỳ-kheo khéo nói pháp, tâm sanh hoan hỷ khôn tính kể, liền dùng các áo báu thượng diệu, phủ lên tỳ-kheo, cầu Bồ Đề. Lại cùng mấy ngàn người xuất gia, cúng dường thừa sự tỳ-kheo ấy. Trải qua trọn cả tám ngàn năm, vì để cầu tam-muội như thế).

Vua Phạm Đức do nghe lời dạy về Ban Châu tam-muội, sanh lòng hớn hờ hoan hỷ đôi với tỳ-kheo Bảo, bỏ ngôi vua, khoác pháp phục xuất gia. Đồng thời, cũng có rất nhiều hữu tình theo nhà vua xuất gia. Vì để chứng đắc tam-muội như thế, mà cúng dường, thủ hộ tỳ-kheo Bảo.

(Kinh) Bĩ duy nhất thuyết, bất tái tuyên, văn thọ thâm diệu như đại hải.

(經)彼惟一說不再宣，聞受深妙如大海。

(Kinh: Thầy nói một lần, chẳng nhắc lại, nghe nhận sâu mầu như biển cả).

“Bĩ duy nhất thuyết, bất tái tuyên” (Vị ấy chỉ nói một lần, chẳng nhắc lại): Đó là nhắc nhở các vị Bồ Tát chúng ta: “Giáo ngôn tam-muội này rất sâu!” Chẳng phải là vị tỳ-kheo ấy tiếc pháp, mà là thị hiện như thế. Quả thật là do pháp này khó tuyên nói, khó được nghe!

(Kinh) Nhĩ thời, tâm trí đô vô quyện, cầu thử như thật thắng tịch Thiên.

(經)爾時心智都無倦，求此如實勝寂禪。

(Kinh: Lúc ấy, tâm trí đều chẳng mệt. Cầu Thiên như thật, thắng tịch này).

Trong các giáo điển khác, đức Thế Tôn nói: “Niệm Phật nãi vi thâm diệu Thiên” (Niệm Phật chính là Thiên sâu mầu), ở đây nói “*như thật thắng tịch Thiên*” (Thiên thù thắng tịch diệt đúng như thật). Chúng ta đều biết, trong Phật pháp, niềm vui tịch diệt chính là thủ hộ công đức

chân thật. Như các vị A La Hán “*việc làm đã xong, phạm hạnh đã lập, không tạo hậu hữu*”, đã chứng như thật Hữu Dư, hoặc Vô Dư Niết Bàn, tức là chứng Thật Tế Lý Địa, ngay lập tức đạt được niềm vui tịch diệt, mà cũng là công đức chân thật tịch diệt. Do chứng đắc tịch diệt, chán nhàm thế gian, vô ý vận dụng bi tâm; nhưng trong pháp Ban Châu tam-muội này, hoặc là nói theo nội hàm của công đức tu trì Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiền Tiên tam-muội, quả thật là đại bi lợi lạc cõi đời, khiến cho chúng sanh được nghe, hoặc chúng sanh hữu duyên, cho đến chúng sanh đọa tụng, giải nói, hướng tới, tùy hỷ tam-muội này, đều đạt được công đức chẳng thể nghĩ bàn, tức là thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Vì thế, ở đây nói “*như thật thắng tịch Thiên*”, cũng là vượt xa công đức tự lợi của Thanh Văn Thừa. Đây là lời chân thật. Nếu chẳng thể quan sát, xét kỹ như thế, chúng ta vẫn rất khó thấy thấu suốt lợi ích rộng lớn rất sâu của pháp Ban Châu. Ở đây, tôi hy vọng mọi người có thể chân thật khéo tự quan sát, khéo tự so sánh.

(Kinh) Bỉ bối như thị tu hành dĩ, trị ngộ chư Phật đại oai hùng, cụ mãn lục vạn hữu bát thiên, kỳ gian diệc văn thử tam-muội.

(經)彼輩如是修行已，值遇諸佛大威雄。具滿六萬有八千，其間亦聞此三昧。

(Kinh: Bọn họ đã tu hành như thế, gặp gỡ chư Phật đại oai hùng, trọn đủ sáu vạn tám ngàn vị, cũng từ các Ngài nghe tam-muội).

Do nhân duyên nghe pháp này, có thể gặp gỡ sáu vạn tám ngàn chư Phật Thế Tôn. Đồi trước sáu vạn tám ngàn chư Phật Thế Tôn, cũng nghe pháp này.

(Kinh) Dư thế cúng dường, phục thừa sự, lục vạn bát thiên ức Thế Tôn. Sở văn thâm diệu tất tùy hỷ, tư do Sư Tử Như Lai cố.

(經)餘世供養復承事，六萬八千億世尊。所聞深妙悉隨喜，斯由師子如來故。

(Kinh: Đời khác cúng dường và thừa sự, sáu vạn tám ngàn ức Thế Tôn, nghe pháp sâu mâu đều tùy hỷ, vốn do Sư Tử Ý Như Lai).

Cho đến gặp gỡ sáu vạn tám ngàn ức Thế Tôn, nghe kinh giáo rất sâu này. Đó đều là sự tiếp nối công đức đã sanh khởi do thoát đầu được nghe giáo ngôn rộng lớn này từ nơi Sư Tử Ý Như Lai Thế Tôn. Dấu vết nghiệp nơi đại chúng hiện tiền trong tương lai sẽ là như thế nào? Hoặc là nói tướng công đức sẽ như thế nào? Đây thật ra là gián tiếp thọ ký cho mọi người. Nói là Ký, tức là muốn khiến cho chúng ta đối với công đức và lợi ích của pháp này, sẽ sanh khởi sự thấu hiểu quyết định, quyết định tùy thuận.

(Kinh) Bửu vương như thị cụ tu hành, chung đắc thành Phật hiệu Kiên Dũng, giáo hóa chúng sanh vô lượng số, sở tại sanh tử giai viễn trần. Tùy vương xuất gia số thiên chúng, diệc đồng đắc Phật danh Kiên Dũng.

(經)彼王如是具修行，終得成佛號堅勇。教化衆生無量數，所在生死皆遠塵。從王出家數千衆，亦同得佛名堅勇。

(Kinh: Vua ấy tu hành trọn như thế, trọn thành Phật hiệu là Kiên Dũng, giáo hóa chúng sanh số vô lượng, trong sanh tử đều là trần cấu, mấy ngàn người theo vua xuất gia, cũng đều thành Phật hiệu Kiên Dũng).

Mấy ngàn người theo vị vua ấy cùng xuất gia cũng do tam-muội mà thành Phật trọn đủ mười hiệu.

(Kinh) Đức thanh biến mãn thập phương, văn tam-muội danh chứng Đại Giác.

(經)德聲遍滿於十方，聞三昧名證大覺。

(Kinh: Tiếng đức hạnh trọn khắp mười phương, nghe tên tam-muội chứng Đại Giác).

Nghe giải thoát, nghe thành tựu, nghe công đức lợi ích. Trong Phật pháp đều có các trường hợp cụ thể và thí giáo về chuyện này. Thông qua học tập bộ kinh này, mọi người phải nên có sự nhận thức ấy!

(Kinh) Hà hướng phục năng vị tha thuyết, bất nhiễm trước bỉ chư thế giới. Đương cánh quảng hiển diệu tư duy. Nhược tư tam-muội chư Phật diễn. Nhược tri tam-muội bách do-tuần, vị cầu Bồ Đề nghe bỉ thính.

(經)何況復能爲他說，不染著彼諸世界。當更廣顯妙思惟，若斯三昧諸佛演。若知三昧百由旬，爲求菩提詣彼聽。

(Kinh: Hướng hồ lại vì người khác nói, chẳng đắm nhiễm các thế giới ấy. Hãy nên hiển rộng diệu tư duy, tam-muội chư Phật nói như thế, hoặc biết tam-muội trăm do-tuần, vì cầu Bồ Đề đến đó nghe).

Đây là khuyên thỉnh kẻ hữu duyên [nếu biết] trong một trăm do-tuần, cho đến trong vòng hai trăm, ba trăm, vài trăm do-tuần [có thiện tri thức dạy pháp này], cũng nên qua đó nghe giảng Ban Châu tam-muội, như trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Thế Tôn đã nói: “Giả sử khắp đại thiên thế giới tràn ngập lửa, vẫn nên vượt qua cầu pháp này”. Vì lẽ nào? Vì pháp như thế ấy rất khó gặp! Thà xả sanh mạng, vẫn mong được nghe pháp này. Công đức ấy cũng là chẳng thể nghĩ bàn. Vì sanh mạng một đời có thể hết, nhưng pháp này có thể lợi ích rộng khắp thế gian nhiều kiếp. Cho đến khiến cho hữu tình thành tựu Bồ Đề, cho nên lợi ích chẳng thể nghĩ bàn!

(Kinh) U ngôn giáo trung mạc từ quyện, văn giả công đức bất khả lượng.

(經)於言教中莫辭倦，聞者功德不可量。

(Kinh: Trong ngôn giáo, chẳng hề chán mệt, người nghe công đức chẳng thể lường).

Tùy hỷ, nghe nói, đọc tụng, giải nói, đích thân chứng, các lợi ích ấy đều chẳng thể nghĩ bàn. Nói “lợi ích” chính là thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Trong cả bộ kinh này, đức Thế Tôn đều tuyên nói như thế.

(Kinh) Nhược chí u bỉ bất đắc văn, thượng hoạch nhược can chư phước tụ.

(經)若至於彼不得聞，尚獲若干諸福聚。

(Kinh: Nếu đến nơi đó, chẳng được nghe; vẫn được chừng ấy các khỏi phước).

Nếu chỉ nghe nói, sau đó chẳng tiếp tục, công đức do nghe rồi tùy hỷ cùng với công đức “cầu nghe mà chẳng được nghe” cũng là chẳng thể nghĩ bàn.

(Kinh) Hà huống vẫn dĩ, tư thuyết giả, duy đương tốc cầu thử tam-muội.

(經)何況聞已思說者，唯當速求此三昧。

(Kinh: Huống hồ đã nghe, còn nghĩ, nói. Chỉ nên mau cầu tam-muội này).

Nếu là kẻ được nghe, hãy khéo tư duy, tu trì. Đức Thế Tôn nhiều lượt nêu ra các trường hợp “đọc tụng, tư duy tu trì, vì người khác giải nói, cùng với đích thân chứng”. Ở đây, nêu ra công đức và lợi ích đạt được do nghe tam-muội này.

(Kinh) Đương niệm bỉ cụ phạm đức nhân, thân cận, thừa sự vật sanh yếm.

(經)當念彼具梵德人，親近承事勿生厭。

(Kinh: Hãy nghĩ người trọn đủ phạm đức, thân cận, thừa sự, chớ sanh chán).

“Cụ phạm đức nhân” là nói tới người tuyên nói trọn đủ giáo ngôn này, khiến cho giáo ngôn này được truyền rộng khắp trong thế gian.

(Kinh) Thùy tỳ-kheo sở hữu thử kinh, tức đương nghê bỉ tu cúng dường.

(經)誰比丘所有此經，即當詣彼修供養」。

(Kinh: Tỳ-kheo nào có được kinh này, hãy đến tu cúng dường vị ấy).

Trong phần trước, chúng ta đã đọc thấy Hiền Hộ Bồ Tát là Thượng Thủ của năm trăm vị tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di,

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

cho đến tám vị Đại Sĩ v.v... vì thủ hộ kinh giáo này, bèn đối trước đức Thế Tôn lập thế nguyện rộng lớn, ở chỗ một đức Phật, hai đức Phật, cho đến tận vị lai hết thấy Phật, đều tuyên nói kinh này. Vì sao trong phần trước có bốn chúng, mà ở đây chỉ nhắc đến tỳ-kheo? Vì tỳ-kheo đứng đầu bốn chúng, nhắc đến tỳ-kheo thì ba chúng kia không gì chẳng được bao gồm.

“Tỳ-kheo sở” tức là dặn bảo. Đây là cơ chế trụ thế trong giáo ngôn chúc lụy của đức Thế Tôn, mà cũng là cơ chế truyền bá, tu trì. Khi đức Thế Tôn nhập diệt, Ngài đã căn dặn các tỳ-kheo hãy làm cho chánh pháp trụ thế, khiến cho Tượng Pháp trụ thế, thậm chí khiến cho trong thời Mạt Pháp, [Phật pháp] chẳng mất dấu vết trong thế gian, khiến cho kẻ tiến nhập Phật pháp, yêu mến Phật pháp sẽ có kinh giáo để có thể tu tập, cho đến nói có chỗ quy y. Vì thế, [đức Phật] sắc truyền tỳ-kheo hãy tùy cơ thị hiện. “Sắc truyền” là đức Thế Tôn truyền các vị đại A La Hán, các vị đại Bồ Tát đã sớm thành tựu, thậm chí ứng cơ thân (thân ứng hiện thuận theo căn cơ) của chư Phật, hiện đủ loại thân trong thế gian này, hoặc là thân thù thắng, hoặc thân kém cõi, hoặc thân phàm phu, hoặc thân ngu si, hoặc thân tội ác, cho đến thân xuất gia, thân Bồ Tát, tùy thuộc căn cơ mà tuyên nói, dạy bảo, khiến cho kẻ hữu duyên được nghe kinh giáo có thể tu trì, có thể thành tựu.

Từ phần Trường Hàng cho đến phần Kệ Tụng của phẩm này, chúng ta có thể thấy đức Thế Tôn đối với chuyện nghe nói, hướng đến, và tùy hỷ pháp Ban Châu đã ban sự giá trị và thọ ký không chỉ lớn bằng, khiến cho các hữu tình hữu duyên nghe rồi bèn thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Do tùy hỷ mà thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Do đọc tụng mà thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Do tư duy, quan sát, chánh hạnh mà thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Thậm chí khiến cho người truyền tụng, người đích thân chứng [tam-muội] thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Vì sao nói như thế? Nếu đức Thế Tôn chẳng thọ ký cho chúng ta, tức là chẳng có Phật lực dẫn dắt và thọ ký, thường là đối với chỗ này, chúng ta chẳng có sức tư duy và nhìn thấu suốt một cách rộng lớn rốt ráo, có thể là đối với một chút nào đó, một khía cạnh nào đó mà có chút cảm giác, nhưng chẳng thể quan sát lợi ích rốt ráo, hoặc lợi ích viên mãn ở nơi đâu, hoặc chỗ quy hướng chân thật.

Các vị Bồ Tát hiện tiền đang nghe giảng, tư duy, đọc tụng, vì người khác diễn nói Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội, trong cơ chế của mấy loại nhân duyên này, chắc là có dính dáng,

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

hoặc đều có chút hành trì tương tự. Do vậy, ở nơi đây, giống như đức Thế Tôn đã ban cho chúng ta một sự chọn lựa và thọ ký, khiến cho chúng ta thật sự tiến nhập Bồ Đề, viên mãn vị lai!

20. Phẩm thứ mười sáu: Giác Ngụ

(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần Giác Ngụ phẩm đệ thập lục.

(經)大方等大集賢護分覺寤品第十六。

(Kinh: Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần. Phẩm thứ mười sáu: Tỉnh Ngủ)³⁰.

Trong phẩm này, đức Thế Tôn đã tuyên nói, khiến cho chúng ta giác ngộ kinh điển này khó có, khó nghe. Chúng ta có cơ hội nghe pháp, tu tập pháp, tư duy, luyện tập, đọc tụng, cho đến vì người khác giải nói, trao đổi, đích thân chứng nhập. Đó là thiện căn, phước đức như thế nào? Đức Thế Tôn chẳng ẩn giấu bất cứ nhân duyên nào, mà cũng chẳng khoe khoang bất cứ nhân duyên nào, chỉ nói như thật. Chúng tôi nêu một thí dụ đơn giản nhất. Chẳng hạn như trâu, ngựa, la, lừa chở nặng, nếu chúng nó chuyên môn đến nghe kinh giáo như thế này, gần như là chẳng có cơ hội ấy! Vì chủ nhân của chúng nó sẽ chẳng lôi lừa, ngựa đến nghe pháp. Chúng nó có thể ngẫu nhiên nghe thấy, nhưng hiểu hay không, biết hay không, vẫn là một câu hỏi! Tôi dự Phật Thất hoặc tụng kinh ở nhiều nơi, đã từng gặp chuyện súc sanh đến nghe pháp, nhưng chúng nó phần nhiều bị mọi người la hét, xua đuổi, phước đức của chúng nó chẳng đủ! Lại như các quỷ thần thường là có sức thần thông, nếu nơi nào đó hiện tướng quang minh to lớn, sanh ra âm thanh vi diệu, họ phần nhiều muốn tới đó, nhưng do phước đức chẳng đầy đủ, chẳng thể đi khỏi khu vực của chính mình. Tức là bị một loại nghiệp lực nào đó hạn cuộc, chẳng thể tiến nhập! Ngay trong loài người chúng ta, cũng có nhân duyên giống như thế. Chẳng hạn như có người nói cuộc sống và khoa học kỹ thuật trong các quốc gia phương Tây phát triển; do vậy, mong tới đó du học, sanh sống, hoặc phát triển tại những nước ấy, nhưng do phước đức ngăn trở, chẳng xin hộ chiếu được, chẳng ra khỏi nước được, chẳng làm chuyện ấy

³⁰ Hiểu theo nghĩa thông thường, Giác Ngụ là thức dậy, đôi khi nó còn dùng như một chữ đồng âm do Giác Ngộ vì tỉnh ngủ giống như thoát khỏi giấc ngủ say sưa, giống như chúng sanh thoát khỏi giấc mộng vô minh thì gọi là Giác Ngộ.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

được! Phước đức nơi hết thầy các hiện tượng sanh mạng khi chưa thành thực, đều là như thế.

Trong một tháng này, chúng ta đã nhiều lần nghe danh tự Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiền Tiên tam-muội, cho đến nội dung của giáo điển tam-muội này, không ngừng tư duy, quan sát, nghe nhận, trao đổi, cho tới tu tập. Thoạt nhìn, tuy mười phần đơn giản, nhưng đối với nội hàm của pháp tắc này, chúng ta biết hay không, hiểu hay không, tiếp nhận hay không, cho tới một niệm nguyện vọng học tập là nguyện vọng thuận theo tình thế, nguyện vọng thuận duyên, hay là nguyện vọng do chính mình lựa chọn? Phước báo ấy sai khác mười phần to lớn! Nếu đối với một pháp tắc, chúng ta có thể chủ động, rõ ràng tiến nhập, pháp hỷ tràn trề, yêu thích thủ hộ. Đây thật sự là biểu hiện của thiện căn chín muồi. Nếu không như vậy, chúng ta chỉ thuận theo nghiệp tướng, tuy nghiệp tướng ấy cũng là thiện căn, nhưng nó sẽ thường tiến nhập hai loại: Một loại là tiếp tục thành thực, loại kia là chuyển vào duyên khác. Tức là do quý vị chẳng ưa, bài xích, thậm chí chẳng tiếp tục, nó sẽ sanh khởi tác dụng nơi nhân duyên khác. Vì vậy, đức Thế Tôn không ngừng hướng dẫn chúng ta, thậm chí hướng dẫn rất tỉ mỉ, muốn khiến cho chúng ta sanh khởi tín tâm quyết định đối với pháp tắc này, quyết định thủ hộ, cho đến quyết định tu tập, và chánh tư duy quan sát, hoặc là một niệm tâm tùy hỷ, hoặc là có tâm muốn nghe.

Đối với chuyện nghe kinh, nếu nghe rồi sanh lòng tin, nghe xong có thể hành, nghe rồi bèn biết, nghe rồi bèn sanh khởi chánh hạnh vui sướng. Đó gọi là Văn (聞, nghe). Nếu nghe xong, sanh lòng phi báng, bài xích, nghe mà chẳng mừng, sanh nghi, dấu nghe mà như chẳng nghe. Có thiện tri thức hướng tới Ban Châu tam-muội này, nếu muốn nghe mà chưa được nghe, do đã hướng về, yêu thích, thiện căn ấy cũng chín muồi chẳng thể nghĩ bàn! Trong đời sau, có thể thấy Phật, có thể thấy nhiều vị Phật, có thể thấy trăm ngàn vị Phật, do thấy Phật mà nghe pháp. Trong kinh điển, đức Thế Tôn không ngừng hướng dẫn chúng ta như vậy, muốn khiến cho chúng ta có thể tiến nhập, có thể yêu thích pháp này. Đối với các giáo ngôn Đại Thừa, nhất là giáo ngôn thành tựu trong một đời như thế này, người nghe xong mà chẳng báng bỏ, nghi hoặc rất ít ỏi, người nghe xong hoan hỷ càng tốt bậc hiếm hoi! Người nghe xong, hoan hỷ, lại còn siêng năng tu tập, tư duy, tán thán, truyền bá, thủ hộ, tu tập, đã hiếm lại càng hiếm hơn! Đó là sự tương ứng dẫn khởi từ tâm địa. Các vị thiện tri thức ơi! Hãy nên khéo tư duy, khéo quan sát!

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn phục cáo Hiền Hộ Bồ Tát ngôn.

(經)爾時，世尊復告賢護菩薩言。

(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn lại bảo Hiền Hộ Bồ Tát rằng).

Vì Hiền Hộ Bồ Tát là bậc đương cơ, là vị khai giáo (khải thỉnh giáo pháp), và cũng là vị thượng thủ truyền bá thí giáo trong đời vị lai của giáo ngôn này, do vậy, trong kinh điển, đức Thế Tôn không ngừng bảo Hiền Hộ.

(Kinh) Hiền Hộ! Ngã niệm vãng tích quá đa vô lượng A-tăng-kỳ kiếp.

(經)「賢護！我念往昔過多無量阿僧祇劫。

(Kinh: Này Hiền Hộ! Ta nhớ xưa kia qua khỏi nhiều vô lượng A-tăng-kỳ kiếp).

Phẩm này nói về sự giác ngộ. Lời dạy của đức Thế Tôn không gì chẳng ngoài khiến cho chúng ta ngộ nhập tri kiến của Phật, thành tựu đạo nghiệp thanh tịnh. Đó là chánh nhân xuất thế của hết thầy chư Phật. Trong phẩm giác ngộ này, đức Thế Tôn dùng ngài Hiền Hộ làm đối tượng để tuyên nói, hồng chân thật thí giáo cho đại chúng hiện tiền.

“Ngã niệm vãng tích quá đa vô lượng A-tăng-kỳ kiếp” (Ta nhớ xưa kia qua khỏi nhiều vô lượng A-tăng-kỳ kiếp): Số lượng mà đức Thế Tôn biết, tâm trí của Bồ Tát chẳng thể theo kịp, Thanh Văn, Duyên Giác cũng giống như thế. Phàm phu chỉ nghe danh tướng, chẳng thể biết nội con số đức Thế Tôn đã nói. “Vô lượng A-tăng-kỳ kiếp” là con số như thế nào? Đối với một kiếp, bọn nhân loại chúng ta phải nên tính toán như thế nào? Nếu nói “năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm có thể là thời gian tiếp nối giữa một đức Phật này và đức Phật kia”, vậy thì trong thời gian và không gian rộng lớn, rốt ráo phải nên dùng số lượng như thế nào để cân nhắc? Chuyện này đòi hỏi chúng ta phải chân thật tu chứng các pháp lợi ích cho nhiều, như thế thì mới có thể tiến nhập các pháp tắc chân thật, liễu giải số lượng như thật. Điều này được gọi là “hữu chứng lượng”. Tuy rằng “pháp chẳng có tự tánh, các pháp rốt ráo chẳng có thực chất, do nhân duyên sanh ra”, nhưng tu tập và đích thân chứng các pháp mười phần trọng yếu! Ở đây, chẳng phải là Pháp Chấp, chỉ là nhu cầu. Chúng ta đối với pháp tắc Ban Châu tam-muội, cho đến đối với hết thầy các

pháp tắc đáng nên tu tập, đối với số lượng ấy, cho đến cảm nhận thế giới, đều phải nên tu trì như thật.

(Kinh) Hữu Phật xuất thế, danh Tát Giá Na Ma Như Lai.

(經)有佛出世，名薩遮那摩如來。

(Kinh: Có Phật xuất thế, tên là Tát Giá Na Ma Như Lai).

Tát Giá Na Ma dịch nghĩa là Chí Thành, nhưng cách dịch này chỉ có thể nói là miễn cưỡng, chẳng hoàn toàn tương ứng. [Phiên dịch kinh Phật từ] Phạm văn có [quy ước] “*ngũ chủng bất phiên*” (năm loại không phiên dịch), “*bí mật bất phiên*” (do bí mật nên chẳng phiên dịch) là một loại trong ấy. Chẳng hạn như chân ngôn, hễ phiên dịch thì mọi người chẳng đọc, hoặc giải nghĩa thì chẳng có ý nghĩa. Khá nhiều tâm chú chính là thế nguyện bí mật, đều chẳng thể nói rõ ràng được, vì người thế gian chẳng đủ sức [để thấu hiểu nội dung của thế nguyện ấy]. Nếu nói rõ ràng, phần nhiều sẽ khiến kẻ khác nghe xong sợ hãi, nghe rồi sanh nghi ngờ, phỉ báng, nghe xong sanh tâm chửi bới, phần nhiều bị tổn hại thiện căn và phước đức. Trong năm thứ không phiên dịch, còn có một loại [chẳng phiên dịch] là vì phương này (Trung Hoa) chẳng có, cho nên chẳng thể dịch, hoặc do có nhiều ý nghĩa nên chẳng dịch. Các danh từ chuyên dụng cũng chẳng thể dịch, như từ xưa đến nay, mọi người đã quen sử dụng các danh từ ấy, như Bát Nhã Ba La Mật, Niết Bàn v.v... chỉ có thể hiểu ý, chẳng phiên dịch!

Na Ma tức là Nam Mô. Trong quá khứ, Nam Mô có năm thứ ý nghĩa mật thuyết (nói theo ý nghĩa bí mật), hai mươi lăm cách khai thuyết (nói theo cách nói công khai, rõ ràng, chẳng bí mật). Thông thường, phần nhiều chẳng tuyên nói năm nghĩa, nhưng phải nên biết các ý nghĩa “*lễ kính, quy mạng, cúng dường, tùy thuận, trọn đủ, hàng phục, chân thật an trụ*”. Nam Mô [được hiểu theo nghĩa nào] là do người sử dụng. Chẳng hạn như người lễ kính bèn coi lễ kính là Nam Mô. Người quy mạng tự coi quy mạng là Nam Mô. Người cúng dường hiểu cúng dường là Nam Mô. Người tùy thuận bèn do tùy thuận mà nói Nam Mô. Có người dùng Nam Mô để hàng phục phiền não hiện tiền; vậy thì hàng phục là Nam Mô. Có người do thấy chư Phật trọn đủ các thiện công đức, bèn thủ hộ như thế, lấy Phật đức làm đức của chính mình, ngay lập tức tiêu trừ [mọi phiền não], chẳng chấp trước, chẳng có Ngã Chấp, chẳng có Pháp Chấp, tâm trí thanh tịnh, tự tâm chân thật “chẳng đến, chẳng đi”

ngay lập tức sáng tỏ. Loại người như thế tức là coi Nam Mô là “trộn đũ”. Lại còn có người coi xếp đặt các phương tiện bổ thí là Nam Mô, tức Nam Mô theo kiểu lợi tha. Còn có người coi tán thán, hứa khả là Nam Mô, như chư Phật Như Lai Thế Tôn xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật chính là trực tiếp ca ngợi A Di Đà Phật Thế Tôn có quang minh chẳng thể nghĩ bàn, nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn, sức thần thông chẳng thể nghĩ bàn. Đó cũng là Nam Mô. Do vậy, Nam Mô có vô lượng vô biên nghĩa bí mật, trong một từ ngữ chứa đựng vô lượng nghĩa. Nếu sử dụng thích đáng, khéo sử dụng, sử dụng chân thật vô lượng nghĩa ấy, sẽ có công đức hiện tiền, liền có thể như thật khởi tác dụng của nội hàm chữ Nam Mô.

(Kinh) Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, thập hiệu cụ túc.

(經)應供、等正覺，十號具足。

(Kinh: Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, mười hiệu đầy đủ).

Trong quá khứ, các vị được xưng là chư Phật Như Lai Thế Tôn có đủ mười hiệu. Hiện thời, trong thế giới Sa Bà có nhiều loại hữu tình cuồng vọng, tự xưng là Phật, thậm chí còn [vênh váo tuyên bố] “vượt xa Phật Thích Ca”, coi thường Ứng Thân của đức Thế Tôn, cho đến coi thường giáo pháp của Ứng Hóa Thân Phật Thích Ca, tức là giáo pháp của Ứng Thân. Thật ra, chẳng thể chê bai! Vì ba thân Pháp, Báo, Ứng chẳng cách biệt, chẳng tách rời, một Thế cùng phóng quang minh, chỉ ứng theo nhu cầu của chúng sanh. Nếu dùng thân to lớn, thân trang nghiêm, thân oai đức hiển hiện trong cõi đời, hết thấy chúng sanh sẽ mê hoặc, điên đảo! Khi đức Thế Tôn xuất thế, thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, có ngoại đạo liền báng bỏ đức Thế Tôn, nói: “Cù Đàm (Gautama) là hóa nhân (người biến hóa ra), chẳng phải là có thật. Chẳng giống như người thế gian chúng ta có cha, có mẹ”. Đức Thế Tôn nói: “Cha ta là Tịnh Phạn (Suddhodana), mẹ ta là Ma Da (Māyā) ở nước Ca Tỳ La Vệ (Kapilavastu)”. Vì sao đức Thế Tôn chứng thực cha mẹ và quê hương của chính mình như thế? Muốn khiến cho hết thấy chúng sanh chẳng sanh tâm sợ hãi, cho nên Ngài sanh trong thân phận tương ứng để an trụ.

Chư Phật Như Lai Thế Tôn trọn đủ mười hiệu, Thích Ca Mâu Ni Như Lai Thế Tôn cũng trọn đủ mười hiệu. Trong mười hiệu ấy, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiên Thệ, Thế Gian Giải,

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn đều là các danh xưng trọn đủ đức. Nói cách khác, chẳng phải là khoác lấy danh xưng đẹp đẽ, to tát, mà là có nội hàm của mười loại công đức cụ thể. Vì thế, đó là danh xưng toàn vẹn nơi danh hiệu của chư Phật. Đối với A Di Đà Phật Thế Tôn, cũng như trong danh xưng của chư Phật Thế Tôn, hoặc trong các chân ngôn, đều dùng các mười hiệu ca ngợi trọn đức để xưng tán. Chẳng hạn như nói “*Nam-mô Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư A Di Đà Phật Thế Tôn*”. Hoặc nói: “*Nam-mô Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư Dược Sư Lưu Ly Quang Phật Thế Tôn*”. Trong quá khứ, có người niệm Phật truyền dạy cách niệm như thế, nhưng người hiện thời dường như cảm thấy niệm kiểu ấy quá rườm rà, dường như đọc lên quá mệt. Thật ra, chẳng phải vậy, vì Như Lai thật sự tương ứng trọn vẹn mười danh hiệu công đức ấy, hiển hiện trọn đủ oai đức, quyết định là bậc đạo sư trong tam giới, trong hết thảy chúng sanh Ngài quyết định an ủi, trong hết thảy thế gian, Ngài quyết định làm phước điền. Trong hết thảy chúng sanh, Ngài quyết định ban pháp thí, vô úy pháp thí trọn đủ, chẳng có mây may chần chừ, siểm khúc, hoặc các [phiền não] tương tự như thế.

Trước kia, tôi đã gặp một vị tại gia Bồ Tát nói pháp tắc của ông ta tu tập cao hơn giáo pháp do Phật Thích Ca tuyên nói bao nhiêu lần! Tôi nói: - Ông chẳng cần phải khoe chính mình cao siêu! Có một phương pháp để ngay lập tức thí nghiệm. Vì Thích Ca Mâu Ni Phật Thế Tôn chứng đắc pháp thể tràn đầy, tức là cái Thể pháp tắc sung mãn, thân hiện viên quang, hết thảy Bồ Tát đều chẳng thể sánh bằng! Ở trong ngũ trước ác thế này, nếu nói đến thân quang (quang minh tỏa ra từ thân thể) thì A La Hán có hạng quang (quang minh tỏa ra từ phía sau cổ, bao quanh đầu), các vị Bồ Tát có thân tướng quang (hào quang bao quanh thân), nhưng đều chẳng có viên quang. Viên quang là chẳng có thân tướng trước sau. Vì viên quang tràn trề, là quang minh hỷ duyệt và trí huệ. Do vậy, chẳng thấy tướng lung. Khi đức Thế Tôn tuyên nói, hết thảy chư thiên vây quanh, Bồ Tát vây quanh, các vị tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, cho đến đại chúng vây quanh trước sau, đều thấy tướng chánh diện của đức Thế Tôn, chẳng thấy tướng lung của đức Thế Tôn. Chẳng phải là đức Thế Tôn không có lung, mà là do viên quang chiếu rọi. Thích Ca Phật Thế Tôn, cho đến chư Phật Thế Tôn trong lúc ứng

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

hóa, đều có viên quang. Đây là bất cộng pháp, bất cộng lực, bất cộng thiện xảo giữa tướng xuất thế của hết thầy chư Phật Thế Tôn và hết thầy Bồ Tát, phàm phu! Hữu tình cuồng vọng, ngu si, vô minh trong thế gian phần nhiều tự phụ, tự đề cao, khoe chính mình lớn hơn Phật. Vậy thì xin nhà người hãy hiện quang minh chẳng có thân tướng trước sau xem sao? Đúng là thứ gì cũng chẳng phải, chỉ bất quá là tâm cuồng loạn, ý điên đảo, là thứ mất trí, bị các tâm trí xấu ác không chế đó thôi! Chút phần công đức còn chẳng thể đạt được, vẫn xằng bậy xưng là Phật, vẫn nói là cao hơn Phật! Hiện thời, hữu tình thuộc loại này xuất hiện nhiều trong cõi đời, là yêu nghiệt rối loạn thế gian, mê hoặc hữu tình!

Bởi vậy, chúng ta nếu học Phật, nhất định phải tin chắc mười hiệu công đức trọn đủ là chư Phật. Chư Phật xuất thế chắc chắn đều có sự thọ ký thanh tịnh, chẳng hề chênh lệch. Chẳng hạn như Phật Di Lặc xuất thế trong vị lai đã có chư Phật thọ ký từ lâu, mà sau khi Phật Di Lặc xuất thế, lại có vị Phật thứ sáu, vị Phật thứ bảy, một ngàn vị Phật trong Hiền Kiếp được thọ ký nhiều lần; trong ấy, tuyệt đối chẳng có sự gián đoạn nào! Là một Phật giáo đồ, chúng ta phải nhận biết điều này! Nếu không, sẽ bị các ngoại đạo, cho đến bị phùng tà kiến mê hoặc. Nếu vậy, chúng ta sẽ chẳng thể đạt được sự y chỉ rốt ráo an ổn. Hiện thời, trong thế gian này, hữu tình tâm trí cuồng điên hết sức đông đảo. Có một lần, tôi đến vùng Đông Bắc, một cư sĩ đến bảo tôi: “Tôi chỉ có thể chào thầy bằng một tay. Thầy có biết vì sao hay không? Tôi là Phật X... Nếu tôi chấp hai tay chào thầy, thầy sẽ bị tổn phước”. Tôi nói: “Ông là Phật thì cứ thông thả thủ hộ là được rồi! Hết thầy chúng sanh vốn là Phật, nhưng khi ông nói chính mình là Phật, các đức chẳng đầy đủ, hãy nên sanh tâm hổ thẹn, đừng kiêu ngạo, cuồng vọng, tự phụ!” Nhưng có kẻ mười phần mê hoặc thế gian như thế đó. Rất nhiều kẻ học Phật khi chẳng có chánh tri chánh kiến, sẽ thường dễ gặp vấn đề xuất hiện. Trước kia, có một vị cư sĩ còn kể với tôi: Ông ta quen một người tại gia làm nghề y, chẳng học Phật, nhưng có sức thần thông. Kết quả là rất nhiều Phật tử chẳng học Phật mà đến chỗ hần, nói hần là một vị Phật sống. Vì sao? Hần ta “có công phu thật sự!” Nhưng sức thần thông là gì? Giống như kỹ thuật, hoặc kỹ xảo, chẳng thể đại diện cho Phật pháp, chỉ có thể đại diện cho một phương diện kỹ thuật chi đó! Nhưng vị cư sĩ ấy kể với tôi trong nước có nhiều vị cư sĩ chẳng học Phật nữa, đều đến chỗ kẻ đó, cho rằng kẻ đó mới là Phật thật. Hần ta cũng mặc nhiên thừa nhận chuyện đó. Đó là gì? Chính là vì chẳng hiểu rõ giáo lý Phật pháp.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Mười hiệu trọn đủ cũng là sự thủ hộ cho nhận thức Phật giáo và tu tập Phật pháp của chúng ta. Đối với chỗ này, phải sanh quyết định giải, cho đến mỗi vị Phật ứng hóa, xuất thế, cũng đều chẳng thể tạp loạn. Nhất là vào cuối thời chánh pháp của đức Phật Thích Ca trong mai sau, giáo ngôn của Phật pháp phần nhiều bị các hữu tình ngu si, hữu tình cuồng vọng, hữu tình có tri kiến điên đảo dựa hơi, để “*tương tự truyền bá*”. Tức là chẳng thuận theo kinh giáo, cứ xằng bậy sáng chế, hoặc chẳng nương theo truyền thừa, cứ hư vọng tự “sáng chế”, hoặc chẳng tuân theo pháp hệ để truyền bá, cứ tự hư vọng “sáng chế”, hướng dẫn hữu tình sai lầm, khiến cho rất nhiều hữu tình bị mê mất. Vì thế, chúng ta học bất luận pháp tắc nào, nhất định phải có xuất xứ từ kinh điển, nhất định phải có giáo ngôn xuất xứ, hoặc xuất xứ truyền thừa, cũng như xuất xứ từ sự tu chứng của lịch đại tổ sư trong quá khứ. Xét coi kinh điển nói như thế nào? Lịch đại tổ sư nói như thế nào? Trong quá trình chúng ta tu tập, có tương ứng hay không? Đó đều là các tham số (parameters) an toàn cơ bản, tức là phán đoán quý vị có phải là dùng pháp Tứ Đế, Tứ Pháp Ấn, hoặc Tam Pháp Ấn để ấn khế tự tâm, dùng Thật Tướng Ấn để ấn khế pháp tắc. Nếu chẳng phải như vậy, sẽ chẳng an toàn. Nếu chúng ta tu tập pháp tắc trong Phật pháp, lại ngược ngạo đi đường vòng, thậm chí rơi vào tri kiến hoặc sự tu chứng của ngoại đạo thì sẽ là gặp Phật pháp mà chẳng được giải thoát, bị pháp tắc tương tự làm hại, quả thật quá đáng tiếc! Chư vị thiện tri thức hãy khéo tư duy, khéo quan sát ở chỗ này!

(Kinh) Thời, hữu tỳ-kheo danh viết Hòa Luân, u Phật diệt hậu, xưng dương, quảng thuyết thị tam-muội kinh.

(經)時，有比丘名曰和輪，於佛滅後，稱揚廣說是三昧經。

(Kinh: Khi đó, có tỳ-kheo tên là Hòa Luân, sau khi đức Phật diệt độ, xưng dương, rộng nói kinh tam-muội này).

Trong hội của Tát Giá Na Ma Như Lai, có một tỳ-kheo tên là Hòa Luân. Sau khi đức Phật ấy diệt độ, sư bèn tuyên nói rộng khắp kinh giáo Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiện Tiền tam-muội này. “*Thị tam-muội kinh*” (Kinh tam-muội này) có thể là kinh điển dịch theo ý nghĩa, hoặc thuộc loại trực dịch, cho đến các thứ kinh điển giáo hóa rất sâu về

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội như thế, đều có thể gọi là “*thị tam-muội kinh*”.

Chúng ta thấy kinh Ban Châu Tam Mọi được dịch theo nhiều cách, thành [các bản dịch gồm] một quyển, ba quyển, hoặc năm quyển. Nội dung như nhau, vì sao số quyển bất đồng? Do người phiên dịch có vị thích đơn giản, có vị thích chi tiết, có vị là trực dịch, có vị dịch ý. Từ xưa đến nay, có khá nhiều phương pháp dịch kinh. Như La Thập đại sư khéo dịch ý, phần nhiều dùng ngôn từ ngắn gọn, thanh thoát, lưu loát để diễn đạt ý nghĩa trong kinh văn, nhưng chẳng đánh mất giáo nghĩa, còn pháp sư Huyền Trang thì trung thực dịch sát từng chữ, chẳng tăng, chẳng giảm. Từ kinh A Di Đà, chúng ta có thể thấy được sự khác biệt giữa lối cựu dịch và tân dịch. Cựu dịch phần nhiều tôn sùng cách dịch ý, khiến cho chúng ta là người Hán thích ngắn gọn, phần lớn sẽ đọc tụng. Về sau, pháp sư Huyền Trang cho rằng cách ấy có những chỗ chẳng thỏa đáng. Chẳng hạn như trong kinh A Di Đà, Thích Ca Văn Phật (Thích Ca Mâu Ni Phật) nói mười phương chư Phật đều cùng ca ngợi công đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật. Mười phương chư Phật cùng lúc hiện đại thần biến, dùng đủ loại oai đức để nhiếp hóa hữu tình trong mười phương, khiến họ thoát lìa sanh tử, thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ngay trong một đời. Còn La Thập đại sư dịch kinh A Di Đà là sáu phương Như Lai. Vì thế, các vị thiện tri thức dịch kinh về sau như pháp sư Huyền Trang v.v... cho rằng [dịch theo lối cũ] có chỗ chẳng thỏa đáng, lại sang Ấn Độ cầu được nguyên bản tiếng Phạn, muốn dịch sát văn tự, trên thực tế là phiên dịch chẳng tăng giảm câu văn gốc.

Trong Hán truyền Phật giáo, có kinh điển được dịch vào thời kỳ đầu, cũng có kinh điển được dịch vào trung kỳ và hậu kỳ, tức là hai thuyết cựu dịch và tân dịch. Ở đất Tây Tạng, cũng có hai phái cựu dịch và tân dịch³¹. Thường là kinh điển cựu dịch trải qua thời đại lắng đọng,

³¹ Phật giáo được truyền vào Tây Tạng dưới thời vua Songtsan Gampo (618-649), nhưng chỉ giới hạn trong cung đình. Đây là giai đoạn hình thành chữ viết Tây Tạng dựa trên văn tự Ấn Độ. Mãi cho đến thế kỷ thứ tám, dưới thời vua Trisong Detsen (755-787), vua thỉnh các học giả Ấn Độ sang truyền giáo. Trong số đó, có hai vị lỗi lạc nhất là Liên Hoa Sanh (Padamashambava) và Tịch Hộ (Sāntaraksita, vị này chuyên dạy về Trung Quán). Liên Hoa Sanh đại sư chuyên dạy về Mật Tông, và được coi là sáng tổ của Phật giáo Tây Tạng. Các giáo pháp, kinh điển truyền thừa trong thời kỳ này được gọi là Cựu Mật, và được kế thừa bởi tông phái Cổ Mật (Nyingmapa). Đến thời vua Langdarma (836-842), tuy chỉ làm vua trong sáu năm,

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

sẽ bộc lộ một số khuyết điểm. Chẳng hạn như sẽ sanh ra các tranh luận về ý nghĩa, khiến cho hữu tình nương theo giáo ngôn gặp mê hoặc, hay chẳng tương ứng. Do vậy, sẽ xuất hiện một số thiện tri thức sang Ấn Độ lần nữa, thỉnh Phật bản về, phiên dịch lần nữa, để khiến cho mọi người xả trừ nghi hoặc, sanh quyết định y chỉ. Nguồn gốc thanh tịnh và sự tuyên nói như thật của kinh điển là một điều rất trọng yếu để chúng ta y chỉ trong tu tập Phật pháp.

Rất nhiều người đã đọc kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ, và cũng đã đọc kinh A Di Đà. Vào thời Đường, kinh A Di Đà đã được lưu thông hết sức phổ biến và nổi tiếng như kinh Kim Cang và Tâm Kinh, nhưng bản kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ do ngài Huyền Trang dịch được truyền bá rất ít. Trước kia, chúng tôi ở trong nước cũng đi khắp nơi đề xướng bộ kinh ấy, nhưng rất khó được thật sự lưu truyền rộng rãi và tiếp nhận. Nhưng so sánh hai bản dịch, chúng ta sẽ thấy chỗ thù thắng của bản trực dịch (bản của ngài Huyền Trang), vì nó có thể như thật tuyên nói giáo ngôn của Phật Đà dành cho hữu tình phàm phu, còn trong bản dịch ý lại biểu hiện sự thiện xảo của các vị thiện tri thức dịch kinh. Chẳng hạn như đối với chỗ “*nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật, nhược tứ nhật, nhược ngũ nhật, nhược lục nhật, nhược thất nhật, nhất tâm bất loạn*” (hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, nhất tâm bất loạn), sẽ nảy sanh vấn đề lớn, trở thành một công án lịch sử! Bản dịch Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh của ngài

nhà vua đã bức hại Phật giáo, khiến cho nguyên khí của Phật giáo Tây Tạng bị tổn hoại nghiêm trọng. Sau cái chết của nhà vua, chế độ phong kiến tập quyền trung ương tan rã, nội loạn triền miên, các lạt-ma của Cổ Mật đa phân sống theo lối thế tục, đê tóc, cưới vợ, sinh con, và giáo pháp có sự pha tạp các tín ngưỡng bản địa. Năm 1042, tôn giả Atisha (982-1054) được mời đến Tây Tạng để phục hưng giáo pháp. Các tông phái vâng theo sự truyền thừa của Ngài được gọi là Sarma (tân dịch). Trong thời kỳ này, các thiện tri thức Tây Tạng cũng sang Ấn Độ để cầu học, và từ đó, hình thành phái Sakya (sáng lập bởi Khon Konchok Gyelpo, người đứng đầu phái này vẫn là tại gia, và người đứng đầu luôn là con cháu dòng họ Khon). Một vị học giả khác là Marpa sang Ấn Độ cầu pháp với đại thành tựu giả Tilopa. Marpa có đệ tử tâm đắc là Milarepa. Đệ tử của Milarepa là tỳ-kheo Gamgopa là người sáng lập dòng tu Kargyupa. Phái Kargyupa có nhiều chi phái, nhưng hiện thời, tại Tây Tạng, chi phái Kargyupa lớn nhất là Karma-Kargyupa. Sau này, nhà cải cách tôn giáo Tsongkhapa vốn theo học với phái Sakyapa, đã chọn lọc các tinh hoa của Mật Giáo từ ba tông phái trên, nhấn mạnh vấn đề giới luật và Trung Quán, đã sáng lập dòng tu Gelugpa (phái của Đại Lai Lạt Ma).

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Huyền Trang lại chép: “*Xá Lợi Tử! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhược nhất nhật nhất dạ, nhược nhị nhật, nhược tam nhật, tứ nhật, ngũ nhật, lục nhật, thất nhật, hệ niệm tư duy*” (Này Xá Lợi Tử! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, hoặc một ngày một đêm, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, hệ niệm tư duy). “*Hệ niệm tư duy*” có nghĩa là quý vị có thể tư duy trong một ngày, hai ngày, ba ngày v.v... và câu “*nư thị tư duy*” (tư duy như thế) trong kinh Ban Châu Tam Muội mà nay chúng ta đang học giống nhau, đối lập với “*nhất tâm bất loạn*”. Sự sai biệt ẩn sau [các từ ngữ] đó rất lớn. Trong hai pháp Lý nhất tâm và Sự nhất tâm do Ngẫu Ích đại sư đề xướng, Sự nhất tâm còn thuận tiện thấy được, nói cách khác là còn dễ tu chứng, nhưng Lý nhất tâm thì rất khó để đích thân chứng được! Theo bản dịch của pháp sư Huyền Trang, nếu một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày, hệ niệm bất loạn thì dễ dàng hơn, phàm phu hữu tình có thể làm được!

Chẳng hạn như xếp đặt đàn tràng, nhiễu Phật, lễ tán, một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày liên tục cúng dường, sẽ có lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Chuyện này so với yêu cầu nhất tâm bất loạn từ một ngày cho tới bảy ngày, sai khác quá lớn! Cũng có nghĩa là do chọn lựa pháp môn khác biệt, sẽ khiến cho người tu hành cảm nhận pháp tác mà họ nương theo có sự sai khác rất lớn. Bản trực dịch của pháp sư Huyền Trang có thể mở rộng con đường thành tựu Niết Bàn cho vô lượng hữu tình. Nếu chiếu theo yêu cầu “*Lý nhất tâm, hoặc Sự nhất tâm*” trong một ngày, bảy ngày nhất tâm bất loạn, hoặc là trong bảy ngày hay một ngày chứng bất loạn, nói theo nhân duyên của phàm phu, sẽ đều là có mức độ khó khăn nhất định, sẽ đóng lấp thiện duyên và cơ hội thành tựu của khá nhiều hữu tình.

Y chỉ pháp môn, y chỉ kinh điển hết sức trọng yếu. Chúng ta đọc bộ kinh Ban Châu Tam Muội này, cũng là một pháp tác để y chỉ. Từ phẩm Tư Duy, phẩm Quán Sát, phẩm Chánh Niệm, cho đến phẩm Thọ Ký và Chúc Lụy thuộc phần sau, khắp nơi đức Thế Tôn đều mở rộng con đường Niết Bàn cho tứ chúng, tạo thiện căn rộng lớn để hồi thí và thọ ký, muốn khiến cho hết thảy kẻ hữu duyên đều tiến nhập Bồ Đề, chẳng thoái chuyển, chẳng sợ hãi. Đây thật sự là phước đức nhân duyên chẳng thể nghĩ bàn. Vì trước kia, trong Tịnh Độ Tông, được tranh luận nhiều nhất là công án “*nhất tâm bất loạn*”. Ngoài ra, còn có công án vãng sanh, công án về biệt thời ý, nan hành và dị hành, tự lực và tha

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

lực³² v.v... là các vấn đề khá lớn. Phần lớn người hiện thời chú giải “yêu cầu để vãng sanh thế giới Cực Lạc” là “*nhất tâm bất loạn*”, bất luận là Lý hoặc Sự. Rất nhiều người đều nói chêm dính, chặt sứt như thế; nhưng điều ấy chẳng tương ứng với lời dạy của Như Lai. Như Lai chẳng nói như thế. Như từ bộ kinh điển này, chúng ta đã thấy, thậm chí có người hướng tới, nghe, tụng kinh này, dù muốn nghe mà chưa được nghe, đều đã thành tựu cái quả trong vị lai “*sẽ thấy một vị Phật, nhiều vị Phật, ngàn vị Phật*”, cho đến “*thành tựu Bồ Đề*”. Vì sao đức Thế Tôn mở ra một con đường lớn về tín tâm như thế? Chính là do Ngài khéo nói an ủi, an ủi chân thật, an ủi như thật, an ủi rất ráo, an ủi chẳng xả, đối với hết thảy người thiện căn thành thực hoặc chẳng thành thực, người gặp duyên hoặc chẳng gặp duyên, khiến cho bất cứ ai hễ hướng tới sẽ đều có thể thành tựu Bồ Đề. Nếu có người nào phát tâm thì người ấy sẽ đều có thể thành tựu trên con đường tiến nhập Phật đức rộng lớn như thế; đó chính là kim quang đại đạo vậy!

³² Công án vãng sanh tức là tranh luận không cần vãng sanh Cực Lạc, mà cầu vãng sanh Di Lạc Nội Viện, vãng sanh Hoa Tạng thế giới, vãng sanh cõi Diệu Hỷ của A Súc Bệ Phật v.v...

Biệt thời ý (Kālāntarābhiprāya) thoát đầu chỉ đơn giản có nghĩa là Như Lai nói pháp dựa theo nhân duyên để khuyến hóa chúng sanh giải đãi sẽ tinh tấn. Chẳng hạn như nói “trì tụng danh hiệu Phật Đa Bảo sẽ chắc chắn chẳng thoái chuyển Vô Thượng Bồ Đề”, người ấy không thể ngay lập tức chẳng thoái chuyển được, nhưng việc trì tụng ấy sẽ tạo nhân duyên tốt lành cho người ấy không thoái chuyển trong quá trình tu trì. Hoặc như kinh Pháp Hoa nói “trẻ nhỏ gom cát làm tháp, dùng móng tay vẽ hình Phật, người vào tháp miếu, gơ tay cúi đầu đều thành Phật”, đều là những cách nói biệt thời ý. Về sau, khi giảng giải Tịnh Độ, một số vị đã đi quá xa, cho rằng tín nguyện niệm Phật vãng sanh trong một đời cũng là biệt thời ý, hành nhân không thể vãng sanh ngay trong một đời v.v... Hoặc cho rằng Cực Lạc là quyền tạm, niệm Phật vãng sanh chỉ là cách nói khuyến hóa để hành nhân đạt tới nhất tâm tịnh ý hòng tiếp tục tấn tu trong đời kế tiếp...

“Nan hành và dị hành” là tranh luận so với các pháp môn khác, Tịnh Độ là dễ hành, các pháp khác là khó hành. So trong các pháp niệm Phật thì trì danh là dễ hành, quán tưởng, thật tướng v.v... là khó hành.

“Tự lực và tha lực” là tranh luận chỉ cần tin vào bốn nguyện và phát nguyện vãng sanh là đủ, hoàn toàn trông cậy vào A Di Đà Phật tiếp dẫn, không cần phải gắng sức niệm Phật, đoạn trừ phiền não, tịnh hóa cái tâm... Những người theo chủ trương này kết án những người tin tưởng tu Tịnh Độ phải có ba tư lương “tín, nguyện, hạnh” là tu theo lối tự lực, hoàn toàn phủ nhận sức tiếp dẫn của A Di Đà Phật. Thậm chí còn có những phái như Tịnh Độ Chân Tông của Nhật Bản chủ trương có tín và nguyện là đủ để vãng sanh, niệm Phật chỉ là hình thức xưng dương Phật để cảm ơn, không cần chú trọng niệm Phật liên tục miên mật như Tịnh Tông Trung Hoa.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Nhưng chúng ta thấy trong nước có các vị Bồ Tát viết lách, cho rằng [pháp môn Tịnh Độ] chẳng phải là “*tam căn phổ bị, lợi độn toàn thâm*” (thích hợp khắp ba căn, gồm thâm lợi căn lẫn độn căn). Do đó, [theo họ] chuyện “*đều có thể vãng sanh*” chẳng thể thành lập! Chiếu theo cách nhìn của các vị thiện tri thức ấy, đúng là trong một vạn người, chẳng được một hai người [vãng sanh]. Thậm chí có kẻ còn chấp nhận lập thuyết “*trong vạn người, chẳng được một hai người vãng sanh*”, bèn thâm thập một lượng lớn tài liệu để phủ định trí huệ rộng lớn rất sâu vô ngại, thiện xảo và nguyện lực của A Di Đà Phật, chê gièm công đức được đích thân chứng đắc bởi Pháp Tánh của chư Phật Như Lai, tức là [chê bai] chỗ quy kết của căn bản công đức to lớn nơi trí huệ và đức tướng của Như Lai mà hết thấy chúng sanh đều sẵn đủ, khiến cho hết thấy chúng sanh mê mất tự tâm. Tự tâm là gì? Chính là trí huệ và đức tướng của Như Lai mà hết thấy chúng sanh đều sẵn đủ, là điều được chiếu kiến bởi cái tâm chân thật của hết thấy chúng sanh, là pháp được đích thân chứng đắc bởi chư Phật. Do vậy, vô lượng hữu tình bị mê lầm trong các giáo ngôn hư ngụy ấy, không có chỗ để nương theo. Đây chẳng phải là Phật pháp! Phật pháp sẽ ban cho hết thấy chúng sanh sự an ủi, tạo sự hồi thí lợi ích chân thật! An ủi, lợi ích thế gian, khiến cho chúng sanh thành tựu Bồ Đề, thoát lìa biển khổ sanh tử, tạo nhân duyên chân thật rộng lớn cho hết thấy chúng sanh; điều này mười phần trọng yếu. Thời Mạt Pháp, có lắm ác tri thức ngăn lấp con đường thoát ly sanh tử của chúng sanh, hư vọng tự lập ra ý kiến, ăn nói ra vẻ cao minh, thốt ra những lời lẽ khiến cho chúng sanh chẳng thể mò mẫm được, chẳng thể nương theo, chẳng thể tư duy, chẳng thể quan sát, chẳng thể tu tập pháp tắc, khiến cho chúng sanh lầm lạc. Đó chẳng phải là Phật pháp, chẳng phải là quang minh vô ngại sanh từ bi tâm của đức Thế Tôn, mà cũng chẳng phải là sự thí giáo khéo an ủi chúng sanh của Bồ Tát. Trong thời đại này, đối với các vấn đề ấy, chúng ta phải khéo nhận thức rõ ràng.

(Kinh) Ngã u nhĩ thời vi đại quốc vương.

(經)我於爾時爲大國王。

(Kinh: Ta trong khi ấy làm đại quốc vương).

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn tuyên nói nhân địa của Ngài với Hiền Hộ, cho biết sau khi Chí Thành Như Lai (Tát Giá Na Ma Như Lai) diệt độ, lúc tỳ-kheo Hòa Luân chuyển pháp luân, giảng kinh tam-muội này, Phật Thích Ca là quốc vương.

(Kinh) Nhất tâm chuyên cầu thị diệu tam-muội, tức u mộng trung, văn hữu cáo ngôn thị tam-muội xứ.

(經)一心專求是妙三昧，即於夢中，聞有告言是三昧處。

(Kinh: Nhất tâm chuyên cầu tam-muội mẫu nhiệm ấy, liền ở trong mộng nghe có tiếng bảo cho biết chỗ của tam-muội ấy).

“*Nhất tâm*” ở đây biểu thị loại tâm lý siêng ròng tư duy, chẳng xả tư duy, tư duy liên tục, cung kính tư duy, cầu pháp chẳng mệt mỏi. Nếu chúng ta đối với một pháp mà sanh khởi lòng yêu thích và tùy thuận quyết định; sau đó, liên tục tư duy, quan sát, cũng sẽ ở trong mộng được nghe pháp âm màu nhiệm, cho đến được thấy diệu tướng trang nghiêm. Tánh chất liên tục mười phần trọng yếu, giống như nấu nước, một bầu nước, bất luận quý vị dùng gas cũng thề, dùng điện cũng thề, dùng củi cũng thề, cho đến dùng phân trâu để đun nó cũng thề, chỉ cần nó đã được đun sôi lên, thì đều được gọi là “*nước sôi*”, dầu nó là nước đun sôi để nguội thì vẫn là nước đã được đun, bầu nước ấy đã có thể dùng để uống. Chúng ta tu hành một pháp tắc, tư duy một pháp tắc, giải quyết một vấn đề, cũng giống như thế. Cổ nhân nói “*sán nhiệt đả thiết*” (rèn sắt khi còn nóng). Khi chúng ta gặp một pháp tắc, hãy nên thâm nhập, tu tập, thuần thực pháp tắc ấy, đừng nên chần chừ, chớ nên đánh mất chánh niệm, chớ bỏ lỡ cơ hội này. Đây thật sự là tướng trạng liên tục “*nghe pháp sanh hoan hỷ, nghe pháp rồi chánh hành, nghe pháp đạt được lợi ích*”.

“*Nhất tâm chuyên cầu*” mười phần trọng yếu. Người hiện thời hành pháp thành tựu ít ỏi; vì sao? Do đun nước nóng tới hai mươi độ, sẽ chẳng đun nữa, tắt lửa đi! Lại bận bịu với chuyện khác. Do đó, người trong thời đại này ít có cơ hội “*đun sôi nước*”. Cũng có nghĩa là cơ hội làm xong một việc trong một lần đặc biệt ít ỏi, vì tạp duyên hừng hực, vọng tưởng hừng hực, tâm trí biến đổi khác lạ, đa nghi, lăm nổi mê hoặc, phước đức chẳng chín muồi, trợ duyên chẳng mạnh mẽ, người thủ hộ pháp ích rất ráo rất thưa thớt, người tuyên nói như thật rất hiếm hoi. Do

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

đó, phần nhiều khiến cho chúng sanh bị mê mất, chẳng thể chọn lựa rốt ráo một pháp để như thật đích thân chứng đắc. Kết quả là bỏ dở nửa chừng, hoặc tương tự lý giải. Rất nhiều người một khi đã “*lý giải*”, sẽ chẳng hành trì. Do vậy, trong thời đại Mạt Pháp, người hiểu giáo thì nhiều, người y giáo phụng hành thì ít, người đích thân chứng lại càng ít hơn, như đức Thế Tôn đã thọ ký: Đây là một thời đại đấu tranh kiên cố, thị phi kiên cố, khó giáo hóa, khó độ thoát, là một thời đại chẳng có sức tu trì. Rất nhiều người nói chính mình vẫn rất siêng rông, rất muốn tu trì, vậy thì cứ nhất định chuyên cầu, nhất tâm tu trì là được rồi!

Thời Mạt Pháp, thiện tri thức đề xướng chuyên tu rất nhiều, nhưng người thật sự đích thân chuyên tu ít ỏi. Nếu là bậc thật sự đã đề xướng, lại có thể chuyên tu tập một môn, đã ít lại càng ít hơn. Như pháp sư Ấn Quang, người đời sau tôn xưng Ngài là “*tam bách niên lai, độc xuất thủ nhất nhân*” (trong hơn ba trăm năm qua, chỉ mình vị này xuất hiện). “*Mình vị này xuất hiện*” chẳng phải vì lý do nào khác, chỉ vì Ngài chuyên tu tập một pháp, thâm nhập cặn kẽ, rốt ráo thấu triệt, chẳng nhờ vào phương tiện, do thâm nhập một pháp, biết hết thấy các pháp. Hiện thời, rất nhiều vị cư sĩ và sư phụ xuất gia tự hào đối với Tam Tạng mười hai bộ loại không gì chẳng thông đạt, tự hào không cơ chế giáo ngôn nào chẳng liễu giải, thậm chí đối với mỗi vị thiện tri thức đều biết, đến khắp các đạo tràng, nhưng chẳng thật sự chứng thực một pháp tắc nào, chẳng thật sự hành trọn một lợi ích, thật sự đã lựa chọn cho chính mình nỗi hoang mang trong sanh tử, hoang mang trong phiền não! Chúng ta chỉ khăng khăng chẳng mệt mỏi “*xử lý*” sạch sành sanh những thứ ấy, chọn lựa “*chẳng ngờ*” ở chỗ này thì mới có thể dừng tay, mới có thể nghỉ ngơi! Mọi người ai nấy hãy nên cố vũ chính mình, tối thiểu là thành tựu tín tâm như vậy, nguyện vọng như vậy, tri kiến như vậy.

Thiện tri thức trong Tạng truyền Phật giáo nhiều lượt cổ vũ: “*Nếu thành tựu một Bốn Tôn thì đối với trăm vị Bốn Tôn, ngàn vị Bốn Tôn sẽ tự đạt được phương tiện*”. Tại đất Hán, chúng ta cũng cố vũ giống như thế: “*Nếu thâm nhập một môn, thật sự chứng đắc lợi ích chân thật trong pháp môn ấy, thì môn nào cũng đều thông!*” Hiện thời, e rằng mọi người là “*tương tự đều thông*”, chỗ nào cũng thông, [nhưng thật ra] chỗ nào cũng bị chướng ngại! Giống như một con trùng bị nhốt trong cái buồng thủy tinh, bốn phía trong suốt, nhưng chỗ nào cũng đều chẳng thoát ra được, chỉ có thể va vào vách mà thôi! Trong tương tự giải, rất nhiều hữu tình bị nguy hại. Vì thế, nếu chẳng có truyền thừa, buông sách xuống, đâm ra là sự giải thoát của quý vị sẽ giống như kinh Viên Giác đã nói:

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

“Người đời Mạt mong cầu đa văn, ngược ngạo nảy sanh chướng ngại”. Trên thực tế, nếu có thể thâm nhập một pháp, thật sự chứng đắc “đình tâm”, cho đến địa vị Gia Hạnh, địa vị Tư Lương, địa vị Kiến Đạo, thật sự tu chứng được địa vị, sẽ là tuyệt diệu. Nếu nương theo quả địa giáo, triệt để buông xuống Ngã Chấp và Pháp Chấp của chính mình, tùy thuận nguyện vọng của Như Lai, tùy thuận tri kiến nơi quả địa của Như Lai, thật sự an tâm, chẳng còn bận lòng, nương theo Phật nguyện để làm thiện xảo tu trì, thiện xảo quan sát, “dùng Phật nhãn để nhìn, từ tâm đối với nhau” thì cũng là một phương pháp chẳng sơ sót. Đương nhiên, phương pháp có nhiều môn, nhiều loại, nhưng thâm nhập một pháp để tu tập mười phân quan trọng!

(Kinh) Ký giác ngộ dĩ, toại tiện cung nghê tỳ-kheo sư sở, cầu thị tam-muội.

(經)既覺寤已，遂便躬詣比丘師所，求是三昧。

(Kinh: Đã tỉnh giác, liền lập tức cung kính đến chỗ vị thầy tỳ-kheo, cầu tam-muội này).

Trong mộng, nghe tỳ-kheo Hòa Luân tuyên nói pháp ấy. Do vậy, dựa theo giác mộng để tìm cầu vị tỳ-kheo ấy. Người trong quá khứ vì cầu pháp, kể cả đức Thế Tôn trong khi tu nhân cũng cầu pháp giống như thế. Nghe xong, bèn lập tức hành, nhưng hiện thời chúng ta nghe pháp có thể hành ngay lập tức hay chẳng? Nếu thật sự chứng đắc an lạc nơi một pháp, thật sự chứng đắc Thật Tế lý địa, chân thật chứng đắc tướng đại công đức thì mới có thể nghỉ ngơi. Nếu không, thật sự chẳng thể nghỉ ngơi!

(Kinh) Nhân thỉnh pháp sư, thế phát xuất gia.

(經)因請法師，剃髮出家。

(Kinh: Do vậy, thỉnh pháp sư xuống tóc, xuất gia).

Vì nghe pháp như thế; do vậy, thỉnh tỳ-kheo Hòa Luân cho nhà vua xuống tóc. Đại quốc vương xuống tóc, trong tâm mục của người Hoa, chắc là chỉ có hoàng đế Thuận Trị làm như thế, nhưng tại các quốc gia ở Đông Nam Á như Miến Điện, Thái Lan v.v... cũng như vương quốc Nam Chiếu thời cổ tại thành phố Đại Lý mà chúng ta đang ở,

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

chuyện này chẳng được coi là hy hữu. Họ có rất nhiều quốc vương hoặc thân vương, tức là anh em của hoàng đế, đều xuất gia. Vì trong ý thức của người Hoa, phần nhiều chẳng chấp nhận pháp sa-môn, do đại đa số chấp nhận tư tưởng “*nhập thế*” của Nho giáo, coi đó là tư tưởng chánh thống. Vì thế, trong Phật giáo có các vị thiện tri thức muốn thông qua tư tưởng Nho giáo để truyền bá giáo nghĩa Phật giáo, xem chừng khá thiện xảo, nhưng ở đây có thể giải thích như thế hay chẳng? Lịch sử sẽ trả lời vấn đề này!

(Kinh) Vị cầu thánh thọ thị tam-muội cố.

(經) 爲求聽受是三昧故。

(Kinh: Vì cầu được nghe nhận tam-muội này).

Vì sao quốc vương xuất gia? Vì cầu tam-muội này, hòng đạt được phương tiện nơi pháp này.

(Kinh) Cung dụng thừa sự Hòa Luân pháp sư.

(經) 躬用承事和輪法師。

(Kinh: Cung kính thừa sự pháp sư Hòa Luân).

Trong Phật giáo Nam truyền hoặc Tạng truyền, khi sa-di thấy tỳ-kheo, chắc chắn là sẽ khom lưng [vái chào]. Cư sĩ bạch y càng làm như thế, chẳng dám thẳng lưng mà đi. Nhưng nơi đất Hán, lưng của cư sĩ, lưng của sa-di, lưng của tỳ-kheo mới thọ giới dường như duỗi còn thẳng hơn lưng của hòa thượng, thượng tọa! Vì các tỳ-kheo, pháp sư hòa thượng nơi đất Hán đã công nặng quá, eo đều bị cong vòng rồi! Hình tượng được biểu lộ vẫn là có ý nghĩa, nhưng phong tục của dân tộc Hán là như thế, đòi hỏi như vậy có thích hợp hay không? Có lẽ chẳng thích hợp, vì giáo dục trăm ngàn năm của chúng ta là như thế. Vậy thì làm như thế nào? Chúng ta phải nên giữ tâm tôn kính, yêu mến pháp tắc, vì cung kính và kiên thành là điều mọi người đều cần, bất luận là người học Phật hay không, dù là người xuất gia hay kẻ tại gia. Chúng ta phải khéo tư duy, quan sát điều này!

(Kinh) Bị kinh tam vạn hữu lục thiên tuế, thiên ma chướng tế, cánh bất đắc văn.

(經)備經三萬有六千歲，天魔障蔽，竟不得聞。

(Kinh: Trải qua trọn ba vạn sáu ngàn năm, do bị thiên ma ngăn chướng, trọn chẳng được nghe).

Thừa sự pháp sư ba vạn sáu ngàn năm, nhưng vì bị thiên ma ngăn chướng, rốt cuộc chẳng được nghe giáo pháp tam-muội này. Nay vì sao chúng ta có thể học tập, trao đổi, và tu tập pháp tắc này? Ân sau đó là phước đức nhân duyên mà quả thật chỉ có Phật và Phật mới có thể biết! Cũng có thể là khi chúng ta chứng đắc Bồ Đề, hồi tưởng khi chúng ta tại Niệm Phật Đường của Hằng Dương Am trên núi Kê Túc, thuộc huyện Tân Xuyên, châu Đại Lý, tỉnh Vân Nam nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa trong Diêm Phù Đề, lắng nghe giáo ngôn của kinh Ban Châu Tam Muội. Cơ chế phước đức nhân duyên ấy được chín muồi là do điều gì kiến lập? Khi đó, quý vị sẽ lại quan sát.

Hiện thời, chúng ta không có sức quan sát, mắt cách một tờ giấy đã chẳng trông thấy. Một trang giấy đã ngăn trở tầm nhìn của chúng ta, chẳng cần nói nhìn suốt quá khứ, hiện tại, vị lai theo chiều ngang. Cũng có nghĩa là chúng ta chẳng có thiện xảo rộng lớn, Thiên Nhân chưa mở sáng, Túc Mạng chưa biết, chưa hiểu. Dẫu có hiện duyên, lại chẳng có thiện căn để thấy biết rành rẽ! Cũng có thể là có biết, nhưng do thủ hộ nghiêm mật, chẳng tuyên nói cho! Đương nhiên, chẳng biết thì cũng chớ nên tự khinh; đã biết thì càng tốt hơn. Vì nếu có thể hiểu rành rẽ, rõ ràng cơ chế cội nguồn nghiệp tướng của chính mình, tâm người ấy sẽ được yên vui, như chúng ta trong phần trước đã học về pháp tắc mười tám món Bất Cộng và Thập Lục. Trong mười tám món bất cộng, có pháp biết hết thấy mọi chuyện trong quá khứ, hiện tại, vị lai. Trong đời nào đó, có tên họ là gì, đã làm gì, tuổi tác như thế nào, gia tộc như thế nào, thân tướng như thế nào, đều biết rõ ràng. Dù một đời, nhiều đời, trăm ngàn đời, vạn đời, Hằng hà sa đời, cho đến đời đời kiếp kiếp, đều thấy biết cùng tận, thấy biết thấu triệt, chẳng hề sơ sót. Đó gọi là Túc Mạng Minh, Thiên Nhân Minh, và Lưu Tận Minh của chư Phật Như Lai. Do các Minh ấy, tự nhiên thông đạt vô ngại, chẳng phải là nói suông, mà thật sự là như thế, tức là chỗ quy kết của tự lợi.

Do vậy, chúng ta là Phật giáo đồ, phải nên hướng đến chuyện đích thân tu tập, chứng đắc các pháp tắc trân bảo, phải nên biết sức thiện xảo rộng lớn và sự chân thật của sức ấy. Nói “*chân thật*” tức chẳng phải là nói suông, chẳng phải là giả thiết! Vì thế, các pháp tắc như mười tám

món Bất Cộng, Thập Lực, Tứ Vô Úy v.v... chư Phật Như Lai đều đã từng tu tập, nhưng chẳng nhiệm các pháp, thấy thấu triệt “*các pháp vốn chẳng có pháp*”. Tuy chẳng có pháp mà hành vô lượng pháp, dùng đó để lợi ích rộng khắp nhu cầu của hữu tình, khiến cho chúng sanh thoát khỏi mê chấp, cũng có nghĩa là đối với các hữu tình ngộ là thật sự có pháp, sẽ khiến cho họ phá trừ Pháp Chấp. Nhưng nếu chúng ta chẳng đích thân chứng pháp tắc, làm thế nào để phá trừ Pháp Chấp? Chúng ta phải nên khéo tư duy, khéo quan sát ở chỗ này!

(Kinh) Thời, Phật phục cáo chư tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di ngôn: - Ngã kim ngữ nhữ, nhữ đẳng đương ưng cấp tạt thính thọ thị tam-muội vương.

(經)時，佛復告諸比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷言：「我今語汝，汝等當應急疾聽受是三昧王。」

(Kinh: Khi đó, đức Phật lại bảo các tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di rằng: - Ta nay bảo các vị, các vị hãy nên gấp rút lắng nghe tam-muội vương này).

Ở đây, đức Phật bỏ qua Hiền Hộ Bồ Tát, trực tiếp nói với mọi người. Dường như đức Thế Tôn có đôi chút gấp rút, vì thấy thiên ma gây ma chướng, có thể khiến cho đại quốc vương xuất gia làm tỳ-kheo sa-môn phụng sự, hầu hạ pháp sư ba vạn sáu ngàn năm, vẫn chẳng thể nghe pháp như thế. Đức Thế Tôn nhớ lại điều ấy, bèn nóng ruột: “*Thời, Phật phục cáo chư tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di ngôn: - Ngã kim ngữ nhữ*” (Khi đó, đức Phật lại bảo các tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di rằng: - Ta nay bảo các vị). Nói cách khác, đức Thế Tôn chẳng nói với ngài Hiền Hộ, mà trực tiếp nói với chúng ta. “*Nhữ đẳng đương ưng cấp tạt thính thọ thị tam-muội vương*” (Các vị hãy nên gấp rút, nhanh chóng lắng nghe tam-muội vương này): Hai chữ “*cấp*” và “*tạt*” gộp chung lại. Một chữ Cấp (急, gấp rút) đã đủ khiến cho người ta toát mồ hôi, lại còn phải thêm một chữ Tạt (疾, nhanh chóng)! Chẳng phải là đức Thế Tôn nóng lòng, mà là thật sự muốn khiến cho mọi người nhanh chóng chín muồi thiện căn!

(Kinh) Vô đức xa trì, diệc vô vong thất, thiện thừa sự sư, vô linh thất sở.

(經)無得奢遲，亦無忘失，善承事師，無令失所。

(Kinh: Chớ nên chần chừ, cũng đừng quên mất, hãy khéo thừa sự thầy, đừng bỏ sót nơi chốn [truyền bá tam-muội này]).

“Vô đắc xa trì” tức là chớ nên trì hoãn, lãn khân, lãng phí nhân duyên như thế! “Vô linh thất sở” nghĩa là nếu biết chỗ nào truyền bá tam-muội này, đừng bỏ lỡ cơ hội học tập như thế, đừng mê mất chỗ truyền dạy như vậy! Chẳng hạn như chúng ta ở nơi đây, bất luận là nhân duyên như thế nào khiến cho đạo tràng Ban Châu được kiến lập ở chỗ này, quả thật là do oai đức thù thắng chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật gia trì. Đương nhiên cũng là do oai đức của Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật tụ tập truyền lại trong cõi đời mà thành. Chúng ta nương vào nhân duyên này có thể thành thực thiện căn, có thể nghe pháp, tư duy, giải thích, cho đến tu chứng. Phước đức nhân duyên ấy quả thật khó thể diễn nói.

(Kinh) Câu thị tam-muội, dĩ đắc vi kỳ. Nhược kinh nhất kiếp, nãi chí bách thiên, bất sanh giải tâm, vô bất đắc dã.

(經)求是三昧，以得爲期。若經一劫，乃至百千，不生懈心，無不得也。

(Kinh: Cầu tam-muội ấy, lấy chứng đắc làm kỳ hạn. Nếu trải qua một kiếp, cho đến trăm ngàn kiếp, chẳng sanh tâm giải đãi, không ai chẳng đạt được).

Chớ nên sanh khởi tâm giải đãi. Sau khi chúng ta đã nghe tam-muội này, có phải là hướng đến tam-muội hay không? Hay là hướng tới cuộc sống hằng ngày? Hay là hướng tới nghiệp tập của chính mình? Hay là hướng tới các tạp duyên chung quanh chính mình? Tại các nơi trong nước, thường có người đến đây cầu hành pháp Ban Châu. Đương nhiên cũng có người ở ngoài nước, bất quá họ mang tánh chất quan sát nhiều hơn. Mọi người đều nghe pháp này, hướng tới pháp này, có lẽ phần nhiều thuộc vào một trạng thái nhất định, tức là vẫn mong chính mình trở về sẽ sống an ổn, làm việc thuận lợi. Vì thế, nếu thật sự lấy chuyện chứng tam-muội này làm kỳ hạn, quả thật cần phải có thiện căn, phước đức, nhân duyên.

Nếu có thể chứng đắc tam-muội ngay trong một đời, sẽ giải quyết vấn đề sanh tử to lớn từ bao kiếp đến nay, giải quyết các vấn đề to lớn do

phiền não bức bách từ bao kiếp đến nay, giải quyết vấn đề to lớn thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề của hết thầy chúng sanh, cũng giải quyết hết thầy các vấn đề thế gian, giải quyết hết thầy nghi nan và hết thầy các pháp tắc trong mười pháp giới! Trong đời này, quý vị có thể gặp được pháp tắc rốt ráo viên mãn như thế, đó là phước báo như thế nào? Có thể tu tập, đó là phước báo như thế nào? Có thể chẳng bỏ pháp tắc như vậy, lại là phước báo như thế nào? Đối với chuyện này, chúng ta cần thật sự tư duy như thật, quan sát như thật, quan sát tinh tế, quan sát tỉ mỉ pháp tắc chánh tư duy này. Nếu cứ qua loa lướt qua, lại quay về với thế tục, lại trở vào trong nhân duyên tạp duyên lòng lẫy, lại chọn lựa các thứ chẳng tương ứng, hoặc pháp tắc chẳng tương ứng, nói cao, nói thấp, nói tương ứng, hay chẳng tương ứng, kết quả sẽ đánh mất đại lợi trong hiện tiền. Vì thế, chư Phật buồn than, hết thầy trời người cũng đều cảm thấy nuôi tiếc thay cho chúng ta!

(Kinh) Hiền Hộ! Nhược nhân nhất tâm cầu thị tam-muội, thường tùy trục sư, bất đắc viễn ly, đương thiết cúng dường, sở vị thang dược, ẩm thực, y phục, sàng phu, chủng chủng chúng cụ.

(經)賢護！若人一心求是三昧，常隨逐師，不得遠離，當設供養，所謂湯藥，飲食，衣服，牀敷，種種眾具。

(Kinh: Đây Hiền Hộ! Nếu ai nhất tâm cầu tam-muội này, hãy thường theo sát thầy, chẳng được xa lìa, hãy nên sắp đặt cúng dường, như là thuốc thang, thức ăn, quần áo, giường, mền, các thứ vật dụng).

Trong quá khứ, thuốc thang, thức ăn, quần áo, và giường, mền được gọi là “*tứ sự cúng dường*”. Đó là các thiết trí cơ bản cho cuộc sống của người xuất gia. Người xuất gia chẳng có mong cầu, chỉ vì đạo nghiệp, vì Phật pháp trụ thế, cũng vẫn cần phải sống!

(Kinh) Cập dĩ nhất thiết kim, ngân, trân bảo, phàm thị tư dụng, tận phụng u sư, vô sở ái tích. Như kỳ tự vô, khát cầu nhi dĩ.

(經)及以一切金，銀，珍寶，凡是資用，盡奉於師，無所愛惜。如其自無，乞求而與。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

(Kinh: Cùng với hết thầy vàng, bạc, trân bảo, phàm là các vật dụng cần thiết, đều dâng trọn cho thầy, chẳng hề quý tiếc. Nếu chính mình chẳng có, bèn đi xin để dâng thầy).

Nếu chính mình có vật dụng, bèn cung phụng cho thầy. Đây quả thật là đức Thế Tôn hy vọng chúng ta sẽ duy trì pháp này, yêu mến và tu tập pháp này, duy trì lòng chân thành trong tâm trí. Nếu chính mình chẳng có vật gì, bèn đi xin để dâng cúng. Thoạt nhìn, yêu cầu này quá nặng nề; thật ra, chẳng phải vậy! Đó là yêu cầu như thật, mà cũng là yêu cầu để duy trì. Người đất Hán học pháp, tu tập pháp, nhận biết yêu cầu này thường sanh lòng ngần ngại, hoặc lo ngại! Nhưng trong quá khứ, cầu pháp đích xác là như thế, chẳng hề tiếc thân mạng, huống hồ tài vật ư? Chẳng tiếc chân, tay, đầu, não, huống hồ các vật thuộc y báo của chính mình ư? Do vậy, người trong quá khứ đốt cánh tay, đốt ngón tay, đốt đỉnh đầu, trên thực tế đều nhằm biểu thị hàng Bồ Tát muốn xả tự thân, nhờ vào nhân duyên ấy để biểu lộ niềm chân thành, tâm trí như thật. Nếu tâm chẳng thật, làm các hành vi ấy sẽ chẳng có ý nghĩa chi hết!

Cúng dường cũng lại như thế, nhằm dẫn phát sự chân thành, dẫn phát tâm trí “nhất tâm cầu tam-muội”, chẳng bản khoản chi khác. Chẳng hạn như hết thầy các vật đều buông xả, hết thầy các tạp duyên đều buông xả, chỉ thủ hộ tam-muội này. Đó là nhất tâm chuyên cầu. Nếu chúng ta có rất nhiều đường lui, rất nhiều tạp duyên mà mong nhất tâm cầu tam-muội này; đó là đôi gát chính mình! Nhưng người hiện thời vốn có đủ phước đức nhân duyên hừng hực, tạp duyên hừng hực, người mong cầu pháp muốn xả càng khó hơn! Nhớ năm xưa, nghe có người kể: Đại khái là tại vùng Quảng Đông, có một chủ xí nghiệp, kinh doanh đến mức khá khá, liền trực tiếp bán đấu giá xí nghiệp ấy. Sau đó, cầm tiền kiếm một vị lạt-ma, nói: “Thưa lạt-ma, tôi có tiền, thầy có pháp. Tôi đưa tiền cho thầy, thầy cho tôi pháp”. Vị lạt-ma ấy nói: “Ông đem tiền của ông về nhà đi! Vì sao? Tiền tuy rất nhiều, nhưng tâm trí chẳng tương ứng!” Nếu khi [người ấy] chân thành cúng dường, xót xa cầu xin cúng dường, tức là thật sự vì cầu pháp mà cúng dường, người ấy sẽ đâm ra chẳng coi trọng tiền bạc của chính mình. Nếu chúng ta có thể thật sự vứt bỏ nỗi lo toan cho mai sau của chính mình để tiến nhập một pháp tắc; đó là cái tâm một dạ dũng mãnh! Như xuất gia, giống như vứt bỏ các thứ sở hữu của chính mình trong thế tục, bất luận là thứ gì tốt hay xấu, đều phải triệt để vứt bỏ. Có thể triệt để vứt bỏ hay không? Có thể là nhất thời trên phương diện tâm lý chẳng vứt bỏ được, từ hình tượng thì có thể vứt bỏ. Nếu tâm

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

lý lẫn hình tượng đều có thể vứt bỏ, đúng là đạo nghiệp đã thành thực. Chúng ta đều nói tỳ-kheo A Nan là “*thân đã xuất gia, nhưng tâm chưa xuất gia*”, cũng có nghĩa là Ngài còn chưa thật sự lìa thoát tam giới khổ não, vậy thì nhiều vị xuất gia trong thời đại Mạt Pháp này hành trì như thế nào? Phải nên tư duy, quan sát.

Ở đây, chúng ta phải nên biết hàm nghĩa của chuyện “*nhất tâm cầu pháp, cúng dường các vật dụng*” thật ra là cái tâm chân thành. Có kẻ chỉ đem thân xuất gia, thứ gì cũng chẳng mang theo, bèn dùng hành pháp để cúng dường. Đó là sự cúng dường lớn nhất. Nếu còn quan tâm, lưu luyến trong nhà có bao nhiêu tiền, bao nhiêu căn nhà và xe cộ phải nên giải quyết như thế nào; đó thật sự là sự trói buộc khiến cho [hành nhân] chẳng dừng mãnh tu pháp. Quý vị nói: “Ta phải giải quyết sạch rồi mới đến tu tập pháp”, đó vẫn là có nhiều nỗi băn khoăn. Như chúng ta vừa mới sanh ra trần trụi, đờ hỏn, chẳng có vật chi hết, khi hành pháp, nếu tâm chẳng vướng mắc, chẳng có vật gì có thể tồn tại; đó chính là phương tiện để tu tập pháp. Người như vậy nhất định đạt được thành tựu. Nếu hôm nay nhớ thương gia sản của chính mình, bữa mai lại bận tâm về công ty của chính mình, ngày một lại lo âu về con cái của chính mình, người như vậy mong thành tựu chắc hẳn mười phần khó khăn, vì bị tạp duyên không chế!

Tiền tài, vật phẩm cúng dường đúng là quan trọng thứ yếu! Thật sự hành pháp tắc chẳng đoái tiếc thân mạng, chẳng tiếc nuôi nhân duyên, chuyên tâm dốc chí, sẽ rất dễ thành tựu. Ở đây, đức Thế Tôn tuyên nói với dụng ý khiến cho chúng ta nhất định cầu tam-muội, chớ ôm ấp những ý niệm khác, hoặc băn khoăn, hoặc dính mắc. Phải vứt bỏ các duyên, chỉ hành pháp, chỉ cầu pháp, căn bản là chẳng ngó ngang tới những thứ khác. Nếu bận lòng, quý vị sẽ chẳng thể bố thí được. Chẳng bận lòng thì thật sự là bố thí, đừng đắm nhiễm chúng nữa, đừng thủ hộ chúng nữa, đừng hướng đến chúng nữa. Vốn là bố thí, cho nên nói “*xuất gia, buông xả thế gian là phương tiện bố thí bậc nhất*”.

(Kinh) Thú đắc tam-muội, vật sanh yếm tâm. Hiền Hộ! Thả trí như tư tầm thường cúng cụ. Phù cầu pháp giả, sư nhược hữu tu, nữ chí ưng đương tự cát kỳ thân, cơ phu, chi thể, cung phụng ư sư. Sư nhược tu mạng, thượng vô ái tích, hưởng dư ngoại vật nhi bất phụng sư.

(經)趣得三昧，勿生厭心。賢護！且置如斯尋常供具。夫求法者，師若有須，乃至應當自割其身，肌膚肢體，供奉於師。師若須命，尚無愛惜，況餘外物而不奉師。

(Kinh: Tiến nhập tam-muội, đừng sanh tâm chán. Nay Hiền Hộ! Hãy để các vật cúng tâm thường như vậy lại đó. Phàm là người cầu pháp, nếu thầy cần dùng, thậm chí hãy nên cắt thân mình, da thịt, chân tay để dâng hiến cho thầy. Nếu thầy cần mạng, còn chẳng yêu tiếc, huống hồ các vật ngoài thân khác mà chẳng dâng cho thầy).

Đức Thế Tôn nói như thế, thật ra là vẫn muốn cho chúng ta quy kết vào lòng chân thành, gieo mình vào tâm trí. Kinh điển Đại Thừa và kinh điển của Thanh Văn Thừa sai khác rất lớn. Do kinh điển Thanh Văn Thừa thuận theo Tục Đế, xét theo giới luật, cách tu tập, cũng như [các lời] dạy bảo đều rất mềm mỏng, đều là pháp thuần bạch, chỗ nào cũng đều an ủi, nói dịu dàng, nói tịch diệt thanh tịnh. Nhưng trong kinh điển Đại Thừa, có nhiều chỗ nói mạnh mẽ, hăng hái, nói oai đức, muốn khiến cho chúng sanh nhanh chóng thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Ở đây, thực tế đều là nói theo oai đức, chúng ta phải khéo quan sát cơ chế khác biệt giữa hai loại giáo pháp này. Nếu chẳng khéo quán, người ta sẽ thường nẩy sanh ngờ vực.

Lúc học tập Bồ Tát giới bốn, rất nhiều người chẳng muốn xem. Chẳng hạn như trong đó có bốn đại nguyện, “*thà đọa địa ngục, ngàn đời mâu đâm vào thân suốt một kiếp, hai kiếp*” v.v... Rất nhiều người sợ hãi các thệ nguyện đó, nói đó chẳng phải quá tàn nhẫn, quá lớn, chẳng tương ứng hay sao? Có phải là có chút vượt ngoài pháp tắc cơ bản về đạo đức nhân luân hay không? Thật ra, chẳng phải vậy! Ân sau những lời dạy của đức Thế Tôn là cách nói an ủi to lớn, cách nói chân thật to lớn.

Sự an ủi to lớn ấy rất ráo khiến cho quý vị thoát lìa nỗi hoang mang sanh tử, thoát khỏi các pháp tắc bị ràng buộc bởi sanh tử, khiến cho quý vị sanh khởi sự vô úy, tùy thuận tương ứng pháp tánh. Nếu chuẩn xác nương theo pháp tánh, người ta sẽ chẳng sanh lòng sợ hãi. Vì sao? Chẳng còn con đường nào khác. Nếu chẳng nương theo thệ nguyện như thế, cứ thuận theo sự cảm nhận dựa trên nghiệp tập của chính mình, người ta sẽ sợ hãi. Nhưng nếu thuận theo pháp tánh, sẽ ngay lập tức giải thoát, rất ráo an ổn, lần lượt nương tựa như thế, sẽ chẳng nẩy sanh sợ

hãi. Giáo ngôn ở đây cũng giống như thế, vì các vật ngoài thân đáng nên cúng dường vô ngại, đối với tự thân thì sao? Cũng giống như thế. Đây thật sự là nhắc nhở chúng ta vì cầu tam-muội, hãy nên dũng mãnh phát tâm.

(Kinh) Hiền Hộ! Kỳ cầu pháp giả, thừa sự pháp sư, tương hộ tùy thuận, kỳ sự nhược thử. Hựu thừa sự sư, như nô tùy chủ, như thân sự quân, sự sư diệc nhĩ. Tư nhân như thị, tất đắc tam-muội.

(經)賢護！其求法者，承事法師，將護隨順，其事若此。又承事師，如奴隨主，如臣事君，事師亦爾。斯人如是，疾得三昧。

(Kinh: Này Hiền Hộ! Người cầu pháp thừa sự pháp sư, hộ trì, tùy thuận như thế đó. Lại nữa, thừa sự thầy như đầy tớ theo chủ, như bày tôi phụng sự vua, phụng sự thầy cũng thế. Người như thế sẽ mau chóng đắc tam-muội).

Mau chóng đắc tam-muội là duyên khởi của tất cả các hành vi [thừa sự, tận lực dâng hiến]. Nhờ vào những hành vi đó triệt để trừ bỏ Thân Ngã Chấp và Pháp Ngã Chấp, Tài Ngã Chấp, cho đến triệt để vứt bỏ tự ngã, trở về tam-muội chánh hạnh. Nếu chúng ta bị Ngã Chấp và Pháp Chấp ngăn chướng, hoặc tham luyến các tài vật, tham luyến thế tục, mà muốn thành tựu pháp này, sẽ chẳng thể được!

(Kinh) Đắc tam-muội dĩ, đương niệm ức trì, thường niệm sư ân, hằng tư báo đáp.

(經)得三昧已，當念憶持，常念師恩，恆思報答。

(Kinh: Đã đắc tam-muội, hãy nên nghĩ nhớ, thường nghĩ tới ân thầy, luôn nghĩ báo đáp).

Nếu chẳng phải như vậy, sức tam-muội sẽ có tiền thoái. Đối với chuyện này, từ các câu chuyện về Thiện Đạo đại sư đã có một công án. Khi Thiện Đạo đại sư tại thế, do nhân duyên từ Quán Kinh, Ngài chứng đắc Niệm Phật tam-muội tại chùa Ngô Chân ở huyện Lam Điền (thuộc tỉnh Thiểm Tây). Do vậy, có nhiều vị tỳ-kheo theo Ngài tu tập pháp tắc. Có vị tỳ-kheo sau khi chứng tam-muội, sanh tâm tăng thượng mạn che lấp tâm trí, nên sức tam-muội chẳng hiện, kết quả là phi báng tam-muội

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

ấy. Nếu chúng ta duyệt tạng (đọc Đại Tạng Kinh), sẽ có thể thấy trong rất nhiều kinh điển đều có cách nói như vậy. Chẳng phải là hề chứng bèn vĩnh viễn chứng. Có người sau khi chứng đắc tam-muội lực, do tham cầu cảnh giới của tam-muội lực, đọa vào cái tâm thế tục, tức là tâm tham. Sau đây, ngoại duyên vừa quấy nhiễu, chẳng hạn như có tạp âm, tạp duyên, tạp cảnh tượng, sẽ sanh tâm sân. Do vậy, liền đọa lạc! Thuở đức Thế Tôn tại thế, cũng có tỳ-kheo đọa lạc như thế. Do công đức chứng tam-muội bèn sanh vào Vô Sắc Giới Thiên, sau tám vạn đại kiếp, thiện căn và nhân duyên đã hao hết, liền đọa vào đời ác. Vì thế, thường nghĩ tới ân thầy, thường mong báo đáp, thật sự là một thứ tư lương cơ bản để duy trì sức tam-muội. Thật ra, Niệm Phật tam-muội chủ yếu nhất là tri ân, báo ân đó thôi! Vì hết thầy đều do công đức thanh tịnh của chư Phật Như Lai ban tặng, chúng ta chẳng có một pháp nào để có thể đạt được, chẳng có một thiện căn nào tồn tại, mà cũng chẳng tồn tại một ác pháp nào, cũng chẳng có một nghiệp tướng vô ký tiếp nối nào, chỉ nương theo đại công đức tạng của chư Phật Như Lai làm sanh mạng, tùy thuận ý thức. Như thế thì sẽ dễ thành tựu, dễ đạt được, dễ tương ứng. Nếu hơi tồn tại tri kiến của chính mình, sẽ rất khó đạt được tam-muội lực, tương ứng với các đại công đức lực. Đối với pháp tắc này, chúng ta vẫn phải nên tư duy.

(Kinh) Hiền Hộ! Thị tam-muội bảo, bất dị khả văn.

(經)賢護! 是三昧寶, 不易可聞。

(Kinh: Này Hiền Hộ! Báu tam-muội này, chẳng dễ được nghe).

Trong phần trước nói là “tam-muội vương”; ở đây lại nói là “tam-muội bảo”, cho thấy chẳng dễ nghe tam-muội này. Từ vô thủy tới nay, chúng ta trầm luân trong thế tục, bận bịu trong các thứ sự vụ, nếu nương theo những lời dạy trong kinh giáo thì cũng có các thứ ngăn che, chướng nạn, như trong khi tu nhân, Thích Ca Mâu Ni Thế Tôn xuất gia, phụng sự thầy suốt ba vạn sáu ngàn năm, do bị thiên ma ngăn chướng, vẫn chẳng được nghe! Nhưng chúng ta bị sự vụ thế tục che lấp, chẳng hạn như có người theo đuổi phước báo nhân thiên, có người theo đuổi đủ loại sự vụ trong thế gian, làm đủ loại chuyện thuộc về sự tướng, chẳng có dịp nghe pháp, chẳng thể tu tập pháp tắc như vậy, chẳng thể trao đổi pháp tắc như vậy. Trên thực tế cũng là bị thiên ma che lấp, gây chướng ngại. Nghe pháp rất khó, trong thế tục, chúng ta muốn thành thực nghiệp của

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

chính mình, nhưng do nghiệp liên tục, ở trong nghiệp liên tục thì sẽ chẳng thể tự thoát ra được, chẳng thể tự giải quyết được, như thế thì sự liên tục của nghiệp chính là chỗ khiến cho “*chẳng dễ nghe pháp*”. Đó cũng là sự thật nầy sanh bởi cái gọi là “*các ma che lấp, ngăn chướng*”.

Đối với cơ chế và cơ duyên nghe pháp, chúng ta thường rất khó thật sự sanh khởi lòng tôn trọng! Vào thời Tùy - Đường, nếu có chỗ nào giảng pháp, hoặc là trong núi rừng, dưới tàng cây, hoặc chỗ thanh vắng, mọi người đều đến đó, yêu thích. Nhưng nghe pháp trong hiện thời thì thường là mang tánh chất hình thức hóa nhiều hơn. Do vậy, tuy người nghe đông đảo, nhưng người đạt được lợi ích rất hiếm hoi! Như chúng ta tụng niệm công khóa cũng vậy, nếu thật sự yêu thích, công khóa như thế sẽ trở thành cơ duyên tăng thượng để chúng ta tu chứng, thành tựu Bồ Đề cho chúng ta. Nếu có thái độ ứng phó “*làm hòa thượng một ngày, giộng chuông một ngày*”, hoặc có cảm giác nhọc nhằn, chán ngán, như thế thì sẽ hoàn toàn tương phản! Trong cơ chế học tập liên tục hiện thời, rốt cuộc chúng ta dùng cái tâm yêu thích, hay là cái tâm chán ghét, tâm ứng phó? Thực sự là [kết quả sẽ sai khác một trời, một vực] nếu chọn lựa cái tâm sai khác. Một niệm ấy hoàn toàn do chính mình, chứ cơ chế ngoại vi như người khác, hoặc đạo tràng v.v... thuần túy là trợ duyên. Chúng ta phải nhận biết rõ ràng đối với điều này!

(Kinh) Chánh sử hữu nhân, quá bách thiên kiếp, dẫn cầu văn danh, thượng bất đắc văn, hà hướng văn dĩ, thư tả, tụng trì, chuyển phục vị tha, phân biệt thuyết dã. Hiền Hộ! Giả sử Hằng hà sa số chư Phật thế giới thịnh mãn trân bảo, trì dĩ hành Đàn, kỳ phước tuy đa, do diệc bất như văn thử kinh danh.

(經)正使有人，過百千劫，但求聞名，尚不得聞，何況聞已，書寫誦持，轉復爲他，分別說也。賢護！假使恆河沙數諸佛世界盛滿珍寶，持以行檀，其福雖多，猶亦不如聞此經名」。

(Kinh: Nếu như có người trải qua trăm ngàn kiếp, chỉ cầu được nghe tên, còn chưa được nghe, hướng hồ là nghe xong, biên chép, tụng trì, lại còn vì người khác nói phân biệt. Nay Hiền Hộ! Giả sử dựng đầy trân bảo trong Hằng hà sa số thế giới của chư Phật, dùng để bố thí, phước ấy tuy nhiều, vẫn chẳng bằng nghe tên của kinh này).

Trong rất nhiều kinh điển Đại Thừa, đức Thế Tôn đều có cách nói hy hữu như vậy. Chẳng hạn như đối với danh tự Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, đức Thế Tôn cũng từng thọ ký: Nếu là người có thể nghe tên kinh này, phước đức của người ấy chẳng thể nghĩ bàn. Đối với sự thọ ký tương đại công đức này, thật sự là lời lẽ thành thật, nhưng có nhiều chúng sanh chẳng thể sanh lòng tin đối với chỗ này, chẳng thể yêu thích. Chúng ta biết Lục Tổ nghe một câu kinh Kim Cang “*ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” (hãy nên đừng trụ vào đâu mà sanh tâm) liền được chứng ngộ, tâm sanh quang minh, tâm sanh hoan hỷ. Nếu thiện căn của chúng ta chín muồi, hoặc là cơ hội chín muồi, nghe tên của kinh Ban Châu Tam Muội này, cũng sẽ đạt được phước đức chẳng thể nghĩ bàn!

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn vị trùng minh thử nghĩa, dĩ kệ tụng viết: - Ngã niệm quá khứ vô lượng thời, cụ túc số mãn lục thiên tuế, thường tùy pháp sư bất tạm xả, sơ bất văn thị tam-muội danh. Phật hữu quyết hiệu vi Chí Thành, thời bỉ tỳ-kheo danh Hòa Luân. Kỳ u Thế Tôn diệt độ hậu, tỳ-kheo quảng thuyết thị tam-muội. Ngã thời vi bỉ thiên hạ vương, mộng trung văn cáo tam-muội xứ.

(經)爾時，世尊為重明此義，以偈頌曰：「我念過去無量時，具足數滿六千歲。常隨法師不暫舍，初不聞是三昧名。有佛厥號為至誠，時彼比丘名和輪。其於世尊滅度後，比丘廣說是三昧。我時為彼天下王，夢中聞告三昧處。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn vì muốn nói rõ lại nghĩa này, dùng kệ tụng như sau: - Ta nhớ quá khứ vô lượng thời, trọn đủ con số sáu ngàn năm, thường theo pháp sư chẳng tạm rời, trọn chẳng nghe tên tam-muội này. Đức Phật danh hiệu là Chí Thành, tỳ-kheo khi ấy tên Hòa Luân. Sau khi Thế Tôn đã diệt độ, tỳ-kheo rộng nói tam-muội này. Thuở đó ta làm vua cõi đời, trong mộng nghe nói chỗ tam-muội).

Ở đây, nêu lên một trường hợp, có thể là quốc vương chẳng có cơ hội nghe pháp, nhưng trong mộng, biết chỗ tuyên thuyết tam-muội. Có nhiều vị Bồ Tát, cho đến chư Phật đều phát diệu nguyện rộng lớn rất sâu,

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

muốn khiến cho hết thảy hữu tình trầm luân dùng các thứ nhân duyên để thoát lìa biển khổ sanh tử, hoặc dùng Hiền Giáo, hoặc dùng Mật Giáo, hoặc dùng giáo pháp trong lúc ban ngày, hoặc dùng giáo pháp trong mộng, hoặc dùng giáo pháp trong Tam Tạng mười hai bộ loại để tuyên nói diệu tướng trang nghiêm, cho đến danh hiệu bí mật, danh hiệu Hiền Giáo, cho đến sức thần thông nhiếp hóa trọn khắp. Thệ nguyện căn bản của Văn Thù Bồ Tát quy kết vào một thệ nguyện, chính là muốn khiến cho nhiều hữu tình ngu độn, ương bướng ở trong mộng sẽ được gặp gỡ thí giáo, hoặc khiến cho nhiều hữu tình chẳng có cơ hội nghe pháp sẽ có dịp nghe pháp trong mộng. Vì thế, có chúng sanh từ trong mộng nghe danh hiệu của chư Phật, giáo ngôn của chư Phật, được sức thần thông chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật gia trì, thấy diệu tướng quang minh của chư Phật.

Bốn loại thấy Phật là hiện tiền thấy Phật, trong mộng thấy Phật, trong định cảnh do sức thần thông thấy Phật, cho đến lúc lâm chung xả báo sẽ thấy Phật, đều là do thiện căn thù thắng đã chín muồi. Nay chúng ta học tập, tu tập một pháp Ban Châu, tức Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiện Tiền tam-muội, điều được tuyên nói [trong pháp tắc này] chính là muốn khiến cho chúng sanh trong hiện tiền thấy mười phương chư Phật, gặp Phật nghe pháp, chẳng nhờ vào phương tiện, chẳng đến thế giới ở phương khác, mà Phật cũng chẳng đến đi, chúng ta cũng chẳng đến đi, chỉ nương vào cái tâm thanh tịnh, do thiện căn thành thực mà nghe pháp rất sâu, chứng Vô Sanh Nhẫn, chọn lựa sanh tử.

(Kinh) Hòa Luân tỳ-kheo thường tuyên chuyển, vương đương thính thọ thị diệu kinh, tòng mộng ngu dĩ tức thôi cầu, cung nghệ tỳ-kheo thỉnh tam-muội.

(經)和輪比丘常宣轉，王當聽受是妙經。從夢寤已即推求，躬詣比丘請三昧。

(Kinh: Hòa Luân tỳ-kheo thường tuyên nói, vua sẽ nghe nhận diệu kinh ấy, đã tỉnh giấc mộng liền tìm cầu, cung kính xin sự dạy tam-muội).

Tam-muội ở đây là nói tắt của Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiện Tiền tam-muội, chẳng phải là tam-muội nào khác. Báu tam-muội này là vua của hết thảy các tam-muội. Kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm nói Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm tam-muội là vua của hết thảy các tam-muội, vì sao ở đây lại xuất hiện một tam-muội vương khác?

Chúng ta chẳng khảo cứu điều này, nhưng có một điều: Công đức của Lăng Nghiêm tam-muội và Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền có sai khác hay không? Có phải là được truyền dạy dưới danh xưng khác nhau hay không? Hay là công đức có sai khác? Nói thiện xảo thì có thể là Lăng Nghiêm tam-muội nhiếp hóa một loại căn cơ riêng biệt, còn Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội thâm nhiếp trọn khắp hết thảy hữu tình phàm ngu lẫn phàm thánh hữu tình! Vì thế, tam-muội này có thiện xảo rộng lớn!

(Kinh) Toại xả vương vị nhi xuất gia, cung kính cúng dường bất tạm hưu. Kinh lịch tam vạn lục thiên niên, đản nguyện hậu phùng bỉ tuyên lưu, thường vị thiên ma lai cố nhiễu, chung cánh vị quả nhất thính văn. Thị cố tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, chư ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, ngô cố giới nhữ thử thành ngôn, nhữ đương thú trì thị tam-muội.

(經)遂舍王位而出家，恭敬供養不暫休。經歷三萬六千年，但願後逢彼宣流。常為天魔來固擾，終竟未果一聽聞。是故比丘比丘尼，諸優婆塞優婆夷。吾故誡汝此誠言，汝當趣持是三昧。

(Kinh: Bèn bỏ ngôi vua để xuất gia, cung kính cúng dường, chẳng tạm nghỉ. Trải qua ba vạn sáu ngàn năm, chỉ mong được nghe pháp thầy nói, thường bị thiên ma đến quấy nhiễu, trọn chẳng một lần được nghe thấy. Vì thế, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, các ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, ta nay răn dạy lời chân thành, nên tiến nhập, trì tam-muội này).

“Giới nhữ” là khuyên bảo mọi người, khích lệ kẻ hữu duyên: “Nhữ đương thú trì thị tam-muội” (Người hãy nên tiến nhập, thọ trì tam-muội này). Kinh Hiền Hộ từ mở đầu cho đến hiện thời, chỗ nào cũng đều khiến cho chúng ta nghe dạy, đọc tụng, giải nói, cho đến tu hành pháp tắc tam-muội này. Đức Thế Tôn dùng đủ mọi tỷ dụ, đủ mọi hướng dẫn, để khiến cho chúng ta sanh lòng tin quyết định đối với pháp này.

(Kinh) Kỳ dục kính thừa bỉ pháp sư, nhược kinh nhất kiếp cập đa kiếp, bị phụng dục thang, chư diệu thiện, cầu văn như thị tam-muội kinh.

(經)其欲敬承彼法師，若經一劫及多劫。備奉藥湯諸妙膳，求聞如是三昧經。

(Kinh: Muốn kính trọng thừa sự pháp sư, trải qua một kiếp và nhiều kiếp, dâng đủ thuốc thang, các món ngon, cầu nghe kinh tam-muội như thế).

Hầu thầy, cúng dường để thật sự nhanh chóng thành tựu công đức của tam-muội này.

(Kinh) Hựu biện ức số chúng y phục, sàng phu, dâng chúc, cập chư trân. Tinh cần như thị bất giác bì. Vị thính như thị diệu tam-muội.

(經)又辦億數衆衣服，牀敷燈燭及諸珍。精勤如是不覺疲，爲聽如是妙三昧。

(Kinh: Lo toan ức số các y phục, giường, mền, đèn đuốc, và các báu. Siêng rông như thế chẳng thấy mệt. Vì nghe diệu tam-muội như thế).

Duyên khởi của tất cả các sự cúng dường đều vì để tam-muội này tồn tại và được truyền bá trong cõi đời. Vì lẽ nào? Người truyền bá, tu tập, lắng nghe, cho đến người tùy hỷ tam-muội này, người đến nghe cùng chẳng nghe, đều đã gieo chủng tử chẳng thể nghĩ bàn nơi Vô Thượng Bồ Đề, trong đời vị lai, nhất định sẽ thành Phật. Vì thế, sự cúng dường này rất có ý nghĩa, được đức Thế Tôn cổ vũ, tán thán.

(Kinh) Tỳ-kheo tự vô, đương khát phụng, nãi chí thân mạng vô lận tích.

(經)比丘自無當乞奉，乃至身命無吝惜。

(Kinh: Tỳ-kheo chẳng có, xin về dâng. Dầu xả tánh mạng, chẳng keo kiệt).

Người xuất gia không có gì để có thể cúng dường, bèn có thể dùng những vật dụng chính mình xin được để cúng dường, hoặc dùng thân để

cúng dường. Biểu hiện của người xuất gia là buông xả thế tục, thủ hộ, tu tập, truyền bá pháp.

(Kinh) Hà huống dư vật hữu tích tâm, như thị cầu giả đắc tam-muội. Thọ ân thường niệm tư báo ân, trí nhân văn dĩ ưng quảng thuyết.

(經)何況餘物有惜心，如是求者得三昧。受恩常念思報恩，智人聞已應廣說。

(Kinh: Huống hồ tiếc nuôi các vật khác, người cầu như thế đắc tam-muội. Chịu ân thường nghĩ báo đáp ân, người trí nghe rồi nên rộng nói).

“Ân nhân” là người có ân với ta. Nếu đối với lợi ích thực tế và tương công đức của Ban Châu tam-muội mà chẳng hiểu biết, có lẽ cũng sẽ có kẻ cho rằng “vì sao là có ân và chẳng có ân cơ chứ?” Vì tu tập có thành thực hay không, có tương ứng hay không. Do đó, đối với chỗ chịu ân, có thể hiểu biết hay không, vẫn thật sự là một ẩn số! Thông qua học tập, thông qua nhận biết, trao đổi lẫn nhau, cho đến tuyên nói, tu tập pháp tác này, đối với ân đức, chúng ta hãy nên thật sự có sự hiểu biết rõ ràng!

“Trí nhân văn dĩ quảng tuyên thuyết” (Người trí nghe xong sẽ tuyên nói rộng rãi): Người trí huệ thật sự thành thực, sẽ thường tuyên nói pháp này. Vì sao? Nếu truyền bá, lưu thông pháp này, sẽ có thể khiến cho hữu tình hữu duyên thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, được thấy mười phương chư Phật, nghe giáo ngôn rộng lớn. Đó là do tam-muội nên đa văn, do đa văn nên có thể chứng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Cơ chế này chẳng thể nghĩ bàn! Vì thế, người tuyên nói tam-muội này có thể khiến cho hữu tình trong thế gian đạt được sự yên vui rốt ráo!

(Kinh) Ưc na-do kiếp chuyên tinh cầu, tư diệu tam-muội nhĩ nãi văn. Giả sử Hàng sa chư thế giới, thịnh mãn trân bảo dụng hành Đàn. Năng w thị trung thuyết nhất kệ, thử nhân công đức quá w bỉ.

(經)億那由劫專精求，斯妙三昧爾乃聞。假使恆沙諸世界，盛滿珍寶用行檀。能於是中說一偈，此人功德過於彼。

(Kinh: Ưc na-do kiếp chuyên ròng cầu, mới được nghe diệu tam-muội này. Giả sử thế giới như Hằng sa, chứa đầy trân bảo đem bố thí. Người có thể nói một kệ trong đó, công đức sẽ vượt xa người trước).

Trong [các loại] bố thí, tài bố thí chỉ là bố thí để kết duyên, tức bố thí thuộc về phước đức. Chỉ có hành pháp, nghe pháp, đích thân chứng pháp tác, như thế mới là cơ hội to lớn có thể khiến cho chúng sanh thành tựu Vô Thượng Bồ Đề. Công đức của một bài kệ là có thể làm cho con người thành Phật, còn công đức cúng dường trân bảo trong nhiều thế giới chỉ là hiện tượng phước đức, hai đẳng chẳng thể so sánh được. Do vậy, “*thử nhân công đức quá u bi*” (công đức của người ấy vượt hơn đó).

(Kinh) Chánh ngôn tuyên thuyết nhất kệ giả, quá u chư kiếp na-do-tha. Hà hướng văn dĩ năng quảng tuyên, tư nhân công đức bất khả thuyết.

(經)正言宣說一偈者，過於諸劫那由他。何況聞已能廣傳，斯人功德不可說。

(Kinh: Người chánh ngôn tuyên nói một kệ, vượt khỏi na-do-tha các kiếp. Hướng chỉ nghe xong, lại rộng tuyên, công đức người ấy chẳng thể nói).

Đức Thế Tôn không ngừng khích lệ chúng ta đọc tụng, truyền bá, tu tập pháp tác này. Nói đến công đức thì [xét theo pháp tánh], do chẳng có công đức, cho nên công đức rộng lớn. Vì công đức rốt ráo, cho nên chẳng có công đức để thấy, nhưng thật sự là công đức. Vì thế, “*tư nhân công đức bất khả thuyết*” (công đức của người ấy chẳng thể nói).

(Kinh) Nhược nhân nhạo hành u Bồ Đề, đương vị nhất thiết cầu thị pháp.

(經)若人樂行於菩提，當爲一切求是法。

(Kinh: Nếu ai thích hành đạo Bồ Đề, hãy vì hết thảy cầu pháp này).

Trong hết thảy mọi thời, mọi chốn, hãy nên lập tức tu tập, truyên bá rộng rãi, thường hành đạo, thường thủ hộ.

(Kinh) Tất năng chánh giác vô thượng đạo, vẫn dĩ an trụ tu định trung.

(經)必能正覺無上道，聞已安住斯定中。

(Kinh: Ất với chánh giác vô thượng đạo, nghe xong, an trụ trong Định ấy).

Ở đây, đức Thế Tôn chọn lựa pháp. Các vị Bồ Tát hiện tiền nếu nhận biết mười phần rõ ràng, chọn lựa một pháp tắc, nhưng vẫn chưa rất thành thực, cần phải thông qua không ngừng học tập, quan sát, tu tập, cũng như so sánh thành tựu trong Phật pháp với nghiệp tương luân hồi của thế gian thì mới có thể sanh khởi lòng yêu thích và tu tập pháp tắc ấy.

Trong phẩm này, đức Thế Tôn nêu ra sự chẳng thể nghĩ bàn của tam-muội này, nghĩ tới ân thầy rất quan trọng. Pháp này khó nghe, khó được. Chúng ta đừng nên vừa xong buổi giảng bèn bàn tán chuyện thế tục, đánh mất nhân duyên tăng thượng thanh tịnh của chính mình. Hãy nên thường tập quen tư duy pháp tắc như thế, trong tâm trí liên tục, trong nghiệp tướng, hãy nhiều lượt luyện tập, cũng phải nên nhanh chóng thành tựu công đức thiện căn như thế.

21. Phẩm thứ mười bảy: Chúc lụy

(Kinh) Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần, Chúc Lụy phẩm đệ thập thất.

(經)大方等大集賢護分囑累品第十七。

(Kinh: Kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Phần. Phẩm thứ mười bảy: Chúc Lụy).

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Hôm nay là ngày thánh đản của Đại Thế Chí Bồ Tát, nương cậy sự gia trì thù thắng này, chúng ta học tập viên mãn đoạn văn tự cuối cùng này.

“*Chúc lụy*” là sự căn dặn đối với một pháp tắc, bao gồm cách duy trì tiếp nối pháp ấy như thế nào, tu tập như thế nào, căn nguyên của pháp tắc ấy, ai là người truyền bá, cũng như người truyền bá nên truyền bá bằng cách nào, các pháp tắc cơ bản đáng được chấp thuận [để thủ hộ, truyền bá pháp ấy]. Sự chúc lụy của đức Thế Tôn có lược thuyết và cũng có quảng thuyết. Chẳng hạn như đức Thế Tôn chúc lụy Di Lạc Bồ Tát chỉ dùng bốn câu kệ, vì đối với các bậc đại trí, chỉ dùng lời phương tiện, lời gián lược đã khiến cho tâm trí họ tương ứng, còn đối với hữu tình phàm ngu (phàm phu, ngu muội) như chúng ta, phải tuyên nói cho nhiều, cho đến nói cạn kẽ, nói rộng rãi, nói trọn khắp, khiến cho chúng ta có pháp để nương cậy, hoặc là có ngôn thuyết để y chỉ.

Học tập một bộ kinh điển, Tự Phần là duyên khởi của kinh điển, [nêu ra] đối tượng để tuyên nói. Chánh Tông Phần là trực tiếp tuyên nói nội dung thực tế, khiến cho hữu tình hiện tiền tu tập, yêu thích pháp tắc. Hiện thời, chúng ta đang học phần Chúc Lụy chính là phần Lưu Thông, tức là nương theo lợi ích hiện tiền để thủ hộ pháp tắc, mong sao pháp tồn tại trong cõi đời, truyền rộng đến đời vị lai, hồng lợi ích hữu tình trong vị lai. Lưu Thông Phần là một bộ phận rất trọng yếu trong kinh điển. Tâm chúng ta duy trì liên tục đối với một pháp tắc, thâm nhập tu tập và nhận biết một pháp tắc, đây cũng là nội dung thực tế của sự lưu thông, tức là đối với chuyện thành tựu Bồ Đề bền tu tập chẳng lười nhác và nhận biết. Vì thế, có một cách nói ví von: Phần Chánh Tông giống như thấp đèn, thấp sáng ngọn đèn trong tâm trí của đại chúng hiện tiền, khiến cho chúng ta đối với pháp có một sự nhận biết hoàn chỉnh, sáng sủa, rõ ràng, có một thứ tự để tu tập. Lưu Thông Phần là truyền bá rộng rãi cho đời mai sau, khiến cho Phật chủng thành thực nơi hữu tình trong thế gian, giống như ngọn đèn này thấp chuyển sang ngọn đèn khác, chiếu sáng vị lai. Đèn vô tận, đèn này chuyển sang đèn kia, trí hỏa chẳng diệt, khiến cho chúng sanh tối tăm, hoặc hữu tình đang say ngủ vô minh được quang minh chiếu sáng rực, có cơ hội tỉnh giác. Đây là một cơ chế tiếp nối pháp tắc, kinh điển về cơ bản đều được thiết trí như vậy. Sau khi chúng ta học tập, trong cuộc sống thường nhật, phải nên đối với Chánh Tông Phần, thủ hộ lợi ích hiện tiền như thế nào để giống như đèn sáng chiếu rực cả mình lẫn người? Đối với Lưu Thông Phần, lại nên như thế

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

nào để truyền bá đến đời vị lai, lợi ích cho người đời sau? Thật sự là càng phải nên sanh tâm yêu thích, càng nên sanh tâm vui sướng.

Chúng ta còn phải giữ cho cái tâm của chính mình liên tục, duy trì liên tục đối với pháp, đối với các sự tướng phồn tạp trong thế tục và các ngôn thuyết chẳng tương ứng, đúng là chẳng nên nói. Nếu không, tuy học tập Phật pháp mà vĩnh viễn chẳng có cơ hội thành tựu! Giống như thí dụ đun nước ở phần trước, lại như mài giũa một món pháp khí, nếu tâm trí tản mạn, buông lung, đúng là sẽ rất khó thành thực pháp. Cứ như thế, ngày này qua ngày khác, năm này qua năm kia bị lãng phí! Nếu gặp được giáo ngôn thù thắng như thế mà chẳng yêu thích, cứ ham hố thế tục, vui thích tạp duyên, ham chuộng tán gẫu, đúng là đã phần nào cô phụ cơ duyên của chính mình. Nếu cô phụ cơ duyên của chính mình, mà chẳng rối loạn người khác, thì vẫn còn chấp nhận được! Nhưng không chỉ cô phụ cơ duyên của chính mình, lại còn nhiễu loạn [người khác] thấy nghe, đúng là chẳng tương ứng. Do vậy, trong các trường hợp học Phật, trong cơ duyên hành đạo của mọi người, phải quý tiếc! Trong nhân duyên thế tục, chẳng hạn như ở trong các hoàn cảnh thế tục nơi gia đình, xã hội v.v... vẫn cần phải nghĩ tưởng Tam Bảo, nghĩ tưởng ân đức của Phật, ân đức được học giáo pháp, ân đức của sư trưởng, ân đức dưỡng dục của cha mẹ, hướng hồ trong đạo tràng, trong các dịp học pháp ư? Đối với các chỗ ấy, phải nên nghiêm túc, chớ nên qua loa.

Hôm nay là thánh đàn của Đại Thế Chí Bồ Tát, đầu đức Đại Thế Chí tới ngồi ở bên cạnh chúng ta, nếu quý vị vẫn chẳng yêu thích Phật pháp thì cũng chẳng đạt được lợi ích nơi Phật pháp. Chư Phật Như Lai phóng đại quang minh nhiếp thọ trọn khắp hết thảy chúng sanh, chẳng gián đoạn. Quý vị chẳng yêu thích Phật pháp, sẽ chẳng đạt được lợi ích nơi Phật pháp y hết. Giống như kẻ ngủ mê, đầu mặt trời mọc giữa bầu trời quang đặng, chiếu sáng rực Diêm Phù Đề, ngay lập tức chúng sanh đều đạt được phương tiện, ai nấy đều có ánh sáng, nhưng kẻ ngủ mê chẳng đạt được. Quý vị còn đắm chìm trong cơn mê ngủ vô minh, trong nghiệp tập tán loạn của chính mình, sẽ chẳng đạt được đại quang minh của chư Phật. Vì sao? “Được” và “chẳng được” là do cách dùng; vì chẳng biết dùng, cho nên chẳng thể đạt được. Chư vị thiện tri thức ơi! Nhất định phải trân quý từng cơ hội nhỏ nhặt của chính mình, mạng người vô thường còn hơn nước từ trên núi tuôn xuống, gặp pháp rất khó, nghe pháp rất khó, cứ ham thích nghiệp tập, lưu chuyên trong tam đồ bát nạn thật dễ! Tạo các ác nghiệp thật dễ, hành các thiện pháp thật khó, đã khó lại càng khó hơn! Do phước báo từ bao kiếp lâu xa tới nay, chúng ta

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

mới có dịp nghe pháp. Nếu vẫn để [cơ hội đó] tiêu hủy trong chốc lát, đối với cái nhân đời sau, cái quả đời sau, chẳng phải là do nhân như thế nào, quả sẽ như thế ấy đó ư? Các vị Bồ Tát phải khéo tư duy! Nếu thật sự không biết, hãy nên khích lệ chính mình một phen!

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn cáo Hiền Hộ Bồ Tát ngôn: - Hiền Hộ! Thị cố, bỉ thiện nam tử hữu tịnh tín giả, thường đương tinh cần thính thử tam-muội.

(經)爾時，世尊告賢護菩薩言：「賢護！是故，彼善男子有淨信者，常當精勤聽此三昧。」

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Hiền Hộ Bồ Tát rằng: - Nay Hiền Hộ! Vì thế, thiện nam tử có lòng tin trong sạch, hãy thường nên siêng ròng, nghe tam-muội này).

“*Tinh cần*” (精勤) là tâm phải nên chuyên chú, đối với pháp phải nên chuyên chú. Nếu ở trong tạp duyên, sẽ thường khiến cho cái tâm bị tán hoại, đổi khác. Đương nhiên, nếu quý vị hiểu rõ pháp tánh không gì chẳng trọn khắp, sự tướng gì cũng đều là vô sở đắc, đều chẳng có tự tánh; đó là hành pháp phương tiện. Nếu hành pháp phương tiện, sẽ thật sự có thể dẹp trừ nỗi khổ, ban vui cho người khác!

(Kinh) Ký văn thọ dĩ, độc tụng, tổng trì, tư duy kỳ nghĩa.

(經)既聞受已，讀誦總持，思惟其義。

(Kinh: Đã nghe nhận rồi, đọc tụng, tổng trì, tư duy ý nghĩa).

Tướng đại công đức của Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiền Tiên tam-muội cũng thuộc về pháp tổng trì. Nói “*tổng trì*” tức là trong một pháp có thể trọn đủ hết thấy các tướng công đức chân thật.

(Kinh) Quảng vị thế gian phân biệt, diễn thuyết.

(經)廣爲世間分別演說。

(Kinh: Rộng vì thế gian, phân biệt, diễn nói).

Mọi người diễn nói đều là diễn nói gì vậy? Có tương ứng với pháp hay không? Chính mình có yêu thích pháp tắc ấy hay không? Nếu chúng ta vẫn chẳng tôn trọng, chẳng yêu thích nhân duyên của pháp, làm sao có

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

thể vận dụng Phật pháp vào chỗ phi pháp cho được? Chúng ta chẳng thể không chú ý ngôn hạnh của chính mình, chớ nên không biết ngôn hạnh của chính mình. Nay vẫn còn đang ở trong giai đoạn an cư, còn có Tam Bảo, được chư Phật, Bồ Tát gia bị, có thể khiến cho cái tâm chúng ta đặt vững trong thiện duyên, nhưng sau khi An Cư kết thúc, đúng là mỗi người có nghiệp báo riêng, nghiệp duyên sẽ theo sát bầu bạn!

Giả sử chúng ta qua một trăm hai mươi ngày An Cư, hoặc thông qua học tập kinh Ban Châu, đã có sự liễu giải, yêu thích, tu tập, không ngừng thường tư duy, thường nghĩ tưởng kinh Ban Châu, trong hết thầy mọi nơi, mọi chỗ đều chẳng bỏ mất mỗi niệm hoặc mỗi chuyện để tùy thuận pháp tắc. Đó gọi là “*tu ngay trong mỗi niệm*” nhằm uốn nắn tự tâm, uốn nắn nhân duyên, hoặc là như thật biết cái tâm, như thật biết nhân duyên, trong hiện tiền phiền não mà đích thân chứng Bồ Đề. Đó là chuyện mười phần có ý nghĩa. Nếu nhân duyên này chẳng thể chín muồi, tiếp tục tồn tại sau khi An Cư thì sẽ là như thế nào? Chúng ta đều nên tự xét kỹ, vì sau khi An Cư, cơ hội tập trung học tập, cơ hội được nhắc nhở, cơ hội trao đổi như vậy có thể là càng ít hơn, nhân duyên của mỗi người trở nên mười phần rời rạc, những thứ thuộc về thế tục như nói chuyện gẫu, làm những chuyện vô bổ v.v... chẳng thể mười phần trọn khắp cổ vũ, khích lệ [cái tâm tấn tu của hành giả]. Khi đó, chúng ta vận dụng Phật pháp sẽ càng mệt mỏi hơn! Nay chúng ta ở chỗ ít tổn sức, trong cơ hội thừa thế học tập và tu tập, quán sát, mà vẫn chẳng yêu thích, thì dần mình vào thế tục sẽ là “*chệch đi ngàn dặm!*” Đây chẳng phải là nói theo kiểu sợ hãi đâu nhé! Mọi người phải nên tư duy, vì trong thế giới Diêm Phù Đề này, thiện ít, ác nhiều, nghịch duyên lừng lẫy, kẻ hoại pháp, diệt pháp, và các tạp duyên ngập tràn cõi đời. Người như pháp, chánh pháp, hướng về pháp, hạnh tăng thượng đã ít ỏi lại càng hiếm hoi hơn, giống như trân bảo trong thế gian khó có, khó gặp! Các vị thiện tri thức hãy khéo quan sát nhé!

(Kinh) Nghi thiện thư tả, an trí tạng trung.

(經)宜善書寫, 安置藏中。

(Kinh: Hãy nên biên chép, đặt trong kho báu).

“*An trí tạng trung*” trên thực tế là cất chứa, trân tàng, cung kính. “*Tạng*” ở đây chẳng phải là phong kín, mà là khiến cho chúng ta yêu thích pháp tắc ấy, ví như thủ hộ vật báu gia truyền. Đây đích xác là trân

bảo ma-ni do Phật Thích Ca truyền lại cho chúng ta, có thể sanh ra hết thảy công đức.

(Kinh) Sở dĩ giả hà? Hiền Hộ! Ư ngã diệt hậu, đương lai chi thế.

(經)所以者何? 賢護! 於我滅後, 當來之世。

(Kinh: Vì có sao vậy? Nay Hiền Hộ! Sau khi ta diệt độ, trong đời tương lai).

Cũng tức là thời hiện tại của chúng ta, đức Thế Tôn đã nhập diệt ba ngàn năm, Di Lạc Thế Tôn vẫn chưa giáng thế. Trong thời gian chẳng có Phật này, phần nhiều là ác tri thức ra đời, ma nã hại hữu tình trong thế gian, nếu chẳng nương theo giáo pháp, chúng ta sẽ chẳng có gì để độ thoát. Vì thế nói giáo pháp này hết sức trân quý.

Di giáo mười phần trân quý! Trong thời đại này, nếu chúng ta chẳng nương theo giáo pháp của Phật Thích Ca, thật sự sẽ tất nhiên đọa vào tam đồ bát nạn! Nay chúng ta ở trong tám nạn, vẫn còn có kinh giáo của Phật pháp để có thể tu tập, học tập, huân tu, truyền đạt, đứng là phước đức chẳng thể nghĩ bàn! Đáng phải nên tôn trọng, đáng phải nên nghiêm túc tư duy! Đối với chỗ này, nếu coi thường chẳng quan tâm, một khi chút phần thiện căn tán hoại, ác nghiệp tất nhiên chín muồi nhanh chóng, như thế thì tam đồ bát nạn sẽ khó thể chẳng phải là quê nhà, quý vị còn trở về đâu được nữa! Các vị thiện tri thức chẳng thể không tư duy!

Thời gian kết thúc An Cư càng ngày càng gần, tôi càng cảm thấy tâm tình ngày càng mười phần nặng nề, trọn chẳng phải là thanh thản, vì nếu nghiên cứu pháp sâu xa, yêu thích tu tập pháp tắc, nhất định sẽ dẫn khởi sự coi trọng [pháp tắc tam-muội này] nơi mỗi cá nhân chúng ta. Nhiều khi người có duyên lại vô phước, kẻ có phước lại vô duyên. Kẻ vô duyên phần nhiều hướng về, do hướng về còn có thể thành thực thiện căn. Nếu chúng ta trong lúc có cơ duyên mà chẳng yêu quý, chẳng trân trọng, mai sau cơ hội gặp pháp lần nữa sẽ rất ít. Cơ hội tăng thượng để tiếp tục tu tập pháp đã ít ỏi lại càng hiếm hoi hơn! Thật sự đáng tiếc! Đối với chuyện này, chúng ta nhất định phải sanh ý tưởng tôn trọng.

(Kinh) Hữu chư Bồ Tát Ma Ha Tát bối, tịnh tín tâm giả, vị chúng sanh cố, đương cầu đa văn. Cầu đa văn cố, đương nghê chư

phương, thỉnh thọ chánh pháp. Hiền Hộ! Thị cố, bỉ chư thiện nam tử hữu dục lạc giả, cụ túc tín tâm giả, nhiếp thọ chánh pháp giả, ái nhạo chánh pháp giả, tổng trì Tu Đa La giả, vị như thị đẳng quảng tuyên thuyết cố, dĩ Như Lai lực gia trì cố.

(經)有諸菩薩摩訶薩輩，淨信心者，為衆生故，當求多聞。求多聞故，當詣諸方，聽受正法。賢護！是故，彼諸善男子有欲樂者，具足信心者，攝受正法者，愛樂正法者，總持修多羅者，為如是等廣宣說故，以如來力加持故。

(Kinh: Có các vị Bồ Tát Ma Ha Tát là kẻ tín tâm thanh tịnh, vì chúng sanh mà cầu đa văn, hãy nên cầu đa văn. Do cầu đa văn, sẽ đến các phương, nghe nhận chánh pháp. Nay Hiền Hộ! Vì thế, các thiện nam tử là kẻ có ham muốn yêu thích, trọn đủ tín tâm, nhiếp thọ chánh pháp, yêu thích chánh pháp, tổng trì Khế Kinh, sẽ vì những người như thế mà tuyên nói rộng rãi, do được Như Lai lực gia trì).

“*Dĩ Như Lai lực gia trì cố*” (Do được Như Lai lực gia trì): Trong việc hội thí công đức của giáo ngôn A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề thù thắng nhất, nếu lìa khỏi sự gia trì của đức Thế Tôn, sẽ chẳng thể thành tựu. Do đó, hết thảy Bồ Tát Ma Ha Tát từ sơ phát tâm, cho đến chứng đắc Đẳng Giác, Diệu Giác Bồ Tát, đều nương vào công đức của chư Phật để niệm niệm tăng thượng, đó gọi là “*chẳng rời niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng*”. Chúng ta là hữu tình trong thời Mạt Pháp, niệm nào cũng đều nên chẳng lìa Phật, chẳng lìa Pháp, chẳng lìa Tăng, chẳng lìa Tử, chẳng lìa Giới. Nếu rời khỏi cơ chế như thế, chúng ta sẽ chẳng được Tam Bảo gia trì, sẽ rơi vào tri kiến thế tục, tri kiến phiền não, thậm chí tà kiến, ác kiến, lưu chuyển trong tam đồ bát nạn. Điều này có thể khiến cho các vị thiện tri thức khéo tư duy, khéo quan sát, khéo chọn lựa.

(Kinh) Thư tả như thị Đại Thừa kinh điển, dĩ Như Lai ấn, ấn phong chi dĩ.

(經)書寫如是大乘經典，以如來印，印封之已。

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

(Kinh: Biên chép kinh điển Đại Thừa như thế, dùng ấn của Như Lai để đóng ấn, niêm phong).

Vì sao phải dùng ấn của Như Lai để in vào, phong kín? Nhằm nói rõ kinh giáo này do kim khẩu của đức Thế Tôn tuyên thuyết, chẳng phải do người đời sau biên soạn. Điều nhận biết này mười phần trọng yếu! Nếu có kẻ ngờ vực, pháp này sẽ chẳng thành. Nếu có kẻ hủy báng, kẻ đó sẽ bị đọa lạc. Dùng ấn của Như Lai để in vào, vì đây là giáo ngôn chân chánh, có thể nương vào, có thể thuận theo, có thể đọc và chép, có thể tu tập, có thể truyền bá. “*Có thể*” tức là để thủ hộ người có lòng tin thanh tịnh, thủ hộ người chứng pháp, thủ hộ người yêu thích pháp, cho đến thủ hộ người muốn thành tựu pháp này, đều dùng Phật ấn, Phật lực để gia trì, khiến cho chúng ta sanh khởi chánh tín và yêu mến, cung kính và chân thành!

Cái tâm thế tục, tâm phàm phu chẳng chân thành. Phần nhiều tùy thuộc tánh tình của chính mình mà phát huy, tức là trong tri kiến đắm nhiễm, mỗi người sẽ tự phát huy tánh mạng của chính mình, cho nên xoay vần trong sáu đường, ai nấy tự hiển lộ sở đắc. Cái “*sở đắc*” đó thật ra là các thứ nhân duyên khác biệt đó thôi! Như Lai Thế Tôn vì khiến cho các loại tạp cư hữu tình trong tứ sanh cửu hữu thành tựu sức đại thiện xảo tự tại, cho nên đã tuyên nói với chúng ta Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội, khiến cho chúng ta lắng nghe, đọc tụng, giải nói, tu tập thành tựu, muốn khiến cho chúng ta có thể chứng đắc tam-muội, cho đến đa văn, thậm chí thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. “*Ấn*” chính là ấn khả, chấp thuận tự tâm, thật sự phải nên chú ý, phải nên tư duy điều này!

(Kinh) Nhiên hậu an trí w hạp tạng trung.

(經)然後安置於匣藏中。

(Kinh: Sau đó, an trí trong hộp đựng).

Không gì chẳng ngoài khiến cho chúng ta như thật tôn trọng, thủ hộ, trân tàng. Trong quá khứ, kinh điển phải đựng trong hộp bảy báu để khiến cho kẻ khác sanh tâm trân quý. Lại như tụng kinh thì phải tắm gội, rửa sạch tay, rửa sạch mặt, súc miệng sạch sẽ v.v... Vì sao? Chỗ nào cũng đều vun bồi cái tâm kiên thành, tâm cung kính, cũng tức là cái tâm chân thật. Nếu chẳng toàn tâm toàn ý, cứ tùy tiện đem kinh điển giồng

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

như vút bừa ở nơi nào tiện tay, tùy ý giở đọc, bước qua, làm bản, quý vị làm sao có thể đạt được pháp ích? Làm sao có thể sanh khởi tâm tôn quý và chân thật cho được? Do vậy, trong phần Lưu Thông này, luôn khích lệ chúng ta tôn trọng, yêu thích pháp tắc này.

Vì tôn trọng, yêu thích pháp tắc, khiến cho chúng ta tôn trọng và yêu thích tự tâm. Vì tôn trọng và yêu thích tự tâm, khiến cho cái tâm thanh tịnh. Do tâm thanh tịnh, sẽ thấy tự tánh chân thật, thành tựu Bồ Đề. Điều này thật ra là do nhờ vào công đức thanh tịnh rất sâu của chư Phật để ấn khế tự tâm mà thôi! Do vậy, nếu chẳng có sự ấn chứng tôn trọng và thanh tịnh, khai phát thanh tịnh, chúng ta sẽ chẳng thể biết chút phần Bồ Đề! Nghiệp tập và vọng tưởng từ vô thủy đến nay của chúng ta đã chín muồi, chúng ta ở trong lục đạo mười phần thuần thực, chẳng nhờ vào bất cứ trợ duyên nào cũng có thể tùy ý luân hồi! Hành vi, ý thức, và tướng quả báo của chúng ta, bất luận mỗi ngày từ sáng đến tối làm gì, tư duy hay chẳng tư duy, chọn lựa hay không chọn lựa, đều là tiếp nối từ ngày này sang ngày khác, năm này qua năm nọ, chẳng nhờ vào bất cứ sức nào, cứ tự nhiên thuận lý thành chương. Nhưng đối với pháp có ngộ hay không, được nghe hay không, chân thành hay không, quả thật là vấn đề do chọn lựa và phước báo có thành thực hay không?

(Kinh) Hiền Hộ! Thị trung hà đẳng vi Như Lai ấn? Sở vi: Nhất thiết chư hành vô tạo, vô tác, vô tạo tác giả, vi tăng hữu, vô vi, vô tướng, vô tướng, vô y, vô nhiếp, vô thủ, vô trụ. Nhất thiết chư hạnh tận, khổ nhân tận, hữu tận. Nhất thiết phiền não tận, vô sanh, vô diệt, vô đạo, vô đạo quả.

(經)賢護! 是中何等爲如來印? 所謂: 一切諸行無造, 無作, 無造作者, 未曾有, 無爲, 無相, 無想, 無依, 無攝, 無取, 無住。一切諸行盡, 苦因盡, 有盡。一切煩惱盡, 無生, 無滅, 無道, 無道果。

(Kinh: Đây Hiền Hộ! Trong ấy, những gì là ấn của Như Lai? Tức là hết thấy các hành chẳng tạo, chẳng tác, chẳng có người tạo tác, chưa từng có, vô vi, vô tướng, vô tướng, chẳng nương tựa, chẳng thủ nhiếp, chẳng giữ lấy, chẳng trụ. Hết thấy các hạnh tận, khổ nhân tận, hữu tận. Hết thấy phiền não tận, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng có đạo, chẳng có đạo quả).

Hết thấy các pháp đều là chưa từng có, nhưng dùng Phật ấn để in vào, khiến cho chúng ta biết điều chưa từng có. Hết thấy các pháp đều dứt bật đối đãi, vì lẽ nào vậy? Do chẳng có tự tánh, chẳng thể lập lại. Chỉ vì hữu tình phạm phu phiền não hư vọng nhận biết, chấp giữ, dùng các tri kiến cất chứa trong A Lại Da Thức của chính mình để ấn chứng, hứa khả đây là thiện, đây là ác, coi là đã từng có, coi là vô ký (chẳng thiện, chẳng ác), coi là tịnh, coi là trược, coi là phạm, coi là thánh v.v... Vô lượng vô biên nhận biết, chấp giữ đấm nhiễm như thế chẳng phải là Phật ấn, mà là tạo tác phân, là hữu lậu, là hữu vi, là chấp trước. Chấp trước như thế, trôi lăn trong tam giới là lẽ tất nhiên. Nhưng dùng ấn của Như Lai để in vào, đó gọi là “*hết thấy chẳng tạo tác*”, đều là chưa từng có. Do chưa từng có, cho nên “*vô vi, vô tướng, vô tướng, chẳng nương cậy, chẳng thâm nhiếp, chẳng giữ lấy, chẳng trụ. Hết thấy các hành đều tận, khổ nhân tận, hữu tận. Hết thấy phiền não tận, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng có đạo, chẳng có đạo quả*”.

Nếu chỉ nói tới vô sanh, chúng sanh sẽ mê muội. Vì thế, đức Thế Tôn lần lượt dùng các thứ ngôn từ quyền biến, hướng dẫn chúng ta nhận biết Phật ấn, tức là chánh tín, chánh hạnh “*chẳng nhiễm, chẳng chấp, chẳng đến, chẳng đi, bất cấu, bất tịnh*”. Hết thấy các pháp vốn vô sanh. Nói “*do nhân duyên mà sanh*” sẽ phá trừ, lìa bỏ Thường Kiến và Đoạn Kiến, khiến cho chúng ta thoát ly hai loại Biên Kiến ấy.

Đọc đoạn kinh văn này giống như đọc Tâm Kinh, “*vô trí diệt vô đắc. Dĩ vô sở đắc cố, Bồ Đề Tát Đỏa*” nương theo trí huệ môn để quan sát, trọn chẳng có một vật, quang minh “*không, tịnh*”, trong ngôn thuyết thật sự đã trừ sạch hết thấy đấm nhiễm của chúng sanh, trừ hết thấy chấp trước của chúng sanh, trừ hết thấy phiền não của chúng sanh, cũng như [phá trừ] cưỡng chấp phiền não, cưỡng chấp nghiệp duyên, cưỡng chấp thiện duyên, cho đến các thứ khổ, cùng với cưỡng chấp các thứ tạo tác khổ.

*(Kinh) Nhất thiết chư thánh, vô hữu覆藏, 愚癡所毀, 智者所稱, 巧
 giả sở xung, xảo giả năng thọ.*

**(經)一切諸聖，無有覆藏，愚癡所毀，智者所稱，巧
者能受。**

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

(Kinh: Hết thầy các vị thánh, chẳng có vị nào ẩn giấu, bị kẻ ngu si hủy báng, bậc trí ca ngợi, người thiện xảo bèn có thể tiếp nhận).

Vì kẻ ngu si phần nhiều sanh tà kiến đoạn diệt, nói đoạn diệt theo kiểu ngoan không, khiến cho tâm trí của người khác bị mê loạn. Vì thế, nói “ngu si sở hủy”, tức là hủy hoại cái tâm thanh tịnh. Còn “trí giả sở xưng” tức là hết thầy người trí yêu thích, thủ hộ giáo ngôn như thế!

(Kinh) Như Lai Thế Tôn thuyết thử kinh thời, vô lượng chúng sanh, giai u A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, chủng chư thiện căn.

(經)如來世尊說此經時，無量衆生，皆於阿耨多羅三藐三菩提，種諸善根。

(Kinh: Khi Như Lai Thế Tôn nói kinh này, vô lượng chúng sanh đều gieo các thiện căn nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề).

Đây là nói chân thật. Chúng ta nghe đức Thế Tôn nói kinh giáo như vậy, giống như dùng ấn của Như Lai để ấn khế tự tâm. Tuy nhất thời chưa thể giác, vẫn còn nghi ngờ, băn khoăn, hoặc là ở giữa thành thực và chẳng thành thực, nhưng cơ duyên “u A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, chủng chư thiện căn” (gieo các thiện căn nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề) đã chín muồi, tối thiểu là Nhĩ Căn đã được nghe. Đối với kinh điển, kinh giáo như thế và nội hàm của nó, chúng ta đã có thể nghe đầy đủ vẹn toàn từ đầu đến cuối một lượt, hoặc là thậm chí ngẫu nhiên nghe một câu, nửa lời, nếu đã có thể thoảng qua tai, sẽ đều là thiện căn. Vì khác với những lời thông tục, thù dật, lời thô ác, cho đến lời lẽ tà kiến trong thế tục, lời lẽ chánh giáo của chư Phật sẽ có thể khiến cho chúng sanh đạt được an lạc, gieo các thiện căn, thuần thực thiện căn, cho đến ắt sẽ đạt được Vô Thượng Bồ Đề. Vì thế, nghe kinh pháp cho nhiều là điều rất trọng yếu.

(Kinh) Bỉ Hằng hà sa đẳng chư Phật thế giới, hữu vô lượng A-tăng-kỳ chư Bồ Tát Ma Ha Tát chúng, giai tùng bốn quốc phát lai chí thử, hàm vi thính thọ thị tam-muội giả.

(經)彼恆河沙等諸佛世界，有無量阿僧祇諸菩薩摩訶薩衆，皆從本國發來至此，咸爲聽受是三昧者。

Đại Phương Đăng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

(Kinh: Trong các thế giới của chư Phật nhiều như cát sông Hằng, có vô lượng A-tăng-kỳ các vị Bồ Tát Ma Ha Tát đều từ cõi mình xuất phát đến đây, đều là vì nghe nhận tam-muội này).

Tâm trí và sanh mạng của hết thảy chúng sanh chên lệch chẳng giống nhau, biểu hiện muôn ngàn sai khác. Ở đây [đức Phật] nhắc tới các vị Bồ Tát Ma Ha Tát từ các thế giới ở phương khác, có sức tự tại như ý, tức sức thần thông vô ngại, có thể từ thế giới của chính mình đến vô biên thế giới ở phương khác. Sau đó, nương theo công đức danh hiệu của đức Thế Tôn trong thế giới của chính mình mà quay về, giống như chúng ta niệm danh hiệu của đức Bổn Sư A Di Đà Phật bèn có thể sanh về bốn quốc của A Di Đà Phật.

“*Giai từng bốn quốc phát lai chí thư*” (Đều từ nước mình xuất phát đến nơi đây): Đều do nghe nói danh hiệu công đức thù thắng của Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật trong thế giới Sa Bà, cho đến sự giáo hóa chẳng thể nghĩ bàn của tam-muội này. Do nhân duyên ấy mà từ nước mình ra đi, tới cõi này để thấy Phật, nghe pháp. Các vị Đại Bồ Tát Ma Ha Tát ấy đã từ vô lượng kiếp tới nay siêng tu các loại pháp, đối với Ban Châu tam-muội, hoặc còn gọi là Thập Phương Chư Phật Tát Giai Hiền Tiền tam-muội, đều thuần thực vô ngại. Do đó, khi xưng danh hiệu Phật, liền gặp Phật: Nhân chính là quả, quả chính là nhân, đạt được phương tiện có thể thấy Phật, nghe pháp. Bồ Tát trong thế giới Sa Bà muốn đến thế giới phương khác để thấy Phật, nghe pháp, cũng phải xưng danh hiệu công đức của chư Phật trong thế giới phương khác. Nay chúng ta hướng tới, quan sát, tu tập, yêu thích, lắng nghe pháp tắc này. Trước kia, tôi ở tại một ngôi chùa thuộc tỉnh Hà Bắc, gặp một vị cư sĩ. Vị này niệm vị Phật nào, hình tượng của vị Phật ấy sẽ hiện tiền. Chẳng hạn như khi lạy tám mươi tám vị Phật [trong Hồng Danh Bảo Sám], niệm đến vị Thế Tôn nào, hình tượng, biểu cảm, cho đến động tác của vị Thế Tôn ấy đều hiện tiền. Tôi hỏi ông ta: “Các vị Phật khác nhau có gì khác biệt?” Ông ta nói: “Chủ yếu là tay kết ấn khác nhau, tướng âm thanh hơi khác nhau”. Đây có thể là cách nói của mình ông ta, tôi cũng chẳng biết, cũng chưa từng thấy. Nếu thật sự đích thân chúng Niệm Phật tam-muội thì trông thấy chư Phật cũng chẳng phải là chuyện khó, vì sao? Mười phương Bồ Tát Ma Ha Tát đã sớm đích thân chúng pháp tắc như thế, cho đến đức Thế Tôn cũng nói: Đối với sự giáo hóa này, tôn giả Ma Ha Ca Diếp đã thành tựu pháp này để khiến cho người đời sau có chỗ để nương theo.

Hiện thời, chúng ta đang ở trên núi Kê Túc là chỗ tôn giả Ca Diếp đang giữ y [của Phật Thích Ca], nhập Định [chờ Phật Di Lặc giáng thế], chúng ta đã được tôn giả Ca Diếp nhiếp hóa bởi quang minh từ công đức chân thật của Thập Phương Chư Phật Tất Giai Hiện Tiền tam-muội, vậy thì có sao chẳng yêu thích, tu tập pháp tắc này? Nếu chẳng yêu thích, tu tập, cứ đợi các nhân duyên khác, mong cho thiện căn chín muồi, vẫn chẳng biết sẽ là như thế nào? Vì trong pháp tắc thế tục, luyện thép thì cần phải dùng lò luyện thép. Nếu dùng các loại lò khác, sẽ rất khó luyện thành thép rất tốt! Vì thế, đối với sự tu trì của phàm phu hữu tình, nói theo hình tướng thế tục, sẽ rất quan trọng; nói theo trợ duyên, sẽ là hết sức quan trọng. Thậm chí là có mức độ quan trọng chẳng thể thay thế được!

(Kinh) Bĩ bối giai đắc bất thoái chuyển ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Thử thời, tam thiên đại thiên thế giới, nhất thiết đại địa lục chủng chấn động.

(經) 彼輩皆得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。時此，三千大千世界，一切大地六種震動。

(Kinh: Bọn họ đều đắc bất thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Khi đó, hết thảy đại địa trong tam thiên đại thiên thế giới sáu thứ chấn động).

Khi đức Thế Tôn nói giáo pháp liễu nghĩa rốt ráo, lợi ích rộng khắp hữu tình trong pháp giới. Vì thế, hết thảy các thế giới đều có sáu loại chấn động, hoặc là mười tám loại chấn động, rung động hết thảy thế gian, cảm động hết thảy thế gian, nhuần thấm hết thảy thế gian, thuận thiện căn của hữu tình trong hết thảy các thế gian, muốn khiến cho hết thảy hữu tình đang mê muội, trơ lì, trầm luân sẽ thức tỉnh, giác ngộ, thoát khỏi tâm trí u ám, tối tăm. Vì thế, “chấn động” chính là tướng đại quang minh chiếu trọn khắp, là tướng thức tỉnh chúng sanh, là tướng cảm động thế gian.

(Kinh) Sở vị: Động, đại động, đẳng biến động.

(經)所謂：動，大動，等遍動。

(Kinh: Tức là động, đại động, đẳng biến động).

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Trong mỗi thứ “động”, lại có ba loại động, cho nên cũng nói là “mười tám loại chấn động”. Chẳng biết mọi người đã từng thể nghiệm loại chấn động này hay không? Trong kinh giáo, có ghi chép như thế này: Nhằm lúc trong thế giới này và thế giới ở phương khác có thiện tri thức xuất thế, hoặc nhằm lúc có thiện tri thức chứng đắc thánh quả, hoặc vị nào thuộc địa vị Bồ Tát chứng đắc các phương tiện Thiên Định, hay phương tiện thần thông lực, mười phương thế giới sẽ cùng lúc chấn động, phóng đại quang minh. [Khi đó], tất cả những vị đã có các môn Thiên Định, các vị đã đắc thánh quả đều biết, đều dùng trợ duyên tán thán hy hữu, tán thán “*thiện tai*” (lành thay). Như khi Thích Ca Phật Thế Tôn xuất thế, mười phương chư Phật đều đến tán thán. Khi Ngài thành đạo cũng lại như thế, mà vị nào chứng đắc Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả, Tứ Quả, cho đến chứng quả trong các giai vị Bồ Tát, cũng đều đạt được các thứ oai đức và phương tiện cảm động thế gian. Ở chỗ này, chẳng cần phải nhờ vào ngôn thuyết!

Khi thầy Đại Hùng hành Ban Châu chín mươi ngày ở Đông Bắc, lúc xuất quan, toàn thể trời đất đều là màu trắng tinh, điềm chứng đắc ấy mười phần hy hữu, vì nội hàm và công đức của chín mươi ngày tu tập có thể cảm động rất nhiều hữu tình trong thế gian. Nếu thật sự hành pháp, như đạo tràng Hằng Dương Am này, cũng sẽ cảm động rất nhiều vị thiện tri thức có Thiên Định, có phước đức đều dùng sức phước đức của chính mình để nghĩ tưởng nơi này, cổ vũ, khích lệ cho đạo nghiệp ở nơi này được thành thực. Đương nhiên, người biết tự biết, người chẳng biết sẽ chẳng tự biết, người có thể thấy, có được phương tiện để trông thấy. Người chẳng thấy, nếu có thể tín thuận, cũng đạt được phương tiện lợi lạc, nhưng nếu chúng ta đối với công đức thù thắng ấy và sự gia trì oai đức thù thắng ấy lại chẳng cho là thù thắng thì chuyện ấy cũng sẽ chẳng thù thắng. Nếu dè bĩu thì chuyện ấy [đối với kẻ đó] cũng trở thành đáng dè bĩu!

Vì thế, sự chấn động này quả thật là lúc [các vị có trí, thánh nhân trong tam thiên đại thiên thế giới] bị cảm động, là tướng khích lệ, là sự biểu đạt chân thật của căn cơ chín muồi. Trước kia, tôi cho rằng chuyện này có thể là do oai đức trong Phật pháp. Về sau, tiếp xúc với một vị Bồ Tát trong Đạo gia đã đạt thành tựu nhất định. Ông ta cho biết trong Đạo gia, khi họ chứng đắc quả vị, đại địa cũng nghiêng ngửa, chấn động y hệt. Có người nói trong quá trình kinh hành Ban Châu, đại địa cũng rung động. Có phải là giống như thế hay không? Có liên quan đến chuyện

chúng quả hay chẳng? Cứ đề mặc đó, nhưng nó có thể cảm động thế gian.

Hơn nữa, pháp Ban Châu cảm động thế gian rộng lớn trọn khắp. Nếu chúng ta cảm kích Tam Bảo, dùng cái tâm cảm ơn để tu tập, duy trì pháp tắc này, sẽ là rất chẳng thể nghĩ bàn. Nếu dùng tâm kiêu mạn, tâm tà kiến để hành pháp này, sẽ bị nguy hại rất lớn. Vì thế, trong cơ chế tuyên truyền hoặc truyền bá pháp này, cứ nhắc đi nhắc lại, yêu cầu chúng ta, cứ nhiều lượt nhắc nhở chúng ta, phải xa lìa kiêu mạn, phải thanh tịnh, điều phục, nhu thuận. Đây là điều trọng yếu hàng đầu. Nhưng pháp này lại cực dễ khiến cho người ta sanh khởi cái tâm kiêu mạn, vì có thể xuất sanh nhiều loại công đức và thiện xảo.

Hễ một khi kiêu mạn, sẽ bị hại. Khi ấy, đâm ra chẳng bằng kẻ tầm thường! Đó quả thật là chỗ lợi ích to lớn và chỗ nguy hại to lớn trong pháp này, các vị thiện tri thức nhất định phải tự khéo quan sát, tự khéo tư duy.

(Kinh) Dũng, đại dũng, đẳng biến dũng. Khởi, đại khởi, đẳng biến khởi. Chấn, đại chấn, đẳng biến chấn. Hống, đại hống, đẳng biến hống. Giác, đại giác, đẳng biến giác.

(經)湧, 大湧, 等遍湧。起, 大起, 等遍起。震, 大震, 等遍震。吼, 大吼, 等遍吼。覺, 大覺, 等遍覺。

(Kinh: Dũng, đại dũng, đẳng biến dũng. Khởi, đại khởi, đẳng biến khởi. Chấn, đại chấn, đẳng biến chấn. Hống, đại hống, đẳng biến hống. Giác, đại giác, đẳng biến giác).

Sáu loại chấn động ấy³³ được hiển lộ theo thứ tự, có trạng thái mỗi thứ sau cao hơn [thứ trước]. Sáu loại chấn động là nói chung, nói tách ra thì có mười tám loại, như nói “đại, đẳng, biến”, thật sự cảm động thế gian. Chúng ta chớ nên khinh miệt hoặc tự phụ đối với chuyện đạt được lợi ích nơi pháp tắc hay không, chỉ xét coi có lợi ích thế gian hay không, chỉ xét coi có thật sự cảm động hay không. Trong kinh điển nhà Phật, thường có cách nói sung mãn như “cảm động sung mãn”, hoặc “đại hỷ

³³ Theo Pháp Hoa Văn Cú Ký, mặt đất tròng trành là Động, đất bằng đột ngột dâng cao lên là Khởi, chỗ trôi lên chỗ sụp xuống thì gọi là Dũng, có tiếng âm ì trong lòng đất là Chấn, phát ra tiếng vang lớn như vật bị va đập, xé rách thì là Hống, khiến cho chúng sanh giác ngộ thì gọi là Giác.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

sung mãn” v.v... Thật ra, khi lợi ích sung mãn, sẽ cảm thấy chân động, vui sướng, hữu lực tràn trề. Trong Tạng truyền Phật giáo, đã đặc biệt nêu ra tám loại “*nội thọ dụng*”; trong đó, sung mãn thọ dụng là loại thọ dụng bậc nhất. Bản thân trông thấy quang tướng và oai đức, sức lực trọn đủ, thiện xảo đầy đủ, chẳng phải là nói suông, chẳng phải là hý luận, mà là nội hàm như thật, công đức chân thành cảm động thế gian.

(Kinh) Nãi chí biên dũng trung một, trung dũng biên một. Thời, thử thế giới như thị đại động.

(經)乃至邊湧中沒，中湧邊沒。時，此世界如是大動」。

(Kinh: Cho đến ngoài rìa dâng lên, chính giữa chìm xuống, hoặc chính giữa dâng lên, ngoài rìa chìm xuống. Khi đó, thế giới này chân động to lớn như thế).

Đại động như thế, trên thực tế là vì khi Phật Thích Ca tuyên nói pháp này đã cảm động thế giới. Như Thích Ca Mâu Ni Phật dưới cội Bồ Đề, ở trên tòa Kim Cang trái cỏ cát tường, phát ra thệ nguyện “*chẳng chừng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, sẽ không rời khỏi tòa*”, ngay lập tức đại địa chấn động. Vì thế, ma cung nứt rách, tan hoại. Do vậy, Ba Tuần liền tìm kiếm xem phương nào có Bồ Tát sắp chứng Bồ Đề, phát ra đại thệ nguyện, khiến cho các ma sanh lòng sợ hãi, cho nên hấn cố ý đến khiêu chiến. Có người nói quá trình tu tập pháp của chính mình thuận buồm xuôi gió; thật ra, chính là người tu tập gặp nhiều thử thách, nhưng khi trừ được thử thách thì sẽ chính là tướng thành tựu các pháp, cũng có nghĩa là một khi vượt qua, sẽ ở ngay chỗ đó mà đạt phương tiện thành tựu, do quán tự tánh vô sở đắc, chẳng sợ hãi. Do vậy, có thể vượt qua!

Hiện thời, người tu tập gặp nhiều duyên trái nghịch mà sanh lòng sợ hãi, do gặp duyên trái nghịch mà sanh áo não, do gặp duyên trái nghịch mà phi báng Phật pháp; đúng là đã đánh mất đại lợi của Phật pháp trong hiện tiền. Nhiều hữu tình hễ đá thát, hễ niệm Phật, hễ tụng kinh liền có chuyện chi đó xảy đến, bệnh cũng đưa đến, phiền não cũng đưa tới, gia đình xảy ra vấn đề, bình thường thì chuyện gì cũng đều thuận lợi, rất tốt đẹp! Chuyện này tùy thuộc chúng ta ở trong Phật pháp, sẽ nương theo lợi ích của Phật pháp để triệt để giải quyết các thứ chướng, nghiệp chướng, phiền não chướng, sở tri chướng từ vô thỉ tới

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

nay như thế nào! Các chướng ấy chính là ma chướng. Khiến cho chúng nó bị tiêu trừ, sẽ có thể thật sự đích thân chúng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, sẽ đạt được pháp vô ngại, đạt được trí vô ngại, phương tiện vô ngại. Đối với điều này, phải nên tư duy, phải nên quan sát.

Vì thế, gặp nạn duyên trong hành pháp, thật sự là chỗ thù thắng. Các vị thiện tri thức trong quá khứ đều nhận định như thế! Vậy mà người hiện thời hễ gặp nạn duyên bèn tích cực trốn tránh, hoặc sanh nhiều nỗi oán hận, hoặc lăm điều chửi bới, thật là đáng tiếc! Lợi ích Phật pháp hiện tiền, kết quả là báng Phật. Đúng là thiện căn chẳng chín muồi, đúng là chuyện đáng tiếc nuôi! Nhưng người chẳng sợ hãi, yêu thích Phật pháp, thật sự biết Phật pháp, ngay khi nguy nan hiện tiền, sẽ biết là đại lợi hiện tiền. Khi đó, bèn tán thán đức Thế Tôn, tán thán Tam Bảo, nghiệp duyên như thế sẽ ngay lập tức tiêu trừ, sẽ đạt được vô thượng đại lợi. Sau đây, lại gặp chuyện kiểu đó, sẽ chẳng bị chướng ngại tí nào! Trong các pháp tu, hễ thiện căn có chút chín muồi, tất nhiên là nạn duyên sẽ hiện tiền. Ai nấy đều là như thế, chẳng phải là riêng một ai! Trong toàn bộ quá trình thành đạo của Phật Thích Ca, cùng với bảy lần bảy bốn mươi chín ngày dưới cội Bồ Đề, phần nhiều cũng là thị hiện. Kinh nghiệm thành Phật dưới cội Bồ Đề của Phật Thích Ca thật ra là kinh nghiệm về ma nạn đó thôi. Vượt qua các ma nạn càng nhiều, càng triệt để thấy rõ các ma nạn chẳng có tự tánh, xét kỹ bằng trí huệ, đích thân chúng Bồ Đề. Vì thế, hễ dụng công đôi chút, sẽ có người đến gây duyên chướng ngại, nếu tán Phật sẽ vượt qua, hễ nghi Phật, sẽ trầm trệ nơi đó. Báng Phật sẽ bị nguy hại. Điều này rất rõ ràng, các vị thiện tri thức phải nên khéo quan sát nhân duyên học pháp.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn cáo tôn giả Ma Ha Ca Diếp.

(經)爾時，世尊告尊者摩訶迦葉。

(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn bảo tôn giả Ma Ha Ca Diếp).

Trong khi Di Lặc Hạ Sanh, cho đến trong khá nhiều kinh giáo, đều ghi chép khi Thích Ca Thế Tôn sắp nhập diệt, đã đem chánh pháp nhân tàng chúc lụy cho tôn giả Ca Diếp. Cho đến đem y bát Ngài đang dùng, dặn dò tôn giả Ca Diếp hãy khéo thủ hộ, chờ đến năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm sau, khi Di Lặc Thế Tôn giáng thế, sẽ truyền cho Di Lặc Thế Tôn, và cũng ủy thác tôn giả Ca Diếp căn dặn Di Lặc Thế Tôn bốn câu kệ, tức “*pháp bốn pháp vô pháp, vô pháp pháp diệt pháp, kim*

phó vô pháp thời, pháp pháp hà tăng pháp”³⁴. Vì thế, tôn giả Ca Diếp quả thật đã đại diện cho tướng chánh pháp trụ thế, tướng chánh pháp tồn tại, là tướng lãnh thọ ấn khê của vị lai Phật, là tiêu chí trong Phật pháp.

Nay chúng ta vào núi Kê Túc, vào đạo tràng “*giữ y, nhập định*” thù thắng của tôn giả Ca Diếp như thế, phải nên cảm nhận là chuyện mười phần may mắn. Nếu chẳng cho là đúng, đã có nhiều khảo chứng, quý vị có thể tự tham khảo. Nếu là người có tín tâm, sẽ tự đạt được tín tâm an ủi, nhưng các vị thiện tri thức từ xưa tới nay, không chỉ là Hán truyền Phật giáo, Tạng truyền Phật giáo, Nam truyền Phật giáo, mà những vị thiện tri thức đạt Thiền Định ở một mức độ nhất định, có chứng ngộ nhất định, sẽ đều cung kính, mến thích, kính ngưỡng chẳng nghi đôi với núi Kê Túc, tâm thường nghĩ tưởng, lễ kính phương vị ấy. Lời này chẳng khoa trương chút nào, cũng có thể là chúng ta đang ở nơi đây chẳng cho là đúng, đó gọi là “*đang hưởng phước mà chẳng biết phước*”, chắc là như thế đó!

(Kinh) Tôn giả Xá Lợi Phất, tôn giả Mục Kiền Liên, tôn giả A Nan.

(經)尊者舍利弗、尊者目犍連、尊者阿難。

(Kinh: Tôn giả Xá Lợi Phất, tôn giả Mục Kiền Liên, tôn giả A Nan).

Tôn giả Ca Diếp, tôn giả Xá Lợi Phất, tôn giả Mục Kiền Liên, tôn giả A Nan, đây là tứ đại đệ tử của đức Phật Thích Ca, đại diện cho hết thủy bậc Thượng Thủ của chúng Thanh Văn. Nếu chúng ta xem lời thọ ký của Phật Thích Ca dành cho các vị ấy sẽ biết: Tuy các Ngài là bậc

³⁴ Theo pháp sư Siêu Nhiên, bài kệ này phải hiểu như sau: Chữ Pháp đầu tiên là Phật pháp. Phật pháp là pháp bất nhị. Cho nên trong Phật pháp vốn chẳng có pháp và vô pháp để phân biệt, cũng tức là chẳng có hữu pháp và vô pháp. Nói đơn giản, Phật pháp chẳng phải có, chẳng phải không, mà cũng đừng nghĩ là Phật pháp vừa có vừa không. Mọi phân biệt nhị nguyên đối đãi đều là tình kiến. Đó là ý nghĩa của câu “*pháp bốn pháp vô pháp*”. “*Vô pháp pháp diệt pháp*”: Tuy Nhất Chân pháp giới là một pháp chẳng lập, nhưng cũng chẳng ngại hiển hiện vạn pháp, bao la vạn tượng. Tuy chẳng có một pháp để có thể nói, nhưng chẳng ngại dùng ngôn thuyết để diễn nói. “*Kim phó vô pháp thời, pháp pháp hà tăng pháp*”: Nay ta (Phật Thích Ca) đem cái pháp “*không có pháp*” giao phó cho ông, đối với các pháp mà ta đã nói trước kia, có pháp nào lại chẳng từng đã nói ư? Hoặc có thể nói là “*ta thuyết pháp bốn mươi chín năm, một câu cũng chưa hề nói*”.

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký 2

Thượng Thủ của hàng Thanh Văn, thật ra, đã sớm thành Phật ở phương khác, hoặc đã sớm trụ nơi địa vị Bất Thoái Chuyển Đại Bồ Tát ở phương khác, dùng thân đại Bồ Tát nhiếp hóa thế gian, nhưng do người trong thế giới Sa Bà thọ trăm tuổi rất nhơ bẩn, các Ngài bèn hiện thân Thanh Văn để giúp Phật Thích Ca giáo hóa, hoằng truyền giáo pháp thù thắng của đức Thế Tôn, khiến cho pháp trụ thế. Phải nên lý giải sự thị hiện này như thế nào? Vẫn là nói “*thiên lý giang thủy, thiên giang nguyệt*” (ngàn dặm nước sông, ngàn bóng trăng). Vì các vị thánh nhân giống như vàng trắng, tỏa ra quang minh thanh tịnh, trong một ngàn thế giới, trong trăm thế giới, nếu có chỗ nào có nước, sẽ đều có thể soi bóng. Nước đục cũng có thể chiếu rọi vàng trắng rạng rỡ ấy. Ngũ trược ác thế giống như nước đục, mà quang minh thánh oai, thánh đức của bậc thánh nhân chiếu soi toàn thể pháp giới, trong mỗi thế giới đều chiếu rọi, đều vận dụng.

(Kinh) Cập Hiền Hộ Bồ Tát, Bảo Đức Ly Xa Tử, Thương Chủ trưởng giả, Tinh Đức trưởng giả tử, Vĩ Đức Ma Nạp Thủy Thiên trưởng giả đẳng, ngũ bách chúng nhân, tịnh dư chư thiên, thế nhân, tứ bộ chúng đẳng ngôn.

(經)及賢護菩薩、寶德離車子、商主長者、星德長者子、偉德摩納水天長者等，五百人衆，並餘諸天世人，四部衆等言。

(Kinh: Và Hiền Hộ Bồ Tát, Bảo Đức Ly Xa Tử, trưởng giả Thương Chủ, trưởng giả tử Tinh Đức, trưởng giả Vĩ Đức Ma Nạp Thủy Thiên v.v... năm trăm người, và các chư thiên, người đời khác, bốn bộ chúng rằng).

“*Chư thiên*” ở đây là nói chung, vì trong Tự Phần đã ghi chép cặn kẽ rộng khắp các vị trời tới Trúc Lâm Tinh xá nghe pháp. “*Tứ bộ chúng đẳng*”: Bốn bộ tức là các tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, tức những người được gọi là Phật giáo đồ. Từ chỗ này có thể thấy, khi đức Thế Tôn thuyết pháp, không chỉ có Phật giáo đồ, mà thật sự là toàn thể Diêm Phù Đề, hoặc [nói rộng hơn] là tuyên nói trong thế giới Sa Bà, tức tam thiên đại thiên thế giới. Thường là người học Phật chúng ta xem nhẹ điều này. Ba Tuần tuy ngăn trở đức Thế Tôn giáo hóa khắp nơi, nhưng do oai đức của đức Thế Tôn, hấn cũng đến dự pháp hội. Tuy là hiện đủ loại nguy nan, nhưng đức Thế Tôn khéo hướng dẫn, giáo hóa, khiến hấn phát Bồ

Đề tâm. Ba Tuần cũng phát Bồ Đề tâm, do đại oai đức của đức Phật, chiếu thấu triệt tâm trí của hết thấy hữu tình trong thế gian, cho đến tâm trí của chúng sanh ma vương, đức Thế Tôn cũng khiến cho họ tâm khai ý giải. Trong giáo ngôn rất ráo, chắc chắn là thí giáo như thế.

(Kinh) Ca Diếp.

(經)迦葉。

(Kinh: Này Ca Diếp!)

Ở đây, lấy ngài Ca Diếp làm đối tượng để chúc lụy. Vì thế, chúng ta ở đạo tràng của ngài Ca Diếp tại núi Kê Túc này, nếu quý vị cảm thấy may mắn, sẽ nhận được sự gia trì bất cộng. Nếu cảm thấy bình thường, sẽ có nhân duyên bình thường!

(Kinh) Ngã kim dĩ thị tam đại A-tăng-kỳ kiếp tu thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề pháp, phó chúc như đấng.

(經)我今以是三大阿僧祇劫修成阿耨多羅三藐三菩提法，付囑汝等。

(Kinh: Ta nay đem pháp A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề do ba đại A-tăng-kỳ kiếp tu thành, phó chúc cho các ông).

Đương nhiên là các vị trời, người, Thanh Văn, Bồ Tát đã được nhắc đến trước đó đều thuộc vào đối tượng được chúc lụy. Chẳng biết vị Bồ Tát nào đang hiện diện tại đây đã lãnh nhận sự phó chúc này trong thưở đức Thế Tôn còn tại thế?

(Kinh) Như thị đấng nghĩa, nhất thiết thế gian sở bất năng tín. Hà dĩ cố? Như Lai sở thuyết Tu Đa La, tối thắng vi diệu, đệ nhất thậm thâm, ư đương lai thế, năng dữ nhất thiết chúng sanh A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Thị cố, ngã kim ân cần chúc như, như đương thính thọ, như đương độc tụng, như đương ức trì, như đương tư duy, như đương tu hành.

(經)如是等義，一切世間所不能信。何以故？如來所說修多羅，最勝微妙，第一甚深，於當來世，能與一切衆

生阿耨多羅三藐三菩提。是故，我今殷勤囑汝，汝當聽受，汝當讀誦，汝當憶持，汝當思惟，汝當修行。

(Kinh: Các nghĩa như thế, hết thảy thế gian đều chẳng thể tin. Vì sao vậy? Tu Đa La do Như Lai đã nói vì diệu, thù thắng nhất, rất sâu bậc nhất, trong đời tương lai có thể ban A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề cho hết thảy chúng sanh. Vì thế, ta nay ân cần căn dặn ông, ông hãy nên nghe nhận, ông hãy nên đọc tụng, ông hãy nên nghĩ nhớ, gìn giữ, ông hãy nên tư duy, ông hãy nên tu hành).

Đây thật sự là căn dặn chúng ta, chúng ta biết tôn giả Ca Diếp chính là bậc thành tựu pháp này, vì sao vẫn phải nói “nhữ đương tu hành” (ông nên tu hành)? Mọi người hãy tự khéo quan sát.

(Kinh) Nhữ đương khai phát, nhữ đương quảng tuyên, nhữ đương giải thích, nhữ đương tận thiện, nhữ đương lưu bố, vật linh đoạn tuyệt.

(經)汝當開發，汝當廣宣，汝當解釋，汝當盡善，汝當流佈，勿令斷絕。

(Kinh: Ông hãy nên khai phát, ông hãy nên tuyên nói rộng rãi, ông hãy nên giải thích, ông hãy nên trọn hết điều thiện, ông hãy nên truyền bá, đừng để đoạn tuyệt).

Thật sự dặn bảo tôn giả Ca Diếp, cho đến các vị thiện tri thức, các hữu tình, trong đời Mạt Pháp thuở vị lai, mong cho pháp này được lưu truyền rộng khắp, khai phát, có thể khiến cho chúng sanh tín giải, tu tập, thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

(Kinh) Phục thứ A Nan! Nhược hữu chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, niệm dục tu tập thử tam-muội kinh giả, dục độc tụng giả, dục thọ trì giả, dục tư duy giả, dục khai thị giả, dục quảng thuyết giả. Đương ưng linh tha sanh chánh tín cố, linh tha độc tụng cố, linh tha thọ trì cố, linh tha tư duy cố, linh tha khai thị cố, linh tha quảng thuyết cố, ngã kim vì bỉ an trụ Đại Thừa.

(經)復次阿難！若有諸善男子善女人，念欲修習此三昧經者，欲讀誦者，欲受持者，欲思惟者，欲開示者，欲廣說者。當應令他生正信故，令他讀誦故，令他受持故，令他思惟故，令他開示故，令他廣說故，我今爲彼安住大乘。

(Kinh: Lại này A Nan! Nếu có các thiện nam tử, thiện nữ nhân, nghĩ muốn tu tập kinh tam-muội này, muốn đọc tụng, muốn thọ trì, muốn tư duy, muốn khai thị, muốn rộng nói. Hãy nên khiến cho người ấy sanh chánh tín, khiến cho người ấy đọc tụng, khiến cho người ấy thọ trì, khiến cho người ấy tư duy, khiến cho người ấy khai thị, khiến cho người ấy tuyên thuyết rộng rãi, ta nay khiến cho người ấy an trụ trong Đại Thừa).

Khiến cho chúng sanh đạt được pháp ích như thế, đọc tụng, thọ trì, tư duy, khai thị, rộng nói v.v... Do nhân duyên ấy mà an trụ trong Đại Thừa.

(Kinh) Chư thiện nam tử, thiện nữ nhân bói, quảng khai phát dĩ, đương như thị học, thường đương niệm ngã như tư giáo sắc.

(經)諸善男子善女人輩，廣開發已，當如是學，常當念我如斯教敕」。

(Kinh: Các vị thiện nam tử, thiện nữ nhân đã rộng khai phát rồi, hãy nên học như thế, thường nên nghĩ đến ta đã sắc truyền như thế).

Cũng có nghĩa là mọi người đừng quên mất lời căn dặn này.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn thuyết thị kinh dĩ, tôn giả Ma Ha Ca Diếp, Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, A Nan, tỳ cư nhất thiết chư đại Thanh Văn, cập bỉ Hiền Hộ, Bảo Đức, Thiện Thương Chủ, Tinh Đức, Vĩ Đức, Thủy Thiên trưởng giả đẳng ngũ bách ưu-bà-tắc chúng. Cập bỉ tùng thập phương tha Phật quốc độ chư lai Bồ Tát Ma Ha Tát chúng, nãi chí nhất thiết thiên, long, quỷ thần, nhân phi nhân đẳng, bỉ văn Như Lai thuyết, giai đại hoan hỷ, phụng giáo tu hành.

(經)爾時，世尊說是經已，尊者摩訶迦葉、舍利弗、大目犍連、阿難，自餘一切諸大聲聞、及彼賢護、寶德、善商主、星德、偉德、水天長者等五百優婆塞衆。及彼從十方他佛國土諸來菩薩摩訶薩衆，乃至一切天、龍、鬼神、人非人等，彼聞如來說，皆大歡喜，奉教修行。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nói kinh này xong, tôn giả Ma Ha Ca Diếp, Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, A Nan, cùng với hết thầy các vị đại Thanh Văn, và Hiền Hộ, Bảo Đức, Thiện Thương Chủ, Tinh Đức, Vĩ Đức, trưởng giả Thủy Thiên v.v... năm trăm vị ưu-bà-tắc, cùng với các vị Bồ Tát Ma Ha Tát đến từ các quốc độ khác của chư Phật trong mười phương, cho đến hết thầy trời, rồng, quỷ thần, nhân phi nhân v.v... Họ nghe đức Như Lai nói đều hết sức hoan hỷ, vâng theo lời dạy tu hành).

Thông thường, trong phần kết thúc của kinh giáo đều nhắc nhở chúng ta như thế này, “giai đại hoan hỷ, phụng giáo tu hành” (đều hết sức hoan hỷ, vâng theo lời dạy mà tu hành), hoặc “y giáo phụng hành”. Phụng giáo tu hành là lời căn dặn trọng yếu nhất, lưu truyền quan trọng nhất, bảo ban quan trọng nhất, mà cũng là lời kết thúc cuối cùng mà mỗi cá nhân trong đại chúng hiện tiền phải nên y giáo tu hành, và cũng là ấn khế cuối cùng dành cho chúng ta. Do vậy, “phụng giáo tu hành” là chỗ sự quy kết tốt cùng của toàn thể những người nghe pháp chúng ta, cũng là cơ duyên to lớn rốt cục của việc nghe pháp này. Chúng tôi đã giảng phẩm Hiền Hộ trong kinh Đại Tập, thông qua gần một tháng học tập, luyện tập một lượt, do được chư Phật và Tam Bảo gia bị, có thể kết nhân duyên “chẳng thoái chuyển” nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề với mọi người, khiến cho chúng ta cùng sanh An Dưỡng, cùng thành Bồ Đề! Cảm ơn mọi người, pháp hội tới đây đã viên mãn!

Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ Kinh giảng ký hết

“Hoan nghênh ấn tống, công đức vô lượng”